PHAN KHÔI

Tác phẩm đăng báo 1930

LẠI NGUYÊN ÂN
Sưu tầm và biên soạn



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN
TRUNG TÂM VĂN HÓA NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY

PHAN KHÔI

TÁC PHẨM ĐĂNG BÁO 1930

PHAN KHÔI: *TÁC PHẨM ĐĂNG BÁO 1930*

Lại Nguyên Ân sưu tầm, biên soạn

Nhà xuất bản Hội Nhà văn, 65 Nguyễn Du, Hà Nội
Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, 62 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội

---

Những tác phẩm của nhà báo, học giả PHAN KHÔI (1887 – 1959) đăng trên báo chí trong năm 1930, chủ yếu là các nhật báo Thần chung, Trung lập *và tuần báo* Phụ nữ tân văn *ở Sài Gòn, nhật báo* Phổ thông *ở Hà Nội, sau hơn 70 năm bị rơi vào quên lãng, lần đầu tiên được nhà nghiên cứu Lại Nguyên Ân sưu tầm, biên soạn và tái công bố.*

PHAN KHÔI

TÁC PHẨM

đăng báo 1930

LẠI NGUYÊN ÂN
sưu tầm và biên soạn

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN
TRUNG TÂM VĂN HOÁ NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY

Người biên soạn trân trọng cảm ơn Quỹ TOYOTA (THE TOYOTA FOUNDATSON, JAPAN) đã giúp đỡ việc sưu tầm tư liệu và thực hiện cuốn sách này.

VÀI LỜI VỀ VIỆC BIÊN SOẠN

Phan Khôi (1887-1959) là một trong những tên tuổi lớn của báo chí, văn học và tư tưởng Việt Nam thế kỷ XX. Tìm hiểu lịch sử các lĩnh vực ấy, người ta không thể bỏ qua vai trò Phan Khôi và vì vậy không thể không tìm hiểu ít ra là một phần trong số những điều Phan Khôi đã viết ra, đã đăng báo, in sách suốt hơn nửa thế kỷ sống và hoạt động của ông.

Cách đây vài ba năm, Nhà xuất bản Đà Nẵng đã lần lượt in lại hai cuốn sách Phan Khôi từng công bố lúc sinh thời : Chương Dân thi thoại *và* Việt ngữ nghiên cứu.

Tuy nhiên, ngoài hai cuốn trên, sinh thời Phan Khôi hầu như không đưa in thêm cuốn sách nào khác. Và lại, điều đáng nói hơn, hai cuốn sách nói trên chỉ là phần rất nhỏ, thậm chí chưa thuộc về những nội dung chủ yếu trong sự nghiệp trứ thuật của Phan Khôi. Đúng như nhận xét của nhà nghiên cứu Thanh Lãng : "Sự nghiệp của ông (tức Phan Khôi) hầu hết hãy còn nằm rải rác trên mặt báo. Mà có lẽ những gì tinh túy nhất của ông, linh lợi nhất nơi ông, hóm hỉnh nhất ở ông, "Phan Khôi nhất" trong ông... hình như đều chưa được in thành sách mà hãy còn giấu kín dưới những chồng báo". (Thanh Lãng : Phê bình văn học thế hệ 1932, *Sài Gòn, 1973*).

Trong tình hình tư liệu hiện tại, việc nghiên cứu một tác gia như Phan Khôi giờ đây có lẽ buộc phải bắt đầu từ công việc sưu tầm và công bố lại, nếu không được toàn bộ thì cũng phải được phần khá lớn những tác phẩm của ông, từng đăng tải trên báo chí khắp ba miền Việt Nam từ những năm 20 đến những năm 50 (thế kỷ XX). Về mặt này, một phần di sản báo chí của Phan Khôi trên tờ Phụ nữ tân văn *hồi 1929-1934 mà nhà nghiên cứu Thanh Lãng sưu tầm và về sau được in lại trong*

sưu tập 13 năm tranh luận văn học 1932-1945 *(3 tập, Tp. HCM, 1995) là một đóng góp đáng kể, một cách làm đáng học.*

Người viết những dòng này cũng đã bắt tay vào việc sưu tầm tác phẩm của Phan Khôi từ dăm năm nay, thoạt đầu do một số bè bạn đất Quảng vừa giao phó vừa khích lệ. Có lẽ chỉ đến khi khá tốn công sức để có được một vài tài liệu cần tìm, tôi mới nhận ra rằng công việc sưu tầm này không thể hoàn tất nhanh chóng, rằng tìm được chừng nào cứ nên công bố chừng ấy chứ không thể đợi đến lúc tìm được đủ tất cả.

Vì vậy, tôi soạn thành các tập Tác phẩm đăng báo *của Phan Khôi như những sưu tập bao gồm phần di sản báo chí của ông mà nay đã sưu tầm lại được. Các cuốn sưu tập này sẽ tập hợp bài vở theo năm công bố lần đầu. Các tác phẩm từng được tác giả đăng trong một đề mục chung ở sưu tập này sẽ được gom lại tạo thành một đơn vị tác phẩm lớn hơn, ví dụ :* Theo tục ngữ phong dao xét về sự sinh hoạt của phụ nữ nước ta, Phép làm văn, Hán văn độc tu, *v.v.*

Thiết nghĩ cách tập hợp tư liệu trên đây vừa dễ dàng cho việc bổ sung những tư liệu tìm thấy muộn hơn, vừa thuận tiện cho việc chuẩn bị một tuyển tập Phan Khôi trong tương lai.

Căn cứ vào nguồn tư liệu đã và đang tiếp tục sưu tầm được, tôi dự kiến bắt đầu từ các tác phẩm Phan Khôi đăng báo năm 1928. Hy vọng rằng công việc của tôi sẽ được bạn đọc trong ngoài giới văn học và báo chí hưởng ứng. Tôi rất mong sẽ nhận được từ các bạn những ý kiến nhận xét về việc biên soạn sưu tập này. Tôi cũng mong sẽ nhận được từ các bạn văn bản những tác phẩm của Phan Khôi mà tôi hiện chưa tìm được, ngõ hầu tiếp tục bổ sung trong các lần in sau. Hy vọng rằng việc sưu tập của tôi sẽ giúp bạn đọc và giới nghiên cứu ngày nay có cơ sở tiếp xúc lại một cách thuận tiện, rộng rãi đối với di sản báo chí của Phan Khôi.

Hà nội,20.II.2001
LẠI NGUYÊN ÂN

TIỂU DẪN
VỀ
SƯU TẬP CÁC TÁC PHẨM CỦA PHAN KHÔI ĐĂNG BÁO NĂM 1929

Theo kết quả tìm tòi của tôi tính đến lúc viết những dòng này, hoạt động báo chí của ngòi bút Phan Khôi trong năm 1930 gắn với các tờ báo *Thần chung, Trung lập, Phụ nữ tân văn* ở Sài Gòn, *Phổ thông* ở Hà Nội.

1) Về nhật báo *Thần chung*, tôi đã nêu thông tin khái quát ở phần tiểu dẫn trong sưu tập *Tác phẩm đăng báo 1929*[1] của Phan Khôi.

Trong ba tháng đầu năm 1930 – thời gian tồn tại còn lại của *Thần chung*, Phan Khôi tuy tham dự cho đến số cuối cùng trước ngày báo bị cấm xuất bản, nhưng hầu như ông chỉ góp bài cho mục *Câu chuyện hằng ngày*. Đề tài thảo luận về việc dùng chữ quốc ngữ thì Phan Khôi viết đồng thời trên cả hai nhật báo *Thần chung* và *Trung lập* lẫn trên tuần báo *Phụ nữ tân văn*.

2) Về tuần báo *Phụ nữ tân văn*, tôi cũng đã nêu thông tin khái quát ở phần tiểu dẫn trong sưu tập kể trên[1]. Trong năm 1930, chính trên tuần báo *Phụ nữ tân văn*, Phan Khôi đã châm ngòi cho nhiều cuộc thảo luận, tranh luận xung quanh nhiều đề tài như viết chữ quốc ngữ và dùng tiếng Việt thế nào cho đúng, xung quanh việc hiểu và đánh giá Nho giáo, vấn đề về nền học thuật của Việt Nam ("quốc học") và phương diện học phong của giới nghiên cứu, khảo biện..., thậm chí ông cũng gây tranh luận ngay ở những đề tài tương đối hẹp như đánh giá nhân vật Võ Tắc

---

[1] Xem : Phan Khôi : *Tác phẩm đăng báo 1929* // Lại Nguyên Ân sưu tầm và biên soạn // Nxb. Đà Nẵng, 2005.

Thiên của lịch sử Trung Hoa, gốc tích tục nhuộm răng của người Việt, các vấn đề của lôgic học,v.v...

Việc Phan Khôi nêu vấn đề và sau đó thu hút được sự tham gia luận bàn, tranh cãi của các tên tuổi lớn trong dư luận và học thuật đương thời như Trần Trọng Kim, Huỳnh Thúc Kháng, Phạm Quỳnh..., – là một thành công lớn về hoạt động báo chí của tờ *Phụ nữ tân văn*.

Tất nhiên, bên cạnh việc theo đuổi các đề tài "đại luận", ngòi bút viết báo của Phan Khôi không quên làm việc ngày ngày trên các thể tài "hàng khô" thường nhật của nghề báo mà ví dụ nhỏ nhất là các loại bài chuyện vặt linh tinh trong các tiểu mục "tạp trở", "dật sự".

3) Về nhật báo *Trung lập* và về việc Phan Khôi tham gia viết thường xuyên cho *Trung lập* từ đầu tháng 5.1930, cần dừng lại để nói kỹ hơn.

Báo *Trung lập* (trước đó là *Trung lập báo*) là báo ra hằng ngày, 8 trang khổ lớn (đôi khi còn ra thêm phụ trương cuối tuần gọi là *Tiểu Trung lập*), số đầu ra ngày 16.1.1924, số cuối cùng, số 7023 ra ngày 30.5.1933. Một vài tài liệu nghiên cứu lịch sử báo chí tuy đã ít nhiều đề cập trường hợp *Trung lập báo* nhưng thông tin còn khá sơ sài, đôi khi có thể gây lầm lẫn[2].

Trung lập báo ban đầu là ấn bản tiếng Việt của tờ báo tiếng Pháp *Impartial* ; tờ báo tiếng Pháp này được xuất bản ở Đông Dương từ 1918,

---

[2] Sách *Thư tịch báo chí Việt Nam* (Hà Nội, 1998) ghi đúng ngày xuất bản số đầu nhưng ghi sai tháng xuất bản số cuối ; sách này chỉ ghi được tên người chủ nhiệm cuối cùng của báo. Sách của Huỳnh Văn Tòng : *Báo chí Việt Nam từ khởi thủy đến 1945* (Tp.HCM., 2000) có nhắc đến *Trung lập* nhiều hơn (tr.208, 398 – 402, 409 – 413), nhất là các dữ kiện về giới chủ tư bản đối với việc sở hữu tờ báo này. Tuy vậy tác giả dường như chưa nhận thấy giai đoạn báo này độc lập, tách khỏi tờ *Impartial* và tài phiệt Homberg. Việc tác giả sách này xem *Trung lập* như điển hình cho loại báo thiên về thương mại (tr.398-402) với dẫn chứng 2 kỳ *Trung lập* về tỉ lệ diện tích trang giành cho các loại nội dung đăng tải (sách trên, tr.400 – 402) trên thực tế cũng vẫn đúng cho các tờ *Đông Pháp thời báo, Thần chung* mà tác giả xem là mang nội dung của loại báo đối lập với nhà nước thực dân, bởi vì hầu hết các nhật báo đương thời ở Sài Gòn chỉ giành 2 trang (đầu và cuối) đăng tải nội dung thời sự chính trị xã hội trong ngoài nước, còn lại các trang ruột (2 hoặc 4 trang) đều giành đăng quảng cáo và truyện nhiều kỳ.

tồn tại đến 1945 và còn được tục bản trong năm 1947. Ấn bản tiếng Việt của nó, tờ *Trung lập báo*, ra mắt từ đầu năm 1924. Nguyên cả 2 tờ này được sáng lập bởi Henri de Lachevrotière, một người Pháp lai, xuất thân cặp rằng coi thợ, sau tiến thân vào chính trường, lên đến chức Chủ tịch Hội đồng quản hạt Nam kỳ. Về sau, khoảng 1925–26, cả *Trung lập* tiếng Việt lẫn *Impartial* tiếng Pháp đều được bán đứt với giá 3 triệu francs vào tay nhóm tài phiệt Octave Homberg[1].

Tòa soạn *Trung lập báo* trong 10 năm tồn tại đã trải qua khá nhiều chánh chủ bút : Dũ Thúc Lương Khắc Ninh, Mạnh Tự Trương Duy Toản, Nguyễn Phú Khai, và từ cuối 1929 là Tôn Hiền Trần Thiện Quý.

Trung lập được coi là tờ nhật báo lớn nhất ở Sài Gòn, là tờ báo thiên về thông tin thương mại, tức là loại báo "tự nhận mình không làm chính trị, đứng trung lập, có sao nói vậy, không thiên vị dân chúng hoặc chính quyền, có chủ đích rõ rệt là thương mại nhưng ít nhiều vẫn theo khuôn khổ của chính quyền thuộc địa"[2].

Có những thời kỳ, *Trung lập báo* bị các đồng nghiệp vận động tẩy chay, chẳng hạn, do việc báo này tố giác phong trào cấp tiến, ngăn cản các hoạt động tưởng niệm Phan Châu Trinh, ngăn cản thanh niên Sài Gòn đi đón Bùi Quang Chiêu du học trở về. Nhóm nhà báo cấp tiến không ít lần lên tiếng chỉ trích *Trung lập*. Chẳng hạn Phiêu Linh Tử (có lẽ là Bùi Thế Mỹ) trong "Câu chuyện hằng ngày" (*Đông Pháp thời báo*, 21.4.1928) nêu việc ông Nguyễn Phú Khai, chủ nhiệm *Trung lập báo*, có tờ mật bẩm gửi Toàn quyền Đông Dương tố giác xu hướng cấp tiến trong thanh niên trí thức Sài Gòn, chỉ điểm những "ổ bạo động" ở thành phố này như nhà hội Nam kỳ khuyến học, hội Nông Công Thương tương tế, hội Cựu sinh viên trường bổn quốc, v.v... – nội dung tờ mật bẩm này đã được một số tờ báo tiếng Pháp ở Đông Dương đăng tải. Tân Việt cũng trong "Câu chuyện hằng ngày" trên *Đông Pháp thời báo* và *Thần chung* không ít lần đem *Trung lập* ra cười cợt.

---

[1] Tư liệu của Henry Lamagout ; theo Huỳnh Văn Tòng, sđd, tr.411.
[2] Huỳnh Văn Tòng, Sđd., tr.398.

Vậy thì duyên cớ nào đã khiến những cây bút thiên về xu hướng làm báo đối lập cấp tiến như Phan Khôi, Bùi Thế Mỹ, lại chuyển sang làm báo với *Trung lập* ?

Trước hết phải kể đến tai nạn bất ngờ xảy ra với tờ *Thần chung*. Báo này bị Toàn quyền Đông Dương đóng cửa từ 25.3.1930. Nhóm ký giả gắn với *Thần chung* đành xé lẻ mỗi người mỗi ngả, dù phần lớn vẫn cầm bút viết báo trên đất Sài Gòn. Quán Chi Đào Trinh Nhất sớm sang làm chủ bút *Phụ nữ tân văn* rồi làm chủ bút cho nhật báo *Đuốc nhà Nam*. Hai ông chủ cũ của *Thần chung* là Diệp Văn Kỳ và Nguyễn Văn Bá thì ban đầu, ông Bá làm chủ bút *Công luận báo*, ông Kỳ vẫn là chủ nhà in Bảo Tồn, lại hành nghề luật sư; về sau, khoảng 1932, cả hai ông đều gắn với tờ *Công luận báo*. Ngô Tất Tố trở về Bắc. Hai cây bút xứ Quảng là Phan Khôi và Bùi Thế Mỹ thì đến với *Trung lập*. Vân Trình từng được biết đến trên mặt báo *Thần chung* với trường thiên du ký *Sài Gòn – Thượng Hải – Hoành Tân*; sau lúc *Thần chung* bị cấm, có lúc đi làm với *Kỳ lân báo*, rồi sau cũng đến với *Trung lập*...

Bên cạnh tai nạn của tờ *Thần chung*, cần thấy một sự kiện khác, hệ trọng hơn, đó là tờ *Trung lập* mà Bùi Thế Mỹ và Phan Khôi tham gia, tờ *Trung lập* từ ngày 2.5.1930, là một tờ báo khác so với tờ *Trung lập* thời gian trước. Đây là một sự kiện mà các công trình nghiên cứu lịch sử báo chí tiếng Việt hầu như chưa nhận biết và ghi nhớ.

Nhà nghiên cứu Huỳnh Văn Tòng (sđd) khi khảo về quan hệ của các nhóm tài phiệt với báo chí ở Đông Dương thời thuộc Pháp, có nêu ví dụ việc trùm tài phiệt Octave Homberg mua các tờ *Impartial* và *Trung lập* rồi về sau bỏ rơi khi nhà tài phiệt này trở về Pháp kinh doanh và bước vào chính trường ; sự "bỏ rơi" này được nhà nghiên cứu xem là nguyên nhân dẫn đến chỗ tờ *Trung lập* thua lỗ và phải đóng cửa vào năm 1933.

Tuy vậy, vẫn cần lưu ý đến hoạt động của giới quản trị và kinh doanh báo chí người Việt, – chính điều này tạo ra diện mạo cụ thể của tờ báo từ đây trở đi.

Như đã kể trên, từ 13.8.1929, *Trung lập* có chủ nhân mới là Trần Thiện Quý tự Tôn Hiền. Vai trò của ông này trong tờ báo, sau đó được

diễn tả ngay cạnh "tít" tên báo, là "Tổng lý", có lẽ ý nói ông không chỉ làm Chủ bút (Tổng biên tập) mà còn làm mọi việc thuộc chức trách chủ nhiệm (Giám đốc).

Sự thay đổi diễn ra bên trong cơ quan ngôn luận thường chỉ bộc lộ ra ngoài với một số thông tin hạn chế.

Trung lập ra ngày thứ ba, 22 Avril 1930 : *Một tin trong báo giới : CŨ MÀ MỚI*, cho biết, ngài Tổng lý Trần Thiện Quý "đã nhận lãnh trọn quyền chủ trương trong báo quán kể từ ngày nay. Nhờ được quyền ông mới quyết định nhứt nhứt sửa sang lại hết thảy, từ bài vở cho đến kiểu mẫu của tờ *Trung lập* hầu cho vừa lòng chư độc giả".

Có thể nhận thấy ở đây thông tin về quá trình chuyển giao quyền quản lý tờ báo. Ở đây không thấy rõ sự kiện chủ Tây "bỏ rơi" tờ báo nhưng lại thấy rõ sự kiện giới chủ người Việt tiếp nhận và tổ chức lại cơ quan ngôn luận này.

Liền hai số tiếp theo (23 Avril và 24 Avril 1930), báo đăng lời của chính Tổng lý *Trung lập* Trần Thiện Quý *Kính cáo đồng bang* :

"Từ ngày tôi ra nhận lãnh trách nhiệm điều đình cho tờ *Trung lập* nhẫn nay, được độc giả càng ngày càng đông, bạn đồng chí càng tán dương khích lệ. Cái sự bất mãn của đồng bào ta đối với tờ *Trung lập* ngày xưa, hình như tiêu tan đâu mất hết [. . . . .] Muốn đền đáp cái thạnh tình của độc giả và tấc lòng chiếu cố của anh em, lâu nay tôi hằng có ý giao thiệp để nhận lấy trọn quyền chủ trương tờ *Trung lập* vào tay mình đặng dễ bề giúp ích cho đồng bào ta trong muôn một. May đâu sự vận động ấy đã thành công rồi. Vậy thì từ đây tờ *Trung lập* cũng chẳng khác nào một tờ báo của người An Nam, khỏi phải chịu quyền ai khiên chế nữa. Tôi quyết định sửa đổi lại hết thảy mọi sự trong nhà báo. Sự sắp đặt nầy ước độ trong nửa tháng là xong. Đầu tháng sau tờ *Trung lập* mới sẽ nương cái danh hiệu cũ mà ra đời..."

Trung lập ra ngày thứ ba, 29.4.1930 lại "lưu ý đồng bào" về *Cuộc đổi mới của nhựt trình Trung lập*" : "Hiện nay báo *Trung lập* còn đang ở trong thời kỳ sắp đặt lại. Ít bữa nữa đây đồng bào ta sẽ thấy rõ một tờ báo cũ mà thành ra mới, chẳng những mới về hình thức mà lại mới cả

vừa tinh thần, nhất là về tinh thần, vì từ luận điệu văn chương cho tới quy trình ý hướng nhứt nhứt đều một mực thay cũ đổi mới. Chúng tôi dám đoan thệ với đồng bào rằng : tờ *Trung lập* mới nầy chẳng còn hơi hám ăn thua gì với *Trung lập* kiểu trước mảy may nào hết thảy".

Trung lập ra ngày 30.4.1930 tiếp tục thông báo *Một cuộc canh tân* : "Ngày 2 Mai đây, *Trung lập* sẽ đổi mới : Tòa soạn mới. Bài vở mới. Cách in mới. Cách sắp đặt mới. Mới cả hình thức và tinh thần. Ai chưa xem xem rồi mới thấy". Tòa soạn cũng thông báo nghỉ một kỳ (ngày 1.5) để hôm sau sẽ ra *Trung lập* mới.

Trung lập mới không ghi chú "bộ mới" hay "tục bản", không đánh số lại từ đầu. Về hình thức, cái đập thẳng vào mắt là tên đề (manchette) kiểu mới : chữ "trung lập" in màu đỏ với các nét chữ cách điệu hình thân và cành lá thông. Về nội dung, "Trung lập đồng nhân" (tập thể bộ biên tập) có lời *Kính cáo độc giả* về cuộc đổi mới của báo *Trung lập*, thừa nhận tờ báo này trước đây chưa xứng đáng với danh hiệu "trung lập là đứng chính giữa, chẳng nương đầu này, không dựa đầu kia" và nêu tôn chỉ mà từ nay báo theo đuổi (về chính trị : ôn hòa, tôn trọng kiểm duyệt..., về văn hóa : tiếp thu văn hóa Âu châu, quý trọng văn hóa Việt, chú trọng tham gia xây dựng tiếng Việt và chữ quốc ngữ...). Một điểm nhấn khác là bài của Bùi Thế Mỹ : *Tại làm sao mà tôi viết báo "Trung lập"*. Người mà từ thời điểm này lĩnh trách nhiệm chủ trì việc biên tập tờ báo, ghi nhận rằng "cách nay chưa lâu mấy, báo *Trung lập* đã vì bao nhiêu cái bước sai đường của những kẻ chịu sào đứng mũi mà đến phải một độ... mang tiếng với đời". Tuy vậy, "gá ngãi với tờ báo *Trung lập* là một người con gái đã từng có mang tiếng với đời mà tôi không sợ ô danh là vì tôi tin rằng *Trung lập* là một người con gái còn có thể cảm hóa được". Vả lại, theo Bùi Thế Mỹ, trong thời buổi chưa có tự do ngôn luận như lúc ấy, việc xin phép ra một tờ báo mới khó hơn là việc chấn chỉnh, "điểm tô" mấy tờ báo cũ. *Trung lập* trước kia tuy là báo quốc ngữ nhưng lại dưới quyền chủ trương của một ông chủ Lang Sa (ý nói Lachevrotière hoặc Homberg) nên sự nghị luận khó thích hợp với "quyền lợi An Nam ta". Nhưng từ đây về sau thì "*Trung lập* mang một cái tinh thần hoàn toàn

độc lập mà chen vai thích cánh với các bạn đồng nghiệp ở trên chốn diễn đàn, ngoài chúng tôi là những người trong tòa soạn *Trung lập* mới này không còn ai được xen vào mà sử linh hoặc khiên chế điều gì làm cho có thể quan ngại đến cái quyền lợi mà chúng tôi quyết lòng xin binh vực".

Như vậy, sự cải tổ bên trong toà soạn *Trung lập* diễn ra theo hướng độc lập, tách hẳn khỏi sự chi phối của chủ nhân người Pháp. Cố nhiên trong nhân sự bộ biên tập cũng đã có những thay đổi nào đó, tuy từ phía ngoài người ta chỉ biết được rất ít thông tin, ví dụ việc Bùi Thế Mỹ được giao chức Chủ bút, hoặc việc báo vắn tắt loan tin các ký giả Mạnh Tự (Trương Duy Toản), Thiệu Võ (Võ Khắc Thiệu) chấm dứt vai trò trợ bút, rời *Trung lập* đi nơi khác.

Có lẽ sự tách ra, độc lập hẳn với giới chủ người Pháp và với tờ báo tiếng Pháp *Impartial* có thể coi là được hoàn tất sau ngày 7.7.1930, khi Tòa soạn *Trung lập* dọn đi khỏi cơ sở ở góc đường Catinat và d'Ormay, tức là rời khỏi báo quán của tờ *Impartial*, đến trụ sở mới ở số 45 đường Roland Garros, gần nhà riêng Tổng lý Trần Thiện Quý. "*Trung lập* dọn đi là vì *Trung lập* không còn mảy may quan hệ gì với bạn đồng nghiệp của nó là *Impartial* nữa" (*Xin độc giả lưu ý : "Trung lập" sẽ... độc lập // T.L*, 7.7.1930).

Ngay trong tháng đầu sau khi cải tổ, *Trung lập* đã đứng ra chủ trì việc quyên góp cứu tế nạn đói ngoài Bắc. Sang tháng 6.1930, *Trung lập* mở cuộc bút chiến với *Đuốc nhà Nam* của đảng Lập hiến Nam Kỳ, do thái độ khác nhau đối với các cuộc biểu tình đòi ruộng đất của nông dân Lục tỉnh. Thời gian này có lúc *Trung lập* bị các đối thủ cạnh tranh buộc cho cái tiếng "binh cộng sản" đến nỗi từ 24.7.1930 phải thay manchette (bỏ chữ "trung lập" kết bằng thân cành lá thông, vốn được dùng từ 2.5.1930). Tháng 8.1930, toàn soạn *Trung lập* không dấu được tự hào bởi tự mình, với tư cách một tờ báo của người An Nam, đã có thể cử phái viên (Vân Trình) đi Tinh Châu (Singapore) thực hiện các bài tường thuật một giải quần vợt trong khu vực có sự tham gia của các đấu thủ Việt Nam như Chim, Giao...

Tính ra, *Trung lập* mới, từ sau cải tổ 2.5.1930, chỉ tồn tại thêm được

4 năm nữa. Việc tờ báo bị đóng cửa không phải do thua lỗ (như Huỳnh Văn Tòng mô tả) mà là do bị Thống đốc Nam kỳ Eutrope ra lệnh cấm, sau thời gian những cây bút phái tả như Nguyễn An Ninh, Nguyễn Văn Tạo tham gia biên tập và quản trị tờ báo này, dùng nó làm cơ quan vận động cho "phái lao động" trong cuộc bầu cử Hội đồng quản hạt đầu năm 1933.

Trước tháng 5.1930, nếu Phan Khôi có bài nào đăng trên *Trung lập* thì đều là do báo này đăng lại của các báo khác. Với tờ *Trung lập* đổi mới từ 2.5.1930, sự tham gia của Phan Khôi trở nên trực tiếp và thường xuyên. Tuy vậy sự tham gia của ông luôn phù hợp với vai trò "viết giúp" (như chữ dùng của báo giới đương thời), tức là cộng tác viết bài, hưởng nhuận bút từ bài được đăng tải, chứ không làm việc trong Tòa soạn (ông cũng từng giữ quan hệ như vậy với các tờ *Đông Pháp thời báo, Thần chung, Phụ nữ tân văn*). Lượng bài vở Phan Khôi viết và in trên tờ *Trung lập* này khá lớn và đa dạng. Ban đầu, ông viết thường xuyên cho hai mục : ở mục *Ý kiến Trung lập* ông ký Phan Khôi, và ở mục *Những điều nghe thấy* có tính cách hài đàm, ông ký Tha Sơn[5] trong mươi kỳ đầu, sau đó ký Thông Reo[6] và duy trì bút danh này đến nhiều năm sau.

Có những trường hợp Phan Khôi ký tên báo (*Trung lập*), rõ nhất là

---

[5] *Trung lập* ngày 3.5.1930 đăng tin : "*Trung lập* chúng tôi mới cậy được ông Tú Chương Dân Phan Khôi viết giùm cho mục "*Những điều nghe thấy*" ký là Tha Sơn", và cho biết thêm : "Ông Phan tức là người viết "Câu chuyện hằng ngày" cho *Đông Pháp thời báo* khi trước và ký tên là Tân Việt đó".
Trên *Trung lập* ngày 9.5.1930 Phan Khôi cải chính : "Tân Việt không phải tên tôi" nhưng thừa nhận ông từng viết "Câu chuyện hằng ngày".
Sang năm 1931, việc Phan Khôi viết hộ Diệp Văn Kỳ bài diễn thuyết "*Nước non nhà*" (sau đăng báo ký tên Diệp Văn Kỳ) bị Đào Trinh Nhất đưa lên mặt báo gây nên một vụ bê bối nhỏ, Bùi Thế Mỹ, Hoàng Tích Chu phải can thiệp. Sau đó Phan Khôi dưới bút danh Thông Reo mới khéo léo lộ ra rằng Tân Việt là bút danh mà hai ông Kỳ - Khôi dùng chung cho "Câu chuyện hằng ngày" thời *Đông Pháp thời báo* và *Thần chung* (1928 – 1930).

[6] Một số tư liệu do Judith Henchy (Thư viện Đại học Tổng hợp bang Washington, Hoa Kỳ) và Cao Đắc Điểm (người sưu tầm di sản báo chí của Ngô Tất Tố) cung cấp cho tôi đã thêm căn cứ để khẳng định bút danh Thông Reo là của Phan Khôi. Nhân đây xin bày tỏ lời cảm ơn hai đồng nghiệp nêu trên (L.N.A.).

khi ông mở rộng mục "Ý kiến *Trung lập*" thành diễn đàn bút chiến với báo *Đuốc nhà Nam*.

Phan Khôi còn tham gia nhiều mục khác của *Trung lập* như *"Thức đêm xem báo", "Này kia, kia nọ"*,v.v...

3) Về báo *Phổ thông* và các bài báo Phan Khôi đăng ở tờ báo này. *Phổ thông* là báo hàng ngày, xuất bản ở Hà Nội, số đầu ra ngày 1.7.1930 ; số cuối cùng, số 182 ra ngày 8 và 9.2.1932. Chủ nhiệm báo là Đặng Nguyên Quang, Tòa soạn và trị sự đóng tại số 1A đường Henri d'Orléand, Hà Nội.[7]

Việc Phan Khôi khi ấy sống ở Sài Gòn, lại có bài vở đăng ở một tờ nhật báo ở Hà Nội, trong điều kiện giao thông còn khá cách trở đương thời, là việc ít nhiều đặc biệt. Điều này sở dĩ có được, có lẽ do có vài trò của Ngô Tất Tố. Chưa thật biết rõ là Ngô Tất Tố trở ra Bắc trước hay sau khi báo *Thần chung* bị cấm. Chỉ biết từ tháng 9.1930, ông đã góp mặt với báo chí Hà Nội, cụ thể là dưới bút danh Thiết Khẩu Nhi trong mục hài đàm *Gặp đâu nói đấy* của báo *Phổ thông*. Cũng thời gian này trên báo *Phổ thông* xuất hiện một trang được gọi là "Phần tòa soạn ở Nam Kỳ", trong đó mục "Học nghệ" hoàn toàn dành cho *"Độc thư tùy bút"* của Phan Khôi. Có thể dự đoán rằng đồng nghiệp Ngô Tất Tố vừa từ Nam ra Bắc chính là dây nối cây bút Phan Khôi đang nổi bật trong báo chí Sài Gòn với một tờ báo ở Hà Nội. *"Độc thư tùy bút"* của Phan Khôi chỉ kéo dài hơn một tháng trên *Phổ thông*. Có thể sự cách trở về phương tiện giao dịch, sự bận rộn của ngòi bút Phan Khôi với báo chí Sài Gòn là những lý do làm gián đoạn sự tham gia của ông vào báo chí Hà Nội, cụ thể là tờ *Phổ thông* trong năm 1930 này.

*

* *

Các sưu tập báo chí tôi đã dùng để khai thác tư liệu dùng cho sách này là :

- sưu tập báo *Thần chung* ở Thư viện quốc gia Việt Nam (Hà Nội) và bản vi phim (microfilm)*Thần chung* ở Thư viện quốc gia Pháp do

[7] Dẫn theo*Thư tịch báo chí Việt Nam*. Hà Nội, 1998, tr.347.

ARCPP (Association pour la conservation et la reproduction photographique de la presse, - Hiệp hội bảo quản và tái chế ảnh báo chí) ở số 4, rue de Louvoir, Paris (Pháp) chụp in và phát hành ;

- sưu tập *Trung lập báo* ở Thư viện quốc gia Việt Nam (Hà Nội) ;
- bản vi phim báo *Phổ thông* do ACRPP phát hành.

Về việc biên tập, chú giải văn bản sưu tầm, tập này cũng thực hiện tương tự các tập trước. Chỉ có một điểm hơi khác : tôi tách đưa vào Phụ lục 1 các bài ở dạng tồn nghi (người sưu tầm ngờ là của tác gia Phan Khôi nhưng chưa đủ căn cứ chắc chắn) và đưa vào Phụ lục 2 các bài vở của tác giả khác nói về Phan Khôi hoặc về những điều liên quan đến Phan Khôi và hoạt động báo chí của ông trong thời gian năm 1930 này.

L.N.A.

MỘT SỐ SÁCH TRA CỨU
ĐỂ CHÚ THÍCH TỪ NGỮ TRONG CÁC VĂN BẢN SƯU TẦM

* Alexandre de Rhodes : *Từ điển An Nam – Lusitan – Latinh* (thường gọi *Từ điển Việt - Bồ - La).* Thanh Lãng, Hoàng Xuân Việt, Đỗ Quang Chính phiên dịch. Tp.HCM. : Nxb. KHXH, 1991.
* Pierre Pigneaux de Béhaine (Bá Đa Lộc Bi Nhu) : *Tự vị Anam – Latinh (Dictionarium AnamiticoLatinum, 1772-1773).* Hồng Nhuệ Nguyễn Khắc Xuyên dịch và giới thiệu. Tp. HCM. : Nxb. Trẻ, 1999.
* Huỳnh Tịnh Paulus Của : *Đại Nam quốc âm tự vị. Tham dụng chữ nho có giải nghĩa, có dẫn chứng, mượn 24 chữ cái phương Tây làm chữ bộ.* Sài Gòn : Impr. Rey, Curiol et C^{ie} ; 4, rue d'Adran, tome I : A-L, 1895; tom II : M-X, 1896. Bản in chụp, Tp. HCM : Nxb. Trẻ, 1998.
* Đào Duy Anh : *Hán Việt từ điển* (giản yếu) ; bản tái bản. Hà Nội : Nxb. Khoa học xã hội, 1992.
* Thiều Chửu : *Hán Việt từ điển*; bản tái bản. Hà Nội : Nxb. Văn hóa thông tin, 1999.
* *Từ điển phương ngữ Nam Bộ*. Nguyễn Văn Ái (chủ biên), Lê Văn Đức, Nguyễn Công Khai biên soạn. Tp. HCM : Nxb. Tp.HCM, 1994.
* Vương Hồng Sển : *Tự vị tiếng nói miền Nam* ; bản tái bản. Tp. HCM : Nxb. Trẻ, 1999.
* Vương Lộc. : *Từ điển từ cổ*. Hà Nội - Đà Nẵng : 2001.

HOÀNG ĐẾ VỚI PHỤ NỮ

Dật sự một vài ông vua hoang dâm cùng những điều oán hận của cung nhân. - Cái chánh thể quân chủ chuyên chế thật là thù riêng của cả và phụ nữ

Nếu như các hoàng đế các nước từ Âu châu cho đến Á châu, mà tới bây giờ, vẫn còn cầm quyền ngồi trên đầu thiên hạ, mà bên phe đàn ông chẳng có một mặt nào dám nổi cách mạng hết, thì tất thế nào trong đám phụ nữ cũng có người nổi cách mạng. Vì các vị đế vương đối với thần dân mình, áp chế đã đành, mà riêng về phụ nữ, lại còn áp chế thêm một lớp khác nữa. Nghĩ cho kỹ mà xem, đế vương thật như là kẻ thù riêng của phụ nữ; cho nên, nếu có thể, thì phụ nữ cũng sẽ đánh đổ đi để trả thù. Tiếc thay, cái lịch sử cách mạng ấy bên phe nam đã choán đi mất rồi ; những ngai vàng ở thế gian cũng không còn mấy cái, thì cái sự nghiệp oanh liệt kia có còn đâu đến phần phụ nữ !

Một người nam, một người nữ phối nhau, ấy là lẽ thường thiên hạ. Duy có ông vua thì được tung hoành ngoài vòng "nhứt âm nhứt dương" ấy. Ấy thiệt là một điều quái. Nói rằng đế vương là thù riêng của phụ nữ, gốc bởi đó mà ra.

Nói về chế độ quân chủ nước Tàu. Theo *Kinh Lễ*, thiên *Hôn nghĩa*, thiên tử thì đặt ba bà phu nhân, chín bà tân, 27 người thế phụ, 81 người ngự thê. Mà lễ ấy, nói rằng thánh nhơn đặt ra đó. Không biết ông thánh nào mà có cái óc kỳ quái như vậy ? Một người đàn ông mà cho đến 120 người đàn bà lận, thì chỉ có làm thịt

ra mà ăn cả một đời, hoạ may mới hết !

Lễ đặt ra như vậy, song các vua Tàu đời xưa cũng không có đâu đến số ấy. Duy đến ông Tùy Dượng Đế[*] thì mới thiệt hành theo lễ. Ông đặt ra ba bà phi, ngang hàng nhứt phẩm ; chín bà tân, ngang hàng nhị phẩm ; 12 bà thiệp dư, ngang hàng tam phẩm ; 15 bà vừa mỹ nhơn và tài nhơn, ngang hàng tứ phẩm, tức là thế phụ ; 24 bà bửu lâm, ngang hàng ngũ phẩm ; 24 ngự nữ, ngang hàng lục phẩm ; 37 thái nữ, ngang hàng thất phẩm ; tức là ngự thê. Cộng là 120 người, theo lễ của thánh đặt ra.

Tùy Dượng Đế là ông vua hoang dâm thứ nhứt, lại phạm tội giết cha, mang tiếng là vô đạo, vậy mà cái chế độ nội cung của ông đặt ra đó, các vua đời sau đều theo hết ; cho đến nước Đại Nam mình cũng vậy, chẳng những theo cái chế độ 120 bà, mà cũng theo luôn cả những cái tên gọi nữa.

Cái số chánh là 120, còn ngoài ra, những cung nữ, thị tỳ, không biết bao nhiêu mà kể, gấp mươi lăm, hai mươi lần số ấy nữa. Nối sau Tùy Dượng Đế, ông Đường Thái Tôn đuổi cung nhân ra hai lần, mỗi một lần là ba ngàn người. Dữ chưa !

Dượng Dế cất một cái cung mới, làm chỗ ăn chơi đẹp hết chỗ nói ; ổng ngự đến, trầm trồ mà rằng : "Dầu cho chơn tiên đến đây chơi, cũng phải mê, nữa là ai !" – bèn đặt tên là "Mê Lâu". Bao nhiêu đàn bà trong cung, bất kỳ phẩm nào, người nào đẹp mới được lựa đưa vào Mê Lâu để chực "ngài ngự", vì đông quá, ổng không được nhìn mặt cho hết.

Có một bà phu nhơn họ Hầu, sắc đẹp, mà người ta không lựa cho vào Mê Lâu ; ở trong cung bảy tám năm, không được hầu vua lần nào, bà ấy tức mình thắt cổ mà chết. Khi bà chết, có đeo nơi cánh tay một cái túi bằng gấm, trong có đề mấy bài thơ, kể sự phiền não của mình, cung nhơn đem nạp cho vua xem. Vua xem

[*] Cũng đọc là Tùy Dạng Đế (604 - 617) vua thứ hai nhà Tùy (B.T.)

thơ, lấy làm cảm thương, bèn đến viếng xác bà ấy. Khen rằng: "Con người đã chết mà nhan sắc còn tươi như hoa đào !", - rồi đòi quan cung sứ là Hứa Đình Phu, hỏi tại sao không đưa bà Hầu vào Mê Lâu ; rồi bắt Hứa Đình Hầu phải tự tử.

Sự chọn con gái cả ngàn cả trăm vào cung, ấy là bày đầu từ Tùy Dượng Đế. Những con gái dân gian đã bị chọn vào đó thì phí cả một đời người, chỉ có chết là hết, chớ không có ngày ra được. Rất đỗi như Hầu phu nhân sắc tài bậc ấy mà rồi đến phải tự tử, thì cái oán khí đến chừng nào cũng đủ biết. Cho nên tục ngữ ta cũng có câu rằng : "Cực chẳng đã mới gả cho vua, gả cho vua thì thua nhiều nỗi !" Lại rằng : "Đưa con vô nội, thà bán cho mọi !"

Hãy kể lấy vài ông vua mà thôi, ông Tùy Dượng Đế rồi đến ông Minh Võ Tôn. Ông nầy lại còn quá ông kia.

Hồi nhà Minh, chế độ hậu cung có giảm một ít, không đủ số 120 như hồi nhà Tùy. Nhưng theo sử chép thì bấy giờ số cung nữ và nữ quan lại còn nhiều hơn nhà Tùy nữa. Đời nầy lại có bày ra phép "kén vú" trong dân gian. Cứ mỗi một quý, ba tháng, thì chọn trong dân 40 người vú. Phép kén như vầy: "Đàn bà có chồng từ 15 tuổi trở lên, 20 trở xuống, người đoan chánh, không tật nguyền, sau khi đẻ ba tháng thì được trúng tuyển. Kén được, bắt ở riêng một chỗ, mỗi ngày cấp cho tám bụm gạo và bốn lượng thịt, chờ ngày trong nội đòi thì đưa lần vô. Vô rồi thôi, cả đời không ra được. Có chồng, có con, phải bỏ đi, để vào cung cho con vua bú, ấy là "trung quân" đó ! Ấy là hết bổn phận làm dân đó !

Ông Võ Tôn, hồi lên ngôi, mới 15 tuổi. Phép trong nội, có đặt ra chức "Dung sử" để khi nào vua ngự đến phòng nào thì biên lấy. Phép đó đặt ra, có ý để hạn chế sự dâm dục của vua. Cũng như ta lập sổ chi tiêu trong nhà, mỗi lần mua vật chi đều biên, tuy không ai cản mình biểu đừng tiêu, nhưng cuối tháng cộng sổ mà thấy nhiều quá thì cũng giựt mình. Võ Tôn lên làm vua, bỏ chức Dung

sử ấy, không đặt nữa, hầu để dong chơi lu bù, khỏi có sự kiềm thúc chi hết.

Bắt chước kiểu Mê Lâu của Dượng Đế, Võ Tôn làm một chỗ chơi, gọi là Báo Phòng. Bấy giờ có tên Vu Vĩnh rành nghề "bí mật", vua vời vào ở Báo Phòng để dạy mình. Vu Vĩnh vốn là người Hồi Hồi, khoe với vua rằng con gái Hồi đẹp hơn con gái Hán ; vua bèn truyền ra cho các nhà quan, nhà nào có con gái Hồi đều phải đưa vào cung. Sau rồi đòi đến con gái của Vu Vĩnh ; Vĩnh tráo con gái Hồi khác mà đưa vào, rồi giả bịnh và xin về, vì sợ sẽ có tội.

Sau Vu Vĩnh lại có tên Giang Bân cũng là tay phụ đạo của vua Võ Tôn về khoa ngự nữ. Bân liền chỉ cho vua rằng có em gái của Đô đốc Mã Ngan đẹp lắm. Vua sức đòi. Nhưng nàng đã có chồng và có nghén rồi. Tuy vậy, cũng cứ việc phải đưa vào cung. Nàng được vua yêu, đến nỗi ban cho họ Mã, bất kỳ lớn nhỏ, mỗi người một cái áo gấm. Võ Tôn một lần đến nhà Mã Ngan uống rượu, nhơn hứng, đòi luôn mụ hầu Mã Ngan ; Ngan lạy dài, nói nó đương có bịnh. Võ Tôn giận, từ đó không chơi với họ Mã nữa.

Võ Tôn hay đi ngự xa, mỗi lần đi đến đâu, bắt đàn bà con gái lương gia kể hàng trăm. Bắt rồi nhốt đầy xe nọ xe kia đem theo để ngự. Một vài ngày, trong xe lại có người chết. Chết ở đâu, chôn ở đó, ai nấy nín thinh, không dám rỉ hơi. Bởi vậy vua đến đâu, nhơn dân trốn tránh đến đó. Một lần đến Giương Châu, trong một đêm mà đàn bà góa và con gái chưa chồng đều có chồng hết. Sáng ngày ra vua đến, biết cớ sự như vậy, bèn cách chức viên tri phủ sở tại đó, vì nghi rằng viên tri phủ xúi dân.

Nội một sự vì hầu hạ một người mà chứa vào trong cung đến năm bảy ngàn người đàn bà, đã đủ giày vò phụ nữ đến đâu rồi ; huống chi lại còn bắt hiếp người ta như ông Võ Tôn, thiệt là không còn có chút nhơn đạo nào nữa. Trong đám đó cũng có người được vua thương yêu, nhưng nếu biết nghĩ, thấy vua giày đạp kẻ đồng

loại mình như trùn như dế, thì người ấy cũng chẳng lấy làm ơn mà trở lấy làm thù vậy.

Những sự oán thù của kẻ bị nhốt trong cung thế nào, một bài *Cung oán ngâm khúc* của ta đã tỏ ra hầu hết. Đến như bên Tàu, thì người ta nhắc đến sự ấy luôn, gần như chẳng có tay thi nhơn nào không nói đến, và đã thành ra một lối thơ riêng, gọi là "Cung oán". Coi đó đủ thấy cái khí u uất, tức tối trong chốn nội đình, nó đã chất thảm xây sầu cho phụ nữ là dường nào !

Hồi vua Huyền Tôn[*] nhà Đường, sức cung nhơn may áo bông, cấp cho lính đánh giặc chốn biên thùy ; có người lính lãnh được cái áo, thấy bài thơ chép trên miếng lụa, đính vào trong áo, như vầy :

Thương người nơi chiến địa,
Đêm lạnh ngủ làm sao !
Mảnh áo tay ta chế,
Rồi ai bắt đặng nào ?
Nặng tình thêm chỉ nhặt,
Cố ý nhận bông nhiều,
Kiếp ấy thôi đành lỡ,
Cùng ai hẹn kiếp sau ![(1)]

Người lính đem bài thơ trình cùng viên chủ tướng. Viên nầy gởi tâu vua. Huyền Tôn dạy đưa bài thơ ra cho hết thảy cung nhơn đều biết, bảo ai làm thì cứ nhìn, vua sẽ không làm tội. Có một người đứng ra nhận là của mình. Vua bèn đem người ấy gả cho tên lính, nói rằng: "Ta kết cái duyên kiếp nầy cho mầy, khỏi đợi đến kiếp sau !"

---

[*] Đường Huyền Tông (Lý Long Cơ) vua nhà Đường, ở ngôi : 712 – 756 (B.T.)

[(1)] Nguyên văn là: Sa trường chinh chiến khách / Hàn dạ khổ vi miên / Chiến bào kinh thủ tác / Chi lạc a thùy biên / Súc ý đa thiêm tuyến / Hàm tình cánh trứ miên / Kim sinh dĩ quá dã / Nguyện kết hậu sinh duyên[*] (*bản gốc in nguyên văn chữ Hán ; ở sưu tập này chỉ in lời phiên âm*)

Một việc đó tỏ ra cái tình hoài của bọn cung nữ là bách thiết đến chừng nào. Mình là khách buồng tiêu vách quế, lại đi để ý đến một người nằm sương trải gió, xông tên lướt đạn, mà lại còn người ấy chẳng biết là ai, thì thật là vu vơ quá, bông lông quá. Chuyện vu vơ bông lông như vậy mà làm được, chẳng qua chỉ để giải bớt chút tình u uất mà thôi, nào có ngờ đâu đến cái duyên gặp gỡ về sau.

Thấy những sự đế vương đối đãi cùng phụ nữ như vậy mà ai không tức. Huống chi chính mình phụ nữ đã chịu lấy sự ngược đãi ấy, sự vô nhơn đạo ấy mà cúi đầu nhịn mãi được hay sao ? Thế nhưng xưa nay chưa hề thấy trong đám họ có ai ra ý nghịch cùng người ngược đãi mình đó, nghịch cùng cái chế độ áp bách mình đó. Sự ấy không đủ lấy làm lạ, là vì chính cái ông thánh bày ra phép lập 120 vị hậu cung đó cũng có đặt ra lễ giáo, dạy đàn bà một mực phải nhu thuận !

Cho nên những bậc vĩ nhân đã xướng lên cái thuyết cách mạng, đã nổi lên quân cách mạng mà đánh đổ nhà vua, chẳng những là ân nhân của cả và dân chúng, mà riêng phần phụ nữ lại phải đội ơn người, bởi người đã vì phụ nữ mà rửa cái hờn thiên cổ ; đàn bà con gái mà kể vào hàng loài người được, thiệt là nhờ các bậc ấy. Mỗi một người cũng nên mua chỉ thêu tượng ông J. J Rousseau, ông Danton, ông Robespierre, ông Tôn Văn, ông Hoàng Hưng mà đeo vào cổ, để kỷ niệm đời đời.

PHAN KHÔI

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn, s.36 (9.1.1930)

LẠI HOÀNG ĐẾ VỚI PHỤ NỮ

Chuyện một bà hoàng hậu vì mắc oan mà bị tử hình

Phụ nữ tân văn số 36 có bài *Hoàng đế với phụ nữ* lược kể những dật sự của một vài ông vua hoang dâm cùng những điều oán hận của cung nhân là thế nào. Nay nhơn đọc sách, thấy chuyện một bà hoàng hậu có tài có đức, chánh vị trung cung hơn hai mươi năm, đã sanh đủ hoàng nam hoàng nữ, thế mà vì một cái án ngờ, "đức vua chồng" chẳng hề nhớ đến tình cũ ngãi xưa, nghe lời vu hãm mà khép ngay vào tử tội ; – sự ấy tỏ ra rằng cái nền luân lý của nhà quý tộc đã tuyên cáo phá sản từ xưa, và cũng đủ chứng rằng hoàng đế thiệt là thù với phụ nữ như đã nói trong bài trước, bởi vậy tôi mới đem mà thuật ra đây.

Đời xưa, vợ vua mà bị bỏ cũng từng thấy. Ấy là như bà Trần hoàng hậu vợ vua Hán Võ Đế, bị vua không ưa mà phải ở một mình nơi Trường Môn cung. Dầu vậy, cũng không đến nỗi bị hành hạ chi, sau bà ấy nhờ Tư Mã Tương Như làm bài *Trường Môn phú*, lọt đến tai vua, rồi vua cũng thương yêu bà như trước. Lại vợ vua cũng có bị giết một cách tàn nhẫn. Là như Thích phu nhân bị vợ lớn là Lữ hậu chặt cả tay chưn, móc con mắt, cho uống thuốc câm, bắt ở trong cầu tiêu, kêu bằng "con lợn người". Chúng ta đọc sách xưa, thấy những chuyện như vậy, đã lấy làm bất bình cho cái số phận người đàn bà lắm rồi, huống chi một ông vua, chính mình tuyên án vợ mình, rồi hành hình một cách vô nhân đạo, như chuyện sắp kể đây, thì thật là thái quá, không còn chỗ nói !

Ấy là chuyện bà Ý Đức hoàng hậu, vợ vua Đạo Tôn nước Liêu.

Nước Liêu nguyên là một giống Hồ ở phương bắc nước Tàu, ngang hồi nhà Tống, chiếm cả xứ Mông Cổ và mấy tỉnh miền bắc nước Tàu mà lập thành một nước, trước sau hơn hai trăm năm, vào khoảng đầu thế kỷ thứ mười cho đến đầu thế kỷ thứ mười hai. Vua Liêu tuy không phải là Hán chủng, song đã chiếm trị vào phần đất Trung Quốc lâu đời, cho nên cũng theo văn hóa Trung Quốc như là trào Mãn Thanh mới rồi vậy. Tôi kể rõ gốc tích như vậy để cho người ta đừng còn coi vua Đạo Tôn như là di địch nữa.

Bà Ý Đức hoàng hậu là con gái của Tiêu Huệ, học giỏi, hay thơ, sở trường đờn tỳ bà, bởi đó mà được kén vào chánh vị chốn hậu cung. Lúc đầu bà mới vào cung, được vua yêu quý lắm. Sau đó, nhơn vua có một đứa bế thần(*) tên là Ất Tân, nó ganh ghét, muốn hãm hại bà mà bà không hay ; trong khi gần vua, bà lại thường can gián việc nầy việc khác, thành ra vua cũng không ưa mà càng ngày càng xa bà.

Ý bà cũng nghĩ, như Trần hoàng hậu hồi nhà Hán, bị vua bỏ, mà rồi nhờ người ta làm bài phú cho, hóa lại được vua yêu, huống chi mình nay tự làm lấy được, khỏi nhờ ai, mà sao lại không làm ? Bà bèn làm mười bài ca khúc, kêu là khúc "Hồi tâm viện", trong ý mong cho vua nghe đến mà đoái thương mình lại.

Mười bài ca khúc ấy lời lẽ tươi đẹp mà điệu hát véo von ; sau khi bà làm thành rồi, nội bọn nhạc công không ai hát được, chỉ có mình tên kép là Triệu Duy Nhứt hát được mà thôi. Trong đám tỉ tất(**) có đứa tên là Đơn Đăng, đờn ca cũng giỏi, muốn tranh nghề với Triệu Duy Nhứt, nên có ý oán bà chẳng biết đến mình. Mà Đơn Đăng nguyên là đứa thị tỳ của một nhà phản thần kia, sau khi nhà

(*) *bế thần* : chưa thật rõ nghĩa ; có lẽ ở đây có chữ "bế" nghĩa là (được) yêu ; *Hán Việt từ điển* (Đào Duy Anh) có từ : *bế nhân*, được giải là "người hèn hạ được người trên yêu chuộng"

(**) *tỉ tất* : chưa rõ nghĩa.

ấy bị diệt rồi, nó bị bắt vào cung, làm như là nô tỳ vậy. Vua Đạo Tôn thình thoảng hay biểu nó đờn cho vua nghe, thì bà can rằng : "Nó là tôi tớ nhà bạn thần, đáng ngại lắm, xin đừng cho nó được gần ngài ngự". Từ đó con Đơn Đăng không được gần vua nữa, nó lại càng oán bà.

Đơn Đăng có đứa em gái tên là Thanh Tử, con nầy lại là tình nhân của Ất Tân. Đăng bèn đặt chuyện nói với Thanh Tử rằng Ý Đức hoàng hậu cùng Triệu Duy Nhứt tư thông với nhau, muốn mượn tay Ất Tân thêu dệt ra để hãm hại bà. Ất Tân nghe được việc ấy, bỡ bụng rồi, nhưng mà muốn phát giác ra, thì không có chứng cớ, chúng nó liền lập mưu bịa ra chứng cớ.

Ất Tân cậy người làm mười bài thơ, kêu là "Thập hương từ", rồi sai Thanh Tử cầm biểu Đơn Đăng đem vào cung nhờ hoàng hậu chính tay viết mười bài thơ ấy. Bấy giờ Đơn Đăng dầu không gần vua được, song thường được vào ra chỗ hoàng hậu. Bà Ý Đức lại có tài viết chữ tốt, Đơn Đăng phỉnh bà rằng: "Mười bài thơ nầy là của hoàng hậu bên nước Tống làm ra, giá được ngài viết cho thì sẽ thành ra một vật báu để lại đời sau". Bà tưởng là thiệt, đọc qua mười bài thơ, lại thấy hay lắm, bèn biên ra một bức, chữ thiệt đẹp. Cuối bức, đề một bài thơ tứ tuyệt của bà làm ra, thơ rằng :

Cung trung chỉ sổ *triệu* gia trang,
Bại võ tàn vân ngộ Hán vương ;
Duy hữu tri tình *nhứt* phiến nguyệt,
Tằng khuy phi diễu nhập Chiêu Dương.

Bà Ý Đức viết mười bài thơ nầy, một là vì thực tình, không ngờ người ta phỉnh, hai là vì sính nghề –, đại phàm những người chữ tốt thì thích viết, có biết đâu rằng một cái oan nghiệt lòa mây dậy đất sau nầy bởi đó mà ra !

Đơn Đăng được bức viết của hoàng hậu đem giao cho Thanh Tử, Thanh Tử giao lại cho Ất Tân, Ất Tân bèn làm đơn từ, biểu

Đơn Đăng đứng ra cáo bà hoàng hậu tư thông với Triệu Duy Nhứt, có chứng cớ đây, tức là bức viết "Thập hương từ". Riêng về phần Ất Tân, thì nó tâu cùng vua Đạo Tôn, nói rằng, cứ như lời Đơn Đăng thì trong khi vua giá ngự đi chơi, Triệu Duy Nhứt ở nhà lẻn vào cung thế nào, họa đờn với hoàng hậu thế nào, sau hai người cùng uống rượu và vào mùng trần dớn(*) thế nào, nó nói rạch ròi ra từng ly từng tý, nghe như là sự thiệt. Ất Tân lại nói, bức viết "Thập hương từ" nầy là của hoàng hậu viết ra mà ban cho Triệu Duy Nhứt để tỏ lòng nhớ thương, vì Duy Nhứt không được gần gũi bà thường lắm ; và lại chính tay Duy Nhứt đem bức viết nầy mà khoe và thuật chuyện cùng Đơn Đăng, nên Đơn Đăng mới giật lấy mà đem tố cáo ; chính nó đã lấy khẩu cung Triệu Duy Nhứt, thì Duy Nhứt cũng đã thú nhận cả rồi.

Ất Tân nói làm vậy, thế mà vua Đạo Tôn cũng nghe được ! Vua nổi giận tưng bừng, đòi hoàng hậu vào tra gạn. Bà Ỷ Đức khóc mà biện bạch cho mình rằng: "Thiếp nay núp bóng nhà vua, thân phận người dàn bà như vầy cũng đã tột bậc, huống chi con trai con gái đủ rồi, lại hầu có cháu, thì thiếp có dại nào mà làm được cái sự dâm ô như thế kia ?" Vua bèn giở bức "Thập hương từ" ra để làm chứng. Bà tâu rằng : "Đó là mười bài thơ của bà hoàng hậu bên nước Tống, thiếp thấy con Đơn Đăng đưa ra, luôn thể viết mà cho nó, chớ nào có phải thiếp làm ra ở đâu ?" Bà lấy nhiều lẽ mà cãi, song thế nào vua cũng không nghe. Vua cầm lấy cái tầm sắt trong tay mà đánh bà xiểng liểng, nhào xuống, bất tỉnh nhân sự.

Rồi đó vua Đạo Tôn giao cái án ấy cho Trương Hiếu Kiệt và Ất Tân tra lại. Trương Hiếu Kiệt là tể tướng bấy giờ, cũng độc một ý theo Ất Tân mà lên án tử hình bà Ỷ Đức. Khi án đã thành, vua cũng còn dùng dằng, chỉ bài thơ tứ tuyệt sau bức viết mà hỏi Trương rằng: "Bài thơ nầy chính là hoàng hậu mắng nàng Phi Yến,

(*) *trần dớn* : chưa rõ nghĩa.

đã vậy thì sao lại có "Thập hương từ" kia ?" Trương tâu rằng : "Ấy chính là bài thơ hoàng hậu nhớ Triệu Duy Nhứt mà làm ra đó." Vua lại hỏi : "Thấy ra chỗ nào ?" Trương nói :

Cung trung chỉ sổ *triệu* gia trang
Duy hữu tri tình *nhứt* phiến nguyệt.

Chẳng phải là mượn hai câu đó mà ẩn ba chữ *Triệu Duy Nhứt* vào hay sao ? Vua bèn quyết ý. Liền ngày đó, giết cả họ Triệu Duy Nhứt và xuống chiếu bắt bà Ý Đức phải tự tận.

Hoàng thái tử, con trai của bà, tên là Tuấn, bấy giờ đã hai mươi tuổi, cùng mấy bà công chúa là em gái mình, bỏ đầu tóc xả, ăn mặc như kẻ tù tội, kéo nhau đến trước mặt vua, khóc lóc mà xin chết thay cho mẹ. Vua phán rằng : "Ta là chúa tể vạn dân, cai trị cả thiên hạ, mà không phòng nhàn(*) một người đàn bà được, thì còn mặt mũi nào mà trở mặt hướng nam nữa ư ?" Hoàng tử và các công chúa van khóc mãi mà cũng vô ích.

Bà Ý Đức cậy người xin đến trước mặt vua nói một câu rồi sẽ chết, song vua cũng không cho. Bà bèn lạy vọng vua tại chỗ mình ở, rồi đóng cửa lại, lấy lụa trắng thắt cổ. Vậy mà vua cũng còn chưa đã nư giận, truyền lột truồng thây bà ra, lấy chiếu bó lại rồi khiến đem trả về nhà cha mẹ. Bấy giờ bà Ý Đức 36 tuổi, trước khi chết bà còn làm một bài tuyệt mạng từ. Đọc đến, nghe rất là thê thảm.

Sự tích bà Ý Đức đây truyền lại đời sau, ai cũng đổ cho rằng tại cái tài học của bà nó làm lụy cho bà, cho nên mới sanh ra một câu sáo ngữ rằng : "Nữ tử vô tài tiện thị đức". Nhưng mà cái chỗ vô nhân đạo của ông vua kia thì hình như người ta quên đi, có lẽ vì ông là vua vậy.

PHAN KHÔI

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn, s.50 (1.5.1930)

(*) *phòng nhàn* : gìn giữ, cản ngăn (theo Huỳnh Tịnh Paulus Của : *Đại Nam quốc âm tự vị*, Sài Gòn, 1895 – 1896).

NHỮNG TỤC LẠ VỀ NAM NỮ Ở THẾ GIAN

Về sự nam nữ quan hệ với nhau, ở thế gian mỗi nước một khác. Đừng nói những nước còn mọi rợ mới có những phong tục dị kỳ, làm cho mình thấy mà chướng mắt, nghe mà trái tai ; cho đến những nước có tiếng là lễ nghĩa giáo hóa đi nữa, cũng không khỏi còn có những điều không hiệp với luân lý mà chúng ta vẫn giữ.

Cho biết cái luân lý ta vẫn giữ đây chẳng qua là cái luân lý đối với ta ; còn cái phong tục dị kỳ của họ đó, biết đâu chẳng phải là cái luân lý của họ ? Thế thì luân lý thật không phải là vật tuyệt đích mà là vật đối đích(*).

Tức như người Do Thái, anh ruột chết đi, để chị dâu góa lại cho em trai, sự ấy thấy chép trong sách Thánh (Bible) đành rành, và người ta coi như một cái lề luật. Lại như bên nước Xiêm, bà con ruột rà lấy nhau, coi như một sự thường.

Còn như nước ta đây, vốn theo lễ giáo bên Tàu, chỗ nam nữ hôn nhân, giữ gìn rất kỹ, mà lại còn kỹ hơn Tàu nữa. Bên Tàu, anh em chị em ban dì, anh em chị em cô cậu, đều có thể lấy nhau được, mà ta đây thì không được. Vậy nếu cho điều đó là lễ nghĩa thì ta lại còn lễ nghĩa hơn nước Tàu là nước văn vật hơn bốn ngàn năm nay, có phải không ?

Xét hết những phong tục về nam nữ của các dân tộc ở thế gian, rồi thấy như mỗi một dân tộc nào đều theo phong thổ, theo hoàn

---

(*) *đối đích* : tương đối.

cảnh, và theo sự cần thiết ở xứ mình mà lập ra cái chế độ nam nữ hôn nhân. Cái chế độ ấy thông hành ra thì gọi là phong tục, rồi buộc mọi người phải theo như vậy thì gọi là luân lý. Luân lý của dân tộc nào, là luân lý của dân tộc ấy, đem đến dân tộc khác thì lại không phải là luân lý nữa, cho nên nói rằng luân lý là đối đích.

Các dân tộc hay có ý không ưa nhau, nhạo báng nhau, sự đó vì có nhiều lẽ khác, mà một lẽ cốt nhứt là tại phong tục không giống nhau. Xứ nầy thấy xứ kia phong tục khác với mình thì cho là giã man, rồi xứ kia đối với xứ nầy cũng vậy ; cứ chê lộn nhau, ghét lẫn nhau, trọng của ta mà khinh của người, như thế thành ra không ai ưa ai hết.

Đó là tại ai chỉ biết phần nấy mà không chịu biết rộng ra ; hễ con mắt ít sự thấy thì trong trí có nhiều sự lạ. Nếu đã biết rộng, thấy phong tục mỗi xứ một khác, luân lý không nhứt định, thì thôi, chẳng còn dám cậy mình mà khinh người. Mà sự không khinh người, là sự có ích cho mình lắm. Vì mình không có bụng khinh người thì mới chịu học người vậy.

Người An Nam mình đương hồi vua Tự Đức, nếu chẳng thấy những điều lạ của phong tục Pháp mà cho là di địch, thì đã học theo họ rồi, có đâu đến nỗi như ngày nay !

Vậy nên, phong tục luân lý của mình thì mình vẫn giữ ; nhưng đối với phong tục luân lý của dân tộc khác, mình cũng nên coi là thường, chớ nên thấy khác mình mà nhạo cười hoặc chê bai. Vì cớ ấy tôi muốn lượm lại trong các sách, những tục lạ về nam nữ mà viết ra bài nầy, hầu giúp sự kiến văn cho độc giả.

Đối với tôi, những tục lạ ấy tôi cho là họ theo lẽ tự nhiên, nghĩa là ở xứ nào thì theo phong thổ và hoàn cảnh xứ ấy như đã nói trên kia, chớ chẳng là chi hết ; và đến phiên họ coi mình đây, chắc họ cũng cho là lạ và trái vậy. Vì vậy trong khi thuật chuyện, tôi chẳng hề phê bình lúc nào là hay, lúc nào là dở, trừ ra những điều có hại cho sanh lý loài người, cho sự yên ổn của xã hội.

Nước Tàu ở gần khít một bên ta đây, và ở trong châu Á nầy, có tiếng là văn hóa phát đạt sớm hơn hết ; nhưng trong nước họ cũng còn nhiều nơi có thói tục rất lạ lùng trong sự quan hệ nam nữ, nên kể trước ra đây rồi sẽ kể đến nước khác.

1. CÁI TỤC BẠN GÁI LUYẾN ÁI NHAU Ở QUẢNG CHÂU

Quảng Châu, tức là phủ sở tại tỉnh Quảng Đông. Ở đó, có tục con gái hay kết chị em bạn với nhau, kêu là "kim lan hội". Một người con gái xuất giá rồi, về thăm bên nhà cha mẹ, thường thường không trở về nhà chồng ; có khi không chịu ăn ở với chồng, chờ đến bao giờ chị em bạn lấy chồng hết rồi mới chịu về nhà chồng và ăn ở. Nếu kẻ lớn trong nhà ép buộc quá thì chị em họ rủ nhau kiêng cữ mình một cách chặt chịa, chồng không đụng đến được.

Độ mười năm nay, phong khí lại đổi khác. Bọn chị em trong Kim lan hội đó lại coi nhau như là vợ chồng. Hai người con gái ở chung với nhau thì có một người nghiễm nhiên làm như chồng vậy. Tục ấy bắt đầu từ làng Thuận Đức, lần lần truyền nhiễm đến Phiên Ngu và Sa Dao, cho đến chính nơi tỉnh thành cũng có. Tục đó kêu là "Bái tương tri", phàm đàn bà con gái đã kết bạn cùng nhau thì đối với nhau, ái tình quá vợ chồng, có kẻ ở với nhau trọn đời như vậy mà không lấy chồng nữa.

Chị em bạn gái yêu nhau mà không lấy chồng, điều đó thật là trái với lẽ tự nhiên, hại cho sức khoẻ của phụ nữ. Nhưng, theo lời một người Tàu kia chép sách, thì từ khi cuộc kinh tế thay đổi, sự sanh hoạt khó khăn, những con gái quá lứa mà không có chồng càng nhiều ra thì sự kết bạn gái lại càng thạnh hành lắm. Người lưu tâm cho là một cái vấn đề lớn và đương tìm phương bổ cứu.

2. CÁI TỤC VỢ LỚN CHỒNG NHỎ

Phía Bắc nước Tàu, nhiều nơi có tục vợ lớn chồng nhỏ, sự đó cũng tương tợ với cái tục các miền nhà quê xứ Bắc Kỳ ta. Trong

sách *Hữu đài tiên quán bút ký* của ông Du Việt có chép một cái án rất kỳ quái rằng :

"Ở Hà Nam có một huyện, người kể chuyện không nhớ tên huyện gì, tục ở đó người ta ưa cưới vợ lớn cho con trai nhỏ, hầu để làm công việc cho khỏi thuê đày tớ.

"Có con nhà nông kia, tuổi mới mười ba mười bốn mà cưới con vợ tuổi lớn gấp hai. Sáng bữa sau hôm nhập phòng, trong nhà khách khứa linh đình, mặt trời đã trưa mà cửa buồng còn đóng chặt. Cha mẹ đứng cửa kêu, nghe đứa con lên tiếng mà không thấy nó ra ; khoét cửa sổ dòm vô thì thấy nó bị trói nơi cẳng giường. Hỏi thì nó nói : "Tối hôm qua, khi tôi vào một chặp rồi thì có người đàn ông ở dưới giường trồi lên, trói tôi vào đây rồi ôm vợ tôi mà nằm". Hỏi tại làm sao không hô hoán. Nó trả lời : "Nó nằm, hễ hô hoán thì nó giết tức thì". Nói chưa dứt lời, hai người trai gái vén mùng bước ra, người trai nói lớn lên rằng : "Ta cùng cô dâu mới đã phải lòng nhau từ thuở nhỏ ; hôm qua thừa lúc chộn rộn, lẻn vào chốn nầy ; hãy để cho ta thỏa nguyện rồi đi ra ; nhược bằng có ai phá cửa mà vào, nói thiệt, – vừa nói nó vừa cầm dao chỉ thằng nhỏ – ta sẽ giết thằng nầy lập tức". Cả nhà thấy vậy hoảng hốt, chẳng biết làm sao.

"Người đàn ông ấy ở luôn trong buồng, đòi rượu thịt, đòi cơm, đòi bánh, nói rằng : "Chẳng đem cho ta thì ta giết con bay đi ; đem mà không đem đồ ngon, ta cũng không tha nó". Cực chẳng đã, nó đòi chi, người nhà cho nấy. Nó biểu họ đưa đồ ăn vào nơi cửa sổ, rồi nó lấy sợi dây dài giòng thằng nhỏ, bắt thằng tới nơi cửa sổ mà nhận lấy. Đem vào, nó biểu thằng nhỏ ăn thử, rồi nó mới ăn ; ăn còn thừa, mới cho thằng nhỏ. Ăn xong, bắt dọn cất. Việc ấy đồn ra, người ta đến coi đông như hội, ai cũng sợ thằng nhỏ bị hại, nhưng chẳng biết làm thế nào hết.

"Dằng co nhau đến ba ngày, mới thưa tới quan. Quan cũng lấy

làm lạ, thân hành đến khám nghiệm, thấy quả thiệt như vậy. Quan hỏi nàng dâu mới ấy có cha mẹ không ? Thưa có. Quan bèn đòi tới, biểu kêu con gái mình ; nó không trả lời. Quan dạy đánh mông cha nó, vả má mẹ nó, cả hai kêu đau và khóc lóc. Rồi biểu kêu lại, nó cũng cứ làm thinh không trả lời. Làm như vậy đến ba lần, má mẹ nó sưng lên, đít cha nó chảy máu ròng ròng, cả hai quỳ ngoài cửa sổ, kêu van nó mở cửa, mà nó cứ như đui như điếc. Quan cũng chịu phép, dạy người canh giữ đó và trở về tính phương khác.

Bấy giờ có một tên ăn trộm đương giam trong ngục, giỏi nghề đào ngạch. Quan bèn sai nó đến nhà ấy, phục sẵn nhiều người ngoài cửa, và biểu đứa kẻ trộm nhơn khi hai người trai gái ngủ ngon, từ phía sau buồng đào ngạch mà rúc vô, lén cắt đứt giây cho thằng nhỏ, biểu nó chạy thoát, mấy người ngoài cửa dộng cửa tuôn vào, bắt trói cả cặp..."

Không phải hết thảy những cặp vợ lớn chồng nhỏ thì đều sanh ra việc quái lạ như vụ án nầy. Nhưng cái thói vợ lớn chồng nhỏ thì thế nào cũng có cái kết quả chẳng tốt như vụ ấy. Vậy mà ở phương bắc nước Tàu, những hạng nông dân, hiện nay cũng còn giữ thói ấy không chừa.

3. TỤC MỘT CHỒNG NHIỀU VỢ Ở NINH CỔ THÁP

Ninh Cổ tháp tức là nơi sở tại huyện Ninh An, thuộc về tỉnh Cát Lâm ở Mãn Châu. Tục xứ đó một chồng nhiều vợ ; mà một điều rất lạ hơn các nơi khác, là mấy người đàn bà phải xúm nhau nuôi một người đàn ông.

Ở đó, đàn bà phần nhiều có nhan sắc. Đàn ông nào cũng có đôi ba vợ, nhiều lắm kể đến hàng chục. Mà đẻ con ra, hoặc nhìn, hoặc không nhìn, cái đó tùy ý người đàn ông. Có người cũng sợ vợ, thì sợ một cách khác thường ; mà có người đày đoạ vợ, thì lại đày đoạ một cách cũng khác thường. Đại khái như vợ chồng ở với nhau lâu rồi, không xảy ra điều chi, người đàn ông tình cờ ưng một cô con

gái kia, mà cha mẹ bên cô ấy ép rằng hãy về bỏ vợ đi, rồi gả cho, thế là anh đàn ông về bỏ vợ liền, dầu có con trai con gái và có rể có dâu rồi, cũng không kể. Lạ nhứt là lúc rước người vợ mới về, con cái trong nhà cũng coi như là mẹ mình vậy. Lạ nữa là người đàn bà bị để đó về lấy chồng khác, bữa sau cũng cứ tới lui thăm viếng nhà chồng cũ như thường, đối với người vợ mới chẳng ra dáng hổ thẹn chi, và cũng không hờn trách chi hết.

Xứ đó, bất kỳ việc chi nhỏ lớn trong nhà, cũng là do tay đàn bà làm hết. Gạo thì không biết xay, chỉ có giã, giã thóc rồi giã gạo, làm lụng luôn ngày đêm. Một người đàn bà giã gạo không đủ cho hai người đàn ông ăn, vì gạo phải giã cho trắng, giã đến năm sáu lượt. Nghe nói gần nay mới có cối xay, thì đàn bà cũng phải xay lấy. Giã gạo xong, còn phải gánh nước ; đến mùa tuyết xuống, họ gánh nước rất là khổ.

Một người đàn ông chết, phải có một người vợ bé bị chôn theo. Mà người nào sẽ bị chôn theo, đã định trước từ lúc còn sống, không được từ chối mà cũng không được lấn lướt. Người bị chôn đó không được khóc, trang sức thật đẹp ngồi trên giường, từ người vợ cả sắp xuống rủ nhau lạy ở dưới. Khi đến việc, lấy cung tên bắn người đó cho chết rồi mới chôn. Bằng như không chịu, thì họ rủ nhau chặn xuống bóp họng cho chết.

4. TỤC CƯỚI GẢ Ở LIỄU BIÊN

Liễu Biên cũng gọi là Liêu Điều Biện, ở về chỗ giáp giới tỉnh Phụng Thiên và tỉnh Cát Lâm. Xứ đó con trai con gái cưới gả rất sớm, mà sự hôn nhơn cũng dễ dàng sơ sịa.

Bên trai lựa nhà bên gái là nhà xứng đáng với mình rồi, thì tìm một người già cả làm mai dong. Nghe có dẹo[*] được, thì người mẹ bên trai đi thẳng đến nhà gái mà coi người con gái, có sắm đồ nữ

[*] *có dẹo* : có vẻ, xem chừng, coi mòi (theo H.T.Paulus Của : Sđd.)

trang hoặc xấp lụa xấp vải chi đó đem làm quà. Bên nhà gái nếu không nói chi, bấy giờ người cha bên trai bèn dẫn con trai mình đến mấy nhà bà con của nhà gái, cúi đầu làm lễ. Mấy nhà đó nếu không nói chi, thì lại dẫn hết thảy con trai và những cháu trai kêu bằng chú, bằng bác, đến ngay nhà gái cúi đầu làm lễ nữa. Bên nhà gái, hễ chịu thì không từ chối, mà hễ còn từ chối, ấy là chưa chịu, việc chưa yên. Yên rồi, bên nhà trai sắm một tiệc trà, bên nhà gái đưa dâu về, ấy là thành lễ.

Vợ chồng lấy nhau phần nhiều chưa đến mười tuổi. Hễ quá mười tuổi thì đã cho là lỡ thời. Nhà nào nhà nấy không có chia ra trong ngoài, người ta tới lui, đàn bà không có ngại ngùng và tránh trớ chi cả.

5. TỤC MỘT VỢ NHIỀU CHỒNG Ở CAM TÚC

Tỉnh Cam Túc thuộc Mãn Châu, nhiều đàn ông mà ít đàn bà, cho nên sự hôn nhơn ở đó lọt ra ngoài vòng lễ giáo và pháp luật nước Tàu. Anh chết để lại vợ cho em, em chết để vợ lại cho anh, coi là sự thường. Cùng một họ, chỉ có chung đầu ông nội trở xuống là không lấy nhau ; ngoài ra thì lấy nhau được cả. Có nhà, mấy anh em lấy chung một vợ, chia phiên nhau mà ăn ở ; hoặc ban ngày có việc thì treo cái quần nơi cửa buồng để biết mà tránh nhau. Hễ đẻ con ra thì đứa đầu lòng nhường cho phần anh, rồi mấy đứa sau, cứ thứ lớp mà chia cho các em.

Có người không thể cưới vợ được mà muốn có con thì thuê vợ của kẻ khác. Thuê thì có làm tờ khế, chỉ rõ kỳ hạn, hoặc hai năm hoặc ba năm, lấy có con làm hạn, bằng quá hạn mà không có con thì người chồng cũng bắt vợ về, dầu một ngày cũng không ở rốn được. Những người đến làm khách xứ đó, muốn cho đỡ buồn, cũng thuê vợ người ta được. Thuê cũng có làm giấy, trong giấy chỉ rõ một tháng được mấy ngày và những ngày nào. Trong ngày đó, người thuê được phép đến tại nhà mà ăn ở ; đến thì người chồng bỏ

nhà đi trớ(*). Song không phải ngày đã chỉ định trong giấy, thì người đàn bà không chịu tiếp, dầu kẻ khách kia là quen lớn với người chồng lắm cũng mặc. Hết hạn theo như trong giấy rồi mà muốn thuê nữa thì phải làm giấy mới, trả tiền lớp khác.

Phàm hễ xứ nào nhiều đàn ông ít đàn bà, làm theo cái chế độ một vợ nhiều chồng, thì người đàn bà thường có quyền trên đàn ông. Thế mà ở Cam Túc đây, đàn ông vẫn cầm quyền, đàn bà chỉ ở vào cái địa vị bị động, ấy là một điều lạ.

6. TỤC CƯỚI GẢ Ở KIM XUYÊN

Kim Xuyên ở về phía tây bắc tỉnh Tứ Xuyên, tục cưới gả xứ đó gần giống như Tây Tạng.(**)

Đám cưới không có lễ nạp thái vấn danh ; con trai con gái phần nhiều tư thông với nhau trước, rồi mới lấy nhau làm vợ chồng. Bên nhà trai nhờ thầy "lạt-ma"(1), chọn ngày lành tháng tốt, tin cho nhà gái biết. Đến ngày, nhà trai nhà gái đều mời thầy lạt-ma tụng kinh làm lễ. Bà con làng xóm nhóm nhau bên nhà gái, ăn thịt uống rượu no say. Bên nhà trai cậy một người làm như mai dong đi qua bên nhà gái ; bên nhà gái đem rượu ra mà tiếp rước. Rót rượu ra, người bên nhà trai quỳ xuống rồi mới uống ; còn người bên nhà gái thì ngồi êm, không rục rịch. Uống rượu xong, rủ nhau đưa dâu về bên nhà trai, cười nói dỡn cợt phí sức, rồi lại ăn thịt uống rượu. Tiệc xong, ai về nhà nấy, cô dâu muốn đi thì đi, muốn ở thì ở, tùy ý. Từ đó, cô dâu ăn ở hoặc tại nhà cha mẹ hoặc tại nhà chồng không nhứt định, cho đến khi có con rồi mới ở luôn nhà chồng.

Ở Tây Tạng, đàn bà nhiều mà đàn ông ít, cho nên con gái nhiều

(*) *trớ* : tránh, làng (theo *Từ điển phương ngữ Nam Bộ*, sđd.)

(**) bản gốc là Tây Tàng, ở đây sửa lại (NST).

(1) Tục Tây Tạng và Kim Xuyên theo đạo Phật, kêu thầy tu bằng "lạt-ma" (nguyên chú).

người không chồng, ở đó tuyệt không có người đàn bà nào chồng chết mà lại có chồng khác.

7. TỤC NGƯỜI THỔ Ở QUẢNG TÂY

Người Thổ ở Quảng Tây và Vân Nam, đại để đều đương còn thuần phác ; đến việc quan hệ về nam nữ thì không có phân biệt lắm. Tục các miền ấy, hễ đến mùa xuân thì rủ nhau ra chợ hát huê tình. Chỗ ngồi, chia một bên con trai, một bên con gái ; những câu hát đều là lời trai gái ve nhau. Ve mà không phải lòng thì cũng có câu hát để cự lại, như nói rằng : "Đó thương đây, đây không thương đó", v.v... Còn như hai bên bằng lòng nhau, thì khi hát rồi, nắm tay nhau đến chỗ bàn rượu ngồi uống, lấy một vật gì chút đỉnh đưa cho nhau làm của tin, và hẹn ngày gặp nhau ; có khi không đợi hẹn ngày nữa, chén xong, liền kéo nhau vào dọc chơn núi, bờ khe mà "nói chuyện".

Trong khi hát giữa chợ đó, đàn bà con gái ngồi lộn lạo, khách đàn ông đi chơi dầu chẳng quen nhau trước cũng có thể dỡn đùa tùy ý ; hoặc có khi kề đùi kề vế, hay là ôm nhau nữa cũng không cấm. Đến đỗi có vợ chồng cùng có mặt nơi chợ đó, chồng thấy vợ mình bị người ta chọc ghẹo, thì không giận, mà trở lại mừng, mừng vì nghĩ rằng vợ mình đẹp nên người ta mới chọc. Bằng chẳng vậy, khi về nhà, vợ chồng sẽ rầy lộn nhau.

Ở đó, phàm con trai con gái có tư tình với nhau thì gọi là "bái đồng niên" hay là "tố hàu sanh" phần nhiều là kẻ chưa chồng chưa vợ. Vì họ nói rằng hễ có chồng có vợ rồi thì phải lo cùi lục làm ăn, không có thể chơi bời được nữa. Bởi vậy, vợ chồng tuy lấy nhau sớm, song khi mới lấy nhau, theo thói quen, vợ chồng không ngủ chung. Đêm nhập phòng đầu hết, cô dâu rước một bà già hàng xóm về, ngủ chung với ; trong ba ngày, gánh cho ông gia bà gia(*) vài ba

(*) ông gia, bà gia : bố chồng, mẹ chồng (hoặc bố vợ, mẹ vợ).

gánh nước rồi trở về nhà mình. Sau đó thỉnh thoảng cũng về nhà chồng, nhưng không hề đồng sàng, sợ có con rồi thì không "tố hàu sanh" được nữa. Đến chừng hăm bốn, hăm lăm tuổi về sau, cái tánh ham chơi bời đã bớt, thì vợ chồng mới chịu ở chung với nhau. Vì vậy ái tình không được cho mặn nồng, hễ trái ý nhau một chút là để bỏ.

Trong sách *Thiên bộc tạp ký* của ông Triệu Dực có chép rằng khi ông làm quan huyện Trấn An, thuộc về miền đó, ông có hạ lịnh, bắt những kẻ có vợ có chồng rồi, thì không được ngủ riêng ; nhưng trong dân nghe vậy thì cười rộ, duy có dân ở gần huyện vâng lệnh mà thôi.

8. TỤC NGƯỜI DIÊU Ở MIỀN LƯỠNG QUẢNG

Ở giữa chỗ ba tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Hồ Nam giáp giới nhau, có một dãy núi cao và lớn, bao vi hơn ngàn dặm, có giống người kêu là người Diêu ở trong đó.

Tục họ, mỗi năm, sau ngày rằm tháng mười một, nhóm nhau nơi miếu thần cúng tế ăn mừng, trai gái xen lộn. Bất kỳ ai có vàng bạc châu báu gì thì đeo đầy mình để khoe nhau, đeo không hết thì lấy giây xâu mà treo ở trước ngực hoặc sau lưng ; ăn uống xong người đầu mục ngồi chính giữa, trai gái mười bảy mười tám trở lên ngồi hai bên, hát xướng đối đáp nhau để ve nhau từ tối cho đến sáng. Hễ người con gái bằng lòng người con trai thì lại ngồi kề một bên ; rồi có người mai dong đến đó, biểu cởi giây lưng hai bên ra mà đo, nếu dài vắn bằng nhau thì cho hai người xóc cặp dẫn đi.

Khỏi ba ngày, cha mẹ bên người gái đem một mâm giò heo một bầu rượu qua nhà chú rể, làm lễ hiệp cẩn, ấy là cưới đó. Còn như chưa cưới thì hai bên trao đổi giây lưng cho nhau, buộc vào mà trở về, ấy cũng như là lễ hỏi. Sau một vài năm, nếu đo cỡ áo của hai người trai gái dài vắn bằng nhau thì mới làm lễ cưới.

Người con gái nào có chồng rồi thì trên đầu có để một miếng ván vuông nhỏ, bới tóc cho chặn lên, hai bên vai đeo hai miếng khăn thêu, nhà giàu thì kết thêm vào những châu ngọc. Những người ấy ở giữa đám con trai thì không nói chuyện cũng không hát, tỏ ra mình đã có chồng rồi.

Hễ có vợ có chồng rồi thì bà con họ hàng xúm làm cho một cái nhà tranh nơi mé núi và bắt ở riêng ra. Rồi thì cha mẹ và con, ai có phần nấy, ai làm nấy ăn, không quan hệ với nhau nữa.Chẳng may mà giữa đường gãy gánh, cũng được phép chắp nối nhiều lần. Duy có người nào ở góa một mình ngoài sáu mươi tuổi, thì công chúng phải xúm nhau mà nuôi, khỏi phải chạy ăn vất vả.

9. TỤC NGƯƠI MIÊU Ở MIỀN HỒ NAM

Chỗ giáp giới hai tỉnh Hồ Nam và Quý Châu, có dãy núi dài hơn hai trăm dặm, trong đó là chỗ người Miêu ở. Tục hôn nhân người Miêu giản tiện lắm, thường kết hôn trong một tháng, kêu bằng "tháng nhảy", vì có sự nhảy múa.

Bắt đầu ngày mồng ba tháng ba - tức là tháng nhảy - những trai gái chưa vợ chưa chồng đều ăn mặc lịch sự kéo nhau ra ngoài đồng. Bên trai bên gái sắp hàng mà ngồi chôm hổm. Bên con gái bắt lên hát trước để ghẹo những con trai chưa vợ. Hát rồi một câu, bên con trai lần lượt mà hát trả lại. Câu hát đều có ý bông đùa mà có nhịp nhàng nghe êm ái. Người con gái bằng lòng gã nào thì theo ý trong câu hát trả đó mà hát nối nữa. Khi gần dứt câu, người con trai vừa hát vừa đi lần lại chỗ ả ấy, cách nhau còn chừng hai thước thì đứng lại. Người con gái hỏi quê quán nơi nào. Bên trai khai tên họ và quê quán mình. Cô ả đứng dậy nắm lấy cánh tay, rồi ngồi xuống, gác đùi nhau. Một chặp, lại hát nữa, cứ đối đi đáp lại hoài, quanh quẩn cũng là một ý, nói rằng về sau không khi nào bỏ nhau. Đến chiều tối, người con trai cõng người con gái đi, ấy là làm vợ chồng rồi. Sáng bữa sau, chú rể đi với vợ đến nhà ông gia

bà gia, nạp tiền cưới. Tiền cưới chia làm ba bậc, tùy theo người con gái đẹp hay xấu, mỗi bậc có chừng, dầu chú rể nghèo cũng phải nạp đủ số.

Con gái chưa chồng thì nơi tai đeo khoen bạc, giàu thì đeo châu ngọc, nhưng có chồng rồi thì không đeo. Hễ chồng chết thì vợ cải giá tức thì, lấy người chồng sau mới cưới đó đứng làm tang chủ; bằng chẳng vậy thì không chôn người chồng chết. Còn vợ chết thì chồng đem giường mình ra nằm gần cầu tiêu, trong ý nói rằng không có vợ thì khó mà ở chung với ai được ; bao giờ có vợ khác mới dời giường trở vào chỗ cũ.

10. TỤC NGƯỜI LÊ Ở QUỲNH CHÂU

Miền núi phủ Quỳnh Châu thuộc tỉnh Quảng Đông, người Lê ở đó. Tục họ, nhà chỉ có một cái, đàn ông đàn bà, con trai con gái ở chung chạ với nhau. Ban ngày cùng ăn chung một mâm, ban đêm ngủ chung một chỗ. Phần nhiều đàn bà lo việc cày cấy ngoài đồng, còn đàn ông ở nhà giữ con và nuôi heo nuôi gà. Có việc chi, đàn bà làm chủ, đàn ông không được dự.

Con gái sửa soạn gả, thì xăm bông trên mặt, và trét bằng phẩm thanh. Kiểu bông thì bên chồng đưa cho, cứ theo kiểu mà xăm, tỏ ra rằng một lòng với chồng.

Con trai con gái chưa có đôi bạn, gặp hồi tháng ba tháng tư, rủ nhau nhóm nơi đồng trống, con trai gảy "đờn môi", con gái thổi "sáo mũi", và hát huê tình. Cặp nào phải lòng nhau, thì áp gần lại, hẹn hò với nhau làm vợ chồng. Hai bên giao kết rồi, về nhà thưa với cha mẹ ; cha mẹ nhà trai bèn cậy mai dong đến hỏi. Dùng trâu làm lễ cưới, hoặc vài con, hoặc vài chục con, tùy nhà giàu hay nghèo.

Lựa ngày tốt, bên nhà trai đưa qua một cái thùng hoa thêu làm lễ ; bên nhà gái, trong bà con, phàm những kẻ chưa chồng chưa vợ rủ nhau đem bông tai và giây lưng đi mừng, lại đưa cô dâu về nhà

chồng. Trong khi ấy, bên chồng phải cất nhà riêng đặng rước dâu. Khi dâu mới về, bao nhiêu con nít trong nhà chồng xúm nhau ngủ với cô dâu cho có bạn ; đợi làm nhà xong, vợ chồng bèn làm lễ động phòng.

Ngày gả con gái, bà con đưa đi, khóc lóc bằng non bằng nước ; người con gái cũng khóc như vậy.

Đàn bà Lê, hồi còn con gái hay chơi chạ, cha mẹ cũng coi là thường mà không cấm. Nhưng từ khi xăm mặt làm dâu nhà người rồi thì cả đời không biết đến người đàn ông nào khác. Tục họ, hễ đàn bà có chồng mà lấy trai thì họ giết tức thì, cho nên chẳng ai dám phạm.

Người đàn bà nào chết chồng, tục Lê kêu bằng "quỷ bà", không ai dám cưới người ấy nữa. Người xứ khác đến buôn bán, hay lấy thứ quỷ bà ấy làm vợ.

Người Lê hung tợn, bất bình nhau một tiếng nói, ấy là đâm chém nhau liền. Nhưng hễ khi có người đàn bà ở giữa điều đình cho, thì hai bên hòa với nhau tức khắc.(*)

PHAN KHÔI

Phụ nữ tân văn, Sài gòn, s. 36 (9.1.1930); s.37 (16.1.1930; s.38 (23.1.1930)

(*) Ở bài này, hai kỳ đầu ký tên tác giả là Chương Dân, kỳ thứ ba ký Phan Khôi, và cho biết bài vẫn còn tiếp.

ĐÀN BÀ MỚI CỦA MỘT NƯỚC MỚI THỔ NHĨ KỲ(*)

Thổ Nhĩ Kỳ, trước kia bị kêu là nước "đau mòn" bất kỳ về phương diện nào, chánh trị, kinh tế hay là văn hóa, cũng đều bị các nước mạnh lấn lướt, bao nhiêu quyền lợi trong nước đều mất sạch. Sau khi bị thua trong cuộc chiến tranh 1914-1918, quốc thế lại càng nguy lắm : Chốn thủ đô bị các nước Hiệp ước đóng quân mà hiếp chế, hải quân bị cầm lại một chỗ, lục quân hầu hết bị giải võ trang ; lại các cửa biển yếu hại, các đường hỏa xa đều bị ngoại quốc chiếm giữ ; việc chánh trị rối loạn, giềng mối tan tành, thiếu chút nữa thì mất nước. Vậy mà từ mùa hạ năm 1919, ông Mustapha Kemal cùng bọn đồng chí dựng cờ cách mạng về sau, hiệp sức đồng lòng, lo chấn chỉnh mọi việc, một mặt thì khéo dùng chước ngoại giao, một mặt thì thức tỉnh dân trong nước, mà rồi tình thế thay đổi ; nước Thổ Nhĩ Kỳ trở thành ra nước độc lập hoàn toàn. Hiện bây giờ, cuộc cách mạng của họ hẳn đã thành công, cái nước đau mòn hồi trước bỗng đứng dậy chen chưn vào hàng liệt quốc.

Tiếng sấm mùa xuân làm cho bao nhiêu loài sâu bọ núp dưới đất đều dậy lên hết thảy ; cuộc cách mạng cũng vậy. Nước Thổ Nhĩ Kỳ hồi chưa có cuộc cách mạng, nào ai có biết sự "phụ nữ vận động" là gì. Thế mà sau khi tiếng trống cách mạng đã vang ra rồi, cuộc phụ nữ vận động đâu đó nô nức dậy lên.

(*) Bản đăng báo ghi rõ bài này là do Phan Khôi dịch của *Phụ nữ tạp chí* Tàu, nhưng không ghi xuất xứ thật chi tiết (NST).

Trước kia Thổ Nhĩ Kỳ vẫn có tiếng là nước mà đàn ông hay cưới nhiều vợ ; đàn bà con gái chẳng có mảy may quyền lực gì, hễ đi ra thì phải lấy lúp[1] che mặt, ngồi trong xe trong thuyền thì phải ngồi yên một chỗ, không được ló đầu lội mặt ra ; nói tóm lại là một trăm sự gì cũng không được tự do hết. Thế mà ngày nay những cái thói tục hủ bại ấy đã bỏ đi, những cái khuôn phép eo hẹp ấy đã nới ra, hết thảy đàn bà Thổ đều trông thấy ánh sáng mặt trời, bước đi trên con đường khoang rạng. Sự thay đổi ấy thế nào chúng tôi xin chia ra từng khoản mà giới thiệu cho nữ đồng bào được biết.

1. Cái mầm sự đổi mới

Thổ Nhĩ Kỳ trong khoảng năm 1808-1830, là thời kỳ vua Mohammed le Grand trị vì. Vua có mẹ là người Pháp, khôn sang và tài giỏi, hồi nhỏ vua nhờ bà dạy dỗ nhiều, lại vì đó mà được làm quen với Napoléon I, cho nên vua hết sức giục lòng cho dân nước mình theo phong tục nước Pháp ; vua lại còn bắt chước quân chế nước Pháp mà tổ chức lại quân đội Thổ Nhĩ Kỳ. Người Thổ Nhĩ Kỳ có nhiễm được một đôi chút phong hóa Âu châu là bắt đầu từ hồi đó.

Năm 1839, vua Abdul Medjid lên trị vì, lại là một ông vua giỏi, ở ngôi 22 năm, đổi mới những chế độ trong nước chẳng phải ít. Có một điều nên chú ý, là bấy giờ các nhà văn học mới của Thổ Nhĩ Kỳ đều có chịu ảnh hưởng của tư tưởng các nhà văn học Pháp mà tấn bộ hơn xưa ; vả lại bọn nầy rất thế lực *trong thời ấy* ; vì vậy tư tưởng của người Thổ cũng đổi mới lần đi, cho đến hàng phụ nữ cũng chịu ảnh hưởng của họ nhiều ít.

Song le, đến năm 1876, vua Abdul Hamid II nối ngôi, ông nầy lại là một ông vua chuyên chế hết bực. Thứ nhứt, là phản đối với

[1] Lúp là cái đàn bà dùng để che mặt (nguyên chú của bản gốc).

Âu hóa, phàm những người có tư tưởng mới, bị vua xét biết được, đều phải chịu sự đày đoạ đau đớn suốt đời ; vì vậy ai ai cũng lấy làm sợ hãi, không biết mình bị tội ngày nào. Tuy vậy, cái tư tưởng Âu châu hồi đó đã ăn sâu vào óc những hạng người thức giả, dầu vua có chuyên chế mấy đi nữa, họ cũng thà rước đàn bà Âu Mỹ về dạy con cái mình, mà không chịu cho vào học trường bổn quốc lập ra. Lại còn các quan viên đi ra ngoại quốc, đem gia quyến đi theo, những con cái họ lại có dịp học ở các trường Âu Mỹ, về sau bọn nầy trở về nước, nghiễm nhiên thành ra hạng tân nhân vật, lãnh cái trách nhiệm khai hóa cho người đồng bang. Ngoài các cớ ấy, các cố đạo các nước đến truyền giáo trong nước Thổ, cũng có ảnh hưởng cho bọn thanh niên nam nữ xứ họ rất nhiều. Có ảnh hưởng nhiều hơn hết, là trường Trung học của chánh phủ Thổ lập ra năm 1863 ; trường nầy có ít giáo sư người Thổ, còn bao nhiêu thì là người Pháp hết, hầu hết học sanh đều chịu tư tưởng mới của nước Pháp. Lúc nầy trong nước Thổ lại có lập ra nhiều học đường theo kiểu mới, mà đáng kể hơn hết là trường Đại học riêng cho phụ nữ.

Cũng vì vua Abdul Hamid II chuyên chế quá tay, làm cho Thổ Nhĩ Kỳ ngày một suy mòn, lòng dân bất phục, cho nên hồi cuối thế kỷ XIX, trong nước có nầy ra một đảng gọi là "Thiếu niên Thổ Nhĩ Kỳ" do bọn thanh niên chí sĩ tổ chức. Đến năm 1908, quân cách mạng của đảng ấy nổi lên và được thành công ; dầu có bọn phản đối ra mặt chống cự lại, song không bao lâu thì dẹp yên được cả. Ngày 24 tháng tư năm 1909 là ngày đảng Thiếu niên bình định mọi sự loạn lạc trong nước. Họ bèn quyết nghị phế vua Abdul Hamid II. Sau khi ông vua chuyên chế ấy xuống khỏi ngai, số học trò trong các trường càng ngày càng đông đúc mà rồi cái tư triều Âu Mỹ lần lần bủa khắp chốn dân gian. Cái mầm sự đổi mới của phụ nữ ở Thổ Nhĩ Kỳ bắt đầu nầy nở ra, nên kể cho là từ thời kỳ đó vậy.

2. Trận Âu chiến với đàn bà Thổ Nhĩ Kỳ

Từ thế kỷ XVIII về sau, nước Nga lấn qua phía Nam càng ngày càng ngặt, làm một cái lo lớn cho Thổ Nhĩ Kỳ. Trong nước Thổ hễ có xảy ra cuộc biến loạn gì, đều là nước Nga chủ động cả, thành ra người Thổ thù người Nga đã lâu lắm. Kịp đến cuối thế kỷ XIX, nước Đức dấy lên, có ý xâm lược phương Đông, bèn hết sức giao hoan cùng nước Thổ ; anh nầy cũng lấy làm may mà được dựa anh kia. Bấy giờ cuộc diện Âu châu lại xoay ra thế khác : Hồi trước, nước Anh nước Pháp vốn binh vực nước Thổ để chống lại nước Nga ; song bây giờ thấy nước Đức lồng lên, lại quay lại liên Nga để cự Đức. Thổ Nhĩ Kỳ tình cờ gặp thời cơ ấy, tự nhiên phải làm thân với Đức mà xa Pháp và Anh. Vì có sự quan hệ như vậy với nhau, mà trong cơn Âu chiến, nước Thổ phải đi một phe với nước Đức, và kết quả phải cùng nhau thất bại vậy.

Nước Thổ dầu bị thua, thiệt điều vong quốc như đã nói trên kia, nhưng trong trận chiến tranh trong bốn năm đó, có nhiều dịp làm bổ ích cho phụ nữ họ. Hồi đó, trong nước Thổ đàn ông đi đánh giặc hết, mọi sự làm ăn phải bỏ bê trễ. Sự sống là cần hơn hết, tự nhiên đàn bà phải ra mà đảm đang. Bấy giờ các công việc chốn thành phố như là các nhà buôn, nhà giây thép, các sở coi việc giao thông, đều có thấy đàn bà ra gánh việc. Theo tục nước Thổ, đàn bà ra đường thì phải che lúp nơi mặt, nếu không thì là thất lễ ; song bấy giờ vì sự làm việc, dùng lúp không tiện, nên từ đó phụ nữ bắt đầu để mặt trần. Nhờ dịp đó mà tâm lý của hạng nữ lưu ở các nơi đô hội đều thay đổi hết; những sự bó buộc ngày xưa bây giờ không còn có hiệu lực nữa, ai nấy đều muốn ăn theo thuở ở theo thời.

Ngày 16 tháng 10 năm 1923, là ngày nước dân chủ Thổ Nhĩ Kỳ thành lập, quân đội vừa hát khải hoàn vừa đi vào thành Stamboul thì theo sau có một đoàn phụ nữ thanh niên, gồm những cô giáo và các trò nữ học, tay cầm cờ và mặt không có lúp nữa ; hết

thảy đều hò reo nhảy nhót, một mặt thì mừng cho nước được tự do độc lập, một mặt thì mừng cho mình được "bỏ lúp" được giải phóng một cách quang vinh !

3. Cuộc vận động về nữ quyền

Từ khi nước Thổ đổi làm dân chủ, rồi nữ quyền cũng nhơn đó mà dấy lên. Những quy điều của Hồi giáo coi như lề luật thần thánh ngày xưa, bây giờ không còn đủ quyền phép mà ràng buộc người ta nữa. Muốn cho thích hạp với thời đại, quốc hội nước Thổ phải châm chước theo dân luật nước Thụy Sĩ, hình luật nước Ý, thương luật nước Đức mà thi hành. Ấy là nói về pháp luật phổ thông. Còn riêng về pháp luật quan hệ tới phụ nữ, thì cuối mùa xuân năm 1924, quốc hội đặt ra một ban uỷ viên thảo luận về những luật quan hệ tới gia đình, đã có nhiều người muốn phế trừ cái chế độ nhiều vợ. Ngày 17 tháng giêng năm ấy, lại có bốn trăm đàn bà hội nghị tại Constantinople, đem những sự tự mình muốn cải cách ra mà bàn luận, rồi làm thành một biên bản trình cho quốc hội. Trong cuộc hội nghị ấy họ hết sức phản đối ba điều nầy: 1. cái chế độ nhiều vợ ; 2. cưới gả sớm ; 3. cách để bỏ dễ dàng. Kết quả cuộc hội nghị họ cử ra tám người đàn bà, tổ chức một ban uỷ viên, yêu cầu các việc ; mà ban uỷ viên đó, bà Hanum là người có danh tiếng nhứt đứng đầu. Họ lại có rước bốn người đàn ông thạo về pháp luật để làm cố vấn, hiệp tác cùng mình, nhờ vậy mà sự tấn hành của ban uỷ viên được nhiều bề thuận tiện.

Cuối mùa thu năm 1925, ở hội nghị quốc dân được thông qua những luật lệ quan hệ về sự sanh hoạt trong gia đình. Ngày 1 tháng 10 năm 1926, ban hành hiến pháp mới ; ở đầu của dân luật nói ngay về luật lệ gia đình. Trong chương ấy có bảy điều nói riêng về phụ nữ, đều là những điều để binh vực quyền lợi cho họ. Từ đó trong nước Thổ bỏ đứt cái chế độ một chồng nhiều vợ, mà làm theo cái chế độ một chồng một vợ. Lại còn có một điều đáng kể là điều

thắng lợi của phụ nữ, ấy là từ nầy về sau, họ cũng có quyền như nam tử, được hưởng gia tài.

Về các thói quen trong xã hội lâu nay cũng cải cách được nhiều, như:

1) Từ trước con gái Thổ lấy chồng phải do quyền cha mẹ, sau khi về nhà chồng bỏ lúp xuống rồi mới thấy được mặt chồng; trong khi làm lễ kết hôn, vợ chồng cũng không thấy mặt nhau, và không có một người đàn bà nào được dự lễ ; còn đến sự để bỏ thì quyền ở cả trong tay người chồng, sau khi chồng nói với vợ ba lần rằng "Tao không ăn ở cùng mầy nữa" rồi thì liền ly dị nhau, vợ không có phép đôi co kiện cáo gì hết, chỉ cúi đầu mà chịu một bề. Nhưng theo dân luật mới, thì phép kết hôn toàn làm theo kiểu mới, và lễ tiết rất là đơn sơ ; đến sự ly hôn thì vợ chồng đều có quyền như nhau cả ; phàm vợ chồng lấy nhau, phải ở chung với nhau hơn ba tháng rồi bấy giờ có muốn ly dị mới được phép ly dị. Vả lại trong dân luật cũng định cho con trai con gái được giao tế cùng nhau, ấy chẳng khác thừa nhận sự luyến ái tự do là chánh đáng vậy.

2) Từ trước con trai con gái hay là đàn ông đàn bà mà đi trong xe trong tàu thì phải ngồi riêng chỗ ra, nam theo nam, nữ theo nữ ; bây giờ không có vậy nữa, ai muốn ngồi đâu thì ngồi, không phân biệt chi hết.

Tóm lại Chánh phủ Thổ Nhĩ Kỳ cốt muốn giải phóng cho phụ nữ, nhắc cái địa vị người đàn bà cao lên, nhận biết rằng người đàn bà con gái mà bị cấm cung thì hóa ra ngu hèn dốt nát, không bằng cho họ được xông pha tự tiện. Vì vậy phụ nữ Thổ ngày nay đổi cả cách thức ngày xưa, mới trong mười năm mà đã khác hẳn một trời một vực.

4. Nói qua về sự giáo dục phụ nữ

Đàn bà Thổ mà được mở mang tri thức, đổi cách sanh hoạt mau chóng như vậy là nhờ ở sự giáo dục lan khắp. Chánh phủ họ

thấy trong nước các trường tiểu học lơ thơ, cách dạy cũ kỹ, biết rằng phải có cải lương mới được, nhơn đó đặt thêm nhiều trường nữ học và đổi cách dạy theo lối mới. Sau đó vài năm, các cô giáo ở trường Nữ sư phạm tốt nghiệp ra, đi dạy trong các trường làng, được dân sự nhà quê trầm trồ khen ngợi một cách lạ. Đó tuy là cái kết quả tốt của Chánh phủ đã tạo ra, song cũng nhờ bọn phụ nữ biết gắng công mới thành.

Năm 1925, chánh phủ Thổ vì nghĩ cho sự học về gia chánh là cần kíp, nên có rước một vị nữ giáo sư chuyên môn về gia chánh bên nước Mỹ qua dạy trong trường Nữ sư phạm tại Stamboul. Hết thảy dân Thổ cho việc ấy là phải lắm và hết sức lấy làm quý hóa. Trường Đại học Stamboul cũng có lựa học trò gái vào học, định cho bên nữ cũng đồng chịu một thứ giáo dục như bên nam ; trong trường ấy có khoa Y học và Pháp chánh là có tiếng hơn hết, thì bên Y học đã có được 450 nữ học sanh, mà 30 trò đã tốt nghiệp ; ấy là cứ theo sự điều tra năm 1928.

Trường đại học riêng cho con gái ở Constantinople đối với cuộc giải phóng của phụ nữ Thổ thiệt là có công ; hầu hết những đàn bà Thổ có danh thời nay, có công lao trong cuộc cải cách, đều tốt nghiệp ở trường ấy mà ra cả. Như nàng Hanoum, một nhà chí sĩ Thổ thời nay, tốt nghiệp ở trường ấy năm 1901; từ năm 1908 đến 1909, trong khi gây cái phong triều cách mạng, nàng Hanoum đi diễn thuyết khắp nơi, giục giã nhân dân nổi nghịch cùng chánh phủ cũ. Về sau đấy, nàng lại còn bôn tẩu hô hào, vận động sự mở trường nữ học, làm cho phụ nữ cả nước có dịp được chịu giáo dục như con trai ; công của nàng thiệt là nhiều lắm vậy.

Trường Đại học con gái ở Constantinople cũng có mở riêng một khoa dạy về Y học ; mục đích của họ định sau nầy sẽ dùng những tay nữ y sanh ấy mà cải lương hết thảy việc vệ sanh chung cho cả nước.

Ngoài ra, ở các thành lớn trong nước Thổ, hầu hết đều có mở trường Đại học hoặc Trung học cho con gái ; cũng có những trường nữ học lập riêng, thành tích rất rõ ràng. Ở thành Constantinople, lại có hai hội Nữ thanh niên của đạo Tin Lành, chuyên về sự giúp việc cho xã hội, hiện đã có đến 850 hội viên rồi.

5. Kể một ít nhân tài trong nữ giới

Hai vị nữ sĩ Hannum và Hanoum đối với cuộc phụ nữ vận động, có công lao và ảnh hưởng thế nào, trên kia đã nói sơ qua. Ngoài hai vị ấy, còn có mấy người mà chúng ta nên để ý vào: Tháng giêng năm 1924, có ba người nữ học sanh là Turkhan, Naurich, và Yhera ở lại trường Đại học Stamboul chia nhau mà đậu đầu trong ba khóa : văn học, triết học và địa lý. Việc nầy nếu ở nước nào thì chẳng có gì đáng lạ, song ở Thổ Nhĩ Kỳ thì thật là người ta mới thấy có một lần. Tháng 7 năm 1925, tại trường học tàu bay Ankara, người ta cũng có lựa vào ba vị nữ học sanh. Mùa hạ năm 1927, có ba người con gái nhơn thấy một chiếc thuyền vì cả sóng mà bị úp, chú lái lại dốt nghề bơi, bèn rủ nhau lội ra cứu với ; nếu không có ba người nầy thì chú lái kia đã chết mất rồi. Ở vào thời đại cấm cung đàn bà hồi xưa, thì đâu có việc bạo dạn đáng khen như vậy !

Mà được như vậy là nhờ người ta đã chăm nom đến việc thể thao cho đàn bà. Nầy, hãy xem, hội viên hội Nữ thanh niên ở Constantinople mỗi năm đến tiết mùa hạ, thường kéo nhau đến bờ biển Marmara mà tập lội. Hàng mấy trăm các cô thiếu nữ ăn ở giữa trời, ban ngày thì hụp lặn nơi bờ biển, ban đêm thì nhom nhau trong màn giăng trên bãi cát. Năm 1928, có một cuộc bơi rất nổi tiếng ; bốn người con gái Thổ Nhĩ Kỳ bơi từ bên này bờ biển Bosphore qua bên kia ; tin ấy đồn ra, làm cho nhiều người phải lấy làm kinh ngạc !

Tóm lại, hiện nay trong nữ giới Thổ Nhĩ Kỳ đã nẩy ra nhiều nhơn tài xuất sắc ; đối với xã hội, đối với quốc gia, bất kỳ việc gì họ cũng lo làm hết sức để được sự giải phóng, hầu tăng tấn sự hạnh phước cho nhân dân. Kể từ ngày ông Kemal dựng lên nước Thổ Nhĩ Kỳ mới đến nay, mới có trong vòng mấy năm, mà lấy riêng một việc phụ nữ vận động đem so sánh với hồi trước, thì nó khác nhau như là cách mấy thế kỷ ; thiệt không ai ngờ rằng tấn bộ được mau như vậy ! Nhơn đó mà thử nghĩ đến phụ nữ của họ mai sau nầy, sự vẻ vang rực rỡ, còn ai biết đến bậc nào mà lường trước được.

PHAN KHÔI

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn,
s.51 (8.5.1930); s.52 (15.5.1930)

XÓA MỘT CÁI ÁN TRONG LỊCH SỬ : THÂN OAN CHO VÕ HẬU

Võ hậu là một vị hoàng đế anh minh, một nhà chánh trị đại tài, một tay vận động nữ quyền kịch liệt, chẳng có đắc tội gì với lịch sử hết

---

Hỏi đến Võ hậu, thì phần nhiều người mình đều trả lời : "Tôi biết mà ! Võ hậu là một vị nữ vương đời nhà Đường, là một con dâm phụ nhứt thiên hạ." Phần nhiều chỉ biết có vậy thôi, thành ra mỗi khi nói đến Võ hậu, ai cũng muốn rủa muốn nguyền, ác cảm khinh bỉ lạ lắm. Đó là một chỗ thiên kiến, chỉ do ở sự đọc tiểu thuyết tầm thường mà ra, chớ không chịu nghiên cứu về lịch sử, thành ra không biết Võ hậu là một người đàn bà kỳ kiệt ở trong lịch sử loài người, có sức thông minh, có tài chánh trị, có khí anh hùng, ít ai bì kịp. Một người đàn bà tài giỏi như vậy, có lý nào nên vì mấy điều tật hư thói xấu mà bỏ hẳn đi, không nói tới nữa sao. Vẫn biết rằng những tội độc ác của Võ hậu là đáng bỉ đáng khinh, nhưng mà những tài giỏi của Võ hậu ta cũng phải khen phải biết mới được. Đó là ý kiến của tác giả bài dưới đây, mà cũng là ý kiến của bổn báo đăng bài nầy lên vậy.

P.N.T.V.

Tục An Nam ta, người đàn bà nào mà hanh hao, lang dâm trắc nết, thì thường bị người ta mắng là "đồ Võ hậu". Mặc dầu kẻ mắng đó chẳng biết Võ hậu là ai, cũng có quyền dùng cái danh từ ấy được ; vì từ xưa tới nay ai nấy đã công nhận Võ hậu là tội nhân rồi, hai chữ "Võ hậu" đã như là đại biểu cho sự dâm loạn giữa loài người rồi, khi dùng nó cũng chẳng khác dùng chữ "đồ chết vầm" hay là "đồ voi xé", không cần phải suy xét nữa.

Tôi nói, Võ hậu nếu chẳng lên ngôi hoàng đế giữa nước Tàu từ xưa, nếu chẳng cầm quyền hành trong tay ngót nửa thế kỷ, nếu chẳng làm cho bọn đàn ông cúi đầu trước mặt mình, thì đâu có mang một cái ô danh đến ngày nay ; thậm chí bêu xấu cả ở xứ An Nam, là xứ chẳng có dính líu gì hết.

Võ hậu là đàn bà ! Theo con mắt và cái óc người Tàu – mà An Nam cũng vậy, – hễ đàn ông làm vua thì họ tôn kính sợ phục, cho là danh phận đương nhiên ; còn đàn bà làm vua thì bấy giờ họ lại kiếm điều mà vu hãm cho, nói xấu cho, hầu cho vị nữ hoàng ấy thành ra một người có tội trong lịch sử, để răn kẻ đời sau.

Theo lễ chế của thánh hiền đặt ra "đàn bà không được dự việc ngoài". Các nhà vua đời xưa, cũng có nhiều nhà lập điều luật nầy mà dặn lại con cháu: "Bà mẫu hậu không được ngự ra chốn triều đình mà xử đoán việc chánh". Các người đàn ông cách mấy ngàn năm trước đã giành riêng cái quyền chánh trị về phần mình, làm cho mắt và óc người ta đã quen đi rồi ; nếu có một người đàn bà dám đứng ra mà cướp lấy quyền ấy thì tài chi thiên hạ chẳng lấy làm lạ mà muốn đánh đổ đi ?

Ấy là bởi thói quen, không đáng trách. Nhưng chỉ nên nực cười một điều, là đàn ông làm vua, dầu có phải là người ngu hèn đến đâu đi nữa, người ta cũng cứ việc cúi đầu mà lạy, nhận hai chữ quân thân là địa nghĩa thiên kinh ; còn đàn bà mà làm vua, dầu cho khôn ngoan tài giỏi đến đâu, bọn sử gia cũng cho là "gà mái gáy sớm mơi"[*] mà buông lời phỉ báng !

Võ hậu mà bị mang tiếng xấu, đến nỗi cái tên bà bị làm thành ra một danh từ sỉ nhục cho người An Nam dùng mà mắng đến ngày nay, là chỉ bởi cái lẽ nói trên kia. Chớ lấy lẽ công bình mà xét, thì thiệt chẳng thấy bà có tội tình chi ; chẳng những thế, mà còn có nhiều điều tỏ ra bà là một bậc nữ anh hùng xưa nay chưa hề có.

---

[*] *sớm mơi*: cũng như "sớm mai" (viết theo phương ngữ Nam Kỳ).

Người ta nói xấu Võ hậu là "nói cho bõ ghét", theo như lời tục An Nam ta. Chỉ vì ghét mà nói cho bõ, chớ nào có ai biết Võ hậu là người ra sao, nhân phẩm thế nào ; sử xanh còn đó, dầu cho đã bị bọn đàn ông thay đen đổi trắng đi nữa, song những sự thiệt cũng vẫn sờ sờ ; xin độc giả cùng tôi tra xét lại những điều dưới nầy hầu để thân oan cho một người đàn bà vô tội.

Lược truyện của Võ hậu

Võ hậu(*) họ Võ, người ở Hứa Châu, sanh ra trong năm thứ 5 hiệu Trinh Minh triều vua Cao Tổ nhà Đường tức là năm 622 theo Tây lịch. Hồi 13 tuổi được tuyển vào cung vua Thái Tôn. Ở trong cung 13 năm thì vừa gặp vua Thái Tôn án dá(**) ; theo lệ bấy giờ, Võ hậu vào chùa Cảm Nghiệp thế phát(***) làm bà vãi.

Trong khi Võ thị còn làm chức tài nhân, hầu hạ vua Thái Tôn(****), thì Cao Tôn đương làm Thái tử, một hôm vào cung, trông thấy Võ thị mà phải lòng. Đến lúc Võ thị ở chùa, thì Cao Tôn đã lên ngôi rồi, ngày kia ngự tới chùa hành hương, thấy tình cảnh Võ thị mà cảm thương, mủi lòng và bịn rịn. Rồi đó Võ thị để tóc lại, trở vào cung hầu vua Cao Tôn. Ít lâu chi đó, được lập lên làm hoàng hậu, bấy giờ Võ thị độ tròn trèm 30 tuổi.

Theo sử chép, sự quan hệ của Cao Tôn và Võ thị trước khi lập làm hoàng hậu chỉ có vậy đó. Nhưng cứ đó mà suy thì có lẽ hai người đã dan díu với nhau từ khi vua Thái Tôn đương còn. Về việc nầy, các nhà bàn sử đều phi nghị, cho là "phụ tử tụ bưu" (cha con lấy chung một người đàn bà), làm bại hoại luân thường, là một cái ố điểm trong lịch sử vậy.

(*) Tức là Võ Tắc Thiên.

(**) *án dá*: vua chết (theo Đào Duy Anh: sđd.)

(***) *thế phát*: cắt tóc, cạo đầu (*thế* : cạo, gọt) (theo H.T.Paulus Của : sđd.)

(****) Lưu ý: Cách gọi miếu hiệu các vua Trung Hoa và Việt Nam trên báo chí tiếng Việt trước 1945, các từ "Tôn" thực ra là "Tông", do thực hiện lệ kiêng húy của triều Nguyễn (vua Thiệu Trị tên là Nguyễn Miên Tông).

Khi Cao Tôn lên làm vua, đã có lập hoàng hậu là Vương thị rồi, sau phế đi mà lập Võ hậu. Võ hậu lập lên được 5 năm, thì Cao Tôn giao quyền chánh cho bà, bà được xử đoán mọi việc thay vì vua.

Cao Tôn ở ngôi 24 năm thì thăng hà. Bấy giờ Võ hậu lập thái tử là Trung Tôn lên nối ngôi, mà mình thì lâm triều xưng chế. Được một năm lại phế Trung Tôn đi mà lập Đệ Tôn(*), Đệ Tôn còn thơ ấu, bà lập lên cho có, chớ kỳ thiệt bà là vua rồi.

Thế mà chưa lấy làm thích, cách đó 5 năm, đến năm 690 theo Tây lịch thì bà xưng mình là hoàng đế, đổi quốc hiệu là Châu(**), dứt hẳn cơ nghiệp nhà Đường. Bấy giờ bà đã 66 tuổi.

Võ hậu ở ngôi hoàng đế được 15 năm, đến năm 705 theo Tây lịch thì thăng hà, thọ 82 tuổi. Con là Trung Tôn lại lên ngôi vua, cơ nghiệp nhà Đường được lập lại. Kể từ ngày bà lâm triều xưng chế cho đến ngày thăng hà cộng là 21 năm ; nếu kể từ ngày vua Cao Tôn giao quyền chánh cho bà cộng là 45 năm.

Trong những năm bà cầm quyền chánh trị, thiên hạ lặng yên, thần dân thiếp phục ; theo sử nói thì bấy giờ trong nước lại là lúc lắm nhơn tài, cho đến một người đàn ông rất là danh vọng trong lịch sử nước Tàu là ông Địch Nhân Kiệt, cũng chịu làm tể tướng luôn mười mấy năm trời, thủy chung cúi đầu trước mặt vị nữ hoàng ấy mà không dám manh lòng phản đối. Trừ ra có một mình Từ Kính Nghiệp, trong khi bà đổi Đường làm Châu có cử binh chống lại, song thất bại mà thôi.

Sao gọi là một vị hoàng đế anh minh

Võ hậu là người thông minh, có học thức ; nói thiệt tình, nếu bà là đàn ông, thì chắc người ta đã tôn cho là ông vua thánh. Đừng so sánh đâu xa làm chi, cứ đem mà so với vua Cao Tôn thì thấy bà

(*) Có tài liệu gọi là Duệ Tông (Lý Đán) (theo *Niên biểu lịch sử Trung Quốc*, bản dịch, Hà Nội: Nxb. Thế giới, 2001, tr.103).

(**) Châu cũng là Chu (đọc theo giọng Trung Bộ, Nam Bộ).

"đáng vì vương" hơn mười phần. Cao Tôn người đã khù khờ, lại ham chơi, hay đau yếu, mà cũng vì phục cái tài bà, chịu thua, nên mới giao quyền cho bà. Thử kể sơ một đôi việc mà nghe, đủ biết Võ hậu không kém gì các ông minh quân khác.

Hồi nhà Đường đã có lập ra cái chế độ khoa cử, kêu là "thi minh kinh", học trò thi có nhiều sự gian dối. Trong năm Võ hậu xưng đế rồi, bày ra phép "điện thí", bắt cử tử vào ứng thí trong đền vua một ngày, để kén lấy thiệt tài. Phép điện thí ấy, các nhà vua đời sau đều tuân hành mãi mãi cho đến ngày hết khoa cử.

Các vua nhà Đường trước kia có đặt ra phép "ngự sử giám quân", nghĩa là sai một viên ngự sử ở triều ra giám đốc một đạo quân nào để chia quyền của ông tướng đạo quân ấy. Võ hậu bạo gan dám phế trừ cái chế độ ấy đi. Khi bà sai Vi Đãi Giá đi đánh Thổ Phồn, có kẻ xin phái ngự sử theo, bà phán rằng : "Các đấng minh quân đời xưa khi sai một ông tướng đi đánh giặc, là đem hết việc chốn biên cương mà phó trong tay người. Từ bày ra phép ngự sử giám quân, thì mỗi một việc gì ông tướng cũng phải trình báo với ngự sử. Quan lớn mà lại phải đi chiều quan nhỏ, đã là trái lẽ rồi ; huống chi không có trọn quyền thì làm việc sao cho thành ?" Lấy cớ đó mà bỏ phép giám quân đi, cái kiến thức như vậy ông vua tầm thường sao có bì kịp !

Từ xưa vẫn dùng võ tướng coi việc binh, khi bọn nầy có binh quyền lớn trong tay, thường hay ỷ mình mà chống lại với triều đình. Võ hậu bắt đầu dùng văn thần coi việc binh ; như Địch Nhân Kiệt, Lâu Sư Đức đều là tướng văn mà kiêm chức tướng võ, cho nên cả đời bà khỏi cái hoạ võ tướng chuyên quyền.

Võ hậu có độ lượng rộng rãi, biết người và khéo dùng, vì vậy mà những bậc hiền tài đều phục tình, chịu ở dưới tay. Như Địch Nhân Kiệt gặp việc gì cũng hay nói thẳng mà can gián, thì bà nghe theo và tỏ lòng tin cậy. Lâu Sư Đức là người siêng năng cẩn thận, thì bà kính trọng và dùng cho làm tướng. Ngụy Nguyên Trung vì

ngay thật mắc tội, thì bà minh tuyết cho trong lúc hầu đem đi hành hình. Ấy là kể sơ mấy điều đại khái.

Có nhiều ông vua có tiếng là khá, song khi đã sa mê điều gì thì chìm đắm vào đó, bao giờ chết mới thôi. Võ hậu không hề như vậy. Bà ưa tường thụy lắm nên có kẻ tạo ra đồ giả dâng lên để được thưởng. Một lần, có người dâng con rùa, dưới bụng có chữ "Thiên tử vạn niên". Lý Chiêu Đức là một ông quan tại triều, muốn làm cho lòi sự giả ra, lấy dao cạo tróc bốn chữ ấy ; bà liền ban khen và từ đó tin dùng Lý hơn trước. Tên Tăng Hoài Nghĩa tức như đứa "dĩ đực" của bà, bà yêu nó lắm, nó bèn lên mặt, gặp quan tể tướng Tô Lương Tự mà làm phách không thèm chào. Tô Lương Tự nổi giận, sai người vả mặt nó. Nó lọt tọt vào mét với Võ hậu. Phải như Trụ vương với nàng Đát Kỷ mà gặp sự như vậy, thì dễ chịu lắm hay sao ? Nhưng bà thì bà phán cùngTăng Hoài Nghĩa rằng : "Nhà ngươi có ra vào thì do cửa phía Bắc, chớ còn Nam nha là chỗ quan Tể tướng làm việc, ai biểu ngươi léo quéo lại đó làm chi ?" Đến nỗi như Trương Xương Tôn là kẻ bế thần bà yêu và cưng như trứng mỏng, thế mà có dính hiềm nghi về chánh trị một chút, là bà sai bắt đem hạ ngục liền.

Bà lại hay yêu kẻ có tài, biết trọng nhà văn học Lạc Tân Vương là một tay tài tử thời bấy giờ, lúc Từ Kính Nghiệp khởi binh, Lạc làm bài hịch, kể tội bà không sót một điều và cổ động một cách rất thống thiết. Bài hịch ấy đến nay vẫn còn truyền lại trong sử sách. Khi bà dẹp yên giặc Từ Kính Nghiệp rồi, đọc đến bài hịch, lấy làm cảm động và hỏi ai làm ra. Người ta thưa rằng Lạc Tân Vương. Bà liền than thở mà rằng : "Con người có tài như thế nầy, mà khiến cho lưu lạc không gặp thời, ấy thật là cái lỗi của tể tướng" - rồi tha cho, không bắt tội.

Sao gọi là nhà chánh trị đại tài ?

Theo như cái quan niệm nhà Nho ta xưa nay, thì chánh trị với đạo đức có một, tức như Khổng Tử nói "Vi chánh dĩ đức" trong

Luận ngữ. Song theo cái quan niệm đời nay thì chánh trị và đạo đức là hai đường, không đem đạo đức mà bó buộc nhà chánh trị được ; cho nên hễ là nhà chánh trị thì thường là xỏ xiên, láu lỉnh, độc ác, lên tay xuống ngón ở ngoài vòng đạo đức.

Đây tôi phân biệt hai cái quan niệm ấy, tôi không có ý phê bình cái nào dở, cái nào hay. Tôi chỉ nói trước cho độc giả biết rằng trong khi tôi nói Võ hậu là nhà chánh trị đại tài, là nói theo cái quan niệm đời nay, dẹp đạo đức lại một bên.

Cái chánh sách của Võ hậu tức là cái chánh sách độc tài (dictature) của những nhà chánh trị ghê gớm đời bấy giờ, mà còn thủ đoạn thì là thủ đoạn "trị thẳng tay". Bà có một dật sự hay lắm để làm chứng câu ấy.

Hồi còn làm tài nhân đời vua Thái Tôn, bà mới chừng dưới hai mươi tuổi. Bấy giờ vua có một con ngựa kêu bằng "thần tuấn" to, mạnh, hay, mà có chứng lung, không ai trị nổi. Võ hậu khi ấy dầu đẹp và trẻ, nhưng còn lút[*] trong đám ba ngàn cung nữ, nào ai biết tới, vậy mà dám đánh bạo chường mặt ra tâu cùng vua rằng: "Thần thiếp dám cam đoan trị được con ngựa ấy, chỉ xin thánh thượng ban cho ba vật : một là cái roi sắt, hai là cái tầm sắt, ba là một thanh gươm. Ban đầu sẽ dùng roi sắt mà trị nó ; nó không phục thì dùng đến tầm sắt ; bằng nó không phục nữa thì chỉ có lấy gươm mà cắt họng nó đi cho rồi." Vua Thái Tôn nghe nói phải, cười mà khen rằng: "Úy cha chả là cô bé có khí phách !"

Thái Tôn là ông vua có hùng tài đại lược, nên Võ hậu không có thể thò được ngón gì ra. Đến khi bà đã tròng với Cao Tôn và liệu đã ăn sấp được vua rồi, thì toàn đem cái thủ đoạn trị con ngựa thần tuấn ấy mà đối phó với hoàn cảnh trong chánh giới.

Vua Cao Tôn nguyên có hai bà vợ yêu quý, là Tiêu Thục phi và Vương hậu. Hồi đầu Võ hậu mới để tóc vào cung, thì khéo làm

[*] bản gốc là "lúc", có lẽ là "lút" ghi theo phương ngữ Nam Kỳ, ở đây sửa là "lút".

cho Vương hậu trọng đãi mình và cùng nhau đánh đổ Thục phi. Sau khi Thục phi đổ rồi, người kình địch với bà chỉ còn có Vương hậu. Khi ấy, bà bèn lập thế truất bỏ những người làm vây cánh cho Vương hậu ở chốn triều đình, đoạn mới làm cho Vương hậu bị mà mình được lên chánh vị trung cung. Chỗ nầy tôi không tỏ ý khen hay chê ; tôi chỉ nhìn thấy rằng cái ngón xỏ xiên, cái lòng nham hiểm, cái cánh tay lanh lợi của bà đó, thật chẳng kém gì nhà chánh trị nghề, nhà ngoại giao xảo đời nay vậy.

Muốn tóm cả cái quyền chánh trị vào tay thì tất trước phải ngồi trên cái địa vị cao sang và trọng yếu. Bấy giờ bà đã đạt được cái mục đích ấy rồi, nhưng còn đối với thần dân thì sợ nỗi người ta không phục. Bà khôn quá, cứ lấy danh nghĩa "đức vua chồng" là vua Cao Tôn như pho tượng gỗ kia mà làm cho thiên hạ lần lần phải phục mình. Sau khi vua giao quyền chánh cho 14 năm, thì có chiếu chỉ ra bắt thần dân phải xưng vua là "Thiên hoàng" xưng bà là "Thiên hậu", còn khi nào kêu chung thì kêu bằng "Nhị thánh". Lại sau đó 5 năm nữa, gặp ngày lễ nguyên đán, một mình bà đứng nhận lễ triều hạ của bá quan. Mỗi ngày một chút, làm cho con mắt thần dân quen đi, nhìn bà tức là hoàng đế nhà Đường mà không tự biết, cái chước ấy mới lại là thần diệu nữa. Các đế quốc đời nay đi chinh phục nước người, dời cái chánh quyền ở tay nầy qua tay khác mà không làm ngay một lần, vẫn theo cái kiểu "từng bước một" của bà Võ hậu đó.

Lúc còn vua Cao Tôn, bà muốn làm gì thì cứ lấy lưng vua mà làm, tức là cái thời kỳ còn dùng roi sắt. Đến lúc Cao Tôn băng rồi, bà lên xưng chế, kế đó lại chánh ngôi Thiên tử nữa, thời kỳ nầy đâu đặng chẳng dùng tầm sắt và gươm? Từ đây bà mới thiệt hành cái chánh sách trị thẳng tay, hễ ai thuận ta thì còn, nghịch ta thì chết.

Liền trong năm phế vua Trung Tôn, tức là năm 684 theo Tây lịch, Võ hậu lập ra phép "cáo mật" nghĩa là cho nhân dân bất kỳ ai,

được phép đem việc bí mật của kẻ khác mà cáo với quan. Phép nầy thi hành nghiêm nhặt lắm, có lẽ còn hơn cái chế độ mật thám ngày nay nữa. Thử kể lấy một vài chuyện trong sử đã chép.

Một bọn lính đương uống rượu trong quán. Có một tên lính nói rằng : "Phải chi bọn mình biết trước nỗi nầy thì thà phò Lư Lăng vương (Trung Tôn) cho trọn còn hơn !" Không ngờ trong bọn có một người đứng dậy đi cáo rồi. Tiệc rượu còn chưa dẹp thì lính Võ hậu đã tới bắt hết thảy mà hạ ngục. Không bao lâu, kẻ nói phò Lư Lăng đó bị tội trảm và những kẻ kia tội giảo, còn người cáo mật thì được phong làm quan.

Hầu Tư Chỉ là một đứa vô lại, đã tố giác ra chuyện Bùi Trinh cùng Nguyên Danh mưu phản. Chẳng biết có thiệt trạng không, song hai người nầy đều bị tội. Còn Tư Chỉ thì xin làm ngự sử. Võ hậu nói rằng : "Nhưng mầy không biết chữ thì sao ?" Tư Chỉ nói rằng : "Con chó mấy biết chữ, hễ cứ thấy kẻ trộm thì cắn là được". Võ hậu liền cười mà cho làm ngự sử để thưởng công cho nó.

Bấy giờ lại còn đặt ra nhiều những hình nghiêm phép nhặt để trừng trị những kẻ phản đối. Võ hậu đã giết mất bao nhiêu tôn thất nhà Đường, chẳng hề gớm tay. Bởi vậy ai nấy đều khiếp phục sát rạt hết thảy, ...

Duy có một điều kẻ đọc sử chẳng nên bỏ qua, là sau khi thiên hạ khiếp phục rồi những hình pháp ấy lần lần bãi bỏ hết ; và những kẻ thừa hành một cách quá tàn nhẫn, tức kêu là "khốc lại" bấy giờ, như bọn Châu Hưng, Lai Tuấn Thần, rốt lại cũng bị tru lục chẳng tha.

Sao gọi là một tay vận động nữ quyền kịch liệt ?

Có lẽ Võ hậu cầy cục bấy nhiêu năm, làm những việc nhẫn tâm bại lý cho được lên ngôi hoàng đế, cầm quyền chánh trong tay, là cốt để nâng cái quyền đàn bà lên và trả thù lại bọn đàn ông mấy

mươi đời nay chăng. Chưa chắc. Nhưng cứ theo sử chép thì có nhiều việc làm chứng rằng Võ hậu là một người vận động nữ quyền.

Hồi vua Cao Tôn mới giao quyền cho bà, bà có về thăm Tịnh Châu là quê hương mình một lần. Bấy giờ bà đãi các người vợ quan (mạng phụ) một tiệc yến rất lớn ; còn bao nhiêu đàn bà 80 tuổi trở lên đều phong cho chức Quận quân.

Triều vua Cao Tôn, Lân Đức thứ hai (665), bà xúi vua cử hành lễ phong thiện[1]. Trong khi tế Hoàng Địa Kỳ (Thần Đất) tại núi Xã Thủ, bà đứng dâng tuần rượu thứ nhì, còn một bà quý tộc nữa kêu là Việt quốc đại phi đứng dâng tuần rượu thứ ba. Cái quyền chủ tế xưa nay về đàn ông cả, bây giờ người ta mới thấy đàn bà đứng lần thứ nhứt. Sở dĩ có sự nầy là tại bà đã cãi lẽ với vua cứng cát lắm, bà nói rằng : "Trong khi tế Trời, hoàng đế đứng chủ tế, công khanh hầu việc, phải rồi ; chớ còn tế Đất, thuộc về âm, mà cũng dùng đàn ông, coi kỳ quá ; vậy xin để hoàng hậu hành lễ, các mạng phụ thì chấp sự". Vua cho phải, bèn làm theo lời bà.

Sau đó 16 năm, trước khi Cao Tôn băng hai năm, bà mở cuộc đại yến, đãi bách quan cùng mạng phụ tại đền Lân Đức. Đọc suốt một bộ *Thông giám cương mục*, tức sử Tàu của Chu Hy làm ra, chép những cuộc đại yến của nhà vua có 16 lần, mà chỉ lần nầy có đàn bà dự tiệc. Ấy là theo lời một nhà khảo cứu kia đã nói.

Mấy điều trên đó tỏ ra rằng Võ hậu có ý nhắc cái địa vị đàn bà lên một bậc để cho họ mở mày mở mặt giữa loài người, kẻo xưa nay bị đàn ông giày vò luôn, mất cả tư cách.

Bà lại còn lợi dụng cái tâm lý hay kính quỷ thần của dân Tàu, mà làm cho người ta sanh cái lòng tôn trọng đàn bà. Sách Tàu có truyện rằng xưa kia bà Tây Lăng nguyên phi là vợ vua Hoàng Đế đã bày ra nghề tằm tơ. Trong năm Hiển Khánh nguyên niên (656)

---

[1] Phong thiện cũng giống lễ tế giao, tế Trời Đất và các Thần, nhưng tế trên các núi cao (nguyên chú của PK).

và Thượng Nguyên nhị niên (675), cũng về triều Cao Tôn, bà cử hành đại lễ tế Tây Lăng nguyên phi hai lần, kêu là lễ "tự tiên tàm". Làm vậy cũng như nhắc cho thần dân nhìn cái áo lụa mình mặc mà nhớ rằng cái nầy là của một người đàn bà phát minh ra, tự nhiên phải nẩy lòng cảm ơn và sùng bái vậy.

Bà lại có nhóm những nhà văn học như bọn Lư Tư Mậu, Phạm Lý Băng mà soạn ra sách *Liệt nữ truyện* 20 cuốn, và sách *Cổ kim nội phạm* một trăm cuốn, in phát cho thiên hạ, để chúng biết rằng xưa nay trong hàng phụ nữ cũng vô số người có tài có đức, chẳng kém gì đàn ông đâu.

Đến như việc sắp kể dưới đây thì thật là Võ hậu định ý phá cái gia đình thuộc về quyền cha và nâng người vợ lên cho được bình đẳng với người chồng.

Theo lễ đời xưa, cha còn thì để tang cho mẹ có một năm. Vả, cha mẹ sanh thành, công ơn như một, mà làm như vậy thì khác nào thừa nhận rằng công ơn của mẹ kém cha. Cái lẽ ấy chẳng qua là vì sự áp chế đàn bà mà đặt ra đó thôi. Võ hậu phản đối riết điều ấy. Nhằm năm bà được xưng là Thiên hậu (674), bà xin vua Cao Tôn hạ lịnh bỏ cái cổ lễ ấy mà định lại là cũng để tang ba năm, chỉ khác một chút áo lên gấu. Cái tang lễ Võ hậu sửa lại đây hạp với tâm lý của mọi người làm con lắm, nên từ đó đến giờ, hơn một ngàn hai trăm năm, người ta vẫn tuân theo, cả người Nam mình cũng vậy.

Trong khi ban ra cái lịnh nầy, vua Cao Tôn trầm trồ khen cái ý kiến của bà là rất hay rất phải ; sau lúc thi hành, ai nấy đều phục tình, không có một lời nào dị nghị. Tôi nhắc thêm câu ấy để cho biết rằng những lễ chế của ông thánh đời xưa đặt ra, chẳng phải là đúng hết thảy đâu, thiệt có nhiều điều bức lòng người ta quá. Võ hậu hiểu thấu đến chỗ đó nên cải cách phăng đi, mà mọi người đều lấy làm hả dạ.

Đại khái Võ hậu đã làm được những điều như vậy. So với cuộc vận động nữ quyền ở các nước ngày nay, thiệt không thấm vào đâu ; nhưng đương hồi đó, lấy tài lực một người đàn bà mà làm được đến thế cũng là đáng phục. Tiếc thay sau cái đời bà chẳng còn cô nào noi đấu, cho nên cái địa vị phụ nữ chẳng được tăng cao lên thì chớ, lại còn mỗi ngày mỗi thêm trụy lạc !

Lời biện hộ

Những chuyện kể trên nầy là do ở các sách chánh sử, như *Cựu Đường thơ, Tân Đường thơ, Thông giám cương mục* mà lặt ra, chớ chẳng phải tìm kiếm ở cái nguồn nào lạ mà hòng e rằng không thể tin được. Mà coi đó thì chẳng thấy Võ hậu có chỗ nào đáng cho người đời sau nhục mạ hết.

Những nhà bàn sử đại khái lấy hai điều mà rủa mắng bà : một là tàn ác ; hai là dâm uế.

Hai sự nầy cũng có chép cả trong chánh sử, và trên kia tôi cũng đã thuật qua rồi. Song le, nếu lấy lẽ công bình ra mà nói, thì hai sự đó cũng chẳng đáng trách quá, vì có những cớ khác mạnh hơn để chống lại.

Đại phàm sau cuộc cách mạng thì thế nào cũng phải có sự chém giết lung. Cái đó như là một cái công lệ của lịch sử xưa nay, không thế nào tránh khỏi được. Vì nếu chẳng có cái thủ đoạn tàn nhẫn ấy thì khó mà làm cho trong nước được hòa bình an ổn. Như hồi Cao Tổ nhà Hán tru Tần diệt Hạng rồi, còn giết hết bao nhiêu công thần, lại giữa cuộc cách mạng nước Pháp cũng thấy chém người như chém chuối, đến nỗi người ta phải đặt tên riêng cho thời đợi bấy giờ là Khủng bố thời đợi (La Terreur, 1793-1794). Đàn ông tranh với đàn ông là cuộc cách mạng thường, mà còn phải đang tay giết người như vậy ; huống chi cuộc cách mạng của Võ hậu, đàn bà tranh với đàn ông, là cuộc cách mạng đặc biệt, mà biểu tử bi hỉ xả rồi thành công được sao ? cho nên sự tàn ác của Võ hậu

là một sự bất đắc dĩ, cũng như trong các cuộc cách mạng khác, không dạn tay, không thể được.

Nói đến sự dâm uế thì là chuyện kín trong buồng người ta, nhà bàn sử – mà cho ai cũng vậy – chẳng đáng đặt miệng vào. Tôi đã đọc qua sách *Tử bất ngữ* của Viên Mai, trong có một bài kêu là "*Khổng hạc giám bí ký*" toàn nói chuyện dâm ô của Võ hậu. Những chuyện như vậy ai biết mà chép lại ? thật là đáng ngờ. Song nếu thiệt chăng nữa, thì cũng chỉ là chuyện riêng của đàn bà, người quân tử nếu biết tự trọng thì đừng nói tới.

Còn cứ theo chánh sử, thì thấy có chép những lời đại khái như vầy:

"Trương Xương Tôn và Trương Dịch Chi, là hai chàng thiếu niên đẹp trai. Bà Thái Bình công chúa đưa cho vào trong cung, thì đều được gần gụi Thái hậu. Hai người thường dồi phấn, mặc đồ gấm vóc, được ban cho không xiết kể".

"Thái hậu bắt Xương Tôn mặc áo lông, thổi ống sáo, cỡi con hạc gỗ dạo trong sân. Các văn sĩ đều làm thơ mà khen ngợi. Thái hậu lại chọn nhiều con trai trẻ và đẹp cho vào cung phụng chốn nội đình".

Trước kia đã nói, vì con mắt và cái óc người ta đã quen đi, rồi thấy những chuyện như vầy cho là trái lẽ, chớ kỳ thiệt cũng là chuyện thường. Các ông vua nhốt trong cung đến những mấy ngàn đàn bà, hoang dâm vô độ, ấy là cái quyền của các ổng. Vậy thì bà vua Võ hậu chọn cung nhân bằng đàn ông để mua vui trong lúc "vạn cơ chi hạ", cũng là cái quyền của bả. Như nói Võ hậu làm như vậy là thương luân bại lý, thì các ông vua làm như kia cũng như thương luân bại lý. Không trách thì thôi ; đã trách thì nên trách hết thảy.

Hoặc giả ấy là một cuộc báo thù cũng nên. Bắt đàn ông dồi phấn, bắt mặc áo lông, cỡi hạc, đem cái anh tu mi nam tử ra làm trò

đùa như vậy, há chẳng phải là Võ hậu định làm để trả cái thù bọn đàn ông bao lâu nay đã tồi tàn phụ nữ.

Thế là từ nay Võ hậu đã được tuyên cáo trắng án, ta chờ còn đem cái danh từ sỉ nhục ấy mà dùng.

Tôi viết bài nầy, cái ý thân oan cho một người đàn bà còn là ý thứ hai ; mà cái ý cốt của tôi là muốn cho chúng ta phê bình một người nào, phải xét rõ lịch sử, hoàn cảnh, tâm sự của người ấy rồi sẽ phê bình, chớ đừng có đụng đâu nói đó.

PHAN KHÔI

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn,
s.53 (22.5.1930); s.55 (5.6.1930)

TRẢ LỜI CHO MẤY VỊ ĐỘC GIẢ HỎI VỀ BÀI *THÂN OAN CHO VÕ HẬU*

Cái nầy, "sử giặc ông địa" ra là tự tôi, bà Võ hậu có bị người ta chưởi thì mặc bả, tôi lại lá lay can thiệp vào làm chi cho thêm chuyện. Nhưng mà đã đốn ra thì phải vác ; tôi không vác, tôi bỏ vạ cho ai ?

Sau khi bài ấy ra, có hai bà, một ở Hà Nội, một ở Vĩnh Long, viết thơ chất vấn. Lại một ông, tên là Nguyễn Hoàng Cảnh, bài chất vấn của ông đăng trong số 58 của *Phụ nữ tân văn*. Chúng tôi đã nói đăng bài ông nầy vì lời lẽ dễ nghe hơn ; còn hai bài kia xin miễn đăng, vì chẳng có chi lạ hơn bài của ông Cảnh.

Tôi lấy làm phục độc giả của *Phụ nữ tân văn* hết sức ! Mỗi khi thấy có gì lạ trong tập báo, ấy là liền viết thơ hỏi cho đến nơi đến chốn, không chịu bỏ qua. Vì vậy nên có đôi người Pháp khen dân Việt Nam là dân ham học, phải lắm.

Duy một điều tôi lấy làm lạ, là cái ông đàn ông kia thấy có người binh cho đàn bà thì bất phục mà hỏi gạn là phải, chớ còn hai bà đàn bà nọ, trong khi kẻ đồng loại[1] với mình được có người binh cho, lẽ thì chịu lắm mới phải, sao lại cũng tỏ ra ý bất phục mà đành mất mỗi bà năm xu tem?

---

[1] Nếu muốn nói cho thiệt đúng thì chữ "đồng loại" nầy phải nói là "đồng tánh" 同姓 – theo tiếng Pháp là "*même sexe*"[*] (nguyên chú của PK).

[*] nay dùng thuật ngữ: *đồng giới*.

Ấy cho biết cái thói trọng nam khinh nữ đã ăn sâu vào trong máu thịt xương tủy người mình, dầu cho chính người đàn bà cũng nhìn nhận sự ấy là thiên kinh địa nghĩa mà không dám trái ; cho nên thấy nói khác đi một chút là trong lòng đã bất an rồi, phải hỏi cho cùng lẽ rồi lòng mới an.

Như vậy, tôi viết bài trả lời nầy là nên lắm. Hôm trước bài *Thân oan cho Võ hậu* là để minh tuyết cho người thiên cổ ; hôm nay bài này, là để biện hoặc cho phụ nữ đương thời ; cái ngòi bút của tôi chẳng phải đã làm những việc vô ích vậy.

*

Văn tôi nhứt là những bài phải phê bình, khảo cứu, nếu ai đã nhận cái ý hướng[1] của tôi rồi, thì trong khi đọc, chẳng có điều gì đáng hồ nghi cả. Duy có, tôi theo một ý hướng mà viết ra, người đọc lại lấy một ý hướng khác mà đọc, thành ra mới có sự nghi ngờ, không hiểu nhau đó mà thôi.

Thấy nói có người cho tôi là *hay nói bướng*. Thà là phê bình tôi như vậy mà tôi không trách, vì tôi biết rằng người ấy chẳng hiểu tôi chút nào, thôi, có trách làm chi ! Nhưng lại nói thấy có người cho tôi là *hay lập dị* (nghĩa là làm cho mình ra lạ, khác với người ta), người nầy thì tôi xin trách. Tôi trách rằng chỉ nên nghe lời tôi mà đoán cho là *phải* cùng *chẳng phải*, chớ còn sự *lạ* với *thường*, chẳng nên kể đến. Dầu cho những lời của tôi là lạ, khác với người ta, song nếu nó là phải, thì tôi há chẳng đáng nói sao? người ta há chẳng đáng nghe điều phải ấy sao? Cho nên, chỉ có *phải* cùng *chẳng phải* là thành ra vấn đề ; còn *lạ* với *không lạ*, cái đó chẳng thành ra vấn đề vậy. Lấy cái bất thành vấn đề mà phê bình tôi, tôi đâu có phục ? Tôi trách là đáng.

---

[1] Chữ "ý hướng" nầy tôi dùng như chữ khuynh hướng người ta thường dùng, theo tiếng Pháp là *tendance*. Nó là một danh từ cũ. (nguyên chú của PK).

Đó là nhơn tiện nói vào mấy câu, chớ chỗ nầy cốt để nói về cái ý hướng của tôi trong khi viết văn. Trong khi tôi viết những bài như bài nói về Võ hậu đó, tôi dùng tinh một lời khách quan, chớ không xen vào chút chủ quan nào hết. Nếu độc giả lấy chủ quan mà đọc của tôi, cái ý hướng hai bên trái nhau rồi, thì tài gì chẳng sanh ra mối hồ nghi?

Khách quan và chủ quan là nghĩa như vầy : Nếu khi ông coi và đánh giá một con ngựa, mà ông cứ theo những xoáy nó, sắc nó, bề cao nó, chưn nó, móng nó mà ông coi, rồi ông đoán nó tốt hay xấu, giá nó đáng bao nhiêu : ấy là dùng khách quan đó. Nếu trong khi ấy, ông lại xen vào cái ý lợi dụng của ông về con ngựa ấy ; ông lại nghĩ cái trạc ông thì thấp bé, còn nó thì cao lớn, không được việc cho ông, rồi ông nói nó là xấu, không đáng bao nhiêu tiền : ấy là ông đã dùng chủ quan. Chủ quan chẳng phải là không nên dùng, song tùy từng việc : trong khi ông mua con ngựa để ông cỡi, thì ông dùng chủ quan được ; nhưng khi tôi nhờ ông coi một con ngựa chơi, mà ông cũng dùng cách ấy thì ông lầm.

Khi tôi viết bài *Thân oan cho Võ hậu*, tôi đứng luôn luôn về địa vị khách quan. Nói thì vô phép, chớ hồi bấy giờ tôi coi tôi như là ở chỗ rất cao mà ngó xuống, tôi chỉ thấy loài người mà thôi, chớ tôi chẳng phân biệt đàn ông với đàn bà. Lần lần tôi ngó kỹ, tôi thấy đàn ông có làm vua, tôi mới hỏi : sao đàn bà lại không được làm vua ? Tôi thấy "vua đực" có nhiều cung phi mỹ nữ, tôi mới hỏi : sao "vua cái" lại không được có nhiều cung phi mỹ nam ? Hồi đó trong óc tôi không có cái vết của những chữ "nam tôn nữ ty", không có cái vang của những câu "Tẩn kê tư thần", không có cái lằn của những lời tục ngữ như là "Thập nữ viết vô" ; "phụ nhân nan hóa". Hồi đó tôi coi lịch sử là một cái tài sản chung của loài người, đàn ông không được chiếm làm của riêng mình. Biết bao đàn ông xưa nay đã làm lấm đi biết bao trương lịch sử ; thứ người

đàn bà nầy mới làm lấm có một trương mà kể số vào đâu, cho nên tôi nói rằng không đắc tội. Hồi đó tôi cũng coi luôn cái ngôi vua Trung Quốc đời bấy giờ như một khoảng ruộng hoang ở miệt Cà Mau, Rạch Giá, ai muốn chiếm thì chiếm, ai có sức thì chiếm, người nầy chiếm rồi mà người kia đến đoạt đi cũng mặc kệ họ, chẳng can gì đến tôi. Hồi đó tôi cũng cho sự giết người ở trong lịch sử là thường, Võ hậu đã giết con cháu nhà Đường, thì cũng như nhà Đường giết con cháu kẻ khác. Nói tóm lại, họ làm chi đó họ làm, trối thây họ với nhau, tôi chỉ đứng ngoài tôi coi tôi chơi mà thôi. Mà nói cho đến cùng, hồi đó, tôi cũng quên đứt đi tôi là đàn ông hay đàn bà nữa, tôi chỉ biết tôi là một người trong loài người vậy.

Theo cái ý hướng tôi như vậy đó, mà tôi lại thấy một người đàn bà như Võ hậu, dưới con mắt tôi, chẳng có gì đáng mang tiếng hết mà mang tiếng thì tôi cho là sự bất bình giữa loài người, tôi phải ra tay bình vực, ấy là một việc tôi đã làm theo lương tâm tôi.

Đó, tôi đã giãi bày ra rõ ràng như vậy, bây giờ chỉ rút lại trong một câu mà thôi.

Tôi hỏi : Cái ý hướng của tôi đó, là *phải*, hay là *không phải*? Các bà ! Các ông !

Nếu là phải, thì cái bài của tôi đứng được. Nhược bằng là không phải, thì cả bài sẽ đổ đi. Đứng hay đổ, là do cái ý hướng nó quan hệ đến trọn cả bài, chớ còn hỏi từng lời từng câu, thì thành ra vụn vặt, trả lời mà trả lời vụn vặt như vậy, tôi cho là vô ích.

Tuy vậy, trong bài của ông Nguyễn Hoàng Cảnh hỏi tôi có mấy chỗ sai lầm, tôi xin chỉ ra.

1) Nguyên văn của tôi : "Võ hậu là người thông minh có học thức ; nói thiệt tình, nếu bà là đàn ông, thì chắc người ta đã tôn cho là *ông vua thánh*". Vậy mà trong bài ông, ông bỏ bớt chữ "vua" đi, chỉ nói là *ông thánh* rồi đem hỏi vặn tôi !

"Ông vua thánh" với "ông thánh" khác xa nhau. Ông vua thì ông nào chẳng là thánh ? Mặc dầu ác như Kiệt, Trụ, vậy mà tôi con của các ổng cũng giữ cái đạo làm thần tử mà tôn cho là bậc thánh minh. Chữ "ông vua thánh" của tôi có nghĩa như vậy, nếu ông rút bớt đi mà nói là "ông thánh" thì thành ra nghĩa khác, rồi ông trách tôi thế nào mà chẳng được !

2) Thiệt ông Cảnh coi văn của người ta chẳng tới đầu tới đuôi chi hết. Nếu cả bài của ông mà cũng lù mù như chỗ nầy thì rõ thật làm mất công tôi trả lời. Ông nói : "Soán đoạt chức vị của người, sao mà khen ?" Rồi ông lại hỏi ngặt tôi rằng : "Giả sử như có kẻ kia dùng thủ đoạn tàn ác mà trở nên cự phú, tiên sanh cũng khen sao ?"

Ông Cảnh ơi ! Giữa đồng còn có cây cỏ làm chứng, huống chi bài của tôi còn sờ sờ đó, sao ông nói vậy ông Cảnh ? Tôi có hề khen sự soán đoạt của Võ hậu đâu ông ? Vào chính chỗ Võ hậu lập mưu cướp ngôi đó, tôi đã đón ngay một câu rằng : "Chỗ nầy tôi không tỏ ý khen hay chê." Ông không thấy hay sao?

Không chê, thì có ; chớ khen, thì tôi chưa hề. Vì tôi coi tôi chơi, ăn thua gì mà khen chê cho rộn đám.

3) Cái đoạn chót trong bài ông thiệt là có ý thiên tư quá. Ở đời nầy mà ông muốn ôm cái quyền lấy một mình như vậy không được. Nầy, nói : Hiện nay Chánh phủ nào cũng có nới quyền cho dân, như vậy, đàn ông cũng phải nới quyền cho đàn bà. Đàn ông mà cứ chuyên chế mãi, đó rồi đàn bà họ nổi cách mạng nghịch cùng đàn ông cho mà coi. Ông nói : "Phần nhiều đàn ông nước ta vẫn còn tánh hủ lậu, giữ câu trai năm thê bảy thiếp, gái chính chuyên một chồng. Nếu phụ nữ mà thiệt hành cái ý tưởng của tiên sanh, thì e không khỏi gia đình tan nát". – Ủa hay ! Sao ông không biểu đàn ông bỏ cái tánh hủ lậu ấy đi, mà lại chỉ muốn nhốt một mình đàn bà vào trong rọ ? Tôi cũng là đàn ông đây, song le cái đó tôi không chịu.

Tôi nói : Hễ đàn ông đã muốn cho đàn bà giữ trinh tiết đối với mình, thì mình trước phải giữ trinh tiết đối với vợ. Mong cho gia đình sum hợp, thuận vợ thuận chồng thì phải làm như vậy. Còn nếu giữ câu năm thê bảy thiếp, may mà gặp người đàn bà chính chuyên là phước, rủi gặp bà đòi ăn nem để cự lại ông ăn chả, thì cái đó là lỗi tại mình, sao không trách mình lại trách ai ? Gia đình tan nát thì chịu lấy, chẳng ai thương hại. Mà cái gia đình của con người ấy thì cũng nên để nó tan nát đi cho rảnh !

*

Cả bài ông Nguyễn Hoàng Cảnh, ông chỉ dạy tôi được có một chỗ. Nguyên văn của tôi như vầy: "Các đế quốc đời nay đi chinh phục nước người, dời cái chánh quyền ở tay nầy qua tay khác, mà không làm ngay một lần, vẫn theo cái kiểu từng bước một của Võ hậu đó". Ông hỏi tôi rằng: "Vì sao mà gọi rằng *theo cách kiểu* ? Lấy chi mà chắc rằng các đế quốc *noi theo* Võ hậu ?"

Chỗ đó tôi phải cúi mặt xuống mà nhận là cái lỗi của tôi, tôi đã dùng chữ "theo" hơi sống sượng. Tôi xin cảm ơn ông chỉ cho mà cải chánh lại như vầy : "*tức là* cái kiểu từng bước một của Võ hậu đó", thì thôi, khỏi có sự ngang ngạnh chi nữa.

Ông Cảnh chưa biết tôi, nên rốt bài có nói với tôi rằng "chớ nệ con nít". Sự đó ông khỏi dặn. Thanh niên là vị thần của tôi thờ. Nếu ông là con nít, thì tôi còn muốn tôi là con nít hơn ông nữa.

PHAN KHÔI

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn, s.60 (10.7.1930)

TẠI LÀM SAO CHÚNG TA KHÔNG NÊN BỎ CHỮ QUỐC NGỮ VÀ PHẢI VIẾT CHO ĐÚNG ?

Bàn cùng ông Hồ Duy Kiên

Chắc độc giả Trung lập ai nấy cũng còn nhớ bài bàn về quốc văn của ông Hồ Duy Kiên mà ngày nọ đã in lên trên mấy cột báo nầy.

Khác hơn ai hết thảy, ông Hồ xướng cái thuyết "nên dẹp chữ quốc ngữ lại, ngõ lấy chữ Pháp làm quốc văn Việt Nam."

Mạnh bạo thiệt !... Bởi thấy ông Hồ Duy Kiên có cái tư tưởng mạnh bạo như thế, nên bổn báo đã đăng nguyên bài luận của ông ra, để cho độc giả được thấy rõ cách ông phô diễn và bình vực cho cái lý thuyết của ông ra làm sao.

Nhưng trong khi đăng bài ông Hồ, bổn báo đã có tuyên ngôn rằng : "Xin độc giả chớ ngộ nhận rằng đăng bài nầy tức là biểu đồng tình với tác giả".

Đồng tình làm sao được ? Trung lập *chính là tờ báo đã hết sức cổ xuý và bình vực cho vấn đề thống nhứt và chấn chỉnh quốc văn kia mà !*

Song bổn báo chưa kịp bác cái thuyết yếu ớt của ông Hồ, thì đã tiếp được bài phản đối của ông Nguyễn Văn Mạnh ấn hành trong số báo Trung lập *bữa qua ; và nay lại thấy báo* Thần chung *cũng có đăng một bài của ông Phan Khôi biện luận cùng ông Hồ Duy Kiên, vậy bổn báo xin phép trích lục ra đây để công đồng lãm.*

TRUNG LẬP

Mới đây ông Hồ Duy Kiên có viết trong *Trung lập* một bài, đại ý nói người Việt Nam mình nên chuyên học chữ Pháp, còn chữ quốc ngữ viết ra miễn đọc được thì thôi, không cần phải sửa sang cho thật đúng làm chi.

Cái câu quyết luận của ông đó dựa vào mấy lẽ nầy : 1) Tiếng Pháp là thứ tiếng khoa học, ta muốn theo văn minh Âu Mỹ thì phải dùng nó; 2) Ta ở dưới quyền cai trị của người Pháp, phải học theo tiếng Pháp; 3) Tiếng An Nam khuyết điểm nhiều quá, không thể nào bồi bổ được, phương chi ta lại không có quyền nữa.

Tôi đọc qua bài của ông, tôi phải chịu là ông có cái ý kiến hay, mạnh bạo và quả quyết. Song suy nghĩ cho cùng, thì sự ông nói đó cốt là muốn cho dễ đường tấn hóa mà trở lại thành ra khó, không có thể làm được.

Ông muốn rằng hiện thời đây, trẻ em chúng ta ở trong các nhà trường, từ lớp đồng ấu, cứ chỉ học chữ Pháp mà thôi, không cần phải học quốc ngữ. Chỗ đó tôi vẫn đồng ý với ông.

Tôi đồng ý với ông chỗ đó, là vì tôi thấy sự học quốc ngữ trong nhà trường hiện nay chỉ làm mất thì giờ trẻ nhỏ mà thôi, chớ không được ích lợi mấy chút, chi bằng lấy chữ Pháp làm món chánh, lấy quốc ngữ làm món phụ, dạy theo chương trình hồi trước, thì học trò được ích lợi nhiều hơn.

Song giá như cũng dạy bằng quốc ngữ, mà người ta đừng có ý cầm chừng học trò lại, và nâng cao cái trình độ của sự học trong các trường cho cao lên, thì tôi lại ưng lấy quốc ngữ mà dạy trẻ cho đến bực tốt nghiệp tiểu học.

Đó là một cái vấn đề về học hiệu giáo dục hiện thời. Cái vấn đề ấy phải nói cho dài mới rõ, song đây tôi chỉ nói sơ qua cho biết rằng sự tôi đồng ý với ông Hồ là bởi cực chẳng đã.

Học hiệu giáo dục là một cái vấn đề, xã hội giáo dục lại là một cái vấn đề khác. Hiện nay chúng ta không có quyền trong sự giáo dục về học hiệu, nhưng chúng ta cũng còn có quyền ít nhiều trong sự giáo dục về xã hội.

Sự cải lương chữ quốc ngữ mà chúng tôi đề xướng mấy lâu nay là thuộc về cái vấn đề xã hội giáo dục.

Theo ý ông Hồ thì tiếng Pháp là thứ tiếng khoa học, ta nên do thứ tiếng đó mà trực tiếp với văn minh Âu Mỹ hơn là do tiếng quốc ngữ như đi con đường quanh. Ông nói lẽ đó rất phải, tôi không cãi được. Song theo đó thì thấy ra ông chỉ thấy một mặt nầy mà quên một mặt kia.

Nói rằng trong một nước được văn minh tấn bộ, nghĩa là hết thảy cả người trong nước đều văn minh tấn bộ chớ không phải một số ít người. Cái văn minh đời nay là văn minh cho cả quần chúng chớ không phải văn minh cho nội một đám quý tộc. Bước được đến cõi văn minh ấy thì phải mọi người trong nước đều biết chữ hết thảy, đều có tri thức suýt soát với nhau hết thảy. Vậy thì ông nghĩ hết thảy người An Nam có thể học chữ Pháp cho biết chữ cả được chăng ? Trong bài của ông, ông có nói rằng : "Ví như trong một trăm năm, hoặc hai ba trăm năm tới đây toàn dân An Nam dùng văn tự ngôn ngữ Pháp..." Ấy là ông nói kiểu "ví như" đó thôi, chớ sự thiệt thì dẫu đến một đôi ngàn năm cũng không có thể có được.

Ông có hỏi trách rằng chớ dân Belgique, dân Suisse dùng chữ Pháp dân Huê Kỳ dùng chữ Anh thì làm sao ? Ông đem tình cảnh nước ta mà sánh với các nước ấy thì xa quá. Người Belgique và Suisse(*) cùng một giống với người Pháp, vả lại ở gần nhau. Huê Kỳ vốn là người Anh sang, thì họ dùng chữ của nhau, không có khó. Còn người mình với người Pháp xa cách nhau nhiều bề thì bảo rằng toàn dân An Nam học thông văn tự ngôn ngữ của Pháp làm sao được ?

Hoặc giả trong đời chẳng có sự gì mà làm chẳng được, học thét cho lâu ngày rồi toàn dân An Nam cũng thông tiếng Pháp chăng. Nhưng mà học thông chữ Pháp thì phải mất lâu ngày, hoặc đôi ba trăm năm, hoặc một ngàn năm thì chi bằng ta đi con đường dễ và mau, là học chữ quốc ngữ ?

(*) *Belgique* : nước Bỉ ; *Suisse* : nước Thụy Sĩ.

Theo ý chúng tôi, căn cứ ở các lẽ trên nầy, thì chúng tôi muốn dùng chữ quốc ngữ để làm cái lợi khí cho sự giáo dục về xã hội để rải khắp hột giống văn minh cho quần chúng. Bởi vì chúng tôi tưởng có thể học quốc ngữ mà hết thảy người An Nam biết chữ được, chớ không có thể học tiếng Pháp mà hết thảy người An Nam biết chữ được.

Chúng ta không nên phân bì với người Belgique, người Suisse, mà nên phân bì với người Nhựt Bổn. Trong các trường đại học Nhựt, họ cũng dạy bằng tiếng ngoại quốc, – nhứt là tiếng Anh, – song họ có dùng riêng thứ chữ của họ để làm thứ chữ phổ thông giữa quốc dân.

Người An Nam chúng ta cũng nên làm như vậy. Một hạng người muốn có cái tri thức cao thì nên học chữ Pháp, cả cho đến các thứ chữ khác nữa ; song hạng người thường muốn chỉ có cái tri thức thông thường thì học chữ quốc ngữ là tiện.

Mà những người đã có cái tri thức cao đó phải đem cái tri thức của mình mà phô bày ra bằng quốc ngữ, nghĩa là làm sách làm báo, để rải rác văn minh ra cho quần chúng.

Trên đầu đề bài nầy, chúng tôi hỏi tại sao không bỏ chữ quốc ngữ ? Ấy là tại lẽ mới vừa nói đó.

Chúng tôi lại hỏi tại làm sao phải viết quốc ngữ cho đúng. Ấy là tại như dưới nầy.

Cứ theo như bổn thân của chữ quốc ngữ nước mình thì chưa gọi là một thứ chữ thành văn được. Huống chi, theo kiểu người mình viết quốc ngữ hiện thời thì lại bậy bạ quá, không thành ra chữ nữa. Một thứ chữ đã lộn xộn, lại còn thêm viết bậy cho sai đi thì còn đem ra mà học hành gì được ? Bởi vậy chúng ta phải sửa sang bồi bổ nó cho một ngày kia nó thành văn, hầu làm cái lợi khí tốt cho chúng ta.

Thật vậy, chữ nào mà lộn xộn bậy bạ thì không dùng được mà phải chết. Chữ Nôm của ta ngày xưa tại làm sao mà chết ? Ấy

chỉ vì nó lộn xộn, ai muốn viết thế nào thì viết đó thôi. Chữ quốc ngữ ngày nay nếu không viết cho đúng thì rồi nó cũng sẽ như chữ Nôm vậy.

Mình đã trầm trồ khen tiếng Pháp là thứ tiếng khoa học thì mình cũng phải chịu khó làm cho tiếng mình trở nên khoa học. Muốn như vậy, trước hết là phải viết cho đúng, viết đúng tự vị.

Ý ông Hồ chừng như nói rằng bày ra sự viết đúng tức là bày thêm sự khó. Nhưng mà đó chẳng phải là bày cho thêm khó đâu ; nguyên tiếng của ta buộc ta phải viết như vậy kia mà.

Ông Hồ viện lẽ của Khổng Tử nói : "Phi thiên tử bất chế độ, bất khảo văn", rồi nói rằng sự sửa sang chữ quốc ngữ phải nhờ chánh phủ ; chánh phủ không làm thì thôi, chớ ta không có quyền. Cái đó ông quá theo ý Khổng Tử mà nghĩ sai.

Theo cái công lệ của âm ngữ học thì ở đâu cũng vậy, ngôn ngữ văn tự sở dĩ tấn hóa là trước nhờ ở đám bình dân, ở toàn xã hội chế tạo ra, rồi chánh phủ mới nhơn đó mà nhận nhìn sau. Đừng lấy chứng cớ ở đâu xa làm chi. Ngay ở giữa nước mình đây, hồi trước đánh giây thép[*] bằng quốc ngữ không được mà bây giờ đánh được, vả lại giấy vay nợ, giấy giao kèo cũng có hiệu lực ở trước mặt toà án, thì đủ biết. Nếu người mình biết sửa sang bồi đắp chữ quốc ngữ cho thành văn, thì có ngày chánh phủ phải nhận cho chữ quốc ngữ có một cái địa vị cao trọng trong đất nầy, chớ đừng khinh nó.

Nếu vậy thì ta nên tự làm lấy, [. . . . .][**] nầy. Hiện bây giờ ta không có quyền trong sự giáo dục về học hiệu, song ta có nhiều ít quyền trong sự giáo dục về xã hội, thì ta nên hết sức chỉnh đốn chữ quốc ngữ và lấy nó làm lợi khí, không cần phải nhờ chánh phủ điều ấy.

---

[*] *đánh giây thép* : đánh điện, gửi thư qua tín hiệu bưu điện ; *nhà giây thép* : sở hoặc trạm bưu điện.

[**] chỗ này báo in để trắng hơn 1 dòng ; có lẽ do đục bỏ chữ trước khi in.

Trên kia tôi nói ông Hồ thấy một mặt mà quên đi một mặt là có ý nói ông ấy chỉ nhắm vào cái vấn đề học hiệu giáo dục mà không ngó đến cái vấn đề xã hội giáo dục, chỉ nhắm vào cái văn minh quý tộc mà không ngó đến cái văn minh quần chúng.

Trong bài nầy tôi chỉ lấy lợi hại mà nói thôi, chớ không trộn cái quốc gia chủ nghĩa vào ở trong. Nếu đứng về phương diện quốc gia chủ nghĩa mà xét thì còn nhiều lời của ông Hồ nên biện bác nữa, là như ông nói : Tiên nhơn ta trước đã biết vâng chánh phủ Tàu học chữ Tàu đặng đồng hóa với Tàu, còn ta nay sao lại không vâng chánh phủ học chữ Pháp đặng đồng hóa với Pháp ? ... Chẳng những vậy thôi, ông còn nói mấy lời mà tôi lấy làm đáng thương tâm nữa !...

PHAN KHÔI

Thần chung, Sài Gòn, s. 341 (20.3.1930)
Trung lập, Sài Gòn, s.6105 (22.3.1930)

CÂU CHUYỆN HẰNG NGÀY

***Ghi chú của người sưu tầm**: Dưới đây là các bài trong mục "Câu chuyện hằng ngày" của Tân Việt trên nhật báo* Thần chung *trong năm 1930. Như đã nói ở tập trước: trong tổng số 61 kỳ xuất bản của báo* Thần chung *trong năm 1930, trước khi báo bị cấm (từ 2.1 đến 24.3.1930), mục "Câu chuyện hằng ngày" của Tân Việt có mặt ở 59 kỳ báo, tức là chỉ vắng mặt ở 2 kỳ báo do bị kiểm duyệt bỏ (các số ra ngày 21.1 và ra ngày 25.2.1930).*

Về bút danh Tân Việt, như đã nói rõ ở 2 tập trước, đây là bút danh mà Phan Khôi và Diệp Văn Kỳ ký chung khi họ viết bài trong mục này.

L.N.A.

NGHỀ BÁN SÚNG SÁU VÀ NGHỀ IN SÁCH QUỐC NGỮ

Theo như mấy chị em mộ thể thao ngoài Bắc, thì "nhứt nghệ tinh, nhứt thân vinh". Chim. Giao vậy mà nghề nào cũng vậy.

Báo *Le Phare*, số ngày chúa nhựt 29 Decembre có thuật chuyện người bán súng sáu nói với quan thẩm án:

- Trong một tuần lễ mà anh bán đến 30 cây súng sáu, anh bán cho ai mà nhiều dữ vậy?

- Thưa bán cho đủ hạng người, đàn ông có, đàn bà có, trẻ có, già có, quý phái cũng mua, bình dân cũng sắm.

- Họ nói với anh, họ mua súng để làm chi?

- Người thì tập bắn, kẻ để hộ thân... Ngài hãy biết có ai chịu nói với tôi rằng mua súng để tự vẫn hay là để giết người đồng loại đâu... Bởi tôi không chắc, nên tôi bán... Cái nghề của tôi, tôi biết sao bây giờ?

Ừ, nhứt nghệ tinh, nhứt thân vinh. Nghề bán súng, tất phải làm sao mà bán cho đặng nhiều. Chớ nếu mỗi khi ai hỏi mua một cây súng sáu mà còn phải dò cho ra, xét cho kỹ coi thử người mua ấy có ý mua để mời chồng đi dạo một vòng dưới âm phủ hay là đưa vợ vào cung vua Diêm vương, thì biết bao giờ bán cho đặng một cây súng.

Cái mục đích của cây súng, nhứt là súng sáu, là cốt để giết người... Thế nên xưa nay mình chưa thấy trong vụ án mạng nào mà tòa phạt người bán súng.

Đó là nghề bán súng sáu và ở bên Pháp.

Còn bên ta, lại có cái nghề in sách quốc ngữ.

Nói rằng in sách quốc ngữ là hại hơn bán súng sáu, thì nghe qua thật khó hiểu.

- Tác giả có nói với anh in cuốn sách này ra để làm chi không?

- Thưa tôi không có hỏi, vì tôi biết chắc in ra để bán.

- Anh không biết cuốn sách nầy có thể làm rối cuộc trị an sao?

- Thưa tôi đâu có ngày giờ mà đọc cho hết sách của họ đem lại in.

- Thôi để tôi giải anh ra tòa.

Người in sách không hiểu. Có kẻ chỉ cho rằng: Súng sáu bán được, chớ sách anh không phép nhắm mắt in càn. Vì nhiều khi, bởi tại cuốn sách mà anh đưa người ta đến nhà anh bán súng sáu.

- Ở đây ai bán cho anh mà anh đưa lại?

- Đó lại là một chuyện khác nữa.

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.285 (2.1.1930)

MỘT MÓN ĐỒ QUÀ ĐỂ ĐI TẾT CHO MẤY ÔNG PHÁI VIÊN ĐIỀU TRA THUỐC PHIỆN

Chiều 31 tây, như tuồng các báo Lang Sa ở Sài Gòn muốn đi lễ tết cho ban phái viên điều tra thuốc phiện nên đều có chép chuyện ông Lambert chết dưới tàu Chenonceau.

Ông Lambert, 24 tuổi, qua đây làm việc ở nhà thuốc Solirène, thấy Nam kỳ thiếu chi thuốc phiện, nên mới hút thử chơi.

Ban đầu chơi, sau thiệt, thét rồi ghiền mà phải lâm bịnh. Thầy thuốc biểu về tây nghỉ. Nửa muốn ở, nửa muốn đi. Đi ra một bước một ngừng: tới Cap St.Jacques(*) tính trở lại, qua Singapour, sắp để tàu Chenonceau đi một mình. Chung quy cũng gượng gạo mà theo cho gần đến Colombo.

Song ở dưới tàu, tối ngày gặp ai cũng nói: Tôi chết! Tôi chết!

Và đương khi tàu đương ở giữa biển, ông ta ghiền quá sanh ra đau, thầy thuốc dưới tàu phải đem vào phòng bịnh, biểu người canh giữ ông ta, vì quá ghiền nên đã nhiều phen muốn lấy dao cắt mạch máu mà chết.

Hôm nọ, giữa Ấn Độ Dương, có lẽ vì ông ta nhớ "anh chị" quá trí, chịu hết nổi, lén chạy tuốt lên sàn tàu nhảy xuống biển mà chết.

Đó là một cái kết cuộc của người ghiền thuốc phiện, và cũng có thể làm cái quà tết tây cho mấy ông phái viên của Hội liệt quốc. Vì chuyện ông Lambert tức là chuyện chung của cả muôn bợm phiện ở xứ này. Cần gì điều tra đâu cho xa, đọc lấy bài thời sự đó cũng đủ.

Khó, là trong khi mình hay tin [. . . . .](**) phái viên kia đương nhởn nhơ ở Huế, lên viếng các lăng nhà vua.

Đi khắp cùng, thấy thờ đủ hết mà không đâu có một cái mâm hút. Cho đến Vĩnh Cơ là lăng vua Khải Định, thờ không thiếu một

(*) Cap Saint Jacques : tức là Vũng Tàu ngày nay.
(**) bản chụp mất 1 dòng, chừng 6-7 từ.

món, nào là dầu thơm Coty, bàn chải răng Gibs mà cũng chẳng thấy một cái mâm hút nào.

Rồi đó chắc mấy ngài lại phải lạy mà nói: Dân Đông Dương đâu có hút nhiều. Coi mấy ông vua đây cũng đủ biết...

Nghe nói hôm nay họ đã ra đến Bắc kỳ. Chừng dạo chơi mấy xóm ả đầu, nghe "hãm", nghe trống, thì họ lại nghĩ: Trong một cái nước mà đã có cái điệu hát như vậy thì bỏ thuốc phiện đi thật là một thú.

E khi, lúc nào mấy ngài trở lại Geneve, chắc sẽ làm một cái tờ phúc bẩm khá dài khuyên Hội liệt quốc phải chuẩn ra một số tiền phụ cấp khá lớn để ban cho... sở nấu nha phiến ở đường Paul Blanchy và bày ra một mớ mày-đay để tặng cho mấy chủ tiệm thuốc.

Thế mới kêu là Hội liệt quốc.

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.286 (3.1.1930)

THẾ NÀO GỌI LÀ ĐIÊN ?

Theo một tờ báo kia, thì có nhà toán học Ăng Lê liệu trước rằng trong ba thế kỷ nữa, người Âu châu sẽ điên hết.

Rồi đó quý đồng nghiệp lại tự hỏi: Nói vậy hay vậy, chớ ai sống đặng 300 năm mà biết lời nghịnh liệu ấy trúng hay trật.

Theo ý tôi, thì không trúng không trật chi hết. Vì điên là một tiếng ở trong cái lệ tương đối, tuy người ta hay nói hay dùng, kỳ thiệt chưa ai hiểu rõ nghĩa nó ra sao hết.

Cái dấu điên dễ hiểu nhứt là xé áo xé quần. Ấy vậy mà thế gian sanh ra lắm chuyện điên khùng vốn bởi từ hôm bà Ê-và lấy lá mà che mình lại. Và nếu như lấy sự loã thể mà gọi rằng điên, thì chẳng cần chi phải chờ đến ba trăm năm ; ngay bây giờ Âu châu cũng đã gần điên hết phân nửa.

Người ta lại nói điên là kẻ nào hoặc tư tưởng trái với lệ thường, hoặc hành động khác hẳn với phần đông.

Napoléon một tay dựng nên cái sự nghiệp Đế quốc cho nước Pháp là một chú điên, mấy nhà philosophes(*) trong đời thế kỷ 18 xướng ra cái thuyết dân quyền cũng đã bị người ta cho là một phường lãng trí.

Chí như nói kiểu Ăng Lê, vì sợ cho dân Ấn Độ độc lập, chắc họ sẽ chém giết nhau, nên nhiều khi phải đem tàu trận sang mà bắn trước, thì có thể nào điên hơn nữa đâu ?

Chiếu theo gương của người Ăng Lê, thì Âu châu ngày bây giờ cũng ít ai đáng gọi là tỉnh.

Đó là chuyện người, còn mình đây, ai điên ? ai tỉnh.

Ai tỉnh ? Ai điên ?

Những ai là kẻ trăm mưu ngàn chước, vào cúi ra lòn, chỉ biết tính sao cho nhiêu thân(**) phì gia mà chắc gì là không phải điên ?

Còn như kẻ tấm thân trôi nổi, bỏ nhà cửa vợ con, vào tù ra khám, thiên hạ đều tưởng là đồ khùng, mà chắc gì là không tỉnh ?

Anh chàng tự xưng hoàng đế với ông thánh Tây Ninh là điên hay tỉnh ? Cô thiếu nữ bị nhốt vào nhà thương điên Chợ Quán, rồi cứ ngồi thơ thật ca một mình:

"Kia nước non ai, ai giữ nước non ?"

Điên hay tỉnh?

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.287 (4.1.1930)

NĂM NAY SẼ CÓ TẾT HAY KHÔNG ?

Theo mọi năm, bữa rày gần tới Tết rồi, còn không đầy một tháng nữa. Nhưng năm nay, ngoài Trung kỳ, người ta đương ngần ngại hỏi nhau, không biết sẽ có Tết hay không ?

Người ta ngần ngại vì một điều rằng : nếu không Tết thì sẽ lợi cho chánh phủ ; nhưng nếu không có Tết luôn luôn, năm nọ qua

(*) *philosophes* : những triết gia.

(**) *nhiêu thân* : khói sưu thuế (theo H.T.Paulus Của, sđd.)

năm kia lu bù, thì lại hại cho chánh phủ.

Báo *Tiếng dân* số 244 ra ngày 20.12.29, có một đoạn thời sự rất buồn cười. Dân làng Quán Khái Đông, tổng Phú Triêm, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, kêu rằng số dân làng ấy hết thảy là 388 người, mà trong giấy thuế về năm 1929 của quan phát ra, người nào cũng y tuổi năm ngoái hết. Nghĩa là người nào năm 1928 là 30 tuổi thì năm nay cũng 30 tuổi, không phải là 31 tuổi theo như lệ thường. Mà hết thảy 388 người đều như vậy cả.

Lạ cha chả là lạ !

Nếu vậy thì cái Tết mới rồi, họ ăn Tết mới là tầm bậy. Lẽ đáng không ăn Tết mới phải. Vì nếu có Tết thì một người đã thêm lên một tuổi.

Năm ngoái ăn Tết lỡ rồi thôi ; còn năm nay mới nghĩ sao ?

Cứ theo lẽ trên đó thì năm nay cũng không có Tết mới phải.

Không có Tết thì những người đóng thuế cứ trẻ hoài, cứ đóng thuế hoài , không đời nào ra lão, chỉ khi nào chết đi mới hết đóng thuế, như vậy có phải lợi cho chánh phủ không ?

Nhưng lại ngặt một điều: nếu không có Tết thì không đổi năm, và nhà nước sẽ không thâu thuế mới, bởi vì thuế mỗi năm thâu một lần, mà nay không có Tết, không có chia phân từng năm ra, thì thôi, còn thâu thuế chi? Như vậy, trở lại hại cho chánh phủ.

Thôi bỏ sự lợi hại đó đi đừng nói. Chỉ nghĩ mà khoái cho cái cuộc thái bình xứ Đông Dương nầy thật đáng nên ca tụng.

Sách xưa có nói "Đời thái bình thì người ta không già", thật phải. Năm ngoái ba mươi tuổi, năm nay cũng ba mươi tuổi thì thôi, còn già chi được ? Nếu chẳng thái bình thì sao có được cái cảnh tượng ấy ?

Ước gì đâu đó được như dân làng Quán Khái Đông cả thì sướng lắm. Ba mươi tuổi cứ ba mươi tuổi hoài thì dầu không ăn Tết cũng chẳng hại chi.

Tân Việt nầy cũng muốn nhập tịch làng Quán Khái Đông để cứ trẻ hoài mà viết câu chuyện hằng ngày chơi !

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.288 (5 và 6.1.1930)

HỘI ĐỒNG KIỂU MỚI

Hội đồng "oui" !(*)

Tưởng chắc cái tiếng đó lúc mới phát sanh nó cũng đã làm cho người ta mua cười không ít và nó đã tả ra một cách rất rõ ràng cái hình trạng ở trong các nghị viện xứ nầy.

Song một cái danh từ, dầu cho ngộ đến bao nhiêu cũng phải nhàm, phải cũ. Vì thế nên chi hôm nọ ở nhà hát tây mới có một ông khôi hài đứng nói :

– Chư vị cử tri cứ cử tôi đi. Tôi không phải như người ta đâu. Tôi chẳng bao giờ chịu làm hội đồng "oui". Nói thiệt cho chư vị biết, tôi không phải hội đồng "oui", tôi đây là hội đồng "dạ".

Đó thành ra hai kiểu hội đồng.

Ấy vậy mà từ khi chánh phủ Pháp do quan Toàn quyền Pasquier lập thêm ra một cái nghị viện mới lạ, mới lạ cho đến nỗi hiện nay cũng chưa biết tên An Nam nó là gì – Kinh tế ? Lý tài ? Đại hội đồng ? – thì lại sanh ra một hạng hội đồng kiểu mới.

Không "oui" cũng không "dạ".

Hội đồng câm !

Thật ra cái danh hiệu đó cũng chẳng có chi là quá đáng. Cứ xem ngay theo lời kỷ thuật của những nhà làm báo có chưn ở hội đồng đó, thì cũng đủ thấy trót một tháng trời nhiều ông không hề nói một tiếng.

Tội nghiệp ! ăn làm sao nói làm sao bây giờ ?

(*) *oui* (tiếng Pháp): vâng, tán thành, đồng ý.

Ở Hội thì mỗi việc mỗi dùng tiếng Lang Sa, mà mấy ông kia lại không hề học một chữ.

Chỉ duy ông Quỳnh, ông Vĩnh là hai tay sành tiếng Pháp mà trong kỳ hội vừa rồi như tuồng cũng mắc phải cái chứng truyền nhiễm đó mà hở miệng không ra.

Bởi thấy lạ nên *Thần chung* lúc nọ mới than phiền sao ông Quỳnh ông Vĩnh cũng nín khe như thế. Hay là mỗi khi đi hội đều nhớ sực đến câu: "Nói năng là bạc, nín khe là vàng" ?

Và cũng bởi câu chuyện như thế, nên mới đây nhơn việc ông Quỳnh diễn thuyết về vấn đề: "Người nhà quê An Nam", cụ Bùi lại chạy ra binh mà nói: "Đó, thấy chưa ? Ông Quỳnh có phải là câm như mấy thằng hay dóc đã tưởng đâu."

Ủa, sao hôm nay cụ lại binh ông Quỳnh ?

Thưa cụ, cụ tưởng lầm. Chúng tôi trách ông Quỳnh sao vào hội mà lại chỉ mặt làm thinh. Chớ có phải nói ông ta câm đâu.

Cụ sai, diễn thuyết là một việc, làm nghị viên mà nín thinh lại là một việc khác nữa.

Huống chi sự làm thinh cũng chưa chắc là hại. Có nhiều khi đụng đâu nói đó, gặp chuyện chi cũng nói xàm nói đế, thì cái hại lại càng nhiều hơn.

Nói để bào chữa rằng ông Quỳnh không câm, thì nín khe như ông Quỳnh, đi hội e còn tốt hơn.

Luận ngữ có câu : "Đức Khổng Tử đương ăn thì không nói".

Cái nầy vừa nói vừa ăn mới là khả ố.

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.289 (7.1.1930)

CẮM HUN

Cái sự hun nhau là để tỏ tình thân ái, chẳng dân nào là chẳng có. Khác nhau là cái cách hun và cái chỗ hun mà thôi.

Như người Tây họ hun bằng môi, An Nam ta hun bằng lỗ mũi (vì hun bằng mũi, cho nên tiếng ta cũng có nói tiếng đôi là hun-hít), ấy là cái cách hun khác. Còn người Tây họ hun giữa công chúng ; An Nam ta hun con nít thì hun chán chường, khi hun người lớn thì hun trong buồng cùng chỗ khuất, ấy là cái chỗ hun khác.

Bên Âu châu, nước nào cũng cho sự hun là thường, coi như một cái lễ. Nhứt là ở nước Nga, khi gặp nhau, bất kỳ là bà con, bạn hữu, hay là tình nhơn, đàn ông đàn bà chi cũng đều hun nhau, như là chào vậy.

Lâu nay chánh phủ Tô Nga hạ lịnh cấm hun, vì cho là hại vệ sanh. Họ mở cuộc diễn thuyết, phát truyền đơn, quảng cáo để cổ động bỏ tục hun. Trên tường, trên các bao thơ qua nhà giây thép, đều có thấy những chữ như vầy : "Mỗi một khi hun ai, người bị hun đó phải rước lấy một lần bốn vạn con vi trùng !"

Ấy là nói chuyện bên nước Nga. An Nam ta ?

An Nam ta thì không cấm chi hết. Ai hun mấy đó thì hun, không cấm, vì có hai lẽ.

An Nam hun bằng mũi, chớ không hun bằng môi, vả lại khi hun đó, người hun hít vô, thì dầu cho có vi trùng đi nữa, có làm sao truyền qua bên người bị hun được ? Ấy là một lẽ.

Lại, An Nam mình có hun thì hun trong kín, không thì cũng chỗ vắng người, vậy có ai thấy đâu mà cấm? Ấy là hai.

Đi lại chỉ có làm dân An Nam là sướng.

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.290 (8.1.1930)

HÁT CẢI LƯƠNG HUẾ

Hôm rồi, thiên hạ ở Huế đều mục kiến được một tấn hí kịch buồn cười vỡ bụng. Ấy cuộc nghinh tiếp tân quan mà quan ấy chính là quan huyện Hương Trà. Ông Ph. – năm nay độ 25 tuổi,

trước đỗ bằng Thành chung, làm ký sự tòa Sứ, rồi qua học trường Cao đẳng Luật khoa trường Hậu bổ ở Huế, đến lúc hạch ra được bổ làm còm-mi tòa Sứ ; bấy lâu nay công trạng cao dày làm sao không biết ; bây giờ được cải bổ làm tri huyện Thừa Thiên. Cái lai lịch ấy phải khai rõ để cho biết cái văn hóa của quan huyện mới, cũng là ở trong đám thanh niên tân học mà cái não lại còn cũ rích đâu như tuồng ở những lớp thượng cổ. Vậy ngày đó là ngày lễ đáo nhậm của quan huyện mới nên quan đã sức trước, thành ra cái lễ nghinh tiếp ấy ắt là oai nghiêm long trọng.

Đi trước là cái xe tay quan huyện, quan ngồi thóm nhóm ở trong, mặc lễ phục đeo một cái bài ngà to tướng "Thừa Thiên huyện tri huyện". Xe chồng mui vì có hơi mưa, ở bến xe, một phía có một tên lính lệ cầm cái lọng đen, giương cao lên trên để che cho quan. Bên kia, có vài ba chú lính khác cầm cờ và chạy và phất, gió đánh bạch bạch ; hai bên nữa thì có đôi ba tên phu, cầm hèo chạy theo (cái hèo là như một cây baton mà dài ; ấy là cái hiệu của quan huyện). Sau nữa có một bọn đánh trống lớn, dộng phèng la, nghe chát lỗ tai ; đến sau rồi, lại có vài ba cái xe khác nữa ; ngồi trỏng là các ông lại, thầy đề, cả thảy đều mặc áo rộng xanh, ngồi cách rất cung kính (ta đi rước quan huyện người ta thế mà !). Cả đám rước tất cả sau gần mươi người, mà đã diễn ra một tấn hí kịch rất khôi hài. Trước, xe quan chạy bon bon ; sau, lính tráng, đề lại cũng phi bộ ruổi rong cho kịp, cờ bay phấp phới, trống đánh tơ mơ, phèng la dộng bon-bon, lọng giương cao, hèo vác thẳng, cả đám chạy qua các phố phường như là đám hát cải lương buổi chiều ăn mặc kết đoàn để đi làm quảng cáo. Trước hết đám rước đi từ bên Đập Đá là chỗ tư thất quan, rồi chạy ngang tòa Khâm, vụt qua cầu Trường Tiền, lướt qua đường Paul-Bert, chợ Đông Ba, rồi thẳng ra đường Đông Ba, dong ruổi một mạch đến Huyện. Thấy đám rước chạy qua, ai ai cũng phải đứng dừng lại mà coi thử cái gì lạ vậy, mà coi

rồi thì ai cũng chíp miệng cười dài. Lại có vài ba đứa con nít láu-cá lại chạy theo la lớn lên : "Dè-è-è-è ! Đi coi đám cưới bay ! vợ chồng đi lạy mặt. Dè-è-è-è! Anh rể ngồi trước đó (chỉ quan Huyện) còn mi-xừ dâu ở đâu, sao lại không thấy ! Dè-è-è !"

Thế mà quan huyện cứ ngồi tỉnh táo chễm chệ như thường, cái mặt làm nghiêm dễ biết lắm ! Không biết quan huyện ta nghĩ làm sao mà lại sắp đặt cuộc nghinh tiếp ấy chạy dông cả các con đường thâu tập nhứt ở Huế. Dám chắc là quan mới đáo nhậm, nên muốn "chưng" cho dân xứ Huế biết rằng ta là quan huyện mới đây, rồi sẽ cai quản chúng bay (vì kinh thành Huế thuộc về huyện Hương Trà) nên mới mưu cái sự nghinh tiếp loè loẹt ấy. Ta là kẻ bàng quan thấy thế không khỏi phì cười được, nhưng cười rồi thì lại có cái bi cảm vô hạn mà tự nói một mình rằng : Sao bọn tân học thanh niên trong nước ta hy vọng, tinh hoa của nước nhà, mà lại diễn ra những tuồng khả ố thế ! Trước đã có ông Tú du học bên Tây về, bắt làng đi rước, bây giờ lại quan Tham bổ Tri huyện cũng giăng cuộc nghinh tiếp rầm rột thế. Ôi, xã hội ta có cái tội tình gì mà sản xuất ra những hạng người quái gở đến thế...

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.291 (9.1.1930)

DƯ GIẤY LÀM CHI

"Dư giấy làm chi chẳng vẽ voi". Nhìn lại bao nhiêu sách vở báo chương, trước mắt mình ngày nay mà nghĩ cho câu thơ cổ nầy thật là thú vị.

Ừ, nếu như có giấy dư thì vẽ voi còn vô hại. Song cũng uổng thiệt.

Và có khi e nhiều kẻ trước tác An Nam cũng vì sợ đem ra vẽ voi mà phải gắng công làm sách.

Từ đây về sau may ra họ khỏi giới ý về chuyện ấy nữa. Vì vừa rồi, một tờ báo Lang Sa ở Sài Gòn có đăng cái tin chỉ cách dùng giấy.

Nghe nói có người kinh nghiệm đã ba mươi năm mới tìm ra một phương thuốc rất thần hiệu trị lợi(*), bịnh tả. Nhà kinh nghiệm ấy bảo cứ lấy sữa bò và giấy trắng mà nấu thành một thứ "soupe" rồi uống vào là hết bịnh ngay, và lại cắt nghĩa rõ ràng rằng giấy nấu ra thành hồ, uống vào nó sẽ dính vào mấy cái kẽ ruột mà làm cho chặn huyết lại rồi khỏi bịnh.

Ấy đó, thấy chưa? Từ rày anh em đã biết cách dùng giấy rồi đó.

Tưởng ai là người có giấy dư, thôi thì chớ vẽ voi nữa. Đem ra mà giúp cho người có bịnh tốt hơn.

Song tôi chỉ còn tiếc một điều là nhà kinh nghiệm ấy không cho mình hay coi thử giấy đã in ra thành sách còn dùng đặng không.

Nếu đặng thì tốt vô cùng. Vì hiện nay có nhiều bản sách quốc ngữ tưởng đem ra dùng, chẳng những là thành hồ đặng chặn huyết, mà uống vô dầu cho bịnh lợi(*) đáng bao nhiêu cũng sẽ cầm ngay tức khắc.

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.292 (10.1.1930)

CÓ PHẢI CÂM ĐÂU !

Trong số báo hôm ngày thứ ba vừa rồi bởi Tân Việt hiểu lộn cái ý của một câu mà làm cho thất lễ với cụ Bùi cùng quý đồng nghiệp *La Tribune Indochinoise*. Quý đồng nghiệp nói Phạm tiên sanh không câm là khôi hài, chớ không phải có ý chi binh.

Tân Việt hiểu lộnTân Việt xin mạo cựu.

Tân Việt lại còn xin lỗi với mấy ông nghị mà bấy lâu nay các báo đã cho là hội đồng câm nữa.

Có phải câm đâu !

Để Tân Việt nhắc lại một tích xưa của ông bạn mới nói cùng Tân Việt cho mà nghe :

(*) *bệnh lợi* tức bệnh lỵ, kiết lỵ (theo H.T. Paulus Của : sđd.)

Trong một "họ"(*) ở đâu tận bên Tàu, từ những đời "ông Nhạc" có ông cha thường ngày hay bị mất rượu lễ, biết chắc chú trùm xơi lén. Song không dám rầy, vì chú trùm có cô vợ khá đẹp và nghe ra như tuồng "cha" cũng có tánh lẹo tẹo sao đó.(**)

Bữa nọ một nhà giàu có trong "họ" đem đến cúng một cái bàn để xưng tội, bàn thiệt lớn, người đứng xưng tội cách cha cũng hơi xa xa. Cha mới kêu tên trùm vô mà nói:

- Đâu nà ! Con thử đứng dưới chỗ xưng tội, cha ở trên cha hỏi coi con có nghe rõ không...

- Dạ.

Cha hỏi:

- Trùm ơi, con có biết ai uống lén rượu lễ của cha không ? ... Trùm ơi, con có biết ai uống lén rượu lễ của cha không ?

Hỏi bao nhiêu anh trùm cũng cứ lắc đầu, ra dấu mình không nghe chi hết. Cha tức giận lấy làm lạ :

- Thôi mầy lên đứng đây mầy hỏi coi tao có nghe không !

Trùm lên, trùm hỏi:

- Cha ơi, cha có biết ai hay lẹo tẹo với vợ trùm không ? Cha ơi, cha có biết ai hay lẹo tẹo với vợ trùm không ?

Cha cũng cứ lắc đầu như trùm khi nãy và kêu trùm xuống mà nói:

- Thiệt con, thiệt không nghe chi hết.

Ấy đó, ở đời biết bao nhiêu khi gặp phải cái cảnh ngộ như "cha" với trùm.

Tại cái cảnh ngộ nó khiến xui, xây vần như thế, chớ có ông nghị nào đáng gọi là hội đồng câm đâu, huống chi là ông Quỳnh và ông Vĩnh.

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.293 (11.1.1930)

(*) *họ* đây là họ đạo, một đơn vị cộng đồng tín đồ Công giáo (Thiên Chúa giáo) (NST).

(**) Huỳnh Tịnh Paulus Của (sđd) ghi nghĩa *lẹo tẹo* là "chẹo nẹo, vương vấn lấy nhau ; âm thầm dính dấp cùng nhau".

CÁI NĂM RỒNG RẮN

Trong sách xưa của Tàu có câu rằng : "Tuế tại long xà, hiền nhân kỳ ta."

Long là rồng, xà là rắn, chỉ nghĩa năm thìn và năm tỵ. Hiền nhân kỳ ta, có ý nói rằng những người hiền hay chết về hai năm ấy.

Người đời xưa đã nói ra lại viết vào sách như vậy, há có phải là câu chuyện xàm, bạ đâu nói đó ? Chắc người ta cũng đã kinh nghiệm lắm rồi mới nói.

Năm thìn là năm ngoái, cách nay tới một năm, xa quá, Tân Việt không nhớ ra có người nào chết hay không. Chớ năm nay, năm Tỵ nầy, thiệt chết ròng những người hiền là người hiền.

Kể ra in ít mà nghe, cũng đủ thấy lời ấy là thiệt. Nhưng lại phải biết người hiền có đâu cho nhiều mà không ít.

Bên Pháp, ông Thống tướng Foch chết vào khoảng tháng ba, ông Clémenceau chết vào khoảng tháng mười. Hai ông ấy chẳng phải là người hiền của nước Pháp sao ?

Bên An Nam mình, nửa năm trên, không thấy chết ai, tưởng là qua khỏi ; té ra có mấy tháng cuối cùng về phần nửa năm dưới mà chết hết bộn bề. Ông Lê Văn Huân, ông Ngô Đức Kế, ông Nguyễn Sanh Huy, rủ nhau về có một lúc. Mấy ông đó đều là người hiền của An Nam ta vậy.

Xin những người Pháp ở đây thấy vậy mà chớ nói rằng đem mấy ông đó sánh với ông Foch và ông Clémenceau của các ông. Không đâu, không ai so sánh đâu ; các ông có người hiền của các ông, chúng tôi có người hiền của chúng tôi.

Người Pháp cũng vậy mà người An Nam cũng vậy, không nên câu mâu[*] sự so sánh đó mà nên suy nghĩ sự sau nầy.

---

[*] *câu mâu* : H.T.Paulus Của (sđd) ghi nghĩa *câu mâu* là "hay quạu, hay bắt lỗi bắt phép".

Nếu câu sách Tàu ấy là thiệt, mấy người chết đó là hiền, vậy thì nội những người còn sống lại đây, bất luận là Pháp, Nam, đều là bất hiền hết cả sao ? Hoặc giả chúng ta đều là hiền hết cho nên mới qua khỏi cái năm tam tai nầy ?

Ai muốn làm người hiền thì năm tỵ nầy cũng chưa hết đâu, còn cho non một tháng nữa lận, cứ việc mà chết đi ; chết đi để được làm người hiền, để được tiếng khen ngợi.

Còn Tân Việt nầy chịu mặt bất hiền, rồng rắn đâu có bắt, nên cứ sống luôn, sống hết ngày này qua ngày khác, mỗi ngày mỗi có chuyện.

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.294 (12 và 13.1.1930)

HÒA BÌNH GÌ ? ĐỒ ĂN LƯỜNG NÀ !

Cái điệu cờ bạc, không chơi thì thôi, chớ đã chơi thì phải chơi cho mãn sòng, ăn thua mới sướng. Còn như ăn nửa chừng, rồi kiếm cớ không đánh nữa, kiểu đó xấu lắm, người ta kêu bằng "ăn lường".

Nếu có người ngồi vô sòng, đánh chén nào trúng chén nấy, vơ bạc đầy túi, rồi đứng lên diễn thuyết, nói rằng : Nghề cờ bạc làm hại người ta lắm, chúng ta nên tắt đèn, cuốn chiếu đi, đừng đánh nữa, – thì thúi quá, còn ai nghe được ?

Lâu lâu lại nghe có người xướng lên cái thuyết thế giới hòa bình. Hòa bình hay là ăn lường ? Sau những phần thưởng hòa bình Nobel, điều ước phi chiến K-H, lại có một phương pháp hòa bình mới.

Một nhà thiệt nghiệp Huê Kỳ mới đây có đưa một bức thơ cho phòng thương mại vạn quốc mà bày ra một phương pháp hòa bình rất hay.

Va khai tên ra 32 nhà thiệt rất có thế lực trong thế giới ngay nay, và nói rằng nếu 32 người ấy đồng tâm với nhau kết thành một đoàn thể, thì bất luận nước nào, dầu có cái dã tâm muốn gây việc chiến tranh cũng không có thể được.

32 người ấy tức là những người giàu về sắt, gang, than đá, dầu săng, cao su, bạch kim, đồ nguyên liệu làm giấy và các thứ của mỏ, khi họ kết thành đoàn thể rồi, có nước nào muốn gây việc binh đao, mà họ nhứt định không chịu cung cấp vật liệu cho, thì cũng phải thua(*). Va quyết luận rằng cuộc hòa bình của thế giới nằm trong tay 32 nhà thiệt nghiệp ấy, miễn là họ đoàn kết lại với nhau là được.

Theo Tân Việt, cái phương pháp ấy thì hay, mà cái kiểu chơi thì dở. Chơi như vậy không sướng : ai chơi ?

Cái sòng bạc cả thế giới nầy mở ra đánh có vài ba thế kỷ nay. Từ hồi đó đến giờ ai ăn ? Từ giấy săng giấy hoành cho đến tắt đèn, cuốn chiếu, đừng chơi nữa, thì thật là vô lý quá. Người đâu lại có người ích kỷ như vậy ?

Ăn thua lỡ rồi. Định thừa phải theo thừa. Thắp đèn lại đi. Trải chiếu ra. Ai còn đồng nào cho đặt hết. Dở cả "kè" nữa. Bất kỳ "mua bán" hay là "ăn có" chi cũng cho phép ráo. Như vậy mới là công bình chớ. Người ta thua, không cho người ta gỡ hay sao ?

Nếu còn ai nói chuyện hòa bình, còn ai diễn thuyết về cái hại của cờ bạc, còn ai vội vàng tắt đèn cuốn chiếu thì hết thảy con bạc họ vừa đi ra ngõ, vừa khạc nước miếng vừa nói : Đồ ăn lường nà !

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.295 (14.1.1930)

GHEN TUÔNG LÀ CŨNG NGƯỜI TA THƯỜNG TÌNH !

Ngày hôm qua *Thần chung* đã có thuật lại cái chuyện cô kia ngoài Bắc "vì thương con nên đến nỗi lụy chồng".

Trời ơi ! Lụy một cách tôi tưởng cũng không lấy chi làm dễ ghét lắm, lấy làm lạ lắm.

Song tôi chắc có nhiều người đọc qua cái chuyện ấy cũng cho là quái gở.

Không quái gở chi hết.

(*) bản gốc là "phải cua", ở đây sửa là "phải thua" vì ngờ là có lỗi in sai.

Cách mấy trăm năm xưa, tụi đàn ông mình cũng từng bày ra lắm chuyện chẳng khác chi chuyện mình mới hay đây.

Bên Á châu, thì chữ "xuân" của ông chi đó.

Còn bên Âu, thì ai đã từng vào viện tàng trân Cluny(*) lại chẳng thấy mấy dây nịt có ổng khóa sắt kêu là giây "bảo trinh".

Tiếng tục Lang Sa có câu : "Trong mình người ta có con heo đương ngủ". Chẳng phải riêng chi một việc trinh tiết của đàn bà đối với đàn ông, "trung tín" của đàn ông đối với đàn bà. Bất kỳ là việc chi mà loài người đã gọi là một cái "đức", thì cũng cần phải có đồ bảo vệ. Bằng không, chẳng làm sao mà tránh cho khỏi "con heo trong mình" nó thức dậy.

Có khi e cũng vì quá thạo nhơn tình, mà triều đình An Nam ta ngày xưa có bày ra một thứ lương bổng riêng gọi là tiền "dưỡng liêm".

Cô Bắc kỳ kia quả là người thạo nhơn tình thế thái mà lại thêm thuộc lịch sử. Mấy cái hòa ước của nước này ký với nước nọ mà người ta còn coi như "tờ giấy lộn" thay, huống chi là mảnh giấy cam đoan của lão chồng hứa rằng chịu giữ trung tín với vợ.

Song tôi chỉ lo cho cô đó một điều, là rủi như may khỏi bịnh, thì ôi chào chà ! mới ăn làm sao nói làm sao bây giờ ?

Hay là rồi lại ôm chồng mà sửa câu thơ cổ :

"Có chồng ai dễ sống chi lâu !"

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.296 (15.1.1930)

AI MUỐN SỐNG HAI SÁU MƯƠI ?

Chánh phủ mới gởi châu tri cho các báo hay rằng chừng tới trung tuần tháng Février, thì ông lương y Voronoff sẽ đến Sài Gòn.

Ông Voronoff là một ông lương y có cái ý tưởng lạ thường, từ mấy năm nay, cứ bo bo lo kiếm cho ra thứ thuốc trường sanh bất tử.

(*) *Cluny* : tên tu viện từng dẫn đầu phong trào cải cách trong Giáo hội công giáo (catholique) từ cuối thế kỷ X đầu thế kỷ XI.

Vả như lời Đức Chúa Giêsu đã dạy: "Ai kiếm, thì sẽ gặp". Ông Voronoff gặp.

Ông ta tìm ra thứ thuốc, chưa chắc là trường sanh, song cũng có thể nói như tục ngữ An Nam: "Nối tóc sống hai sáu mươi".

Cái nguyên lý của phương thuốc ấy như thế nầy :

Tinh lực người ta đều ở nơi hai bộ thận. Vậy muốn cho người đặng sống lâu hơn thường, thì không có chi hay hơn là bỏ bộ thận cũ mà đổi bộ thận mới vào, làm như lối tiếp mộc, bắt cây nầy tiếp qua cây kia mà làm cho cái cây tiếp thêm mạnh.

Đó là lý. Nhưng đến lúc thật hành, thì lại cần phải kiếm ra bộ thận.

Ông Voronoff lại nghĩ : Chỉ duy có khỉ là giống người hơn hết, thôi khỉ được rồi.

Mà nghĩ vậy thật nhằm. Chẳng phải khỉ là con thú giống người hơn hết mà lại người tức là khỉ. Song tôi chỉ trách Voronoff tiên sanh một điều, là không quan sát cho kỹ. Chắc chi người hơn khỉ mà lại làm cho khỉ chết đặng giúp người sống thêm ?

Thôi, cũng bỏ điều đó đi. Nói ra người ta giận.

Tôi nói cái phương thuốc ông Voronoff nghe nói thi hành bên kia đã có ít nhiều hiệu quả. Chánh vua Guillaume cũng đã để cho ông Voronoff "tiếp thận" rồi.

Ấy vậy mà chuyến nầy qua đây, sao lại chỉ tinh thí nghiệm thú vật mà thôi, chớ trong tờ thông tư không thấy nói chi đến người hết ?

Hay là, tuy chưa hề qua Viễn Đông chớ ông Voronoff cũng đã thạo biết người An Nam mình rồi ?

Phải. Khôn thiệt. Không nói đến người khôn thiệt ! Ở xứ nầy đây, sống theo lệ thường mà coi đã chịu hết muốn nổi rồi, huống chi là nghe theo lương y Voronoff mà sống hai sáu mươi, thì khổ biết bao nhiêu mà nói !

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.297 (16.1.1930)

ÔNG CLÉMENCEAU VỚI PHỤ NỮ

Sau khi ông Clémenceau(*) tạ thế, một bạn đồng nghiệp có bài nói rằng : Ông Clémenceau chết, có trối lại đừng cho đàn bà lại gần đi thể ông ; rồi nói thêm rằng : Không biết báo *Phụ nữ tân văn* đối với tin ấy sẽ có cái cảm tưởng thế nào.

Phụ nữ tân văn dè dặt lắm, không vội trả lời ; mãi đến số 37 mới ra đây, mới nói đến chuyện ấy.

Phụ nữ tân văn nhắc lại đầu đuôi rồi dịch luôn tờ di chúc của ông Clémenceau làm ngày 28 Mars 1929 mà đăng lên báo, để tỏ ra rằng trong di chúc của "Cọp già" nguyên không hề có câu nói về sự cấm đàn bà lại gần.

Theo Tân Việt thì trong tờ di chúc của ông Clémenceau, chẳng những không có ý ác cảm với đàn bà, mà lại, đối với đàn bà ông vẫn có tình đượm đà lắm cho đến chết.

Theo lời di chúc ông, ông có dặn liệm theo cho ông một cây gậy nạm sắt, một cái hộp nhỏ có bọc da dê, một cuốn sách nhỏ, lại hai bó hoa khô.

Trong các vật đó, chỉ cuốn sách nhỏ, ông có nói rõ rằng chính tay mẹ ông đã lấy mà để vào trong hộp, cho nên ông quý lắm ; thế thì đủ biết ông đối với đàn bà có cảm tình lắm, vì mẹ ông là đàn bà, không phải đàn ông.

Còn cái vật kia, tuy ông không nói rõ, song Tân Việt biết rằng đều là của đàn bà tặng ông hết. Cây gậy nạm sắt của người cô họ ông tặng ông, cái hộp da dê của người em gái ông ; sau hết, hai bó hoa của mấy người tình nhơn ông đưa cho ông làm kỷ niệm trong trận đánh Verdun hồi Âu chiến, vật đã mười năm nay mà ông còn giữ.

(*) George Clémenceau (1841-1929) chính khách, cựu thủ tướng (1906-09 ; 1917 – 20) Cộng hòa Pháp.

Nếu có ai hỏi Tân Việt thấy những sự tích nầy ở đâu thì xin trả lời rằng : Hễ bạn đồng nghiệp thấy cái tờ di chúc nói cấm đàn bà ở đâu, thì Tân Việt thấy những sự tích nói trên nầy ở đó.

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.298 (17.1.1930)

CÁCH XƯNG HÔ CỦA NGƯỜI MÌNH

Cách xưng hô của người mình hiện có thuở nay, thật là phiền phức quá. Phải tuỳ từng đấng bậc, đáng ông kêu ông, đáng thầy kêu thầy, đáng anh kêu anh, đáng chú kêu chú, nói ra không hết được, vì có nhiều cách và nhiều ý quá. Nay tôi chỉ nói sơ về đối với nhân vật hiện thời cùng nhân vật lịch sử, ta nên xưng hô thế nào. Ý tôi cốt muốn tìm một điều thông dụng cho tiện lợi trong khi hành văn.

Đối với nhân vật đương thời, tôi tưởng ta nên dùng một tiếng "ông" mà kêu, là tiện hơn hết. Tiếng "ông" của ta đó cũng tức như tiếng "monsieur" của Pháp, và tiếng "tiên sanh" của Tàu.

Sự xưng hô nó biểu lộ ra cái tinh thần của một dân tộc. Cách xưng hô trong tiếng ta sở dĩ chia ra nhiều thứ là tại xã hội ta trọng về giai cấp quá. Nay chúng ta muốn cho trong xã hội ta có cái tinh thần bình đẳng thì ta phải bỏ bớt đi mà dùng lấy một tiếng, tức là tiếng "ông" nói trên đó.

Cái tiếng "ngài" có vẻ quý tộc, nghe khó chịu quá ? Nó cũng như tiếng "Seigneur" của Pháp và "đại nhân" của Tàu. Sau khi Pháp và Tàu lập nền dân chủ thì đã bỏ hai chữ ấy không đem dùng trong lối xưng hô nữa ; nếu ta muốn bắt chước họ thì ta cũng phải bỏ tiếng "Ngài" của ta.

Còn đối với nhân vật trong lịch sử thì sao ta lại còn xưng những tiếng "ông" tiếng "đức" làm chi cho lôi thôi ? Tôi đọc cuốn *Việt Nam sử lược* của ông Trần Trọng Kim, tôi phục lắm ; nhưng

có một điều ông ấy hay dùng những chữ "ông" chữ "đức" thành ra nhiều chỗ ngô nghê, lấy làm khó chịu.

Tiếng nước nào cũng vậy, về nhân vật trong lịch sử, người ta đều kêu một cái tên trần mà thôi : Khổng Tử kêu Khổng Tử ; Văn Vương kêu Văn Vương ; Bá Di kêu Bá Di ; ta làm sao lại thêm chữ "đức", chữ "vua", chữ "ông" vào làm chi cho phiền ?

Nhứt là về sử học mà lại theo cái lối xưng hô của ta thì thiệt là trái với phương pháp học vấn đời nay. Bởi vì theo lối khách quan bây giờ, nhứt thiết phải dùng khách quan mà nghiên cứu. Nếu mình còn theo lối xưng hô ấy thì trong đó có hàm cái ý chủ quan rồi, thật là không tiện lắm vậy.

Do các lẽ trên đó, về sự xưng hô, tôi chủ trương rằng, đối với nhân vật hiện thời nên dùng một chữ "ông", đối với nhân vật lịch sử thì xưng cái tên trổng mà thôi.

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.299 (18.1.1930)

GIÀ, HÓA RA CON NÍT

Một nhà khoa học trứ danh tên là Wosky, người nước Pologne mà nhập tịch nước Mỹ, mới phát mình ra một cái thuật "phản lão hoàn đồng", nghĩa là làm cho người già trẻ trở lại.

Ông ta nói rằng: Người ta sanh ra đời nay, có nhiều cái làm cho hao tinh lực mà phải mau già, tức như cầm máy xe hơi, nói chuyện bằng điện thoại, coi chớp bóng, tuy không mệt nhọc gì lắm mà thiệt là giảm sức khỏe một cách vô hình, cho nên mau già là phải. Rồi ông ta mới tìm cách làm cho cái sức đã suy kém ấy được hồi phục lại. Cách ấy tức là dùng máu của người trẻ thụt vào trong huyết quản của người già.

Lần thứ nhứt ông ta thí nghiệm bằng loài vật ở tại Paris trong năm 1922. Dùng một con ngựa già 24 tuổi, một con dê 13 tuổi và

một con chó 14 tuổi. Con ngựa cái 24 tuổi ấy đã gầy còm chết, ông ta lấy máu của con ngựa cái hai tuổi mà thụt cho, làm 16 lần như vậy thì thấy con ngựa già mạnh lần lên và kéo xe được, nó lại sống cho đến năm 1927 mà chưa chết. Con dê cái 13 tuổi cũng dùng phép ấy mà nó trở nên tơ lại, và năm sau thì đẻ con.

Ông Wosky hiện có lập một y viện tại Paris, có nhiều người nhờ ông làm trẻ cho. Duy trong khi lấy huyết của người trẻ nào, phải được người ấy bằng lòng trước đã, sự đó hơi khéo một chút. Chính mình ông ta cũng đã thí nghiệm cách phản lão hoàn đồng ấy, nên tuổi đã cao rồi mà người còn trẻ măng.

Hay được sự phát minh nầy, chắc có nhiều người mừng lắm và từ đây về sau khỏi than câu : "Cái già xồng xộc nó thì theo sau".

Riêng Tân Việt thì Tân Việt cũng mừng nhưng mừng theo lối khác. Bổn phận của Tân Việt là mỗi ngày phải viết một câu chuyện, viết hoài viết mãi chắc nó phải hết đi. Nếu có thuốc làm cho trẻ lại hoài ắt Tân Việt càng sẽ biết thêm chuyện nhiều để dâng cho quý độc giả.

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.300 (19 và 20.1.1930)

HÈN CHI MÀ ĐẶT LÀ CÔNG YÊN

Vừa rồi bên nước Espagne họ có bày ra một cái lễ "khánh niệm" thuốc lá. Hãng bào chế thuốc bên đó làm lễ truy điệu một người tử vì... thuốc lá.

Nguyên đời xưa có một người Espagnol, tên Rodrigue de Ceres là bạn đồng hành của M.Colombo trong lúc đi tìm ra thế giới mới (tức là Mỹ châu bây giờ). Chừng về đến quê nhà, anh Rodrigue de Ceres lại cứ còn đeo theo thói cũ mà ngậm ống điếu. Rùi thay lúc bấy giờ người Âu châu chưa biết hút thuốc nghĩa là gì, nên thấy anh ta trong miệng phì những khói ra thì lại bảo trong

mình anh ta có quỷ hiện. Tòa án của đạo thiên chúa (inquisition) bèn bắt anh ta mà giam vào ngục trót 10 năm trời, không cho hút thuốc nữa.

Phải chi chúng ta có đủ quyền như họ hễ thấy ai miệng phì tinh những khói là bắt giam ngay thì tôi tưởng chẳng cần chi Hội liệt quốc phải phái người đi dạo.

Song chắc không được. Vì hễ thấy khói mà chạy vào đặng bắt, thì đã dòm thấy hai chữ "công yên" lớn tướng nó cản ngay trước cửa. Công yên, nghĩa đen là khói của nhà nước. Khói nhà nước. Bắt nhà nước sao? Chỉ có chút đó trở ngại.

Ấy vậy mà trái lại, thì ở đây nhiều khi mình từng thấy bất kỳ chuyện chi, mà hễ có khói là họ bắt. Vào nhà lượm được vài ba cuốn sách, ít tờ nhựt trình thì đã hô lên là cách mạng, cọng sản, thì có khác chi thấy khói thuốc mà hô quỷ hô ma ở đâu ?

. . . . . .

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.301 (21.1.1930)

LẠI CÓ CHẠY KINH ĐÀN, ĐỀ PHAN NỮA

Ông Phạm Văn Ngởi, thầy thuốc Sa Đec, gởi thiệp mời khắp lục châu đi xem cuộc chợ phiên Sa Đec.

Nghe nói cuộc chơi nầy xưa nay chưa từng có. Tân Việt lật đật dở chương trình ra xem :

"..., Hát bộ, hát cải lương, hát bóng, đánh võ An Nam, võ tây, thầy chùa chạy kinh đàn, đề phan, bóng múa và tâu rỗi(*), đề quây liên hình, bắn súng, đánh hổ, phóng lao..."

Thật, xưa nay chưa từng có thật. Mà đến cái lối xào bần, thì mấy hàng trên đây cũng là một lối tuyệt diệu.

(*) *tâu rỗi* : tâu gởi mà cứu ai, hoặc cho ai khỏi chết (theo H.T.Paulus Của : sđd.)
đề phan : đề chữ trên lá cờ phướn.

Sao lại có chạy kinh đàn, đề phan nữa ?

Đã biết Phạm tiên sanh là người có cuộc vui đầy tháng trận cười quanh năm, lại thêm ăn ở không khác gì tây, nên chưa hề có dịp chi phải rước thầy chạy kinh đàn, đề phan. Song tôi tưởng trong hạt Sa Đec hay khắp cả lục tỉnh Nam kỳ cũng còn cả ngàn cả muôn cái nhà An Nam đương lấy việc chạy đàn, đề phan làm một cái nghi tiết trong mấy khi hiếu sự.

Đem nghi tiết hiếu sự của người ra làm trò chơi của mình như thế có phải là ngạo mạn không ?

Có người thạo việc ở Sa Đéc nghe hỏi thì ngâm Kiều mà đáp :

- "Thưa rằng chớ lấy làm chơi !" Người ta làm chay thiệt, ông nghĩ coi...

- Thôi đừng nói việc riêng của người, không tốt.

- Anh kỳ quá. Người ta nói một đàng, anh hiểu một ngả. Người ta nói làm chay thiệt, là vì năm nay anh em Sa Đéc mùa màng thất thoát nhiều lắm, bần dân đói rách, tình cảnh quá thê lương, nên ông Ngỡi mới bày ra cuộc làm chay tâu rỗi mà cầu trời khấn phật...

- Ông ta thương dân Sa Đéc đến thế ru ?

- Trời ơi, anh quên sao chớ ? Năm ngoái tây, cũng vì ông muốn cho Sa Đéc khỏi mang cái tiếng ổ cách mạng nên ông mới buộc mấy ông hương chức, đặt bàn hương án, mặc áo rộng xanh mà lạy mừng ông Nguyên soái... Ở, ông ta không thương sao mà cũng lúc đó, mấy cái "nhà chưng đồ" của mấy ông cai, ông phó ông tinh chỉ có hai ba trăm chi đó...

- Vậy sao ?

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.302 (22.1.1930)

ĐƯA ÔNG TÁO

Ông bữa hăm ba về Đế đình,
Ngọc hoàng phán hỏi cứ làm thinh !
Cuộc đời thay đổi vần xây thế,
Có lạ chi mà khéo trớ trinh ?

Đó là thư của Tân Việt đưa ông Táo.

Nhưng chờ ông đi khỏi rồi mới ấn hành ra. Vì sợ ổng về trển ổng tâu với Ngọc hoàng, Ngài lại bắt chước Toà binh ngày xưa mà bỏ tù mình về tội làm thơ dở.

Nhưng nghĩ lại, thì ông Táo có về trển, làm thinh là phải hơn hết.

Dưới thế gian nầy có chi lạ đâu mà tâu.

Mạnh cũng cứ ăn hiếp yếu, giàu ỷ thế lấn nghèo, người quân tử thì phải chịu khốn nghèo, đứa tiểu nhơn lên xe xuống ngựa, đàn ông cứ thả mèo, đàn bà cứ ghen như chết.....

Từ khi có thế gian đến nay, tôi tưởng loài người cũng chẳng có chi gọi là thay đổi.

Nhưng về phần ông Táo thì chắc năm nay sẽ có hai chuyện khó, cần phải hỏi lại Ngọc hoàng.

Điều thứ nhứt là trong nước An Nam ta phong phanh chia ra làm ba cõi, mỗi cõi sẽ nói một thứ tiếng riêng(*), thì chắc trên trời cũng phải chia ông Táo ra làm ba địa phận, phải học tiếng chuyên môn. Và từ rày về sau ông ở Bắc chẳng bao giờ được đổi vô Trung kỳ hay Nam kỳ, ông ở Nam, ở Trung cũng vậy. Vì đổi lộn xộn thì có nghe chi đâu mà mong làm report gởi về.

Điều thứ nhì là nghe Tàu sắp bỏ Âm lịch. Nếu như họ bỏ thiệt, thì ông Táo biết ngày nào đâu mà về trời. Cần phải tâu với Ngọc hoàng coi thử Ngài có cho phép về bữa 23 Décembre không.

(*) Đây là tác giả nhắc đến những tranh luận đang diễn ra trên báo *Thần chung* và một vài tờ báo khác ở Sài Gòn về việc dùng tiếng Việt ; có một số ý kiến cho là "tiếng Nam" khác "tiếng Bắc" và yêu cầu soạn sách dạy tiếng Việt riêng cho học trò tiểu học ở Nam kỳ.

Đó là việc chung và chuyện riêng của ông Táo. Còn phần Tân Việt :

Ông nói hăm ba trở lại trời
Ngọc hoàng có hỏi việc chi tôi.
Nhớ tâu lẩn quẩn làm ăn vậy,
Câu chuyện hằng ngày thiếu mãi thôi !

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.303 (23.1.1930)

MƯỜI BẢY VIÊN ĐẠN MÀ CŨNG KHÔNG SAO

Chẳng bao giờ ai lại ngờ rằng có đạn súng sáu mà vào trong tạng phủ con người cũng vô hại.

Ấy vậy mà mới rồi đây tại thành Reims bên Pháp, Tòa có đem ra xử một vụ rất ly kỳ.

Một chị đàn bà kia, bữa nọ, bởi ghen tuông sao không biết rồi lấy súng sáu nhắm ngay lưng chồng mà bắn.

Chừng bị bắt giải về "bót", ngồi như tuồng nghĩ chuyện mình làm mà ăn năn và sẵn hộp đạn đương còn ở trong mình, chị ta bèn lấy ra mà nuốt trộng luôn 17 viên một nghỉn.(*)

Trong ý chị ta cũng nghĩ như mình rằng hễ đạn súng đã vào mình nhứt là vào đến tạng phủ thì phải chết. Chớ chị ta có ngờ đâu đến 17 viên mà cũng vẫn còn sống.

Nghe nói anh chồng nay cũng đã mạnh và cũng đã trở về hú hí với chị ta như cũ.

Anh đó gan thiệt !

Không biết nhiều khi đương ngồi với vợ, anh ta có giựt mình mà nhớ đến 17 viên đạn trong lòng chị ta không ?

Ừ, gan thiệt ! chớ phải chi nhằm Tân Việt, thì chắc e mỗi phút mỗi giựt mình, biết nó nổ "bất tử" lúc nào mà tránh.

(*) *một nghỉn*: một hơi, một mạch (theo Đặng Thanh Hòa: *Từ điển phương ngữ tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, 2005).

Tân Việt cũng đã thường thấy lắm người chưa hề nuốt đạn, mà cũng có dịp làm cho nó nổ thình lình, mình không biết đâu mà tránh. Huống chi chị nầy đây sẵn có 17 viên trong ruột.

Mà nghĩ rồi cũng buồn cười. Đạn vào mình thì chết. Chớ có ai ngờ đâu cả 17 viên chun vào tạng phủ mà cũng cứ sống tràn.

Chuyện ở đời thường khi giống như 17 viên đạn kia hay là chị đàn bà nọ. Mà đời cũng vẫn cứ tưởng là khôn.

Tân Việt cũng vậy.

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.304 (24.1.1930)

CÁI "MOA"

Tết thì phải chúc. Nhưng chúc theo cái lối chuyên môn của Tân Việt, thì Tân Việt phải chịu bó tay. Vì cụ Tú Xương đã dành hết rồi. Nếu lục lại mấy bài thơ "chúc giàu", "chúc sang" của cụ Tú vào đây, thì chắc e độc giả sẽ lại đường Filippini mà biểu trả năm xu lại.

Vì vậy nên Tân Việt không chúc.

Huống chi Tân Việt sợ e cái lễ Nguyên đán nầy chỉ còn năm nay là hết. Vì tết thời chưa tới, mà Tân Việt đã nghe lắm người sắp dở vấn đề Âm lịch, Dương lịch ra mà biện bác lại.

Âm lịch phải, mà Dương lịch cũng phải.

Ai theo Âm lịch thì được ăn bánh tét, ai theo Dương lịch thì xực "bòn bon". Tân Việt tưởng cũng vô hại.

Huống chi trong nghề làm báo mỗi năm thường có cái mùa mà chư quý đồng nghiệp bên Pháp họ thường hay kêu là "mùa chết". "Mùa chết" biết lấy chi đặng trám cho vừa cột báo, nên bên họ, thì họ bày ra thứ "rắn biển" :

"Bề dài, dài bây dài vầy. Còn bề ngang... bề ngang... ùa ua giựt vừa, chớ giựt làm con rắn tao vuông còn gì chơi !"

Bên mình có Âm lịch, Dương lịch.

Tân Việt nói chơi, xin chư quý đồng nghiệp đừng giận. Tân Việt cũng biết dùng Dương lịch có nhiều điều lợi, thứ nhứt là để ghi chép những sự lớn lao trong lịch sử cho thích hợp với đời nay.

Tàu họ tính vậy là phải lắm. Từ đây về sau trong nước Tàu chắc sẽ xảy ra nhiều sự lớn lao làm cho rúng động cả thế giới, nếu cứ dùng Âm lịch, thì bất tiện cho sự biên chép. Mình theo Tàu cũng như ông Darwin nói người ta con cháu của khỉ, nên hễ Tàu làm chi mình bắt chước nấy. Hồi trước Tàu dùng Âm lịch, mình Âm lịch ; bây giờ, Tàu Dương lịch, mình, Dương lịch chớ sao ?

Nói vậy Tân Việt chịu lắm, bỏ thăm luôn hai tay.

Chớ nếu có ai bảo rằng : An Nam mình cũng nên theo Dương lịch để tiện chép chuyện lớn lao trong nước của mình, thì Tân Việt nhứt định xin lỗi với họ mà nhắc cho họ nhớ câu tục ngữ Lang Sa: "Đừng có để cày ra trước con bò". Trước khi bỏ Âm lịch dùng Dương lịch để cho tiện sự biên chép sử sách, thì phải tính coi rồi đây mình có sẽ làm chuyện chi đáng chép không đã...

Mà không sao, Tân Việt dòm xem bên phái Dương lịch có thiếu chi anh hùng họ sẽ làm lắm chuyện đáng ghi chép. Lo chi chuyện ấy mà lo ?

Tân Việt chỉ còn ngại có một điều. Ngại cho người Tàu – là nếu như họ dùng Dương lịch, thì họ sẽ chia năm ra 12 cái gì ? Vì chữ "nguyệt" là bởi âm lịch tính theo mặt trăng. Nay tính năm theo năm mặt trời, thì dùng "nguyệt" nữa sao đặng ?

Hay là họ lại kêu là cái "moa"(*)? mình cũng bắt chước mà kêu theo, lại thêm ra một tiếng đồng âm nữa "việc moa nầy túng quá !"

- Vậy thời như Tây chớ sao ?

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.305 (28.1.1930)

(*) Tiếng Pháp: *moi* : tôi ; *mois* : tháng ; nhưng đều đọc là "moa" ; vì vậy có thể xem là từ đồng âm.

MẤY CHỤC NĂM NỮA, THÌ AN NAM MÌNH BỎ TỤC ĂN TẾT ?

Trong số báo tết của *Thần chung*, vì Tân Việt thấy một ít ông bạn đồng nghiệp cổ động biểu bỏ tết, nên sợ mà nói rằng : "E khi cái tết năm nay là cái tết chót".

Ấy vậy mà tết qua rồi, thì Tân Việt nghĩ e còn trên 21 triệu năm nữa, người mình mới hết ăn tết.

Đừng tưởng nói chơi, cái số năm ấy là Tân Việt đã cứ theo phương pháp khoa học mà tính đành rành lắm đa !

Tết vừa rồi, tuy là cổ động bỏ tết, chớ các báo cũng cứ nghỉ như mọi năm thường, nghỉ đến rạng mặt mùng sáu mới bắt đầu làm việc. Hỏi ra mới biết là bởi ấn công không chịu đi làm bữa mùng năm, ngày xấu.

Nếu chiếu vậy mà bàn, thì hiện nay bài cổ động vẫn còn chưa ảnh hưởng đến ấn công là hạng người gần mấy tòa báo hơn hết. Thế thời bao giờ mới phổ cập đến người trong nước ?

Mà thôi, tục ngữ Lang Sa có câu : "Chẳng ai thánh thần đặng với người trong xứ của mình". Ấn công là người trong làng báo, thì chắc cũng theo cái lệ ấy.

Và bởi vậy nên Tân Việt không chịu lấy số ấn công mà tính.

May đâu lại gặp đặng ông bạn đồng nghiệp, người chủ động việc bỏ âm lịch, bỏ ăn tết. Tối mùng một ông ra đường lù dù đi ăn tết. Tân Việt hỏi:

- Ủa, anh cũng ăn tết sao ?

- Một năm nữa, qua sang năm [. . . . .](*)

"Đặng lời như cởi tấm lòng", Tân Việt mới rủ ông ta cùng đi đánh chén mà thưởng xuân. Khuya về nằm nghĩ mà mừng thầm : "Ừ, nếu như theo kiểu này đây thì còn hơn 21 triệu năm nữa, An Nam mình mới bỏ mất cái tục tết mà theo hẳn Dương lịch !"

(*) bản chụp mất 1 dòng, chừng 7-8 từ.

Thật thế, chánh ngay người chủ động cái thuyết bỏ tết cũng còn cần phải đến 1 năm nữa mới thi hành. Huống chi là kẻ khác. Và theo sổ biên kê vừa rồi, dân An Nam mình ngày nay đông trên 21 triệu, mỗi năm chỉ hóa đặng có một người là mau nhứt, thì có phải là trên 21 triệu năm nữa cái cuộc cổ động bỏ tết mới có kết quả chăng ?

Mấy ông bạn mình họ bền chí thiệt.

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.306 (5.2.1930)

ÂN TÌNH NẶNG !

Chuyện Huê kỳ.

Cô nọ bị người tình nhơn hứa cưới rồi lại bỏ không giữ lời, tức ra Tòa kiện. Anh chàng ta như tuồng cũng muốn tính cho êm việc nên xin Tòa chịu bồi thường hai trăm đồng bạc sở tổn.

Cô ta nghe nói đến hai trăm, thì ra dáng giận dữ tức tối, đứng giữa Tòa mà la lớn lên rằng : "Trời ôi ! cái ân tình của tôi đau đớn như thế nầy, tôi đã chảy hết biết bao nhiêu tạ nước mắt mà chỉ tính có 200 đồng mà thôi. Đau đớn cái lòng tôi lắm... thôi thì trả cho tôi ... 300 đi là xong việc !"

Chắc nghe chuyện nầy, sao cũng có nhiều người liệng hộp phấn xuống mà trề môi : Cái ân tình quái gở ! Nhưng, than ôi ! xét lại cho kỹ, thì có cái ân tình nào mà chẳng tính ra bằng một số bạc.

Ân tình đời nay !

Mà đời xưa như tuồng cũng thế.

Tôi nhớ lúc còn nhỏ, nằm gần cạnh nhà người bà con, đêm khuya canh vắng, nghe tiếng một chú chàng kia đi lại to nhỏ với chị vú nọ, rồi nghe lời : "Như anh có thương tôi, thì tính cho xong đứa con dại...". Có bấy nhiêu mà tiếng giày nhẹ nhẹ sẽ lén đi ra, không nghe nói thêm chi nữa. Tôi nghĩ buồn cười, làm càn một bài thơ :

Nghe nuôi con dại khối tình tan !
Trách trước sao không nói rõ ràng ?
Bợ ngợ nửa đường lui tới khó
Một mình chưa rựa khéo đa mang !

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.307 (6.2.1930)

MẶT TRỜI KHÔNG NÓNG

Hiện nay có một nhà khoa học trứ danh Dauville W.Strarett đã xướng lên cái thuyết : Mặt trời không nóng.

Chẳng phải là nói vậy mà không bằng cớ gì, vì Strarett tiên sanh đã trải mười năm khó nhọc mới phát minh đặng điều ấy. Tiên sanh đã tìm ra nhiều lẽ chứng nghiệm rõ ràng rằng mặt trời không có khí nóng. Nội trong các lẽ chứng nghiệm ấy thì có mấy điều sau đây là dễ hiểu hơn hết :

1 - Lấy một miếng nước đá, một mảnh giấy nhựt trình, để nước đá nằm trên giấy rồi lấy cái kiếng hiển vi dọi bóng mặt trời vào thì tuy là giấy cháy, chớ nước đá không tan.

2 – Người ta cỡi máy bay, bay lên cao, cao chừng nào lại gặp lạnh chừng nấy. Nếu quả như mặt trời mà có chất nóng, thì cao chừng nào nóng thêm chừng nấy, chớ sao lại lạnh ?

3 – Cái ánh sáng của mặt trời cứ trển dọi cho thấu đến trái đất, tất phải trải qua mấy ngàn muôn ánh lý và trải qua nhiều chỗ lạnh dưới zéro bốn năm trăm độ, thì dầu cho chất nóng có cao đến đâu mà đã trải qua chỗ lạnh như thế tất cũng phải tiêu mất hết.

Bởi các lẽ đó nên tiên sanh Dauvill W.Strarett mới đoán rằng cái ánh mặt trời xuống đến đây mà sanh ra chất nóng là do bởi không khí mà sanh ra. Thế nên nơi nào không khí nóng nhiều thì ánh mặt trời mới nóng hơn nơi khác.

Cái thuyết mặt trời không nóng là như vậy đó. Chẳng biết rồi đây các nhà khoa học khác có chịu theo như vậy không.

Chỉ có một điều mà Tân Việt muốn nói với anh em là ở đời nầy chẳng có chi đáng gọi là chắc, đáng cho là định luật. Mặt trời thiệt kia mà cũng có lúc người ta biết là không nóng, huống chi mấy cái mặt trời giả ở xứ nầy : dầu cho có hầm hét cho ra lửa ra than, thì bất quá cũng là một lúc, rồi ra nguội ngắt, chẳng còn chút hơi hám gì…

Ở đời chẳng có chi chắc. Chỉ có câu "ở đời chẳng chi chắc" là chắc mà thôi.

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.308 (7.2.1930)

80 TUỔI VẪN CÒN THI ĐẸP !

Mới rồi ở Nottingham người ta có bày ra một cuộc thi sắc đẹp rất lạ lùng : người đoạt giải khôi nguyên là Maria Wite…

Nhưng tiếc rằng cô ta năm nay mới có 82 tuổi !

Trong cuộc thi sắc đẹp ở Nottingham chỉ có những người đàn bà nào hơn lục tuần mới được đến dự ; lại còn phải điểm trang theo tuổi mình ! Già gần cúp bình thiếc mà còn lịch sự, chớ sao !

Song nghĩ cho kỹ lại, cái đẹp nào phải cái của riêng của chị em đương còn mơn mởn đào tơ đâu… Hạc phát đồng nhơn, già cũng có khi xuân sắc còn phơi phới. Mỗi cái tuổi có cái đẹp riêng, dường như Trời dành để cho mỗi người mỗi vẻ vậy, tùy theo phong tục và xứ sở.

Tân Việt không biết nếu đem cô Tây Thi của Tàu, cùng cô Hélène của người Hy Lạp đấu xảo với các chị em Âu Mỹ bây giờ, hai người mỹ nhân ấy có đoạt được giải nhứt hay chăng, có thể được thiên hạ cho là đẹp hay chăng.

Cái đẹp của đàn bà cũng như các cái khác ở đời, cũng ở trong cái lệ tương đối.

Ông Trang Tử như tuồng có nói : Sắc người cho là đẹp mà cá thấy cá cứ chìm, nhạn thấy nhạn cứ sa. Thế cũng là cái lệ tương

đối, cho đến lời ông Trang Tử như vậy mà bây giờ trong thi văn hễ nói đến mỹ nhơn lại dùng chữ "trầm ngư lạc nhạn" mà cho là tuyệt sắc. Đó cũng là tương đối nữa.

Song trong câu chuyện nầy chỉ có điều chúng ta nên chú ý là chỉ ở Huê Kỳ mới có kẻ bày ra cái cuộc thi dị hợm như thế và cũng chỉ ở Huê Kỳ mới có một bà lão lụm cụm son phấn đi đến mà thi.

Nói thì mích lòng, chớ họ nhí nhảnh thiệt !

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.309 (8.2.1930)

NGHE NGƯỜI KHUA THỚT

Hôm qua, Tân Việt đương mơ màng giấc trưa, thấy mình quần áo ka ki hẳn hoi, đeo kiếng đen, xách súng hai lòng, sửa soạn ra đi thám hiểm ở Phú Riềng.

Mới bước chơn ra khỏi cửa, bỗng nghe ở hàng xóm có tiếng dao thớt động lên, êm ái diệu dàng quá. Rồi mùi thơm ở đâu lại theo tiếng ấy bay phưng phức trước mũi mình.

Bụng bảo dạ rằng : "Chém chết, làm bề gì ngày nay cũng có anh bốn Huế mời đi ăn giỗ. Gặp dịp biết chừng nào !"

Chẳng ngờ lúc vừa mở mắt tỉnh ra thì nghe ở ngoài có tiếng gõ cửa.

- Ai đó ?

- Tôi.

- Tôi là ai ?

Anh đi thơ trao lại cho mình miếng giấy hường hường, trên thấy đề rõ ràng bốn chữ : Đóng giấy thuế thân.

Không biết anh nào chơi cắc cớ, dưới mấy chữ ấy có gạnh con số 20 % đành rành, lớn xộn bằng cái khu tô(*).

- Cái gì mà 20 % ?

Tân Việt ngồi gãi đầu một chặp lâu, suy đi nghĩ lại kiếm không

(*) *khu tô* : chân (đế, đít) bát.

ra mối, vừa muốn vò mảnh giấy ấy cho rảnh, bỗng nghe có tiếng xe hơi Delage chạy vụt trước cửa, trông ra thấy ông Tây ở bên mình đi "hầu".

- À phải rồi ! Năm nay quan lại Tây xin tăng lương thêm 20 % mình sao mau quên như thế nầy ?

Họ xin ăn lên, Nhà nước nói :

"Các ông ơi ! Sổ công nho năm nay có dư 1.500.000 đồng mà thôi, mấy anh em xài đỡ bao nhiêu đó, sau rồi sẽ hay."

- Trời ôi ! Có được đâu. Chúng tôi coi ích lợi chung trọng hơn ích lợi riêng, nhưng giá bạc sụt, cuộc sanh hoạt mắc mỏ, chúng tôi chịu làm sao được, không khỏi nứt da bây giờ !

- Thôi....

- Không thôi gì hết thảy. Phải lên 20 % mà thôi.

Té ra tiếng khua thớt trên kia là tiếng của ai đâu, còn người đi ăn giỗ nào phải anh Tân Việt nầy.

Lúc nầy trời nắng gắt, ráng nuốt nước miếng cũng đã khát mà !

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.310 (9 và 10.1.1930)

ĐỪNG NÓI "CHÚNG NÓ" KHÔNG BIẾT MẮC CỠ !

Tân Việt bữa nay xin phép dùng tiếng xưng hô theo mẹo tây cho rõ chuyện.

- Chúng nó là ai ?

- Mấy cậu trai mới đi hỏi vợ lần đầu chớ ai !

- Đừng nói như vậy mà mích lòng thiên hạ.

- Mấy cô con gái chưa...

- Lại càng mích lòng hơn nữa.

- Chớ ai ?

- Giỏi đoán thử coi ! Một trăm ngàn. Chưa đặng hay sao ? Để Tân Việt nói phứt cho mà nghe : Chúng nó là mấy con thú bị chúng đánh bẫy.

- Thú mà mắc cỡ giống gì ?

Ấy, mình cứ tưởng như vậy hoài nên lầm lắm, "Bọn anh em hạ đẳng" nào có khác mình đâu. Nên chi mới rồi tờ hoạ báo *London News* có thuật lời nói của một nhà đi săn bắn đại tài rằng :

"Sự thấy một con thú dữ như con sư tử, con gấm mới bị bắt nằm trong rọ thật là say sưa vô cùng ! Cái giận của nó dữ tợn và hùng dõng lắm.

Nhưng, cái cảm giác đầu của chúng nó khi mới bị mắc vào bẫy là... sự mắc cỡ. Mắc cỡ sao để chúng lường gạt mình... Rồi mới quyết chí chống cự, trả thù. Về sau mới biết sợ sệt".

Nghĩa là cái tâm lý của bọn mãnh thú ở Ấn Độ, ở Phi châu cũng biết xét đến chỗ thua trí người mà thẹn.

Cái tâm lý này trái hẳn với tâm lý của bọn đười ươi ở nước Thục xưa kia thay !

Giống đười ươi nầy có tánh thích uống rượu, ham đi quốc, mà lại biết nói chẳng khác giống người chút nào. Máu chúng nó dùng để nhuộm mùi không khi nào phai, nên người ta hay gạt bắt nó lắm.

Ban đầu chúng nó còn bảo nhau rằng : "Ta đừng có mắc mưu loài khốn nạn chực hại mình". Nhưng sau lại rủ nhau chăm chút nếm rượu, nếm thét, say ngà, đút chơn vào quốc mà đi... bị chúng nắm đầu cả.

Than ôi ! Chuyện thú vật với chuyện người...

TÂN VIỆT

Thần chung. Sài Gòn, s.311 (11.2.1930)

CŨNG LÀ MỘT CÁCH ĐỌC BÁO...

Ở Huê Kỳ (cũng là Huê Kỳ nữa !) có người tên Golsmid mới kiếm ra một cách đọc báo lợi hơn cách nào hết.

Tân Việt đố ai biết anh ta đọc cái gì.

- Tiểu thuyết ?

- Không.

- Thời sự ?
- Không.
- Xã thuyết ?

Không, chi cũng không. Anh ta chỉ đọc mấy cái ai tín[*] mà thôi. Vậy mà buổi mai, buổi chiều, bữa nào anh ta cũng mua đủ thứ nhựt trình mà lựa mấy cái ai tín đặng đọc. Đọc ai tín có lợi. Vì hễ mỗi lần thấy tên chết, thì anh ta liền viết một bức thơ gởi theo một món đồ chi chạ chạ giá chừng vài đồng mà nói trong thơ rằng : "Hôm trước tôi tiếp đặng thơ ông mua đồ mà vì bận công việc nhiều quá nên không gởi gấp đặng. Vậy nay tôi kính xin gởi món đồ ông mua đến và xin ông nhận đồ rồi, thì gởi cho tôi một cái mandat 5 đồng, giá tiền món đồ ấy".

Ấy vậy nhà nào đương ở trong tang thứ mà tiếp được đồ của người mới qua đời mua mà chẳng nhận lấy di vật rồi trả tiền cho chú Golsmid mình.

Golsmid làm mãi như vậy gần hai năm trời không thấy có điều chi trở ngại. Dè đâu một bữa kia lại trúng nhằm cái nhà mà người mới chết đó trước đã đau bại nằm ở nhà thương gần nửa năm trời. Thấy thơ người trong nhà lấy làm lạ kiện chú Golsmid ra Tòa mà làm cho bại lộ mưu gian.

Túng chuyện, Tân Việt phải đem cái cách đọc báo nầy ra mà thuật cho chư độc giả yêu quý nghe. Song Tân Việt chỉ xin có một điều, là đừng bắt chước Golsmid, không phải là sợ bại lộ ra như chàng va, mà chỉ sợ ở Nam kỳ mình gởi đồ đi thì phải mất. Vì mỗi khi trong nhà có ai chết thì con cháu mắc dành tiền, dành của, dành gia tài, họ có nhớ chi đến người chết đâu mà phỏng gởi mandat cho Golsmid.

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.312 (12.2.1930)

---

[*] *ai tín*: tin buồn.

NHỮNG ĐIỀU TRÁI NGƯỢC

Ai mới bước chơn vào rạp hát thành phố đều thấy những câu "Cấm hút thuốc" dán cùng tường. Cô nào cậu nào muốn hút thuốc thì phải ra cửa ngoài, bằng không ắt có một chú lính đến rầy sao phạm phép.

Thế mà ai có ý một chút sao cũng thấy gần miếng giấy "Cấm hút thuốc" lại có lời rao khuyên người ta phải hút thuốc hiệu nầy hiệu nọ.

Hồi Tân Việt còn học trường bổn quốc có một ông thầy dạy vệ sinh. Mỗi tuần ông đều mỗi đọc bài kể cái hại của rượu và thuốc lá. Thế mà học trò đứng gần ông đều nghe mùi rượu nặc nồng. Còn thuốc thì ông vừa dạy vừa nối điếu kia sang điếu nọ.

Mới đây Tân Việt có dịp nói chuyện với một ông quan Lang Sa sở giáo huấn. Ông thuật rằng các quan Lang Sa đương xin tăng lương. Tăng là phải vì sự sanh hoạt càng bữa càng khó khăn. Với cái đời gạo châu củi quế nầy mà không xin tăng lương thì sống sao cho nổi.

Tân Việt nghe ông nói cũng phải và nghĩ ông là người lớn trong ty liền thưa với ông rằng : Hiện nay anh em Tân Việt làm việc dưới quyền ông đông lắm. Để Tân Việt biểu anh em làm một cái đơn xin tăng lương theo như chủ, nhờ ông đệ hộ lên phủ Toàn quyền và để lời nói giúp, vì cái đời gạo châu củi quế chẳng phải riêng gì cho ai. Ông ngẫm nghĩ hồi lâu, sắc mặt có hơi khó và đáp rằng : "Xin anh khoan đã".

Đố ai hiểu tại sao ?

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.313 (13.2.1930)

TỐT TÊN LẮM CHUYỆN

An Nam mình có tánh sợ "xấu háy" nên hễ hiếm hoi con thì lấy những tên tục tĩu để đặt cho con mình, mong sao con mình sống được là quý, sau nầy sẽ hay...

Song đó là phần ít. Phần nhiều ai ai lại không muốn có một cái tên nghe cho thiệt kêu, nói cho thiệt sướng, đọc cho thiệt đẹp, hoặc để tỏ một điều mình mong mỏi riêng, hoặc để cầu một sự nguyện vọng chung. Tên người thường như thế, mà tên ấp, thôn, xã, làng, tỉnh, xứ, nước cũng như thế. Cái thuật đặt tên tốt, tưởng không dân tộc nào sánh bằng dân tộc An Nam và Tàu !

Song, sau khi ra ở đời, do theo lẽ tấn hóa biến thiên trong tâm tánh người, và trong lịch sử một dân tộc, lắm khi cái tên ấy tốt bao nhiêu, lại sanh ra lắm chuyện xấu xa rắc rối bấy nhiêu...

Ở xã hội ta, biết bao nhiêu người tên Nhơn, tên Ngỡi, tên Phước, tên Đức, tên... kể sao cho xiết ! Nhưng đến lúc lăn lóc vào đời, Phú gì chẳng thấy, thấy nghèo chí tử ; Phước, Đức chi chi chẳng thấy chi, thấy rán sành cho ra mỡ, bóp cổ chặn họng thiên hạ, nếu được làm quan ; còn Nhơn, Ngỡi kia ... bạc chẳng thua vôi, đen chẳng thua Chà ; dành nhà dành cửa với bên vợ là khác ! Đó là tên người.

Còn cái tên đất đai, chỗ ở, xứ sở lại có lắm điều trớ trêu trái ngược hơn nữa. Đừng nói đâu xa, cứ lấy xứ An Nam mình mà đem ra trước.

Tân Việt mời anh em chị em nghĩ coi từ nước ta có lịch sử đến giờ có chút chi gọi là an không ? Nam tuy vẫn là Nam, song An, chẳng mấy khi an được, nhứt là về lúc thời kỳ cận đại Pháp Nam giao chiến với nhau.

Ai không biết tên Thái Nguyên thật là êm như ngủ, thế mà có một lúc ông Darles còn cai trị thì có việc chi gọi là thái hay là nguyên được chăng ?

Đến nay, Yên Bái cũng vậy. Yên gì đâu mà lính tráng nườm nượp, súng nổ ầm ầm !

Vòng vo tam quốc, nghĩ đến cái tên của thằng mình. Việt chi mà tân, nhiều khi túng chuyện, cũng phải cũ mèm như trái đất !

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.314 (14.2.1930)

CÓ PHẢI Ở ÂU - MỸ MỚI THẤY CHĂNG ?

Viên đại sứ Mỹ ở Paris bây giờ là M.Walter E.Edge. Ông này lúc tuổi trẻ cũng hàn vi lắm, phải đi bán nhựt báo để kiếm ăn. Thế mà vì ông có trí kiên nhẫn, có nghị lực, nên chẳng bao lâu đã giàu có, một mình làm chủ mấy tờ báo, rồi làm đến tổng đốc một quận. Ngày nay ông đã được bầu nguyên lão nghị viên nước Hoa Kỳ và được quan thống lĩnh Hoover cử ông làm đại sứ ở nước Pháp.

Tuy M.Edge ngày nay được vinh hoa phú quý đến tột bực rồi mà ông vẫn không lúc nào quên cái nghề bán nhựt báo. Vì vậy năm nào cũng thế, đến gần ngày tết, ông thiết một đại tiệc chỉ mời toàn người bán nhựt báo ở chỗ quận ông thôi. Năm nay ông đi sứ bên Pháp, các người làm nghề ấy đã tưởng tiệc kia sẽ triệt đi. Nhưng không, tuy ông ở bên đất Pháp mà trí ông vẫn nhớ đến anh em đồng nghệ nước nhà, nên hôm gần tết nguyên đán, ông có dặn người nhà thiết tiệc trong một nhà khách sạn lớn thành phố Nữu Ước. Hơn ba trăm người vừa đàn ông vừa đàn bà, ngày thường chạy vòng phố rao nhựt báo, hôm ấy đến dự tiệc của quan sứ thần. Trong khi đang ăn uống, thì tiếp được bức điện văn sau nầy của M.Edge tự Paris gởi về :

"Tôi xin có lời chúc mừng các bạn làm nghề bán báo, sang năm mới 1930 được vạn sự như ý".

Một người tuyên đọc bức điện văn xong, cả từng ấy người dự tiệc đều vỗ tay hoan nghinh. Chắc hẳn lúc ấy tuy chẳng ai nói ra,

nhưng trong bụng người nào là cũng chúc mừng thầm quan đại sứ ở đất Pháp.

Chép chuyện như vậy, rồi quý đồng nghiệp *Trung Bắc tân văn* lại hỏi: "Giàu sang mà không quên nghề cũ, có lẽ duy chỉ ở Âu Mỹ mới thấy có chăng ?"

Quên nghề cũ cùng chăng, thật Tân Việt không biết. Song chỉ có một điều chắc là nghề nào chẳng nói làm chi, chớ nghề bán báo ở xứ nầy thật chẳng mong gì giàu sang và nhứt là làm đại sứ. Đừng nói bán, người viết báo, chủ nhiệm báo ở xứ mình cũng thế, cũng chỉ mong như Tân Việt, "luẩn quẩn làm ăn vậy", thì có thế nào biết quên nghề cũ cùng không !

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.315 (15.2.1930)

AI MUỐN VÔ HỘI CỦA TÂN VIỆT ?

Tân Việt không nhớ ông Tây triết nào nói rằng : "Người mạnh nhứt ở thế giới là người ở một mình mình". Mình không biết ổng có chán đời, chán xã hội hay chăng, nên mới thốt ra câu ấy, song cứ do đó mà xét, ông Cụ nầy thật là người ghét đoàn tụ lắm. Đoàn tụ chừng nào thì chỉ cho người biết mình yếu chừng nấy, theo ý ổng chắc là như vậy đó. Nhưng có ông khác lại phản đối trước đã mấy ngàn năm nay. Ông nầy nói rằng :

"Người là con vật ưa đoàn tụ hiệp quần". Thế thì hai bên, ai muốn theo bên nào ?

Nói gì thì nói, cái đời nầy ở chông lông cheo leo có một mình mà làm gì cho nên chuyện. Nên ta cần phải lập hội lập hàng là trước nhứt. Ấy là ý kiến của vài ông thanh niên đương trù tính.

Có người hỏi Tân Việt: "Anh muốn vô hội không ?

Tôi cười mà đáp : "Tôi chỉ lập một cái hội riêng mà thôi, cần chi phải xin vô hội khác tốn tiền vô ích. Hội Tân Việt lập ra đây

xin ai đừng tưởng hội cọng sản, cọng sản hay là cách mạng cách mét gì. Hội nầy xin tạm đặt tên là : "Hội thằng ngu".

Muốn xin vào hội khỏi đóng tiền, nhưng phải y theo 2 điều nầy :

1 - nhận mình là người ngu mới được ;

2 – đi hội phải ngậm thẻ nín thinh.

Tam ngu thành hiền, mình lo chi hội mình không được ba anh em hoan nghinh ! Còn cái làm thinh, để có dịp sẽ nói. Đều nói thì nói vậy, chớ cái hội của Tân Việt xướng ra ngày nay đây, chắc không ai thèm vô hết, rốt cuộc, chức Hội trưởng cho đến chức thơ ký và lon ton đều giao về cho mình hết ! Được như vậy cũng rất lý thú thay !

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.316 (16 và 17.2.1930)

CÀNG VĂN MINH LẮM CÀNG ĂN NĂN NHIỀU !

"Ở dưới mặt trời nầy không có chi thay đổi" – ấy là câu tục ngữ để chỉ rằng trong thiên hạ bao giờ vẫn có bấy nhiêu điều trở đi rồi cứ trở lại như cũ.

Nói thì nói thế, chớ ở đời nầy, biết bao nhiêu sự thay đổi xảy ra trong mỗi phút, mà ltại con mắt ta eo hẹp không trông thấy kịp, nên mới cho thiên hạ vẫn còn đứng một chỗ như xưa. Loài người càng đông đúc bao nhiêu, văn minh cơ khí càng phát đạt bao nhiêu thì những sự thay đổi càng nhiều bấy nhiêu. Có sự thay đổi mình coi mình mừng, có sự thay đổi mình buồn mình sợ. Cái lòng người thay đổi ta nên liệt vào hạng sau nầy. Những điều thay đổi trong trời đất, người ta còn có thể nhờ máy mà đo được, chớ cái lòng người thay đổi biết lấy chi đo bây giờ ! bao nhiêu, mà thay đổi bao nhiêu lại ăn năn bấy nhiêu. Mới đây, có một người thanh niên Mỹ nhơn đọc báo thấy lời rao của một cô hãy còn xuân xanh đương còn treo giá ngọc, nên mới tính thơ từ tỏ chút niềm tây. Cô thiếu nữ nầy qua lại Huê Kỳ cũng không thua anh thanh niên kia nên chẳng

bao lâu, được lời như cởi tấm lòng, tuy chưa thấy mặt nhau mà đã đồng tâm thề nguyền cố kết. Ngặt nỗi đường sá cách xa, đi về bất tiện, biết làm sao cho loan phụng gần nhau bây giờ ?

Dòm đi dòm lại, kiếm quất quanh, không thấy chi khác hơn là cái máy giây thép nói ở trên bàn giấy mình.

- Được lắm! Được lắm ! Cần chi ai làm mai dong, chớ ông Thần Điện Thoại ở trước mặt mình đây chi ? Allô ! Allô !

- Allô ! Allô !

- Phải mình đó chăng ?

- Phải.

- Tôi thương mình lắm. Tôi định cưới mình.

- Được.

Ở bên kia giây, vài phút sau có một ông cố đạo đứng kề tai nghe hai người thanh niên thề nguyền, và để tỏ ít lời ban phép lành cho họ. Thế là cuộc hôn nhân đã xong.

Ngày mai anh chồng mới cưới vợ – khỏi lề mề phiền phức như An Nam mình ! – mới quay giây thép nói định chỗ hiệp mặt với vợ mình.

Quần áo bảnh bao, nón giày bảnh lảnh, phen nầy quyết lên cho tận cung trăng. Nhưng đừng cho chị Nguyệt biết mặt mình mới phải là người cao trí...

Khi đến chỗ hẹn hò, chàng thanh niên giả dạng khách du, vô thấy mặt vợ mình rồi, thì vội vàng, xách gói về tuốt!

Bữa sau, anh ta quay giây thép nói xin ... để vợ mình !

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.317 (18.2.1930)

UỐNG RƯỢU HOÀI CŨNG SỐNG DAI ĐƯỢC VẬY !

Chắc ông Fontaine khi mới đọc cái tựa câu chuyện hôm nay không khỏi vuốt râu vỗ bụng nhăn răng cười mơn mởn mà rằng:

"Chà ! anh Tân Việt ảnh biết điều quá chớ ! Ảnh làm quảng cáo cho mình mà ảnh không đòi một xu nhỏ nào, thật tử tế vô ngần !"

Thưa với Cụ, Tân Việt thuở nay không chơi với men, có đâu dám quen với Cụ. Tân Việt không có ý gì đi vay hỏi của Cụ đâu, nó có bao nhiêu ăn bấy nhiêu, miễn một ngày có một chuyện là đủ. Mà chuyện bữa nay lại nhằm ba anh em tên là Bako ở thành Budapest chớ chẳng phải nhằm thuốc nước của Công ty đâu!

Ba anh em nầy đều sống dai lắm. Người anh cả được 108 tuổi rồi ; người thứ hai, theo gần bén gót, chết được 103 ; còn ông thứ ba, còn măng hơn một chút : một trăm thiếu mười mà thôi.

Có người lấy làm lạ nghi rằng ba anh em Bako được tiên truyền cái phép trường sanh bất tử, hay là nhờ rắn dạy cách lột da, hay là đi tắm suối de Jouvence (fontaine de Jouvence) nên mới được thọ đến thế. Nhưng ông thứ hai thú thật rằng ông mà được dẻo dai cho đến bây giờ là nhờ ông có điều độ lắm. Từ nhỏ tới lớn ông chẳng khi nào nếm một chút rượu.

Trái lại, ông thứ ba nói rằng ông vẫn còn xuân mãi đây là nhờ ông uống hủy uống hoài, uống cho đến hũ chìm tĩn bể.

Sau hết, ông anh cả, giữ cái đạo trung dung, hoà hiệp hai lẽ lại một, cho rằng say sưa là tật đáng tội, nhưng cứ kiêng cũng có hại cho sức mạnh mình.

Người nào có lý thuyết người nấy, ai dễ nhịn ai ; cái chỗ ăn thua biết lấy chi làm định lệ bây giờ ?

Không khó chi cả. Cá, ba anh em ta hãy đánh cá với nhau chơi. Muốn chứng cái thuật trường sanh của mình có y như lời, người em ắt phải sống đến 100 tuổi, còn người em thứ hai hãy sống đến 108 tuổi. Còn người anh cả ? Chẳng nghe nói tới. Nhưng Tân Việt nghĩ nếu ông ta thấy hai em mình mà sống đến tuổi đánh cá rồi ông ta chắc vuốt râu, cười mà nói: Em hai cũng phải. Em ba không quấy chỗ nào. Song hai cái phải của hai em không bằng cái phải

của anh đâu, vì cái phải của anh quý tại ở chỗ đạo trung dung vậy ! Học già hão, mà uống cũng già hão ! ! !

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.318 (19.2.1930)

XIN CHÁNH PHỦ DÙNG CHÁNH SÁCH VÕ LỰC

Ấy, chẳng phải Tân Việt nầy xin đâu. Dầu Tân Việt mà có trung thành đến thế đi nữa, thì ai cũng tưởng Tân Việt nổi trào phúng, khôi hài chơi mà thôi.

(Tòa kiểm duyệt bỏ một đoạn)

Báo *Courrier Saigonnais* thì nhắc đến luật Gia Long, gặp những cuộc rối loạn như vậy, thì giết cả ba họ những tay cách mạng.

Còn báo *Impartial* cứ kêu gào xin phạt bà con thân quyến, xin phạt làng xã, và phạt luôn cả quan lại nữa. Anh em nghe chưa ? Phạt luôn cả quan lại.

Quan lại thay mặt chánh phủ mà cai trị dân, nay xảy ra việc cách mạng trong tỉnh mình, mà phải mang tai bay hoạ gởi, như mình có sự dung dưỡng vậy. Khi nào người ta dựa vào quan lại như dựa vào cột đình để rọi ánh văn minh cùng khắp dân chúng, bây giờ có chút trái phá nổ, có chút máu rơi, thì báo *Impartial* chỉ ngay vào mặt mà rằng :

"Tại các ông hơ hỏng(*) không chịu dò xét tình thế và dân tâm trong bổn huyện, bổn tỉnh rõ ràng, nên ngày nay mới sanh ra cuộc lưu huyết như vậy. Đã làm "phụ mẫu dân" thì con mắt phải soi cho cùng, trí phải giăng cho khắp, có đâu lơ đĩnh đến thế ?"

Tân Việt không phải binh chi mấy quan lớn mang bài ngà thẻ bạc nhưng nghĩ thật ức tình lắm thay !

(Tòa kiểm duyệt bỏ)

(*) *hơ hỏng* : lơ đễnh, không cẩn thận (theo *Từ điển phương ngữ Nam Bộ*. sđd.)

Báo *Courrier Saigonnais* và *Impartial* vì máu nóng mà kêu ca như thế, chớ Tân Việt tưởng Hội đồng đề hình, máy bay, súng liên thinh cũng đủ rồi, lựa là phải tru di tam tộc, lựa là phải phạt làng xóm quan viên.

"Cái khôn khéo nhứt là cai trị không có võ lực". Chánh phủ nào dùng võ lực thật là một sự bất đắc dĩ đó thôi.

(*Tòa kiểm duyệt bỏ một đoạn*)

Nói thì nói vậy thôi, chớ quan Toàn quyền là người thâm Hán học, lẽ nào không nhớ chuyện người đàn bà nước Tề, ngồi khóc ở núi Thái Sơn, ở trong *Lễ ký* hay sao ?

Người đàn bà ấy mất con, mất chồng, mất cha chồng, vì bị cọp ăn hết, thế mà không chịu bỏ chỗ ở mà đi, ngồi khóc mà thôi, có người lại hỏi thì trả lời rằng : "Tuy vậy, nhưng ở đây chánh sách quan trên không đến đỗi hà khắc như các nơi khác".

Cái lời nói của người đàn bà nầy không rõ quý đồng nghiệp *Impartial* và *Courrier* có hiểu chăng ?

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.319 (20.2.1930)

SẮC PHỤC VÀ DÂN QUỐC

Báo *Saigon Républicain* mới nhắc lại cái bộ đồ sắc phục của mấy ông thượng dưới đời Đế chế thứ hai bên Pháp mà nói rằng mấy ông thượng dân quốc đời nay vẫn còn mặc được thứ đồ sắc phục ấy, vì tờ chỉ dụ bày nó ra đến nay cũng chưa huỷ bỏ.

Áo xanh, nút vàng, quần tơ trắng, chạy "lon" vàng, nón lông, gươm chạm lọng. Đẹp thiệt ! Song chỉ có một điều mà người ta không chịu bận nữa là giá nó mắc quá. Có kẻ đã tính phỏng rẻ hơn hết là 8500 quan tiền tây.

Tám trăm năm chục đồng đối với một ông thượng thơ nước Pháp, thì thật cũng không lấy chi làm mắc. Nhưng cứ theo cái kiểu

thay đổi tòa nội các như đàn bà đẹp thay áo "chemise", thì khó chịu lắm. Bên Pháp thường khi có tòa nội các chỉ nắm chánh quyền có hai ngày. Sắm bộ đó 8500 quan mà bận không được lần nào hết, thì mắc thiệt.

Có khi cũng bởi sự thay đổi quá thường, nên mình thấy mấy ông Thủ hiến xứ nầy bận đồ sắc phục coi đơn sơ lắm. Mà từ rày về sau, mình lại càng thấy đơn sơ hơn nữa.

Đó là chuyện người ta. Còn triều đình mình thì sắc phục lại còn lôi thôi hơn nữa mà e khi giá cả cũng chẳng kém chi ai : mão, áo, đai, hốt, hia, cùn(*) (chỉ thiếu cái quần) tính ra cũng bộn tiền...

- Vậy sao các cụ mình lại không sợ tốn ?

- Tốn chi ? Mỗi cụ cứ ngồi ỳ ở đó ba bốn chục năm trời, thì dầu cho có mắc bao nhiêu, tính đổ đồng ra số đồng niên nó cũng phải rẻ. Huống chi nhiều bộ đồ triều phục từ đời Minh Mạng đến nay, cụ nầy để lại cho cụ khác.

Ông cha rận rệp ở đó chín mười đời nay, trải biết bao nhiêu cuộc tang thương, có khi đối với việc nhà vua, chúng nó ngày nay đã thành ra những tay sử học "cừ" nhứt trong nước.

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.321 (22.2.1930)

VIỆC ĐỜI VÀ BỮA ĂN !

"Những việc lớn trong thiên hạ đều bàn tính trong bữa ăn" – cái câu nói nầy thật là thấu rõ nhân tình lắm thay ! Chư độc giả có

(*) Theo Huỳnh Tịnh Paulus Của (Sđd.) :
mão : mũ, đồ trang sức đội trên đầu ;
áo : đồ mặc che phần trên thân thể hoặc phủ ngoài ;
đai :vòng tròn, nịt phần giữa thân thể ;
hia : giày lớn, bao lên tới ống chân ;
hốt : cái thẻ dài, cầm tay, đặt ngang ngực lúc vào chầu trong cung ;
cùn : chỉ chung đồ mặc phần trên thân thể.

biết cái ý kiến lập Âu châu hiệp chúng quốc ở đâu mà ra chăng ?

- Ở trong bữa ăn.

Ông Briand mời các tay cừ trong chánh trị giới ở Hội Vạn quốc uống ngồi bàn với mình, trong lúc muỗng, nĩa, ly cụng nhau thì cái địa đồ Âu châu Hiệp chúng quốc lại lần lần lộ tên trên đĩa ăn của mỗi cụ thượng mỗi nước. Cốc rượu sâm banh ực xong, điếu xì gà hòa bình hút tàn, thế là cái ý kiến Âu châu hiệp chúng quốc đã thành hình nên vóc rồi.

Các ngài có biết tòa nội các Chautemps ở đâu mà ra chăng ?

- Cũng ở trong bữa ăn chớ ở đâu !

Quan giám quốc Doumergue muốn nắm cương các tay nghị viên, nên dọn một bữa đại tiệc mời các ngài lại, rồi mới chậm rãi cười nói rằng : "Món ăn nầy chỉ có đầu bếp tôi nấu được mà thôi, thật là ngon vô cùng... Ngài muốn bộ nào ?"

- Bộ hình.

Bộ hình về tay người trả lời đó.

Rồi ngài cười nữa, lại nói : "Con cá nầy, cách nấu phải học tận bên Tàu, ngài chịu bộ nào ?"

- Bộ Thuộc địa.

Thế là bộ Thuộc địa đã có một cụ thượng mới rồi !

Thói đời xưa nay nào có thay đổi chi : có nhơn, có nghĩa, có trung, tín, chỉ trong bữa ăn mà thôi.

Cho nên, trong buổi nầy, những người muốn toan lo việc nước, cần phải học đôi chút ít tánh tình hào hiệp của Mạnh Thường Quân mới được.

Nói thì nói vậy, chớ Tân Việt thấy biết bao nhiêu "cây cột" ở ta không toan lo việc gì mà cũng có ăn mãi thì sao ?

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.322 (23 và 24.2.1930)

BẮT CHƯỚC CỤ BỐ CHÁNH TỪ NGUYÊN MẠC

"Có hai thứ chánh trị, một là chánh trị ở lỗ miệng (politique de bouche), hai là chánh trị có bằng cớ hiển nhiên (politique aux preuves palpables). Chánh trị lỗ miệng, như cụ Phan Văn Trường thì mới được ăn ở theo tù quốc sự, còn các anh thuộc về hạng dưới, thì ăn cơm khô với cá thúi mà thôi".

Tân Việt có dè cụ Bố chánh là người "phát minh" đại tài như vậy đâu ! Rồi nghĩ lại những kẻ trách nước ta không có nhân tài là những kẻ nói tầm bậy tầm bạ quá, không chịu ngó xa đến tỉnh Ninh Bình.

Tân Việt tánh hay bắt chước, phen nầy bắt chước "phát minh" định nghĩa một vài chữ như cụ Bố chánh Ninh Bình chơi. Xin độc giả hãy ngồi yên mà nghe :

Trước hết Tân Việt không nghi ngờ chi, nhận rằng cụ Bố chánh chắc là người đàn ông như Tân Việt nầy vậy. Nên Tân Việt cắt nghĩa, chữ đàn ông như vầy : "Tiếng chung để ôm gồm cả đàn bà", không biết được chăng ?

Sau lại, Tân Việt cũng nhận chắc quan Bố có một cái miệng như Tân Việt. Cái miệng là cái ống thông hơi để tẩy những điều ô uế, không biết được chăng ?

(Tòa kiểm duyệt bỏ một đoạn)

Tân Việt nghĩ mình không phải là tay "phương diện quốc gia, quan trên ngó xuống, người ta trông vào" nên cho cái ngông cuồng của mình là một cái thú trong đời, cũng như trong tô canh, có bỏ thêm chút muối mới ngon vậy, miễn là Tân Việt giữ sao khỏi lúc đi thì trắng, lúc về thì đen đó thôi !

Còn những tiếng nhiều chữ mà Tân Việt muốn cắt nghĩa lắm, để góp lại làm một cuốn tự vị còn con chơi, nhưng hiềm lúc nầy trời nắng gắt, chữ có hồn e nó căm giận mình, sao khéo thảy lay

không cho nó nghỉ mát, để kéo đầu nó ra như chữ chánh trị, thì tội nghiệp nó lắm !

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.324 (26.2.1930)

THẾ NÀO GỌI LÀ "KHÔI HÀI"

"Khôi hài" cũng là hai chữ dịch tạm chữ "humour" cho dễ hiểu, chớ kỳ thiệt khôi hài cũng chưa phải là "humour".

Có người đã cắt nghĩa chữ humour như vầy : "humour là một lối văn mà trong đó có 25 phần vui, 15 phần trào phúng, còn bao nhiêu thời tinh những là buồn cùng đau đớn".

Ấy vậy mà Tân Việt viết "humour" gần hai năm nay, những ai là người độc giả đã nhận ra cái cân lượng ấy ở trong câu chuyện hằng ngày này chưa ?

Nói cho đúng, thì chắc cũng chưa có ai nhận ra như vậy. Vì chánh ngay Tân Việt cũng chưa hề làm đúng theo cái thể lệ ấy.

Ừ, trong câu chuyện hằng ngày vẫn một hai khi cũng có trộn đủ buồn vui đau đớn. Tuy là ít, song cũng có.

Chỉ ngặt vì một nỗi, chánh ngay nơi cái cột vắn tắt nầy cũng chẳng phải một mình chi Tân Việt : Tân Việt đã ba ngôi mà ngoài ra lại còn toà kiểm duyệt.

Bởi vậy nên chi lắm lúc câu chuyện hằng ngày chỉ còn những vui là vui, buồn đi đâu mất, đau đớn cũng vắng teo. Phần nhiều thời cái vui nó hay "hui thùng xàn", duy những buồn và đau đớn nằm ỳ ra đó mà cười một mình.

Song lấy theo cái tài viết "humour" của Tân Việt thời điều đó cũng là điều may. Sáng mai nào các bạn độc giả yêu quý tiếp đặng tờ báo *Thần chung* rủi thấy nơi cột "câu chuyện" nhiều lỗ trống trơn, thì xin hãy cứ nói thầm trong bụng : "Chà, uổng quá ! Đoạn nầy chắc hay lắm. Mà có khi e bởi mấy khoảng trống nầy mà chú Tân Việt hôm nay không trúng với thể thức lối humour".

"Cá sảy cá lớn" là thường tình. Nhưng thật chẳng ai ngờ tòa kiểm duyệt là chỗ giúp sự sống cho mình, nghĩa là đã gây ra một thứ ảo tưởng.

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.325 (27.2.1930)

LỜI TIÊN TRI CỦA BÀ BECK

"Một người vĩ nhân, một người đại vĩ nhơn xuất thế ở ngoài chưn trời Âu châu. Trong tên người ấy có chữ Z. Người đó gồm đủ sức mạnh cùng tri hóa lạ thường. Giống như Nã Phá Luân, người ấy sẽ ra mà làm cho lịch sử Âu châu thay từ trên chí dưới".

Đó là lời tiên tri của bà bá tước Beck, là bà thầy coi bói danh tiếng nhứt ở Allemagne bây giờ.

Người vĩ nhơn trong tên có chữ Z ! Người ấy chắc không phải là An Nam rồi đa. Tên An Nam đâu có chữ Z... Sao lại không, lúc nọ có người muốn sửa quốc ngữ, đổi D ra Z, thì đã có một ít người An Nam sanh nhằm thời kỳ đó đặt tên lấy Z làm D : Lê Zu, Trịnh Đình Dzư, Dzu... Z thì có, nhưng ra mà làm cho lịch sử Âu châu đến phải trộn mùi, thì chắc là không. Làm cho sử An Nam đặng vậy, mình cũng đã mừng rồi.

Bà Beck lại còn nói :

"Rồi đây sẽ có giặc khắp cùng thế giới. Giặc nầy khởi sự ở Viễn Đông, tràn dần qua mấy nơi lãnh thổ nước Pháp, rồi đốt lửa cháy khắp bầu trời".

Bà Beck nói trúng hết. Chỉ duy có điều nầy là trật :

"Còn đàn bà, mấy chị đàn bà họ sẽ xen vào trường chánh trị. Và bởi họ xưa nay đã làm nhiều điều hoạ hại, nên bây giờ họ sẽ làm hoạ hại lớn hơn thêm".

Xin lỗi với mấy bà, chớ Tân Việt dám quả quyết rằng bà Beck nói bậy.

- Chú mầy nói xưa nay đàn bà không hề làm điều chi họa hại hết hay sao ?

- Không, ai nói vậy. Bà Beck nói bậy là vì Tân Việt tưởng từ đây về sau, mấy bà không thế gì mà cho ra họa hại lớn hơn trước nữa đặng... quá "lố" rồi.

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.326 (28.2.1930)

HỌC GIỎI LÀM GÌ ?

Vừa rồi, một cô nữ học sanh, vì tức mình học dở, bị chị em chế nhạo hằng ngày, nên mới tính cách trả thù rất êm ái không ai ngờ được : cô đem cái hường nhan thơm như phấn đẹp như lụa mười chín xuân thu của mình mà phú cho giòng nước bích vô tình chẳng tiếc kia...

Tân Việt xin cãi với linh hồn cô không vì xuống dưới cô làm [.....[(*) cái trường nữ học nào mà không có những em độc ác như vậy chăng ? Nhứt quỷ, nhì ma, thứ ba cô cũng biết là ai rồi, cớ sao cô đành quyên sanh như thế ?

Nếu cô mà biết nhẫn nhịn một chút, rồi tò mò mà ra hỏi chị em kiêu ngạo mình rằng : "Các chị học giỏi tôi xin phục. Nhưng học giỏi làm gì ? Tôi không phải hỏi các chị em ở đây mà thôi, tôi lại còn hỏi luôn các anh em chị em khắp thế giới nữa.

Tôi không nghe bà Trưng bà Triệu học với ai, thế mà ngàn năm sử còn ngợi khen chép để. Cho hay cái học của mình bất quá là một món thừa ra mà có ích một chút đỉnh đó thôi, chớ nào có để làm gì cho nên chuyện.

Hoàng đế Napoléon học hành bao nhiêu mà cũng oanh liệt một lúc cùng Âu châu, ai không biết tiếng ? Ông Anatole France thi rớt tú tài không biết mấy bận thế mà cũng được ngồi tại viện hàn lâm.

(*) bản chụp bị mất khoảng 3-4 từ.

Ông Rabindranath Tagore trốn chui trốn nhủi bây giờ cũng nên tay thi thánh thi thần. Còn ông Trạng Lợn học cái gì cũng đi sứ vinh vang một kiếp. Ông Trạng Quỳnh học giỏi làm chi gặp bà Thị Điểm đố chơi cũng bí ?"

Học giỏi làm gì ? Kẻ nào đứng bực nhứt trong trường, sau ra ở đời, phần nhiều chưa chắc là bực nhứt.

Học dở thật là một việc không may.Chớ đến cái chết, thì thiếu chi việc dụng ; để bù cho cái chuyện học dở, thì hơi uổng một chút.

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.327 (1.3.1930)

CỔ VIỆT CHỚ KHÔNG PHẢI TÂN VIỆT

"Chánh phủ đã hứa thưởng cho các người bắt được ông Nguyễn Thái Học một số tiền là 5000 đồng.

Những người ấy là ai ? Là bọn tuần phu làng Cổ Việt, phủ Nam Sách, tỉnh Hải Dương đã lấy giáo ra đâm trúng và đã bắt được ông Thái Học.

Sau khi sở Liêm phóng (tên văn chương của sở Mật thám) xét lại căn cước, thì quan Thống sứ đã chuyển năm ngàn bạc cho quan sứ Hải Dương để thưởng cho những người tuần trung thành với Chánh phủ".

Đó là một cái tin mà Tân Việt lục ở trong một tờ báo Bắc kỳ đặng dưng cho chư độc giả, hư thiệt lẽ nào, Tân Việt không biết.

Song vì Tân Việt nhớ cách chừng vài tháng nay, chánh phủ Pháp có bắt ra một cái hội cách mạng tên là Tân Việt, thì Tân Việt đây đã không dám nhìn là Tân Việt đó. Vậy thời ngày nay Cổ Việt được thưởng 500 đồng bạc, Tân Việt cũng phải tuyên bố tên cho rõ ràng rằng tuy là Việt, Việt, chớ Cổ với Tân nó khác nhau xa lắc.

Xin anh em tha lỗi, chớ Tân Việt lo cũng phải.

(*Tòa kiểm duyệt bỏ*)

Buổi nầy lộn xộn, có người đã rời cả đầu vừa cổ, nếu mình không nói cho phân minh, rủi ngày kia sở Liêm phóng mà mình kêu nôm là Mật thám xét ra cái người bị mấy chú phu tuần lấy giáo mà đâm hôm trước đó không phải là ông Nguyễn Thái Học, rồi người lại nhè mình mà đòi 5000 đồng bạc, thì cho Việt nầy là Tân, chớ thật cũng chẳng biết làm sao mà chạy cho nổi.

(*Tòa kiểm duyệt bỏ một đoạn*)

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.329 (4.3.1930)

TƯỞNG LÀ CỘNG SẢN, AI NGỜ...

Chiều thứ bảy rồi, đúng 5 giờ 17 phút, một người lính sở Tân Đáo, cùng đi với một viên Thanh tra Mật thám xuống khám xét ở dưới tàu André Lebon ở bên Tàu mới qua. Chẳng bao lâu người lính ấy bước xuống nấc thang, thì có 4 ngôi sao theo hầu mình.

- Tân Việt muốn nói 4 người khách.

Cộng sản ? Biết đâu chừng. Vì ngày đó là ngày 1er Mars, mà xưa nay những chuyện xảy ra lôi thôi đều tự ở bên Tàu mà qua. Vả lại, trong 4 người bị bắt, có một người khách bộ đứng, bộ nói, bộ cười, giống như một người danh vọng lắm : 3 người anh em bị bắt kia, đối với người ấy, tỏ dấu kính nhường, khuất phục như người đảng viên đối với tay lãnh tụ vậy. Không nghi sao được. Chém chết không khỏi là một tay đại sứ của thành Moscou sai sang qua đây, thật là may biết chừng nào ! Bắt lươn ai dễ bắt đằng đuôi, vậy xin mời ngài theo chúng tôi về bót Tân Đáo cứ ở Xóm Củi. Còn ba anh kia không biết nói chi xì xô xì xao với nhau cho đến khi cửa bót đóng lại rồi, mà 3 anh vẫn còn nị ngộ ố nàm chi chi đó.

Ra ngoài, lính ta vỗ tay cười cười mà rằng : "Lưới ta lồng lộng, chạy đâu cho thoát bây giờ !"

... Việc bắt lại êm đi. Trong lúc đó có một cái xe hơi rất sang

trọng ở trong một cái nhà lầu rất cao quý từ Chợ Lớn chạy vùn vụt ra đến Sài Gòn, ngưng trước cửa dinh quan Thống đốc.

Một vị nhân vật Huê Kiều mồ hôi chảy dầm dề, mặt mày phừng phừng, gõ cửa xin vào ra mắt quan Thống đốc. Cái màn bí mật vẫn còn đậy kín luôn.

"Allo ! Allo ! Phải bót Tân Đáo xóm Củi đó không. Đây là phòng văn của quan Thống đốc Nam kỳ. Các anh mới bắt đặng trên tàu André Lebon một người khách. Hãy thả vị ấy ra mau mau đi".

Nói rồi làm rồi. Hỏi lại mới biết viên người ta nói là đại sứ của thành Moscou ở bên Tàu mời lại đó là một tay kép hát trứ danh, tăm tiếng lẫy lừng ở hoàn cầu, tên là Mã Sĩ Tân. Mã qua đây để giúp rủi cho đồng bào mình ít bữa, mỗi bữa hát lãnh đến 1.000 đồng.

Tân Việt thuật chuyện nầy ra đây, muốn rút ra hai bài luân lý...

Nhưng nghĩ mình không phải lãnh trách nhậm dạy ai, nên chỉ có cái cười, cười cùng độc giả.

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.330 (5.3.1930)

VỤ KIỆN TRÁI ĐỜI

Người Âu châu mỗi khi có chuyện gì rắc rối, lạ lùng khó hiểu xảy ra thì ưa cho đó là "chuyện của Chệt". Cái tiếng "chinoiserie" ấy ngày nay thông dụng cả hoàn cầu ; nhưng nghĩ kỹ lại, ở đâu lại không có những việc lạ lùng như thế. Nước Tàu nào phải là nước chuyên độc quyền mua bán những điều kỳ quái đó đâu.

Độc giả hãy xem dưới nầy :

Cách một vài tuần nay, có một ban phái viên lãnh lịnh chia giới hạn thành Oslo và làng Aker cho đành rành. Ban phái viên nầy ở nước Norvège(*) cũng như mấy ông phái viên to sò ở xứ ta cứ ngồi nhà, rồi mới lấy địa đồ ra cầm viết mà nhằm...

(*) *Norvège* : Na-uy.

Nhắm nhía hồi lâu rồi gạch hẳn hoi. Ranh hạn chia xong tức khắc chẳng ngờ cái đường chia ranh đất lại đi ngang nhằm...

- Nhằm cái mồ, cái nhà của họ phải không ?

- Nếu vậy thì chẳng có chuyện như bên mình.

Cắc cớ thay ! cái đường ấy lại đi ngang cái phòng ngủ của một đôi vợ chồng kia nằm giường dính với nhau lại. Thành ra thầy thì ngủ ở Oslo, còn cô thì ngủ ở Aker.

Đức Chúa Trời có phán : "Hiệp rồi không được ly". Thế mà ban phái viên chơi ác quá, nào kể tới Chúa chút nào !

Người ta tưởng nhà ấy phải đóng thuế huê lợi ở thành Oslo là thành của anh chồng, nào ngờ ban phái viên (cũng là ban phái viên nữa) về sự đóng thuế huê lợi ở Aker, trước khi muốn miễn thuế người chồng, bảo người ấy phải khai mình có ngủ thật trên giường của mình, tại Oslo, từ ngày 31 Décembre 1928 cho đến 1 er Janvier 1929. Nếu không thì theo luật nước Norvege, tiền thuế phải thâu về làng Aker.

Anh chàng đóng thuế, vâng theo lời dạy, khai rằng trong kỳ hạn trên đây, có ngủ thật tại Oslo.

Thế mà... thế mà ban phái viên ở Aker không tin lại đâm đơn đi kiện.

Đáng lẽ hai vợ chồng người ta đi kiện mới phải, có lý đâu... nhưng trong những việc như vậy, lấy lý mà nói sao xong bây giờ ?

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.331 (6.3.1930)

CHÚA CỨU THẾ ĐI HÁT BÓNG

Krishnamurti(*) là Chúa cứu thế mà người ta mới tìm ra được ở Ấn Độ chừng năm bảy năm nay. Annie Besant, đạo Theosophe, kiếm ra được.

(*) Krishnamurti (sinh 1895 hoặc 1897 - ?) người Ấn độ, nhà thơ, nhà tư tưởng tôn giáo ; năm 1910 được phái thần trí (theosophe) tôn làm bậc thầy mới của họ nhưng đến 1929 ông đoạn tuyệt với phái ấy.

Krishnamurti lúc nọ có sang Pháp và đã có nhiều người Âu sùng bái lắm. Thấy vậy tôi(**) mới hỏi một ông học sanh người Ấn Độ có quen với Krishnamurti là người ra thế nào ?

- Ông ta đánh tennis giỏi lắm.

Nghe vậy cũng hiểu, nhưng chưa lấy chi làm lạ, vì chúa cứu thế mà đã lỡ sanh nhằm thế kỷ 20 nầy, có chơi tennis chút đỉnh cũng vô hại.

Bây giờ lại có tin rằng hiện nay đã có một nhà chế tạo phim hát bóng rước Krishnamurti về Hollywood đặng đóng một vai tuồng trong bản tuồng thuộc về sách Thánh Ước và có lẽ để cho Krishnamurti đóng vai tuồng Đức Chúa Trời.

Ai nghe chuyện nầy chắc cũng lấy làm lạ : Chúa cứu thế mà đi hát bóng ?

Ủa, vậy chớ đi làm chi bây giờ ?

Cái sự nói rằng Krishnamurti là chúa cứu thế hư thiệt thế nào, ta không cần biết đến. Ta cứ thử tỷ như Krishnamurti mà chúa cứu thế thiệt, rồi ta mới xét coi sanh gặp thời buổi thì tính sao đây ?

"Pierre ơi, con hãy xếp gươm vào đãy ! Kẻ dùng gươm tức là trở lại bị gươm"

Ấy vậy mà có "Pierre" nào xếp gươm vào đãy đâu. Ước như có ai theo lối quảng cáo đời nay mà làm affiche dán câu ấy cùng đường, nhứt là gần nơi mấy xưởng súng đồng tàu trận cũng chẳng bao giờ có chút chi hiệu quả.

"Các con, các con hãy thương lẫn nhau !"

Mà con nào con nấy cũng cứ mạnh bóc lột yếu, khôn lấn hiếp khờ.

Thế thời làm chúa cứu thế với cái đời yêu ma nầy mà chịu đi hát bóng là đã tốt rồi, tôi còn sợ e lại bán thuốc phiện kia mới là khổ.

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.332 (7.3.1930)

(**) Câu viết xưng "tôi" này cho thấy người viết bài này từng là du học sinh ở Pháp ; vậy bài này có thể do Diệp Văn Kỳ viết.

NẾU NHƯ TÂN VIỆT ĐƯỢC LÀM THỦ TƯỚNG NƯỚC PHÁP...

- Thì sao ?

- Thì toà nội các của Tân Việt chẳng bao giờ bị đánh đổ mà chánh quyền nước Pháp cũng khỏi cái vạ rày đổi mai thay. Để Tân Việt cắt nghĩa rõ lại cho mà nghe :

Theo Hiến pháp Lang Sa, thì số thượng thơ không có định lệ. Bởi thế nên chi tòa nội các Tardieu ngày nay mới đông hơn các tòa nội các trước xấp đến mấy phần : 34 cụ. Đông cho đến nỗi ở ngoài, thì không có nhà ở, vô trong nghị viện, thiếu ghế ngồi, làm cho ông Tardieu phải xin phép với các chánh đảng đặng dẹp bớt ít hàng ghế nghị viện để chỗ cho các cụ thượng. Tuy là đông như vậy, song ngày hôm kia mới giao tiếp với Hạ nghị viện một lần đầu, thì bị la ó om sòm, tối trời đất, ông Tardieu cũng phải thất thanh, đọc bài tuyên ngôn không ra tiếng. Chuyến nầy chắc Ngài ngồi đó cũng chẳng đặng lâu.

Và bởi vậy nên chi Tân Việt mới nghĩ ra một kế :

Cho Tân Việt làm thủ tướng nước Pháp, thì tòa nội các Tân Việt không khi nào bị đánh đổ.

Ừ, không khi nào bị đánh đổ. Hễ ông tổng thống Doumergue đã giao trách nhậm lập tòa nội các cho Tân Việt rồi, thì tức khắc Tân Việt vời đến 270 ông nghị mà phong cho thượng thơ hết thảy. Ấy đó tòa nội các gồm có 270 ông nghị làm thượng thơ, thì trong Hạ nghị viện còn ai đâu mà đánh đổ. Tòa nội các Tân Việt có đại đa số luôn...

- Tòa nội các gì mà đông dữ vậy ?

- Ủa, vậy chớ 34 lại không đông sao. Huống chi Tân Việt đã nói rõ cho mà nghe rằng số thượng thơ nhiều ít, hiến pháp Lang Sa không có định.

Tòa nội các Tân Việt vạn vạn tuế !

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.333 (8.3.1930)

ÔNG VORONOFF KHỎI LO, ĐÔNG DƯƠNG THIẾU CHI KHỈ

Trong số báo hôm qua, *Thần chung* đã có thuật rõ chuyện bác sĩ Voronoff qua Đông Dương để thí nghiệm cái phép cải lão hoàn đồng của bác sĩ thật hành từ mấy năm nay khắp cả các xứ từ Âu châu sang Phi châu cho đến Ấn Độ là chỗ ngài mới ở 4 – 5 tháng nay.

Bác sĩ qua vừa tới Sài Gòn thì đã thấy một mối lo không nhỏ : bao nhiêu những thứ khỉ để lấy bộ thận mà làm phép trường sanh đi dưới tàu để chết hết bộn và nếu như không có chúng nó giúp thận cho thì ngài cũng phải bó tay mà chịu. Vậy nên ngài định thân hành đi kiếm ở Đông Dương xem thử có thứ khỉ dùng được không. Vì khỉ thường vô dụng, phải kiếm cho ra thứ gần với người là hơn hết mới đặng.

Bác sĩ Voronoff lo.

Phải chi Tân Việt được gặp ngài ngồi trên cái Roll Royce là thứ xe hơi tuyệt diệu vua Ăng Lê còn phải than phiền không đủ tiền mua, thì Tân Việt sẽ nói nhỏ với ngài : Đừng lo chi hết ! Rủi như ngài kiếm ở rừng Đông Dương mà không có thứ khỉ giống như thứ ở Phi châu, thì ở đây Tân Việt xin dưng cho ngài thứ chẳng khác chi người ta hết, giống hệt.

Ừ, anh em nghĩ coi, hiện ở mình đây thiếu chi người đáng lấy bộ thận mà liệng vứt đi cho rảnh, huống chi là làm đặng một việc có ích. Nhưng chỉ ngặt một điều là không biết để tháp vào cho ai : Cái tuổi trăm năm đối với thân ta thật đã dài đằng đẵng, còn ai muốn sống thêm ở xứ nầy đặng làm cái gì ?

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.334 (9 và 10.3.1930)

KHÔNG HẸN MÀ NÊN

Trong một năm nay, bất kỳ chánh phủ có lễ gì thì trước nhà báo *Thần chung* đã thấy cắm hai cây cột tinh những là cờ tam sắc sộ sộ. Làm cho có nhiều kẻ tánh ưa đụng đâu nói đó đã lật đật viết

ngay vào báo rằng : *Thần chung* nịnh chánh phủ, chánh phủ treo cờ là *Thần chung* treo.

Thần chung không trả lời.

Nhưng thét rồi công chúng cũng rõ biết nguyên do mấy là cờ thơ thật ấy.

Đến nay, hôm chúa nhựt 9 Mars, thứ hai 10 Mars vừa rồi, ai đi ngang các công sở lại thấy lá cờ tam sắc treo xệ xệ, đó là một cái lối tỏ dấu ưu sầu của người Pháp.

Thấy vậy có anh nói : "Cha ! Hôm nay lễ kỷ niệm cụ Phan Tây Hồ, chánh phủ cũng chia buồn với An Nam mình mới là lạ !"

Không lạ chi ! Ước như mấy cái lá cờ tam sắc trên kia mà đã vì cụ Phan Tây Hồ nên xệ xệ trong hai ngày nay, cũng chẳng lấy chi làm lạ.

Luận anh hùng chí sĩ, ai đi kể giọng nói màu da. Lấy ngày chết của cụ Phan làm một ngày bi ai cho nước Pháp, thật cũng chẳng có chi trái với lương tâm người chánh trực, chẳng khác chi như ngày lễ chánh chung mà *Thần chung* treo cờ. Ừ, *Thần chung* có treo cờ cũng vô hại. Tuy mình chưa biết [. . . . .] là cái gì, song ngày đó là ngày dân Pháp đoạt được tự do, thì mình cũng nên mừng cho họ

. . . . . .

Phải hết. Ngặt có một điều lá cờ trước *Thần chung* vốn của xã tây treo, còn cờ xề xệ hai bữa rày trên mấy tòa công sở là buồn chuyện lụt bão bên Pháp : "Nghe nói bên Tây nước lụt nhiều...."

(Kiểm duyệt bỏ một đoạn)

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.334 (12.3.1930)(*)

(*) Lưu ý : Báo *Thần chung* đánh số liên tục kể từ số báo đầu tiên (ra ngày 7.1.1929). TC. ngày 6.3.1930 đánh số 331 (đúng) ; TC ngày 7.3.1930 cũng được đánh số 331 (lầm). TC. ngày 8.3.1930 được đánh số 333 (đúng) ; nhưng T.C. ngày 9 và 10.3.1930 cũng lại mang số 333 (lầm) ; và từ đó đến lúc bị đóng cửa, không thấy sửa số trùng lặp ; vì vậy người sưu tầm đành coi như T.C. có 2 số 334 : số trước ra ngày chủ nhật 9 và thứ hai 10 Mars 1930 ; số sau ra ngày thứ tư, 12 Mars 1930. (NST).

NHƠN LOẠI KHÔNG PHẢI NHƯ ÔNG PIERRE PERRIN HẾT

Ông Pierre Perrin là một nhà hòa bình rất nhiệt thành lắm. Ông nhiệt thành cho đến nỗi có lịnh bắt ông đi lính, ông lấy cớ lương tâm rầy rà mình không cho mình mang những đồ bắn giết thiên hạ mà nói với quan binh rằng : "Lương tâm tôi không khứng cho tôi vào làm lính. Tôi không đi, các ông làm chi thì làm ! Ở dưới đời nầy tôi chỉ biết có một cái luật mà thôi, ấy là luật của lương tâm tôi !"

Cái lương tâm này dừng lông gáy lên ra mạng lịnh "không được !" thì dầu búa rìu ghê gớm cách mấy đi nữa, đố ai bắt Pierre Perrin đi đầu quân được.

Nhưng tòa án quan binh không phải chịu nghe tiếng lương tâm như thế nên mới mời ông Pierre Perrin lại mà xử một năm tù !

Nếu nhơn loại mà được như Pierre Perrin hết thì Tân Việt nghĩ Hội Vạn quốc có làm mốc xì gì ! Tòa án quốc tế La Haye để làm khỉ khô chi ? Mà cuộc hội nghị hải quân ở Londres bây giờ đây cũng nên đem ra biển nhận chìm cho phứt rảnh !

Nếu hoàn cầu mà có những người mà lương tâm biết giữ theo lời dạy "Mầy không nên chém giết. Ai dùng khí giới sẽ chết vì khí giới" thì sự chiến tranh phải chết nghẹt trong trứng chớ phải chơi đâu. Nhưng... Việc đời đều có chữ nhưng ở sau cả, nhưng mình ao ước như vậy chơi mà thôi, chớ trong sự đánh cờ gian bạc lận ở thế gian nầy, ai dám bảo rằng chiến tranh không phải cái "bàn" chót của ai là người hèn yếu.

Quanh đi quẩn lại, ai cuộc chi thì cuộc, Tân Việt cho câu cổ ngữ nầy là đúng hơn hết : "Người đối với người là con chó sói đó thôi !"

Cái lương tâm mình có mạnh thế nào cũng không cản con chó sói đương đói nằm trong lòng được.

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài gòn, s.335 (13.3.1930)

CÒN KÉM HƠN CON LỪA CỦA ÔNG GIÁO HOÀNG NHIỀU

Tưởng ai cũng còn nhớ chuyện con lừa cưng của ông Giáo hoàng trong một cái đoản thiên tiểu thuyết của tiên sanh Alphonse Daudet.

Lừa kia bị tên giữ đem tận trên chót lầu chuông, đứng một mình cheo veo, làm cho cả đền đều rộn rực, người than kẻ róc rách mới hầu cậu ta xuống được.

Lừa xuống buồn tanh, căm giận muốn trả thù, song ngặt kiếm không ra cơ hội, chờ mãi đến bảy năm sau, nhơn lúc tên giữ tàn ác kia tưởng lừa đã quên chuyện cũ và muốn nịnh với ông Giáo hoàng, mới lại gần làm bộ vuốt ve như tuồng cưng kiu quá trớn. Lừa không nói một tiếng, – ừ, lừa nầy không biết nói mà cũng không biết viết, – lừa lừa đá ngay vào hông anh ta một cái văng lừa.

Ấy đó, lừa giận mà còn biết giữ vó đến bảy năm để chờ cho có cơ hội đích đáng.

Người ? Có người còn kém hơn lừa nhiều mà nhứt là ông Dương Minh Thới.

Ông giáo sư ở đường Massiges số 48 cách chừng một tháng nay vì vấn đề sách giáo khoa mà bị *Thần chung* công kích. Ngài không biết giữ vó như lừa mà chờ cơ hội. Ngài muốn trả thù ngay. Ngài vừa thấy Tân Việt nói chuyện đến một cô nữ học sanh thì ngài đã vội tưởng là một dịp tốt có thể làm cho ngài hả hơi, bèn kêu cô hai đến mà dạy : "Cha viết, con chịu đứng tên ; hai cha con mình hiệp nhau, chuyến nầy *Thần chung* phải chết..."

Ông giáo sư Thới tính mượn tên một cô thiếu nữ mà trả thù. Song nếu đã không có tánh nhẫn nại như lừa tôi vừa nói trên kia, thì thế nào cũng phải lộ "cái lỗ tai lừa" cho chúng biết : "Dương Thị Hường, 48 đường Massiges Sài Gòn".

Ông giáo sư ơi, ông phải chịu phiền mà nhận cho lời Tân Việt là đúng với sự thật. Tân Việt nói rằng chánh tay ông viết là có ý muốn giữ gìn cho cái thanh giá của cô em. Ông Thới nghĩ coi, gái

dâu có gái lạ đời, gái đâu mà viết những câu thô tục : "Thưa ông, ông có hưởi của chị H. sao mà biết thơm như phấn ?"

Chịu đi ông ! Và ông cũng nên chịu rằng chê người học dở là một chuyện thường tình, già khóm như chúng mình đây mà tránh e còn không khỏi, huống chi là mấy em đương niên thiếu. Chí như nói cô H. vì học không tấn phát, tức mà trầm mình, thời cũng là một việc tốt.

Mà thôi, "câu chuyện hằng ngày" là lối khôi hài, hơi đâu tranh biện. Tân Việt chỉ muốn khuyên cô Hường có một điều : Đã biết đem cái tên xinh đẹp như thế ấy mà để dưới những câu văn có chữ "hưởi" của chị..., "ông chơi" thật cũng đáng tức mình. Song nề nếp con nhà Nam ta là "Phụ bất từ, tử bất khả dĩ bất hiếu", xin cô đừng phiền ông cụ !

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.336 (14.3.1930)

CÁC ÔNG CŨNG PHẢI HỌC CHỮ QUỐC NGỮ

Các ổng đây là mấy vị giáo sư tây hay kêu học trò bằng số hiệu. Quan đốc học chánh có chạy tờ châu tri bảo các ổng phải kêu tên học trò. Nhưng mà các ổng cứ giữ phần giản tiện.

Phải, đọc thứ tiếng có dấu hỏi dấu ngã thì có khó một chút mà các ông đành kêu học trò như kêu tội nhơn.

Cũng vì khó một chút mà hiện nay tại các trường lớn Sài Gòn, đến giờ học trò trả bài là một dịp buồn cười cho cả lớp. Tới giờ, ông thầy tây ôm cặp vô lớp, quăng cặp xuống bàn một cái xạch rồi lật sổ ra:

- Numéro 438 ! Récitez votre leçon.

Trò N° 438 ngồi nín im phăng phắc.

Trò N° 504 chạy lên đứng đọc rót một hơi.

- Bon ! Neuf points. A votre place.

Ông thầy vừa nói vừa lui cui ghi "nốt" vào sổ. Té ra, trò N° 504 trả bài mà trò N° 438 được "nốt".

- Au suivant, N° 502 !

- Absent !

Trò 502 chỉnh chệm một chỗ, hô lớn lên. Mà ông thầy nào có biết !

Thật các ổng vào ra trót tháng, quanh năm lân la gần gũi với học trò, làm sao mà đứa nào cũng như đứa nào. Than ôi ! cái mặt cái mày còn chưa biết, nói chi đến việc biết tánh tình. Thế mà thử ai bổ các ổng đi xuống tỉnh đốc học thì ôi thôi ! châu tri là châu tri !...

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.337 (15.3.1930)

LẬP HỘI LÕA THỂ

Hiện thời bên Âu mà nhứt là bên Pháp đã nhiều người, đàn ông có, đàn bà có, họp nhau đặng lập một cái hội lõa thể. Mục đích hội nầy là buộc người trong hội phải bỏ hết áo quần, nói rằng làm như vậy thì rồi đây người ta sẽ tránh khỏi sự tà dâm và giữ tròn thanh khiết. Vì theo ý mấy người xướng ra cái "đạo" mới nầy, thì bao nhiêu những chuyện lộn xộn trong đời đều do bởi tánh hiếu kỳ (curiosité) của nhơn loại mà sanh ra.

Nghe nói đã có người theo bộn bộn và mùa đông vừa rồi thì họ đã có xin phép cho họ khẩn một hòn cù lao hoang đặng ra mà thật hành cái chủ nghĩa "trần truồng" của họ.

Chỉ có người phương Tây mới tìm ra một chuyện như thế.

Song xét lại cũng chẳng mới gì. Bà E-và ngày xưa lại mặc cái gì đâu ? Họ gan hơn một chút mà thôi, vì ở "vườn trời" thế nào cũng ấm hơn mùa đông bên Pháp nhiều ít.

Cái chuyện như vậy, thật chẳng bao giờ người An Nam mình nghĩ đến, nhứt là chẳng ai dám thật hành.

Ấy vậy nghĩ rồi Tân Việt muốn thử chơi. Muốn thử không phải là vì nghe theo họ mà tưởng rằng hễ loã thể thì giữ đặng thanh khiết nhiều hơn. Tân Việt muốn, là vì bởi có một điều. Vô hội lõa

thể thì có thể gì đeo "mày đay" nữa đặng đâu. Và hết đeo "mày đay" là cũng một việc tấn hóa rất lớn cho người mình.

Nhưng còn ngại, ngại là đã hại bên kia mà cũng chẳng ích chi bên nầy. Vì chừng đó chắc có người sẽ mướn thợ đục ầu mà gắn "mày đay" vào cho được.

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.338 (16 và 17.3.1930)

TRỪ SAO CHO HẾT ĐỒ ĐỘC

Hiện nay các nước văn minh từ Á sang Âu qua cho đến Mỹ, nước nào cũng đương lo dùng đủ phương sách mà trừ bớt món hại lớn của loài người là rượu và thuốc phiện hay là các thứ ma dược.

Họ dùng đủ phương sách thật. Nào là bày ra luật nặng nề đặng trừng phạt những kẻ bán thuốc phiện hay là ma dược lậu, nào là lập ra hội lớn đặng cổ động khuyên người trừ các thứ rượu, thậm chí đến cấm tuyệt không cho các thứ nhập cảng, cấm ở trong nước không ai được nấu rượu, bán rượu, uống rượu như Huê Kỳ từ mấy năm nay.

Người ta ai cũng vậy, chỉ duy An Nam mình là không, không ngơ, An Nam mình tha hồ, rượu đã có công-xi lo, thuốc phiện thì lo chế tạo chúng sẵn.

Thấy vậy có nhiều kẻ than phiền.

(*Tòa kiểm duyệt bỏ một đoạn dài*)

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.339 (18.3.1930)

"BẨM ÔNG CHO CHA CON TÔI TRẢ LỜI"

Mười phần bị bôi còn một, Tân Việt đương ngồi nhìn "câu chuyện" ngày hôm qua mà tháo mồ hôi hột, thì bỗng đâu lại tiếp được bức thơ của ông Dương Minh Thới gởi lại có một hàng "bẩm ông cho cha con tôi trả lời" và bài đăng sau đây :

CÙNG TÂN VIỆT TIÊN SANH
(sanh lối năm 1904)

Thưa ngài,

Hết Trưng Trắc, Triệu Ẩu, Napoléon, Anatole France, Tagore, Trạng Lợn, Trạng Quỳnh, Nguyễn Thị Điểm, bây giờ tới Alphonse Daudet. Ngài học nhiều quá, ngài không sợ đặc ruột chết sao ?

Cái học thức của ngài in là chưa tiêu. Bởi vậy, hễ cho ngài uống một liều thuốc xổ, ngài xổ sách, ngài xổ chữ đầy tờ *Thần chung*. Độc giả *Thần chung* chịu sao cho nổi. Hôi quá !

Trên thì ngài nói chuyện con lừa trong sách ông Alphonse Daudet, dưới thì ngài nói : "Phụ bất từ tử bất khả dĩ bất hiếu". Thưa ngài, lừa Tây mà biết nói tiếng Tàu sao ?

Ngài học thiệt là lộn xộn quá ! Sà-lách học ! Học sà-lách !

Theo trí ngu của tôi, ngài phải để cho sách vở của ngài học tiêu rồi, sau ngài sẽ cầm viết mà dạy dỗ hai mươi lăm triệu người An Nam.

Thưa ngài, ngài nói tôi là gái, sao lại dùng tiếng "chơi kỳ". Ngài nghĩ mà coi, ngài "chơi kỳ" thì tôi nói "chơi kỳ" chớ sao. Ngài hưởi của con gái người ta, rồi ngài nói "thơm như phấn, đẹp như hoa".(*)

Còn tánh của ngài kỳ quá ! Ngài rủa chúng nữ học sanh nơi Nữ học đường, người ta trả lời sao ngài giấu bài không in ? Ngài đợi *Trung lập* in rồi ngài mới trả lời. Ngài thiệt là quân tử ! Hay là ngài không có đặng bài của chúng tôi gởi cho ngài ?

Chót hết, tôi xin vô lễ hỏi ngài những điều sau nầy :

1 – Ngài học sách nào biết bà Trưng bà Triệu là người không học ?

2 – Ai nói với ngài rằng ông Napoléon dốt ?

3 – Trong *Nam Hải dị nhơn* có nói Nguyễn Thị Điểm đố Cống Quỳnh không ?

(*) Các từ điển của Huỳnh Tịnh Của (sđd.), *Từ điển phương ngữ Nam Bộ* (sđd.), *Tự vị tiếng nói miền Nam* (của Vương Hồng Sển, Nxb.Trẻ Tp. HCM, 1999) đều không ghi *hưởi*. Xét trong văn cảnh, có lẽ từ này tương đương với "ngửi", và vì vậy Tân Việt mới nhận xét là thô tục và xin lỗi độc giả vì đã đăng nguyên văn.

4 – Sao ngài chắc Anatole thi tú tài rớt ?

Nếu ngài cắt nghĩa cho rành, thì chúng Nữ học sanh cám ơn ngài lắm. Bằng không, thưa ngài, không biết ai là lừa !

Đất Nam Kỳ đã có hội đồng oui, hội đồng dạ, bây giờ mới nẩy ra thứ hội đồng hưởi... hưởi của con gái người ta, rồi nói : "Thơm như phấn, đẹp như hoa"

DƯƠNG THỊ HƯỜNG (*).

Ừ, cha con ông cứ việc ! Vì nếu như mỗi ngày ông gởi lại cho chúng tôi một bài như vậy, thì Tân Việt sẽ đặng nghỉ yên. Ông Thới thiệt có tài khôi hài ; đọc hoài, Tân Việt cũng cứ cho là ông giả ngộ. Đọc chừng nào vui chừng nấy, vui như kiểu mình đi xem hát, gặp mấy chú hề, hễ nói vô nghĩa lý bao nhiêu, thì mình cười nôn ruột bấy nhiêu, cười cái lối vô duyên, cười cái mặt nhăn nhăn của nó. Mà cũng là cười ; cười thì mạnh giỏi.

Tân Việt chỉ xin lỗi với chư độc giả tha cái tội thô tục cho ông Thới, vì trời sanh ông ra như vậy, mình biết sao giờ ? Và hãy xét giùm cho cô Hường là người không có ăn thua chi với lối văn dơ dáy nầy hết.

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.340 (19.3.1930)

NƯỚC MẮT ĐÀN BÀ

"Nước mắt đàn bà" nghĩa là nước mắt khóc dễ.

Thật thế, thường thường sao đàn bà khóc dễ hơn đàn ông. Có khi họ có tánh đa cảm hơn đàn ông nhiều. Đừng nói chi đến chuyện bà kia đi xem hát gặp nhằm lớp tuồng rất bi ai mà nước mắt ráo hói, ai ra rồi cũng lấy làm lạ, thời bà đó đáp rằng : "Hồi nãy tôi muốn khóc cũng được, song mắc đi ăn cơm khuya với khách", mà chánh ngay trong tuồng hát bóng mình cũng thường thấy đàn bà khóc nhiều, khóc dễ hơn đàn ông, chớp ra hình chỉ thấy cái mặt cô

đầu nhứt to tướng che án hết tấm vải và mấy giọt nước mắt, giọt nào giọt nấy lớn gần bằng trái cau, mình tưởng là nước mắt giả. Té ra họ khóc thiệt, khóc mùi, người nhưng(*) biểu khóc lúc nào thì họ khóc liền lúc nấy.

"Mình đừng chọc tôi, chọc tôi tôi khóc bây giờ !"

Tưởng ai cũng đã từng nghe câu ấy.

Chi như đàn ông, thì lại ít vì chuyện riêng mà khóc. Khi binh Allemand kéo vào thành Paris thì Poincaré khóc, Deschanel khóc, cả Clémenceau là người đã có cái danh "ông cọp" mà cũng khóc như ai. Còn Marcel Cachin, lãnh tụ cọng sản, thấy lính Lang Sa kéo vào Strasbourg thì cũng mừng cho đến ra nước mắt.

Đó là chuyện nước mắt đàn ông, đàn bà ; Tân Việt bắt chước Clément Vautel mà nói.

Song việc chi cũng có cái trừ ngoại, nước mắt đàn ông cũng vậy ; hôm diễn thuyết ở rạp Huyện Cần, ông Trần Văn Khá ra đứng nói giọng run run như tuồng muốn khóc, ông Phan Văn Gia ở trên lầu la lớn : "Nhỏ ơi, mầy đừng khóc chớ".

Và có khi c vì ông Khá phải rút nước mắt vào lúc nọ, mà hôm chúa nhựt rồi mới co tay lại mà đánh lén ông Gia.

Tuy không bằng con lừa của ông Giáo hoàng, chớ cũng hơn ông Thới nhiều vì ông Khá chờ gần đặng một năm nay.

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.341 (20.3.1930)

BẮT CÁ TÁM TAY

Mới rồi một tờ báo bên Mỹ có đăng cái quảng cáo như vầy :

"Tôi định bá cáo cho các anh em chúng bạn biết rằng ngày hôm qua sau khi hạ sanh ra một trai tên là X. thì tiện nội tôi đã từ

(*) *người nhưng*: người chỉ huy trò diễn, gần như vai trò đạo diễn.

trần. Hiện nay tôi đương kiếm một người vú để nuôi đứa con dại đặng chờ tôi kiếm cho nó một người kế mẫu cho đẹp đẽ xuân xanh và phải có số tiền giá thú 20.000 đồng đặng cùng tôi chung vốn kinh dinh một sở bán hàng tạp hóa rất có danh tiếng mà tôi đã định sẽ bán cho người nào trả giá cao nhứt. Vì tôi tính đổi chỗ ở qua một số nhà tôi mới cất xong ở tại con đường X. số hiệu ..... nhà đó rộng rãi có nhiều phòng trống để cho mướn".

Thế là một cái quảng cáo đủ 8 chuyện : 1) Ai tín (vợ chết) ; 2) Hỷ tín (sanh con trai) ; 3) Kiếm vú ; 4) Tìm vợ tục huyền ; 5) Rao hàng ; 6) Rao bán một cái nhà buôn ; 7) Đổi chỗ ở ; 8) Cho mướn phòng.

Cái não làm quảng cáo của người Mỹ thật là tuyệt diệu. Cái cách bắt cá tám tay, thì An Nam mình có khi e lại xấp mười người Mỹ.

Tổng thơ ký hội nầy, chủ hội kia, làm đít-cua, đánh lộn, bán rượu cho dân say, thay mặt cho dân "nhờ" cũng chỉ có một người mà làm xong bao nhiêu chuyện.

- Song đó cũng là có 6...

- Còn hội đồng thành phố hụt nữa làm chi. Chí như cái thứ 8, thì Tân Việt để gồm trăm ngàn việc lôi thôi khác làm một.

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.342 (21.3.1930)

ẤY, CŨNG TRÁI PHÁ NỮA !

Không phải ở trường tiền Sài Gòn mà lại ở trong kinh thành Huế, dường như chuyện nầy với chuyện kia dẫu rằng ngàn dặm cách xa nhưng cũng có thể với tay với nhau "bắt sua" mà hò hẹn.

Ngày chúa nhựt 10 Mars ở trong thành, sau lối Hậu bổ, trong một nhà một người cu ly, khi đương đào hầm để trồng cau thì được một hòn đạn đời xưa. Nguyên hồi thất thủ kinh đô thì có vô số đạn bắn vào trong thành, có hòn không nổ, trộn lẫn với đất cát nên đến nay hãy còn nguyên. Anh ta không biết trái gì, tưởng là hòn sắt đời xưa nên lăn nó ra một bên. Đứa con thấy vậy đem vào nhà chơi rồi

để trong bếp. Viên đạn gần lửa liền nổ ra một tiếng vang trời. Đứa con bị đạn tung ra, mặt mày đều bị xé ra đầy những máu me, té ngửa ra ; người cu ly nghe nổ cũng thất kinh chạy vào, cũng bị một mảnh đạn bắn vào nơi mặt. Tiếng đùng vừa nổ thì cả xóm đồng dậy. Tức tốc Quan đê Hạ Thành, quan năm dưới Mang Cá, cho là bom nổ (theo kiểu Hà Nội) nên đều đi xe hơi, dẫn lính Tây lính ta đến vây kín nhà người cu ly. Sau hỏi ra mới rõ nguyên do, nhưng mặc dầu, họ cứ canh tuần, lục soát trong nhà thì chẳng có gì cả. Rồi thì quan trên ra lịnh cho lính lấy cày và bừa mà bừa cả đám đất trong vườn, nhưng cũng chẳng tìm gì được nữa.

Hú hồn! Tưởng chút nữa mà xứ Huế trở nên một xứ binh lửa. Tài gì, bom mới vừa nổ ở Hà Nội, Yên Bái, Kiến An còn nghe tiếng súng đạn, mùi thuốc súng chưa tan, mới vừa yên trí, nay lại nghe nổ nữa thì ôi, ôi, bom, bom, trái phá chớ gì. Mà sự ngẫu nhiên cũng cắc cớ trêu ngươi thiệt, làm cho các cụ Thượng ta đương thiu thiu giấc trong các bộ phải giựt mình, tưởng rằng Hoàng thành e đã vào tay những kẻ bạo động rồi. Mà làm cho các quan chức việc Tây và Nam cũng phải một buổi khiếp vía kinh hồn.

Trời ơi! Cái xứ An Nam mình thiệt là lắm chuyện !

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.343 (22.3.1930)

HỒ NEMI VÀ HỒ HOÀN KIẾM

Từ khi Mussolini lên cầm quyền độc tài ở nước Ý Đại Lợi, thì đã làm lắm chuyện dị thường, mà trong đó chỉ có việc tát cạn hồ Nemi là thú hơn hết.

Tục truyền cách mấy ngàn năm nay, có một ông vua La Mã hiệu Caligula(*) là một vị đế vương hoang dâm vô độ, cứ theo sử sách để lại, thì cái sự tàn ngược xa xỉ cũng chẳng kém chi Kiệt, Trụ

(*) Caligula (12-41 sau CN) hoàng đế La Mã.

bên Tàu. Người ta đồn rằng vua Caligula thường ở dưới hai chiếc long châu chạm vàng khảm bạc chở đầy ngọc ngà châu báu đậu ở giữa hồ Nemi mà đắm say tửu sắc. Bữa nọ đương vui vầy với cung phi mỹ nữ bèn truyền lịnh nhận chìm long châu xuống đáy hồ cho rảnh kiếp phù sanh, vì đã hưởng hết bao nhiêu khoái lạc.

Từ ấy nhẫn nay, thế kỷ này qua thế kỷ khác lại vật đổi sao dời mà sự tích hai chiếc long châu cùng cái kho đồ quý báu, thì ai ai cũng cứ tưởng là đương nằm dưới đáy hồ mà chờ chủ mới.

Bởi vậy nên chi Mussolini mới ra lịnh biểu tát cho cạn. Cạn được cũng là nhờ có máy móc khoa học kim thời. Song cạn rồi lại chỉ thấy hai chiếc ghe cây tầm thường đương nằm mục ở đó, chớ chẳng có cóc xơ gì hết.

Mussolini mắc cỡ thầm. Mà có lẽ Caligula cũng ngầm cười chín suối. Còn mấy nhà sử học, thì đổi giọng ngay : Hai chiếc ghe ở giữa hồ Nemi lúc bấy giờ chỉ để làm lễ tế tự. Còn Caligula có phải là vua hoang dâm vô độ đâu.

Dư luận xưa nay vẫn là cái án phải sửa đi sửa lại hoài.

Thấy vậy cũng mừng giùm cho cái danh giá của vua Caligula. Song lại có ý lo cho cái hồ Hoàn Kiếm. May là chỉ có một cái thanh gươm vàng chớ phải chi đi truyền mà nói nhiều châu báu như chuyện ở hồ Nemi thì bây giờ chắc đã không còn một nhễu nước.(**)

TÂN VIỆT

Thần chung, Sài Gòn, s.344 (23 và 24.3.1930)

(**) *nhiễu nước* : cũng như "giọt nước"

Ý KIẾN TRUNG LẬP

Lời dẫn của người sưu tầm *– Mục* "Ý kiến Trung Lập" *xuất hiện trên* Trung lập *từ 2.5.1930. Những người thường viết cho mục này trong năm 1930 là Phan Khôi, Bùi Thế Mỹ, Tôn Hiền. Đây là một loại chuyên mục có tính chất chính luận, gần với các dạng "xã luận", "bình luận thời sự" ở báo chí thời nay. Có lẽ do tính chính luận của mục này nên những bài viết cho mục này đều ký tên thật của ký giả hoặc ký tên toà soạn báo chứ không ký bằng một bút hiệu khác. Những bài Phan Khôi góp cho mục này hầu như chỉ giữ đúng khuôn khổ trong tháng đầu tiên (với độ dài của một cột báo ở trang đầu). Sang tháng 6, trong cuộc bút chiến với báo* Đuốc Nhà Nam, *các bài Phan Khôi viết đều ký tên tòa soạn báo và trở thành những bài báo dài, trải ra trong nhiều kỳ báo.Về sau ở đề mục* "Ý kiến Trung lập" *thường chỉ có bài của Tôn Hiền (Trần Thiện Quý)hoặc Phiêu Linh (Bùi Thế Mỹ).*

Dưới đây trong đề mục chung "Ý kiến Trung lập" *tôi chọn in hơn một chục bài Phan Khôi viết trong vài tháng đầu khi mới cộng tác với* Trung lập.

L.N.A.

NHỮNG CÁI KHÉO TRONG CUỘC CHÁNH TRỊ CÓ KHI TRỞ THÀNH RA VỤNG

Trong cuộc chánh trị, có đôi khi làm ra những việc tầm thường, không mất công phu là bao, mà kiến hiệu lại là to tát. Kêu rằng kiến hiệu to tát, nghĩa là những việc làm ra đó đủ khiến day cái khuynh hướng của nhân dân về một phía với chánh phủ.

Đời xưa có nhiều ông vua biết lợi dụng cách ấy. Tức như vua Võ vương nhà Châu, sau khi làm xong cuộc cách mạng, đắp mồ ông Tỷ Can, sinh biểu cổng làng ông Thương Dung. Đến như nhà chánh trị đời nay, người ta dùng cái cách khôn ngoan ấy lại là sự thường.

Tuy vậy, chúng tôi thấy như là dùng nó phải theo thời tiết. Lúc không đáng dùng mà dùng, thì chẳng những là không chắc có kiến hiệu, mà lại trở được sự kết quả trái với ý mình, cũng chưa biết chừng.

Như mới rồi, ông Robin, Thống sứ Bắc kỳ, vào tận nhà thương mà gắn mề đay cho ông Phạm Huy Dương, thanh tra sở lính kín, liền sau khi viên nầy bị một người Việt Nam Quốc dân đảng bắn trúng nhằm lưng. Quan Thống sứ làm việc ấy là có ý biểu dương cái chỗ "vì trung mắt nạn" của viên thanh tra, để khuyến khích kẻ khác.

Được! Nhưng mà vào hồi nào kia. Chớ vào hồi nầy – hồi nầy là hồi nào, tưởng ai cũng biết – mà lại ban bố cái ân điển ấy cho một người An Nam thì thật là khó cho người ấy quá.

Những người nhạy trí khôn, họ thấy thoáng qua việc nầy, họ tưởng ngay ra rằng sự quan Thống sứ làm đó hình như là làm chứng cái sự ông Dương kia bị ám sát ; riêng về phần người được biểu dương tưởng thưởng đó hoặc giả lại càng thêm bối rối trong lương tâm mình. Có lẽ lời tục An Nam nói mà nhằm : "(.....)[*]

Chúng tôi thiệt có lòng thành muốn cho đừng có một cái ác cảm nào sanh ra giữa hai giống Pháp và Nam. Cái điều chúng tôi muốn nói không những một việc trên đó mà thôi. Chúng tôi còn muốn nói nhiều nếu người ta sẵn lòng tin chúng tôi là thành thực.

Cách mấy bữa đây, cuộc khánh thành đài kỷ niệm ở Tuyên Quang, nhắc lại câu chuyện đổ máu bốn mươi năm về trước để làm

[*] bản gốc : báo để trống hơn 1 dòng, khoảng 5-6 từ, hẳn có đoạn câu bị gạch bỏ (NST).

gì ? Để làm gì trong cơn chộn rộn như lúc nầy mà nhắc lại ?

Bỏ ra một lần 40 vạn để nghinh tiếp một ông vua lân quốc, sự đó là cuộc bang giao vẻ vang của chánh phủ, đành rồi, song làm rình-rang lắm thì lại có kẻ đứng vòng ngoài mà nóng ruột.

PHAN KHÔI

Trung lập, Sài Gòn, s.6138 (3.5.1930)

THẢI LÍNH AN NAM LÀ MỘT SỰ NGUY HIỂM

Trong vài tháng nay, nhơn sự rối loạn ở Bắc Kỳ, người Pháp ở đây có nhiều người tỏ ra ý kiến của mình và bày ra bộn bề phương pháp để bổ cứu.

Trong các phương pháp đó, có một cái, thấy nhiều người nói tới, chừng như họ cho là đắc sách lắm thì phải. Ấy là cái phương pháp biểu bỏ các thứ lính tập An Nam đi, mà đem lính Pháp hay là lấy lính bên Phi châu qua đây để giữ lấy xứ nầy.

Chẳng nói thì ai cũng biết rằng những kẻ bày ra cái phương pháp ấy là vì nghi ngờ lính An Nam, nhơn thấy một ít trong đám họ đã liên kết với các đảng cách mạng hoặc cọng sản. Lính Pháp có đủ mà đem sang đây không, và đem sang nhiều có tiện không ; lại lính Phi châu có lòng trung thành mà giữ đất của An Nam không ; những sự đó riêng ra một vấn đề chúng tôi không nói tới. Vả lại ở cái địa vị chúng tôi, cũng không nên nói.

Duy có một điều : cuộc trị an ở xứ nầy chẳng phải riêng chi của người Pháp mà cũng là của chúng tôi nữa. Nhắm việc gì có thể làm hại đến cuộc trị an – phải nhớ rằng trong đó có phần của chúng tôi – thì chúng tôi phải nói để nhắc chừng cho người cầm quyền nhớ mà phòng bị trước.

Nhân dân trong một nước mỗi người phải có nghề nghiệp làm ăn, cái nền trị an ở đó. Những người cất thân ra đi lính, tiếng thì là một cái nghĩa vụ đối với quốc gia, chớ thiệt ra thì cũng chẳng qua cái nghề nghiệp làm ăn của họ.

Muốn thải đi bao nhiêu lính thì trước phải sắm đủ chỗ cho họ có nghề làm đã rồi hãy thải ; nếu không thì chính những lính bị thải ấy sẽ gây ra loạn ; sự ấy từng lắm phen xảy ra trong lịch sử.

Lính tập An Nam kể cả khố xanh khố đỏ, suốt từ Nam đến Bắc, chắc có hằng mấy vạn người. Thải thì thải hết. Ngần ấy lính, một ngày kia, bỏ khí giới, lột sắc phục, trở về nhà quê, làm nghề gì ? Làm nghề gì, nói nghe ? Hồi đó nhà quê chúng tôi có dễ chịu với họ không ?

Số dân thất nghiệp trong nước đã nhiều rồi, không nên đẻ ra cho càng nhiều hơn nữa. Mà hễ thất nghiệp nhiều chừng nào, thì sanh loạn chừng nấy, rối cuộc trị an chừng nấy.

Ví phỏng chánh phủ cho cái phương pháp ấy là hay, mà đem thi hành, thì xin hãy sắp đặt trước một con đường sanh nhai vững chãi cho mấy vạn người sẽ thất nghiệp kia.

Do lý thuyết trên đó, chúng tôi lo sự bãi lính An Nam là nguy hiểm, sẽ có hại cho cuộc trị an. Muốn tránh cái hoạ nầy mà lại tìm cái hoạ kia, há phải là thiện sách ?

PHAN KHÔI

Trung lập, Sài Gòn, S.6140 (6.5.1930)

LẬP HỘI CỰ RƯỢU LÀ MỘT VIỆC HAY

Ở trong vùng không khí thành phố Sài Gòn, mới chừng tháng nay, có thoáng qua cái tiếng nghe rất mới, là "hội cự rượu".

Hội cự rượu, cái tiếng nầy ở mình đây cho là mới, chớ ở các nước, nước nào lại chẳng có, mà nhiều nhứt là bên Huê Kỳ.

Bên Pháp, chánh phủ tuy có phái viên đi các thuộc địa để cổ động cho người ta uống rượu nho của nước mình, nhưng trong dân gian cũng vẫn có lập hội cự rượu.

Cái chủ nghĩa của hội cự rượu chẳng có gì là kịch liệt hay bạo động. Họ chỉ căn cứ theo phép vệ sanh và phép ưu sanh (eugénique) mà đi tuyên truyền cho người ta chừa cái hại uống rượu đi. Về

đằng vệ sanh, cái hại của rượu là kém sức khoẻ ; về đằng ưu sanh, cái hại nó là đẻ con ra yếu ốm khờ dại, có lẽ làm cho nhân loại càng ngày càng sa sút.

Như vậy, lập hội cự rượu là một việc có ích cho loài người ; nước nầy đã có thì nước kia cũng nên có.

Tại Sài Gòn, nghe nói có năm ba người hữu tâm toan vận động việc đó, tốt lắm, chúng tôi xin tán thành.

Thế mà nghe chừng như có người lại nói vầy nói kia để làm trở ngại sự tấn hành. Người thì lo rằng hồi nầy đương rộn mà lập hội lập hè thì sợ chánh phủ sanh nghi. Người thì tin rằng An Nam mình còn dở lắm, chưa có thể chung cùng với nhau làm việc chi được, đừng có bày ra vô ích.

Cái thuyết thứ nhứt rõ ra là lo không nhằm chuyện. Hội cự rượu là hội cự rượu, có chương trình minh bạch, có phải hội kín đâu mà hòng sợ nhà nước nghi ? Thuyết thứ hai cũng hơi ngang. Cái việc mình chưa làm thì làm sao biết là làm không được ?

Chúng tôi không có dự vào trong cuộc phát khởi nầy. Duy có một điều, chúng tôi thấy bất kỳ việc chi, người bàn vô thì ít, người bàn ra thì nhiều, cho nên có trăm việc đáng làm mà không có một việc nào được làm ra ; lấy làm buồn lắm mà chúng tôi nói tới.

Lại còn có kẻ dám làm ông thánh tiên tri, đoán rằng những người bày ra lập hội cự rượu đây chẳng qua để dọa hãng Fontaine rồi lấy mấy chục ngàn đút túi !

Chánh phủ nghi ở đâu chưa thấy, mà chỉ thấy người mình nghi nhau trước rồi. Cứ cái thói ấy hoài, đố làm gì cho đặng !

Xin các nhà xướng lập hội cự rượu, nếu có lòng quyết thì nên bác hết thảy đi mà cứ việc tấn hành.

PHAN KHÔI

Trung lập, Sài gòn, s.6141 (7.5.1930)

CÓ LẼ LÀ ĐIỀU SAI LẦM CỦA NHỮNG NGƯỜI TRÍ GIẢ

"Thỏ chết, cáo rầu". *Thần chung* chết hơn một tháng nay. Rầu thì ai chẳng rầu ; song chưa có chị cáo nào kêu oan cho chú thỏ lấy mấy tiếng.

Cái nghề, "nóng mất ngon, giận mất khôn". Chúng tôi đợi đến lúc nguội rồi, xin nói mấy lời, thiết tưởng cũng không phải muộn.

Thần chung thiệt có lỗi, chúng tôi chẳng hề dám lấy tình đồng nghiệp mà khỏa lấp cho nhau. Chỉ có một điều nên suy nghĩ, là cái lỗi ấy có xứng với sự đoán phạt kia không ?

Xưa có người đặt ra cái ví dụ nầy hay lắm, nếu đem nói vào đây thì càng dễ hiểu : "Con trâu lội băng qua đám ruộng, thì la rầy kẻ chăn biếu dắt trâu ra, đủ rồi ; chớ chủ ruộng lấy cớ ấy mà xiết con trâu thì thái quá".

Theo cái lỗi của *Thần chung* đó, chúng tôi tưởng bắt đình bản trong mấy tháng là đủ ; chớ còn bắt đóng cửa luôn, thì thật khí quá nghiêm. Vì chúng tôi thấy có tờ báo đã phạm tội nặng hơn nữa, cũng chỉ đến đóng cửa là cùng.

Sau khi một nhà báo bị đóng cửa, chịu thiệt hại những gì, mình nghĩ thì biết, có khó chi đâu ? Một nhà báo lớn như *Thần chung* mà bị đóng cửa ít nữa cũng phải mất vốn ba bốn chục ngàn đồng ; lại trong đó cũng có chừng bốn năm chục người vừa thầy vừa thợ phải thất nghiệp.

Như vậy, sự đoán phạt ấy nào có phải là sự đoán phạt tầm thường. Xin mỗi người hai con mắt nhắm đi nhắm lại mà coi, trên cái cân công bình kia, sẽ thấy bên tội hơi lui mà bên phạt hơi vác(*).

Tài sản là cái sanh mạng thứ hai. Thình lình mất tươi ba bốn chục ngàn, dầu trong nhà có dư đủ mấy cũng phải lấy làm ngặt. Đương làm ăn "hay hớn gan", bị một cái lỗi không đáng chi mà phải về nhà treo om lên, thì dầu cho là quân tử đi nữa cũng phải có

(*) *vác* : quá cân, hơi nặng làm cho đầu cân chổng lên (theo *Từ điển phương ngữ Nam Bộ*. sđd.)

bất bình hơi hám. Huống chi, theo lời Mạnh Tử nói : "Dân, đã không hằng sản thì cũng chẳng có hằng tâm".

Hôm trước đây, ở cột báo nầy có nói đến hội cự rượu. Nay có kẻ mách cho rằng việc lập hội đó chừng như do ông Diệp Văn Kỳ và ông Nguyễn Văn Bá xướng ra.

Cũng có lẽ. Cái máu thanh niên nó có ở dưng đâu đặng, không làm việc nầy thì làm việc khác.

Người xưa có nói : "Kẻ trí giả nghĩ ngàn điều chắc cũng có sai một điều".

Hoặc giả điều nầy là điều sai lầm của những người trí giả chăng. Chúng tôi lấy lòng thành thiệt mong rằng rày về sau sẽ không hề có điều nào như điều ấy.

PHAN KHÔI

Trung lập, Sài Gòn, s.6144 (10.5.1930)

VỀ SỰ LÉON SANH ĐƯỢC TRẮNG ÁN

Léon Sanh, người bị nghi là kẻ chủ mưu giết M.Bazin bấy lâu, thì mới rồi, tòa Đại hình Hà Nội đã xét ra là vô tội và tha bổng.

Tòa lấy lẽ gì mà tha ? Lấy lẽ rằng không có chứng cớ gì chắc chắn.

Phải buộc cho người ta một cái tội sát nhân, chẳng phải là việc nhỏ. Nếu không có chứng cớ mà cứ buộc tội thì người bị buộc đó ắt phải chịu oan.

Được tin nầy, cả người An Nam chúng tôi, ai nấy đều phục tình, đều khen ngợi quan tòa là công minh, đều tin cậy pháp luật Lang Sa là bình doãn(*).

Trong người An Nam cũng có ít nhiều kẻ không bằng lòng nước Pháp lập cái quyền mình trên đất nầy. Những người ấy họ đã ôm cái bụng ấy rồi, bất luận chánh phủ làm ra việc gì họ đều phi nghị hết thảy. Việc nào của chánh phủ làm ra, mà khen được, chê

(*) *bình doãn* : chưa rõ nghĩa.

cũng được, thì họ cứ một mực chê. Còn việc nào thiệt tốt không có thể chê được, thì họ gìm cho xuống dưới đất cái, không thèm nói tới.

Chúng tôi chẳng hề như vậy. Chúng tôi trong khi cầm cây bút mà viết báo quốc ngữ, chịu đem cái ý kiến mình đi ngang qua tòa kiểm duyệt, ấy là thừa nhận cái quyền chánh phủ Pháp ở đây. Vì vậy, khi gặp việc gì trái, chúng tôi phải lấy lòng thành thiệt mà mách cho, còn khi gặp việc gì đáng khen, chúng tôi cũng lấy lòng thành thiệt mà phô ra cho thiên hạ biết.

Như việc tha bổng Léon Sanh đây, thiệt là công bình lắm, đáng phục lắm. Vì có lẽ nào đem một người vô tội ra mà buộc cho cái án sát nhân, rồi hành hình, xử tử ?

Ước gì chánh phủ cứ tỏ luôn cái dấu công bình ấy ra trong mọi việc, thì có khó gì mà chẳng bịt được những miệng kẻ kia, là kẻ hay nói xấu chánh phủ, bất kỳ việc gì ?

Còn tiếc một chút, công bình thì thiệt là công bình song việc làm khí chậm.

Léon Sanh bị giam cầm tra khảo, đến nay đã giáp một năm ba tháng chẵn chòi. Trong một năm ba tháng ấy cái người được hưởng quyền tha bổng hôm nay đó, ngậm đắng nuốt cay chẳng phải là chút đỉnh. Vậy thì cái sự tha bổng cho Léon Sanh ngày nay, có đủ làm cho va mừng vui nhảy nhót mà cám ơn chánh phủ hay không ? Lấy bụng ta suy ra bụng người, chúng tôi tưởng sự công bình nầy may vừa đủ vuốt giận Léon Sanh là đã quý.

Chúng tôi mong rằng từ nay nhà nước nên để ý về việc hình ngục thêm một chút. Phải làm cách nào cho những người vô tội khỏi bị giam cầm trói buộc, chịu khổ dài ngày như Léon Sanh. Được vậy thì hay. Không thì, khi gặp cái ca nào như Léon Sanh đây, phải dùng phương thế chi mà đền bù sự thiệt hại cho người ta trong một năm ba tháng đó.

PHAN KHÔI

Trung lập, Sài Gòn, s.6145 (13.5.1930)

CÁI VỤNG CỦA NHIỀU TỜ BÁO TÂY

Cứ coi tình hình 1er Mai mới rồi, khắp Nam Bắc, hoặc nhiều hoặc ít, nơi nào họ cũng có vận động thì đủ biết. Một việc dễ thấy hơn hết, là từ trước những truyền đơn họ rải đều in bằng xoa xoa, mà chuyến nầy có nhiều bổn in bằng "li-tô" ; sự in truyền đơn bằng li-tô đó, đủ thấy bọn họ có nhiều tiền hơn độ trước rồi.

Cái nguyên do tại làm sao mà đảng cọng sản mỗi ngày một thạnh như vậy là có nhiều nỗi lắm. Nhưng, trong nhiều cớ đó, chúng tôi dám quyết rằng có một cớ bởi mấy tờ báo Tây ở đây mà ra.

Thật vậy, bất luận tờ báo nào ở đất nầy đều phản đối cọng sản hết ; song có nhiều tờ báo Tây dùng cách không được khôn khéo, nên trong khi cố ý phản đối cọng sản thì lại vô tình mà trở thành ra cổ động giùm cho họ.

Vài năm nay, bất kỳ nơi nào trong xứ nầy có xảy ra việc chi, ấy là có nhiều tờ báo tây ó lên mà nói là cọng sản đó rồi. Rất đỗi việc quá tầm thường, như việc trộm cướp hằng ngày, hay là cu li vì cực khổ quá mà kêu nài với chủ hãng, thì họ cũng cho là sự hành động của bọn cọng sản, hay là sự âm mưu của thành Moscou. Ai nấy nhớ lại mà coi, có nhiều việc ban đầu họ hô lớn lên, làm cho mình tưởng là hòn núi Thái Sơn, té ra sau rõ đầu đuôi, thì là con chuột lắt.

Trong ý họ phóng đại ra như vậy để đổ tội cho cọng sản, và luôn thể để đốc trách chánh phủ ở đây. Nào ngờ đâu, chuyện họ nói đó không đúng, thì chẳng có hiệu quả chi cho họ đã đành mà những lời của họ đã thả ra rồi, không bắt mà nhốt lại được, mỗi ngày một ít, thấm vào trong óc nhân dân, khiến cho nhân dân càng có dịp làm quen với cọng sản. Như vậy, thiệt là họ còng lưng làm quảng cáo cho kẻ kia mà không ăn tiền thuê, huống chi kẻ ấy lại là thù nghịch của mình, khờ quá !

Mới đây có tin chánh phủ bên Pháp sẽ cho ông Robin, Thống

sứ Bắc kỳ, về hưu. Khôn ra thì, việc ấy có dính dấp gì với việc triệt hạ làng Cổ Am không, cứ để mặc ai hiểu thế nào thì hiểu, đừng nói tới làm chi mới phải. Thế mà có tờ báo Tây nọ, lại cố rán gân cổ mà tỏ vạch ra rằng việc nầy không có can liên gì với việc kia, thì thiệt là kỳ cục quá !

PHAN KHÔI

Trung lập, Sài Gòn, s.6148 (16.5.1930)

BINH LÍNH SÚNG ỐNG LÀ ĐỂ MÀ DẸP GIẶC, KHÔNG PHẢI ĐỂ MÀ TRỊ DÂN

Nhà nước Pháp ở đây có những binh lính, súng ống, lại có những tàu bay, tàu lặn, những đồ võ trang theo kiểu kim thời ; còn bên dân An Nam thì không có chi cả.

Bên dân An Nam có đôi khi, có kẻ nổi lên, cầm khí giới mà nghịch cùng chánh phủ, như việc Thái Nguyên năm nọ, việc Yên Bái mới rồi, thì chánh phủ dùng binh lực mà trị lại, đã ra đường ấy, dụng binh là một sự bất đắc dĩ, chúng tôi chẳng nói làm chi.

Với những đám như Thái Nguyên Yên Bái, chánh phủ kêu là "giặc" được, quan quân xổ súng ra mà bắn được, chúng tôi không trách. Như trong khi người An Nam dầu có tụ hội đông mấy đi nữa, mà trong tay không có khí giới chi, thì cũng phải kể là dân, không kêu là "giặc" được đâu.

. . . . . .

Như việc trong ngày 1er Mai ở Bến Thủy, Thái Bình, mà bắn chết những mấy chục người, thì khí nóng nảy quá.

Theo điện tín Arip thì ở Bến Thủy hôm ấy, họ nói mấy ngàn người đều có khí giới, song chẳng nói rõ khí giới là khí giới gì. Súng hay sao? Người An Nam làm chi có súng. Dao và gậy hay sao? Người đời nay ai còn chẳng biết dao và gậy không địch lại với súng cối xay được mà cầm theo làm chi ? Mà nếu nói là có khí giới thiệt, thì sao sau khi súng bắn mà họ không bắn trả lại ?

Rõ thiệt người ta nói vu.

Cách vài ngày trước đây, đối với cuộc dân sự biểu tình ở Sa Đec, người ta cũng làm như vậy. Nghe rõ, hơn 1500 người đến tay không nói miệng tày với quan Chủ tỉnh, chớ chẳng phải dậy giặc dậy dã chi hết, vậy mà lính tập từ Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định kéo xuống trong ngày 14 rồi.

Đem lính đi như vậy, là để giữ gìn trật tự, ...

Khéo nói mà phủ-uỷ họ, như hai việc xảy ra ở Cao Lãnh và Chợ Mới hôm trước đó, cũng yên được mà người ta lại phục tình nữa.

Chúng tôi tưởng từ nay về sau chánh phủ nên theo cái nguyên tắc nầy : Hễ ai có cầm khí giới mà nghịch cùng chánh phủ, thì hãy bắn ; bằng không thì thôi : họ tay không thì mình cũng đối phó bằng tay không ; họ miệng tày thì mình cũng đối phó bằng miệng tày. Bởi vì bọn nầy là dân, không phải là giặc kia mà.

PHAN KHÔI

Trung lập, Sài Gòn, s.6150 (19.5.1930)

HẠN CHẾ THÊM SỰ XUẤT DƯƠNG, LÀ ĐIỀU CHẲNG CÓ ÍCH CHI CHO SỰ TRỊ AN, MÀ KHÔNG CHỪNG CÓ HẠI

Có nhiều người Tây, vì lo sâu nghĩ xa quá, nên động có việc gì một chút, thì đã bày cho chánh phủ phương nầy chước kia, mà nực cười thay ! toàn là những phương chước lúng túng, quẩn quanh, tưởng các ngài đương đạo thấy đến cũng phải bật cười như bọn chúng tôi.

Nhơn mới rồi có cuộc biểu tình của sáu mươi học sanh An Nam tại trước dinh quan Tổng thống Pháp quốc, mà báo *Opinion* bên nầy hiến cho nhà nước lắm cái kế hay.

Bỏ hết chi kể lấy một cái là họ biểu từ nay nên hạn chế thêm về sự xuất dương của người An Nam. Nghĩa là phải lựa lọc bọn thanh niên du học cho càng kỹ hơn trước, phải dò xét đến cái tư tưởng của họ có trung thành không, rồi sẽ cho đi.

Tưởng là bày cái kế chi kia, chớ cái kế ấy thì là lúng túng lắm, quanh quẩn trong những sự người ta đã làm rồi, mà bày làm chi vô ích. Người Việt Nam lâu nay đã bị hạn chế trong sự đi ra ngoại quốc rồi. Ý giả báo *Opinion* nói hạn chế như vậy còn chưa đủ, nên bảo hạn chế thêm ; hạn chế thêm thì tránh được những sự như sự mới vừa xảy ra đó chăng ?

Ấy là họ quên lửng đi. Trước kia người An Nam đi ngoại quốc ít lắm, dầu sang Pháp cũng vậy. Chúng tôi nói "ít lắm" là nói để giữ thể diện ; chớ nói cho thiệt ra, thì bấy giờ sự xuất dương của người An Nam hầu như là sự "không" trơn.

Hễ cấm chừng nào thì bí chừng nấy, bí chừng nào thì nó nổ chừng nấy, vật gì cũng vậy.

Hồi trước nghiêm quá, người An Nam bí quá, ức đi ra ngoài quá, nên từ năm 1906 đến năm 1910, mới có sự rùng rùng kéo nhau qua Nhựt Bổn. Cái kết quả của sự đi Nhựt cả mớ đó đã làm cho trong nước sanh ra lắm việc rối ren.

Bởi vậy chánh phủ mới bịt con đường qua Nhựt đi, mà mở cho họ con đường qua Pháp. Chánh phủ làm việc nầy khôn ngoan lắm, mà cũng phải phải phân phân lắm, mặt nào thì mở cho người ta một mặt, có đâu lại đóng hết.

Phàm cái gì đã mở rồi thì đố ai đóng lại được. Cượng[*] mà đóng lại, ấy là sự nguy hiểm lắm, không nên, nhứt định không nên. Nói hạn chế, chớ kỳ thiệt tức là đóng lại. Nếu nghe lời họ mà thiệt hành, sẽ có sự nguy hiểm.

Mới nghe, như là chúng tôi nói đoạ chánh phủ. Không đâu, chúng tôi đâu lại quê mùa đến thế. Có điều, hễ người An Nam không sang Pháp mà học tập được thì sẽ sang các nước khác. Nhà nước không cho họ cũng đi. Hồi trước họ đi Nhựt đó, mấy ai cho ? Mà hễ họ đi các nước khác thì sự hành vi của họ đối với chánh phủ

---

[*] *cượng* : cưỡng, chống lại (theo *Từ điển phương ngữ Nam Bộ*, sđd.)

sẽ còn quá hơn bây giờ, vì cái không khí của những Canton, Berlin, Moscou lại còn dễ làm cho họ nóng nảy hơn Paris nữa. Chúng tôi không chắc họ có làm nên trò chi, nhưng chắc họ sẽ làm rối cuộc trị an của chánh phủ và của chúng tôi.

Chi bằng cứ để yên đừng hạn chế.

PHAN KHÔI

Trung lập, Sài Gòn, s.6158 (28.5.1930)

PHẦN ĐÔNG LÀ PHẦN DẠI MÀ CŨNG LÀ PHẦN KHÔN

Cái phần đông trong xã hội, theo nhà triết học thì là cái phần dại, mà theo nhà chánh trị thì lại là cái phần khôn.

Xưa nay biết bao nhiêu nhà triết học, hễ bắt đầu xướng ra cái thuyết chi hơi khác thường một chút, tức thì thiên hạ rập nhau mà phản đối, nhưng sau đó năm ba mươi năm, hoặc một trăm năm, thiên hạ trở lại theo như gió, thậm chí lập đồng tượng nhà triết học ấy mà sùng bái để chuộc lại cái tội lỗi mình đã hân hủi(*) đuổi dỡ người hồi xưa.

Như thế, còn ai mà cãi được rằng đối với nhà triết học, cái phần đông trong xã hội là phần dại ? Mà phải, trong một bầy người như rừng như biển, thế nào cũng phải có một số ít đi tới trước trên con đường tri thức, để mở mang cuộc tấn hóa cho tương lai, bằng chẳng vậy, trong tiếng nói loài người làm gì có được những chữ "tiên tri tiên giác" ? Về phương diện ấy, thiệt phần đông là phần dại.

Nhưng, thử hỏi làm sao nước nào cũng vậy, trong khi mưu đồ xử trí cái việc hiện thời, thì ở đâu cũng lại phải theo cái ý kiến phần đông ? Bất kỳ cử một ông tổng thống trong nước dân quốc, cho đến chọn các chưn nghị viên trong một ban hội nào, hễ ai nhiều thăm thì được. Trong một nghị viện cũng vậy, nhiều khi một cái nghị án

(*) *hân hủi* : hắt hủi, khinh thường (theo *Từ điển phương ngữ Nam Bộ*, sđd.)

được thông qua là chỉ nhờ lấn bên đối địch có một vài lá thăm. Làm sao cái phần dại mới hồi nãy đây mà bây giờ lại trở nên khôn rồi, ai ai cũng phải nghe theo họ ?

Ấy chẳng có gì lạ hết. Hễ trong việc chánh trị, thì phần đông là phần khôn ; dại mấy mặc lòng, mà hễ đông thì là khôn.

Cái lẽ nầy chỉ là quan hệ với thời gian chăng ? Phải rồi, chỉ tại thời gian mà có sự khác nhau đó.

Nhà triết học lo việc tấn hóa cho tương lai, mà cái kiến thức của phần đông chỉ thấy đến chỗ sống mũi mình là cùng, nào có nghĩ đến tương lai là cái chi chi. Bởi vậy, phần đông thiệt là dại, nên cái bậc thánh triết xưa nay, nếu muốn cải lương cái xã hội ngày mai, ắt phải đứng riêng ra một bên mà phản đối hết thảy phường ngu phu tục tử.

Việc hiện tại nó có quan hệ ngay với sự sống của họ, cho nên phần đông lấy làm tha thiết lắm mà xét biết sự lợi hại rõ ràng. Họ thấy thế nào là lợi cho họ thì họ muốn như thế. Dầu sự họ muốn đó không hiệp với chơn lý mặc lòng, nhưng họ hình như bác hết mọi lời chung quanh mà nói rằng : "Ấy là quan hệ với sự sống của chúng tôi để mặc chúng tôi".

(Kiểm duyệt bỏ)

Cái lẽ đó làm cho chúng ta xem thấy xưa nay Đông Tây, ít có nhà triết học ra làm việc chánh trị, mà hễ cượng ra làm thì hư hỏng. Vì phần đông đối với họ là dại, họ phải mạt sát cái ý kiến phần đông mà đã mạt sát phần đông thì còn làm việc với ai ? Bọn dại kia có khi nào lại chịu đem sự sống mình mà phó thác trong tay họ ?

PHAN KHÔI

Trung lập, Sài Gòn, s.6178 (23.6.1930)

CÁI CHÁNH SÁCH BÊN KIA VỚI CÁI THỜI CUỘC BÊN NẦY

Nói về cái nghị án ông Daladier không được thông qua tại Hạ nghị viện Pháp

Ai ai cũng biết rằng sự nước Pháp cai trị xứ Đông Dương đây là uỷ cho quan Toàn quyền, cùng các quan thủ hiến ở mỗi một xứ trong năm xứ ; song le cái mánh lới, tức là cái quyền muốn mở hay buộc, muốn non tay hay già tay, ấy là từ bên Pháp kia. Nói rằng từ bên Pháp ấy chẳng phải từ đức Tổng thống hay là bộ Thuộc địa đâu mà là từ Hạ nghị viện.

Cứ như cái giềng mối chánh trị của nước Pháp đó, thì cái mạng vận của các thuộc địa Pháp hay dở ra sao, đều nắm trong tay Hạ nghị viện hết. Đông Dương nầy cũng vậy. Thậm chí Hạ nghị viện nếu không đem việc của một thuộc địa nào ra làm nghị đề, thì cái thuộc địa ấy cũng sẽ bị bỏ xó, cái tiền đồ của thuộc địa ấy cũng sẽ đi đời nọ qua đời kia trong chỗ tối tăm.

Coi như việc mới rồi đây mà ngậm ngùi cho cái mạng vận xứ ta.

Từ ngày xảy ra việc bạo động ở Yên Bái về sau, dư luận bên Pháp càng lấy thời cuộc xứ Đông Dương làm hệ trọng. Ở Hạ nghị viện đã mở cuộc thảo luận việc ấy từ trong tuần tháng Mai(*). Kế đó lại có sự rối ren ở Nam kỳ, tức là các cuộc biểu tình vừa rồi, làm

(*) tháng Mai tức tháng 5 dương lịch ; tháng Juin tức tháng 6 dương lịch.

cho các ông nghị người bản phương nầy kẻ bàn thế kia, nói kéo dây ra cho đến gần cuối tháng Juin(*) mà chưa hết.

Vậy đủ tỏ ra rằng cái hiện tình của Đông Pháp rất đáng quan tâm, làm cho đến nỗi bên kia không thể hẵng hờ mà bỏ qua, hay là đối phó một cách cẩu thả.

Bởi vậy ông Daladier, giữa ngày 28 Juin, mới trình ra tại Hạ nghị viện một cái nghị án của đảng cấp tiến, nói về sự xin chánh phủ sai phái bộ qua điều tra thời cuộc Đông Dương.

Sau khi cái nghị án ấy tuyên bố ra giữa nghị viện, hỏi các nghị viên có ưng thuận việc ấy không, thì được có 260 vé ưng thuận, còn đến 325 vé không ưng thuận, thành ra cái nghị án ấy không được thông qua, thế là chánh phủ Pháp dẹp chuyện sai phái bộ qua Đông Dương nói đến nữa.

Cứ theo điện tín Arip thì sự nầy sở dĩ bất thành là tại ông nội các tổng lý(*) Tardieu can thiệp vào. Ông nầy chẳng thèm nói chi cho dài giòng văn tự hết, chỉ một câu cụt ngủn rằng dầu nghị viện có bày ra kế hoạch chi, là chánh phủ cũng không thiệt hành trong đạo nầy được. Thế là hư chuyện.

Trong khi chúng tôi nói chuyện nầy đây, hẵng bỏ cái tư cách chúng tôi là dân An Nam đi, chúng tôi chỉ lấy tư cách nhà ngôn luận đeo hai chữ "Trung lập", đứng cửa giữa mà nói, cũng phải lấy sự bất thành nầy làm tiếc : tiếc cho dân Đông Dương mà cũng tiếc cho nước Pháp nữa.

Cái nghị án của đảng cấp tiến đó thiệt là hợp thời. Dương trong lúc nầy mà có một phái bộ nước Pháp qua điều tra công việc xứ nầy, tuy chưa biết cái kết quả sự điều tra ấy rồi sẽ ra sao, chớ nội chừng ấy đó cũng đủ rõ ra lòng sốt sắng của chánh phủ đối với nhân dân thuộc địa. Mà cái lòng sốt sắng ấy đã tỏ ra ai dám bảo rằng không có hiệu quả.

(*) "nội các tổng lý" là nói theo chữ Hán, chỉ người đứng đầu nội các, tức là thủ tướng.

Vậy mà ngăn cản đi, thiệt là đáng tiếc !

Chúng tôi tiếc, trên kia chúng tôi lại còn ngậm ngùi cho cái vận mạng xứ ta, ấy không phải là chúng tôi để trọn lòng trông cậy ở cái phái bộ "hỗi"(*) ấy đâu. Không phải chúng tôi dại dột đến nỗi tưởng rằng hễ có phái bộ ấy qua thì cái dân tộc nầy trở thành Tiên thành Rồng như tổ tông họ đâu.

(Kiểm duyệt bỏ một đoạn)

Trong một bài trước chúng tôi đã nói về phương diện chánh trị lấy phần đông làm phải, phần đông ở đâu, tức là sự khôn ngoan ở đó. Nay có đến những 325 vé nghịch cùng 260 thì chúng tôi – mà cho ai nữa cũng vậy, cho ông Daladier(**) cũng vậy – mới nói làm sao ! Thôi, đem hai hàng số ấy mà trừ với nhau, thì thấy lòi ra con số đến 65 lận ; cái khôn ngoan ở trong con số 65 đó, cái phải ở trong con số 65 đó, ông Daladier còn nói chi ? Chúng tôi còn nói chi ? Những người Pháp nào có lòng yêu quý cái bán đảo nầy còn nói chi ?

Thiệt cái chánh sách ở bên kia mà lại đòi giải quyết cái thời cuộc ở bên nầy, khó thay !

(Kiểm duyệt bỏ một đoạn dài)

PHAN KHÔI

Trung lập, Sài Gòn, s.6186 (2.7.1930)

(*) Theo Phan Khôi (ở một số bài báo khác) thì "hỗi" (hoặc "hồi") là trỏ cái định làm mà không thành ; "phái bộ hỗi" là phái bộ không thành vậy.

(**) Édouard Daladier (1884-1970) chính khách Pháp, thủ lĩnh đảng cấp tiến, nhiều lần làm thủ tướng Pháp trong các năm 1933-34, 1938-40 ; ban đầu ủng hộ Mặt trận Bình dân, về sau lại ủng hộ việc thủ tiêu Mặt trận đó ; là người ký hòa ước Munich năm 1938.

CHÁNH PHỦ VỚI NHÂN DÂN TRÉO NHAU

Chánh phủ Quảng Đông cho kẻ lãnh trưng mở tiệm hút và cờ bạc, còn nhân dân lại cấm đi

Chánh phủ Nam Kinh từ hồi thành lập đến giờ, vẫn ra lịnh cấm cờ bạc và thuốc phiện riết lắm. Họ làm theo cái phương pháp "kiến quốc đại cương" của Tôn Trung Sơn, cho thời kỳ nầy vào thời kỳ "huấn chánh", nghĩa là hiện lúc bây giờ phải dạy khôn cho dân, làm cho dân có đủ tư cách cầm lấy quyền chánh rồi, sau họ mới đem quyền chánh mà trả lại cho dân. Vậy hiện nay chánh phủ chẳng những lập trường dạy dỗ mà thôi, lại còn can thiệp đến các việc riêng trong dân, ép người ta phải chừa bỏ những tật hư thói xấu. Tức như cấm cờ bạc, thuốc phiện, điếm đĩ ; cấm cả đến thầy phù thủy, thầy coi ngày giờ tướng số là những điều rải rắc cái hại mê tín ra cho quốc dân Trung Huê.

Chánh phủ trung ương làm như vậy, theo một cái mục đích cao thượng như vậy, mà ở chánh phủ địa phương thì lại coi bộ hẫng hờ lắm, đôi khi đi trật ra ngoài cái đường rầy chánh trị ấy.

Chẳng biết vì cớ nào, vì cớ hụt tiền chăng, mà chánh phủ Quảng Đông lại có phê đơn, cho phép mấy nhà lãnh trưng kia lập tiệm hút và chứa cờ bạc ở tại huyện Thủy Nguyên thuộc về tỉnh ấy. Mấy nhà lãnh trưng ấy ỷ có chữ quan phê rồi, cứ việc khai trương, nghiễm nhiên treo lá cờ "R.O" một bên lá cờ "thanh thiên bạch nhựt".

Trong huyện Thủy Nguyên từ trước nhân dân vẫn đã lập hội cấm yên cấm đỏ giăng giăng. Đến chừng thấy bên kia mở tiệm ra mà lại có chữ quan phê, họ lấy làm tức lắm, bèn nổi lên kháng cự rất kịch liệt. Họ rủ nhau đi tuyên truyền khắp chợ thì quê biểu ai nấy đừng léo lại những tiệm ấy, ai nghe lời thời thôi, bằng không nghe, họ đánh cho què cẳng.

Sự cổ động của các hội ấy được thành công. Các tiệm hút, tiệm cờ bạc lập ra đó ban đầu còn vắng khách, lần đến chẳng có con muỗi nào, đành phải lỗ vốn.

Các chủ lãnh trưng không chịu thua, gây việc với những người chủ trương các hội cấm yên cấm đỏ ấy. Hai bên thành ra có nhiều điều rắc rối. Việc lôi thôi ấy tất nhiên phải tới công đường huyện Thủy Nguyên. Ông huyện chẳng biết nghĩ làm sao, thiệt là khó xử. Bên dân thì làm việc phải, hiệp với chủ nghĩa mà chánh phủ trung ương đương theo ; còn bên các chủ lãnh trưng cũng chẳng quấy chi, vì có nắm giấy phép của quan tỉnh trong tay làm hộ phù.

Quan huyện Thủy Nguyên chịu phép, chỉ có một nước trình cho chánh phủ tỉnh Quảng Đông hay và xin các ngài cắt nghĩa tại làm sao lại cho phép bọn lãnh trưng kia.

Ấy là việc mới xảy ra đây, theo tin một tờ báo Tàu ở Hương Cảng đăng như vậy. Còn quan chủ tỉnh cắt nghĩa làm sao thì chưa rõ.

Tờ báo Tàu nói đó, có nghị luận sơ qua, đại để nói rằng :

"Ai cũng biết cờ bạc và thuốc phiện là nên cấm, vậy thì quan chủ tỉnh không nên cho phép bọn lãnh trưng. Mà đã cho phép thì bọn họ mở tiệm ra, nhân dân không có lẽ nào ngăn cản được. Cái nầy là lỗi tại quan chủ tỉnh đã tự mình làm ra một việc trái lẽ, cho nên bây giờ không có lời gì để đối đáp với nhân dân, mà cũng không có lời gì để đối đáp với các chủ lãnh trưng nữa. Bây giờ nếu binh bên các chủ lãnh trưng thì trái với nghĩa vụ khai hóa nhân dân ; nếu binh bên dân thì làm thế nào rút lại cái đơn phê hồi trước ?

Cho nên, việc nầy tuy là việc nhỏ mà nó có cái ý nghĩa thiệt lớn vì nó đã làm lung lay đến cái lòng tin cậy của nhơn dân đối với chánh phủ rồi".

Báo ấy nói như vậy rồi, lại còn pháy ý(*) cho ai nấy biết rằng sự cho phép nầy khắp các huyện, huyện nào cũng có, duy các ông huyện kia khéo xử trí, còn ông huyện Thủy Nguyên nầy vụng xử cho nên mới thành ra vấn đề. Nếu quả vậy thì rõ ra là các người đương đạo bên Tàu, cũng còn cái thói nói một đường làm một đường như thế, thiệt khó lòng cho dân tin cậy được vậy.

Ở đâu cũng vậy, cái lối hành chánh ấy tức là hột giống nứt ra cách mạng và cọng sản.

THA SƠN(**)

Trung lập, Sài Gòn, s.6142 (8.5.1930)

(*) *pháy ý*: chưa rõ nghĩa.

(**) Tha Sơn là bút danh Phan Khôi dùng trong vài tuần đầu cộng tác với *Trung lập*.

SỰ DÙNG NGƯỜI CỦA CHÁNH PHỦ

Vẫn biết việc chánh trị của chánh phủ Pháp là theo lối pháp trị, chớ không theo lối "nhân trị" như triều đình An Nam ngày xưa. Theo lối pháp trị thì đã có hiến pháp và pháp luật làm thầy cho nên trong sự dùng người, cứ quý hồ người nào làm được việc thì thôi chớ không cần đến cái tư cách riêng của người ấy cho lắm. Hay là, muốn nói cho dễ hiểu hơn thì nói rằng trong sự dùng người chỉ trọng về đằng *tài* chớ ít trọng về đằng *đức*.

Vẫn biết vậy rồi, nhưng mà đối với dân tộc Việt Nam trong sự cai trị, chưa có thể rặt ròng khuynh hướng về phương diện ấy được đâu ; nói trắng ra tức là chưa có thể chuyên dùng lối pháp trị.

Người Việt Nam trải lâu đời ở dưới quyền quân chủ, ở dưới quyền Nho giáo, ai nấy đều trông lên ông quan mà tôn là một hạng người "dĩ đức hóa dân" ; chẳng những coi quan trên như cha mẹ mà thôi, lại cũng coi như thầy dạy nữa. Cho nên, một ông chủ tỉnh (Administrateur de la province), theo con mắt người Pháp thì chỉ coi như một ông quản lý của một nhà buôn ; song theo con mắt người An Nam, thì coi là quan hệ với mình lắm, là cha mẹ và thầy mình.

Theo ý chúng tôi thì làm dân đời nay mà đối với quan lại, còn có cái quan niệm ấy, là không tốt. Song sự ấy chúng tôi đem mà bàn luận ở đây(*). Ở đây chúng tôi chỉ vạch đến chỗ ấy ra, là cốt

(*) Có lẽ câu này phải là "... không đem bàn luận"... mới hợp với mạch văn.

muốn cho chánh phủ chớ[*] rằng trong khi dân An Nam còn có cái quan niệm "coi quan như cha mẹ và thầy" đó, thì còn cần phải dùng lối nhân trị nghĩa là chánh phủ dùng người ra làm quan, cần phải trọng bên đức hơn bên tài.

Có một lúc, bị tình thế ép buộc, chánh phủ dùng người không cần "đức", là lúc xứ nầy mới bị chinh phục vừa xong, người hiền trốn lánh không chịu ra, mà muôn việc không thể bỏ, thì lúc bấy giờ có tên thợ rèn đã được làm Tổng đốc, tên buôn gà đã được làm tri huyện. Cái chế độ dụng nhân ấy tạm thi hành trong hai lần lấy thành Hà Nội (1873 và 1882) nên mới có câu đối rằng : "Dã tượng tích vi tổng đốc ; mại kê kim tác huyện quan"[**].

Chúng tôi đã nói là "tạm hành", vì biết sự đó là bởi cực chẳng đã, hồi nhà nước cần có người để sai sử, mà không có người, thì cũng phải dùng đỡ vậy thôi. Sau khi đó, trong nước được bình yên, nhà nước lại lấy nhân tài ở trong khoa cử hoặc học đường ra mà dùng.

Tuy vậy, chúng tôi cũng còn thấy những người xuất thân đê tiện mà được lên làm quan sang. Một anh lý trưởng đã nhảy lên ngôi tứ trụ. Vài anh bồi cũng đã nhờ có tài năng mọn mạy chi đó mà anh thì làm đến thượng thơ, anh thì làm đến tuần phủ. Còn mấy ông do chưn thông ngôn ký lục mà bây giờ cũng "vị cực nhân thần", thì đem sánh với những hạng trên kia, thiệt đã xứng đáng lắm, chúng tôi còn nói năng chi.

Chúng tôi không hiểu làm sao đến ngày nay là ngày cuộc bảo hộ đã yên rồi, mà nhà nước lại còn đem cái "chế độ tạm" hồi trước ra mà thi hành lại? Sự dùng người lộn xộn như vậy thiệt là làm mích lòng dân nhiều lắm ; mà sự làm mích lòng dân, ai dám bảo là sự không có hại gì cho chánh phủ ư ?

---

[*] Có lẽ "nhớ rằng" mới có nghĩa trong đoạn câu này ; phải chăng bản gốc có lỗi in sai?

[**] Sự việc này đã được nhắc đến trong "Câu chuyện hằng ngày", *Thần chung* ngày 3.8.1929.

Trước hết là đối với bọn sĩ phu. Bọn nầy, thầy của họ là Khổng Tử, Mạnh Tử, có cái chí khí tự trọng tự cao, ít hay chịu khuất, mà khi thấy anh bồi hay chú xã nhảy lên làm thầy họ, thì họ chịu sao nổi ? Nhà nước chớ ngó thấy một vài kẻ ở trong đám nhà nho ra, cũng lòn lỏi nơi cửa quyền để nuôi cái thân cho mập, mà tưởng lầm rằng hết thảy sĩ phu trong nước đều phục cái chế độ ấy. Không đâu ; sĩ phu họ vẫn không chịu được cái lối dùng người đó, mà nhiều sự phiến động cũng có một phần bởi cái duyên cớ ấy mà ra vậy.

Cho đến hạng dân hèn đi nữa, cũng đừng nên thấy họ ngu dốt mà tưởng rằng bất kỳ ông quan nào, hễ có bằng sắc của nhà nước thì họ cuối đầu vâng phục hết đâu. Cái người làm cha mẹ, làm thầy họ, mà không đáng mặt, thì họ đâu có chịu ? Há chẳng từng thấy có nhiều dân làng kiện quan, và đến nỗi có nhiều khi họ khiêng quan đem trả cho nhà nước sao ? Hạng bình dân nầy dễ bị người ta khêu chọc lắm, hễ họ đã sẵn có sự bất bình rồi, thì gặp có dịp gì một chút, họ sẽ nổi lên làm quấy.

Dùng người không có đức không có tư cách ra để làm lớn dân, thì cái hại là vậy đó.

Hiện bây giờ đây, ở Bắc kỳ dân sự đương kêu rêu về ông Vi Văn Định là người Thổ mà làm Tuần phủ Thái Bình. Tờ báo Tây *Ami du Peuple* đã viết một bài kể tội ông quan nầy và một bạn đồng nghiệp chúng tôi là *Đuốc Nhà Nam* có dịch đăng cách mấy bữa trước.

Theo báo *Ami du Peuple* thì ông Vi Văn Định thiệt là người tàn ác hại dân nhiều bề, cho nên dân tỉnh Thái Bình mới có cuộc biểu tình ngày 1er Mai để phản đối ông ấy.

Chúng tôi chẳng biết cái tài ông Vi Văn Định có những gì, chỉ biết ông ấy là người kém về đức ; vậy mà nhà nước dùng làm một ông quan chúa tỉnh, theo cái lý thuyết trên kia thì dân sự không phục tình mà phản đối là phải.

Ngoài cái vấn đề tài đức, lại còn cái vấn đề chủng tộc nữa. Thái Bình là một tỉnh lớn, thanh danh văn vật giữa trung châu Bắc kỳ, cả dòng giống An Nam chẳng có một người đủ gánh cái trách nhiệm chúa tỉnh hay sao, mà lại phải cầu đến một người tôi con của "ngài Điêu"[1] mới được ? Nhà nước không nghĩ kỹ mà làm điều ấy, thiệt đã chích bụng người An Nam lắm đó.

Đối với dân Chàm, nhà nước cũng còn nể họ, huyện Tham Lý[*] là huyện rặt những Chàm đó, vẫn dùng người Chàm làm tri huyện, thì nỡ nào lại dùng một người Thổ để ngồi trên dân An Nam ?

Cái vấn đề chủng tộc tuy là quan hệ mà là đơn độc, vì chỉ có cái "ca" Vi Văn Định đây thì nó mới phát sanh. Còn cái vấn đề tài đức kia là phổ biến, vì nó bao hàm hết sự dùng người của chánh phủ, vậy nên chúng tôi xin chánh phủ để ý về chỗ đó hơn khi bê một ông quan địa phương ra, phải nghĩ đến chỗ cái đức ông ấy có đủ cho dân tình phục không, chớ đừng kể nội một cái tài đủ cho chánh phủ.

Đã có một lần chúng tôi đem cái ý kiến trên nầy mà bày tỏ cho một vị thủ hiến bên Bảo hộ ở Trung kỳ nghe. Ngài dạy rằng đã biết vậy rồi, song trong quan trường An Nam ngày nay hình như ông nào cũng vậy đó, biết đâu kiếm cho ra người có đức mà dùng ! Chúng tôi thưa lại như vầy : "Nếu quả như lời thượng quan nói đó thì "người" Việt Nam chúng tôi ngày nay đã hóa ra "ma" hết rồi sao ? Không có lẽ". Vị thủ hiến bèn gật đầu mỉn cười, và nói rằng : "Nhưng lại còn phải biết sự thay đổi là khó quá !" – Cái đó thì chúng tôi cũng biết rồi, khó quá ![**]

PHAN KHÔI

Trung lập, Sài Gòn, s.6157 (27.5.1930)

---

[1] Họ Điêu là họ hào trưởng đẳng Thổ ở mạn ngược Bắc kỳ, người ta kêu người hào trưởng ấy là "Ngài Điêu" (nguyên chú của Phan Khôi).

[*] Có lẽ là Phan Lý, về sau gọi là Phan Rí ?

[**] Xem thêm bài hưởng ứng ý kiến Phan Khôi của độc giả Đào Hanh Vạn ở Phụ lục 2 sách này.

VẤN ĐỀ SANH HOẠT Ở SÀI GÒN VÀ TIỀN LƯƠNG CỦA NGƯỜI LÀM CÔNG

Đã nhiều lần, trên tờ báo nầy, chúng tôi kêu ca về sự vật giá ở Sài Gòn tăng lên không chừng đỗi, tức như một cái hộp quẹt lên giá gấp hai, trước một xu, bây giờ hai xu ; một tạ than, lên giá một góc ba, trước một đồng rưỡi, bây giờ hai đồng một cắc.

Phải chi thành phố Sài Gòn nghe lời yêu cầu của nhiều tờ báo, lập ra một ban hội đồng coi xét về vật giá, thứ nào đáng tăng bao nhiêu thì ra cho họ một cái luật nhứt định, thì thôi, mấy chú Khách mấy chú Chà họ có dám tự nhiên muốn tăng bao nhiêu thì tăng đâu. Cái nầy không. Chẳng ai hề vi sử chi đến việc ấy hết, cứ ngồi coi họ tăng món nầy bữa nay một chút, món kia bữa mai một chút, rồi từ trên đến dưới rủ nhau ngửa cổ ra mà chịu.

Mấy ông giàu, nhứt là các quan, nhiều lương nhiều tiền, có thịt bò từng khúc thì tăng mấy đó cứ tăng, lo chi. Song le, ngặt lắm là mấy kẻ nghèo. Nghĩ như những người làm công trong các sở buôn, những người làm thợ trong các nhà máy, cái hạng lương 80p, cùng 100p trở lên, chẳng nói làm chi. Chớ còn hạng ăn một tháng ba bốn hay là năm sáu chục, và lương một ngày sáu bảy cắc, thì chẳng biết lấy gì mà nuôi vợ nuôi con cho đủ trong dạo nầy ? Mới rồi chúng tôi đọc báo *La Liberté indochinoise*, thấy cũng có kêu ca về sự ấy, nhưng họ chỉ kêu ca riêng cho người Pháp làm việc các nhà buôn ở đây mà thôi.

Họ nói rằng những quan lại Pháp ở đây đã được nhà nước ưu đãi lắm mà còn kêu rêu là thiếu thốn, nên mới rồi được tăng lương

lên hai chục phần trăm (20%). Nói rằng những quan lại là có công lao với xã hội thì kẻ làm công nhà buôn cũng có công lao vậy chớ. Sao người ta lại nhẫn tâm mà để cho bọn nầy ăn tiền lương ít quá ? Lương hạng bét của công nhân Pháp ở đây tệ nhứt cũng được 1 trăm đồng, 1 trăm rưỡi đồng hay là 2 trăm đồng. Theo *La Liberté*... thì họ bỏ không thèm nói chỉ nói hạng 2 trăm đồng đó cũng không đủ vào đâu. Người Pháp vẫn là ít con cho nên họ hằng định một người làm công có vợ và hai đứa con thôi, song với số tiền lương tệ lậu "solder soire" là 2 trăm đồng ấy cũng không biết làm thế nào cho đủ tiêu được.

Đó, công nhân Pháp hạng 200p một tháng mà họ còn cho thiếu trước hụt sau, huống chi là công nhân An Nam chỉ có 4 - 5 chục hay là 6 - 7 chục. Nói rằng người Pháp ăn phải ăn sướng, ở phải ở sang, nên phải tiêu rộng thì đã đành. Nhưng có kém nhau cũng có chừng có đỗi, có đâu lại đến gấp hai gấp ba lần như vậy ? Vả lại người An Nam thường thường là đông con, 14 đứa vừa trai vừa gái như vợ chồng ông Trương Vĩnh Tống, đó là sự họa là, chớ cái chỗ bốn năm sáu bảy đứa là nhà nào cũng vậy. Với số tiền ít ỏi kia mà lo ăn mặc cho lũ con bầy nầy, thì hoạ có bịt miệng chúng nó lại, bắt chúng nó ở truồng luôn, thì mới lo khỏi đói rách.

Đây chúng tôi nhơn lời báo *Liberté*...(*) nói mà đem ra so sánh cho thấy sự thiệt hại của công nhân An Nam, chớ chẳng phải chúng tôi phân bì người Pháp đâu. Chúng tôi vẫn biết người Pháp đến đây là khách địa, so với người An Nam là bổn xứ, lại có khác nữa. Nhưng, dầu thế nào mặc lòng, ở Sài Gòn đây, gặp thời buổi nầy, một cái gia đình có mươi miệng ăn, mà mỗi tháng chỉ có 5 - 6 chục đồng bạc, là có tiện tặn mấy cũng không đủ, thiệt tình như vậy.

Bất kỳ người giống nào nước nào, chung nhau ở vào một cái thành phố nầy, tức như bà con một nhà, phải có cách nhân nhượng

(*) Vẫn là tờ báo nói trên, đây là lối viết vắn tắt.

giúp đỡ cho nhau để mà sống. Chúng tôi muốn đem việc nầy mà bàn với những người cầm quyền ở đây là chỉ có cái ý như vậy, chớ chẳng hề pha cái ý kiến về chánh trị hay về chủng tộc ở trong đó đâu.

Khi người ta đã tin chúng tôi có ý như vậy rồi chúng tôi mới có thể nói được mấy lời sau đây.

Một là ngay bây giờ đây Hội đồng thành phố họp lại mà đặt một ban uỷ viên coi về việc tăng giá vật thực đi. Đành rằng bây giờ thuế đoan tăng, nhơn công vật liệu khó kiếm, thì mọi vật phải cao giá. Nhưng cao cũng có chừng sao lại cao đến gấp hai ? Lại những vật ở ngoại quốc đem vào vì thuế đoan tăng nên giá bán cũng phải tăng, chớ còn thổ sản ở đây như rượu, chỉ có việc múc về bán lại, thì mặc chi mà cũng lên giá hơn bữa trước ?

Chẳng qua là vì sự buôn bán ở đây, hầu hết nằm trong tay Khách trú, họ lấy nê rằng thuế đoan tăng rồi bất kỳ vật gì họ cũng tăng giá để thủ lợi chơi. Ban hội đồng nói trên kia chỉ một việc là khảo sát các vật thực cho biết các giá vốn (prix de revient) nó là bao nhiêu, rồi ra cho họ một cái giá nhứt định về mọi vật, bắt họ phải bán theo giá ấy mà không được tăng bao nhiêu tự ý.

Nếu không làm cách ấy thì xin chánh phủ bàn với hết thảy các nhà buôn tăng lương cho công nhân.

PHAN KHÔI

Trung lập, Sài Gòn, s.6167 (7.6.1930)

CÁCH NGÔN LUẬN CỦA NGƯỜI Á ĐÔNG

I

Có người Tàu bẻ cái học thuyết Tôn Văn mà lại nhè kêu Tôn Văn là con heo, là ngu xuẩn

Người Á Đông ta, Tàu cũng vậy mà An Nam cũng vậy, không tinh thông luận lý học, cho nên trong khi ngôn luận, chẳng noi theo khuôn phép mà cứ nói già miệng để cầu hơn, nhiều khi lại nói hỗn ẩu vô lễ nữa. Sự đó, nói thiệt tình mà nghe, tỏ ra các dân tộc Á Đông ta còn chưa thoát hết cái tánh tình dã man, thật là một điều mà ta đáng lấy làm xấu hổ vậy.

Sự biện luận là để mà tìm cho ra chơn lý. Muốn biện luận mà cho đạt tới cái mục đích ấy thì phải thông hiểu luận lý học. Người nghe cũng vậy, nghe lời biện luận mà nếu chẳng biết dùng luận lý học để phán đoán thì nhiều khi bị họ phỉnh mình, họ làm cho mình cũng ngu đi như họ. Người biện luận mà lại dùng đến cái giọng hàng tôm hàng cá, vọt miệng mắng chửi người ta, tỏ ra người ấy chẳng có cái óc luận lý học chút nào hết. Vì không hiểu luận lý học, nên khi muốn phản đối kẻ khác mà chẳng có dự lẽ để phản đối, phải dùng đến cái khẩu khí của "nậu rỗi"[*]. Những người ấy, không đợi ai công kích hết, tự mình cung khai ra mình là vô giáo dục, dốt nát, ngu muội, tự nhiên bị đẩy ra ngoài làng học vấn, ngoài đám người trí thức, rốt lại, nhập làm một với bọn hạ lưu xã hội.

---

[*] nẫu rỗi : bọn buôn cá (theo H.T. Paulus Của, sđd.)

Vừa rồi tôi đọc một bài kêu là "*Chỉ chánh những chỗ sai lầm của Tôn Văn học thuyết*", đăng trong *Quần báo* là một tờ báo chữ Tàu ở Chợ Lớn, ra ngày 5 Juin, mới phát ra những lời trên đó.

Cái học thuyết Tôn Văn, độc giả chắc có nhiều người biết, ấy là một cái thuyết phản đối lại cái thuyết "tri dị hành nan" (biết dễ làm khó) của người Tàu ngày xưa. Cái học thuyết ấy chưa biết có đúng với chơn lý hay không, song Tôn Văn đã làm ra thành sách, nói có đầu có đuôi, lý sự đầy đủ, là một cái thuyết đứng được. Dầu rằng năm ngoái đây Hồ Thích, một nhà đại học giả bên Tàu, có viết một bài dài, dùng phương pháp khoa học mà nghiên cứu lại cái thuyết của họ Tôn đó, thì thấy có chỗ không được đúng, vậy mà nó cũng vẫn chưa mất cái giá trị của nó, vì trong đó có nhiều phần hình như gần với chơn lý.

Cái bài đăng trong *Quần báo* mà tôi nói trên đây ký tên người viết là Mộng Điệp. Chẳng biết tên đó là của người nào, nhưng đọc qua cái bài thì thấy người ấy là một nhà biện luận chẳng theo khuôn phép chi cả, giống kiểu những người mà tôi vừa nói trên kia.

Cái bài ấy dưới có để chữ số II và sau có chữ "chưa hết" nghĩa là trước đó đã có một bài rồi và sau nầy cũng còn tiếp nữa. Tuy vậy coi nội một bài II nầy cũng đủ chứng rằng tác giả nói bậy.

Bất kỳ biện luận về vấn đề gì, cũng đều nên lấy lời lẽ mà nói, cho bình tâm tịnh khí thì mới thủng thẳng mà tìm thấy chơn lý được. Huống chi là biện luận về một vấn đề triết học của người ta, lại nên thận trọng là dường nào. Vậy mà người viết đó như là chẳng kể chi hết, nói như dùi đục chấm mắm, thiệt tôi đọc đến mà lấy làm khinh bỉ quá. Tôi trách ông chủ bút *Quần báo* sao lại đăng bài ấy làm chi ! Vẫn biết *Quần báo* bây giờ phản đối họ Tưởng nên cũng phản đối luôn họ Tôn ; nhưng sự phản đối thì tôi không trách chi ; trách cái bài dùng dọng nậu rỗi kia mà được đăng lên thì là làm dơ tờ báo !

Tôi trách một ông chủ bút báo Tàu thì cũng như trách một ông chủ bút báo Tây, một là vì ngôn ngữ bất đồng, hai là vì làm phách, họ có thèm nghe đến hạng mình đâu. Nhưng mặc kệ họ. Tôi nói đây là cốt muốn cho bà con Việt Nam mình nghe với nhau. Mà nghe câu chuyện họ, là có bổ ích cho mình lắm.

Ai có đời cái ông Mộng Điệp nào đó, trong bài II của ổng bắt đầu kể một đoạn trong Tôn Văn học thuyết dẫn chứng về sự ăn uống, rồi tiếp đấy ổng viết rằng :

> "Cái ngài độc giả, nếu các ngài cũng giống như Tôn Văn là con heo, cũng giống như Tôn Văn là ngu xuẩn, thì các ngài sẽ bị Tôn Văn phỉnh mình. Song tôi tưởng các ngài chắc không đến nỗi như va vậy nếu cái thuyết của Tôn Văn chỉ đủ sắm cho các ngài một trận cười mà thôi !" (Tôi dịch đúng nguyên văn).

Hỡi độc giả An Nam ! Họ nói như vậy đó, mà liệu có nghe đặng không ?

Xin độc giả An Nam trước phải hiểu ý tôi. Tôi không nói ông Mộng Điệp nói như vậy là vô phép. Đối với Tôn Văn là một nhà thủ xướng cách mạng Tàu, là một ông cựu tổng thống của Dân quốc, không nên nói như vậy. Tôi cũng không hề coi Tôn Văn là thần thánh mà chẳng cho ai đụng chạm tới. Tôi cũng không hề tinh quyết rằng trong người của Tôn Văn chẳng còn có một chút nào thú tánh như cái tánh của con heo, và là khôn ngoan tột bậc mà chẳng còn có một chút nào ngu xuẩn đâu. Những sự trên ta hãy để riêng ra. Tôi nói đây là nói cái "láo" "xỏ lá", cái "hèn" của người viết bài ký tên là Mộng Điệp đó.

Người ấy không hiểu luận lý học, không đủ lẽ để biện bác cái học thuyết của Tôn Văn mà lại có cái dã tâm muốn đánh đổ cái thuyết ấy. Cho nên bắt đầu kêu Tôn Văn là con heo là ngu xuẩn rồi lại bợ độc giả của mình lên mà nói rằng : "Chắc các ngài không đến nỗi như Tôn Văn". Như vậy là muốn cho độc giả trước có lòng khinh Tôn Văn đi và đắc ý vì Mộng Điệp khen mình, rồi sẵn

đó tin luôn những lời của Mộng Điệp. Đó, cái láo, cái xỏ lá, cái hèn là ở đó.

Cách lập ngôn như vậy là một điều cấm kỵ lớn trong luận lý học. Lấy chứng cớ gì mà kêu người ta là con heo, là ngu xuẩn? Chẳng có chứng cớ gì hết. Chỉ có ỷ rằng tờ *Quần báo* ở ngoài phạm vi thế lực của chánh phủ Nam Kinh và Tôn Trung Sơn chết rồi, nên nói láo cũng không ai chém ! Cái tâm lý hèn mạt thay mà chó má thay !

Bài sau tôi sẽ nói đến cái lý sự cùn của ông Mộng Điệp cho bà con nghe.

II

Những lẽ mà tác giả trưng ra, chẳng đủ làm núng cái học thuyết Tôn Văn chút nào hết.

Như bài trước đã nói, chẳng dựng ra chứng cớ gì hết mà thình lình kêu người ta là con heo, là ngu xuẩn, sự vô lễ đành rồi, chẳng nói làm chi ; chỉ nói về phương diện luận lý học, cũng là phạm vào sự cấm kỵ vậy.

Trong luận lý học kể các điều mậu vọng (les erreurs) trong sự nghị luận, có một điều kêu là "cái luận chứng hãm người", nghĩa là nhè cái hạnh kiểm hoặc nghề nghiệp của người kia mà công kích, đặng nhơn đó công kích luôn cái lời nói của người ấy. Ví dụ : Tên Mít ghiền á phiện, một hôm làng nhóm, nó cũng ra nhà việc bàn bạc nọ kia. Ông cả Xoài nổi lên nạt nó rằng : "Thứ đồ hút xách, bàn đèn ống điếu thì hay việc bàn đèn ống điếu, nói nhằm gì mà nói !" Ấy đó là cái luận chứng hãm người, nghĩa là lấy sự hãm hiếp người ta mà làm luận chứng (argument) vậy.

Theo lẽ thì tên Mít ghiền gặp mặc kệ nó, nếu nó có quyền ăn nói giữa làng thì làng nên để mà nghe thử nó nói quấy phải làm

sao. Ví bằng nó nói phải thì dẫu nó có ghiền, làng nghe nó cũng vô hại. Cái nầy ông cả Xoài lấy cớ nó hút xách mà giày đạp cả lời nói của nó đi thì là trái lẽ.

Người viết bài trong *Quần báo*, ký tên Mộng Điệp, kêu Tôn Văn bằng con heo, ngu xuẩn, tức là cái lối ông cả Xoài nạt thằng cha Mít. Huống chi, tên Mít thiệt ghiền nên ông Xoài kêu là đã hút xách, dầu sai đằng nọ mà còn trúng đằng kia ; chí như Tôn Văn, đã có cái gì tỏ ra là ngu xuẩn, giống con heo, mà tác giả lại dám kêu ngang như vậy, thật là vô lý quá.

Bài trước tôi đã nói, bởi không đủ lẽ cãi, nên mới dùng cái cách cà vú lấp miệng em. Dưới đây bà con sẽ thấy cái lý sự của Mộng Điệp thế nào.

Nguyên trong học thuyết Tôn Văn có trưng ra sự ăn uống để chứng rằng sự làm là dễ, sự biết là khó. Đại ý nói cách nấu ăn của Tàu đã khéo mà lại hiệp vệ sanh, có nhiều ông bác sĩ Tây phương đã chứng nhận điều ấy. Vậy mà người Tàu từ trước có biết đến đâu. Không biết mà vẫn làm. Bởi vậy nói làm là dễ.

Muốn đánh đổ cái thuyết ấy, chỉ có khi nào chứng minh ra được rằng người Tàu đời xưa đã có phát minh ra cái phương pháp nấu ăn hiệp vệ sanh ấy, tỏ ra sự biết ở trước sự làm, sự biết là dễ, thì mới đánh đổ được. Cái nầy, Mộng Điệp không tìm ra được cái chứng cớ ấy, nên kiếm đường nói quanh nói quất, nói sai cái nguyên ý họ Tôn đi, để tiện bề công kích cho mình. Thế là Mộng Điệp đã bắn chỉ thiên, đã công kích đâu đâu, chớ chẳng công kích chi cái học thuyết Tôn Văn vậy.

Nó vặn tắc vặn rì cái nguyên ý họ Tôn đi, nói họ Tôn bảo rằng người ta mới sanh ra không biết chi hết mà tự nhiên làm cái sự uống ăn được, ấy là biết khó làm dễ (!) Rồi nối tiếp rằng nếu nói như Tôn Văn thì nó nói mấy chả được, dẫn chứng mấy chả được : con mắt hay thấy, lỗ tai hay nghe, lỗi mũi hay ngửi, lỗ miệng hay nói, tay chơn hay cử động, đằng trước đằng sau hay đái ỉa (nguyên

văn), đó chẳng phải là những cái chứng cớ sự làm là dễ hay sao ? (!) Đó, lý sự của Mộng Điệp đó, thật chẳng những tỏ ra là dốt, mà lại tỏ ra là tiểu nhân, không có lòng ngay thật nữa.

Nó lại nói họ Tôn nhận cho sự uống ăn là sự "làm" ấy là bậy, không biết "tri" và "hành" là gì. Tự nó thì nó cho uống ăn là sự "tri". Song le, họ Tôn có hề nói như vậy đâu ? Theo như trên kia, nấu ăn khéo, hiệp với vệ sanh, ấy là sự "tri" trong ý họ Tôn đó. Người Tàu từ xưa không có sự "tri" ấy mà tự nhiên "hành" được, cho nên nói "hành" là dễ. Nguyên ý họ Tôn như vậy, thế mà nó cố ý xây quanh cho sai đi hầu để bác bẻ, thiệt là quỷ quái không xiết kể.

Nguyên cái Tôn Văn học thuyết in trong sách *Kiến quốc đại cương* về phần đầu hết là phần "tâm lý kiến thiết". Mộng Điệp mới lấy cớ ấy mà trách rằng sao họ Tôn lại đem việc uống ăn tầm thường nhỏ mọn mà sánh với việc dựng nước, là cái sự nghiệp to lớn khó khăn ?

Nhưng mà có phải vậy đâu. Họ Tôn cử sự ăn uống ra để làm chứng cho sự thi hành, chớ chưa hề đem sự ấy mà sánh với việc kiến thiết quốc gia. Đem sự ẩm thực mà chứng minh cho sự tri hành, thì là thiết thiệt lắm, chẳng có chỗ nào đáng chỉ trích hết. Thế mà Mộng Điệp cũng vặn câu bẻ mấu đi để mà chỉ trích. Như vậy thôi thì hết chỗ nói !

Tóm lại, cái học thuyết Tôn Văn nếu có bị đánh đổ là bị cái tay nào kia ; chớ cái tay ngu muội, dốt nát, xấc láo mà lại hèn mạt như Mộng Điệp đây thì dầu có dùng hết cái thủ đoạn chó má lung lay mấy đi nữa là nó cũng chẳng sờn một mảy. Mà con người đã mất lương tâm dám ngậm máu phun người như vậy, thì mình cũng chẳng nên nói làm chi cho uổng tiếng.

Tôi chỉ than cho cái thời đại nầy, cái thời đại tự do, lắm điều đáng mừng mà cũng lắm điều đáng ghét. Thứ đồ còn thua con bò

cặp sừng[1], ỉa không biết đàng hướng gió, mà cũng dám đứng ra lên tay xuống ngón trên chốn diễn đàn, nhè cái người đáng làm thầy dạy cả ông già nó mà nó mắng, thì thật gai con mắt mình quá ! May ra còn có người nghe mà phân biện phải quấy được, chẳng nói làm chi, muôn một mà cái người ấy cũng không có đi nữa, thì nói thiệt, tôi cũng chẳng lấy làm vui gì mà sống ở cái đời tự do nầy !

Chỉ mong một điều ở xã hội Việt Nam ta. Coi lấy đó, chúng ta nên coi lấy đó, cái sự dốt nát nó làm gương cho chúng ta là vậy đó. Bởi dốt nát không có học không có thức, muốn chê người mà không biết đường chê, nên mới đâm ra nói hỗn. Nói hỗn như vậy có được cái lợi ích gì ? Chẳng lợi ích gì mà lại làm cho kẻ khác chướng tai gai mắt, sôi gan lên, ngồi đứng không yên.

PHAN KHÔI

Trung lập, Sài Gòn, s.6168 (11.6.1930) ; s.6170 (13.6.1930)

[1] Người ta thường nói dốt như bò. Đây nói thua con bò cặp sừng nghĩa là còn dốt hơn bò nữa (nguyên chú của Phan Khôi).

ĐỌC CUỐN "*NHO GIÁO*" CỦA ÔNG TRẦN TRỌNG KIM

Mặc dầu sống trong đời Âu hóa nầy, không biết Khổng giáo cũng không phải là người Việt Nam. **Nho giáo** ***là sách của Trần tiên sanh đã dùng thức lực và lắm công phu nghiên cứu mà soạn ra, mọi người Việt Nam đều nên đọc***

Mới rồi, tòa soạn *Phụ nữ tân văn* giao cho tôi một cuốn sách mới xuất bản, mà tác giả là Trần Trọng Kim tiên sanh đã gởi tặng, cậy tôi đọc qua và viết một bài phê bình cho xứng đáng.

Sách, tên là *Nho giáo*, dày 344 trang, in thiệt đẹp, tại nhà in Trung Bắc Tân Văn, giá mỗi cuốn 1$20. *Nho giáo* nầy có lẽ là một bộ sách, chưa biết mấy cuốn, đây mới là cuốn I.

Trần tiên sanh, trong tập báo nầy đã có lần giới thiệu ; và chính tôi, hồi ở Hà Nội, cũng từng được thừa tiếp tiên sanh. Trần quân rõ là một nhà học giả, mà lại thuần túy cái thái độ học giả đời nay, nghĩa là dùng phương pháp khoa học mà nghiên cứu các học thuật, bởi vậy làm ra sách vở rất có giá trị.

Tiên sanh vốn là nhà Tây học, mà lại chuyên trị về các học thuyết phương Đông. Đã có hai lần tiên sanh giảng diễn về Khổng Tử và Lão Tử, bài diễn văn có đăng trong tạp chí *Nam phong*. Lại có lần, chính tôi thấy tiên sanh gởi mua kinh Phật bên Tàu thiệt nhiều, hình như tiên sanh đương nghiên cứu về Phật học nữa.

Tôi sẵn có những điều ghi nhớ ấy trong đầu, tiếp được cuốn sách

nầy, là tự nhiên phải đốt hương lên mà đọc.

Bắt đầu đọc cái tựa, đã thấy mướt mồ hôi. Vì tiên sanh có nói thiệt tình rằng việc làm cuốn sách nầy đáng lẽ là việc của nhà nho, nhưng thấy không ai làm, nên tiên sanh phải gánh lấy. Tôi đây cũng bị kêu là nhà nho, bảo sao tôi đừng hổ thẹn cho được ?

Kế đến, trong lời phát đoan, tiên sanh nói rằng : "... Thậm chí những nhà dòng dõi thi lễ, trước còn không chịu theo tân học, nay lại tự mình bài bác cái học cũ kịch liệt hơn những người thường".

Câu ấy, tôi biết tiên sanh nói giữ thinh không. Nhưng đại phàm có ghẻ thì né ruồi, tôi nhìn thấy mấy lời ấy càng như nước lạnh xối vào xương sống.

Năm ngoái, tôi có viết trong *Thần chung* một mớ mấy chục bài nói về *Cái ảnh hưởng của Khổng giáo ở nước ta*. Trong đó, không phải là bài bác hết thảy, song có nhiều điều tôi bài bác Khổng giáo thiệt tình. Tôi làm điều ấy theo cái sở kiến của tôi, có cái lẽ mà tự tôi cho là phải. Song tôi vẫn là người, dầu nguội lạnh cho mấy cũng còn có tình cảm khi, thấy người ta nói như chạm đến mình, thì né mình một chút cũng là thường.

Đó là việc riêng của tôi, ăn thua gì vào đây mà kể. Nhưng tôi đã kể, là vì có sự cần, như là muốn phân chứng cùng độc giả vậy.

Coi như trên đó thì đủ thấy về Nho giáo, ý Trần tiên sanh với ý tôi khác nhau. Vậy thì lấy người bên phe tả mà phê bình sách của người bên phe hữu làm ra, nhiều người chắc cho là sự nguy hiểm, thế nào cũng không khỏi lấy thành kiến mà bắt bẻ nhau, dùng tư tâm mà bới móc nhau.

Vì muốn giải trước cái sự nghi ngờ ấy nên tôi kể ra câu chuyện trên kia, và phân bua cùng độc giả rằng : Trong khi tôi viết bài nầy, nói xin bỏ lỗi, là chỉ như kiểm soát lại coi thử cuốn sách ông Trần có thiệt đúng với Nho giáo không ; chớ còn, về cái ý kiến của ông Trần và của tôi đối với Nho giáo thế nào, tôi không nói tới.

*

Trước hết ta phải phục cái sự xếp đặt trong cuốn *Nho giáo* là rất khéo. Chia làm tám chương:

Chương I, nói về thượng cổ thời đại, kể cái tình trạng xã hội Tàu và cái triết học thuở xưa, là cái nền Nho giáo bởi đó lập lên.

Chương II, nói về Xuân Thu thời đại và Khổng phu tử, đặng cho biết Nho giáo cũng là theo sự cần dùng của thời đại mà xuất hiện, y như cái luật nhân quả.

Chương III, nói về học thuyết của Khổng phu tử, mà Hình nhi thượng học là cái học về phần huyền diệu.

Chương IV, nói về Hình nhi hạ học, là cái học về phần đời.

Chương V, nói về những sách Khổng phu tử.

Chương VI, nói về môn đệ Khổng phu tử, tức là những học trò của ngài.

Chương VII, nói về Chiến Quốc thời đại, các học phái của Nho giáo, tức là cái học phái do từ Khổng phu tử mà chia ra.

Chương VIII, nói về Mạnh tử, là người tiếp lấy chơn truyền của Khổng phu tử.

Trong tám chương ấy có chương III và IV là trọng yếu hơn hết. Chính cái thống hệ của Khổng học là ở đó. Khổng Tử thường xưng cái đạo của mình là nhứt quán, tức là phần hình nhi thượng học và phần hình nhi hạ học xâu suất cùng nhau làm một vậy. Thiệt Trần tiên sanh đã móc cái chỗ tinh vi của đạo ngài ra cho thiên hạ cùng xem.

Tóm lại, một cuốn sách nói về Nho giáo tường tận tinh tế như vầy, thiệt là trong cõi Việt Nam ta từ xưa đến nay chưa hề có. Mà cũng chỉ có người nào đã chịu phép bóp-tem(*) của khoa học như

(*) bop-tem (tiếng Pháp : baptême) : lễ rửa tội của đạo Thiên Chúa ; ở đây dùng theo nghĩa rộng.

Trần quân thì mới nói được ra. Cho nên, công việc nầy, nói thì mích lòng, đâu có thể trông mong được ở những nhà nho cổ hủ !

*

Nếu trong bài nầy tôi cứ tán tụng hoài như vậy thì thiệt là vô vị quá, chẳng có ích chi cho độc giả, mà cũng chẳng có ích chi cho tác giả chút nào.

Cuốn sách nầy tác giả nói rằng như là vẽ cái bản đồ của Khổng giáo, mà tự mình cũng chưa chắc là đã đúng hết. Vậy kẻ đọc nếu có thấy những chỗ chưa đúng ấy mà chỉ ra, há chẳng là có ích lắm sao ?

Bây giờ tôi muốn chỉ ra một vài chỗ không đúng ấy. Nhưng tôi dựa vào đâu mà dám nói là không đúng ? Ấy, chẳng có gì chắc chắn cho bằng lấy những chứng cớ trong sách họ Khổng ra mà đối cứu lại.

1. Tống nho với Khổng Tử. – Trong khi xét về Nho giáo, điều nên thận trọng thứ nhứt, là chớ làm lộn Khổng Tử với Tống Nho. Các ông nầy xưng mình là tiếp lấy chánh truyền của Khổng thị mà kỳ thiệt là có nhiều điều trái với thánh nhân. Điều đó tác giả vẫn đã biết rồi, có chỗ Trần tiên sanh nói rằng Tống nho đã đem Lão học và Phật học vào trong Nho giáo... Thế nhưng tiên sanh cũng còn có chỗ không khỏi bị Tống nho qua mặt mình.

Ở sách *Nho giáo* tr.89, tác giả nói rằng : "Đối với cuộc tạo hóa thì Khổng phu tử cho rằng lúc đầu ở trong vũ trụ chỉ có cái lý vô cực tức là đời hỗn mang mờ mịt không rõ là cái gì cả. Lý vô cực ấy tức là lý thái cực, v.v..."

Ấy là cái thuyết "vô cực nhi thái cực" của Chu Đôn Di ở nhà Tống, chớ Khổng Tử không hề nói như vậy. Trong kinh Dịch, Khổng Tử chỉ nói "Dịch hữu thái cực, thị sanh lưỡng nghi..." mà thôi, chớ không còn cái vô cực nào ở trên cái thái cực nữa.

Thiệt như tác giả nói, Tống nho đã dựa theo Lão học mà đem cái vô cực để chồng lên cái thái cực của Khổng Tử. Bởi vì Lão Tử

có nói : "Vô danh thiên địa chi thủy" ; lại nói : "Thiên hạ vạn vật sanh ư hữu ; hữu sanh ư vô". Lão Tử cho cái "vô" là bổn thể của võ trụ, tự thành ra cái thuyết một nhà ; Tống nho đem mà nhập với cái thuyết của họ Khổng, làm cho tối mờ Khổng giáo đi cũng vì đó.

Cái triết học của Lão Tử là phát nhẫn từ chữ "vô", cho nên hướng chiều về mặt tiêu cực, yếm thế. Còn cái triết học của Khổng Tử là phát nhẫn từ chữ "hữu"[1], cho nên hướng chiều về mặt tích cực, nhập thế. Vậy nếu đem vô cực làm cái lẽ gốc về võ trụ quan của Khổng Tử, thì thành ra một chỗ khớp trong cái đạo nhứt quán của ngài.

Nguyên câu "vô cực nhi thái cực" của Chu Liêm Khê[*] có ý là vô cực rồi mới đến thái cực. Nhưng theo Trần tiên sanh cắt nghĩa đây, thì vô cực tức là thái cực. Đã vậy thì nên cứ nói thái cực theo đúng như Khổng Tử, lại còn nói vô cực làm chi ? Vậy xin Trần quân trả cái "vô cực" lại cho Tống nho, đừng đem mà nhập vào với cái thái cực của Khổng Tử.

Trong đoạn nầy, tôi không có ý cho bên nào là phải hay bên nào là trái ; tôi không có ý binh bên Khổng Tử và bỏ bên Lão Tử cùng bắt bẻ Tống nho. Song tôi chỉ nói cách thật thà rằng : cái chơn lý của võ trụ cũng như là chén bạc chưa mở, các nhà triết học xưa nay cũng như là con bạc mỗi người đánh một vì theo ý mình. Trong khi chén bạc còn úp đó, nhà học giả là bọn ta đây cũng như tay phá hoả, nên coi từng vì cho thiệt rành mà không nên thò tay sửa vì của con bạc.

2. Triết học phương Tây với Khổng học. - Học giả đời nay hay đem cái học thuyết Đông Tây mà so sánh nhau, ấy là việc phải làm mà cũng là việc nên làm. Nhưng, so sánh nhau thì được, chớ còn chỉ quyết rằng cái nầy tức là cái kia, cái kia tức là cái nọ thì không

---

[1] Thái cực tức là "hữu", vì dễ hiểu nên tôi không cắt nghĩa và dẫn chứng (nguyên chú của Phan Khôi).

[*] tức Chu Đôn Di (1017-73) tự Mậu Thúc, nhà tư tưởng hàng đầu của phái lý học thời Bắc Tống ; ông lập Liêm Khê thư phòng nên người đời gọi ông là Liêm Khê tiên sinh (Theo *Từ điển bách khoa Nho Phật Đạo* ; bản dịch, Hà Nội, 2001).

được. Bởi vì sự hơi giống với nhau thì có, chớ còn giống hệt như nhau thì chưa hề có.

Tức như các danh từ về triết học, Đông có của Đông, Tây có của Tây, mượn mà chứng minh cho nhau thì không hại, đem mà đánh nhập vào một thì có hại. Vì những danh từ ấy là lợi khí cho ta dùng mà nghiên cứu, nếu dùng sai đi thì nó sẽ đưa ta đến chỗ lỗi lầm.

Như trong danh từ triết học, tây có chữ "Intuition", chỉ nghĩa là sự biết thẳng, không cần phải suy nghĩ, phải lý luận. Chữ trong ấy triết học Tàu không có, nên người Tàu phải dịch là "Trực giác". Cũng như chữ "Raison", không có chữ sẵn, phải dịch "Lý tánh" hay là "Lý trí".

Vậy mà trong sách *Nho giáo*, ở trang 23-24 và 31, tác giả cho "Lương tri" tức là "Trực giác" và "Trí" tức là "Lý trí".

Chữ "Lương tri" xuất trong sách *Mạnh Tử*. Mạnh Tử nói rằng : "Nhân chi... sở bất lự nhi tri giã, kỳ lương tri dã". (Cái điều người ta không cần suy nghĩ mà biết, ấy là lương tri). Cứ như ý nghĩa câu đó thì có hơi giống với "trực giác" thiệt, nhưng vốn khác nhau xa.

Theo ý Mạnh Tử thì lương tri là cái sự biết mà trời phó cho mình, hay là tự nhiên mà biết. Bởi vì tiếp sau câu đó ngài có nói thêm rằng : "Con nít mới đẻ ra, đều biết yêu cha mẹ mình ; đến lớn, đều biết kính anh mình. Yêu cha mẹ, ấy là nhân ; kính anh, ấy là nghĩa". Coi như vậy thì cái lương tri, hàm nghĩa của nó rộng lắm, chẳng những bao nhân và nghĩa, mà luôn cả lễ, trí, tín nữa, cho đến cái trực giác hay là cái lý trí, nó cũng nuốt vào ở trong.

Lương tri là nói về "tánh", còn trực giác – cả đến lý trí nữa – chỉ nói về cái cách nhận thức của nhà triết học dùng mà thôi. Cho nên không có thể nói quyết trực giác tức là lương tri được. Mà theo đó lại đủ biết rằng lý trí không phải là trí, vì Khổng Tử khi nào nói trí là chỉ về cái đức của người quân tử dùng để ứng sự tiếp vật, chớ không phải cái cách dùng để nhận thức mọi sự.

Ở trang 30, Trần tiên sanh có nói rằng : "Khổng phu tử không hay nói đến lý trí". Ấy là bởi Tiên sanh nhận nghĩa chữ trí và lý trí

không được rạch ròi.

Chính cái chữ lý trí là chữ dịch của Tây ra, thiệt Khổng Tử không hề nói đến. Nhưng cái phương pháp dùng lý trí mà nhận thức mọi sự thì Khổng Tử vẫn dùng. Như ngài nói "Thận tư chi, minh biện chi", cùng những cái kêu là "cách vật, trí tri" trong *Đại học*, thì chẳng phải lý trí là gì ?

3. Trần Trọng Kim với Khổng Tử. – Có những chỗ mà Trần tiên sanh lấy ý mình cắt nghĩa Khổng giáo ; chỗ nào tôi thấy hợp với Khổng Tử thì thôi, còn chỗ nào tôi thấy là không hợp, thì tôi xin chỉ chỗ ấy ra.

Cái lẽ trung dung của Khổng Tử, nó ra làm sao, không có thể đem mà bàn luận ở đây. Duy nói tóm một điều, tôi cho nó là lẽ cao siêu quá, người ta khó làm theo được. Nếu đem cái lẽ trung dung mà truyền bá cho cái xã hội nầy thì hầu hết tín đồ của nó sẽ thành ra "hương nguyện" là một hạng người mà Khổng Tử đã ghét cay ghét đắng. Cho nên trong bài *Ảnh hưởng Khổng giáo* của tôi, tôi bảo bỏ cái thuyết trung dung đi, đừng nói đến là hơn, vì theo nó thì chưa chắc làm được "thánh hiền", mà thiệt dễ làm ra "hương nguyện" quá.

Tôi nói trung dung khó theo, là tôi nói theo Khổng Tử. Chính trong sách trung dung, ngài tỏ ra cái ý ấy chẳng phải một lần. Ngài nói rằng : "Lẽ trung dung thật là là tột vậy thay, đã lâu rồi, người ta ít làm theo được !" Lại rằng : "Thiên hạ, quốc gia, có thể quân bình được ; tước lộc có thể từ đi được ; gươm đao, có thể xông vào được ; chớ trung dung không có thể làm theo được !" Lại nói rằng : "Quân tử nương theo lẽ trung dung, trốn đời, đời chẳng biết mình mà mình chẳng ăn năn, duy có bực thánh mới làm được như vậy". Đó, coi mấy lời ngài đó thì cái lẽ trung dung nó khó là đến bực nào !

Vậy mà sách *Nho giáo*, nơi trang 237, tác giả nói rằng : "Nói rút lại, đạo của Khổng phu tử là trung dung, tuy không huyền diệu siêu việt như đạo Lão, đạo Phật, nhưng cũng cao minh lắm, mà lại rất thích hợp với chơn lý, thật là cái đạo xử thế rất hay, rất phải, ai theo cũng được và thi hành ra đời nào cũng được".

Lạ chưa ! Cái người lập ra đạo trung dung ấy ở trước hơn hai ngàn năm nay, cho rằng rất khó, "ít làm theo được, duy có bậc thánh mới làm được". Rồi đến cái người cắt nghĩa đạo ấy ở sau hơn hai ngàn năm, lại nói rằng "ai theo cũng được và thi hành ra đời nào cũng được", bỗng hóa ra sự rất dễ ! Độc giả biểu mình nên tin ai ? Tự nhiên tôi phải tin lời Khổng Tử hơn là tin lời Trần quân vậy.

*

Ở trang 116, tác giả nói Khổng Tử "tin có quỷ thần". Nói theo danh từ của học giới ngày nay, thì ý Trần quân cho Khổng Tử là hữu thần luận giả. Điều nầy tôi e còn chưa đúng. Theo tôi biết thì Khổng Tử là một nhà vô thần luận giả. Vì trong *Luận ngữ* nói : "Tử bất ngữ quái, lực, loạn, thần". Lại khi Tử Lộ hỏi sự thờ quỷ thần, ngài cũng không trả lời. Song le cái chứng cớ ấy chưa vững mấy, vì có lẽ ngài nhìn là có, nhưng ngài không nói đến.

Tôi phải lấy cái chứng nầy cho chắc hơn chút nữa : Trong *Luận ngữ* nói : "Tế *như* tại, tế thần *như* thần tại". Trong *Trung dung* cũng nói : "Dương dương hồ *như* tại kỳ thượng, *như* tại kỳ tả hữu". Hãy ngẫm nghĩ bốn chữ *như* đó cho kỹ, có phải ngài nhìn là không có quỷ thần, song trong khi tế tự, mình phải coi *như là* có không ?

Đã tin rằng không có quỷ thần, thì sao còn bày ra tế tự làm chi ? Đó là một vấn đề khác, cắt nghĩa ra đây rườm quá, xin cho tạm bỏ qua.

Lại còn có một cái bằng chứng nữa đủ tỏ ra Khổng Tử là vô thần luận giả. Mặc Tử là vị giáo chủ của đạo Mặc, sanh sau Khổng Tử độ non một trăm năm, có nói trong sách của mình rằng : "Nho dĩ thiên vi bất minh, dĩ quỷ vi bất thần". Trong sách *Mặc Tử* có một thiên, kêu là "Minh quỷ", chứng minh rằng quỷ thần là thiệt có, để phản đối lại cái vô thần chủ nghĩa của đạo Nho. Nếu nói Khổng Tử tin có quỷ thần, thì sao Mặc Tử còn phản đối mà nói ra lời như vậy ?

Mặc Tử ở đồng xứ với Khổng Tử, vả lại cách nhau chỉ non một trăm năm, chắc là nói đúng hơn Trần tiên sanh là người ở sau

Khổng Tử hơn hai ngàn năm và lại đẻ ra trong nước Nam Việt, bởi vậy tôi phải tin lời Mặc Tử.

Sự quỷ thần có hay không, là quan hệ với sự sanh tử. Trong khi Tử Lộ hỏi sự thờ quỷ thần, ngài không trả lời đã đành ; kế hỏi đến sự sanh tử, ngài cũng không trả lời. Tuy vậy, hình như ngài có tỏ cái lẽ sanh tử ra trong Hệ từ kinh Dịch. Tại đó, ngài có nói rằng : "Tinh khí vi vật, du hồn vi biến". Câu nầy chừng như nghĩa là : Lúc người ta sanh ra thì chịu cái tinh khí mà thành hình ; đến lúc chết, cái du hồn biến đi, thì còn có quỷ thần đâu mà tin ?

Trần tiên sanh vì đã lấy sự hữu thần làm cái quan niệm gốc của Khổng giáo, cho nên diễn dịch ra mà nói rằng Nho giáo tin hễ người nào tu đến bực thánh thì sau chết sẽ lên trời ; có nhiều lần dẫn những câu "Tam hậu tại thiên" và "Văn vương trắc giáng, tại đế tả hữu" ra để làm chứng. Tôi e không phải. Mấy câu ấy chỉ là lời trong bài ca tụng của nhà vua dùng mà khoa trương tổ tông mình đó thôi, chẳng nên đem làm tài liệu cho sự khảo cứu về triết học.

*

Ngoài ba điều quan hệ ấy ra, còn đôi điều đáng nói nữa, mà nói những điều nầy ra thì e phạm đến chỗ cái ý kiến của Trần quân và của tôi đối với Khổng giáo, mà trên kia tôi đã hứa rằng sẽ không dụng chạm đến. Tuy vậy, không hề gì ; trong khi nói, tôi vẫn giữ cái thái độ ngay thật đối với Khổng giáo, đối với Trần quân, và sau lại đối với tôi nữa.

Tôi bình nhựt vẫn nói : Khổng giáo không dung được với Tây học ngày nay vì có hai điều : một là cái vẻ huyền học của Khổng giáo trái với khoa học ; hai là cái chủ nghĩa tôn quân của Khổng giáo trái với chủ nghĩa duy dân (démocratisme). Rồi tôi kết luận rằng ta ngày nay theo Khổng giáo chỉ nên lấy nội cái phần *tu thân* để đạt đến cái mục đích làm quân tử mà thôi ; còn phàm những cái gì nghịch với hai cái của Tây học kia thì nên bỏ đi, vì sự theo Tây học cần cho ta ngày nay lắm.

Sách *Nho giáo* trang 36, tác giả nói rằng : "Nho giáo trọng sự *chánh tâm tu thân*, nhưng vẫn lấy điều *trí tri cách vật* làm cốt yếu. Vậy đem Nho giáo mà dung hợp với khoa học ngày nay, tưởng cũng không phải là trái với cái tôn chỉ của Khổng - Mạnh..."

Ý Trần tiên sanh muốn lấy bốn chữ "cách vật trí tri" đó để phân cớ rằng Khổng giáo không trái với khoa học.

Thế nhưng chỉ bốn chữ ấy mà thôi, ngoài ra thiệt có lắm điều trở ngại cho khoa học. Đại để Khổng giáo chỉ nói cái lẽ đương nhiên mà không nói đến cái lẽ sở dĩ nhiên, bảo người ta phải làm như vậy mà không cắt nghĩa cho người ta tại làm sao phải làm như vậy. Tôi tưởng cái phương pháp chuyên dùng trực giác ấy thiệt có hại cho cái tinh thần khoa học chẳng phải vừa.

Ấy là cắt nghĩa bốn chữ "cách vật trí tri" theo như ta thường hiểu đó. Chớ tóm hết thảy thì bốn chữ ấy còn có hơn bảy chục vị tiên nho cắt nghĩa khác nhau nữa kia. Mà kỳ quái nhứt là Vương Thủ Nhân, tức là Dương Minh tiên sanh, trong bức thơ đưa cho La Khâm Thuận, ngài có nói rằng : "*Cách vật* giã, cách kỳ tâm chi vật, cách kỳ ý chi vật, cách kỳ tri chi vật ; chánh tâm giã, chánh kỳ vật chi tâm ; thánh ý giã, thành kỳ vật chi ý ; *trí tri* giã, trí kỳ vật chi tri". Nếu "cách vật trí tri" mà theo như lời họ Vương đó thì thôi, thiệt không còn ra nghĩa lý chi nữa. Song ta lại phải biết, Vương học là một phái rất có thế lực trong Nho giáo, và hiện thời có nhiều người sùng thượng lắm.

Theo tôi tưởng, chúng ta ngày nay đối với khoa học, duy có một câu hỏi là : nên theo hay không ? Nếu không nên thì thôi ; bằng nên theo, có lẽ cần buộc ta phải theo, thì đầu có trái với tôn chỉ Khổng -Mạnh cũng vô hại vậy.

Còn đến cái vấn đề *quân chủ, dân chủ*, ở trang 212, Trần tiên sanh nói rằng : "Ngày nay người ta đổi quân chủ làm dân chủ, chẳng qua là chỉ đổi cái danh mà thôi, chớ cái thực, vẫn không sao bỏ được,

vì rằng chánh thể nào cũng cần phải có cái quân quyền". Do đó tiên sanh cắt nghĩa chữ trung quân của Khổng giáo là trung với cái quân quyền chớ không phải trung với người làm vua ; và kết luận rằng bất kỳ ở vào thời đại nào, hai chữ trung quân vẫn có nghĩa chánh đáng.

Đọc cả cuốn sách *Nho giáo*, thấy có chỗ nầy tác giả nói hơi lủng túng một chút. Một ông vua chuyên chế đời xưa với một ông tổng thống của dân quốc đời nay, quyền hạn khác nhau thế nào, cái đó có lẽ Trần tiên sanh còn biết rõ hơn tôi, thế nào lại gọi được rằng đổi danh mà không bỏ thực ? Nếu quả thiệt như lời tiên sanh đó, thì cả thế giới họ lấy cái lợi gì mà chịu chết hết lớp nọ đến lớp khác để chỉ đem có hai chữ tổng thống mà thay cho hai chữ đế vương ? Tiên sanh lại nói "chánh thể nào cũng cần phải có *quân quyền*" – lời đó không đúng. Phải nói rằng chánh thể nào cũng cần có *chủ quyền*, mới đúng. Cái *chủ quyền* của các dân quốc đời nay ở đâu ? Ở hiến pháp. Vậy thì nhân dân trung là trung với hiến pháp, trung với cái chủ quyền ấy chớ chẳng phải trung với cái quyền của vua nào hay là của ông tổng thống nào. Cho nên, ông nếu đem cái nghĩa trung quân của Khổng giáo mà thi hành trong một nước dân chủ nào, thì thiệt chẳng thấy có cái nghĩa gì là chánh đáng cả.

Tuy nhiên, tôi biết những chỗ nầy chẳng qua là tại cái cảm tình của Trần tiên sanh nó xui cho tiên sanh nói thế đó mà thôi; chớ ở trang 34, tiên sanh đã chịu rằng một cái học thuyết chú trọng trực giác như Nho giáo là không còn thích hợp với thời nay ; kế qua trang 35, lại nói rằng ở vào thời đại nầy ta không thể trở lại theo lối sanh hoạt như thời cổ, thì tiên sanh không phải là thủ cựu đâu, xin độc giả chớ lầm.

Tiên sanh đã biết là dường ấy mà còn nói dường kia, chẳng qua vì đã kết cái duyên nặng với thánh hiền, phải có một cách tống tình khi lâm biệt ; không có như tôi, đọc sách họ Khổng từ lúc sáu tuổi, đẻ ra và lớn lên trong cửa ngài, mà đến lúc chia tay, chẳng được một giọt nước mắt gọi là có !

*

Dầu thế nào đi nữa, đạo của Khổng thánh cũng còn có một phần rất cần thiết cho người mình, mà phần ấy choán hết già nửa trong đạo Khổng. Tôi xin tóm lại trong hai chữ "*tu thân*". Nào những là chánh tâm, thành ý, thận độc, trí ngôn, lưỡng khí, trung, thứ, v.v... ấy đều là những cái khuôn phép nắn cho một con người nên hình một con người. Không phải là các đạo khác không có cái phần ấy ; song ta là người Việt Nam, trải bao nhiêu đời nay, các đấng tiên dân ta đã thâm nhiễm trong đạo Khổng mà nên người rồi, thì bây giờ ta cứ lấy ở cái nguồn ấy có quen hơn và có tiện hơn.

Trong sách nầy, có một chỗ, tác giả nói rằng : "Ai đã tấm tắc đến cái tinh thần Khổng giáo, thì cũng có cái nhân cách tôn quý đặc biệt, khác hẳn người thường". Câu ấy Trần tiên sanh nói đúng lắm, chẳng những tỏ ra rằng vào trong Nho giáo đã sâu, mà cũng tỏ ra rằng xem người thiệt từng trải lắm vậy.

Huống chi, phàm đã kêu là người có học, không cứ học thứ chữ gì, về các tông giáo, các triết học, mà đã gây nên một nền văn hóa xưa nay, là đều phải biết qua mới được. Có nhiều kẻ tự xưng là có học, mà hỏi đến Nho giáo, lại trả lời rằng tôi dốt cái đó, là nghĩa làm sao ?

Muốn học đạo Khổng hay muốn biết qua Khổng giáo, nên đọc sách *Nho giáo* của ông Trần Trọng Kim.

Vì vậy trên đầu bài tôi có nêu lên rằng : Mặc dầu sống trong đời Âu hóa nầy, không biết Khổng giáo cũng không phải là người Việt Nam. *Nho giáo* là sách của Trần tiên sanh đã dùng thức lực và lắm công phu nghiên cứu mà làm ra, mọi người Việt Nam đều nên đọc.

PHAN KHÔI
kính đọc và phê bình

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn, s.54 (29.5.1930)

NGƯỜI MỞ ĐƯỜNG CHO LUẬN LÝ HỌC Á ĐÔNG

Khổng Tử và cái thuyết "chánh danh" của ngài

Nhiều lần tôi có nhắc tới cái thuyết "chánh danh" của Khổng Tử. Ở *Phụ nữ tân văn* số 43, trong bài nói về chữ quốc ngữ, tôi có hứa rằng chờ sau nầy sẽ viết một bài cắt nghĩa về cái thuyết ấy. Hôm nay xin làm trọn lời hứa của tôi.

Luận lý học là một khoa thuộc về triết học, dạy người ta tư tưởng theo phép tắc chánh đáng cho khỏi sai lầm. Nó sanh sản ra từ trong học giới Âu châu, nguyên tên nói theo tiếng Anh thì viết *Logic*, còn theo tiếng Pháp thì viết là *Logique*. Người Nhựt Bổn dịch ra là Luận lý học.

Nhiều nhà học giả nước Tàu ngày nay cho cái tên luận lý học là không đúng, mà bảo phải kêu *Logic* hay *Logique* bằng "Danh học". Tuy vậy, người ta dùng chữ luận lý học quen rồi, cho đến những nhà bác học cũng dùng đến luôn luôn. Vì vậy, tôi cũng theo thói quen mà dùng như người ta.

Tại làm sao những người kia lại biểu phải kêu *Logique* bằng danh học ? Nguyên vì danh học là một khoa học của người Tàu, phát sanh ra hồi Chiến Quốc, mà về phần tinh thần của nó thật giống với *Logique* của Tây. Cho nên, họ nói mình đã có khoa danh học đúng như *Logique*, thì cứ kêu *Logique* bằng danh học đi, lại còn dịch thêm một tiếng luận lý học là tiếng nghe không được ổn thỏa nữa làm chi ?

Lấy lẽ gì mà nói là không ổn thỏa ? Đợi có dịp khác tôi sẽ cắt nghĩa. Đây tôi phải ngó lại cái đầu đề trên kia mà nói, kẻo nó lãng đi.

Thiệt cái danh học của Tàu không biết vì cớ gì mà về sau tuyệt hẳn đi, là một điều đáng tiếc cho nền học thuật Á Đông. Ngày nay có nhiều người nhìn nhận rằng vì cớ ấy mà học thuật phương Đông mấy ngàn năm nay không có tấn bộ một mảy nào. Nhưng ở đời Chiến Quốc thì các học phái nước Tàu như trăm hoa đua nở, mà phái nào cũng có tông chỉ, có thống hệ, gần giống như cái hiện tượng của học giới Âu châu vậy. Thấy vậy, người ta mới lại nhìn nhận rằng hồi Chiến Quốc mà các học phái sản sanh ra được như vậy là nhờ khoa danh học thạnh hành, mỗi một phái nào cũng đều lấy danh học làm trụ cột để lập nên cái học thuyết của mình.

Cái vấn đề mà tôi vừa tóm tắt trong đoạn trên đây, tôi đã từng nghiên cứu qua thì thấy hay lắm, vui lắm, có thú vị lắm. Xin độc giả hẵng làm quen với những bài của tôi như bài nầy lấy ít lúc, rồi tôi sẽ viết một bài kêu là "Luận lý học với học thuật Đông Tây" mà cống hiến cho độc giả những cái sở đắc trong sự nghiên cứu của tôi. Đây tôi nói tắt về cái danh học của Tàu phát nguyên ra từ đâu.

Ai đã đọc sách *Trung Quốc triết học sử đại cương* của Hồ Thích, chắc có thấy nơi trang 104, nói về cái chủ nghĩa chánh danh của Khổng Tử, có mấy lời như vầy :

"Từ Khổng Tử nêu ra cái vấn đề chánh danh, rồi các nhà triết học đời xưa đều chịu lấy cái ảnh hưởng ấy : Mạnh Tử, Mặc Tử v.v... Cho nên có thể nói rằng cái chủ nghĩa chánh danh của Khổng Tử thiệt là thỉ tổ(*) của danh học Trung Hoa, cũng như cái thuyết "khái niệm" của Socrate là thỉ tổ của danh học Hy Lạp".

Theo lời Hồ thì cái thuyết chánh danh của Khổng Tử còn có mấy phương diện, nhưng có một phương diện quan hệ với danh

(*) *thỉ tổ* : cũng là "thủy tổ".

học, tức là cái chỗ do đó nền danh học được lập lên bởi các học giả sau ngài.

Tôi đã đọc nhiều sách nói về danh học của Tàu, sau khi quán thông lại thì nhận cho lời của Hồ là đúng lắm. Tôi bèn nắm đó mà nghiên cứu cái thuyết chánh danh của Khổng Tử về phương diện danh học.

*

Hai chữ "Chánh danh" xuất từ sách *Luận ngữ*, thiên *Tử Lộ*, là thiên thứ XIV trong sách ấy, dịch ra đây cả một chương như vầy :

> "Tử Lộ hỏi : Vua nước Vệ, nếu dùng thầy làm việc chánh, thì thầy sẽ làm điều chi trước ?
>
> Ngài đáp rằng : Âu là ta phải *chánh danh* ư ?
>
> Tử Lộ nói : Có lẽ ấy à ? Thầy hu hoạt[1] làm sao. Chánh gì mà chánh ?
>
> Ngài nói : Ngươi Do mới quê mùa thay ! Người quân tử với điều mà mình chẳng biết, thà chịu để thiếu đó.
>
> Danh chẳng chánh thì lời nói chẳng thuận ; lời nói chẳng thuận thì việc làm chẳng nên ; việc làm chẳng nên thì lễ nhạc chẳng dấy ; lễ nhạc chẳng dấy thì hình phạt chẳng nhằm ; hình phạt chẳng nhằm thì dân không chỗ đặt tay chơn.
>
> Cho nên, người quân tử kêu tên điều gì, chắc có thể nói ra được ; nói ra điều gì chắc có thể làm được. Người quân tử đối với lời nói của mình, không có chỗ cẩu thả mà thôi".

Đó, xem cả một chương đó, thấy Tử Lộ hỏi về việc chánh trị mà ngài đáp bằng cái thuyết chánh danh, thì biết cái thuyết ấy là quan hệ ngay với chánh trị ; cho nên Hồ Thích nói có mấy phương diện là thế. Tuy vậy trong đó có nhiều cái lẽ rất quan hệ với danh học hay là luận lý học.

Chánh danh, nói theo tiếng ta, tức là kêu tên cho trúng, mới nghe như là không trọng yếu mấy, bởi vậy Tử Lộ mới dám vọt

[1] Theo tiếng Bắc, đọc hai chữ nầy là "vu khoát" (nguyên chú của Phan Khôi).

miệng chê ngài là hu hoạt. Nhưng xét ra, trong sự học vấn, trong sự chánh trị, mà cho trong sự gì cũng vậy, kêu tên cho trúng, là sự trọng yếu lắm, chớ nên dể dưng.

Trong một bài đăng ở số trước, tôi đã nói về hai cái nguyên tố của luận lý học, là khái niệm (concept) và danh từ (terme). Khái niệm là sự mình suy nghĩ trong lòng ; danh từ là lời mình nói ra nơi miệng. Tiếng rằng hai cái, song thiệt thì có một. Vì cái lời mình nói ra đó tức là cái điều mình suy nghĩ. Cho nên, hễ nghĩ sai, tự nhiên nói ra cũng sai ; và hễ thấy lời nói ra mà sai, khắc biết rằng sự suy nghĩ cũng không trúng vậy.

Chữ "danh" trong chữ "chánh danh" của Khổng Tử đây, tức là cái danh từ trong luận lý học ; và chữ "danh" trong chữ "danh học" cũng tức là một chữ "danh" ấy.

Trong *Luận ngữ*, có một chỗ, Khổng Tử than phiền về sự danh bất chánh trong thời đại ngài. Nguyên đời xưa, có cái đồ đựng rượu, hình nó có khía, nên kêu bằng cái "cô". – Cô nghĩa là "khía". Nhưng hồi ngài đó thì cái đồ đựng rượu được ba thăng, bất luận có khía không khía, người ta đều kêu bằng cái "cô" cả. Bởi vậy ngài mới than rằng:

"Cái cô mà chẳng có khía, cũng kêu bằng cô được ư ! cũng kêu bằng cô được ư !" (*Ung dã*, thiên thứ VI trong *Luận ngữ*).

Đó, không có khía mà kêu bằng cô, ấy là kêu tên không trúng. Vậy mà người ta kêu được, là kêu liều kêu lĩnh đó thôi, chớ theo ngài thì nghe trái tai lắm, thật là lời nói chẳng thuận.

Lại một chỗ nữa, cũng thuộc về phương diện chánh trị, song có thể đem mà chứng minh cho cái nghĩa trên kia. Ấy là chỗ Quý Khương Tử hỏi việc chánh mà ngài thưa rằng :

"Cái điều kêu bằng chánh (政) tức là chánh (正) vậy ; ông lấy chánh (正) mà xướng suất, thì ai lại dám chẳng chánh ư ?" (*Nhan Uyên*, XIII).

Nguyên chữ "chánh (政) (nghĩa là chánh trị) có chữ "chánh" (正) một bên (nghĩa là ngay). Cho nên ngài cắt nghĩa chánh trị tức là người trên phải ăn ở cho ngay thẳng để mà xướng suất kẻ dưới. Đó là một cách chánh danh nữa : cái tên chánh trị, là do từ sự chánh trực mà ra.

Vậy nếu trong việc chánh trị mà không theo lẽ chánh trực, tức như khi trong một nước, trên có vua dần, dưới có quan tham lại nhũng, mọi việc đều làm bậy bạ hết, thì có gọi là chánh trị được đâu. Nếu gọi là chánh trị thì cũng như cái không có khía mà gọi là cái cô, theo ngài, ngài cho là tầm bậy cả. Họa loạn sanh ra là ở đó, cho nên nói rằng dân không chỗ đặt tay chưn.

Trong sách *Xuân thu* của Khổng Tử, cũng thấy được cái nghĩa chánh danh. Về năm vua Hy Công thứ 16, sách ấy có chép rằng :

"Xuân Vương tháng giêng, ngày Mậu thân, sóc, rơi đá ở nước Tống năm hòn. Tháng ấy, sáu con chim ích bay thùi lui, qua đô thành nước Tống".

Đoạn sách nầy, mới nghe qua thật là vô vị, hầu như một đoạn trong quyển nhựt ký của cậu học trò nhỏ nào, hay là giống cái dọng biên sổ chi tiêu việc làng việc họ. Nhưng để coi, coi *Công Dương truyện* giải ra có ý nghĩa lắm :

"Sao lại nói *rơi* trước mà nói *đá* sau ? Rơi *đá*, là chép theo sự nghe : Nghe cái độp, coi lại thì là *đá*; rồi mới đếm, thì là *năm hòn*. Sao lại trước nói *sáu con* mà sau nói *chim ích* ? Sáu con chim ích bay thùi lui, là chép theo sự *thấy* : Ngó lên thì thấy *sáu con* ; coi kỹ lại thì là *chim ích* ; thủng thẳng coi kỹ lại nữa, thì là *bay thùi lui*..."

Sách *Xuân thu phồn lộ* của Đổng Trọng Thơ, giải nghĩa điều trên đó cũng nói rằng :

"Sách *Xuân thu* phân biện cái lẽ của mọi vật để kêu trúng tên nó, kêu tên vật nào y như sự thiệt của vật ấy, chẳng sai một mảy lông mùa thu. Cho nên nói về rơi đá thì nói *năm hòn* ở sau, nói về

chim ích bay thùi lui thì nói *sáu con* ở trước ; Thánh nhân ngài cẩn thận sự chánh danh dường ấy".

Theo đoạn sách *Xuân thu* dẫn trên đây thì thật là ngài muốn đính chánh cái ý nghĩa của từng tiếng từng chữ nữa. Sự đó chẳng những quan hệ với luận lý học, mà lại cũng quan hệ với văn pháp (*grammaire*).

Luận lý học của Tây dạy rằng mỗi khi biện luận về một sự vật gì, trước hết phải cấp cho sự vật ấy một cái định nghĩa, hoặc kêu là cái giới thuyết (définition). Cái giới thuyết hoặc cái định nghĩa đó, là cốt làm cho cái danh và cái thiệt của sự vật ấy tương đương với nhau, rồi mới có đường mà biện luận. Bằng chẳng vậy, một bên nói trời một bên nói đất, cãi nhau hết hơi mà rốt lại chẳng vỡ ra lẽ gì, chẳng ích lợi gì. Cho biết sự định nghĩa hay là lập giới thuyết là sự cần lắm cho người ta trong khi biện luận.

Lại, trong một câu văn, một cái danh từ dùng lặp hai lần mà lần trước với lần sau khác nghĩa, cũng là một sự cấm kỵ lớn trong luận lý học. Bởi vậy luận lý học có đặt ra sáu điều luật về phép tam đoạn luận (*Sillogisme*) mà điều thứ ba là điều hệ trọng nhứt, như vầy : *Cái trung danh từ (le terme-médian) phải cho châu diễn (collectif) ít nữa cũng phải châu diễn một lần. Và lại cái trung danh từ ở trong hai cái tiền đề (les deux prémisses) phải là đồng một nghĩa với nhau.* Ai phạm đến điều cấm kỵ ấy, kêu là "phá luật". Đã phá luật thì sự lập ngôn của mình sai lầm rồi, không còn đứng được nữa.

Tôi rất tiếc rằng vì sự cần mà đây tôi phải kể đến luật lệ lôi thôi của luận lý học, làm cho nhức đầu độc giả, nhứt là những ai chưa hề thiệp liệp đến cái học ấy. Song xin hẵng bỏ qua nó, đừng nghĩ mà làm chi cho mệt não, để trong một bài khác tôi sẽ kiếm cách đưa độc giả đến chỗ dễ hiểu những luật lệ ấy như chơi, mà lại vui lắm nữa.

Đây tôi kể ra mấy điều cốt yếu của luận lý học trên đó để cho biết rằng Khổng Tử, ngài ở hơn hai ngàn năm trước cũng đã thạo những điều ấy rồi, không phải như bọn ta bây giờ phải cặm đầu vào mà học mới biết, hay là không thèm học mà cũng không thèm biết nữa !

Có một lần, "Tử Trương hỏi : Kẻ sĩ như thế nào thì gọi là "đạt" được ?

Ngài hỏi lại rằng : Nhà ngươi kêu bằng "đạt" đó là nghĩa làm sao ?

Tử Trương thưa rằng : Ở nước ắt có tiếng đồn (văn) ; ở nhà ắt có điếng đồn (văn).

Ngài nói rằng :Thế là "văn", chớ không phải "đạt"...." (*Nhan Uyên*, XII).

Cái đó, nếu lúc bấy giờ Tử Trương hỏi về "đạt" mà ngài không hỏi lại Tử Trương, cứ theo nghĩa chữ đạt trong ý ngài mà đáp lại, thì chắc Tử Trương không hiểu, vì trong ý va nghĩ khác. Ngài trọng sự chánh danh lắm, nên ngài mới biểu Tử Trương lập cái giới thuyết cho chữ "đạt" đi. Quả nhiên Tử Trương cắt nghĩa "đạt" thành ra "văn". Nối theo đó ngài bèn đính chánh lại cho Tử Trương và bắt đầu cắt nghĩa làm thế nào cho được đạt. (Ai muốn biết rõ hơn thì đọc *Luận ngữ*).

Cái cách ngài lập luận đó hiệp với pháp thức luận lý học dạy phải lập giới thuyết trước ; và cũng hiệp với luật thứ ba của tam đoạn luận. Vì chữ "đạt" trong câu hỏi của Tử Trương và chữ "đạt" trong câu ngài sẽ trả lời, ta nên coi là một danh từ mà dùng lặp hai lần ; nếu nghĩa của nó khác nhau thì tất nhiên là phải phá luật vậy.

Còn như điều sắp kể dưới nầy thì hình như ở ngoài cái thuyết chánh danh, nhưng mà ở trong phạm vi luận lý học, ta chẳng nên bỏ qua.

Theo luận lý học thì cái điều lập cho sự vật một cái công lệ là điều khó lắm và ta nên thận trọng lắm. Muốn làm sự ấy thì phải

theo phương pháp quy nạp (*induction*) dùng những phép khái quát (*généralisation*) (*statistique*) luật nhân quả (*causalité*)... mà sau mới làm nổi. Trong đời có người ưa lấy một nửa lời mà lập công lệ cho sự vật, như nói : Muốn nước cho mạnh thì phải hợp quần ; muốn duy trì phong hóa thì phải bảo tồn Hán học. Tôi dám nói những lời mà họ cho là khuôn vàng thước ngọc đó là không có giá trị ; mà theo luận lý học hay là theo Khổng Tử, cũng nói như tôi.

Lần kia, "Định Công hỏi : Có một lời nói mà có thể dấy nước được chăng ?

Ngài thưa rằng : Lời nói không có thể trông mong dễ dàng như vậy.

Định Công lại hỏi : Có một lời nói mà có thể mất nước được chăng ?

Ngài cũng thưa rằng : Lời nói không có thể trông mong dễ dàng như vậy". (*Tử Lộ*, XIII).

Định Công hỏi đó, là muốn lập cho sự dấy nước và sự mất nước một bên một cái công lệ. Phải như ai, thì đã làm thánh làm tướng, lựa một vài lời oai vệ mà đáp phăng cho rồi. Nhưng ngài thì ngài dùng một câu bác trước đi đã, rồi mới đáp sau. Ngài đáp câu hỏi thứ nhứt của Định Công rằng :

"Người ta có nói : "Làm vua khó, làm tôi chẳng dễ". Vậy nếu biết làm vua là khó, chẳng *ngõ hầu* một lời nói mà dấy nước ư ?"

Đáp câu hỏi thứ nhì rằng :

"Người ta có nói : "Ta không vui gì sự làm vua, duy có nói ra mà chẳng ai trái ta". Nếu nói phải mà chẳng ai trái, thì chẳng cũng là hay ; bằng nói không phải mà chẳng ai trái, thì chẳng *ngõ hầu* một lời nói mà mất nước ư ?"

Phàm sự gì không chắc thì không được dùng lời quả quyết, ấy cũng là một điều dạy trong luận lý học. Trong hai câu trả lời trên đó, mỗi câu ngài dùng chữ *ngõ hầu*, thiệt là đúng với Luận lý học lắm.

Trên đây, từ chỗ dẫn sách *Xuân thu* về trước, là tôi lấy ở triết học sử của Hồ Thích ; còn hai điều sau là tự tôi đã tìm ra. Còn nhiều điều khác nữa hiệp với cái thuyết chánh danh và đủ chứng

minh rằng Khổng Tử là người mở đường cho danh học tức là luận lý học bên Trung Quốc, nhưng bài nầy đã dài rồi, cử ra nội mấy điều trên đó cũng đã vừa.

Kể ra thì cái nền danh học lập nên bởi các học giả sau ngài, như Mặc Tử, Công Tôn Tử, Tuân Tử, v.v... thì cũng chỉ có cái tinh thần mà thôi, chớ về hình thức thì còn khiếm khuyết nhiều lắm, có đâu bằng luận lý học bên Âu châu, và cũng còn kém Nhân minh học bên Ấn Độ[1]. Vậy thì biết rằng cái người mở đường ra đó, sự tri thức của người về cái học ấy chắc không được hoàn toàn lắm ; mà điều ấy ta không thể trách. Cho nên ta xem Khổng Tử đối với danh học cũng như Socrate đối với Luận lý học phương Tây, chẳng qua là ông tổ khai sơn mà sau đến Aristotle lập ra sáu điều luật nói trên kia, rồi cái nền luận lý học mới thành lập được vậy.

Mà thật vậy, cũng trong một sách *Luận ngữ*, tôi có tìm thấy chỗ ngài nói như là không đúng với luận lý học, ra ngoài cái thuyết chánh danh của ngài. Vì cớ ấy, kêu tên cái "chánh danh", Hồ Thích kêu bằng cái *chủ nghĩa*, mà tôi kêu bằng cái *thuyết*, vì tôi cho là chưa trọn vẹn, chưa đáng kêu là chủ nghĩa vậy.

PHAN KHÔI

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn, s.57 (19.6.1930)

[1] Nhân minh học tức là Luận lý học ở Ấn Độ (nguyên chú của P.K.).

SAU KHI ĐỌC BÀI TRẢ LỜI CỦA TRẦN TRỌNG KIM TIÊN SANH
CẢNH CÁO CÁC NHÀ "HỌC PHIỆT"

Sau khi tôi đọc bài của Trần Trọng Kim tiên sanh bàn với tôi về sự phê bình cuốn sách *Nho giáo*, đăng ở *Phụ nữ tân văn* số 60, tôi rất lấy làm phục cái nhã độ của tiên sanh. Tôi lấy làm phục tiên sanh bao nhiêu, thì tôi càng mừng cho học giới nước ta có cơ khai phóng bấy nhiêu !

Số là, chẳng những như Trần quân đã nói, người mình xưa nay chưa quen chịu kẻ khác phê bình, mà lại trong xã hội nầy, có một hạng người, tôi muốn dâng cho họ một cái huy hiệu mới, là "học phiệt". Hạng người ấy ỷ có học rộng, tri thức nhiều, văn hay, trí thuật cũng khá, rồi tự coi mình như là bậc "thầy", chẳng kể dư luận ra chi. Đã hay rằng mình giỏi, song thế nào cho khỏi sự sai lầm, vậy mà họ tự phụ quá, cứ mạt sát hết. Ừ, cái dư luận nào không chánh đáng, họ mạt sát chẳng nói làm chi ; cái nầy, khi người ta công kích họ một cách chánh đáng, mà họ cũng làm thinh. Làm thinh, không phải tỏ ra là họ phục ; nhưng làm thinh, tỏ ra là họ không thèm nói với, thế mới đáng ghét. Tôi dâng cho họ cái huy hiệu "học phiệt", lấy nghĩa rằng họ có ý kế nghiệp nhau mà chuyên quyền trong học giới, cũng như bọn "quân phiệt", đã nối nhau mà chiếm cứ đất đai và quyền chánh trị bên Tàu.

Tôi chẳng nói gần nói xa chi hết ; tôi nói ngay rằng hạng "học phiệt" ấy ở nước ta chẳng bao lăm người, mà Phạm Quỳnh tiên sinh là một. Thử xách ra lấy một việc. Chắc hẳn nhiều độc giả còn

nhớ chuyện Ngô Đức Kế tiên sanh công kích sự đề xướng *Truyện Kiều* hồi mấy năm trước nên đã viết một bài trong tạp chí *Hữu thanh*. Nói có vong linh Ngô tiên sanh ! Không biết làm sao mà ông nầy có ác cảm với Phạm quân quá. Hồi đó tôi đương ở Hà Nội, tôi đi lại với cả hai đằng, đầu đuôi làm sao tôi rõ hết. Vì sự tư ý đó nên trong bài *Chánh học với tà thuyết* của họ Ngô có chỗ không được công bằng ; tuy vậy, lấy đại thế cái bài mà nói, thì cách công kích như vậy là chánh đáng. Vả lại nó là một vấn đề lớn, có quan hệ với học phong sĩ tập, dầu phải dầu chăng, cũng không có thế nào bỏ qua đặng. Vậy mà bên Phạm Quỳnh tiên sanh nín lặng, chẳng thèm nói đi nói lại lấy nửa lời.

Có một lẽ có thể vin lấy mà cãi cho Phạm quân về sự làm thinh đó, là trong bài của họ Ngô chưa hề có một lần nào nói đến tên tuổi Phạm quân. Theo phép, khi người ta nói đến mình một cách không chánh thức, thì mình có quyền làm thinh được.

Song le, có lẽ khác mạnh hơn để đánh đổ lẽ ấy đi. Trong bài của họ Ngô tuy không nói đến tên Phạm quân, song toàn nói những công việc của Phạm quân đã chủ trương, hoặc đã thi hành, mà công việc ấy lại không có thể lộn với của người khác. Huống chi, công việc lại là công việc làm ra giữa xã hội, chẳng phải riêng của một người, ai cũng có quyền can thiệp đến, ai cũng có quyền bàn bạc đến. Chỉ có một điều nên hỏi, là lời người ta bàn bạc đó *phải* hai *quấy* mà thôi. Nếu là *phải*, thì mình nên viết ra mà nhận lỗi và tỏ ý phục thiện của mình ; bằng *quấy*, thì mình cũng nên viết ra mà cãi lại để binh vực cho chơn lý. Đàng nào cũng phải trả lời hết, không phép làm thinh. Làm thinh thì tỏ ra hai dấu : một là bí, hết đường nói lại ; hai là khinh người. Bí mà làm thinh, không nhận lỗi cách đường đường chánh chánh, thì thành ra mình không có can đảm, không biết phục thiện. Còn khinh người thì lại vô lý lắm, mình khinh người, người lại chẳng biết khinh mình sao ? Huống chi,

phải biết rằng khinh người bằng một cách như vậy, thì trong khi mình khinh người đó, chính mình tự khinh lấy mình rồi, vì mình đã đối với mình, với người, cũng đều không ngay thật.

Hai cái lỗi đó, thế nào Phạm tiên sanh cũng phải vấp một, vì tiên sanh đã làm thinh trong khi ấy. Nhưng nói tiên sanh vấp cái lỗi trước thì thà nói tiên sanh vấp cái lỗi sau. Bởi chưng, sau khi nín không trả lời, Phạm tiên sanh có viết một bài trong *Nam phong* nhớ chừng như đầu đề là *Xử thế châm ngôn* thì phải ; trong đó có những câu, nhớ chừng như "Một thanh bảo kiếm..." chi chi đó thì phải. Đại ý nói ta là thanh gươm bách luyện đây, tha hồ mà công kích, có sờn đâu được ta ? Thiệt nó in hệt như cái giọng Tử Cống xưa kia bình vực cho thầy mình mà nói rằng : "*Nhân tuy dục tự tuyệt, kỳ hà thương ư nhựt nguyệt hồ* ?" một thứ !

Về câu chuyện trên nầy ta lại nên chia ra hai mặt mà bàn. Cái kiểu làm thinh ấy, nói về mặt học vấn là dở ; chớ nói về mặt làm báo thì lại là hay. Vong hồn ông Tập Xuyên, sống thì khôn thác thì thiêng, ông chứng giám cho lời tôi đây ! Thật hồi đó Ngô tiên sanh hằm hằm chực Phạm quân trả lời thì kéo luôn cả đại đội ra mà công kích ; song cái kế Tư Mã Trọng Đạt diệu thay, làm cho cái phương lược "lục xuất kỳ sơn" kia mới vừa có "nhứt xuất" thì đã quay đầu ngựa trở về ! Tôi nói : về mặt làm báo là hay, cái hay ở đó.

Song le, cái nghề làm báo, gặp thì làm, chớ có phải cái đất mà chúng ta toan đặt cái đời mình trên đó đâu. Chúng ta – các ông đã đành, mà cũng xin cho tôi xen vào với – nên đặt cái đời mình trên cái đất học vấn. Trong sự học vấn mà không ngay thật, ngay thật đối mình, đối với người, đối với nhứt thiết, thì thật là nguy hiểm lắm, nguy hiểm đến cái đời của mình nữa !

Có một điều nên lượng thứ cho Phạm tiên sanh, là lúc bấy giờ tiên sanh còn đương vào cái tuổi thanh niên, cái tuổi ấy thường làm cho người ta phụ khí và hiếu thắng. Song ngày nay, tiên sanh niên

càng cao, đức càng mậu, có lẽ những điều ký vãng ấy, tiên sanh đã rất lấy làm hối hận mà không nói ra chăng.

Thánh nhân có nói rằng : "*Quân tử tấn đức tu nghiệp, dục cập thời dã.*"[1] Chữ "đức" khỏi cắt nghĩa ; còn chữ "nghiệp" đó tức là sự học vấn của mình. Hai cái đó có quan hệ lẫn nhau, tới thì cùng tới, lui thì cùng lui, với nhau. Muốn cho sự học vấn của mình một ngày một tới, phải *hư tâm*, phải *khắc kỷ*, phải biết *phục thiện*, thì mới tới được ; mà sự học vấn đã tới, thì cái đức của mình cũng ngày càng đầy đủ thêm. Cập thời là thời nào ? Theo ý tôi thì vào lúc ngoài ba mươi cho đến bốn năm mươi, xoang[*] cỡ tuổi chúng ta ngày nay, là cái thời mà những sự phụ khí hiếu thắng đã lần lần xa ra khỏi mình.

Sự tấn đức tu nghiệp mà thánh nhân nói đó, ở đời xưa thiệt rất khó ; khó vì chẳng biết noi theo một cái phương pháp nào. Song đương đời ta đây thì đỡ được sự khó ấy một chút ; sẵn có phương pháp khoa học đó, ta nên lợi dụng lấy để mà tấn đức.

Đã có người đứng sau lưng tôi mà cười tôi rồi ! Họ cười họ lại còn nói : Cái đời anh nhà nho đặc sệt mà mỗi chút mỗi khoa học, khéo làm rầy tai ! – Nếu có phải vậy thì tôi kiếu ông ấy đi, mà chỉ nói với những người nào không ra ý khinh tôi. Thật vậy, sự nầy lại là một cái vấn đề nên nói rõ ở nơi khác nữa. Đây tôi chỉ nói rằng : Cái phương pháp khoa học cũng vậy, hay là đích thân khoa học cũng vậy, thật là cái tiện cho học giả lợi dụng để mà tấn đức. Vì theo phương pháp khoa học thì mỗi một sự gì cũng phải luật lịnh,

---

[1] Xin lỗi độc giả, chỗ nầy tôi dẫn sách mà không nói rõ sách nào, lời ai nói, là vì lâu nay tôi ít ôn nhuần nên tôi quên xuất xứ, mà trong tay cũng không sẵn sách để tra lại. Câu nầy tôi nhớ như ở kinh Dịch thì phải. Lại xin độc giả cũng biết cho rằng khi nào tôi dẫn sách như vậy là đã suy đi nghĩ lại câu sách ấy mà nhận cho như là một cái công lệ rồi, tôi mới dẫn vào ; chớ không phải hễ tôi thấy lời ông thánh thì tin là phải mà dẫn vào đâu.

[*] *xoang* : H.T. Paulus Của (sđd) giải là: "đụng nhằm, tuông phải" ; vậy "xoang cỡ tuổi..." có thể được hiểu là : vào trạc tuổi, vào lứa tuổi.

cậy chứng nghiệm để tìm cho thấy chơn lý, mà trong khi ấy lại phải bỏ hết cả những điều tư tâm, thành kiến và sự kiêu căng của mình đi ; chẳng phải là trong lúc cầu tri thức đó, cũng luôn thể làm ích lợi cho tánh nết của mình sao ? Tôi chối dài, tôi không phải nhà khoa học ; song thật như ông Trần Trọng Kim nói, tôi có cái khuynh hướng về khoa học. Câu chuyện vừa rồi là tôi lấy ở sự kinh nghiệm của chính mình tôi mà nói ra, có ích cho ai thì có, không thì thôi, không có hại.

Nãy giờ tôi nói dông dài những tấn đức tu nghiệp, khoa học khoa hiếc để cho lợt bớt câu chuyện đi, chớ rồi cũng không thể bỏ qua cái thói kiêu căng của mấy ông "học phiệt". Họ làm vậy khác nào như ôm lấy cái độc quyền dư luận, trở ngại sự tấn bộ của học giới nước ta. Ai nói, họ không thèm nói với, tức là có ý để một mình họ nói thôi, thế chẳng phải ôm lấy độc quyền dư luận là gì ? Mà đã không cãi cọ thì không nẩy ra chơn lý ; không có ánh sáng của chơn lý thì học giới tối tăm ; thiệt họ đã vô ý mà dứt ngang con đường tấn bộ của học giới đi, chớ chẳng những trở ngại mà thôi vậy.

Thật vậy, cái thói của họ đó đã tràn ngập cả xã hội mà thành ra như phong tục trong hơn mười năm nay. Ai nói trời nói đất chi thì nói, ngang ngạnh đến đâu cũng không có người cãi. Cái phong tục ấy nên đặt cho nó một cái danh từ là "nguội lạnh".

Chính mình Phạm Quỳnh tiên sanh đã nhìn thấy chỗ đó. Tiên sanh có viết trong *Nam phong* số 148, hồi tháng Mars năm nay, về phần phụ trương tiếng Pháp, nơi bài "*Hồi tưởng về Khổng Tử và Khổng giáo*" (*Réflexion sur Confucius et le Confucéisme*), một đoạn như vầy :

> "Ở nước Nam ta, cái phong trào bài kích Khổng giáo thà kêu là cái phong trào nguội lạnh... Mới có một nhà nho cũng học đòi bạn đồng đạo mình bên "thiếu niên Trung Quốc", ra tay phản đối Khổng Tử và Khổng giáo, mà chừng như độc giả chẳng mấy ai

thiết đến, không ai cho là phải mà cũng không ai cho không, dầu rằng những bài phản đối ấy viết bằng lối văn chín chắn và tài liệu dồi dào, đáng khen thật, song tôi tưởng chắc độc giả của nó cũng không nhiều bằng của những cái tin ngắn chút xíu trên tờ báo nói về công trạng của hai tay vô địch nghề banh vợt, mà hết thảy các báo đã tôn cho là nhứt quốc chi hùng".[1]

Xin độc giả thử nghĩ coi, có cái xã hội nào lại nguội lạnh đến nỗi nước nầy chăng ? Mà việc đó, đố ai dám cả gan bảo là việc tầm thường. Chính trong đoạn đó chỗ để những cái chấm giây đó, Phạm tiên sanh nói rằng : "Kể ra thì đấng Thánh ở Khúc Phụ xa xuôi thật, xa cả về không gian và về thời gian, song lâu nay chính ngài vẫn đã chi phối những điều giáo huấn của ngài trong cả cuộc sanh hoạt xứ nầy, về tinh thần và luân lý".[2] Ừ ! nếu đã nhìn nhận cho Khổng giáo ở xã hội mình là quan hệ với sự sống của mọi người vậy thì sao trong khi có kẻ nhè nó phản đối, ai nấy lại nỡ làm lơ, không thèm quan thiết đến cho đành ? Tôi xin trung cáo cùng người trong nước : đừng có lấy cái cớ nói ra không ai thèm nói lại, làm dịp tiện để nhạo cười cái anh nhà nho mà Phạm quân nói kia ; song ai nấy hãy nhìn điều nầy là một điều sỉ nhục cho cả một dân tộc, vì trong việc đó tỏ ra rằng cái lương tâm của dân nầy hình như đã tê điếng rồi vậy !

Lẽ đáng trong khi thấy những bài phản đối Khổng giáo đó, hạng người thường có cho là không quan hệ mà bỏ qua đi nữa, thì

---

[1] Nguyên văn : En Annam, la vague de défaveur est plutôt une vague d'indifférence... Et si dernièrement un lettré Annamite, emboitant le pas à ses confrères de la "jeune Chine" a essayé de faire le procès de Confucius et du Confucéisme, il ne semble pas qu'il a beaucoup intéressé ses lecteurs : personne ne l'a ni approuvé ni contredit et je doute fort que ses articles, ecrits pourtant avec un louable souci de style et de documentation, aient eu autant de lecteurs que le moindre petit entrefilet relatif aux exploits de deux champions de tennis promus par toute la presse progressiste au rang de héros nationnaux (nguyên chú của Phan Khôi).

[2] Nguyên văn : Le sage de Khu-fou parait loin, bien loin dans l'espace et le temps, lui qui naguère encore animait de ses enseignements et de ses préceptes toute la vie morale et spirituelle de ce pays (nguyên chú của Phan Khôi).

những người bấy lâu đã có tông tín (*conviction*) về Khổng giáo chủ trương cái thuyết duy trì Khổng giáo, cũng phải vội vã đứng ra, một là binh vực cho sự tông tín của mình, hai là vệ dực cho thánh đạo, ba là phá sự cổ hoặc cho người đương thời, mới phải cho. Cái nầy từ hiền đến ngu rủ nhau làm thinh một loạt ; sau khi đó rồi, có kẻ lại tỏ ý ra như tuồng mình làm vậy là đắc sách, thì tôi phải chịu, không hiểu cái lòng dạ người ta là thế nào ! Nếu anh nhà nho công kích Khổng giáo đó mà công kích phải lẽ, thôi chẳng nói làm chi ; ví bằng anh ta công kích bậy mà lại dùng lối văn chín chắn, tài liệu dồi dào, đến nỗi ông Phạm Quỳnh phải khen, thì tôi tưởng, chẳng nhiều thì ít, thế nào cũng có hại cho thế đạo nhân tâm chớ. Vậy mà cứ nguội lạnh là nguội lạnh làm sao ?

Tôi thấy đám trẻ con chơi với nhau, đến lúc đỏ quạu, một đứa đứng ra một phía, lấy lời vô lễ mà xỉ mắng mấy đứa kia. Mấy đứa nầy thiệt hành cái chủ nghĩa tiêu cực phản kháng, ra hiệu lịnh cho nhau rằng : "Nó nói gì kệ nó, mình cứ bịt lỗ tai, chẳng thèm nghe !" Chúng nó bảo nhau thế nào, làm y như thế. Đứa kia nói một chặp, mỏi miệng rồi thôi. Khi ấy mấy đứa làm thinh ban nãy đó mới rập nhau xì vào mặt đứa ấy mà nói rằng : "Lêu lêu mắc cỡ ! Lêu lêu mắc cỡ !"

Quái làm sao ! câu chuyện nói trên kia mà lại tình cờ giống với cái trò trẻ con nầy !

Trời ôi ! nhà nho ấy chẳng phải ai đâu lạ, chính thị là tôi đây. Mà nếu còn có ai nữa thì tôi là một. Phạm quân nói nhà nho trông mà không kêu tên, ấy là vì cái tên tôi không đáng làm dơ ngòi bút của Phạm quân hay là vì người sợ tôi "mắc cỡ" tội nghiệp mà dấu tên đi, thì tôi không biết.

Năm ngoái tôi có viết cả thảy 21 bài nói về ảnh hưởng Khổng giáo ở nước ta, đăng trong báo *Thần chung*, từ ngày 3 octobre cho đến 18 novembre 1929. Sự độc giả nguội lạnh đối với những bài ấy có đến như Phạm tiên sanh nói chăng, thì tôi không được biết cho

chắc ; song trước sau vỏn vẹn chỉ có một bài gởi tới phản đối, cũng có đăng ở *Thần chung*(*), mà tôi đã thú thiệt, không hiểu tác giả ý muốn nói những gì. Vì vậy đương khi toàn văn của tôi chưa hết mà tôi cũng bắt chước đứa con nít nói trên đó, mỏi miệng rồi thôi.

Chẳng đợi đến bây giờ có Phạm tiên sanh nói, tôi mới biết ; cái sự nguội lạnh ấy tôi đã đoán trước rồi. Trong bài thứ 21, là khi tôi đã ngã lòng toan gác bút, tôi có viết một đoạn rằng :

"Nước Tàu còn có năm ba bọn trung với Khổng giáo, gặp cơn nguy biến, ra tay chống chỏi, hết phương nầy, tìm phương khác, tuy không kéo lại được mà cũng còn tỏ cho thiên hạ biết trong Khổng giáo vẫn có người. Đến nước ta thì hết chỗ nói ! Khổng giáo ở nước ta trong khi gặp văn minh Âu châu, hình như nó nằm sát rạt xuống, vừa khóc vừa rên, vừa ngửng đầu lên coi chánh phủ. Chánh phủ có để khoa cử thì cứ thi đậu làm quan chơi ; chánh phủ bỏ khoa cử thì cũng đau lòng mà khóc rên chút đỉnh ; nhưng đến khi chánh phủ lập trường bắt học chữ Pháp thì lại lau nước mắt mà cứ việc học, mong cho tốt nghiệp đặng làm quan. Rồi đến ngày nay đây, có kẻ ngỗ nghịch là tôi, dám ra đương trường chỉ trích Khổng giáo, – để rồi coi, giặc chừng như – cũng không ai thèm nóng mặt mà ra miệng hết. Ử, nó nói ông Khổng Tử chớ nó có nói chi mình đâu, nó có động đến bát cơm của mình đâu mà hòng ra miệng ! Không dám dối độc giả, tôi viết đến đây bỗng dưng hai hàng nước mắt tôi trào ra trên giấy. Không phải tôi khóc vì Khổng giáo điêu tàn ; nhưng tôi khóc, một là vì cái kẻ chỉ trích Khổng giáo lại là tôi ; hai là vì ngó thấy cái tình đời bạc bẽo !"

Sự nguội lạnh đó, theo như tôi đã kể ra trong đoạn trước, thì quả là do mấy nhà "học phiệt" tạo ra. Nếu còn bởi các cớ khá nữa, thì cái cớ mấy nhà "học phiệt" chuyên chế dư luận cũng là một cớ lớn, họ phải chịu một phần trách nhiệm lớn trong sự đó.

(*) Đó là bài của Hoành Sơn : *Đôi lời về Khổng giáo bàn cùng Phan Khôi tiên sinh* đăng 9 kỳ báo *Thần chung* từ 6.1.1930 đến 12.2.1930.

Khi tôi viết bài bình phẩm cuốn sách *Nho giáo*, trong anh em đã có người e cho tôi lại "mắc cỡ" chuyến nữa, nhưng tôi cũng cứ đánh bạo mà làm. May quá ! Trần tiên sanh khứng viết ra mà thương xác sự học vấn cùng tôi ; cái tên tiên sanh tôi quý trọng bao nhiêu, thì cái bài ấy tôi cũng quý trọng bấy nhiêu ; quả là "vàng"thật !

Về phương diện lý thuyết của cái bài tiên sanh trả lời cho tôi đó, tôi xin để rồi sẽ nói đến. Nay chính tôi và cũng xin đại biểu cho những anh em có học vấn ít nhiều mà cùng tôi đồng ý kiến, ngỏ lời cảm tạ Trần tiên sanh về sự người đã có ý tốt, mở cái đường thương xác về sự học cho chúng tôi và hết thảy mọi người trong nước Việt Nam sau nầy.

Nhơn đó tôi dám lấy tư cách một nhà học giả tầm thường, không có cái bằng cấp nào hết, chỉ có cái óc tự đo độc lập, lấy chơn lý làm thầy, không thần phục dưới quyền đạo giáo nào hay là thánh hiền nào, viết một cách thiệt nghiêm cẩn ra ở đây mấy lời, để cảnh cáo các nhà "học phiệt" nước ta mà trong đó, tôi đã cử một Phạm Quỳnh tiên sanh ra làm đại biểu.

Học thuật của nước ta xưa nay chỉ có cái hư danh mà thôi, chớ coi đi coi lại, đem mà so sánh với các nước, thì thấy ra tầm thường quá. Nước Việt Nam nầy mà gọi được là có học thuật, hoạ từ nay về sau chăng. Sự đó, cái trách nhiệm ở chúng ta, là những kẻ có học mà ở vào cái thời đại văn hóa Đông Tây giao hội với nhau nầy.

Chúng tôi muốn rằng trong nước ta từ rày về sau, nên lần lần bỏ hẳn cái danh từ Nho học và Tây học mà lập ra một nền học thuật mới, kêu là *nền học thuật Việt Nam* ; nó sẽ đứng với nước ta đời đời : nước còn có thì học thuật còn có ; học thuật còn có thì nước còn có. Ấy là một cái khí giới chúng tôi định sắm ra để cầm giữ tổ quốc và đưa đồng bào lên đường tấn hóa, hầu theo kịp loài người trên thế giới trong cõi đại đồng ngày nay.

Trên đây nói "chúng tôi muốn, chúng tôi định", chẳng qua là để tỏ ra cái ý kiến của một bọn người chúng tôi mà thôi. Bên các ông, những người mà chúng tôi kêu là "học phiệt", chắc cũng có cái ý kiến như chúng tôi đó, vì thấy có người đã tỏ ra trong khi luận về sự học.

Vậy thì hai bên, cái ý kiến đại để đồng nhau ; có khác nhau, chỉ là cái thái độ. Chúng tôi thì muốn, về sự học, phải cho ngôn luận được công khai. Còn các ông, theo như cái thái độ đã vẽ ra trên kia, thì hình như muốn chuyên chế.

Chúng tôi cho cái thái độ ấy ở trong việc gì thì hoặc giả còn được, chớ ở trong học giới thì nhứt định không có thể được. Cái lẽ tại sao mà không được, đã nói rõ trên kia rồi. Vậy bây giờ chúng tôi yêu cầu các ông phải bỏ hẳn cái thái độ ấy đi. Nghĩa là từ nay về sau, về sự học, khi có ai nghi ngờ những điều các ông chủ trương mà chất vấn hoặc công kích, thì các ông phải trả lời minh bạch, phải thì nói phải, quấy thì nói quấy.

Chúng tôi nhìn các ông là bậc túc học ; nếu các ông chịu đem ý kiến mình trao đổi với mọi người, thì sự ích cho các ông chưa nói, mà phần chắc là có ích cho cả xã hội. Nếu các ông còn giữ thói cũ, thì xã hội đã không được ích, mà tập theo các ông, lại thành ra cái phong tục nguội lạnh nữa. Sự nguội lạnh ấy, tôi đã cho là cái lương tâm tê điếng ; mà theo Trang Tử thì là cái lòng đã chết, chẳng có gì đáng buồn rầu hơn ! (Ai mạc đại ư tâm tử).

Lần nầy là lần thứ nhứt mà tôi đem cái chánh nghĩa ra thưa cùng các ông như vậy ; rồi mới tới dưới nầy là cái ý cảnh cáo.

Các ông đành là bậc túc học, cái công nghiệp của các ông ở trong học giới nước ta đành chẳng phải là nhỏ. Song cái thái độ ấy của các ông, hôm nay đã có nhiều người không phục, có ngày họ sẽ nổi lên mà phản đối.

Tôi biết trong ba kỳ mỗi nơi đã có ít nữa là một người học vấn rộng rãi, có đức, có tài, có thức, chẳng kém các ông là mấy. Những người ấy đều khuynh hướng về cái bình dân chủ nghĩa, họ muốn sự học vấn được phổ cập, nên thế nào họ cũng sẽ đứng dậy mà đánh đổ cái kiểu học phiệt của các ông. Sự ấy chưa xảy ra là vì họ đương nuôi cái thế lực bằng học thức của họ cho thật mạnh đã. Chẳng sớm thì chầy, trong nước Việt Nam nầy cũng sẽ có một cuộc chiến tranh về tư tưởng. Trước mặt các ông, tôi không nói dối.

Cái chỗ tôi đem mà cảnh cáo các ông là chỗ đó. Tùy các ông muốn làm như Diêm Tích Sơn, Trương Học Lương thì làm, hay là muốn làm như Ngô Bội Phu, Đoàn Kỳ Thụy thì làm.

Tôi đây, chưa phải là kẻ phản đối các ông đâu. Tôi chỉ là một viên tiểu tướng của đạo quân bình dân tư tưởng đi trước dẹp đường, và luôn thể báo hiệu cho các ông mà thôi.

PHAN KHÔI

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn, s.62 (24.7.1930)
Trung lập, Sài Gòn, s. 6206 (26.7.1930) ;
s.6207(28.7) ; s.6208 (29.7) ; s.6209 (30.7.1930).

VỀ BÀI PHÊ BÌNH SÁCH "*NHO GIÁO*"

Mời Trần Trọng Kim tiên sanh đi với Khổng Tử Mạnh Tử đến nhà M.Logique chơi, tại đó, chúng ta sẽ nói chuyện

Trước kia tôi có bài phê bình cuốn sách *Nho giáo* của Trần Trọng Kim tiên sanh, kế đó tiên sanh có viết một bài mà thương xác cùng tôi, cả hai đều được đăng trong *Phụ nữ tân văn* số 54 và số 60. Mới rồi tôi lại viết một bài đăng ở số 62, cảm ơn tiên sanh về sự mở đường cho cuộc luận biện về học vấn ; còn cái lý thuyết của tiên sanh trong bài ấy thế nào, tôi chưa nói đến.

Lẽ thì trong bài nầy tôi phải nói sáng ra cái lý thuyết của Trần tiên sanh đã dùng mà duy trì cho cái nguyên ý của mình mà biện chiết tôi đó là thế nào, tôi có phục tình hay là không phục. Vì trong sự học vấn phải giữ cái thái độ quang minh chánh đại, khi người ta bẻ bác mình, mình còn có lẽ nói lại thì đem mà nói lại, mình hết lẽ thì phải tỏ ý chịu cái thuyết của người ta đi ; nói cho rõ ra, hễ thua thì chịu thua, chớ không được làm cái thói trù trơ ấp úng cho qua việc. Tôi lại cũng biết rằng sự cãi nhau về học vấn chẳng qua là sự binh vực cho chơn lý, thế thì dầu tiên sanh có hơn mà tôi có thua đi nữa, cái đó cũng chẳng đủ làm cho kẻ vui người buồn giữa đôi ta ; và nếu tôi là kẻ biết điều, thì tôi cũng lại nên đừng buồn nữa, mà phải lấy sự chơn lý đắc thắng làm vui.

Tuy vậy, đọc bài của Trần quân vừa rồi, tôi chưa có thể nói cho dứt khoát như vậy được.

Trong bài đó tôi nhận ra phần nhiều Trần quân nói không trúng vào những cái chỗ yếu điểm trong bài phê bình của tôi. Hay là nói một cách khác, bài ấy có nhiều chỗ như tiên sanh đã dùng mà biện bác với ai, chớ không phải với tôi, bởi vậy tôi chưa có thể nhờ đó mà biết được cái thuyết của tôi là quấy hay là phải.

Vì đó, tôi phải viết ra đây mà thỉnh giáo tiên sanh lần nữa. Tôi xin mời tiên sanh cùng đi với nhị vị thánh hiền đã nói trên kia đến nhà *M.Logique*(*) chơi, rồi chúng ta sẽ nói chuyện với nhau tại đó.

Cái giọng nói của tôi hay pha bông lơn như vậy, xin Trần tiên sanh với độc giả liệt vị cũng đừng trách làm chi. Tôi sẵn có cái tánh hay bông đùa, mà lâu nay lại khuynh hướng về cái lạc thiên chủ nghĩa (*optimisme*) ; tôi về chỗ đó, dầu trái hẳn với cô Kiều mà cũng nói được "Rằng quen mất nết đi rồi, tẻ vui âu cũng tánh trời, biết sao !" Huống chi những bài có vẻ trang nghiêm như những bài luận học nầy, tôi e nhốt mình vào đó thì buồn quá và cũng làm buồn đến độc giả nữa, nên trộm phép mà "hí hước" chút chơi, miễn sao cho "bất vi ngược" như người "quân tử" trong kinh Thi là được.(1)

Tôi nói mời đến nhà *M.Logique* chơi, ý là muốn Trần tiên sanh cùng tôi nói chuyện với nhau trong vòng luận lý học. Theo thường tình, tôi đòi cái đó thiệt là to gan quá !

Vả chăng, Trần quân là nhà Tây học, dầu có khuynh hướng về Nho giáo đi nữa, nhưng cái bổn thân tiên sanh cũng ở trong Tây học mà ra. Còn tôi, là nhà nho đặc, bây giờ có thay lông lột vỏ mấy lần chăng nữa, nho cũng hoàn nho. Mà cái luận lý học là cái sở

(*) *M.Logique* : tức là gọi là *Ngài Lôgich* (M. là viết tắt từ Monsieur = Ngài) ; về sau Tr.Tr.Kim đáp rằng *Logique* trong tiếng Pháp là danh từ giống cái (féminin), cho nên nếu muốn thì phải gọi bằng Cô (Mademoiselle ; viết tắt : Melle).

(1) Kinh Thi có câu : "Bỉ quân tử hề, thiện hí hước hề, bất vi ngược hề". Nghĩa là : Kìa là người quân tử, khéo bông đùa mà chẳng đến nỗi làm hại ai (nguyên chú của Phan Khôi).

trường của Tây học, vậy thì làm sao tôi lại dám đem mà nói với tiên sanh ? Ví thử *M.Logique* là người thiệt, thì người ấy quen với Trần tiên sanh hơn là quen với tôi, sao tôi dám mời tiên sanh đến nhà người ấy ? Ừ, mà mời tiên sanh thì cứ việc mời, chớ lại còn kéo Khổng Mạnh hai ngài vào nữa làm chi ?

Tôi đã nói trong bài ở số trước, về sự học vấn ở nước ta, tôi muốn lần lần rồi thủ tiêu những cái danh từ Nho học và Tây học đi, mà lập ra một nền học vấn riêng của người Việt Nam, cái nền ấy ta phải lấy luận lý học làm đá tảng. Vậy thì trong khi tôi đem luận lý học nói cùng Trần tiên sanh đây, xin ai nấy chớ còn coi tôi là nhà nho nữa, mà chỉ nên nghe lời nói của tôi rồi phán đoán là phải hay quấy mà thôi.

Cái vấn đề ông Trần và tôi đương bàn đây là vấn đề Nho giáo. Các vị yếu nhơn trong vấn đề là Khổng Tử và Mạnh Tử. Mà hai vị nầy, trong khi biện luận về học vấn, thỉnh thoảng hay trái với luận lý học. Điều đó là không hợp với sự học vấn ngày nay. Tôi e cho Trần tiên sanh trong khi luận biện với tôi mà binh vực cho Nho giáo thì dùng luôn cái lối biện luận của Khổng Mạnh đó, nên chi tôi phải trước ghép một đôi điều biện luận của thánh hiền vào khuôn luận lý học, rồi do đó lập ra như một cái giao ước với Trần tiên sanh.

Tôi vẫn nhìn nhận Khổng Tử là ông tổ khai sơn cho luận lý học Trung Hoa, vì ngài đã lập ra cái thuyết chánh danh mà tôi đã phát huy ra trong nhiều bài trước kia. Song tôi cũng đã nói rằng chính ngài có đôi khi lập ngôn không đúng với phép tắc luận lý học.

Ấy là như ở sách *Luận ngữ*, thiên *Vi chánh*, môn nhơn chép lời ngài đối đáp cùng Mạnh Ý tử, chép rằng:

"Mạnh Ý tử hỏi về hiếu. Thầy trả lời rằng: *Không trái (vô vi)*.

Phàn Trì đánh xe. Thầy bảo đó rằng : Mạnh tôn hỏi hiếu nơi ta, ta thưa rằng *không trái*.

Phàn Trì hỏi : Thế là nghĩa gì ? Thầy đáp rằng : sống nhờ đó lấy lễ ; chết, chôn đó lấy lễ, tế đó lấy lễ".

Đó, ngài đã bảo cho, mà sao Phàn Trì lại còn hỏi lại ? Là tại Phàn Trì không hiểu. Phàn Trì mà không hiểu thì Mạnh tôn (Mạnh Ý tử) có hiểu được chăng ? Hiểu hay không, ta không biết ; duy biết rằng Mạnh tôn không hỏi lại. Sự không hỏi lại, tỏ ra hai dấu : một là hiểu rồi như Nhan Tử mặc chí tâm thông ; một là ù ù cạc cạc như vịt nghe sấm. Song ta có thể đoán rằng Mạnh tôn không hỏi lại, là đã tỏ ra cái dấu sau đó, nghĩa là đã không hiểu mà cũng không biết hỏi lại. Vì sao đoán như vậy ? Vì hai chữ "vô vi" của Khổng Tử nói đó có nhiều nghĩa quá, muốn hiểu cũng không biết hiểu về nghĩa nào, vậy tức là không hiểu. Phàn Trì đã vậy thì Mạnh tôn cũng vậy.

May có Phàn Trì hỏi, ngài mới cắt nghĩa vân vân, bây giờ chúng ta mới biết cái nghĩa vô vi của ngài là vân vân. Giá hồi đó Phàn Trì không có dịp đánh xe cho ngài, ngài không có dịp đem mà bảo Phàn Trì, hay là Phàn Trì cũng lại một thứ vịt nghe sấm như Mạnh tôn, không biết đường hỏi lại, thì có lẽ hơn hai ngàn năm nay, hai chữ "vô vi" vẫn còn nằm trong màn kín, vẫn còn như câu thai treo đó mà chẳng ai đáp trúng hết !

Theo luận lý học, kiểu nói như ngài đó kêu bằng *kiểu nói mô-lăng (Amphibologie).*[1] Mô-lăng, nghĩa là *rờ* vật gì có nhiều *khía* tương tợ với nhau : nhắm mắt mà rờ, trúng vào cái khía nào cũng được hết. Kiểu nói ấy, luận lý học cho là một điều mậu vọng[*], cũng như những điều mậu vọng khác trong phép diễn dịch (*Erreurs de déduction*), vì nó làm cho kẻ nghe chẳng biết đường đâu mà mò. Thật vậy, nếu bây giờ ai hỏi tôi điều gì mà tôi đáp rằng "Không

[1] *Amphibologie* lại khác với *équivoque*. Trong luận lý học cũng có một điều nữa kêu bằng *Erreurs d'équivoques*, nghĩa là "sự mậu vọng về kỳ nghĩa" (nguyên chú của PK).

[*] *mậu vọng* : dối trá, huyễn hoặc (theo H.T. Paulus Của, sđd.)

trái", thì tự nhiên người ấy không hiểu được, tự nhiên người ấy phải hỏi lấy mình hay hỏi lại tôi : Không trái là không trái cái gì ? Không trái là không trái ai ?

Nói cho phải, bây giờ nếu ta đem lời của Khổng Tử mà đối chiếu với luận lý học thì thấy không sai mấy. Duy có Mạnh Tử, ông nầy có tiếng là hùng biện, chính mình cũng xưng rằng tri ngôn, mà lại sai hơn Khổng Tử nhiều. Chỗ nầy không phải là chỗ phê bình sách *Mạnh Tử*, nên tôi chỉ cử ra đôi ba điều đại khái.

1. Luận lý học, về điều *giả ngôn suy lý (jugement hypothétique)*[1] có hai cái luật : Luật thứ nhứt là *cái tiền thiết (antécédent) mà thành lập thì cái hậu thừa (conséquent) cũng thành lập* ; luật thứ nhì là *cái hậu thừa mà không thành lập thì cái tiền thiết cũng không thành lập*. Nếu phạm luật ấy thì thành ra mậu-vọng.

Sách *Mạnh Tử*, thiên *Tận tâm thượng*, có một chương rằng :

"Đào Ứng hỏi rằng : Thuấn làm thiên tử, Cao Dao làm quan tòa, mà Cổ Tẩu giết người, thì làm thế nào ?

Mạnh Tử trả lời : – Cứ việc bắt đi mà thôi.

- Thế thì Thuấn không cấm được ư ?

- Thuấn cấm sao được mà cấm ? (Cái pháp luật của Cao Dao) là có chỗ chịu mà.

- Vậy thì Thuấn sẽ làm cách nào ?

- Thuấn coi bỏ thiên hạ cũng như bỏ giép hư. Cõng trộm (cha mình) mà đi trốn, noi mé biển mà ở, trọn đời hớn hở, vui mà quên thiên hạ."

Theo lời Viên Mai[2] thì ở đây Đào Ứng đã hỏi bá xàm mà Mạnh Tử cũng trả lời bá xàm. Tuy vậy, họ Viên chỉ biết là bá xàm

---

[1] Giả ngôn suy lý hay nói là *Tam đoạn luận suy lý* cũng được, chữ sau theo tiếng Pháp là *Syllogisme hypothetique* (nguyên chú của PK).

[2] Viên Mai tức Viên Tử Tài, hiệu Tùy Viên, một nhà văn học đời Thanh. Lời đây thấy trong bài "Luận ngữ giải tứ thiên" ở *Tùy Viên văn tập* (nguyên chú của PK).

mà thôi, chớ không biết dến cái sở dĩ tại sao mà bá xàm ; đây tôi ghép vào luận lý học thì mới tỏ ra cái lẽ sở dĩ ấy.

Theo sự tín của nhà nho, thì Thuấn là bực thánh nhân và Cao Dao cũng là bực thánh nhân. Lại cũng theo sự tín của nhà nho nữa, hễ thánh nhân thì có cách cảm hóa người ác trở nên thiện ; chính Mạnh Tử cũng từng nói Thuấn đã cảm hóa được Cổ Tẩu là cha mình. Vậy thì Thuấn làm thiên tử, Cao Dao làm quan tòa, tất nhiên Cổ Tẩu không có sự sát nhân, dầu ông ấy là ác. Vậy mà Đào Ứng đặt ra câu hỏi như vậy, lấy sự không thể xảy ra đem làm vấn đề biện luận, cho nên nói là câu hỏi bá xàm.

Phải chi Mạnh Tử hiểu lẽ ấy, đem lẽ ấy giảng cho Đào Ứng nghe rồi không trả lời, thì Mạnh Tử cũng khỏi điều lỗi lầm. Cái nầy, Mạnh Tử không nghĩ đến chỗ câu hỏi có thành lập hay không, thấy thì chụp trả lời liền, thành ra trong câu trả lời đó cũng bá xàm một thứ.

"Cứ việc bắt đi mà thôi", nói sao mà nghe dễ quá ! Hễ kẻ giết người thì quan tòa có phép bắt, nhưng đối với ai kia, chớ sao lại được bắt cha ông thiên tử, theo lối sang trọng của nhà vua kêu bằng "thái thượng hoàng" ? Nói vậy thì ra bên tình không thuận mà bên lý cũng không trôi. Vả lại, Mạnh Tử đã nhiều lần cho thiên hạ là của công, thì có lẽ nào Thuấn vì việc tư mà bỏ thiên hạ được ? Dầu Thuấn có coi thiên hạ là chiếc giép hư đi nữa, thiên hạ há coi Thuấn là người có chiếc giép ấy hay sao ? Nếu Cao Dao bắt Cổ Tẩu thì đã giam vào"khám lớn" rồi, Thuấn làm thế nào cũng trộm được ? Mé biển dầu xa, cũng ở vào đất Trung Quốc, hễ Thuấn đi đến được thì Cao Dao cũng đi đến được, trốn mà thoát hay sao ? Tóm lại, lời đáp của Mạnh Tử đó tức là "độn từ"[*], chính ngài đã

[*] *độn từ* : nghĩa như tiếng Pháp faux-fuyant, - lời thoái thác khi cùng lý hết lời (theo Đào Duy Anh, sđd.).

tự phụ rằng biết, thế mà chính ngài phạm tới, lại không tự biết.[1]

Theo luận lý học thì cả chương vấn đáp của Đào Ứng và Mạnh Tử đó nên xóa đi hết mà coi như là không có ; vì nó đã phạm cả hai luật của điều *giả ngôn suy lý* nói trên kia. Lời Đào Ứng hỏi tức là cái tiền thiết, lời Mạnh Tử đáp tức là cái hậu thừa, mà cứ như đã ghép vào luật rồi bẻ bác đó, thì đều không thành lập và đều là mậu vọng, cho nên xoá đi là đáng lắm.

2. Khi mình biện luận với ai, không cứ theo cái luận điểm (*point de discussion*) mà biện luận, lại xây qua cái luận điểm khác, theo luận lý học, như vậy cũng thành ra mậu vọng. Điều mậu vọng ấy kêu bằng *biến canh luận điểm (changement de point)*. Thường thường luận giả hay mắc phải điều mậu vọng nầy là vì có ý hiếu thắng, sợ cứ theo cái luận điểm nguyên hiện thì mình biện luận không chạy, nên kéo qua cái luận điểm khác để cầu thắng đó thôi. Mạnh Tử cũng không khỏi điều mậu vọng ấy.

Ở thiên *Vạn chương thượng* :

> "Vạn Chương hỏi rằng : Nghiêu lấy thiên hạ cho Thuấn, sự ấy có chăng ?
>
> Mạnh Tử trả lời : Chẳng phải vậy đâu, thiên tử chẳng có thể lấy thiên hạ cho người."

Ấy đó, Mạnh Tử đã phạm vào cái lỗi *biến canh luận điểm* đó.

Cứ như lời Vạn Chương hỏi thì cái luận điểm ở sự "Nghiêu có lấy thiên hạ cho Thuấn cùng chăng". Mạnh Tử lại trả lời rằng "Thiên tử chẳng có thể lấy thiên hạ cho người", trật qua cái luận điểm khác, câu trả lời chẳng ăn nhập gì với câu hỏi.

Hoặc giả trong ý Mạnh Tử nói rằng hễ đã nói "Thiên tử chẳng có thể lấy thiên hạ cho người", thì trong câu ấy phải hiểu ngầm là Nghiêu chưa hề lấy thiên hạ cho Thuấn. Song chỗ này hai việc

---

[1] Mạnh Tử có lần nói rằng : "Ngã tri ngôn", và rằng : "Độn từ tri kỳ sở cùng" (nguyên chú của P.K.).

khác nhau, không thể hiểu ngầm như vậy được. Đã hay rằng thiên tử không có phép đem thiên hạ cho người, song có lẽ Nghiêu đã trái phép ấy đi mà đã đem thiên hạ cho Thuấn thì sao ? Cái ý Vạn Chương hỏi là định hỏi về chỗ đó. Huống chi cái việc Nghiêu truyền ngôi thiên tử cho Thuấn, đem thiên hạ cho Thuấn, là việc hiển nhiên trên lịch sử, sao lại nói mập mờ như vậy được ? Theo đúng luận lý học, thì chỗ nầy, Mạnh Tử phải trả lời việc ấy là *có* hay *không* cái đã, rồi nói chi hãy nói.

Mạnh Tử lấy câu trả lời không ăn nhập ấy mà khỏa lấp câu hỏi của Vạn Chương đi. Vạn Chương chừng cũng là tay non, phần lại khiếp lời của thầy mình nữa, thành ra không còn chủ trì được cái luận điểm trước mà đi xuôi theo một chiều với cái luận điểm của Mạnh Tử mới nhảy qua. Vạn bèn hỏi tiếp : "Thế thì Thuấn có thiên hạ đó, ai đã cho ?" Mạnh Tử đáp : "Trời đã cho". - Rồi từ đó hai thầy trò đưa nhau đi càng ngày càng xa, mà quên mất cái chỗ bước chân ra là chỗ nào ! Cả một chương ấy, không cứ cái lý thuyết ra sao, chỉ duy một điều là không ăn nhập với câu hỏi ban đầu, đã đủ cho là mậu vọng.

3. Luận lý học đại để có hai cái pháp thức lớn, là *quy nạp (induction)* và *diễn dịch (déduction)*, mà hai cái nó tương nhơn tương thành với nhau. Tuy vậy, kể ra thì phép *diễn dịch* là cần lắm, vì trong khi làm phép *quy nạp* cũng phải dùng đến nó mới làm được. Muốn dùng phép *diễn dịch* thì phải thạo *tam đoạn luận* (*syllogisme*) ; muốn thạo *tam đoạn luận* thì phải xét rõ *mạng đề* (*proposition*) ; muốn xét rõ *mạng đề* thì phải biện từng *danh từ (terme)* cho rành rẽ. Cho nên, sự tế nhận *danh từ* và *mạng đề*, ấy là cái bước đầu của luận lý học. Hễ cái bước ấy mà sai thì về sau sai hết.

Theo đó, khi mình muốn biện luận cùng ai, cái *danh từ* của họ dùng thế nào, cái *mạng đề* của họ đặt thế nào, mình phải nhận cho kỹ, nếu có dẫn vào trong lời biện luận của mình thì phải để y như

họ, đừng có hiểu lầm hay là làm sai đi. Bằng chẳng vậy, hiểu lầm hay làm sai, thì lời biện luận của mình cũng thành ra mậu vọng. Mạnh Tử cũng có một lần phạm cái lỗi ấy.

Cái thuyết "tịnh canh" của Hứa Hành hồi Chiến Quốc, đại để hơi giống cái chủ nghĩa cọng sản đời nay. Tiếc Hứa Hành thì chung không gặp Mạnh Tử để hai người biện luận với nhau thử ra sao. Cứ theo sách *Mạnh Tử* thì chỉ có Trần Tương là đồ đệ họ Hứa có biện luận với Mạnh Tử mà thôi. Hai đàng nói qua nói lại đã nhiều, sau Trần Tương nói rằng :

"Theo cái đạo của Hứa Tử thì giá chợ chẳng hai, trong nước không có sự dối trá ; dầu khiến một đứa con nít năm thước[1] đi chợ, cũng chẳng ai khí nó. Vải, lụa, bông, nhẹ nặng đồng nhau thì giá như nhau ; năm thứ thóc, nhiều ít đồng nhau thì giá như nhau ; giép, lớn nhỏ đồng nhau thì giá như nhau (*lũ, đại tiểu đồng, tắc giá tương nhược*)."

Tuy văn từ đời xưa hơi đơn giản, ta cứ xem như trên cũng có thể hiểu được ý Trần Tương muốn nói thế nào. Vậy mà Mạnh Tử chừng như đã hiểu sai đi, mà hiểu sai thiệt, coi đây thì biết. Mạnh Tử bác lại rằng :

"Vả mọi vật chẳng tày, là tình thiệt của mọi vật, hoặc gấp đôi gấp năm nhau, hoặc gấp mười gấp trăm nhau, hoặc gấp ngàn gấp vạn nhau. Nhà ngươi đánh xô bồ mà cho đồng đi, ấy là loạn thiên hạ. Giép lớn giép nhỏ mà đồng một giá, thì người ta há làm giép lớn làm chi (*cự lũ tiểu lũ đồng giá, nhân khởi vi chi tai ?*)" (*Đằng văn công thượng*).

Trần Tương mở ra đã nói . "Giá chợ chẳng hai, tuy con nít đi chợ cũng chẳng ai khí nó". Thế là tỏ ra rằng trong cái lý tưởng xã

[1] Nguyên văn : "ngũ xích chi đồng". Nghĩa là đứa con nít trạc nó vẫn chừng năm thước. Ta phải hiểu rằng thước bên Tàu đời xưa vẫn hơn thước ta bây giờ (nguyên chú của PK).

hội (*societé idéale*) của Hứa Hành, người ta buôn bán cách thật thà, cũng như ngày nay ở các hiệu buôn lớn đều hô lên rằng "bán giá nhứt định" đó thôi. Từ câu vải, lụa v.v. sắp xuống, nghĩa là mỗi một thứ, vải đi với vải, lụa đi với lụa, tơ đi với tơ, bông đi với bông, lúa đi với lúa, nếp đi với nếp ; hễ cái lượng (*quantité*) nó chừng nào, thì bất kỳ tới cửa hàng nào giá nó cũng chừng nấy. Cách đặt mấy câu đó hơi hàm hồ một chút, làm cho có thể lộn được ; song câu cuối cùng thì rõ lắm. Nói rằng giép hạng lớn hạng nhỏ đồng nhau thì giá như nhau, thế nghĩa là lớn đồng với lớn, nhỏ đồng với nhỏ, thì giá mới như nhau được ; chớ còn lớn với nhỏ thì tự nhiên khác giá. Vậy mà Mạnh Tử không hiểu đúng những danh từ là chữ *đại tiểu* và chữ *đồng giá* của Trần Tương, rồi cũng không hiểu đúng luôn cái mạng đề tức là cả câu nữa, hóa ra đã trật đi đường nào mất !

Mạnh Tử nói : "Giép lớn giép nhỏ mà đồng một giá thì người ta há làm giép lớn làm chi ?" Vậy là ngài đã cho rằng Trần Tương nói giép lớn giép nhỏ bán ngang một giá. Nếu quả vậy thì thiên hạ tranh nhau làm giép nhỏ hết thiệt. Nhưng mà có đâu, Trần Tương có hề nói như vậy đâu !

Cái cách hiểu không đúng của Mạnh Tử đó nếu là bởi trực tình (*de bonne foi*) thì còn được, chớ nếu là bởi hữu ý (*de mauvaise foi*) thì thành ra xiên xỏ. Đã vậy mà nếu không có người chỉ cho hay là chỉ mà cũng còn cưỡng biện, thì thật là nguy hiểm cho sự học vấn và cũng nguy hiểm cho đức tánh của mình nữa, vì sợ lần lần làm mất sự ngay thật (*sincérité*) đi.

Tôi cử ra của Khổng Tử một điều, của Mạnh Tử ba điều, để cho biết cách luận biện của hai ngài có chỗ thành ra bất luận lý (*illogique*). Rồi dưới nầy, tới phiên tôi nói chuyện với Trần tiên sanh.

Ở đây tôi nên nói mau đi rằng trong bài của Trần tiên sanh có một đoạn bác cái thuyết Khổng Tử vô thần của tôi, đoạn ấy đã làm

nầy ra cho tôi một tia sáng của chơn lý, tôi xin phục tiên sanh về chỗ đó.

Số là, tôi nói Khổng Tử là vô thần luận giả, tôi cử ra một mớ chứng cứ ; Trần tiên sanh nói Khổng Tử là hữu thần luận giả, cũng cử ra một mớ chứng cứ, mà những chứng cứ của tiên sanh đủ đương địch với của tôi, vả lại có điều mạnh hơn của tôi nữa. Nhứt là tiên sanh nói : "Ta hãy xét các thời cổ, không dân tộc nào là không có quỷ thần", câu ấy đã đánh thức cho tôi cái lịch sử quan về tông giáo và triết học (*le point de vue historique dans l'étude des croyances et de la philosophie*) làm cho cái thuyết của tôi phải lung lay.

Tuy vậy, tôi chỉ mới nhờ những chứng cứ ấy mà giảm mất già nửa cái sự tin của tôi trước mà thôi, chớ còn chi lấy nội những chứng cứ đó mà tin Khổng Tử là hữu thần luận giả như Trần tiên sanh, thì tôi chưa tin được. Hoặc giả đức Khổng về sự tín ngưỡng, ngài cũng trung dung mà ở giữa cái giới hạn vô thần và hữu thần chăng ? Điều nầy tôi còn phải suy nghĩ.

Phải chi những lời bác luận về các điều khác của Trần tiên sanh cũng như điều nầy thì tôi không còn dám đem luận lý học mà hó hé ra với tiên sanh nữa. Vì trong điều nầy, cái thuyết của tiên sanh với của tôi, hai bên nó như cái mũi nhọn gặp nhau, hễ một cái cứ nhọn thì một cái phải tà. Tiếc thay, về các điều khác, cái mũi nhọn bên kia nó đâm lệch, không trúng với bên nầy, thành ra bên nào tà, chưa biết.

1. Về điều Tống nho với Khổng Tử, tôi chỉ nói các ông Tống nho có nhiều điều trái với Khổng Tử mà thôi, chớ tôi không nói là trái hết thảy ; vậy mà tiên sanh nói rằng tôi cho là *Tống nho không phải là Khổng giáo*, rồi sanh ra nhiều lời nghị luận về nhánh nhóc, thiệt là dư quá. Trong chỗ nầy, tôi đã nói rõ, tôi không có ý binh bên Khổng Tử, bỏ bên Lão Tử cùng bắt bẻ Tống nho. Thế nghĩa là

tôi không phê bình gì về cái lẽ vô cực và thái cực, tôi chỉ nói rằng các nhà triết học đời xưa nói thế nào, thì bây giờ bọn ta cứ thuật lại như thế, rồi tôi chỉ xin tiên sanh trả cái vô cực lại cho Tống nho, cũng như Jésus Christ nói : "Của Sê-da thì trả cho Sê-da, của Đức Chúa Trời thì trả cho Đức Chúa Trời" vậy thôi, chẳng kéo ra cho nhiều chuyện làm gì.

Theo tôi thấy, tiên sanh không nói vào chỗ yếu điểm của tôi mà nói ra ngoài, thì càng nói càng sai. Tiên sanh nói : "Cái tư tưởng học vấn phải theo thời mà biến hóa". Lẽ đó tôi vẫn đồng ý với tiên sanh. Song nếu vậy mà tiên sanh lại cho Khổng Tử đã nhận thấy lẽ vô cực, rồi sau đến chỗ luận về Tống nho, tiên sanh cũng sẽ phải nói Chu Liêm Khê nhận thấy lẽ vô cực lần nữa, thì cái dấu biến hóa ở chỗ nào ? Sao gọi là biến hóa ?

Tiên sanh lại nói : "Biết đâu Khổng Tử đã đi học Lão Tử lại không nghĩ đến vô cực ?" Theo phương pháp khoa học, cái gì chắc hãy nói, không chắc thì thôi, tôi xin tiên sanh đừng dùng hai chữ "biết đâu". Lại trong *Sử ký* của Tư Mã Thiên nói " Khổng Tử thích Châu *vấn lễ* ư Lão Tử". Vậy thì Khổng Tử học với Lão Tử là chỉ học lễ mà thôi, trong lễ há có cái vô cực ở trỏng ? Huống chi Tử Cống nói rằng : "Phu tử yên bất học, nhi diệc hà thường sư chi hữu ?" Vậy thì dầu ngài đi học với Lão Tử chăng nữa, há là cái cớ cho ta buộc ngài cũng phải theo y như Lão Tử hay sao?

Nói tóm lại về điều nầy, tôi xin tiên sanh san khử cái thuyết vô cực mà đã đem cho là của Khổng Tử đi ; đợi đến về sau, cuốn *Nho giáo* II hoặc III, nói về Tống nho, hãy đem vào đó. Như vậy thì hiệp với cái lẽ "tư tưởng tùy thời biến hóa" của tiên sanh nữa. Nếu tiên sanh cho là phải thì xin tuyên bố mà cái chánh đi, hầu cho độc giả khỏi lầm ; để khi tái bản cuốn *Nho giáo* I sẽ sửa nguyên văn lại. Còn như tiên sanh có cao kiến gì nữa thì cũng xin chỉ giáo cho tôi về nội một chỗ đó mà thôi. Các điều sau đây cũng vậy.

2. Về điều triết học Tây phương với Khổng học, tôi nói đem mà so sánh nhau thì được, chớ còn chỉ quyết cái nầy tức là cái kia, cái kia tức là cái nọ thì không được ; ấy là tôi phiếm luận về học giả đời nay, ấy là câu đối thuyết, nào tôi có hề nói rằng Trần tiên sanh đã làm như vậy đâu, mà tiên sanh nói tôi phán đoán vội vàng ? Cái chỗ tôi bác Trần tiên sanh chỉ là chỗ nhận cho *trực giác* tức là *lương tri* và *lý trí* tức là *trí*.

Nay tiên sanh cũng chịu rằng chữ *trí* của Khổng Tử không phải là *lý trí* như tôi, thế là cái điều " lý trí tức là trí" mà tôi đã cử ra để bác tiên sanh, hoặc giả tôi đã hiểu lầm ý tiên sanh chăng, cái điều ấy bây giờ ta nên thủ tiêu đi, vì hai bên đồng ý với nhau rồi, không thành ra vấn đề nữa. Chỉ còn cái vấn đề "*trựcgiác* tức là *lương trí*", và theo lời tiên sanh mới đây, lại nẩy ra thêm một cái vấn đề mới nữa, là "*lý trí* tức là *cái trí xuyên tạc*".

Tôi nói *lương tri* chỉ về *tánh*, chữ *tánh* đó tức là chữ *tánh* của Mạnh Tử thường nói mà tiên sanh đã giải nghĩa rằng cái lý bổn nhiên của trời phú cho người ta, tức là cái bổn thể của tâm, là cái thần minh sáng suốt, khiến ta rõ biết những điều nhân nghĩa lễ trí. Tiên sanh giải nghĩa như vậy rồi, tiên sanh nói rằng : "*Lương tri* tức là cái biết tự nhiên về những điều nhân nghĩa lễ trí ấy". Thế là tôi nói : *Lương tri* nói về *tánh*, phải rồi ; chỗ đó, tiên sanh cũng một ý với tôi.

Cái *tri* đó đã nói về *tánh*, mà Mạnh Tử chủ trương cái thuyết *tánh thiện*, cho nên để chữ *lương* lên trên chữ *tri*. Thế là tỏ ra rằng cái *tri* ấy chỉ có *lương* mà thôi, chớ không có *bất lương*, hiệp với cái *tánh* của Mạnh Tử hiểu, chỉ có *thiện* mà thôi, không có *ác*. Cho nên tôi nói *lương tri* chỉ về *tánh* là đúng lắm. Mà nội chừng nấy đó thì đủ biết rằng *lương tri* không phải là *trực giác*. Bởi vì *trực giác (intuition)* chỉ là *trực* (*direct*) đối với *bất trực (indirect)* mà thôi, chớ chưa hề có ý *lương*, *bất lương* hay là *thiện, ác* ở trong. *Trực*

giác là sự biết thẳng, đối với sự biết không thẳng, cho nên tôi nói *trực giác* chỉ là *cách nhận thức mọi sự của nhà triết học.*

Tiên sanh cử ra chữ *intuition* có ba nghĩa : là *intuition sensible, intuition intellectuelle* và *intuition morale*. Tên sanh cử ra ba chữ đó để cho tiện mà nói rằng trực giác hay lương tri cũng vậy gồm cả trí tuệ và đạo lý. Cái đó, tôi tưởng là cái ý tiên sanh muốn nói như vậy thôi ; nếu theo đúng cái danh và cái thiệt của chữ *lương tri* và chữ *trực giác*, thì hai chữ không thể nhập làm một được.

Tôi thấy có nhà triết học Pháp dã chia *intuition* làm bốn thứ nữa kia : 1. *Intuition empirique*, cái nầy lại chia làm hai : a) *intuition sensible*, b) *intuition psychologique*. – 2. *Intuition rationnelle* hay là *intuition d'évidence*. – 3. *Intuition inventive* hay là *divinatrice*. – 4. *Intuition métaphisyque*.

Ấy chết ! chỗ nầy tôi lôi ra cả đống danh từ triết học bằng chữ tây, thế nào cho khỏi có người bụm miệng mà cười rằng thằng Bìm có cái quạt mo cũng đòi đem kình với gia tài ông Trạng ! Xin đừng nói như vậy mà tội nghiệp tôi ! Thiệt tình những danh từ đó tôi thấy trong một cuốn sách triết học bằng Pháp văn mà tôi chưa nghiên cứu cho đến nơi, gặp dịp thì tôi cũng đem mà chưng ra đây cho nhiều, để biết rằng dầu có mấy chục thứ *intuition* mấy chục thứ *trực giác* đi nữa, là nó cũng không đồng một thứ với cái *lương tri* của Mạnh Tử, vì nó chỉ là *trực* mà thôi, trong nó, không có cái ý *lương* hay *thiện*.

Trong sách *Đông Tây văn hóa cập kỳ triết học* của Lương Thốc Minh(*) cũng nhận cho *trực giác* là *lương tri*. Lương nói rằng "Đến đời Minh, Dương Minh tiên sanh dấy lên, mới trừ cái tệ cùng lý theo bề ngoài mà đổ về cái cội *trực giác*, tức Dương Minh kêu là *lương tri*". Thế nhưng Lương nói rõ cái *trực giác* tức là cái *lương*

(*) Tức là Lương Thấu Minh (1893-1988) học giả Trung Quốc.

tri của Vương Dương Minh(*) ; chỗ đó tôi chưa nghiên cứu kỹ lắm nên chưa dám quyết là trúng hay trật. Chí như Trần tiên sanh nói *lương tri* trống, tôi phải nhận là *lương tri* của Mạnh Tử, thì tôi quyết rằng không phải là *trực giác* vậy.

Đến Trần tiên sanh cho *lý trí* là *cái trí xuyên tạc*, thì tôi phải chịu là không thể hiểu. Tiên sanh đã nói rằng chữ *lý trí* không có trong sách nho, vậy thì làm sao mà biết nó tức là *cái trí xuyên tạc của người* như lời Mạnh Tử được ư ? Chỗ nầy dễ thấy lắm. Ví như có người nói rằng : Thứ xà bong bây giờ ta dùng mà giặt đó, ngày xưa không có trong xứ An Nam ; rồi lại nói rằng xà bong tức là chùm-kết(1), thì thiệt là võ đoán quá !

Huống chi, chữ *lý trí*, tiên sanh đã nhìn cho là bởi chữ *raison* dịch ra, mà *raison*, theo tự vị Pháp giải là : "*Faculté au moyen de laquelle l'homme peut connaitre et juger.*" Vậy thì làm sao gọi được là *cái trí xuyên tạc* ? Xuyên tạc, hơi giống tiếng ta là *xiên xỏ* ; chữ *raison* lại còn sanh ra trạng từ (*adjectif*) là *raisonnable* ; vậy nếu khi nói *l'homme est un être raisonnable*, và theo như tiên sanh, thì nên cắt nghĩa rằng *người ta là giống hay xiên xỏ* hay sao ? Thiệt là chỗ nầy Trần tiên sanh đã nói một cách rất ly kỳ !

Lý trí do hai chữ Tàu gộp lại, nghĩa là cái *trí* để nhận biết và phán đoán mà lại theo *lý* nữa ; cứ nội mặt chữ đó mà nói cũng đủ chứng rằng *lý trí* không phải là *cái trí xuyên tạc*. Mà *cái trí xuyên tạc* thì là *cái trí xuyên tạc*, chẳng những không tức là *lý trí* mà lại phản đối với *lý trí* nữa kia.

Do các lẽ trên đó, bây giờ đây tôi vẫn còn chủ trì cái thuyết trước của tôi, tôi nói lương tri không phải là trực giác ; và nói thêm

---

(*) Vương Dương Minh tức Vương Thủ Nhân (1472 – 1528) triết gia Trung Quốc thời Minh.

(1) *Chùm kết*, theo tiếng Bắc là *bù kết* ; và xà-bong (*savon*), tiếng Bắc là xà phòng (nguyên chú của PK).

rằng lý trí không phải là cái trí xuyên tạc. Bởi vì những lời biện luận của Trần quân chưa đủ đánh đổ được cái thuyết ấy của tôi.

Chúng ta cãi với nhau từng lời từng chữ như vầy chắc có kẻ cho là vụn vặt không xứng đáng. Song tôi đã nói : "Những danh từ triết học là lợi khí cho ta dùng mà nghiên cứu, nếu dùng sai đi thì nó sẽ đưa ta đến chỗ sai lầm". Lại theo luận lý học, cái bước đầu cũng phải lấy sự tế nhận danh từ và mạng đề làm trọng, như tôi đã nói ở đoạn trước ; vậy thì sự phân biệt những chữ nầy đây là việc quan hệ không thể bỏ qua được, điều đó hẳn tiên sanh cũng phải nghĩ như tôi.

3. Về điều trung dung thì tôi chỉ nói, theo Khổng Tử thì trung dung là *khó*, mà theo Trần quân thì trung dung là *dễ*, hai đàng trái nhau mà thôi, chớ tôi có hề nói "Khổng Tử không dạy người ta theo đạo trung dung" đâu mà Trần quân đem câu ấy hỏi vặn tôi ? Tôi nói trung dung khó, là tôi nói theo Khổng Tử, tôi có dẫn nhiều lời ngài ra làm chứng, mà Trần tiên sanh bác lại tôi, chẳng thấy đả động tới những lời ấy. Ở nơi khác tôi có trách ngài như vầy thì có : "Một cái lẽ mà : thiên hạ quốc gia có thể quân bình được, tước lộc có thể từ đi được, gươm đao có thể xông vào được, chớ không thể làm theo nó được, duy ông thánh mới làm theo nó được, đã khó như vậy, thì còn bày ra làm chi ?"[1] Cái lẽ đã khó như vậy, còn đem mà đề xướng lên, rồi người ta theo không đúng, trở thành ra hương nguyện. Thật như lời Trần quân nói, vì tôi thấy có lắm kẻ lấy trung dung làm hộ phù mà sở hành là hương nguyện nên tôi biếu bỏ, và xướng lên cái thuyết cực đoan ; nếu có ai trách tôi vì giận rận đốt áo thì tôi cam chịu. Song cũng xin cho tôi nói một câu cho hết lẽ rằng : hễ còn để cái áo ấy hoài thì còn có rận hoài.

---

[1] Thấy trong bài *Cái ảnh hưởng Khổng giáo ở nước ta* của tôi đăng ở *Thần chung* năm ngoái (nguyên chú của PK).

Nguyên cái bài của tôi là bài phê bình sách *Nho giáo*. Phận sự của tôi chỉ là soát lại sách *Nho giáo* nói về trung dung có đúng với trung dung của Khổng Tử không, thế thôi ; chớ còn bổn thân cái trung dung nó ra làm sao, tôi đã chịu rằng không thể đem mà nói ở đó. Cho nên những câu nói về ý kiến của tôi đối với trung dung, chẳng qua là đới thuyết. Vậy mà tiên sanh lại nhè chỗ đó biện luận cho thêm rườm rà, còn cái sự một đằng nói *khó*, một đằng nói *dễ*, là chỗ cốt ý của tôi, thì hình như tiên sanh không chú ý mấy. Bởi vậy, về điều nầy tôi cũng chưa có thể phục những lời bác luận của tiên sanh.

4. Về điều Khổng giáo với khoa học, Trần tiên sanh cũng đã nói lệch với cái nguyên ý của tôi. Nguyên ý của tôi chỉ có như vầy : Ở nước ta bây giờ đây, có nên theo khoa học hay không ? Không, thì thôi ; nếu nên theo thì những điều gì của Khổng giáo ta vẫn tin xưa nay mà trái với khoa học thì ta phải bỏ. Chớ tôi chẳng hề trách Khổng giáo sao không chú ý đến khoa học mà tiên sanh phải cắt nghĩa cho phiền.

Về chỗ Khổng giáo trái với khoa học, trong bài phê bình của tôi, không thể chỉ rõ ra được, cho nên tôi nói lược rằng : "Đại để Khổng giáo chỉ nói cái lẽ đương nhiên mà không nói đến cái lẽ sở dĩ nhiên, bảo người ta phải làm như vậy mà không cắt nghĩa cho người ta tại làm sao phải làm như vậy. Về chỗ đó, Trần tiên sanh dẫn lời tôi rồi cắt nghĩa tại làm sao mà thôi, chớ không bác tôi được. Vậy thì tiên sanh cũng đồng ý với tôi chỗ đó. Vậy thì chỗ đó, chỗ Khổng giáo không nói đến cái lẽ sở dĩ nhiên đó, là chỗ trái với khoa học. Vì khoa học dạy người ta phải tìm đến cái lẽ sở dĩ nhiên.

Nhớ đâu nói đó, tôi xin kể ra lấy một câu. Trong *Luận ngữ*, có lần Diệp Công hỏi việc chánh, ngài đáp rằng : "Cận giả duyệt ; viễn giả lại."[1] Như những chỗ ấy, chỉ nói về *quả* mà không nói

[1] Thiên *Tử Lộ*, XIII.

đến *nhân* : biểu làm sao cho "kẻ gần đẹp, kẻ xa về", mà không dạy cho cái phương thế (*moyen*), thì dầu chính Trần tiên sanh cũng không nghe được, chớ đừng nói khoa học.

Tôi nói Khổng giáo có nhiều điều trái với khoa học. Trần tiên sanh nói không rõ những điều ấy là điều gì. Vậy tôi xin cử ra lấy một điều, là cái thuyết "minh đức tân dân".

Sách *Đại học*, theo Chu Tử thì có ba cái cương lãnh là *minh đức, tân dân, chỉ chí thiện* ; rồi có tám cái điều mục, mà tóm tắt lại là *tu thân, trị quốc, bình thiên hạ*. Tu thân về phần minh đức, trị bình về phần tân dân. Cái thuyết của sách *Đại học* đây, đại ý là : trước hết mình phải tu thân cho nên người trọn vẹn, rồi lấy mình mà cảm hóa mọi người từ gần đến xa, tức là do nhà ra nước, ra thiên hạ, theo như sách ấy dạy rằng : "Người quân tử chẳng ra khỏi nhà mà làm nên giáo hóa trong nước ; chưa hề có ai học nuôi con rồi sau mới gả lấy chồng."

Khoa học trọng chứng cứ và thiệt nghiệm. Cái thuyết *minh tân* chỉ là một cái lý tưởng cao siêu, chớ đem mà đối chiếu với lịch sử thì không thể chứng nghiệm là thiệt được. Theo khoa học ngày nay, chánh trị học hay là xã hội học cũng đều không nói như vậy ; nên tôi nói là trái nhau. Huống chi, theo các việc người Tây hiện làm bây giờ, chẳng có việc gì không học mà làm được ; vậy mà bảo cứ minh đức rồi thì tân dân được ngay, như đàn bà không học nuôi con cũng lấy chồng được ngay, thì chẳng là tương phản là gì ?

Trần tiên sanh nói : Dầu có những điều trái nhau ấy nữa chẳng qua là Khổng tử nói những điều thích hạp với cái trình độ của người đời Xuân thu ; rồi tiên sanh lại nói trong Khổng giáo có cái nghĩa tùy thời. Nếu vậy thì hai ta thôi còn biện bác nhau chi nữa ? Xã hội đời Xuân thu là cái xã hội tông pháp, thì ngài xướng cái nghĩa minh đức tân dân là phải, còn cái xã hội ngày nay, thiên hạ xu hướng(*)

(*) Bản gốc là *xu xướng*, có lẽ in lầm, ở đây sửa lại.

về tự do bình đẳng, tự nhiên phải bỏ cái nghĩa minh đức tân dân. Sự biến đổi ấy chẳng qua là tùy thời, chẳng có lạ gì hết, cũng như hồi Xuân thu, con gái không học nuôi con, cứ việc gả lấy chồng ; còn đời nay, trước khi lấy chồng, các cô phải học nuôi con đã.

Về sự cái thuyết minh đức tân dân trở ngại cho khoa học thế nào, trong bài *Cái ảnh hưởng của Khổng giáo ở nước ta*, tôi nói rõ lắm. Tôi cho là hễ chúng ta còn cái quan niệm ấy ở trong đầu thì nó chèo kéo với khoa học, không sao theo khoa học được, cho nên tôi bảo phải cạo đi cho sạch.

Cái đại ý của Trần tiên sanh chỉ có *muốn người mình theo khoa học mà đừng bỏ cái tâm học của mình*. Còn theo tôi thì *cái tâm học của mình tôi cũng không bỏ, duy tôi chọn ra từng cái, cái nào không thích hợp thì tôi bỏ*. Như cái thuyết của *Đại học* mới nói trên đây, về sự tu thân, gồm những chánh tâm, thành ý, thì tôi không bỏ ; song đem cái sự tu thân ấy nhập với trị quốc bình thiên hạ, cho rằng hễ minh đức được, tức là tân dân được, thì tôi nhận là trái với khoa học đời nay, tôi khuynh hướng về khoa học, tự nhiên tôi phải bỏ đi, tôi không tin như vậy nữa.

Tôi biết rằng về chữ khoa học đây, Trần tiên sanh dùng theo nghĩa hẹp, còn tôi dùng theo nghĩa rộng, nên cái mũi nhọn hai bên không đối nhau cho lắm. Song sự đó, tôi cho là vô hại, vì cái ý kiến của tiên sanh với của tôi nó khác nhau là khác từ gốc kia.

Đây sắp xuống tôi theo chữ khoa học nghĩa hẹp như tiên sanh mà nói một ít nữa.

Tiên sanh nói bên Tây có nhiều nhà thức giả chán nản khoa học. Sự đó tôi vẫn biết, thật có một phần rất ít như vậy. Lấy đại thể cả Âu Mỹ mà nói, thì phần rất ít ấy có ăn thua vào đâu ? Huống chi dầu có vậy đi nữa, thì cũng tại họ đã thừa rồi họ mới chán nản ; còn mình chưa có mà lại cần có, thì thế nào cũng phải đeo đuổi theo mới đặng. Mình ưng đi xe hỏa cho mau, thắp đèn điện cho sáng, thì

ai cho phép mình chán nản khoa học được ư ? Nếu có ai phản đối khoa học thì xin làm như cái ông đi đất ở trần mà kéo vải kia ; còn như phóng ô tô, đứng trong một chỗ diễn đàn rực rỡ, dưới chân lót mã nhục, trên đầu tréo qua tréo lại những dây kết hoa, quạt máy chạy tít, đèn điện sáng choang, mà diễn thuyết phản đối khoa học thì tôi xin lạy !

Tiên sanh lại nói : "Ta nay thấy người cường thạnh, thì ai ai cũng háo hức theo người, biết đâu rằng cái cường thạnh ấy lại không có cái nguy cơ nằm sẵn đó rồi". Tiên sanh cứ hay dùng chữ "biết đâu" thiệt tôi không chịu. Nhưng biểu lấy đại ý thì chỗ nầy chắc tiên sanh muốn đổ tội khoa học về cuộc đại chiến 1914-1918 mà hô lên rằng "Khoa học phá sản" như nhiều kẻ khác đó chi ? Nếu kéo dài ra đến chuyện nầy thì khó mà một vài lời cho hết lẽ được, xin để khi khác.

5. Về điều quân quyền với chủ quyền thì tôi tưởng trong lời phê bình của tôi đã rõ ràng lắm, Trần tiên sanh bác lại, dầu tôi không phục cũng phải làm thinh, vì chẳng biết còn lời chi nói cho rõ hơn nữa ! Tôi nhớ hồi Khương Hữu Vi chủ trương cái thuyết lấy Khổng giáo làm quốc giáo (*religion nationnale*) cho nước Tàu, cũng có nói từa tựa như Trần tiên sanh đây, cũng nói quân quyền tức là chủ quyền ; song cái việc sờ sờ trước con mắt mà cắt nghĩa ra như vậy, thật tôi đến chết cũng không hiểu !

Nay tôi chỉ nói thêm rằng : Dầu cái quân quyền mà Trần tiên sanh nói đó có tức là chủ quyền chăng nữa, là cái thuyết trung quân của Khổng Tử cũng không có thể dung được trong các nước dân chủ ngày nay. Khổng Tử trong ba tháng không có vua thì ra tuồng băn khoăn[1] ; vào cửa vua thì cúi mình xuống, dường như chẳng lọt ; đi ngang qua cái ngai không, sắc mặt cũng xửng vửng ; lên

[1] Thấy trong sách *Mạnh Tử* (nguyên chú).

nền nhà, nín hơi như chẳng thở[1]: những cái kiểu đó chẳng còn xài được cho một người nào ở nước Pháp, nước Mỹ, cho đến nước Tàu ngày nay.

Nói chi thì nói chớ chữ "souverain peuple" trong tiếng Pháp, xin tiên sanh có dịch cũng dịch là "dân chủ" cho người ta dễ nghe ; nếu theo ý tiên sanh dịch là "dân quân", tôi thì chịu được, song có điều khí lạ tai nhiều người một chút !

Lại xin nói một câu nữa cho hết ý : Nếu cái nghĩa trung quân của Khổng Tử cũng tức là trung với chủ quyền như tôi nói về sự nhân dân các nước dân chủ trung với hiến pháp, thì cái nghĩa ấy lại thông hành ở đời nay được, song thế nào cũng phải đổi chữ "quân" làm chữ "chủ" cho khỏi hiểu lầm.

Tóm lại, Trần tiên sanh bác lại tôi cọng cả là sáu điều, trừ ra một điều về hữu thần vô thần, tôi xin bái giáo tiên sanh, còn năm điều tôi liệt ra trên đây, tôi chưa phục vì những cớ tôi đã chỉ ra đó.

Trước kia tôi có cử ra ba điều nghị luận của Mạnh Tử không hiệp với luận lý học ; mà cách nghị luận của Trần tiên sanh trong năm điều đây có hơi giống của Mạnh Tử điều thứ hai và thứ ba. Nói rõ ra, ấy là *biến canh luận điểm* (*changement de point*) và *không tế nhận danh từ (terme) cũng mạng đề (proposition)*. Bởi vậy tôi xin nhắc lại cho tiên sanh và xin tiên sanh nói chuyện cùng tôi trong vòng luận lý học. Lần nầy cũng như lần trước tôi chỉ có một tấm lòng ngay thật.

PHAN KHÔI

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn, s. 63 (31.7.1930) ;
s.64 (7.8.1930)

---

[1] *Luận ngữ*, Hương đảng, X (nguyên chú).

VỀ CÁI Ý KIẾN LẬP HỘI "CHẤN HƯNG QUỐC HỌC" CỦA ÔNG PHẠM QUỲNH

Tôi viết bài nầy có ý đáp lại bài ông Phạm Quỳnh trả lời cho tôi về bài "Cảnh cáo học phiệt", bài trả lời mà độc giả đã thấy trong *Phụ nữ tân văn* số 67. Tuy vậy, tôi lại có ý không để cho việc nầy thành ra cuộc tranh biện vô ích, nên tôi mới tiêu đề như trên kia, chỉ rút một cái yếu điểm trong bài của ông Phạm ra làm vấn đề nghị luận mà thôi.

Dẫu thế mặc lòng, trước khi nghị luận về chỗ yếu điểm đó, xin độc giả cho phép tôi diễn chung quanh nó một vòng, nghĩa là tôi muốn đả động tới một vài chỗ trong bài ông Phạm mà có dính dấp với cái yếu điểm đó.

Trước hết tôi xin nói cho dứt khoát về việc quan hệ giữa ông Phạm và tôi mới rồi. Cái bài "Cảnh cáo" của tôi mà ông cho là "làm án", cái đó tôi không dám nhận. Hết sức tôi thì tôi chỉ nhận nó đến một cái khống trạng (*un procès*) là cùng. Trước mặt cái tòa án nào không biết, tôi tố cáo một hạng "học phiệt", trong đó có ông Phạm Quỳnh, là như vậy đó ; rồi nay ông Phạm có bài biện bộ (*plaidoirie*) mà tự cãi lẽ lấy cho mình là vậy đó. Vậy thì hai bên khúc trực thế nào, chắc ông cũng đồng ý với tôi mà đợi tòa phân xử, tôi không còn nên nói về việc ấy nữa làm chi.

Vụ kiện đó tha hồ cho tòa triển hoãn (*renvoyer*) đến bao giờ cũng được, tôi ví chẳng khác như người thọc vô đó một lá đơn rồi trở về kiếm phương kế làm ăn. Độc giả biết vậy rồi sẽ tin rằng dưới

nầy là công việc làm ăn của tôi, chớ không còn kiện cáo ai nữa.

Trong bài trả lời, Phạm tiên sanh có nói rằng : "Đối với một cái dư luận còn bỡ ngỡ như vậy, tưởng cũng không nên câu nệ cho lắm. Không nên coi thường dư luận, nhưng cũng không nên làm nô lệ cho dư luận. Có nhiều điều dư luận nhao nhao lên đó mà người thức giả nên làm thinh".

Đối với cái ý tưởng của Phạm tiên sanh trong đoạn đó, tôi phục nửa phần, còn nửa phần tôi không phục. Cái dư luận của ta đây thật đương còn bợ ngợ non nớt thật ; đã là người thức giả thì không nên làm nô lệ nó. Nhưng mà không phải là mạt sát đi hết ; cái dư luận nào đáng để ý thì ta cũng không nên coi thường. Chỗ đó, tôi xin đồng ý với tiên sanh. Đến như cái dư luận nhao nhao, trong ý tiên sanh cho là không chánh đáng đó, mà tiên sanh biểu nên làm thinh đi, thì chẳng là trái với cái sơ tâm của người thức giả ?

Theo tôi, bất kỳ cái dư luận nào, nếu là việc chung giữa xã hội, thức giả cũng chẳng nên làm thinh. Mình đã tự mạng là thức giả, thì phải đi kèm một bên dư luận luôn luôn. Không nên làm nô lệ cho dư luận, như lời tiên sanh đó, phải rồi ; song tôi còn muốn tới một bước nữa, người thức giả phải làm hướng đạo cho dư luận.

Nói "hướng đạo", thì nghe ra giọng đàn anh quá, có lẽ làm phật ý nhiều người. Tôi xin nói một cách dè dặt hơn mà rằng : Người thức giả phải làm "ngự sử" cho dư luận. Ở trong xã hội nầy, bất kỳ thấy việc gì trái, mình có ngôn trách thì phải nói, cũng như các quan ngự sử thấy ông vua có điều lỗi gì là phải can.

Trong những cái dư luận nhao nhao lên đó, cái nào mình can thiệp đến không tiện thì thôi, còn có thể can thiệp thì tôi tưởng bất kỳ việc lớn nhỏ, người thức giả đều nên can thiệp mà đính chánh lại. Có vậy mới mong cái bợ ngợ thành ra quen tay, cái non nớt thành ra già giặn, dư luận dần dần trở nên chánh đáng là nhờ đó ; bằng chẳng vậy, trong xã hội ai cầu có những trang thức giả làm chi ?

Coi đại ý cả bài thì thấy ra đối với dư luận, Phạm tiên sanh không

muốn can thiệp. Mà cái ý kiến đó hiện nay cũng có nhiều người chủ trương. Ấy là cái thái độ tiêu cực. Cứ ngồi đó mà coi dư luận nó đi đường nào trối mặc, nó khôn hay nó dại thây kệ, rồi tự cao một mình, ôm bụng mà cười những cái bợ ngợ non nớt của nó, như vậy sao cho nỡ ?

Tôi xem ý chừng như Phạm tiên sanh đối với dư luận lại còn hờn mát nữa. Từ ngày *Nam phong* mới ra đời tiên sanh hăm hở phê bình sách *Giấc mộng con* của ông Nguyễn Khắc Hiếu, bị một phái kia ác cảm, rồi tiên sanh nguýt một cái như cô Kiều, "cuốn giây từ ấy về sau xin chừa" ! Sự ấy làm cho trong học giới có nhiều người thất vọng.

Cho đến bây giờ đây, tiên sanh cũng còn nói trong bài trả lời cho tôi rằng : "Nay muốn cho cõi học được vui vẻ sầm uất, không cần phải dùng đến những cách thanh đông kích tây, nay công kích người nầy mai phản đối người nọ, để làm một trò chơi cho khách bàng quan".

Câu ấy chắc tiên sanh có chỉ vào người nào việc nào đó mà nói, song le bổn phận tôi không tìm tòi bới móc ra làm chi. Tôi chỉ xin nhắc lại cho tiên sanh đừng có đánh xô bồ sự biện luận phải quấy với sự công kích riêng tây lại làm một. Nếu không hỏi đến bổn chất của những điều họ công kích phản đối nhau là thế nào, mà cứ một mực cho rằng đó là thanh đông kích tây đó, nay công kích người nầy mai phản đối người nọ đó, như vậy thật chẳng khác nào phơi thêm ra một cái tang chứng nữa cho người ta vin lấy mà khống cáo mình là mạt sát dư luận, chuyên chế dư luận.

Bỏ việc chánh trị ra ngoài không nói, chỉ nói những việc thông thường, thì tôi thấy hiện nay trong xã hội ta còn biết bao nhiêu điều chướng tai gai mắt. Rất đỗi có những lời ra từ các bậc thượng lưu trong xã hội mà cũng sai lầm trái ngược không thể nghe được. Những sự chướng tai gai mắt, sai lầm trái ngược đó, nó có hại cho xã hội chăng ? Nó có phải do cái tinh thần học vấn bạc nhược như

tiên sanh đã nói mà ra chăng ? Quả vậy, thì nếu có người đứng ra mà công kích phản đối những điều đó, là có ích lắm chớ, là sự cần có lắm chớ, tưởng không nên đánh xô bồ mà mạt sát đi hết.

Cứ theo ngu ý tôi thì sự biện luận để mà phá toan những điều sai lầm đó là rất cần cho học giới ta ngày nay. Không có sự ấy thì cái nền "Quốc học" mà tiên sanh muốn được thành lập sau nầy, cũng không thể nào thành lập nổi. Bởi vì nước ta từ xưa đến nay đã chưa có cái học thuật gọi là chơn chánh, mà hầu hết người trong xã hội lại còn sống trong cái di độc của cái học khoa cử và của cái tư tưởng Tống nho. Đó là những đám chông gai mà chúng ta trước phải phát dọn đi rồi sau mới đem hột giống vãi lên được. Nếu trong khi có người ra công phát dọn chông gai ấy, tiên sanh lại mỉa rằng khéo làm trò chơi cho khách bàng quan, thì chẳng hóa ra tiên sanh cũng vẫn còn coi thường dư luận đó ư ?

Tiên sanh nói rằng cái tinh thần học vấn của người mình quá bạc nhược. Xưa kia động ra thì giở ông Khổng, ông Mạnh, ông Chu, ông Trình, bây giờ động ra thì giở khoa học với luận lý, dân chủ với dân quyền. Rồi tiên sanh quyết rằng đó là nghe người ta nói mà nói theo, chớ vị tất đã hiểu cho đến chỗ tinh vi.

Thật thế, cái bịnh của sự học vấn người mình là ở chỗ đó. Trong sự học của ta xưa nay tuyệt nhiên không có cái quan niệm "cầu chơn", không cố tìm cho thấy lẽ thật. Nay muốn chữa cái bịnh ấy, tôi thiết tưởng chẳng có phương thuốc gì thần diệu bằng sự biện luận. Bởi vì sự cãi cọ nầy ra ánh sáng của chơn lý.

Nói về sự học của cá nhân, còn có nhiều đường ; chớ nói về sự học của một bọn người, của một dân tộc thì ngoài sự biện luận ra, chẳng có tìm cái sự học vào đâu được cả. Trái với tiên sanh, tôi lại thấy rằng cái quang cảnh vui vẻ sầm uất trong cõi học là hiện ra ở chỗ đó. Chỉ tại mình đừng đánh xô bồ mà coi nó là sự công kích tây riêng thế thôi, chớ sao lại "không cần"?

Muộn quá, đến đây tôi mới nhập đề. Cũng vì phải giãi bày những

lẽ trên kia đã rồi mới nhập đề được.

Cái ý kiến của tiên sanh muốn lập một hội kêu bằng "Chấn hưng quốc học" đó, theo tôi, tôi tưởng ta chưa làm được ; mà cái hội ấy hình như cũng không cần có nữa. Nhơn rốt bài của tiên sanh, có lời hạ vấn đến tôi, tôi phải trực trần ý kiến, xin chớ ai thấy mà trách tôi : làm không làm, lo phá đám !

Trước hết xin gạn hỏi cái tên hội mà tiên sanh phỏng định ra đó. Phàm cái gì từ trước đã có sẵn rồi mà sau suy bại đi, mình muốn làm cho nó hồi phục lại cái quang cảnh cũ, vậy mới nói là "chấn hưng" được. Cái nầy nền "Quốc học" của nước ta, tiên sanh đã nhận rằng từ xưa chưa có, mà tôi cũng từng nhận như vậy, thì sao gọi được là "chấn hưng" ?

Nhưng cái điều không quan hệ đó hãy bỏ qua đi. Bây giờ tôi xin cắt nghĩa tại sao mà ta chưa làm được.

Giả sử ngày nay ta có một cái hội về tánh chất học vấn như vậy thì nó lại còn sanh ra nhiều vấn đề khó khăn hơn các hội khác nữa kia. Nói nội một cái tư cách người vào hội, thì chúng ta sẽ căn cứ vào đâu ? Hội đó chắc sẽ phải lấy tinh những hội viên bằng nhà văn học ; song ở nước ta bây giờ đây, theo cái chuẩn đích nào mà chỉ cho người nầy hay kẻ kia là nhà văn học được ? Đã vậy thì trong xã hội e không khỏi có người lạm dự. Mà đã lạm dự thì sẽ sanh ra lắm cái hiện tượng hiểm nghèo lắm : Một là đối với cái nghị án nào cũng vâng vâng phải phải hết, thì có ích chi ? Hai là cãi bướng cãi ngang, như cãi rằng : "Chữ quốc ngữ viết thế nào hiểu được thì thôi", rồi còn kiện với ai được nữa !

Nội chừng nấy đó đã đủ cho ta dự liệu rằng sự lập hội về văn học là sự ở ta đây làm chưa được. Huống chi, theo ngu kiến tôi lại là sự không cần.

Sự lập hội như vậy ở các nước có nhiều lắm. Ở Nhựt Bổn, những hội ấy, họ kêu chung là "văn nghệ đoàn thể". Vì trong nước họ nhà văn học đông đúc lắm. Rồi tựu trung, những người nào

đồng một nghệ nghiệp, đồng một khuynh hướng mới cùng nhau lập riêng một hội, như làm thơ thì có hội làm thơ, phê bình thì có hội phê bình, để mà quan ma tư ích(*) cho nhau. Ở bên Tàu, trong khoảng hơn mười năm nay cũng có nhiều hội có tánh chất về văn học nổi lên như vậy.

Chúng ta thật không nên dối mình. Cái giống chi, chớ cái giống văn học ở nước ta hiện nay thiệt còn hiếm quá. Bây giờ đây, ta cần phải nhen nhúm dần dần cho mỗi ngày một đông nhiều ra, rồi mới mong được có sự lập hội như các nước ở ngày sau.

Cái gì thì nên hiệp lại, chớ sự học thì lại nên chia ra. Nhờ chia ra phái nầy phái khác mà đối địch cùng nhau, rồi sự học mới mau tấn bộ ; chớ còn hiệp lại, làm cho cái tư tưởng cả nước phải ở dưới một cái quyền nhứt thống nào, thì thật là bất lợi, vì cái tư tưởng sẽ cầm chừng lại một chỗ mà không nẩy nở ra được. Vậy nếu ta đây có một cái hội, dầu cái mục đích không phải chấn hưng mà là sáng tạo một nền quốc học đi nữa, thì tôi cũng sợ cho cái hội ấy sẽ giảm tư tưởng của quốc dân, nên tôi nói là không cần.

Tôi đã không đồng ý kiến với ông Phạm về sự lập hội, mà tôi cũng đã theo gót ông để xướng rằng lập cho nước ta một nền học thuật, thì tôi phải có cái hoài bão của tôi, tôi phải có cái chương trình của tôi. Vậy tôi xin giãi bày cái ý kiến riêng của tôi như sau nầy.

Muốn cho đạt được cái mục đích ấy, theo tôi, bây giờ ta nên dụng công cả vừa hai phương diện. Một là về phương diện phá hoại; một là về phương diện kiến thiết.

Tùy theo con mắt tôi thấy, trong nước ta đây, cái gì tôi cho là cái tư tưởng hủ bại, không hiệp với thời đợi, tức là cái di độc của khoa cử và của Tống nho, thì tôi nguyện tảo trừ đi cho sạch. Cùng trong lúc đó, tôi biết cái gì là hay, là phải, bất luận của đời xưa đời nay, phương Đông phương Tây, tôi xin đem mà cống hiến cho mọi

(*) *quan ma tư ích* : (chưa rõ nghĩa).

người. Trong khi cống hiến một cái gì đó, tôi phải biết cái ấy cho tới đầu tới đuôi, đến nơi đến chốn, mà nói ra một cách rất phân minh có thống hệ. Nhứt là cái tệ "nghe người ta nói, mình cũng nói, vị tất đã hiểu đến chỗ tinh vi", mà ông Phạm Quỳnh chế bác đó, tôi phải hết sức chừa đi.

Tôi xin nói luôn rằng muốn làm được công việc đó thì trước hết tôi phải trau dồi cái lợi khí của tôi cho thêm bén sắc, tức là phải dụng công về chữ và văn quốc ngữ. Chữ phải viết đúng, đừng để cho kẻ khác có thể hiểu lầm ; văn phải viết cho thật đâu ra đó như cái tờ giao kèo hay lời quan tòa kết án ; đào đất mà chôn những cái giọng văn khoa cử ngày xưa đi cho tuyệt. Tôi chưa thi hành cho như ý được, song cái chương trình của tôi, đại lược như trên đó, thì đã nhứt định rồi. Lại đồng thời tôi cũng đem cái chương trình của tôi đó mà cống hiến cho những người có học trong nước. Tùy ý ai có cho là thích hạp với mình thì cứ việc dùng.

Nói rằng : "lập một nền học thuật mới riêng cho người Việt Nam", hay là nói "lập một nền quốc học", những danh từ đó cần phải có giải thích. Nói "lập" đó, chẳng phải là do ý chí và công cán của một vài người. Trong chữ "một nền" cũng không có cái nghĩa đơn độc và thuần nhứt. Vả lại việc ấy mà có thành ra nữa cũng phải trải qua một thời kỳ lâu lắm, chớ chẳng phải hễ lập ra thì được ngay. Tôi thử tưởng tượng ra một cái lịch trình như vầy :

Giả đò cái chương trình của tôi đó là thích dụng cho phần nhiều người háo học trong nước, họ cũng theo cái chương trình ấy mà làm như tôi. Mỗi người lại theo phương pháp mà tự do nghiên cứu về môn học nào mà mình ưa thích. Sau khi nghiên cứu được cái gì, đem mà cống hiến cho học giới, thì những người khác tham gia vào mà thảo luận, như ông Trần Trọng Kim cùng tôi thảo luận về Khổng giáo vừa rồi đó. Làm như vậy, chẳng những giục giã cho kẻ học phải càng ngày càng nhắc cái trình độ học vấn mình lên cao, mà cũng khiến cho nhứt ban xã hội nô nức vì cái hứng thú của sự

học. Rồi dần dần những người tự do nghiên cứu thêm đông ra, những học thuyết thêm nhiều ra, tư tưởng nầy cọ với tư tưởng kia, học thuyết nầy đánh với học thuyết nọ, cái nào không thích hạp với thời đợi thì tiêu đi, cái nào thích hạp thì còn lại ; những cái còn lại đó sẽ được kêu chung là "một nền quốc học".

Cái nền quốc học ấy là tổ hiệp, không phải đơn độc ; là phức tạp, không phải thuần nhứt. Nó sẽ được thành hình ra trong năm bảy mươi năm hay là một trăm năm sau nữa, nếu chúng ta bắt đầu làm cho nó đậu thai từ ngày nay.

Cái kế hoạch (*projet*) của tôi đó không luận hay dở thế nào, nó là một cái kế hoạch, vì tôi phô bày ra một cách cụ thể cốt cho rõ ràng để nghe. Theo cái kế hoạch ấy thì sự biện luận rất cần cho ta ngày nay, chẳng những về sự học vấn mà thôi, cho đến mọi việc thông thường cũng vậy nữa. Cho nên trong bài này tôi phải để dành một phần lớn, coi là trọng yếu, mà biện nạn với ông Phạm Quỳnh về cái thái độ tiêu cực đối với dư luận, tôi quyết mời ông ra can thiệp tới dư luận, không chịu ông làm thinh.

Tôi chủ trương rằng ta phải tích cực mà đối với các cuộc biện luận. Vì theo cái kế hoạch tôi, về phương diện phá hoại về phương diện kiến thiết, ta đều phải cần dùng tới nó cả.

Tôi nhiều khi được tiếp chuyện các ông có học thức, thấy ông nào cũng phàn nàn rằng người Việt Nam ta rất kém hay là không có cái óc phê bình (*esprit de critique*). Nay muốn nuôi cái óc ấy thì đối với dư luận rất không nên hướng về tiêu cực.

Cái óc phê bình không có, nghị luận không rành, thì dầu cho ở trong một cái hội nào, được tự do bàn bạc, cũng chỉ vâng vâng, phải phải mà thôi. Cho nên, nếu muốn thiệt hành cái ý kiến lập hội của ông Phạm Quỳnh, lại càng cần phải luyện tập sự biện luận.

PHAN KHÔI

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn, s.70 (18.9.1930)

BÚT CHIẾN *TRUNG LẬP – ĐUỐC NHÀ NAM*

Lời dẫn của người sưu tầm. *– Như Phan Khôi ít lâu sau (*TL. *19.7.1930) sẽ nói rõ : những bài bút chiến với báo* Đuốc nhà Nam, *những bài phê bình đảng Lập hiến ở Nam Kỳ, tuy ký tên tòa soạn* Trung lập *nhưng đều do Phan Khôi viết.*

Dựa vào khẳng định trên, tôi tập hợp một số bài ký Trung lập *từ 20.6.1930, khởi lên từ mục* "Ý kiến Trung lập", *về sau vượt khỏi mục đó để trở thành những bài báo dài, trong phạm vi bút chiến với* Đuốc nhà Nam, *sau đó là loạt bài* Về các cuộc biểu tình ở Nam Kỳ vừa rồi *và loạt bài* Nói về đảng Lập Hiến *ở Nam Kỳ, xen kẽ vào đây còn có thêm các bài nhỏ thể hiện các đối đáp với báo* Đuốc nhà Nam. *Như khẳng định của chính tác giả, các bài này đều thuộc ngòi bút Phan Khôi.*

L.N.A.

Ý KIẾN *TRUNG LẬP* : PHẢI NÓI MINH BẠCH

Nếu "Trung lập" nói bậy thì thế nào là ý kiến ông Nguyễn Phan Long ?

Từ bữa ở Nam Kỳ ta xảy ra mấy việc lộn xộn, đầu nọ biểu tình, đầu kia tụ hợp, dân khí đương sục sục như nước trên lò, dân tâm đương phừng phừng như lửa trong bếp, khẩn cấp là thế, nghiêm trọng là thế, mà các nhà lãnh tụ đảng Lập hiến lại có cái can đảm dắt nhau đi thẳng lên dinh phó soái để nhắc lại chủ nghĩa đề huề và tuyên bố cái chánh kiến phản cọng, thì cái thái độ của đảng Lập hiến nó rõ rệt là dường nào, trừ phi những kẻ mắt đui tai điếc, đối với thời cuộc nhứt thị mang nhiên(*), thử hỏi còn ai là người không trông thấy.

Lại nhứt là từ bữa các nhà lãnh tụ Lập hiến ở dinh phó soái ra về chi hậu, mà trên mặt tờ báo cơ quan của đảng Lập hiến là *Đuốc nhà Nam* trước hết thấy đăng bài *Hỡi đồng bào* rồi kế đó lại đăng tiếp bài *Ngỏ cùng đồng bào thương dân* của ông Nguyễn Phan Long, thì cái xu hướng của *Đuốc nhà Nam* lại cũng rõ rệt là dường nào, trừ phi những kẻ quê mùa dốt nát, đọc không nổi tờ báo quốc văn, thử hỏi còn ai là người không trông thấy ?

(*) *mang nhiên*: không biết gì cả (theo Đào Duy Anh: sđd.)

Thấy đảng Lập hiến đứng ra trợ lực với chánh phủ ai sao không biết, chớ riêng phần chúng tôi, thì chúng tôi hết sức lấy làm vui mừng.

Thật vậy, giữa lúc trong xứ rối ren dân tình tao nhiễu, nếu chẳng phải là bọn người thù của chánh phủ, thì ai lại muốn làm chi cái chuyện chế dầu vô lửa hoặc khoanh tay ngồi ngó mà không hiến thành trợ lực ngõ giúp đỡ cho chánh phủ gìn giữ lấy trị an, duy trì lấy trật tự ?

Tiếc cho chúng tôi đây là những kẻ vô tài vô lực, hai bàn tay trắng một ngọn bút quèn, trong nhà không sắm nổi một bánh xe hơi, ngoài đồng không cày được một tấc ruộng khẩn, như thế, nếu đứng ra tuyên truyền phản cọng, sao cho khỏi ngợ miệng ngợ mồm ? Phương chi, chúng tôi vốn chẳng phải là nghị viên quản hạt hay hội đồng thành phố gì, nhắm lại chẳng qua cũng là bọn "vô uỷ nhiệm" thì dầu có nói ra cũng chưa chắc đã được có người nghe, vì vậy mà sau khi đã ba lần nghĩ kỹ, chúng tôi thật không hề dám nhớm khỏi cái địa vị trung lập của chúng tôi lấy nửa bước.

May đâu lại sẵn có các ngài trong đảng Lập hiến xăn tay vỗ ngực đứng ra mà phù trợ cho chánh phủ trong dịp nầy, thì còn có gì làm cho chúng tôi vui mừng hơn nữa ? Các ngài là những kẻ có tiền tài, có thế vị, dưới có uỷ nhiệm của nhơn dân, trên được tín nhiệm của chánh phủ, đối với phía người Pháp thì đã có tờ báo chữ Tây, mà quay về với dân An Nam lại cũng sẵn tờ báo quốc ngữ, như thế thì dựng bức phên trước gió, trồng cây cột giữa giòng, muốn cứu cấp lấy cái nguy cơ của thời cuộc, chúng tôi thiết tưởng không còn mặt nào xứng đáng cho chánh phủ ta ỷ lại(*) bằng các ngài hết thảy.

Vì vậy nên chi đối với những bài trường giang đại hải, triệt

(*) *ỷ lại*: nương tựa, trông cậy vào.

thiết thâm đinh(*), mà quý đồng nghiệp *Đuốc nhà Nam* đã in ra và đóng khuôn lại để công kích cọng sản và hiểu dụ nhơn dân, thì chúng tôi vẫn hết sức lấy làm trân trọng xem cũng quý hóa chẳng khác nào như những lời thông cáo của chánh phủ ; nhơn đó chúng tôi mới lật đật trích đăng vào tờ *Trung lập* nầy cốt để cho những lời vàng ngọc của *Đuốc nhà Nam* và những cái ý chỉ cao siêu của đảng Lập hiến được phổ cập trong dân chúng một cách rộng rãi hơn, ngõ duy trì lấy cái bụng trung thành của nhơn dân đối với chánh phủ.

Ấy, trong khi trích lục những bài khuyến dụ của *Đuốc nhà Nam* qua tờ báo nầy, đồng nhơn chúng tôi vẫn có cái bụng chí thành như thế. Chỉ tiếc vì khuôn khổ của tờ báo chúng tôi thì nó có hạn, mà những cái lý thuyết của đồng nghiệp hữu thì coi bộ dài dằng chưa biết đến đâu là cùng, bởi vậy nên chúng tôi chỉ có thể trích đăng những đoạn trọng yếu hơn hết, còn thì tóm tắt cái đại cương để giới thiệu với độc giả, chớ thật không khi nào là chúng tôi dám tự tiện sửa đổi hoặc thêm thắt vào cho bạn đồng nghiệp những lời mà bạn đồng nghiệp không hề nói ra.

Mà thêm thắt làm gì chớ ? Để gieo mối ác cảm ở giữa dân chúng với *Đuốc nhà Nam* phải chăng ? Quyết là không phải, bởi vì chúng tôi biết rằng cái thái độ *Đ.N.N.* là cứng rắn lắm mà. Ai mà ác cảm với bạn đồng nghiệp cho bằng những người đã rải truyền đơn cổ động tẩy chay đó. Thế mà theo như lời bạn đồng nghiệp, thì cái bọn *anh hùng xó bếp, chí sĩ nằm nhà* ấy, có làm cóc gì được *Đ.N.N,* mà *Đ.N.N* có nao núng chút nào đâu ! Truyền đơn thì mặc truyền đơn, chớ *Đ.N.N.* bài vẫn viết thơ vẫn sắp chữ, máy vẫn chạy, in vẫn số thường, bán vẫn như cũ kia mà ! Nói tóm lại, thì bạn đồng nghiệp có hề biết sợ ai đâu mà chúng tôi phỏng sửa đổi thêm thắt cho sái mất những cái nguyên ý của bạn đồng nghiệp đi cho vô ích.

(*) *triệt thiết thâm đinh* : có lẽ dạng viết đúng là "tiệt thiết trảm đinh", thành ngữ chữ Hán, cũng đọc là "trảm đinh tiệt thiết" – nghĩa đen là "chém đanh chặt sắt", nghĩa bóng trỏ lời nói rất nghiêm thẳng, quả quyết (theo Đào Duy Anh : sđd.)

Không hiểu sao trong *Đ.N.N.* ngày 16 Juin vừa rồi ông Ng.Ph. Long có nói rằng "sự bỏ thuế là một sự không thể nào làm được" và ông lại còn đem những con toán ra mà cắt nghĩa rõ ràng lắm. Bài ông Long viết ra hỡi(*) chưa ráo mực, qua đến ngày 18 Juin trong báo *Trung lập* chúng tôi cũng lặp lại cái đại ý như trên đó, thì lại bị *Đuốc nhà Nam* đứng trước chợ Bến Thành mà mắng rằng *Trung lập* "nói bậy" ; quái thay !

Nghĩ rằng sức giả là đối với hàng mấy triệu con người ta kia mà đến lúc phật ý bạn đồng nghiệp, bạn đồng nghiệp còn không biết nhịn thay, bạn đồng nghiệp còn gọi đó bằng một cách khinh bỉ là đồ "*anh hùng xó bếp, chí sĩ nằm nhà*" thay ; huống chi đối với một tờ báo chết đi sống lại như tờ *Trung lập* nầy, phạm vi thế lực bất quá chỉ quanh quẩn trong vòng mười ngàn độc giả, thì bạn đồng nghiệp có ngại gì mà không dám mắng là nói bậy !

Tuy nhiên, chúng ta nói đây chẳng phải là nói miệng với nhau, mà sự bậy, phải, trong việc nầy rồi đây còn có giấy mực làm chứng cớ. Vậy trong số *Trung lập* tới chúng tôi sẽ tương ra một vài đoạn văn tự mà chính ông Nguyễn Phan Long là tác giả để cho độc giả xét đoán.

Nay đây chúng tôi chỉ xin day mặt lại đảng Lập hiến, day mặt lại *Đ.N.N.*, day mặt lại ông Nguyễn Phan Long mà hỏi một câu cho chắc chắn rằng :

Đuốc nhà Nam mắng *Trung lập* vì *T.L.* đã nói rằng ông Long bảo sự xin bỏ thuế là vô lý. Vậy thì xin hỏi chớ ông Nguyễn Phan Long *công nhận với bọn dân biểu tình rằng sự xin bỏ thuế là chánh đáng phải chăng* ? - Nếu phải, xin ông Long tuyên bố trên *Đuốc nhà Nam* cho chánh phủ ở trên biết với, cho nhơn dân ở dưới biết với, cho *Trung lập* chúng tôi biết với.

(*) *hỡi* : hãy còn.

Rồi thì chúng tôi sẽ nhận liền cái bậy của chúng tôi và sẽ xin lỗi cùng ông Nguyễn Phan Long, cùng *Đuốc nhà Nam*, cùng đảng Lập hiến.

Nói đi !

TRUNG LẬP

Trung lập, Sài Gòn, s.6176 (20.6.1930)

TRUNG LẬP XIN NÓI CHO *ĐUỐC NHÀ NAM* NGHE THẾ NÀO LÀ CÁI NHÃ ĐỘ QUÂN TỬ ?

Cái nầy là tại *Đuốc nhà Nam* phát đoan ra, bữa 18 Juin, mắng *Trung lập* là "*nói bậy*" ; sự vô lễ đó chưa nói tới, kế bữa 19 lại mắng *Trung lập* là "nói dối". Cha chả ! Bạn đồng nghiệp "lên" dữ đa !

Có điều gì sai lầm thì thủng thẳng mà hỏi nhau, việc gì lại vọt miệng mắng người ta là "nói bậy" ? Trong làng ngôn luận, ai cho phép các ông độc quyền hay sao mà dám khinh miệt người ta như thế ?

Không thèm hỏi lại người ta cho tới đầu tới đuôi, tự nhiên đem một tiếng nặng nề mà gia(*) cho nhau, ấy là cái giọng kẻ lớn, ấy là kiểu đối đãi với lũ trẻ mới mở mũi, chúng tôi, đồng nhơn ở *Trung lập*, có phải là người ngồi đây để chịu sự sỉ nhục ấy đâu ?

Vậy mà còn trách người ta là không có cái nhã độ quân tử ! À, không biết thế nào là có cái nhã độ quân tử hè, hỡi bạn đồng nghiệp *Đuốc Nhà Nam* ?

(*) *gia* : thêm ; *gia cho nhau* = thêm cho nhau.

Thôi, dầu nói bậy, dầu nói dối thế nào còn có đó, mỗi người hai con mắt, chẳng ai bưng bịt được ai. Mà cũng chẳng vội chi, trong một số tới, chúng tôi sẽ nói chuyện về những cái đó. Hôm nay đây, chúng tôi xin lấy lòng thành thật đau xót mà tỏ bày mọi lẽ cho bạn đồng nghiệp nghe, nhứt là cho hết thảy đồng bang ta nghe.

Chúng tôi xin nói : Cuộc biến động trong xứ ta đã yên lâu rồi, thế mà mấy bữa gần đây còn gây thêm ra một cái phong trào tẩy chay hai tờ báo cơ quan của đảng Lập hiến, cho đến có sự nói qua nói lại với *Trung lập* đây, đều là tại các ông không có cái nhã độ quân tử. Xin đừng lấy làm lạ, nghe đây !

Sự biến động trong xứ Nam Kỳ ta lần nầy, thiệt là một sự thương tâm chung cho hàng trí thức, chỉ có người nào máu đã lạnh, lương tâm đã tê điếng thì mới chẳng lấy làm quan hoài.

(Tòa kiểm duyệt bỏ một đoạn)

Hồi đó có một bọn đứng cửa giữa, tuy chết trong ruột mặc dầu, chớ ở ngoài vẫn bình yên vô sự, ấy là bọn chúng ta đây. Ai làm sao không biết, chớ chúng tôi khi bấy giờ nghĩ việc đời mà luống những thẹn thầm : Lúc bình thường tự phụ mình là trang trí thức, đủ lòng yêu nước thương dân, mà đến cơn đồng bào khốn đốn, cũng đến phải khoanh tay ngồi ngó ! Mà thiết tưởng, cái sự khoanh tay ngồi ngó ấy, cái sự thẹn thầm ấy, bạn đồng nghiệp há lại chẳng như chúng tôi ? Bạn đồng nghiệp cũng đến phải như chúng tôi !

À ! Ta là nhà ngôn luận đây ! Nhưng trong lúc phong ba bão chướng, hay là lúc "như nhà cháy" ấy mà còn ai ngôn luận được cái gì ? Báo cũ còn cả tập đó, kể từ đầu tháng Mai bước qua đầu tháng Juin, trong một cái thời gian dài đằng đẵng ấy trong lúc "lửa cháy nhà" ấy, hỏi ai đã nói được câu gì có ích cho thời cuộc, bây giờ mở ra đọc thử cho nghe ?

Chúng tôi chịu là bất tài, chỉ có một ngòi viết mà tung hoành không được thì phải thôi, ngoài ra, nếu có cái thủ đoạn gì, trên giữ

được sự trị an cho chánh phủ, dưới khỏi sự thiệt hại(*) cho đồng bào, thì chúng tôi đã nhảy vô mà can dự đến thời cuộc rồi.

(Tòa kiểm duyệt bỏ một đoạn)

Cái sự bất tài đó chẳng những một chúng tôi, gọi là hàng trí thức ở Nam Kỳ đây đều như vậy cả ; nói vô phép, các ông bên *Đuốc nhà Nam* cũng như vậy. Vậy thì nên làm thinh hết thảy đi mới phải, lại còn bới nhau ra làm gì ? Các ông nói có một mình các ông biết lo việc nước đó chi ?

Quả vậy cà ? Nghe đây !

Việc biến động ở Nam Kỳ lần nầy kéo dài ra hơn một tháng, bắt đầu từ ngày 1er Mai mà qua đến ngày 4 Juin mới thiệt yên. Trời ôi ! Nói có mặt đèn làm chứng ! Trong khoảng một tháng bốn ngày, trên các quan lo bỏ ăn bỏ ngủ, dưới anh em liều tay không với súng đạn ấy, chẳng hề thấy các ông đến quan Thống đốc mà xin đổi cách đối phó, hay là rao cho anh em biểu phải đình chỉ cuộc biểu tình. Chẳng hề ! Thiệt là chẳng hề ! Các ông để cho *(Toà kiểm duyệt bỏ đoạn nầy)* đâu đó yên thim thíp rồi, rồi các ông mới bước ra, nói ba điều bốn chuyện, rồi các ông trở lại làm cao với bọn chúng tôi, thiệt các ông tình tệ quá !

Ông Long ! Có phải ông đã nói trong báo ông rằng *Ngày 6 Juin*, quan Thống đốc mời các ông, các ông mới đến không ? Có phải *Ngày 7 Juin*, các ông mới có bài "Hỡi đồng bào" trong tờ báo cơ quan của các ông không ? Có phải qua đến *Ngày 10 Juin* mới có bài "Ngỏ cùng đồng bào thương dân" không ? Đó, ngày tháng rành rành ra như vậy, việc đã yên đâu đó rồi, các ông mới nói, phải nói không thì đã muộn.

Vậy mà các ông lại còn làm cao trong chỗ ấy nữa. *Đuốc nhà Nam* có một chỗ nói rằng quan Thống đốc mời bổn báo chủ nhiệm chớ không phải bổn báo chủ nhiệm tự đến. À phải, các ông cao

(*) bản gốc là *nhiệt hại*, có thể có lỗi in sai, ở đây tạm sửa là thiệt hại.

thiệt. Nếu quan Thống đốc không mời thì các ông có đến làm chi ? Nếu quan Thống đốc không mời thì dân chết mặc dân chánh phủ rồi ren mặc chánh phủ, các ông cũng chẳng thèm vi sử đến, – mà theo như ngu ý chúng tôi thì cái bổn phận làm hội đồng quản hạt của các ông nó buộc các ông phải can thiệp ngay vào việc nầy từ trước kia.

Nói thiệt, soi cho thấu tới cái tim đen các ông nữa, nếu quan Thống đốc không mời các ông đến, thì các ông cũng chẳng hề "hỡi đồng bào" đâu ! Các ông cũng chẳng hề "ngỏ cùng đồng bào thương dân" đâu !

Thấy cái thái độ các ông đó, người ta đã không phục rồi, chưa kể tới lời lẽ trong mấy bài của các ông ra làm sao, đen hay trắng. Điều nầy là chúng tôi nói phỏng chừng : cũng vì sự bất phục ấy mà mới có sự rải truyền đơn phản đối đảng Lập hiến và tẩy chay *Tribune Indochinoise* và *Đuốc nhà Nam*, là hai tờ báo cơ quan của các ông.

Sau khi bị cái sức phản động ấy, các ông chẳng biết tự tỉnh chút nào, lại còn giữ cái kiểu tự cao, coi thiên hạ đều như rác cả, *Đuốc nhà Nam* ngày 17, in chữ to tướng mà nói như vầy : "Xử trí thế nào cho chánh phủ đừng vì cuộc trị an mà buộc phải bắn dân ; xử trí thế nào, cho đồng bào đừng vì tay không mà đưa cái sống nạp cho súng đạn ?".

Thiệt các ông khéo nói ! Bữa đó (7 và 10 Juin) mà còn xử trí chi? (*Tòa kiểm duyệt bỏ một đoạn*) họ đã về nằm nhà rồi còn xử trí chi mà xử trí ?

Vậy mà các ông nói như là các ông đã xử trí được cuộc biến động nầy, chỉ có một mình các ông là biết thương nòi thương nước, còn người ta là rác, là "anh hùng xó bếp" là "chí sĩ nằm nhà".

Lại một đoạn chữ to nữa : "Phải chi họ có can đảm, mà đem tài, đem sức, đem thân, đem máu của họ ra, mà chọi nhau với khí giới, thì còn nói gì, chớ họ chỉ ngồi trong xó giường mà nói cho

sướng miệng, lại thấy anh em ruột thịt đổ máu văng thây ra một cách thê thảm họ còn vỗ tay reo…"

Xin các ông chớ nghi rằng chúng tôi hứng lấy mấy chữ "họ" đó vào mình chúng tôi rồi tức mình mà ra miệng. Không đâu. Đó là các ông nói những người phản đối với các ông, chớ chúng tôi đây từ trước chưa hề phản đối. Có điều chúng tôi xin hỏi : Loài người chớ phải cầm thú gì mà không có lòng trắc ẩn, đến nỗi thấy anh em đổ máu một cách thê thảm mà lại vỗ tay reo ? Chúng tôi thiết tưởng dầu cho đến những người phản đối các ông đó, là họ cũng vì lòng thương nước thương nòi như các ông mà nói, chớ có ai lại đến mất cả lương tâm như vậy ? Người xưa có nói : "Hễ người ta thì muốn điều lành, ai lại chẳng như ta ?" Còn các ông lại muốn để một mình mình làm quân tử, cho thiên hạ là tiểu nhân hết thảy. Như vậy mà biểu ai phục các ông ?

Cái cử chỉ của các ông : việc có dính đến phận sự mình mà không hề đả động tới, đợi cho quan Thống đốc mời mới chịu ra can thiệp, thì việc đã yên tám mươi đời ; kế đó bị người ta chỉ trích, các ông lại ra điều chưởi gió mắng mây, đến nỗi vu cho người ta thấy chết mà reo cười, thì ai không tức ; sau nữa, thua ai không biết, nhè bạn đồng nghiệp mà gỡ, vọt miệng mắng những là *Trung lập* "nói bậy" *Trung lập* "nói dối", cái cử chỉ ấy là nhã độ của người quân tử sao ?

Thiệt tình chúng tôi chẳng thấy có người đòi tẩy chay quý báo mà lại đi hùa theo, làm cho đồng bào gây thêm ác cảm. Huống chi hồi nầy cuộc biến loạn mới yên, còn ai có lòng nào lại muốn sanh sự làm chi. Sau cái cơn sấm sét nầy đây, thế nào cũng có lúc mở mây trông thấy mặt trời, bổn phận chúng tôi nên đồng tâm hiệp lực cùng nhau, thừa cơ hội ấy mà đưa nhau lên đường tấn hóa, chớ có ai dại chi lại hãm hại nhau cho nỡ ? Hoặc giả trên tờ báo nầy có chỗ nào lầm lỗi thì bạn đồng nghiệp nên hỏi lại hoặc là biểu đính chánh đi, làm vậy chẳng là nhã độ quân tử hơn là mắng nhau sao ?

Chúng tôi chỉ nói một lần nầy mà thôi. Về sau dầu ai cạy răng cũng không dở chuyện nầy ra nữa. Chỉ xin bên *Đuốc nhà Nam* chừa cái giọng kẻ lớn đi đừng có làm phách với *Trung lập* là được.

TRUNG LẬP

Trung lập, Sài Gòn, s.6177 (21.6.1930)

TRUNG LẬP LẠI NÓI CHO *ĐUỐC NHÀ NAM* NGHE THEO CÁI NHÃ ĐỘ QUÂN TỬ, HỄ CÓ LỖI THÌ PHẢI CHỊU

Hôm thứ bảy tuần rồi *Trung lập* có bài "Thế nào là cái nhã độ quân tử", để nói sơ một vài chỗ cốt yếu trong việc xảy ra vừa rồi mà các ông bên đảng Lập hiến đã vì đó bị mang tiếng cho *Đuốc nhà Nam* nghe. Trong bài ấy chúng tôi có hứa rằng chỉ nói một lần mà thôi, về sau dầu ai cạy răng cũng không dở chuyện nầy ra nữa. Hôm nay chúng tôi lại có bài nầy, ai mới thấy qua chắc cũng phải lấy làm lạ.

Lời hứa ấy chúng tôi vẫn nhìn, nhưng trên đầu bài hôm kia lại có hứa rằng trong một số tới, sẽ có bài nói về những chỗ *Đuốc nhà Nam* đã trách chúng tôi, vậy bài nầy đây là công việc chúng tôi làm trọn lời hứa sau đó.

Độc giả mỗi vị hai con mắt, ai lại chẳng thấy cái bài dài ba cột của bổn báo hôm thứ bảy đó.

Censuré(*)

(*) *censuré* : kiểm duyệt ; ý nói kiểm duyệt bỏ một đoạn (NST).

Thấy vậy độc giả chắc phải lấy làm lạ sao *Đuốc nhà Nam* viết ra mà chỉ trời vạch đất, chưởi gió mắng mây, thì chẳng hề vấp váp chút nào ; còn *Trung lập* mới có một bài dợm thử *Đuốc nhà Nam*, thì đã như ông trời kia bị ai đánh mà què, (....)! Cái lạ ấy cũng chẳng kém gì cái lạ mà ông Nguyễn Phan Long nói trong tờ báo của ổng ngày 19 Juin, thật khó lòng mà hiểu.

Tuy vậy, may mà cái phần còn lại đó cũng có thể làm cho *Đuốc nhà Nam* rõ được cái ngụ ý của chúng tôi, cũng đủ cho độc giả các ngài soi thấu cái khổ tâm của chúng tôi ; vậy thì cũng chẳng nên cầu cho hơn nữa làm chi. Hôm nay đây, chúng tôi chỉ cầu được thế mà thôi.

Giáo đầu chừng nấy là vừa, xin nói ngay vào đề.

Đuốc nhà Nam ngày 19 Juin, chính ông chủ nhiệm tờ báo ấy, Nguyễn Phan Long, viết bài trách *Trung lập* có hai khoản. Một khoản ở *Trung lập* ngày 18 Juin, tức là khoản mà trong số trước *Đuốc nhà Nam* kêu là "nói bậy". Một khoản ở *Trung lập* ngày 19 Juin, ông kêu là "nói dối". Đây chúng tôi xin bình tĩnh kể ra từng khoản cho ai nấy nghe.

Khoản thứ nhứt : *Trung lập* 18 Juin, nơi mục "Thức đêm xem báo" có viết rằng : "... Trong bài "Một vấn đề khó khăn", ông Long cắt nghĩa cho anh em dân thấy rằng việc xin giảm thuế là một việc vô lý..." Chúng tôi xin nói mau rằng chỗ nầy là *Trung lập* nói sai. Trong bài "Một vấn đề khó khăn", ông Long chưa hề nói sự giảm thuế là vô lý. Chẳng những vậy thôi, chúng tôi lại nhìn nhận rằng cái ý kiến của ông lại có khuynh hướng về sự giảm thuế nữa.

Tuy vậy, hai chữ "vô lý" ông Long có dùng qua một lần trong bài "Ngỏ cùng đồng bào thương dân" ra ngày 10 Juin. Nguyên văn của ông là "**Những điều yêu cầu vô lý**", rồi ông chỉ ra hai điều, là sự chia ruộng đất và sự bãi thuế. Ông nói *bãi thuế là vô lý*, chớ không nói *giảm*.

Ký giả của *Trung lập* dùng chữ "vô lý" của ông mà lại nói lộn chữ *bãi* ra chữ *giảm*. Lúc báo ra rồi, trong chúng tôi mới có người phát giác sự lầm lộn ấy. Hôm nay xin đính chánh lại, và thiệt tình có lời nhận lỗi trước mặt *Đuốc nhà Nam*.

Chúng tôi nói thiệt tình, người ta sẽ lại cho chúng tôi là nói dối, thiệt tình sao không đính chánh ngay hôm ấy, mà lại để đến hôm nay, sau khi hai bên đã gấu ó với nhau ?

Trong đó có một cái cớ, phải chi *Đuốc nhà Nam* viết lên báo mình mà hỏi *Trung lập*, hay là không hỏi nữa mặc dầu, đừng có lon xon mắng *Trung* lập nói bậy thì *Trung lập* đã cải chánh rồi. Cái nầy, bài mới vừa ra liền bị một câu vô lễ của *Đuốc nhà Nam*, nó phạm đến cái lòng tự ái của *Trung lập*, thôi, có trời đó cũng mặc, cải chánh làm gì ? nhận lỗi với ai ?

Các ông há lại chẳng biết cái thói thường trong làng báo ? Nếu hai nhà báo coi nhau là bạn đồng nghiệp, đãi nhau bình đẳng thì mỗi khi có sự gì xảy ra, phải hỏi nhau trước đã rồi ra thế nào đó sẽ hay. Còn như không hỏi trước mà đem lời vô lễ ra mắng nhau, ấy chỉ có hai nhà thù địch với nhau ; không thì nhà nầy khinh miệt nhà kia, không đãi nhau bình đẳng, mới dùng kiểu ấy. Các ông làm báo già đời, điều ấy lẽ đâu các ông chẳng biết ?

Vậy thì chúng tôi hỏi đây : *Trung lập* có phải là thù địch của *Đuốc nhà Nam* chăng ? Đầu tháng trước, có một lần hai viên chủ bút hai bên có bài châm chọc nhau ; nhưng đó chỉ là việc nhỏ mọn của cá nhân, đâu đã đến nỗi là sự hiềm khích của hai tờ báo ? *Trung lập* đã chẳng phải là thù địch của *Đuốc nhà Nam* rồi, thì sự *Đuốc nhà Nam* mắng đây quyết không phải vì cớ thù địch.

Như trên kia đã nói, có hai cớ mà thôi, không phải cớ nầy thì cớ nọ. *Đuốc nhà Nam* đã mắng *Trung lập* đây, là chỉ vì quen cái thói khinh người.

Nầy, *Trung lập* hỏi đây, khinh ai *Đuốc nhà Nam* ?

Ở đời chỉ có lấy cái phải ra mà ở với nhau. Chớ còn cậy tài, thì đó có tài đây cũng có tài, khoe thiện nghệ, thì đó thiện nghệ đây há lại không thiện nghệ ! Cho khuân hết cả ra đi, bất kỳ *Đuốc nhà Nam* có cái gì, là *Trung lập* có cái ấy hết. *Đuốc nhà Nam* lên đến đâu là *Trung lập* lên đến đó hết. Ly lai nhau một mười một chín, nhưng còn chưa biết chắc là ai chín ai mười, vậy thì khinh ai được mà khinh ? *Trung lập* hỏi gắt *Đuốc nhà Nam* : Khinh ai ?

Khinh người ta đến nỗi mắng xối hai lần mà lần nào cũng nói rặt giọng trên, chẳng thèm dùng một chữ "bạn đồng nghiệp" lấy có. Vậy mà hôm thứ bảy rồi, chúng tôi tử tế quá, ôn đi ôn lại biết bao nhiêu lần "bạn đồng nghiệp". Hôm nay chúng tôi không tử tế nữa, bao nhiêu chữ "bạn đồng nghiệp" dùng mà xưng *Đuốc nhà Nam* trong bài trước, chúng tôi xin thanh minh ra ở đây mà thủ tiêu hết một lần.

Chúng tôi phải lấy làm lạ hết sức, chẳng biết người ta lấy cái gì mà khinh chúng tôi. Chúng tôi phải nói như kiểu ông Long cho *Đuốc nhà Nam* biết rằng : *Cái người khinh được chúng tôi vẫn còn chưa giáng sanh ở trần thế nầy.* Chúng tôi chỉ cúi mình trước mặt chơn lý chớ chẳng chịu cúi mình trước mặt người nào, dầu người ấy là mặt to tai lớn, giỏi trổ trời cũng trối kệ.

Vì cúi mình trước mặt chơn lý cho nên hôm nay chúng tôi mới thiệt tình mà cải chánh một cái sai lầm nhỏ ở trên kia. Một nhà nho đời xưa có nói : "Cái lỗi của người quân tử cũng như mặt trời mặt trăng bị ăn xâm ; khi có lỗi, người ta đều thấy ; khi đổi lỗi, người ta đều ngước lên mà ngó". Vứt cái sự khiêm cung giả dối bề ngoài đi, hôm nay chúng tôi phải tỏ cái nhã độ quân tử của chúng tôi ra cho thiên hạ biết.

Khoản thứ nhì : Xin nói mau ở đây cho *Đuốc nhà Nam* biết rằng về khoản nầy *Trung lập* không nhận lỗi nữa đa. Nếu sau khi nghe lọt tai rồi, *Đuốc nhà Nam* biết mình có lỗi chăng, và cũng có cái nhã độ quân tử chăng, thì tự nhận lấy, *Trung lập* không ép.

Ngày 19 Juin, *Trung lập* viết rằng : "…. Chỉ có một điều, trong bài tuyên ngôn trước thì thấy ra ông (ông Long) giải quyết thời cuộc như tuồng dễ ợt, mà đến bữa sau là bữa 16 đây, ông mới nhìn nhận là một vấn đề khó khăn đó thôi".

Cũng ngày ấy, ông Nguyễn Phan Long dẫn câu ấy vào bài của ông ở *Đuốc nhà Nam*, rồi nói rằng : "Đó lại là một điều nói dối nữa". Kế đó ông viết rằng : "Xin hỏi báo *Trung lập* : trong bài của tôi viết ngày 10 Juin, có lúc nào hay là đoạn nào mà tôi viết rằng cái vấn đề thuế thân là vấn đề dễ giải quyết ?"

Xin độc giả, biết cho, trên đoạn ấy ông Long lại có một câu đàng hoàng nghiêm chánh rằng : "Cái cách nói dối như thế, chẳng khi nào tôi dùng để đối với ai, cho nên thấy ai dùng, tôi lấy làm lạ".

Xin độc giả cả đến các ông bên *Đuốc nhà Nam* cũng vậy, hãy coi kỹ mấy câu ông Long nói trên đó và nhớ cho nhập tâm đi.

Chúng tôi xin hỏi thẳng ông Nguyễn Phan Long, chớ không hỏi *Đuốc nhà Nam* : Hai chữ "nói dối" ông dùng đó là nghĩa làm sao ? Nếu chuyện không có đặt ra mà nói, là nói dối, thì trong khoản nầy, chính ông là người nói dối !

Chúng tôi còn xin phân bua với độc giả rằng ba chữ "người nói dối" nghe nó nặng nề lắm, đem mà gia cho ông Long là người chúng ta vẫn kính phục thuở nay, thiệt không đáng. Nhưng mà cái nầy là tại ông đem mà gia cho chúng tôi trước, chẳng dè ông lại tự phạm lấy, thành ra nó quật lộn lại vào mình ông.

Nguyên văn của *Trung lập* đã dẫn trên kia là "thấy ra ông giải quyết thời cuộc như tuồng dễ ợt" trong câu ấy có nghĩa gì ? Ấy là *Trung lập* chỉ cái ngày 10 Juin mà nói. Số là trong bài ấy ông phán đoán các việc thuộc về các cuộc biểu tình rành rẽ lắm. Đầu hết ông nói những điều yêu cầu vô lý, tức là sự chia ruộng đất và sự bãi thuế ; kế đến ông nói những điều yêu cầu chánh đáng ; sau lại ông xin đồng bào còn có ý kiến chi viết gởi cho ông. Thấy ông phán

đoán rành rẽ như vậy thì *Trung lập* nói rằng "giải quyết thời cuộc như tuồng dễ ợt", chẳng có gì đáng bắt bẻ được hết. Có hai chữ "dễ ợt", thì cũng chẳng phải nó ở dưới đất rúc lên, nguyên nó do chữ "khó khăn" của ông Long mà ra.

Từ khi *Trung lập* đã canh tân trong sự biên tập, hễ cẩn thận được chừng nào là chúng tôi cẩn thận chừng nấy, cho nên dùng chữ nào có cân có lường từng chữ, đừng có tưởng là su sơ, đụng đâu bắt bẻ đó mà có ngày vấp. Trong câu đó, chữ nào đích đáng chữ ấy. Chúng tôi không dám chắc rằng ông cho là dễ ợt, nên chúng tôi mới nói "thấy ra" nghĩa là chúng tôi chỉ *thấy ra* như vậy mà thôi. Trên chữ "dễ ợt" chúng tôi lại còn để chữ "như tuồng" nghĩa là chúng tôi thấy *như tuồng* dễ ợt, chớ không dám nói quyết là dễ ợt. Mấy lời cắt nghĩa nầy nó hơi thừa, có điều thấy *Đuốc nhà Nam* nhè câu ấy mà bẻ, nên mới cắt nghĩa ra cho *Đuốc nhà Nam* biết cái lối văn mực thước của *Trung lập* đôi chút. Chớ cái sự nói dối của ông Long chưa phải ở chỗ đó đâu.

Nó ở đây nầy, đố chạy đàng trời ! Nguyên chúng tôi nói "giải quyết thời cuộc như tuồng dễ ợt", ông Long có tiếng tinh *grammaire* hơn ai hết, vậy xin hỏi ông trong câu ấy, cái *verbe* là "giải quyết", còn cái *complément* nó ở đâu ? Giải quyết cái gì ? giải quyết thời cuộc. Nếu ông không trả lời cho chúng tôi là chữ "thời cuộc" thì hoạ có ông điên. Đó, cái *complément* của nó là "thời cuộc", can chi ông lại đổi là "vấn đề thuế thân" rồi hỏi chúng tôi rằng "có lúc nào hay là đoạn nào mà tôi viết rằng cái vấn đề thuế thân là vấn đề dễ giải quyết?" ?

Trong bài của chúng tôi viết ngày 19 Juin, chẳng có lúc nào hay là đoạn nào mà chúng tôi viết rằng : "giải quyết cái vấn đề thuế thân như tuồng dễ ợt", sao ông lại đặt điều ra mà nói như vậy, ông Long ? Chuyện không có, đặt ra mà nói, có phải nói dối không, ông Long ? Có phải chính ông là người nói dối không, ông Long ? Cái

cách nói dối như thế, chẳng khi nào chúng tôi dùng để đối với ai, cho nên, thấy ông dùng, chúng tôi phải lấy làm lạ.

Đó, độc giả thấy, bây giờ bao nhiêu những lời nặng nề ông Long dùng mà gia cho chúng tôi nó quật ngược lại, nó đổ sấp lên trên mình ổng hết. Cái là tại ổng.

Rốt bài, chúng tôi xin có lời phân chứng cùng độc giả, chúng tôi chỉ nói một lần nầy mà thôi. Lại xin độc giả chứng minh cho chúng tôi điều nầy : Bên *Đuốc nhà Nam*, ông Đào Trinh Nhứt bỏ đi không nói ; còn ông Long, chúng tôi vẫn kính trọng, chẳng những kính trọng cái tài học của ổng mà cũng kính trọng luôn cái nhân cách của ổng nữa. Vậy mà hôm nay chúng tôi nói không nể mích lòng, ấy là bị ổng mắng trước *Trung lập*, tại ổng đã khinh miệt chúng tôi.

TRUNG LẬP

Trung lập, Sài Gòn, s.6178 (23.6.1930)

SỰ KHỞI HẤN GIỮA *ĐUỐC NHÀ NAM* VÀ *TRUNG LẬP* NẾU TRỞ NÊN CUỘC BÚT CHIẾN THÌ PHẢI THẾ NÀO ?

Lời ngỏ cùng ông Nguyễn Phan Long

Từ hôm nay nhẫn về trước, *Đuốc nhà Nam* với *Trung lập* có lời nói qua nói lại cùng nhau, chẳng qua mới là sự khởi hấn đó thôi ; vì cũng như hai nước có sự trái ý, gởi thơ từ cùng nhau mà biện bác, trong khi không nghe nhau được nữa, làm giận làm hờn, tuyệt giao, công sứ hạ cờ về bổn quốc ; nhưng đánh nhau thì chưa đánh.

Theo như sự thiệt đã xảy ra thì sự khởi hấn là do *Đuốc nhà Nam* trước. Vì luôn hai ngày 18. 19 Juin, *Đuốc nhà Nam* khởi ra mắng *Trung lập* là "nói bậy, nói dối" mà không hỏi trước *Trung lập. Trung lập* cho cái thái độ ấy của *Đuốc nhà Nam* là khinh miệt mình, không đãi mình bình đẳng, cũng như một nước kia đã thất lễ trong sự bang giao, cho nên *Trung lập* tỏ ra ý bất phục tùng, không thèm chơi nữa.

Sự tuyệt giao thì tự *Trung lập* trước. Vì trong số 23 Juin của mình, *Trung lập* đã thủ tiêu những chữ "bạn đồng nghiệp" mà số trước đã dùng để xưng *Đuốc nhà Nam.*

Trung lập tuyệt giao chớ không tuyên chiến. Vì trong hai bài ngày 21. 23. mỗi bài nói về một phương diện, cũng đều có tuyên bố rằng *chỉ nói một lần mà thôi.*

Sự tuyên chiến thì lại tự *Đuốc nhà Nam* trước. Vì trong ngày 21, sau khi bài "Thế nào là cái nhã độ quân tử" của *Trung lập* ra rồi, *Đuốc nhà Nam* liền "mời *Trung lập* ra nói chuyện" và đòi "nói chuyện cho đến cùng."

Trung lập nói cho *Đuốc nhà Nam* biết rằng sở dĩ *Trung lập* viết "nói một lần mà thôi" là có ý cự tuyệt cái cách vô lễ của *Đuốc nhà Nam*, tỏ ra rằng mình không thèm nói chuyện với kẻ vô lễ đó thôi, chớ có việc gì mà không nói.

Nay *Đuốc nhà Nam* tuyên chuyến phải không ? Muốn đánh thì đánh. *Trung lập* đây tướng mạnh binh ròng, lương thừa ngựa mập, súng đầy đạn đủ, đánh thì đánh, sợ chi ? Huống chi, khởi hấn là tự ai, tuyên chiến là tự ai, *Trung lập* đây chỉ là ứng binh, như vậy, bên "khúc" bên "trực"(*) đành rành, *Trung lập* "sư xuất hữu danh"(**), hễ đánh thì chắc thắng, sợ chi mà không đánh ?

(*) "*khúc*" : cong ; "*trực*" : thẳng ; "bên khúc bên trực" : bên cong bên thẳng, bên phải bên trái

(**) "sư xuất hữu danh" : xuất quân một cách chính đáng.

Đánh đi ! Đằng nầy chỉ chực hầu mà đánh, *Trung lập* cũng mong đánh trận nầy, thắng một cái, đặng lên làm bá cái hoàn cầu nho nhỏ nầy chơi.

Nhưng mà theo cái nguyên tắc *hòa bình* của *Trung lập* lâu nay, phải hỏi lại *Đuốc nhà Nam* một lời.

Đuốc nhà Nam từ trước không hề kêu *Trung lập* bằng "bạn đồng nghiệp". Từ sau khi *Trung lập* trách *Đuốc nhà Nam* vô lễ, *Đuốc nhà Nam* ngày 21, mới chịu xưng *Trung lập* là "bạn đồng nghiệp" mà xưng đến hai ba lần ! Lại còn "mời" nữa ! *Trung lập* thấy vậy, riêng nghĩ cho *Đuốc nhà Nam* là có hơi "dịu xuống" phải không ? Dịu xuống tức là để sẵn cái đất mà cầu hòa phải không ? Tuyên chiến chẳng qua là thị oai phải không ?

Trung lập không ép, nhưng nếu thiệt tình *Đuốc nhà Nam* muốn hòa, thì xin lỗi *Trung lập* đi, *Trung lập* cũng sẵn lòng mà nhận vậy. Mà sự xin lỗi ấy cũng chẳng lạ gì, *Trung lập* có tỏ ra cái nhã độ quân tử với *Đuốc nhà Nam* một lần rồi và liệt cường trên thế giới nầy cũng [. . . . .][*]

Đuốc nhà Nam chắc sẽ không chịu xin lỗi, vì cái thái độ kiêu căng ấy mà có biết phục thiện đâu. Không chịu xin lỗi thì đánh. Được! Đánh thì đánh.

Trước khi đánh, chủ tướng bên *Trung lập* nầy là Trần Thiện Quý có mấy lời ngỏ cùng chủ tướng bên *Đuốc nhà Nam* là Nguyễn Phan Long.

> "Kính cùng Nguyễn Phan Long tiên sanh:
>
> Trước khi hai bên giao chiến cùng nhau, chúng ta chắc cũng còn có thì giờ để nói chuyện với nhau về *sự phải*. Vậy tôi chắc mấy lời của tôi ngỏ cùng tiên sanh đây, tiên sanh *không có thể bỏ qua*.
>
> Báo giới Nam kỳ ta – mà cho cả nước Nam cũng vậy – từ xưa đến nay chưa hề có một cuộc bút chiến nào cho đúng đắn, đáng gọi là

[*] Bản chụp mất khoảng 10 từ.

bút chiến được. Có chăng, là cuộc bút chiến nầy đây giữa *Đuốc nhà Nam* với *Trung lập* phải không ? Câu hỏi ấy, độc giả ở ngoài đương bàn xấm xi xấm xải với nhau mấy bữa nay ; mà tưởng giữa chúng ta, cũng còn phải hỏi nhau về câu ấy.

Tự tôi thì tôi nghĩ, nếu giữa chúng ta không hòa được mà phải chiến, thì sự chiến ấy cũng lại là sự hay, chẳng dở chi. Vì nếu chúng ta làm được một cuộc bút chiến đường đường chánh chánh, đem cái chơn lý ra mà phô bày cho công chúng đều xem, thì thiệt đánh là nên lắm, chẳng những làm gương tốt cho báo giới thôi đâu, mà cũng thêm ích lợi cho sự tri thức của đồng bào.

(*Tòa kiểm duyệt bỏ một đoạn*)

Nói rằng cuộc bút chiến nên hình, cuộc bút chiến đường đường chánh chánh, là nghĩa làm sao ? Tôi tưởng tiên sanh là một nhà ngôn luận vào bực nhứt đất nầy, lại còn phải đợi cho ai cắt nghĩa nữa ? Chẳng những vì sự rành nghề làm báo mà tiên sanh rõ cái nghĩa bút chiến là thế nào, tôi chỉ lấy theo cái cách ăn ở công bình chánh trực của tiên sanh đã tỏ ra giữa xã hội mười mấy năm nay, cũng liệu được rằng tiên sanh, trong cuộc bút chiến, không thể nào bỏ mất cái cách công bình chánh trực của mình già nửa đời người ấy.

Vậy mà trong *Đuốc nhà Nam* ngày 21 nơi cuối bài xã thuyết có ý doạ tôi, muốn bươi việc cá nhân của tôi ra, sự đó tôi rất lấy làm quái. Quái là vì sự lấy cá nhân ra mà công kích ấy, chính mình tiên sanh đã cho là bậy, đã gạt đi trong bài của tiên sanh ở *Đuốc nhà Nam* ngày 19 Juin rồi.

Tôi nói doạ tôi là theo ý tôi nghĩ. Tôi nghĩ *Đuốc nhà Nam* nói như vậy để làm nao núng tôi cho tôi sợ mà cầu hòa chăng ? Không đâu. Tôi cũng là "người" như tiên sanh, chúng tôi đã nói theo kiểu tiên sanh mà rằng : Chỉ cúi mình trước mặt chơn lý mà không cúi mình trước mặt người nào hết. Làm người "có ai cho khỏi sự lỗi lầm" muốn bươi mấy đó thì bươi, nói thiệt tôi đây chẳng hề nao núng.

Có một điều, chính tiên sanh đã nhổ nước miếng vào sự công kích cá nhân rồi bây giờ chính trông tờ báo tiên sanh lại lăm le toan

làm sự ấy ; tiên sanh thì sao không biết, chớ tôi, tôi cho là một sự đại nhục cho tờ báo của tiên sanh vậy. Nhưng tôi còn chưa biết chắc sự lăm le toan bươi việc cá nhân của tôi đó, có phải là bởi ý tiên sanh mà ra chăng, hay là bởi cái ngòi viết của kẻ... nào ?

Nếu quả vậy thì *Đuốc nhà Nam* cứ việc mà làm đi, tôi sẽ có cách khác mà đối phó chớ không đối phó bằng cái nhã độ quân tử nữa. Song bây giờ, cái trận thế cũng còn chưa buộc tôi đối phó bằng cách khác thì tôi vẫn còn lấy cái cách quân tử mà thưa chuyện cùng tiên sanh. Nghĩa là tôi muốn đôi bên có công kích nhau thì phải mở một cuộc bút chiến cho đúng đắn, cho đường đường chánh chánh, cho nên hình, như tôi đã nói nãy giờ.

Nếu muốn mở một cuộc bút chiến giữa *Đuốc nhà Nam* với *Trung lập* phen nầy, thì theo "chiến thời công pháp" của báo giới, phải lập trước những cái luận điểm (points de discussion) cho rõ ràng chắc chắn đi, rồi hai bên cứ theo đó mà biện luận, không được vượt ra ngoài. Như vậy, tiên sanh nghĩ có nên chăng ?

Nếu là nên, thì tôi xin liệt ra đây những cái luận điểm của hai bên mà những cái ấy là cứ theo trên hai tờ báo *Đuốc nhà Nam* và *Trung lập* trong một khoảng thời gian khởi hấn từ 18 đến 23 Juin, chớ không phải là tự tôi bịa đặt ra. Những luận điểm ấy như sau nầy :

Đuốc nhà Nam công kích *Trung lập*:

1. Nói bậy trong Trung lập *ngày 18.*

2. Nói dối trong Trung lập *ngày 19.*

3. Làm sao diễu cợt trong cơn nước nhà có việc ?

Trung Lập công kích *Đuốc nhà Nam :*

1. Khinh người, đối với bạn đồng nghiệp vô lễ ;

2. Nói dối trong Đuốc nhà Nam *ngày 19.*

3. Công kích ông Nguyễn Phan Long luôn với các ông Hội đồng quản hạt luôn với đảng Lập hiến, luôn với Đuốc nhà Nam *làm sao trong khi có việc xảy ra, từ ngày 1er Mai đến ngày 6 Juin, không đứng ra mà can thiệp, đợi cho đến quan Thống đốc mời mới chịu ra ;*

sau đó, bị anh em công kích, lại làm cao với quốc dân, vu cho người ta thấy đồng bào bị chết mà reo cười ?

Đó, những cái luận điểm của hai bên, tôi liệt ra như trên đó, tiên sanh có cho là đúng không ? Nếu không đúng thì xin tiên sanh phủ chánh lại. Sau khi đôi bên hiệp ý nhau và quyết định những cái luận điểm rồi, chúng ta sẽ dàn binh ra mà đánh nhau, ấy là đường đường chi trận, chánh chánh chi kỳ, chẳng những chúng ta lấy làm vinh dự mà thấy nhau trong trận bút đàn văn, cho đến khán giả ở ngoài cũng phải dậm chưn vỗ tay mà cho là khoái nhãn !

Nhược bằng chẳng thế, theo như cái cách lăm le của *Đuốc nhà Nam*, lấy cá nhân ra mà công kích, thì bên *Trung lập* chúng tôi lấy làm khó lòng một chút ; vì, ví chẳng khác chúng tôi kéo quân lên miệt Tây Ninh, còn bên đối địch cùng chúng tôi là *Đuốc nhà Nam* lại kéo quân đi ra Ô Cấp, thì chúng tôi còn biết đánh với ai ?

Tôi, Trần Thiện Quý cùng đồng nhân trong tòa soạn chúng tôi, cho đến người ở ngoài viết bài giúp cho chúng tôi là ông Phan Khôi nữa, cũng một lòng suy phục tiên sanh. Cái tài học tiên sanh đã đành rồi ; cho đến cả cái nhân cách tiên sanh, chúng tôi cũng phục nữa. Tiên sanh từng thanh minh trên báo nói rằng mình không hề lập hội buôn thú lợi, không hề có một mẫu ruộng nào ; lại không ai hiệu lịnh được mình, mình chẳng hề cúi mình trước mặt ai. Những điều đó có người không tin, chớ chúng tôi tin thiệt lòng vì chúng tôi đã xét thấy cái kỷ văng của tiên sanh trong mười mấy năm nay mà biết rằng cái *ngôn* của tiên sanh với cái *hành* là tương cố. Có phải mình chúng tôi đâu : cả nước Việt Nam, người nào biết tiên sanh đều tin như vậy.

Song le, tôi có lời cảnh cáo tiên sanh, xin tiên sanh đừng có ý cậy mình vì chỗ đó. Cuộc bút chiến *Đuốc nhà Nam – Trung lập* sắp tới đây có quan hệ với cái danh dự tiên sanh lắm, xin tiên sanh phải để ý và để mắt tới luôn luôn.

Tôi xin nói rõ để tiên sanh biết rằng nếu cuộc bút chiến nầy, *Đuốc nhà Nam* đi đường chánh trực, thì dầu bị *Trung lập* đánh đổ phen nầy cũng chỉ đánh đổ được những cái vụn vặt, là cái thái độ tiên

sanh đối phó với thời cuộc mới rồi cùng cái thái độ tiên sanh khinh người mà thôi, chớ có cái nhân cách của tiên sanh vẫn cao vòi vọi, đời nào ai đánh đổ được.

Chí như muôn một mà *Đuốc nhà Nam* đi đường bất chánh, nhè cá nhân tôi mà công kích, thì chưa biết có lung lay được tôi chăng, song tôi mà lung lay đi nữa thì tôi dám nói : cái nhân cách của tiên sanh từ đó cũng sẽ không còn. Ấy chẳng những là một sự đau đớn cho cái đời tiên sanh mà thiệt là một cái vết thương cho xã hội không bao giờ lành được vậy !

Thiệt vậy, nếu một người đã tự phụ mình là cao khiết, quang minh chánh đại, cho những kẻ công kích cá nhân là đồ chó má, đồ tiểu nhân, thiếu điều nhổ nước miếng trên mặt chúng nó, mà bây giờ, lời nói còn vẳng trong tai mọi người, mình trở lại phạm cái chó má ấy, cái tiểu nhân ấy, thế là *hành bất cố ngôn* rồi, thế là *cái nhân cách của người ấy phá sản* rồi, còn chi ?

Cái hạng người "hành bất cố ngôn" tức là hạng người "vô sĩ". Trong đám sĩ phu ta chẳng phải là thiếu gì hạng người ấy đâu. Còn một số ít người "hữu sĩ" ấy là những người như tiên sanh đó mà thôi. Một mai mà cái số ít ấy cũng lần lần mòn mỏi nữa thì thiệt là cái vết thương cho xã hội Việt Nam chẳng biết bao giờ lành được, cả đồng bào phải lấy làm đau đớn lắm. Lương tâm tôi làm chứng cho tôi, tôi không nói dối : nói đến đoạn nầy thiệt tôi phải đứt từ(*) đoạn ruột mà trung cáo với tiên sanh.

Trong những lời tôi thưa cùng tiên sanh đây, quan trọng nhứt là những cái luận điểm đã liệt ra trên kia. Xin tiên sanh xét lại, có sai thì tiên sanh cứ việc phủ chánh, sau khi ấy hai bên ta sẽ khai cuộc bút chiến chẳng muộn gì.

TRẦN THIỆN QUÝ

Coi mấy lời của bổn báo Tổng lý trên đây thì cuộc bút chiến *Đuốc nhà Nam – Trung lập* chưa vội mở ra đâu. Dầu bên *Đuốc nhà*

(*) *từ* : từng, mỗi (theo *Từ điển phương ngữ Nam Bộ*, sđd.).

Nam có lấy thế công mà tấn lên, thì bên *Trung lập* cũng vẫn giữ cái thế thủ, giữ đến bao giờ cho hai viên thủ tướng hai bên định đoạt những cái luận điểm cho phân minh rồi, khi ấy *Trung lập* mới kéo quân ra, đánh nhau một trận cho phân thắng phụ chơi, được lắm !

Hồi 8 giờ buổi mai ngày nay, *Trung lập* đã hạ lịnh động binh rồi, các đồn ải dự bị sẵn sàng, tướng hiệu một lòng quyết chiến, ai nấy hằm hằm, tin quyết rằng thế nào trận nầy cũng thắng.

Nếu mai kia mốt nọ chi đây, bên *Đuốc nhà Nam* nhận những cái luận điểm của *Trung lập*, thì lập tức sẽ có cuộc bút chiến xem thích mắt lắm, ai nấy hãy đợi mà xem. Còn như không, nếu bên *Đuốc nhà Nam* đi đường bất chánh, một hai đòi cách đánh "bửa củi" với *Trung lập*, thì *Trung lập* cũng chẳng từ. Có điều đánh bửa củi thì tôi không thích, ra cuộc chưởi nhau, tầm bậy, thói hàng tôm hàng cá ra gì ? Theo cái trình độ độc giả báo quốc ngữ ngày nay chắc không ai thèm coi cuộc bút chiến bửa củi như vậy. Nhưng mà nếu có vậy nữa, thì cái là tại *Đuốc nhà Nam*, *Trung lập* biết làm sao được bây giờ ? Đánh kiểu nào cũng phải đánh hết, *Trung lập* mà lại dám vô phép không hầu trận hay sao ?

Trong khi còn chờ đợi hai bên quyết định những cái luận điểm, *Trung lập* sẽ duyệt binh luôn luôn. Số tới đây *Trung lập* xin tuyên bố cho đồng bào biết tại sao mà công kích *Đuốc nhà Nam* và trong sự công kích ấy có cái ảnh hưởng gì cho xã hội Việt Nam chút nào không.

TRUNG LẬP

Trung lập, Sài Gòn, s.6179 (24.6.1930)

LỜI CỦA TRẦN THIỆN QUÝ, TỔNG LÝ *TRUNG LẬP BÁO* NGỎ CÙNG ÔNG NGUYỄN PHAN LONG CHỦ NHIỆM *ĐUỐC NHÀ NAM*(*)

Kính cùng Nguyễn Phan Long tiên sanh,

Bổn báo ra ngày 24 Juin tôi có trình cho tiên sanh biết về sự lập những cái luận điểm (points de discussion) cho cuộc bút chiến *Đuốc nhà Nam – Trung lập*, mỗi bên có ba điều để nhờ tiên sanh phủ chánh lại.

Nay xem những số báo của 2 nhà mới ra vừa rồi thì những luận điểm lại tăng gia lên, vậy tôi tưởng nên lục ra mà thêm vào các điều trước. Về phần tôi, tôi thấy có những điều nầy :

Đuốc nhà Nam tố cáo *Trung lập* (*tiếp theo*):

4. Binh vực cho cọng sản chống với toàn thể nhơn dân trong xứ.

5. Nói ông Nguyễn Phan Long cùng các ông Hội đồng quản hạt can thiệp vào việc biểu tình là để cho vui lòng chánh phủ và có mục đích tư lợi.

Trung lập tố cáo *Đuốc nhà Nam* (*tiếp theo*) :

4. Đuốc nhà Nam *trong 2 số ra ngày 21 và 23 Juin đều có sửa bậy nguyên văn nguyên ý của* Trung lập.

5. Ông Long trước vẫn không chịu cái lối công kích cá nhân mà trong Đuốc nhà Nam *ngày 21 lăm le công kích cá nhân.*

Thế là hôm nay thêm mỗi bên hai điều nữa, cọng với trước thành ra mỗi bên 5 điều, nhờ tiên sanh đính chánh lại rồi phát biểu trên Quý báo.

TRẦN THIỆN QUÝ

Trung lập, Sài Gòn, s.6180 (25.6.1930)

(*) Bài này của Trần Thiện Quý. Sưu tập đưa vào đây như phụ lục, nhằm bổ sung luận điểm cuộc bút chiến, tiếp theo các nội dung đã nêu ở số báo hôm trước (NST).

AI NÓI DỐI ?

Sự nầy có lẽ nguy hiểm đến cái nhân cách ông Nguyễn Phan Long

Ngày 19 Juin, chính ông Nguyễn Phan Long viết trong báo *Đuốc nhà Nam* những lời nầy:

> "*Trung Lập* đem những ý kiến của tôi ra mà chỉ trích, song không phải là đem nguyên văn nguyên ý ra, lại bày đặt ra những lời không có, nói ấy là ý kiến của tôi. Cái cách nói dối như thế chẳng khi nào tôi dùng để đối với ai, cho nên thấy ai dùng tôi lấy làm lạ".

Vậy mà xin độc giả coi, *Trung lập* ngày 16 Juin, nơi trương thứ nhứt, trong một chỗ đóng khuôn, nguyên văn của chúng tôi như vầy :

> "Nguyễn Thái Học, hiệu là Giáo Nhơn, nguyên là học sanh trường cao đẳng thương mại, nhưng học mới đến nửa chừng thì bỏ trường mà ra... Còn Xứ Nhu 53 tuổi vốn là tay nho học có tiếng hay chữ nhứt tỉnh Bắc Giang... Phó Đức Chính biệt hiệu là Thụy Sơn, vốn là một người kinh lý sở Trường tiền. Còn Ký Con thì nguyên là một tay thơ ký cho hãng buôn sau làm trưởng ban ám sát của Việt Nam quốc dân đảng". (*Chép y như nguyên văn*).

Rồi bên kia, *Đuốc nhà Nam*, tờ báo thuộc quyền chủ nhiệm ông Nguyễn Phan Long, là người không hề dùng cách nói dối, thấy ai dùng thì lấy làm lạ kia, cái số ra ngày 21 Juin, sửa nguyên văn của *Trung lập* như trên kia mà viết như vầy :

> "*Trung lập* ngày 16 Juin nói chuyện mấy nhà cách mạng An Nam và kể lai lịch mấy tay đầu đảng, nào là "Nguyễn Thái Học là người học hành dở dang, Phó Đức Chính là anh kinh lý sở đạc điền, xứ Nhu là ông đồ hủ và Ký Con là chú thơ ký hãng buôn...." (*chép y như nguyên văn*).

Mấy tờ báo của hai bên còn rành rành đó, xin độc giả xét lại mà

coi, *Đuốc nhà Nam* trích ra đó có phải là y theo nguyên văn nguyên ý của *Trung lập* không ?

Cái sự ông Long trách chúng tôi, chúng tôi đã giải minh rồi. Hai điều thì một điều là lỗi của *Trung lập, Trung lập* nhận ; còn một điều thì lại tỏ ra ông Long nói dối. Sự giải minh nầy thấy trong *Trung lập* ngày 23 Juin, xin độc giả xem lại cho tường.

Bây giờ đây, đối với sự nói dối của *Đuốc nhà Nam* ngày 21 Juin đây, chúng tôi cũng theo kiểu ông Long mà nói như vầy :

Đuốc nhà Nam đem những ý kiến của chúng tôi ra mà chỉ trích, song không phải là đem nguyên văn nguyên ý ra, lại bày đặt ra những lời không có, nói ấy là ý kiến của chúng tôi. Cái cách nói dối như thế, chẳng khi nào chúng tôi dùng để đối với ai, cho nên thấy ông Long dùng, chúng tôi lấy làm lạ.

Chúng tôi mới vừa nói "thấy ông Long dùng", vì ổng là chủ nhiệm *Đuốc nhà Nam*. Song còn hồ nghi một chút là vì dưới bài ấy ký *Đuốc nhà Nam* mà không ký Nguyễn Phan Long, thì chưa biết có phải là bổn ý của ông không ? Nếu là bổn ý của ông thì rõ thiệt nói một đường, làm một đường, là sự nguy hiểm cho cái nhân cách của ông lắm vậy.

Nhưng đến số *Đuốc nhà Nam* ngày 23 Juin, chính ông Long viết nơi cột thứ nhứt, trương thứ nhứt, nói rằng : "*Trung lập* báo trách tôi và các bạn đồng sự với tôi là các ông Hội đồng quản hạt rằng chúng tôi chỉ can thiệp vào cái phong trào biểu tình là để cho vui lòng chánh phủ và có mục đích tư lợi mà thôi, chớ thực ra thì phong trào biểu tình lúc ấy đã dứt rồi."

Độc giả coi đó thì té ra chính bổn ý ông Long định sửa bậy nguyên văn nguyên ý của chúng tôi. Trong số *Trung lập* ngày 21 Juin, chúng tôi có trách ông Long và các ông Hội đồng quản hạt can thiệp vào việc biểu tình muộn quá, chớ những lời *để cho vui lòng chánh phủ và có mục đích tư lợi*, chúng tôi chẳng hề nói bao giờ.

Xin ông Long phải coi cho kỹ bài của chúng tôi rồi sẽ nói chớ đừng nói đặt điều ra như vậy. Nếu ông còn đặt điều một lần nữa thì bất đắc dĩ sau nầy chúng tôi sẽ trách ông nặng hơn.

TRUNG LẬP

Trung lập, Sài Gòn, s.6180 (25.6.1930)

BÂY GIỜ CHÚNG TÔI MỚI BIẾT CÁI VĂN VÀ CÁI NGƯỜI CỦA ÔNG NGUYỄN PHAN LONG

Đuốc nhà Nam ra ngày 23 Juin, bài "Về những chuyện biểu tình", rốt bài ông Nguyễn Phan Long ký tên, mà đầu bài có những lời như vầy :

"*Trung lập báo,* sau khi đã đem những cách châm chọc xiên xẹo, nói xa nói gần ra công kích *Đuốc nhà Nam* rồi bây giờ lại phân minh là phản đối với phần đông quốc dân ta nữa. *Trung lập báo* ra mặt binh vực cho một dúm phần tử cọng sản chống với toàn thể nhơn dân trong xứ, chớ không có gì khác hơn nữa."

Chúng tôi xin phân chứng cùng trên là chánh phủ, dưới là quốc dân biết cho rằng ông Long nói như vậy tức là ông đứng giữa thanh thiên bạch nhựt mà khống cáo *Trung lập báo* chúng tôi là về phe với cọng sản.

Nhưng cái bài của ông còn chưa hết, để đợi xem cho hết, coi thử ông Long lấy chứng cớ gì mà dám khống cáo *Trung lập báo* như vậy ?

Nếu chứng quả *Trung lập* về phe với cọng sản thì chúng tôi chắc sẽ phải chịu những tội mà bọn cọng sản đã chịu ; bằng không, tội vu cáo cũng sẽ đổ về trên mình ông Long.

Sự đó thì chưa biết chắc thế nào ; bây giờ đây chúng tôi chỉ mới biết rằng té ra cái văn và cái người ông Nguyễn Phan Long là như thế đó ! Than ôi!

TRUNG LẬP

Trung lập, Sài Gòn, s.6180 (25.6.1930)

TRUNG LẬP GIÀNH LẠI CÁI NHÂN CÁCH CHO QUỐC DÂN DƯỚI BÀN CHƯN KẺ VÔ LỄ

Tại sao* Trung lập *công kích* Đuốc nhà Nam *và trong sự công kích ấy có ảnh hưởng gì đến xã hội Việt Nam

Nước ta từ năm bảy mươi năm nay, giáo hóa suy vi, phong tục đổi bại, cho đến trong hàng sĩ phu cũng gần như muốn mất hết sự liêm si. Sự ấy chẳng phải một mình chúng tôi nói đâu. Cách hai mươi năm về trước, Tây Hồ tiên sanh cũng đã thở than khóc lóc mà tỏ bày ra cho chánh phủ biết, trong bức thơ đưa cho quan Toàn quyền đề ngày 15 Aout năm 1906 của tiên sanh.

Ôi ! nói đến mà thương tâm thay ! Trong một nước mà sĩ phu ít *liêm* mất *sỉ* đi như vậy thì còn gọi là nước được ư ? Quân tử đời xưa nói nhằm lắm : "Lễ, nghĩa, liêm, sỉ, ấy là bốn giây chằng : bốn giây chằng chằng giương ra, thì nước bèn diệt mất !"

Truy nguyên ra cái sở dĩ tại làm sao mà ít liêm mất sỉ đi như vậy thì thấy có nhiều cớ lắm, nói ra không tiện mà cũng không hết được, duy thấy rằng cái kết quả của những cớ ấy là làm cho người ta không còn phân biệt cái nhơn cách con người là gì.

Đừng nói người mình đối đãi với ai làm chi. Nội người mình với nhau đây, kẻ nầy ỷ thế chưởi kẻ kia, tên Xoài cậy sang mắng tên Mít, cũng phải vuốt mặt đi lơ cúi đầu mà chịu. Người nầy chẳng biết tôn trọng nhân cách của kẻ kia, mà kẻ kia vì yếu thế cũng khó mà tự tôn trọng lấy cái nhân cách của mình. Như thế rồi ai nấy ngó mặt nhau, coi sự bị mắng bị chưởi là thường, lần lần xô nhau vào trong cái hố thăm thẳm kia, tên nó là **vô sỉ**.

Có người Âu châu đã phê bình xã hội Tàu về đời Mãn Thanh mà nói rằng : "Xã hội Tàu như một cái thang có nhiều nấc, cứ người ở nấc thứ nhì đạp trên đầu người nấc thứ nhứt, rồi nấc thứ ba lại đạp trên đầu người nấc thứ nhì, cứ thế mà kể lên, đạp đầu nhau cho đến cùng thôi". Tình hình xã hội Việt Nam ta đây khác nào như vậy !

Ban đầu nó do cái sự vô sỉ nho nhỏ ấy, cái sự mất nhân cách nho nhỏ ấy, tức là cái sự bị mắng bị chưởi mà làm thinh ấy rồi sau nó hóa to ra. Đến chừng nó đã hóa to ra, khi ấy, cái đầu cứng rồi, cái da mặt chai rồi, làm gì mà chẳng được ?

Lần nầy *Trung lập* bị *Đuốc nhà Nam* mắng, tức là cái triệu chứng người ta muốn đứng trên nấc thang cao hơn để đạp trên đầu chúng tôi.

Năm bảy người chúng tôi trong tòa soạn *Trung lập* đây cũng là một phần tử quốc dân Việt Nam. Dầu bất tài hay là vô dụng đi nữa cũng mặc chúng tôi, chúng tôi lớn nhỏ cũng là giữ một cái cơ quan ngôn luận giữa xã hội nầy, ai có quyền chi lại dám mắng chúng tôi được ? Nếu chúng tôi vuốt mặt làm thinh, ấy là một phần tử quốc dân Việt Nam bị nhục, ấy là một toàn thể dân Việt Nam bị nhục, chúng tôi đâu có dám chịu nhục vào mình để làm nhục tới cả quốc dân như thế ?

Trong đám sĩ phu ngày nay chúng tôi nhìn thấy một số ít người như ông Nguyễn Phan Long là có biết xấu hổ, có biết trọng nhân cách mình. Thật như lời ông đã nói, ông ra làm chánh trị chẳng hề lợi dụng để phát tài, không có hội buôn, cũng không có

một mẫu ruộng. Lại cũng thật như lời ông đã nói nữa, ông chỉ cúi mình trước mặt số phận, chẳng hề cúi mình trước mặt người nào. Chúng tôi tâm phục ông Nguyễn Phan Long thiệt, chớ không phải nói. Nhưng chúng tôi không biết làm sao ông biết tự trọng cái nhân cách mình, mà không biết trọng cái nhân cách của một phần tử, cái nhân cách của một đoàn thể, cái nhân cách của chúng tôi ? Ông mắng xối *Trung lập* hai lần mà hết một lần chính ông "nói bậy".

Đồng nhân *Trung lập* chúng tôi nhận cho sự bị mắng đây là quan hệ lắm, chẳng những quan hệ với chúng tôi mà thôi, lại quan hệ đến xã hội Việt Nam nữa, đến đồng bào ta nữa, theo các lẽ trên kia đã nói. Vậy chúng tôi xin phép quốc dân mà phản đối cái sự vô lễ của ông Nguyễn Phan Long và *Đuốc nhà Nam* đó cho đến cùng. Chúng tôi đã tuyệt giao với tờ báo ấy rồi. Chúng tôi còn cứ công kích sự vô lễ ấy hoài cho đến chừng nào ông Nguyễn Phan Long và báo *Đuốc nhà Nam* chịu lỗi, trước là với quốc dân, sau là với chúng tôi, thì chúng tôi mới hết công kích.

Trong số ra ngày 21 Juin, *Đuốc nhà Nam* có nói đương hồi nầy trong nước nhiều việc mà hai tờ báo công kích nhau là sự không tốt. Trong hạng người trí thức ở Sài Gòn cũng có nhiều vị đem lẽ ấy mà khuyên bảo chúng tôi. Thưa phải, chúng tôi vẫn biết vậy rồi, song chúng tôi nhìn rằng sự chúng tôi đương công kích đây cũng lại là một vấn đề to lớn vậy. Theo như lời Quản Tử trên kia và cứ như cái hiện tượng xã hội ta ngày nay thì sự liêm sỉ há chẳng phải một sự lớn, đáng cho ta duy trì bồi bổ hay sao ?

Ngày 21 Juin 1930 là ngày chúng tôi bắt đầu công kích sự vô lễ của ông Nguyễn Phan Long và *Đuốc nhà Nam*, chúng tôi tưởng ấy là một ngày lớn mà chúng ta đáng kỷ niệm. Vì sự công kích đó là giành lại cái nhơn cách của người Việt Nam ở dưới bàn chưn kẻ vô lễ kia, là sự có ảnh hưởng lớn cho xã hội Việt Nam lắm vậy.

TRUNG LẬP

Trung lập, Sài Gòn, s.6180 (25.6.1930)

"KIẾN HIỀN TƯ TỀ YÊN"

(Lời của Khổng thánh nhân), nghĩa là thấy người hiền, mình phải lo cho bằng người.

Trung lập ngày 21 Juin, có nhận lỗi trước mặt *Đuốc nhà Nam*.

Nhưng cũng một bài đó, sau khi nhận lỗi có chỉ trích một điều mà chính ông Nguyễn Phan Long và *Đuốc nhà Nam* nói dối, độc giả chắc ai nấy đều thấy giăng giăng.

Vậy mà *Đuốc nhà Nam* ra ngày 23 chỉ lục đăng lời nhận lỗi của Bổn báo mà thôi, còn đoạn dưới của Bổn báo trách ông Long thì họ nín biệt, không hề nói tới.

Đuốc nhà Nam lục đăng bài ấy rồi cả hai tay bợ Bổn báo lên mà khen rằng : "Thật là một việc can đảm". À quên trên đó lại còn tán dương Bổn báo bằng những chữ thiệt lớn rằng : "Thế mới là nhã độ quân tử".

Bổn báo đã tuyệt giao với *Đuốc nhà Nam* vô lễ rồi, sự khen lao đâu có quản ! Song chỉ muốn hỏi *Đuốc nhà Nam* : Sao biết khen người ta can đảm mà mình không can đảm ? Sao biết khen người ta nhã độ quân tử mà mình không chịu làm quân tử có nhã độ như người ta ?

Khuyên ai khá mua sách *Nho giáo* của ông Trần Trọng Kim ở Hà Nội mà tìm cho thấy cái tiêu đề kia.

T.L.

Trung lập, Sài Gòn, s.6180 (25.6.1930)

ÔNG NGUYỄN PHAN LONG DÙNG BÁO CHỮ TÂY MÀ CÔNG KÍCH *TRUNG LẬP*

Sau khi đã viết trong báo *Đuốc nhà Nam* rằng báo *Trung lập* là của người Pháp, là của đảng Homberg, tóm lại là một tờ báo không thương yêu gì An Nam và bởi quyền lợi trái hẳn, nên mới trở lại mà công kích *Đuốc nhà Nam* là cái cơ quan ái quốc thì bữa thứ 23 Juin vừa rồi ấy, cũng ông Nguyễn Phan Long lại viết một bài trong *Tribune Indochinoise* mà mét với mấy người tây đương chủ trương báo *Impartial* rằng *Trung lập* là cọng sản...

Ông Nguyễn Phan Long với *Trung lập* báo, ai là cọng sản hơn ai, để rồi đây chúng tôi sẽ cắt nghĩa rõ.

Nay chúng tôi chỉ xin nói mau rằng liệu thế công kích trong *Đuốc nhà Nam* không xuể, nên mới lợi dụng đến một tờ báo chữ Pháp, là chỗ ngôn luận tự do để mà công kích *Trung lập* ! Lại muốn mượn tay những người đương đạo của *Impartial* để mà bụm miệng chúng tôi !

Cái thủ đoạn khiếp nhược như thế, chúng tôi thật không dè đâu một người như ông Nguyễn Phan Long mà cũng có khi đến. Than ôi !...

T.L.

Trung lập, Sài Gòn, s.6181 (26.6.1930)

BẠN ĐỒNG NGHIỆP *CÔNG LUẬN* VÌ *TRUNG LẬP* TRẢ LỜI CHO *ĐUỐC NHÀ NAM*

Đuốc nhà Nam *luôn hai ngày 23 và 25 Juin, chính ông Nguyễn Phan Long lặp đi lặp lại, ép* Trung lập *chúng tôi trả lời một câu hỏi của ông đặt ra hỏi chúng tôi như vầy:*

"Quý báo *Trung lập* về phe với cọng sản hay là phản đối cọng sản ?"

Câu hỏi lạ thay ! khắc mắc thay ! chua cay mà hiểm độc thay !

Thấy câu hỏi chúng tôi liền hiểu ý ông Long muốn đưa cả đồng nhân Trung lập *chúng tôi luôn với báo nữa xuống dưới giếng sâu rồi ông ở trên thủng thẳng lấy đá lấp lại !*

Ông Long chơi thiệt nghiệt !

Chính ông Long hẳng tưởng, câu hỏi nầy là nghiêm trọng lắm có thể làm khó chúng tôi. Cái là ổng tưởng lầm. Mà cho đến trong khi ổng hỏi đó ổng cũng đã ngợ miệng rồi. Vì cùng trong một lúc, ông Long đã khống cáo Trung lập *về phe với cọng sản, lại khống cáo* Trung lập *nhập tụi với Homberg, – thằng con nít nó cũng biết cọng sản với Homberg nghịch nhau – thì làm sao ổng còn hỏi chúng tôi được câu ấy ?*

Câu hỏi đã ra tuồng phỉnh trẻ con mà cũng lại không nên thân câu hỏi, cho nên Trung lập *không trả lời, tưởng quý độc giả chẳng lấy làm lạ cố nhiên, mà cho đến ông Long bây giờ nghĩ kỹ lại, chắc cũng chẳng lấy làm lạ gì vậy.*

Trong lúc chúng tôi đương "run en" vì câu hỏi của ông đó, may sao bạn đồng nghiệp Công luận *lại có lòng tốt mà can thiệp vào ; chúng tôi coi bằng bạn đã trả lời thế cho chúng tôi, vậy xin vội vàng đăng nguyên văn của bạn lên đây kèm thêm mấy lời cám ơn tấm lòng quân tử.*

TRUNG LẬP

Cuộc diện Đông Dương đã trải qua một thời kỳ khủng hoảng làm cho trên chánh phủ dưới nhơn dân phải bị một vùng không khí bất hòa bao bọc mà trên không thông đạt được dưới, dưới không am hiểu được trên. Ô ôi ! Đối với thời thế ấy, đối với cảnh ngộ nầy thì những người thường hay tự phụ là quan tâm tới thời cuộc như nhà ngôn luận chúng ta tưởng e cũng phải đứng trước một vấn đề khó khăn rối rắm.

(*Sở kiểm duyệt bỏ mấy đoạn*)

Không nói thì đừng nói chớ nói mà nói sai thì còn thua làm thinh vậy. Cũng vì cái sở kiến ấy mà chúng tôi lâu nay chịu đánh chữ làm thinh.

Không ngờ trong lúc chúng tôi làm thinh thì lại nghe người nói.

Cái nầy không đáng cho chúng tôi và độc giả yêu quý của chúng tôi chú ý hay sao ?

Hai bạn đồng nghiệp *Trung lập* và *Đuốc nhà Nam* hiện nay đương mở đường tranh biện mà cuộc bút chiến nầy vẫn có quan hệ tới thời cơ : ban đầu chúng tôi cũng còn vì cái lẽ "làm thinh" mà muốn làm thinh cho tới cùng. Nhưng tự vấn lấy lương tâm mình thì "lời người nói" không thể bắt mình "làm thinh" được. Vì vậy mà chúng tôi mới nói, nói cho hả hơi !

Trước hết chúng tôi xin nói lớn lên rằng :

"Cuộc bút chiến của nhà ngôn luận chánh đáng không phải là ở trong chỗ thù hiềm nhỏ mọn mà gây ra, và trong chỗ tranh biện cần phải có luận đề (thèse) và giới thuyết (définition) cho rõ ràng.

Trong lúc dự bị đấu chiến thì bên thế thủ hay bên thế công, hai bên, bên nào cũng không được phép mua lòng kẻ giám cuộc. Vì làm vậy thì trong chỗ tranh biện kia lẽ phải không biết lấy đâu mà định bình".

Trong số báo trước ở *Đuốc nhà Nam* ông chủ nhiệm Nguyễn Phan Long có hỏi *Trung lập* rằng :

Trung lập báo về phe với bọn cọng sản hay phản đối bọn cọng sản ?"

Ôi ! Giữa đường dễ thấy bất bình mà tha, *Trung lập* có làm gì hay không làm gì với *Đuốc nhà Nam* đi nữa, chớ *Công luận* chúng tôi đây nghe lời nói trái tai cũng can thiệp cái đã !

Ông Long ơi ! Có phải câu hỏi ấy là cái đề luận trong cuộc tranh biện nầy chăng ? *Đuốc nhà Nam* và *Trung lập* đánh nhau về chỗ nầy chăng ? Thiệt bạn đồng nghiệp tệ thi thôi ! *Đuốc nhà Nam* tệ thì thôi ! Cọng sản hay không cọng sản gặp phải thời kỳ rắc rối nầy thì ở đầu cửa miệng của một nhà viết báo quốc âm như ông – ông Long viết bài trong *Đuốc nhà Nam* có ký tên hẳn hoi – tưởng cũng không nên phát ra một câu hỏi mà có phương hại tới sanh mạng của một đồng nghiệp hữu làm gì.

Ông Long có lẽ nào không biết lúc nầy là lúc chánh phủ đuổi cọng sản như đuổi tà hay sao, mà lại hỏi *Trung lập* theo cọng sản hay không theo cọng sản. Cái luận đề ấy vừa ra, cuộc tranh biện chưa nói tới thì ở trên chỗ giấy trắng mực đen kia bạn *Đuốc nhà Nam* đã được tự đắc thắng thế rồi ! Mười bạn *Trung lập* cũng không dám viết hai chữ cọng sản ra chớ ? Thế là trong chỗ biện luận, bạn *Đuốc nhà Nam* có phạm một chỗ cấm là chỗ mua lòng kẻ giám cuộc.

Hai bên cãi nhau về vấn đề quan hệ tới thời cơ, mà chánh phủ lại là người giám cuộc thì đừng nên dựa vào thế lực người ta mà hiếp kẻ nghịch mình. Cái đó cấm lắm, a ! bạn đồng nghiệp *Đuốc nhà Nam* ! Như vậy thì cuộc tranh biện có ý nghĩa gì nữa ? Mới dàn trận ra đã gài bẫy người liền thì chi bằng hại lén còn hơn !

Ôi ! *Đuốc nhà Nam* thử hỏi các báo quốc âm ở Đông Pháp nầy là các báo mà vận mạng mình vẫn nằm ở trong ngăn kéo phủ Toàn quyền, rằng : "Theo cọng sản hay không theo cọng sản ?" thì bạn sẽ nghe họ trả lời một cách phớt phớt cho mà nghe : "Bạn hỏi mà làm gì ? chánh phủ đã biết chớ phải không đâu ?" Rồi bạn *Đuốc nhà Nam* mới tính làm sao?

Trong cuộc bút chiến nầy chúng tôi chỉ mong đứng giữa mà thôi, nhưng đã trót ngừa miệng nói thì nói.

Chỉ mong rằng bạn *Đuốc nhà Nam* đừng có hỏi nhiều câu "khó trả lời" ấy để cho chúng tôi đừng trở ra can thiệp nữa.

Sở dĩ đương đầu với bạn *Đuốc nhà Nam* là vì lương tâm chúng tôi sai khiến, bạn cũng biết cho chỗ đó, xin đừng lại đem câu hỏi bạn *Trung lập* để mà hỏi chúng tôi.

Công luận chúng tôi xin có lời nói trước rằng :

Đương đầu với *Đuốc nhà Nam*, là đương đầu với *Đuốc nhà* Nam, chớ chẳng phải đương đầu với *Đuốc nhà Nam* là liên cộng đâu.

CÔNG LUẬN

Trung lập, Sài Gòn, s.6182 (27.6.1930)

VỀ CÁC CUỘC BIỂU TÌNH Ở NAM KỲ VỪA RỒI

Trung lập *ra chiều 23 để ngày 24 Juin, Bổn báo Tổng lý có lời ngỏ cùng ông Nguyễn Phan Long, chủ nhiệm* Đuốc nhà Nam, *về sự lập những cái luận điểm (points de discussion) cho cuộc bút chiến của hai bên. Song* Đuốc nhà Nam *ra trưa ngày 24, nghĩa là sau số có lời ngỏ của Bổn báo Tổng lý, ông Long không có lời nào nói về sự đó hết. Như vậy tỏ ra là ông Long không biết cách làm báo đúng đắn, không kể lời chúng tôi vào đâu, không muốn theo đường bút chiến chánh đáng, tuyệt nhiên chúng tôi không có thể đem lẽ phải mà nói với ông được. Vậy* Trung lập *bắt đầu từ số nầy công kích một cách chánh thức, không đợi bên địch có nhận những luận điểm ấy hay không. Dầu vậy, chúng tôi cũng cứ giữ mà công kích nội trong vòng những luận điểm của chúng tôi đã lập lên ở hai số trước, thề quyết không hề công kích đến cá nhân nào. Nhưng đến khi nếu bên kia dùng cách tiểu nhân mà công kích cá nhân thì chúng tôi cũng phải bất đắc dĩ mà dùng cách ấy để đối phó lại với họ.*

T.L.

I. CÁI THÁI ĐỘ HẰNG HỜ VÀ KIÊU CĂNG CỦA ÔNG NGUYỄN PHAN LONG, CÁC ÔNG HỘI ĐỒNG QUẢN HẠT, ĐẢNG LẬP HIẾN VÀ *ĐUỐC NHÀ NAM*

Đuốc nhà Nam ra ngày 23-24/6, ông Nguyễn Phan Long cả gan vu cáo cho *Trung lập* chúng tôi là binh vực đảng cọng sản,

phản đối với phần đông quốc dân, mà lý do của ông không sung túc. Trong số *Trung lập* trước, chúng tôi đã phân cớ sự ấy cùng trên là chánh phủ, dưới là quốc dân rồi. Nếu sau nầy "ra trước mặt pháp luật" mà ông Long không đủ lẽ để binh vực cho lời nói khống tố của ông thì cái tội vu cáo, ông sẽ không chạy đi đâu cho thoát. Bởi vậy, về sự đó, chúng tôi không vội chi nói đến ; hôm nay chúng tôi xin nối lời trong *Trung lập* ngày 21 Juin mà công kích cái thái độ ông Nguyễn Phan Long, của các ông Hội đồng quản hạt, của đảng Lập hiến, của *Đuốc nhà Nam* đối với các cuộc biểu tình ở Nam kỳ vừa rồi.

Điều thứ nhứt, chúng tôi công kích ông Nguyễn Phan Long, các ông hội đồng quản hạt, đảng Lập hiến không chăm chỉ về việc phận sự mình, ra dáng hẳng hờ, nhứt nhát, gặp khi trong xứ có việc rối ren, trên chánh phủ nhọc lòng dưới nhơn dân bị hại mà nỡ ngồi yên, không đứng ra mà can thiệp.

Thật vậy, trong khoảng từ ngày 1er Mai đến ngày 4 Juin, có cả thảy gần đến mươi cuộc biểu tình, chính là lúc chánh phủ cần giữ cuộc trị an, sao không thấy các ổng đến quan Thống đốc mà phân trần lẽ gì, hay là đăng lên báo, lấy danh nghĩa đảng Lập hiến hay là danh nghĩa Hội đồng quản hạt mà chánh thức tuyên bố cho nhân dân về sự lợi hại làm sao ? Đợi cho đến ngày 6 Juin, mọi nơi đã yên rồi, quan Thống đốc gõ điện thoại mời ông Long, ông ấy bèn cùng đồng liêu mình lên hầu chuyện quan Thống đốc ; sau đó mới chịu đăng báo mà nói nầy nói kia thì đã trễ quá rồi.

Đuốc nhà Nam ngày 23 Juin, ông Long có binh vực cho mình rằng vì các cuộc biểu tình hồi đầu không có ý cọng sản, đến sau thấy có ý cọng sản, nên các ổng mới can thiệp vào, như vậy thì sự can thiệp của các ổng không phải là muộn. Song chúng tôi phải lấy sự thực làm chứng, để tỏ ra rằng lời đó là lời nói quanh.

(*Kiểm duyệt bỏ*)

Ông lại hỏi chúng tôi làm sao biết ngày 4 Juin thì mọi việc biến động đã yên. – Sao lại không biết ? Hễ thấy không có biểu tình ở đâu nữa hết thì biết là yên chớ sao ? Mà không yên sao đặng ? Có người nào là người liều mạng mãi được sao mà không yên ?

Mà đừng nói dài lời làm chi ! Cái bổn phận các ông làm Hội đồng quản hạt là phải can thiệp ngay vào việc nầy từ hồi đầu. Cái mục đích can thiệp để làm gì ? Là trước cho chánh phủ vững nền trị an, sau cho anh em dân nghèo khỏi bị thiệt mạng.

Đáng lẽ các ông phải can thiệp mà xin chánh phủ đổi cách đối phó rồi, hà tất đợi đến một tháng trời làm chi ?

(*Kiểm duyệt bỏ*)

nếu các ông quả có lòng yêu nước thương dân thì cái lòng ấy há để các ông ngồi yên mà ngó hay sao ?

Theo các lẽ trên đó thì trong cuộc biến động mới rồi đây, hết thảy các ông là người có phận sự đều tỏ ra cái thái độ hẫng hờ, thờ ơ, nhút nhát, chẳng được việc gì cho chánh phủ và quốc dân hết.

Chúng tôi nói các ông nhút nhát, là vì thấy cái thái độ hẫng hờ thờ ơ ấy mà biết rằng hồi đầu các ông sợ đủ ba bên bốn bề, sợ chánh phủ, sợ quốc dân, sợ cọng sản, mà không dám can thiệp. Sau có ông De Lachevrotière tố cáo các ông trong báo *La Dépêche*, các ông mới sờn tóc gáy lên ; kế đến quan Thống đốc mời, rồi các ông mới thậm thà thậm thụt mà đến hầu chuyện ngài. Nhút nhát như vậy mà lại còn nói cầu cao nữa. *Đuốc nhà Nam* nói rằng có quan Thống đốc mời mới đến ; nếu không thì các ông có đến làm chi ? có can thiệp làm chi ?

Bây giờ chúng tôi hỏi thiệt các ông. Các ông có dám nhận rằng nhờ các ông can thiệp từ ngày 6 Juin mà cuộc biến động mới yên không ? Nếu các ông không nhận thì sự can thiệp của các ông ra vô ích. Bằng các ông nhận thì, quả thiệt các ông dám xóa bỏ hết những công cán của quan Toàn quyền, quan Thống đốc và của các

quan võ, của các toà cảnh sát, của cả đội pháo binh. Lý sự sờ sờ ra như vậy, chúng tôi đố các ông chạy đường nào cho khỏi mang tiếng hẫng hờ, thờ ơ, nhút nhát ?

Lại còn nếu các ông nhận sự yên ổn nầy là nhờ công can thiệp của các ông thì người ta lại có thể chỉ ngay vào mình các ông mà nói rằng chính các ông là cọng sản. Cái chứng cớ rành rành ra đây nầy : Sao chánh phủ dẹp cả tháng không yên mà các ông chỉ ra nói mấy tiếng thì yên liền ? Như vậy, duy có chính các ông là cọng sản hiệu lịnh tự các ông cho nên mới buông ra và thâu vào dễ dàng như vậy.

Nhưng cái đó là nói mà nghe, chớ *Trung lập* có phải tiểu nhân như ai đâu mà hòng vu cáo cho người ta. Tuy vậy, biết đâu được ? Nếu chính mình các ông là cọng sản thì ai biết được ?

Bài tiếp đây sẽ nói về điều thứ hai.

TRUNG LẬP

Trung lập, Sài Gòn, s.6181 (26.6.1930)

II. CÁI THÁI ĐỘ HẪNG HỜ VÀ KIÊU CĂNG CỦA ÔNG NGUYỄN PHAN LONG, CÁC ÔNG HỘI ĐỒNG QUẢN HẠT, ĐẢNG LẬP HIẾN VÀ *ĐUỐC NHÀ NAM* (tiếp theo)

Điều thứ hai. – Theo như điều thứ nhứt đã kể trong số hôm qua thì cái phận sự các ông buộc các ông phải can thiệp vào các cuộc biểu tình ngay từ ban đầu. Đừng nói đến sự nhân dân bị thiệt mạng làm chi, hễ là một bên chánh phủ, một bên dân có sự không hiểu ý nhau mà sanh ra rắc rối là các ông phải đứng làm thông ngôn liền cho hai bên mới được. Cái nầy, ông hội đồng Dược ngày 25 Mai gặp quan Toàn quyền ở miệt dưới mới chịu mở miệng nói mấy lời. À ! té ra may có ngài xuống đó gặp ổng ổng mới có được mấy lời ấy, không thì thôi, hội đồng đi đằng hội đồng, dân đi đằng

dân, chánh phủ đi đằng chánh phủ ! Vậy mà cũng đòi ra gánh lấy phận sự, làm đại biểu cho dân, là đại biểu cái gì ?

Tuy vậy mà chúng tôi cũng khá khen cho ông Dược, còn hơn các ông kia là người ở sát một bên quan Toàn quyền quan Thống đốc đây mà vẫn cứ làm lơ. Làm lơ cho đến chừng quan trên gõ điện thoại mời mới chịu tới. Các ông sao mà tình tệ dữ quá vậy ?

Chúng tôi vẫn biết trong cuộc biến động lần nầy là có nhiều nỗi khó khăn lắm. Cái phận sự các ông tuy buộc các ông phải can thiệp từ đầu, nhưng trong sự can thiệp đó có dễ chi ! Cho nên các ông sợ khó mà làm thinh nằm nhà, đợi cho đến quan trên mời, mới chịu ra, cái đó tuy đáng trách mà cũng còn lượng thứ cho các ông được. Lượng thứ, vì sự can thiệp là khó, đã khó thì còn ai nỡ ép các ông ?

Cái chỗ đáng trách các ông hơn nữa là các chỗ kiêu căng của các ông.

Chúng tôi không hiểu vài bài tuyên ngôn của các ông trong *Đuốc nhà Nam* từ ngày 7 Juin về sau đó mà được có hiệu nghiệm là bao nhiêu ? Nếu quả những lời ấy thiệt có đắc lực lắm như thang thuốc hồi dương sanh mạch, bịnh đã tắt hơi rồi, đổ vô liền sống lại, thì sao trước đó một tháng trời mà chủ bịnh chẳng thèm mời thầy, mà thầy cũng chẳng hề mang gói đến ? Sau khi người ta đã xài đến những vị thuốc mãnh liệt làm cho con ma đau sợ mà chạy mất rồi, các ông mới đem tới vài liều thuốc bột mà đổ, có ăn thua gì đâu mà các ông muốn bợ lấy cái tiếng *hậu dược thành công* ? Mà vài liều thuốc bột đó các ông có đổ trót cả được đâu, các ông nhớ lại có phải là đổ vô mà bị phun ra hết một mớ hay không ? Cái thí dụ nầy chúng tôi muốn nói bóng về sự những truyền đơn khắp nơi rải ra phản đối các ông sau khi can thiệp.

Cái sự người ta phản đối các ông nó hoặc giả có nhiều nguyên nhơn, song một cái nguyên nhơn chắc chắn là trách các ông sao can thiệp vào hơi trễ quá. Bây giờ muốn kiếm cớ gì mà nói lại

chẳng được, nhưng chính hồi đó dư luận ở ngoài ai cũng chỉ trích các ông muôn miệng một lời như vậy.

Có điều các ông không nghĩ, chớ trong đám các ông có nhiều người chỉ một mình mà gánh hai cái gánh, ấy là những người đã làm đại biểu cho dân lại còn có chưn trong đảng Lập hiến nữa. Cái trách nhiệm của một người dân biểu thế nào, các ông há còn phải đợi ai cắt nghĩa ? Song đến cái trách nhiệm của đảng viên Lập hiến, có lẽ vì đã lâu ngày quá rồi các ông quên.

Mười năm về trước, chính ông Albert Sarraut đã đặt cái tên "*Constitutionnaliste*" mà dịch ra kêu bằng Lập hiến đó là nghĩa làm sao ? Có phải là cho các ông hiệp lại những người đồng chí định lập một cái đảng hành động ở dưới quyền chánh phủ Pháp, nhắc cái trình độ nhân dân cao lên, ngõ hầu một ngày kia lập cho xứ nầy một nền hiến pháp không ? Nếu các ông cũng hiểu nghĩa "Lập hiến" như chúng tôi vậy, thì cái trách nhiệm ấy nó nặng là dường nào.

Hồi bình nhựt, đảng các ông làm những việc gì trong mười năm nay, – cái lịch sử nầy cũng vinh quang lắm ! – để sau rồi chúng tôi sẽ nhắc lại. Song chỉ nói trong một lúc biến động nầy đây, cái đảng nghĩa của các ông đó, nếu các ông mà nhớ ra, thì nó có thúc giục các ông, bắt phải can thiệp ngay từ đầu không ? Trời đất ơi ! lấy theo cái thái độ hẳng hờ của các ông mà đoán thì quả thiệt các ông đã trả lời rằng "không" ! Nói riết rồi nó cũng ra một thứ tuồng như trên kia : đảng đi đằng đảng, dân đi đằng dân, chánh phủ đi đằng chánh phủ !

Ừ ! thầy thuốc đổ thuốc vô mà kẻ bịnh phun ra, lẽ đáng xách gói mà đi cho sớm. Cái nầy lại còn đứng nói giang ca, văn nầy thế nọ, ý muốn tranh công với những thứ mạch dược kia nữa, thì cái kiểu lương y ấy còn ai xài được nữa ư ?

Chúng tôi chẳng nói vu cho các ông chút nào hết. Chính trong báo *Đuốc nhà Nam* đã muốn đổ cái công "xử trí" về các ông, cho đến trong tờ *Tribune Indochinoise* cũng vậy nữa. Như vậy mà

chúng tôi gia cho các ông hai chữ kiêu căng, thiệt là xác đáng, không có oan cho các ông chút nào đâu.

Thiệt tình *Trung lập* chúng tôi trước kia đối với *Đuốc nhà Nam*, chẳng có gì ác cảm hết. Nhưng từ khi thấy cái thái độ của tờ báo ấy như vậy, chúng tôi nghĩ mà cười thầm. Chúng tôi tưởng không thể nói ngay làm chi cho mất lòng, thì nói tránh nói ghé, một là cho đỡ sự tức cười, hai là hoặc giả các ông thấy mà tỉnh ngộ chăng. Chẳng dè ông Long lại nhè chỗ đó trách chúng tôi nhiều lời thậm tệ. Thôi để rồi số tới chúng tôi sẽ giải nghĩa chỗ đó.

TRUNG LẬP

Trung lập, Sài Gòn, s.6182 (27.6.1930)

III. TẠI SAO LUÔN TRONG MẤY SỐ *TRUNG LẬP* CƯỜI *ĐUỐC NHÀ NAM*

"Khi đáng cười thì cười, người ta chẳng nhàm sự cười của nó."
(Luận ngữ)

Những luận điểm chúng tôi lập ra lần đầu có ba điều của *Đuốc nhà Nam* trách *Trung lập*, mà hai điều trên thì chúng tôi cắt nghĩa rồi trong số ra ngày 23 Juin ; còn một điều chót, xin giải minh ra hôm nay.

Điều ấy như vầy : *Đuốc nhà Nam* trách *Trung lập* sao có xỏ xiên châm chọc mình, và reo cười giễu cợt trong khi nhà nước có việc.

Đó, xin độc giả ghi lấy điều *Đuốc nhà Nam* trách chúng tôi như vậy đó, rồi xem xuống dưới nầy là những lời tự biện hộ lấy của chúng tôi.

Có thiệt. Sự chúng tôi châm chọc *Đuốc nhà Nam* thì có thiệt, nhưng nói rằng xỏ xiên thì khí quá. Lại giễu cợt và mỉm cười thì có, chớ có đâu đến nỗi cười reo ? Mỉm cười và cười reo, một đàng là do sự nói ra không tiện, một đàng là do sự quá vui, khác nhau xa lắm. Chúng tôi há phải là kẻ mất lương tâm đâu mà lại lấy làm quá vui trong dạo nầy ?

Trong *Trung lập* có mục "*Những điều nghe thấy*", ấy là chúng tôi đổi đi một chữ của cụ Nguyễn Du để giãi tỏ một vài chỗ "đau đớn lòng" của chúng tôi. Trong mục đó, tác giả thường dùng lối văn giả ngộ, pha trò, để phẩm bình mọi sự chạm đến tai mắt mình, mà ở trong có ngậm một cái ý chua cay tha thiết. Chẳng dám chắc rằng sự phẩm bình trong mục ấy là có ích gì cho xã hội, song dám chắc rằng bất kỳ ai, đã đọc mục ấy, cũng phải chứng nhận cái "cười ra nước mắt" của kẻ thương đời.

Trong *Kinh Thi*, là sách mà ông cha ta đã đọc mấy mươi đời nay có phần *Quốc Phong* và *Tiểu Nhã*, tại đó luôn luôn có những bài thơ phúng thứ. Phúng thứ nghĩa là chế nhạo châm chọc. Các nhà giải kinh có nói về chỗ đó rằng : Cái lối thơ phúng thứ ấy hay lắm, kẻ nói ra không phải tội, mà kẻ nghe đủ để răn mình. Gặp khi nào hay là việc gì mà không có thể nói thẳng ra được, thì dùng lối văn đó thiệt có phần đắc lực lắm. "Những điều nghe thấy" của tờ báo nầy là tổ thuật cái ý sâu của *Phong, Nhã* đó.

Trung lập từ ngày 2 Mai trở đi mỗi số đều có bài trong mục ấy luôn luôn. Duy từ hạ tuần tháng Mai bước qua cho đến nửa tháng Juin, thì bữa có bữa không, có khi tiệt hẳn luôn cả tuần lễ chẳng có bài nào hết ; cho đến "Ý kiến Trung Lập" cũng vậy. Sự đó chẳng phải chúng tôi dám xao lãng sự điều độ trong nghề nghiệp mình đâu ; nhưng cái cớ nó, là tại... độc giả mạnh ai nấy hiểu(*).

Giá mà đừng có chuyện chi hết thì chúng tôi há chẳng muốn ngồi tề tĩnh cho khoẻ hay sao, lại cười làm chi cho đau ruột ? Song le, cuộc thế cớ trêu, việc người lắm nỗi, bỏ thì thương, vương thì nặng, nặng thì vương.

Bắt đầu từ ngày 16 Juin, *Trung lập* nơi mục "Những điều nghe thấy" mới lại có bài "Người đàn bà giỏi thiệt" ; kế ngày 17 có bài "Mất quyền làm thinh"; ngày 19 có bài "Dân ngu" ; cho đến ngày 21 là khi *Trung lập* đã có sự lôi thôi, nói qua nói lại với *Đuốc nhà*

(*) Có thể tác giả muốn nói đến hoạt động của sở kiểm duyệt.

Nam rồi, chúng tôi tính cười một bữa cho hả hơi, bèn có bài "Kêu hùn lập hội". Bây giờ đây, trước mặt *Đuốc nhà Nam* và trước mặt độc giả, mà chúng tôi lại đi chối ngược chối xuôi hay sao ? Nếu vậy chẳng là chúng tôi hèn lắm đi giờ ? Chúng tôi phải rón rén mà khai thiệt ra rằng trong mấy bữa đó chúng tôi cười là là cười *Đuốc nhà Nam* vậy, *Đuốc nhà Nam* làm lơ mà đi đi thì thôi, còn *Đuốc nhà Nam* xây quoái lại[*], hỏi cười ai, thì *Trung lập* phải thú thiệt với người bạn mới vừa "xẻ chiếu", của mình rằng : Tôi cười anh !

- Làm sao chú lại được cười tôi ?

Nếu *Đuốc nhà Nam* hỏi câu ấy thì *Trung lập* khỏi phải trả lời, chỉ xin *Đuốc nhà Nam* giở mấy số *Trung lập* ngày 21, 26, 27 Juin ra mà coi ; và về phần độc giả, chúng tôi cũng chỉ xin như vậy. Ba bài trường thiên trong ba ngày ấy của *Trung lập* sẽ trả lời thế cho chúng tôi tại làm sao dám cười *Đuốc nhà Nam*, cười đảng Lập hiến, cười các ông Hội đồng quản hạt, cười ông Nguyễn Phan Long.

Coi cho kỹ ba bài đó thì thấy ra các ông hết thảy đều có cái thái độ hẳng hờ nhút nhát đối với thời cuộc mới rồi. Các ông đợi cho sự biến động đã yên rồi mới đăng đàn diễn thuyết, thì khác nào trong một lớp tuồng kia, hai ông tướng đánh trận nhau đã chán, trên sân khấu vắng tanh, rồi có năm bảy chàng kia đội mão quạ vác cờ ra huội huội ! Nếu các ông coi hát gặp lớp tuồng ấy mà nín cười được, thì các ông mới mạnh miệng mà cấm chúng tôi cười cái lớp tuồng của các ông.

Huống chi thứ chất hơi kêu bằng gaz lacrymogène[**] kia mà quả là thứ đáng dùng để thay cho súng, thì làm sao hơn một tháng trời chẳng đem ra mà hiến kế cho quan trên ? giá nhà hóa học Nguyễn tiên sanh hiến cái kế ấy ở ngày 1er Mai, thì nhà nước đánh ngay giây thép về Tây mua đem qua, cũng còn kịp dùng trong những cuộc biểu tình tối hậu ở Hóc Môn, Đức Hòa là hai nơi mà tình

---

(*) xây quoái lại (chữ "quoái" viết không đúng) có lẽ như "xoay ngoái lại".
(**) gaz lacrymogène : hơi cay ; khí làm chảy nước mắt.

hình nghiêm trọng hơn hết. Hỡi gaz lacrymogène ơi ! nhà ngươi làm hề trước mặt chúng ta, biểu chúng ta sao đặng mà chẳng cười ?

Cái cười nầy không phải là cười dại đâu. Cười cho thiên hạ biết cái lòng yêu nước thương dân là vậy đó ! Cười cho thiên hạ biết cái phận sự dân biểu và đảng viên Lập hiến là vậy đó ! Cái cười dẫu có ngàn vàng chưa dễ mua ấy mà bị trách ư ?

TRUNG LẬP

Trung lập, Sài Gòn, s.6183 (28.6.1930)

IV. Ý KIẾN TRUNG LẬP VỀ VẤN ĐỀ RUỘNG ĐẤT(*)

Cuộc bút chiến *Đuốc nhà Nam – Trung lập* từ hôm phát ra tới nay, lời lẽ của hai bên thế nào, tưởng độc giả đều rõ hết. Bên *Đuốc nhà Nam*, sau khi đã nhận lỗi, trong số ra ngày 27, chỉ rút lại còn có một cột để nói chuyện với chúng tôi, mà nói một cách lơ lơ lửng lửng, nghe buồn quá. Tuy trong ngày ấy ông Long cũng có viết trong *Tribune Indochinoise* ra giọng khinh *Trung lập* nữa, nói rằng từ rày bài bút chiến với *Trung lập* chỉ đăng vào phụ trương *Đuốc nhà Nam* nhưng coi bộ ông đuối rồi chừng như không muốn đánh nữa, nếu chẳng thế thì sao câu ấy không viết trong báo quốc ngữ mình mà lại viết trong báo chữ Tây ? À ! chúng tôi biết tánh và ý ông rồi, cũng bằng lòng để cho ông đứng xây mặt lại mà thở một lát rồi sẽ hay.

Hôm nay chúng tôi xin đáp câu hỏi của *Đuốc nhà Nam* ép *Trung lập* trả lời mấy bữa nay.

Trước khi đáp, xin có mấy lời nhắc lại. Số là hôm trước ông Long hỏi chúng tôi hai câu : một là *Trung lập* có về phe với cọng sản hay không ? hai là có tán thành hay không tán thành điều yêu cầu của dân biểu tình xin chánh phủ lấy ruộng đất nhà giàu chia cho nhà nghèo ?

(*) bản gốc bị rách, đề mục chỉ còn mấy từ "Ý kiến trung (...) ruộng (....)" ; người sưu tầm tạm đoán tên mục như trên.

Câu hỏi thứ nhứt, chúng tôi đã lấy lời của *Đuốc nhà Nam* mà chứng minh ra là nó không thành lập được. Vì trong khi báo ấy cáo *Trung lập* về phe với cọng sản thì cũng cáo luôn *Trung lập* một tụi với Homberg, thế là nói xuôi cũng được, nói ngược cũng xong, tự mình phản đối lấy mình, còn đem cái câu vô lý ấy mà hỏi ai được ? Huống ở trong còn có cái ý xấu dắt người xuống giếng, bị bạn *Công luận* vạch ra chi hậu, bên kia hình như cũng hối ngộ, nên trong số mới rồi chỉ để còn có một câu sau mà thôi.

Câu hỏi thứ nhì là do câu thứ nhứt mà ra ; nay câu thứ nhứt đã đổ đi thì câu thứ nhì còn đứng với ai được ? Lẽ thì Bổn báo cũng bỏ luôn đi không đáp, song sẵn dịp [. . . . .](*) cũng chẳng mất chi [. . . . .](*) là ích lợi nữa, thì đáp [. . . . .](*).

Mấy hôm trước chúng tôi thấy ông Long viết trong *Đuốc nhà Nam*, kể những lịch sử cọng sản bên Nga về chế độ ruộng đất thế nào, thiệt chúng tôi chẳng buồn đọc đến. Vì chúng tôi tuy văn kiến không rộng bằng ông, chớ cũng đọc được những sách nói về cọng sản bên Nga, vừa chữ Tây vừa chữ Tàu, chừng chỗ năm mười bộ. Đọc thét rồi chúng tôi chẳng biết thế nào mà tin cả, đành phải đánh vài ba cái dấu hỏi rồi để đó.

Huống chi cái sự dân biểu tình xin chia ruộng thiệt là một việc chẳng thành ra vấn đề. Phải chi cái việc ấy có ai gợi ra giữa Hội đồng quản hạt thì hoặc giả nó thành vấn đề chăng ; chớ cái nầy, thứ họ xin thập ngộ như vậy, có ăn thua vào đâu mà nghiên cứu làm chi cho nhọc trí ? Có ai muốn được bụng những tay điền chủ lớn thì họ nghiên cứu lấy, chớ chúng tôi đây chỉ cho là câu chuyện vu vơ, chẳng đáng nói làm chi.

Chúng ta ở dưới cái chế độ tư sản thì cứ nói chuyện tư sản. Chữ "tư sản" đây chúng tôi dùng để chỉ nghĩa là "của riêng". Của riêng tức là ai giỏi làm ra của thì cứ việc giữ làm của mình, muốn

(*) các chỗ này báo gốc bị rách, mỗi chỗ mất từ 1 đến 4 từ.

mua đất bao nhiêu thì mua ; hay là không muốn mua đất mà mua vàng cũng tùy ý. Cái chế độ ấy là cái chế độ hiện thời của ta đây, sao không nói, mà lại đi nói những chuyện đâu đâu ?

Thiệt vậy, câu chuyện tư sản đây mà nói còn chưa xong, huống chi là câu chuyện cọng sản ! Đất ruộng của dân nghèo đem mồ hôi nước mắt khai khẩn ra mà còn chưa giữ được huống chi là nói đến chuyện lấy đất ruộng nhà giàu mà chia cho nhà nghèo. Thôi, nên dẹp những chuyện vông vông vẩn vẩn không đâu vào đâu ấy lại một bên, mà nói chuyện thiết thiệt giữa xã hội nầy là hơn.

Về miệt đông nam xứ Nam kỳ như mấy hạt Sóc Trăng, Cà Mau, Rạch Giá, thường xảy ra những vụ kiện ruộng đất luôn luôn. Tức như vụ đồng Nọc Nạn mới cách vài ba năm trước đây là một. Vụ nầy lại còn ghê gớm đến nỗi đổ máu nữa, hẳn ai cũng còn nhớ chết hết một người Pháp với năm người An Nam. Có người nói rằng cái túi bạc của chú Bang nọ giao cấu với lòng căm tức của một gia đình ông Hương chủ Luông, rồi đẻ ra thằng con, đặt tên là thằng cọng sản.

Rồi đây chúng tôi có dịp sẽ đem tang chứng ra. Đây chỉ nói sơ vài câu đại khái. Ở những miền nhiều đất hoang ấy, có những kẻ đến đó thí công khai phá trải năm mười năm, lập gia cư ở tại chỗ, hằng năm gieo trồng và thâu huê lợi. Vậy mà thình lình có những tay nhiều tiền lại có thế lực, tự nhiên sai đầy tớ vác cày xuống đất họ mà cày ! Hỏi thì té ra mấy ông nầy có làm đơn trưng thuế rồi, ruộng thì là của người kia nai lưng kịch ra khai phá trong bao nhiêu năm song cái quyền sở hữu thì lại khi không mà thuộc về cái anh to tiền lớn thế nọ.

Vậy rồi làm sao ? Có làm sao đâu ? Cứ hễ có giấy mực ở quan là được ruộng ; còn người kia tuy có công lao thiệt, có nhà cửa ở đó thiệt, song le dốt nát không có đơn trưng khẩn, không có lập bộ, không có đóng thuế điền thì là thua. Biết vậy rồi thì cái người bị cướp đó ngậm hờn nuốt giận mà chịu phép cả đời làm tá điền ; còn

ông giàu kia, xưa là kẻ cướp nay là chủ nhà, vênh mặt lên làm ông điền chủ mà càng ngày càng thêm giàu vậy. Trong đám bị cướp đó phần nhiều nín thinh mà chịu ; còn những người tức quá không nín được thì âu chi là liều chết theo với cái mồ hôi nước mắt của mình, tức như bà con ông Hương chủ Luông.

Đó là cái vấn đề ruộng đất ở Nam kỳ ngày nay có một chỗ trọng yếu nhứt là chỗ đó. Ai muốn nghiên cứu và giải quyết vấn đề ruộng đất thì nên chăm chỉ vào chỗ nầy. Chớ còn sự lấy ruộng nhà giàu chia cho nhà nghèo, có lẽ là sự người ta nói giỡn, cũng như nói "gỡ cái mặt trăng xuống cho em chơi" là nói láp dáp mà nghe kẻo buồn. "Tán thành hay không tán thành ?" – Chúng tôi thấy trong câu hỏi ấy có cái khí vị trẻ con lắm, không chịu được !

Rất đỗi ruộng của nhà nghèo cháy da phỏng trán khai khẩn ra mà nhà giàu đoạt lấy, đòi lại còn không đặng thay ; vậy mà biểu lấy ruộng của nhà giàu chia cho nhà nghèo, thiệt là chuyện mèo đẻ ra trứng ! "Tán thành hay không tán thành ?" – câu ấy mà lại đem hỏi chúng tôi sao ? Thiệt chẳng thà chưởi chúng tôi, chúng tôi còn không giận !...

Các ông trong đảng Lập hiến, các ông Hội đồng quản hạt quả có ý làm tiêu cái họa cọng sản thì nên chịu khó điều tra cái vấn đề nói trên đó, xét của người nào thì xin chánh phủ lấy mà trả cho người ấy, đặng cho dân chúng ở yên dưới cái chế độ tư sản mà làm ăn, khỏi bị cướp bóc là hơn, chớ xin đừng hỏi chúng tôi tán thành hay không tán thành cái điều yêu cầu kia làm chi.

TRUNG LẬP

Trung lập, Sài Gòn, s.6184 (30.6.1930)

SỰ KHỐNG CÁO CỦA *ĐUỐC NHÀ NAM* THÊM VINH DỰ CHO TÒA SOẠN *TRUNG LẬP*

Trung lập đề ngày 25 Juin xưng rằng mình công kích *Đuốc nhà Nam* phen nầy là giành lại cái nhân cách của người Việt Nam dưới bàn chưn kẻ vô lễ ; ấy là sự quan hệ đến thói liêm sỉ của sĩ phu. Cái luận điệu ấy chánh đáng lắm. Thật vậy, ai nấy nghe thấy đều lấy làm cảm động, dầu bên đối địch cùng chúng tôi cũng vậy.

Thế nhưng họ còn kiếm lời văn quá, *Đuốc nhà Nam* ngày 25 Juin chỉ trích rằng *Trung lập báo* nguyên là của ông Homberg, phụ thuộc với tờ báo tây *Impartial*, mà chúng tôi nhúng tay vào đó ; rồi họ nói xa nói gần, ý muốn cho chúng tôi là vô sỉ.

Lời tố giác ấy thiệt chúng tôi chẳng hề lấy làm lo một thí nào hết.

Thiệt có như lời họ nói trên kia, *Trung lập* là nguyên của Homberg thiệt, phụ thuộc với *Impartial* thiệt, sự ấy còn ai mà chẳng biết, chúng tôi cũng chẳng hề chối sự ấy cùng ai.

Nhưng hiện nay thì *Trung lập* đã đoạn tuyệt quan hệ với *Impartial* rồi về hết thảy mọi phương diện. Sự ấy cũng lại ai nấy đều biết vì chánh báo *Impartial* đã có thanh minh để trả lời cho tờ *Tribune Indochinoise*.

Mà dầu cho tờ báo nầy là của người Tây đi nữa cũng mặc, chúng tôi cứ lấy lẽ công bình, lòng thành thực mà viết ra trên đó, mong làm ích lợi cho quốc dân, thì chẳng hơn là có một tờ báo An Nam nào khác mà trở lại gây ác cảm với đồng bào sao ?

Ở dưới thế lực của người ta mà lại tỏ bày được ít nhiều ý kiến của

mình, chúng ta nhận cho sự ấy theo cái hoàn cảnh ta đây, là nên làm lắm, chẳng có gì si nhục hết. Vậy thì sự tố cáo của *Đuốc nhà Nam* đó hoặc giả họ định phô trương ra để thêm vinh dự cho chúng tôi cũng chưa biết chừng.

Có một điều chúng tôi rất tự tín, là những ý kiến và văn chương của *Trung lập* chúng tôi, từ bấy đến giờ chẳng có một chút nào là có đắc tội với quốc dân hết. Đồng nhân tòa soạn chúng tôi xin hứa rằng sẽ giữ luôn cái tôn chỉ ấy mà tấn tới mãi thì dầu cho ai vu cáo chúng tôi đến nỗi nước nào cũng chẳng làm hại được chúng tôi.

Cái trình độ đọc báo của quốc dân ta ngày nay đã cao lắm, ai nấy đều cứ trên tờ báo mà phán đoán, chớ chẳng thèm kể đến cái tên nó là *Trung lập* đã bị tẩy chay một lần rồi.

Vì chúng tôi tin ở mình lại tin ở cái cao kiến của độc giả, cho nên quả quyết mà nhận việc biên tập tờ *Trung lập*, chẳng sợ sệt chút nào mà cũng chẳng áy náy chút nào hết. Những lời vu hãm kia chỉ làm cho kẻ bày đặt ra nó sẽ bị lương tâm cắn rứt mà thôi.

Tòa soạn TRUNG LẬP

Trung lập, Sài Gòn, s.6183 (28.6.1930)

ĐUỐC NHÀ NAM BIẾT PHẢI *TRUNG LẬP* RÚT BỚI ĐI MỘT MẶT QUÂN

Hồi đầu *Trung lập* phân quân công kích *Đuốc nhà Nam* hai mặt. Một mặt chuyên đánh cái sự vô lễ của *Đuốc nhà Nam* ; một mặt chuyên đánh cái thái độ đối phó với thời cuộc của chủ nhơn tờ báo ấy.

Trung lập ra chiều ngày 24 Juin có tuyên bố rằng sẽ công kích cái sự vô lễ cho đến ngày nào *Đuốc nhà Nam* nhận lỗi mới hết công kích. Trong hai ngày nay tạm nghỉ mặt trận ấy đi, là để cho người ta có thì giờ mà tự xét lấy mình.

Quả nhiên *Đuốc nhà Nam* ngày 26 Juin trong bài "*Đuốc Nhà Nam*" *can đảm lắm mà*, từ cột nhứt hàng 86 cho đến cột thứ nhì hàng 30, luôn hai đoạn dài tờ báo ấy trực trần sự sai lầm của mình và nói phân minh rằng "Xin lỗi với bạn đồng nghiệp *Trung lập báo*".

Sự cải quá vẫn là sự tốt, nhưng mà cái lời nhận cựu của người ta, mình đem đăng lên báo mình, lại là sự tiểu tâm, cho nên xin miễn đăng những lời ấy của *Đuốc nhà Nam.*

Vậy bắt đầu từ hôm nay *Trung lập* theo lời tuyên bố hôm chiều 24 Juin mà không công kích sự vô lễ ấy nữa, tức là rút bớt một mặt quân. Còn một mặt bên kia thì cứ tấn công như thường.

Xin bà con thị chiến ở ngoài đừng thấy vậy mà hô lên rằng *Trung lập* đắc thắng ! Chưa được. Để coi ....

Trung lập, Sài Gòn, s.6183 (28.6.1930)

KÍNH CÁO ĐỘC GIẢ VỀ CUỘC BÚT CHIẾN CỦA *TRUNG LẬP* CHÚNG TÔI VỚI *ĐUỐC NHÀ NAM*

Vì một sự bất đắc dĩ mà hơn tuần lễ nay chúng tôi khai chiến với báo *Đuốc Nhà Nam.* Các ngài độc giả đọc những bài trong *Trung lập* về cuộc ấy từ bữa 21 Juin đây, chắc cũng nhận thấy rằng trận bút chiến nầy của chúng tôi tuy có hơi đầu voi đuôi chuột, nhưng thiệt là chánh đáng, theo khuôn phép nhà nghề, không đến nỗi thành ra sự cãi nhau vô nghĩa lý.

Mà chẳng những một *Trung lập* chúng tôi, bên *Đuốc nhà Nam*, dầu lời lẽ khí như lúng túng một chút, chớ cũng vẫn giữ được cái vẻ đúng đắn.

Cái sự đầu voi đuôi chuột, thiệt chúng tôi không thích, nhưng tại bên *Đuốc nhà Nam* số mới rồi chỉ nói sơ với chúng tôi một cột, thì không lẽ chúng tôi lại nói nhiều một mình. Người ta nói ít mà mình nói nhiều, cái đó chẳng những là mất cách lịch sự mà lỗ vốn. Lỗ vốn vì cũng như quân bên địch lơ thơ mà mình bắn nhiều quá, thì tốn đạn mà chẳng chết ai hết.

Bởi vậy hôm nay trước mặt độc giả *Trung lập*, chúng tôi xin tạm ngưng câu chuyện công kích. Nếu các ngài có hỏi vì cớ gì, thì chúng tôi xin thưa rằng vì chúng tôi "thua buồn".

Vậy xin quý độc giả biết rằng từ số sau trở đi, *Trung lập* chúng tôi mỗi số chỉ có một bài lấy tình đồng nghiệp với *Đuốc nhà Nam* cho hết câu chuyện chớ thật không muốn công kích nữa. Cái cớ tại làm sao, đã nói ở trên rồi ; mà không nói, tưởng các ngài cũng biết.

Luôn thể, chúng tôi xin ai nấy biết rằng mấy hôm trước, trong khi công kích, chúng tôi có nhiều lời đùa bỡn ông Nguyễn Phan Long, ấy là theo phép hành binh, lợi hướng nào thì đi hướng ấy, chớ thiệt tình chúng tôi không có khinh dể ổng. Bữa nay trở đi, xin bà con bỏ những lời đùa bỡn ấy ở ngoài tai.

Vả lại từ nay trên tờ *Trung lập* cũng không châm chọc *Đuốc nhà Nam* nữa, miễn là tờ báo ấy không có chỗ nào hớ cho người ta châm chọc được.

Vậy thì cuộc bút chiến của chúng tôi đến bữa nay kể như đã liễu kết rồi. Hỏi ai thắng thì xin trả lời rằng cái chơn lý nó thắng chớ ai ?

TRUNG LẬP

Trung lập, Sài Gòn, s.6184 (30.6.1930)

CÙNG CÁC ĐỘC GIẢ YÊU QUÝ

Có nhiều vị độc giả sẵn lòng hạ cố đến bổn báo mà gởi rất nhiều bài trường thiên đại luận nói về cái thái độ của ông Nguyễn Phan Long, đảng Lập hiến và *Đuốc nhà Nam*, *Trung lập* đồng nhơn chúng tôi lấy làm cảm ơn các bạn lắm.

Song giữa lúc chúng tôi đương công kích bên kia, nếu phải đăng hết những bài ở ngoài gởi đến, thì té ra lấy chúng khẩu mà ăn hiếp người ta, cái đó không phải thủ đoạn của người quân tử, tưởng độc giả các ngài cũng nhận cho như vậy.

Vả lại, nếu bên nầy đăng những bài ngoài gởi đến, thì chắc bên kia họ cũng sẽ đăng những bài ngoài gởi đến ; hoặc không có, họ cũng có thể sẽ bịa đặt ra mà đăng để cho rột đám.

Như thế thì sẽ thành ra một cuộc đấu khẩu của một đám đông người, chớ chẳng phải là một cuộc tranh luận nghiêm trang của hai tờ báo nữa.

Thưa các bạn, cái đó chúng tôi thật tình không thích.

Mà chắc các bạn cũng không thích như chúng tôi.

T.L.

Trung lập, Sài Gòn, s.6190 (7.7.1930)

NÓI VỀ ĐẢNG LẬP HIẾN Ở NAM KỲ(*)

I. CÁI CHỦ NGHĨA CỦA ĐẢNG LẬP HIẾN Ở NAM KỲ

Theo như lời *Trung lập* đã thanh minh trong số vừa rồi, hôm nay chúng tôi lại bắt đầu lấy tình bạn đồng nghiệp nói chuyện với tờ báo *Đuốc nhà Nam* cho hết câu chuyện.

Xin bạn đồng nghiệp, mà cho đến chư vị độc giả cũng vậy, phải biết cho rằng những lời chúng tôi sẽ nói về sau đây chẳng phải là công kích như trước đâu, song chỉ là lấy lòng thành thật cống hiến một vài chỗ sở kiến của chúng tôi. Chúng tôi nói đây chẳng những nhơn danh một nhà ngôn luận mà cũng nhơn danh cái cơ quan *Trung lập* nầy là một phần tử quốc dân nữa.

Hiện nay ở Nam kỳ ta có cái phong trào phản đối đảng Lập hiến và *Đuốc nhà Nam* cùng *Tribune Indochinoise*, là hai tờ báo cơ quan của đảng ấy. Cái phong trào ấy tuy gây nên trong lúc mới rồi bởi sự trễ nải của các ông trong việc can thiệp vào cuộc biến động, nhưng cái nguồn gốc của nó sâu xa lắm, ấy là bởi cái thái độ của đảng Lập hiến lúc bình nhựt mà ra.

Hôm nay đây chúng tôi phê bình cái chủ nghĩa của đảng ấy ra sao, rồi sau sẽ chỉ rõ cái chứng bịnh từ đâu mà bây giờ trở nên như một người đau liệt. Trong khi nói chuyện đây, chúng tôi không có ý châm chọc bươi móc mà nói một cách đường đường chánh

(*) Tên chung của loạt bài này, 2 kỳ đầu đều đề là : *Lấy tình đồng nghiệp nói chuyện cùng Đuốc Nhà Nam*, từ kỳ thứ ba mới lấy đầu đề *Nói về đảng Lập hiến ở Nam Kỳ* (NST).

chánh, cái mục đích là mong cho đảng Lập hiến nghe mà sửa mình, hoặc có làm được việc chi có ích cho quốc gia xã hội mà thôi. Mà nếu đảng Lập hiến thiệt biết sửa mình thì cũng chẳng khó chi mà vớt lại cái lòng người đã mất và làm cho dịu bớt cái phong trào phản động đương sôi nổi vậy.

Khi muốn xem đảng Lập hiến, lẽ đáng xét đến cái ngày giáng sanh của nó và cái lịch sử của nó mười năm trời nay đã làm ra được những việc gì. Nhưng thôi, muốn nghiên cứu đến cùng đầu triệt vì như vậy thì ít nữa cũng phải nói chạm vài người trong đảng, rồi nó sẽ thành ra cái vấn đề cá nhân, chúng tôi không muốn. Bởi vậy chúng tôi chỉ nói về cái chủ nghĩa của đảng ấy mà thôi.

Hôm trước chúng tôi có nói, nhiều năm về trước ông Albert Sarraut đặt tên cái đảng nói đây là *Constitutionnaliste* mà dịch ra tiếng ta là "Lập hiến". Lập hiến, nghĩa là lập cho xứ nầy một cái hiến pháp. Làm sao lại đòi lập hiến pháp ? Lập hiến pháp để làm gì ?

Số là xứ Nam kỳ tuy thuộc dưới quyền nước Pháp là nước "dân chủ lập hiến" hơn 70 năm nay, song sự cai trị trong xứ lại không theo hiến pháp của nước Pháp, mà chỉ theo mạng lịnh của đức Tổng thống, của quan Toàn quyền và của quan Thống đốc Nam kỳ. Như vậy thì nhân dân xứ nầy chỉ có tiếng ở dưới quyền nước dân chủ mà thôi, chớ kỳ thiệt hễ đã tuân mạng lịnh của một vài người thì có khác gì ở dưới quyền dân chủ chuyên chế ? Nước Pháp, cứ như lịch sử, có tiếng là mẹ các nước dân chủ, đẻ ra dân quyền trong thế giới, há nỡ nào để cho dân thuộc dưới quyền mình vẫn còn mê man trong bóng tối sao ? Vì vậy nên mới nghĩ đến sự lập một cái hiến pháp riêng cho xứ nầy.

Hiến pháp ở nước nào cũng vậy, tự nhân dân khi nào biết là cần dùng thì tự lập ra hiến pháp chớ chẳng phải có ai lập thế cho dân. Ở Nam kỳ ta cũng vậy, nếu sau nầy có một cái hiến pháp, cũng sẽ tự quốc dân chúng ta lập lấy cho mình. Đừng có ai tưởng

lầm rằng nước Pháp sẽ ban ơn lập hiến pháp cho chúng ta. Vì nếu vậy thì chẳng khác nào theo mạng lịnh một vài người cai trị, cần gì hiến pháp ?

Hồi mười năm về trước mà cho đến bây giờ nữa, trình độ dân Nam kỳ đã đủ mà lập lấy hiến pháp cho mình chưa ? Nước Pháp trả lời rằng chưa. Bởi vậy nước Pháp bấy giờ mới đem cái tương lai của 5 triệu dân An Nam mà phó thác vào tay các ông đảng Lập hiến, kèm thêm mấy lời như vầy : "Các ông khá hiệp những người cùng tin tưởng cùng một chủ nghĩa với nhau lập nên một cái đảng hành động ở dưới quyền của ta (nước Pháp) đây mà dạy dỗ cho dân các ông, ngõ hầu có một ngày họ đủ trình độ lập một cái hiến pháp, như là tờ giao kèo giữa ta với họ".

Phải, cái chủ nghĩa ban sơ của đảng Lập hiến là vậy đó. Nếu cái chủ nghĩa của họ không phải vậy thì sao đặt tên là Lập hiến ? (Trời ôi ! vậy mà có một vài lần chúng tôi nói chuyện với mấy ông mà người ta kêu là đảng viên Lập hiến, hỏi thử họ cái đảng nghĩa của họ ra sao, thì có người hầu như chẳng biết chi hết, chỉ biết mình là đảng viên Lập hiến, bạn đồng chí với cụ Bùi mà thôi. Chúng tôi nói thêm câu nầy vào đây chẳng phải để cười đảng Lập hiến, nhưng để cho biết nhân tài nước ta còn kém lắm, gọi là hạng người trí thức mà cũng còn như vậy đó, huống lựa là ai !)

Hơn hai mươi năm nay cái ý kiến về chánh trị của người Việt Nam chia ra hai phái, là phái "ỷ Pháp" và phái "bài Pháp". Hồi đó cụ Tây Hồ làm đại biểu cho phái trước, còn cụ Sào Nam làm đại biểu cho phái sau. Cái phái trước, phái ỷ Pháp, chẳng phải là không chánh đáng. Chúng tôi nếu chẳng biểu đồng tình với phái ấy thì thôi, còn ra mà viết báo quốc ngữ chịu đem cái tư tưởng cái ý kiến mình trải ngang qua toà kiểm duyệt làm chi.

Nhưng ta phải rõ chữ "ỷ Pháp" nghĩa là gì. Ỷ Pháp nghĩa là trước hết phải nhìn nhận cái trị quyền nước Pháp tại đất nầy trong

thời kỳ ta ở đây, rồi ta ở dưới quyền ấy mà hành động theo lẽ phải, để dìu dắt đồng bào có ngày lên con đường tự trị và độc lập. Tuy cái chủ nghĩa ấy trái với chủ nghĩa bài Pháp như nước với lửa, song le mỗi bên có một lý do, có một ý kiến, thì bên nào cứ việc đi đường nấy, miễn là có cái mục đích vì đồng bào, vì tổ quốc là nên chớ lại hà tất phải giống nhau làm chi ?

Bất luận đảng Lập hiến ai đẻ ra nó ra, vì cớ gì mà đẻ nó song cứ nội hai chữ "Lập hiến" mà luận thì chủ nghĩa của nó há chẳng phải là chánh đáng sao ? Chẳng phải chúng tôi nói trong nước Nam nầy có một mình cái chủ nghĩa Lập hiến là chánh đáng, song chúng tôi nói rằng nếu có cái chủ nghĩa nào khác là chánh đáng, thì cái chủ nghĩa Lập hiến cũng là chánh đáng như vậy.

Đó, về chủ nghĩa của đảng Lập hiến có ai chê trách chăng thì chúng tôi không biết, cứ như chúng tôi thì vẫn cho là chánh đáng. Vậy mà đảng ấy không mạnh được, bây giờ lại bị người ta công kích nữa thì cái cớ nó ở đâu ?

À, hay là tại không có thế lực chăng ? Bài kế đây sẽ nói về thế lực của đảng ấy.

TRUNG LẬP

Trung lập, Sài Gòn, s.6186 (2.7.1930)

II. ĐẢNG LẬP HIẾN CÓ THẾ LỰC MÀ KHÔNG BIẾT DÙNG

Trong bài trước chúng tôi đã nói cái chủ nghĩa của đảng Lập hiến là đứng được, là chánh đáng ; không phải trong xứ nầy chỉ có một cái chủ nghĩa ấy là chánh đáng, song nếu còn cái chủ nghĩa nào là chánh đáng, thì cái chủ nghĩa của đảng Lập hiến cũng là chánh đáng, chớ chẳng kém chi.

Đã có chủ nghĩa chánh đáng mà nếu không có thế lực, thì đảng Lập hiến dầu có thất bại đi nữa cũng không nên trách. Cái

nầy, đảng Lập hiến chẳng phải là không có thế lực ; thế lực lại có phần mạnh nữa.

Ta thử coi như cụ Bùi Quang Chiêu, ông Nguyễn Phan Long, là hai tay học thức đúng đắn nhứt ở Nam kỳ. Hai ông ấy lại còn có danh vọng đặc biệt là khác nữa. Sẵn có cái địa vị như vậy, khó gì mà chẳng kéo những hàng trí thức và tất cả dân chúng theo mình ?

Rồi ta lại thử coi ...

Bây giờ ta nếu kể ra những người nào là đảng viên Lập hiến và kể ra trong đảng ấy có những tên người nào, thì thật một sự rất khó. Vì đảng Lập hiến chưa hề phát biểu những tên của đảng viên mình, cho đến cái số đảng viên bao nhiêu cũng chưa hề có một lần nào hô lên cho bà con biết nữa.

Tuy vậy, trải bao nhiêu năm nay, trải bao nhiêu lần cử hội đồng quản hạt, tờ báo cơ quan của đảng Lập hiến đã cổ động cho những người nào, thì những người ấy đã bị nhận là đảng viên Lập hiến cả. Cứ theo đó mà xét, thì trong mười năm nay, những người ra ứng cử hội đồng quản hạt mà đắc cử hầu hết là đảng viên Lập hiến. Những người ấy, về học vấn kiến thức của họ ra sao không biết, song nói về đồng tiền thì thật họ chẳng kém ai, mà có lẽ họ đều là tay tư bổn bực nhứt nhì ở xứ nầy.

Phàm trong việc chánh trị, cái tài giỏi, cái khôn ngoan, cái mánh lới vẫn là cần lắm, song những cái ấy là cần đến bậc nào thì đồng tiền cũng là cần đến bậc ấy, chẳng nhượng chi nhau. Hiệp các cái ấy với đồng tiền mới sanh ra thế lực.

Vậy thì đảng Lập hiến có đủ hết, đã có tài, lại có tiền. thế mà nói rằng không có thế lực thì còn ai tin được ? Khốn thay là chỉ tại có thế lực mà không biết dùng !

Cứ theo cái tên mà nói thì đảng Lập hiến rõ thật là một chánh đảng (parti politique). Song cứ coi như cung cách họ làm bấy nhiêu năm nay, thì chưa có đủ bằng cớ mà gọi là một chánh đảng được.

Bởi vì họ không có hành động như một chánh đảng cho nên dầu có thế lực họ cũng bỏ luống đi mà không dùng.

Nếu đã tự nhận là một chánh đảng, một chánh đảng gánh cái trách nhiệm dạy dỗ đồng bào cho có ngày đủ trình độ lập hiến pháp, thì phải hành động cách nào ? Chúng tôi thiết tưởng trước hết phải mất nhiều công phu để tuyên truyền cái chủ nghĩa của mình ; thứ đến là phải rủ cho được đông người vào đảng ; sau nữa là phải thiệt hành các công việc của đảng định làm để đạt đến cái mục đích cuối cùng là sự lập hiến.

Ấy vậy mà từ đó đến giờ, mỗi người hai con mắt, có ai thấy đảng Lập hiến đã làm lấy một điều nào trong ba điều ấy chưa ?

Như đã nói trong bài trước, thiệt trong các đảng viên Lập hiến mà cũng còn có người chưa rõ biết cái đảng nghĩa mình ra sao, huống chi là người ở ngoài đảng, huống chi là nhứt ban dân chúng. Ấy là tại đảng Lập hiến chưa hề có đem cái chủ nghĩa của mình mà tuyên truyền cho công chúng biết, đối với đồng bào dường như chẳng có quan hệ chi tự thỉ chí chung.(*)

Còn đến sự cổ động cho có nhiều người nhập đảng, thì thôi, chớ đem lòng mong cho các ông lãnh tụ Lập hiến nhà ta. Kỳ quá ! Từ hồi nào đến bây giờ, quanh đi quẩn lại, cũng chỉ nghe có mấy người đó mà thôi, hoặc giả trong cái sổ đảng của họ cứ bỏ giấy trắng luôn, mình đâu biết được ! Điều nầy là quan hệ nhứt cho một chánh đảng nếu là chánh đảng thiệt, vì đảng mà chỉ có năm ba người thì đố có ai làm ra trò trống gì.

Bởi vậy xét đến sự thiệt hành(**) của đảng Lập hiến thì gần như chẳng biết xét vào đâu ! Về những việc cụ Bùi đi qua cổ động bên Pháp, chúng tôi đâu có dám bỏ qua, song để về sau sẽ nói ; nay nói nội trong nước đây thì thấy như chẳng có vết tích gì có thể gọi được là cái vết tích của đảng Lập hiến hết.

(*) tự thỉ chí chung : tự thủy chí chung, từ đầu đến cuối.

(**) bản gốc là "thiệt thành", có thể có lỗi in, đây tạm sửa là "thiệt hành".

Cứ như cái chủ nghĩa của đảng ấy thì lẽ phải lấy sự giáo dục làm cần nhứt. Vậy mà người ta trông mỏi con mắt, có thấy gì đâu ! À ! An Nam học đường, ấy là cái công trình lớn nhứt sau khi cụ Bùi ở Pháp về mà anh em đón rước tưng bừng, cũng chỉ được mấy tháng đó thì đóng cửa. Khuyến học hội thì lập ra hầu khắp các hạt ở Nam kỳ, song thiệt ra có "học" gì đâu ! có "khuyến" ai đâu !

Trong tay có một cái chánh đảng, lại có tài, có tiền, đủ thế lực, mà chỉ tại một điều là không chịu nhận chơn, không chịu làm thiệt việc, thành ra có thế lực như trời đó cũng bỏ phí đi, trở nên vô dụng.

Cứ như cái hành trình của đảng Lập hiến đã đi trong mười năm nay đó, thì chúng tôi thấy ra họ chẳng hề ngó đến cái danh mà nhớ đến cái nghĩa, họ chẳng nhìn đến cái trách nhiệm dạy dỗ đồng bào, họ chẳng mong đạt đến cái mục đích của mình là sự lập cho xứ nầy một cái hiến pháp, mà họ chỉ làm những việc chi chi ở đâu, chẳng có xứng đáng gì với cái mục đích cao xa ấy.

Cứ thiệt mà nói thì đảng Lập hiến mà cho đến hết thảy đảng viên cũng vậy, chỉ có một cái mục đích là ra tranh hội đồng quản hạt cho đắc cử mà thôi. Cái mục đích ấy đã đạt đến rồi, thì họ không còn thèm nhìn bà con với hai chữ "Lập hiến" nữa. Như vậy mà cho có thế lực hỏi dụng vào đâu ? Dùng làm gì chớ ?

Bài kế sẽ nói đến những sự nhận lầm trong việc chánh trị của đảng ấy.

TRUNG LẬP

Trung lập, Sài Gòn, s.6187 (3.7.1930)

III. CÁI SAI LẦM CỦA ĐẢNG ẤY TRONG ĐƯỜNG CHÁNH TRỊ

Về đề mục nầy *Trung lập* đã có ra hai bài rồi, nguyên mỗi bài đều có để cái phó đề (*sous titre*) là "*Lấy tình bạn đồng nghiệp nói chuyện với* Đuốc nhà Nam". Nói như vậy là có ý làm cho câu

chuyện nầy đính với cuộc bút chiến vừa rồi, tỏ ra rằng chúng tôi chỉ đem chuyện phải trái nói với nhau, chớ không công kích *Đuốc nhà Nam* nữa. Song le, mới rồi, tờ báo ấy ra ngày 2 Juillet, có tuyên bố rằng chính mình không phải là cơ quan của đảng Lập hiến, và ông Nguyễn Phan Long chủ nhiệm, cũng không phải là đảng viên. Bởi vậy, muốn nói tiếp về đảng Lập hiến, chúng tôi phải đổi cái đề mục lại như hôm nay.(*)

Nếu còn để y như trước, thì thành ra vô nghĩa. Vì theo lời bá cáo của bạn đồng nghiệp, đảng Lập hiến với *Đuốc nhà Nam* không có quan hệ nhau, cớ chi chúng tôi lại đem chuyện của đảng nầy nói với đảng kia, làm như tuồng mắng vốn ? Vậy xin độc giả làm ơn xóa bỏ giùm cái phó đề trong hai bài trước, cứ coi như là chúng tôi phê bình đảng Lập hiến mà thôi chớ không có đem chuyện ấy mà nói với *Đuốc nhà Nam*.

Phân phô đâu ra đó rồi chúng tôi xin tiếp theo bài trước mà kể sơ qua những chỗ sai lầm của đảng Lập hiến về trong đường chánh trị.

Bài trước đã nói đảng Lập hiến không nhận chơn cái đảng nghĩa mình, không làm thiệt việc cho nên dầu có tiền tài thế lực cũng bỏ luống mà không dùng, đến bây giờ đảng ấy gần như muốn thất bại. Tuy vậy, đó chỉ là nói đại khái. Chớ nói cho kỹ ra thì mấy tay lãnh tụ đảng ấy như cụ Bùi Quang Chiêu, vẫn thiệt có chí về chánh trị, duy sự lấy đường mà đi hơi sai lầm đó thôi.

Thật vậy, cứ coi công việc họ làm thì thấy ra như họ nghĩ rằng đảng Lập hiến chỉ là một cái chánh đảng của người An Nam để đối với chánh phủ Pháp, đối với thực dân Pháp ở đây mà binh vực quyền lợi cho một bọn người An Nam thôi ; chớ đối với dân chúng An Nam, đảng Lập hiến chẳng có quan hệ gì mấy chút. Chúng tôi đề chừng như vậy mà chắc như vậy, chớ không phải chúng tôi nói quá đâu.

(*) từ kỳ này, loạt bài này dùng đầu đề chung : *Nói về đảng Lập hiến ở Nam kỳ*.

Cái ý của họ đó tỏ ra trong ba điều mà chúng tôi đã nói ở bài trước. Duy có họ nghĩ như vậy nên họ mới không cần cho dân chúng biết họ làm chi, không cần cho dân chúng giúp họ làm chi, mà họ cũng không cần làm ra công việc gì hầu có ích lợi cho dân chúng nữa. Nói vậy tức là nói đảng Lập hiến chẳng hề tuyên bố chủ nghĩa và chánh sách mình cho ai biết ; chẳng hề rao mộ đảng viên cho càng ngày càng đông ; chẳng hề thiệt hành những công việc có ích như là giáo dục quốc dân, là việc cần nhứt cho cái mục đích của đảng ấy vậy.

Chúng tôi cũng lấy làm đáng thương cho cụ Bùi lắm. Chẳng quản tuổi già sức yếu, lặn lội qua đến bên Tây, cọ vai chạm trán với những tay cừu địch mình trong chánh giới, tới chỗ nầy diễn thuyết tới chỗ kia tuyên truyền, để đem cái tình trạng xứ nầy tỏ cho quốc dân Pháp biết, hầu nhờ sự cứu viện của họ về sau. Nhưng than ôi ! về phương diện bên ấy cụ đã chẳng làm được cho mãn nguyện mười phần ; mà về phương diện bên nầy, tức là về phương diện quốc dân Việt Nam, cụ lại hầu như chẳng ngó tới một phần nào cả.

Có người nói với chúng tôi rằng ý cụ Bùi lập Khuyến học hội cho nhiều ra toàn lấy những hàng quan lại và hương chức vào hội, là định để nung đúc nội một đám ấy cho đúng tư cách cũng đủ vững cái nền lập hiến về sau. Ôi ! nếu quả vậy thì cụ Bùi cũng còn đương ở trong giấc chiêm bao ! Ở nước nào cũng phải lấy đại đa số nhơn dân làm căn bổn, nói rằng cái trình độ có đủ mà lập hiến pháp chăng, ấy là nói cả thảy cái trình độ của phần đông dân chúng, chớ nội một đám quan lại và hương chức, dầu cho họ có cao tới trời nữa, mà lại làm chi ? - Chỗ nầy còn chưa nói tới sự các nhà hội khuyến học lập ra các nơi, đều là hữu danh vô thiệt.

Bây giờ chúng ta thử đi khắp lục tỉnh, gặp ai cũng hỏi, hỏi họ có biết trong xứ nầy có một cái đảng kêu bằng đảng Lập hiến chăng ? Chắc nhiều người ngơ ngẩn mà không biết đường trả lời.

Nếu có ai biết có đảng Lập hiến thì chúng ta lại phăng lấy mà hỏi luôn về chủ nghĩa và chánh sách của đảng ấy ra sao ? Khi ấy sẽ lại thấy nhiều người ngơ ngẩn nữa. Nói thì thêm buồn, chớ thiệt người ta cho cụ Bùi với ít nhiều ông hội đồng quản hạt kia đã lập cái hội lương bằng(*) hay là hữu ái chi đó mà chơi với nhau, chớ nào có ai ngờ là chánh đảng chánh điếc gì đâu !

Vậy nên bây giờ đảng Lập hiến các ngài mà có bị người ta phản đối, tẩy chay cũng là không trách được. Từ hồi đó đến giờ có cho ai biết mình là gì đâu, mình có tỏ ra là quan hệ chi với ai đâu, mà bây giờ hòng nhờ quốc dân làm hậu thuẫn cho mình ?

Đó, thiệt quả là do sự sai lầm trong khi đi đường chánh trị mà ngày nay đã thấy có cái cơ thất bại. Chớ phải chi trong mười năm nay, đứng trên cao mà kêu cho lớn, làm cho cả nước ai nấy đều biết đảng Lập hiến là gì ; lại rủ người vào đảng cho đông ; gây ra nhiều công cuộc có ích cho đồng bào ; thì ngày nay dầu có một phần phản đối đảng mình đi nữa, là cũng còn có mấy phần khác tin mình, nghe mình, binh vực cho mình ; có đâu đến nỗi đứng mồ côi giữa biển khơi, bốn bề sóng gió, mà lái đi đằng lái, bạn đi đằng bạn, đã có người ngảnh mặt đi lơ, không muốn nhìn tới đảng nữa !

Bài kế sẽ nói chỗ nầy thêm rõ hơn.

T. L.

Trung lập, Sài Gòn, s.6188 (4.7.1930)

IV. ĐẢNG VIÊN VÀ CƠ QUAN CỦA ĐẢNG ẤY

Trong bài trước đã chỉ rõ ra chỗ sai lầm của đảng Lập hiến về đường chánh trị là ở chỗ nào. Đại khái họ nghĩ rằng đảng Lập hiến chỉ là đối với chánh phủ Pháp cùng thực dân Pháp ở đây mà binh vực quyền lợi cho một bọn người An Nam, chớ đảng họ không có

(*) *lương bằng* : như "lương hữu", bạn hữu tốt.

quan hệ gì với dân chúng An Nam mấy chút. Do sự sai lầm ấy mà cách hành động của họ không minh bạch, không hoạt bát, cũng đã nói qua ở bài trước rồi ; bài nầy lại xét riêng về đảng viên và cơ quan của đảng Lập hiến mà nói cho rõ thêm.

Chúng tôi nói "binh vực quyền lợi cho một bọn người An Nam", bọn người ấy là ai ? Mình có hề thấy chương trình và danh sách của đảng Lập hiến đâu mà biết rõ ? Chỉ lấy con mắt nhìn vào họ mà dò ra thì thấy một bọn người ấy là hạng người có học thức, có tư sản, nhứt là mấy ông có địa vị ở xã hội Nam Kỳ nầy và mấy ông điền chủ mà thôi.

Người ta nói rằng sau khi cụ Bùi Quang Chiêu được phép quan cựu toàn quyền Albert Sarraut cho lập đảng nầy thì nín lặng đi mà không tuyên bố cho ai biết hết, rồi thủng thẳng đi kiếm những người quen thuộc với mình, là người có nhiều tiền, nhiều ruộng, mà rủ họ ký tên vào đảng. Sự ấy chẳng biết có quả thiệt chăng, song cứ lấy việc trước con mắt mà xét, thì chừng như lời người ta nói đó cũng không sai mấy.

Bây giờ chúng ta kêu là đảng viên Lập hiến, thế là kêu bóng kêu dáng đó thôi, chớ có biết ai là đảng viên đâu. Nhưng chỉ tin trum trủm có một mình cụ Bùi Quang Chiêu là đảng trưởng. Còn như những ông Dược, ông Bền, ông Sâm cho đến các ông khác nữa, chúng ta cũng chỉ dám hiểu ngầm là đảng viên Lập hiến, chớ không dám nói ra hay là viết ra mà kêu cho sách hoạch(*). Sợ khi kêu các ổng rồi các ổng lại chối dài đi, chừng mới lấy tang chứng đâu làm bằng, thành ra mình nói dối.

Như ông Nguyễn Phan Long, thuở nay ai cũng tưởng ổng là đảng viên Lập hiến, vậy mà mới bữa 2 Juillet đây trong báo *Đuốc nhà Nam*, đính chánh sự xưng hô ấy nói là người ta kêu lầm, thế mới biết đường đâu mà rờ.

(*) *sách hoạch* : rạch ròi, thông suốt (theo H.T. Paulus Của, sđd.).

Bây giờ thành ra đảng Lập hiến chẳng có ai là đảng viên hết, trong đảng chẳng có con ruồi con muỗi nào hết, chỉ có một mình cụ Bùi chen ngoẻn mà thôi ; hỏi trên thế giới có cái đảng nào như vậy không ? có cái chánh đảng nào mà trống lổng trống lơ như vậy không ? có cái đảng nào lấy một sự lớn tày trời làm mục đích mà trong đảng lạnh tanh như chùa bà Đanh như vậy không ?

Một chánh đảng (parti politique) mà xuôi cò[*] nguội ngắt, phổng ruột tầm ruồng[**] như vậy, còn nói chuyện với ai chi ? Dầu các người trong đảng chỉ muốn đối với chánh phủ Pháp, thực dân Pháp binh vực một cái quyền lợi cho bọn họ, cũng còn chẳng đặng thay, huống chi là mong nhắc cái trình độ dân chúng cho cao lên hầu lập cho Nam kỳ nầy một cái hiến pháp.

Chúng tôi nói đảng Lập hiến chỉ trọng về cái phương diện đối với Tây mà thôi, còn về phương diện đối với An Nam, không lấy làm quan hệ mấy, sự đó xin độc giả chớ nghi ngờ, cứ coi cái cơ quan của đảng ấy thì đủ biết.

Thật, mười năm nay đảng Lập hiến chỉ lấy nội một tờ báo Tây làm cơ quan cho mình, trước kia là tờ *Tribune Indigène*, sau nầy là tờ *Tribune Indochinoise*. Trong ý họ nói rằng chỉ dùng một tờ báo chữ Pháp mà binh vực quyền lợi cho mình, được rồi, không cần có tờ báo quốc ngữ. Mà phải, đảng Lập hiến có quan hệ gì với dân chúng An Nam đâu, có nhận chơn cái trách nhiệm dạy dỗ đồng bào nhắc cao trình độ họ lên để có ngày lập hiến pháp đâu, mà hòng mở ra cái cơ quan bằng tờ báo quốc ngữ !

Nói như vậy, không phải là chúng tôi không kể hai tờ báo Tây của đảng Lập hiến ra chi hết, không phải là chúng tôi bạc bẽo, phụ ơn hai tờ báo ấy đâu. Chúng tôi vẫn nhìn nhận rằng hai tờ báo ấy

---

[*] *xuôi cò* : mệt mỏi, bải hoải (theo H.T. Paulus Của, sđd.).

[**] *phổng ruột* : rỗng ruột, trống rỗng (theo H.T. Paulus Của, sđd.).

tầm ruồng : lung tung, không cách thức, hoặc : bậy bạ, hư hỏng (theo *Từ điển phương ngữ Nam Bộ*, sđd.).

thật có sức mạnh lắm, lâu nay thật đã có công ơn đối với đồng bang chẳng ít. Song chúng tôi nói đây là cốt muốn cho đảng Lập hiến, trong khi đi đường chánh trị, chú trọng về phương diện đối với người Pháp đã đành, mà cũng không nên bỏ phương diện đối với An Nam. Nghĩ kỹ ra, có lẽ phương diện sau nầy lại càng nên chú trọng hơn, vì ở nước nào cũng vậy, hễ là một chánh đảng thì phải lấy quốc dân làm hậu thuẫn. Như vậy, tờ báo tiếng An Nam của đảng Lập hiến là một cái cơ quan cần phải có ; không có, không được ; lẽ đáng có từ hồi đầu mới lập đảng kia.

Vậy mà từ hồi đó đến giờ, đảng Lập hiến chẳng hề nghĩ đến sự cần kíp của mình, chẳng hề tổ chức một cái cơ quan ngôn luận bằng tiếng mẹ đẻ để làm quen với 5 triệu đồng bào từ Biên Hòa, Bà Rịa, đổ lên Hà Tiên, lộn về Cà Mau. Như vậy, tỏ ra rằng đảng Lập hiến chẳng cần chi người An Nam hết, chẳng cần chi quốc dân làm hậu thuẫn cho mình hết, cứ đối cãi với mấy ông Tây là được việc rồi, là đủ rồi. Đó rồi bây giờ trong 5 triệu đồng bào đó mới có người nổi lên mà phản đối, mà tẩy chay, đã thấy chưa ?

Nói làm vậy thì độc giả sẽ có người cho là bỏ sót tờ báo *Đuốc nhà Nam* mà lâu nay đã bị nhìn là cái cơ quan của đảng Lập hiến. Vậy số tới chúng tôi sẽ tiếp luận về tờ báo nầy, coi cái thái độ của nó trong mấy lần xuất bản ra sao.

TRUNG LẬP

Trung lập, Sài Gòn, s.6190 (7.7.1930)

V. MỘT ĐIỀU THẤT SÁCH LỚN NHỨT, LÀ TẠI HỒI *ĐUỐC NHÀ NAM* XUẤT BẢN LẦN ĐẦU

Cái điều dễ chịu cho ông chủ nhiệm *Đuốc nhà Nam* hiện thời, là khi thấy cái đầu đề trên đây, biết ngay rằng *Trung lập* không có nói đến mình.

Phải, chúng tôi không nói đến *Đuốc nhà Nam* ngày nay, vì cứ như lời tuyên bố của ông chủ nhiệm nó, thì nó có dính dấp gì với đảng Lập hiến đâu mà nói ? Tuy vậy, bứt giây sao khỏi động rừng, để nói rồi chuyện hết đã, sẽ châm chót vào cho nó vài câu.

Bài trước đã nói đảng Lập hiến thuở đến giờ chỉ chăm về mặt đối phó với mấy ông Tây, cho nên chú trọng có tờ báo Tây mà thôi, còn cái cơ quan bằng tiếng bổn quốc thì không có, cái đó thật là một sự đại bất lợi cho đảng Lập hiến.

Chẳng phải đợi đến bây giờ chúng tôi mới nói như vậy, chính hồi đó, hồi đôi ba năm về trước, dư luận ở ngoài cũng đã xầm xì xầm xào với nhau mà lấy làm lạ, sao đảng Lập hiến lại không có một tờ báo An Nam ?

Năm 1926, sau khi cụ Bùi Quang Chiêu ở Pháp về một vài tháng chi đó thì chánh phủ cho phép ông Nguyễn Phan Long lập tờ báo *Đuốc nhà Nam*. Bấy giờ ai cũng tưởng tờ báo ấy sẽ xuất bản ngay, nhưng chẳng biết làm sao, chờ hết hơi mà chẳng thấy đuốc kia bén lửa. Đâu đến một vài năm, sau khi ông Dương Văn Giáo ở Tây về, chừng lúc gần cuối năm 1928 thì phải, *Đuốc nhà Nam* mới bắt đầu ra đời.

Hồi đó, chớ không phải là từ ngày 2 Juillet 1930 về sau đâu, ai ai cũng ngỡ rằng ông Nguyễn Phan Long là đảng viên Lập hiến. Còn nói chi ông Dương Văn Giáo, ông nầy chính là người đã đứng cặp kè với cụ Bùi mà khai sanh cho đảng Lập hiến tại bên Tây. Lại trong khi thắp đuốc lên, còn nghe ông hội đồng nầy bỏ ra mấy ngàn, ông hội đồng kia bỏ ra mấy ngàn nữa, mà những ông hội đồng đó, người ta cũng đề quyết cho là đảng viên Lập hiến. Như vậy, cái người sáng lập tờ báo là đảng viên Lập hiến, cái người làm chủ nhiệm tờ báo – ông Dương – là đảng viên Lập hiến, những người nuôi tờ báo cũng lại là đảng viên Lập hiến, đồng bang chúng tôi thấy vậy, phải nói rằng *Đuốc nhà Nam* ở dưới quyền ông

Dương Văn Giáo làm chủ nhiệm, tức là cơ quan chánh thức của đảng Lập hiến nhà ta. Mà các ông nghĩ coi, chỉ có dại là một, điên là hai, thì mới không nói như thế.

Có ngờ đâu, *Đuốc nhà Nam* ra mấy số đầu chưa thấy nói chi, sau lại, các ông tuyên bố rằng báo ấy không có quan hệ gì với đảng Lập hiến hết, mà mực đen giấy trắng đành rành, nào có phải chiêm bao mơ ngủ đâu, ai nấy đều ngã ngửa !

Ban đầu lấy làm lạ, sau rồi thấy ra có lẽ lắm, có lẽ là *Đuốc nhà Nam* không dính dấp gì với đảng Lập hiến thiệt chẳng chơi. Bởi vì *Đuốc nhà Nam* bấy giờ nhiều bài kịch liệt, có bài muốn phản đối hẳn với cái chủ nghĩa lập hiến. Thứ nhứt là có đôi bài công kích mấy ông điền chủ dữ lắm, chúng tôi thấy vậy phải hỏi nhau rằng sao mấy ông điền chủ lại bằng lòng bỏ tiền ra để mua lấy sự công kích mình. Sau thấy có người nói rằng *Đuốc nhà Nam* đình bản lần thứ nhứt là chính vì cái sự không thể bằng lòng được đó. Lời ấy có đúng hay không thì chẳng biết, chúng tôi chỉ biết rằng cái thái độ *Đuốc nhà Nam* bấy giờ thiệt làm cho nó khó sống quá.

Hồi đó trong chúng tôi có người muốn đem một vài cái ý kiến hèn mọn đến phân trần cùng ông Dương, song ngặt vì có điều không tiện. Bây giờ có lẽ tiện, xin cho nó được bày giãi ra đây.

Chúng tôi không hiểu làm sao ông Dương làm người đứng khai sanh cho đảng Lập hiến, lẽ thì nên mừng cho đảng có cái cơ quan bằng quốc ngữ để làm quen với đồng bào, rồi cái cơ quan ấy, mà vun trồng binh vực cho đảng mới phải, sao lại mới đó mà đã giả làm mặt lạ với nhau ? Còn như ông Dương lấy cớ rằng mình không đồng ý kiến với các bạn mình, thì thôi, lại chủ trì tờ *Đuốc nhà Nam* hồi đó làm chi, để thành đến nỗi kèn xuôi sào ngược ? Chuyện đã cũ rồi, nhưng "việc trước là thầy việc sau", chúng tôi nhắc lại vì thấy là có ích, chớ không phải dám hỏi ngặt ông Dương và nài cho được trả lời đâu, xin ông Dương rộng lượng mà bỏ qua những lời của chúng tôi.

Thật ra thì tờ *Đuốc nhà Nam* hồi đó là nhờ các ông đảng viên Lập hiến bỏ tiền ra mà châu cấp thật, chỉ duy các ông không dám nhìn nó là cơ quan của đảng. Sự đó chúng tôi cho là chỗ thất sách lớn nhứt của đảng các ông. Mà có lẽ cái chỗ thất sách ấy nó vẫn còn đọng lại đến bây giờ.

Bài thứ nhứt của mấy bài về đảng Lập hiến nầy, chúng tôi đã phê bình cho cái chủ nghĩa của đảng ấy là chánh đáng. Nếu các ông có đủ tài, có đủ can đảm, thì hồi đó cứ việc đề xướng cái chủ nghĩa ấy lên, nhận tờ *Đuốc nhà Nam* là cơ quan của đảng đi, có việc gì đâu mà ngại ? Chỗ nầy chúng tôi nói thẳng quá, sợ mích lòng các ông một chút : thiệt các ông không có đủ tài, không có đủ can đảm !

Chẳng có gì bí hiểm mà khó biết hết. Hồi bấy giờ ở Nam kỳ – mà cả nước bấy giờ cũng vậy – đương có cái phong trào của bạn thanh niên, tư tưởng họ hơi kịch liệt hơn các ông, các ông không dám đương đầu ra mà chống lại cái phong trào ấy, thành ra phải thậm thà thậm thụt, ông nào cũng làm lơ đi mà không dám nhìn bà con với hai chữ Lập hiến. Chẳng những vậy thôi, tờ *Đuốc nhà Nam* hồi đó lại muốn khuynh hướng về cái phong trào ấy nữa, nên mới đến nỗi bị cấm ở Trung Bắc kỳ.

Anh *Đuốc nhà Nam* ngày nay ơi ! *Trung lập* ỷ quen hỏi anh : chớ cái kiếp nầy của anh có phải cũng là một ma với kiếp trước không ?

Số tới, tại chỗ nầy sẽ có câu chuyện kỳ quái nhứt mà lý thú nhứt, ấy là câu chuyện đảng Lập hiến với thanh niên.

TRUNG LẬP

Trung lập, Sài Gòn, s.6191 (8.7.1930)

VI. ĐẢNG LẬP HIẾN VỚI THANH NIÊN

Trong đường chánh trị chỉ có lý trí mà thôi, xen cảm tình vào là hư việc

Trong bài vừa rồi, chúng tôi cho câu chuyện đảng Lập hiến với thanh niên là câu chuyện kỳ quái nhứt và lý thú nhứt, quả thiệt như vậy. Nó kỳ quái, là ở tại cái chỗ hai bên không đồng ý kiến với nhau mà lại muốn dính dấp nhau ; nó lý thú, là ở tại cái chỗ sau khi ngã nghiệp rồi, hai bên đều lần lần giang ra xa nhau mà không ai nói được nửa lời, vì bên nào cũng có điều nói ra không tiện.

Cái chuyện trang nghiêm trên đàn chánh trị mà lại đem thí dụ với cái chuyện trăng gió vật vờ, thì sao cho khỏi có người trách là khiếm nhã ? Chớ thiệt, cái thí dụ nầy hay quá, bỏ đi, tiếc thiếu điều đứt sợi tóc !

Người ta nói rằng cái hồi cụ Sào Nam về, cụ Tây Hồ chết, kế cụ Bùi đi thụng thịnh ở dưới tàu bước lên bến Sài Gòn, cái hồi ấy, ở Nam kỳ nầy, cái cảnh tượng rộn rịp khác nào một rạp hát cải lương ? Trong rạp ấy có một cặp trai gái đương bắt nhơn tình với nhau, ấy là chú Thanh niên với cô lỡ thì Lập hiến.

Chú nầy ngớp ngớp tưởng cô kia má nhăn vú xệ mặc lòng chớ trong tay có những mấy chục ngàn, âu là chi lấy đại. Còn cô kia, ưng thì chẳng ưng là mấy, mà không thì cũng chẳng nói cho dứt khoát rằng không. Hai bên cứ ừ ừ è è với nhau trăng gió vật vờ đâu mấy tháng, đã toan dọn nhà về ở chung, tới một bước nữa đã toan làm hôn thú, mà té ra rồi thành câu chuyện hão. Ấy là vì chú kia thì nóng tánh, mà nặn vọt(*) cho mấy, cô kia cũng chẳng chịu lòi tiền. Rồi đó duyên một ngày một lợt, tình một ngày một phai, tự nhiên đánh chữ làm thinh mà bẻ gãy chữ đồng, ra tuồng hai bên đều mắc mớp(*).

(*) *nặn vọt* : nài xin hết cách ; *mắc mớp* : bị lừa gạt (theo H.T.Paulus Của, sđd.)

Thật vậy, hồi đó có một bọn thanh niên, chừng như họ mượn tờ *Đ.P.T.B.* làm cơ quan thì phải, trước khi cụ Bùi về, họ la lối om sòm, biểu đồng bang phải kéo cả tòa ra bến tàu mà rước. Ấy là họ "ve" cụ Bùi chơi đó, chớ có gì đâu ! Họ có lòng sốt sắng thiệt, có tư tưởng cấp khích thiệt, song bọn thơ sanh chỉ có hai bàn tay trắng mà làm gì, thì họ muốn nhờ thế lực cụ Bùi cũng phải. Rồi đó hai bên nói với nhau làm sao chẳng biết, ở ngoài chỉ nghe phong thanh rằng rồi đây đảng Lập hiến sẽ hiệp tác với đảng Thanh niên (bấy giờ có đảng Thanh niên thiệt), nhưng rồi không thành. Trời ôi ! khéo nói ! người ta đã biết thừa đi, hiệp tác làm sao đặng mà mong hiệp tác ?

Nếu muốn nói kỹ thì chỗ này nên nói đến những chuyện ông Nguyễn Phan Long đi Tây Ninh trong ngày làm mê-tin ở Xóm Lách, những chuyện ông Đốc phủ Bảy có ngồi thinh thinh trong đám mê-tin ấy, những chuyện ông Nguyễn An Ninh vào là ..... nhưng mà nhận lớp bớt đi, thứ tuồng dở mà hát dai, có làm chi ?

"Mặt trời đi chung quanh trái đất" mấy vòng chẳng biết, thì có cuốn *Gỡ mặt nạ thượng lưu* ra đời. Ấy khoan ! Đừng thấy có người nói cuốn sách bé con nầy xuất bản nhờ có kẻ nghịch với đảng Lập hiến cho tiền mà khinh nó. Nó linh thiêng lắm đa, nó có thế lực lắm đa, nó nói có lý lắm đa. Mấy ông Lập hiến xếu mếu đi là cũng vì nó, chẳng phải dỗn, đừng khinh.

Đó là tới cái ngày kết quả của đảng Lập hiến đối với Thanh niên rồi đó. Chỉ nói sơ sơ vậy cũng đủ. Rồi mới cho phép chúng tôi hỏi : cái kết quả dở tuồng như vậy là tại ai ?

Khỏi ai trả lời hết, để chúng tôi trả lời luôn thể : Tại mấy ông Lập hiến, chớ tại ai ? Tại mấy ông dầu không phải Lập hiến mà cũng như Lập hiến, chớ tại ai ?

Theo cái mực thẳng băng trên con đường chánh trị, việc gì cũng phải cứ lấy lý trí (raison) mà phán xét, chớ nhứt định không

được xen vào một mảy cảm tình (sentiment). Nên thuận chánh phủ hay là nên nghịch chánh phủ, nên ôn hòa hay là nên kịch liệt, mình đã quyết đi đường nào rồi, thì cứ đi một đường ấy, chớ không có thể bước cẳng hàng hai. Nếu người nầy nói thế nầy, mình cũng ừ một cái, người kia nói thế kia mình cũng ừ một cái, ừ chẳng có mục đích chi cả, ừ kẻo mích lòng, ấy là xen cảm tình vào rồi, hư việc là ở đó.

Giá hồi cụ Bùi ở Tây về chi hậu, cho ngay tờ *Đuốc nhà Nam* ra đi, hai tay bợ cái chủ nghĩa Lập hiến giơ lên cao cho thiên hạ thấy, rồi nói hẳn với mấy ông thanh niên rằng chúng tôi làm như vầy đây, các ông có bằng lòng đi một đường với chúng tôi thì đi, không thì đi đường khác. Như vậy, cứ trắng ra trắng, đen ra đen, ai nấy cho biết mà tự xử, có phải khỏi làm khó cho người mà cũng dễ cho mình nữa không ? Cái nầy, chừng như ấp úng với nhau sao đó, cho nên mới có câu chuyện bất bình trong cuốn *Gỡ mặt nạ*.

Kỳ quái quá ! như chuyện lập mê-tin ở Xóm Lách, có phải là chuyện êm thấm dịu ngọt như chuyện diễn thuyết trong các nhà hội khuyến học đâu mà mấy ông Lập hiến lại dự vào ? Hễ đã dự vào thì phải thủy chung kỳ sự, chớ có ai cho phép rút dù sau khi thất bánh và bể luôn cả dĩa ? Vậy mà bữa đó, ông Lê Quang Liêm tức Bảy ngồi chủ toạ, rồi đến khi ông Ninh bị bắt, ông Bảy chẳng hề được một tiếng chi. Chỗ nầy cũng nên trách tới ông Long nữa, mà trách ông là trách ông, chớ không nói ông là đảng viên Lập hiến : Ông đi Tây Ninh thì cứ việc đi, hà tất phải để thơ lại biểu đồng tình với cuộc mê-tin ấy ? (Còn sự ông đi Tây Ninh thì quả thiệt, vì chúng tôi có nhận được bút tích ông để nơi hòn đá sau bếp ông Nhứt Thiện, đúng ngày có hội mê-tin).

Tóm lại mà nói, như lời chúng tôi trong bài trước, thiệt các ông không có đủ tài, không có đủ can đảm để chống lại với cái tư tưởng bọn thanh niên. Hồi kỳ thủy các ông cũng chè chè, cũng mầy

mà cho qua việc, không ngờ đến sau đổ bể việc nầy việc khác, làm cho các ông mang tiếng ; mangtiếng thì sự đã đành !

Hoặc giả có người sẽ lấy lẽ nầy để binh vực mình, nói rằng trong đồng bang nên hiệp lại cho mạnh chớ không nên chia ra. Xin chớ có ai nói câu ấy ra mà nghe nó vô lý quá. Vô lý là vì : nếu như vậy thì thôi còn lập đảng ra làm chi ? Lập đảng là có ý chia rồi. Mà chia là phải. Trong đường chánh trị có nhiều ý kiến không đồng nhau, duy có những người đồng nhau mới nhập làm một đảng. Bởi vậy ở các nước, mỗi một nước có đến mấy cái chánh đảng.

Xin độc giả coi cho kỹ, trong bài nầy chúng tôi không có ý phê bình đảng Lập hiến là phải hay Thanh niên là phải. Chúng tôi chỉ nói bên nào có cái chánh kiến bên ấy thì cứ việc mình mà làm, đừng có ghét gẫm với nhau. Nhứt là bên Lập hiến, đã không cản ngự được cái phong trào thanh niên thì thôi, nên xa họ ra, đừng có léo(*) tới mà mang tiếng.

Muốn cho rõ nghĩa trên nầy, số tới sẽ nói về sự hiệp quần và phân đảng.

TRUNG LẬP

Trung lập, Sài Gòn, s.6192 (9.7.1930)

VII. HIỆP QUẦN VỚI PHÂN ĐẢNG

Nếu trong xứ có nhiều đảng, thì đảng Lập hiến kình địch với đảng khác cũng vô hại

Bài trước chúng tôi nói đảng Lập hiến với bạn Thanh niên trí tưởng khác nhau, chủ nghĩa khác nhau, nếu đảng Lập hiến không đủ sức nuôi được Thanh niên thì thôi, cứ nên giữ mình vững vàng, đừng có dính dấp vào làm chi cho mang tiếng. Nói vậy sẽ có người

(*) *léo* : tới gần, lại gần (theo H.T. Paulus Của, sđd.).

lấy nghĩa hiệp quần làm hộ phù, bảo rằng mọi người trong nước nên hiệp lại với nhau cho mạnh sức chớ không nên chia ra ; rồi lấy cớ ấy mà bình vực cho sự đảng Lập hiến mầy mà với bạn Thanh niên là phải.

Chúng tôi đã bác cái thuyết ấy đi rồi, chúng tôi nói rằng : Nếu vậy thì còn lập đảng ra làm chi ? Lập đảng tức là có ý chia rồi. Tuy vậy, chỗ nầy quan hệ lắm, chỉ nói chừng ấy không đủ, chúng tôi phải nói thêm về nghĩa hiệp quần với phân đảng cho càng rõ hơn.

Người mình có cái thói kỳ quá, cứ hễ thấy ai có nói lẽ gì hơi khác một chút, ấy là đã lật đật bụm miệng họ lại, sợ làm như vậy là chia rẽ nhau ra. Chúng tôi thì nghĩ khác, dầu chia rẽ cũng vô hại, thế nào cũng phải cho cái lẽ phải – nếu nó là phải – được phô bày ra, huống chi đã có chuyện gì mà đến nỗi chia rẽ ! Lại huống chi trong đường chánh trị, làm thế nào tránh cho khỏi sự chia rẽ ?

Tức như mới rồi ông Nguyễn Phan Long nói trong *Đuốc nhà Nam* rằng : "Anh em đồng bào ta, đáng lý đừng nên chê trách chi người nầy kẻ khác do ở các sự họ dự vào đảng nầy đảng kia làm gì, mà hết thảy anh em ta nên xét đến cái chỗ hèn yếu chung của mình, mà kiếm phương thế đặng bổ cứu đi mới phải. Ngồi mà bình phẩm chê bai vốn là dễ hơn cái sự làm sao cho có ích.

Còn cần chi phải đổ tội cho nhau, việc gì đã qua rồi thì thôi, còn băn khoăn về những sự thở than hay ân hận làm chi vô ích. Tốt hơn là cùng nhau hòa bình thân thiện, mà kiếm cách chung vai ra sức, để mưu cái cuộc tương lai tốt đẹp cho mình..."

Những câu ông Nguyễn nói đó toàn là câu sáo, trình độ dân An Nam ngày nay có mong đâu những vai đàn anh mình tuôn ra những cái ý kiến tầm thường như vậy ?

Chỗ hèn yếu của mình thì trong anh em đồng bào còn ai chẳng biết ? Kiếm phương thế bổ cứu thì ai chẳng kiếm ? Có hềm thù chi đây mà chẳng hòa bình thân thiện cùng nhau ? Ai lại chẳng toan chung vai ra sức mưu cái cuộc tương lai tốt đẹp ? Song le, phải biết

rằng những sự ấy là riêng ra một việc, còn sự mỗi phe một ý kiến đây, sự chúng tôi trách các ông đây, lại riêng ra một việc.

Mỗi phe một ý kiến mà đều lấy tổ quốc làm mục đích, thì cũng chẳng hại chi đến nghĩa hiệp quần. Nói phải nói quấy mà nghe, ai có điều sai lầm thì sửa đi, chớ có chuyện gì mà kêu là đổ tội ? Việc đương hiện tại trước con mắt, nếu đã sai lầm thì cứ sai lầm mãi, sao gọi là đã qua ? Chúng tôi cầu cho người ta dự vào đảng nầy đảng kia, chớ có hề chê trách bao giờ ? Duy có đảng không nên dảng thì chúng tôi mới dám chê trách. Đã biết làm là khó, song chúng tôi không làm mà chúng tôi cứ việc bình phẩm, lại không được sao ? Nếu chúng tôi bình phẩm là đúng, phô bày lẽ thật cho đồng bào được biết. thì há lại không có ích sao ?

Đối với cái trình độ quốc dân ngày nay – nói vô phép, có lẽ họ đã đi tới trước các ông xa rồi – mà người cao minh như ông Nguyễn Phan Long còn đem những cái giọng cảm tình ấy ra để khoả lấp cái lý trí, thậm chí lấy nước mắt giới với đồng bào (sự nầy thấy trong bài của ông), thì thật là vô vị quá ! Theo chúng tôi, đã tự mạng là nhà chánh trị, thì cứ đi thẳng một mực theo chủ nghĩa mình, một thành một bại, thành thì tốt, bại về nằm nhà, chớ tội lệ gì mà khóc ?

Theo như mọi sự đã trình bày ra trước con mắt, chúng tôi tin rằng cái quốc gia tư tưởng của người Việt Nam ngày nay đã lên đến cực độ rồi. Chúng tôi chẳng còn sợ gì sự không đồng tâm, sự phân Nam rẽ Bắc nữa. Duy có về ý kiến, về sự tấn hành trong đường chánh trị, thì mỗi người một ý, mỗi phe một thế, không nhứt trí cùng nhau. Mà nhứt trí làm sao được chỗ đó ? Nếu nhứt trí được thì nước Pháp làm gì có đến già nửa chục chánh đảng, còn nước Tàu sao chẳng dứng về một mái mà hiệp tác dưới quyền đảng Quốc dân ?

Phải, hiệp quần thì cứ việc hiệp quần, còn phân đảng thì cứ việc phân đảng. Trong đường chánh trị, mỗi đảng đi một ngả, song

cái chỗ mục đích muốn đến thì chỉ có một mà thôi. Vậy thì sự phân đảng chẳng có hại gì đến nghĩa hiệp quần. Không những là chẳng hại thôi đâu, mà đã chia đường mà đi như vậy, thì lại giúp sự tấn bộ cho nước mình được mau chóng nữa.

Cái nầy có bao nhiêu người đồng một ý kiến đã đứng lập ra một cái đảng, cốt để noi theo chủ nghĩa của mình lần dắt quốc dân lên đường tấn bộ, gánh cái trách nhiệm sẽ lập cho xứ nầy một cái hiến pháp mà đã chẳng làm đúng trách nhiệm ấy, lại còn mầy mà với đảng khác, là kẻ không đồng chánh kiến với mình để cho sanh sự nầy kia, làm mất lòng tín nhiệm của đồng bào, rồi bây giờ biểu rằng việc qua rồi thôi đừng trách là đừng trách làm sao cho được chớ ?

Theo ý chúng tôi thì chúng tôi cầu cho các ông Lập hiến phất cờ gióng trống mà rao cái chủ nghĩa của mình ra đi, cứ đứng trong vòng pháp luật mà hành động đi, cứ ở dưới quyền chánh phủ Pháp mà nhắc cao trình độ dân An Nam lên hầu cho lập một cái hiến pháp đi. Rồi nếu trong xứ nầy có nổi lên bao nhiêu cái đảng khác hoặc minh hoặc ám đi nữa, đảng Lập hiến cứ một mực theo chủ nghĩa mình mà kình địch lại với họ, miễn là đừng vì tư lợi của mấy người mà thôi, thì chẳng có ai trách được hết.

Thất vọng thay ! Ông Nguyễn Phan Long ổng kêu dài, ông nói làm như vậy không được !

Đại khái ông nói như tuồng chánh phủ không cho làm. Để rồi một số sau xa nữa, chúng tôi sẽ thuật lại lời ổng nói cho độc giả biết. Và nếu quả vậy thì chúng tôi cũng sẽ có lời phân trần lợi hại cùng chánh phủ, xin chánh phủ trong cơ hội nầy nên đỡ đầu cho đảng Lập hiến. Song việc đó còn chưa tới ; số tiếp đây chúng tôi sẽ theo ý mình giãi bày cái chỗ làm được cùng không làm được xem thử.

TRUNG LẬP

Trung lập, Sài Gòn, s.6193 (10.7.1930)

VIII. ĐẢNG LẬP HIẾN DẦU CHƯA PHẢI CHÁNH THỨC MÀ CŨNG NHƯ CHÁNH THỨC, DẦU KHÓ HÀNH ĐỘNG MÀ CŨNG CÓ PHƯƠNG HÀNH ĐỘNG

Ông Nguyễn Phan Long có viết trong *Đuốc nhà Nam* ngày 3 Juillet, đại ý để phân giải mấy lời trách thiện của Bổn báo, có đoạn như vầy :

Ông Bùi Quang Chiêu cùng ông Dương Văn Giáo đứng dựng nên đảng Lập hiến tại bên Pháp, có đem điều lệ của đảng trình tại dinh quận Seine. Đến khi trở về bên nầy, ông Bùi có đem điều lệ ấy trình ở chánh phủ Nam kỳ. Từ lúc đó đến giờ không thấy chánh phủ trả lời cho ông về sự đó ra sao hết. Nhơn vì chánh phủ chưa tuyên bố rằng đã nhận được điều lệ của đảng, chưa nhìn nhận là có đảng, nên đảng Lập hiến như là chưa thành lập một cách chánh thức. Đó vì còn thiếu cái điều khoản quan hệ ấy mà đảng Lập hiến không có đủ danh nghĩa đặng họp hội đồng, lựa đảng viên, v.v...

Coi mấy lời tóm tắt của ông Long trên đó rồi rút lại cho thật ngắn thì có cái ý như vầy : Đảng Lập hiến chưa phải là chánh thức thành lập cho nên khó bề hành động.

Vả lại theo mấy lời đó mà suy diễn ra thì cái cớ mà đảng Lập hiến chưa chánh thức thành lập là tại chánh phủ chưa tuyên bố, chưa nhìn nhận.

Về phương diện quan hệ với chính phủ xin để sau đây chúng tôi sẽ có một bài tỏ bày sự lợi hại về chỗ ấy. Hôm nay đây, chúng tôi chỉ cứ theo cái hiện tình đảng Lập hiến, nghĩa là cứ chúm hai chum lại mà đứng trong cái địa vị của đảng ấy như ông Long nói đó, rồi xét thử ra sao.

Dẫn chúng tôi quê mùa đến đâu đi nữa cũng không đến nỗi chẳng biết rằng ở thuộc địa nầy, nếu trời cho có một cái chánh đảng, là cũng chớ nên mong được tha hồ tự do như các chánh đảng

bên Pháp. Vậy thì sự làm thinh không trả lời, sự chưa tuyên bố, chưa nhìn nhận đó, cũng chẳng phải là sự ở ngoài ý liệu chúng tôi. Dẫu vậy, được chừng nào ta hay chừng nấy, nếu khéo múa ra[1], thì cái đất ấy cũng chẳng phải là lệch !

Duy ở thuộc địa thì mới có cái "ca" như cái "ca" của đảng Lập hiến. Nói rằng chưa chánh thức thành lập, phải, bởi vì chánh phủ chưa tuyên bố, chưa nhìn nhận. Song nếu nói rằng đã chánh thức thành lập, cũng có thể được. Bởi vì đảng Lập hiến đã đẻ ra *Tribune Indochinoise*, tờ báo nầy làm cơ quan chánh thức (organe officiel) cho đảng Lập hiến, vậy nên mẹ nó chưa chánh thức thì sao con lại chánh thức được ư ? Huống chi nhiều khi thấy trong giấy mực việc quan, cụ Bùi Quang Chiêu, chỗ ký tên, nêu cái chức mình là đảng trưởng đảng Lập hiến (*Chef du parti Constitutionnaliste*), vậy nếu đảng chưa chánh thức thành lập thì sao viên đảng trưởng đã nêu cái chức mình lên một cách chánh thức ? Lại nói cho ráo lẽ mà nghe nữa, nếu chánh phủ không biết có đảng Lập hiến, thì tờ *Tribune Indochinoise* mà xưng như vậy, có lẽ bị đóng cửa, và những giấy má nào cụ Bùi có ký tên kiểu trên đó chắc đã bị trả về rồi. Nay những sự ấy chưa hề xảy ra, có ai cả gan dám nói đảng Lập hiến chưa chánh thức thành lập thì nói đi !

Nhưng mà thôi, các ông vậy mà chúng tôi cũng vậy, chúng ta thảy đều ở trong cái bầu không khí nầy, mọi sự nên hiểu ngầm nhau và lượng giải cho nhau, còn thách đố nhau làm chi ? Cái sự nửa nạc nửa mỡ như vậy, nó có thể xảy tới cho mọi người, riêng gì một mình các ông mà chúng tôi lại nỡ đi hạch nhọt.

Bây giờ cứ nói ngay vào cái địa vị đảng Lập hiến hiện tại của các ông đó thì nên làm làm sao. Chúng tôi thiết tưởng tại các ông không làm, chớ đừng bảo ở trong cái địa vị ấy thì không làm được.

---

[1] Câu nầy đặt do câu "vụng múa chê đất lệch" là tục ngữ ta (nguyên chú).

Nội một tờ báo *Tribune Indochinoise* nếu nó đã là cơ quan chánh thức của đảng Lập hiến thì cũng đủ cho các ông có chỗ mà làm mọi công việc rồi. Nếu muốn đăng chương trình của đảng lên báo, hay là muốn tuyên truyền chủ nghĩa, muốn lựa lấy đảng viên thì ai lại cấm các ông ? Huống chi nếu các ông lại có một tờ báo quốc ngữ làm cơ quan, như người ta đã ao ước, thì lại càng dễ lắm. Không cần phải có nhà tổng bộ của đảng không cần phải nhóm hội hè gì, chỉ trên hai tờ báo, nếu khéo làm ra thì thế lực của đảng cũng đã mạnh tới đâu rồi, điều ấy thật chẳng phải chúng tôi nói dóc.

Lại một cái cơ quan khuyến học nữa. Cái cơ quan nầy nếu chẳng phải là chánh thức của đảng Lập hiến, thì cũng ở trong tay các ông chớ chẳng lọt đàng nào. Phải chi các ông nhận chơn cái đảng nghĩa của mình mà có lòng thiệt hành, cái cơ quan nầy cũng được việc lắm chớ. Đừng chi lắm, cứ mỗi tuần lễ được lấy một buổi tối diễn thuyết chừng một giờ đồng hồ, mà làm cho thường luôn luôn, thì có ích đến đâu. Bây giờ người ta ham học lắm, những mấy thầy làm việc các sở, những kẻ làm thợ thuyền, đều đương trông mong tìm kiếm sự tri thức, như đói kiếm cơm, như khát kiếm nước, các ông có thể chẩn cấp sự ấy cho họ được mà các ông làm lơ. Ai có đời khuyến học hội chi mà bỏ vắng luôn cả năm trông thiếu điều rớt tròng con mắt mới thấy có làm chấm câu một bữa.

Như vậy đó mà đổ cho ai ? Đổ cho trời ! Hèn chi người ta nói phải : Vụng múa chê đất lệch !

Như trong mấy số trước đã nói, các ông không có đủ tài, không có đủ can đảm, đã run-en[*] trước mắt cái phong trào thanh niên rồi cũng dẹp luôn cả phận sự của mình, không làm chi hết. Chớ có phải là tại địa vị hẹp hòi đâu, có phải là tại hành động khó khăn đâu. Mà hễ hẹp thì làm theo hẹp, khó thì làm theo khó chớ.

---

[*] *run-en* : phát rét, run lạnh vì cảm sốt (Theo *Từ điển phương ngữ Nam Bộ*, sđd.)

Ngoài cái cớ trên đó, các ông lại còn một điều dở nữa, là không chịu hạ mình xuống mà gần với dân chúng, làm quen với dân chúng. Ở đất nầy làm chánh trị mà làm theo lối công tử sao được ? Phải dễ dãi với mọi người phải vào lọt các giai cấp trong xã hội thì mới xét biết được dân tâm và lấy được cảm tình của họ. Điều đó số sau chúng tôi sẽ nói.

Hôm nay chúng tôi có một điều hả lòng. Vì sự công kích một đảng phái như vậy, xưa nay trong báo giới ta chưa có. Thấy chúng tôi bắt đầu chắc có người phải ngờ thế nọ thế kia. Song càng ngày càng thấy cái thái độ và cái luận điệu của chúng tôi, thì đã có nhiều vị độc giả tin rằng chúng tôi vì việc nước mà nói, lấy lòng thành thật, lẽ công bằng mà nói chớ không phải như có tờ báo năm ngoái năm kia đã công kích đảng Lập hiến một cách thù vơ oán chạ. Mà có lẽ mấy ông Lập hiến cũng biết cho chúng tôi như vậy nữa.

TRUNG LẬP

Trung lập, Sài Gòn, s.6194 (11.7.1930)

IX. ĐÔI LỜI BIỆN BẠCH CÙNG ÔNG NGUYỄN PHAN LONG

Trung lập số vừa rồi có hứa rằng hôm nay sẽ nói tiếp về sự các ông Lập hiến không chịu hạ mình xuống mà gần với dân chúng, làm quen với dân chúng. Song *Đuốc nhà Nam* ngày 9 Juillet, ông Nguyễn Phan Long lại có viết bài trả lời cho bổn báo. Mà bài của ông đó chúng tôi coi là quan trọng, không thể bỏ qua hay là để trễ rồi mới biện bạch. Bởi vậy hôm nay xin ngưng câu chuyện nói trên đó, để lại số tới, mà có đôi lời ngỏ cùng ông Nguyễn trước đã.

Mấy hôm trước *Trung lập* có trích lục bài của ông Nguyễn trả lời cho bổn báo, vì đảng Lập hiến mà phân giải song chúng tôi chỉ trích đăng từ đoạn mà thôi. Hôm nay xin đăng nguyên văn cả bài

của ông ở số *Đuốc nhà Nam* nói trên cho chắc gốc. Rồi sau xuống dưới nầy chúng tôi sẽ nói chuyện.

Nguyên văn bài ấy như vầy :

*

NGÀY NAY SỰ THẬT MỚI RÕ RÀNG !

Mấy bữa nay *Trung lập báo* vẫn cứ làm án đảng Lập hiến hoài. Báo ấy đem nhiều điều vu cáo bất công ra công kích đảng nầy, những điều ấy sẽ có lúc đem ra cải chánh. Song trong báo ngày hôm qua, nhắc tới cuộc mê-tinh ở đường Lazzarotte mà M. Nguyễn An Ninh xướng lập, thì báo *Trung lập* trách riêng tôi một điều như vầy : "Ông đi Tây Ninh thì cứ việc đi, hà tất phải để thơ lại biểu đồng tình với cuộc mê-tinh ấy."

Điều trách ấy, tôi lấy làm lạ quá ! Thiệt vậy, chỉ trích tôi chỗ đó khác nào là làm vẻ vang cho tôi.

Độc giả sẽ phán đoán câu chuyện nầy. Trước hết báo T.L. công nhận rằng tôi có đi Tây Ninh thiệt, vì báo ấy viết rõ ràng như vầy : "Còn sự ông đi Tây Ninh thì quả thiệt, vì chúng tôi có nhận được bút tích của ông để nơi hòn đá sau bếp ông Nhứt Thiện đúng ngày có hội mê-tinh".

Đó, bây giờ muốn cho độc giả hiểu rõ chuyện nầy, thì tôi phải thuật lại từ lúc đầu mới đặng. Ngày chúa nhựt trước ngày họp mê-tinh một tuần lễ tôi cùng mấy người bạn, đi lên núi Bà Đen trên Tây Ninh. Lên tới điện bà, tôi muốn leo tới đảnh bạc để coi cái động trên đó. Song người ta nói với tôi rằng bây giờ trễ rồi, không đủ thời giờ đăng san nữa, muốn lên cho đỡ mệt thì phải lên từ sáng sớm mới đặng. Nghe lời khuyên ấy nên tôi quyết định để tới thứ bảy sau lại trở lên điện ngủ tại điện một đêm rồi sớm mai hôm sau leo lên đảnh bạc chơi.

Tôi đã sửa soạn cuộc du lãm nầy và hẹn với mấy người bạn cùng đi núi, thì thứ năm tuần sau, M. Dejean de la Bâtie là bạn đồng sự với tôi hồi đó ở báo *Echo Annamite* mà tôi làm chủ, kêu điện thoại nói xin tôi làm chủ tịch cho cuộc mê-tinh mà ông ta và M. Ng. An Ninh sẽ tổ

chức trong ngày chúa nhựt ở đường Lazzarotte để phản kháng về việc trục xuất một vị đồng bào người Trung kỳ. Tôi trả lời M.Dejean rằng tôi đã hứa lỡ với mấy người bạn đi chơi Tây Ninh rồi, không lẽ hoãn lại đặng, M.Dejean năn nỉ rằng nếu đích thân tôi không dự cuộc mê-tinh đặng, thì xin tôi nhận đỡ đầu cho, tôi nói với M. Dejean rằng tưởng là chi chớ như việc đó tôi rất vui lòng đỡ đầu và muốn cho sự đỡ đầu công nhiên minh bạch, thì trước khi đi Tây Ninh, tôi sẽ để lại một bức thơ cậy M. Dejean đến lúc nhóm mê-tinh thì đem ra đọc trước mặt anh em đặng bày tỏ ra rằng tuy là tôi vắng mặt mặc lòng, chớ tôi cũng biểu đồng tình với các anh em xướng lập ra cuộc mê-tinh và tôi tán thành cái mục đích ấy nữa.

Quả thiệt, bữa thứ bảy, lúc bước chưn lên xe để lên Tây Ninh, tôi có trao cho M. Dejean một bức thơ chính tay tôi viết như đã thuật ở trên và giữa ngày nhóm mê-tinh M.Dejean có đem bức thơ ra đọc cho hết thảy anh em nghe. Chuyện thiệt tình ra là vậy, ấy vậy mà sau người ta nói cho tôi điều nọ tiếng kia.

Đã bao nhiêu lâu, những kẻ nghịch với tôi vu cho tôi rằng kiếm cớ đi Tây Ninh đặng xa lánh mọi điều trách nhiệm của tôi. Đó, người ta mới đọc *Trung lập* mà chính ở báo ấy nhận thiệt rằng có thấy bút tích của tôi ở trên hòn đá ở Tây Ninh bữa ấy.

Như vậy thì cuộc du lãm ấy có thiệt chớ không phải là tôi bày đặt ra đặng kiếm cớ thối thác trách nhiệm đâu. Nếu như tôi sợ hãi rằng chuyện chi có hại cho tôi, thì tôi đã nhơn cái dịp đi Tây Ninh mà lấy cớ thối thác, can cớ gì tôi phải lưu lại bức thơ chữ tôi viết, tên tôi ký rõ ràng, tuyên bố giữa công chúng rằng tôi đỡ đầu cho cuộc mê-tinh ; nếu tôi sợ thì lúc đó tôi chỉ làm thinh đi chẳng hơn sao, mà sự làm thinh ấy lại có chứng cớ hẳn hoi là tôi vắng mặt ở Sài Gòn kia mà.

Vậy thì câu chuyện nầy không phải là câu chuyện khiến cho tôi bối rối hay là ân hận gì hết. Bức thơ của tôi đã viết đó chính là một việc chứng tỏ phân minh ra rằng lúc ấy cũng như những lúc khác, lúc nào tôi lãnh phần trách nhiệm của tôi luôn luôn, mà có lúc tôi có thể xa lánh sự nguy hiểm đi đặng thì tôi lại vui lòng để mình tôi vào nữa kia.

Theo như ý của báo *Trung lập* đã muốn, nếu như lúc nọ tôi lẳng lặng mà đi Tây Ninh, chẳng nói năng gì, thì có lẽ người ta đã vu cho tôi là bày đặt ra cuộc du lịch đặng cho khỏi dự mê-tinh, như vậy té ra người ta nói có lý, nếu chẳng phải đúng sự thiệt, thì cũng là trúng với bề ngoài. Song lúc đó tôi có làm vậy đâu, ấy là theo cái tánh chất và thói quen của tôi xưa nay, việc gì tôi đã làm đều là ngay thẳng mình bạch. Ấy vậy mà người ta còn nói tôi điều kia tiếng nọ nữa chớ ! Không biết rằng tôi phải làm sao nữa mới vừa lòng những người hay bắt bẻ tôi từ chút.(*)

NGUYỄN PHAN LONG

*

Dẫn bài của ông Nguyễn như trên đó, bây giờ chúng tôi xin nói cùng ông hai điều : Một là xin ông hiểu cho cái ý thành thật của chúng tôi từ hôm nói về đảng Lập hiến đến nay chỉ là đem một chuyện đã qua ra mà bàn hơn thiệt lợi hại, chớ không phải là công kích như trong cuộc bút chiến hôm trước ; hai là xin ông nếu có trả lời cho chúng tôi thì trong khi ông viết, ông phải coi cho kỹ những cái yếu điểm trong bài chúng tôi.

Đại ý hai điều như trên đó, dưới nầy chúng tôi xin nói rõ ra.

Ông nói : "Mấy bữa nay *Trung lập* vẫn cứ làm án đảng Lập hiến hoài". Chữ "làm án" đó, ông dùng khí nặng quá, sai với ý chúng tôi. Chúng tôi muốn chỉ ra những điều lỗi lầm về trước, mong có ích lợi cho sự sẽ làm về sau, chớ chúng tôi không có làm án ai hết.

Kế đó ông lại nói : "Báo ấy đem nhiều điều vu cáo bất công ra công kích đảng nầy". Như vậy chúng tôi lấy làm khó nghe lắm. Những lời vu cáo ấy ông chưa hề chỉ ra minh bạch, song ông có nói tiếp : "những điều ấy sẽ có lúc đem ra cải chánh", thì thôi, cũng để đợi xem, chẳng nói làm chi. Bây giờ đây chúng tôi chỉ xin ông đừng dùng những chữ như chữ "vu cáo" đó mà thôi.

(*) *từ chút* : từng chút.

Nầy là khi chúng ta nên bình tĩnh(*) mà nói chuyện với nhau về sự thiệt hơn lợi hại, có phải toan để khuynh hãm nhau đâu mà ông hòng nói chúng tôi vu cáo ? Nếu trong lúc chúng tôi nói về đảng Lập hiến mà có điều chi thất thiệt chăng nữa, thì sự đó cũng bởi thiệt tình lầm lỗi mà ra, chớ ai lại đi đặt điều nói xấu cho nhau làm chi ? Huống gì những lời chúng tôi nói trước rày, chưa hề có lỗi nào mà cho là thất thiệt được.

Tóm lại *Trung lập* lần nầy công kích Lập hiến là công kích bằng một cách quân tử ; chẳng những một mình ông, ai nấy đọc bài của chúng tôi cũng đủ thấy lời lẽ ra sao rồi. Vậy xin ông từ rày trở đi có viết về vấn đề nầy, xin đừng dùng những chữ nặng nề như chữ "làm án, vu cáo" đó nữa, e khi có người thấy vậy mà hiểu lầm, tưởng chúng tôi cũng vào một phồn với bọn tiểu nhơn đố kỵ mà công kích đảng Lập hiến chăng ?

Nhẫn lên nói rõ điều thứ nhứt, đây sắp xuống về điều thứ hai.

Sự chúng tôi trách ông Nguyễn Phan Long là trách ở chỗ đã đi Tây Ninh mà còn để thơ lại, biểu đồng tình với cuộc mê-tinh. Nhưng trong khi trách, chúng tôi phải tỏ mình ra là quân tử, chuyện có làm sao nói làm vậy, không có nói thêm hay là dấu bớt. Bởi vậy chúng tôi mới chua thêm câu "nhìn bút tích của ông trên hòn đá" để làm chứng rằng ông có đi Tây Ninh trong ngày ấy thiệt.

Sự đó không quan hệ lắm trong bài của chúng tôi, không phải là chánh văn, nên chúng tôi có để cái "entre parenthèses"(**). Nói cho rõ hơn nữa, câu đó chẳng qua để tỏ sự ngay thiệt của tờ báo *Trung lập*, chớ chẳng có đỡ bớt gì cho sự trách ông Nguyễn và chẳng có làm vinh diệu gì cho ông như ông đã nói đâu.

Chúng tôi trách ông tại chỗ nầy : Đã đi Tây Ninh thì cứ đi, hà tất để bức thơ lại, biểu đồng tình với cuộc mê-tinh làm chi ?

(*) *bình tĩnh* : công bình, không thiên vị (sans parti pris) ; khác với *bình tĩnh* nghĩa là yên lặng (calme, tranquille) (theo Đào Duy Anh, sđd.).

(**) *entre parenthèses*: trong ngoặc đơn.

Theo như ông nói trên đây thì chẳng những biểu đồng tình thôi, mà chính đã đỡ đầu cho cuộc mê-tinh ấy nữa. Vậy thì trong cuộc mê-tinh ấy ông có trách nhiệm lớn hơn ai hết, có phải không ? Vậy thì khi cuộc ấy đổ bể ra, có người bị bắt bị tù, ông mới tính sao ? Ông làm thinh đi, nghe có nhã không ? Chúng tôi trách ông là trách ở chỗ ấy. Là cái chỗ để bức thơ lại biểu ông Dejean de la Bâtie đem đọc giữa công chúng, phô ra rằng ông là người đỡ đầu, ông chịu trách nhiệm, rồi sau đó ông Nguyễn An Ninh vô khám, chẳng thấy ông có được một tiếng nào.

Ông không có phép nói rằng đó là tại ông Ninh làm bậy, ông Ninh chịu. Vì sao ? Vì ông đã biết cuộc mê-tinh ấy là phản kháng một việc chi rồi mà. Ở thuộc địa nầy nếu có sự phản kháng thì cái kết quả của nó ra làm sao, ông há lại chẳng biết hay sao mà ông dám đỡ đầu ?

Bởi vậy, chúng tôi ép ông phải nghĩ lại chỗ nầy cho kỹ mà về sau đừng làm như vậy mới được. Trong "ca" ấy, ông có hai cách : một là ông liệu đảm đương sự đổ bể được, thì ông hãy đỡ đầu cho cuộc mê-tinh ; một là ông liệu không đảm đương được thì đừng dính vào, đi Tây Ninh cứ việc đi, đừng để thơ từ lại chi hết, là xong chuyện. Nhưng ông đã làm nửa nạc nửa mỡ nên mới mang tiếng, và bây giờ chúng tôi viết ra minh bạch để cho ông thấy chỗ sai lầm của mình. Ấy vậy mà trong bài của ông trên đây, ông nói đâu đâu, chẳng ăn nhập với chỗ yếu điểm của chúng tôi chút nào hết.

TRUNG LẬP

Trung lập, Sài Gòn, s.6195 (12.7.1930)

XI. NHÀ CHÁNH TRỊ ĐỜI NAY CẦN PHẢI GẦN VỚI DÂN CHÚNG, HIỆP MỘT VỚI DÂN CHÚNG[*]

Đảng Lập hiến không làm như vậy !

Trong mấy bài trước có nhiều chỗ tỏ ra rằng đảng Lập hiến trong khi đi đường chánh trị, không hay đi thẳng theo chủ nghĩa mình ; khi gặp đảng khác không đồng chủ nghĩa với mình lại hình như có ý nhường bước ; sự ấy là không hiệp với cái cách thức chánh đảng đời nay. Vì đó mà trì hồi hưỡn đãi[**] không hành động ra được việc gì, hoặc hành động không minh bạch. Vậy mà ngoài sự ấy ra, lại còn có điều khác nên trách nữa.

Trước kia nhiều lần đã nói, phàm một chánh đảng thì phải lấy quốc dân làm hậu thuẫn. Cho nên ở hồi bình nhựt, đảng phải làm cách nào cho mình gần với dân chúng ; khôn khéo hơn nữa thì làm cách nào cho mình hiệp một với dân chúng. Nếu được vậy, nếu dân chúng đã cùng mình làm một, thì đến khi cần kíp, họ mới chịu đứng lên mà làm hậu thuẫn, cứu viện cho mình.

Nay ta thử xem đảng Lập hiến có làm được như vậy chăng ?

Muốn làm được vậy thì cần nhứt phải có tờ báo tiếng bổn quốc làm cơ quan. Mà nay đảng ấy đã không có cơ quan ấy rồi thì còn trông mong nỗi gì ? Vậy nay chúng tôi không nói về sự ấy nữa mà chỉ xét xem cách cử chỉ của mấy ông đảng viên họ đối với dân ta ra làm sao.

(Bị kiểm duyệt bỏ)

(*) Việc tác giả và tòa soạn đánh số loạt bài này có lẽ có sơ xuất nên không có kỳ X. Các số báo 6196 (15.7), 6197 (16.7) và 6198 (17.7) không đăng gì thuộc loạt bài này, chỉ đến số 6199 (18.7.1930) mới đăng tiếp kỳ thứ 10, nhưng lại đánh số XI.

(**) *trì hồi* : dùng dằng không nỡ ra đi (theo Đào Duy Anh, sđd.) ; *hưỡn đãi* (hoặc *hoãn đãi*) : chậm rãi, thong dong (theo H.T.Paulus Của, sđd.).

Đảng Lập hiến có lập ra nhiều nhà khuyến học hội ở các nơi, là cái cơ quan dùng mà diễn thuyết rất tiện lợi, thì lại không mấy khi dùng đến như đã nói mấy lần rồi ở mấy bài trước. Lại còn nghe như điều lệ của khuyến học hội định rằng diễn thuyết phải dùng tiếng Lang Sa, nếu quả vậy lại lạ lùng khó hiểu nữa ; cái cơ quan ấy có dùng cũng chẳng ích lợi chi cho dân chúng An Nam vậy !

Vậy thì các cơ quan chánh thức của đảng Lập hiến chẳng còn mong gì dùng mà tiếp cận với dân chúng được. Bây giờ chỉ còn mong có mấy ông đảng viên có dịp tiện đứng ra trước mặt dân chúng mà thôi.

Cái dịp tiện ấy khó thay ! Dân An Nam ta có mấy khi mà nhóm nhau lại cho được cả trăm cả ngàn người ? Có chăng, chỉ là trong các cuộc biểu tình cách hơn một tháng trước.

Hồi bấy giờ ta mong rằng trong khi có một cuộc biểu tình nhóm lại xong, định kéo nhau đến chỗ mục đích, trong khi ấy mà có một ông đảng viên Lập hiến cho to gan, tới tại chỗ đó đứng trước mặt anh em dân mà diễn thuyết lợi hại, nói điều hơn sự thiệt cho họ nghe, có lẽ họ nghe được mà giải tán ngay lập tức ! Nhưng hết đám nầy tới đám khác, mong hoài mà chẳng thấy mặt ông nào hết, sau người ta biết mong như vậy là vô lý rồi không mong nữa !

Năm khi mười họa mà có gặp được dịp tốt để các ông Lập hiến đứng ra trước mặt hằng ngàn người An Nam, cũng lại vô ích ! Tức như hồi cụ Bùi ở Tây về, sau đám tang cụ Tây Hồ, đồng bào An Nam mở tiệc trà mừng cụ giữa thành phố Sài Gòn, dầu mỗi người mất một vài đồng bạc mới được vô cửa, họ cũng lăn mà vô cho được đến những hai ba ngàn mạng để nghe cụ nói. Nói gì ? Hôm ấy cụ có đọc một bài văn vắn bằng tiếng An Nam, còn cái bài dài bằng đây ra Ô Cấp kia, văn hay như rồng bay phụng múa, lý cứ như chặt sắt đóng đinh, thì lại bằng tiếng Pháp. Ấy là ông Bùi... Còn ông Nguyễn Phan Long thì nói tinh bằng tiếng Pháp như ông Colonel Sée, mà lại nói hay hơn ông Colonel Sée nữa !

Chẳng kể làm chi cho lôi thôi nhiều chuyện, đại để các ông ấy khi nào nói với người An Nam, đông mấy cũng mặc, trong đó có phần nhiều không hiểu tiếng Tây cũng kệ, ổng cứ việc nói tiếng Tây.

Chuyện nghịch quá mà các ổng làm được ! Giả sử anh sớp-phơ của các ổng, trong khi chủ biểu đi Thủ Đức mà ảnh lại vặn tay bánh nhắm hướng Chợ Lớn mà đi chắc bị rầy to bởi các ổng không khéo đòi cúp luôn tiền lương nữa là khác. Vậy mà các ổng, trong khi muốn gần dân chúng An Nam, muốn cùng dân chúng An Nam hiệp một, các ổng nhè nói tiếng Pháp, thì lại không ai rầy ! Có, người ta rầy lắm chớ, có điều các ổng không nghe đó thôi.

Chẳng có gì lạ hết. Các ông đảng viên Lập hiến chỉ có một ý là xem thường xem khinh dân chúng mà thôi. Chắc các ổng nghĩ rằng hạng người An Nam nghèo hèn, nghĩa là hạng không có tư bổn, không có chức phận, thì các ổng không cần. Hạng nầy không nghe được thì kệ họ ; miễn hạng có tư bổn chức phận nghe câu chuyện các ổng được thì thôi ; mà hạng nầy đều là có ăn học, nói tiếng Tây như bắp rang, thì có mắc mớ gì đâu mà các ổng không nói tiếng Tây ?

Đó là cái cớ hệ trọng nhứt làm cho đảng Lập hiến với dân chúng An Nam như mặt trăng với mặt trời. Ông đảng trưởng sắp xuống cho tới các đảng viên, chẳng hiểu tình ý của dân ra sao ; mà anh em dân cũng chẳng hề biết đảng Lập hiến là giống nào, đực hay là cái. Có đời nào nước nào lại có cái chánh đảng kỳ cục như vậy ? Nếu là chánh đảng thật, thì sao lại có được cái hiện tượng kỳ cục như vậy ?

Có lần cụ Bùi đã nói ra trên báo mà rằng mình không có thạo tiếng An Nam. Chỗ nầy, chúng tôi phải tin là cụ nói thật tình. Sự đó chẳng hại chi cho cụ về việc riêng ; song thật là một điều bất lợi cho cụ trong đường chánh trị.

Hiện nay có tiếng đồn rằng cụ Bùi Quang Chiêu toan bề cáo thối(*) mà nhường cái địa vị đảng trưởng đảng Lập hiến lại cho ông Nguyễn Phan Long, ông nầy sẽ ra đảm đương việc đảng chánh thức. Ai, chớ ông Long thì chúng tôi dám chắc là ông sẽ tránh được sự bất lợi của cụ Bùi nếu ông làm đảng trưởng Lập hiến, vì ông thạo nói và viết tiếng An Nam.

"Nói không định đô", ấy là điều mà người ta không ai ưa. Chánh tôi nói về đảng Lập hiến đến bữa nay chừng cũng đã vỡ ra được nhiều lẽ rồi ; bởi vậy, chúng tôi định thúc lại trong ít bài nữa rồi cũng định đô cho rảnh.

TRUNG LẬP

Trung lập, Sài Gòn, s.6199 (18.7.1930)

XII. "TẬP DÂN VỌNG" VỚI CUỘC BIẾN ĐỘNG VỪA RỒI

Theo lời chúng tôi trong 11 bài trước thì thành ra đảng Lập hiến không xứng đáng một chánh đảng, vì chẳng có làm ra việc gì có ích lợi cho dân cho nước cả. Nói vậy chẳng là chúng tôi bỏ sót *Tập dân vọng* (*Cahier des Voeux*) mà ông Nguyễn Phan Long đã đứng đầu sáu trăm người An Nam dâng cho quan Toàn quyền Varenne cuối năm 1925 hay sao ? Không đâu, chúng tôi sẽ nói sự đó trong bài nầy.

Dẫu rằng ông Nguyễn Phan Long xưng mình không phải là đảng viên Lập hiến, chỉ có cái chánh kiến giống với đảng Lập hiến, thành ra ông cũng là đảng viên Lập hiến, dầu vậy đi nữa, chúng tôi cũng phải nói rằng sự đưa *Tập dân vọng* là sự của đảng Lập hiến đã làm ra. Vì nếu không nói như vậy thì thiệt là trong mười năm nay, từ hồi đảng Lập hiến thành lập đến giờ, đảng ấy chưa hề có làm ra việc gì cả ! Chúng tôi phải kể việc nầy vào cho của đảng ấy, kẻo vắng vẻ quá.

(*) *cáo thối* : như "cáo thoái".

Trước khi chúng tôi đã chỉ ra những chỗ yếu đuối của đảng Lập hiến, khi gặp kẻ không đồng ý kiến với mình, không dám đối địch mà lại chiều theo. Dầu cho ông Nguyễn Phan Long cũng không khỏi sự yếu đuối ấy, tức như sự ông không đối phó với cuộc mê-tin ở Xóm Lách. Tuy vậy, về sự đưa *Tập dân vọng*, chúng tôi phải chịu ông Nguyễn là có cái thái độ cương quyết trong việc nầy. Giá mà bất kỳ việc nào trong đường chánh trị từ trước đến giờ, đảng Lập hiến cùng ông Nguyễn Phan Long đều xử như vậy hết, thì chúng tôi không còn chỗ trách nữa.

Cái nội dung của *Tập dân vọng* và về sự đưa *Tập dân vọng* cho quan Toàn quyền là một đảng viên xã hội đang ở Pháp mới qua, – cái đó hay dở, phải chăng thế nào, lại là một vấn đề khác, chúng tôi không nói ở đây. Ở đây chúng tôi chỉ nhìn cho cái thái độ của ông Nguyễn Phan Long hồi đó thiệt là cương quyết, thiệt là đúng với kiểu cách một nhà làm chánh trị.

Chúng tôi biết hồi đó có mấy người trong đám thanh niên phản đối việc nầy gắt lắm. Mà cũng có một ông An Nam già, có danh tiếng trong chánh giới ở Sài Gòn, phản đối như họ nữa. Những người phản đối ấy nói rằng quyền lợi của người Pháp với quyền lợi của người Việt Nam, hai cái không dung nhau, cho nên mình muốn tranh quyền lợi với người Pháp thì tranh bằng cách nào kia, chớ tranh bằng lời nói, nghĩa là viết đơn mà xin họ, thì nhứt định là không được. Họ chủ trương cái lý thuyết ấy rồi họ đi khuyến dụ người ta, biểu đừng theo ông Long làm việc ấy. Sự phản đối của họ đó cũng có ảnh hưởng khá khá, cho nên về sau trong lúc ông Long đứng đầu đưa *Tập dân vọng*, chỉ có sáu trăm người đồng hành mà thôi, nếu không thì cuộc nầy chắc có đến mấy ngàn người dự vào, chẳng ít.

Người ta phản đối như vậy đó mà ông Long cũng không núng, cứ việc tấn hành, vậy chúng tôi mới khen ông là đã tỏ ra cái thái độ cương quyết trong việc ấy.

Phải lắm, ông Long vậy, hay là đảng Lập hiến cũng vậy, nếu đã lấy "ỷ Pháp" làm chủ nghĩa, thì những việc như việc đưa *Tập dân vọng* cho quan Toàn quyền Varenne là việc không có thể mà bỏ đi không làm. Ai phản đối mặc ai, theo chủ nghĩa các ổng thì thế nào cũng phải làm những việc như việc ấy, vì nó hiệp với chủ nghĩa các ổng.

Việc đáng làm thì dầu người ta phản đối cũng cứ làm, cái chỗ chúng tôi khen các ổng là ở đó. Rồi chúng tôi cũng trách các ổng ở việc nầy.

Cứ như *Đuốc nhà Nam* nói mới rồi, thì những điều thỉnh cầu trong *Tập dân vọng*, chánh phủ chỉ mới thi hành có một phần ít mà thôi, còn nhiều việc quan hệ trong tập ấy thì chánh phủ chưa thi hành.

Vì làm sao mà chánh phủ chưa thi hành hoặc không thi hành, cái đó, chúng tôi không cần biết đến, mà dầu có biết cũng không cần nói đến. Chỉ duy chúng tôi nghĩ rằng sự chánh phủ chưa thi hành đó là một điều giúp cho các ông mạnh miệng mà trả lời với chánh phủ với kẻ đối địch các ông trong chánh giới, và với đồng bào An Nam trong các cuộc biểu tình mới rồi nữa. Vậy mà các ông không lợi dụng điều ấy để đối phó, trở đi nói chi chi ở đâu, làm cho phần đông không phục tình các ông, và hôm nay chúng tôi phải nói rõ cho các ông nghe.

Trước ngày 6 Juin mới rồi, khi De Lachevrotière khống cáo hai ông Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long cùng cả đảng Lập hiến trong báo *La Dépêche*, nói rằng các ông là người vi thủ[*] trong cuộc biến loạn nầy, xin nhà nước chỉ bắt giam các ông là yên việc khi ấy, nếu các ông trả lời bằng một cách cương quyết nữa thì thôi, đâu có sanh chuyện ?

---

[*] *vi thủ* : làm đầu, cầm đầu ; phân biệt với *vi tùng* : tòng theo (theo H.T. Paulus Của, sđd.).

Chúng tôi tiếc ông Long đã trả lời cho ông De Lachevrotière một cách mềm mỏng quá, khác nào khi người ta đánh mình bằng cái búa mà mình đỡ bằng cái khăn ! Phải chi hồi đó ông Long nói rằng : Chúng tôi biết lòng dân muốn những gì rồi, chúng tôi đã đem những điều ấy mà trình cho chánh phủ biết rồi. Đã ba bốn năm nay mà chánh phủ chưa chịu thi hành những điều ấy thì dân họ nổi lên mà xin chánh phủ lần nữa ; cái đó là mặc ý chánh phủ với dân, chúng tôi đã làm xong phận sự mình, nghĩa là đã đem nguyện vọng của dân mà trình cho chánh phủ rồi, bây giờ xảy ra điều chi, chúng tôi đâu có biết.

Nói vậy rồi, các ông lại tỏ ra mình vui lòng phó số mạng mình trong sự khoan hồng hay là nghiêm khắc của chánh phủ, nếu nghe lời ông De Lachevrotière tố cáo mà xử mình cách nào đi nữa mình cũng bằng lòng – thì nói thiệt, trong cuộc biến động mới rồi, các ông Lập hiến đã khỏi mang tiếng chi hết. Mà không chừng, trái lại, các ông lại sẽ được công chúng khâm phục nữa kia, sẽ được đồng bào tín nhiệm nữa kia.

Vậy mà các ông đã không làm như lời nói trên, thành ra *Tập dân vọng* hoá ra một vật vô dụng, đã chẳng ích chi cho chánh phủ, cho nhân dân mà cũng không ích chi cho phần riêng các ông nữa.

TRUNG LẬP

Trung lập, Sài Gòn, s.6200 (19.7.1930)

XIII. Ý KIẾN CHÚNG TÔI VỀ ĐẢNG LẬP HIẾN NAY SẮP SAU

Trước rày chúng tôi chỉ trách thiện đảng Lập hiến hỏi sao không làm thế nầy lại làm thế nọ, hỏi sao không đi con đường chánh trị theo chủ nghĩa mình. Trừ ra những việc riêng của đảng viên mà người ta hay dùng làm cớ để phi nghị, chúng tôi không nói đến, còn những lẽ gì có quan hệ đến quốc gia đồng bào thì chúng

tôi nói lược lược cũng đã đủ. Vậy, nếu có người hỏi bây giờ đảng Lập hiến nên làm thế nào thì chúng tôi sẽ trả lời làm sao ?

Phải, chúng tôi đã trách người ta, thì chúng tôi cũng phải tỏ ra cái ý kiến của mình. Hôm nay, bài nầy chính là chúng tôi tỏ ra cái ý kiến ấy. Dầu hay dầu dở, dầu phải dầu chẳng, nó cũng là một cái ý kiến, nên đem mà phát biểu.

(*Kiểm duyệt bỏ một đoạn*)

Chúng tôi tưởng thứ dân quê mùa dốt nát, chỉ biết cấy lúa và nấu cơm mà thôi, thì có đem ra mà làm việc gì đi nữa cũng hư. Thứ dân ấy mà biểu nói chuyện tự trị độc lập làm sao cho đặng ? Vậy bây giờ sự cần nhứt ở nước ta mà là sự người mình có thể làm được, thì chẳng có chi hơn là giúp chánh phủ sửa sang việc nội trị, nghĩa là dạy dân cho khôn và làm cho dân bớt khổ đi.

Những việc ấy, nếu do ý kiến của cá nhân hay là ý kiến của một hội đồng nào cũng không có thế lực mạnh mà thiệt hành ra được cho bằng của một đảng.

Còn như nói rằng những việc quan hệ về nội trị ấy thì chánh phủ đã làm rồi và còn cứ làm nữa, hà tất phải đảng nào làm chi ? Nếu nói vậy thì bên nước Pháp lại có đảng làm chi ? Sao nước Pháp không để một mình chánh phủ cai trị ?

Ở đây lại có một lẽ cần phải có chánh đảng hơn bên Pháp nữa. Chánh phủ ở đây là người Pháp, dân là dân An Nam, chánh phủ dầu thông thuộc mấy đi nữa, làm thế nào hiểu hết sự lợi bịnh trong dân đặng ? Được nhiều càng hay, không thì ít nữa cũng phải có một đảng để bổ trợ điều thiết sót của chánh phủ trong việc hành chánh. Vậy sau cơn biến động nầy, đảng Lập hiến nếu có thiệt bụng làm chánh trị, lo việc dân việc nước, thì nên tổ chức lại theo như chương trình cũ, – vì từ hồi đó đến giờ chưa tổ chức đúng như chương trình hay là châm chước sửa đổi chương trình ấy mà bắt đầu lập đi. Nguyên năm xưa, giấy má chương trình chi nghe đã đưa

lên trình chánh phủ rồi ; bây giờ chỉ cần chánh phủ trả lời cho là được. Người ta chỉ sợ có một nỗi là chánh phủ lại không cho. . . . . .[*] Chúng tôi tưởng, hồi nầy đây, có ở đâu chánh phủ lại thờ ơ như vậy được ? Những việc biến động mới yên rồi đó chẳng đã tỏ ra cho các quan thấy rằng cuộc cai trị xứ nầy cần phải sửa đổi hay sao ? Những việc biến động đó, vẫn biết rằng không làm chi nhúc nhích chánh phủ nổi, song há lại không nhọc lòng đối phó, và cũng có lẽ nhơn đó mà giảm bớt lòng tín nhiệm của dân đi hay sao ? Chúng ta phải hết lòng tin rằng dạo nầy tuy chánh phủ đương lo sửa sang việc nội trị xứ nầy cho hiệp với tình thế hiện thời, chớ không thể làm lơ bỏ lún như mấy năm trên được. Mà nếu vậy thì tưởng chánh phủ cũng cần cho có một hạng người An Nam đủ tài đủ trí để giúp sức cùng mình.

Nếu sự chúng tôi đoán đó mà trúng thì đảng Lập hiến có khó gì mà chẳng chánh thức thành lập ngay từ đây.

Ở xứ Nam kỳ ngày nay cần có một cái đảng chánh trị thật. Nếu cần như vậy mà phải lập ra một cái mới thì chánh phủ có lẽ sẽ bảo là khó. Chớ cái nầy sẵn có một cái đảng cũ có tên có tuổi rồi bây giờ chỉ có việc tổ chức lại và thủng thẳng thiệt hành các chánh kiến ra mà thôi, có hại gì mà lại chẳng cho ?

Chúng tôi tưởng nếu chánh phủ có ngại sao đó, đảng Lập hiến sẽ nài xin được một cái quyền gì cho rộng bề thi thố rồi đứng mà nhận lấy trách nhiệm trị an trong xứ nầy thì chánh phủ còn nghi gì nữa.

Chúng tôi nói "quyền" đó nghĩa là cái quyền gì hoặc như là quyền ngôn luận vậy ; có cái quyền ấy thì mới có thể cổ động cho phần đông theo một chủ nghĩa, đi một đường chánh trị theo với đảng được.

---

[*] chỗ này bản gốc chấm lửng (....) một dòng, có thể tòa soạn bỏ một đoạn ngắn.

Mà chánh phủ há lại không nghĩ tới cái hiện tình trong cả nước nầy sao ? Bất kỳ dân nào trên trái đất nầy cũng có cái óc về chánh trị hết, hễ không làm thế nầy thì làm thế khác, bề nào họ cũng có một phần đồ về chánh trị mới nghe. Làm sao mà trong ba kỳ, chỗ nào cũng có những hội kín hết là vì đâu ? Chúng tôi nói, sự đó dầu có nhiều cớ chăng nữa, không có một cái chánh đảng minh bạch cũng là một cớ.

Đừng nói ở đâu, nói Nam kỳ đây nếu đảng Lập hiến lâu nay mà thành lập một cách cho hẳn hòi, hành động việc nầy việc khác cho có hiệu quả, nhân dân thảy đều biết tiếng, thì họ đổ nhau về một đảng với đảng, nương cậy chánh phủ để noi lên đường tấn hóa, chớ ai lại lập hội kín nầy hội kín nọ ra làm chi ?

(*bị kiểm duyệt bỏ*)

Chúng tôi dám chắc rằng nếu chánh phủ để cho Nam kỳ nầy có một cái chánh đảng, – Lập hiến hay đảng nào cũng được, – đứng trong vòng pháp luật, giúp chánh phủ về mặt nội trị, thì trong xứ sẽ yên lặng, không có hội kín nào khuấy rối cho mệt chánh phủ hết, vì họ đã thỏa cái "lòng dục chánh trị" của họ rồi.

Bên đảng Lập hiến cũng vậy mà bên chánh phủ cũng vậy, nếu có làm cho ra bề ra thế ít nữa cũng như chúng tôi nói trên đây thì hãy nên để còn cái tên Lập hiến. Bằng không làm như vậy được thì chúng tôi tưởng các ngài cũng nên kiếm cách mà giải tán đi, thủ tiêu cái tên đảng đi. Chớ còn để nửa sống nửa chết, dật dờ dật dưỡng, hữu danh vô thiệt như vậy thì chẳng ích chi cho dân cho nước, mà hễ có việc chi, ấy là các ngài mang tiếng, thiệt vô ích quá.

Vậy là dứt câu chuyện đảng Lập hiến.(*)

TRUNG LẬP

Trung lập, Sài Gòn, s.6205 (25.7.1930)

(*) Về đề tài này, có thể xem thêm bài : *Số phận của Bùi Quang Chiêu và phe thỏa hiệp* : http:// www.bbc.co.uk/vietnamese/story/2005/08/05.

NẦY LÀ LẦN THỨ NHỨT, CÁI ẨN TÌNH ĐẢNG LẬP HIẾN ĐƯỢC GIẢI RA TRÊN BÁO

LỜI TÒA SOẠN. - *Trung lập* luôn trong mấy số ra ngày 2, 3, 4, Juillet đều có bài nói về đảng Lập hiến ở Nam kỳ. Những bài ấy tuy là do tay chúng tôi viết ra, chớ cũng chẳng qua là thâu thái các dư luận ở ngoài, đem những sự nghi ngờ của công chúng, lấy lòng thành thật mà phô bày ra trên báo. Điều đó tưởng chẳng những độc giả lượng cho chúng tôi, mà cho đến các ông có chưn trong đảng Lập hiến cũng chẳng đến nỗi ngờ cho chúng tôi là có ý riêng gì vậy.

Cái màn kín thuở nay chưa ai vén lên, chúng tôi mới hé thử một chút, không ngờ nhơn đó nó mở toang ra.

Luôn hai ngày 3, 4 Juillet, ông Nguyễn Phan Long viết trong báo *Đuốc nhà Nam* mà phân giải về mấy chỗ *Trung lập* chỉ trích đảng Lập hiến. Bài của ông dài quá, chúng tôi không thể đăng y nguyên văn được, vậy xin trích mấy đoạn khẩn yếu lên đây cho độc giả xem.

Nầy là lần thứ nhứt mà có người – là ông Nguyễn Phan Long – đã đem cái ẩn tình của đảng Lập hiến giải minh trên báo. Những lời ông nói chúng tôi không có phán đoán là phải hay chăng, chỉ chuyển đăng cho đồng bang ta tự xem xét lấy mà thôi. May là đồng bang cho lời ông Long là phải, nhơn đó nguyện lượng cho cái khổ tâm của đảng Lập hiến, rồi ra chiều hòa bình đi, không tẩy chay đảng Lập hiến và cơ quan của đảng ấy nữa, thì cái đó là do ở quyền

phán đoán của đồng bang. Bổn báo đâu dám dự đến. Song nếu được vậy thì lại càng tỏ ra rằng tờ *Trung lập* nầy công kích đảng Lập hiến thật chẳng phải một sự oán mà lại là một sự ơn nữa, há chẳng làm sáng cái lòng công nghĩa chúng tôi lắm dư ?

Tuy vậy, bên *Trung lập* chúng tôi còn cứ nói về đảng Lập hiến nhiều bài nữa, chẳng vì cớ ông Long viết trong *Đuốc nhà Nam* mà thôi đi đâu. Song hễ khi thấy ông Long có lời phân giải thì chúng tôi cũng sẽ trích đăng vào *Trung lập* như hôm nay vậy.

Cái đầu đề của bài ông Long là "***Trông người lại gẫm đến ta***", lược trích mấy đoạn như sau nầy :

Mấy bữa nay *Trung lập* đã thôi cuộc bút chiến với *Đuốc nhà Nam* rồi. Bây giờ báo ấy công kích tới thái độ và sự hành vi của đảng Lập hiến. Báo ấy làm vậy là đứng vào cái đất tranh luận với nhau về ý kiến. Tôi rất vui lòng dự cuộc bởi có tranh luận với nhau như vậy thì ít nhiều điều mà xưa nay còn ở trong chỗ tối tăm mờ mịt bây giờ nhờ đó mà lòe ánh sáng ra.

Vả lại người ta tưởng tôi là đảng viên Lập hiến, có người lại cho tôi là một tay lãnh tụ trong đảng ấy nữa, mà sự thiệt là tôi không dự vào đảng Lập hiến và cũng không muốn dự vào, cho nên tôi càng thái nhiên mà nói về đảng Lập hiến. . . . . ..

. . . . . .Thật tôi không dự vào đảng Lập hiến, song tôi có nhiều ý kiến cũng tương tự với chúng chương của đảng Lập hiến, và lại tôi lấy cái tư cách vừa là nhà làm chánh trị vừa là đại biểu của dân, mà tôi chung đậu với công việc của ông Bùi Quang Chiêu làm, thành ra tôi không phải là Lập hiến mà cũng như Lập hiến vậy. Những sự hành vi đó, tôi xin nhận lấy phần trách nhiệm của tôi rất là đàng hoàng, cũng như tôi nói ngay thiệt ở đây rằng tôi có lòng quý trọng ông Bùi Quang Chiêu, là người đóng một vai chánh trị rất khó khăn trong nước mà không ai xét thấu tâm sự cho.

Thiệt vậy, đã mấy năm nay, đảng Lập hiến và ông Bùi Quang Chiêu là người hóa thân của đảng, đều bị người ta phẩm bình và ngay tới báo *Trung lập* cũng mới công kích đó.

Trước hết người ta trách đảng Lập hiến sao không có chánh thức hẳn

hội, đến nỗi giống như một đảng mập mờ, không có hội hiệp, không có đảng viên, không công bố điều lệ và sổ đảng viên, nói tóm lại là không bày tỏ gì ra, như một đảng lập lên phân minh, để cho công chúng biết rằng có đảng và công việc của đảng ra làm sao.

Những lời trách ấy, theo ý tôi đều là không đúng. Chính là hồi qua bên Paris, mà ông Bùi Quang Chiêu có cái tư tưởng lập ra đảng Lập hiến. Lúc bấy giờ ổng chưa phải là hội đồng quản hạt, thành ra không có ai uỷ quyền cho để cho ông có tư cách thay mặt người An Nam mà tỏ bày chánh kiến ở bên Pháp đặng. Muốn làm những việc có ích cho đồng bào, nên chi ổng cùng với ông Dương Văn Giáo lập lên đảng Lập hiến. Điều lệ của đảng mới sanh ra, đã đệ trình ở dinh quận Seine bên ấy.

Đến khi trở về Nam kỳ, ông Bùi Quang Chiêu lại đệ trình điều lệ ấy tại chánh phủ Nam kỳ ; từ lúc ấy đến giờ không thấy chánh phủ trả lời ông về việc đó ra sao hết. Nhưng mà một cái đảng, nếu chánh phủ chưa tuyên bố rằng đã nhận được điều lệ đem dệ trình, và chưa biết cho một cách chánh thức rằng có đảng, thì cái đảng ấy không có thể nào có công nhiên theo đúng pháp luật đặng. Đó, đảng Lập hiến còn thiếu cái điều khoản quan hệ như vậy cho nên không có thể nào hành động việc gì đúng như một đảng chánh thức thành lập, thành ra không có đủ danh nghĩa đặng họp hội đồng, lựa đảng viên, v.v.

Người ta lại trách đảng Lập hiến chưa làm được kết quả gì đích đáng đặng phô bày cái chỗ hữu ích của mình ra. Điều trách ấy, tôi lấy cái danh nghĩa làm hội đồng quản hạt mà nhận một phần của tôi.

Độc giả sẽ thấy ngay rằng lời trách như vậy cũng vu vơ như lời trách trên kia mà thôi, chớ không có căn cứ vào đâu hết. Do cái tình thế đặc biệt trong xứ mình, nên chi các đại biểu của dân – chỉ có cái quyền rất là chật hẹp – bất quá đóng cái vai như là những cái "khiên" chớ không phải cái vai "thanh kiếm" ; mấy ổng đỡ mình phần nhiều mà ít khi đánh ; vậy nghĩa là mấy ổng rán sức tìm cách tránh những điều bất công và tệ lạm đi cho dân, hay là làm cho tiêu diệt những điều đó đi ; song sự thiệt thì ít khi có thể hoạt động như ý. Mấy ông hành động như thế, cũng có giúp ích được tổ quốc đồng bào, ví dụ như trong vụ Candelier mấy năm trước hay là vụ thuế thân mới rồi đây. . . . . .

. . . . . Người ta còn trách đảng Lập hiến một điều khác nữa, song để tới mai tôi sẽ trả lời, vì nó là một vấn đề quan hệ mà tôi muốn bày tỏ rõ ràng để cho chư vị độc giả hiểu. Nếu như vấn đề không thành ra một chuyện buồn rầu, mà lại đau đớn nữa, thì tôi chẳng viết bài nầy làm chi, là bởi thiệt tình tôi chẳng có ý nào viết ra đặng binh vực gì cho đảng Lập hiến hay là chữa mình riêng cho tôi.

Đến điều đáng trách thứ ba, những người phản đối đảng Lập hiến trách rằng đảng Lập hiến có thế lực mà không biết dùng.

Đó, chính cái điều trách nầy làm cho tôi chứa chan cay đắng vậy. Cay đắng, không phải vì tôi thấy động chạm tới mình tôi, theo như có người tưởng là như vậy, song kỳ thiệt chính là vì nó bày tỏ ra cái chỗ yếu thế trong sự hành động của những nhà làm chánh trị ở xứ nầy. Thiệt vậy, không phải như báo *Trung lập* đã tưởng đâu, chính thật ra, nói riêng thì mấy ông Lập hiến, mà nói chung thì hết thảy các nhà làm chánh trị ở nước nhà thường khi bị một sự ngăn trở tày trời, là sự thiếu tiền mà phải ngưng cả công việc hành động.

Ôi ! thế kỷ nầy là thế kỷ tiền bạc rất mạnh, không tiền thì chẳng làm nên được việc gì hết. Nói câu chuyện nầy ra, thật là buồn rầu hết sức : Phần nhiều nhà giàu mình vui lòng quăng tiền liệng bạc ra cả muôn cả ngàn, đặng kiếm cái mề đay hay là hàm phủ hàm huyện, bao nhiêu không tiếc, nhưng đến như giúp đỡ cho việc hành động của các nhà làm việc chánh trị hay là các đại biểu của dân, thì mấy ổng có hào phóng như vậy đâu.

Tôi có thể thuật ra nhiều chuyện làm chứng đặng cho sự thiệt đó. Hồi ông Bùi Quang Chiêu qua Tây, diễn thuyết chỗ nầy chỗ kia và viết bài đăng báo nầy báo khác, đặng tuyên truyền và vận động sự cải cách cho đồng bào ta, thì chẳng qua chỉ có chúng tôi hết sức chung đậu trong anh em với nhau được mấy ngàn đồng và gởi qua Paris cho ông làm nhiều lần. Đồng bào thử nghĩ coi : Việc thì là quốc gia đại sự, mà chỉ có số tiền còn con như thế kia thì bảo ông ấy đi tới mục đích sao cho được ? . . . . . .

. . . . . Còn phần những nhà chánh trị An Nam thì cố nhiên có cái nghĩa vụ chịu đau đớn vì non sông nòi giống, song nếu muốn hành động cho mau có kết quả, tất nhiên phải có nhiều tiền mới đặng. Chao ôi ! Mấy ông nhà giàu trong phái tư bổn của ta lại không phải là những nhà hào phóng với việc

nước. Lúc nào tôi nghĩ tới xứ Nam kỳ quý báu của ta, có tiếng là giàu có, mà lại không có được một tờ báo xứng đáng để binh vực quyền lợi cho cả một dân tộc, thì trông người lại gẫm đến ta, không thể nào tôi không ngã lòng cho được. Người Phi Luật Tân mỗi năm bỏ ra 2.000.000 đồng bạc Huê Kỳ tức là hơn 4 triệu đồng bạc cho ban uỷ viên vận động độc lập cho Phi Luật Tân dùng, để các nhà lãnh tụ của họ có tiền mà vận động việc nước cho hẳn hòi và thắng lợi. Dân họ chịu hy sanh to tát như vậy đã nhiều năm nay mà không hề than phiền mấy nhà đại biểu của họ, sao từ đó tới giờ chưa thấy kết quả, là bởi cuộc độc lập, Huệ Kỳ chưa cho Phi Luật Tân mà có cho có lẽ cũng còn lâu lắm . . . . . .

. . . . . Trông người như vậy, rồi gẫm đến ta, thấy các nhà làm chánh trị ở xứ nầy, những phương pháp hành động thật là thiếu thốn một cách đáng tức cười, đến nước mới để tay vào việc là vấp nhằm cái vấn đề tiền, không sao tránh khỏi, nông nỗi vậy đó thì dầu cho ra công gắng sức đến đâu mặc lòng mà vẫn không thâu được kết quả bao nhiêu, ấy là một lẽ rất thường, có lấy chi làm lạ.

. . . . . .

Anh em đồng bào ta, đáng lý đừng nên chê trách chi người nầy người kia do ở cái sự họ dự vào đảng nầy đảng kia làm gì, mà hết thảy anh em ta nên tự xét đến cái chỗ hèn yếu chung của mình, mà kiếm phương thế đặng bổ cứu đi mới phải. Ngồi mà bình phẩm chê bai, vốn là dễ hơn cái sự làm làm sao có ích.

Có cần chi phải đổ tội cho nhau, việc gì đã qua rồi thì thôi, còn băn khoăn về những sự thở than hay là ân hận làm chi vô ích. Tốt hơn là ta cùng nhau hòa bình thân thiện, mà kiếm cách chung vai ra sức, để mưu cái cuộc tương lai tốt đẹp cho mình. Tôi nói điều đó ở đây, là lấy tư cách làm người tự do độc lập chẳng sợ hãi hay là hy vọng riêng gì cho mình, mà tấc lòng nồng nàn khăng khít, chỉ lo nghĩ về sự lợi ích cao xa của quê hương non nước mà thôi.

NGUYỄN PHAN LONG

(Lược trích *Đuốc nhà Nam* ngày 3 và ngày 4 Juillet 1930)

Trung lập, Sài Gòn, s.6190 (7.7.1930) ; s.6191 (8.7.1930)

KHAI MỘT LẦN NÀY NỮA MÀ THÔI : *ĐUỐC NHÀ NAM* LÀ CỦA ÔNG NGUYỄN PHAN LONG ; CÒN *TRUNG LẬP BÁO*, CÁI TÊN NÓ DÀU DÍNH VỚI *IMPARTIAL* LUÔN LUÔN, NÓ CŨNG CỨ ĐƯỢC ĐỒNG BÀO YÊU QUÝ

Đuốc nhà Nam ra ngày 2 Juillet, có nói rằng các bạn đồng nghiệp, như *Công luận* báo và Bổn báo, cứ hay nói tờ báo ấy là cơ quan của đảng Lập hiến, cái đó lầm, không đúng. Rồi đính chánh lại rằng tờ *Đuốc nhà Nam* là của riêng ông Nguyễn Phan Long, vì chính ông đã khai sanh cho nó, vả lại ông Long cũng không phải là đảng viên Lập hiến nữa.

Phân minh như vậy, thì từ rày chắc khỏi còn có ai nói lầm.

Bạn đồng nghiệp khác thế nào chẳng biết, chớ còn bổn báo từ nay về sau xin nhớ giữ lời tuyên cáo trên đó mà không kêu quý báo *Đuốc nhà Nam* là cơ quan của đảng Lập hiến nữa, và cũng không kêu ông Nguyễn Phan Long là đảng viên Lập hiến nữa.

Về phần tờ *Đuốc nhà Nam*, rày về sau Bổn báo xin chỉ kêu là một tờ báo An Nam ; còn về phần ông Nguyễn Phan Long khi cần nói tới các chức nghiệp ông, thì bổn báo xin nói rằng ông Long là "cô-đia-rec-tưa"(*) của *Tribune Indochinoise*, tờ báo cơ quan chính thức của đảng Lập hiến, lại còn nói thêm rằng ông Long làm "cô-

---

(*) *co-directeur* (tiếng Pháp) : đồng Giám đốc, đồng Chủ nhiệm.

đia-réc-tưa" với cụ Bùi Quang Chiêu, mà cụ Bùi là đảng trưởng của đảng Lập hiến. Nói như vậy thì nghe hơi lòng thòng một chút, nhưng mà đúng lắm, phải không ?

Việc nầy rất quan hệ với cái danh nghĩa của ông Long, nên bổn báo cũng xin đồng bang ta nhớ giùm cho ông một chút : nhớ rằng ông Long không phải là đảng viên Lập hiến ; song ông chỉ là cô-đia-réc-tơ của *Tribune Indochinoise*, bạn đồng sự hiệp tác với cụ Bùi, mà cụ Bùi là đảng trưởng đảng Lập hiến, và *Tribune Indochinoise* là cơ quan chánh thức của đảng ấy, thế mà thôi.

Cũng trong số báo *Đuốc nhà Nam* nói trên đó, cứ đồ đi đồ lại rằng tờ *Trung lập* nầy nguyên của mấy nhà tư bổn Tây là bọn Homberg, và phụ thuộc với tờ *Impartial* là tờ báo hay nói xấu An Nam thứ nhứt.

Sự đó ai cũng biết rồi, hà tất đồ đi đồ lại làm chi ?

Dầu mà mới rồi chủ nhiệm tờ *Impartial* có tuyên bố rằng từ rày mà đi, báo ấy không còn dính líu với *Trung lập* nữa, là cái tên *Impartial* với *Trung lập* nó vẫn còn bà con với nhau, *Đuốc nhà Nam* nói như vậy. Đây chúng tôi còn muốn nói rõ hơn nữa kia.

Chúng nói rằng : Tờ *Trung lập* nầy cách ba năm trước vì sao đó không biết, mà bị đồng bang ta tẩy chay nó một lần xiểng liểng. Tờ *Trung lập* nầy nguyên là của một bọn tư bổn Homberg, phụ thuộc với tờ báo Tây *Impartial*, là tờ báo lâu lâu lại chưởi An Nam một lần. Tờ *Trung lập* nầy hồi trước chẳng ai thèm đọc, có khi đem mà cho không người ta cũng chẳng thèm coi, chớ đừng nói bán.

Không biết tờ *Trung lập* nầy còn những điều xấu chi nữa, chúng tôi không biết hết, xin bà con có ai biết thì nhắc chúng tôi, chúng tôi sẽ nói thêm.

Chúng tôi tiếc quá, không biết tờ *Trung lập* nầy còn có cái xấu chi nữa đặng sẵn dằm nói hết một bữa nay cho luôn !

Trung lập còn cái xấu nào ở năm ngoái năm xưa nữa, chúng tôi không biết, nhưng chúng tôi chỉ biết rằng từ bữa 2 Mai đến nay

thì nó không xấu như trước nữa đâu, trong hàng đồng bang nhiều người ham đọc nó, nhiều người yêu chuộng nó, đến nỗi ở Sài Gòn đã nẩy ra một câu phong dao rằng : "Vắng em, anh còn ở nhà, vắng tờ *Trung lập*, anh ra đứng đường !" Chúng tôi cũng chẳng biết tại làm sao mà đồng bào ta khi ghét nó thì ghét tới nơi, mà khi thương nó lại thương cho thái quá !

Thật thế, bây giờ đây người mình đọc báo sành lắm. Như tờ *Trung lập* nầy, người ta chẳng cần kể nó đẻ ra bởi ai, bà con với người nào, nhưng chỉ xem văn chương và sự lý nó đã phô bày ra mà thôi. Thậm chí Trần Thiện Quý là ai, họ tên của những tay biên tập là gì, người ta cũng không thèm kể, người ta chỉ xem cái mặt tờ báo mà đoán định giá trị của nó.

Chúng tôi chỉ nhờ ở chỗ khôn ngoan thông hiểu của người đọc báo đó mà chúng tôi dám đảm đương sự cải cách tờ *Trung lập* và dám quyết rằng dầu bị ai vạch lá tìm sâu cho mấy lần nó cũng không sờn một mảy nào.

TRUNG LẬP

Trung lập, Sài Gòn, s.6188 (4.7.1930)

TRONG TÒA BÁO *ĐUỐC NHÀ NAM* AI LÀ ĐỨC KỈNH ? XIN NGƯỜI ẤY PHẢI TRẢ LỜI CHO TÔI VỀ VIỆC NÀY

Đuốc nhà Nam ra ngày 12 Juillet vừa rồi, nơi phụ trương, bài "*Nói chuyện văn chương II*", người viết ký tên là Đức Kỉnh, có dẫn một bài thơ của tôi mà nhiều chỗ sai lầm, vả lại trong đó có ý như là muốn gây chuyện với tôi sao chẳng biết, nên tôi phải viết lên đây mà hỏi lại người ấy.

Người ký tên là Đức Kỉnh đó, tỏ ra mình chẳng biết văn chương chi hết, sao cũng dám viết ra mà nói chuyện văn chương ? Tôi nói vậy là vì người ấy đã phân loại về thi chỉ có bốn lối mà thôi, là vịnh sử, vịnh vật, tả tình, tả cảnh. Phân loại như vậy đã lộn xộn mà lại thiết sót nhiều phần, không bao quát hết, thà là đừng phân loại. Hãy hỏi ông chủ nhiệm *Đuốc nhà Nam* là nhà văn học mà coi. Sự phân loại về văn học như sự người ký tên Đức Kỉnh đã làm đó, là khó lắm, không phải biết sơ sơ mà làm được. Vậy mà người ấy dám làm, cũng một kiểu "điếc không sợ súng", bởi vậy tôi mới đoán cho là chẳng biết văn chương chi hết.

Tuy vậy, cái dốt của va thì va chịu lấy, tôi chẳng nói làm chi cho nhiều. Duy có va chép bậy bài thơ của tôi, tôi phải cãi lại.

Bài thơ nói về ông Lê Chất của tôi mà va dẫn đó, cái nguyên đề của nó là "*Viếng mộ ông Lê Chất*", làm sao va lại đổi lại là "Vịnh ông Lê Chất" rồi va liệt vào thi "vịnh sử"?

Lại còn sai hết mấy chữ nữa : *Bình tây* chớ không phải *chinh nam, hùm thét* chứ không phải *hổ thét, ai giờ đến* chớ không phải *ai nhắc lại*, như va đã nói.(*)

Nguyên ông Lê Chất chết chôn ở Bình Định mà làm sao không biết bây giờ mả ổng lại ở tại vườn bách thú Hà Nội. Năm nọ, một ngày về tháng giêng, trời mưa lâm râm, tôi cùng vài người bạn đi thăm mộ ông, nên làm bài thơ nầy. Vì trời mưa và ở đó gần chuồng mấy con cọp, nên tôi mới có cặp 5 –6 như vậy. Những lời trên đó, khi tôi đăng bài thi lên báo *Thực nghiệp* có chua rõ ràng. Sao va không coi mà hiểu cho đâu ra đó, lại nhè nói là thơ vịnh sử rồi cắt nghĩa ra tầm bậy tầm bạ, làm hư bài thơ của tôi, tôi giận lắm.

Thôi đừng biết đến lời chua làm chi nữa, cứ coi một bài thi như vậy cũng đủ biết không phải là thi "vịnh sử" ; vậy mà dám nói là thi "vịnh sử", sắp vào lối thi vịnh sử, thì tôi kêu bằng điếc không sợ súng là phải lắm, có vậy mới dám nói chuyện văn chương một cách dạn dĩ như vậy.

Nội chửng(**) mà thôi, thôi, tôi cũng bỏ qua chẳng nói làm chi. Coi đến mấy câu phê bình của va mà tôi sẽ dẫn đây thì lại tỏ ra là như tuồng va nói xấu tôi, muốn gây chuyện với tôi sao đó, nên tôi mới nói.

Dẫn bài thơ xong rồi, người ký tên Đức Kinh viết một đoạn như vầy :

"Bài thi nầy là của người đương thời viết ra, nên sự hay dở không ai bàn đến, vả lại người mình có cái tật "vì người mà bỏ lời nói" nên chi bài thi nầy hay thật, nhưng không mấy ai truyền tụng đến".

(*) Bài thơ *Viếng mộ ông Lê Chất* của Chương Dân (Phan Khôi) đăng *Thực nghiệp dân báo* ở Hà Nội trong năm 1921, như sau:

Bình Tây trấn Bắc sử nghìn thu / Ấy cỏ mờ rêu đất một u / Ấy dũng ấy trung là thế thế ! / Mà ân mà nghĩa ở mô mô ! / Chim gào hờn sót xuân ầm ỹ ; / Hùm thét oai lưa gió vụt vù / Cái chuyện anh hùng ai giờ đến, / Hồ Tây còn vẳng tiếng chuông bu.

(**) *chửng* : chừng ấy.

Có sanh rầy, là tại chữ "người" trong câu "vì người mà bỏ lời nói" đó.

Người ký tên Đức Kinh chắc đã biết câu nầy là câu sách cổ, nên mới có để hai cái dấu ngoặc lại. Nguyên câu ấy ở sách *Luận ngữ*, như vầy: "Quân tử bất dĩ ngôn cử nhân ; bất dĩ nhân phế ngôn". Nghĩa là, người quân tử chẳng vì lời nói cử người lên, chẳng vì người bỏ lời nói đi.

Vậy thì, theo nghĩa các tiên nho đã chú thích giống nhau, câu "chẳng vì người bỏ lời nói" chữ "người" đó là chỉ *người bậy bạ*, hoặc là *người ác,* hoặc là *người tiểu nhân.* v.v... Cho nên câu ấy có ý như vầy : Tuy là người bậy, người ác, tiểu nhân... song lời nói của người ấy mà phải, thì người quân tử cũng nghe, không vì có người ấy mà bỏ lời nói của nó đi.

Như vậy mà đem câu ấy phê bình tôi, lấy chữ "người" ấy chỉ vào tôi, tức là nói xấu tôi đó, tức là làm mất danh dự tôi đó.

Tôi cắt nghĩa ra như vầy rồi, bây giờ tôi xin hỏi mấy điều :

1) Ở trong tòa báo *Đuốc nhà Nam*, người nào có tên hoặc biệt hiệu là Đức Kinh ? Nếu biệt hiệu thì người ấy tên thiệt là gì ? Người ấy có thể xưng tên thiệt của mình ra mà trả lời cho tôi không ?

2) Nếu người ấy bằng lòng xưng tên thiệt ra mà trả lời cho tôi thì tôi xin hỏi : Ông (tôi xưng người ký tên Đức Kinh) đem câu sách đó vô mà nói về tôi, thế là ông có hiểu nghĩa nó như tôi đã giải trên kia không ? Ông có thiệt tình mà nhìn tôi là *người bậy bạ, người ác, tiểu nhân* không ? Nói tóm lại, câu ông phê bình đó là có hại đến danh dự tôi rõ ràng lắm ; vậy ông vô tình mà nói như vậy ? hay là hữu ý mà nói như vậy ?

3) Nếu ông vô tình, nghĩa là ông không hiểu nghĩa sách cho rõ mà dùng lầm, thì xin ông cải chánh đi, đăng báo mà xóa bỏ đoạn ấy đi, tôi sẽ bằng lòng bỏ qua đi cho ông. Còn ông hữu ý mà nói, thì tôi không xin ông nói chi cho nhiều, chỉ xin ông : 1. Cho tôi biết

tên thiệt của ông là chi ; 2. Ông viết trên báo mà nói rằng "tôi (Đức Kính) nói như vậy là hữu ý" – ấy là đủ.

Vậy, Đức Kính là ông nào ? Xin theo như tôi nói đó mà trả lời cho tôi trên tờ báo *Đuốc nhà Nam* vào số ra sau số *Trung lập* nầy. Nếu không ai trả lời hết thì tôi sẽ giao thiệp với ông Nguyễn Phan Long chủ nhiệm quý báo.

Việc nầy có thể cáo cho người viết đó là "phỉ báng", hoặc kết là "làm tổn hại danh dự", tức tiếng Pháp kêu là "diffamation" được. Nhưng xin chớ tưởng tôi chực lấy đủ chứng cớ rồi kiện cáo gì. Không đâu, tôi đối phó bằng cách khác, nếu người đó nhận là mình hữu ý nói xấu tôi.

PHAN KHÔI

Trung lập, Sài Gòn, s. 6197 (16.7.1930)

VÀI LỜI HỎI ÔNG NGUYỄN PHAN LONG CHỦ NHIỆM *ĐUỐC NHÀ NAM*

Kính cùng Ông Nguyễn Phan Long

Gần nay, trong *Trung lập*, những bài bút chiến với quý báo và những bài công kích đảng Lập hiến đều do tay tôi viết ra. Tôi nghĩ rằng theo phép làm báo đúng đắn, khi công kích một cái cơ quan hay một cái đoàn thể nào, ký tên của tờ báo thì có vẻ trịnh trọng hơn là ký tên của người viết, vì vậy nên luôn luôn tôi ký tên *Trung lập* mà không ký tên tôi, chớ chẳng phải tôi nhút nhát hay là sợ sệt gì.

Dầu tôi không ký tên tôi mặc lòng, nhiều người cũng biết là của tôi viết, mà ông cũng vậy. Vì tôi có đem chuyện ấy khai thiệt với người anh em bạn của tôi, ông Đào Trinh Nhất, chủ bút của ông. Hễ ông Đào biết, tức là ông biết.

Nói ra có lẽ ông không tin, chớ tôi viết những bài công kích ấy là do ở cái mạng lịnh của lương tâm tôi, chớ chẳng vì một cớ nào khác cả. Sự ông không tin tôi đó thì cũng như ông Đức Kinh nào đó ký tên trong tờ báo của ông cùng nhiều người khác đã nghi tôi về việc mấy năm trên. Mà chính ông, chừng như cũng là một người trong đám ấy. Vì năm 1926, ông Dejean de la Bâtie, bấy giờ đương làm chủ bút tờ *Echo Annamite* của ông, có nói với tôi rằng một ngày kia, ông nói cùng ông ấy rằng : "ông Arnoux (bấy giờ làm chủ sở lính kín Sài Gòn) có kêu điện thoại mà nói cùng tôi (ông Long tự xưng) rằng có tên mật thám của khâm sứ Trung Kỳ là Phan Khôi ở Huế mới vô, phải coi chừng nó". (!)

Tôi bị người ta nghi như vậy đến hai ba năm, mà tôi chẳng hề có một lời nào biện hộ cho mình hết, vì tôi tin quyết lời nầy của Jésus-Christ : "Vậy các ngươi đừng sợ ; vì chẳng có việc chi giấu mà chẳng phải bày ra, cũng chẳng có việc gì kín nhiệm mà sau sẽ chẳng biết". Lần nầy là lần thứ nhứt nhơn có tờ báo ông bới móc ra mà tôi mới bộc bạch qua ít lời.

Tôi lại còn vững dạ ở điều nầy. Tôi coi ra những người nghi cho tôi, phần nhiều là những người tầm thường ít học thức, hoặc là những người đã biết rõ mà cũng lợi dụng cơ hội để khuynh hãm nhau, như ống Đức Kinh của ông đó. Còn mình đạt như ông, ít nữa cũng không đến nỗi có sự nghi bậy như vậy mới phải, nên tôi có ý dè dặt trong khi nói, trên kia tôi mới dùng những chữ "có lẽ... chừng như..."

Thôi, hãy nói chuyện hiện thời. Đừng nói đến lương tâm làm chi cho khó biết, cứ mực đen giấy trắng thì những bài công kích ông và đảng Lập hiến trên tờ *Trung lập* trước rày điều là cứ theo sự thiệt và lẽ phải chăng mà nói, chớ có đều gì chỉ ra được là vì thù hiềm hay tư ý ở đâu ? Những bài ông trả lời *Trung lập* cũng đều có chuyển đăng để cho ai nấy biết lời lẽ của hai bên mà xét đoán. Nói tóm lại, chúng tôi làm việc công kích nầy là đường đường chánh chánh, mà lại có ích lợi nữa. Sự ích lợi đó đã có nói rõ nhiều lần trong mấy bài của chúng tôi.

Theo địa vị ông ở trong cái cảnh ngộ nầy, nếu ông còn có lẽ gì mà đối đáp lại chúng tôi thì cứ viết ra mà đối đáp như ba bài hôm trước, còn nếu ông cạn lẽ rồi thì thôi, chúng tôi chẳng ép nài ông. Vả lại, trong *Trung lập* cũng đã rao trước rằng cuộc công kích đảng Lập hiến không còn mấy bài nữa thì hết.

Lẽ đáng như vậy sao ông không làm, mà lại làm ra những điều tỏ dấu không phải là quân tử ? Hôm trước tờ báo ông có bài hỏi chủ nhiệm *Trung lập* có nghị định nào của chánh phủ hôm mới rồi

lại dùng lời xiên xỏ để kiêu ngạo tôi. Ông biết phép làm báo lắm chớ, trong khi hai bên đương công kích ý kiến cùng nhau, nên chuyên về một mặt ý kiến mà biện luận, sao ông lại để lọt vào những bài bất chánh đáng như vậy ? Tôi cũng từng làm báo, nhưng chưa từng dùng cái lối bất chánh đáng ấy, cho nên thấy ai dùng tôi phải tỏ ý ra là tôi khinh. (Câu nầy tôi bắt chước cái giọng như đã nói với *Trung lập* bữa trước mà nói lại với ông).

Chớ phải viết xỏ xiên như vậy rồi khi người ta viết lại cũng dạn dĩ mà đối đáp sao ! Hôm trước *Trung lập* viết lại một bài rồi tịt ; còn hôm vừa rồi, tôi xin người viết trả lời minh bạch cho tôi cũng trả lời ấp úng. Như vậy thì còn châm chọc người ta làm chi cà ?

Cuộc bút chiến *Đuốc nhà Nam – Trung lập* bữa trước mà sớm êm đi, liễu kết bằng một cách dễ chịu, tuy là do cái ý hướng hòa bình của ông chủ nhiệm *Trung lập* đã tỏ ra từ trước, song cũng có do cái tình bằng hữu của ông Đào Trinh Nhất và tôi, hai chúng tôi đã thu xếp riêng với nhau. Bấy giờ ông Đào có hứa cùng tôi rằng khi cuộc bút chiến đình rồi, muốn nói về chuyện chi thì nói, chớ không đăng những bài châm chọc riêng nhau nữa.

Vậy mà từ bấy đến nay, Quý báo châm chọc chúng tôi hai lần rồi. – Hay là lại muốn khêu chiến nữa ? – Tôi rất tiếc rằng vì cái thái độ bất chánh đáng của Quý báo mà làm cho ông Đào Trinh Nhất, bạn tôi, phải nhìn tôi một cách bợ ngợ trong khi đã đổ lời hứa xuống sông !

Về sự ông Đức Kinh, là người nào không biết, đã viết bài trong báo ông mà nói xấu tôi, tôi hãng để đó. Ông là chủ nhiệm của tờ báo *Đuốc nhà Nam*, vậy nên tôi phải có ngỏ cùng ông mấy lời nầy.

PHAN KHÔI

Trung lập, Sài Gòn, s.6200 (19.7.1930)

CÙNG ÔNG ĐỨC KỈNH, NGƯỜI KÝ TÊN TRONG BÁO *ĐUỐC NHÀ NAM*

Dầu tôi không biết ông là ai tôi cũng phải nói cùng ông mấy lời. Vì cái sự ông vu cáo tôi kết quả nó sẽ ra sao, rồi sẽ hay, còn lời nào ông nói có lẽ, tôi không nên bỏ qua.

Trong bài của *Đ.N.N.* ngày 18 Juillet, ông nói tôi vì giận mà mắng ông là dốt ; cái đó, ông nói phải lắm. Thiệt tôi đã vì giận mà mắng ông là dốt trong bài hỏi tên thiệt của ông ở *Trung lập* ngày 16 Juillet.

Nhưng không phải đợi hôm nay ông nói tôi mới biết, chính trong bài ấy tôi cũng đã viết rõ ràng rằng "Tôi giận lắm".

Thật vì giận lắm nên tôi mới viết bài ấy ; nếu không thì có lẽ tôi cũng đã bỏ qua, hay là có viết đi nữa cũng không đến nỗi dùng chữ "dốt" mà gia cho ông.

Hồi đó, tôi giận thì giận, song tôi cũng nghĩ kỹ. Tôi nghĩ : Người ta đã không kể mình mà khinh miệt mình như vậy thì mình lại còn nghĩ người ta làm chi, nên sẵn đâm tôi mắng ông là dốt.

Hôm nay tôi viết mấy lời nầy cùng ông, không cốt nói chuyện văn chương mà ông đã bàn đó, song nhơn tiện cũng nói qua mấy câu.

Ông nói ông không phân thi làm bốn loại, song ông chỉ cử ra bốn lối để bàn nội bốn lối ấy mà thôi. – À nếu cái ý ông như vậy thì ông phải nói khác kia ; chớ cứ theo nguyên văn của ông thì rõ là ông phân loại. Vì ông viết rằng :

"Thi có nhiều lối, lối thi vịnh sử, lối thi vịnh vật, lối thi tả tình,

lối thi tả cảnh. Mỗi lối đều có cái hay của nó, chỉ tự chác thi nhân khéo xếp đặt và mô tả ra mà thôi".

Như thế là ông đã phân loại (*classifier*). Tuy ông nói "nhiều lối" mà ông chỉ cử ra bốn lối, trước đó ông không dùng chữ "như" và sau đó ông cũng không dùng chữ "vân vân" hay là để dấu chấm giây (*plusieurs points*), thế chẳng phải ông nhận cho thi chỉ có bốn lối ấy là gì ?

Nếu muốn phân loại thì ít nữa phải làm như vầy :

Thi chia ra ba phần : Phần thứ nhứt về hình thức, như tứ ngôn, ngũ ngôn, thất ngôn, cổ phong, tuyệt cú, đường luật v.v... Phần thứ nhì về thể cách, như vịnh sử, vịnh vật, điếu cổ, du lãm, đầu tặng, tống biệt, điệu vong v.v... Phần thứ ba về tinh thần, như tả tình, tả cảnh v.v...

Tôi đã nói việc phân loại về văn học như chúng ta làm đây là khó lắm, còn khó hơn phân loại về khoa học nữa. Tôi đã phân ra như trên đó là làm thử mà chơi cho thấy cái khó, chớ tôi không dám nói phân như vậy là đúng đâu.

Vậy mà ông lại đem hai điều "tả tình, tả cảnh" nhập vô với "vịnh sử, vịnh vật" mà nói xa cạ nó là "lối" cả, thì thiệt là không có nghĩa lý chi hết, nên tôi mới bảo là lộn xộn và thiếu sót nhiều phần.

Cứ thiệt mà nói thì ông làm như vậy, không kêu là "sơ lược" như ông đã nói được. Sơ lược nghĩa là đáng nói nhiều mà nói ít kia. Cái nầy ông đã làm thiếu sót mà lại còn lộn xộn thì gọi là "sơ lược" có đặng đâu ?

Phải chi nhằm hồi tôi không giận thì tôi biết nể mách lòng, tôi đã nói là ông làm sai lắm. Song rủi thay, gặp hồi tôi giận nên tôi nói theo sự thiệt mà rằng ông "dốt, điếc không sợ súng", cái đó, làm cho tôi mất cái vẻ "đằm" đi một chút.

Ông nói : "mắng người ta trong khi giận, tức là không có sự công bình". Chữ "tức là" của ông đó không đúng. Muốn nói cho đúng, phải nói rằng "Mắng người ta trong khi giận *nhiều hồi* mất lẽ

công bình". Vì rằng trong khi giận mà mắng người ta, vẫn có hồi mắng bậy mà cũng có hồi mắng phải. Tuy vậy, mắng phải đi nữa, là cũng không nên mắng.

Lời tục có nói : "No ăn mất ngon, giận nói mất khôn". Mất khôn tức là ngu. Ông nói cái dốt của ông đẻ ra cái ngu của tôi, ấy là ông nói thiệt, có lẽ tôi ngu trong một chút đó.

Còn đến như sự giận của tôi đó thì chánh đáng lắm.

Tôi giận là giận tờ báo *Đuốc nhà Nam* sao lại viết thẳng ra mà khinh miệt tôi như thế. Tôi giận ông Nguyễn Phan Long sao đương khi hai tờ báo công kích nhau về ý kiến mà lại viết bài nói xấu đến cá nhân của tôi. Tôi giận ông Nguyễn Phan Long, một người có danh vọng thuở nay, sao bây giờ lại trổ ra cái ngón tiểu nhân dùng cách bất chánh đáng mà hãm hại tôi.

Tôi giận tờ báo *Đuốc nhà Nam*, tôi giận ông Nguyễn Phan Long mà lại nhè mắng ông, như thế, theo thánh nhân, gọi là "thiên nộ"(*) ; nay tôi nhìn điều đó lại là điều lỗi của tôi nữa. Dầu vậy cái giận của tôi đó vẫn là chánh đáng.

Tôi tự xét sự tôi mang tiếng mấy năm trước là oan, là bị người ta vu cho. Mà sự ấy, cũng còn người đồng số phận với tôi, chớ chẳng phải một mình tôi. Chính ông Long há lại không bị như tôi hay sao ? Có lẽ ổng vốn đã biết tôi là người ra sao rồi, ổng lại còn lợi dụng sự vu hãm ấy để vu hãm tôi, muốn chôn tôi lần nữa, tôi giận là ở chỗ đó.

Dầu một người là gian ác đi nữa, mình viết tên họ trên báo mà khinh miệt, khinh miệt mà thôi, chớ không nói rõ ra chứng cớ, là họ còn không chịu, còn vác đơn đi kiện thay ; huống chi tôi, tôi vốn không phải là người bậy bạ, mà bị ông Nguyễn Phan Long làm nhục tôi trên tờ báo của ổng, biểu tôi không giận sao được ? Tôi giận là phải.

(*) *thiên nộ* : vì giận một người mà giận lây cả đến người khác (theo Đào Duy Anh, sđd.).

Danh dự là cái sanh mạng thứ hai. Người mà biết tự trọng thì không khi nào chịu mất danh dự, nhiều khi phải làm lơ cái này đi mà binh vực cho cái kia.

Theo thứ lớp việc nầy, trước tôi đã xin ông, ông Đức Kinh, xưng tên thiệt ra và nói rõ sự khinh miệt tôi đó là hữu ý hay vô ý. Thì ông đã không chịu xưng tên thiệt, và về chỗ hữu ý vô ý, ông cũng nói lù mù. Vậy thì trong hai chữ Đức Kinh, tôi coi là không có cái nhân cách (*personnalité)* của người viết ở đó, và người viết không chịu trách nhiệm về những lời mình đã viết. Cho nên ông Đức Kinh nói gì thì nói, tôi không đối đáp làm chi ; mà theo như lời tuyên bố trước, tôi cứ giao thiệp việc nầy với ông Nguyễn Phan Long là chủ nhiệm *Đuốc nhà Nam*.

Xin ông Đức Kinh đừng trách tôi sao khinh ông mà không nói chuyện với ông. Ông phải biết cho rằng ông chỉ có cái tên mà không có trách nhiệm, tôi nói với ông vô ích.

PHAN KHÔI

Trung lập, Sài Gòn, s.6203 (23.7.1930)

KÍNH CÙNG ÔNG NGÔ QUÝ HÒA

Tôi nghe : có khi mình đi kiện người ta mà cùng một lúc ấy lại làm trạng sư cho người mình kiện đó. Ấy tức là cái bài ông trách tôi trên đây[*].

Ông nói tôi là một người mà người ta đã cho là kiêu ngạo tự đắc, rồi ông cũng đồng ý với lời người ta đó mà chắc cho là tôi vì học thức rộng mà kiêu ngạo. Kế đó ông lại trách tôi sao có nói với Đức Kinh làm chi.

Thưa ông, tôi cám ơn ông, ông đã làm trạng sư cãi lẽ cho tôi mà không ăn tiền !

Theo lời ông đó, tỏ ra là tôi không kiêu ngạo. Người ta nói tôi kiêu ngạo là lầm. Vì nếu tôi kiêu ngạo thì tôi có nói với ông Đức Kinh làm chi cho ông trách.

Theo ý ông, ông cho ông Đức Kinh là không đáng nói, mà tôi cũng nói với ông ấy, thế mới càng rõ ra tôi là không kiêu ngạo.

Nhưng mà, như lời ông, tôi đã không nói với ông Đức Kinh nữa. Việc báo *Đuốc nhà Nam* làm hại danh dự tôi, là việc quan hệ, tôi không thể nói với người không có trách nhiệm là ông Đức Kinh. Tôi phải nói với ông Nguyễn Phan Long.

Còn như ông muốn xem những bài nghị luận về học vấn, xin ông cứ đọc *Phụ nữ tân văn* mấy số tới, tôi luôn luôn có bài biện luận với ông Trần Trọng Kim.

---

[*] Thư của ông Ngô Quý Hòa đăng mục "Độc giả luận đàn", *Trung lập* số ra ngày 28.7.1930. Xem ở phụ lục sách này.

Đến như tờ *Trung lập* dạo nầy thì bổn báo chủ nhiệm cùng cả tòa soạn chỉnh đốn lại hẳn hòi lắm, chắc ông đã thấy rồi.

Rốt bài, tôi xin nói thêm rằng nếu ông cho tôi là có học thức rộng thì ông nên tin luôn rằng tôi không có kiêu ngạo bao giờ. Vì "học nhiên hậu tri bất túc", biết nhiều chừng nào lại càng sợ mình là dốt chừng nấy, có dám kiêu ngạo đâu. Song nếu tôi không có học thức rộng như ông nói đó thì hoặc giả tôi kiêu ngạo chăng. Chỗ nầy tự mình tôi cũng không biết đặng.

PHAN KHÔI

Trung lập, Sài Gòn, s.6208 (28.7.1930)

MỘT SỰ BUỒN TRONG BÁO GIỚI

I. ÔNG NGUYỄN PHAN LONG ĐÃ BÔI LỌ CÁI TÊN CỦA ÔNG TRONG LÀNG BÁO

Từ lâu nay báo giới quốc văn ta thật là tối tăm.Vì cái quyền ngôn luận hẹp hòi, nên những người có danh trong xã hội, tự phụ là có học vấn uyên thâm, có tư cách cao thượng, không mấy người chịu ra làm. Mà phải những người ấy nên viết báo tiếng Pháp cho được tự do, chớ tội chi lại chen vào làng báo An Nam cho mệt. Cho nên, dầu có tối tăm cũng phải chịu, cái tình thế buộc phải như vậy thì mình biết trách ai ?

Vài năm nay mới thấy trong đám ấy có người chịu bước ra làm quen với xã hội An Nam trên đàn ngôn luận. Sự đó cũng lại tại cái tình thế xui nên, vì nếu những người ấy mà không viết báo quốc ngữ thì chẳng có thế nào trình bày cái ý kiến mình và liên lạc cái tình cảm mình với dân chúng An Nam cho đặng.

Nhờ đó mà báo giới An Nam ta nhứt là ở xứ Nam kỳ nầy có hơi rộng rãi hơn các nơi một chút, mới có khởi sắc ; công chúng đều thấy vậy mà có bụng mừng.

Ông Nguyễn Phan Long, là người làm báo Tây có tiếng nhứt xứ nầy hơn mười năm nay, trước kia chủ trương tờ bác *Echo Annamite*, độc giả rất hoan nghinh, ngày nay chủ trương tờ *Tribune Indochinoise*, tuy bị chúng[*] tẩy chay cũng chưa đến mất giá trị,

---

[*] *chúng* : được H.T. Paulus Của (sđd.) ghi nghĩa là đông, nhiều, là từ trỏ phần đông, số đông ; phiếm chỉ chứ không xác chỉ.

thật là một trang đi trước bước xưa trong làng báo. Mấy năm trên, hồi ông xin được tờ *Đuốc nhà Nam*, ai cũng trông cho ông đứng xuất bản, đặng làm kiểu mẫu cho bạn đồng nghiệp noi theo. Trông hoài không thấy, ai cũng ngỡ rằng ông thật đã vô tình với báo giới ta rồi.

Có hay đâu ngày tháng tư năm nay ông lại cho tờ *Đuốc nhà Nam* tục bản mà chính ông làm chủ lấy. Đồng ban(*) thấy vậy đều khen ngợi ông mà cũng mừng cho đường ngôn luận của ta nữa. Nhiều người đã nói chữ mà hân hạnh cùng nhau rằng : "Thật là *hi xuất vọng ngoại !*"(**)

Nào những thế thôi, xưa nay ông Long chưa hề viết bài bằng tiếng mẹ đẻ, bây giờ ông bắt đầu viết trong tờ báo của ông. Phần nhiều nhà tây học viết quốc ngữ ít sành ! Vậy mà ông viết được ; mấy bài lúc mới ra, bài nào cũng nghe xuôi, đáng cho vào hạng khá.

Bởi vậy, ai nấy đọc văn của ông mà cũng lấy làm mừng, mừng cho báo giới, mừng cho quốc văn, mừng cho cái nền ngôn luận ta từ nay sẽ có một tay đứng chủ trương đúng đắn !

Cho nên, lời tục ngữ đã nói cái gì, có cái nấy, đã biểu rằng "thấy lá đừng có há miệng" thiệt là quả nhiên !

Có ngờ đâu ông Nguyễn Phan Long mới bước chưn vào làm báo quốc ngữ có mấy tháng mà đã đổ ra tình tệ lắm điều. Cứ như hiện tình ngày nay thì người ta – mà chính tôi đây chớ đừng nói ai làm chi – chẳng những đổ bao nhiêu cái mừng xuống sông xuống biển, lại còn lo lắm nỗi. Lo là vì một người có danh vọng như ông, thốt nhiên bôi lọ cái tên mình trong làng báo thì há chẳng phải là một sự quan hệ lắm dư ? Ông Long mà còn như thế thì mới nói làm sao được kẻ khác ? Ông Long mà còn không biết giữ đúng cái tư

(*) *đồng ban* : có lẽ là "đồng bang" (dùng tương tự "đồng bào").
(**) "*hi xuất vọng ngoại*" : cái việc mừng mà mình chưa từng hy vọng đến ; mừng quá chừng (theo Đào Duy Anh, sđd.).

cách làm báo của mình, thì có mong người không bằng ông mà lại giữ đúng tư cách ấy sao ?

Những việc sai lầm của ông trong nghề báo mới rồi hình như nó rủ nhau mà tuôn ra từng mớ, kể e không xiết ! Ấy lại là sự người ta không có thể ngờ đâu như vậy.

Bắt đầu hết, ông mắng tờ *Trung lập* nầy là nói bậy, nói dối. *Trung lập* chúng tôi viết bài phản đối sự ông vô lễ, rồi ông làm thinh về chỗ đó chẳng hề nói một lời. Như vậy thật là lỗi phép lịch sự trong làng báo.

Kế đến ông vu cho *Trung lập* là về phe với cọng sản : ông đặt ra hai câu hỏi rất buồn cười, mà chúng tôi đã đặt tên cho là hai câu hỏi phỉnh người ta xuống giếng. Về hai câu hỏi đó, bạn đồng nghiệp chúng tôi là *Công luận báo* cũng tỏ ra thái độ quân tử mà can thiệp vào, làm cho ông cũng làm thinh lần nữa. Thiệt ông Long giỏi làm thinh quá ! Ông tính hễ làm thinh rồi qua việc thì thôi, chớ có ai chém giết chi đâu mà sợ !

Tuy vậy, cái sự ông làm mà mới vừa nhắc lại trên đây, là quan hệ cho cái tâm đức của ông lắm, người ta coi ông ở chỗ đó ; ông làm thinh đi bao nhiêu thì người ta lại ghi vào dạ bấy nhiêu.

Chúng tôi thì trước kia vẫn kính nể ông, nên thấy sự ông làm đó cũng lượng tình mà cho rằng ông túng rồi làm bướng, toan để gỡ rối cho mình. Nhưng người ta có hề nghĩ như vậy đâu. Người ta thấy ông đặt hai câu hỏi ấy ra thì cho rằng ông có lòng hiểm độc, gian ác, là cái lòng của kẻ tiểu nhân, lập mưu gài bẫy mà toan hãm hại chúng tôi, dầu có chi cũng bạn đồng nghiệp và đồng bào với ông đó.

Sau khi cuộc bút chiến yên rồi, bên *Trung lập* chúng tôi lấy lòng thành thật, lẽ phải chăng ra mà công kích đảng Lập hiến. Ông có viết mấy bài trả lời mà ra tuồng lúng túng, chẳng đâu vào đâu. Sự đó chúng tôi cũng chẳng trách chi, vì ông đứng vào cái địa thế không lợi thì ông phải vậy.

Vậy mà ông Long lại nhè bươi móc đến chỗ người ta chẳng ai thèm bươi móc ! Ông hỏi chớ chủ nhiệm *Trung lập* có nắm được nghị định nào của chánh phủ chăng ? Bên nầy, bổn báo chủ nhiệm viết lại, hỏi chớ "có không mặc người ta, ông hỏi làm chi ?" Rồi ông Long lại làm thinh nữa !

Làm những việc vô ý thức như vậy, tỏ ra là một người tầm thường quá, chẳng xứng đáng chi hết.

Ông biết những bài viết mà công kích trong *Trung lập* đó là do kẻ viết bài nầy đã viết ra, bây giờ ông tính day hướng, nhè tôi mà bới móc.

Tôi dám nói rằng tôi là một người đúng đắn, quân tử, xưa nay tôi chẳng hề làm điều chi bậy bạ bao giờ. Tôi đây cũng dám tự phụ như ông Nguyễn Phan Long.

Cái sự người ta đặt điều vu hãm tôi, há ông chẳng biết ? Vậy mà trong tờ báo của ông mới rồi, toan lợi dụng cái lời phao vu ấy để hãm hại tôi như vậy, ông Long thử hỏi lương tâm của ông, có lấy làm hổ thẹn không ?

Tôi nói thiệt, ông cứ việc lợi dụng cái lời phao đồn năm kia năm kia đó mà công kích tôi đi. Tôi chẳng hề rúng chút nào. Đó là ông muốn bôi lọ cái tên ông trong làng báo đó thôi.

II. QUẢ NHIÊN ÔNG NGUYỄN PHAN LONG LÀM XẤU TRONG TRƯỜNG NGÔN LUẬN

Bài trước tôi nói ông Nguyễn Phan Long mới bắt tay chủ trương một tờ báo quốc ngữ, tưởng là ông theo khuôn phép nhà nghề đúng đắn, làm mẫu mực cho bạn đồng nghiệp coi mà noi theo, ai ngờ ông trổ ra nhiều cái thủ đoạn tiểu nhân mà tôi đã kể giăng giăng ra trong bài trước, thì khác nào ông đã bôi lọ cái tên của ông trong làng báo vậy.

Việc rõ ràng và gần đây thứ nhứt là việc ông đã công kích cá nhân tôi trên báo của ông.

Đại phàm kẻ tiểu nhân nói ra rồi nuốt lời đi, ngôn bất cố hạnh, hạnh bất cố ngôn[*], là sự thường. Bữa trước ông nói trong tờ *Đuốc nhà Nam* rằng ông không hề công kích cá nhân ; bữa nay ông nhè việc riêng tôi mà công kích. Cái đó tôi chẳng hề lấy làm lạ.

Tôi lấy làm lạ là cái chỗ tôi không ngờ.

Phải chi cái việc cá nhân đó là hiện thời đây và là việc thiệt, tờ báo của ông lấy lẽ công bằng mà công kích, tôi chẳng nói làm chi. Cái nầy, việc đâu năm kia năm kìa việc người ta phao vu cho tôi, có lẽ ông cũng biết là tôi oan ức, vậy mà ngày nay tờ báo của ông bới móc ra mà nói cho được, thiệt là tôi không ngờ vậy. Tôi không ngờ là không ngờ đâu tiểu nhân đến thế !

Mà phải ! Nếu khi không thì thôi ông có công kích tôi đâu. Vì tôi đã viết trong *Trung lập* nầy mà trách ông và đảng Lập hiến, chừng như ông khuất lý thì phải, nên ông mới kiếm đường mà gỡ.

Theo người quân tử, khi người ta trách mình một cách đường đường chánh chánh như vậy, nếu mình có đủ lẽ binh vực cho mình thì đem ra mà binh vực ; bằng không thì nên tỏ dấu phục thiện mà cảm ơn người ta mới phải cho. Mà chẳng được vậy đi nữa, thì làm thinh, chờ có dịp rồi sẽ trả thù. Cái nầy, nhè trong lúc người ta đương đem lẽ phải nói với mình, mình lại vọt miệng chửi người ta một cách như hàng tôm hàng cá, như vậy, thôi còn cầm viết mà viết báo sao được ? làm *Directeur politique* một tờ báo sao cho xứng đáng ?

Nói thiệt, cái chuyện ông Nguyễn Phan Long làm đó, đây tôi không thèm làm.

Trong khi tôi viết bài công kích ông và đảng Lập hiến, thiếu chi người đem những chuyện riêng của ông mà nói với tôi. Họ nói những là ông Long đã ăn cắp giấy má gì của mấy ông phái viên của

[*] "ngôn bất cố hạnh, hạnh bất cố ngôn" : nói và làm không tương ứng (theo H.T. Paulus Của, sđd.).

một đảng nào đó ở Trung kỳ trong năm 1926, lại có những chuyện ám muội gì đó trong vụ thương khẩu, họ còn kể những việc trong gia đình và việc nợ nần của ông cho tôi nghe ; rồi họ nói rằng những chuyện đó đủ bằng cớ hết, đem mà phô ra thì ông Long nguy lắm. Song tôi đã bác đi hết.

Tôi trả lời cho họ rằng *Trung lập* công kích ông Long đây là công kích những việc làm lời nói nào của ông có quan hệ với xã hội chớ còn việc riêng của cá nhân ông, chúng tôi có mắc mớ chi ? Huống chi chuyện ăn cắp giấy tờ, chuyện ám muội về vụ thương khẩu, tôi vẫn biết là người ta phao vu cho ông Long, chớ theo cái nhân cách của ông có đâu làm những việc ấy ? Tôi nói vậy rồi tôi từ chối những người đến xúi giục tôi, tôi không nhận lấy của họ một lời nào làm tài liệu cả.

Mà cho đến bây giờ đây, ông Long công kích cá nhân tôi, theo thường tình thì tôi cũng dùng cái ngón tiểu nhơn ấy mà trả nua[*] lại song tôi thề, tôi gớm ghiếc những cái thủ đoạn đê hèn như vậy lắm tôi không thèm làm. Dầu người ta công kích tôi đến nỗi bị bao vây tứ phía như mấy năm trên đi nữa, cái sức tôi có đứng nổi thì đứng không thì ngã, chớ tôi nhứt định khạc nhổ trên cái thủ đoạn ấy cho đến chết. Tôi nói với lương tâm tôi, dầu tôi nguy tới nơi cũng mặc, cái chuyện vu cáo cho ông Nguyễn Phan Long là ăn cắp, đút túi tiền vì vụ thương khẩu, cùng là bới móc việc riêng của ông ra là tôi không nỡ làm.

Tôi chẳng phải thánh hiền chi, vậy mà cái việc tôi không thèm làm, ông Nguyễn Phan Long lại làm, thế ông không biết rờ lên ngực mà thấy là hổ thẹn cùng tôi hay sao ?

Sau cuộc bút chiến *Đuốc nhà Nam–Trung lập* êm rồi, tôi có viết mấy hàng trong tờ báo nầy rằng : "Chúng tôi vẫn kính nể ông

---

[*] *trả nua* : có lẽ như "trả nủa", nghĩa như "trả đũa" (theo *Từ điển phương ngữ Nam Bộ*, sđd.).

Nguyễn Phan Long, có điều đương hồi hai bên công kích nhau, việc hành binh lợi hướng nào, đi hướng nấy, cho nên có nhiều lời đùa bỡn ông, nghe ra tuồng khiếm nhã, hôm nay hòa bình rồi, xin độc giả hãy bỏ những câu ấy ở ngoài tai". Đó, người ta lấy quân tử để đối với ông như vậy đó, sao ông lại lấy ngón tiểu nhân đối lại ?

Đến ngày nay, tôi thấy tờ báo ông bươi móc chuyện cá nhân của tôi mà công kích một cách vô lý, tôi biết rằng ông Long khinh miệt tôi quá tệ, chẳng còn kể chi tôi nữa, thì tôi lại kể chi ông, cho nên tôi mới viết ra mà thống trách ông cho tới cùng.

Rõ thiệt ông Long đã không treo gương tốt cho làng báo chúng tôi mà đã làm gương xấu

Tôi nghe hình như có kẻ định đem chuyện *Đuốc nhà Nam* đi công kích tôi đó mà phô diễn thêm ra để làm nhục tôi. Chẳng làm nhục thôi, họ còn định làm cho tôi điêu đứng đi và không chỗ dung thân nữa. Được lắm, cứ rủ nhau mà làm tiểu nhân đi ! cứ ngậm máu mà phun người đi ! rồi ra chỉ đó nó ra !

Vài ba năm nay báo giới ta đã vắng sự công kích bậy bạ nầy. Nay nếu có trở lại, tui thiệt phải kể ông Nguyễn Phan Long là người thủ xướng.

Báo giới như vậy, đáng buồn hay không đáng buồn ?

III. TÔI CÔNG KÍCH ÔNG NGUYỄN PHAN LONG CŨNG NHƯ TÔI CÔNG KÍCH ÔNG PHẠM QUỲNH. – "HỘI ĐỒNG PHIỆT" CŨNG NHƯ "HỌC PHIỆT"

Trung lập tiếp luôn mấy số vừa rồi, có bài "*Cảnh cáo các nhà học phiệt*" của tôi, chắc độc giả liệt vị đã đọc kỹ mà nhận ra lời lẽ của tôi là chánh đáng lắm. Trong đó tôi chỉ rõ những cái dấu chuyên chế dư luận của một người đại biểu đám học phiệt là ông Phạm Quỳnh, rồi tôi xin các ổng chừa cái kiểu chuyên chế ấy đi, đừng có giữ mãi mà làm hại cho đường học vấn của xã hội Việt

Nam sau nầy. Tôi chẳng có ý gì khác hơn là dọn đường cho đồng bào ta hầu tiếp rước lấy ánh sáng của chơn lý.

Trong xã hội ta có một cái thói quen không tốt, là hay vị tình nể mặt. Người nào với mình có tình tri thức giao hảo thì người ấy dầu đối với xã hội có điều lỗi chi, mình cũng không nói. Lại cũng có một cái quan niệm không tốt nữa, là khi người nào công kích ai một điều gì lỗi lầm đối với xã hội, thì kẻ bàng quan liền cho rằng người ấy với kẻ kia có ác cảm sao đó nên mới công kích. Tôi nhận cho cái thói quen và cái quan niệm ấy không tốt, là vì : nếu vậy thì cứ giữ gìn về chỗ tư tình giữa cá nhân với cá nhân mà bỏ cái công lý trong xã hội. Nếu xứ ta đây mà ai nấy cứ như vậy mãi, thì rồi những lời ngang lẽ trái, những việc chướng tai gai mắt tràn khắp giữa chúng ta mà chẳng hề có ai vì sử đến, rồi chúng ta ở đời với nhau làm sao cho đặng ! Vì vậy tôi mới đương đầu ra mà phá cái thói quen và cái quan niệm ấy đi.

Tôi đối với ông Phạm Quỳnh, vẫn được dịp biết nhau hồi mười năm về trước, khi tạp chí *Nam phong* mới ra đời. Về sau tôi dầu không giúp cho tạp chí ổng nữa, song vẫn ở Hà Nội đi lại với ông luôn. Nói tóm lại, tôi đối với ông Phạm, thật không có một mảy may ác cảm nào hết.

Chỉ duy tôi thấy cái thái độ của ông Phạm, như đã giãi bày ra trong bài đó thì thật là bất lợi cho sự học vấn nước ta mai sau nầy, nên tôi mới đứng ra mà công kích cái thái độ ấy, cầu có một ngày kia ông bỏ đi để mở đường công khai về sự học vấn cho đồng bào chúng ta đó thôi.

Tôi công kích ông Nguyễn Phan Long, cũng một ý ấy.

Ông Nguyễn cũng là một nhà văn học trứ danh, nhưng ông chuyên trị về Pháp văn, sự học của ông không có dính dấp thẳng với người Việt Nam chúng ta, hoặc ông có chuyên chế đi nữa cũng không gọi là "học phiệt" được. Tôi mới tặng cho ông Nguyễn và những người như ông, một cái huy hiệu mới, là "hội đồng phiệt".

Theo như ở các nước, thì kiểu các ông đó nên gọi là "chánh phiệt", nghĩa là chuyên chế trong đường chánh trị ; song ở xứ ta đây, các ông đã đến được cái địa vị ấy đâu, các ông chỉ ỷ mình làm hội đồng quản hạt rồi vùi dập dư luận đi hết đó thôi, như thế kêu bằng "hội đồng phiệt" là vừa.

Thật vậy, ông Phạm Quỳnh đã chuyên chế trong sự học vấn thế nào, thì ông Nguyễn Phan Long cũng chuyên chế trong đường chánh trị thế ấy.

Do cuộc biến động ở Nam kỳ vừa rồi mà mới tỏ ra các ông hội đồng quản hạt ta là bất tài và kiêu căng. Sự ấy *Trung lập* là tờ báo vô tư nầy đã chỉ liều chút ra mà công kích dạo trước dữ lắm, chắc độc giả cũng còn nhớ.

Những bài ấy do tay tôi viết ra. Ông Nguyễn Phan Long thấy như vậy mà không làm thế nào được, bèn lấy tờ *Đuốc nhà Nam* của ông làm cơ quan, kiếm cách phỉ báng tôi để rửa hận. Như vậy tỏ ra ông là có ý chuyên chế.

Mình làm hội đồng quản hạt mà làm sai đi, người ta nói là mình có lỗi thì đổi[*], mình không lỗi thì viết mà binh vực lấy mình, chớ sao được phỉ báng người ta ? Như vậy, có phải tỏ ra rằng ông Nguyễn Phan Long cùng các bạn đồng liêu mình làm quấy mà không muốn bị ai nói đến, cấm kẻ khác nói đến chăng ? Như vậy, chẳng phải chuyên chế là gì ?

Cải cách chuyên chế ấy nếu mà còn mãi trong xã hội Việt Nam, thì đồng bào ta không biết bao giờ ngóc đầu lên cho đặng ? Bởi vậy tôi mới viết tiếp cãi hoài trên tờ báo nầy, cầu cho ông Nguyễn Phan Long cùng các ông hội đồng khác bỏ cái cách ấy đi, hầu cho dư luận người Nam ta có một ngày được phấn khởi lên

[*] Chỗ này, tác giả viết hơi kiệm lời : "*có lỗi thì đổi*" nghĩa là nếu thấy mình có lỗi thì sửa đổi.

đặng mà khu chế sự hành vi của những kẻ thay mặt cho mình. Ấy là bổn ý của tôi đó.

Xin độc giả chư quân phải rõ cái sự tôi đương làm đây là có ích lợi lắm cho đồng bào, chớ không phải là sự xoi bói nhau như ông Ngô Quý Hòa đã nói ở bài "*Độc giả diễn đàn*" một số báo trước.

Tôi ở trong xã hội nầy chẳng có một chút danh vị gì như các ổng hết. Ở trong làng báo, tôi cũng chỉ là một anh viết báo dạo, chẳng có được cái địa vị chủ bút hoặc trợ bút như người ta. Nhưng tôi có cái óc độc lập tự do, tôi lại có chút can đảm đủ mà mở miệng làm thông ngôn cho chơn lý, cho nên, hễ tôi thấy trái thì tôi nói.

Tôi biết tôi làm việc nầy là cái nguy hiểm cho tôi. Đó, chưa chi đã thấy họ ó lên mà gieo tiếng dữ, toan làm hại tôi rồi. Dầu vậy, tôi tha hồ cho họ làm gì thì làm, tôi chẳng hề kêu van họ mà cũng chẳng hề cầu cứu với ai. Tôi đã nói, tôi đứng được thì tôi đứng ; không thì tôi ngã. Tôi mà đáng ngã thì cũng nên để họ xô ngã cho rồi, tốt hơn là đưa cái mặt dày ra mà đứng trong vũ trụ !

Trong một bức thơ của ông thánh Paul, có câu rằng : "Chúng tôi dùng chính tay mình làm việc khó nhọc, mà khi bị vu oan, khi bị rủa sả, chúng tôi giống như rác rến của thế gian, cặn bã của loài người cho đến ngày nay !". Phải, hễ là sứ giả của ánh sáng (*Messager de la lumière*) thì phải bị như vậy, chẳng trách ai mà cũng chẳng trách mình làm chi. Tôi đây cũng dám nói như ông thánh Paul, và tôi coi những sự vu oan rủa sả ấy là dịp tiện để thử thách cái sức của tôi có đứng vững được hay là phải ngã.

PHAN KHÔI

Trung lập, Sài Gòn, s.6201 (21.7.1930) ;
s.6204 (24.7.1930) ; s.6211 (1.8.1930)

TRUNG LẬP TẠM NGHỈ VIỆC CÔNG KÍCH ÔNG NGUYỄN PHAN LONG

Dối với cái bài công kích ông Phan Khôi mà báo *Đuốc nhà Nam* mới đăng ở sau hết, người đương cuộc là ông Phan Khôi có viết bài đáp lại. Nhưng vì mới nghe tin rằng ông Nguyễn Phan Long lúc nầy đương bị bối rối về nhiều nỗi gia tình, kể cũng là đáng buồn cho ông lắm, nên bổn báo tổng lý là ông Trần Thiện Quý đã khuyên can ông Phan hãy tạm ngưng cuộc bút chiến ấy lại. Vậy xin bá cáo để ai nấy biết cho.

T.L.

Trung lập, Sài Gòn, s.6216 (7.8.1930)

VẤN ĐỀ CẢI CÁCH

I. MUỐN DUY TÂN CẢI CÁCH THÌ PHẢI BẮT TỪ HỌC THUẬT TƯ TƯỞNG MÀ DUY TÂN CẢI CÁCH TRƯỚC

Hồi nầy nhằm hồi chánh phủ Đông Pháp đương sửa soạn thi hành mọi sự cải cách cho dân Việt Nam. Đến ngày nay mới nói tới chuyện cải cách, nghe thiệt quá buồn, nhưng mà muộn màng còn hơn không có, dân Việt Nam chúng ta cũng nên mừng.

Cải cách cái gì ? Nói cải cách trơn thì nghe bông lông quá. Vì nghĩ vậy nên chúng tôi chưa vội bàn về vấn đề nầy. Đợi đến khi nào các cuộc hội nghị đề khởi ra những việc gì việc gì đã, bấy giờ chúng tôi sẽ bàn tới, thì mới xác đáng và thiết thiệt hơn.

Nhơn thấy bạn đồng nghiệp *Đuốc nhà Nam* vì bàn việc cải cách mà nhắc đến ông Nguyễn Trường Tộ làm cho chúng tôi cũng phải vội vã mà nói thêm mấy lời. Chúng tôi nơi đây chỉ nói cái nguyên tắc (*principe*) của sự cải cách thế nào, chớ chưa nói đến cuộc cải cách mà chánh phủ định làm ra ở xứ ta.

Hỏi tại làm sao mà non một thế kỷ nay các nước phương Đông ta có phát sanh ra những cái vấn đề duy tân cải cách kéo thẳng tới bây giờ ? Chẳng có cớ chi khác hơn là tại có cuộc giao thông của Đông và Tây. Phương Đông gặp phương Tây, trăm sự gì cũng thua kém, người phương Đông không cải cách mà theo phương Tây thì chắc không sanh tồn nổi, cho nên phải duy tân cải cách. Ấy là bởi thế mà cũng bởi lý nữa.

Thật như bạn đồng nghiệp *Đuốc nhà Nam* nói, nước ta đã có người nói chuyện cải cách sớm lắm, giữa trào Tự Đức, ngang với

trào Minh Trị bên Nhựt Bổn kia, tức như ông Nguyễn Trường Tộ là một. Mà chẳng những ông Nguyễn Trường Tộ, bấy giờ lại có nhiều ông khác.

Nhiều bức tấu sớ của Nguyễn Trường Tộ nói về chuyện cải cách mà không thi hành được, người cho rằng tại vua Tự Đức không nghe lời, tại các ông đại thần không chịu. Hỏi đến cái sở dĩ tại sao mà vua và đại thần không chịu thì người ta đều biết rằng tại bấy giờ ai nấy còn thủ cựu, không muốn duy tân.

Thủ cựu là thế nào ? Tức là giữ những tư tưởng cũ, những cái tổ truyền (traditions) xưa kìa xưa kìa mà những cái ấy là thù địch với mọi sự mới, là trở ngại cho con đường cải cách.

Bởi vậy, ở một nước nào mà muốn cải cách thì phải cải cách tận gốc tức là cải cách ngay từ học thuật tư tưởng, để cho tiệt cái mống thủ cựu đi rồi mới làm gì đặng. Nói rõ ra mà nghe trước phải có những học thuật tư tưởng như người Tây rồi sau mới làm được mọi công việc như người Tây.

Các nhà cải cách của nước ta ngày xưa cho đến ngày nay nữa cũng vậy, chỉ lo cải cách cái ngọn mà không biết lo cải cách về học thuật tư tưởng.

Hồi bấy giờ như ông Nguyễn Trường Tộ, hay là ông Phạm Phú Thứ, hay là anh em ông Lê Viện, Bắc kỳ, từ bực đại thần cho đến sĩ phu, từ hạng Tây học cho tới Hán học, cũng chỉ có một cái kiến thức giống nhau. Ông nào cũng chỉ nghĩ rằng mua tàu, mua súng, luyện binh, mọi sự gì đổi tệ chốn triều đình thì sửa sang chỉnh đốn lại, ấy là đủ giữ được nước, đủ làm cho nước được cường thạnh ; còn ngoài ra sự ấy không biết cái gì khác.

Như vậy là nghĩ lầm. Các nước Tây sở dĩ mạnh là có nhờ những lợi khí đó thật, song đó chẳng qua là cái ngọn, mà cái gốc là ở học thuật tư tưởng kia. Ngày nay có nhiều người đọc sử các nước Tây, ai cũng biết lẽ ấy rồi không cần cắt nghĩa làm chi.

Một nước muốn cải cách mà chỉ cải cách cái ngọn, tức là về phương diện vật chất, thì sự cải cách ấy không có hiệu quả gì. Vả lại, nếu còn có những cái tư tưởng cũ nó gàn ma, thì cũng khó mà cải cách dầu là về phương diện vật chất. Theo như lời tục truyền, hồi trào Tự Đức có mấy ông đi sứ Tây về, khoe bên Tây có những đèn điện và nước máy, cả trào bèn lấy lẽ "hỏa viêm thượng thủy nhuận hạ" ra mà bẽ bác, cho là nói láo, "khi quân", thế đủ biết rằng nếu chẳng đổi những tư tưởng cũ đi thì trong óc chẳng khi nào dung được sự cải cách duy tân vậy.

Bấy giờ tuy không làm theo hết mọi sự cải cách của ông Nguyễn Trường Tộ hoặc của ông khác chớ cũng có thi hành một ít. Tàu và súng thì không mua được chớ cũng có của nước Pháp tặng cho, vậy mà có dùng làm gì được đâu, rốt cuộc phải đem mấy chiếc tàu qua Hương Cảng mà bán cho Ăng Lê. Còn cũng có phái học sanh đi du học ngoại quốc, song le chẳng có hiệu quả gì hết, vì ai nấy còn giữ những tư tưởng cũ, là cái không thể dung được với khoa học, với mọi công việc của người văn minh như người Pháp.

Bây giờ mình nghĩ lại rồi tiếc, chớ nghĩ cho chín, giá hồi bấy giờ có nghe lời các nhà cải cách đó mà chỉ cải cách những cái ngọn thì rồi trăm việc cũng thành ra cẩu thả, chẳng ăn thua gì. Đừng nói mấy ông kia, ông Nguyễn Trường Tộ là nhà Tây học, sở trường khoa kiến trúc, một tay đã dựng nên mấy cái nhà thờ lớn bên nầy và bên Hương Cảng, vậy mà đến tư tưởng thì cũng còn giữ cũ, coi mấy bài sớ của ông thì biết. Đại khái ông chủ trương rằng học thuật thì vẫn y theo Khổng Mạnh, còn cái thuật phú cường thì làm theo Thái Tây. Hồi đó cho như vậy là đắc sách lắm, song bây giờ người ta biết rõ rồi, làm như vậy có được đâu ?

Bây giờ người ta biết rõ ra trong một xã hội, hễ học thuật tư tưởng hướng về mặt nào thì sự sanh hoạt cũng nghiêng chiều về mặt nấy. Phải có học thuật tư tưởng như người Tây rồi mới có sự sanh hoạt như người Tây. Còn theo học thuật tư tưởng của Khổng

Mạnh, thì không đời nào phát sanh ra khoa học mà mong có những đèn điện nước máy cùng những chế độ tòa án, chế độ nghị viện được.

Jésus-Christ nói phải lắm, ngài dạy rằng : "Không ai xé một miếng áo mới mà vá áo cũ. Nếu vậy, áo mới phải rách và cũng không xứng với áo cũ. Cũng không ai đổ rượu mới vào bầu da cũ. Nếu vậy, rượu mới làm nứt bầu ra ; rượu chảy mất và bầu cũng phải hư đi". Cái lẽ sờ sờ ra như vậy, sao người ta không chịu hiểu cho không biết !

Đây chúng tôi không nói đến sự cải cách của chánh phủ hiện thời. Nói riêng về sự cải cách của người An Nam ta từ trước đến giờ, trải bao phen có những phong trào nầy phong trào khác song chưa có lần nào đả động đến học thuật tư tưởng hết. Bởi chúng tôi thấy mà ai nấy cũng thấy, những phong trào ấy phồng lên rồi xẹp xuống, chẳng cầm được vững, chẳng đỗ được bền, ấy là vì không có học thuật tư tưởng mới để làm cốt yếu như muối mặn để nêm canh.

Do lẽ ấy, bây giờ muốn cải cách gì đó thì cải, song theo ý chúng tôi nhận cho sự cải cách về học thuật tư tưởng là cốt yếu hơn.

Có người phân bì với nước Nhựt Bổn. Ừ được, để số tới sẽ nói chuyện cải cách ở Nhựt Bổn.

II. CUỘC DUY TÂN CỦA NHỰT BỔN CŨNG BẮT TỪ HỌC THUẬT TƯ TƯỞNG MÀ DUY TÂN TRƯỚC

Tiếp theo bài trước tôi lấy nước Nhựt Bổn ra làm chứng, để cho biết rằng hễ một nước mà muốn duy tân cải cách thì phải bắt đầu duy tân cải cách từ học thuật tư tưởng trước, bằng chẳng vậy thì sự duy tân cải cách không có bao giờ thành công.

Ở nước ta đã có nhiều người biết sự cải cách là cần cho nước mình, song trong khi ấy lại cũng muốn duy trì cái học thuật tư tưởng cũ. Họ cho sự khí cựu mưu tân(*) là nguy hiểm. Cho nên

(*) *khí cựu mưu tân* : bỏ cái cũ lo làm cái mới.

trong ý họ muốn rằng về học thuật tư tưởng thì cứ theo Khổng Mạnh, còn các việc cơ xảo thì theo Tây ; rồi họ nói : kìa Nhựt Bổn đó, người ta vẫn làm như vậy mà được việc. (Cái ý đây tức là cái ý của một hạng học giả nước ta hiện giờ như hai ông Trần Trọng Kim và Phạm Quỳnh ; tôi nhớ hai ông nầy từng tỏ ra cái ý ấy, song trong khi viết bài nầy tôi không tìm ra nguyên văn mà trưng dẫn.)

Như vậy thiệt là đáng buồn ! Té ra cái óc của người Việt Nam ở thế kỷ XX nầy cũng chẳng khác gì cái óc hồi thế kỷ XIX ! Ông Nguyễn Trường Tộ, ông Phạm Phú Thứ ở năm bảy chục năm về trước cũng đã nghĩ như vậy rồi mà có kết quả gì đâu!

Người nước mình có một cái thông bịnh, là bàn bạc việc gì không chịu xét cho đến nơi, không chịu tìm những chứng cứ, không chịu căn cứ ở sự thiệt trên lịch sử, mà hay tóm tắt bao quát muôn việc vào trong một câu một lời. Tức như cuộc duy tân của Nhựt Bổn mà người ta cho rằng chỉ duy tân về phần vật chất còn về phần tinh thần vẫn giữ theo tinh thần cũ của Khổng Mạnh, của phương Đông, thì thật là lầm lắm, tôi chẳng biết dựa vào đâu mà nói thế.

Chúng ta đây chẳng phải người Nhựt và cũng không ở đồng thời với cuộc duy tân hồi Minh Trị, vậy thì về việc ấy, cái chơn tướng nó thế nào, chúng ta chỉ có một cách căn cứ vào lịch sử, là chắc chắn hơn hết, chớ còn nói vu vơ ở ngoài, chẳng có giá trị gì đâu.

Tôi đọc bộ *Nhựt Bổn duy tân tam thập niên sử*, thấy mở đầu ra, người ta đổ cái công duy tân ấy về cho các thầy giáo đời bấy giờ, chỉ nghĩa rằng nhờ sự giáo dục đổi mới tư tưởng của người Nhựt nên mới có cuộc duy tân ấy. Tuy vậy, hiện nay không có bộ sách ấy trong tay tôi, tôi phải lấy chứng cớ ở bộ khác.

Hiện tôi có bộ *Nhựt Bổn văn học sử*, trong đó, chương VI, nói về hiện đại văn học, kể từ Minh Trị nguyên niên (1868) về sau, tuy

là sách nói về văn học nước Nhựt, song kể cái phong trào tư tưởng hồi đó thật là rõ ràng dễ thấy. Lại sách nầy dầu tác giả là người Trung Quốc, mà lấy tài liệu của các bản sử người Nhựt, cho nên cũng đáng tin nữa.

Về đoạn đó đại ý tác giả nói rằng : Cuộc duy tân của Nhựt Bổn bấy giờ thật có quan hệ với văn học, mà văn học của Nhựt Bổn lúc đó lại là một nền văn học mới, nó sản sanh ra bởi người Nhựt đã du nhập các tư tưởng của Âu - Mỹ ; rồi kể ra có bốn điều cốt yếu như sau nầy :

1 – *Cái tư tưởng công lợi của Âu - Mỹ.* – Cái tư tưởng nầy do ông Phước Trạch Dụ Kiết (1834-1901) mở mang ra. Ông từng kêu to lên bảo phải phá hoại những văn hóa phong tục cũ, là cái chế độ phong kiến còn sót lại, phải phá hoại cái đó rồi mới kiến thiết được cái văn minh theo như các nước phương Tây. Ông có làm ra nhiều sách cổ động về tư tưởng mới, nhứt là có một cuốn nói về dùng thứ chữ gì để dạy học, thì trong đó ông biểu phải bỏ chữ Hán (Vì hồi đó Nhựt Bổn cũng trọng chữ Hán như ta thuở xưa). Đến nay người ta nhìn nhận rằng người Nhựt bấy giờ mà biết có "thiệt học" và có cái tinh thần tự do độc lập là nhờ ông.

2 – *Cái tư tưởng tự do của nước Pháp.* – Cái tư tưởng nầy do ông Bản Viên Thôi Trợ đề xướng. Lại có mấy ông khác nữa dịch những sách như sách *Dân ước luận*(*) cũng vào phái nầy. Vì họ thấy rằng sau cuộc cách mạng lớn của nước Pháp các dân tộc bên Âu châu đều khuynh hướng về dân quyền tự do, họ quyết rằng Nhựt Bổn cũng phải có cái khuynh hướng ấy thì mới làm cho nước nên mạnh được. Nhà làm sử nói rằng cái tư tưởng nầy dấy lên sau cái tư tưởng công lợi, vì có nó, lúc bấy giờ trong việc chánh trị có nhiều sự đổi thay.

(*) *Dân ước luận* : có lẽ cuốn *Le Contrat social* (1762, cũng được dịch là *Khế ước xã hội*), tác phẩm của nhà Khái sáng Pháp J.J.Rousseau (1712-78).

3 – *Cái tinh thần của Cơ đốc giáo (tức là Cứu thế giáo Christianisme),* khi nói như vậy không có chia ra Cựu giáo (*Catholique*) và Tân giáo (*Protestant*). Cơ đốc giáo truyền sang Nhựt từ năm 1549, song bấy giờ chỉ như là mê tín thôi ; người Nhựt thiệt biết cái tinh thần Cơ đốc giáo là từ đầu trào Minh Trị. Bấy giờ có một tín đồ của đạo ấy, tên là Tân Đảo Tương xướng lên cái thuyết lấy Cơ đốc giáo mà cảm hóa quốc dân Nhựt Bổn, nếu chẳng vậy thì không có thể đem cái tinh thần văn minh mà truyền bá cho họ. Ở Tô Kiêu hồi đó Phật giáo thạnh hành lắm ; ông ấy lập tại đó một giáo hội kêu là "Đồng chí xã" để tuyên truyền cái chủ nghĩa bác ái và hy sanh của giáo chủ Jésus.

4 – *Cái chủ nghĩa quốc gia của nước Đức.* Ông Gia Đằng Hoằng Chi chịu cái ảnh hưởng của học giả nước Đức, làm ra sách *Nhân quyền tân thuyết* để phản đối lại cái tư tưởng tự do của nước Pháp đã nói trên kia. Sau đó ông lại khuynh hướng về cái học thuyết Đạt Nhĩ Văn(*), xướng ra cái thuyết "ai mạnh nấy hơn", tức là quốc gia chủ nghĩa về tấn hóa luận.

Bốn cái tư tưởng chọi với nhau trong một thời đại bấy giờ, có ảnh hưởng đến chánh trị và văn học rất lớn, bây giờ bất kỳ là ai không có thể chối cãi được.

Nhẫn lên đó, tôi lấy ở một cuốn *Nhựt Bổn văn học sử* mà lược dịch ra. Những cái sự thiệt ấy còn có thể đem mà tra xét lại và so sánh với các sách khác nữa. Nó là một cái chứng cớ hiển nhiên, nó là cái *nhân* của bao nhiêu cái *quả*, cuộc văn minh của Nhựt Bổn hiện thời là bởi nó mà ra ; vậy mà người ta muốn từ chối cái *nhân* ấy đi, thế là muốn xáo bậy cả lịch sử, có đặng đâu?

Bây giờ đây cũng có một vài người Nhựt bảo phải duy trì cựu học, bảo phải nghiên cứu đạo Khổng Mạnh, song đó là chuyện bây giờ ; chớ còn 50 năm về trước, quả nhiên họ đã đánh đổ hết thảy tư

(*) *Đạt Nhĩ Văn* : tên đọc theo âm Hán hóa của Charles Darwin (1809-82).

tưởng cũ mà thâm nhập tư tưởng mới, cho nên sự cải cách của họ mới dễ dàng và cuộc duy tân của họ mới thành công được. Đó là tôi cứ theo lịch sử Nhựt Bổn mà nói, chẳng phải tôi nói bậy.

Cái tình thế nước mình bây giờ đây cũng còn chẳng khác hồi Tự Đức là mấy vì mọi người cũng còn ôm chặt cái tư tưởng cũ, cho nên tôi nói rằng nếu muốn cải cách thì cũng phải làm như Nhựt Bổn, bắt đầu từ học thuật tư tưởng mà cải cách trước đi. Tiếp đây tôi còn đem cái tình hình xã hội Nhựt hồi trước mà so với ta bây giờ.

III. CÁI TÌNH THẾ XÃ HỘI NHỰT BỔN CÒN DỄ CẢI CÁCH HƠN XÃ HỘI TA NGÀY NAY ; CHO NÊN TA LẠI PHẢI RA SỨC NHIỀU HƠN NHỰT BỔN

Bài trước tôi đã kể rõ ra cuộc duy tân Nhựt Bổn cách 50 năm trước đây, là bắt từ học thuật tư tưởng mà cải cách ; tôi đã dựa vào lịch sử Nhựt Bổn mà lấy chứng cớ rõ ràng, không phải tự tôi muốn nói chi thì nói.

Bây giờ có nhiều người An Nam ta hay phân bì cái quốc vận của ta hồi Tự Đức với của Nhựt Bổn hồi Minh Trị, họ cho rằng nước ta gặp vận rủi, còn Nhựt Bổn gặp vận may, cho nên cuộc duy tân của họ được thành công.

Tôi không tin cái thuyết định mạng (fatalisme), cho nên người ta nói đó tôi coi là vô giá trị. Tôi chỉ căn cứ ở lịch sử mà tin rằng nước Nhựt Bổn nhờ biết cải cách tận gốc, cải cách từ học thuật tư tưởng cho nên được thành công. Còn ta, không nhè chỗ gốc ấy mà đánh đổ, cứ toan bắt chước người Tây, làm theo cái ngọn, cho nên cuộc duy tân cải cách của ta không được thiệt hiện ra là phải lắm.

Hồi Tự Đức đã vậy rồi, mà cho đến bây giờ cũng còn vẫn giữ cái thói cũ ấy. Trăm sự sanh hoạt hằng ngày cũng muốn theo Tây hết, đi muốn đi xe điện xe hơi, ở muốn ở nhà lầu nhiều từng, thắp muốn thắp đèn điện cho sáng, mà còn đòi học thuật tư tưởng lại cứ

đòi theo Khổng Mạnh thì kỳ quá ! Tôi xin hỏi : Trong sách của Khổng Mạnh há có những cái của mới lạ ấy hay sao ?

Lạ hơn nữa là từ Nam chí Bắc, đâu đâu cũng ưng được những dân quyền, tự do, đâu đâu cũng đàm đạo những chuyện nhơn dân đại biểu, nói tóm lại, cả nước đều khuynh hướng về mặt dân trị(*) hết, vậy mà lại biểu phải giữ đạo Khổng Mạnh là lý gì ? theo Khổng Tử thì "dân khả sử do chi, bất khả sử tri chi" ; "thứ nhân bất nghị"(**), thì dân còn dự vào việc chánh trị sao được ?

Cho nên đối với thời cuộc nước ta, nếu nói cải cách cho có chuyện mà chơi thì thôi, bằng nếu muốn cải cách cho đúng đắn, mong sự mình làm cho thành công thì tôi quyết rằng thế nào cũng phải nhè học thuật tư tưởng mà cải cách trước. Nghĩa là bỏ hết mọi sự tin tưởng cũ nếu nó là phản đối với các công việc mới.

Trước kia tôi đã nói : Hồi trào Tự Đức, người ta lấy câu "hỏa viêm thượng, thủy nhuận hạ", mà cãi lại với ông sứ thần ở bên Tây về, khoe bên ấy có đèn điện và nước máy ; ngày nay cũng vậy, người ta nếu còn tin câu "dân bất khả sử tri" của Khổng Tử, thì cũng sẽ không có ngày nào thiệt hành được hai chữ dân quyền.

Lại so sánh tình thế của ta với tình thế Nhựt Bổn, thì thấy rằng sự cải cách của ta còn phải có lòng quả quyết và dùng nhiều công phu hơn Nhựt Bổn mới được.

Nói về tình thế xã hội Nhựt Bổn hồi Minh Trị, bấy giờ họ tuy chịu học thuật tư tưởng cũ của Tàu, song những cái dở của Tàu họ lại khỏi bị, cho nên việc cải cách của họ cũng có phần dễ dàng hơn.

Nước ta từ hồi đời Trần về sau, bắt chước Tàu dùng khoa cử mà thủ sĩ, lần lần bắt chước đến kinh nghĩa thi phú, nạp hết bao

---

(*) *dân trị* : dịch từ chữ *démocratie*, vốn cũng được dịch là "dân chủ", "dân quyền".

(**) *Luận ngữ : Thái bá*, VIII : 10. "Dân khả sử do chi, bất khả sử tri chi" = dân là những kẻ [mà những người bề trên] có thể sai khiến chứ không thể làm cho hiểu biết. "Thứ nhân bất nghị" = Thường dân thì miễn bàn ; thường dân thì không thể bàn luận

nhiêu cái óc thông minh vào trong sự vô dụng, cái hại ấy mãi đến năm 1920 mà trừ. Chớ Nhựt Bổn không có sự hại đó, bắt chước cái gì, chớ làm kinh nghĩa thì họ nhứt định không bắt chước, bởi vậy trong hàng sĩ phu họ ít có sự hủ bại như sĩ phu ta. Ấy là một điều dễ cho họ.

Ta lại còn bắt chước Tàu tin địa lý, ngày giờ bói khoa, cùng các sự mê tín khác. Nhựt Bổn thì không có như vậy. Người Nhựt Bổn chết thì chôn ngồi, chớ không chôn nằm như ta. Họ sắm cái hòm vuông như cái rương chữ thọ của ta, uốn cái xác cho ngồi lên rồi liệm vào mà chôn. Họ nói chôn như thế thì ít hao đất. Lại làng nào làng nấy có sắm riêng nghĩa địa, chết thì chôn sắp lớp, chớ không coi địa lý. Thiệt người Nhựt Bổn từ xưa đến nay chẳng biết địa lý phong thủy là gì. Đại để trong xã hội họ ít có sự mê tín nhảm nhí, dân tộc của họ cũng phát đạt về lý trí gần giống như Tây, cho nên khi tiếp rước cái học thuật tư tưởng mới của Tây thì tiện lắm. Ấy là hai điều dễ cho họ.

Những tư tưởng hủ bại những mê tín nhảm nhí của người An Nam mình ở hồi Tự Đức cũng còn lưu truyền lại y nguyên đến bây giờ. Ngày nay tuy đã bỏ khoa cử, học trò không còn làm kinh nghĩa thi phú nữa, song cái quan niệm của họ đối với sự học thì cũng vẫn còn y cái quan niệm ngày xưa, nghĩa là học để thi đậu làm quan, để vinh vợ ấm con, ăn sung mặc sướng. Trong sĩ phu mà có cái quan niệm ấy thì mong gì đến chuyện cải cách duy tân ?

Khó đổi thứ nhứt là cái óc của dân chúng. Trong dân chúng ta, trừ ra người có đạo không kể, còn thì hết thảy đều tin bậy tin bạ, tin những sự không đáng tin. Đi đâu một bước thì coi ngày coi giờ ; trong nhà một tháng cúng cấp không biết mấy lượt ; thậm chí đau không biết uống thuốc, đành phó sanh mạng mình cho thầy phù thủy ; lại còn những kẻ dại dột, học "gồng" học ghiếc gì đó, đem xương thịt mà chọi lại với súng gươm... Những sự mê tín ấy mà

không trừ cho tiệt, thì đố làm tài nào mà cải cách được, mà trông văn minh tấn bộ như người ta được !

Cái óc của con người ta không có thể trong một lúc mà đựng được hai thứ mới và cũ. Vậy nên hễ muốn duy tân theo mới thì cần phải rửa cho sạch hết cái óc cũ ấy đi, rồi mới tiếp nhận những cái mới được. Vậy mà hiện bây giờ đây, những nhà ngôn luận đại gia, làm khuôn làm mẫu, cầm cân nẽ mực cho đồng bào, lại còn bo bo thủ cựu, đòi duy trì những cái đạo đức luân lý cũ tám mươi đời, thế thì còn mong gì duy tân cải cách được ư ?

Quốc dân ta nếu không cải cách thì thôi, bằng muốn cải cách thì phải ra sức càng nhiều hơn người Nhựt Bổn hồi Minh Trị, mà phá trừ cái tư tưởng cũ cho sạch hết rồi mới nói chuyện cải cách được. Bằng chẳng vậy mà cứ bữa nay nói cải cách đến mai nói cải cách, thì cũng như bọn ông Nguyễn Trường Tộ hồi Tự Đức, tôi dám quyết là chẳng có một mảy công hiệu gì.

IV. CUỘC CẢI CÁCH CỦA NƯỚC TÀU RÚT LẠI CŨNG PHẢI CẢI CÁCH ĐẾN HỌC THUẬT TƯ TƯỞNG MỚI HƠI CÓ CÔNG HIỆU

Trong bài *Vấn đề cải cách II* tôi đã lấy chứng cớ ở lịch sử Nhựt Bổn mà quyết luận rằng cải cách nước ấy sở dĩ thành công được là nhờ cải cách tận gốc, nhè học thuật tư tưởng mà cải cách, cho nên họ mới có được sự tấn bộ rực rỡ như ngày nay. Mà chẳng những Nhựt Bổn thôi đâu, nước Tàu cũng vậy.

Nước Tàu là một chỗ ổ đẻ ra văn hóa phương Đông, những học thuật tư tưởng cũ bám vào trong đầu người ta đã thâm căn cố đế, vả lại là một nước lớn, đất rộng người đông, nên sự cải cách của họ phải chậm hơn Nhựt Bổn.

Nay xem xét lại lịch sử Trung Huê trong khoảng ba bốn mươi năm trở lại đây, thấy ban đầu họ cũng giữ tư tưởng cũ thiệt gắt, toan bắt chước người Tây nội những cái lợi khí văn minh mà thôi ;

song như vậy không có thể thành tựu được, về sau họ cũng phải cải cách đến học thuật tư tưởng.

Nguyên nước Tàu giao thông với phương Tây từ hồi đời Minh, nghĩa là cách hơn 200 năm về trước kia. Bấy giờ có một mớ giáo sĩ phương Tây qua Tàu, truyền cho người Tàu những môn Số học và Thiên văn học. Hai môn học nầy của Tàu được phát đạt và chơn xác hơn xưa là nhờ đó. Tuy vậy, người Tàu cũng còn tự phụ lắm, họ tưởng học thuật phương Tây chỉ có thế mà thôi, nên họ cũng vẫn còn khinh.

Đến cuối đời Mãn Thanh, hồi Quang Tự, các nước Tây đem những tàu đồng súng sắt qua làm khuấy rầy họ một lúc, vả lại người Tây còn trổ ra nhiều thứ kỹ xảo tỏ ra rằng phải có học thức mới làm nên. Người Tàu thấy mà khiếp, song lại còn làm phách. Bấy giờ có một bọn học giả xướng ra cái thuyết "Tây học tự Đông nhi lai", họ tìm những chứng cớ quàng xiên để chứng rằng bao nhiêu sự học vấn bên Âu châu đều là từ Trung Quốc truyền sang hết. Cái thuyết ấy có sách *Tây học xiển vi* làm đại biểu.

Chẳng biết trong khi người ta đến đè đầu khỏ[*] óc mình mà mình làm như vậy thì có ích gì. Đừng kể sự họ nói đó là láo làm chi, dầu cho người Tây học của Tàu đi nữa mà bây giờ họ giỏi thì mình phải làm sao cho bằng họ, chớ làm phách làm lối, khoe cái giàu xưa của mình ra mà được việc gì ?

Người Tàu phách lối thì cứ việc mà phách lối, còn người Tây đè đầu khỏ óc thì cứ việc mà đè đầu khỏ óc. Sau khi bị thất bại bởi những điều ước nầy điều ước nọ, bọn sĩ phu Tàu chừng mới hoảng hồn, tuy vậy, cũng còn chưa chịu một mực theo Tây. Bấy giờ bọn Trương Chi Động xướng ra cái thuyết "Trung học vi thể, Tây học vi dụng". Họ nói rằng những sự học về luân lý chánh trị, người Tàu có thừa rồi, nên giữ lấy cái đó làm cốt, nước Tàu có thiếu là chỉ

[*] *khỏ* : cốc, gõ (theo *Từ điển phương ngữ Nam Bộ*, sđd.).

thiếu về khoa học, cái nầy thì phải học theo Tây để cung cấp cho sự cần dùng. Cái thuyết nầy chẳng khác nào cái thuyết cải cách của người An Nam ta hồi Tự Đức và hiện bây giờ, bảo rằng trăm việc kỹ xảo thì theo Tây song luân lý đạo đức thì phải giữ gìn Khổng Mạnh.

Người Tàu theo cái thuyết ấy một lúc mà thấy chẳng có công hiệu gì, bị ăn hiếp cứ vẫn còn bị ăn hiếp, mà về đường kỹ xảo cũng chẳng thấy tấn bộ chút nào. Khi ấy phái Khương, Lương mới nổi lên.

Khương Hữu Vi đem ông Khổng Tử tô điểm ra như ông Jésus-Christ, lại sửa sang ngũ kinh tứ thơ lại cho ra như các sách của hiền triết bên Tây. Song le, mọi sự ở đời, giống gì nó ra giống nấy, có bao giờ làm dối mà được. Học thuyết của Khương, Lương thạnh hành lên một độ, nhưng không hiệp với trào lưu xã hội, về sau ai cũng chán.

Nói cho đúng thì một tay Lương Khải Siêu biến đổi được cái óc người Tàu nhiều lắm, thế nhưng đem so với bọn sau nầy thì họ Lương cũng còn là tay thủ cựu.

Người Tàu vì còn chưa cạo hết những tư tưởng cũ ở trong óc đi, nên trong mấy năm đó tuy đã đánh đổ Mãn Thanh, lập nên Dân quốc, nhưng mọi việc trong cũng vẫn còn hư hại. Nước thì nước Dân chủ mà óc của dân chúng thì là óc nô lệ, bởi vậy hồi Dân quốc ngũ niên (1916), Viên Thế Khải mới nổi lên xưng hoàng đế.

Liền trong năm ấy, sau khi họ Viên đổ rồi, ngày 5 tháng tư, khắp cả nước Tàu có cuộc vận động rất lớn về văn hóa kêu là "Tân văn hóa vận động" hay là "Tứ ngũ vận động". Cuộc vận động ấy do những học sanh nam nữ khắp cả nước Tàu chủ trương, họ dấy lên mà kêu gào đánh đổ những học thuật tư tưởng cũ, những đạo đức luân lý cũ. Cuộc vận động nầy có ảnh hưởng lớn lắm, nên chúng ta nói rằng cuộc duy tân cải cách của người Tàu mới bắt đầu từ đó, có lẽ đúng hơn.

Cái động lực của cuộc "Tứ ngũ vận động" đó chỉ từ một bài báo mà ra. Tháng giêng năm ấy, Trần Độc Tú là một nhà có tư tưởng mới rất kịch liệt ở nước Tàu, viết một bài xã thuyết đăng trên tạp chí *Tân thanh niên*, đề là *Năm 1916*. Bài ấy đại khái nói rằng người Tàu từ năm 1915 về trước, bao nhiêu những tội ác, những sỉ nhục bởi học thuật đạo đức mà ra thì bắt đầu từ năm 1916 nầy phải ăn năn đổi đời, mà cái trách nhiệm ấy là ở bọn thanh niên v.v. Kế đó, cái chương trình về tư tưởng của bọn thanh niên thế nào, có bày tỏ ra từng điều thật rõ, đại ý khuyên cho mỗi người phải có óc độc lập tự chủ, đừng làm nô lệ ai hết và cũng đừng làm nô lệ của thánh hiền đời xưa nữa.

Tiếp đó lại có cuộc cải cách về văn học của Hồ Thích đề xướng ra. Người Tàu từ trước làm văn bằng văn ngôn ; bắt đầu có cuộc cải cách nầy, người ta mới làm văn bằng bạch thoại. Làm văn bằng bạch thoại thì văn với tiếng nói đồng nhứt với nhau, làm cho sự tấn hóa của xã hội thêm mau ra vậy.

Nước Tàu ngày nay tuy cũng còn lộn xộn chưa yên song đó chỉ là về một phương diện chính trị, chớ còn về các phương diện khác thì thấy tấn bộ hơn hồi trước nhiều lắm, ấy là cái công của bọn Trần Độc Tú và Hồ Thích ở trên lịch sử Trung Quốc sau nầy.

Đó, Nhựt Bổn đã vậy mà Tàu cũng vậy, họ phải cải cách tư tưởng học thuật trước rồi sau mới đủ lòng tin mà cải cách mọi sự khác, sự lý rất là hiển nhiên. Người Việt Nam mình nếu muốn cải cách, cũng phải làm như họ.

PHAN KHÔI

Trung lập, Sài Gòn, s.6218 (9.8.1930) ;
s.6220 (12.8.1930) ; s.6221 (13.8.1930) ;
s.6223 (18.8.1930)

NGƯỜI PHÁP NÓI TIÊN TRI VỀ THỜI CUỘC XỨ TA

Rằng yên mà còn chưa yên ;
tuy còn chưa yên mà rồi cũng yên

Bắt đầu từ tháng Février năm nay, xứ ta có sự biến động luôn luôn. Trừ Trung kỳ trừ ra chỉ một vài tỉnh có xảy ra việc nầy việc khác, còn Bắc kỳ và Nam kỳ thì sự biến động hầu muốn lan khắp cả một địa phương. Bởi vậy chẳng những chánh phủ Pháp ở đây lo hết sức đề phòng, mà chánh phủ Pháp bên kia cho đến quốc dân Pháp nữa cũng đều lấy làm chú ý.

Hạ nghị viện mấy tháng nay bàn về vấn đề Đông Pháp gần suốt cả kỳ hội nghị. Các tờ báo lớn tờ nào cũng có nghị luận về việc dấy loạn ở Yên Bái cùng việc biểu tình ở Nam kỳ. Từ xưa đến nay thật chưa có dịp nào mà người Pháp lấy cái vấn đề xứ ta làm quan hệ đến như thế.

Có lẽ đồng bào ta phần nhiều không rõ, chớ năm sáu tháng nay trong nước ta thường thường có dấu chưn của người Pháp ở bên chánh quốc qua đây xem xét tình hình, bọn nầy về rồi lại sang bọn khác. Trong đó hoặc có người của các nhà báo phái qua, hoặc có người của chánh phủ.

Rút lại, người Pháp sở dĩ chú ý đến xứ ta như thế là cốt chỉ sợ sự sanh loạn mà thôi, cốt chỉ muốn cho yên mà thôi.

Ở dưới cái tình thế nầy, câu hỏi "có yên được chăng ? bao giờ yên ?" là câu hỏi cốt yếu hơn hết.

Mới rồi có một vài người Pháp trả lời câu hỏi ấy một cách quả quyết mà không quả quyết, không quả quyết mà quả quyết. Bổn phận chúng tôi là phải thuật lại cho đồng bào ta rõ.

Tin Marseille 17 Aout : khi chiếc tàu Chenonceau về tới bến, có hai ông Pagès và Joisson là Thanh tra thuộc địa đi qua thanh tra bên xứ Đông Pháp nầy, nhứt là Bắc kỳ, cùng về một lần. Hai ông đều tuyên bố cho nhân dân bên Pháp biết rằng thời cuộc bên nầy đã yên rồi.

Cái tin đó không được rõ mấy chưa đáng chú ý cho bằng cái tin dưới nầy.

Ông quan tư Vanlande, mới đây đi điều tra về cái nạn cọng sản bên Đông Pháp ngồi chiếc tàu Compiègne trở về nước, có viết trong báo *La Liberté* mà nói rằng chính ông đã mục kích các cuộc biến động ở trong đất Việt Nam. Cái nạn ấy rồi sẽ có (...)(*) sự biến động (...)(*) tránh được. Song le có thể đề phòng trước hầu cho khỏi bởi nó mà sanh ra điều chi tai hại.

Ông Vanlande nói thêm rằng sự hành động của Moscou trong xứ nầy ghê gớm lắm, có điều ta mong ở quan toàn quyền Pasquier thấy rõ. Có lẽ ngài lo mà dự phòng sẽ không đến lỗi lầm. Chắc đây rồi còn có những cuộc phiến động nữa ; nhưng vì nhờ có mọi cách đối phó sẵn sàng, khi ấy cái ngòi phiến động sẽ giụt tắt đi, không đến nỗi đổ máu.

Thấy những lời ông Vanlande nói đó, nên chúng tôi để cái đầu đề trên kia "rằng yên mà còn chưa yên ; tuy còn chưa yên mà rồi cũng yên".

Dân mà đã đến lúc họ nhao nhao nổi lên, ở đâu cũng vậy, thì khó trông cho yên liền được. Chẳng ai có cái tài hay cái quyền làm

(*) Các chỗ này báo bỏ trống, chứng tỏ có một vài từ, một vài dòng bị đục bỏ trước khi báo in.

cho yên được hết. Duy chánh phủ thì mới có cái quyền ấy. Còn cái tài thì dầu chánh phủ cũng khó tự bảo mình rằng có.

Nhưng hễ muốn là được. Muốn yên thì yên. Cái tài ấy ở trong cái muốn mà ra.

Ở bên bộ Thuộc địa đã tư qua bên nầy biểu phải cải cách cho dân bổn xứ. Chính ở bên nầy chánh phủ cũng mới lập hội đồng cải cách. Song le, dân họ còn đương ngỏng cổ mà coi (...)(*)

Làm cho bằng lòng dân An Nam thì dầu có mấy trăm cái cánh tay của Moscou cũng chẳng làm chi nổi. Quan tư Vanlande đừng sợ.

Chúng tôi muốn cho mau yên lắm. Chúng tôi muốn mau yên hơn người Pháp muốn nữa. Vì muốn mà không có quyền làm nên chúng tôi có biết điều chi, xin đem nói cho chánh phủ rõ.

(Bị kiểm duyệt bỏ)

PHAN KHÔI

Trung lập, Sài Gòn, s.6226 (21.8.1930)

(*) chỗ này bản gốc để trắng 1 dòng, có thể là chừng 5-6 từ bị đục bỏ.

CÁI ĐỊA VỊ CỦA KIỀU DÂN TRUNG HUÊ

Trong khi họ được ưu đãi ở Đông Pháp
thì lại bị bạc đãi ở Tân Gia Ba và Xiêm La

Sau khi bổn điều ước Trung Việt phát biểu ra, tức là bổn điều ước chánh phủ Pháp ký với chánh phủ Nam Kinh mới rồi mà bổn báo có dịch đăng cả nguyên văn và trích luận một vài đoạn ; người mình thấy vậy, chắc tưởng rằng cái địa vị dân Tàu ngày nay đã cao lên, và các cường quốc đã vị nể họ lắm.

Thật vậy, theo bổn điều ước ấy thì người Tàu sẽ được đặt lãnh sự ở đây như các nước, mà lại hưởng được một cái quyền lợi đặc biệt các nước khác không có, ấy là họ vẫn cai quản lấy sản nghiệp mà họ đã tạo lập ra ở đây. Cái quyền lợi ấy, họ kêu bằng "cái quyền lợi về lịch sử", họ hưởng được, chắc họ lấy làm khoái là dường nào. Bởi vì như người Nhựt, người Huê Kỳ ở đây, đã thuộc về dưới quyền lãnh sự bổn quốc mình, thì thôi, không có phép tạo lập sản nghiệp ; vậy mà về phần Huê kiều, đã được bề nọ lại còn được bề kia.

Ai thấy vậy mà chẳng cho là dân Tàu ngày nay đã hùng cường lắm thế lực họ đã to lắm đến nỗi chánh phủ Pháp xưa nay coi kiều dân họ ở đây cũng chẳng khác dân bổn xứ, nghĩa là trực thuộc dưới chánh phủ, mà bây giờ bỗng nhắc họ lên một bực khá cao ? Nhưng xét cho kỹ ra thì lại như tuồng chưa phải vậy đâu.

Nói rằng thế lực người Tàu ngày nay cũng vẫn như hồi ở dưới

trào Mãn Thanh thì thật là không đúng. Song nói rằng cái thế lực họ đã thật mạnh, làm cho hết thảy liệt cường đều phải ưu đãi họ, thì cũng không nhằm. Thật ra thì ngày nay họ có được vị nể hơn hồi xưa đôi chút chớ chưa phải là mười phần được vị nể cả mười.

Đã biết vậy thì khắc biết rằng cái bổn điều ước Trung - Việt mới rồi mà trong đó họ chiếm được phần kha khá, là chẳng qua nhờ một cái thời cơ tốt, cái thời cơ ấy nó đã nhấc họ lên cao. Nói thế chẳng khác nào nói rằng vì sự lợi ích riêng trong cuộc ngoại giao của chánh phủ Pháp ở đây mà Huê kiều trong xứ Đông Pháp nầy được ưu đãi.

Nói vậy mà quả vậy. Coi như các chánh phủ khác cũng ở bên cạnh ta đây, mà không có lợi ích riêng trong sự ngoại giao như chánh phủ Pháp thì họ cũng không ưu đãi Huê kiều đâu. Trái lại, họ còn bạc đãi nữa. Ấy là như hai chánh phủ Tân Gia Ba và Xiêm La(*).

Mới đây, ở Tân Gia Ba, chánh phủ ban hành cái lịnh cấm công nhân Tàu nhập cảng, lấy cớ rằng người Tàu đến đó nhiều quá, làm cho dân bổn xứ phải thất nghiệp. Ngày 31 Juillet trước đây, quan tổng đốc (*Gouverneur*) nước Ăng Lê tại Tân Gia Ba đã hạ lịnh ấy rồi, song chỉ tạm cấm trong ba tháng, từ tháng Aout cho tới tháng Octobre. Theo báo Tàu ở Hương Cảng mới qua, nói rằng trước đây chánh phủ Tân Gia Ba lại làm nhiều điều khó cho người Tàu nữa. Họ bắt mỗi một người Huê kiều nhập cảng phải có hai nhà cự thương ở đó bảo lãnh cho. Lại còn buộc các hãng tàu tăng giá tàu đến gấp hai, để cho những người ít tiền không qua được.

Ở Xiêm La cũng vậy, bắt đầu từ ngày 11 Juillet, chánh phủ Xiêm cũng phát ra một đạo luật kêu là "đạo luật B.E.2470"(1) mà hạn chế người Tàu vào bờ cõi nước Xiêm. Ở Xiêm thì không có cấm hẳn đi như ở Tân Gia Ba, song cứ theo đạo luật B. E. 2470 thì nhiều điều khúc mắc lắm, như là trong lưng phải đủ bao nhiêu thứ

(*) *Tân Gia Ba* : Singapore ; *Xiêm La* : Thái Lan.
(1) Chữ nầy là niên hiệu của Xiêm (nguyên chú).

giấy chứng chỉ, phải có một số tiền là bao nhiêu đó thì mới được ở dưới tàu bước lên bờ. Đối với đạo luật ấy, người Tàu đều lấy làm cay chua lắm, họ than van trên báo rằng nếu vậy thì sẽ ít người Tàu nào có thể theo đúng luật mà bước lên bờ được.

Chẳng thà cấm hẳn đi trong ba tháng như Tân Gia Ba mà còn mong có ngày mở cấm, chí như cách hạn chế ở Xiêm thì rất là ác nghiệt. Huê kiều hết phương tới đó mà làm ăn. Xiêm La là xứ có nhiều sản vật, như cây gỗ, lúa gạo, dừa bông vẫn do tay người Tàu ở đó làm ra chở đi bán các xứ. Huê kiều ở đó có đến hơn một triệu, choán hầu hết nghề công thương của người Xiêm. Bởi vậy, chánh phủ Xiêm muốn nâng đỡ nghề nghiệp cho dân mình lên mà hạn chế người Tàu vào xứ dầu người Tàu kêu rêu mấy họ cũng chẳng nghe.

Coi đó thì biết chánh phủ ĂngLê hay là chánh phủ Xiêm La cũng vậy, họ không có vì sự lợi ích riêng của mình trong đường ngoại giao nên họ chẳng ra ý vị nể người Tàu. Họ chỉ có ý binh vực cho đường sanh hoạt của nhân dân ở dưới quyền mình, sợ người Tàu tới đông thì có hại cho cuộc kinh tế trong nước mà nhân dân đồ khổ, cho nên ra lịnh cấm hoặc hạn chế.

Nam kỳ ta còn đất rộng thiếu chi ! Đây rồi những chú Huê kiều nào bị cấm, không qua Tân Gia Ba và Xiêm La được thì sẽ đổ vô đất Nam kỳ. Đất Nam kỳ đã dễ làm ăn mà lại được người ta ưu đãi !

Vậy mà nhân dân bổn xứ đây, nghĩa là người Việt Nam ta đây, cũng bộn bề kẻ thất nghiệp như dân Xiêm và Tân Gia Ba vậy, chớ phải nới nang gì hơn họ sao ?

Vậy mà mấy tháng nay, người Trung Bắc mỗi một lần đi vào Nam kỳ lại khó khăn lắm, không hạn chế mà cũng như hạn chế, điều đó các ông đại biểu cho dân cũng nên biết.

Nếu ngày kia Tàu bị cấm ở hai xứ nọ rồi đổ tràn vào xứ ta cả đống thì thật cũng là một sự đáng lo cho ta chớ.

PHAN KHÔI

Trung lập, Sài Gòn, s.6227 (22.8.1930)

VẤN ĐỀ HỐI LỘ GIỮA QUAN TRƯỜNG

Muốn cho quan đừng ăn của dân thì phải làm cho dân đừng đem của tới quan ; mà muốn như vậy, lại phải làm cho dân đừng sợ quan mới được [*]

Dạo nầy, cái vấn đề hối lộ giữa quan trường cũng thành ra một vấn đề đem bàn luận giữa hội đồng cải cách. Vì trong các cuộc biến động mới rồi, người ta xét ra những nguyên nhơn của nó cũng có một phần do từ sự quan ăn hối lộ mà ra. Làm thế nào trừ được cái tệ ăn hối lộ đi, ấy tức là đỡ được một điều hại cho dân vậy.

Làm thế nào mà trừ được cái tệ ấy ?

Mới rồi trong báo *Đuốc nhà Nam* ông Nguyễn Phan Long cũng có bàn đến mà cho là rất khó.

Trong bài đó, ông Long cho sự quan ăn hối lộ của dân hay là dân cho quan ăn hối lộ thì cũng như trong các tiệm cơm phòng ngủ bên Tây, các bạn hàng cho bồi tiền trà nước kêu bằng tiền "pourboire".

Tiền "pourboie" cho lâu ngày như vậy thành ra cái lệ thì chẳng khác nào của hối lộ mà dân ta đây đem tới cho quan cũng thành ra cái lệ. Cái gì mà nó đã thành lệ rồi, muốn trừ đi, thật là khó thay.

Tuy vậy, nếu quả thật sự đút lót ở xứ ta đây mà chỉ như cái lệ cho bồi tiền trà nước ở bên Tây thì có hại gì mà hòng cải cách ?

---

[*] Bài này cũng như mấy bài sau đều ký tòa soạn *Trung lập* nhưng vẫn tiếp tục các đề tài từ lúc bút chiến với *Đuốc nhà Nam*, hẳn vẫn do Phan Khôi viết (NST).

Một người khách, tới nhà hàng, muốn tụi bồi hầu hạ mình cho tử tế thì cho tiền nó ; với một người có việc tới nha môn, muốn quan làm xong việc mình cho mau thì cho tiền quan, cái đó là do sự bằng lòng mà cho tiền, không có gì là hại lắm. Cái ông quan nào ngửa tay ra lấy đồng tiền ấy, tự coi mình như tụi bồi trong quán cơm, thì ổng tự làm đê tiện cái nhơn cách của ổng ; còn người mất tiền đã bằng lòng mà cho, vì được việc mình mà cho, tưởng cũng chẳng hại là chừng nào.

Duy có ông quan cậy thế mình, đè đầu bóp cổ dân mà ăn tiền, dân không cho tiền thì thù vặt, cái đó mới là hại. Mà cái hại hối lộ ở xứ ta là ở chỗ đó.

Sở dĩ như vậy là tại quan có quyền thế lớn quá, dân sợ quan quá, cho nên đem tiền cho quan ăn là sự cực chẳng đã, không cho không đặng, chớ không phải vui lòng mà cho, để quan làm việc mình cho mau rồi đâu.

Ở đời xưa, dưới chánh thể chuyên chế, mà quan ăn hối lộ thì nên trách quan, vì quan làm cha mẹ dân ; chớ còn ở đời nay, ở xứ Nam kỳ nầy, dưới chánh thể dân chủ của nước Pháp mà quan ăn hối lộ, thì nên trách dân, vì dân không biết luật của nhà nước và quyền của mình.

Trong báo *Echo Annamite* ngày 27 Mars năm nay có một cái thời sự ở Trà Vinh như vầy:

Ngày kia, thầy Bang biện T. đi với hai vị hương chức tới nhà tên T. V. mà lục soát, nói rằng nhà ấy có chứa bò gian. Soát không đặng gì hết rồi dẫn chủ nhà đi tới nhà hương quản kia mà giam tại đó. Bang biện biểu tên T. V. đưa cho mình mười đồng bạc, không thì làm án. Tên nầy sợ quá mà phải đưa mười đồng bạc trên tay Bang biện ở trước mặt vợ chồng hương quản.

Đó, coi nội chút chuyện đó thì đủ thấy quan ăn hối lộ là vì cậy thế thần của mình, mà dân cho tiền quan, cũng chỉ vì không biết

luật phép mà sợ quan quá thể. Một viên Bang biện mà còn doạ dân như vậy để lấy tiền được, huống chi là một ông quan lớn hơn, dân sợ hơn.

Nói rằng trách dân thì thậm phải. Song nghĩ cũng tội nghiệp cho họ, họ có được học hành gì đâu, có ai giảng dạy gì cho họ đâu mà mong rằng họ biết luật nhà nước và biết quyền của mình ?

Ở xứ Nam kỳ, quyền cai trị với quyền tòa án đã chia làm hai lâu rồi, các quan chủ tỉnh, các quan huyện cũng còn không làm án ai được thay, huống gì thầy Bang biện. Vậy mà tên T.V. có biết được cái lẽ ấy đâu, nên nó sợ cũng phải. Mình trách nó thì oan nó.

Nay muốn trừ cái hại hối lộ đi mà làm cách nào, cũng là những cách thuộc về nhánh nhóc hết, duy một cách nầy là trừ đến tận gốc ; ấy là làm thế nào cho dân đừng sợ quan, làm thế nào cho tên T.V. nói trên đó biết rõ rằng thầy Bang biện nọ không có quyền bỏ tù mình nếu mình không có oa trữ bò ăn trộm.

Mới nghe nói làm cho dân đừng sợ quan, chắc có người tưởng việc đó là một việc nguy hiểm lắm, như vậy rồi mất trật tự đi còn gì ? sẽ khó cho việc cai trị biết bao nhiêu ? Nhưng không có đến nỗi vậy đâu. Ở dưới chánh thể công bình, dân kính quan thì có, chớ không có sợ. Kính và sợ khác nhau.

Dân mà kính quan, ấy là đủ giữ được trật tự rồi. Chớ còn bắt dân sợ quan, ấy là bày đường cho quan ăn hối lộ, hà hiếp dân không còn chỗ nói ! Cho nên dân các nước văn minh đối với quan miễn là có kính ; còn mình vô tội thì việc gì sợ quan, mà nếu có tội thì sợ cũng không khỏi.

Tóm lại, hễ dân khôn ra, đủ trí khôn mà biết mình là có tội hay không có tội, và đủ trí khôn mà biết ông quan ấy có trị được tội mình không, thì tự nhiên không đem của tới đút cho quan làm gì, và cái tệ hối lộ sẽ trừ khỏi giữa quan trường.

Bây giờ đây, ai có thể dạy cho dân điều ấy ?

Duy có chánh phủ. Nếu các ngài ở Chánh phủ, quan Toàn quyền cùng quan Thống đốc, xét rõ điều ấy và có thiệt lòng trừ cái tệ hối lộ đi, thì tự các ngài làm dễ như chơi. Các ngài thỉnh thoảng đi các hạt mà diễn thuyết cho dân nghe và cũng cậy các ông hội đồng quản hạt An Nam đem lẽ ấy mà tuyên truyền ra cho dân, hay là ngỏ ý cho các báo quốc ngữ cùng đem lẽ ấy mà chỉ vạch ra cho dân nữa, thì chẳng bao lâu mà dám chắc là kiến hiệu vậy.

Cái hại hối lộ mà đáng lo nhứt là ở chỗ ông quan cậy thế doạ dân, đòi ăn tiền cho được, không được thì thù vặt, cái hạt ấy mới nên trừ. Chớ còn cho tiền để làm mau rồi việc cũng như cho tiền "pourboire" tụi bồi, thì cái đó còn dễ chịu hơn.

T.L.

Trung lập, Sài Gòn, s.6233 (29.8.1930)

DÂN VỚI QUAN

Đối với quan, dân Nam kỳ lại còn sợ hơn dân Trung Kỳ [*]

Trung lập trong một số mới rồi, chúng tôi có nói rằng muốn trừ cái hại ăn hối lộ giữa quan trường thì trước phải làm cho dân đừng sợ quan mới được. Cái lẽ tại làm sao, chúng tôi có cắt nghĩa rõ trong bài ấy. Đại ý chúng tôi bảo dân nên kính quan là đủ chớ không nên sợ quan ; hễ dân sợ quan, ấy là quan cậy lấy chỗ đó mà ăn tiền của dân.

Vậy mà chúng tôi xét xem trong cả xứ Nam kỳ nầy, dân lại sợ quan quá lắm, còn hơn dân Trung kỳ sợ quan nữa. Sự đó là quả thiệt, chẳng phải chúng tôi nói thêm nói thừa chi.

Lấy lẽ ra mà nói thì dân Nam kỳ thuộc dưới chánh thể dân chủ nước Pháp, còn dân Trung kỳ thuộc dưới chánh thể chuyên chế triều đình An Nam ; dân Nam kỳ ở dưới cái chế độ phân quyền, dân Trung kỳ không có ở dưới cái chế độ ấy, thì dân Nam kỳ ít sợ quan hơn mới phải. Song xét về mặt thiệt sự thì lại không phải vậy, ấy là điều chúng tôi đã lấy làm lạ mà từng ra công nghiên cứu.

Một lần chúng tôi đi chơi miệt Lục tỉnh, theo chưn một ông chủ quận về viếng một làng nhà quê trong thuộc hạt của ông. Sau khi ông chủ quận tới nhà việc rồi, chức việc cả làng lớn nhỏ kéo nhau đem lễ ra mừng và lạy lúc ngúc coi thiệt tội nghiệp quá. Có

---

[*] Bài này cũng như mấy bài sau đều ký tòa soạn *Trung lập*, nhưng vẫn thuộc các đề tài bút chiến với *Đuốc nhà Nam*, hẳn vẫn do Phan Khôi viết (NST).

mặt chúng tôi ở đó, hình như quan chủ quận lấy thế làm khó coi, nên biểu họ đừng lạy nữa, song họ cũng cứ việc lạy không thôi. Sau lúc đó quan chủ quận hỏi han mấy điều, thì trong hương chức người nầy nạnh người kia, tỏ ra là sợ quá, không dám đứng trước mặt quan mà đối đáp.

Lại một lần nữa tại làng kia, sát bên quận Hốc Môn, chúng tôi thấy một viên cai tổng đối đãi với hương chức dân sự làng ấy mà phải dửng dưng(*). Số là có 13 tên dân làng đứng đơn kiện hương chức tại quan chủ tỉnh. Quan chủ tỉnh phú về cho quận sai cai tổng đi làm ăng kết(**). Hôm ấy, trước mặt cai tổng, 13 tên dân đã chính tay mình thò điểm chỉ mà kiện hương chức đó thì hết bốn tên chối lứt rằng không có kiện. Thầy cai hỏi tại sao không kiện lại ký đơn ? Bốn tên dân ấy thưa rằng kiện thì muốn kiện, song le sợ hương cả và hương chủ lấy đất lại không cho làm nữa. Đó rồi thầy cai kêu hương chủ hương cả mà quở um sùm, thậm chí tự xưng là "tao" mà kêu họ bằng "mầy". Chúng tôi lại có ý nhìn ra rằng trong lúc đó có một mình cai tổng ngồi trên ván, còn kỳ dư hương chức đều đứng cả, vòng tay mà đối đáp, rất là lễ phép.

Việc vừa nói trên đây xảy ra trong mùa thu năm 1926, bấy giờ có một viên phóng sự báo kia ở Sài Gòn chứng kiến việc ấy, chẳng phải chúng tôi nói thêm.

Ở Trung kỳ, chúng tôi cũng có quan sát kỹ lắm, dân sợ quan, vẫn sợ, song không có đâu mà sợ quá như vậy. Cái thói lạy, nhà nước đã cấm rồi, mà dân Trung kỳ cũng vẫn còn lạy quan. Tuy vậy, họ chỉ lạy trong khi tới nha môn một lần đầu mà thôi, và đi năm bảy người cũng chỉ lạy một vài người ; chớ còn kéo cả tua mà lạy quan trong khi quan tới làng thì thiệt là chưa hề thấy.

(*) *dửng dưng* hoặc *dửng dừng dưng* : trong hành văn của Phan Khôi mang nghĩa riêng *ngạc nhiên, kinh ngạc*.

(**) enquête: điều tra.

Đến như hương chức đối với cai tổng thì không có đâu phân biệt quá như ở Nam kỳ. Ở Trung kỳ, cai tổng lại có khi kiêng nể hương chức nữa, bởi vì cai tổng mà làm phách thì các làng họ rủ nhau họ kiện mà khốn. Ở ngoài, chúng tôi thấy làng kiện tổng mà tổng phải thú(*) làng luôn luôn.

Chúng tôi thấy nhiều cái hiện trạng giống như vậy rồi phải tin rằng dân Nam kỳ lại còn sợ quan hơn là dân Trung kỳ. Sau lại, chúng tôi truy nguyên ra, thì biết cái "sợ" ấy là do sự di truyền trên lịch sử.

Ở Nam kỳ khi còn thuộc về triều đình An Nam, là xứ biên bỉ(**) xa vua. Hồi đó, như ông Lê Văn Duyệt làm tổng trấn Nam kỳ, thì thiên hạ coi như ông vua vậy. Bởi vậy sau khi ông chết, cái mả ổng, người ta mới kêu bằng "lăng". Ở Trung kỳ có vậy đâu. Quan lớn mấy mặc lòng, "mả" mà kêu "lăng", ấy là tiếm, vì chỉ có mả vua mới kêu "lăng" mà thôi.

Bởi cái cớ xa vua đó nên dân Nam kỳ ngày xưa sợ quan quá thể. Ngày xưa ở Trung kỳ, dân có bị quan ức hiếp thì còn có phép "quỉ giá ngự", nghĩa là đội đơn đi kiện với vua ; chớ còn ở Nam kỳ, vua có đời nào giá ngự đến trong nầy mà dân hòng quỳ đặng ? Cho nên khi nào bị ức hiếp quá thì họ nổi giặc, tức như giặc Ngụy Khôi nổi lên giết một vị tham quan là ông Bạch Xuân Nguyên hồi trào Minh Mạng, ngoài cách ấy ra, không còn kêu rêu với ai cả. Song le, đến sự nổi giặc thì đã quá lắm rồi !

Cái sợ quan của dân Nam kỳ từ một trăm năm trước di truyền lại đến bây giờ. Ngày nay dân Nam kỳ sợ quan, ngó như sự lạ, mà là sự thường, vì cái sợ của lịch sử để lại !

Duy có điều nầy là lạ. Từ ngày Nam kỳ thuộc về nước Pháp, cái chánh thể dân chủ cai trị trên đất nầy, lá cờ tam sắc, cái huy

(*) *thú* : nghĩa như "chịu" (chịu đầu phục, chịu tội) (theo H.T.Paulus Của, sđd.).
(**) *biên bỉ* : chỗ giáp cõi, giáp ranh (theo H.T.Paulus Của, sđd.).

hiệu của tự do, bình đẳng, bác ái, bay phấp phới trên cửa nhà người dân xứ nầy, lẽ thì dân được thong thả hơn hồi xưa mới phải, cớ sao dân vẫn sợ quan như hồi trào Minh Mạng ?

(*Bị kiểm duyệt bỏ*)

Cái quyền cai trị ở tay nầy vào tay kia, cái chánh thể đương thế nầy xoay qua thế khác, mà chẳng dạy bảo cho nhân dân biết một chút chi về điều đó hết, thì họ mới ở đời làm sao ? Chúng tôi thấy cái chánh thể thì đổi mà cái óc nhân dân thì không đổi. Lấy cái óc cũ mà sống dưới cái chánh thể mới thì họ cũng chẳng có được hạnh phúc gì là bao nhiêu. Cho nên bây giờ muốn cho quan đừng ăn hối lộ thì phải đổi cái óc của dân đi, làm cho dân đừng sợ quan như hồi ở dưới quyền vua Minh Mạng kia mới được.

T.L.

Trung lập, Sài Gòn, s.6235 (1.9.1930)

CẢI CÁCH KHÔNG PHẢI LÀ VIỆC LÀM LẤY TIẾNG

Luật lệ nhà nước bó buộc được sự gì chớ không bó buộc được sự cần dùng của dân

Tại làm sao trong xứ ta hiện nay lại có đặt ra Hội đồng cải cách khắp ba kỳ ? Chẳng nói thì ai cũng biết rằng nhơn những sự biến động vừa rồi, chánh phủ dòm thấy chỗ bất bình của dân thì toan cải cách những điều mà dân lấy làm bất bình ấy, hầu cho ai nấy phục tình, đừng có sự náo động vầy khác nữa.

Nếu cái mục đích của chánh phủ đã như vậy thì chánh phủ cũng vậy mà các ông đại biểu cho dân ta có chưn trong hội đồng cải cách cũng vậy, đối với việc cải cách, phải hết lòng mà làm, lại phải hết trí khôn mà làm cải cách làm sao cho dân được nhờ cái thiệt huệ của sự cải cách thì mới phải. Chớ còn, không nghĩ đến chỗ dân sẽ nhờ được thiệt huệ hay chăng, mà chỉ lập luật nầy, đổi lệ kia, *ban ơn trên tờ giấy* thì thật chẳng có bổ ích gì hết. Việc cải cách phen nầy là việc làm để cho bằng lòng dân, dụt tắt cái ngòi lửa phiến động, há có phải việc làm để lấy tiếng hay sao.

(*bị kiểm duyệt bỏ*)

Ấy là việc Hội đồng ấy xin giảm tiền lời cho vay từ mười hai phân xuống tám phân.

Ở Trung kỳ cũng đã họp Hội đồng cải cách như Nam kỳ. Trong đó có ba ông nghị viên Lang Sa, ba ông quan lớn Nam triều

và ba ông đại biểu nhân dân, lại có ông quan cai trị đại diện cho quan Khâm sứ làm chủ toạ. Ông chủ toạ xin Hội đồng lập ra các nghị án trong hai ngày cho xong : (. . . . .)(*) làm cho người trong cuộc hay là ngoài cuộc cũng đều chẳng có chỗ đặt miệng vào. Tuy vậy, một việc lớn tày trời, nhà ngôn luận chẳng lẽ ra dáng nguội lạnh mà không nói tới.

(*Bị kiểm duyệt bỏ*)

Trung kỳ, về luật cho vay ăn lời, cũng như Nam kỳ, từ trước vẫn có trát quan sức ra bắt chủ cho vay chỉ được ăn lời mỗi năm 12 phân là cùng. Nghĩa là một trăm đồng bạc, mỗi năm ăn lời 12 đồng.

Cái luật ấy lập ra để mà chơi chớ dân Trung kỳ cũng như dân Nam kỳ, từ trước đến giờ vẫn chịu tiền lời vay nặng hơn luật.

Luật mặc luật, trong nhân dân chẳng hề có một con mọi tuân cái luật ấy. Từ xưa đến nay, dân Trung kỳ vẫn tuân hành cái luật cho vay riêng của họ lập ra với nhau. Thông thường thì chia ra "tiền năm" và "tiền mùa". Tiền năm thì mười lăm, nghĩa là mỗi trăm đồng mỗi năm lời 50 đồng. Tiền mùa – một mùa sáu tháng thì mười ba, nghĩa là mỗi trăm đồng mỗi mùa lời 30 đồng. Đó là nói trong nhà quê, vay chừng một trăm đồng trở xuống thì như vậy. Còn ở các nơi đô hội, hoặc làng nào buôn bán lớn, thì hay cho vay tiền tháng ; một trăm đồng mỗi tháng lời 3 đồng, chạy ra tiền năm 36 đồng.

Trên đó là nói sự vay thường, vay về làm ăn buôn bán thì vậy đó. Chớ còn, có nhiều cái lệ cắt họng khác, như vay tiền cờ bạc, hay là vay mà đút cho quan, trong khi thắt ngặt thì lời càng nặng hơn, cũng giống cái kiểu cắt họng ở Sài Gòn ta, cứ mỗi chục mỗi tháng lời hai đồng.

Mặc dầu có luật nhà nước buộc chỉ được ăn lời mười hai phân, mà trong nhân dân cũng không theo, cứ việc theo cái luật cũ nặng

(*) bản gốc bỏ trắng vài dòng, có thể do tòa soạn cắt bỏ.

lời của mình. Người đi vay cũng bằng lòng chịu nặng lời như vậy, thường thường họ sợ phép nhà nước, thì ở trong khế viết theo luật, mà ở ngoài tính với nhau lại khác. Ấy là tại làm sao ? Vì cớ gì nhân dân không theo luật nhà nước mà trong khi theo đó, người đi vay lại được lợi ích ?

Chẳng có cớ gì khác hơn là cái cớ nghèo. Người cho vay có ít tư bổn, phải lấy lời nặng thì mới đủ tiêu dùng cho mình. Còn người đi vay kiếm cho ra chỗ có tiền mà vay cũng không dễ, nên dầu nặng lời mấy cũng cam bụng chịu. Ấy là sự cần dùng của cả hai bên. Bên cho vay phải ngần ấy lời mới được ; bên đi vay cũng phải chịu ngần ấy lời mới được. Nếu theo luật mười hai phân của nhà nước thì bên nào cũng thất lợi hết thảy, chỉ có từ chối sự sống đi thì mới theo như thế được !

Sự cho vay ăn lời nặng như thế là hại cho cuộc kinh tế của xã hội lắm. Song cái tình thế buộc như vậy phải như vậy biết làm sao đặng giờ. Rút lại người nầy với người kia ăn cướp lẫn mồ hôi nước mắt của nhau, sống trong cái cảnh bóp hầu thắt họng nhau mà không ngờ.

Vậy muốn trừ được cái hại ấy thì chỉ có một phương là làm cho dân giàu mà thôi. Chẳng phải là làm cho người nào cũng giàu hết, nếu vậy thôi còn có ai đi vay mà nói chuyện cho vay. Làm cho giàu đây nghĩa là làm cho đồng tiền được có nhiều trong xứ sở, trong dân gian, được có nhiều hãng cho vay, nhiều tiệm cầm đồ rải nhiều tiền ra cho được lưu thông như huyết mạch, không đến nỗi bức thiết quá như bây giờ, tự nhiên tiền cho vay lần lần nhẹ lời đi.

Làm cho đạt được cái mục đích đó có dễ chi. Chúng tôi chẳng có thể bày cái kế hoạch ấy ra trong một vài bài báo. Mà có lẽ chúng tôi cũng không đủ sức đâu mà hiến cho nhà nước cái kế hoạch ấy. Việc là việc cụ thể, chẳng phải một người biết hết được, chẳng phải một ngày làm mà kiến hiệu được, chúng tôi vẫn biết chỗ đó rồi.

Chúng tôi chẳng trách sao nhà nước không làm cho dân giàu liền, cho tiền lời vay nhẹ xuống liền. Song chúng tôi chỉ lấy làm lạ, sao trong ngày Hội đồng cải cách nhóm vừa rồi lại định xóa cái luật mười hai phân đi mà lập ra cái luật tám phân.

Trong ý các ông hội đồng nghĩ rằng làm vậy để cho đỡ kẻ đi vay.

Hồi trước cái luật mười hai phân lập ra mà dân không tuân, là vì sự cần dùng của họ. Bây giờ đây sự cần dùng ấy cũng vẫn còn y nguyên lại có khi hơn trước nữa mà các ông tưởng hễ lập cái luật tám phân ra là họ tuân hay sao ?

(*Bị kiểm duyệt bỏ*)

T.L.

Trung lập, Sài Gòn, s.6236 (2.9.1930)

TRỞ LẠI VẤN ĐỀ LẬP HIẾN

Chắc có nhiều người đã nghe nói rằng trước đây ông Phạm Quỳnh, chủ bút báo *Nam phong*, có viết một bài đại luận đăng trong báo *France Indochine* ở Hà Nội và đầu đề là *Vers une Constitution* (Thử nghĩ về vấn đề Lập hiến). Sau khi đó tác giả lại có dịch cái bài ấy ra quốc ngữ mà đăng lên tạp chí *Nam phong*. Rồi đến gần đây, nghe nói Phạm Thượng Chi tiên sanh lại in bài luận ấy ra thành những cuốn sách nhỏ mà phát đi cùng để cho tư tưởng của mình được rộng truyền bá.

Như chúng tôi đã nói, cứ xem cuộc bầu cử nghị trưởng ở viện Dân biểu Bắc Kỳ, thì thấy rằng dư luận ngoài Bắc bây giờ, đại để hình như không ưa cái thuyết lập hiến của ông chủ nhơn *Nam phong* ; vì vậy nên ông nầy mới đã phải khoanh tay mà nhìn ngó phe ông Nguyễn Văn Vĩnh nhảy thót lên cái ghế nghị trưởng, mà ai nấy vẫn ước ao.

Lại mới rồi bổn báo cũng đã có cho độc giả hay tin rằng ông Huỳnh Thúc Kháng, chủ báo *Tiếng dân* ở Trung kỳ có gởi ngay cho quan toàn quyền Pasquier một bức thơ để phản đối về cái thuyết lập hiến của ông Phạm Quỳnh.

Cứ xem đó, thì dư luận Trung kỳ đối với vấn đề Lập hiến ra sao, chúng ta lại cũng hơi thấu rõ rồi vậy.

Đối với một vấn đề lớn như vậy, đáng lẽ các nhà ngôn luận phải tham gia vào mà nghiên cứu. Chúng tôi vẫn có cái ý ấy; song tưởng vì nó là vấn đề mà ông Phạm đã vạch ra cái giới hạn riêng về

Trung Bắc kỳ mà thôi, nên để trễ lại rồi sẽ bàn cũng được. Quê hương của tờ báo *Trung lập* nầy là Nam kỳ, vậy thì nhơn cái vấn đề người ta xướng ra ngoài Trung - Bắc đó mà mình bàn về việc quê hương mình trước đi, là nên lắm vậy.

Tiện cho chúng tôi lắm. Đem cái vấn đề lập hiến ở Trung - Bắc kỳ mà so sánh với vấn đề lập hiến ở Nam kỳ là tiện cho chúng tôi quá chừng. Ở Trung - Bắc kỳ anh em còn cao xướng cái vấn đề ấy lên được, huống chi ở xứ thuộc địa của nước Pháp, chịu trực tiếp cai trị hơn bảy chục năm nay ; vả lại trong khoảng mười năm nay đã có một bọn người đả động đến vấn đề quan trọng ấy rồi.

Ở Nam kỳ mà nói chuyện lập hiến lại còn mạnh miệng hơn ở Trung - Bắc kỳ nữa.

Theo như lời ông Phạm Quỳnh, ở Trung - Bắc mà muốn lập hiến thì bước thứ nhứt là phải nhờ chánh phủ bảo hộ nới cái tay cai trị cho lỏng ra, lý hành cái điều ước năm 1884, theo như điều ước ấy, giao quyền nội trị lại cho vua Nam triều. Rồi chánh phủ bảo hộ lại giúp đỡ nhà vua, đứng lập một cái hiến pháp cùng thần dân Trung - Bắc. Trong hiến pháp ấy sẽ chia quyền hạn làm ba mặt : một là quyền của bảo hộ ; hai là quyền của vua ; ba là quyền của dân. Trước đây trên tờ báo nầy, chúng tôi có nói chơi trong mục "Những điều nghe thấy" mà đặt tên cái hiến pháp ấy là "hiến pháp tam giác", tuy là lời nói chơi, nhưng sự thiệt quả là như vậy.

Coi như vậy thì sự lập hiến ở Trung - Bắc kỳ nếu mà thành ra cũng phải trải qua cái lịch trình nhiều đợt lắm. Trước hết phải có chánh phủ trả lại quyền nội trị cho nhà vua, lý hành theo điều ước năm 1884. Nhưng nếu vậy thì cái hiệp ước ngày 6 Novembre 1925 lại thành ra giấy lộn hay sao ? Nếu nói rằng cái hiệp ước nầy chưa thi hành nên xóa đi, thì cái điều ước năm 1884 cũng lại chưa hề thi hành, sao không xóa đi cho luôn thể ? Còn như nói rằng nước lớn đối với nước nhỏ, không cần theo điều ước, vậy thì cái điều ước đã

không vững mà cái hiến pháp do nước lớn ấy lập ra sau nầy lại vững hay sao ?

Nhưng mà đừng kéo dài ra làm chi, cho quách đi rằng chánh phủ Bảo hộ bằng lòng trả quyền nội trị lại cho nhà vua, để nhà vua lập hiến pháp. Song le, không trả quyền lại cho vua mà rằng, chớ một mai trả lại rồi nhà vua cầm lấy quyền ấy trong tay rồi, thì sự lập hiến hay không, lại đương còn là sự ở trong trái ổi. Xin ai nấy đừng tưởng chúng tôi nói vậy là lo xa quá. Chớ lại chẳng thấy mới rồi đây, giữa hội đồng cải cách Trung kỳ, ba ông đại thần Nam triều xin nhà nước trả quyền nội trị lại, theo như điều ước năm 1884, để cho Nam triều đủ quyền mà trừng trị bọn phản đối hay sao ? Coi vậy thì biết chắc rằng sau khi Nam triều được quyền ấy rồi, chỉ dùng mà trị bọn phản đối chớ không dùng mà lập hiến. Đến lúc ấy, chánh phủ bảo hộ có thể nào đặt miệng vào mà trách Nam triều được sao ? Trách làm sao mà đã trả quyền nội trị cho rồi ? Khi ấy Nam triều sẽ nói với bảo hộ rằng việc trong nhà tôi mặc tôi, can gì tới ông mà ông nói ?

Đừng nói chi cho nhiều, nói nội vài chỗ đó đã thấy cái kế hoạch của Phạm Thượng Chi tiên sanh hơi rung rinh rồi. Tiếc thay ! phải chi ông Phạm Quỳnh ở đất Nam kỳ mà đương cơ hội nầy ông xướng cái thuyết lập hiến lên ở Nam kỳ thì hay quá.

Ở đất nầy mà nói lập hiến thì nghe lý sự trôi chảy lắm, chẳng có vấp váp chút nào như ở ngoài Trung - Bắc. Ở đây theo chế độ "trực trị" đã bảy chục năm nay, nhà nước cứ nới quyền cho dân lần lần. Có lẽ đến khi người Pháp ở đây vài ba trăm năm nữa, bấy giờ dân Nam kỳ tuy là khác màu da, khác ngôn ngữ văn tự, song le quyền lợi cũng đồng đẳng như người Pháp, nghĩa là lúc ấy dân Nam kỳ hoặc sẽ chịu trị dưới hiến pháp của nước Pháp như dân bên mẫu quốc. Nhưng hiện ngày nay, chưa đến trình độ ấy, thì lập riêng cho dân Nam kỳ một cái hiến pháp, là sự dễ như chơi.

Trong cái hiến pháp ấy, một bên là chánh phủ Pháp ở đây, một bên là dân Nam kỳ, như hai người ký giao kèo với nhau chẳng có người thứ ba nào xen vào nữa, thì thật là dễ dàng đến đâu.

Nam kỳ lại còn một điều dễ mà tiện nữa, là đã có sẵn một đảng Lập hiến rồi, chớ không như ở Trung - Bắc lôi thôi lắm.

Trong bài của ông Phạm Quỳnh nói về chỗ nầy mờ ớ(*) lắm. Khi thì ông nói để y quan trường hiện thời mà không thay đổi. Khi thì lại ông nói có lẽ nào cả Trung - Bắc kỳ mà kiếm không ra mươi người đủ tài làm Tổng trưởng các bộ hay sao ? – thì lại như tuồng muốn đánh đổ quan trường cũ đi. Cho nên cuộc lập hiến Trung-Bắc mà có thiệt hiện ra nữa là còn cái vấn đề bên tân bên cựu giành nhau cũng là khó xử.

Nam kỳ ta thì chẳng có gì lôi thôi hết. Nếu ngày mai đây các ông trong đảng Lập hiến đề xướng lại câu chuyện bỏ dở mấy lâu nay, ngày mốt chánh phủ Pháp biểu đồng tình, ngày bữa kia tổ chức nội các, là đã đủ người sẵn rồi, há có ai vô lọt ? Song le, phải biết rằng đó là chuyện chúng tôi nói giá tỉ như vậy.

Vậy thì xét cho kỹ ra, về vấn đề Lập hiến, Trung - Bắc kỳ đủ cả mọi thứ khó mà Nam kỳ đủ cả mỗi thứ dễ. Vậy thì sao cái vấn đề lập hiến lại xướng lên ở Trung - Bắc mà không thấy xướng lên ở Nam kỳ dạo nầy ?

Xin đồng bào ai là thức giả hãy trả lời câu hỏi đó. Còn phần chúng tôi đây, chỉ biết làm một sự so sánh cho thấy khó dễ mà thôi.

TRUNG LẬP

Trung lập, Sài Gòn, s.6270 (11.10.1930)

(*) *mờ ớ* : ấm ớ, mang máng, không rõ ràng (theo *Từ điển phương ngữ Nam Bộ*, sđd.).

AI NÓI DƯ LUẬN AN NAM KHÔNG CHÍNH ĐÁNG ?

Ông đảng trưởng đảng Lập hiến
đã bị công kích một cách công nhiên !

Vì một việc mới xảy ra trong làng báo làm cho chúng tôi phải mở ra cái đầu đề trên kia. Mà khi đặt bút xuống viết cái đầu đề nầy, chúng tôi không thể nào quên được chuyện chúng tôi đã làm cách ba tháng trước đây.

Ấy là chuyện báo *Trung lập* nầy đã công kích đảng Lập hiến Nam kỳ. Còn nhớ lúc bấy giờ chúng tôi viết cả thảy hơn mười bài mà kể sự bất lực của đảng ấy và có phân trần lợi hại cùng các ông.

Nói chi thì nói, chớ trong mười bài đó, chúng tôi chưa hề nói động đến cá nhân của đảng viên Lập hiến. Dầu chúng tôi biết chắc các ông có nhiều người làm việc ám muội, không xứng đáng với lòng tin cậy của quốc dân, nhưng chúng tôi chưa hề đặt miệng nói đến những điều tư đức của các ông bao giờ, ấy là vì có lẽ khác buộc ngòi bút chúng tôi phải như vậy.

Việc tư đức, việc cá nhân mặc lòng, mà nếu nó có quan hệ đến đồng bào xã hội thì cũng nên bới ra mà công kích. Nhưng hồi đó, chúng tôi mở đầu làm việc ấy, thật là việc lạ tai lạ mắt người ta. Rất đỗi chúng tôi không hề nói động đến một điều tư đức của ông nào như vậy đó, mà còn có người cho chúng tôi là kịch liệt quá thay ; huống chi đem chuyện tây riêng ra mà nói thì làm thế nào cho có người tin lời chúng tôi là phải được ? Ấy, cái khổ tâm của

nhà ngôn luận xứ ta thường thường như vậy đó mà có ai hiểu biết cho chăng ?

Đại phàm sự trái lẽ, sự phản thường làm chướng tai gai mắt người ta, thì may lắm chỉ được che đậy trong một hồi, chớ rốt lại rồi cũng không thể nào bắt kẻ bàng quan nhịn miệng được. Như những cái cử động của đảng Lập hiến đã bị tờ báo nầy chỉ trích độ nọ rồi ; còn về phần riêng các đảng viên đảng ấy, có nhiều chuyện đáng nói là khác nữa, hễ nhắm là có quan hệ đến xã hội rồi cũng chẳng ai tha.

Cụ Bùi Quang Chiêu, đảng trưởng Lập hiến, từ hồi ở bên Pháp về, quốc dân ngửa trông nơi cụ là dường nào ; mà nhiều khi ở giữa công chúng, cụ cũng vỗ bụng đương lấy cái trách nhiệm dìu dắt anh em lên đường tấn bộ, thế mà ngày nay thành ra láo toét ráo, gẫm đà quá ngán !

Phụ nữ tân văn số 75, ra ngày 23 Octobre mới rồi, có một bài đề là *Ông Bùi Quang Chiêu năm 1930* xin độc giả cứ lật ra mà coi, thì đủ thấy ông lãnh tụ, ông thượng lưu, ông chí sĩ, ông tân nhân vật đầu sổ ở xứ ta ngày nay ra sao, chúng tôi không cần thuật lại ở đây làm chi.

Vả *Phụ nữ tân văn* là cái cơ quan ngôn luận của đám đờn bà, ít hay dính tới việc chánh trị, mà ngày nay cũng phải cầm giáo đương tiên đâm ông lãnh tụ như thế, thì đủ biết là việc đã không hèn, việc đã quá lắm, không nói không đặng vậy.

Trước đây, trong khi *Trung lập* công kích đảng Lập hiến, không có một bạn đồng nghiệp nào đặt miệng vào đó hết, chúng tôi tưởng là trên đàn ngôn luận đã mờ ám lắm rồi, sự phải quấy ở xứ nầy đã không ai cần phân biện nữa hết. Ngờ đâu nay có bạn đồng nghiệp *Phụ nữ* cũng có đồng một cái luận điệu với chúng tôi, thì lẽ phải há chẳng nhờ đó thêm rõ rệt ra sao ?

Về việc cụ Bùi thất tiết với quốc dân, với đảng Lập hiến, thì hầu hết ai ai cũng biết. Nhưng người ta biết mà chỉ nghị luận

riêng với nhau thôi. Sự nghị luận ấy chẳng có bổ ích gì cho thế đạo nhân tâm cả. Mới đây thấy có người viết ra cuốn sách nhỏ nói xa nói gần, kể cũng là hữu tâm, nhưng chưa gọi là một cái dư luận chánh đáng được. Vì họ nói một cách tiếu mạ, chỉ chọc tức người ta, chớ không phải là có danh chánh ngôn thuận như bài của *Phụ nữ tân văn*.

Bạn đồng nghiệp *Phụ nữ* làm được việc nầy, thật là một việc vẻ vang cho làng báo chúng ta lắm. Từ nay còn ai nói được rằng dư luận An Nam ta là không chánh đáng ? Từ nay những người to đầu lớn mặt làm một việc gì há chẳng nên coi chừng trước ngọn bút của tờ báo quốc âm ?

Hôm trước thấy ông Phạm Quỳnh có viết trả lời cho ông Phan Khôi trong *Phụ nữ tân văn* nói rằng sự thanh đông kích tây, nay công kích người nầy mai công kích người nọ, chỉ làm cho vui mắt kẻ bàng quan, chớ không được việc chi hết. Lời ông Phạm nói đó, chúng tôi còn chưa chịu.

Ở trong một xã hội như xã hội ta đây, còn lộn xộn lắm, thế thì phải nhờ ở sự khuyến thiện trừng ác của nhà báo mới được. Vậy nên mình phải xét xem sự người ta công kích đó là phải hay quấy ; quấy thì thôi, nếu phải thì mình nên để ý đến sự công kích của người ta. Chớ nhứt thiết mạt sát đi hết cho là chỉ làm vui mắt kẻ bàng quan, sao được ?

Như *Phụ nữ tân văn* công kích cụ Bùi Quang Chiêu lần nầy thật là chánh đáng lắm. Những lời của bạn đồng nghiệp nói đó chẳng khác nào đại biểu cho cả nhân dân xứ nầy mà nói ra. Một cái nghị luận của nhà báo công bình chánh trực như vậy đó, mà nếu người bị công kích cũng coi như không, không có ý hồi đầu(*) ; lại cho đến kẻ bàng quan cũng cho là việc tầm thường, việc nói xấu nhau, thì thôi, hết mong gì nữa !

(*) *hồi đầu* : ăn năn, bỏ chuyện cũ (theo H.T.Paulus Của, sđd.)

Riêng phần chúng tôi là kẻ mở đầu công kích đảng Lập hiến trước nhứt, tuy được nhiều người hoan nghinh lẽ thật của chúng tôi mà cũng bị những người cạn nghĩ chê bai chúng tôi lắm lời. Dầu vậy mặc lòng, tờ *Trung lập* nầy cũng vẫn giữ cái thái độ thẳng như giây đờn mà không hề núng. Ước gì bạn đồng nghiệp cũng nhứt tâm nhứt đức như chúng tôi, trước sau giữ vững cái luận điệu cho quang minh chánh đại mà không thay đổi, thì thật là một "tin lành" cho ngôn luận giới xứ ta.

TRUNG LẬP

Trung lập, Sài gòn, s.6281 (24.10.1930)

LÃNH TỤ VỚI QUẦN CHÚNG

Quốc dân trách ông Bùi Quang Chiêu
là phải, song cũng nên tự trách lấy mình

Bài *Ông Bùi Quang Chiêu năm 1930* của bạn đồng nghiệp *Phụ nữ tân văn* mới ra vài bữa nay, ở nơi xa thì chưa biết, chớ ở nội Sài Gòn đây thật có ảnh hưởng rất lớn. Đi tới đâu cũng nghe người ta bàn bàn luận luận về sự đó. Thậm chí có người ra dáng ngây ngô, lấy làm lạ lắm, nói rằng : "Thật tôi không ngờ đâu cụ Bùi mà lại "bán mình" như vậy ! Nếu không có báo *Phụ nữ* nói thì chúng tôi làm sao biết được ?"

Coi ý nhiều người đối với bài công kích ông Bùi của báo *Phụ nữ* tỏ ra lòng tín nhiệm lắm, chớ không có nghi ngờ chi hết. Ấy là vì một cái hiện trạng bày ra trước mắt mọi người, không phải là việc kín đáo chi mà hòng ngờ rằng nhà báo có thể đặt điều nói xấu được. Huống chi cái bài của bạn đồng nghiệp lời nghiêm nghĩa chánh, đủ làm cho xúc động lương tâm của ai nấy, thì đồng bang tín nhiệm là phải lắm.

Quốc dân ta trách ông Bùi là phải, tuy vậy còn phần chúng ta, há cũng chẳng nên tự trách lấy ta sao ?

Ở nước nào cũng vậy, quần chúng cần phải có người lãnh tụ để dẫn đường chỉ lối cho. Dầu một nước mà nhân dân đã tấn hóa lắm, trong nước lại được tự do bình đẳng nữa, như nước Pháp, cũng còn cần phải có năm ba tay lãnh tụ, huống chi là nước mình. Ở nước

mình đây, trên đường chánh trị lại còn khó khăn hơn nữa, lại còn cần phải có kẻ dẫn đường chỉ lối hơn nữa.

Nhưng, những tay lãnh tụ ấy ở đâu mà ra ? Có lẽ nào An Nam đi rước một người Tây hay một người Tàu về làm lãnh tụ cho mình sao ? Không có thể như vậy được. Lãnh tụ của dân An Nam phải kén chọn từ trong quần chúng An Nam mà ra vậy.

Vậy thì, nếu quần chúng An Nam mà tốt hết thảy, thì kén chọn ở đó ra sẽ được người tốt. Còn nếu quần chúng An Nam mà xấu, thì người được kén chọn ở đó ra cũng sẽ là người xấu.

Quốc dân ta ngày nay trách ông Bùi là phải, vì ông Bùi có điều đáng trách. Song ở trong đám quần chúng nầy, ví dụ ngoại ông Bùi ra, chúng ta thôi đới người khác lên làm lãnh tụ, có dám chắc rằng sẽ tốt hơn ông Bùi chăng ? Chỗ đó, có lẽ trong đồng bang sẽ có nhiều người không dám lấy làm chắc cũng như chúng tôi đây.

Xin đồng bào ta chớ lấy sự đó làm lạ, mà phải ngẫm nghĩ cho ra cái nguyên nhơn rồi nên tự trách lấy mình.

Xứ ta từ lâu nay việc giáo dục rất là bơ thờ. Những trường học dạy cho biết ba cái chữ đó không đủ gọi là giáo dục được. Vì cái cớ không có giáo dục đúng đắn đó mà người ta không biết trọng danh dự, không biết chuộng khí tiết, không biết giữ nhân cách mình cho cao ; đã vậy thì cái lòng ham danh chuộng lợi nổi lên mà cai trị cả con người của chúng ta, tùy nó xui giục mình đi đâu thì đi đó, ấy là sự mà chúng ta không thể chối được. Coi kia, rất đỗi người học thức lão thành như ông Bùi mà còn không khỏi bị nhử bởi cái mối tài lợi, phương chi là kẻ khác !

Trong một xã hội, hay có cái thói ngó mặt nhau. Người nầy làm một việc xấu, rồi nhiều người khác thấy mà phân bì : Sức như ông ấy đó mà còn làm vậy, huống chi mình, – rồi thì tập nhau mà thành quen, chẳng ai lấy làm chướng tai gai mắt hết.

Kể ra thì quần chúng An Nam ta ngày nay cũng đã khôn lên nhiều. Việc như việc ông Bùi làm đó, xưa nay đã xảy ra biết mấy

lần, mà chừng như chưa có lần nào bị công kích hết. Lần nầy quốc dân ta biết trách ông Bùi, biết công kích một vị lãnh tụ của mình, như vậy cũng đã khá lắm.

Song những người đứng lên nói vầy nói khác, chế báng ông Bùi đó, nếu đem ra cho thay vào cái địa vị của ông thì sẽ ra sao ? Chắc độc giả cũng như chúng tôi, không dám vội tin rằng người thế cho ông đó sẽ hơn ông được, vì người ấy cũng vẫn thở chung một cái không khí với đám quần chúng nầy.

Chúng ta trách ông Bùi vì một tháng tám trăm đồng bạc mà bán mình, song chúng tôi đây chưa chắc đã là không bán. Sự dễ thấy nhứt là trong quần chúng An Nam luôn luôn có kẻ bán cái ý kiến của mình, bán cái quyền lợi của mình. Không xa đâu, một vài tháng nữa đây sẽ thấy.

Ấy là chúng tôi định nói chuyện cử Hội đồng quản hạt. Hoài hoài chớ chẳng phải một lần, từ trước đến nay, cứ hễ đến khóa cử hội đồng, ấy là có người mua từ(*) lá thăm cho được đắc cử. Tại sao có người đi mua ? Ấy là vì có người chịu bán.

Việc bầu cử nghị viên là một việc quan hệ với chính mình nhân dân chúng ta. Chúng ta muốn bỏ thăm cho người nào mà mình cho là đáng thì chúng ta cứ việc bỏ thăm cho người ấy. Cái đó là do ýkiến của mình, mình tự chủ lấy ; cũng là quyền lợi của mình, không ai bắt ép mình được. Vậy mà chỉ vì một số bạc, cao tay là hai chục đồng, mà bán rẻ cái ý kiến cái quyền lợi mình đi, thì có đáng trách chăng ?

Khi chúng ta còn làm cử tri, chúng ta dám bán ý kiến quyền lợi mình với số tiền 20 đồng bạc thì đến khi ra làm nghị viên, chúng ta sẽ vì tám trăm đồng mà bán mình đi, có khó chi !

Cốt là tại lòng liêm sỉ của con người. Nếu không có cái lòng ấy thì cái nhỏ có thể bán mà cái lớn rồi cũng có thể bán.

(*) *từ* : như "từng".

Đã biết rằng vì thiếu thốn sự giáo dục mà ngày nay quốc dân ta ở trong cái hoàn cảnh xấu xa này. Song le, dầu biết vậy nữa, chúng ta có quyền đâu mà sửa sang sự giáo dục cho vừa ý mình được ? Trong khi chưa làm được việc cải lương ấy, chúng ta chỉ cậy ở sự tỉnh biết của mình thôi.

Bây giờ đây, ai nấy đã hiểu rõ sự làm vai lãnh tụ mà bán mình đi là một điều sỉ nhục, vậy thì cũng nên biết luôn rằng làm một người cử tri mà bán ý kiến mình, bán quyền lợi mình đi cũng là sỉ nhục như nhau. Hễ biết vậy rồi thì phải chừa đi. Chúng tôi rất trông mong ở kỳ tuyển cử tới đây. Đến đó sẽ nghiệm thấy cái lòng liêm sỉ quốc dân ta là thế nào.

Bao giờ trong quần chúng mà được phần đông là người tốt thì bấy giờ vai lãnh tụ sẽ là người tốt.

TRUNG LẬP

Trung lập, Sài Gòn, s.6283 (27.10.1930)

CÒN CÓ AI NHỚ NHUNG GÌ ĐẾN CHUYỆN CẢI CÁCH CHĂNG ?

Cách chừng 3, 4 tháng trước đây, chánh phủ Nam kỳ lập ra Hội đồng cải cách, nói rằng, cái mục đích của Hội đồng ấy là để thay đổi những điều gì bất tiện cho dân trong xứ mà mấy lâu nay chánh phủ trót đã thi hành.

Bấy giờ cái phong trào cải cách như sôi như nổi. Trên thì các quan, dưới thì các ông nghị viên hội đồng quản hạt, làm như là hăm hở lắm, ai nấy đều nói đến chuyện cải cách.

Trong làng báo quốc ngữ, cũng đã có tờ báo kia hằng ngày viết bài nói chuyện cải cách. Bữa nay bày biện điều nầy, đến mai chỉ vẽ điều kia. Chẳng biết họ làm như vậy là bởi tấm lòng thành thật, hay là bởi cái mánh khoé con nhà chánh trị ?

Con nhà chánh trị thường có cái mánh khoé giả dối. Gặp hồi có việc rối ren, thì đem lời ngon ngọt mà ru cho êm tai dân sự đặng ngủ đi ; đến lúc ngủ yên rồi, không ru nữa, trăm việc ở đâu lại hoàn ở đó.

Chẳng có lẽ các ông hội đồng quản hạt ta lại dùng cái mánh khóe ấy mà phỉnh dân ta. Cớ sao lâu nay vắng tanh, chẳng thấy ai nói tới chuyện hội đồng cải cách nữa ?

Có người nói rằng : Dạo nầy chánh phủ đương lo nhiều việc lắm, nào là họp hội đồng kinh tế ở Hà Nội, nào là họp hội đồng chánh phủ cũng ở Hà Nội, nào là lo tiếp rước quan Tổng đốc thuộc địa của Hòa Lan, nào là lo việc tuyển cử nghị viên phòng Thương mại. Vì cớ ấy nên Hội đồng cải cách phải hưỡn lại, để đó sẽ hay.

Ừ, để đó sẽ hay. Đây rồi còn tới vụ tuyển cử Hội đồng quản hạt nữa, mặc sức cho mà chuyển chệ mấy chẳng được.

Hết tuyển cử Hội đồng quản hạt rồi còn phải nghỉ sang năm mới nữa. Có lẽ huỡn việc cải cách đến năm 1931 cũng gọn chuyện mà.

Song kế đó lại còn nghỉ mấy ngày Tết An Nam. Cái tục lệ An Nam, tiếng rằng nghỉ Tết có ba ngày, chớ kỳ thiệt ăn chơi trót ba tháng. Mà hội đồng cải cách nầy có nhiều ông nghị viên An Nam dự vào, thì bề nào cũng không họp sớm được. Cái chuyện đã là chuyện đu đưa thì cũng đu đưa cho luôn thể.

Nếu quả thiệt như lời người ta nói đó thì câu chuyện cải cách chẳng là câu chuyện hão huyền hay sao ? Chẳng là câu chuyện dỡn hay sao ? Lẽ đâu ? Có lẽ như lời dưới nầy thì phải hơn.

Kẻ khác nói : Chánh phủ Nam kỳ vẫn có lòng cải cách cho dân ta thật, bổn ý của chánh phủ không phải là đặt Hội đồng ấy ra cho có chuyện mà chơi. Duy chỉ vì hoàn cảnh khó khăn, tấn hành không tiện.

Ai chẳng biết ở đây có một bọn dân Pháp nghịch cùng An Nam, mà cũng nghịch luôn với các ngài ở chánh phủ nữa, vì trong con mắt họ, họ cho các ngài là có ý binh vực An Nam, thương An Nam. Bởi vậy họ viết trên báo mà tỏ ý bất phục chánh phủ trong cái cử chỉ nầy. Họ nói rằng : Cải cách gì thì cải cách, làm gì thì làm, song vào lúc nào kia chớ vào lúc nầy không được. Chánh phủ nhè lúc nầy mà cải cách cho dân An Nam, tức là sợ chúng đó.

Người ta thuật chuyện lại như vậy rồi quyết luận rằng vì mấy lời phản gián đó mà làm cho chánh phủ lơ đi không nói tới chuyện cải cách nữa.

Nếu quả vậy thì cái thế lực của họ chẳng là to lắm sao ? Mà quan Thống đốc Nam kỳ ta hiện nay, là người cương trực quả đoán lắm, ngài đã làm việc gì thì cứ việc làm, có lẽ nào mấy lời vô lý ấy lại làm day động được cái chánh kiến của ngài ư ?

Vậy thì việc cải cách mà sở dĩ lơ đi, không nghe rục rịch nữa, thì thật là việc khó hiểu. Chúng tôi chẳng có thể cắt nghĩa được, chỉ nhắc chừng đến cho đồng bào chú ý.

Còn có ai nhớ may đến chuyện cải cách chăng ? Chúng tôi nói câu ấy, chẳng qua để hâm lại câu chuyện đã nguội rồi, họa may có ngày nó sẽ nóng trở lại.

Phàm một hội đồng nào lập ra để làm công việc gì, công việc làm xong rồi thì hội đồng phải giải tán. Mà hội đồng cải cách đây chưa nghe giải tán, thế là công việc còn chưa rồi.

Hội đồng cải cách dầu trì huỡn cho đến bao giờ đi nữa, mà hễ chưa giải tán, ấy là việc cải cách còn chưa rồi. Việc cải cách còn chưa rồi, thế là các ông nghị viên trong hội đồng ấy còn phải gánh lấy phận sự của mình vậy. Nếu không làm được việc gì hết, thì còn choán một chỗ ngồi trong hội đồng ấy làm chi ?

Một bên là chánh phủ, một bên là các ông nghị viên An Nam, lẽ nào cũng phải nghĩ đến chỗ đó chớ. Có lẽ nào lần đầu lập hội đồng ra, làm thật ra sôi nổi, rồi sau lại bỏ cà lơ như vậy sao ? Chẳng thà đừng nói chuyện cải cách chớ đã nói tới, thì ít nhiều cũng phải có, cũng cho có chớ.

Đồng bào ta chờ xem thử ra sao...

TRUNG LẬP

Trung lập, Sài Gòn, s.6296 (13.11.1930)

ĐỌC BÀI "CHIÊU TUYẾT CHO MỘT NHÀ CHÍ SĨ" CỦA ÔNG HUỲNH THÚC KHÁNG

I

Độc giả hẳn còn nhớ trên tờ báo nầy, trước kia có đăng bài *Cảnh cáo học phiệt* của tôi, kế đó có đăng bài trả lời của ông Phạm Quỳnh, mới rồi lại có đăng bài của ông Huỳnh Thúc Kháng, cũng nghị luận về một việc.

Bài ông Huỳnh có ý bác lời của ông Phạm mà binh vực cho sự chủ trương của ông Ngô Đức Kế, là một trang chí sĩ đã quá cố, và đã công kích sự cổ động *Truyện Kiều* của ông Phạm Quỳnh năm xưa.

Lá lay gây ra việc nầy là tự tôi. Song sau khi đọc bài ông Phạm trả lời, tôi lại bỏ đi mà không nói nữa ; trong số 70 của *Phụ nữ tân văn*, tôi chỉ nói riêng về cái ý kiến lập hội "chấn hưng quốc học" của ông ấy. Tuy vậy, tôi cũng tỏ ý mong cho tòa án dư luận phân xử vụ kiện không thuộc về hình luật mà cũng không thuộc về dân luật đó.

May sao báo *Tiếng dân* trong một số mới rồi, Huỳnh Thúc Kháng tiên sanh lại có bài can thiệp vào mà thẩm phán. Tôi đọc qua thì mừng lắm, vì thấy lần nầy trong hàng thức giả đã có người không lấy cái thái độ nguội lạnh mà đối với dư luận như trước nữa.

Bài của ông Huỳnh, độc giả ai nấy chắc đã chú ý mà đọc, vì nó là một việc quan hệ chẳng phải nhỏ, vả lại là lời ra từ miệng một bậc đàn anh. Tôi đây cũng vậy. Nhưng tôi lại thấy rằng trong đó còn có một đôi chỗ không được đích xác và công bình cho lắm.

Vậy xin phép trước là Huỳnh tiên sanh, sau là độc giả, cho tôi chỉ ra những chỗ ấy.

Huỳnh tiên sanh nhắc lại bài ông Ngô là một bài quan hệ về học thuật, có giá trị lắm, cái đầu đề của nó là *Chánh học với tà thuyết*, vậy thì không phải là câu chuyện cá nhân, câu chuyện quyền lợi, không quan hệ với học vấn tư tưởng như ông Phạm Quỳnh đã khai ra. Ông Huỳnh dùng chỗ đó mà bác lời ông Phạm, chắc độc giả ai cũng phải nhận là có lẽ lắm. Tôi cũng vậy, tôi cũng nhận chỗ đó thật đáng gọi là "nhứt ngôn cư yếu", nghĩa là một lời mà nắm được chỗ khẩn yếu vậy.

Phải chi toàn bài, Huỳnh tiên sanh cứ một chỗ đó mà lập luận thì dầu chính ông Phạm Quỳnh là người bị công kích cũng phải tâm phục. Song tiếc thay, trong bài ấy, có chỗ tỏ ra tây vị ông Ngô quá và có chỗ lại như tuồng nói xoi ông Phạm, làm cho ông nầy không phục tình cố nhiên, mà cho đến người thức giả ở ngoài cuộc cũng không phục tình.

Huỳnh tiên sanh kể qua cái tâm sự chí khí của ông Ngô, rồi nói rằng : "Trong cái sự nghiệp trứ tác của ông (Ngô), bài *Chánh học cùng tà thuyết* nói ở trên chỉ là một bài trong ngàn bài khác".

Chắc ông Phạm Quỳnh có đọc tới câu nầy thì ông phải bĩu môi. Mà còn người khác nếu người ta biết ông Ngô như tôi biết, thì không bĩu môi đi nữa cũng phải lắc đầu lè lưỡi, nói rằng : Văn của ông Ngô Đức Kế làm gì mà có đến ngàn bài ? Cứ như tôi biết, thì ông Ngô ở vào thời đại "duy tân" (1906-1908), có được đôi ba bài cổ động gì đó bằng chữ Hán, khi ở Côn Lôn có được mấy bài thơ ; còn hồi làm chủ bút *Hữu thanh* thì ông viết cả thảy chừng mấy chục bài mà có chừng năm ba bài xuất sắc, sau đó thì ông có xuất bản đôi cuốn sách mà không có giá trị mấy, vì toàn là văn sao tập và văn dịch. Như vậy mà nói rằng số văn của ông Ngô đến hàng ngàn thật là nói thêm nhiều quá !

Tôi nói như vậy không phải là nói ông Ngô làm văn có ít để hạ giá ông xuống đâu. Nếu văn ông là hay, là có quan hệ với nhân tâm thế đạo thì ít cũng không hại chi, vì theo lời tục nói, "quân tử quý tinh bất quý đa". Ý tôi nói đây là chỉ muốn cho Huỳnh tiên sanh phải nói theo sự thiệt, khi nào văn của ông Ngô đến số ngàn thiệt, thì hãy nói số ngàn ; bằng không, ổng có chừng nào, hẵng nói chừng nấy.

Xin Huỳnh tiên sanh cùng độc giả đừng cho sự tôi chỉ trích đây là mọn mạy không quan hệ. Tôi coi ý tiên sanh làm văn, khi dùng những chữ số mục thường không cố ý cho thiệt đúng. Cách đây hai năm, khi tiên sanh đọc bài diễn văn tại viện dân biểu Trung kỳ mà bị ông Jabouille kháng cự, cũng chỉ vì tiên sanh dùng những chữ số mục nói về trường học không được đúng. Theo lẽ ra thì bài diễn văn ấy chẳng có chỗ nào kháng cự được hết, song người ta đã sẵn cái ý kháng cự rồi, thì bắt ngay cái chỗ hớ ấy mà kháng cự lại tiên sanh.

Trong bài nầy đây, nếu ông Phạm không phục tình thì cũng sẽ lấy cớ ông Huỳnh nói thất thiệt mà cho là có ý tây vị ông Ngô đó vậy.

Lại một chỗ nữa, Huỳnh tiên sanh đã tỏ ra cái thái độ không được đường đường chánh chánh cũng đủ làm cho ông Phạm không phục tình.

Số là ông Phạm Quỳnh từ hồi làm chủ bút *Nam phong* đến giờ, đi đâu một bước cũng có làm du ký. Ấy là *Mười ngày ở Huế* ; *Một tháng ở Nam kỳ* ; *Ba tháng ở Paris*. Sự đi ra mà làm du ký là sự thường, ai không muốn làm thì thôi, chớ làm du ký không phải là sự "mua danh". Nếu hễ thấy làm du ký, cho là "mua danh", thì ai cũng sẽ tránh cái tiếng ấy mà không còn ai dám làm du ký nữa, rút lại, chúng ta sẽ không có một cuốn du ký nào mà đọc.

Vậy mà Huỳnh tiên sanh nói rằng : "Ông (Ngô) có làm *Côn Lôn du ký* mà tuyên bố để mua danh đâu". Tiên sanh nói câu ấy thật rõ là nói xoi ông Phạm Quỳnh đã làm nhiều lần du ký.

Trên câu ấy, tiên sanh bẻ ông Phạm mà nói rằng : "Còn nói ông Ngô có cái lịch sử 10 năm ở Côn Lôn nên ông không ngang sức, thì thật là vô lý. Mười năm Côn Lôn là một vấn đề, bác sự học *Kiều* là một vấn đề khác, hai điều có dính liếu gì đâu. Và trong bài *Chánh học* của ông Ngô, ông có đem mười năm Côn Lôn mà khoe với ai đâu ?" Những câu ấy thật là chánh đáng lắm. Đương nói giọng chánh đáng đàng hoàng như vậy, sao tiên sanh lại xạ vào một câu như tuồng soi bói ông Quỳnh, thì có phải là phí mất chăng ? Đáng tiếc thay !

II

Trong bài phê bình I của tôi, tôi vẫn cũng chịu bài của ông Huỳnh là một cái nghị luận đường chánh, là một cái ý kiến đáng và cần phát biểu ; song tôi chỉ tiếc có hai chỗ : một chỗ nói thất thiệt và một chỗ có ý xoi bói. E vì những chỗ ấy làm cho người bị công kích không phục tình.

Tuy vậy, còn nữa. Hai chỗ đã chỉ ra đó chẳng qua là chỗ dễ thấy hơn ; đến có chỗ mới nghe qua vẫn là đường chánh, mà xét kỹ lại, cũng thành ra thất thiệt và hàm cái ý xoi bói nữa, chỗ nầy hơi khó thấy, hôm nay tôi chỉ nốt ra đây.

Huỳnh tiên sanh nói rằng :

"Ông Ngô Đức Kế là một người tài học trổ từ lúc thiếu niên, nếu như có ý thờ cái chủ nghĩa vinh thân phì gia, mượn lối văn chương để tiện đường mua giàu chác tiếng như ai, thì trong đám người đời mà lên mặt sang trọng thông thái ấy, ông làm đến đâu cũng thừa ra. Thế mà hy sinh cả thảy, chỉ ôm một lòng lo việc chung cho đất nước, trọn đời đày đoạ mà cứ khăng khăng một mực, cho đến ngày đậy nắp hòm !..."

Một đoạn ấy lời văn rắn rỏi, lại đầy những cái ý cảm khái lâm ly, chắc có nhiều người đọc tới mà lấy làm phấn khích, hoặc giả đến nỗi có kẻ phải sa nước mắt chưa biết chừng. Mà thật thế, cái

lối văn thuộc về tình cảm nó nuốt người ta mạnh lắm, có khi nó cướp mất cả phần lý trí.

Vậy mà theo con mắt nhà phê bình, trong bài của ông Huỳnh có đoạn nầy là đoạn nhiều lỗi hơn hết, chẳng phải chơi. Tôi nói như vậy chắc có người cho tôi là vạch lông tìm vết. Song không phải đâu, xin thong thả nghe tôi cắt nghĩa.

Đoạn ấy cũng vẫn là thất thiệt. Xưa nay những người tài học trổ từ lúc thiếu niên, dầu là người có chí về danh lợi đi nữa đâu có phải hết thảy về sau đều trở nên người phú quý ? Nếu bao nhiêu những người ấy trên đời nầy đều là người phú quý hết thảy, thì đoán quyết cho ông Ngô "làm đến đâu cũng thừa ra", ai còn cãi được ư ? Cái nầy, tôi thấy ra, có rất nhiều người học giỏi, đậu sớm, mà làm quan cứ trầm trầy trầm trật đến già một đời ; còn có người đậu đại khoa sớm, làm quan to ngay, như ông Trần Hy Tăng, thì chưa đầy bốn mươi tuổi lại chết.

Huống chi, giở *Đăng khoa lục* ra mà coi, thì thấy từ đời Minh Mạng có thi hương thi hội đến giờ, phần nhiều bậc đại thần ở triều ở quận là cử nhơn xuất thân, chớ tấn sĩ lại là phần ít. Vậy nên ông Ngô mà cứ theo quan trường, đừng theo quốc sự, thì sự làm nên cùng chăng, cũng còn nằm trong hai chữ phận mạng, còn ở trong trái ổi, dựa vào hơi ông chi mà nói được rằng "làm đến đâu cũng thừa ra"? Phải chi chỗ nầy tác giả nói rằng "hoặc giả ông Ngô đã làm đến đâu rồi", thì còn được, chớ nói quyết rằng "làm đến đâu cũng thừa ra", thì là một điều phán đoán trái với luận lý học. Tôi nói là thất thiệt, vì thế.

Tài nào cho khỏi có người bảo phê bình như vậy là quá khắc. Song không phải khắc đâu. Theo văn học đời nay, nó cũng có cái khuynh hướng như cái khuynh hướng của triết học, tức là "Chơn, Mỹ, Thiện (le vrai, le beau et le bien). Đoạn [. . . .][*] của ông

[*] hai chỗ này, do báo rách, mỗi chỗ mất 1 từ.

Huỳnh đây phạm vào mặt "bất chơn", không [. . . .][*] được. Nếu không tin, ông nào giỏi tiếng Pháp thử dịch ra đi, mà phải giữ "temps des verbes"[**] cho thật đúng với nguyên ý, rồi nghe thử có được không ?

Nhưng nếu theo lối văn khoa cử ngày xưa thì đoạn nầy có lẽ lại được khuyên nhiều. Vì trong những bài kinh nghĩa văn sách, người ta nói luôn luôn như vầy : "Phải chi đức Khổng thầy Mạnh mà được dùng ra, thì nói thiệt, cái đời Xuân thu Chiến quốc sẽ đổi ra Đường Ngu Tam đại tức thì. Tiếc thay thánh hiền chẳng gặp thời, làm cho muôn họ lúc bấy giờ không được gội nhuần ơn nho giả !". Ấy đó, văn khoa cử thì là thế, không kể cái hoàn cảnh bấy giờ ra sao, không nhắm đến cái tài lực thánh hiền thế nào, chẳng thèm phòng hao chút nào hết, cứ nói đại đi rằng hễ thánh hiền thì làm muôn việc đều được, không làm, làm thì chắc được !

Đoạn ấy, chẳng biết ông Huỳnh có ngụ cái ý nói xoi ông Phạm Quỳnh không, song tôi đọc lên thì thấy có cái ý ấy. Ông Phạm có "thờ cái chủ nghĩa vinh thân phì gia" không, thì không biết ; ông có "mượn văn chương" không, thì không biết ; song một điều ai ai cũng biết, là ông ấy đã nhờ văn chương của mình mà được giàu (giàu hơn tôi) và được tiếng. Ở giữa đám chúng ta đây ông Phạm cũng đáng kể vào bậc "sang trọng và thông thái", duy chưa chắc một điều là "lên mặt" cùng chẳng lên. Chỗ nầy tác giả cốt muốn đặt một ý giả thuyết (hypothétique) về ông Ngô, thế thì đặt cách nào chẳng được, lại nhè nhằm trúng vào ông Quỳnh mà đặt, vậy thì có thầy kiện nào già miệng đến nỗi cãi được rằng lời nói ấy là lời nói trực tình ?

Lại còn phạm cái lỗi nói ra ngoài đề. Ông Huỳnh đương bẻ ông Phạm rằng cái bài ông Ngô nói chuyện chánh học với tà

---

[*] chỗ này báo rách, mỗi chỗ mất 1 từ.
[**] temps des verbes : thì của các động từ.

thuyết, là vấn đề quan hệ đến nhân tâm thế đạo, chớ không phải câu chuyện quyền lợi, câu chuyện cá nhân như ông Phạm nói. Nếu vậy thì chỉ cứ nên thân minh cái nghĩa chánh học và tà thuyết ra, để đè sấp cái nghĩa cá nhân quyền lợi bên kia đi là được rồi, hà tất phải chưng ông Ngô lên làm chi ? Huống chi ông Phạm đã nói rằng ông Ngô có cái mười năm Côn Lôn, ông không ngang sức nên ông không đối đáp, thế là ông có ý nhượng bộ chỗ đó rồi. Nội một cái mười năm Côn Lôn, người ta đã nhượng bộ, sao ông Huỳnh lại còn đem cả nhân cách một đời của ông Ngô ra mà doạ thêm ? Lại huống chi ông Huỳnh đã biết rằng trong bài ông Ngô, ông "không hề đem cái mười năm Côn Lôn ra mà khoe", thì sao ông lại đem cả nhân cách một đời ông Ngô ra mà "khoe" trong bài của mình ? Nói tóm lại, chỗ nầy ông Huỳnh chỉ nên luận về "việc", chớ không nên đem cái "người" của ông Ngô và ông Phạm ra mà nói.

Sau hết tôi phải nói đến cái ý nầy, cái ý nầy thì khí cao một chút. Đại phàm người nào đã thật lòng hy sanh phú quý thì chẳng khi nào kể đến sự hy sanh ấy, mà cũng chẳng hề xem thấy cái phú quý của kẻ khác nữa. Nếu còn kể đến, còn xem thấy thì hình như hai chữ phú quý trong lòng mình còn chưa quên, và sự hy sanh ấy không phải thực lòng. Ông Ngô nếu thực lòng hy sanh, mà ông Huỳnh lại nói như vậy, vẫn biết là lời giả thiết, song cũng e làm cho ông Ngô ân hận dưới suối vàng nếu ổng có linh !

Năm ngoái, có người chí sĩ ở trong khám lớn Sài Gòn làm bài thơ, có một câu đại ý nói mình ở trỏng thì khổ nhục trăm bề, mà cứ nghe kèn xe hơi bốn phía ngoài tường, bóp lia bóp lịa, chẳng biết họ đi đâu mà sung sướng nỗi chi ! Tôi nghe đọc thì tôi phê bình thầm vừa đủ tôi nghe mà rằng : "Ủa hay ! người ta sung sướng thì người ta mới đi xe hơi, còn ông ở tù thì ông mới làm chí sĩ!"

Tôi nói đến cái ý cao nầy, xin đừng ai đem mà trách tôi. Trước hết tôi đứng lên tự nhận tôi là nhà phê bình đây ; rồi tôi nói rằng tôi

chẳng phải là chí sĩ, tôi chưa hề hy sanh cái gì, tôi vẫn chạy theo phú quý, song trong khi tôi phê bình, thì tôi có cái trách nhiệm nhắc cái văn phẩm lên cho cao.

III

Phê bình về một bài mà viết cho đến ba bài như vậy, thật là quá lượng, chẳng khác nào thuộc địa lại to hơn mẫu quốc ! Tuy vậy, nhơn dịp nầy, cống hiến cho độc giả một vài điều nên biết trong cõi văn học đời nầy cũng hay.

Trong bài của Huỳnh tiên sanh có ý mạt sát *Truyện Kiều* đến nỗi nói rằng "người tô vẽ nó có công đức gì mà hoan nghinh ?" Rồi đó tiên sanh lại trưng ra những cái tội ác của xã hội ngày nay như là say mê sóng sắc, chìm nổi biển tình, dứt cả nền nếp gia đình, trật tự xã hội mà đổ tội cho kẻ tán dương *Truyện Kiều* ; như vậy thật là quá đáng.

Muốn đánh giá *Truyện Kiều* và cái công nghiệp văn chương ông Nguyễn Du cho vừa phải, đừng cao quá, đừng hạ quá, thì trước hết phải hiểu trong cõi văn học của thế giới ngày nay có hai cái khuynh hướng trái nhau mà cũng có thế lực ngang nhau. Ấy là một phái chuyên trọng về nhân sanh ; một phái chuyên trọng về nghệ thuật.

Phái nhân sanh có một lời tiêu biểu rằng : Nghệ thuật vì nhân sanh (l'art pour la vie). Phái ấy chủ trương rằng cái mục đích của văn học là ở có ích cho xã hội, có lợi cho đạo đức, cho nên bất kỳ văn chương nào hay mấy đi nữa mà trái với cái mục đích ấy cũng thành ra đồ bỏ. Còn phái nghệ thuật lại có lời tiêu biểu phản lại nói rằng : Nghệ thuật vì nghệ thuật (l'art pour l'art). Đại khái phái nầy chủ trương rằng cái mục đích của văn học là ở sự đẹp, bên ngoài sự đẹp không còn có mục đích gì, cho nên bất kỳ văn chương nào miễn cho hay cho đẹp thì thôi, chớ không kể là có ích cho đời người cùng chăng. Ấy, cái đại thể trong cõi văn học của thế giới ngày nay có chia ra hai phái là như vậy.

Hai phái ấy phái nào cũng có cái lý thuyết của mình đủ mà thành lập, không ai nhượng ai. Bởi vậy, các nhà văn học trong các nước ngày nay tùy mình muốn ngả về phái nào thì ngả, và cả hai đều có giá trị hết.

Nếu cứ theo cái hiện tượng ấy và nếu nhận cho văn chương *Truyện Kiều* là đẹp là hay, thì cái người vì quốc ngữ mà cổ động cho *Truyện Kiều*, kỷ niệm ông Nguyễn Du, chẳng phải là làm một việc không có ý thức. Vì trong khi làm việc ấy, người ta đứng về phái nghệ thuật, người ta chỉ sùng bái cái đẹp mà thôi, mà tự họ lại nghĩ rằng cái đẹp ấy chẳng có thể nào gây ra ảnh hưởng xấu cho xã hội.

Tôi không rõ lúc bấy giờ ông Phạm Quỳnh có bảo đem *Truyện Kiều* mà làm "sách học" không, có coi *Truyện Kiều* như sách giáo khoa không ; nếu vậy thì đáng công kích thật ; còn như lấy danh nghĩa "Văn học ban" của hội "Khai trí tấn đức", khuynh hướng về cái thuyết "nghệ thuật vì nghệ thuật" mà cổ động cho *Truyện Kiều*, kỷ niệm ông Nguyễn Du, thì tôi chẳng thấy chỗ nào đáng công kích hết, mà tôi cho là việc ai thích thì làm, chẳng hại gì cả.

Cái hiện tượng trong cõi văn học thế giới ngày nay như đã giải ra trên kia đó, thì bên Tàu ngày xưa lại tương phản. Theo bên Tàu ngày xưa, cái quan niệm về văn học đại để khuynh hướng về phái nhân sanh hết. Tuy có một vài người chủ trương theo như phái nghệ thuật, song đã bị phái kia to thế lực hơn đánh đổ đi.

Như Chiêu Minh thái tử, người đã biên tập bộ *Văn tuyển*, có nói một câu rằng : "Cái đạo lập thân khác với văn chương : lập thân thì trước phải cẩn thận ; song văn chương thì hẵng cho phóng đãng". (Lập thân chi đạo dữ văn chương dị; lập thân tiên tu cẩn thận ; văn chương thả tu phóng đãng). Câu ấy tức là đại biểu cho phái nghệ thuật của Trung Quốc đời xưa ; nhưng đã bị nhiều người bắt bẻ lắm, cho rằng văn chương như thế là hại đạo, cho nên phái ấy ở nước Tàu không mọc lên được.

Các nhà văn hào như Hàn Dũ thì nói : "Văn để mà chở đạo" (văn dĩ tải đạo), như Tăng Củng thì nói : "Văn chương phải cội gốc ở Lục kinh" (văn chương căn bổn Lục kinh).Ấy đó đều là những cái thuyết đại biểu cho phái nhân sanh. Đến đời sống đời Minh, lý học càng thạnh lên thì cái thuyết ấy lại càng mạnh lắm ; ai diễn được bổn tuồng nào, cũng mong có ích cho phong hóa ; ai làm ra cuốn sách chi, cũng tự phụ là có quan hệ với thế đạo nhân tâm.

Ở nước Tàu, cái thuyết của phái nhân sanh cầm trọn quyền như vậy đó, mà mười người mười than rằng phong tục mỗi ngày một suy, trải đời nọ qua đời kia, đời nào cũng thấy phàn nàn rằng "nhơn tâm bất cổ"(*). Ấy là tại làm sao ? Có phải là tỏ ra rằng cái nguyên nhân của tội ác là nhiều lắm, không phải một mình văn chương đủ làm hại mà thôi chăng ? Cũng vì đó mà phái nghệ thuật đời nay mới hết sức khuynh hướng về cái đẹp mà tự tin rằng cái đẹp của mình khuynh hướng đó chẳng khi nào lại gây nên ảnh hưởng xấu cho xã hội.

Có lẽ Huỳnh tiên sanh cũng một hạng người như Hàn Dũ, Tăng Củng, lấy cái quan niệm về văn học đời xưa mà bắt thiên hạ phải theo một khuôn mẫu như mình, hầu cho duy trì phong hóa mà vãn hồi thế đạo nhân tâm. Như vậy, cái ý thì vẫn tốt, nhưng đối với cái trào lưu văn học của thế giới ngày nay, e khi không hạp.

Ở đời nay, bất kỳ một cái thuyết gì, hễ nó đã thành lập được thì người ta phải để cho nó tự do phát triển. Ngăn cản hay là hủy diệt nó đi, là việc vô ích mà có hại. Trong văn học mà khuynh hướng về thuần nghệ thuật, về mỹ, ấy là một sự chánh đáng ; cái khuynh hướng ấy hiện đương tận lượng mà phát triển ra trong các nước, dầu nước Tàu là nước ngày xưa rất nghiêm về văn học cũng vậy.

(*) "*Nhân tâm bất cổ*" : lòng người chẳng giống như xưa, nghĩa là nó đã hóa nên xấu xa (theo H.T. Paulus Của, sđd.).

Muốn duy trì phong hóa thì kiếm cách mà duy trì ; muốn vãn hồi thế đạo nhân tâm thì cứ việc mà vãn hồi ; còn *Truyện Kiều*, nếu đã nhìn nó là một thứ mỹ văn học thì phải để cho nó tự do phát triển. Chỉ có khi nào đủ tang chứng nói được rằng *Truyện Kiều* quả đã làm hại cho phong hóa, cho thế đạo nhân tâm, thì khi ấy hãy nên cấm hẳn đi mà thôi.

Trước khi có người đề xướng *Truyện Kiều*, phong tục của ta có quả là thật tốt chăng ? Kịp đến khi chỉ có người tán dương *Truyện Kiều* một cái, mà làm cho dứt cả nề nếp gia đình, trật tự xã hội, như thế thì cái hoạ *Truyện Kiều* lớn lắm thật. Song, chỗ nầy tôi không dám tin lời tiên sanh. Nếu tiên sanh lập ra được một cái biểu thống kê về tội ác trước hồi đó và sau hồi đó cho thiệt đành rành, mà tôi thấy ra tội ác sau nhiều hơn trước, thì tôi mới tin được vậy.

PHAN KHÔI

Trung lập, Sài Gòn, s.6266 (7.10.1930) ; s.6267 (8.10.1930) ; s.6268 (9.10.1930)

HỌC GIẢ VỚI CHÁNH TRỊ

Ông Phạm Quỳnh toan cầm cái mâu hôm nay mà đâm cái thuẫn của mình hôm trước

Cách nay không lâu, ngoài Bắc có một bạn đồng nghiệp nhơn việc gì đó mà nói ông Phạm Quỳnh là người nhạy đổi ý kiến ; quả nhiên.

Theo lời bạn đồng nghiệp ấy thì sự đổi ý kiến của ông Phạm là cái ý kiến về chánh trị kia. Tức như ông ấy hồi đầu khuynh hướng về quân chủ, khúc giữa ngả về dân chủ, nay lại muốn quay lộn lại về quân chủ (chỉ nhờ có một chút lập hiến làm cho ông có vẻ tấn tới hơn xưa).

Đây chúng tôi không nói về cái ý kiến ấy ; nhưng chỉ nói về cái ý kiến của ông trong khi ngôn luận.

Thật, mới cách chừng chỗ ba bốn tháng nay mà thấy như ông phát biểu tư tưởng mình cùng một việc mà mỗi lần một khác.

Mọi sự ở thế gian đều theo luật tấn hóa mà đi tới. Tư tưởng của người ta cũng vậy. Tư tưởng đã cũng bị chi phối bởi luật tấn hóa thì tất nhiên có thể khác nhau. Tuy vậy, sự khác nhau bởi cớ tấn hóa đó còn phải có thời gian làm điều kiện. Tư tưởng của người ta chẳng phải như cái quần cái áo mà hòng nói mai thay chiều thay ; có thay đi nữa, có khác nhau đi nữa cũng phải trải qua một cái thì giờ khá lâu, 5 năm hoặc 10 năm, ấy mới là tấn hóa. Còn như đã không phải là tấn hóa, thì có lẽ là mâu thuẫn.

Lúc viết bài nầy không có cuốn *Nam phong* trên bàn mà soát lại coi thử số nào, ra tháng nào, nhưng nhớ chắc là không lâu đâu,

ông Phạm có một bài đăng ở đầu cuốn, nhan là *Đọc sách có cảm*[*]. Đó là nhơn ông đọc cuốn *Nho giáo* của ông Trần Trọng Kim, cảm khái mà viết ra. Đây xin lược cử đại ý của ông, miễn sao đừng trật là được.

Trong bài ấy ông nói những kẻ phụng sự cái quốc gia chủ nghĩa có hai cách khuynh hướng : một là lo về phương diện chánh trị, làm cho nước được độc lập tự do ; một là lo bồi bổ nền văn hóa, chuyên công bảo tồn những cái quốc hồn quốc túy, làm cho dân tộc khỏi bị đồng hóa với kẻ mạnh.

Ông nói như vậy rồi ông mới so sánh hai phương diện ấy thì thấy ra bên văn hóa là trọng yếu hơn, bởi vì văn hóa là căn bản của một nước, không có nó thì vận động chánh trị cũng vô ích. Cho nên, nói tóm tắt theo ý ông, dữ kỳ hô hào việc chánh trị thì thục nhược chuyên lo về một mặt văn hóa là hơn. Ông lại nói phân minh rằng huống chi làm chánh trị ở xứ ta hiện nay là khó lắm, không khéo sẽ sa vào con đường lầm lỗi.

Do sự chọn lựa một cách khôn ngoan cẩn thận ấy, ông Phạm nói, mười lăm năm nay ông đã chuyên dụng công về việc trứ thơ lập ngôn, tức là bồi bổ nền văn hóa cho nước nhà. Ông làm như vậy tự cho là đắc sách ; vả lại được một lời tri kỷ biểu đồng tình cùng ông ở ngoài mấy muôn dặm, đủ làm cho ông hả dạ. Ấy là ông Tây chi chi đó ký tên bằng ba chữ X, đăng một bài trong *Thái bình dương tạp chí* bằng tiếng Pháp, nói rằng : "Bên Đông Dương có phái Phạm Quỳnh, cũng thờ cái quốc gia chủ nghĩa mà chuyên về mặt văn hóa, là phái chánh đáng hơn hết". Mấy lời khen tặng đó chính ông Phạm đã trích ra mà dặm vào trong bài của mình.

Cái đó, ông Phạm không nói ra, chớ trong ý ông tự phụ rằng mình là nhà học giả, chuyên tâm về văn hóa, thì đối với nước nhà lại còn đắc lực gấp mấy những kẻ đeo đuổi con đường chánh trị

[*] *Nam phong*, t.XXVI, s.149, tháng 4.1930.

kia. Mà trong đó lại còn như bảo người ta một cách phân minh rằng : Hễ là nhà học giả thì nên tận tụy với văn hóa, đừng nên xen lo vào chánh trị.

Mùa nóng ở Hà Nội chưa đổi sang mùa lạnh, mà cái "hơi" của ông Phạm Thượng Chi đã khác.

Mới rồi ông viết trong báo *France Indochine* một bài mà tỏ ra cái ý khác với trên kia. Trước hết ông nhắc lại câu của Julien Benda(*), nói rằng những văn nhân học sĩ, nhà tư tưởng, nhà mỹ thuật, nên để mình lên trên cõi tục, đừng có chen vào vòng chánh trị là nơi có những sự tranh cạnh nhỏ nhen ; nếu không thế, là trái với thiên chức của mình. Nước dẫu mất đi nữa, những hạng người ấy cũng nên coi là thường. Bởi vì, trên mọi quốc gia, mọi dân tộc, họ có một cái tổ quốc chung mà tổ quốc gia nầy mới thật là chơn chánh, thật là đáng thờ vậy. Đó là mấy lời của Julien Benda mà ông Phạm nhắc lại.

Ông Phạm phê bình ngay rằng cái thuyết ấy là hẹp hòi lắm. Theo ông, nhà học giả phải phát huy cái lòng ái quốc của mình ra, phải có công nghiệp gì đối với nước nhà ; bằng không thì thật là người có tội.

Phải chi ông nói chừng nấy mà thôi, thì cũng còn ở trong cái phạm vi thờ quốc gia chủ nghĩa của ông, có gì là mâu thuẫn ? Song có một đoạn sau, ông lại khuynh hướng thiệt mặt về phương diện chánh trị.

Ông Phạm cử ra hai vị cổ nhân, là ông Bạch Cư Dị ở nhà Đường bên Tàu và ông Nguyễn Công Trứ bên ta. Ông nói rằng hai người nầy đều là bậc đại thần, đã có công trị nước yên dân, mà đều là nhà văn học hiếm có. Làm học giả văn nhân mà được như vậy thì mới đáng gọi là trọn thiên chức của mình và hết nghĩa vụ đối với xã hội.

(*) Julien Benda (1867-1956) nhà văn, nhà phê bình Pháp.

Quả như lời ông nói, hai vị đó là nhà chánh trị trứ danh, đã làm tiêu biểu cho trong triều ngoài quận lúc bây giờ. Nếu kẻ học mà làm được như hai ông ấy cũng nên. Song le, làm như Bạch Cư Dị và Nguyễn Công Trứ thì đã ngả về mặt chánh trị rồi, trái với cái thuyết ông Phạm đã chủ trương bữa trước. Bởi vậy chúng tôi mới dám nói ông toan cầm cái mâu mà đâm cái thuẫn của mình.

Có lẽ, bởi bài trước viết trong khi sách *Nho giáo* ra đời, thì ông Phạm đứng về mặt chủ trì văn hóa ; còn bài nầy viết sau khi cái thai lập hiến vừa tượng ra, thì ông đứng về mặt chánh trị chăng ?

Nói tóm lại, dầu thế nào chúng tôi cũng bỏ qua đi hết, mâu thuẫn đến đâu cũng không có làm chi ; đối với một người vào số ít như ông Phạm, chúng tôi kỳ vọng cho ông nhiều lắm. Muốn văn hóa thì muốn, muốn chánh trị thì muốn, cái chỗ chúng tôi kỳ vọng cho ông chỉ là làm cái gì cho nên hình cái nấy mà thôi. Chúng nên hình, thà không có.

PHAN KHÔI

Trung lập, Sài Gòn, s.6288 (1.11.1930)

BÌNH TĨNH MÀ LUẬN NGHỀ LÀM THUỐC CỦA TA

Người ái quốc thường biểu dương chỗ hay của nước mình mà không giấu chỗ dở

Nhơn mới rồi, ông Nguyễn An Cư, thầy thuốc ở Hóc Môn cứu bà Trần Hữu Độ trong cơn vạn tử nhứt sanh, báo *Phụ nữ tân văn* đăng đầu đuôi câu chuyện mà tán dương ông, kế đó, chánh ông Trần Hữu Độ cũng viết trên báo *Đuốc nhà Nam* mà cám ơn ông Nguyễn và ca tụng một cấp nữa, rồi nghề thuốc bắc của An Nam ta ý muốn bay tận lên mây xanh !

Khoan đã ! Xin mời cái dao cầu, cái thuyền tán trở lộn xuống đây mà nói chuyện với chúng tôi đã !

Chúng tôi không nói động đến hai bài tán dương ông Nguyễn An Cư của hai bạn đồng nghiệp ; chúng tôi cho sự tán dương ấy là rất phải, không phản đối. Chúng tôi cũng công nhận cái tài làm thuốc của ông Nguyễn là đặc biệt hơn người ; vì chính người viết bài nầy quen biết ông ấy đã lâu, và nhiều lần mắt thấy ông ấy trị bịnh thần hiệu là thế nào.

Duy có, cái hay chỉ mười phần mà tô điểm thêm một trăm phần, cái hay chỉ một người mà muốn đem chia cho cả đám ; như vậy rồi lần lần sanh ra lòng kiêu ngạo tự thị, cho mình là thần thánh mà không chịu học ai nữa, ôm lấy cái dốt cả đời có khó gì đâu. Chúng tôi rất lấy làm lo về chỗ ấy, vì đó mà viết bài nầy.

Sau khi hai bài báo của hai bạn đồng nghiệp ra rồi dư luận ở Sài Gòn nổi lên như phao. Nhiều người phô trương chuyện ấy ra

một cách đắc ý hết chỗ hình dung. Trong cái đắc ý lại còn tỏ cho người ta biết mình kiêu ngạo, coi nghề thuốc tây bằng nửa con mắt. Giạc chừng như ý họ nghĩ rằng nước Nam có một mình ông Nguyễn An Cư là thầy thuốc danh sư đó, cũng đủ chấp hết thảy đốc-tưa(*) ở bên thuộc địa nầy cho chí bên Pháp !

Họ nói có bằng cớ. Như bịnh bà Trần Hữu Độ đó, mấy ông thầy tây chạy hết thảy, mà ông Nguyễn cứu sống, thì há chẳng phải là cái thiết án sao ? Huống chi, chính tôi còn biết ông Nguyễn cứu nhiều bịnh khác nữa mà nhiều ông thầy tây cũng đã bó tay chịu chết. Phải, ông Cư đáng khen thật ; khen ông ấy chẳng còn ai bảo được là a dua, hoặc làm quảng cáo giùm cho ổng.

Tôi xét ra những người phô trương đắc ý đó cũng như tôi, không a dua, không làm quảng cáo cho ông Cư đã đành, mà họ lại còn có cái tâm lý cao thượng nữa. Ấy là cái lòng ái quốc của họ.

Một nước mà đã sa sút xuống thì cái gì cũng sa sút theo. Dầu có cái hay cũng bị vùi giập chẳng ai biết. Kẻ đối với nước hẳng hờ thì thôi, không nói. Còn ai là người hữu tâm thấy vậy mà chẳng ngậm nguồi đau xót trong lòng ? Sẵn có cái lòng ấy, gặp dịp gì có thể làm cho tổ quốc vớt lại được chút danh dự nào, ấy là hết sức mà nâng lên, bồng lên, cho nó vớt lại chút nấy.

Chẳng phải chỉ có ra liều thân bình vực sự độc lập tự chủ cho nước mới là ái quốc ; những người biết bảo hộ và tuyên dương cái danh dự cho nước mình cũng là ái quốc chẳng kém nhau.

Trong khi họ xừng lông mày lên mà nói rằng : "Ai bảo nghề thuốc An Nam dở ? Chớ không thấy Nguyễn An Cư làm sống được người chết đó sao ?" Trong khi nói câu ấy, khác nào họ nói rằng : "Hỡi tổ quốc Việt Nam ! Lâu nay ngươi bị người ta khinh miệt, bây giờ có việc nầy đây, đủ làm cho ngươi mở mặt mở mày đôi chút, ta mừng cho ngươi" !?

(*) *đốc-tưa* : docteur = thày thuốc, bác sĩ.

Cái ý ấy thật tốt thật. Hễ là làm dân trong một nước thì phải có ý ấy.

Tuy vậy, đủ thì thôi, vừa phải thì thôi, không nên phô trương quá sự thiệt.

Xin những người ái quốc ấy hãy nghĩ lại. Trong đám thầy thuốc của ta, có ông Cư là người đã cứu cho nhiều bịnh mà thầy tây chạy, thì cũng đáng khoa thị ra để làm vẻ vang cho y thuật nước nhà. Song, còn vô số những thầy dở kia, những thầy "tâm can tỳ phế biển"[1] kia thì ta bỏ đi đâu ? Cái làng nghèo từ đầu làng đến cuối làng, chỉ có một nhà giàu thôi, thì không gọi làng ấy là làng giàu được.

Huống chi, cái nghề thuốc của ta, nói hay thì vẫn là hay, nhưng thật khó đem mà đọ với thuốc tây được. Chỗ đó, chính ông Nguyễn An Cư cũng phải chịu, chớ đừng nói bọn ta là kẻ không đạp tới nghề ấy làm chi.

Theo nghề thuốc của ta, sách vẫn có sách, nhưng nghĩa lý rất là vu vơ, khó cắt nghĩa cho rành mạch. Nhứt là về phần sanh lý học (physiologie), giảng giải sơ lược mà lại sai lạc nữa. Cho đến về phần dược tánh bởi hóa học không tinh, nên cũng không biết cho tới đầu tới đuôi, mà thường hay có chỗ nhận lầm. Vì các lẽ gốc ấy, y học của ta thật chưa phải là giỏi.

Ông Nguyễn An Cư là người thông đạt lắm. Tuy ông đã chữa lành được nhiều bịnh khó, song ông vẫn đổ cho là nhờ "tổ đãi" nhờ "phước chủ may thầy". Ông nói vậy, không phải ông tỏ ý tự khiêm đâu, nhưng để tỏ ra rằng cái đạo làm thuốc của ta là minh mông quá, quen tay thì làm, chớ khó mà giảng giải đến tận gốc.

Về sự khó giảng giải đó nên ai có sở đắc riêng thì thành ra thầy giỏi đó thôi, chớ không thể đem mà dạy nhau. Đó, thuốc ta thua thuốc tây là ở chỗ đó.

---

[1] Đây là nói theo câu tục để nhạo thầy thuốc dốt (nguyên chú của Phan Khôi).

Đừng nói ta, cho bên Tàu là tổ nghề thuốc đi nữa, xứ họ thiếu chi thầy giỏi, thiếu chi sách hay, mà ngày nay họ cũng phải học theo thuốc tây, thì đủ biết cái giá trị của thuốc tây là nhường nào. Chúng ta chớ nên có một tiền mà trở khinh kẻ một quan !

Ước gì những người An Nam học thuốc tây, sẵn cái nền sanh lý học và dược tánh học của tây đó, đem mà nghiên cứu thuốc ta, thì hoạ may y thuật nước ta mới có ngày tấn bộ được.

Người mình mà đến đã tỏ cái lòng ái quốc ra, là tỏ một cách sốt sắng hơn ai hết. Nguyễn Huệ mà đem sánh với Napoléon I^{er}, Nguyễn Du mà đem sánh với Victor Hugo, thật là chỉ biết có mình mà chẳng biết có người ! Cơ khổ, vỏn vẹn chỉ có một cuốn *Kim Vân Kiều*, gặp đám nào cũng đem chưng ra, thế mà ý muốn chen chưn ra vào làng văn học thế giới !

Chúng tôi nói mấy câu đó, không phải là chúng tôi quên ông quên cha đâu. Người ta là người, chúng tôi không chịu để các ông làm người còn chúng tôi làm cầm thú đâu mà hòng bảo chúng tôi là "vong tổ". Có điều, cái gì nước mình hơn nước người, phải biết mà đem khoe ra, thì cái gì nước mình kém nước người, cũng phải biết mà bảo cho nhau mới được. Còn như cứ một mực nói tốt cho nước mình, dốt mà chẳng biết, dại mà chẳng hay, lằm lằm lũi lũi ca tụng công đức tổ tiên để thêm cái khí hư phù kiêu căng cho kẻ thiếu niên hậu tấn, thì thật là hại to lắm vậy.

PHAN KHÔI

Trung lập, Sài Gòn, s.6294 (10.11.1930)

ĐỘC THƯ TÙY BÚT

LỜI DẪN CỦA NGƯỜI SƯU TẦM : *Trên nhật báo* Phổ thông *ở Hà Nội, từ tháng 9.1930 thấy xuất hiện một trang gọi là* Phần tòa soạn ở Nam Kỳ, *trong đó có mục* "Học nghệ", *dành đăng các bài* Độc thư tùy bút *do Phan Khôi viết.*

Có thể do khó khăn về giao dịch bài vở (tòa soạn Phổ thông *ở Hà Nội, Phan Khôi ở Sài Gòn) nên mục này tồn tại không lâu. Tôi sưu tầm được 7 kỳ in lại dưới đây.*

L.N.A.

CÓ VÀ KHÔNG

Quốc Biểu đại huynh từ khi Tây Ninh xuống Sài Gòn, ghé thăm tôi tại nhà trọ đường Paul Blanchy. Mới vừa đặt bàn toạ lên ghế, tôi hỏi:

– Anh mạnh giỏi không ?

– Không, – anh ấy vừa cười vừa đáp.

– Ở trển, anh có làm việc gì không ?

– Không.

– Vợ có đẻ không ?

– Không.

– Thế ra cái gì anh cũng không cả, là nghĩa làm sao ?

Tôi miệng hỏi như vậy mà tay thì soạn ấm chén ra pha nước uống.

– Cái không là cái đầu hết mọi sự. Cái không là cái ứng dụng ra rất lớn. – Quốc Biểu vừa nói vừa cầm cái chén trà lên mà cắt

nghĩa, – nếu cái chén này mà trong lòng nó có vật gì thì chỗ đâu mà đựng nước ?

Bấy giờ tôi mau miệng nói rằng :

– Đã biết vậy, mà nếu không có cái chén thì lấy cái không ấy ở đâu mà dùng ? Muốn nói ngược lại anh, tôi nói cái có là cái đầu hết mọi sự ; cái có là cái ứng dụng ra rất lớn.

Hai bên trông mặt nhau rồi cả cười.

Quốc Biểu lâu nay chuyên trị Phật học, do con đường bằng tiếng Pháp mà tìm tới cõi Nát-bàn. Tôi từng nghe anh va thuyết pháp một vài lần. Lần này anh cũng đem triết lý của Phật mà rót vào tai tôi. Tôi nghe được, song le còn có chỗ cãi thì cãi đã.

Nguyên cái thuyết hư vô có từ Lão Tử. *Đạo đức kinh* chương I nói : "Cái không, đặt tên cho sự mở đầu của trời đất". Chương I nói: "Thiên hạ muôn vật sanh bởi có, có sanh bởi không". Chương XI nói : "Ba chục cái rẻ quạt chung cái bánh xe, nhằm chỗ không của nó mới có sự dùng của cái xe ; quay đất sét làm đồ gốm, nhằm chỗ không của nó, mới có sự dùng của đồ gốm ; làm nhà, soi cửa sổ nhằm chỗ không của nó, mới có sự dùng của cái nhà. Cho nên có đó lấy làm lợi, không đó lấy làm dùng".

Có nhiều chỗ của Phật tương thông với Lão. Quốc Biểu lấy ví dụ về cái chén trà thì cũng như những cái ví dụ về bánh xe, đồ gốm, cửa sổ của *Đạo đức kinh.*

Một hôm đọc sách thấy bài *Lão Tử luận* của Vương An Thạch thì tôi hoảng nhiên, té ra người đời xưa đã nói trước mình rồi. Bài ấy có một đoạn rằng :

"Lão Tử biết cái không là cái làm sự dùng của cái xe, cái không là cái làm sự dùng của thiên hạ, song không biết sở dĩ nó làm dùng được là tại đâu. Cái không mà làm dùng của cái xe được, là nhờ có bánh xe và rẻ quạt ; cái không mà làm dùng của thiên hạ được, là nhờ có lễ nhạc hình chánh. Ví bằng bỏ bánh và rẻ quạt của cái xe, bỏ lễ nhạc hình chánh của thiên hạ mà ngồi đó để mong sự dùng của cái không, thì cũng gần như ngu rồi !"

Cho nên tôi nói rằng : cái có với cái không giúp nhau mà sau mới sanh ra sự dùng. Một cái không mà thôi, đâu có được ? Nói về hình nhi thượng thì hoặc giả cái không là đầu hết mọi sự như lời Lão Tử ; song nói về hình nhi hạ, đã có cái quan niệm về sự ứng dụng, thì phải kể cái có là trước mới thông, còn như kể nội cái không thì thành ra bất thông và theo họ Vương thì cho là ngu vậy.

PHAN KHÔI

Phổ thông, Hà Nội, s.52 (2.9.1930)

HỌC GIẢ Ở ĐỜI LOẠN

Kẻ sĩ ở đời loạn mà ham học, chứa sách nhiều, không chịu mầy mà với đời, cũng là một điều nguy cho mình, chớ đừng nói tới ra mà chống báng với đời nữa. Sự đó từ xưa đã vậy.

Khổng Phụ, con cháu họ Khổng ở Khúc Phụ, sinh nhằm đời nhà Tần. Giữa khi đốt sách, chôn học trò, mà Phụ dám chứa nhiều sách của tiên nhân để lại. Trần Dư thấy vậy, lấy làm nguy cho va. Song le, Phụ ra dáng vững vàng lắm nói với Trần Dư rằng : "Tôi đeo đuổi cái học vô dụng mà chơi, ai biết tôi thì làm bạn ; nhà Tần chẳng phải bạn của tôi, có nguy gì cho tôi đâu mà tôi lo ?" Chuyện này thấy trong sách *Tư trị thông giám* của Tư Mã Quang.

Vương Thuyền Sơn, tên là Phu Chi(*), người nhà Thanh có làm một bộ sách phê bình sách của Tư Mã Quang đó, kêu là *Độc Thông giám luận* ; về điều trên đây, họ Vương bàn rằng :

"Ôi ! người mà biết làm cái học vô dụng để mở rộng lòng mình và dong chơi hồi đời loạn, người ấy nếu chẳng phải là bè bạn của thánh nhân thì đâu được thế ư ?"

Kinh Thi nói rằng : "Ac túc xuất bốc, tự hà năng cốc !" (nghĩa là : Nắm thóc ra đi bói, từ đâu cho được sự an lành ! Có ý là : ở vào

(*) Vương Phu Chi (1619 - 92).

đời loạn, đụng ra chỗ nào cũng là cái nguy cơ hết). Song le, xét cho kỹ, an lành cũng chẳng an lành, sự đó quyền ở ta mà thôi, cần phải bói làm chi ?

Mình uốn cong cái đạo của mình để dọc theo một chiều với thiên hạ, thì vẫn được lợi mà cái hại cũng nấp sẵn một bên ; còn đem cái đạo mình ra mà chống báng với thiên hạ, thì cái thân mình phải nguy mà đạo cũng chẳng làm ra được. Duy có giấu chứa sự đại dụng của thiên hạ mà chẳng cầu thiên hạ dùng ; ai biết thì biết, ai chẳng biết mà cho là vô dụng cũng mặc ai, thế mới là quân tử. Bởi vậy Khổng thánh nhân mới khen cái ngu của Ninh Vũ tử là chẳng ai có thể bằng. Đời thế nào đó mặc đời, ta cứ giữ đạo để an mình, ghín sự giao du để lánh tục, mặc dầu ở trong vòng đạo tặc cầm thú mà cũng như ở vào đời Đường, Ngu, Tam Đại, đâu lại chẳng an lành được mà cần phải bói làm chi ?".

(Đoạn trên đó thấy trong sách Vương Thuyền Sơn : *Độc Thông giám luận* cuốn I, trang đầu).

Vương Phu Chi là một nhà học giả trứ danh ở vào đầu đời Mãn Thanh. Cái hoài bão của họ Vương cũng tựa tựa như của Khổng Phụ ở vào hồi nhà Tần : học vấn rộng trứ thuật[1] nhiều, mà không chịu làm bạn với kẻ mình không muốn làm bạn ; cho nên khi bàn tới chuyện Khổng Phụ, nói ra những lời rất tha thiết mà tỏ ý cao siêu, chẳng khác nào mượn chuyện Khổng Phụ để nói chuyện mình.

Ở đời nào mặc lòng, kẻ sĩ nếu đã biết cái học là gì thì chẳng có khi nào là vô dụng. Vô dụng, ấy là hai chữ của người không biết đã đem tặng cho ; chớ còn tự kẻ sĩ ấy, tự kẻ biết học ấy, chẳng khi nào dám phỉ bạc cái thân mình và cái học của mình.

Bộ *Độc Thông giám luận* của Vương Thuyền Sơn đã bị cấm đi ngót hai trăm năm, đến Tăng Quốc Phiên bắt đầu in ra, thiên hạ

---

[1] *Trứ thuật* : phải đọc là *trứ thuật*, không phải "trước thuật" (nguyên chú của Phan Khôi).

tranh nhau mà đọc, ngày nay cũng vẫn còn có giá trị, đủ biết cái học của họ Vương chẳng phải là vô dụng đâu.

PHAN KHÔI

Phổ thông, Hà Nội, s.56 (6.9.1930)

SỰ NGAY THẬT CỦA HỌC GIẢ

Người ta ở đời chẳng có cái đức gì tốt mà đáng quý hơn là sự ngay thật. Học giả lại còn cần cái đức ấy hơn người thường. Sự ngay thật là cái cửa do đó học giả đi vào cõi thánh hiền.

Tôi thấy xưa nay có Khổng thánh là ngay thật hơn ai hết. Bất kỳ trăm sự ở đời, sự gì ngài đã tin chắc mình làm được thì nói ra một cách quả quyết ; còn sự gì ngài còn chưa dám lấy làm tự tín, thì cũng khai thiệt ra, chẳng hề dối ai.

Có sao nói vậy như ngài, thế mới là ngay thật. Vẫn biết tự khiêm là một cái nết tốt, song làm người có sự tự tin thì mới ra người. Cái chỗ mình đã tự tin rồi mà nói ra không dám tỏ ý quả quyết thì lại thành ra giả dối, mất sự ngay thật đi.

Vậy mà mấy ông Tống nho giải nhời của Khổng Tử, giải sai đi hết làm mất sự ngay thật của ngài làm ngài ra giả dối. Tôi đọc sách, thấy những chỗ ấy giận lắm.

Người nước mình đã giả dối có tiếng, mà trong đám học thức, cũng lại giả dối quá người thường. Thật bụng thì kiêu căng tự phụ, coi người ta nửa con mắt, mà nói ra làm bộ khiêm nhường, theo lời tục nói, ở nhà như con tép. Cái sự tự khiêm giả dối ấy mỗi ngày một thêm lên, làm cho sự tự tín mất đi ; dần dần chẳng có ai dám chịu trách nhiệm trong việc gì hết, mà ai ai cũng thành ra hiền nhân quân tử hết vì chỗ tự khiêm đó. Đó là cái bịnh di truyền mà Tống nho đã để lại.

Khổng Tử nói rằng : "Ta mười lăm tuổi mà chăm học ; ba mươi mà tự lập ; bốn mươi mà chẳng lầm ; năm mươi mà biết

mạng trời ; sáu mươi mà tai thuận ; bảy mươi mà theo cái điều lòng ta muốn, chẳng hề vượt ra ngoài phép tắc".

Ngài nói vậy là cứ thực mà lịch tự[*] sự tiến đức của mình, tuổi càng cao thì đức càng tới. Cái sự duyệt lịch của ngài đem mà nói ra, thật đáng cho chúng ta tin.

Vậy mà Trình Tử lại giải rằng : "Khổng Tử là đấng sanh ra mà biết, thế mà ngài cũng nói rằng bởi học mà đến, là để khuyến miễn người sau".

Giải như vậy là nghĩa gì ? Sao Khổng Tử nói thật sự mình, lại không chịu mà làm cho ra ngài nói dối ? Cái học của ngài là cái học "vị kỷ", ngài lo việc mình đó mà chưa xong, biết đâu người sau mà khuyến miễn ? Lại còn vu cho ngài là "sanh tri", cái đó mới quá là nói dối. Bởi vì có lần ngài đã thú thật mà rằng : "Ta chẳng phải sanh ra mà biết, bèn là kẻ hiếu cổ và siêng tìm tòi". Ngài đã không nhận mình là sanh tri, sao lại còn vu cho ngài là sanh tri.

Trong *Luận ngữ* còn có nhiều chỗ ngài nói thật nữa. Như ngài nhận rằng mình chưa làm được quân tử, không dám đương cái địa vị[**] thánh và nhân, ấy bởi ngài thấy khó nên ngài nói như vậy. Thế mà những chỗ ấy, Tống nho đều giải rằng ngài làm dù được, song nói khiêm để dạy đời sau, thì tôi chẳng biết căn cứ vào đâu ! Cho nên tôi có tin thì tin Khổng Tử, chớ chẳng tin Tống nho chút nào hết.

Tùy việc đáng tự nhiệm thì tự khiêm, nghĩa là ngài thấy mình làm chưa chắc được mà tự khiêm ; còn việc gì ngài đã tin chắc mình được thì không còn tự khiêm nữa. Như ngài nói : "Như có ai dùng ta, giáp năm thì thấy khá, ba năm thì nên", và rằng : "Như có ai dùng ta, ta sẽ làm nên nhà Chu ở phương Đông". Lại có khi ngài tự phụ rằng cả đời chẳng có ai biết mình hết, chỉ có trời biết.

---

[*] *lịch tự* : (chưa rõ nghĩa).

[**] bản gốc là "đại vị", ở đây tạm sửa là "địa vị".

Những chỗ ấy cũng chẳng qua là chỗ ngài nói thật, tỏ ra sự ngay thật của ngài.

Trong óc Tống nho cứ yên trí rằng Khổng Tử là thánh, rồi chỗ nào ngài cũng tự tín thì thôi còn chỗ nào ngài chưa tự tín thì lại cho là ngài nói khiêm. Cái thánh của ngài hà tất phải như vậy ? Mà có lẽ ngài nên thánh là nhờ ở sự ngay thật.

PHAN KHÔI

Phổ thông, Hà Nội, s.60 (11.9.1930)

HẠNG QUÂN TỬ GIẢ DỐI

Người quân tử trong lý tưởng của Khổng môn thế nào, đừng tìm tòi cho lắm, chỉ đọc cuốn *Idéal du sage*(*) của ông Phạm Quỳnh cũng đủ thấy. Cái nhân cách của quân tử lớn lắm, chớ chẳng phải bo bo giữ lấy một vài điều vụn vặt của đạo đức mà đã làm nên quân tử đâu.

Rút bớt cái nhân cách quân tử cho nhỏ lại, ấy là từ Tống nho. Tống nho dạy người ta cũng làm như mình, thứ nhất là phải *thúc thân quả quá*, nghĩa là phải bó mình cho ít lỗi chừng nào thì hay chừng nấy. Tôi cho chỉ vậy mà thôi, chẳng đủ làm quân tử.

Chớ ai tưởng rằng tôi khuyên người ta nên phạm tội lỗi cho nhiều. Song tôi chỉ có ý nói rằng bó mình ít lỗi, cái đó không đủ làm quân tử, bởi vì muốn làm quân tử thì phải khuynh hướng về mặt tích cực, chớ còn nệ một mặt tiêu cực mà thôi, không đủ.

Hạng người quân tử ở nước ta mà tôi thấy, thì hầu hết là ở trong cái phạm vi của Tống nho. Họ chỉ giữ mình đừng đánh bạc, đừng uống rượu, đừng mang tiếng xấu, ấy là họ kể chắc là mình làm quân tử rồi.

(*) Tên sách đầy đủ : *L' Idéal du sage dans la philosophie confucéenne (Lý tưởng hiền nhân trong triết học Khổng giáo*, 1928).

Thế nhưng có phải họ giữ mình thật được như vậy đâu. Trong đám họ có nhiều người giả hình lắm. Tôi biết chán. Tức như ông Mỗ, ban ngày làm bộ đạo mạo, mà tối thì lại đi kiếm gái cả đêm. Họ thích gái thì đi kiếm gái, cái đó tôi không trách ; trách là trách đã vậy sao còn làm bộ đạo mạo.

Tôi ghét họ một điều thứ nhứt là "sợ mang tiếng". Chỗ đó thật tỏ ra là tiểu nhân đặc. Cho nên tôi đoán họ sở dĩ giữ mình như vậy là chỉ sợ mang tiếng mà thôi ; nếu khi họ thấy là không ai biết việc mình làm, mình chắc khỏi mang tiếng, thì việc bậy gì họ chả làm ? Ban đêm đi kiếm gái, ấy là việc mà họ tưởng rằng không ai biết, họ sẽ không mang tiếng đâu, cho nên họ làm. Ấy là hạng quân tử giả dối.

Người quân tử thật, thì giữ ở chỗ một mình mình biết theo thánh nhân, gọi là "thân đọc". Việc gì cho là không đáng, cho là trái với lương tâm thì dầu không ai biết không mang tiếng, cũng không làm.

Tôi tưởng, hết thảy mọi sự chơi bời, nếu trên đời chẳng có thì thôi, đã có thì mình nhúng vào, cũng chẳng hại chi, miễn là không chìm đắm ; cái hạng người vào đâu bị đắm đó, thôi còn nói chi nữa. Chớ còn cố mà tuyệt mọi sự ấy, không dám lại gần, tôi cho là người non gan, tầm thường, sợ thì giữ gìn như vậy cũng phải, nhưng nội bấy nhiêu mà đòi làm quân tử thì đâu được ? Quân tử đâu có dễ như vậy ? Khổng Tử, ngài còn coi mọi sự ấy như không. Ngài có kể ra mấy cái đức ngài không có mà một là "không bị rượu làm khốn". Lại học trò ngài cũng nói thật rằng ngài uống rượu không biết mấy mà kể, duy chẳng đến nỗi say mà bậy bạ. Đừng bậy bạ thì thôi, chớ sau thì Khổng Tử cũng say. "Duy tửu vô lương, bất cập loạn".

Đại triết Hy Lạp là Socrates cũng vậy. Ngài ăn ở cực kỳ là kham khổ, ấy là cái tánh ngài tự nhiên, chứ không phải cố ý. Socrates chẳng hề khi nào đi kiếm rượu thịt, song gặp mà từ chối

không được, thì cũng lại ăn lại uống như người thường. Ấy là theo trong bổn truyện ngài có chép.

Nhân tôi đọc truyện Socrates, lại nhớ đến trong *Luận ngữ* có chép về mấy điều Khổng Tử đối với sự uống rượu đã dẫn như trên, mà tôi thấy ra các bực thánh triết đời xưa không có bó mình trong những cái tiểu tiết như Tống nho, như người quân tử đời bây giờ. Sự bó mình đó tôi không phản đối ; tôi phản đối những người nào chỉ biết bó mình hoặc làm bộ bó mình mà dám tự cao mình là quân tử.

PHAN KHÔI

Phổ thông, Hà Nội, s.64 (16.9.1930)

NÓI THẾ NÀO LÀ KHIÊM NHÃ

Tục ta, trong khi nói chuyện hay viết văn, phải giữ từng lời từng chữ, hớ ra một chút thì kẻ nghe đã cho là "khiêm nhã". Hai chữ "khiêm nhã" thật chẳng biết lấy đâu làm giới hạn ; vậy thế nào là "khiêm nhã" ?

Khi nói hay viết mà thật có ý dùng lời thô bỉ thì cho là khiêm nhã cũng còn có thể được. Chứ như người nói, nói một đường, kẻ nghe, nghe ra một ngả, lấy cái ý xỏ xiên mà hiểu cái lời ngay thẳng, rồi cho là khiêm nhã thì thật là kỳ quái.

Về triều Tự Đức, thi hương tại Huế, khi nào phúc hạch, trong quyển người kia có một câu là "vi thiên tử chi ấp" bị quan trường đánh "khiêm nhã", rồi người ấy rớt bay.

"Vi thiên tử chi ấp", tác giả có ý chỉ tỉnh Thanh Hóa là làng của vua, như vậy có hại gì đâu ? Vậy mà quan trường hiểu ra nghĩa khác, hiểu rằng " là người ôm ấp" của thiên tử (!) nên mới đánh là khiêm nhã. Nói vô lý như thế mà làm cho người ta hỏng đi, ác quá !

Lại như ở Nam kỳ, người ta không kêu bằng "các thầy" mà kêu bằng "mấy thầy", cũng là sợ khiêm nhã mà kêu như thế. Người ta biểu rằng "các thầy" mà nói lái lại "cầy thác" ; cầy thác tức là

chó chết, vậy nói "các thầy" cũng như nói "chó chết", cho nên người ta tránh đi mà không nói.

Các thầy mà nói ra mấy thầy thì sai nghĩa, vì mấy thầy chỉ là một phần trong các thầy mà thôi, cũng như trong tiếng Pháp, khi nói "les maitres" với khi nói "des maitres" có nghĩa khác nhau, thế mà người ta chỉ sợ sự khiếm nhã chớ không sợ sự sai nghĩa !

Cái cách hiểu như vậy là do sự xấu bụng mà ra. Mình có bụng xấu trước, rồi mới ngờ vực hay là thêu dệt lời người ta ra cho xấu như bụng mình. Nếu cứ theo cách bới móc của người xấu bụng đó thì lời của thánh hiền đời xưa, thành ra khiếm nhã hết, nhứt là của Khổng Tử !

"Tử Du hỏi hiếu.

Thầy rằng : đời nay mà kêu là hiếu, ấy là chỉ kẻ hay nuôi cha mẹ. Vả cho đến chó và ngựa nữa mà mình cũng còn nuôi nó được thay ; vậy nếu nuôi cha mẹ mà chẳng kính, thì lấy gì để khác với nuôi chó, ngựa ?" (*Luận ngữ, vi chánh*).

Đó, giá trong chúng ta đây có ai nói như Khổng Tử đó kẻ nghe đã nhao nhao lên cho là khiếm nhã rồi. Mà câu này có lẽ lại phạm tội gì nặng hơn tội khiếm nhã nữa, vì đã rõ ràng đem sự nuôi cha mẹ mà sánh với sự nuôi chó ngựa, ấy tức là đem cha mẹ sánh với chó ngựa !

Lại một chỗ nữa, có mấy người ẩn sĩ trách ngài sao có đi lăng xăng lo cứu đời làm chi. Khổng Tử ngậm ngùi mà nói rằng : "Duy có chim muông thì mới không bầy bạn với chúng nó được ; chớ còn dân này, nếu ta không cùng ở với họ thì với ai ?" (*Luận ngữ, vi tử*).

Mấy nhời ngài nói đó nếu nói ra giữa xã hội này thì chắc sẽ bị đồng bào ồ lên mà quở trách. Đồng bào sẽ nói rằng : sao lại đem điểu thú mà nói chung với một dân tộc ? Sao lấy con gà, con chó mà nói xấp nhập với anh em con Rồng cháu Tiên ? Quở trách như vậy rồi đồng bào sẽ nổi lên mà "tẩy chay" người nói đó, làm cho điêu đứng đi, làm cho phải rúc vào núi vào rừng mà ở với chim

muông thực sự, để phạt cái tội nói khiếm nhã ! Cho nên, thật ăn chung ở lộn giữa dòng dõi vua Hùng Vương này mà nói năng có dễ chi !

Lại còn Khổng Tử ngài cũng có nói "hiếu đức như hiếu sắc". Thế là ngài cũng nhận cho sự hiếu sắc là cái thiên tánh của người ta, làm đàn ông thì ai cũng ưa sắc đẹp của đàn bà. Nhưng mà, theo các ông quân tử của chúng ta thì nói như vậy là tiết áp, là giọng phong tình, người quân tử không hề nói.

PHAN KHÔI

Phổ thông, Hà Nội, s.72 (26.9.1930)

TỪ ĐÂU NGƯỜI MÌNH KÊU NGƯỜI TÀU LÀ "CHỆT" ?

Người Việt Nam ta thường kêu người Trung Hoa bằng người Tàu, người Khách, lại cũng kêu bằng Khách Ngô, các chú ; những danh từ ấy đều có lai lịch, đều có thể cắt nghĩa cho thông được hết. Duy có tiếng "Chệt" hay là "chiệt"(*), người mình cũng có dùng để kêu họ nữa, tiếng nầy thì chẳng biết từ đâu ra, có nghĩa chi.

Có người nói rằng chữ "Chệt" hay là chữ "Chiệt" đó có lẽ do chữ "Chiết" mà ra. Bên Tàu có tỉnh Chiết Giang từ xưa người tỉnh ấy hay sang xứ ta, nên ta kêu người Chiết mà trái ra là "Chệt" hay "Chiệt".

Đó là nói ước chừng, chẳng có dựa vào bằng chứng đâu cả. Mà cứ theo sự thực lại không đúng. Vì tỉnh Chiết Giang ở gần Thượng Hải về miền bắc Trung Hoa, người tỉnh ấy ít qua xứ ta lắm ; người Tàu sang xứ ta nhiều nhứt là người Quảng Đông và Phúc Kiến, vậy thì nếu ta có lấy tên tỉnh mà kêu chung người Trung Quốc thì sao không lấy tên hai tỉnh này mà lấy tên Chiết Giang ?

Người cái thuyết ước chừng mà không có thể nghe được ấy, chưa thấy ai giải thêm một nghĩa nào khác.

(*) nói theo giọng đồng bằng Bắc Bộ là *Chiệc*.

Tôi đọc bộ sách *Đông Dương sử*, thấy có một chỗ nói về cái tên người Tây dùng mà kêu người Tàu đời xưa, thì tôi sực nhớ lại chữ "Chệt" hay là "Chiệt" ấy, dường như hai đàng có quan hệ với nhau thì phải. Tôi bèn viết ra đây để làm một cái tài liệu cho nhà sử học dựa theo mà nghiên cứu nếu lời của tôi có ít nhiều giá trị.

Tôi phỏng định rằng tiếng "Chệt" hay là "Chiệt" ta dùng mà kêu người Tàu ấy, là do tiếng Tây mà ra. Chữ "tiếng Tây" tôi dùng đây, là chỉ về tiếng của một nước trong Âu châu đời xưa, không biết rõ là nước nào, có lẽ là nước La Mã (Rome).

Sách *Đông Dương sử* nói rằng : Nguyên bên Tàu đời xưa hồi La Mã đế quốc thì những hàng tơ lụa của Trung Quốc đã được đem vào Âu châu. Người Tây kêu thứ hàng tơ lụa ấy bằng "serge". Nhân đó họ kêu đất Trung Quốc là "Serica" và kêu người Trung Quốc là "Seres".

Trong chữ "serge" đó, phần nửa trên, "ser", là do chữ "tăng nhi" của Tàu mà ra ; phần nửa dưới, "ge" là cái ngữ vĩ (terminaison) của Tây thêm vào. Còn "Serica" nghĩa là xứ đất sanh sản ra thứ "ser" ấy vậy.

(Tiếng Pháp bây giờ cũng có chữ "serge" để kêu một thứ hàng dệt, song hàng này bằng lông, không phải tơ).

Nếu vậy thì đời xưa vào khoảng trước và sau Gia-tô giáng sanh người phương Tây kêu người Trung Hoa là "Seres" chớ không kêu bằng "Chinois" như bây giờ. Chữ "Seres" ấy mà đọc mau thì gần như "xẹt" trong tiếng ta và "xẹt" thì có thể chuyển sang "Chệt" và "Chiệt" dễ lắm.

Lại tại làm sao mà chữ "Seres" của Tây dùng mà kêu người Tàu đó lại truyền sang xứ ta ? Cũng cứ theo sách *Đông Dương sử* có chép những sự tích như vầy :

Năm 162 theo Tây lịch, người La Mã chiếm được miếng đất chỗ vịnh Ba Tư bèn do đó đi vòng Ấn Độ Dương thẳng đến biển Trung Quốc. Vị sứ thần của La Mã sai qua đó đi đã mấy năm mới

đến Giao Chỉ. Theo như *Hán thư* chép, thì năm thứ 9 hiệu Duyên Hy, đời vua Hán Hoàn đế, vua nước Đại Tần sai sứ đến Nhật Nam dâng những ngà voi, u tây và đồi mồi. Âu châu với Á Châu mà giao thông với nhau bằng đường biển là bắt đầu từ đó (Đại Tần tức là La Mã).

Sau đó vào đời Tam Quốc, năm thứ 5 hiệu Hoàng Vũ nhà Ngô (227) cũng có người lái buôn nước Đại Tần đến Giao Chỉ.

Coi đó thì đời xưa người Tây người Tàu giao thông với nhau là lấy nước ta làm đường đi băng. Bởi vì, cứ như sử chép đó, Giao Chỉ tức là đất thuộc về Bắc kỳ ta bây giờ, còn Nhật Nam tức là đất thuộc về Trung kỳ ta bây giờ vào đâu đỗi Quảng Nam và Huế. Mà đời bấy giờ nước ta làm thuộc địa Tàu, cho nên Tàu với Tây cứ việc tự do lấy các phụ đầu(*) của nước ta làm chỗ giao thông, khỏi phải nộp món thuế kinh quá(**) lôi thôi như bây giờ vậy.

Người Tây đời bấy giờ đã do đất ta mà giao thông với Tàu, và bấy giờ họ lại kêu người Tàu là "Seres", vậy thì trong khi họ lưu trú ở đây, ta cũng bắt chước tiếng của họ mà kêu người Tàu là "xẹt" rồi lâu trại bẹ, thành ra "Chết" hay là "Chiệt", ấy là sự có thể lắm.

Nếu quả vậy thì tiếng "Chệt" của ta có lâu lắm ; có gần đến hai ngàn năm nay.

PHAN KHÔI

Phổ thông, Hà Nội, s.80 (5 và 6.10.1930)

LUẬN NGỮ CỦA TỐNG NHO

Từ các ông Tống nho đem các kinh truyện của thánh hiền ra mà chú thích lại hết, về sau các nhà vua bắt học trò phải theo đó mà học ; bên Tàu cũng vậy, bên ta cũng vậy. Cho nên, cứ như con mắt

(*) *phụ đầu* : bến sông, cảng biển.
(**) *kinh quá* : đi qua.

kẻ học ở nước ta hồi trước, thì lời thánh nhân khó hiểu, phải nhờ tiên nho đưa đường dắt lối cho mới hiểu được. Mắt thấy thế nào, óc tin thế ấy, ai ai đều nghĩ rằng lời tiên nho tức là lời thánh nhân. Song le, đó là khi mình còn làm nô lệ người đời xưa thì tin cho là như vậy ; nếu khi tư tưởng mình đã được độc lập, đối với mọi sự ở thế gian mình biết mở cái mối hoài nghi và tự do nghiên cứu, thì cái tia sáng của chơn lý sẽ bày ra trước mắt mình.

Tức như một sách *Luận ngữ*, kể nội bài cái mà thôi, thì là sách *Luận ngữ* của thầy trò Khổng thị ; còn kể cả bài con, theo như *Chu Hy chương cú*, thì phải nói ấy là sách *Luận ngữ* của Tống nho. Vì những bài con của họ Chu dùng mà giải bài cái đó, thấy ra có nhiều chỗ quyết là không đúng với ý bài cái.

Gần nay tôi bắt đầu đọc lại bộ *Luận ngữ* từ đầu đến cuối, sau khi tôi lấy nội những bài cái đem so sánh nhau, rồi tôi mới dám đoán quả là như thế.

Chương đầu hết, Khổng Tử nói "Học nhi thời tập chi". Chu Hy giải rằng : "Học chi vi ngôn hiệu dã hậu giác giả hiệu tiên giác chi sở vi dã". Nói nôm ra là : "Chữ "học" nghĩa là bắt chước, kẻ biết sau bắt chước cái điều mà kẻ biết trước đã làm".

Chữ "học" mà cắt nghĩa ra như vậy, nghe thật mênh mông quá. Bắt chước là bắt chước cách làm sao ? Làm như thế nào thì kêu bằng "bắt chước"?

Tôi bèn lấy hết thảy những lời thánh nhân nói trong *Luận ngữ*, những chỗ có quan hệ với sự học, đem ra mà đối chiếu, thì thấy ra ngài kêu bằng "học" đó, không phải là "bắt chước" như lời chú thích của Chu Hy.

Đây chỉ lấy chứng cớ ra một ít mà thôi cũng đủ. Có chỗ Khổng Tử nói : "Hưng ư Thi, lập ư Lễ, thành ư Nhạc" ; lại nói : "Chí ư đạo, cư ư đức, y ư nhân, du ư nghệ" ; lại nói : "Nhập tắc hiếu, xuất tắc đễ... hành hữu dư lực, tắc dĩ học văn" ; lại có lần ngài bảo con trai của ngài phải học kinh Thi và kinh Lễ. Ta lấy những lời ngài

đó mà hội thống lại, có thể cắp cho chữ "học" một cái định nghĩa như vầy : "Học, tức là làm các việc theo bổn phận mình phải làm và nhứt là phải đọc sách".

Có lẽ sự học hồi Khổng Tử cũng chẳng khác sự học ngày nay là bao nhiêu, nghĩa là lấy sự đọc sách làm một phần lớn trong công phu học vấn. Cái giả thuyết (hypothèse) đó có một câu trong *Luận ngữ* đem làm chứng vững vàng được, là câu Tử Lộ nói : "Hà tất độc thư, nhiên hậu vi học ?" Nội một câu đó tỏ ra rằng đời bấy giờ dầu trong cửa Khổng đi nữa, người ta cũng cho sự đọc sách tức là học đó, nên Tử Lộ mới bác đi mà nói như vậy chớ. Vậy mà giải nghĩa "học" là "bắt chước" thì thật chẳng biết họ Chu căn cứ vào đâu mà nói thế ?

Đến như câu ngài nói : "Xảo ngôn, lệnh sắc, tiển hĩ nhân", ý ngài thật là rõ ràng lắm. Chẳng qua ngài nói rằng : trong những người có lời nói khéo léo, dáng mặt hiền lành, thì ít có kẻ nhân. Trong đám đó, hoặc có kẻ nhân, chửa biết chừng ; nhưng dầu có cũng có ít lắm. Chỗ khác ngài nói : "Cương nghị mộc nột cận nhân". Mộc nột nghĩa là thật thà chất phác. Bởi những người thật thà chất phác gần với nhân, cho nên trong đám người xảo ngôn lệnh sắc ít kẻ nhân là phải. Bên này ngài nói ít, chớ không phải tuyệt nhiên không có, cũng như bên kia ngài nói gần, chớ không nói mộc nột tức là nhân.

Vậy mà dưới chương đó, Chu tử giải rằng : "chuyên ngôn tiển, tắc tuyệt vô khả tri", nói nôm là "Tuy ngài chỉ nói ít mà thôi song có thể biết rằng tức là không trơn vậy". Giải như vậy thì kỳ quái quá ! Sao Khổng Tử chỉ nói ít mà thầy Chu lại nhè bẻ hầu vặn họng ngài, bắt phải nói "không trơn"?

Lời thánh hiền đời xưa nói ra có mực có thước, thấy tới chừng nào thì nói chừng nấy, ấy là cái chỗ ngay thật của thánh hiền, mà Tống nho lại làm cho mất sự ngay thật ấy đi, là nghĩa làm sao ?

Cứ trong một sách *Luận ngữ,* chỗ nào thấy là ít thì nói tiển hĩ. Như : "Dân tiển năng cữu hĩ" và "Dĩ ước thất chi giả tiển thì", những chỗ ấy cũng đồng một ý như trong chương nầy, vì ngài thấy là ít thì ngài nói ít.

Cũng theo *Luận ngữ*, có một chỗ chỉ rõ ra rằng hễ ít thì nói tiển hĩ, còn không trơn thì phải nói "vị chi hữu dã", nghĩa là chưa hề có. Tức như Hữu Tử nói : "Kỳ vi nhân dã hiếu đễ, nhi hiếu phạm thượng giả tiển hĩ ; bất hiếu phạm thượng nhi hiếu tác loạn giả vị chi hữu dã". Câu ấy chỉ ra rằng : Trong hạng người hiếu đễ, hoặc giả còn có kẻ ưa phạm thượng chăng, nhưng mà ít lắm ; chớ còn đã chẳng ưa phạm thượng mà lại ưa tác loạn thì hạng người ấy thật là không trơn, chưa hề có bao giờ.

Vậy nếu đức Khổng ngài nghĩ rằng trong hạng người xảo ngôn lệnh sắc, tuyệt nhiên không có kẻ nhân ở trong, thì thế nào ngài cũng phải nói rằng : "Xảo ngôn lệnh sắc nhi nhân giả, vị chi hữu dã" mới phải. Nay ngài đã nói tiển hĩ, mà nhà chú thích lại cắt nghĩa là tuyệt vô, thì thật là ngang quá ghẹ !

Cho nên tôi nói rằng sách *Luận ngữ* có *Chu Hy chương cú* đó là *Luận ngữ* của Tống nho. Nếu theo sách ấy mà tìm đạo Khổng thì e rằng khó mà thấy đạo Khổng chân thật.

PHAN KHÔI

Phổ thông, Hà Nội, s.81 (7.10.1930)

LUẬN LÝ HỌC CAI TRỊ CẢ MỌI SỰ Ở ĐỜI

Anh lý trưởng nói hỗn với ông quan về hưu,
ông nầy lại nhè kiện lý trưởng ăn gian của làng

Tôi đã nhiều lần nói rằng nước Việt Nam ta từ xưa đến nay chưa có cái nền học thuật đáng gọi là học thuật, có chăng họa là bắt đầu từ ngày nay ; mà ngày nay muốn bắt đầu lập cho nước ta một nền học thuật vững vàng thì phải lấy luận lý học làm trụ cốt. Vì trong các khoa học nếu chẳng hết thảy lấy luận lý học làm gốc, thì hết thảy đều là cẩu thả mà thôi, chẳng có giá trị gì hết.

Chẳng những về học thuật, suy ra cho đến trăm sự ở đời, thời sự nào cũng phải cần đến luận lý học. Bởi vì ta kêu bằng "đời" đó là gì ? Tức là sự loài người ăn ở với nhau. Nếu chẳng có loài người ăn ở với nhau thì chẳng thành ra đời nữa. Vả chăng trong sự ăn ở đại khái có những gì làm cho quan hệ người nầy với kẻ kia ? Đại khái có lời nói và việc làm. Lời nói việc làm lại đều gốc ở tư tưởng mà ra. Luận lý học là một khoa học dạy cho ta tư tưởng theo đường chánh đáng. Vì cớ đó, tôi nói : *Trăm sự ở đời cũng phải cần đến luận lý học ; luận lý học cai trị cả mọi sự ở đời.*

Tôi tưởng nếu có một người Tây nào học thức đúng đắn mà ở xen lộn vào xã hội ta, biết mọi sự trong xã hội ta như tôi biết, thì họ phải cười cho xã hội ta như trẻ con. Bởi vì trong xã hội ta có nhiều chuyện trái lẽ quá, mà trái lẽ một cách phi thường, đến nỗi người ta không có thể ngờ rằng nó xảy ra được.

Đó là vì thuở nay ta theo Nho giáo, mọi sự đều thiên trọng về cảm tình mà không kể đến lý trí. Trong một xã hội mà lý trí không phát đạt thì thường thường có chuyện buồn cười như thế, không đủ lấy làm lạ.

Phải chi chúng ta chỉ ở với nhau không như đời xưa thì dầu cho thiên trọng về cảm tình cùng vô hại. Đời nầy ta phải giao thiệp với các giống người khắp năm châu, nhứt là với người Pháp ; họ ăn chung ở lộn với ta, mà họ lại là một giống dân phát đạt về lý trí hơn hết, nếu ta còn giữ cách cũ, mọi sự không theo lý trí mà phán đoán, thì thiệt là nguy hiểm cho ta lắm. Bởi vậy tôi luôn luôn chú ý về chỗ đó, quyết đem những ngôn luận của mình mà mở mang cho đồng bào được phát đạt về lý trí. Ấy là tôi đã đề xướng cái khoa cần yếu là luận lý học trong bất kỳ việc gì.

Luận lý học là một phần trong triết học, song le nó chẳng phải cao xa chi, đem mà ghép vào mọi việc xảy ra hằng ngày đều được hết. Nếu làm như vậy thì nó thành ra dễ dàng lắm, ai lại chẳng hiểu ?

Tức như mới rồi trong báo *Tiếng dân*, nơi mục thời sự, có một chuyện rất tầm thường, tưởng chẳng ai thèm để ý tới làm chi, song tôi, tôi thấy nó là một vấn đề thuộc về luận lý học, tôi xách nó ra mà viết thành bài nầy để giúp sự phán đoán cho bà con, vui lắm.

Tại Bình Định, ở làng kia, có một ông quan về hưu trí tới ngụ. Ông không phải chính dân làng đó. Tháng Juillet rồi, làng ấy cất lại cái đình vừa xong, chẳng biết vì cớ gì tên lý trưởng lại đứng ngay ngõ ông mà nói nhiều lời lỗ mỗ.Việc ấy xảy ra ngày 16, qua hôm sau, 17, ông quan hưu ấy phát đơn đi kiện tên lý trưởng, tố giác rằng tên ấy đã ăn gian của làng trong khi làm đình và bán trộm đất công, v.v...

"Lạ thật ! Tên lý trưởng bất tồn(*) với ông thì ông cứ kiện sự bất tồn đó, sao lại tố giác việc làng ? Còn nói lý trưởng làm bậy, ăn

(*) H.T. Paulus Của (sđd.) ghi một chữ "tồn" (từ gốc Hán) nghĩa là nhường, khiêm, nhường. Vậy "bất tồn" có thể có nghĩa là không nhường nhịn, thiếu tôn trọng.

gian, bán ruộng của làng là hại làng, thì sao trước khi đó ông không hề nói ? Nói cho đúng thì ông chỉ vì việc riêng... rồi lấy việc làng mà trả thù việc riêng, chớ không có ý chi vì làng vì dân cả". – Trên đây là mấy lời của báo *Tiếng dân* phê bình cái thời sự buồn cười kia. Mấy lời phê bình nầy thậm phải.

Giá như làm ông quan cho minh chánh, gặp vụ kiện nầy nên xử thế nào ? Tôi tưởng ông quan minh chánh thì ổng sẽ bác cái đơn của vị hưu quan kia mà không chấp, rồi ổng nói cùng ông hưu quan ấy rằng : "Nếu tên lý trưởng nói lỗ mỗ với ngài, ngài muốn kiện nó thì kiện ngay cái sự lỗ mỗ ấy, tôi sẽ xử cho. Xong việc ấy rồi, nếu ngài còn muốn kiện sự nó xâm khuy việc làng thì cũng được, tôi cũng sẽ xử cho ngài, chỉ duy phải phân biệt một điều, là hai việc khác nhau, phải cưa mạch nào cho đứt mạch nấy".

Ông quan minh chánh nói như vậy là căn cứ vào đâu ? Ấy là căn cứ vào luận lý học.

Trong luận lý học, về điều *mậu vọng của thành kiến (fausseté de la présomption)*, có một điều kêu bằng *cái luận chứng hãm người (argument ad hominem)*[1]. Điều ấy chỉ nghĩa rằng trong khi người nào chỉ trích mình điều chi, mình không nhè điều ấy mà biện bác, lại đi bới móc chuyện riêng của người ấy, hoặc là chức nghiệp hèn, hoặc là phẩm hạnh xấu, để tỏ ra rằng sự người ấy chỉ trích mình là không thật. Luận lý học cấm người ta làm như vậy, cũng như Khổng Tử đã dạy : "Quân tử bất dĩ nhân phế ngôn".

Theo luận lý học đó thì trong việc nầy, ông hưu quan có kiện, chỉ nên kiện sự tên lý trưởng nói hỗn với mình ; chớ còn chuyện nó ăn gian của làng có mắc mớ chi mà kiện ? Như quả nó có ăn gian thật, ông quan nọ vì việc làng mà kiện thì nên kiện vào khi nào kia ; chớ nhè kiện nó sau khi nó nói hỗn với mình, thế tức là "thù vặt"

---

[1] Chữ *ad hominem* La-tinh, tức tiếng Pháp là à l'homme ; song trong luận lý học tiếng Pháp cũng dùng như vậy (nguyên chú của PK).

hay là "hiệp hiềm", người khôn ngoan biết xử sự, chẳng khi nào làm như vậy.

Ta cứ coi đó cũng đủ thấy việc nầy bên khúc bên trực đành rành. Vị hưu quan nầy đâu là Quang lộc tự khanh, chẳng phải nhỏ mọn gì, nếu là người trong sạch thì lý trưởng đâu dám nói hỗn ? Mà cho tên lý trưởng có nói hỗn đi nữa, nếu trong sự nó nói đó, ông kia đủ lẽ để binh vực mình và trừng trị nó thì đâu có bươi móc đến sự nó xâm khuy việc làng làm chi ? Cái nầy, ông bươi móc việc riêng của nó ra, đủ biết rằng ông khuất lý rồi, nên mới túng mà giở đến cái ngón ấy. Đoạn nầy là tôi cứ lẽ mà đoán, cái lẽ tôi nói đó đã ở ra ngoài vòng luận lý học.

Tôi chắc rằng nếu có người Pháp nào học hành khá một chút mà nghe câu chuyện nầy thì phải bụm miệng mà cười. Vì trong đó thấy cái tánh tình ra như cái tánh tình của trẻ con là hay thù vặt. Tôi lại cũng chắc rằng trong xã hội nước Pháp hay là xã hội văn minh nào khác thật không thể xảy ra vụ kiện nào chướng như vụ kiện đó.

Vậy mà không hiểu ông quan sở tại có chấp đơn của vị hưu quan kia chăng ? Theo tôi thì tôi kể chắc rằng ổng chấp đơn. Vì thường thấy trong xã hội ta sàn sàn như vậy, ít ai hay phân biệt việc nầy việc kia cho sách hoạch, huống chi quan An Nam ta lại còn trông cho có kiện mà xử nữa, bất kỳ lá đơn nào, hoạ có trời gầm mới nhả !...

PHAN KHÔI

Trung lập, Sài Gòn, s.6217 (8.8.1930)

LUẬT MÂU THUẪN LÀ BẤT BIẾN, NÓ THÍCH HẠP VỚI TƯ TƯỞNG GIỚI ĐỜI ĐỜI

Phản cái thuyết ông Võ Xuân Lâm

Trong học giới ta lâu nay không ai hề nhìn đến luận lý học. Vì cớ ấy những người nói và viết ra, phần nhiều không hạp lý mà không tự biết ; kẻ nghe và đọc cũng tợ hồ như ở trong đám mây mù, chẳng lấy gì làm chuẩn đích để phân biệt điều phải điều trái. Học giới nước ta không tấn bộ hay là tấn bộ một cách trầm trệ là tại đó.

Cho nên, muốn cho nước ta từ nay về sau có một nền học thuật vững vàng thì thế nào cũng phải lập cái nền ấy lên trên luận lý học. Chính tôi, rồi đây tôi sẽ viết ra sách luận lý học bằng quốc ngữ, hầu để cống hiến cái học ấy cho người trong nước. Song hiện nay tôi liệu chưa làm việc ấy được, nên trong khi viết bài trên báo tôi thường hay đem những vấn đề thuộc về phép luận lý mà giới thiệu cho độc giả, để ai nấy được làm quen với nó dần dần. Như vậy thì sau nầy, khi có một bổn sách luận lý học ra đời, bất kỳ của ai, tự nó khỏi có vẻ đường đột, mà người ta đối với nó cũng không đến nỗi lãnh đạm. Ấy, cái đường của tôi tính đi, là như vậy.

Trong khi đi đường đó, gặp được một vài bạn đồng chí, tôi rất lấy làm mừng. Ấy là báo *Phổ thông* ở Hà Nội và báo *Tiếng dân* ở Huế. Trong tờ báo trên có đăng bản dịch *Luận lý học* của ông Nguyễn Triệu Luật ; tờ báo dưới thì mới rồi có bài *Lập ngôn và*

tri ngôn, đem cái luật mâu thuẫn mà bác một vài cái ý kiến bất hạp lý kia.

Ở đời chỉ mừng mà thôi không có thú ; phải có gặp sự ngăn trở, thì người ta mới biết lo mà phấn đấu cho việc của mình làm được mau thành công. Cho được ứng nghiệm cái lý thuyết ấy, tôi gặp luôn ông Trần Trọng Kim và ông Võ Xuân Lâm nữa.

Trong bài ông Trần trả lời cho tôi lần thứ hai, về cuộc luận chiến Nho giáo, tỏ ra ý chán nản luận lý học. Không phải ông phản đối hẳn luận lý học, nhưng ông cho là cái học hẹp hòi, không đủ tìm thấy chơn lý. Mấy lời của ông rất là quan hệ, để rồi sau đây tôi sẽ viết ra mà chất chánh lại cùng ông. Còn ông Võ, trong *Phụ nữ* số 73, ông có bài bác lại bài của báo *Tiếng dân* nói trên kia mà tuyên ngôn rằng : "Luật mâu thuẫn không thích hạp với tư tưởng giới nữa", thì thật là một sự lạ, tôi phải viết ra đây mà cùng ông biện luận.

Trước hết tôi phải nói rằng cái bài của ông Võ kể cũng đã rõ ràng dễ hiểu, song lấy nghiêm cách mà luận, thì một bài nói về triết học mà phô diễn như vậy, có hơi lộn xộn một chút, làm cho tôi cứ theo lời ông mà biện luận, thật có nhiều nỗi khó khăn. Tức như ông nói rằng :

"Nguyên xã hội Âu châu từ đầu thế kỷ thứ mười tám trở lên, là một cái xã hội bất di bất dịch, ôm lấy một cái lý hội cố định (*conception figée*). Xã hội Âu châu hồi đó thật không khác gì xã hội cựu hủ của Á Đông ta về thời đại quân chủ ; không biết đến luật tiến hóa là cái gì ; khối óc không thay đổi ; tư tưởng không phát đạt ; bao giờ cũng khư khư giữ lấy cái hiện tượng trước mắt và tự an sanh hoạt trong chế độ sơ khởi... Vì muốn đặt ra mực thước cho sự phát kiến tư tưởng lúc bấy giờ nên nhà triết học Hy Lạp là Aristote mới phát minh ra phép luận lý (la logique)".

Đó, một đoạn đó thật là hàm hỗn. Nói xã hội Âu châu từ thế kỷ XVIII về trước hủ bại là như vậy, nên nhà triết học Hy Lạp mới

phát minh phép luận lý học để đặt ra mực thước cho sự phát kiến tư tưởng lúc bấy giờ ; nói thế, là nghĩa làm sao ?

"Từ thế thế kỷ XVIII trở lên" là một thời đại bao la có hằng mấy ngàn năm ; mà Aristote sanh năm 384, mất năm 322 trước Giáng sanh, cách hơn hai ngàn năm rồi mới đến thế kỷ XVIII ; vậy thì sao lại nói rằng "vì muốn đặt ra mực thước cho sự phát kiến tư tưởng lúc bấy giờ" được? Chữ "lúc bấy giờ" đó, nói gọn mà nghe, cho là chỉ về đầu thế kỷ XVIII trở lên tới thế kỷ thứ nhứt đi. Nếu vậy thời trong khoảng thời gian ấy, Aristote đã chết lâu rồi, có quan hệ gì đâu mà nói ? Hay là ý ông Võ Xuân Lâm định nói rằng tại Aristote đặt ra luật mâu thuẫn nên mới nhốt tư tưởng Âu châu vào trong cái vòng "lý hội cố định" ấy chăng ? Nếu ý ông như thế mà ông lại đặt văn như thế, thì làm thế nào cho người ta hiểu được ? Còn chưa nói tới cái ý ấy là trúng hay trật nữa.

Huống chi nói rằng từ đầu thế kỷ XVIII về trước, tư tưởng Âu châu vẫn ở trong vòng thủ cựu, không biết tiến hóa là cái gì, thì cũng lại không đúng nữa. Cái thời đại "Tái sanh" (*Renaissance*) bắt đầu từ giữa thế kỷ XV kéo dài ra đến cả thế kỷ XVI, ban đầu phát sanh từ Ý Đại Lợi rồi tràn khắp cả các nước Âu châu ; nội trong thời kỳ 150 năm đó, tư tưởng Âu châu đã được giải phóng rồi, có đâu đợi tới thế kỷ XVIII ?

Rồi đó ông lại nói đến luận lý học của Aristote. Ông nói rằng "phép luận lý đó gồm có ba luật như sau nầy", ông bèn kể ra là *luật chứng nhận, luật mâu thuẫn* và *luật tam cá trục xuất,* v.v.

Theo lời ông Võ đó thì như là luận lý học của Aristote chỉ gồm trong ba luật đó mà thôi. Không phải. Aristote có soạn một bộ sách gồm có năm thiên, kêu là sách "*Organon*" (nghĩa là *Cơ quan*), chuyên giảng về luận lý học. Tuy cái học nầy ở Âu châu từ hồi "Tái sanh" đến giờ cứ có người phát huy quảng đại mãi, chớ không giữ nguyên như của Aristote, nhưng phần nhiều những luật của Aristote phát minh ra, thì học giả đều phải công nhận là luật bất

biến, tuân thủ cho tới ngày nay. Tức như ba luật nói trên đó và sáu luật thuộc về tam đoạn luận.

Nói đến Hegel. Ông Hegel người nước Đức, ở về cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX. Cái luận lý học của ông nầy đành khác hẳn với luận lý học của học giả Âu châu từ Aristote trở xuống ; ông tự thành ra cái thuyết một nhà. Song nếu nói các luật về luận lý học của Aristote, của nền học thuật Âu châu xưa nay, vì ông ấy mà bị xóa bỏ hết, như lời ông Võ Xuân Lâm đó, thì thật tôi chưa từng biết đến.

Về *phép biện luận (dialectique)*(*) của Hegel, sau đây sẽ nói thêm ; đây nên nói vào đề : cái luật mâu thuẫn của Aristote tại sao mà kêu là luật bất biến ?

Muốn biết rõ luật mâu thuẫn thì tốt hơn là cắt nghĩa luôn với hai luật kia. Trong bài ông Võ Xuân Lâm, ông đã cắt nghĩa rồi, song không đúng cho lắm. Phàm một cái luật gì đã được đặt ra, là cốt ở chỗ dùng của nó, cái nầy, ông không xét đến chỗ ấy, nên nó mới thành ra "vô nghĩa".

Ba luật ấy và chỗ dùng của nó là như vầy :

1. *Luật tự đồng (loi d'identité)*. – Phàm sự vật nào cũng có cái thuộc tánh của nó. Cái thuộc tánh nó với chính mình sự vật ấy phải là đồng nhau. Như *người ta*, là một danh từ, cũng cho là một sự vật, thì cái thuộc tánh của nó là : có cử động, có sống chết, nhứt là có lý tánh. Sự có cử động có sống chết đó, người ta cũng giống như các động vật khác, chỉ khác là tại có lý tánh. Vậy thì nên nói gọn cái thuộc tánh của người ta là : *giống động vật có lý tánh*. Như vậy, nói *người ta*, với nói *giống động vật có lý tánh*, hai cái cũng đồng với nhau.

Lấy một cái thí dụ nữa. Như nói *Sài Gòn*, là một sự vật ; cái thuộc tánh của nó là : *làm kinh đô của xứ Nam kỳ*. Như vậy, nói *Sài Gòn*, với nói *kinh đô của xứ Nam kỳ*, hai cái cũng đồng với nhau.

(*) *dialectique* : sau này thường được dịch là "phép biện chứng", "biện chứng"...

Ấy đó, khi nào mình nhận ra một sự vật với cái thuộc tánh của nó đồng nhau, rồi mình hạ lời khẳng định, là phải theo *luật tự đồng*. Tự đồng nghĩa là chính mình sự vật ấy đồng với cái thuộc tánh của nó. Ông Võ kêu bằng *luật chứng nhận*, và lấy trái đất làm thí dụ, chưa được hết nghĩa.

Vậy cái chỗ dùng của luật tự đồng ở đâu ? Nó không dùng vào việc suy lý, nhưng chỉ dùng vào việc nhận biết. Nó làm nền cho hết thảy *mạng đề khẳng định (propositions affirmatives)* ; bao nhiêu mạng đề khẳng định đều lập lên trên nó. Như nói : *người ta là giống động vật có lý tánh ; Sài Gòn là kinh đô xứ Nam kỳ ;* ấy là theo luật tự đồng.

2. *Luật mâu thuẫn (loi de contradiction)*. - Luật mâu thuẫn không cần phải cắt nghĩa nhiều nữa, nó chỉ là *mặt tiêu cực của luật tự đồng*. Phàm một sự vật với một cái thuộc tánh không đồng nhau (ấy là mâu thuẫn), thì không được đem mà cho là đồng nhau. Vả lại, khi *đồng thời đồng địa* thì một sự vật không được có hai thuộc tánh tương phản. Như một tờ giấy, có thể trước trắng sau đen (dị thời), và cũng có thể chỗ trắng chỗ đen (dị địa). Nhưng nếu nói rằng tờ giấy kia cùng một lúc, cùng một chỗ (đồng thời, đồng địa) mà vừa trắng vừa đen, thì là sự không thể có được.

Ấy đó, khi nào mình nhận ra một sự vật với một cái thuộc tánh không quan hệ với nhau, không đồng nhau, rồi mình hạ lời phủ định, là phải theo *luật mâu thuẫn*. Nó làm nền cho hết thảy *mạng đề phủ định (propositions négatives)*, ấy là chỗ dùng của nó. Hết thảy mạng đề phủ định đều phải lập lên trên luật mâu thuẫn. Như nói : *Người ta không phải là cầm thú (trừ ra khi nào hay chỗ nào mà người ta đã mất lý tánh đi)* ; và nói : *Sài Gòn không phải là kinh đô của cả nước Việt Nam (trừ ra khi nào cả nước Việt Nam lấy Sài Gòn làm kinh đô)*.

3. *Luật cự tam (loi de tiers exclu)*. – Do hai luật trên mà sanh ra luật thứ ba nầy. Có một sự vật gì ở trước mặt ta, ta nhận biết nó,

một là theo cách khẳng định, hai là theo cách phủ định, chớ không thể nào có cách thứ ba nữa. Chữ *cự tam* nghĩa là *cự đệ tam giả*. Hoặc kêu bằng *luật cự trung* (*loi de milieu exclu*), cũng được ; nghĩa là mặt nào cũng phải ngả về một mặt, không được đứng cửa giữa. Ông Võ kêu bằng *luật tam cá trục xuất* thì gần như không nghĩa.

Có kẻ bẻ rằng : Phàm vật, hoặc cứng, hoặc mềm, hoặc ngay, hoặc cong, đã đành đi rồi. Song cũng có vật không cứng không mềm, không ngay không cong, mà ở vào cửa giữa. Vậy thì luật cự tam sao cho thành lập được ?

Đáp rằng : Theo luật cự tam, thì không nói cứng đối với mềm, ngay đối với cong ; nhưng nói *cứng* đối với *không cứng, ngay* đối với *không ngay*. Vậy thì dầu có vật không cứng không mềm, không ngay không cong ấy, mà nó đã không cứng không ngay thì cũng không thoát ra ngoài luật được ; cho nên luật ấy vẫn thành lập.

Luật cự tam dùng làm nền cho hết thảy *mạng đề tuyển ngôn (propositions disjonctives)*. Bao nhiêu mạng đề tuyển ngôn đều lập lên trên nó. Như nói :Thanh sắt nầy là cứng hay không cứng ư ? Người nầy có tánh ngay thẳng hay không ngay thẳng ư ? Như vậy là theo luật cự tam ; bởi vì cứng hay không cứng, ngay thẳng hay không ngay thẳng mà thôi, chớ không còn có cái thứ ba nữa.

Nhẫn lên cắt nghĩa ba luật ấy rồi, xin nói tóm lại rằng : Ba luật ấy, theo luận lý học, kêu là *cái nguyên tắc về sự đồng dị (principes d'identité et de différence)*. *Nó chỉ là cái nguyên tắc của sự nhận biết (principe de la connaissance), chớ không phải nguyên tắc của sự suy lý (raisonnement)*.

Nay nói riêng về luật mâu thuẫn, thì nó cũng chỉ là cái nguyên tắc để nhận biết mà thôi, nhận biết sự tương phản của sự vật mà thôi, chớ có phải cái nguyên tắc dùng để suy lý đâu mà hòng nói rằng luật ấy là "trái với lý luận" ? Huống chi luật mâu thuẫn chính để nhận thấy cái chỗ tương phản của sự vật, thế thì nó có phải là

"đồng kiết bất di" đâu ? Nó có hề vì cuộc biến thiên của tư tưởng Âu châu mà "hóa ra vô nghĩa" bao giờ ?

Ông Võ Xuân Lâm lấy *phép biện luận (dialectique)* của Hegel mà bẻ ba luật của Aristote, là không được. Vì hai đàng khác nhau : của Hegel là thuộc về sự suy lý, còn của bên nầy thuộc về sự nhận biết. Hegel muốn dùng cách gì mà suy lý mặc kệ ; chớ ông ta còn có sự nhận biết thì ông ta còn phải theo luật của Aristote.

Ông Hegel cũng vậy, hay là ông Võ Xuân Lâm cũng vậy, nếu trừ diệt sự nhận biết đi thì thôi, bằng còn có sự nhận biết, các ổng còn có khi nghĩ và nói rằng : Khổng Tử là thánh nhân ; Phan Khôi không phải là kẻ cướp ; con sấu là loài cá hay không phải loài cá ư ? – thì khi ấy các ổng còn phải theo luật tự đồng, luật mâu thuẫn, luật cự tam, theo một cách tự nhiên, dầu các ổng không muốn theo cũng không được !

Vậy thì khi còn có loài người, loài người còn có sự nhận biết ở trong phạm vi tư tưởng mình, còn có sự cần dùng về khẳng định, phủ định và tuyển ngôn trong khi nghĩ và nói, thì tất nhiên không bỏ được ba luật của Aristote. Cho nên tôi nói rằng luật mâu thuẫn là luật bất biến, nó thích hạp với tư tưởng giới đời đời.

Cái triết học của Hegel đại khái chủ trương rằng mọi sự vật ở thế gian nhờ có mâu thuẫn xung đột với nhau luôn luôn rồi mới có tấn hóa. Ông ấy cho rằng bất kỳ quan sát về vật lý, về nhân sự, hay là về tư tưởng học thuật, cũng đều thấy rằng hễ có một việc xảy ra đầu tiên, thì kế đó phải có việc khác xảy ra mà tương phản lại ; rồi do đó lại xảy ra việc thứ ba nữa : cứ như vậy nối luôn không dứt, mà thành ra cuộc tấn hóa. Bởi cái nguyên tắc ấy Hegel mới lập ra *phép biện luận (dialectique)* gồm có ba đoạn. Theo tôi thấy thì các danh từ của ba đoạn ấy khác với ông Võ Xuân Lâm đã nói. Đoạn thứ nhất là *chánh (thèse)* ; đoạn thứ nhì là *phản (antithèse)* ; đoạn thứ ba là *hiệp (synthèse)*. Rồi ông dùng phép biện luận ba đoạn tức

là *chánh, phản, hiệp* ấy mà cắt nghĩa hết thảy mọi sự biến hóa trong vũ trụ.

Coi đó thì phép biện luận ba đoạn là một phương pháp riêng, dùng về sự *suy luận (raisonnement)* của Hegel, không động chạm gì đến ba luật của Aristote là nguyên tắc dùng về sự *nhận biết (connaissance)*.

Huống chi cái lẽ mâu thuẫn của Hegel, như trên kia đã nói, *một việc xảy ra đầu tiên, kế đó phải có việc khác xảy ra mà tương phản lại,* thì phân minh là *dị thời dị địa*, chớ không phạm vào cái điều kiện *đồng thời đồng địa* của luật mâu thuẫn. Một sự vật mà đồng thời đồng địa, sự quan hệ đồng nhau (*sous même rapport*), thì không đời thuở nào có mâu thuẫn được. Nếu vậy mà cho là có mâu thuẫn, thì phải thành ra ngụy biện (*sophisme*).

Ông Võ Xuân Lâm có lấy thí dụ về cái trứng, mà ông không chú ý đến thời gian. Ông nói rằng : "Khi nó còn là cái trứng, nó đã sẵn có mầm mâu thuẫn ở trong rồi, là cái nguyên tử (*germe*)". Viện cái lẽ ấy, ông cho "một vật có thể là vật nầy vật khác, một điều có thể là điều nầy điều khác". Song ông quên rằng khi nào một vật mà khác như vậy được, ắt là cái địa điểm hoặc cái thời gian của nó cũng khác. Trong khi cái trứng mới lọt ra, thì cái trứng là cái trứng ; nó hẳn có ngày nở ra chim con, nhưng cái ngày ấy không phải là ngày nó mới lọt ra. Chính ông Võ cũng nói rằng "Cái trứng được hoàn thiện thì thế nào *ngày kia* nó cũng phải biến hóa ra con chim con". Bởi chữ *ngày kia* đó, đủ thấy sự mâu thuẫn ấy ở ngoài luật mâu thuẫn.

Nếu lời thí dụ của ông Võ về cái trứng đó mà không lấy thời gian làm điều kiện, thì không khác gì một câu của mấy nhà ngụy biện hồi đời Chiến Quốc. Ấy là câu "Noãn hữu mao" (nghĩa là "trứng có lông"). Họ cũng cắt nghĩa tựa như ông Võ, nói rằng cái trứng về sau thế nào cũng nở ra chim con ; mà chim con thì có lông ;

thế thì kêu ngay *cái trứng có lông* đi cũng được. Ấy là họ chỉ cứ theo hư lý mà không kể thực sự, tức là họ không kể sự quan hệ của thời gian vậy.

Tóm lại, luật mâu thuẫn chỉ là nguyên tắc của sự nhận biết, chớ không phải nguyên tắc của sự suy luận ; và lại phải là đồng địa đồng thời thì cái luật ấy mới có hiệu lực (*effet*) ; cho nên nó không trở ngại gì đến sự tấn hóa của tư tưởng, mà nó là luật bất biến, thích hạp với tư tưởng giới đời đời.

PHAN KHÔI

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn, s.75 (23.10.1930)

PHÉP LÀM VĂN

Theo như bổn báo đã rao trong một số trước, bắt đầu từ kỳ nầy đăng bài nói về "Phép làm văn" rồi tiếp theo đây mỗi kỳ sẽ có một bài về mục ấy.

Đương trong lúc quốc văn mới nhóm lên, ai ai cũng có cái khuynh hướng muốn lợi dụng nó về mọi việc, mà chưa có cái thể thức nào nhứt định, chưa có cái gì làm như kim chỉ nam cho người viết văn thì cũng là một sự bất tiện lắm. Chúng tôi thấy mọi người đều ước ao rằng phải chi trong lúc nầy mà có người soạn ra những sách dạy về văn quốc ngữ thì tiện lợi cho đồng bào là dường nào !

Sự ước ao ấy vẫn chánh đáng mà cũng khí hơi cao xa. Vì một thứ chữ mới gầy dựng lên, ban đầu hết, ai cũng như nấy, cũng thấy là trong khi ứng dụng nó, khó khăn nhiều bề ; vậy thì hỏi ai có tài lực nào cho đủ mà lập ra một cái quy tắc rành rẽ, đúng đắn, hầu làm mẫu mực cho mọi người được ? Cho nên sự ước ao ấy cũng khó mà thiệt hiện ra.

Tuy vậy, chúng ta chớ nên thấy thế mà ngã lòng. Thứ chữ nào cũng vậy, mới bắt đầu gây dựng lên, chưa có thể nào hoàn toàn được, chưa có quy tắc nhứt định được, mà cần phải mỗi ngày một trưởng thành lên với thì giờ. Trong khi trải qua một khoảng thì giờ ấy, người nầy phát minh ra cái nầy, người kia sáng tạo ra cái kia, lâu ngày nhóm góp lại, cái nào được người ta công nhận, thì cái đó sẽ thành ra quy tắc. Bởi vậy, hiện lúc nầy đây, trong học giới nước ta, về phương diện văn tự, chính là lúc mà mỗi người đều có cống hiến nhiều ít cái sở đắc của mình. Bổn báo mở ra mục "Phép làm văn" chẳng qua là muốn cống hiến một vài điều sở đắc của chúng tôi mà thôi.

Độc giả đọc mục nầy, xin chớ coi như là bài học trong nhà trường dạy về khoa văn học ; song hãy coi như là cái bổn cảo của những bài học ấy còn

đợi các bực cao minh chỉ chánh cho những điều lầm lỗi.

Tác giả mục nầy vốn là nhà cựu học, nhỏ lớn chưa hề được ngồi trên cái ghế của trường học kiểu kim thời. Về phép làm văn theo như khuôn phép của khoa văn học thế giới ngày nay, tác giả có sờ đắc một ít, cũng chỉ nhờ công nghiên cứu lấy ở dưới bóng đèn, bên cửa sổ. Lấy cái học không gốc mà dám viết ra đây, chẳng qua là một sự đánh bạo, một sự làm thử, muốn chứa lại đây một mớ đầu đày mạt cưa để sắm sẵn cho tay thợ dựng cái lầu đài quốc văn có dùng được chút nào thì dùng.

Bởi vậy chúng tôi mong rằng sau khi đọc mục nầy trong mỗi số, độc giả có thấy chỗ nào lầm lỗi thì xin làm ơn gởi thơ đến bổn báo mà đính chánh cho. Có làm như vậy mới mong lẽ phải được tỏ bày ra, và mỗi người một ít, mỗi ngày một chút, nhờ đó mà tiếng Việt Nam sau nầy mới có mẫu mực nhứt định, theo như bây giờ chúng ta đương ao ước.

Trên đây là lời của Tòa soạn chúng tôi bày tỏ chút lòng thành thật, trong khi mở ra làm việc quan hệ nầy. Dưới đây xin tiếp theo "mấy lời nói đầu" của tác giả.

P.N.T.V.

MẤY LỜI NÓI ĐẦU

Mới thấy ba chữ "Phép làm văn", có người sẽ nói rằng : "Làm văn lại cần phải có phép ư ? Các bậc tiên hiền ta ngày xưa như cụ Nguyễn Du, cụ Đồ Chiểu, có hề học phép làm văn bao giờ mà các cụ cũng làm nên sách nọ sách kia, nổi danh là nhà văn học ? Khéo bày ra cho lắm trò ! Có học tập thì tự nhiên làm văn được, chớ không cần phải đặt ra phép tắc làm chi".

Ai nói như vậy cũng có lẽ ít nhiều, chớ không phải toàn vô lý hết. Theo lối học của ta ngày xưa, thật như vậy, về sự làm văn, chưa hề có ai bày ra phương pháp để dạy ai. Cho đến bên Tàu, chừng năm bảy mươi năm về trước cũng không hề có sách dạy chuyên về phép làm văn nữa.

Ấy là theo cái cách thức người phương Đông ta, mọi sự đều nhờ

ở sự sáng dạ của kẻ học, chớ còn thầy dạy, cứ dạy tràn lan cho, không nương theo phương pháp kiểu mẫu nào, việc gì cũng vậy, không phải nội một việc học chữ. Vậy mà trong rừng nho cũng có người viết văn hay, ám hiệp với phép tắc tự nhiên ; trong các nghề cũng có lắm tay thợ khéo, không kém gì nhà mỹ thuật có học hành đúng đắn.

Thật, cái hay cái khéo là nhờ ở thiên tài phần nhiều. Một người nếu không có khiếu trời cho về văn học thì dầu cả đời theo đuổi về đường ấy, hằng ngày luyện tập theo phương pháp kiểu mẫu đúng đắn, cũng chẳng hề thành ra được nhà văn hào. Đó là lẽ tất nhiên ; ngày xưa chúng ta sống là sống trong cái lẽ tất nhiên ấy mà không biết biến hóa.

Cứ phó mặc cho cái lẽ tất nhiên ấy thì một trăm người đi học may ra mới được một người có thiên tài, có khiếu làm văn, người ấy về sau sẽ thành ra nhà văn hào chắc chắn. Nhưng còn chín mươi chín người kia, có lẽ đành phải chịu dốt, hay là phải thất công gấp hai, vì đã không có khiếu, không có thiên tài, mà lại cũng không có phương pháp kiểu mẫu để cho dễ học hơn.

Nói đến đó thì đã hơi thấy mọi sự phải cần có phương pháp kiểu mẫu rồi, đã hơi thấy sự làm văn phải cần có phép rồi.

Các nước bên Âu-Mỹ, cho đến Nhựt Bổn, hay là Trung Huê ngày nay cũng vậy, về sự làm văn, họ phải dạy nhau bằng những phép tắc nhứt định, ai cũng có thể noi theo đó mà làm được.

Trong việc nầy thấy ra người các nước văn minh, về sự học vấn, họ không toàn cậy ở thiên tài mà cũng cậy ở nhân lực. Nhân lực tức là những phương pháp kiểu mẫu đó. Người ta đã nghiệm ra rằng trong nước nào mà sự giáo dục có theo phương pháp kiểu mẫu thì người có thiên tài cũng sẽ nhờ đó mà mau giỏi thêm hơn, còn những người không có thiên tài cũng sẽ nhờ đó mà không đến nỗi cả đời dốt nát. Chúng ta cũng đã nghiệm ngay trước mắt đây rồi ; những học trò tốt nghiệp ở trường tiểu học bây giờ, dầu dở đến đâu

cũng viết được một bài tầm thường bằng tiếng Pháp ; còn hồi xưa học chữ Hán, có kẻ đã tốn công phu đèn sách đến mười mấy năm trời mà viết một bức thơ nhà không nổi. Ấy không phải tại chữ Hán khó hơn chữ Pháp đâu ; chỉ tại bây giờ học chữ Pháp có phương pháp kiểu mẫu mà ngày xưa học chữ Hán thì không có mà thôi vậy.

Huống chi cái quan niệm về văn học ngày nay có khác với ngày xưa. Ngày xưa duy có những người sẵn thiên tài thì mới mong làm nhà văn học, rồi những vật xuất sản của văn học cũng chỉ riêng một đám họ thưởng thức với nhau ; cái văn học ấy hình như có cái tánh chất quý tộc ở trong. Còn ngày nay văn học đã thành ra một món cần dùng cho dân chúng, hầu như hết thảy người trong xã hội cũng phải mỗi ngày sống trong văn học là mấy giờ. Cái hiện tượng ấy chẳng những thấy ra trong các nước văn minh, mà chính ở nước ta đây cũng thấy được, tức là chị hàng cá ở xó chợ, anh phu xe ở đầu đường, cũng thường mở cuốn tiểu thuyết ra mà giám thưởng trong lúc thanh nhàn.Vậy thì ta phải để riêng hạng thiên tài ra ; bây giờ đây, phải làm thế nào cho nhứt ban dân chúng đều có ít nhiều tri thức về văn học, hầu để thêm lên cái hứng vị trong khi giám thưởng, ấy là cái hứng vị của sự sống.

Muốn được như vậy phải nhờ những người có học trong nước, mỗi người góp một ít phương pháp, kiểu mẫu về văn học, lấy ra từ sự biết của mình, đem mà cống hiến cho dân chúng, thì mới được. Khi một cái phương pháp, kiểu mẫu nào được công nhận mà thành lập rồi, ai đã biết chữ cứ theo đó mà tự học lấy, viết ra sẽ thấy là thông, đọc của ai sẽ biết hay biết dở ; như vậy không cốt để làm một nhà văn học đâu, song để bổ ích cho những giờ thuộc về cái đời văn học của họ vậy.

Nãy giờ tôi nói để tỏ ra phép làm văn là cần có ; rồi đây sắp sau mới nói đến cái phép ấy là thế nào.

Những nước nào mà văn tự đã thành thục rồi, nền văn học đã vững chãi rồi, thì trong nước họ đều có các thứ sách chuyên dạy về

phép làm văn. Một người học trò đến bực trung học rồi, là tất phải thông hiểu qua các sách ấy. Còn người nào rủi mà thất học, không chịu giáo dục ở nhà trường được, thì cũng có thể nhờ các sách ấy mà tự nghiên cứu lấy. Vì đã làm người dân ở các nước văn minh, thì sự nầy coi như là thường thức, ai cũng phải biết, chẳng phải là cao xa chi. Đây xin kể đại lược về các thứ sách ấy :

1. *Văn pháp (Grammaire)*(*). – Sách nầy dạy về sự tổ chức và cách kết cấu của một thứ văn tự, phải học nó thì dùng chữ mới khỏi sai và nói hay viết ra mới đúng với nguyên tắc của văn tự ấy. Các bực tiền bối ta thường kêu sách nầy bằng "sách Mẹo" ; nhớ như ông Trương Vĩnh Ký đã dùng chữ quốc ngữ mà làm sách văn pháp của chữ Pháp cho người mình dễ hiểu, kêu bằng "sách Mẹo Phan Lang Sa".

2. *Luận lý học* (*Logique*). – Sách nầy dạy người ta về sự tác dụng của tư tưởng ; có thông hiểu nó thì mới biết dùng tư tưởng theo đường phải và tránh sự lỗi lầm. Luận lý học là sách dạy về tư tưởng, chớ không chuyên dạy về phép làm văn ; song văn chương là do tư tưởng mà ra, cho nên cần phải học.

3. *Tu từ học* (*Rhétorique*)(**). – Sách nầy chuyên dạy về sự làm văn cho đẹp, cho hay. Cái mục đích của văn chương có ba điều, là : tín, đạt, mỹ. Tín là cho đúng ; đạt là cho thông ; mỹ là cho đẹp, cho hay. Muốn đúng và thông thì nhờ ở hai thứ sách trước ; còn muốn cho đẹp cho hay thì phải nhờ ở tu từ học.

Phép làm văn ở các nước gồm trong ba thứ sách đó ; một người học mà muốn làm được văn thì phải biết qua cả ba thứ đó mới đủ phép làm văn. Trong ba thứ sách đó, luận lý học thì nước nào cũng như nước nào, vì loài người tâm lý đã đồng nhau thì sự tác dụng của tư tưởng cũng đồng nhau. Duy có hai thứ kia, văn

(*) Văn pháp (grammaire) : nay thường dùng từ "ngữ pháp".

(**) Tu từ học (rhétorique): nay thường thay bằng các từ "phong cách học", "từ chương học".

pháp và tu từ học thì mỗi nước khác nhau một ít, bởi tại ngôn ngữ và văn tự mỗi nước đều khác.

Ở nước ta, chữ quốc ngữ mới gây dựng lên, chưa có ba thứ sách ấy bằng tiếng ta, cho nên văn quốc ngữ không lấy đâu làm mực thước cả. Trừ ra sách luận lý học, bây giờ nếu có ai thông hiểu cái học ấy rồi, đem mà viết ra bằng tiếng ta, thì thành sách liền. Duy có hai thứ kia, phải chờ đến bao giờ tiếng ta và văn ta được thành thục rồi, những cái nguyên tắc của tiếng và văn đã tìm thấy đủ hết và được nhứt định, thì bấy giờ hai thứ sách đó mới thành được.

Vậy thì ngay bây giờ đây, là lúc chúng ta đương đi tìm những cái nguyên tắc ấy. Đã thấy có người làm sách văn pháp cho tiếng ta rồi – như ông Lê Thước ; nhưng một người không đủ. Văn pháp nước nào cũng vậy, chẳng phải do một người mà thành được, phải nhờ ở đông người mỗi người cống hiến một ít.

Những bài tôi sẽ viết trong mục *Phép làm văn* đây, chính là tôi muốn đem cống hiến một ít của tôi. Những bài ấy sẽ nói về sự quan hệ của văn với văn pháp, hoặc với luận lý học, hoặc với tu từ học, cốt để tìm ra những cái nguyên tắc đã nói trên kia vậy.

Theo lẽ, đã gọi là "Phép làm văn", thì những bài trong mục ấy từ đầu đến cuối phải có thống hệ, có trật tự, cho kẻ đọc có thể cứ theo đó mà lấy làm chuẩn đích cho sự làm văn được mới phải. Song sự đó tôi nhận là rất khó, hiện ngày nay chưa có thể làm được, mà đành phải thấy đâu viết đó, cốt là không trật ra ngoài cái phạm vi ba thứ sách đã nói đó mà thôi.

Vậy nên, xin độc giả coi những bài của tôi sẽ viết đây như là bổn cảo, cốt ghi lấy những điều quan hệ về phép làm văn, và nêu ra làm vấn đề cho mọi người chú ý đến mà nghiên cứu, chớ không phải là dám đem mà dạy ai đâu.

Tuy vậy, tôi cũng trông mong rằng những điều tôi sẽ cử ra đây

nếu được công nhận là những nguyên tắc của tiếng và văn nước ta, thì chắc cũng sẽ có bổ ích cho sự làm văn đương thời ít nhiều, và những sách văn pháp, tu từ của ta sau nầy cũng sẽ lượm lặt ở đây được một mớ tài liệu, ấy là chỗ nguyện vọng riêng của tôi, song đâu đã dám chắc.

Những bài nầy mỗi bài sẽ đánh số là thứ nhứt, thứ nhì v.v.... nhưng làm như vậy để cho tiện sự về sau nhắc lại, chớ không phải là có trật tự liên quán với nhau. Tiếp theo đây, bài thứ nhứt sẽ nói về cách đặt các quán từ (*articles*).

BÀI THỨ I – Cách đặt các quán từ

Quán từ tức trong tiếng Pháp kêu bằng *article*, là những chữ dùng đặt trên danh từ (*nom*). Chữ "quán" nghĩa là "trùm" ; quán từ là chữ trùm trên danh từ vậy.

Bất kỳ một thứ ngôn ngữ văn tự nào, cách tổ chức và kết cấu của nó cũng đều có luật tự nhiên cả. Kêu bằng "luật tự nhiên", vì chẳng có ai đặt ra luật ấy hết, mà chính nó còn có một cách vô hình ở trong thứ ngôn ngữ văn tự ấy.

Trong ngôn ngữ văn tự vẫn có luật, vậy thì ai đã biết thứ ngôn ngữ văn tự nào rồi, lẽ cũng biết luôn luật nữa mới phải. Nhưng vì người ta đối với cái gì đã quen quá rồi, ít hay chú ý đến, nên hoặc có người không biết mà trái luật, cho đến hoặc có người nói và viết ra trúng luật luôn luôn mà cũng không tự biết. Chúng ta đọc trong một bổn tuồng của ông Molière, thấy nói có lão Jourdain, nhờ có người bảo cho, lão mới tỉnh ngộ ra rằng mình đã làm văn xuôi luôn hơn bốn mươi năm, thì chúng ta phải tức cười nôn ruột ; song có ngờ đâu rằng chính chúng ta đây cũng có khi dật dờ như lão ! Ấy là chỉ tại ta không chú ý.

Kêu bằng sách văn pháp, chẳng phải có ông thánh nào đặt ra được sách ấy đâu, chỉ là do những người hay chú ý tìm ra được những luật tự nhiên của một thứ ngôn ngữ văn tự mà thôi. Luật tự

nhiên ấy cũng gọi là những nguyên tắc. Những nguyên tắc ấy khi được công nhận rồi, thành ra sách văn pháp, dùng làm kẻ nhắc chừng cho lão Jourdain tinh ngộ, chớ chẳng có gì thần bí hết.

Bài nầy tôi nói về cách đặt các quán từ mà tôi lại kể lể ra xa xuôi như vậy là cốt muốn cống hiến cho độc giả một điều rất quan hệ trong sự học, ấy tức là hai chữ "chú ý".

Người mình hay có cái tánh cẩu thả, gặp cái gì lạ, cũng bỏ qua đi, không hề chú ý ; như vậy, chẳng phải là học. Có chú ý thì mới có quan sát, có quan sát thì mới có sở đắc, ấy tức là học đó. Bằng như gặp sự gì cũng không chú ý thì đã bỏ mất cái bước đầu của sự học rồi.

Đây tôi đem trình bày những cái nguyên tắc về cách đặt các quán từ trong tiếng Việt Nam, ấy là tôi đem cống hiến cho độc giả những cái sở đắc của tôi trong sự nghiên cứu ấy. Nhưng tôi lại muốn cống hiến luôn cả cái lịch trình nghiên cứu của tôi nữa, – như vậy tôi tưởng lại còn có ích hơn – nên tôi mới lấy làm hệ trọng mà nói đến hai chữ "chú ý".

Tôi học viết văn quốc ngữ từ hai mươi năm về trước. Khi bắt đầu, tôi đương còn ngớ nghẩn, một điều tôi rất lấy làm lạ, là sao trong khi nói thì thấy mình nói gì cũng xuôi, mà trong khi viết thì thấy viết gì cũng khó. Trong những cái khó, có một cái là nhiều chữ giống nhau, muốn dùng chữ nào cũng được hết, thì mình nên dùng chữ nào ?

Sau tôi mới biết ra rằng những chữ mình nói là giống nhau ấy, thật không phải giống nhau như hệt đâu. Hễ chữ đã khác thì nghĩa cũng phải khác, có điều chỉ khác một ít, tức như tiếng Pháp kêu bằng "nuance". Có người Pháp nói rằng trong tiếng Pháp chẳng có chữ nào là dị âm đồng nghĩa. Thật thế, trong tiếng Việt Nam ta cũng thế.

Hồi đầu tôi chú ý nhứt là hai chữ trong quán từ của ta: chữ *những*

với chữ *các*. Mỗi khi tôi viết cái gì, tôi cứ tự hỏi hoài câu nầy : chỗ nầy nên dùng chữ *các* ư ? nên dùng chữ *những* ư ? Đã lâu lắm mà tôi chẳng tìm ra được câu trả lời nào cho dứt khoát, đúng đắn.

Vào khoảng năm 1920, tôi ở Hà Nội, khi nói chuyện với một nhà làm văn, tôi đem hai chữ ấy mà hỏi ông ta. Tôi hỏi : "Chữ *những* với chữ *các* giống nhau hay là khác nhau ? Nếu khác nhau thì khác ở chỗ nào ? Làm văn, khi nào nên dùng chữ *những* ? Khi nào nên dùng chữ *các* ?"

Ông ấy trả lời : "Đại để hai chữ cũng giống nhau, khi nào nói *các* nghe xuôi thì nói *các*, khi nào nói *những* nghe xuôi thì nói *những*".

Số là ông nầy mới vừa diễn thuyết ở hội quán kia. Bấy giờ như là có trời mở trí cho, tôi hỏi tiếp ông ta một câu rằng : "Sao bữa trước, khi ông diễn thuyết, ông nói : Thưa *các* ngài" mà không nói "Thưa *những* ngài"?

Ông ta đáp : Ấy, tôi đã nói : Khi nào nói *các* nghe xuôi thì nói *các*. Nói "Thưa *các* ngài", nghe xuôi hơn, thì nói "Thưa các ngài" chớ sao ?

Tuy ông nói vậy chớ hình như câu hỏi của tôi cũng đã đánh thức cho ông mạnh lắm. Đã đành rằng nói *các* nghe xuôi hơn ; song tại làm sao chỗ ấy nói *các* nghe xuôi hơn, mà còn nói *những* lại không xuôi ?

Kẻ học đời nay có một cái bí quyết để tìm thấy chơn lý, ấy là bất kỳ gặp sự gì cũng phải hỏi : *Tại làm sao* ? Nếu cứ hễ nghe *các* xuôi viết *các*, nghe *những* xuôi viết *những*, thôi thì chẳng còn có thứ ngôn ngữ văn tự nào đặt ra văn pháp làm chi nữa !

Nhờ sự bàn luận tình cờ và nhứt là nhờ ở câu hỏi cuối cùng của tôi đó mà tôi nghiên cứu lần lần, tìm ra được những nguyên tắc của cách đặt quán từ. Những nguyên tắc ấy, tìm được rồi, khi tôi viết văn, chỗ nào nên dùng chữ *các*, chỗ nào nên dùng chữ *những*, tôi thấy là nhứt định, không còn lộn xộn như trước nữa.

nhiên ấy cũng gọi là những nguyên tắc. Những nguyên tắc ấy khi được công nhận rồi, thành ra sách văn pháp, dùng làm kẻ nhắc chừng cho lão Jourdain tinh ngộ, chớ chẳng có gì thần bí hết.

Bài nầy tôi nói về cách đặt các quán từ mà tôi lại kể lể ra xa xuôi như vậy là cốt muốn cống hiến cho độc giả một điều rất quan hệ trong sự học, ấy tức là hai chữ "chú ý".

Người mình hay có cái tánh cẩu thả, gặp cái gì lạ, cũng bỏ qua đi, không hề chú ý ; như vậy, chẳng phải là học. Có chú ý thì mới có quan sát, có quan sát thì mới có sở đắc, ấy tức là học đó. Bằng như gặp sự gì cũng không chú ý thì đã bỏ mất cái bước đầu của sự học rồi.

Đây tôi đem trình bày những cái nguyên tắc về cách đặt các quán từ trong tiếng Việt Nam, ấy là tôi đem cống hiến cho độc giả những cái sở đắc của tôi trong sự nghiên cứu ấy. Nhưng tôi lại muốn cống hiến luôn cả cái lịch trình nghiên cứu của tôi nữa, – như vậy tôi tưởng lại còn có ích hơn – nên tôi mới lấy làm hệ trọng mà nói đến hai chữ "chú ý".

Tôi học viết văn quốc ngữ từ hai mươi năm về trước. Khi bắt đầu, tôi đương còn ngớ nghết, một điều tôi rất lấy làm lạ, là sao trong khi nói thì thấy mình nói gì cũng xuôi, mà trong khi viết thì thấy viết gì cũng khó. Trong những cái khó, có một cái là nhiều chữ giống nhau, muốn dùng chữ nào cũng được hết, thì mình nên dùng chữ nào ?

Sau tôi mới biết ra rằng những chữ mình nói là giống nhau ấy, thật không phải giống nhau như hệt đâu. Hễ chữ đã khác thì nghĩa cũng phải khác, có điều chỉ khác một ít, tức như tiếng Pháp kêu bằng "nuance". Có người Pháp nói rằng trong tiếng Pháp chẳng có chữ nào là dị âm đồng nghĩa. Thật thế, trong tiếng Việt Nam ta cũng thế.

Hồi đầu tôi chú ý nhứt là hai chữ trong quán từ của ta: chữ *những*

với chữ *các*. Mỗi khi tôi viết cái gì, tôi cứ tự hỏi hoài câu nầy : chỗ nầy nên dùng chữ *các* ư ? nên dùng chữ *những* ư ? Đã lâu lắm mà tôi chẳng tìm ra được câu trả lời nào cho dứt khoát, đúng đắn.

Vào khoảng năm 1920, tôi ở Hà Nội, khi nói chuyện với một nhà làm văn, tôi đem hai chữ ấy mà hỏi ông ta. Tôi hỏi : "Chữ *những* với chữ *các* giống nhau hay là khác nhau ? Nếu khác nhau thì khác ở chỗ nào ? Làm văn, khi nào nên dùng chữ *những* ? Khi nào nên dùng chữ *các* ?"

Ông ấy trả lời : "Đại để hai chữ cũng giống nhau, khi nào nói *các* nghe xuôi thì nói *các*, khi nào nói *những* nghe xuôi thì nói *những*".

Số là ông nầy mới vừa diễn thuyết ở hội quán kia. Bấy giờ như là có trời mở trí cho, tôi hỏi tiếp ông ta một câu rằng : "Sao bữa trước, khi ông diễn thuyết, ông nói : Thưa *các* ngài" mà không nói "Thưa *những* ngài"?

Ông ta đáp : Ấy, tôi đã nói : Khi nào nói *các* nghe xuôi thì nói *các*. Nói "Thưa *các* ngài", nghe xuôi hơn, thì nói "Thưa các ngài" chớ sao ?

Tuy ông nói vậy chớ hình như câu hỏi của tôi cũng đã đánh thức cho ông mạnh lắm. Đã đành rằng nói *các* nghe xuôi hơn ; song tại làm sao chỗ ấy nói *các* nghe xuôi hơn, mà còn nói *những* lại không xuôi ?

Kẻ học đời nay có một cái bí quyết để tìm thấy chơn lý, ấy là bất kỳ gặp sự gì cũng phải hỏi : *Tại làm sao* ? Nếu cứ hễ nghe *các* xuôi viết *các*, nghe *những* xuôi viết *những*, thôi thì chẳng còn có thứ ngôn ngữ văn tự nào đặt ra văn pháp làm chi nữa !

Nhờ sự bàn luận tình cờ và nhứt là nhờ ở câu hỏi cuối cùng của tôi đó mà tôi nghiên cứu lần lần, tìm ra được những nguyên tắc của cách đặt quán từ. Những nguyên tắc ấy, tìm được rồi, khi tôi viết văn, chỗ nào nên dùng chữ *các*, chỗ nào nên dùng chữ *những*, tôi thấy là nhứt định, không còn lộn xộn như trước nữa.

Tôi làm sự nghiên cứu ấy theo phương pháp quy nạp. Bắt đầu hết, nhơn hai cái danh từ "các ngài" và "những ngài" đó, tôi hiểu rằng hễ khi nào có một số nhiều nhứt định (*déterminé*) ở trước mặt mình, như một bọn thính giả ở trước mặt người diễn thuyết, thì phải dùng chữ *các*, không được dùng chữ *những*. Rồi tôi lập ra một cái giả thuyết như vầy : Chữ *các*, dùng để trên một danh từ nào số nhiều mà nhứt định, hoặc đếm được, hoặc không đếm được nhưng thấy được hay là trong ý mình chỉ ra được. Còn chữ *những*, dùng để trên danh từ nào số nhiều mà không nhứt định, không đếm được, không thấy được, không chỉ ra được.

Lập xong cái giả thuyết ấy, tôi bèn chú ý đến trong khi đọc các sách quốc ngữ đúng đắn, coi thử những chỗ dùng chữ *các* và chữ *những* có hiệp với cái giả thuyết ấy chăng. Tôi thấy hiệp lắm ; duy có tác giả nào không hiểu luật tự nhiên, không nhận thấy sự "nghe xuôi" mà nhà làm văn nọ nói trên đó, thì mới dùng sai mà thôi. Tôi thấy trong một cuốn sách kia có chỗ dùng cả chữ *những* và chữ *các* trên một danh từ (như nói *những các người* v.v.), thì tôi cho là vô nghĩa quá.

Trong những sách quốc ngữ xưa, có *Truyện Kiều* là đúng đắn hơn hết, tôi lấy trong đó mấy cái lệ ra để làm chứng cho cái giả thuyết của tôi :

Trải qua một cuộc bể dâu,
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.

Những điều đó tuy nói trông thấy mà không nhứt định là những điều nào, không đếm được, không chỉ ra cho hết được, cho nên dùng chữ *những*.

Kiều rằng : "Những đấng tài hoa,
Thác là thể phách, còn là tinh anh.

Chữ *những đấng* đó cũng vậy, không nhứt định là những đấng nào, không đếm được và không chỉ rõ ra được.

Trong *Truyện Kiều*, khi nào dùng chữ *những*, cũng có ý như vậy hết ; mà trái lại, khi nào dùng chữ *các* thì chỉ về số nhiều nhứt định :

Kíp truyền chư tướng hiến phù,
Lại đem các tích phạm đồ hậu tra.

Bọn phạm đồ ấy có số nhứt định, tức là bao nhiêu người mà Từ Hải đã sai đi bắt về, cho nên dùng chữ *các* để chỉ hẳn ra.

Tú Bà với Mã Giám Sanh,
Các tên tội ấy đáng tình còn sao ?

Trên câu ấy lại còn câu : "Trước là Bạc Hạnh Bạc Bà, bên là Ưng, Khuyển, bên là Sở Khanh". Vậy thì tóm lại bảy cái tên người ấy là số đếm được, thấy được, nên cũng dùng chữ *các*.

Nhơn khi do *Truyện Kiều* mà nghiên cứu chữ *các* và chữ *những* đó, thấy nhiều chỗ lại có chữ *mấy*, tôi cũng chú ý luôn. Đây cử ra hai câu :

Mấy người bạc ác tinh ma,
Mình làm mình chịu kêu mà ai thương ?
Mấy người hiếu nghĩa xưa nay
Trời làm chi đến lâu ngày càng thương !

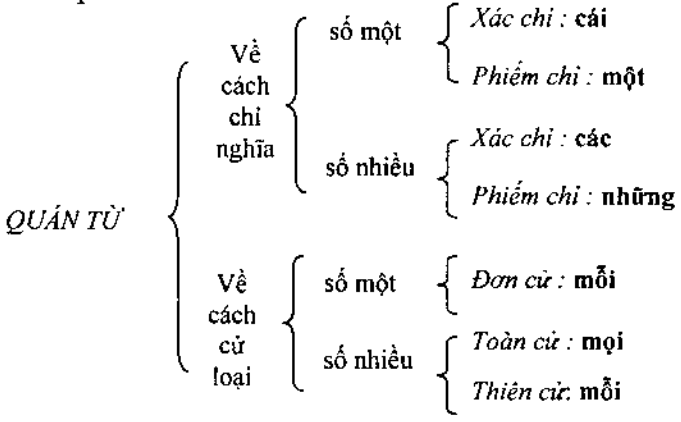
Tôi bèn tự hỏi : Sao trong hai câu nầy ông Nguyễn Du không đặt chữ *những* hay là chữ *các* mà lại đặt chữ *mấy*? Lấy nhiều câu có chữ *mấy* khác nữa làm chứng cho nhau, tôi mới hiểu rằng khi dùng chữ *mấy* như vậy là có ý chỉ một phần trong số nhiều, cũng tựa như chữ *des (mot partitif)* trong tiếng Pháp.

Thật vậy, như hai câu trên đây mà chữ *mấy* cắt theo nghĩa đó thì mới hiệp với phép luận lý. Bởi vì chẳng phải hết thảy người bạc ác tinh ma đều bị ác báo, mà trong đám đó cũng có kẻ lọt khỏi lưới trời ; chẳng phải hết thảy người hiếu nghĩa đều bị trời hành, mà trong đám đó cũng có kẻ cả đời hưởng được hạnh phước. Người làm văn nên xét đến cái lẽ ấy mà dùng chữ *mấy* để tỏ ra mình nói

có dè dặt (*parler avec réservé)*. Nếu hai câu trên đây mà không dùng chữ *mấy*, trở dùng chữ *những*, chữ *các* hoặc chữ *mọi*, thì sai với luận lý học nữa.

Đó mới nói về số nhiều của quán từ. Nhơn đã nghiên cứu được ba chữ về số nhiều ấy, tôi cũng nghiên cứu luôn về số một nữa. Rốt lại tôi phác hoạ ra cái biểu về quán từ và giải thích cách đặt như sau nầy :

Cái biểu quán từ :



Độc giả xem cái biểu in bên đây, thấy quán từ chia ra hai hạng : một hạng dùng về cách *chỉ nghĩa* ; một hạng dùng về cách *cử loại*.

Quán từ *chỉ nghĩa* dùng đặt trên danh từ, để tỏ ra danh từ ấy là xác định hay không xác định, thuộc về bên *phẩm* (qualité) của danh từ. Còn quán từ *cử loại* dùng đặt trên danh từ để tỏ ra bao gồm nó nhiều hay ít, thuộc về bên *lượng* (quantité) của danh từ.

Mỗi một hạng lại chia ra số một và số nhiều. Về cách chỉ nghĩa thì số nào cũng vậy, hễ quán từ nào chỉ ra một danh từ là xác định thì kêu là *xác chỉ* ; còn không xác định thì kêu là *phiếm chỉ*.

Về cách cử loại thì bên số một chỉ có một cách *đơn cử* mà thôi ; bên số nhiều cũng chia làm hai : bao gồm hết cái lượng của danh từ

thì kêu là *toàn cử* ; một phần mà thôi thì kêu là *thiên cử*.

Như vậy, khi nào dùng một danh từ mà có ý xác định, nghĩa là mình muốn chỉ rõ ra : nó ở đâu, thấy khi nào, của ai... thì trên danh từ ấy phải đặt chữ *cái*. Như : *cái* đồng hồ ở trên chợ Bến Thành; *cái* người tôi gặp hôm qua; *cái* tư tưởng của Tôn Văn... (trừ ra trên danh từ về động vật thì đặt chữ *con)*.

Vậy chữ *cái* là quán từ chỉ nghĩa, số một, dùng để xác chỉ.

Còn khi nào dùng một danh từ mà có ý không xác định, nghĩa là không chỉ rõ nó ở đâu, khi nào, của ai... thì trên danh từ ấy phải đặt chữ *một*. Như *một* ngày kia, *một* người nhà quê nọ... (Phải hiểu rằng chữ *một* nầy không phải thuộc về số mục, song chẳng qua là để chỉ nghĩa không xác định. Nói *một người, một ngày*, thế là có ý nói một người một ngày nào đó cũng được, không nhứt định người nào ngày nào).

Vậy chữ *một* là quán từ chỉ nghĩa, số một, dùng để phiếm chỉ.

Về số nhiều của quán từ chỉ nghĩa là chữ *các* chữ *những*, đã cắt nghĩa rất rõ trên kia rồi, đây chỉ nói tóm tắt rằng :

Chữ *các* là quán từ chỉ nghĩa, số nhiều, dùng để xác chỉ.

Chữ *những* là quán từ chỉ nghĩa, số nhiều, dùng để phiếm chỉ.

Trên đó đã giải thích xong các quán từ chỉ nghĩa ; đây sắp xuống giải thích các quán từ cử loại.

Khi nào cử ra một đơn vị (*unité*) thì dùng chữ *mỗi*, như nói : *mỗi người, mỗi nhà*...

Cũng có khi chữ *mỗi* đặt trên một số nhiều được, như nói : chia ba cái bánh cho chín người, *mỗi* ba người được một cái bánh. Nhưng trong khi ấy thì ba người cũng đã hiệp lại thành ra một đơn vị.

Vậy chữ *mỗi* là quán từ cử loại, số một, dùng để đơn cử.

Khi nào cử ra một danh từ mà ý mình muốn nói bao gồm hết cả cái lượng của danh từ ấy thì dùng chữ *mọi*. Như *mọi người*, ấy là gồm hết cả người trong loài người ; *mọi sự vật*, ấy là gồm hết cả sự

vật trên thế giới. Như vậy là toàn cử. (Có khi trên hoặc dưới danh từ có chữ gì ngăn ra, làm cho cái phạm vi hẹp lại thì chữ *mọi* cũng theo mà hẹp lại. Như nói : *mọi người trong nhà ấy*, thì chỉ là kể nội bao nhiêu người trong nhà đó mà thôi, song cũng là toàn cử, vì không bỏ sót người nào trong nhà ấy hết).

Vậy chữ *mọi* là quán từ cử loại, số nhiều, dùng để toàn cử.

Chữ *mấy*, đã giải rõ trên kia rồi, đây nói tóm lại rằng : Chữ *mấy* là quán từ cử loại, số nhiều, dùng để thiên cử. (Thiên đối với toàn : toàn nghĩa là hết cả ; thiên chỉ là một phần).

Theo ý tôi, theo cái kết quả sự nghiên cứu của tôi, cái nguyên tắc của các quán từ trong tiếng ta là như vậy. Nếu nói là phải thì mấy câu dưới nầy là trái.

Mới rồi trong tờ báo kia tiêu đề rằng : "*Một cái nạn xe hơi rất ghê gớm xảy ra ở Chợ Lớn chiều hôm qua*". Cái nạn xe hơi ấy đã chỉ rõ ra chỗ và thì giờ xảy ra rồi, thì sao còn dùng chữ *một* làm chi ? còn nếu dùng chữ *một* thì phải bỏ từ chữ *xảy ra* trở xuống.

Sắp con nít bán báo, đón những người làm việc ở trong một sở kia đi ra mà nói rằng : "*Phụ nữ Tân văn, mấy thầy*!" Thế là sai, phải nói *các thầy* mới đúng. (Tôi vẫn biết ở đây người ta kiêng chữ *các thầy*, vì nói lái lại, là cầy thác !)

BÀI THỨ II – Cách đặt đợi danh từ

Đợi (hay là đại) danh từ (*pronom*) dùng để thay cho danh từ (*nom*). Trong ngôn ngữ văn tự nào cũng vậy, nếu chuyên dùng danh từ mà lặp đi lặp lại hoài là bất tiện, cho nên cần phải có đợi danh từ. Mà cho tiện hơn nữa, thì đợi danh từ phải được nhứt trí, phổ thông, nghĩa là như tiếng Pháp, ba ngôi bên số một là *je, tu, il*; bên số nhiều là *nous, vous, ils*, ai dùng mà xưng mình, xưng người đều được cả, không có những cách đặc biệt khác.

Chữ Tàu mà theo văn ngôn thì đợi danh từ cũng lôi thôi lắm. Không phải ai ai cũng tự xưng là *ngã* được hết, mà phải theo từng

địa vị của mình ; xưng người cũng vậy, phải tùy từng bậc, nếu theo đời thượng cổ mà kêu ai cũng *nhữ* cả là vô phép. Nhưng ngày nay người Tàu thông hành lối văn bạch thoại, thì đợi danh từ đã được nhứt trí và phổ thông, cũng tiện như tiếng Pháp : ba ngôi bên số một là *ngã, nể, tha ;* còn bên số nhiều là *ngã môn, nể môn, tha môn.* Chỉ một sự nầy, ta đủ nhìn thấy sự tấn hóa của ngôn ngữ văn tự Trung Hoa.

Tiếng Việt Nam ta thì còn đương vào thời đợi lôi thôi như văn ngôn của Tàu. Nhứt là ngôi thứ hai, thứ ba, cả bên số một và số nhiều cũng vậy, tùy người mà kêu, đáng ông thì *ông*, đáng bà thì *bà*, đáng anh thì *anh*..., lại còn những *ông ấy* hoặc *ổng, bà ấy* hoặc *bả, anh ấy* hoặc *ảnh*, thật là rắc rối đủ thứ. Theo cách ấy, trong khi nói, chẳng đến nỗi trở ngại gì ; nhưng trong khi viết, thật là bất tiện trăm đường.

Tiếng ta như vậy, ta quen, không lấy gì làm lạ, song người ngoại quốc họ phải lấy làm lạ lắm. Có người đã nói với tôi rằng tiếng An Nam không có đợi danh từ. Nói thế cũng không phải là quá đáng. Chẳng phải ta không có trơn, nhưng có mà những đợi danh từ ấy không thông dụng được thì cũng như không.

Lược kể đợi danh từ của tiếng ta, ba ngôi bên số một là *ta, mầy, nó* ; bên số nhiều là *chúng ta, chúng mầy, chúng nó.* Chỉ có những chữ như vậy mới kể được là đợi danh từ ; còn những chữ *ông, bà, anh, chị*... đều là danh từ mà mượn làm đợi danh từ đó thôi. Thế nhưng ngoài chữ *ta* còn có chữ *tao*, chữ *tôi*, phải tùy lúc mà dùng ; ngoài chữ *chúng mầy* còn có chữ *bay,* ngoài chữ *chúng nó* còn có chữ *họ*, song không thông dụng được, vì chẳng có thể đem mà xưng hết thảy các hạng người.

Có lẽ đời xưa người nước ta kêu nhau bằng *mầy tao* hết ; cũng như đời xưa bên Tàu kêu nhau bằng *nhỉ, nhữ* ; nhưng từ khi trong xã hội sanh ra giai cấp, bày ra lễ giáo, mới mượn những danh từ mà xưng hô nhau cho phân biệt như ngày nay. Nếu quả vậy, té ra xã hội càng văn minh thì tiếng nói lại càng lộn xộn hay sao !

Đây nhẫn lên, tôi nói để cho thấy một chỗ khuyết điểm trong tiếng ta, cái chỗ không được tiện lợi bằng tiếng Pháp tiếng Tàu, có ý mong về sau chúng ta sẽ lập ra một mối đợi danh từ cho nhứt trí và phổ thông, thì trong khi làm văn mới được tiện lợi. Nhưng hiện nay ta ở dưới cái nền nếp cũ, ta hẵng nói chuyện trong nền nếp cũ.

Tôi có thấy một vài điều trong sự đặt đợi danh từ mà tôi tưởng là nên nói, tôi kể ra sau đây.

*1. Tự xưng là ta và **mình**.* – Có người đã viết sách mà tự xưng là *ta,* không xưng *tôi*, lấy cớ rằng *tôi* là tiếng tự xưng của nô lệ. Như vậy thật là một sự cải cách mạnh bạo, ai có ý kiến rộng rãi một chút thì không đến nỗi phản đối. Song phần nhiều chắc không biểu đồng tình, vì theo thói quen xưa nay, duy có người nào tự coi mình là vai lớn mới tự xưng bằng *ta*.

Người thường cũng có khi tự xưng *ta* được, là khi mình xưng với mình ; khi như vậy thì lại phải xưng bằng *ta*, mới đúng. Những câu trong *Truyện Kiều* như :

Tới đây đường sá xa xuôi,
Mà *ta* bất động, nữa người sanh nghi.
Thân ta *ta* phải lo âu,
Miệng hùm nọc rắn ở đâu chốn nầy.

Giá chữ *ta* trong hai câu ấy mà đổi làm chữ *tôi* thì lại không được, vì khi có đối với ai mà nói thì mới xưng *tôi*.

Chữ *mình* cũng có khi dùng làm chủ ngữ (*sujet*) như chữ *ta* hay *tôi*, song phải có điều kiện mới được, không phải tùy ý muốn dùng lúc nào thì dùng.

Một là khi trong câu văn có ý bông đùa, hoặc để tỏ ra ý khinh đời mà chơi, tức là cái lối văn *ngoạn thế bất cung* của phái hoạt kê (diễu) đời xưa, khi ấy dùng chữ *mình* được. Mà dùng chữ *mình* vào đó lại càng nẩy ra cái ý bất cung, làm cho lời văn hoạt động thêm hơn.

Hai là khi xưng *mình* đó chẳng những chỉ vào tác giả mà thôi, dầu người nào khác cũng có thể bao hàm vào đó được, thì nên

dùng chữ *mình*. Vậy như nói : "Hôm qua ông Giáp nhơn có ông Ất, mời tôi ăn cơm. Nghĩ vì *mình* không quen với ông Giáp, ổng mời *mình* chỉ vì nhơn có ông Ất, chớ chưa chắc có thành tâm cho nên tôi từ chối". Hai chữ *mình* đó, nói được ; là vì chẳng những tác giả nghĩ như vậy mà thôi, dầu người nào khác lâm cảnh ấy cũng phải nghĩ như vậy.

Đến như kể lại chuyện mình đã trải qua, như một quyển du ký nọ, khi ngoài hai cái điều kiện ấy mà tôi thấy tác giả cũng cứ xưng *mình* luôn, thì nghe ra không được trang trọng mà lại như tuồng lố lăng nữa. Đã hay rằng mình thuật chuyện mình, có quyền xưng *mình*, chẳng ai cấm. Song phải nhớ rằng trong chữ *mình* có cái ý bất cung, vậy thì khi đối với độc giả, mình không tỏ ý bất cung, sao lại dùng cái chữ bất cung ? Do lẽ đó cái câu ví dụ vừa rồi nếu đổi hai chữ *tôi* làm chữ *mình* hết, nói rằng : "Hôm qua, ông Giáp nhơn có ông Ất, mời *mình* ăn cơm. Nghĩ vì mình không quen với ông Giáp nên *mình* từ chối", – thì thật là lố lăng không nghe được.

2. Chữ nó dùng xưng sự vật - Chữ *nó*, trước kia ta chỉ dùng xưng hạng người mà ta lấy làm khinh hèn, chớ không mấy khi dùng mà xưng sự vật. Vậy nên khi trong câu trên có danh từ chỉ về sự vật mà câu dưới muốn nhắc lại, thật là khó lòng quá. Như trên nói *con bò*, thì dưới phải nhắc lại là *con bò ấy* ; trên nói *cái tư tưởng* gì đó, thì dưới phải nhắc lại là *cái tư tưởng ấy*. Chữ mà lôi thôi như vậy thì văn không tài nào cho gọn cho hay được.

Gần nay có nhiều người dùng chữ *nó* mà chỉ về sự vật. Như mấy bài của ông Trần Trọng Kim đăng trong tập báo nầy cũng có dùng một vài lần ; còn tôi thì tôi dùng luôn. Dùng như vậy, ban đầu thấy hơi lạ một chút, nhưng về sau quen đi, tiện lợn lắm. Tôi muốn, về ngôi thứ ba số một nên dùng chữ *y* chữ *va* chỉ về người, còn để riêng chữ *nó* chuyên chỉ về sự vật. Như vậy, về sự vật sẽ có một đợi danh từ nhất định ; và về người, dầu hạng người nào cũng khỏi

bị kêu bằng tiếng *nó*, là tiếng nghe cộc cằn và có ý khinh bỉ quá. Trong sự tiện lợi lại có ngụ cái ý bình đẳng đôi chút.

*3. **Chúng ta và chúng tôi.*** - Giả như hết thảy người Pháp ở đây đối với hết thảy người An Nam mình mà tự xưng, thì theo tiếng Pháp, họ phải nói là *nous* ; nhưng đến khi họ muốn gồm chung người An Nam vào với họ nữa thì cũng lại nói là *nous*. Như vậy có hơi không được phân biệt một chút. Có lẽ tiếng ta hơn tiếng Pháp được chỗ ấy. Theo tiếng ta, gặp cái "ca" trước thì người Pháp phải xưng là *chúng tôi*, gặp cái "ca" sau mới xưng là *chúng ta*. Vậy mà thấy nhiều người dịch bài chữ Pháp ra, hễ cứ gặp chữ *nous* thì dịch là *chúng ta* hết. Thế là trái với nguyên tắc tiếng An Nam. Vì tiếng An Nam, khi một bọn người tự xưng, không đối với ai hết, thì xưng *chúng ta* ; còn khi có đối với một hoặc nhiều người khác mà tự xưng thì phải xưng *chúng tôi*.

Lại khi ngôi thứ nhất số một kẹp luôn ngôi thứ nhì mà tự xưng thì xưng là *chúng ta*. Như nói : Tôi (ngôi thứ nhứt) với ông (ngôi thứ nhì) *chúng ta* sẽ đi chơi. Còn khi ngôi thứ nhất kẹp luôn ngôi thứ ba mà xưng với ngôi khác thì phải xưng *chúng tôi*. Như nói : tôi (ngôi thứ nhứt) với ông X (ngôi thứ ba) *chúng tôi* sẽ đi chơi.

Sự phân biệt ấy là nhờ ở chữ *tôi* và chữ *ta*. Cho nên đối với cái ý kiến muốn bỏ chữ tôi đã nói trên kia, tôi thật không biểu đồng tình.

*4. Chữ **họ** dùng ngôi thứ ba số nhiều.* – Bên số nhiều, chữ *bay* dùng thay cho *chúng mầy* thì không được, nhưng chữ *họ* thay cho *chúng nó* thì có lẽ được. Bởi vì chữ *họ* có nghĩa bình thường, không ra ý khinh tiện. Khi tôi dịch Kinh thánh cho Hội Tin Lành, tôi dùng chữ *họ* để dịch chữ *ils* trong tiếng Pháp luôn luôn. Làm như vậy, tôi có ý bỏ chữ *chúng nó* là chữ nghe thô tục quá. Mà bất kỳ sang hay hèn, hễ một số nhiều người thì xưng là *họ* hết, có ý làm cho cái nghĩa bình đẳng ngụ trong ngôn ngữ văn tự nữa.

*5. Với **nhau** và lẫn **nhau**.* - Chữ *nhau* cũng là một đợi danh từ. Nhưng khi nói *với nhau*, khi nói *lẫn nhau*, là có nghĩa khác, vậy

mà nhiều người không chú ý. *Với nhau*, chỉ nghĩa quan hệ giữa hai người hoặc nhiều người ; còn *lẫn nhau* cũng chỉ nghĩa quan hệ giữa hai người hoặc nhiều người, mà lại chỉ rõ rằng tên Giáp quan hệ với tên Ất, rồi tên Ất lại quan hệ với tên Giáp (Chữ *lẫn nhau* giống như chữ *réciproquement* tiếng Pháp).

Vậy như nói : *Hai người nói chuyện với nhau*, thế là chỉ nghĩa một người nói, còn người kia nghe cũng được. Còn như nói : *Hai người giúp đỡ lẫn nhau*, thế là chỉ rõ ra rằng người nầy giúp đỡ người kia, người kia lại giúp đỡ người nầy.

BÀI THỨ III – Cách đặt động từ

Động từ (*verbe*) của tiếng ta, theo tự nhiên, không có chia ra *cách (mode)* và *thì (temps)*, ấy là một sự giản tiện dễ chịu lắm. Tuy vậy, ngôn ngữ là biểu hiệu của tư tưởng, trong tư tưởng đã có phân biệt sự hành động ra nhiều cách và không phải đồng một lúc, thì nói ra nơi miệng, cái ngữ khí cũng phải nhơn đó mà thay đổi. Sự phân biệt và thay đổi ấy, tiếng Pháp thì ở tại *cách* và *thì* của động từ ; còn tiếng ta, động từ không có hai cái đó, cho nên phải nhờ trợ động từ (*adverbe*) mà phân biệt. Điều nầy quan hệ lắm, sẽ nói riêng ở bài về trợ động từ. Đây chỉ nói một vài điều nên biết về cách đặt động từ mà thôi.

1. Động từ kép. – Động từ có đơn và kép : Đơn là một tiếng ; kép là hai tiếng. Thường thường động từ kép là bởi đơn mà sanh ra. Như *ăn* sanh ra *ăn tham, ăn gian, ăn lời, ăn cắp* v.v...; *đi* sanh ra *đi qua, đi lại, đi theo, đi đày*, v.v...

Ấy là do sự nẩy nở của văn tự bằng một cách cực chẳng đã. Bởi vì những sự hành động nào có ý giống nhau, không hơi đâu đặt thêm tiếng mới, thì người ta lấy một tiếng cũ làm cốt, rồi thêm một tiếng khác nữa thành ra động từ kép, để chỉ nghĩa cho sự hành động ấy. Vậy những động từ ấy có nghĩa khác nhau là tại cái tiếng thêm vào, mà có ý giống nhau là tại cái tiếng làm cốt.

Lấy một chữ *bắt* làm thí dụ : Chữ *bắt* có nhiều nghĩa, nhưng đại ý của nó là *cưỡng bách kẻ khác theo ý mình*. Do đó mà sanh ra *bắt bớ, bắt buộc*. Bắt bớ (arrêter), bắt buộc (*obliger*) có nghĩa khác nhau, nhưng cũng đều có ý *cưỡng bách kẻ khác theo ý mình* cả.

Tôi nói đến chỗ gốc của động từ như vậy, cốt muốn người ta nhìn thấy chỗ đó, thì trong khi dùng động từ, sẽ phân minh cái nghĩa và cái ý của nó, mà không đến nỗi lầm lộn. Vì thấy nhiều người dùng chữ *bắt buộc* cũng như chữ *bắt bớ*, tôi biết rằng tại họ chưa hiểu đến gốc.

Khi nào mình dùng một động từ mà nhân quả nó là động từ kép thì thế nào cũng phải cho một cái ngang nối (*trait d'union*) giữa hai tiếng. Nếu không có ngang nối thì nhiều khi có thể lầm được là hai động từ(*). Vả lại những động từ kép ấy tuy hai tiếng mà kỳ thiệt có một mà thôi. Thử dịch những động từ ấy ra tiếng Pháp thì biết. Như *đi lại* tức là *fréquenter* và *repasser* ; *ăn cắp* tức là *voler*.

2. Động từ kép có khi không liền nhau – Những động từ kép như là *lấy làm, cho là, làm ra*, có khi không liền nhau, là khi lọt một danh từ vào giữa động từ ấy. Như nói : *Tôi lấy nghề vẽ làm thích lắm ; nó cho việc ấy là khó ; người nầy làm mình ra thông thái.*

Gặp khi ấy, không được kể nội chữ *lấy*, chữ *cho*, chữ *làm* là động từ, mà phải kể luôn cả chữ *lấy làm*, chữ *cho là*, chữ *làm ra* là động từ kép. Bởi vì cũng có khi dùng được động từ ấy liền nhau như vầy : *Tôi lấy làm thích lắm nên không biết chán ; nó cho là quan hệ nên phải nói với anh ; người nầy làm ra thông thái mà kỳ thiệt là dốt nát*. Những khi nói như vậy, phải hiểu ngầm rằng trong mỗi một động từ đó có ẩn một danh từ hoặc đại danh từ. Như nói *tôi lấy làm thích lắm*, tức có ý là : tôi lấy *sự gì đó* làm thích lắm.

Tôi cắt nghĩa điều trên đây vì thấy nhiều người dùng những chữ ấy vào nhiều chỗ không đáng dùng, nhứt là chữ *lấy làm*. Nhiều

(*) cách dùng gạch nối để làm rõ từ kép (gồm hai tiếng trở lên) là quy tắc được tuân thủ trong viết và in sách báo ở Việt Nam cho đến những năm 1960 ; sau đó người ta bỏ dần dần và nay đã bỏ hẳn.

khi đáng nói *tôi vui mừng lắm*, mà họ lại nói *tôi lấy làm vui mừng lắm*. Như vậy, tỏ ra rằng họ không nhận thấy chữ *lấy làm* là một động từ. Nói *tôi lấy làm vui mừng*, chỉ nghĩa là mình nghĩ trong ý mà thấy là đáng vui mừng ; còn nói *tôi vui mừng*, nghĩa là vui mừng tỏ ra sắc mặt.

3. Sự bớt chủ ngữ trên động từ. – Theo văn pháp thì một câu (*phrase*) có khi chỉ một mạng đề (*proposition*), mà cũng có khi gồm nhiều mạng đề. Mỗi một mạng đề có ba phần, là : *chủ ngữ (sujet)*, *động từ (verbe)*, và *tân ngữ (attribut)*. Nhưng trong khi đặt câu mà cứ mỗi một mạng đề phải có một chủ ngữ, thì thành ra lặp đi lặp lại, nhiều quá, nên có nhiều mạng đề người ta bớt chủ ngữ đi.

Cái sự bớt chủ ngữ ấy quan hệ lắm ; nếu bớt không trúng phép thì hóa ra hỏng cả câu. Đại phàm câu nào có nhiều mạng đề thì trong đó phải có *mạng đề chánh (proposition principale)* và *mạng đề phụ (proposition subordonnée)*. Muốn bớt chủ ngữ thì nên bớt trong mạng đề phụ, chớ trong mạng đề chánh thì không được bớt. Vả lại, có nhiều mạng đề phụ cần phải bớt chủ ngữ đi, bằng không thì cái ý trong câu tràn lan ra, không quy trọng lại cái chỗ đáng quy trọng. Cho nên, bớt chủ ngữ trong những mạng đề phụ, chẳng những vì tránh sự lặp đi lặp lại thôi đâu, mà cũng làm cho cái ý cốt của mình đọng lại và nẩy ra trong mạng đề chánh.

Ví dụ nói : *Khi tôi đi ngang qua nhà ông ấy, tôi thấy ổng ở trong nhà đi ra ;* hay là nói : *tôi có vào nhà ông ấy mà tôi không thấy ổng ở nhà.* Thế thì nên bớt đi một chữ *tôi (chủ ngữ)* trong mỗi câu mà nói rằng : *Khi đi ngang qua nhà ông ấy, tôi thấy ổng ở trong nhà đi ra ;* và nói *: Tôi có vào nhà ông ấy mà không thấy ổng ở nhà.*

Đó, trong câu thứ nhứt, cái mạng đề phụ ở trước mà cái chánh ở sau, cho nên phải bớt chữ *tôi* trong mạng đề trước ; còn trong câu thứ nhì, cái mạng đề chánh ở trước mà cái phụ ở sau, cho nên phải bớt chữ *tôi* trong mạng đề sau. Nếu trái lại, bớt chữ *tôi* sau trong câu thứ nhất và chữ *tôi* trước trong câu thứ nhì, thì cả hai đều hỏng.

Bởi vì, câu thứ nhứt, mạng đề sau là mạng đề chánh, ý mình muốn tỏ ra sự có gặp ông ấy, ý ấy là ý cốt ; còn cái mạng đề trước chẳng qua là đới thuyết, để tỏ thêm cho biết gặp lúc nào chỗ nào mà thôi. Nếu để cả hai cái chủ ngữ trong hai mạng đề thì thành ra hai cái công dụng (*actions*) bằng nhau, không có bên khinh bên trọng, không tài nào nẩy ra cái ý chánh được. Mà còn nhè bớt cái chủ ngữ trong mạng đề chánh, thì lại thành ra giảm mất cái công dụng của nó, trái với ý cốt của mình, hóa nên hỏng câu.

Hiểu câu thí dụ thứ nhất rồi, chắc hiểu câu thứ nhì. Trong câu nầy cốt phân chứng cho người ta biết mình có vào nhà ông ấy, ý ấy là ý cốt, mạng đề ấy là mạng đề chánh, nên không thể bớt chủ ngữ của nó được.

Cách bớt chủ ngữ nầy là hay lắm, đã làm cho gọn câu, lại làm cho rõ ý nữa. Trong khi viết, mình nên có ý nhắm chỗ nào đáng dùng cách ấy thì dùng. Chỗ nào đáng dùng cách ấy mà không dùng, thật là uổng.

Theo như tiếng Pháp, thì cách đặt nầy tức là về "*mode participe*" gồm cả "*temps présent ou passé*". Tôi thấy hình như trong ngôn ngữ ta từ xưa không quen lối nói như vậy. Hễ kể chuyện thì kể từ đầu đến cuối suôn đuôn đuột, cho nên câu văn cứ phẳng lì mà ít có biến hóa, nhiều khi lại không nẩy được ý nữa. Ví như nói : *Tôi đương đi giữa đường, tôi gặp lính hỏi giấy thuế ;* hay là *: Tôi ăn cơm rồi, tôi sẽ đi chơi.* Ấy là kiểu nói của ta đó. Tôi tưởng cái lối nói ấy vụng về lắm, ta nên bỏ đi ; gặp khi như vậy, nên bắt chước lối nói của tiếng Pháp : câu trên dùng *participe présent*, nói : *Đương đi giữa đường, tôi gặp lính hỏi giấy thuế* ; câu dưới dùng *participe passé*, nói : *Sau khi ăn cơm, tôi sẽ đi chơi.*

4. Bị động từ có hai thể đặt. – Bị động từ (*verbe passif*) trong tiếng ta có hai thể đặt, tùy ở điều xảy tới có vừa lòng hay không vừa lòng cho kẻ nhận lấy. Vừa lòng thì dùng chữ *được* ; không vừa lòng thì dùng chữ *bị*. Như nói : *Tôi được khen ; thằng nhỏ nầy bị*

đánh. Được khen là sự vừa lòng ; bị đánh là sự không vừa lòng.

Sự nầy hình như cũng là một cái dấu đặc biệt của tiếng Việt Nam. Lạ lắm ! nếu vậy chẳng là đem tâm lý học mà lập ra luật bắt văn pháp phải nhận ? Mà thật vậy. Người ta nói *được quan Thống đốc mời tới dinh ngài*, chớ không hề nói *bị mời* bao giờ ; nói *bị tòa án đòi*, chớ không hề nói *được đòi* bao giờ. Như vậy, tỏ ra rằng trong tiếng Việt Nam cũng nhìn cho sự quan Thống đốc mời là sự danh dự, sự vừa lòng ; còn sự tòa án đòi là sự bất danh dự, sự không vừa lòng !

Trong văn có dùng bị động từ là sự ích lợi lắm. Vì nó đã làm cho thay đổi cách nói đi, lại gặp chỗ đáng kín ý thì nó cũng làm cho kín ý được nữa. Song lối nói của ta xưa nay cũng ít dùng bị động từ, mà hầu như cứ dùng tha động từ (*verbe actif*) luôn luôn. Ai không tin, hãy đem những bài bằng tiếng Pháp đã dịch ra tiếng ta mà soát lại, sẽ thấy những chỗ trong nguyên bổn dùng bị động từ thì dịch bổn đổi làm tha tha động từ. Ấy vì trong tiếng ta không quen dùng bị động từ, dịch giả lấy làm ngượng miệng mà đổi đi.

Ta nên bắt chước tiếng Pháp mà dùng bị động từ thì được tiện lợi nhiều bề. Như tiếng Pháp nói rằng : *Bị áp chế, thợ nổi lên phản kháng* ; ấy là gặp chỗ muốn kín ý, chỉ nói thợ bị áp chế mà thôi, chớ không nói ai áp chế. Song theo tiếng ta thì sẽ nói : *Chủ áp chế thợ, thợ nổi lên phản kháng*. Như vậy thì thành ra lời văn thật thà trống trải quá. Cái chỗ sở đoản của văn ta là tại chỉ dùng tha động từ mà không biết dùng bị động từ, ta nên biết mà cải lương đi.

BÀI THỨ IV – Dùng lời quả quyết và lời hồ nghi

Ba bài trước tôi nói ròng những điều quan hệ với văn pháp. Sợ nói luôn về một mặt đó, làm cho độc giả phát chán đi, nên bài nầy nói về điều quan hệ với luận lý học, ví cũng như món ăn trở bữa.

Trong khi làm văn, có chỗ thì dùng lời quả quyết, có chỗ thì dùng lời hồ nghi, ấy là sự thường. Như nói : *Sắt thuộc về loài kim ; người ta không phải là cầm thú ; ngày mai tôi đi Huế*... ấy là lời

quả quyết. Có khi nói như vậy, e còn chưa đủ cho người khác tin, lại dùng những cách khác cho quả quyết hơn nữa như nói : *Sắt không thuộc về loài kim, thì thuộc về loài gì ? Người ta có phải là cầm thú đâu ? Ngày mai thế nào tôi cũng đi Huế.* Còn khi muốn tỏ ý hồ nghi thì dùng những chữ : *hoặc giả ; có lẽ ; chưa biết chừng* v.v. . .

Truy nguyên ra, loài người mà có cách nói như vậy, là tại sự tri thức của mình chưa đến nơi. Người ta, dầu là một bậc thánh triết đi nữa, có điều biết chắc, cũng còn có điều chưa biết chắc. Hễ biết chắc thì nói cách quả quyết, biết chưa chắc thì nói cách hồ nghi, có vậy rồi những điều chưa biết chắc đó mới có ngày biết chắc. Khổng Tử nói rằng : "Hễ biết thì nói biết, không biết thì nói không biết, ấy là biết vậy". Ngài lại còn dạy người ta nghe cho nhiều mà phải để thiếu những chỗ nghi ngờ (*đa văn khuyết nghi*), tức là ý ấy.

Thuở nay tôi thấy có Jésus-Christ nói tinh một cách quả quyết mà thôi ; đố ai tìm ra được một lời nào của ngài mà đã dùng cách hồ nghi. Chẳng những dùng cách quả quyết tầm thường, mà mỗi một câu một lời của ngài, hình như ngài lại còn dùng đinh mà đóng, dùng dây mà cột cho càng thêm chắc nữa. Giảng dạy cho môn đồ, ngài hay dùng luôn câu mép nầy : "Quả thật, ta nói cùng ngươi" (*En vérité, je vous le dis*) ; có chỗ ngài còn lặp đi lặp lại, dùng đến hai lần "Quả thật".

Jésus-Christ mà nói như vậy là phải, không ai có thể chiếu theo luật của luận lý học mà kiện ngài được. Bởi vì ngài đã chưng cái bằng cấp Con Đức Chúa Trời ra, chính mình Đức Chúa Trời toàn tri toàn năng, đã hóa thân ra ngài, ngài tức là ánh sáng, tức là chơn lý, thì thôi, còn hồ nghi gì nữa ? Trừ Jésus-Christ ra, hễ là người ta thì nói ra có lời quả quyết mà cũng có lời hồ nghi, vì người ta ai nấy đương còn đi tìm chơn lý mà tìm chưa ra, thì hồ nghi là lẽ tất nhiên.

Do đó mà luận lý học mới lập ra cái nguyên tắc dị đồng (*les principes d'indentité et de différence).* Cái nguyên tắc ấy gồm có

ba luật, là *luật tự đồng, luật mâu thuẫn, luật cự tam*, mà tôi mới vừa giải rõ ra trong một bài đăng ở *Phụ nữ tân văn* số 75. Trong khi đọc bài nầy của tôi, xin độc giả chịu khó đem bài ấy – đầu đề của nó là *Phản cái thuyết của ông Võ Xuân Lâm* – ra mà nghiền ngẫm lại lần nữa. Trong bài ấy, tôi đã nói rằng : "Luật tự đồng làm nền cho mạng đề khẳng định (*propositions affirmatives*), hết thảy mạng đề khẳng định đều lập lên trên nó ; luật mâu thuẫn làm nền cho mạng đề phủ định (*propositions négatives*), hết thảy mạng đề phủ định đều lập lên trên nó ; luật cự tam làm nền cho mạng đề tuyển ngôn (*propositions disjonctives*)(*), hết thảy mạng đề tuyển ngôn đều lập lên trên nó". Nay tôi lại nói thêm ở đây rằng : Hết thảy những mạng đề khẳng định và phủ định đứng trên luật tự đồng và luật mâu thuẫn đó là thuộc về cách nói quả quyết ; còn hết thảy những mạng đề tuyển ngôn đứng trên luật cự tam đó là thuộc về cách nói hồ nghi.

Theo luận lý học, khi nào đáng nói cách quả quyết mà lại dùng lời hồ nghi hay là đáng hồ nghi mà lại nói cách quả quyết, đều là không được cả. Bởi vì, điều gì mà sự đồng dị của nó đã phân minh rồi, thì mình chỉ có việc khẳng định hay phủ định mà thôi, khi ấy nên dùng lời quả quyết để tỏ ra sự tri thức của mình là chơn xác. Nhưng điều gì mình chưa rõ được sự đồng dị, chưa biết khẳng định phải hay phủ định phải, thì nên dùng lời hồ nghi để tỏ ra ý cẩn thận. Nhờ sự hồ nghi hay là sự cẩn thận đó, như mình làm dấu cho nhớ, mà rồi có ngày tìm ra sự đồng dị của nó mà khẳng định hay phủ định.

Đáng quả quyết mà lại hồ nghi hay đáng hồ nghi mà lại quả quyết, cái đó có phần ít bởi tri thức mà phần nhiều bởi tư tâm. Như : hút thuốc phiện lâu ngày thì phải ghiền, ấy là do sự kinh nghiệm từ trước đến nay, bao nhiêu người hút đều ghiền cả. Đó là theo luật tự đồng, sự hút và sự ghiền đồng nhứt với nhau, thế nào mình cũng

(*) propositions disjonctives (Pháp), disjunctive proposition (Anh) nay được hiểu là (các) mệnh đề tách biệt, mệnh đề ly tiếp.

phải khẳng định. Song nếu có kẻ nói rằng : "Hút chưa chắc ghiền" ; hay là nói : "Có lẽ hút mà không ghiền" ; – ấy là đáng quả quyết mà lại dùng lời hồ nghi. Hồ nghi như vậy, chẳng phải bởi người ấy không có cái kinh nghiệm về việc đó, nhưng bởi cái tư tâm của va muốn nói thế đặng tiện cho mình hút hay là cho kẻ khác cũng hút như mình. Lấy một cái thí dụ đó mà suy ra cái khác, sẽ thấy sự đáng hồ nghi mà quả quyết cũng sai lầm như nhau.

Ta nên chú ý nhứt là những lời như là hồ nghi, mà không phải hồ nghi ; khi viết một bài văn đứng đắn, không nên dùng những lời ấy. Trong chữ Hán, người ta kêu nó là lời thiểm thước (thiểm thước chi từ). Thiểm thước nghĩa là cái nháng sáng của chớp, loè một cái rồi mất liền, như có mà cũng như không. Thầy kiện cãi lẽ ở tòa án cùng nhà báo bút chiến với nhau, hay dùng những lời ấy mà che khuất sự thiệt.

Ở đây tôi đem một lời của ông Trần Trọng Kim ra làm chứng. Làm như vậy vì có hai điều tiện : một là việc mới xảy ra ở trong tập báo nầy, dễ nhớ ; hai là nhơn thể tôi giải quyết được một điều biện nạn trong cuộc luận chiến vừa rồi ; điều ấy bữa sau tôi sẽ khỏi trả lời cho ông Trần.

Bài trả lời cho tôi lần thứ nhứt, trong số 60, ông Trần viết rằng : "Còn như nói rằng Khổng Tử chỉ nói thái cực chớ không nói đến vô cực, thì quả thật như vậy... Song biết đâu Khổng Tử đã đi học Lão Tử lại không nghĩ đến vô cực ?. . ."

Cho được bác lại đoạn ấy, bài của tôi ở số 64 có nói rằng : ... "Theo phương pháp khoa học, cái gì chắc hãy nói, không chắc thì thôi, tôi xin tiên sanh đừng dùng hai chữ *biết đâu* . . . "

Trong bài ở số 74, ông Trần dùng chữ *biết đâu* lần nữa, rồi lại nói rằng : "Tôi vừa mới viết chữ *biết đâu*, chắc là Phan tiên sanh đã lắc đầu rồi. Đó chẳng qua là tôi theo cái cách tư tưởng của tôi trong khi nghị luận. Hễ điều gì tôi biết chắc chắn thì tôi nói quả quyết, điều gì tôi biết chưa được rõ lắm, hay là không chắc, thì tôi dùng

chữ *biết đâu*, để tỏ cái thái độ hồ nghi của tôi. Có lẽ, tôi với Phan tiên sanh khác nhau ở chỗ đó. Tiên sanh nói điều gì là nói quả quyết, mà tôi thì tùy có điều quả quyết, có điều không quả quyết được, cho nên phải hồ nghi ..."

Coi đó thấy ông Trần nhận cho chữ *biết đâu* là cách nói hồ nghi. Không phải. Biết đâu là lời giống như hồ nghi chớ không phải hồ nghi, chính nó là lời *thiểm thước*.

Có thể theo phương thức toán học mà đặt ra như vầy cho dễ cắt nghĩa :

Biết đâu không = Có.

Như vậy, *biết đâu không* tức là *có*. Nói *biết đâu không* chẳng khác nào nói *có*. Muốn nói *có* nhưng chẳng nói *có*, lại nói *biết đâu không*, vì lời nầy có hơi lơ lửng hàm hồ, cũng khẳng định mà không có ý chằm bẳm như chữ *có*, lợi cho khi mình muốn khẳng định điều gì một cách lơ lửng hàm hồ. Ông Trần lẽ nào lại không biết rằng "Khổng Tử sang nhà Châu hỏi lễ nơi Lão Tử" mà thôi ? Ông biết vậy mà ông lại muốn viện cái chứng ấy để bẻ lại tôi, nên ông đã đổi chữ *hỏi lễ* làm chữ *học*, rồi dùng chữ *biết đâu* tiếp theo để lập chứng thì cái chứng ấy chẳng những là mong manh mà lại là ngang trái nữa.

Tôi vẫn thừa nhận rằng trong lời nói loài người phải có cách hồ nghi. Nhưng về chỗ lập chứng như vậy thì bao giờ cũng phải dùng lời quả quyết mà không dùng lời hồ nghi được ; đó là một điều trong phương pháp khoa học, cho nên tôi nói rằng "theo phương pháp khoa học". Thế mà ông Trần lại cho chữ *biết đâu* ông dùng đó để tỏ ý mình biết chưa chắc, rồi ông cho tôi là "nói điều gì cũng nói quả quyết", thì thật là rất oan cho tôi. Xin độc giả soát lại những bài của tôi mà coi, tôi dùng lời hồ nghi luôn luôn ; duy tôi không hề lập chứng để phản đối ai mà lại dùng lời hồ nghi bao giờ.

Nay chúng ta muốn phân biệt những lời hồ nghi với lời thiểm thước, hầu cho khỏi phạm điều giả dối trong khi làm văn cùng khỏi bị lừa gạt trong khi xem văn thì trước hết phải hiểu mấy điều nầy.

Trong khi nói hay viết, có hai cái ngữ điệu là *thẳng* và *không thẳng*. Như nói : *Tôi nghi ngờ ;* ấy là *thẳng*. Còn nói : *Tôi không thể không nghi ngờ ;* hay là : *Tôi lẽ nào chẳng nghi ngờ được ư* ? ấy là *không thẳng*.

Tóm lại, cái ngữ điệu không thẳng gồm trong hai cách đặt : Một là hai chữ tiêu cực cũng thành ra tích cực. Như nói : *Không thể không làm,* tức là *làm ; chẳng ai chẳng có,* tức là *ai cũng có ; không nơi nào không đi,* tức là *nơi nào cũng đi*. Hai là một chữ tiêu cực với một nạn từ (*terme interrogatif*)(*) cũng thành ra tích cực. Như nói : *Sao tôi không làm ?* tức là *tôi làm ; ai lại chẳng có ư* ? tức là *ai cũng có ; nơi nào là nơi chẳng đi* ? tức là *nơi nào cũng đi*.

Đó, những cái ngữ điệu không thẳng ấy nhiều khi dễ thành ra lời thiểm thước lắm. Tức như chữ *biết đâu không* ông Trần dùng là thuộc vào hạng không thẳng thứ hai. Cho nên chữ *biết đâu không* là thuộc về ngữ điệu không thẳng, chớ không phải là lời hồ nghi như ông Trần đã nói.

Ta lại phải biết rằng theo tu từ học (*rhétorique*) thì những lời không thẳng ấy ta không thể không dùng được, vì nhờ nó làm cho câu văn có vẻ đẹp uyển chuyển khỏi cái bịnh thô hào. Song le, phải tùy chỗ mà dùng, nhứt là vào những chỗ lập chứng, thì thế nào cũng phải dùng ngữ điệu thẳng mới được. Có thì nói có, không thì nói không, ấy là đúng phép hơn.

PHAN KHÔI

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn, s.71 (25.9.1930) ; s.72 (2.10.1930) ; s.73 (9.10.1930) ; s.76 (30.10.1930) ; s.77 (6.11.1930).

(*) terme *interrogatif* : từ nghi vấn.

PHÉP ĐẶT ĐẦU ĐỀ

Lời thương xác cùng Minh Viên tiên sanh

Đọc *Tiếng dân* ra ngày 30 Juillet, bài *Viết thơ và làm văn* của Minh Viên tiên sanh trong đó có một đoạn nói về sự đặt đầu đề, tiên sanh nói rằng :

"Trong bài chưa nói hay dở, chỉ xem cái đầu đề mà đã thấy thông hay dốt rõ ràng. Nhiều người vì cớ khinh suất, hoặc quen theo lối sáo, thấy người ta viết mà bắt chước như đầu đề mà hay dùng chữ "Bàn về". Ví dụ: "Bàn về tình hình kinh tế ở xứ ta ngày nay" ; "Bàn về học thuyết ông Tôn Văn", v.v...

Nói cho đúng thì hai chữ "Bàn về" là thừa ra, không ăn thua gì trong bài, mà lại làm rườm cả cái đề, như cái mụt đeo trước con mắt ; người rành nghề không ai dùng hai chữ đó, mà chỉ nói : "Tình hình kinh tế", ... "Học thuyết Tôn Văn" mà cũng đủ nghĩa".

Tiên sanh kêu bằng "đầu đề" (*titre*) đó, nhiều người hay kêu bằng "tựa". Kêu bằng "tựa" không trúng, kêu bằng "đầu đề" hay là "đề" mới trúng. Bởi vì "tựa" tức là cái bài để ở đầu một cuốn sách, tiếng Pháp gọi là *préface*, chớ không phải đầu đề, là *titre*.

Cứ như một đoạn dẫn trên đây, Minh Viên tiên sanh dạy cho người ta làm văn trước phải cẩn thận sự đặt đầu đề là phải lắm. Có nhiều khi vì cái đầu đề không ổn đáng mà làm cho cả bài văn thành ra hư hỏng, dầu bài văn ấy là hay cũng mặc, cho nên cẩn thận là phải.

Đại để sự đặt đầu đề cũng như sự định nghĩa hay là lập giới thuyết (*donner une définition*). Lập giới thuyết cho một cái danh từ nào thì phải y theo cái giới hạn của ý nghĩa của danh từ ấy, không dư không thiếu ; cũng vậy, đặt đầu đề cho một bài nào thì phải y theo cái giới hạn của đại ý bài ấy, không thiếu không dư.

Lẽ đó tiên sanh dạy phải lắm, tôi xin đồng một ý với tiên sanh. Song le, về cái ví dụ tiên sanh đã lấy, thì tôi cho là chưa đúng, vả lại sai với phép đặt đầu đề nữa, cho nên tôi mới viết ra đây mà xin cùng tiên sanh thương xác lại.

Xin độc giả chớ thấy vầy mà cho là tôi hay cãi, và chớ lấy làm lạ sao tôi lại dám cãi đến lời của Minh Viên tiên sanh.

Tôi đã nhiều lần nói rằng xã hội ta ngày nay mọi người nên lấy lý trí (*raison*) mà phán đoán mọi sự cùng nhau, chớ không chuyên về một mặt tình cảm (*sentinent*). Hễ lấy tình cảm mà khỏa lấp lý trí thì những điều sai lầm trong xã hội cứ việc mà sai lầm mãi, cái hại không phải là nhỏ. Bởi vậy tôi thấy điều chi sai lầm thì tôi nói ; mà tôi tưởng sự tôi nói cũng không hại chi đến cảm tình. Huống chi một người lão thành minh đạt như Minh Viên tiên sanh, lời của người nói ra, ai nấy sẽ coi là khuôn vàng thước ngọc, nếu mà có chỗ sai lầm thì lại còn hại hơn lời của người khác nữa, bởi vậy tôi lại còn lấy làm cần mà phải nói, không thể bỏ qua.

Ở đây tôi cũng nên tỏ cho ai nấy biết rằng cách ba năm trước khi tôi cãi với báo *Tiếng dân* về Nam sử, về vấn đề nước Pháp giúp nước Nam hơn một trăm năm trước đây, cũng một ý ấy(*).

Hoặc giả còn có người nói rằng biện bác với nhau trên báo là biện bác về việc gì lớn kia, chớ còn về cách đặt đầu đề đây là việc tầm thường, chẳng đáng chi mà biện bác. Nếu nói vậy cũng không

(*) Các bài Phan Khôi tranh luận về việc này đăng *Đông Pháp thời báo* ở Sài Gòn từ tháng 5 đến tháng 8.1928 (Xem : Phan Khôi – *Tác phẩm đăng báo 1928* ; Lại Nguyên Ân sưu tầm biên soạn ; Đà Nẵng, 2003, tr.22-59).

phải. Vì nếu là việc không quan hệ thì thôi, Minh Viên tiên sanh có đem mà phô trương trên báo làm chi ? Đã đem mà viết trên báo, thì dầu lớn dầu nhỏ cũng có quan hệ. Quan hệ thì tôi phải nói, miễn là tôi nói có lý.

Tôi cho sự tiên sanh bảo cẩn thận về sự đặt đầu đề là phải ; còn cái ví dụ tiên sanh lấy đó sai lầm. Rồi tôi cắt nghĩa như vầy:

Cái đầu đề mà đặt rằng "Bàn về tình hình kinh tế ở xứ ta ngày nay" với cái đầu đề đặt rằng : "Tình hình kinh tế ở xứ ta ngày nay", hai cái có ý nghĩa khác nhau. Cái ví dụ thứ nhì : "Bàn về học thuyết ông Tôn Văn" với "Học thuyết ông Tôn Văn", hai cái đầu đề ấy cũng lại khác nhau như vậy.

Theo tôi tưởng thì khi mình viết một bài mà chỉ kể rõ cái tình hình kinh tế của xứ ta ngày nay mà thôi, không có ý phê bình nó thế nào thì nên đặt đầu đề là "tình hình kinh tế ở xứ ta ngày nay". Song nếu mình kể rõ cái tình hình ấy rồi, lại còn lấy ý kiến mình mà phán đoán nữa, bảo phải nhơn tuần nó hay là cải cách, thì khi ấy, trên cái đầu đề đó nên thêm hai chữ "bàn về" hay là chữ gì giống như vậy mới phải. Bằng chẳng vậy, không có hai chữ "bàn về", thì cái đầu đề thiếu đi, không vừa giới hạn, nghĩa là không sung túc cái lượng của nó.

Cái ví dụ thứ hai lại còn dễ rõ hơn nữa. Nếu khi tôi muốn biện bác những điều sai lầm trong học thuyết của Tôn Văn – việc nầy có người làm rồi như Hồ Thích – mà tôi không đặt cái đầu đề "Bàn về học thuyết Tôn Văn" tôi chỉ theo như tiên sanh, nói rằng : Học thuyết Tôn Văn, rồi thì nó thành ra bổn thân cái học thuyết của Tôn Văn đi còn chi ? – Vì chính cái học thuyết ấy đã được đặt tên là "Tôn Văn học thuyết".

Bởi cái lý do ấy, tôi xin Minh Viên tiên sanh đính chánh lại chỗ lầm nầy. Vẫn biết hai chữ "bàn về" không nên lạm dụng như "Bàn về sông Hương Giang", "Bàn về chợ Đông Ba" trong cuốn

sách giáo khoa kia mà tiên sanh chỉ đó ; song, theo phép đặt đầu đề khi nào cần để chữ "bàn về" thì cũng phải để chữ "bàn về" hay là chữ gì như chữ "bàn về", chớ không thể bỏ bớt đi. Vì theo trên kia đã nói, bỏ bớt thì không đủ nghĩa, dầu tiên sanh đã nói rằng "mà cũng đủ nghĩa".

Cốt ý bài nầy của tôi chỉ có thế. Sau hết tôi xin thanh minh rằng về chỗ đó, tôi thấy Minh Viên tiên sanh nói sai, tôi sợ kẻ học nhơn đó mà mắc lầm nên tôi chỉ trích ra cho thấy. Nếu tôi nói phải thì nghe ; bằng có ai cho tôi nói quấy thì viết ra mà bẻ bác lại tôi ; chớ xin đừng thấy tôi nói có bấy nhiêu lời mà nói tôi phản đối cụ Huỳnh Thúc Kháng. Tôi nói rồi đa. Một đừng, hai đừng !

Cuối bài "*Viết thơ và làm văn*" của Minh Viên tiên sanh đó, có một đoạn nói về cái thuyết chánh danh của Khổng Tử. Tiên sanh cũng cho cái nghĩa chánh danh là hệ trọng lắm, chẳng khác những lời tôi đã phát huy cái nghĩa ấy ra trong mấy bài đăng ở *Phụ nữ tân văn*. Về sự nầy thật tiên sanh đã vô ý mà như biểu đồng tình với tôi, tôi rất lấy làm cảm tạ tiên sanh ; và cũng xin khuyên độc giả của *Tiếng dân* hãy nghiền ngẫm đoạn ấy cho kỹ, vì nó có ích lắm.

PHAN KHÔI

Trung lập, Sài Gòn, s.6216 (7.8.1930)

KÍNH ĐÁP MINH VIÊN TIÊN SANH VỀ MẤY BÀI THƯƠNG XÁC CÁCH ĐẶT QUÁN TỪ

Bài nầy của tôi lẽ đáng đăng ở *Phụ nữ tân văn*, song vì báo ấy là tuần báo, ra chậm, vả lại có nhiều bài cần phải đăng hơn, nên tôi xin đăng bài nầy ở đây để đáp lại tiên sanh.

Về *Phép làm văn* tôi viết đó, tôi đã nói là sự đánh bạo, sự làm thử, cho nên lẽ nào cũng phải có sai lầm. Song, có sai lầm là sai lầm chút đỉnh cái ngọn ngành mà thôi, còn đại thể, như cách đặt quán từ đó, thì ắt là không sai lầm ; ấy là điều tôi đã tự tín.

Mấy bài của tiên sanh chỉ những chỗ lầm của tôi, tôi không thể chịu. Không phải là tôi cứng đầu cứng cổ, bảo không biết nghe, nhưng tại cái lẽ của tiên sanh không đủ làm cho tôi phục.

Tôi thấy như tôi nói một nơi mà tiên sanh nói đi một nơi, thì làm sao quyết được là tôi lầm ?

Tức như trong bài của tôi nói về lịch trình nghiên cứu, là chỉ nói riêng về sự nghiên cứu các quán từ. Còn tiên sanh cử ra cái lịch trình nghiên cứu của mình có A. B. C. ba điều, thì lại là cái lịch trình nghiên cứu toàn thể quốc văn. Như vậy rồi tiên sanh bảo rằng tiên sanh khác với tôi, thì tài gì không khác ? Khác là phải.

Lại như chữ "những" có nhiều nghĩa, há tôi chẳng biết ? Song trong bài của tôi chỉ nói mọi chữ "những" thuộc về quán từ (*articles*) mà thôi, thì tôi có nói đến nghĩa khác làm gì. Vì chữ "những" có nghĩa khác ấy không phải là quán từ thì tôi không nói đến. Cũng như trong sách Mẹo Lang Sa, chỗ cắt nghĩa chữ *le, la, les* về *article* thì không nói đến *le, la, les* về *pronom personnel* vậy

thôi. Vậy mà tiên sanh nói công dụng chữ "những" rất nhiều, tôi đã bỏ sót đi, lại còn điểm kim tác thiết nữa, thì tôi không hiểu.

Những chỗ tiên sanh đính chánh lại, tôi thấy ra cũng còn lôi thôi lắm.

Như chữ "mấy" mà vừa là chỉ gồm (*général*), vừa là chỉ phần (*partitif*) (ở *Tiếng dân* số 329) thật là không có lẽ, chưa hề có văn pháp nào như vậy. Hai cái phản đối nhau, có thể nào đồng thời đồng địa mà dung nhau. Chính báo *Tiếng dân* bữa trước đã đem luật mâu thuẫn ra mà bẻ cái ý kiến kia, hôm đây tự mình lại phạm luật rồi.

Chỗ nầy chính tiên sanh lầm mà tiên sanh lại nói tôi lầm. Số là, chữ "mấy" có ba nghĩa : Một nghĩa về quán từ, như tôi đã nói trong bài *Phép làm văn* ; một nghĩa về trợ động từ (*adverbre*), như chữ *combien* của Pháp ; một nghĩa về trạng từ (*adjectif*) như chữ *quelques* của Pháp.

Tiên sanh cử ra hai cái ví dụ : Đầu bức thơ viết : Được thư ngài, lật đật viết MẤY lời thưa lại... Cuối bức thơ viết : MẤY lời thành thật, xin ngài lượng xét. Đó, hai chữ "mấy" đó mà tiên sanh cũng đem cho vào quán từ và giải rằng nó vừa chỉ gồm, vừa chỉ phần đó.

Thưa, tiên sanh nói sai đứt đi đâu ! Hai chữ "mấy" ấy là trạng từ, chớ không phải quán từ. Ta nói "mấy lời" đó tức tiếng Pháp nói *quelques mots*, không ly một cạnh. Ai dám bảo chữ *quelques* trong tiếng Pháp là *article*?

Tiên sanh không phân biệt chữ "mấy" quán từ với chữ "mấy" trạng từ, rồi giải rằng "vừa chỉ gồm, vừa chỉ phần" thật là ngang quá. Theo luật mâu thuẫn của luận lý học mà báo *Tiếng dân* đã nhắc đến trước kia, đã chỉ gồm thôi thì không chỉ phần được ; đã chỉ phần thôi thì không chỉ gồm được.

Tiên sanh nói chữ "các" là chỉ chung, bao quát, là tuyệt đối, "những" là chỉ phần, tách hẳn ra là tương đối ; rồi lấy ví dụ rằng :

"Các nước văn minh có nhiều nhà văn học cổ xuý tư tưởng mới thì trình độ dân trí tấn tới mau chóng".

Chữ "các" trong ví dụ đó tiên sanh cho là chỉ chung, nói bao quát, không có ý chia rẽ. Còn như, cũng câu ấy mà đổi chữ "các" làm chữ "những" thì thành ra có ý tách riêng, có ý phân biệt, không những các nước đã mau đứng hẳn ra ngoài mà nước văn minh nào có ít văn hào, hoặc có văn hào mà không cổ xuý tư tưởng mới, cũng đứng ra ngoài, thế là đứng về mặt tương đối.

Tiên sanh nói rất lạ ! Nếu vậy thì chữ "các" và chữ "những" của tiên sanh lấy gì làm khác nhau ? Bởi vì, trong câu ví dụ ấy mà cứ để chữ "các", thì các nước đã man cũng đứng hẳn ra ngoài, và nước văn minh nào có ít văn hào, hoặc có văn hào mà không cổ xúy tư tưởng mới, cũng đứng hẳn ra ngoài như vậy. Hà tất đợi đến đem chữ "những" thay vào mới biệt hẳn ra như thế ?

Tiên sanh lại đem chữ "các" của ta mà so ngang với chữ *tous les* của Pháp, chữ "các, chư, phàm" của Tàu, cũng không đúng hết.

Theo tôi thì chữ "các" của ta chỉ ngang với chữ *les* của Pháp, chữ "chư" của Tàu mà thôi. Còn *tous les* và "phàm" tức là "mọi" và "hết thảy" trong tiếng ta.

Đến như chữ "các" – đây nên để chữ Hán, song vì nhà in chúng tôi không có - của Tàu mà tiên sanh đem sánh đồng với chữ "các" của ta, chữ *tous les* của Pháp thì lại sai đến ngàn dặm ! Chữ "các" trong chữ Hán, nghĩa là "mỗi một", tức là chữ *chaque* hay *chacun* trong tiếng Lang Sa. Coi như "Các ngôn kỳ chí ; các ngôn kỳ tử ; các tận sở năng, các thủ sở như ; nhân các hữu tâm ; nhân tâm bất đồng, các như kỳ diện" – còn nhiều quá, không kể hết – thì đủ biết. Tiên sanh có dẫn chữ "Bắc Kinh hiệp ước các khoản" mà dịch ra tiếng Pháp là *Tous les articles du traité de Pékin*, cũng sai ; vậy phải nói : *Chaque article. . .* mới đúng.

Tóm lại, mấy bài thương xác của tiên sanh còn lộn xộn lắm, những chỗ tiên sanh chỉ cho tôi lầm thì tôi lại thấy tiên sanh lầm.

Song tôi lược trích đại khái ra như trên đây mà thôi, tôi không muốn biện bác cho nhiều làm chi, vì biết cái vấn đề nầy dầu thương xác mấy đi nữa cũng khó lòng giải quyết.

Có nhiều vị gởi thơ đến bàn với tôi về những điều trong bài *Phép làm văn*. Rồi đây tôi sẽ lược trích ra mà đăng lên *Phụ nữ* để công chúng xét đoán. Bài của tiên sanh tôi cũng muốn làm như vậy, song vì dài quá, khó mà đón cho đủ ý.

Nay tôi xin tiên sanh lấy ý của mình mà viết lại một bài về cách đặt quán từ cho thật yếu ước(*) mà thật phân minh, để cống hiến cho độc giả, thì tốt hơn bài đã đăng trong *Tiếng dân* đó, vì tôi thấy nhiều người nói đọc bài ấy mà không hiểu.

Nếu tiên sanh làm như vậy, thì không cần bẻ bác của tôi làm chi nữa. Vì nếu ý kiến của tiên sanh là đúng thì sẽ được thiên hạ công nhận ; còn của tôi mà sai lầm, thì tự nhiên thiên hạ bỏ đi.

Có một điều rất lạ trong bài của tiên sanh mà đến đây tôi mới nói ra. Đoạn đầu hết (số 326), tiên sanh nói : "Đến như quốc văn thì bình sinh tôi không hề nghiên cứu đến". Thế là tỏ ra rằng từ lúc trẻ cho tới ngày nay tiên sanh chưa hề nghiên cứu chữ quốc ngữ. Cách đó không xa thì tiên sanh lại nói : "Tôi tự xét những chỗ sở đắc trong sự nghiên cứu của tôi" v.v. Vậy thì sự nghiên cứu của tiên sanh mà có sở đắc đó là vào lúc nào ? Nếu như tiên sanh mới nghiên cứu đây, thì xin tiên sanh hãy nghiên cứu thêm nữa.

PHAN KHÔI

Trung lập, Sài Gòn, s.6290 (5.11.1930)

(*) *yếu ước* : vắn tắt những điểm trọng yếu (theo Đào Duy Anh, sđd.).

ĐÍNH CHÁNH LẠI NHỮNG CHỮ MÀ NGƯỜI TA HAY DÙNG SAI NGHĨA

Người Việt Nam ta đối với chữ quốc ngữ là tiếng Việt Nam, hình như có một cái quan niệm chung, trăm người như một, tức là coi nó là dễ mà không chịu gia công học tập. Tôi mới được nghe một bà mắng con gái mình rằng : "Sao mầy ngu quá ! Chớ tao hồi trước, tao đọc vần xuôi vần ngược chỉ mất công trong mươi lăm bữa rồi ráp vần mà viết như chơi ; cho đến bây giờ, sách gì tao đọc cũng được, thơ từ gì tao cũng khỏi mượn người ta, mà thiệt tình từ bấy đến giờ, tao có hề học gì đâu !" Trời ơi ! Bà giỏi quá ! Tôi chịu !

Chữ quốc ngữ thật có dễ như bà ấy nói. Song biết xập xuội mà chơi thì dễ ; chớ muốn biết mà đọc và viết cho đâu ra đó thì có dễ đâu. Phải gia công học tập lung lắm mới được.

Thế nhưng, nói đến chuyện học thì người ta lắc đầu, lè lưỡi, bảo rằng : Bày chữ quốc ngữ ra là cốt muốn cho tiện cho dễ, mất công ít mà biết nhiều ; chớ nếu bắt học cũng như học chữ Pháp chữ Hán thì tiện lợi nỗi gì mà bày ra ?

Người nói như vậy là không nghĩ. Mình học tiếng nước mình có dễ hơn học tiếng ngoại quốc, sự tiện lợi của quốc ngữ là ở đó. Chớ còn, học thì vẫn phải học, mất công thì vẫn phải mất công vậy chớ. Cái lẽ nầy dễ hiểu lắm, sao người ta không chịu hiểu. Bao giờ người Pháp không cần học tiếng Pháp, người Tàu không cần học chữ Tàu, mà cũng viết đâu ra đó được, thì bấy giờ người An Nam mới không cần học tiếng An Nam.

Tuy nhiên, cái bà nói trên đó, không phải là nhà văn học, nên biết quốc ngữ sơ sơ mà cũng dám gọi mình rằng biết ; cũng cho được đi, chẳng nói làm chi. Chỉ có những người hữu học, xưng mình là nhà học giả, là nhà văn sĩ, đã từng xuất bản sách nọ sách kia, mà viết quốc ngữ sai cả chữ và nghĩa, thì sự đó, tôi tưởng không thể nào dung thứ được.

Tôi lại tưởng, sự ấy thật là một sự sỉ nhục, đối với mình hay là đối với người cũng vậy, nhứt là đối với người ngoại quốc. Tôi thấy người ngoại quốc nào, không học tiếng An Nam thì thôi, chớ đã học, thì họ phải viết đúng. Sao người bổn quốc viết không đúng mà lại dám in ra sách, dám cầm cây bút làm thầy người ta trên tạp chí nọ, trên nhựt báo kia ? Hay là có cái ơn riêng nào tha cho người An Nam không cần viết đúng tiếng An Nam ?

Theo tôi thì nên dẹp đi hết thảy, đừng xướng lên thuyết nầy thuyết kia, đừng rải truyền đơn nữa, đừng làm quốc sự nữa, đừng chưng ra những thơ xã nọ tòng thơ kia nữa, dẹp đi hết thảy, để đợi khi nào viết quốc ngữ đúng rồi sẽ giở mọi sự ấy ra.

Tôi nói như vậy có hơi quá khích một chút. Song cứ theo cái thuyết "chánh danh" của Khổng Tử thì chẳng có chi là quá. Chánh danh, nghĩa là kêu tên cho trúng. Ngài đã nói đến cái hại kêu tên không trúng mà rằng : "Danh chẳng chánh thì nói ra chẳng thuận ; nói ra chẳng thuận thì việc làm chẳng nên ; việc làm chẳng nên thì lễ nhạc chẳng dấy ; lễ nhạc chẳng dấy thì hình phạt chẳng nhằm ; hình phạt chẳng nhằm thì dân không chỗ đặt tay chưn"[1]. Danh chẳng chánh, kêu tên không trúng, sao mà cái hại đến như vậy ? Chờ sau nầy tôi sẽ viết một bài cắt nghĩa.

---

[1] Đoạn nầy thấy trong sách *Luận ngữ*, nguyên văn như vầy : "Danh bất chính, tắc ngôn bất thuận ; ngôn bất thuận, tắc sự bất thành ; sự bất thành, tắc lễ nhạc bất hưng ; lễ nhạc bất hưng, tắc hình phạt bất trúng ; hình phạt bất trúng, tắc dân vô sở thố thủ túc" (*Luận ngữ* III: Tử Lộ: 3) [*] Bản gốc in chú thích nguyên văn chữ Hán ; sưu tập chỉ in phiên âm).

Viết quốc ngữ không đúng, cũng tức là một cách kêu tên không trúng. Cái hại của nó dầu không đến như đức Khổng nói, song thế nào cũng là có hại cho việc làm. Việc làm đã vì nó mà bị hại, thì có lẽ đừng làm là hơn.

Tại sao viết quốc ngữ không trúng ? Ấy là tại không học. Làm sao biết người ta không học ? Vì thấy viết không trúng thì biết là không học ; nếu có học thì viết đã trúng rồi. Đại để những người viết sách quốc ngữ ngày nay, phần nhiều cũng như người đàn bà nói trên kia, lấy cái sở đắc của mình trong sách Tây hoặc sách Tàu rồi ráp vần theo giọng trại bẹ của mình mà viết ra tiếng An Nam, chớ chưa hề học tiếng An Nam.

Phần nhiều người Đàng Ngoài viết vần *ch* với *tr* lẫn nhau, *x* với *s* lẫn nhau ; phần nhiều người Đàng Trong viết lẫn *c* với *t*, có *g* với không *g* trong vần ngược, lại xô bồ dấu *ngã* dấu *hỏi* làm một. Ấy là sai về mặt chữ, tôi đã nói trong bài "*Chữ Quốc ngữ ở Nam kỳ*" đăng ở một số mới đây. Nay tôi nói đến những tiếng mà người ta hay dùng sai nghĩa.

Tôi có quyền gì mà dám phán đoán là sai hay là đúng ? Tôi chẳng có quyền chi hết, tôi cũng chẳng thánh hơn ai hết, tôi chỉ cứ theo tự vị, hễ hiệp với tự vị thì tôi cho là đúng, mà không thì tôi cho là sai.

Chỉ có một điều dễ lắm mà người ta không chịu làm. Là trong khi viết, nếu có chữ gì hơi nghi một chút thì phải giở tự vị tra liền. Tra xong, ghi chữ ấy vào một tập vở nhỏ, hằng ngày nhìn lấy nó cho nhớ nhập tâm, ghi đầy một tập vở nhỏ chừng một trăm trương mà nhớ hết, thì có thể viết đúng được phần nhiều rồi. Tôi, vì theo giọng nói miền tôi sanh trưởng, cũng trại bẹ như ai, song trong 20 năm nay tôi đã học bằng cách ấy, nên bây giờ tôi viết khá đúng. Tuy vậy, chưa đúng cả đâu, nên tôi còn học mãi, cái ngày người ta đắp tờ giấy bạch trên mặt tôi, ấy là ngày tôi hết học tiếng An Nam !

Khốn thay ! người An Nam lại ít hay dùng tự vị. Trong bài "*Nữ công*" đăng ở một số trước, tôi nói phần nhiều rổ may đàn bà An Nam không có bao tay ; thì ở đây tôi cũng nói : phần nhiều bàn viết của các nhà văn học An Nam không có cuốn tự vị tiếng An Nam. Khi nào người mình cứ dùng tự vị luôn, khi ấy sẽ viết quốc ngữ được đúng.

Tôi viết bài nầy không phải băm vào những người nào đã viết quốc ngữ sai mà nói, để làm cho người ta tức ; song có một ý theo tự vị mà đính chánh lại những điều sai lầm của người ta, hoạ may nhơn đó mà sửa đổi lại cho đúng chăng.

Từ kỳ sau trở đi, thỉnh thoảng tôi sẽ có một bài độ chừng một trương giấy mà chỉ ra những điều sai lầm ấy và theo tự vị sửa lại cho đúng.

PHAN KHÔI

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn, s.43 (13.3.1930)

CUỐN SÁCH *NHO GIÁO* GỢI Ý CHO CHÚNG TÔI

Nó bảo rằng " người Việt Nam phải viết quốc ngữ cho đúng, dùng danh từ cho đúng"

Trong tập báo *Phụ nữ* nầy, từ năm ngoái, chúng tôi có mấy bài cổ động viết chữ quốc ngữ và dùng các danh từ cho đúng. Chính tôi, người viết bài nầy, đã viết mấy bài nói *về Chữ quốc ngữ ở Nam kỳ* và *Đính chánh những danh từ mà người ta hay dùng sai*.

Lẽ đáng chúng tôi tiếp tục luôn sự cổ động ấy mới phải, nửa chừng chúng tôi lại bỏ dở. Ấy chỉ vì trong khi chúng tôi cổ động, vẫn có nhiều người thức giả hưởng ứng mà cũng còn có nhiều kẻ nói ngang như ghẹ để phản đối lại chúng tôi. Sự phản đối ấy thật chẳng đủ làm cho chúng tôi núng lẽ, nhưng có hơi làm cho chúng tôi ngã lòng, vì nghĩ rằng trong lúc còn chưa đủ trí khôn để hiểu một việc phải, thì mình có hô hào xướng xuất mấy cũng vô ích.

Song le, chúng tôi tạm đình sự cổ động ấy đi một độ, chớ chẳng phải là dứt hẳn. Một sự rất cần thiết cho sự sống của người Việt Nam như vậy, thế nào chúng tôi cũng phải dùng hết sức mà tuyên truyền cho đến ngày thấy hiệu quả.

Mới rồi có một điều khích thích chúng tôi, bắt phải làm nốt cái công việc bỏ dở kia, ấy là sau khi chúng tôi được đọc cuốn *Nho giáo* của ông Trần Trọng Kim.

Về cuốn sách nầy, trong một số trước, chúng tôi đã có bài phê bình rất cẩn thận. Đây chúng tôi không phê bình một lần nữa, song

chỉ nói về cái văn chương của cuốn sách ấy nó đã gợi ý cho chúng tôi viết bài nầy.

Cái văn của sách *Nho giáo* thiệt là sạch sẽ, đúng đắn mà lại dễ dàng. Cái cách đặt câu gọn gàng và rõ rệt, dùng toàn những lời thường dùng mà đủ nói ra được những cái lẽ cao thâm huyền diệu. Thật Trần Trọng Kim tiên sanh xuất bản cuốn sách nầy, chẳng những làm bổ ích cho học thuật nước ta, mà cũng như phân chứng cho thiên hạ biết rằng tiếng Việt Nam, là thứ tiếng mà người ta chưa chịu công nhận là hoàn toàn kia, cũng có thể dùng mà viết một bộ sách lớn để cắt nghĩa về triết học.

Trong bài phê bình trước, chúng tôi có nói rằng Trần quân đã dùng thức lực và lắm công phu nghiên cứu mới soạn ra được sách *Nho giáo* nầy. Ấy là chúng tôi chỉ mới nói về phương diện triết lý của cuốn sách ấy, chớ chưa nói đến phương diện văn tự. Nay nói đến phương diện văn tự của sách ấy như mấy lời vừa nói trên kia, làm cho chúng tôi càng thấy sự viết quốc ngữ đúng và dùng danh từ đúng, thiệt là sự rất cần.

Sách *Nho giáo* nhờ thức lực và công phu nghiên cứu của tác giả mà được soạn ra, lẽ đó vẫn đành rồi ; mà lại cũng còn nhờ sự viết quốc ngữ đúng và dùng danh từ đúng nữa, nếu về phương diện nầy mà kém, thì thật cuốn sách cũng không thành ra cuốn sách.

Những người phản đối sự cổ động của chúng tôi, trong tay họ chỉ cầm có một cái lẽ rất mong manh và yếu đuối, ấy là họ nói : Viết thế nào hiểu được thì thôi. Song họ quên lửng đi rằng viết mà không đúng, thì làm sao cho người ta hiểu được ? Văn viết ra là cốt để phô bày ý tứ mình cho kẻ khác hiểu, mà nếu không hiểu thì viết ra làm chi ? Phô bày cái ý tứ tầm thường mà nếu còn không hiểu thay thì mong gì đến sự giải cho người ta nghe những lẽ cao thâm huyền diệu ?

Ví dụ : Hai chữ "triết lý", nghĩa là cái lý thuộc về triết học, mà nếu theo như nhiều người Bắc kỳ hay lẫn lộn *ch* với *tr*, viết thành

ra "chiết lý", thì nghĩa nó là "bẻ lẽ", dùng lý lẽ mà bẻ bác nhau ; vậy có phải bởi mình viết không đúng mà làm cho người ta hiểu nghĩa nầy ra nghĩa khác không ? Hết thảy trên trái đất nầy, bất kỳ thứ chữ nào, nếu dùng nó để phô bày ý tứ mà lại có thể làm cho lộn nghĩa nầy ra nghĩa khác, thì thứ chữ ấy không thành lập được ; nó sẽ không dùng được để viết một cái khế vay, chớ đừng nói dùng để mà viết sách triết học.

Người Nam kỳ mình thấy người Bắc viết sai thì biết cười. Cách mười năm trước, hồi ông Phạm Quỳnh vào Nam về, có viết bài "*Một tháng ở Nam kỳ*" đăng ở tạp chí *Nam phong*. Trong bài ấy, có một chỗ, Phạm quân viết lầm chữ "chòi" ra chữ "trời", thì ở Nam kỳ có ông đọc mà cười ngất nga ngất nghẻo ; ông ấy có nói vào tai tôi rằng : Trong tiếng An Nam, chẳng có "cái trời" là cái gì ! Song đến khi người Nam kỳ chính mình viết sai, chữ "ngang" ra chữ "ngan" chữ "bát" ra chữ "bác" thì lại nói rằng viết thế nào hiểu thì thôi, chẳng lấy làm quan hệ chút nào hết, như vậy là nghĩa làm sao ?

Tôi nói rằng : Nếu người Nam đã buộc người Bắc phải viết "triết lý" viết "chòi" đặng cho mình hiểu được, thì chính mình người Nam cũng phải viết chữ "bán" chữ "bác" theo nghĩa của nó, đặng cho người Bắc hiểu.

Chúng tôi nói vậy, chẳng phải công kích riêng về sự viết sai của người Nam kỳ ; nhưng chúng tôi công kích chung hết thảy, người Bắc, người Trung, người Nam, mỗi nơi đều có sai lầm theo thói quen riêng của mình ; chúng tôi hết sức công kích mà khuyên người ta phải viết cho đúng. Đúng gì ? Đúng tiếng Việt Nam, đúng tiếng mẹ đẻ, đúng với tự vị Trương Vĩnh Ký và Paulus Của.

Ấy là mới nói về sự viết quốc ngữ cho đúng, chớ chưa nói đến sự dùng danh từ cho đúng.

Sự dùng danh từ cho đúng, lại còn quan hệ lắm nữa, quan hệ cũng chẳng kém gì sự viết đúng nói trên kia.

Theo luận lý học (*logique*), khi người ta suy nghĩ một sự vật gì trong lòng hoặc trong óc mình rồi phán đoán nó là gì, thì cái đó gọi là "khái niệm" (*concept*) ; đoạn dùng ngôn ngữ mà phát biểu cái khái niệm ấy ra, thì gọi là "từ" hay là "danh từ" *(terme)*. Danh từ và khái niệm chỉ là một vật, có điều khi nó còn ở trong lòng thì kêu bằng khái niệm, đến khi phát ra bằng tiếng nói thì gọi là danh từ. Hễ danh từ mà dùng sai, tức là mình nghĩ sai, tức là cái khái niệm của mình không đúng. Nghĩ không đúng và nói ra không đúng, là sự nguy hiểm lắm, theo như lời Khổng Tử mà tôi đã dẫn ra trong một bài trước kia : "Danh chẳng chánh thì nói ra chẳng thuận ; nói ra chẳng thuận thì việc làm chẳng nên ; việc làm chẳng nên thì lễ nhạc chẳng dấy ; lễ nhạc chẳng dấy thì hình phạt chẳng nhằm ; hình phạt chẳng nhằm thì dân không chỗ đặt tay chơn."

Trong bài phê bình sách *Nho giáo*, tôi có chỉ ra mấy cái danh từ mà tác giả dùng sai. Như dùng chữ "lương tri" mà cho rằng tức là "lý trí", dùng chữ "quân quyền" thay vì chữ "chủ quyền". Do sự dùng sai ấy mà thành ra kết luận thiên lệch đi, như tôi đã chỉ ra đó. Độc giả coi đó thì đủ thấy sự dùng danh từ nó quan hệ là dường nào.

Những danh từ mới mà ta dịch của ngoại quốc thì lại càng khó cho đúng lắm. Tuy vậy, ta mong dịch vừa cọ bia(*) cũng còn hơn là sai đến ngàn dặm. Đây tôi cử ra lấy vài chữ. Như sự lấy *photo*, ta nên kêu bằng "chụp bóng" thì nó đúng hơn là kêu bằng "chụp hình" ; vì trong khi làm sự ấy, người thợ chỉ chụp lấy cái *bóng* của ta mà thôi, chớ đâu có chụp lấy cái *hình* của ta được ? Lại *cinéma*, ta nên kêu bằng "chiếu bóng" thì đúng hơn là kêu bằng "hát bóng" ; vì trong khi làm sự ấy, họ chỉ *chiếu* cái bóng ra cho ta coi mà thôi, chớ nào có hề *hát xướng* gì đâu ? Vậy mà người Nam kỳ ta cứ quen kêu là chụp hình, là hát bóng, thì thiệt là sai lầm quá, tỏ ra rằng cái khái niệm của người ta không được chơn chánh và đích

(*) *cọ bia* : gần đúng, gần trúng (theo H.T. Paulus Của, sđd.).

xác. Giả sử có đứa con nít nào con của một ông thông thái đất nầy, mà là đứa tọc mạch hay hỏi, nó nài xin ông già nó cắt nghĩa chữ "chụp hình" và chữ "hát bóng" cho nó nghe, thì tôi chẳng biết ông ấy sẽ trả lời cho nó thế nào ! Tôi chẳng biết ông ấy sẽ lúng túng đến bực nào !

Đừng có khinh thường mà nói những điều như vậy là vụn vặt không quan hệ. Hễ kêu không đúng tên, thì chẳng ai thèm lên tiếng hết, chẳng ai thèm chạy lại hết. Muốn theo phương pháp khoa học mà tìm cho thấy chơn lý thì đối với mọi sự vật, cần phải kêu đúng tên nó, hầu cho cái chơn lý của nó lên tiếng và chạy lại cùng mình.

Cái nguyện vọng to tát của chúng tôi là mong lập cho nước ta một nền học thuật bằng chữ quốc ngữ. Chúng tôi nhìn nhận rằng sự học vấn mà sở dĩ tấn bộ được một là nhờ ở văn tự cho phân minh, hai là nhờ ở luận lý học cho phát đạt. Luận lý học ví chẳng khác cái chìa khóa dùng để mở các cái tủ khoa học. Mà cái bước thứ nhứt của luận lý học lại ở sự viết mặt chữ cho đúng, dùng danh từ cho đúng ; nên chúng tôi mới bắt đầu có sự cổ động nầy.

Chúng tôi làm sự cổ động nầy chẳng phải là vô ý thức, mà cũng chẳng phải là do cái kiến giải tầm thường đâu. Cái chương trình của chúng tôi đại lược như vầy : Ban đầu hết, chúng tôi ép nài người Việt Nam viết chữ mình cho đúng, dùng danh từ cho đúng ; rồi kế đó, chúng tôi dùng tiếng Việt Nam mà viết sách luận lý học để truyền bá cái học nầy cho mọi người, ngõ hầu ai nấy có cái tinh thần khoa học trong óc, chẳng còn có kẻ nói ngang nói bướng như ngày nay ; khi bấy giờ, cái nền đã vững chãi rồi, tự nhiên cái nhà học thuật Việt Nam sẽ thành lập trên cái nền ấy.

PHAN KHÔI

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn, s.56 (12.6.1930)

THEO THUYẾT CHÁNH DANH ĐÍNH CHÁNH LẠI CÁCH XƯNG TÊN CỦA NGƯỜI VIỆT NAM

Độc giả xem mấy bài mà tôi có nói về cái thuyết chánh danh của Khổng Tử, nhứt là bài trong *Phụ nữ tân văn* số 57 vừa rồi(*), thì thấy ra cái sự chánh danh nó quan trọng là đường nào.

Theo thuyết ấy mà suy diễn ra, thì bất kỳ một cái tên chung (*nom commun*) hay là một cái tên riêng (*nom propre*) nào, trong khi dùng nó cũng phải xem xét suy nghĩ cho kỹ càng, chớ không được cẩu thả chút nào hết ; cẩu thả thì thế nào cũng có hại, hoặc ít hoặc nhiều.

Về sự dùng tên mà kêu sự vật, coi bộ người mình không lấy làm hệ trọng, cũng như viết chữ quốc ngữ, cho rằng viết thế nào cũng được, miễn hiểu thì thôi. Cái đó rất là trái với luận lý học. Người mình nếu muốn theo luận lý học mà lập một nền học thuật riêng bằng tiếng Việt Nam sau nầy, thì từ nay phải chừa cái thói cẩu thả ấy đi mà kêu tên cho trúng mới được.

Luận lý học chia ra hai phần : phần thứ nhứt nói về nguyên lý (*principe*) ; phần thứ hai nói về phương pháp (*méthode*). Trong phần nguyên lý có một cái luật kêu bằng luật tự đồng (*loi d'identité*). Nghĩa là mỗi một sự vật nào, nó cùng chính mình nó phải là đồng nhứt. Nói cho rõ hơn thì nói rằng : *Hễ sự vật nào đã là thế ấy thì ắt là thế ấy.* Chúng ta cho *có* là *có*, cho nên chúng ta kêu

(*) Tức là bài *Khổng Tử và cái thuyết chánh danh của ngài.*

bằng *có* ; chúng ta cho *người* là *người,* cho nên chúng ta kêu bằng *người*. Bất kỳ là ai, trong khi suy xét một sự vật gì mà không tuân cái luật đó thì tự nhiên không suy xét được, chớ đừng nói đến sự phán đoán làm chi.

Cái giấy căn cước của chánh phủ Pháp phát cho chúng ta sao lại kêu bằng "*Titre d'identité*" ? Ấy cũng là theo luật tự đồng. Chữ "*indentité*" nghĩa là đồng nhứt. Khuôn mặt ông ra làm sao, có mấy cái nốt ruồi, có vết có thẹo gì không ; trạc người ông cao mấy thước ; tác ông bao nhiêu tuổi : những điều ấy có ghi trong giấy căn cước của ông, nếu đem mà so với cái người thiệt của ông mà đúng y, ấy tức là tự đồng . Tự đồng, là ông (ở trong giấy) đúng với chính mình ông (ở ngoài) vậy.

Ông hoặc tôi, sau khi ở xe lửa Nha Trang vô, xuống ga Sài Gòn, mà rủi cái giấy căn cước của bọn mình không theo luật tự đồng, thì ông tưởng dễ chơi lắm sao ? Chuyện chi rồi sẽ hay, chớ liền tối hôm ấy, là ông hoặc tôi phải nằm bót cái đã.

Nói nội cái luật tự đồng của luận lý học mà thôi, thì ai nấy nghe như cho là nhà triết học khéo bày ra nhiều chuyện, xưa nay người ta chẳng thèm biết đến luật tự đồng thì lại có hại chi. Nhưng mà, sau khi nghe đến cái luật tự đồng của giấy căn cước, chắc ai nấy cũng thấy xương sống mình hơi ghê ghê mà cho là quan hệ lắm.

Thiệt, quan hệ lắm thiệt. Bởi vậy danh học của Trung Quốc hồi xưa cũng chăm về chỗ đó. Bọn học giả đời Chiến Quốc có tranh biện cùng nhau về những cái thuyết "danh thiệt" và "đồng dị". Để rồi sau tôi sẽ thuật những cái thuyết ấy mà nghe. Đây tôi chỉ nói mau rằng : cái luật tự đồng của luận lý học phương Tây tức là cái thuyết "danh thiệt" của Danh học đời Chiến Quốc. Nói rằng : "mỗi một sự vật nào, nó cũng chính mình nó phải là đồng nhứt", với nói rằng : "mỗi một sự vật nào, danh nó phải đúng với thiệt nó", thì hai nếp cũng vô một xôi.

Sự kêu tên cho trúng là quan hệ với luận lý học như vậy, mà tôi tưởng luận lý học lại là cần cho người Việt Nam ta lắm, nên tôi cứ phải lặp đi lặp lại mà rằng : Muốn học luận lý học thì trước hết phải theo cái thuyết chánh danh của Khổng Tử, phải kêu cho trúng tên.

Trên kia tôi có nói, về sự kêu tên chung hoặc tên riêng người mình cũng không lấy làm hệ trọng. Vậy đây tôi cử ra những sự xưng tên riêng một cách cẩu thả của người mình, rồi tôi theo cái nghĩa chánh danh mà đính chánh lại như sau.

1) Một người nên chỉ có một tên mà thôi

Một vật mà có hai tên, Đàng Ngoài kêu *thạch*, Đàng Trong kêu *xu-xoa*, đã là bất tiện rồi, huống chi là người. Người đời xưa chỉ có một tên. Trong kinh Lễ dạy rằng hễ tên của cha đặt cho mình thì sau không nên đổi. Nhà nho lẽ phải theo lễ, cái nầy, trong nước ta, những người hay đổi tên thứ nhứt, lại là nhà nho !

Tôi không nói hàm hồ, có người đổi tên đến năm bảy lần. Hồi trước còn khoa cử, người nào tự phụ hay chữ mà thi rớt thì đổ tại số mạng, nên đổi tên luôn luôn. Cứ ba năm một khoa mà rớt cái bịch, ấy là đổi tên một lần, tài chi không nhiều tên ? Tôi ghét quá, họ cứ làm bộ, nói mình là môn đồ Khổng Tử, mà chỉ một chút nầy đây cũng tỏ ra là họ trái với Khổng Tử mà theo Lão Tử.

Trong sách *Thần tiên truyện* của Cát Hồng có nói rằng : "Lão Tử cứ đổi tên hoài hoài, chẳng phải một tên Đam mà thôi. Sở dĩ làm vậy, là tại theo sách nhà Đạo, cái tên của người ta cũng có vận ách, hễ gặp hồi đó mà nếu đổi tên đi để theo sự biến chuyển của nguyên khí, thì có thể thoát khỏi ách và sống lâu". Nhà nho ta ngày xưa có nhiều người hay đổi tên, ấy là có tiêm nhiễm và mê tín cái thuyết của sách nhà Đạo.

Từ hồi chánh phủ Pháp ở đây bày ra giấy căn cước và nhứt là

Nam kỳ lập bộ đời(*) đã lâu, làm cho người mình bỏ được cái thói nhiều tên, tôi nhận cho là sự ích lợi lắm.

Cách đặt tên của người mình nguyên theo Tàu. Đại để những người có học thì ngoài cái tên chính ra, có *tự* và *hiệu*. Tự thường đặt bằng hai chữ theo nghĩa của tên ; hiệu thì phần nhiều lấy theo chỗ ở của mình, hoặc núi, hoặc sông, hoặc cái dấu riêng gì khác.

Tự và hiệu dùng để làm gì ? Theo đời xưa, anh em bạn kêu nhau thì kêu bằng tự chớ không kêu bằng tên ; còn công chúng kêu những người có danh vọng trong đời, thì không kêu bằng tên bằng tự mà kêu bằng hiệu ; như bên Tàu, hồi nhà Tống, người ta kêu Châu Đôn Hy bằng Liêm Khê tiên sanh ; và mấy năm gần đây, người mình hay kêu ông Phan Châu Trinh bằng Tây Hồ tiên sanh, phải vậy.

Vì cớ ấy, chính những người có tự có hiệu, phải biết đường mà dùng nó. Trong khi viết thơ cho bạn, thường thường đề cái tên mình rồi còn thêm cái tự nữa. Như vậy để làm gì ? Là để cho người bạn ấy bữa sau biết cái tự của mình mà kêu. Trong khi đề cái tên mình vào câu đối hay bức trướng, là vật treo ra trước mặt mọi người, thì trên cái tên thường để cái hiệu. Như vậy có ý gì ? Là có ý cho công chúng biết cái hiệu mình mà kêu, nếu mình là người có danh vọng mà công chúng không nỡ kêu tên.

Từ xưa đến nay, phàm loài người đã đặt ra điều gì cũng là có nghĩa hết, có lý hết ; trước khi mình làm điều gì phải nghĩ đến cái lý của nó rồi hãy làm. Cái nghĩa cái lý của sự dùng tự và hiệu là như tôi đã nói trên kia. Nếu tôi nói đó là phải, thì tôi chẳng biết ông chủ nhựt trình và người viết báo mà lại chưng cái tự mình trên tờ báo, là có nghĩa lý gì ? Đối với pháp luật, với chánh phủ, chỉ một cái tên là đủ rồi. Nếu thêm một cái tự nữa, là dư. Mà chẳng những

(*) *bộ đời* : bộ : sách ; *bộ đời* : sổ sách kê biên việc sinh tử, hôn thú (theo H.T.Paulus Của, sđd.)

dư thôi đâu, lấy nghiêm cách mà nói, thì có thể cho là hai tên vậy. Mà một người hai tên, ấy là sự không dung được trong pháp luật.

2) Tên, phải kêu theo chủ nó

Trong sách chữ Hán mà tôi quên là sách nào, có câu "Danh tùng chủ nhân", nghĩa là : cái tên, phải theo người chủ có tên. Câu ấy đã thành ra như một cái luật, mà luật là phải.

Phải, vì cớ gì ? Vì nếu không kêu theo chủ nó mà lại kêu khác đi, thì thành ra một vật có hai tên. Người nầy kêu khác đi được, các người kia cũng viện lấy mà kêu khác đi được, thì chẳng những có hai tên, mà sẽ có đến trăm ngàn tên chẳng hạn. Như vậy rồi cái vật ấy còn ai biết nó là gì nữa ! Cho nên đặt ra luật ấy mà buộc người ta theo, là phải lắm.

Tôi lấy làm lạ sao người Pháp lại trái luật ấy đi. Như kinh đô của Ăng Lê, người Ăng Lê kêu bằng *London* thì can chi người Pháp lại đổi đi mà kêu là *Londres*. Mà cũng không phải tại cớ rằng hễ để *London* thì người Pháp đọc không tiện, vì trong tiếng Pháp nhiều chữ cuối cùng bởi vần *don*.

Những tên đất trong xứ ta, người Pháp hay viết nhập lại rồi đọc sai đi. Như Ba Ngòi thành ra Bangoi (họ đọc là Ban-goi), Đồng Hới thành ra Đônghoi (họ đọc là Đon-goi) – còn nhiều nữa, không kể hết, – ấy là sự hại cho tiếng Việt Nam chẳng ít.

Song le người Pháp muốn phát âm theo đúng như người mình thì khó cho họ, nên họ nói trại bẹ đi, chẳng trách làm chi ; chớ chính người Việt Nam, mà lại kêu Ba Ngòi thành ra Ban-gôi, Đồng Hới thành ra Đon-gối, Quy Nhơn thành ra Ky-non, Chợ Lớn thành ra So-long, thì thôi, tôi chẳng biết còn dùng được lời gì mà trách họ, nếu mình muốn trách. Gặp khi như vậy, tôi trở lại tiếc chánh phủ ở đây sao đem mà bỏ cái luật đánh đít đi.

Nhơn đây tôi cắt nghĩa luôn điều nầy tiện lắm. Họ không nói trước

mặt tôi, chớ nhiều người thấy ông Phạm Quỳnh, ông Trần Trọng Kim kêu vị giáo chủ đạo nho là Khổng Phu tử, mà tôi kêu là Khổng Tử, thì chắc họ nói tôi kêu như vậy đã tỏ ra ý không tôn kính ngài. Tôi nói cho mà biết, ai nghĩ như vậy là lầm. Tôi kêu bằng Khổng Tử, chẳng qua theo cái luật "Danh tùng chủ nhân", chớ chẳng có ý chi lạ.

Xưa nay có ai tôn kính Khổng Tử cho bằng người Tàu, thế mà họ vẫn kêu Khổng Tử là Khổng Tử. Sanh sự ra kêu Khổng Phu tử, ấy là bắt đầu từ người Tây. Người Tây kêu Khổng Tử bằng *Confucius*, chữ *fu* đó, người ta nói là do chữ *phu* mà ra, nên Tàu và An Nam, có người bắt chước mà kêu Khổng Phu tử như người Tây. Theo cái luật danh tùng chủ nhân, thì tôi tưởng, chủ nhân của cái tên ấy là người Tàu, vậy thì ta nên theo người Tàu kêu Khổng Tử, là phải hơn theo người Tây vậy.

Huống chi chúng ta mà kêu là Khổng Phu tử thì thiệt chẳng có ý nghĩa gì. Nguyên cái tên Khổng Tử là bởi học trò của ngài đối với người khác mà kêu thầy mình ; còn khi họ đối với ngài – tức là thầy họ – thì họ mới kêu là Phu tử. Phu tử tức tiếng ta gọi là thầy. Sự xưng hô ấy có rõ ràng trong một sách *Luận ngữ*, ai có ý xem xét một chút thì biết. Các nho giáo nối sau đó, từ đời Hán cho đến đời Thanh, ai nấy đều kêu ngài là Khổng Tử ; trừ ra một vài người như Châu, Trình hồi đời Tống và Cổ Viêm Võ hồi đời Thanh thì có kêu bằng Phu tử mà thôi. Khi người nào kêu như vậy, là khi trong ý họ tự coi mình cũng như học trò ngài, ở đồng thời và thọ giáo cùng ngài ; nhưng cũng chỉ kêu là Phu tử, chớ chẳng hề kêu là Khổng Phu tử. Nếu trong nước Nam nầy có người nào xứng đáng, tự nhận là môn đệ của Khổng Tử, thì kêu ngài bằng Phu tử đi cũng được ; còn như bắt chước Tây mà kêu Khổng Phu tử thì thật là lố lăng quá, theo tôi, chẳng có ý nghĩa gì hết. Hãy lật sách nho của Tàu từ xưa đến nay, hết pho nọ đến pho kia mà coi, tôi dám đoan, chẳng có một chỗ nào có y ba chữ "Khổng Phu tử".

Vả lại, ở nước Tàu đời xưa, trong học giới rất là bình đẳng, họ coi ông thánh nào của họ cũng như ông thánh nấy. Chẳng những thánh thôi, hiền cũng vậy, đều xưng là *tử* hết. Khổng Tử thì cũng như Mặc Tử, Mạnh Tử, Tuân Tử và mấy chục chư tử khác. Duy đến đời sau bắt đầu tôn một mình Khổng Tử, nên mới có những phong hiệu như là Văn Tuyên Vương hay là tôn xưng như là Chí thánh tiên sư mà thôi ; song thế nào mặc lòng, cái tên Khổng Phu tử, người Tàu chưa hề mở miệng ra mà kêu bao giờ.

Do các lẽ trên đó, tôi kêu bằng Khổng Tử, là theo cái luật danh tùng chủ nhân và cũng theo cái thuyết chánh danh của ngài. Còn chưa kể đến sự kêu như vậy là hiệp với cái óc tôi, bởi vì các ông thánh ông hiền, các ông giáo chủ ở trong óc tôi là bình đẳng.

Chúng ta lại phải biết rằng cái nghĩa chánh danh lại còn mạnh hơn cái luật danh tùng chủ nhân nữa. Có khi vì trái với nghĩa chánh danh mà người ta không kêu một cái tên nào theo chủ nó. Sự ấy do cái lẽ phải chung ở trong lòng mọi người mà ra, chẳng ai biểu ai mà cũng chẳng ai ép ai được.

Ấy tức là sự xưng tên cái nước mà chúng ta sanh trưởng đây. Nguyên hồi vua Gia Long thống nhất Nam Bắc, sai sứ qua Tàu xin đặt tên nước là Nam Việt ; vua Tàu đổi lại là Việt Nam ; rồi từ đó xưng là Việt Nam. Đến đời vua Minh Mạng, ngài chinh phục luôn cả nước Cao Miên, bèn đổi hiệu là Đại Nam. Đó về sau, cho đến ngày nay, nhứt định là Đại Nam, chớ không có thay đổi lần nào nữa hết.

Vậy, theo lẽ thì ta bây giờ nên xưng nước mình là Đại Nam mới phải. Nhưng sao ta chỉ thấy có một mình triều đình Huế xưng như vậy mà thôi, còn nhơn dân trong nước đều xưng là Việt Nam theo cái tên hồi vua Gia Long ? Điều đó chỉ ra rằng cái nghĩa chánh danh là mạnh hơn cái luật danh tùng chủ nhân vậy. Vì chữ *đại* nghĩa là *lớn*, nước Nam bây giờ còn lớn gì ? Còn lớn hơn ai ? Nếu

xưng là *đại* thì hóa ra danh bất chánh. Gặp cái "ca" nào như vậy thì lại phải lấy nghĩa chánh danh làm trọng.

3) Tên xưng trên báo và tạp chí

Sự xưng tên trên báo chỉ có hai cách mà thôi, là xưng tên thiệt của người viết bài cùng là xưng biệt hiệu (hoặc kêu là bút tự) của người ấy.

Khi nào nên xưng tên thiệt ? Là khi người viết đó muốn tuyên bố một cái ý kiến gì của mình mà cần cho kẻ khác biết là của mình và tưởng rằng biết như vậy là có ích, hoặc cho mình, hoặc cho người ta. Thật vậy, trên báo và tạp chí, có khi đồng một bài đó, đồng một ý kiến đó, giá đem ký một cái tên bông lông vào thì người đọc xem khinh xem thường, mà ký một cái tên của người có danh vọng trong xã hội, thiên hạ phục sẵn, thì tự nhiên cái bài thành ra có giá trị. Gặp khi như vậy, các nhà viết báo thường ký tên thiệt của mình. Sự đó cũng chẳng qua lợi dụng cái tâm lý hèn yếu của xã hội mà thôi vậy.

Khi nào nên xưng biệt hiệu ? Biệt hiệu lại còn khác với cái hiệu nói ở khoản thứ nhứt trước kia nữa. Như ông Tùng Thiện Vương, tên là Miên Thẩm, tự là Thận Minh, hiệu là Thương Sơn, biệt hiệu là Bạch Hào Tử. Biệt hiệu tùy ý mình muốn đặt sao thì đặt, không có luật nhứt định. Như ông Thương Sơn, vì trên chang mày ông có mấy cái lông trắng, nên ông tự xưng là Bạch Hào Tử – Bạch Hào Tử nghĩa là người có lông trắng. – Biệt hiệu ở xứ ta và Tàu ngày xưa chỉ các nhà thi sĩ mới có mà thôi ; trong khi làm một bài thơ có ý trào hước hay là xúc phạm sao đó, xưng tên, tự, hiệu thiệt của mình không tiện, thì họ mới dùng biệt hiệu mà xưng trong báo. Cái biệt hiệu đã dùng mà xưng trên báo thì chỉ dùng mà xưng trên báo, không khi nào dùng mà xưng nơi khác ; bởi vậy nên cũng gọi là bút tự, theo tiếng Pháp thì là *nom de plume*. Đã biết cái nghĩa

và cách dùng của biệt hiệu rồi, khắc biết rằng khi dùng nó mà xưng trên báo là có ý thế nào.

Khi nào người viết, viết ra một bài có ý diễu cợt, không đúng đắn, hoặc là châm chọc ai, cùng là những bài văn chơi, không có ý kiến gì, không quan hệ gì với xã hội, ký tên thiệt của mình không tiện, hoặc không cần, thì ký bằng biệt hiệu. Ngoại giả lại còn có khi bài của mình có ý kiến hay, song người của mình là vi tiện, không có địa vị danh dự gì trong xã hội, người ta khinh sẵn rồi, nếu chưng cái tên thiệt của mình ra, sợ người ta lại nhè đó mà khinh luôn cái ý kiến hay của mình chăng, khi ấy xưng biệt hiệu phải hơn. Sự nầy cũng lại chỉ để tránh khỏi cái tâm lý yếu hèn của xã hội mà thôi.

Coi như vậy, thì biết rằng khi nào người viết ký tên thiệt của mình thì đối với độc giả phải chịu trách nhiệm về bài của mình đã viết ; còn khi nào ký biệt hiệu thì người viết khỏi chịu trách nhiệm đối với độc giả. Bởi vì khi nào ký tên thiệt thì cái nhân cách (*personnalité*) của người viết có ở trong đó ; còn khi ký biệt hiệu thì trong đó không có nhân cách của người viết.

Tuy vậy, cái biệt hiệu dùng lâu rồi, người ta biết nhiều rồi, thì cái hiệu lực của nó chẳng kém gì tên thiệt. Như ta thấy ký Thượng Chi và ký Phạm Quỳnh thì ta sẽ coi như một. Vì cớ ấy những nhà viết báo thường đổi biệt hiệu luôn.

Từ nãy đến giờ tôi cắt nghĩa ra làm chi mà nhiều chuyện như thế ? Tóm lại, chỉ để cho biết rằng sự ứng dụng của cái tên và cái biệt hiệu trên báo chí là khác nhau, không thể nhận làm một được ; cho nên *hễ ký tên thì đừng ký biệt hiệu, còn đã ký biệt hiệu thì đừng ký tên*. Nếu có ai ký vừa tên vừa biệt hiệu vô một lần, thì tôi cho người ấy đã làm một sự vô ý thức, vô nghĩa lý.

Ví dụ : Tên tôi là Phan Khôi, biệt hiệu tôi là Chương Dân, khi nào tôi ký bằng cái nầy thì tôi phải bỏ cái kia. Có một lần, tại Hà Nội, tôi cũng ở ngoài viết bài cho nhà báo kia, sau khi báo ra, tôi

thấy người ta thiện tiện ký cả tên tôi và biệt hiệu, thì tôi liền phải viết thơ mà trách ông chủ nhiệm báo ấy, vì tôi tưởng cho sự họ làm đó là có ý làm tôi ra trò cười (*Car je crois qu'en ce faisant, on a l'intention de me tourner en ridicule*).[1]

Vậy mà tôi thấy nhan nhản ngày nay trên các tờ báo trên các tập tạp chí quốc ngữ, người ta cứ ký cái biệt hiệu trước rồi cái tên sau, thì tôi chẳng biết họ làm như vậy là lấy cái nghĩa gì. Sao người ta không chịu coi trong báo Tây báo Tàu đã có ai ký tên cách vô ý thức như vậy không ? Mà cho đến các nhà viết báo thiện nghệ và kỳ cựu ở xứ ta như ông Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh cũng chẳng hề có ai làm như vậy, sao người ta không để mắt coi mà cứ lằm lằm lùi lụi làm ra những điều vô ý thức, vô nghĩa lý ?

Bởi có sự vô ý thức, vô nghĩa lý đó, trong báo *Trung Bắc tân văn*, nơi mục hài đàm, mới thường có cái tên ký là "*Hi đình, Nguyễn Văn Tôi*". Đó là ông Nguyễn Văn Vĩnh muốn chế nhạo những người quê mùa, không biết cách ký tên trên mặt báo, đã ký biệt hiệu còn ký tên, nên ông làm ra như vậy đó, tội nghiệp, có ai biết cho chăng ?

4) Tên kêu giữa xã hội và trên lịch sử

Tên kêu giữa xã hội và tên kêu trên lịch sử khác nhau. Giữa xã hội, là những người ở đồng thời với nhau, theo phép lịch sự, khi kêu tên một người nào, phải để chữ *ông* hay là chữ *tiên sanh* lên trước cái tên. Song, trên lịch sử thì trái lại, chỉ kêu một cái tên

[1] Xin độc giả chớ tưởng rằng tôi chua chữ Pháp chỗ nầy để tỏ ra rằng tôi cũng có biết năm ba tiếng Pháp. Song tôi nghĩ cái giọng nói nầy nguyên ta không có, ta lấy giọng Pháp vào thì phải chua một vài lần cho kẻ đọc quen đi. Trong sách *Nho giáo* của ông Trần Trọng Kim có chỗ ông dùng chữ, tôi nhớ như là "một dịp rúng đồng cùng nhau" thì phải. Tôi biết đó là ông nát nghĩa chữ "*vibration synchronique*" trong tiếng Pháp mà đặt ra. Chữ ấy lại là một cái luật về vật lý học, có lẽ người thường ít biết đến, tôi tiếc ông không có chua tiếng Pháp vào (nguyên chú của PK).

trồng mà thôi, không có *ông* hay *tiên sanh* nữa, nếu nhà làm sử nào mà không tuân cái luật ấy, thì lại thành ra tay sử gia nhà quê vậy.

Tôi nói là "luật" đó, cái luật ấy, ai đặt ra ? Ấy là luật tự nhiên, chẳng ai đặt ra được hết. Thử giở hết thảy sử Tàu sử Tây cho đến sử ta nữa, nếu là một bộ sử chánh đáng có giá trị, thì không hề có ai dùng cái đại danh từ gì mà để trước hay là sau cái tên của người đời xưa bao giờ. Thử xem bộ *Đại Nam liệt truyện*, cả vừa *Tiền biên*, *Chánh biên*, mà các quan ở sử quán làm ra hồi trào Tự Đức, trong đó bất kỳ tên người nào, đều kêu trồng mà thôi, cho đến các bậc tá mạng nguyên huân đời vua Gia Long cũng vậy : Nguyễn Văn Thành thì cứ kêu Nguyễn Văn Thành, khi muốn lặp lại thì kêu độc một chữ Thành ; Lê Văn Duyệt thì cứ kêu Lê Văn Duyệt, khi muốn lặp lại thì kêu độc một chữ Duyệt. Lặp lại đến mấy chục lần cũng vậy, không có dùng chữ "công" hay là chữ nào khác hết. Thế mà đến bộ *Liệt truyện* của cụ Cao Xuân Dục[1] soạn tiếp theo, thì kêu ông Nguyễn Thân là "công" ; lại có chỗ kêu hiệu mà không kêu tên, như kêu Hà Đình mà không kêu Nguyễn Thuật ; kể ra cho hết còn nhiều lắm. Tôi cho cách xưng hô như vậy là trái với phép làm sử. Bộ *Liệt truyện* đó là của triều đình nhà Nguyễn, cũng là của chung một dân tộc Việt Nam, chớ phải của riêng cụ Cao Xuân Dục đâu mà nói kêu như vậy để tỏ ra cái lòng vị nể của mình ? Cái nầy là nói chơi mà nghe : giá mà tôi có quyền tổng tài ở sử quán, trong khi ấy lại có chánh phủ Bảo hộ cấp cho một số tiền to, nói thiệt, bao nhiêu sách vở làm ra sau trào Tự Đức, tôi sẽ bỏ đi mà dọn lại hết.

(Chỗ nầy tôi phải khai rõ ra, không thì có kẻ sẽ trách tôi. Cụ Cao Xuân Dục đối với tôi có cái ơn tri kỷ ; hồi tôi hai mươi tuổi, đi thi tại Huế, bấy giờ cụ là bậc đại thần tuổi tác, vậy mà cụ nghe

[1] Xin độc giả chớ nghĩ rằng tôi tự trái luật của tôi mà kêu bằng cụ ở đây, vì bài nầy của tôi không có cái tánh chất lịch sử chút nào (nguyên chú của PK.).

tiếng tôi, cho người gọi tôi đến hầu chuyện. Vả lại con cụ là quan thượng, Cao Xuân Tiếu, bạn đồng niên với cha tôi ; nhơn đó tôi kính trọng cụ nhiều bề. Song tôi chỉ trích đây là chỉ trích bộ sách của cụ làm không đúng phép, cả đến bộ sử *Toát yếu* của cụ nữa cũng vậy. Cái tình riêng thì để ra một bên ; còn cái nghĩa công, tôi thấy trái thì tôi nói, mà trong sự tôi nói đây, tôi tin rằng tôi nói nhằm vào có ích.)

Nội các bộ sử Việt làm bằng quốc ngữ, tôi nhận cho bộ *Việt Nam sử lược* của ông Trần Trọng Kim là có giá trị hơn hết. Vậy mà về sự xưng hô ông cũng không theo đúng luật. Về các tên người, ông hay để chữ "ông" ra trước luôn luôn. Bộ sách ấy in lần thứ hai, tự xưng là *sửa lại cẩn thận*, thì thấy bỏ những chữ "ông" ấy hầu hết, đó cũng là một cái dấu tỏ ra là cẩn thận. Song về phần *Cận kim thời đại* trong sách ấy, những tên như Lê Trực, Phan Đình Phùng v.v. . . cũng còn vẫn để chữ "ông" lên trên một đôi lần. Tôi tưởng ông Trần Trọng Kim cũng phải nghĩ như tôi, cho sự xưng hô như vậy là không đúng phép làm sử, song le cái cánh tay của ông không có đủ sự mạnh dạn mà bỏ những chữ "ông" ấy đi cho hết. Một điều đó đủ thấy rằng những nhà nho như ông Trần, bất kỳ trong sự gì cũng trọng tình cảm hơn lý trí luôn luôn.

Cái sự để chữ "ông" lên trên tên người trong lịch sử là sự trái với phép làm sử từ xưa đến nay, từ Đông đến Tây đã đành. Mà theo lối sử học đời nay, nếu cứ dùng cái kiểu An Nam đó thì lại có hại lắm nữa. Hại là hại cho cái óc người đọc sử cứ phải làm đầy tớ cho cái chủ quan của tác giả.

Sử học đời nay chuyên chuộng cái lối khách quan. Việc đời trước đã xảy ra thế nào, thì nhà làm sử cứ lần lượt mà chép ra như thế, rồi nhơn đó tìm ra cho thấy cái gì là *nhân* cái gì là *quả* mà thôi. Chớ còn ai là vua, ai là giặc, thì thây kệ họ ; nhà làm sử cốt nhận thấy sự tấn hóa của một nước, của một dân tộc, không rồi đâu quản đến sự tây riêng nhỏ mọn ấy. Vậy nếu cứ theo cái kiểu An Nam

kêu "ông" thì trong đó đã có cái chủ quan rồi ; người nào có ít nhiều tri thức về sử học đời nay, mà lại dám cho cái chủ quan ấy là vô hại hay sao ?

Phải chi bất kỳ người nào trong lịch sử, sử gia – thôi, nói ông Trần Trọng Kim đi – ông Trần cũng cứ kêu "ông", hết, thì chẳng nói làm chi. Cái nầy như Hồ Quý Ly, trong bản *sử lược* in lần thứ nhất, cũng không kêu bằng "ông". Đó là có ý để *biếm* Hồ Quý Ly về cái tội thoán đoạt ; – lại còn vẽ chuyện ra, theo cái bút pháp *Xuân Thu* nữa ! Cái lối như vậy, toàn là dùng chủ quan đó. Mà hễ dùng chủ quan thì thế nào cũng không khỏi sai lầm.

Trong bổn *sử lược* của ông Trần,có một cái trác kiến(*) thứ nhứt, là ông không cho Nguyễn Huệ là *ngụy*. Nhưng sách đó ông xuất bản hơn mười năm nay ; giá xuất bản hồi Tự Đức dĩ tiền, mà cũng theo cái lối chủ quan ông dùng đó, thì thế nào ông cũng phải kể Nguyễn Huệ vào hàng tiếm thiết như Hồ Quý Ly, rồi bỏ chữ "ông" đi hay là gia cho một chữ "thằng". Như vậy, rồi bây giờ đây, theo cái trác kiến của ông, ông phải bỏ chữ "thằng" đi, hay là thêm chữ "ông" vào, há chẳng phải là sai lầm sao ? há chẳng phải là đa sự sao ? Tôi nói đó, cái ý chỉ rút lại trong một chút nầy : trên lịch sử mà kêu tên trổng hết thảy, bất kỳ người nào, là một sự lợi cho lối sử học đời nay, lấy khách quan làm chuẩn đích.

Nếu Trần tiên sanh có đọc đến bài nầy của tôi, xin chớ nghĩ rằng tôi ăn quen mà phê bình cuốn *Việt Nam sử lược* của tiên sanh. Đây tôi chỉ cử ra làm một cái sự lệ cho độc giả dễ nhận thấy.

Ngoài bốn điều xưng tên trong bài nầy, cũng còn một vài điều nên nói nữa. Song bài đã dài rồi, xin để dành dịp khác

PHAN KHÔI

Phụ nữ tân văn, Sài gòn, s.58 (26.6.1930) ;
s.59 (3.7.1930)

(*) *trác kiến*, cũng như *trác thức* : kiến thức cao tột mực (theo Đào Duy Anh, sđd.).

THEO THUYẾT CHÁNH DANH, SOÁT LẠI MẤY CÁI DANH TỪ NGƯỜI MÌNH THƯỜNG DÙNG

Phụ nữ tân văn số 58 và 59, tôi có bài *Theo thuyết chánh danh, đính chánh lại cách xưng tên của người Việt Nam*. Trong đó tôi có nói rằng bất kỳ một cái tên chung (*nom commun*) hay là một cái tên riêng (*nom propre*), trong khi dùng nó cũng phải xem xét suy nghĩ cho kỹ cang, chớ không được cẩu thả chút nào hết. Tuy vậy, trong bài đó, tôi chỉ mới nói về sự xưng tên riêng mà thôi ; hôm nay, bài này, tôi phải nói về sự dùng tên chung.

Bài nầy, tôi đặt đầu đề là *Theo thuyết chánh danh soát lại mấy cái danh từ người mình thường dùng*. Vì tôi thấy những danh từ người mình thường dùng có nhiều cái sai lầm lắm, tức như đáng kêu "chiếu bóng" mà kêu "hát bóng", đáng kêu "chụp bóng" mà kêu "chụp hình", là hai cái lệ tôi đã cử ra trong một bài trước. Những danh từ ấy còn nhiều nữa, muốn soát lại thì làm sao soát cho hết được ? Bởi vậy trong cái đầu đề trên đây, tôi dùng chữ "mấy", nghĩa là tôi chỉ soát lại một phần ít trong những danh từ ấy thôi.

Trong bài nầy có hai cái ý cốt : *Một là cắt nghĩa về cái nguyên tắc của sự đặt danh từ là thế nào ; hai là chỉ rõ ra cái hại của sự dùng danh từ không chánh đáng là thế nào*. Tôi nêu ra hai cái ý cốt ấy, là muốn cho độc giả sau khi hiểu thấu hai điều đó rồi, tự nhiên biết cách và lấy làm cần mà tự kiểm điểm lấy những danh từ của mình dùng, không để cho sai.

Lại trong đầu đề nầy tôi nói, "theo thuyết chánh danh" ấy là nói đại ý ; kể thiệt ra thì tức là theo luận lý học. Mà cái thuyết chánh danh với luận lý học quan hệ nhau thế nào, tôi đã cắt nghĩa nhiều lần trong mấy bài trước.

Đây nói ngay về cái ý cốt thứ nhứt : ***cái nguyên tắc của sự đặt danh từ là thế nào.***

Trước hết phải hiểu rằng trong luận lý học kêu bằng danh từ (*terme*) thì khác với danh từ (*nom*) trong văn pháp (*grammaire*). Theo văn pháp, một cái tên là một danh từ, như *ghế*, là một danh từ ; *học trò* lại là một danh từ. Song theo luận lý học thì một cái tên vẫn là một danh từ ; mà có khi nhiều cái tên hiệp lại thành một khái niệm (*concept*) thì cũng kể là một danh từ, như : *ghế của học trò ngồi*, thì chỉ kể là một danh từ mà thôi, vì nó chỉ là một khái niệm.

Một cái khái niệm mà thành lập được là nhờ nó không lộn với cái khái niệm khác. Mà sở dĩ không lộn được, lại là nhờ mỗi một sự vật đều có cái đặc tánh của nó, bất luận sự vật ấy là cụ thể (*concret*) hay trừu tượng (*abstrait*).

Theo luận lý học, mọi sự vật đều có cái công tánh (*caractère commun*), là tánh chung với sự vật khác ; lại đều có cái đặc tánh (*caractère particulier*), là tánh riêng của mỗi một sự vật. Ví dụ con lạc đà, bốn cẳng và có móng, ấy là cái công tánh của nó, vì loài thú khác cũng có bốn cẳng và móng như nó. Song le đến sự nó có u trên lưng và hay nhịn đói hàng tuần lễ đặng đi qua sa mạc, thì là cái đặc tánh của con lạc đà, vì chỉ mình nó có vậy mà thôi.

Lạc đà là một cái danh từ cụ thể, dễ thấy hơn, đến như cái danh từ trừu tượng thì khó thấy sự khác nhau đó một chút ; song thấy được cũng chỉ nhờ ở cái đặc tánh. Vậy như luận lý học và tâm lý học đồng là cái danh từ trừu tượng. Luận lý học là một khoa học dạy người ta nghiên cứu về sự tác dụng của tư tưởng ; đó là cái công tánh mà giống với tâm lý học, vì trong tâm lý học cũng có

một phần dạy nghiên cứu về sự ấy. Song hai cái khác nhau bởi một chút đặc tánh : sự nghiên cứu của tâm lý học, cái kết quả nó chỉ là có thế nào nói thế ấy mà thôi, nên kêu bằng *thuyết minh khoa học (science explicative)* ; còn sự nghiên cứu của luận lý học, cái kết quả là dạy người ta cái phép tắc thế nào cho chánh đáng, nên kêu bằng *quy phạm khoa học (science normative)*.

Bởi mỗi một vật đều có cái đặc tánh để cho khỏi lộn với sự vật khác như vậy, cho nên khi mình muốn lập cho sự vật nào một cái giới thuyết thì cần nhứt là phải xách cái đặc tánh của nó ra, chớ không được lấy nội cái công tánh của nó. Ví như lập cho danh từ *lạc đà* một cái giới thuyết thì phải nói rằng : *Lạc đà là loài thú có u trên lưng và hay nhịn đói đi qua sa mạc* ; chớ không được nói rằng : *Lạc đà là loài bốn chưn có móng.* Vì nếu nói vậy thì con lạc đà chẳng khác gì con trâu con ngựa, mà cũng chẳng khác gì con chó nữa !

Nãy giờ tôi nói ra lan man như vậy chẳng phải là vô ích đâu. Có nói những lẽ đó thì mới rõ ra cái nguyên tắc đặt danh từ, vì sự đặt danh từ cũng đồng một lẽ với sự lập giới thuyết.

Mỗi một sự vật tại làm sao mà có tên ? Có tên là để cho nó khỏi lộn với sự vật khác. Mà sự vật nầy khỏi lộn với sự vật kia, ấy là nhờ mỗi một sự vật đều có cái đặc tánh của nó ; cho nên muốn đặt tên cho sự vật nào, cũng phải làm sao cho cái đặc tánh của nó nầy ra trong cái tên.

Nhẫn lên đó, tôi đã cắt nghĩa xong về cái nguyên tắc của sự đặt danh từ. Cái nguyên tắc ấy, tôi lặp lại lần nữa, nó buộc chúng ta kêu sự vật gì phải nầy ra cái đặc tánh của sự vật ấy, hầu cho khỏi lộn với sự vật khác.

Đã biết cái nguyên tắc ấy rồi, chúng ta lại phải biết trong những danh từ chung mà ta thường dùng, có chia ra hai thứ : là thứ *danh từ nguyên hữu*, và thứ *danh từ duyên khởi*. Danh từ nguyên hữu thì không cần chỉ ra cái đặc tánh của sự vật, duy tại từ xưa đến

nay dùng quen đi, rồi hễ khi kêu đến cái tên sự vật nào thì nhớ đến cái thiệt của sự vật ấy. Như cái đặc tánh của con chó là hay giữ nhà, của con trâu là hay cày ruộng, song trong cái danh từ "chó" và "trâu" chưa hề có hàm cái đặc tánh ấy đâu. Đến danh từ duyên khởi thì mỗi một danh từ đều phải tỏ ra cái đặc tánh của nó. Vậy khi ta kêu "con bướm máng nón", thì trong đó đã tỏ ra cái đặc tánh của nó rồi, vì nó là một khí vật, hình như con bướm, dùng để máng nón(*).

Coi đó thì biết những danh từ duyên khởi là do danh từ nguyên hữu ghép lại mà thành ra. Nói cho rõ hơn, khi trong xã hội có những sự vật mới phát hiện ra, người ta phải đặt cho nó những tên mới, mà thường thường những tên mới nầy là hiệp từ hai cái tên cũ trở lên mà đặt. Vì sự dùng tên cũ đó thì sợ nó lộn với những sự vật khác đã có rồi, cho nên khi đặt một cái danh từ mới, cốt nhứt là phải làm cho cái đặc tánh của sự vật nầy ra trong danh từ ấy.

Tôi đã cắt nghĩa về cái nguyên tắc của sự đặt danh từ rồi, tôi lại còn nói thêm một đoạn về danh từ duyên khởi nầy nữa, là để cho độc giả hiểu rằng nay chúng ta muốn soát lại, cũng chỉ soát lại nội những danh từ duyên khởi, tức là danh từ về sau đặt thêm đó mà thôi ; còn danh từ nguyên hữu thì đã nhứt định, ở ngoài cái phạm vi bài nầy.

Xin độc giả suy nghĩ, nếu cái nguyên tắc tôi lập ra trên đây mà hiệp với lẽ phải, thành lập được, thì tôi sẽ căn cứ vào đó mà kiểm điểm lại một vài danh từ của ta thường dùng, và lời tôi nói dưới nầy cũng sẽ không sai.

Như cái xe của Tây bày ra, kêu là bicyclette, mà ta kêu bằng "xe máy", thì thật không đúng với cách đặt danh từ chút nào hết. Tôi thấy có nơi kêu bằng "xe đạp", thì nghe phải hơn. Bởi vì các

(*) *máng* : treo, vắt, móc (theo *Từ điển phương ngữ Nam Bộ*, sđd.) ; "con bướm máng nón" đây có lẽ trỏ cái mắc áo (dùng để treo áo quần, mũ nón) được làm bằng song hoặc mây, uốn cách điệu theo hình con bướm.

thứ xe ngày nay, hầu hết thứ nào cũng có máy, mà máy lại còn rộn hơn của thứ *bicyclette* nữa ; vậy thì máy là cái công tánh của nhiều thứ xe, không đem mà chỉ riêng một mình cái bicyclette được. Bicyclette cũng có máy như các thứ khác, song phần riêng nó, phải có đạp mới chạy, ấy là chỗ nó nhờ mà không lộn với nhiều thứ xe khác, cho nên kêu bằng "xe đạp" phải hơn. Trong danh từ "xe đạp", nẩy ra được cái đặc tánh của cái bicyclette.

Tôi chỉ soát lại nội vài danh từ thường dùng mà sai lầm độ ; cốt là tôi đã lập ra cái nguyên tắc, nếu nó là phải, thì ai cũng có thể cứ theo đó mà soát lại như tôi. Có làm như vậy rồi dùng danh từ mới được đúng, và tiếng Việt Nam ta sau nầy mới mong trở nên một thứ tiếng hoàn thiện. Huống chi, theo cái thuyết chánh danh của Khổng Tử, thì những danh từ sai lầm ấy thế nào cũng phải đính chánh, vì sự kêu tên không trúng là có hại.

Đây nên tiếp theo mà nói về ý cốt thứ hai : ***Cái hại của sự dùng danh từ không chánh đáng là thế nào.***

Đã nhiều lần tôi nhắc lời thánh nhân rằng : "Danh chẳng chánh thì lời nói chẳng thuận ; lời nói chẳng thuận thì việc làm chẳng nên ; việc làm chẳng nên thì lễ nhạc chẳng dấy ; lễ nhạc chẳng dấy thì hình phạt chẳng nhằm ; hình phạt chẳng nhằm thì dân không chỗ đặt tay chưn". Chắc có kẻ đọc qua đoạn sách đó mà lấy làm lạ, cái gì thứ kêu tên không trúng mà đến nỗi gây ra hoạ loạn như vậy lận ?

Đừng dể ngươi, ngài nói vậy mà thật đa ! Tôi không có thể dẫn chứng cho từng câu ngài nói đó ; song cái sự vì không chánh danh mà sanh loạn thì là một việc thiệt mới xảy ra mười lăm năm nay.

Hồi nước Tàu lập nên nước dân chủ, đặt tên là Trung Hoa dân quốc, song trong bổn lâm thời ước pháp (convention provisoire) thì lại có một điều nói rằng nhứt định quốc thể là "cọng hòa". Bấy giờ người Tàu coi hai chữ "cọng hòa" cũng như hai chữ "dân chủ", cho nên trong bổn ước pháp mới nói như vậy ; không ngờ bởi cái tên bất chánh ấy mà sanh giặc về sau.

Nguyên chữ "cọng hòa" là chữ cũ của Tàu. Theo lịch sử Trung Quốc, năm 842 trước Tây lịch, vua Lệ Vương nhà Châu bị đày, bấy giờ con trai vua là Tuyên Vương còn nhỏ, hai vị đại thần là Châu công và Thiệu công bèn cầm lấy chánh quyền, qua năm sau, 841, xưng là Cọng hòa nguyên niên. Được 14 năm như vậy, rồi đến năm 827 thì vua Tuyên Vương được lập lên, mà hiệu Cọng hòa bị bãi bỏ. Đó, gốc tích chữ "cọng hòa" là vậy đó, cả danh và thiệt cũng đều khác với dân chủ. Vậy mà trong bổn ước pháp lại dùng nó, chẳng qua là tại hồi đó người Tàu đều hiểu nó như là dân chủ mà thôi.

Dân quốc năm thứ 4, ngày 12, tháng 12, Viên Thế Khải hạ lịnh xưng mình là hoàng đế ; mà trước đó chừng chín mười tháng, nghĩa là tháng 2 tháng 3 gì trong năm ấy, đã có một bọn thủ hạ vận động cho Viên rồi. Họ vận động biết mấy cách, song hai chữ "cọng hòa" trong ước pháp chính là một điều sắm sẵn để họ mượn mà nói cho mạnh.

Bấy giờ có Lao Nãi Tuyên, một người trong đám vận động đế chế cho Viên Thế Khải, bắt đầu làm bài luận bác cái chánh thể hiện thời. Theo sự thiệt của lịch sử như đã dẫn trên kia, Lao nói rằng cọng hòa là chánh thể quân chủ, chớ không phải chánh thể dân chủ. Trong bài của va có hàm đến cái ý rằng đời xưa, sau khi cọng hòa rồi hoàn chánh lại cho vua, thì đời nay sau khi cọng hòa cũng có thể lập vua. Ai ai cũng biết họ Lao nói vậy để làm cái đất sẵn cho họ Viên ; song vì một đằng sự thiệt đành rành trên lịch sử, một đằng tự tích đành rành trên ước pháp, khó mà cãi cho lại miệng.

Cái thuyết đế chế ở nước Tàu hồi đó bắt đầu từ Lão Nãi Tuyên phát giác hai chữ "cọng hòa" mà lan rộng ra, không đầy một năm thì thành ra sự thiệt. Vẫn biết không có sự phát giác nầy rồi trước sau họ Viên cũng xưng đế ; nhưng nghĩ cho kỹ, ai cũng phải chịu rằng nếu trong ước pháp đừng có hai chữ ấy, thì cũng khỏi được một mối cho bọn kia lợi dụng mà làm càn.

Dùng danh từ không chánh đáng, có hại là thế đó. Tuy vậy, chữ

"cọng hòa" trong ước pháp Trung Hoa làm cớ lót miệng cho cuộc vận động đế chế của Viên Thế Khải đó, cái hại còn là dễ thấy ; lại có cái hại khó thấy nữa kia, vì nó không xảy ra việc gì trực tiếp, mà cứ ngấm ngầm làm hại hoài. Thử cử ra một cái danh từ của xứ ta hay dùng mà tôi từng để ý đến.

Người Nam kỳ mình từ trước đến giờ hay xưng cái cơ quan đại biểu cho nước Pháp ở đây là "tân trào". Cái danh từ nầy cũng là không chánh đáng.

"Trào" nghĩa là "trào đình", duy nước nào có vua thì mới xưng là "trào" được. Nước Pháp là nước dân chủ, mà xưng "trào", thế là danh bất chánh.

Ừ mà dầu cho nước Pháp là nước quân chủ, có vua đi nữa, cái trào đình của hoàng đế nước Pháp cũng chỉ ở tại bên Paris mà thôi ; còn miếng thuộc địa bên nầy, sai một vài ông đại thần qua cai trị, có dời cả trào đình qua đây đâu mà ta gọi là "trào" được ? Hoặc giả muốn cắt nghĩa chữ "trào" đó là nghĩa *trừu tượng (abstrait)* ; song le, dầu thế nào cũng không trôi.

Hai chữ "tân trào" chẳng biết bày đầu ra từ ai. Chỉ biết rằng người bày ra đó có cái quan niệm không chơn xác (*exact*). Bấy giờ họ thấy nước Pháp tới chinh phục xứ nầy, nhân dân xứ nầy không phục tùng trào Nguyễn nữa mà theo quyền nước Pháp, thì họ tưởng rằng cũng như trước đó Nam kỳ từng ở trong tay trào Nguyễn rồi, lại thuộc về trong tay trào Tây Sơn thế thôi, hay là cũng như trào Nguyễn đã thay cho trào Lê, trào Lê đã thay cho trào Trần... thế thôi ; một cái cơ quan chánh trị mới nổi lên, thay cho cái cũ, thì họ kêu đại đi là "tân trào", không suy nghĩ gì cả, không biết rằng theo quốc thể nước Pháp, và theo địa vị xứ thuộc địa, không có thể xưng là "trào" được.

Ban đầu do một người vì cái quan niệm không chơn xác mà bày ra hai chữ "tân trào", lần lần hai chữ ấy lan khắp kẻ chợ nhà quê, thấm vào trong óc mọi người làm cho cái quan niệm của mọi

người cũng không chơn xác. Sự hại bởi đó mà ra, mà cái hại ngầm ngấm khó thấy.

Mọi người đã nhận trong trí mình rằng nước Pháp là một "trào đình", thì cũng nhận luôn rằng cái chánh thể nước Pháp chẳng khác nào cái chánh thể chuyên chế của trào đình An Nam ngày xưa. Do đó người ta cũng coi các quan lại là cha mẹ dân, mà chẳng hề biết tới cái nghĩa "dân chi công bộc"(*) theo như ở dưới chế độ dân chủ ; người ta cũng coi sự đóng thuế là cái phận làm tôi con đối với trào đình phải vậy, chớ không nghĩ sự đó là nghĩa vụ của công dân.

Cho đến ở xứ Nam kỳ nầy, chánh phủ Pháp đã thiệt hành sự phân quyền (*séparation de pouvoirs*) lâu nay, các quan cai trị không coi luôn việc hình phạt, nghĩa là các ông chủ tỉnh không có phép bắt giam hay là làm án ai, như trào đình An Nam hồi trước, vậy mà phần đông dân chúng cũng không hiểu lẽ ấy. Tôi xin bày ra đây một cái chứng.

Trong báo *Echo Annamite*, ngày 27 Mars 1930, có một cái thời sự như vầy :

> "Ông Bang biện Mỗ lạm quyền, kiếm nhiều cách để ăn hối lộ. Ông bắt ông Hương thân H. và Hương bộ D. đi với ông tới soát nhà tôi (người viết bài tự xưng), lấy cớ rằng tôi oa trữ bò gian. Ông giải tôi tới nhà Hương cả 9 mà giam tôi lại đó vì cớ ăn trộm. Ông lại còn doạ bỏ tù tôi và biểu cho tôi hay rằng nếu tôi muốn khỏi tù thì chịu cho ông mười đồng bạc. Bấy giờ tôi sợ quá, đưa trên tay ông mười đồng, có mặt vợ Hương cả 9 làm chứng... – ký tên : Thạch Ni".(1)(*)

(*) "dân chi công bộc" : [quan lại là] công bộc của dân.

(1) *Nguyên văn bằng chữ Pháp*: Le Bang-biện X. abuse de ses pouvoirs et cherche différents moyens pour concussionner. Il s'est accompagner du Hương-thân H. et du Hương-bộ D. pour venir perquisitionner chez moi, prétextant que je recelais des boeufs volés. Il m'a conduit de Hương-cả 9, pour me condamner pour vol. Il m'a menacé, en outre, de me mettre en prison et m'a fait comprendre que si je voulais éviter l'emprisonnement, il me fallait lui remettre dix piastres. J'avais peur et j'ai versé entre ses mains dix piastres, en présence de la femme Hương-cả 9 . . . (nguyên chú của P.K.).

Đó, một viên bang biện mà lạm quyền đến như vậy, dọa bỏ tù mà đến nỗi lòi tiền ra như vậy, sự ấy hoạ có ở dưới chánh thể chuyên chế của trào đình An Nam ngày xưa thì mới xảy ra được ; thế mà đã xảy ra được ở đất nầy là đất ở dưới quyền chánh thể dân chủ, thì há chẳng đáng cho ta lấy làm lạ mà phải dò tìm cho ra các duyên cớ nó, hay sao ?

Tôi chẳng đến nỗi vô đoán mà nói rằng sự đã xảy ra đó là do hai chữ "tân trào" trên kia đâu. Song tôi quyết rằng ít nữa cũng có bởi người ta hiểu lầm vì hai chữ ấy, cho nên mới chịu lún một bề mà để cho việc ấy xảy ra được. Nói cho rõ hơn nữa, người bị dọa đó, hoặc chưa hề biết đến chữ "tân trào" nữa, song vì sự di truyền hay truyền nhiễm cái quan niệm về hai chữ ấy đã in sẵn trong đầu người ấy rồi. Người ấy vẫn tưởng rằng viên bang biện đó cũng có quyền vừa bắt ăn trộm vừa làm án bỏ tù như ông Bố chánh Gia Định Bạch Xuân Nguyên hồi đời Minh Mạng, hễ mình không tuân lời thì chắc chết, cho nên mới lòi mười đồng bạc ra mà chuộc tội !

Đến đây mới nghiệm lời Khổng thánh, thật ngài nói như đinh đóng : "Danh chẳng chánh thì lời nói chẳng thuận, lời nói chẳng chánh thuận thì... hình phạt chẳng nhằm, dân không chỗ đặt tay chơn !"

Nước Pháp là nước dân chủ, từ năm 1871, Napoléon đệ tam đổ, nước Pháp đã không có vua nữa rồi, sao lại còn xưng được là "tân trào" ? .....

.....

Rốt bài, tôi có lời xin đồng bào ta rày về sau nên thận trọng trong sự dùng danh từ, chẳng những vì muốn làm cho hoàn thiện tiếng Việt Nam, mà cũng vì sự lợi ích trên đường chánh trị nữa.

PHAN KHÔI

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn, s.69 (11.9.1930)

(*) Lưu ý : Tư liệu này đã từng được đề cập trong bài "Vấn đề hối lộ giữa quan trường" ký T.L. (*Trung lập*, 29.8.1930).

KHOA HỌC THƯỜNG THỨC :

TRÍ KHÔN CỦA LOÀI SÂU BỌ

Mục nầy bổn báo mở ra từ hồi đầu, do cô Băng Tâm viết được một ít lâu, nhưng sau lại bỏ dở một hồi, là vì tưởng rằng độc giả không mấy lưu ý đến vấn đề khoa học. Song gần đây bổn báo tiếp được nhiều thơ yêu cầu, nên chi bổn báo lại mở mục nầy lại. Mục nầy đăng những bài như bài sau đây để lần lần đưa độc giả đến cái chỗ hứng vị của khoa học, do cạn vào sâu, từ thấp lên cao. Những bài nầy hoặc dịch hoặc viết, cũng đều đã trải qua một lần kiểm điểm bởi sự tri thức tinh mật của người viết hoặc dịch đó, chớ không dám nhè sự mình không biết mà nói liều. Văn thì dùng lối văn rất đơn sơ rõ ràng không cầu cho hay, chỉ cầu cho rành rẽ, đâu ra đó. Mục nầy đặt tên "Khoa học thường thức" ấy chỉ là những cái thường thức trong khoa học đó thôi ; một ngày kia chúng ta đưa nhau đến chỗ tinh vi của khoa học, đó mới là chỗ mục đích của chúng ta mong đạt đến vậy.

P.N.T.V.

Tiếng ta, chữ "sâu bọ"dùng để kêu hết thảy loài *trùng* hoặc *côn trùng*, cả thứ có cánh và thứ không cánh. Nhưng chia ra thì thứ không cánh, gọi bằng "sâu" : như những sâu đo, sâu rạm, sâu keo... cho đến con tằm, con cuốn chiếu, con rít (rết) cũng vào thứ đó ; còn thứ có cánh gọi bằng "bọ" : như bọ vừng, bọ hung, bọ chét... và gồm luôn những con như chuồn chuồn, bươm bướm vân vân... Vậy khi nào kêu "sâu bọ" tức là chỉ chung hai thứ có cánh và không cánh, nó là loài động vật mà mình nó có từng lóng từng

đốt, hoặc bay được, hoặc không bay được.

Thế thường hay nói loài động vật trừ người ta ra không có trí khôn. Con chó biết giữ nhà, con gà biết gáy ban mai, chẳng qua là cái bổn năng (*instinct*) của nó, chớ không kêu là trí khôn được ; trong khi nó cử động đó là theo sự tự nhiên, chớ không do ý thức của chính mình. Huống chi đến loài sâu bọ thì người ta cho là loài rất thấp trong động vật, còn có trí khôn gì đáng nói nữa ?

Tuy nhiên, con mắt người thường thì nói như vậy, còn con mắt nhà khoa học lại khác. Muốn biết loài sâu bọ có trí khôn hay không, và trí khôn của nó thế nào, thì ta nên hỏi các nhà khoa học, họ sẽ lấy cái kết quả của sự nghiên cứu mà trả lời cho ta một cách vừa lòng.

Đây nhẫn xuống muốn giải cái vấn đề ấy, chúng tôi lấy tài liệu ở một bài khảo cứu trong một tập tạp chí của người Tàu, mà họ đã dịch của Tây ra.

Một nhà tự nhiên học (*naturaliste*) Ăng Lê, giữa một buổi chiều, đương đứng chờ chuyến xe điện trong thành phố nọ, thình lình có một tấn hý kịch rất ngộ nghĩnh diễn ra ở dưới chân mình. Ấy là một bầy kiến kéo đi một tua dài ngang qua đường sắt, định đến cái gốc cây bên kia đường. Bỗng đâu những thớt xe rùng rùng chạy đến, những bánh nó miết trên đường sắt, bấy giờ những con kiến nào vừa ưa bò qua đó đều bỏ mạng dưới bánh xe. Thấy vậy, những con kiến đồng hành còn sống sót, bỏ chạy tở mở tưng bừng, không còn đi theo đội ngũ như trước. Thế nhưng một lát chúng nó tìm ra được phương pháp để ngăn ngừa cái tai hoạ thảm độc ấy. Chúng nó xoi một cái lỗ trống xuyên qua dưới mỗi một cái đường rầy, rồi theo con đường mới ấy kéo nhau đi rất bình yên !

Nhà tự nhiên học bấy giờ quên lửng chuyến xe mình chờ. Thầy ta vừa sửng sốt, vừa mừng rỡ, bèn dùng những mảnh đá vụn lấp những cái lỗ ấy đi, để coi thử bầy kiến đối phó cách nào. Ngờ đâu bầy kiến chẳng vì cớ đó mà rủn chí, lại rủ nhau đi soi những lỗ khác.

Theo những sự thiệt mà người ta đã xem xét được gần nay, có nhiều điều giống như vậy, tỏ ra rằng loài sâu bọ cũng có đủ sức suy lý (*raisonnement*), giống với nhơn loại. Còn có một nhà chuyên môn học về sâu bọ nữa cũng có kinh nghiệm được một việc tương tợ với việc ấy. Ấy là việc đã chép trong sách *Cái vấn đề bổn năng và trí khôn* (*Problèms of Instinct and Intelligence)* của ông Hingston, người Ăng Lê.

Có một lần, nhà chuyên môn ấy thấy một bầy kiến thiệt đông bò qua cửa sổ hầu đến trong phòng ăn của mình. Muốn dứt đường chúng bò vào, ông ấy bèn trải một tờ giấy có bôi keo nơi ngạch cửa sổ. Vậy mà bầy kiến cũng chẳng chịu thua. Sau khi một vài con bị đính cẳng trên keo rồi, cả bầy kéo đi hết, một lát lại trở lại, đem tới những là cát, đất bột, mạt cưa đủ thứ. Chúng nó dùng tài liệu ấy đắp một con đường đi băng qua tờ giấy keo, rồi do đó mà bò thẳng tới trong phòng ăn, chỗ để cái vịm đường !

Những sự thiệt giống như vậy đó, chúng ta sẽ lấy gì mà cắt nghĩa nó cho ra ? Cứ như nhà sanh vật học nước Pháp là ông Jean Henri Fabre, thì ông nói quyết rằng mọi sự hành vi động tác của loài sâu bọ đều là bị cái bổn năng xúi giục, nhắm mắt mà làm, chớ không có ý thức gì cả. Nhưng cái thuyết ấy đã bị ông Hingston bác đi rồi. Ông nầy từng lắm phen nghiên cứu về loài sâu bọ ở miệt rừng rậm về dải núi Hymalaya và ở các nơi đồng bằng đất Ấn Độ cùng đất Mésopotamie, kinh nghiệm đã nhiều, nên ông nói có phần chắc chắn tin được.

Nguyên trước đây mấy năm, cũng một nhà sanh vật học Ăng Lê là ông Lord Avebury có lập ra một cái thuyết nói rằng loài sâu bọ là giống động vật có tin tưởng, và lại trí khôn của loài kiến chỉ kém trí khôn loài người một bậc mà thôi. Cái thuyết ấy đã làm cho các nhà khoa học thời bấy giờ thảy đều kinh dị. Nay ông Hingston tìm tòi được nhiều sự thiệt, tỏ ra rằng loài sâu bọ có đủ lý trí

(*raison*) và ký ức (*mémoire*), thiệt là đủ mà chứng minh cho cái học thuyết của ông Lord Avebury vậy.

Trong những sự xem xét được của ông Hingston có thú vị nhứt là khi ông ở miền trung Ấn Độ đã tìm ra có một loài kiến có nuôi "bò sữa". Mà chẳng những chúng nó biết nuôi "bò sữa" thôi đâu, lại khi nhốt, khi thả, cũng đều tinh khôn lanh làu như kẻ chăn của loài người. Cứ như trước kia đã lâu thì người ta vẫn biết rằng giống kiến ấy thiệt có nuôi "bò sữa". Đây nói "bò sữa" nghĩa là sánh với loài người nuôi bò cái để vắt sữa thì giống kiến ấy cũng có nuôi một giống mọt, kêu là Aphids, giống mọt nầy trong mình nó có chảy ra một thứ nước ngọt mà giống kiến nọ thích ăn. Khi kiến ta muốn "vắt sữa bò" thì mổ trên lưng mấy cái, liền có nước ngọt chảy xuống. Nó lại có làm "chuồng bò" cho con bò sữa nó ở. Trước kia người ta chỉ biết như vậy mà thôi, đến ông Hingston mới tìm ra được những sự chẳng ngờ, là sự giống kiến ấy biết chăm chút bò sữa mình cách nào, khi bò sữa sẩy chạy, nó làm cách nào mà tìm lại được.

Cái "chuồng bò" của giống kiến ấy thường là cái buồng hình khuôn thuẫn hoặc hình đường hầm, như đường hầm xe lửa, làm bằng các thứ lá cỏ vụn xen với tơ. Còn cách chúng nó lùa bò sữa đi ăn, coi rất ngộ nghĩnh. Ông Hingston từng coi mấy con kiến lùa một con bò sữa đi, leo lên một nhánh cây mà tới chỗ có bóng mát. Trước hết mấy con kiến dỗ con mọt ấy leo lên, rồi theo sau lấy cặp vòi đẩy tới, giống như người chăn trâu bò cầm roi mà lùa đi vậy. Ví bằng con mọt quay lại, thì chúng nó đẩy cho đi tới ; còn ví bằng nó leo bậy qua một nhánh cây khác, thì trong mấy con kiến, có một con bò quanh theo nhành cây ấy, tới đằng trước mà đón đầu, bắt con mọt đi trở lại, theo đường chúng nó muốn dẫn đi.

Một ngày kia ông Hingston thấy một cái "chuồng bò" trên nhánh cây kia, bị gió làm phủng hết một lỗ, bấy giờ những "bò

sữa" sẩy chạy tán loạn. Liền có bốn con kiến chia đường mà đuổi theo, rượt tới đón đầu những bò sữa, chặn đường không cho đi, rồi lấy vòi chích vào chúng nó, nhe hàm cắn chúng nó, rốt cuộc lùa đặng những bò sữa ấy về trong cái chuồng hư hỏng đó. Sau khi lùa vào chuồng rồi, bọn kiến chia công việc cho nhau mà làm : một mớ thì đứng canh nơi cửa chuồng ; một mớ thì lo tu bổ, nội trong ngày đó cái chuồng lành nguyên như trước.

Ngoài ra lại có một giống kiến đủ sức phán đoán đủ sức mưu mẹo, ấy là giống kiến to con, mạnh mẽ, mà ông Hingston đã gặp được và đã xem xét được đồ kiến trúc của chúng nó ở một chỗ cao bốn ngàn thước trên núi Hymalaya.

Lũ kiến nầy xây một cái ổ lớn ở sát bực một cái bờ cao. Chỗ ấy cheo veo và hẳm, từ mé bờ ngó xuống chưn bờ, thật là nguy hiểm cho chúng nó, cũng như ta ở bờ thành cao ngó xuống đất vậy. Bởi vậy khi lũ kiến tha bùn đất lên đến chỗ cheo veo ấy, thường bị hỏng cẳng nhào xuống lăn cù cả thân thể và vật liệu xuống chưn bờ. Vậy mà chúng nó chẳng hề thấy khó mà lui. Sau khi đã bị nhào lăn trong mấy ngày trời như vậy, chúng nó bèn nghĩ ra một cái phương pháp rất hay để mà bổ cứu : chúng nó ra công đắp ở trước ổ một bức tường dài.

Cái phương pháp của chúng nó đắp bức tường ấy, đại khái như vầy : Có mấy con kiến chúa ở dưới chưn bờ tha dồn một mớ sỏi vụn và cát thủng thẳng vận lên trên bờ, đắp một con đường sát lề cái bờ, vòng quanh theo miệng ổ ; rồi lại đắp chồng lên con đường ấy một bức tường cao. Từ đó các con kiến thợ đi qua đi lại để làm việc, thì đi phía trong bức tường ấy, khỏi có sự nguy hiểm như trước nữa, chẳng còn có một con nào nhào lăn như trước nữa, vật liệu đã vận lên đến đó cũng không bị hao hớt nữa.

Sự khôn ngoan mưu mẹo ấy cũng thấy ra trong sự làm ổ của giống kiến đỏ, là giống kiến ở trên cây mà miền nhiệt đới thường

có. Khi chúng nó làm ổ, túm năm ba cái lá cây lại cho liền nhau, rồi lấy một thứ tơ mà xâu lá nầy với lá kia cho dính cứng lại. Chúng nó ở giữa những lá cây, qua lại lăng xăng, khi muốn ở lá nầy qua lá khác thì lấy hàm cắn chặt cái triên lá bên kia và lấy cẳng sau kẹp cứng triên lá bên nầy ; rồi ra sức gò lại một cái, ấy là hai cái cọ sát với nhau mà qua được vậy. Khi nào hai lá cách nhau xa quá, một con kiến không đủ nối liền chỗ hở, thì kiến thợ bu lại với nhau từng cặp từng cặp, làm thế nào kéo hai lá sát lại mới chịu thôi. Khi bu lại với nhau như vậy, con kiến sau níu lấy lưng con kiến trước, như vậy bề dài của một con kiến gần bằng hai con. Nếu còn chưa đủ nối liền chỗ hở, thì chúng nó cứ bu nhau như vậy mãi, đến ba bốn con hoặc sáu bảy con chẳng hạn, dìu nhau như sợi giây chuyền, cho đến khi nào bề dài đủ nối chỗ hở của hai cái lá là được.

Khi kéo sát hai cái lá lại với nhau như vậy, chúng nó làm việc ra dáng rất nhịp nhàng và rất chung rập. Những con kiến ấy đứng thẳng một hàng, bên tả theo bên tả, bên hữu theo bên hữu, in như là một toán lính vậy. Những con đứng đầu lấy hàm ngậm cái triên lá bên kia ; những con sau lại lấy hàm ngậm lấy lưng con trước, còn cẳng sau thì thuận với nhau một phía mà níu lấy cái triên lá bên nầy.

Bấy giờ chúng nó đồng lòng hết sức gò lại một cái, như một bọn thủy thủ rập nhau cuốn lá buồm trên tàu chạy biển, ấy là hai cái cây vốn cách nhau mà thành ra dính sát lại.

Rồi đó lũ kiến khởi công "may lá". Chính mình lũ kiến lớn không có chế tạo ra tơ được ; song kiến con thì lại hay kéo tơ để dùng vào công việc làm ổ nầy. Trong khi hai cái lá khít nhau rồi, một con kiến chúa bò đến đó, miệng nó ngậm một con kiến con. Nó đỡ con kiến con lên, đi qua lại giữa hai cái lá, và làm cho kiến con chốc chốc cúi đầu cọ trên triên lá bên nầy, rồi cọ trên triên lá bên kia. Mỗi khi con kiến con cúi đầu cọ như vậy, ấy là một sợi tơ dính vào trên lá, nhờ đó mà hai cái lá dính cứng với nhau. Trong đó

sữa" sẩy chạy tán loạn. Liền có bốn con kiến chia đường mà đuổi theo, rượt tới đón đầu những bò sữa, chặn đường không cho đi, rồi lấy vòi chích vào chúng nó, nhe hàm cắn chúng nó, rốt cuộc lùa đặng những bò sữa ấy về trong cái chuồng hư hỏng đó. Sau khi lùa vào chuồng rồi, bọn kiến chia công việc cho nhau mà làm : một mớ thì đứng canh nơi cửa chuồng ; một mớ thì lo tu bổ, nội trong ngày đó cái chuồng lành nguyên như trước.

Ngoài ra lại có một giống kiến đủ sức phán đoán đủ sức mưu mẹo, ấy là giống kiến to con, mạnh mẽ, mà ông Hingston đã gặp được và đã xem xét được đồ kiến trúc của chúng nó ở một chỗ cao bốn ngàn thước trên núi Hymalaya.

Lũ kiến nầy xây một cái ổ lớn ở sát bực một cái bờ cao. Chỗ ấy cheo veo và hẳm, từ mé bờ ngó xuống chưn bờ, thật là nguy hiểm cho chúng nó, cũng như ta ở bờ thành cao ngó xuống đất vậy. Bởi vậy khi lũ kiến tha bùn đất lên đến chỗ cheo veo ấy, thường bị hỏng cẳng nhào xuống lăn cù cả thân thể và vật liệu xuống chưn bờ. Vậy mà chúng nó chẳng hề thấy khó mà lui. Sau khi đã bị nhào lăn trong mấy ngày trời như vậy, chúng nó bèn nghĩ ra một cái phương pháp rất hay để mà bổ cứu : chúng nó ra công đắp ở trước ổ một bức tường dài.

Cái phương pháp của chúng nó đắp bức tường ấy, đại khái như vầy : Có mấy con kiến chúa ở dưới chưn bờ tha dồn một mớ sỏi vụn và cát thủng thẳng vận lên trên bờ, đắp một con đường sát lề cái bờ, vòng quanh theo miệng ổ ; rồi lại đắp chồng lên con đường ấy một bức tường cao. Từ đó các con kiến thợ đi qua đi lại để làm việc, thì đi phía trong bức tường ấy, khỏi có sự nguy hiểm như trước nữa, chẳng còn có một con nào nhào lăn như trước nữa, vật liệu đã vận lên đến đó cũng không bị hao hớt nữa.

Sự khôn ngoan mưu mẹo ấy cũng thấy ra trong sự làm ổ của giống kiến đỏ, là giống kiến ở trên cây mà miền nhiệt đới thường

có. Khi chúng nó làm ổ, túm năm ba cái lá cây lại cho liền nhau, rồi lấy một thứ tơ mà xâu lá nầy với lá kia cho dính cứng lại. Chúng nó ở giữa những lá cây, qua lại lăng xăng, khi muốn ở lá nầy qua lá khác thì lấy hàm cắn chặt cái triên lá bên kia và lấy cẳng sau kẹp cứng triên lá bên nầy ; rồi ra sức gò lại một cái, ấy là hai cái cọ sát với nhau mà qua được vậy. Khi nào hai lá cách nhau xa quá, một con kiến không đủ nối liền chỗ hở, thì kiến thợ bu lại với nhau từng cặp từng cặp, làm thế nào kéo hai lá sát lại mới chịu thôi. Khi bu lại với nhau như vậy, con kiến sau níu lấy lưng con kiến trước, như vậy bề dài của một con kiến gần bằng hai con. Nếu còn chưa đủ nối liền chỗ hở, thì chúng nó cứ bu nhau như vậy mãi, đến ba bốn con hoặc sáu bảy con chẳng hạn, dìu nhau như sợi giây chuyền, cho đến khi nào bề dài đủ nối chỗ hở của hai cái lá là được.

Khi kéo sát hai cái lá lại với nhau như vậy, chúng nó làm việc ra dáng rất nhịp nhàng và rất chung rập. Những con kiến ấy đứng thẳng một hàng, bên tả theo bên tả, bên hữu theo bên hữu, in như là một toán lính vậy. Những con đứng đầu lấy hàm ngậm cái triên lá bên kia ; những con sau lại lấy hàm ngậm lấy lưng con trước, còn cẳng sau thì thuận với nhau một phía mà níu lấy cái triên lá bên nầy.

Bấy giờ chúng nó đồng lòng hết sức gò lại một cái, như một bọn thủy thủ rập nhau cuốn lá buồm trên tàu chạy biển, ấy là hai cái cây vốn cách nhau mà thành ra dính sát lại.

Rồi đó lũ kiến khởi công "may lá". Chính mình lũ kiến lớn không có chế tạo ra tơ được ; song kiến con thì lại hay kéo tơ để dùng vào công việc làm ổ nầy. Trong khi hai cái lá khít nhau rồi, một con kiến chúa bò đến đó, miệng nó ngậm một con kiến con. Nó đỡ con kiến con lên, đi qua lại giữa hai cái lá, và làm cho kiến con chốc chốc cúi đầu cọ trên triên lá bên nầy, rồi cọ trên triên lá bên kia. Mỗi khi con kiến con cúi đầu cọ như vậy, ấy là một sợi tơ dính vào trên lá, nhờ đó mà hai cái lá dính cứng với nhau. Trong đó

có một điều rất kỳ diệu, là con kiến chúa với con kiến con biết hiệp tác cùng nhau để đạt đến cái mục đích may lá nầy ! Mỗi khi kiến chùa làm cho kiến con cúi đầu xuống, cọ vào triên lá, thì kiến con đều có nhả ra một sợi tơ, mười lần như một chục, không lần nào sai. Công trình may lá nầy liên tiếp luôn mấy ngày, khi con kiến con nầy hết tơ rồi thì con kiến chúa lại đem kiến con khác đến. Làm như vậy hoài cho đến khi có vô số tơ nhỏ chằng chịt giữa hai cái lá, chỗ đó hiện ra một đường như váng nhện trắng, ấy là sự may lá đã được hoàn thành.

*

Đến như nói về sự loài kiến chung cùng làm lụng với nhau thì có một điều rất lạ lùng đủ đem so sánh với trí khôn loài người mà không kém : ấy là mấy giống kiến đã biết dùng cái "chế độ luân phiên" trong sự đánh giặc và săn mồi.

Ở Nam Phi châu có một giống kiến săn mồi, thường kéo đi từng đội ngũ rất chỉnh tề vào nhà người ta, bò lên trên rường nhà, bắt những con "sâu đầu" (*cockroaches*) ở đó. Chúng nó vật những sâu đầu rồi thả rớt xuống đất ; tại đây đã có một đội kiến chuyên việc chuyển vận chực sẵn rồi. Những "phu khiêng" nầy chờ hễ khi bọn "thợ săn" trên rường nhà thả sâu đầu xuống, liền rủ nhau khiêng tuốt về ổ.

Miền trung Ấn Độ có một giống kiến, kêu là lobopelta, khi chúng nó đánh trận với giống kiến trắng, cũng dùng đồng một phương pháp ấy. Khi chúng nó vây đánh ổ kiến trắng, trước hết chia binh làm hai tua. Một tua cứ việc ra trận, giết kiến trắng cho chết ; còn một tua cứ việc chực khiêng những kiến trắng bị giết tại trận đó về ổ mình.

Có một giống sâu bọ, trí khôn của nó so với giống kiến hơi kém một chút, ấy là giống ong vàng ưa bắt mồi. Giống nầy, khi nó bắt mồi, tỏ ra cái sức thông minh của nó lạ lùng quá, làm cho người

ta cũng phải kính phục. Giống ong vàng nầy kêu là *Ammophila urnaria*, nó ưa dấu những con sâu con trong ổ nó, rồi dùng hòn đá nhỏ làm như cái bay của người thợ nề. Hai nhà chuyên môn học về sâu bọ ở nước Mỹ, từng xem xét được cái phương pháp mà thứ ong vàng ấy dùng để lấp cửa ổ nó. Nó sau khi giấu sâu con vào rồi thì lấy đồ nhém miệng ổ lại, và lấy bùn đất trét lên. Đây đã đến lúc tỏ cái thông minh lạ lùng của nó ra rồi đây ! Con ong vàng ấy liền bay đi, đem về một hòn đá nhỏ, ngậm nơi hàm nó, làm như cái bay, thúy qua thúy lại trên miệng ổ, cho cái vết bùn đất mới vừa trét đó liền mý với mặt đất bốn phía ở ngoài.

Chẳng những ong vàng còn nhiều giống sâu nhỏ cũng có trí khôn như vậy. Thường thường thứ sâu hay ăn cải, bất kỳ ở trên vật thể nào cứng mấy đi nữa, nó cũng bò đi như không. Vậy mà khi bắt nó bỏ trên một vật gì trơn và sáng – như miếng kiếng – thì nó liền nhả từ trong miệng nó ra một thứ tơ, làm ra như một sợi thang giây bằng tơ để nó đi ở trên.

Mạt lắm là giống sâu đầu (?), mà cũng chẳng phải không có chút lý trí nào cả đâu. Theo nhiều cách thí nghiệm, biết chúng nó cũng có ít nhiều tia sáng của lý trí. Mới rồi một nhà sanh vật học Ăng Lê, chế ra một cái hộp, chia làm hai ngăn, một ngăn tối, một ngăn sáng. Bên ngăn sáng, thầy ta bỏ vào mấy con sâu đầu ; nhưng vốn tánh chúng nó thuở nay ưa tối, cho nên tức thì bò qua ngăn bên kia mà ở. Song le, trong ngăn tối đó, nhà sanh vật học lại cho một ít luồng điện chạy vào, làm rúng động hơi hơi. Thét rồi những sâu đầu ấy không chịu nổi sự rúng động của điện, về sau chúng nó trở qua bên ngăn sáng mà ở, không hề chui vào ngăn tối nữa. Lại có một nhà tự nhiên học nước Nga, khéo đến nỗi luyện tập được một con sâu đầu có thể bò qua trên cái cây nhỏ bằng chưn nhang bắc ngang trên chậu nước.

Lại nói đến sự tri thức toàn do bổn năng của loài sâu bọ, thì cái điều kỳ diệu hơn hết, chẳng có gì hơn sự con nhện dùng phương

pháp để tránh khỏi sự tử vong tại trong cái lưới của mình. Nó giăng lưới ra để bắt mấy giống sâu bọ khác, còn chính nó ở trong lưới ấy mà lại khỏi hề chi ! Ấy là nhờ nó có phương pháp nầy : từ trong những cái hạch nước miếng *(glandes salivaires)* của nó, nó ép ra một thứ nước dẻo, nó bôi thứ nước dẻo ấy trên cẳng nó, trên miệng nó, trên bụng và cuống đuôi nó, là những chỗ hay va chạm đến tơ của lưới nó, rồi tự nhiên nó khỏi bị vướng bởi tơ.

Ngoại giả như con ong vàng, khi nó giết chết con mồi của nó, tỏ ra nó có cái tri thức về giải phẫu học (*anatomie*) mà nhà giải phẫu học của loài người thấy nó mà cũng phải sanh lòng cảm phục. Trước hết nó chích một mũi vào chỗ đốt thần kinh (*ganglion*) của con mồi nó bắt được, kế đó nó tra một thứ nước của nó vào, thứ nước ấy cũng như thứ thuốc mê mà thầy thuốc ta thường dùng, làm cho cái giây thần kinh của con mồi ấy tê điếng đi, rồi trở nên lừ đừ luôn mà không đến nỗi chết hẳn. Nhờ vậy đó mà nó để dành được lâu những mồi ấy cho ong con nó ăn.

Thứ ong vàng mới vừa nói đây, trong sách Tàu kêu bằng *quả lỏa* ; còn con mồi của nó bắt đó, kêu bằng *minh linh*. Sách Tàu có câu "Minh linh chi tử, quả lỏa chi phụ", nghĩa là "con của minh linh mà quả lỏa cõng đem về". Nhà chú thích giải rằng : "Minh linh là một giống sâu, quả lỏa là một giống bọ, hai giống khác nhau. Song sau khi quả lỏa cõng con minh linh về, giấu trong ổ nó, đọc câu chúc rằng : "Loại ngã ! loại ngã !" nghĩa là "hãy giống ta ! hãy giống ta!" Rồi con minh linh trở nên hình dạng như con quả lỏa, có cánh và bay đi" (!) Tục Việt Nam ta cũng có câu hát : "Tò vò mà nuôi con nhện, ngày sau nó lớn nó quến[*] nhau đi ; Tò vò ngồi khóc tỷ ty : Nhện ơi là nhện ! mầy đi đường nào !" Coi đó thì người Nam ta kêu con ong vàng đó là con tò vò, và con mồi nó bắt

[*] *quến* : nghĩa như *quện, quyện* hoặc *quyến* (theo *Từ điển phương ngữ Nam Bộ*, sđd.).

được đó là con nhện. Song le, cả hai cái cựu thuyết của Tàu và ta đó đều là tầm bậy cả. Bây giờ có nhiều nhà khoa học đã lấy nhiều sự thiệt nghiệm mà chứng minh ra, thì là con quả lòa hay con tò vò, nó bắt con minh linh hay con nhện, để dành làm đồ ăn nuôi con nó, chớ không phải bắt về làm con nuôi đâu.

Vậy thì loài sâu bọ quả thiệt có trí khôn chăng ? Ông Hingston kết luận rằng : Cái gân óc của loài sâu bọ với của loài người có cái trình tự hoạt động rất giống nhau. Cái điều cốt yếu khác nhau chẳng qua ở chỗ nầy : Số là động vật – gồm cả loài người – có hai thứ hoạt động của cái sức óc : một thứ là thuộc về bổn năng, tự động [1] tiên thiên[2] ; còn một thứ là thuộc về lý trí, có thể buông ra thâu vào được, có thể học tập mà được. Cái thứ thuộc về bổn năng đó chiếm cứ trong gân óc loài sâu bọ ; còn thứ thuộc về lý trí đó chiếm cứ trong gân óc loài người. Lại nói cho rõ hơn nữa : trí khôn của loài bọ là thuộc về bổn năng ; còn của loài người là thuộc về lý trí, hai bên khác nhau, đại khái ở tại chỗ đó.

C.D.

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn, s.62 (27.7.1930) ;
s.66 (21.8.1930)

---

[1] Chữ *tự động* nầy nghĩa là tự nhiên mà động, chỉ về cái sức óc ấy nó tự động, chớ không phải cái loài vật có sức óc ấy tự động đâu. Theo tiếng Pháp, chữ *tự động* nầy là *spontané*. Như nói : *Les mouvements du coeur sont spontanes*, nghĩa là : sự động của trái tim là tự nhiên (nguyên chú của PK.).

[2] Phàm cái gì của người hay của vật, khi sanh ra mà đã có sẵn rồi thì cái ấy kêu bằng *tiên thiên* ; đối với *hậu nhiên*, là cái sau khi sanh ra mới có. Nói thiển cận cho dễ hiểu thì như cái tóc của người ta là vật tiên thiên ; còn cái râu là vật hậu thiên (nguyên chú của PK.).

MẤY LỜI PHÂN TRẦN VỀ BÀI "TỤC NHUỘM RĂNG CỦA NGƯỜI MÌNH" Ở *PHỤ NỮ TÂN VĂN* SỐ 54

Kính đáp ông Lư Sơn Chơn Tướng

Chúng tôi, ông Trần Quỳ, quản lý bổn báo và tôi, có được làm quen với một vị thanh niên Trung Hoa, người có học thức rộng, năng qua lại xứ ta, hoặc ở Sài Gòn hoặc ở Hà Nội ; thỉnh thoảng có viết bài trong các báo Tàu ở Chợ Lớn, ký biệt hiệu là Lư-Sơn-Chơn-Tướng. Mới rồi ông có ở Hà Nội viết cho tôi một bức thơ bằng chữ Hán mà nhờ tay tôi dịch ra quốc ngữ để đăng vào *Phụ nữ tân văn*. Cốt ý bức thơ nói về bài văn lai cảo : "*Tục nhuộm răng của người mình...*" đăng trong tập báo nầy số 54. Trong thơ hết non nửa phần, ông tỏ ý khen tặng tôi về mấy bài nói về học thuật gần đây, vì ông đọc và nói tiếng Việt Nam được, đã từng đọc qua báo *Phụ nữ* mấy kỳ vừa rồi. Vì có đó, tôi dịch trọn bức thơ không tiện, mà chỉ tóm tắt ý ông nói về cái bài trên đó ; thấy ông nói phải nên nhơn đó mà biểu đồng cùng ông. Còn riêng về phần tôi, có lời cảm ơn ông thì đã đành.

Nguyên cái bài "*Tục nhuộm răng...*" nói trên đó đăng ở *Phụ nữ tân văn* số 54, ký tên Tú Lan, một đoạn nhập đề như vầy:

> Cứ như câu chuyện sau nầy mà tôi đã được nghe các cụ đời xưa truyền lại thì cái tục nhuộm răng nguyên nhơn như vầy :

Mấy ngàn năm về trước, quân Tàu mới khởi sự đến cướp nước Nam, cách của họ cai trị đã làm cho nhơn dân ta phải chịu nhiều điều khổ sở... Họ lại bắt người mình ăn bận theo quốc tục của họ, nghĩa là đầu cũng kết bín, mà quần áo thì y hệt các chú chệt thím xẩm vậy.

Trải qua cái thời kỳ ấy, đến đời vua khác cầm quyền, thì lại thay đổi ý kiến, không muốn người Nam lẫn với người Tàu, vì sợ thành ra bình đẳng thì khó bề cai trị đè nén ; bởi vậy mà họ bắt buộc người Nam phải nhuộm răng cho phân biệt.

Trên đó là tôi chỉ dẫn những lời nào mà ông Lư Sơn cử ra làm cái luận điểm đó thôi. Độc giả ai muốn biết rõ hơn, xin tìm xem lại nguyên văn.

Phàm khảo cứu một việc gì, một cái phong tục nào, phải dẫn chứng cứ trong lịch sử đành rành mới đặng. Những lời trên đây đã không dựa vào lịch sử mà lại hiển nhiên trái với lịch sử nữa, cho nên ông Lư Sơn gởi thơ tới cãi là phải.

Ông Lư Sơn nói rằng :

"Nước chúng tôi (nước Trung Hoa) vài ngàn năm nay, duy chỉ có một trào Măn Thanh, nguyên giống Hồ vào làm chủ Trung Quốc, mới bắt đầu hạ lịnh cạo đầu dóc bín, hết thảy người trong nước chúng tôi đều lấy làm một sự sỉ nhục lớn, nhiều kẻ đã liều chết không chịu theo, nên mới có những cuộc chém giết rất dữ tợn như ở Gia Định và Dương Châu. Từ hồi Măn Thanh đó cho đến bây giờ chỉ có vài ba trăm năm mà chớ. Vậy mà tác giả nói rằng "Mấy ngàn năm về trước, quân Tàu bắt người Việt Nam cạo đầu dóc bín", ấy là một điều quấy.

Tác giả nói rằng người Tàu bắt người Việt Nam ăn bận theo như các chú chệt, các thím xẩm, thì sao ngày nay đây, trải xem ba kỳ, đâu đâu cũng ăn mặc với nhau một lối : áo dài, cửa tay chật, mà không giống Tàu chút nào hết là sao ? Ấy là hai điều quấy.

Tác giả lại nói cái tục nhuộm răng đã do người Tàu bắt làm như vậy để phân biệt Hoa và Di, ấy là cái dấu thâm thù, cái điều sỉ nhục (đây cũng lấy ý nguyên văn), thì lại là lầm lắm. Vì ở bên Tàu chúng

tôi, những người nào chưa hề bước chơn qua đất nầy thì chẳng bao giờ ngờ được rằng người An Nam có răng đen. Hoặc giả có người nghe nói tục đó, rồi khi gặp người Hoa kiều nào ở bên nầy về, đến nỗi đem mà hỏi nhau rằng : "Người An Nam đen răng, có phải là trời sanh ra như vậy không ?" Còn như thứ thuốc gì mà nhuộm cho đen răng, thì thật họ tịt mù, chẳng hề ai biết tới. Huống chi người Tàu chúng tôi đã vốn không có tục nhuộm răng, lại cũng không hề biết đến cái tục ấy nữa, mà lại bảo rằng thình lình bày ra một sự kỳ quái như vậy để làm nhục người quý quốc, thì thật là vô lý quá. Ấy là ba điều quấy".

Những cái cớ ông Lư Sơn viện dẫn ra đó đã đủ đánh đổ cái thuyết của bài kia rồi ; song ông lại còn sợ rằng cái thuyết vô căn ấy có lẽ sẽ làm cho chênh mảng tấm lòng thân thiện của người Huê và người Việt nên ông lại nói thêm rằng :

"Người Tàu chúng tôi qua kiều ngụ buôn bán ở đất nầy, có nhiều người cưới vợ An Nam, cũng chẳng hề lấy sự đen răng mà khinh dể. Những người ấy đẻ con gái ra, cũng có cho nhuộm răng và ăn mặc như phụ nữ bổn xứ, chớ có hề kỳ thị gì đâu, vì ở nước nào theo tục nước ấy, sự đó cũng là thường".

Chẳng những vì chỗ cái tình liên lạc Huê Việt mà biện bạch ra như trên đó, ông Lư Sơn lại còn biện ra cái lẽ nhuộm răng đen không phải là sỉ nhục nữa. Ông nói :

"Tôi từng đi đủ Trung-Bắc hai kỳ, tôi thấy những nhà thi lễ, tức là bậc thượng lưu trong xứ, thì đàn bà con gái của họ cũng đen răng, cho như thế là trang nghiêm mỹ lệ ; còn trái lại, răng trắng thì cho là đồ ăn chơi đĩ thỏa. Coi đó thì biết cái tục răng đen của người Nam là từ các đấng tiên dân bày ra và đã lâu đời lắm rồi, chẳng những cho là đẹp mà cũng lấy đó tỏ ra là nề nếp con nhà nữa, vậy mà kêu rằng cái dấu thâm thù, cái điều sỉ nhục, là nghĩa làm sao ? Khắp nước Việt Nam, trừ xứ Nam kỳ ra, thì tôi thấy đâu đâu đàn bà con gái cũng đen răng hết, duy có những hạng vợ tây, vú, bồi, bếp gái ở với

Tây thì mới hay để răng trắng mà thôi, thế thì cái tục ấy xấu tốt thế nào cũng đủ biết".

Đó, tôi dẫn những lời ông Lư Sơn dùng mà cãi cái bài kia như vậy đó, rồi tôi nhận cho lời của ông là phải và xin cải chánh bài kia đi. Nói "cải chánh", là như vầy : Cái bài nói *về "Tục nhuộm răng..."* ở số 54 đó là cốt để cổ động bỏ cái tục ấy. Sự cổ động ấy chẳng qua là một cái ý kiến. Cái ý kiến ấy ai có cho là phải thì theo ; còn những lời đoán về cái nguyên nhơn tục ấy mà trái với lịch sử như đã chỉ trên đây, thì xin độc giả bỏ đi, coi như là không có.

Xong rồi, tôi xin có mấy lời nói riêng với ông Lư Sơn.

Trong bức thơ ông trách tôi sao ở trong tòa soạn *Phụ nữ tân văn* mà không coi ngó, để cho có những bài sai lầm như thế xen vào. Vậy tôi xin nói để ông cùng độc giả liệt vị biết rằng tôi chỉ ở ngoài viết bài mà thôi, chớ tôi không ở trong tòa soạn. Mà chẳng những *Phụ nữ tân văn*; bây giờ *Trung lập*, hồi trước *Thần chung* cũng vậy, tôi chỉ là người ở ngoài viết bài (*collaborateur*) chớ không phải là ký giả (*rédacteur*) ở trong toà soạn đâu(*).

Tôi có đem việc nầy hỏi ông chủ nhiệm và ông chủ bút, thì cái bài lai cảo đó chính tay của một người con gái viết ra, cho nên vội vàng đăng lên, để giục lòng các bạn gái trong sự tập tành viết báo mà không kịp xem xét lại cho cẩn thận. Khi đăng ra rồi, ai nấy đọc lại, ngó nhau mà cười, tính bề trước sau cũng cải chánh, thì vừa tiếp được bức thơ ông.

Sau hết, tôi cũng xin tỏ ý kiến của tôi về cái tục nhuộm răng của ta một ít.

Về những vấn đề nầy tôi đương muốn khảo cứu lắm mà hiềm chưa đủ tài liệu. Tôi chỉ đoán phỏng là cái tục nguyên của ta, nhuộm răng cũng như ăn trầu, là cái tục do phong thổ khí hậu mà tiên dân ta ngày xưa phải bày ra đó thôi.

(*) *collaporateur* : người cộng tác, cộng tác viên ; *rédacteur* : người biên tập, biên tập viên.

Trong bài cô Tú Lan nói cái thuyết của cô có lẽ đúng là vì người Tàu hồi xưa đô hộ ta, chỉ chiếm cứ có đất Bắc kỳ và một phần đất Trung kỳ mà thôi, cho nên khắp cả nước, chỉ có dân những miệt đó nhuộm răng, còn ngoài ra thì đều để răng trắng.

Tác giả lấy chỗ đó làm chứng cớ, nhưng cũng lại không theo lịch sử. Hồi người Tàu đô hộ nước ta thì hồi đó xứ Nam kỳ nầy đương còn thuộc về Cao Miên, đã có giống người Việt Nam ta tràn đến dây đâu mà hòng viện dẫn vào ?

Cái nầy là tôi nói ức chừng mà hoặc giả có lẽ trúng. Hồi xưa người Nam kỳ cũng có nhuộm răng, song từ khi ở chung với người Pháp, rồi lần lần bỏ tục ấy đi, chưa biết chừng. Tôi phỏng định rằng đàn bà Nam kỳ bỏ nhuộm răng đâu một lần với sự bỏ mặc yếm ; hiện nay đàn bà Nam kỳ cũng không mặc yếm. Để lúc nào tôi gặp được ông già bà cả mà hỏi lại thử coi.

Có người nói rằng xứ ta nhiều thấp (*humide*) nhiệt (*chaleur*), muốn giữ răng cho chắc thì không gì bằng nhuộm. Lại thấy nhiều người thanh niên bây giờ, răng vẫn trắng và mỗi ngày mỗi đánh mỗi chải nữa, song bao kẻ kêu rằng răng mình không được chắc, thì tôi chẳng hiểu làm sao. Tôi nói như vậy, không phải tỏ ý muốn người mình nhuộm răng lại đâu – chính tôi cũng không nhuộm – , nhưng tôi nói để cho biết cái tục của người xưa bày ra không phải là vô ý thức. Ai muốn nhuộm thì nhuộm, ai muốn không thì không, sự nầy chẳng có quan hệ gì với sự tấn hóa của một dân tộc lắm, theo ý tôi thì như vậy.

Trong bài cô Tú Lan lại có một chỗ sai nữa, tôi xin chỉ nốt, kẻo để lại có kẻ khác hạch ra. Cũng trong bài đó, tác giả nói rằng :

> "Họ (người Tàu) lại có cái tâm địa độc ác vô cùng, là họ tính làm như vậy để mong cho người Nam hóa thành người Tàu hết thảy ; mà dân càng thì họ lại hành hạ rất là khổ nhục, và đem giết lần đi, cốt ý cho tuyệt chủng ! Ấy, cũng vì cái mưu độc ấy mà người Giao Chỉ phải tiêu mòn đi hết".

Đoạn nầy tác giả chỉ nói như vậy thôi, mà không có cử ra lấy một chữ gì làm chứng cớ. Như vậy cũng không được. Xét theo lịch sử thì sự người Tàu giết người mình cũng có, nhưng chẳng có chỗ nào tỏ ra là có mưu hiểm độc muốn làm cho tuyệt chủng như lời cô Tú Lan. Trong mấy thời kỳ bị đô hộ, người mình hễ ai nổi lên phản đối thì bị họ giết, chớ chẳng có gì lạ. Còn sự người Giao Chỉ (giống người mà hai ngón cẳng có chẳng ra và giao nhau) tiêu mòn đi, hoặc là vì theo lệ thiên diễn mà đồng hóa với giống khác, thành ra giống người Việt Nam chúng ta bây giờ ; điều đó quan hệ với nhân chủng học, phải là nhà khảo cứu chuyên môn mới đoán định được, chớ không nên nói một cách võ đoán.

Tóm lại, phàm việc gì có cái tánh chất lịch sử thì mình phải tra xét cho phân minh, có chứng cớ đành rành rồi sẽ nói ; trong khi nói, chớ nên pha vào cái ý cổ động mà làm cho thất thiệt. Những sự nói thất thiệt như thế, lần lần mỗi ngày một nhiều ra, rồi làm xáo bậy cả lịch sử, là sự quan hệ chẳng phải nhỏ. Vậy xin độc giả cũng thủ tiêu một đoạn trong bài cô Tú Lan trên đó nữa cho luôn.

PHAN KHÔI

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn, s.66 (21. 8.1930)

LƯỢC SỬ XỨ ĐÀI LOAN CỦA NHỰT BỔN VÀ TÌNH HÌNH CUỘC CÁCH MẠNG MỚI ĐÂY

Xứ Đài Loan tiếng Pháp kêu là *Formose*, tiếng Anh kêu là *Formosa of Tai-wan,* là một cái đảo quốc ở về phía đông nam tỉnh Phước Kiến nước Tàu, gồm có 29 hòn cù lao vừa nhỏ vừa lớn ; quần đảo Bành Hồ cũng thuộc vào đó nữa, cho nên người Tàu có khi kêu chung là Bành Đài.

Đảo Đài Loan, ở đời nhà Tống, lập riêng ra một nước, kêu là Bi-xa-na, cũng có giao thông và triều cống Trung Quốc như là nước Lưu Cầu. Đến đời Nguyên, người Tàu lấy làm thuộc địa, đặt quan Tuần vũ ở Bành Hồ mà cai trị luôn Đài Loan nữa.

Sang đời nhà Minh, Đài Loan bị bọn giặc biển chiếm cứ ; nhưng không bao lâu thì người Lưu Cầu đuổi đi. Sau đó Nhựt Bổn lại đuổi người Lưu Cầu mà choán lấy. Bấy giờ có người Tàu ở Phước Kiến, tên là Trịnh Chi Long, kiều cư bên Nhựt Bổn, hay qua lại đất Đài Loan. Trịnh có dời mấy vạn dân Phước Kiến đến khẩn ruộng hoang ở đó, lần lần dân cư trở nên đông đảo.

Khi người Hòa Lan bắt đầu sang phương Đông tìm đất, thấy xứ Đài Loan thì ưng ý lắm, bèn lấy binh lực mà đuổi người Nhựt đi ; rồi mở ra các thành phố, cùng các nước thông thương, Đài Loan có nhiều nơi đô hội là bắt đầu từ đó.

Nguyên trước kia Trịnh Chi Long có lấy một người vợ Nhựt Bổn, đẻ được người con trai, tên là Trịnh Thành Công. Sau khi Chi

Long mất rồi, hồi đó vào hồi nhà Thanh mới chiếm Trung Hoa, Trịnh Thành Công lấy cớ đất Đài Loan là đất cha mình khai phá, bèn dùng binh lực bức người Hòa Lan trả lại, rồi thì Thành Công trùm có cả quần đảo Đài Loan mà lập nên một nước.

Lúc đó nhà Thanh dẹp yên cả Trung Quốc, chẳng nơi nào là chẳng phục ; trong Hán tộc chỉ có một mình Trịnh Thành Công cử được đảo Đài Loan để kháng cự lại mà thôi. Cho nên, đến bây giờ, người Nhựt Bổn vẫn lấy chuyện nầy làm đắc ý mà khoe khoang luôn, đến nỗi nói rằng : "Nhà Minh mất rồi, bốn trăm triệu dân Trung Hoa đều cúi đầu thần phục Mãn Thanh hết ; chỉ có một người dám kháng cự, mà người ấy là nửa máu Nhựt Bổn !"

Trịnh Thành Công ở Đài Loan, tự xưng là vương, càng ngày càng mở mang thêm đất hoang và quy dân lập ấp, dân số hóa đông hơn trước. Truyền đến con là Trịnh Kinh, nhà Thanh nhiều lần sai quan thuyết hàng mà cũng không chịu. Cho đến đời cháu là Trịnh Khắc Sảng, thế lực yếu thua trước, mới phải đầu về nhà Thanh. Kể từ năm 1661, Trịnh Thành Công chiếm cứ Đài Loan, đến năm 1693, Trịnh Khắc Sảng đầu hàng, chỉ được 22 năm mà thôi vậy.

Từ đó Đài Loan lại thuộc về Trung Quốc, vua nhà Thanh chia đất ra, đặt nhiều phủ huyện, đem thuộc vào bản đồ tỉnh Phước Kiến.

Đài Loan làm thuộc địa Trung Hoa được 212 năm, nghĩa là từ năm 1683 cho đến năm 1895, thì lại vào tay người Nhựt Bổn.

Đất Đài Loan nhiều núi, phía đông toàn là núi cao liên tiếp với nhau, chỉ phía tây có ít nhiều đồng bằng, khí hậu lại nóng và ẩm. Tuy vậy, đất ruộng rất màu mỡ, đồ nông sản như lúa gạo, chè, đường, cũng nhiều. Đến như các vật lâm sản khoáng sản, thì rất là phú túc, kể cũng là cái nguồn giàu có của thế giới.

Bởi là một xứ giàu thạnh như vậy, người Nhựt nhẽu nước miếng đã lâu, nên sau sau cuộc Trung Nhựt chiến tranh năm giáp ngọ (1894), qua năm ất vị (1895), tháng ba, bản điều ước Mã Quan

ký kết xong, nước Tàu phải đem Đài Loan, cả Bành Hồ nữa, mà nhường cho Nhựt Bổn.

Chánh phủ Nhựt chia Đài Loan ra làm 12 "thinh", đặt một quan tổng đốc người Nhựt làm đầu cai trị. Còn chế độ cai trị như thế nào, thì không cần nói cũng biết. Chúng ta biết ở Cao Ly (Corée), người Nhựt cai trị cách nào, thì ở Đài Loan cũng cách ấy. Mà có lẽ sự cai trị ở đây lại còn gắt hơn ở Triều Tiên (tức Cao Ly) nữa, vì dân số Đài Loan có non 4 triệu, trừ ra người Nhựt 8 vạn, bọn thổ nhân 13 vạn, còn bao nhiêu là người Tàu hết, vậy thì người Nhựt cai trị đất Đào Loan cũng như cai trị một nước Tàu nhỏ, đối với dân Tàu mà người Nhựt không gắt sao được ?

Người ta kêu cái chế độ cai trị thuộc địa của Nhựt Bổn là "chế độ cảnh sát". Mà cái chế độ cảnh sát thì lại đi cặp với cái chủ nghĩa tư bổn. Nghĩa là, chiếm được một miếng thuộc địa nào, chánh phủ Nhựt đặt nhiều cảnh sát, bủa khắp trong xứ để coi chừng bọn phản kháng, giữ cuộc trị an hầu cho nhà tư bổn Nhựt được ngồi yên mà thâu vét lợi quyền trong xứ, đem về làm giàu cho tổ quốc mình.

Dân Đài Loan – nói ngay là dân Tàu đi cũng được – cũng ở dưới cái chế độ ấy, thì biết cái lòng oán hận của họ là dường nào. Cái mầm cách mạng là do đó mà nảy lên, lâu lâu lại có một lần.

Không kể những sự âm mưu lặt vặt, chưa thành ra việc chi mà đã thất bại ; chỉ kể nội cuộc cách mạng lớn, tuy không thành công mà cũng đủ cho người Nhựt rúng động, thì lần thứ nhứt ở năm 1912, mà lần thứ hai là bây giờ.

Năm 1912, vào hồi Trung Hoa dân quốc mới thành lập, người Đài Loan tưởng rằng ấy là một cái cơ hội cho mình thoát ly cái ách người Nhựt, trở lại với tổ quốc mình là Trung Hoa mà làm một bọn dân có nước trên trái đất nầy. Bấy giờ La Phước Tinh, người sanh trưởng ở Đài Loan mà là Hoa chủng, bèn cử binh phản kháng chánh phủ Nhựt. Quân cách mạng nầy dấy lên từ một nơi hiểm

yếu, giết các quan lại và cảnh sát Nhựt bộn bề ; song liền đó quân đội Nhựt ở các nơi kéo tới, đâu không đầy ba tuần lễ thì dẹp yên được hết. Người chủ động là La Phước Tinh bị giết ; và nhơn vụ đó, chánh phủ Nhựt tra khảo tràn lan ra, có hàng mấy trăm người Đài Loan bị giết, bị đày hay là bị tù.

Đến năm nay, ngày 27 Octobre mới rồi, đống tro tàn cách mạng ở Đài Loan thình linh nổi lên cháy lại. Mà khác trước một điều, là người đứng chủ trương vận động cuộc cách mạng nầy, không phải giống Hoa, mà là người bổn thổ.

Trên kia đã nói ở Đài Loan có 13 vạn thổ dân ; thứ thổ dân ấy người Tàu quen kêu là "Đài chủng" (nghĩa là giống Đài), để phân biệt với "Hoa chủng" và các chủng tộc khác. Trong bọn Đài chủng đó chánh phủ Nhựt chia ra làm hai hạng : một hạng đã có chịu giáo dục nhiều ít thì kêu là "Thục phiên" ; còn một hạng chưa hề khai hóa, như bọn Mọi ở xứ ta, thì gọi là "Sanh phiên". Song cả hai Sanh phiên và Thục phiên, cũng đều không được đãi bình đẳng với người Nhựt, người giống Hoa, hay là người tạp chủng, tức là người lai các giống.

Dân Đài chủng ở vào các miệt rừng núi, bọn Sanh phiên chừng 8 vạn, bọn Thục phiên chừng 5 vạn, ở chung lộn với nhau. Nói riêng về Sanh phiên, thì chia ra ở mấy chục làng, mà làng nầy với làng kia có núi cách biệt ra, giòng họ cũng khác nhau. Dầu vậy, ở chốn thâm sơn cùng cốc cũng có cảnh sát Nhựt theo một bên mà kiểm chế, chớ không phải được tự do làm ăn như tụi Mọi của ta ở sau lưng giải núi Trường Sơn (*Chaine Annamitique*) đâu.

Trong bọn Sanh phiên đó có một họ, kêu theo Tàu đã dịch âm ra, là họ "Mạnh mải", ở riêng một làng, kêu là làng "Vụ". Làng nầy so với các làng khác, được khai hóa sớm hơn. Vả lại, hồi người Nhựt mới tới Đài Loan, làng nầy lại quy thuận trước. Ấy vậy mà cũng bị coi là Sanh phiên và bị bạc đãi, cho nên họ vẫn lấy làm

thống khổ đã lâu ; duy không dám hó hé ra, là chỉ vì cái chế độ cảnh sát của người Nhựt quá nghiêm mật đó thôi.

Số người làng Vụ được chừng hai ngàn, mà trong đó chỉ có năm trăm tráng đinh. Lâu nay họ đã chịu giáo dục của chánh phủ Nhựt, cho nên, dầu mang tiếng Sanh phiên, chớ cũng đã có ít nhiều văn hóa, không phải là tệ mạt cho lắm.

Số là, ở làng Vụ, có người tên là Hoa Cương Nhứt Lang con của một vị tù trưởng, là tay thiếu niên anh tuấn, có khí khái hơn người. Anh ta nguyên học ở một trường trung học sư phạm trong xứ, tốt nghiệp rồi, lẽ đáng thì được bổ làm thầy giáo mới phải, mà chánh phủ Nhựt lại không bổ cho, trở lại sung vào một chức cảnh sát trong làng. Chàng thanh niên vẫn sẵn có chí cách mạng rồi, gặp dịp bất bình nầy, thì liền xây ra đi tuyên truyền chủ nghĩa phản Nhựt và thiệt hành sự bạo động.

Cái âm mưu của Hoa Cương Nhứt Lang khởi đầu ra từ trong làng Vụ là làng của mình rồi rây ra đến làng khác. Họ dự bị lương thực khí giới đâu đó sẵn sàng hết rồi mới cử sự, chớ không phải làm liều. Đêm 26 Octobre bắt đầu cắt dứt đường thông tin của chánh phủ, rồi hôm sau, ngày 27, quân cách mạng dậy lên.

Hôm ấy, nhơn các trường tiểu học có cuộc hội nhau tập thể thao, bao nhiêu viên chức cảnh sát Nhựt đều nhóm tại sân thể thao hết. Quân cách mạng chia làm hai đội : một đội kéo tới sân banh, giết hết cảnh sát Nhựt hơn hai trăm người ; còn một đội kéo tới các bót cò, chặt dây thép nói, cướp được 150 cây súng luôn với 5 vạn bì đạn, lại cũng giết gia quyến của viên chức cảnh sát nữa. Coi đó thì biết cái mục đích cách mạng của họ chỉ là ngó chăm vào cái chế độ cảnh sát mà đi tới.

Việc nầy đồn ra, cả Đài Loan đều rúng động. Ngày 28, quân đội của chánh phủ Nhựt đã kéo tới nơi, hết thảy hơn hai ngàn người, với 5 chiếc máy bay nữa. Quan tư lịnh bên Nhựt tên là

Khiêm Điền, vì ngó thấy dân làng Vụ dậy lên lần nầy có chiến lược hẳn hoi lắm, cho nên không dám khinh địch, phải dời ngay bộ tư lịnh đóng tại mặt trận, chẳng khác nào giao chiến với một địch quốc.

Ngày 31, quân của chánh phủ bắt đầu công kích, cho đến bữa 2 Novembre mà chưa thấy thắng bại chi. Bởi vì địa thế làng đó hiểm trở lắm, quân giặc cứ ngày núp đêm ra, cho nên dầu có máy bay cũng vô dụng. Gia dĩ dân làng Vụ vốn làm nghề săn bắn, bắn súng giỏi, trèo núi cũng hay, quân Nhựt cũng phải chịu thua. Mới rồi, quan tư lịnh có tâu về Nhựt hoàng một tờ sớ, trong có lời rằng : "Chúng nó đánh trận giỏi lắm, không nên dể dưng", coi đó thì đủ biết cuộc cách mạng nầy làm cho chánh phủ Nhựt lo lắng chẳng phải là ít vậy.

Ấy là việc chỉ mới xảy ra trong một làng Vụ mà thôi, song theo tin báo Tàu, thì có nhiều dấu tỏ ra rằng hết thảy bọn Sanh phiên cũng đều như có ý biểu đồng tình với làng ấy. Cho nên, chánh phủ Nhựt đối với cuộc bạo động nầy cũng phải cẩn thận, theo mạng lịnh của Nhựt hoàng mới ban ra, không được nhơn hồi binh cách mà giết bậy người làng khác, sợ nhơn do sanh ra biến lớn.

Chúng ta phải đoán quyết rằng cuộc cách mạng nầy thể nào rồi cũng thất bại ; nhưng làm vậy để tỏ ra xứ Đài Loan còn có người, sau La Phước Tinh, còn có người mà thôi !

CHƯƠNG DÂN

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn, s.79 (27.11.1930)

TẠP TRỞ :
CHUYỆN LẠ NHỰT BỔN

1)Trong 12 giờ đồng hồ có 80 lần động đất. - Mới có tin ở Nhựt Bổn đến rằng : gần đây tại hạt Át My (Atymi) và In-păng (Iznpen) cứ động đất luôn mãi. Theo số thống kêu của đài thiên văn thì trong tuần lễ nay đã có hơn 700 lần động đất mà nhiều nhứt là ngày thứ hai tuần lễ trước. Từ sáng đến tối, động đất luôn 80 lần. Nước Nhựt vốn là một nơi thường hay động đất song từ xưa đến nay cũng chưa thấy bao giờ lại động nhiều đến như thế.

Song các nhà đương cục thấy thế lại lấy làm mừng, mừng nhiều nỗi đã có nhiều lần động dấu nhỏ như vậy thì may ra thoát khỏi được sự động đất to như trận ở Đông Kinh năm trước. Duy dân chúng ở hai hạt đó thì khủng hoảng bội phần, những nhà giàu có phần nhiều đã di đi nơi khác. Vả sau hôm động đất nhiều đó, suối nóng ở At-My bỗng mất hẳn sức nóng, cũng là sự rất lạ. Lại có tin đồn rằng : sắp có nước biển dâng lên, nên dân chúng lại càng sợ mà cái số di cư nơi khác lại càng nhiều ; quan địa phương cấm chỉ nhưng cũng không ngăn cản được họ. Vậy sự động đất nầy nếu còn liên miên mãi, thì chắc 2 hạt đó sẽ thành ra khu đất bỏ hoang.

2) Món tiền phí tổn trong cuộc tuyển cử vừa rồi. Cuộc tuyển cử mới rồi những tiền phí tổn của dân chúng hầu tới 10 triệu đồng. Đại ước mỗi người ra ứng cử, ít ra cũng tốn đến 5 vạn đồng. Mà số tiền đã mất đi đó hầu hết là vào túi những nhà in cả. Nghĩa là : về việc

tuyển cử thì cần nhứt là sự tuyên truyền, mà tuyên truyền thì ngoài cách diễn thuyết ra cũng cần phải có văn tự nữa mới được. Ấy vì thế nên cuộc tuyển cử vừa rồi đã có nhiều nhà in đại phát tài về sự in giấy tuyên truyền chuyện lạ đó, thật là một dịp may cho các nhà in vậy.

3) Cấm làm thứ phấn có pha chất chì. - Những phấn đánh mặt của nước Nhật từ đây trở về trước hầu hết là có pha chất chì. Nay chính phủ mới hạ lịnh cấm không được chế tạo những thứ phấn ấy, là vì các nhà vệ sinh đã xét ra rằng : Sự dùng phấn có chất chì, không những hại da của người đánh phấn mà thôi, lại hại cả đến sự vệ sinh của con trẻ nữa ; là vì xét kỹ ra thì những đứa trẻ mắc bịnh "nóng màng óc" hầu hết là bởi mẹ nó hoặc vú sữa nuôi nó hay đánh phấn có chất chì.(*)

C.D.

Trung lập, Sài Gòn, s.6154 (24.5.1930)

(*) Bài này dưới bút danh C.D. có ghi (Đ.P.), có lẽ cho biết *Trung lập* đăng lại của báo *Đông Pháp* ở Hà Nội.

TẬP TRỞ :
LỊCH SỬ CÂY LÚA

Đời thượng cổ người ta ăn lông ở lỗ, lấy hang đá làm nơi ẩn núp, lấy sự săn bắn các thú vật làm kế sinh nhai. Thời bấy giờ các thú vật, các loài thảo mộc cung cấp thực dụng cho loài người đều là những thứ tự nhiên sinh sản ra hoặc ở rừng núi hoặc ở đồng bằng cả. Lần lần dân số ngày một đông, sự nhu dụng ngày một nhiều, người ta bắt về nuôi những thú vật, trồng trặc(*) cây cối. Những thú vật trồng trặc nuôi, những cây cối người ta trồng lần lần nó thay hình đổi dạng khác lúc nó còn tự do sinh sản.

Cây lúa khi xưa người ta chưa biết cày cấy nó thường mọc ở những nơi đất bùn có nước, ở miền nam bên Á Đông và ở những miền nhiệt đới Úc Đại Lị. Lúa mọc như vậy khác lúa ta cấy là những hột thóc chín thì rụng xuống, còn lúa ta cấy thì hột thóc chín không rụng xuống cố ý chờ đợi người vất vả công lao bao lâu đến mà gặt lấy.

Lượm lấy những hột thóc rụng về ăn không đủ, người ta mới nghĩ đến việc trồng trặc.

Khởi thủy sự trồng trặc rất là đơn sơ, chỉ biết lấy một vật dọn(**) chọc lỗ xuống đất, moi lỗ bỏ mấy hột thóc vào, thế là nhờ ở sự tự nhiên của khí tiết mà cây lúa mọc lên.

(*) *trồng trặc* : trồng trọt, trồng tỉa (theo *Từ điển phương ngữ Nam Bộ*, sđd.).
(**) *dọn* : nhọn (phương ngữ Bắc Bộ).

Sự trồng lúa theo cách nầy hiện thời dân Mán - Mèo cũng còn dùng gọi là cấy nương. Họ tìm một chỗ đất tốt, đốt cỏ ra do, một người cầm cái thuôn sắt đi trước chọc xuống đất, một người đi sau bỏ xuống vài hột thóc, không có cày cấy tát nước tát nò chi cả, rất là giản tiện.

Theo tục truyền, vua Thần Nông dạy dân cấy lúa hơn bốn ngàn năm nay nghĩa là vào khoảng năm 2800 trước Thiên Chúa giáng sinh.

Ở bên Tàu mỗi năm có tục làm lễ lập xuân. Hoàng đế có quần thần đi theo ra làm lễ động thổ một cách long trọng. Hoàng đế xuống cày 4 luống trong một thửa ruộng trong đàn Nam Giao tại Bắc Kinh. Tục nầy mãi đến năm 1911 là năm Dân Quốc thứ nhứt mấy bỏ đi.

Ở xứ ta, theo sử ký thì vào Đô hộ thời đại có quan Thái thú Tích Quang dạy dân ta canh nông. Từ đó ta cũng theo Tàu cũng có lễ lập xuân động thổ. Vài mươi năm về trước ta vẫn còn giữ cổ tục ấy. Nhất đán bỏ tục nầy cũng là một điều đáng tiếc lắm, vì tục nầy có ảnh hưởng sâu xa về việc cổ võ nghề nông.

Ngày nay không những dân Đông phương dùng gạo mà có lẽ khắp hoàn cầu nơi nào cũng dùng hoặc ít hoặc nhiều cả. Sự cấy lúa vì đấy mà lan rộng ra nhiều xứ, những thứ sản xuất nhiều gạo ở thế giới là Đông Dương, Nhựt Bổn, Ấn Độ, Huê Kỳ.

Trên mặt địa cầu tính ra có tới 650 triệu người lấy gạo làm thực dụng cốt yếu. Hai mươi phần trăm mặt địa cầu nghĩa là 700.000 ki-lô-mét vuông là ruộng lúa.

C.D.
(*Nông Công Thương*)(*)

Trung lập, Sài Gòn, s.6292 (7.11.1930)

(*) Ghi chú này cho thấy *Trung lập* đăng lại của báo *Nông công thương* ở Hà Nội.

TẠP TRỞ :
TỤC CHÔN NGƯỜI CHẾT CỦA GIÁO ĐỒ HỒI HỒI (TỤC ĐIỂU TÁNG)

Lệ chôn người chết ở các nước có nhiều cách nhưng thông thường nhứt là cách thổ táng (chôn xuống đất), còn cách hỏa táng (đốt thây lấy tro xương đem chôn) và thủy táng (chìm thây xuống nước) thì chỉ có mấy dân tộc có mà thôi. Nhưng ngoài ra lại còn cách "điểu táng" của giáo đồ Hồi Hồi, coi ra rất thảm và rất dã man, xin thuật qua ra sau đây.

Hồi giáo thạnh hành ở các tỉnh Cam Túc, Thanh Hải, Tân Cương nước Tàu, phụng thờ thần Lợn, phong tục nhiều điều quái đản. Về tục chôn người chết, ngoài cách hỏa táng ra lại còn cách điểu táng nữa. Theo cách ấy, khi nhà nào có người chết không có khâm liệm, không có quan quách, chỉ có vài chục người Lạt-ma đứng vây chung quanh người chết tụng kinh giải thoát, người nhà và bạn bè đứng lẫn cả ở bên cạnh ; được ba ngày do vị Đại Lạt-ma dùng nước sạch cọ rửa thây người chết, nói là có thể sạch mình lên thiên đàng. Rồi đo vài ba người thầy tu khiêng đến trong một cái tháp.

Cái tháp ấy chín từng, dựa vào núi và trông xuống nước, có rắn độc quằn quại ở trong sông, thú dữ ẩn rình ở trên núi, một vị cao tăng ở giữ trong tháp, có đàn chim bay đậu ở trên đỉnh tháp, hễ có một cái thây khiêng đến, vị cao tăng ở trong tháp quỳ gối xuống

đón, mang một cái thừng dài buộc cái thây treo lên cái tầng tháp rất cao, mặc cho đàn chim bay đến mà ăn, máu chảy xuống sông, đàn rắn độc xô nhau hút lấy, người nhà thì quỳ lạy ở cách bờ, làm lễ nhắm mắt.

Nhiều người đã đi đến đó, qua bên cạnh tháp thấy xương trắng chất hàng đống, cảnh tượng rất thảm, nhứt là mùi tanh hôi xông ra lại càng khó chịu lắm ; thân tháp lâu năm bị máu dây thấm, ngói gạch đã biến thành sắc tím. Đã có người hỏi bọn giáo đồ Hồi Hồi làm sao lại dùng cái cách "điểu táng" như thế thì họ chỉ mỉm cười mà không nói làm sao.

T.R.

Trung lập, Sài Gòn, s.6295 (12.11.1930)

GIỚI THIỆU VÀ PHÊ BÌNH
THÁNH KINH BÁO

Cơ quan của hội Tin Lành xuất bản tại Hà Nội

Mới rồi, tôi nhận được Thánh Kinh báo số 1 mà chủ nhiệm báo ấy là ông mục sư W.C. Cadman gởi tặng, tôi rất lấy làm mừng rỡ, nên viết bài nầy giới thiệu tập báo ấy cho độc giả của *Phụ nữ tân văn.*

Thánh kinh báo ra một năm 10 số, giá bán đồng niên 1$00, mỗi số bán lẻ 0$15. Số 1 nầy đề tháng Janvier 1931, đây chắc có vì cớ gì đó nên phải xuất bản trước đến ba tháng như vậy.

Hội Tin lành mới có trong nước ta độ hơn 10 năm nay, có lẽ nhiều người còn chưa biết, ta nên cắt nghĩa sơ qua.

Trong sách *Tân Ước* có chữ "*Évangile*", chỉ nghĩa là cái đạo của Jésus-Christ, mà nghĩa đen là cái tin tức tốt lành (*bonne nouvelle*) về sự đắc cứu mà ngài đem rao báo cho loài người. Chữ *Évangile* ấy, dịch ra chữ Tàu là "Phước âm", ra chữ ta là "Tin lành".

Độc giả hãy biết trước rằng đạo Cơ đốc *(Christianisme*) có hai phái lớn : Một phái có từ xưa, kêu bằng "*Catholique*", truyền sang ta đây đã lâu, ta thường kêu là đạo Thiên Chúa. Một phái nữa mới biệt riêng ra hồi thế kỷ XVI, người ta thường kêu là đạo "*Protestant*". Phái nầy mới do giáo hội nước Mỹ truyền sang xứ ta, ta kêu bằng đạo Gia-tô, song chính họ tự đặt tên là "đạo Tin Lành", còn cái giáo hội (*Eglise*) của họ ở đây, tên là "Hội Tin Lành Đông Pháp".

Đây tôi quyết không đặt miệng mà phê bình đến tông giáo và cũng không so sánh hay là khen chê sự hay dở của hai phái ấy đâu. Tôi chỉ muốn cắt nghĩa tại làm sao họ đặt tên tờ báo cơ quan của họ là "Thánh kinh", nên tôi nói rằng : Cái giáo nghĩa của đạo Tin lành không có vẽ vời ra nhiều nghi thức như bên Công giáo (*Catholique*), mà chỉ lấy Kinh Thánh làm gốc, bất cứ việc gì đều căn cứ ở Kinh Thánh và nhận một mình Jésus-Christ làm Thầy, do đó lập cái cơ quan nầy ra để phát huy nghĩa lý trong Kinh Thánh.

Nếu vậy thì tôi giới thiệu tờ báo ấy ở đây làm chi ? Tôi cổ động cho người mình theo đạo Tin Lành hay sao ? Không phải vậy đâu. Về sự tín ngưỡng, ai nấy có quyền tự do ; đây tôi giới thiệu *Thánh Kinh báo* là chuyên về một mặt văn học.

Nhớ dạo trước tôi có viết một bài điền bạch (*article de remplissage*) đăng trong *Trung lập báo*, không ngờ hôm nay có dịp xứng đáng được chuyển lục ra đây. Bài ấy như vầy :

Văn học với Kinh thánh.

Kinh Thánh đây tức là *Bible*, gồm cả *Cựu ước* và *Tân ước*. Người có đạo Cơ-đốc ở xứ ta bất luận Cựu giáo (*Catholique*) hay Tân giáo (*Protestant*) đều dịch ra tiếng ta kêu bằng *Kinh Thánh*.

Có nhiều người An Nam mình, theo cái óc cũ, thấy đạo khác thì không ưa, nói rằng : *Kinh Thánh* là do người có đạo họ tôn trọng kinh của họ mà kêu như vậy ; còn mình, người ngoại, không tội chi mà kêu *Kinh Thánh* như họ.

Ai nói vậy là còn hẹp hòi quá, không hiểu sự học đời nay. Ở bên Tàu và Nhựt Bổn, người không theo đạo cũng kêu bằng *Kinh Thánh* như người có đạo vậy, vì hai chữ ấy đã thành một cái tên riêng (*nom propre*) rồi.

Ở đời nay, bất kỳ nước nào, nếu là một nước văn học đúng đắn thì trong đó cũng có chịu ảnh hưởng của *Kinh Thánh*. Đương thời đây, các nhà văn học đại gia bên Tàu, dầu không phải tín đồ Cơ-đốc đi nữa, trong khi họ làm văn cũng dùng đến chữ trong *Kinh Thánh* luôn

luôn. Như họ dùng chữ "tẩy lễ" là do chữ "*Baptême*" mà ra ; chữ "phước âm", là do chữ "*Evangile*" mà ra. Mà những chữ ấy ngày nay họ dùng đã quen lắm, chẳng khác nào chữ gốc trong ngũ kinh tứ thơ vậy.

Còn nói chi về chữ Pháp, thì muốn nói là gốc bởi *Kinh Thánh* mà ra, cũng không phải quá đáng. Tức như bởi một chữ *Bible* đó mà sanh ra bộn bề chữ có nghĩa về sách vở. Ấy là như : Người làm sách thì kêu bằng *Bibliographe*, sự học về biên chép sách vở thì kêu bằng *Bibliographie* ; người ham mê sách vở thì kêu bằng *Bibliomane* ; cái tánh ham sắm sách thì kêu bằng *Bibliomanie* ; người hay tìm mua sách vở thì kêu bằng *Bibliophile* ; cái nhà chứa sách vở thì kêu bằng *Bibliothèque*. . .

Lại có nhiều câu trong *Kinh Thánh* đã thành ra tục ngữ (*proverbe*) hay là thành ngữ (*expression*) trong tiếng Pháp. Như : "Kẻ tiên tri không được trọng đãi trong quê hương mình" ; "Dưới mặt trời chẳng có sự gì lạ" . . . mấy câu đó đều là ở trong *Kinh Thánh* cả.

Hết thảy những nhà văn học Pháp dầu không theo đạo nữa cũng đều có học qua *Kinh Thánh* hết, bởi vì văn chương ở đó mà ra. Vậy mà thấy kẻ học ở ta đây ít có người biết đến *Kinh Thánh* là gì, thì đáng lấy làm tiếc quá.

Đừng nói mấy ông nhà nho họ cho là dị đoan họ không ngó tới đã đành. Các ông học chữ Pháp giỏi mà cũng ít có ông nào đọc tới *Kinh Thánh* thì cái học ấy cũng gọi được là cái học không gốc.

Có nhiều chữ trong tiếng Pháp – nhiều không xiết kể - nếu chẳng biết đến Kinh thánh thì chỉ hiểu nghĩa cạn cạn mà thôi. Ai đã thông thạo *Kinh Thánh* rồi thì chắc hiểu sâu hơn mà lấy làm khoái lắm.

Văn quốc ngữ ta cũng nên dùng chữ *Kinh Thánh* vào. Làm như vậy thì tiếng mình được dồi dào thêm, chớ có hại gì đâu.[*]

Cái bài của tôi đó tuy ngắn cũng đủ thấy *Kinh Thánh* có quan hệ với văn học ngày nay thế nào. Các chi hội Tin Lành ở xứ ta, đâu đâu cũng có bán đủ *Kinh Thánh* bằng ba thứ chữ Pháp, Hán và

[*] Bài này tác giả ký C.D. đăng trong mục "Này kia, kia nọ", báo *Trung lập* số 6235 (1.9.1930).

quốc ngữ ; ước gì mỗi người có học đều tùy mình biết thứ chữ gì thì mua mà xem. Vì tôi đối với *Kinh Thánh* có lòng sốt sắng như vậy, nên khi thấy *Thánh Kinh báo* thì mừng rỡ mà giới thiệu.

Cái chỗ tôi mừng rỡ hơn nữa, là văn chương của *Thánh kinh báo* còn có phần giúp ích cho văn quốc ngữ ta trong lúc mới lập nền. Bởi vì văn chương của *Thánh Kinh báo* đặt một cách thật rõ, thật gọn mà lại dễ hiểu nữa, rất hiệp với cái lối bình dân văn học. Tôi xin cứ ra đây một vài đoạn trong bài "*Tánh nết*" ở trương 9 –10 của tập báo ấy :

> ". . . Ý tưởng kín nhiệm dầu mình không tỏ, tư dục ngấm ngầm dầu mình không lộ, lời gian dối dầu mình không nói ra miệng, sự phạm thượng dầu mình vẫn chứa trong lòng, nhưng cũng có thể làm hỏng tánh nết, và không sao che tai bịt mắt xã hội được. Tánh nết là sự mầu nhiệm, phải cố sức làm cho hoàn toàn mãi mãi. Tánh tốt quý hơn ngọc, hơn vàng, hơn quyền thế, hơn mão triều thiên. . .
>
> Ở đời, ta phải có mục đích cao xa, nghĩ đến đời đời vô cùng, chớ chẳng phải chỉ lo tính trong tạm thời mà thôi. Không nên để hoàn cảnh uốn nắn tánh nết mình. Ai bị hoàn cảnh sai khiến ấy là người rất nhát, "giống như sóng biển bị gió động mà đưa đi đẩy đi đó" (*Gia-cơ* 1 : 6). Cái giá một người có chí quả quyết chống nổi điều ác, giữ vững điều thiện, thật gấp triệu lần những người yếu chí nhát gan. Ta nên theo gương sáng của Đa-ni-ên quyết chí trong lòng rằng không chịu ô uế bởi đồ ngon vua ăn và rượu vua uống" (*Đa-ni-ên* 1 : 8).
>
> Mỗi người nên kể tánh tốt bằng sự quý nhứt trong đời mình. Cố sức bươn theo mục đích đó, thì đời mình sẽ có giá trị với xã hội và đẹp lòng Chúa... Nếu có mục đích cao xa như thế, dầu không tới được, nhưng lòng mình cũng sẽ hăm hở bươn theo. ông Disraeli có nói : "Một người thiếu niên nếu không ngửa mặt lên trời, ắt sẽ cúi đầu trông xuống ; tâm thần không hướng về trời, chắc sẽ sấp mình mà bò trên đất". Ai sống trong phạm vi cao xa thì cách ăn nết ở sẽ đúng đắn hơn người bậy bạ . . .

Tóm lại, tánh nết là sự cần nhứt trong đời người. Lẽ thật đó, đơn sơ mà cao cả, đẹp đẽ mà oai nghiêm, thật là một bài đạo đức lúc trẻ nên học, khi già phải nhớ.

Xã hội nào định giá tánh nết càng cao bao nhiêu, thì trình độ càng văn minh bấy nhiêu . . . Người nào hoặc nước nào coi khinh tánh nết, thì khó tránh khỏi tiếng bậy bạ, hèn mạt và mọi rợ. Chỗ nào nhơn dân không biết chú trọng tánh nết, thì ở đó đầy dẫy tình dục và tội lỗi. Ai thích hư danh hơn tánh nết, ấy là người hèn..."

Lối văn của *Thánh Kinh báo* bài nào cũng đại khái như vậy. *Cái sở trường ở chỗ dùng lời nói thường mà đạt được ý cao sâu. Câu nào câu nấy rắn rỏi, già giặn, không có cái bịnh quá rườm rà, nhiều lời ít lẽ.* Nếu những người thức giả đọc mấy đoạn trên đây mà không đồng ý, không khen như tôi, thì tôi xin chịu là tôi không có mắt, không có óc !

Thánh Kinh báo lại có một cái giá trị đáng quý nữa là viết chữ đúng. Cả 32 trương chữ đặc mà tôi thấy chỉ sai một chữ thôi, là chữ *trau* mà viết ra *trao*, ở trương 22, cột 2. Lại còn cách chấm câu cũng thật là hẳn hòi, không chỗ chỉ trích được. Đến cách in cũng đáng phục, đa đẹp lại kỹ, đâu ra đó lắm, không có làm tạp nạp bèm nhèm như lối in của phần nhiều báo chí ta. Tôi tưởng ai hay suy nghĩ một chút, thấy tập báo nầy chắc cũng phải sanh lòng hổ thẹn : sao người ngoại quốc lại biết viết tiếng Việt Nam đúng và có phép tắc hơn người bổn quốc ?

Xem tập *Thánh Kinh báo* nầy lại thấy ra cái Mỹ quốc hóa (*Américanisme*) nữa. Người Mỹ vẫn là phú hào mà lại có cái tánh cần kiệm, tiếc từng chút vật liệu cũng như tiếc từng chút thì giờ. Tập báo nầy giấy thật tốt, in thật khéo, mà bài nào bài nấy cũng cứ chẵn trương, không hề chừa một chút giấy dư. Cái đặc tánh ấy thiết tưởng ta cũng nên bắt chước. Song le, có người lại nói rằng : Việc gì mà làm như vậy thì được, chớ in sách mà làm như

vậy, tất phải đẽo gọt từng bài cho tề chỉnh, e có khi làm kém cái tinh thần mỹ thuật đi và cũng có khi làm mất sự linh hoạt của văn học đi.

Trên đó tôi làm xong phần việc giới thiệu *Thánh Kinh báo* cho độc giả người Việt Nam; sau đây tôi có một chút ý kiến muốn đem cống hiến cho tòa soạn *Thánh Kinh báo*.

Trong nước chúng tôi, từ xưa học về đạo lý đều dùng sách bằng chữ Hán cả, bắt đầu từ đây mới có những sách nói về tôn giáo hay triết học bằng quốc ngữ. Sự học trong nước nầy cũng thiếu thốn như mọi đồ mặc thức dùng, chúng tôi bằng lòng nhập cảng hàng ngoại quốc về những món nào mà chúng tôi thiếu. Tuy vậy, chúng tôi chỉ ưa dùng hàng thiệt mà thôi. Nói thế, có ý bóng là khi liệt vị đem *Kinh Thánh* mà giới thiệu cho chúng tôi, phải nói cho thật đúng với *Kinh Thánh*, *Kinh Thánh* nói làm sao thì nói y theo làm vậy, rồi chúng tôi hiểu thế nào tuỳ chúng tôi, chớ người nhập cảng không nên pha trộn một chút gì vào.

Tôi vẫn biết liệt vị biên tập *Thánh Kinh báo* rất là cẩn thận, chẳng phải cậy ở trí khôn mình mà cậy ở Thánh linh soi dẫn cho. Dầu vậy, cũng còn có chỗ làm cho tôi thấy mà hồ nghi, phải chất vấn mới được.

Trương 27, về mục "*Bài học ngày Chúa nhựt*" cột 2, có đoạn như vầy :

> "Thế gian không phải tự nhiên mà có. Nhưng phải nhờ có một quyền phép lớn lắm mà đã dựng nên trời đất, và quyền phép lớn ấy tức là Đức Chúa Trời".

Đó, câu cuối cùng đó phải làm cho tôi hồ nghi. Tôi thấy như *Kinh Thánh* nói quyền phép lớn ấy *ra từ* Đức Chúa Trời, chớ không phải *tức là* Đức Chúa Trời.

Nếu nói quyền phép lớn ấy tức là Đức Chúa Trời, thì thành ra Đức Chúa Trời với quyền phép lớn chỉ có một mà thôi. *Kinh Thánh*

có khi nào nói như vậy ? Theo *Kinh Thánh* thì Đức Chúa Trời có *hình*, cho nên "ngài mới nắn người ta theo như hình của ngài". Chẳng những vậy thôi, Đức Chúa Trời lại *có khi vui, khi buồn, khi nổi ghen, khi phát cơn giận và thạnh nộ* nữa ; thế mà bảo rằng quyền phép lớn tức là ngài, sao được ? Quyền phép dầu lớn cho mấy đi nữa cũng chỉ là một danh từ trừu tượng (*un nom abstrait*) mà thôi, khi nào có sự vui, buồn, ghen, giận được ?

Theo *Kinh Thánh* thì Đức Chúa Trời vẫn có hình tượng, duy người ta không thấy được, chỉ có người đời xưa như ông Áp-ra-ham, ông Môi-se thì đã thấy được ngài. Nếu ngài chỉ là cái quyền phép lớn, chỉ là một danh từ trừu tượng, thì cũng chẳng qua như cái danh từ *đạo* hay *lý*, các ông ấy làm sao thấy được và nhiều khi đã nói chuyện cùng ngài ?

Các Tống nho, tức là các nhà triết học Tàu về hồi thế kỷ XII, XIII, nói rằng : "Thiên tức lý dã" hay là nói : "Thiên giả lý nhi dĩ". Nghĩa là : "Trời tức là lý" ; hay là : "Trời, chỉ là lý mà thôi". Vậy nếu tín đồ đạo Tin Lành mà cũng nói Đức Chúa Trời tức là quyền phép lớn, thì có khác gì ông Trời của Tống nho ? Bởi vì *quyền phép* và *lý* cũng chỉ là cái danh từ trừu tượng !

Một câu đó – riết lại chỉ hai chữ *tức là* – tuy không chi mà quan hệ lắm. Thấy câu ấy có thể hồ nghi cả bộ *Kinh Thánh*, vì gặp những chỗ khác, người ta có thể hỏi rằng : Đức Chúa Trời chỉ là quyền phép, sao lại có hình tượng, có đủ thứ tánh tình như người ta ?

Tôi biện bác cái lẽ nầy cũng như trước kia phê bình sách *Nho giáo* của ông Trần Trọng Kim, mà tôi không chịu cái lẽ vô cực là của Khổng Tử. Tôi nói : nếu từ miệng mình nói ra, muốn nói thế nào thì nói, miễn có lý là được ; nhưng khi thuật lời người đời xưa, thì phải nói y theo lời người đời xưa ; bằng chẳng vậy, nhiều khi sẽ thành ra mình vu cho người đời xưa. Lời của người thường còn

như vậy, huống chi lời *Kinh Thánh* đã được nhìn là lời của Đức Chúa Trời.

Sau hết, tôi xin có lời cảm ơn ông bà Mục sư Cadman đã gởi tặng tập báo nầy cho tôi. Vì tôi làm chung việc dịch *Kinh Thánh* với ông trong 5 năm (1920-1925), biết ông là người yêu lẽ thật, nên thấy trái thì nói, tôi chẳng lấy làm ngại chút nào. Trong bài nầy, nếu có chỗ nào bổ ích cho việc biên tập của ông thì có lẽ là một đoạn cuối cùng đó.

PHAN KHÔI

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn, s.74 (16.10.1930)

GIỚI THIỆU VÀ PHÊ BÌNH SÁCH *TIẾNG PHỔ THÔNG*

Là một thứ sách như tự vị của ông Lê Minh Mẫn ở Hương Điểm, Bến Tre xuất bản

Ông Lê Minh Mẫn mới xuất bản sách kêu là *Tiếng phổ thông* có gởi tặng *Trung lập* một cuốn, và ông có gởi thơ riêng cho tôi, nhờ coi soát lại giùm cho ông.

Sách nầy ông làm như thứ sách tự vị giản lược, chuyên cắt nghĩa về các tiếng mới, hoặc tiếng ta, hoặc chữ Hán mà nhiều người còn chưa hiểu. Trong sách ông lại cố viết chữ quốc ngữ cho thật đúng, phân biệt cả dấu hỏi dấu ngã nữa. Đương thời nầy, cuốn sách nầy ra đời, thật là có ích.Vì nó sẽ giúp người ta viết đúng, lại hiểu nghĩa các chữ mới.

Sách in tại nhà in Bùi Văn Nhẫn, Bến Tre, khuôn khổ nhỏ được non một trăm trương, giá bán 0p30.

Theo lệ thường ở nhà báo, tôi viết mấy lời này giới thiệu cuốn sách ấy cho độc giả của *Trung lập*. Liệt vị các ngài có ai muốn viết đúng quốc ngữ, muốn tra những tiếng mới, thì nên mua mà dùng.

Nhưng giới thiệu như vậy không đủ. Nếu mà thôi thì té ra tôi phụ lòng ông Nguyễn Minh Mẫn, tôi không làm hết bổn phận đối với ông. Vì trong bức thơ ông gởi cho tôi đã nói trên kia có một đoạn rằng :

"Tôi đã có gởi hầu tiên sanh một quyển, nhờ tiên sanh xem kỹ nếu

có chỗ sai lầm xin tiên sanh dạy lại cho ; có thế thì kỳ tái bản sau nầy mới may được có phần vẹn vẻ".

Cái chỗ ông nhờ tôi là *xem kỹ* rồi có chỗ nào sai lầm thì nói cho ông biết. Ông biết để mà sửa lại trong khi tái bản. Ấy, sự ông lấy làm cần là như thế.

Tôi phải xem kỹ. Vì xem kỹ cho nên tôi thấy ra còn nhiều chỗ sai lầm lắm. Song le nếu tôi chỉ hết những chỗ ấy ra thì phải viết dài choán hết nhiều cột báo quá. Vậy tôi chỉ sơ những chỗ đại khái mà thôi.

1. *Trong bổn nầy viết chữ còn sai.* – Như *bác luận*, nghĩa là làm bài luận để bẻ bác, do chữ Hán mà ra, chữ bác có chữ "mã" một bên, là bác, không phải bát.

Xướng suất không phải *xướng xuất.*

Xuân huyên không phải *thung huyên.*

Chuyết kinh không phải *chiết kinh.*

Còn nữa, không kể hết.

2. Có chỗ đáng hiệp mà phân. – Như *bác vật quán* và *bác vật viện* cũng như nhau, nên nhập làm một, mà ông lại chia ra. Ông giải *bác vật quán* là nơi chứa những tài liệu để khảo cứu về các khoa học ; rồi giải *bác vật viện* là nơi chứa đủ các vật tự nhiên để cho công chúng quan lãm. Như vậy thì lạ quá. Chẳng biết căn cứ vào đâu mà chia nghĩa ra như thế. Mà hai chữ ấy ông cũng đều chua chữ Pháp là "musée".

3. Có chỗ đáng phân mà hiệp. – Như *khôi tâm*, nghĩa là nguội lòng, tức như *Truyện Kiều* nói "tắt lửa lòng", có ý không còn ham muốn việc đời nữa ; còn *hàn tâm*, nghĩa là lạnh lòng, là sợ ; hai nghĩa khác nhau xa, vậy mà ông nhập lại, rồi giải rằng : *Sốt ruột, ngã lòng, thối chí*, thì thật là sai quá. Huống chi chữ sốt ruột, tức là nóng ruột, nghĩa nó lại phản đối với chữ *hàn tâm* nữa. Ấy là trong sự sai lầm lại càng sai lầm !

Cái chỗ đáng phân mà hiệp nầy còn bộn bề, tôi chỉ ra một chỗ trên đó cũng đủ.

4. Giải tiếng ta sai. – Có chỗ giải tiếng Tây đúng mà giải tiếng ta sai. Tức như *giải phẫu học*, ông giải là *anatomie*, đúng rồi. Song tiếng ta ông lại giải rằng : Môn học chia xẻ ra từng phần để nghiên cứu. Giải như vậy thì chẳng trúng với nghĩa *Giải phẫu học* và *Anatomie* chút nào hết mà lại thành ra cái học chi chi.

Muốn biết câu ấy đúng hay không, cứ nắm mà dịch y ra tiếng Pháp thì biết. Vậy câu đó chắc ai cũng phải dịch như vầy : "Science divisée en parties pour étudier." Tôi xin hỏi, tiếng Pháp như vậy có nghĩa gì không ? Vậy ít nữa phải sửa lại như vầy : Môn học dạy mổ xẻ thân thể của các sanh vật ra từng phần để nghiên cứu – thì mới thông, phải không ?

Sự lầm nầy còn nhiều lắm. Như chữ động từ, ông biết là verbe rồi mà lại giải rằng : Những chữ có thể chuyển động dùng để nói các sự vật, thì cũng không trôi nghĩa. Vì chữ, không có thể chuyển động được ; vả lại động từ là dùng để chỉ sự hành động (action) của sự vật chớ không phải để nói các sự vật.

5. Giải tiếng Tây sai. – Có chỗ giải tiếng ta đúng mà tiếng tây sai. Như chữ kết cuộc, giải là rốt việc thì cũng được ; đến ông giải tiếng tây là réussir thì không nhằm. Bởi vì réussir là thành công, được việc, mà còn kết cuộc, thì có khi thành khi bại hoặc được hoặc mất, không nhứt định. Tôi tưởng chữ kết cuộc chỉ vừa ngang với các chữ finir, fin trong tiếng Pháp mà thôi.

6. Ta Tây đều sai. – Có mấy chỗ giải tiếng ta tiếng Tây đều sai hết. Như hiến pháp mà giải phép tắc, và règle, loi, thì sai xa quá. Hiến pháp là thứ pháp luật gốc trong một nước để chia quyền hạn của các cơ quan chánh trị, tức là constitution. Chính nó sanh sản ra règle và loi, chớ không phải nó là *règle* và *loi*.

Lại như *quân phiệt* mà giải là một nước lấy quân bị làm tinh thần dựng nước, thì cũng sai nữa. Rồi lại giải tiếng Tây là *militarisme*, cũng sai ; *militarisme* dịch là quân quốc chủ nghĩa tức là nghĩa vừa nói trên đó. Còn quân phiệt là một bọn quan võ cầm binh quyền, chiếm đất đai, cha truyền con nối, như cha con Trương Tác Lâm, Trương Học Lương vậy.

Chữ *quân phiệt* ông lại còn nhập làm một với chữ *quân chế*, cũng là đáng chia mà hiệp. Vì quân chế, nghĩa là chế độ nhà lính, khác nghĩa với quân phiệt, không có thể nào hiệp được.

Thôi, tôi chỉ sơ mấy chỗ cho ông thấy. Tôi phải lặp lại để ông tin rằng tôi xem kỹ lắm rồi. Nhưng có lẽ nào tôi lại chỉ hết ra được. Ấy là tại không có thể được, chớ không phải làm lấy rồi đâu.

Xin ông Nguyễn Minh Mẫn nếu có tái bản cuốn sách đó thì nên rán soát lại từng chữ cho thiệt đúng thì hay.

PHAN KHÔI

Trung lập, Sài Gòn, s.6275 (17.10.1930)

SỰ DỊCH SÁCH Ở NƯỚC TA NGÀY NAY LÀ SỰ RẤT CẦN VÀ RẤT QUAN HỆ

*Đôi lời về bản dịch "**Sự tích phật Thích Ca**"*

Nước ta một vài mươi năm nay, đương muốn lấy chữ quốc ngữ làm chữ riêng của nước, đương muốn xây một nền văn hoá cho tương lai bằng thứ chữ ấy. Sự đó là rất phải, mà cũng rất may, người hữu tâm rất có hy vọng cho tiền đồ nước nhà ở trong đó.

Trong thời kỳ sáng tạo quốc văn nầy, đại khái có ba cái công việc mà chúng ta nên làm. Một là tìm tõi những nguyên tắc của tiếng nói, của cách sắp đặt tiếng nói cho thành văn, hầu sau nầy nhơn đó làm ra sách mẹo bằng tiếng An Nam, cho kẻ học có khuôn phép kiểu mẫu mà noi theo. Hai là dùng tiếng nói mà viết sách ; như vậy, một là để tập cho quốc ngữ được dần dần thành văn, một là để cống hiến mọi sự tri thức cho đồng bào. Ba là dịch sách các nước, hoặc sách xưa, hoặc sách nay để thâu thái các học thuyết của thế giới và cũng làm cho rừng văn của ta được thêm nhiều tài liệu.

Ba điều đó đều quan hệ như nhau, song bài nầy tôi hẵng để riêng hai điều trên ra mà nói nội điều thứ ba là điều dịch sách.

Nói riêng về sự dịch sách, thì tôi tưởng ở nước ta ngày nay, bất luận sách gì, nếu có thể dịch được thì nên dịch hết, vì sách gì bằng tiếng ta cũng chưa có. Bởi vậy chẳng luận các sách về khoa học đời

nay, kinh truyện cùng sử ký của Tàu ngày xưa, ta đều nên dịch ra mà cho đến kinh Phật, kinh Đạo, cũng nên dịch.

Ta nếu không dịch được những sách ấy, thì chính các nhà tông giáo họ dịch ra ta cũng nên tán thành và hoan nghinh.

Bởi vậy, mới rồi tôi có phê bình *Thánh Kinh báo* trong *Phụ nữ tân văn* và cũng giới thiệu cho đồng bào mà nói là một thứ báo nên đọc lắm. Thật, về sự học của nước ta, khác nào như gặp mất mùa đói kém mấy lâu nay, cho nên bất luận là lúa, là khoai, là đậu, ta đều nên kiếm giống mà trồng cho nhiều, cho rõ nhiều.

Kinh của đạo Cơ đốc còn như vậy, huống chi Phật giáo, là một đạo ta đã theo hằng ngàn năm nay, mà bằng tiếng ta chẳng có một thứ kinh thứ sách nào hết, thì há chẳng là sự đáng lạ, đáng lo sao ?

Gần đây có một vài nhà sư hữu tâm, đem kinh Phật dịch ra quốc ngữ, ấy là sự chúng tôi rất lấy làm hoan nghinh lắm. Năm ngoái, sư Thiện Chiếu có ra cuốn sách *Phật học tổng yếu* chính tôi đã phê bình và giới thiệu trong báo *Thần chung* cũng là vì lòng sốt sắng ấy.

Tuy vậy, sự dịch sách là rất cần mà lại là rất quan hệ. Quan hệ cái gì ? Bởi vì, lần nầy là lần đầu tiên ta đem một cái đạo lý nào hay một cái học thuyết nào dịch ra mà cống hiến cho quốc dân, cốt nhứt là phải cho đúng. Bằng sai đi thì sau nầy sẽ mất công chữa lại, và cũng chưa chắc là chữa lại được nữa. Cái sự tôi lấy làm quan hệ là ở đó.

Vì cớ ấy trong lúc phê bình cuốn sách ông Thiện Chiếu tôi lượm lặt những chỗ sai mà chỉ trích ra. Ý tôi là thành thiệt. Đức Phật soi lòng tôi, bên ngoài sự muốn cho đúng với nguyên ý nguyên văn, tôi chẳng có vì một chút tư tâm gì mà chỉ trích cả. Vậy mà nhiều người lấy làm lạ, có kẻ đã hỏi tôi : Sao trong khi ông Thiện Chiếu mới bắt đầu làm một việc có ích, lại theo mà phá ? - Trời đất ôi ! Thật người ta đã chẳng thèm xét đến lòng tôi thì chớ, người ta lại còn không nghĩ đến chơn lý là gì và tương lai là gì !

Rõ thật tôi đã làm một việc xứng đáng mà lại bị mang tiếng là tiểu nhân ! Nhưng, không người nầy thì người khác, rồi cũng có ngày người ta biết cho tôi. Tôi cứ làm. Tôi đã thấy là quan hệ thì tôi phải nói, dầu mang tiếng cũng không từ.

Tôi xin lặp lại rằng : Bất kỳ dịch sách gì, tôi đều muốn dịch cho đúng nguyên văn nguyên ý. Hễ sai với nguyên văn nguyên ý là tôi sẽ đứng một bên tôi nhắc chừng cho.

Mới đây, tôi có nhận được của người bạn gởi cho một tờ in làm mẫu về bộ sách *Sự tích Phật Thích Ca Như Lai*. Tờ in làm mẫu ấy in thật đẹp và có nhiều bức vẽ rất có công phu. Người đứng in là ông Ngô Trung Tín ở Trà Vinh ; người dịch không ký tên thiệt, ký là Huyền Mặc đạo nhơn, ở Sài Gòn. Thấy nói in lần thứ nhứt 3000 bộ, mỗi bộ 3 cuốn ; giá bán 3p00 ; mỗi cuốn 1p00. Đây chừng như sách chưa in, nhưng rao trước cho ai muốn mua thì gởi tiền trước cũng được.

Ông Ngô Trung Tín thì tôi nghe tiếng chớ chưa biết người. Thấy có ông bạn ở Phan Thiết nói với tôi rằng ông Ngô học chữ Hán tinh thông vả lại có tư tưởng mới, thêm nhà sẵn tiền, thế thì sao ông làm việc nầy là việc lớn mà hình như không được thận trọng, tôi rất lấy làm lạ, rất lấy làm tiếc !

Trong tờ mẫu ấy có in một bài trong sách ra, chừng như muốn cho người mua coi kiểu thì phải. In nửa phần chữ Hán, nửa phần quốc ngữ. Nhờ đó mà tôi đem đối chiếu nhau, thấy nhiều chỗ sai lầm quá. Nói "quá" đây, nghĩa là chỉ trong có mấy hàng mà đã sai bộn chỗ, thì nói "quá" cũng không hại.

Như một bài kệ có tám câu mà chỉ dịch trúng có hai câu đầu mà thôi, còn thì dịch khác hết. Khác hết, tức là sai. Cứ theo bản dịch thì nghe cũng có nghĩa chớ không đến nỗi bậy, duy sai với nghĩa của nguyên văn.

Lại còn có chữ bỏ đứt đi, không dịch. Như chữ "Tu-di", tiếng Phạn, tên núi, tức là núi Hymalaya, nghĩa đen là diệu và cao. Trong

bài kệ đó có câu "nhi dữ Tu-di đẳng", nghĩa là "và cùng núi Hymalaya bằng nhau", vậy mà không có trong bản dịch. Còn câu "Bất nghi cung kính ngã", chữ "ngã" ấy là "chư thiên hiện hình" mà tự xưng, bảo thế gian "chớ nên cung kính ta" mà chỉ nên cung kính Phật. Vậy mà lại dịch "Ai không cung kính ngài", thật là sai đi đâu xa lơ xa lắc !

Câu rốt hết, bổn dịch nói : "Nếu ai dám kiêu mạn, tai nạn sẽ tới nơi", thì rõ thật là dịch bậy, đến nỗi làm sai ý Phật, bởi vì Phật không hề hăm doạ ai bao giờ. Nguyên văn có hề nói như vậy đâu, nói rằng : "Nhược nhân khử kiêu m ạ n, thiên sanh chứng nát bàn", nghĩa là : "Nếu người ta bỏ sự kiêu mạn, sẽ sanh ra trên trời, chứng nghiệm cõi nát bàn", thì có chữ gì là chữ tai nạn ?

Tôi viết bài nầy có ý tỏ cho ông Ngô biết rằng việc ông làm đó là việc nên làm, chắc ông tốn tiền cũng lắm, lẽ đáng kiếm người dịch cho đúng thì sách mới có giá trị. Còn như cả bộ sách đều như bài ấy hết thì thà ông đừng in là hơn.

PHAN KHÔI

Trung lập, Sài gòn, s.6292 (7.11.1930)

TRẢ LỜI BA CÂU HỎI CỦA MỘT VỊ ĐỘC GIẢ

Tôi mới tiếp được thơ của một vị độc giả gởi tới hỏi ba điều, mà bảo tôi trả lời trên báo *Phụ nữ* hoặc *Trung lập*. Vì tiện hơn, tôi xin trả lời ở *Trung lập* hôm nay.

Điều thứ nhứt, hỏi : Sao ở mục văn uyển báo *Phụ nữ* thường có nhiều bài thơ Đường luật tạp nạp quá ? Lại có nhiều bài theo điệu vọng cổ hoài lang nghe vụng về quá mà cũng đăng ?

Xin trả lời rằng : Sự đó là một cái hiện tượng không thể tránh được. Số là, vận văn là một lối văn phần nhiều thuộc về tình cảm ! Có cảm xúc điều gì, trong tâm tình của mình uất ức chứa chan, phát ra lời văn xuôi không đủ tả hết được thì mới phát ra lời văn vần. Muốn phát ra bằng văn vần lại trước phải có học thức cho rộng, kinh nghiệm nhơn tình thế cố cho nhiều, nhứt là phải rành nghề ngâm vịnh thì mới hay được

Cái nầy, phần nhiều người đã ít gia công học tập mà lại hình như trong tâm tình cũng chẳng có cảm xúc gì cả, thế mà cứ hay làm vận văn luôn, ngâm vịnh luôn, miễn cho đủ vần đủ chữ thành hình bài thơ là được, như vậy thì tạp nạp vụng về là phải.

Trong xã hội đã có cái "bịnh" ưa làm thơ, lại cũng có luôn cái "bịnh" ưa xem thơ. Nghe nói phần nhiều người đọc báo, hễ mở ra là tìm mục văn uyển trước. Báo nào không có mục ấy thì độc giả không thích đọc. Bởi vậy nhà báo chìu theo ý phần đông mà đăng

thơ ca cho nhiều. Hễ nhiều thì trong đó phải có bài nhảm, tài chi khỏi được ?

Tôi không ở trong toà soạn *Phụ nữ* nên tôi không biết về việc ấy. Song tôi có hỏi ông chủ bút báo ấy, thì ông nói rằng thế là đã lựa lọc sửa sang lắm rồi đó, người ta gởi những bài văn uyển tới nhiều quá, giạc chừng lấy xe mà chở không hết, đó là mười phần chỉ đăng có một thôi.

Tôi xin nói cùng liệt vị độc giả rằng nếu liệt vị muốn có thơ hay mà xem, muốn cho trên báo khỏi có những bài thơ "con cóc", sự ấy đừng trông ở ai hết, mà chỉ trông ở chính mình liệt vị. Có một điều là nên bớt làm thơ đi, bớt ngâm vịnh đi thì được. Bởi vì, cái gì ít thì mới có cái hay ; còn nhiều quá thì chắc phải dở.

Thật là cái đời loạn, nhiều chuyện vô lý quá, sự làm thơ cũng vậy. Cha chết mà làm thơ để khóc cha, thật là chuyện xưa nay chưa hề thấy ! Vô lý như thế mà sao người ta làm được ? Không biết !

Đại phàm thơ ca, theo từ gốc mà nói, là để phổ vào nhạc. Nhạc, theo từ gốc mà nói, là để làm cho vui. Cha chết có phải là sự vui sao mà lại làm thơ ? Làm thơ mà đề là "Khóc cha", thật là sự vô nghĩa.

Nếu nói rằng trong nhạc vẫn có khúc ai bi, thì cũng không được. Vì rằng hễ làm thơ, cho là phổ vào điệu nhạc ai đi nữa, cũng phải trau chuốt từng lời, nặn nọt từng chữ, tôi xin hỏi trong khi khóc đấng thân sanh mình bằng non bằng nước thì làm sao làm được việc ấy ư ? Mình mang giây rơm mũ bạc, tay cầm gậy tre dài, nước mắt lộn nước mũi, rống không ra tiếng mà làm thơ, mà ngâm vịnh, mà lựa từng tiếng trắc tiếng bình(*), mà lo cho khỏi thất niêm xuất vận, thật là chuyện phản thường nghịch lý, từ lúc có lịch sử đến giờ chưa hề thấy !

Vậy mà ở nước Việt Nam ngày nay, trên tờ báo nọ, có bài thơ *Khóc cha*, thì còn bảo ăn làm sao nói làm sao bây giờ !

(*) *tiếng trắc tiếng bình* : tiếng trắc tiếng bằng.

Việc trái lẽ sờ sờ ra như vậy, mà người ta coi là thường, không ai lấy làm lạ chút nào hết. Ấy chỉ vì trong óc không có lấy một chút luận lý học. Vậy có kẻ bảo cho rằng nên chịu khó dùi mài luận lý học để mà xét lại mọi việc mình nói mình làm hầu cho khỏi sống trong chiêm bao, thì lại rủ nhau kẻ trề người nhún, ôi ! hết chỗ mong rồi !

Đến cha chết mà cũng làm thơ, thì bảo sao thơ không nhiều ? bảo sao thơ không dở ? Bây giờ muốn có thơ hay, thì duy có một nước là bớt làm đi. Làm thơ không phải như hút thuốc lá mà hòng ai ai cũng hút được. Nó như hút thuốc phiện, nên để cho người nào họ ghiền thì họ hút. Mà dầu cho chính nhà nghề đi nữa, cũng phải đợi khi nào có cảm có hứng thì làm thơ mới hay ; chớ hễ cựa ra là làm, thì cũng thành đồ bỏ.

Các báo chí ngoài Bắc trong Nam, hầu hết đều có mục văn uyển, mà văn uyển nào cũng vậy đó, chớ nào phải một mình chi *Phụ nữ tân văn* ? Nếu độc giả trách sao tòa soạn không sửa sang thì toà soạn cũng xin chịu trách nhiệm về chỗ đó, chớ kỳ thiệt có sửa thế nào được ? Thứ vận văn, ai có tình cảm nấy, đặt sao nên để vậy, hễ hay thì là hay, người khác nhúng tay vào thì có đớ đôi chút, song thật là vô vị, vì không có cái chơn tình chơn cảnh ở trong đó rồi.

Điều thứ hai, hỏi : Chữ Tàu khi truyền sang xứ ta sao lại đọc sai đi ? Cho đến cùng trong nước Tàu, đồng thị một chữ mà sao Quảng Đông đọc khác, Phước Kiến đọc khác . . . ?

Điều nầy tôi xin chịu là tôi dốt, không biết mà trả lời ; để đợi có ông nào là nhà chuyên môn về âm ngữ học, ông sẽ trả lời cho.

Về sự đó tôi cũng có chú ý đến một đôi điều rất lạ cho tôi nữa. Là làm sao, có chữ, ta nói thì chung với Tàu mà đọc chữ lại khác đi ?

Như chữ "đợi mạo" chính người Tàu, Quảng Đông đọc nó là "Tồi mù", Phước Kiến đọc là "tồi mồi". Còn ta đây, khi nói nôm, kêu cái vật ấy, cũng kêu là "đồi mồi", chỉ sai với họ vần T vần Đ mà thôi, còn cũng giống nhau. Thế sao đến lúc đọc chữ lại đọc là

"đợi mạo" ? Đọc chữ "đợi mạo" rồi cắt nghĩa "đợi mạo" là "đồi mồi", thế có phải là lạ không ?

Như chữ "nha" là răng, là nanh ó, Quảng Đông đọc là "ngà", coi như "nha tiêm" (tăm xỉa răng) họ đọc là "ngà xiểm" thì đủ biết. Vậy họ đọc là "ngà" thì ta đọc là "nha". Sao trong chữ "tượng nha" thì ta lại nói nôm là "ngà voi". Thế thành ra tiếng nôm của ta trở lại trúng với tiếng chữ của họ !

Tôi nói thêm vài điều mà tôi lấy làm lạ đó cho độc giả chú ý đến rồi hoặc giả có ai tìm ra cái sở dĩ không. Còn chính tôi, tôi bí đã lâu rồi.

Điều thứ ba, hỏi : Viết quốc ngữ mà khi gặp những chữ Hán xen vào thì biết tra cứu vào đâu cho trúng được ?

Điều nầy tôi xin nói mau đi, đừng có phô diễn dông dài làm chi. Chính tôi đương làm một bộ *Việt Hán thành ngữ từ điển* trong đó tôi sẽ giải rõ những chữ Hán nào quen dùng, hoặc có thể dùng làm tiếng ta, bất luận chữ cũ chữ mới, đều thâu thái không sót. Bộ sách ấy mất công phu nhiều lắm, có lẽ nội năm 1931 thì xuất bản được. Vậy chỉ có đợi bộ sách ấy ra đời thì cái vấn đề khó khăn ấy sẽ được giải quyết dễ lắm.

PHAN KHÔI

Trung lập, Sài Gòn, s.6289 (4.11.1930)

TRẢ LỜI BÀI ÔNG CHU QUẾ LONG BIỆN LUẬN CÙNG TÔI VỀ VẤN ĐỀ VẬN VĂN ĐÃ ĐĂNG TRONG BÁO *PHỔ THÔNG*

Trước kia tôi có đăng một bài trên tờ *Trung lập* nầy trả lời 3 câu hỏi cho một vị độc giả trong đó câu thứ nhứt, nói về vận văn. Gần đây, báo *Phổ thông* ở Hà Nội có một bài của ông Chu Quế Long phản đối bài ấy của tôi. Thấy bài ông Chu bình luận theo khuôn phép nên toà soạn *Trung lập* đã trích đăng vào số 6320 ra ngày 11 Décembre, nơi trang thứ ba, và hứa rằng sẽ có bài của tôi trả lời cho ông ấy.

Hôm nay, y theo lời hứa, tôi viết mấy lời nầy giãi bày những chỗ ông Chu phản đối tôi mà tôi không đồng ý với ông được. Tuy vậy, tôi phải khai thiệt ra rằng cái cách biện luận của ông Chu như vậy là đúng phép lắm, cho nên tôi rất vui lòng cùng ông biện luận.

Nguyên trong bài tôi trả lời cho một vị độc giả, tôi có ý nói rằng : "Muốn làm văn vần thì trước phải có học thức cho rộng, kinh nghiệm nhân tình thế cố cho nhiều, nhứt là phải rành nghề ngâm vịnh thì mới hay được".

Ông Chu Quế Long bảo tôi nghĩ như vậy là không đúng. Ông không chịu rằng làm văn vần mà lại cần phải có học thức kinh nghiệm và nhứt là cần phải rành nghề. Ông Chu lấy *Kinh Thi* và bài thơ *Đại phong* của Hán Cao tổ ra làm chứng. Ông lại còn nói

rằng, những người học thức kinh nghiệm nhiều có khi lại không làm vận văn được tức như có nhiều nhà triết học không biết làm thi lại đến nỗi đọc thi không biết hay dở. Rút lại, ông cho rằng thi nhân cần phải có thiên tài, nếu không có thiên tài thì dầu có học thức kinh nghiệm đến đâu cũng không làm được thơ hay.

Đoạn nầy ông Chu nói nghe có lẽ lắm, nhưng tôi tưởng ông xét chưa đến cùng. Trừ ra một cầu ông nói thi nhân cần phải có thiên tài thì thật là đúng lắm tôi không cãi được. Ấy là cái điều kiện đã đành đi rồi, cho nên khi tôi luận về sự làm thi tôi không nói đến. Vì nếu buộc phải có thiên tài mới làm thi nhân, thì được mấy người có thiên tài ? Cho nên tôi phải lấy học vấn kinh nghiệm làm điều kiện.

Ông Chu nương và *Kinh Thi* và bài *Đại phong ca* để lập cái thuyết làm thi không cần học. Lời kháng biện ấy chưa đủ đánh đổ cái chủ trương của tôi, vì ông chưa rõ cái lẽ vận văn theo thời đại mà thay đổi, và ông cũng không nhận kỹ nguyên văn của tôi là chỉ chuyên nói về một lối vận văn mà thôi.

Số là, vị độc giả ấy hỏi tôi là hỏi riêng về một lối thi Đường luật, ông xem lại cho kỹ, tôi có nêu ra trong đoạn đầu phân minh, vậy thì trong bài trả lời đó tôi cũng chỉ nói về sự làm thi Đường luật. Dầu trong đó tôi có dùng hai chữ "vận văn", song chẳng qua theo nghĩa hẹp của nó, chỉ riêng về lối thất ngôn Đường luật theo như vị độc giả ấy đã hỏi.

Vận văn cố hữu của Việt Nam ta chỉ có các lối như là lục bát v.v...; còn lối thi Đường luật là của Tàu mà ta bắt chước, chứ không phải vốn của ta. Phàm là thi ca sẵn có của một dân tộc nào có âm điệu tự nhiên, người ta hay kêu là "thiên lại", thì người trong dân tộc ấy dầu không hiểu cũng có thể làm được, thậm chí có thể làm mà đến bậc hay được tức như những câu phong dao truyền tụng của ta, phần nhiều bởi miệng trai cày gái cấy mà ra cùng

những bài *quốc phong* trong *Kinh Thi* mà ông đã nhắm đến đó. Chớ còn như mình đi bắt chước một lối thi ca của dân tộc khác, không phải thứ sẵn có của mình, lại còn thêm cách biệt một tầng là bị thời đại hạn chế nữa, vậy mà bảo rằng không đọc cũng làm được, thì đánh cho chết, tôi cũng không tin.

Vận văn của một dân tộc theo thời đại mà thay đổi như thế nào ? Và lẽ ấy có quan hệ gì với chuyện chúng ta đương bàn ở đây ? Tôi xin lược giải ra ở dưới. Xin ông Chu và độc giả biết cho rằng điều nầy tôi nhận thấy trước khi có cái chủ trương kia chớ không phải bây giờ gặp ông phản đối mới chạy đi kiếm mánh để đỡ đòn.

Nhơn vì văn học sử của Tàu có dấu vết phân minh, đem mà nói tiện lắm, nên tôi dẫn đây. Ngang từ nhà Châu bấy giờ ròng là lối thi tứ ngôn (bốn chữ một câu) ; rồi xuống đến nhà Hán, biến ra ngũ ngôn ; xuống đến nhà Đường, biến ra thất ngôn ; mãi đến nhà Nguyên về sau, ngoài lối thi ấy, lại còn thêm một lối "điền từ" nữa. Như vậy đủ biết rằng vận văn của một dân tộc mà cũng không hề nhứt định giữ theo một thể thức, cứ biến thiên hoài. Do sự biến thiên ấy cho nên mới có sự học. Tôi bảo phải "rành nghề" là do cái lẽ ấy.

Tôi cũng tin như ông rằng : những bài quốc phong trong Kinh Thi có nhiều bài bởi miệng đàn bà con gái hoặc bọn hạ lưu mà ra, nhưng mà hay lắm, từ nhà Hán về sau, có nhiều tay thi nhân cố học làm theo thể thức tứ ngôn ấy mà không hay bằng. Ấy là bởi tại thời đại nó hạn chế, người ở đời nào theo cái âm điệu riêng của đời ấy, – cũng như dân tộc nào theo cái âm điệu riêng của dân tộc ấy, – mà làm ra thi, thì có dễ hơn là người ở thời đại sau mà muốn làm theo lối thi của thời đại xưa. Cũng vậy, như ở Nam kỳ đây bây giờ người ta làm một bài theo điệu "vọng cổ hoài lang" thì chắc là dễ và hay hơn là làm một bài "lục bát" là cái thể vận văn từ đời ông Đồ Chiểu về trước.

Vì sự biến thiên theo thời đợi cho nên người đời Hán làm thi ngũ ngôn chắc là dễ và hay hơn tứ ngôn, người đời Đường làm thất ngôn chắc là dễ và hay hơn làm ngũ ngôn. Người ở thời đợi nào làm vận văn theo thời đợi của mình thì học giả không cần học ; song hễ bắt chước theo đời xưa thì thế nào cũng nhờ có học mà học cũng vị tất đã hay nữa kia. Huống chi người Việt Nam ta đã bắt chước theo âm điệu của dân tộc Tàu lại còn bắt chước theo âm điệu hồi nhà Đường cách đây hơn ngàn năm nữa, bị cả hai cái, không gian và thời gian hạn chế, thì thế nào cũng phải học mới làm được.

Tôi xin hỏi ông Chu Quế Long : Một người An Nam dốt đặc, có thể đặt ra một câu hát trên sáu dưới tám, hoặc giả lại còn đặt hay nữa ; song có người An Nam nào cũng dốt đặt như vậy mà đặt được một câu thơ mỗi bên bảy chữ đối nhau không ? Nếu nói chuyện với nhau cho thiệt tình, đừng có cượng từ đoạt lý, thì ông Chu phải trả lời cho tôi rằng : "Không". Tôi bèn nắm đó mà nói quyết với ông Chu lần nữa rằng : "Muốn làm thi Đường luật thì phải học". Ấy chẳng những là cái điều kiện tất yếu mà cũng là cái điều kiện sung mãn, trái với lời ông đã nói.

Tôi bảo phải rành nghề ngâm vịnh, nghĩa là phải học phương pháp làm thi, vì trong đó có nhiều cái bí quyết cần nên biết. Tôi lại bảo phải có học vấn, duyệt lịch nhân tình thế cố cho nhiều, thì thi mới hay ; cái đó theo ý tôi, quả là như vậy. Vì lối thi mà ta hay làm đó xưa nay hầu như đã bị bọn thi nhân họ choán hết cả rồi, cái cảnh nào cũng như là họ đã phô diễn hết, vậy ta cần phải học vấn duyệt lịch cho nhiều ngõ hầu tìm ra được những cái mới, nói những lời họ chưa hề nói, thì mới hay được, mới gọi là thi nhân được.

Nói cho thật thì chẳng những làm thi Đường luật cần phải học mà thôi, làm thứ vận văn nào cũng cần phải học hết, không học mà cũng làm được cũng làm hay được như lời ông Chu Quế Long đó,

như nhà thầy Lưu Bang (Hán Cao tổ) mà làm nổi bài *Đại phong ca* đó, là sự tình cờ, sự thuộc về số ít, không nên đem ra mà làm chứng để trưởng(*) cái dốt cho những ông hay làm thơ. Huống chi bài *Đại phong ca* chưa chắc là của Cao tổ làm ra, cũng như bài văn tế tướng sĩ chưa chắc là của ông Nguyễn Văn Thành.

Tôi nói xã hội ta có cái bịnh ưa xem thơ, ông Chu theo đó mà đề chừng rằng ý tôi cho sự xem thơ là không nên. Nào có phải. Tôi nói "bịnh" đây tức cũng như trong chữ Hán kêu là "tích" nghĩa là cái thói quen làm cho người ta sa mê vậy thôi, chớ tôi không có tỏ ý là nên hay không nên. Kế đó tôi nói : nhà báo phải chìu theo ý phần đông mà đăng thơ ca cho nhiều. Chữ "phải" đó tôi có ý cắt nghĩa cho vị độc giả kia hiểu rằng vì cái bịnh của xã hội đó buộc nhà báo phải làm như vậy, chớ tôi không hề khuyên nhà báo phải làm như vậy. Thế mà ông Chu lại trách tôi rằng nếu vậy thì ra bắt nhà ngôn luận phải theo cái xu hướng của xã hội, bất kỳ phải quấy, sao gọi là nhà ngôn luận chánh đáng được ? Thật quả chỗ nầy ông hiểu sai ý tôi, tôi dùng chữ "phải" như là "indicatif" mà ông lại hiểu ra là "impératif"(**) cho nên ông trách tôi là đáng !

Tôi nói đó là vì thấy cái hiên tình trong báo giới làm sao thì nói ra làm vậy, mà trong đó có ngụ cái ý than tiếc nữa. Phải chi tôi có quyền chủ trương một tờ báo như họ, thì tôi không làm chi họ, ấy là cái ý kiến của tôi.

Đến như trong vận văn mà có cái đề "khóc cha" thì dầu cho ông biện hộ thế nào cái đề ấy cũng không có thể thành lập được. Cái đề đã không đứng được thì bài thơ thành ra bài bỏ, không luận được là hay, hay là dở nữa.

Tôi viện ra hai lẽ : cha chết không phải sự vui đâu mà làm thơ và lúc cha chết tâm thần người con bối rối không thể làm thơ được,

---

(*) *trưởng* : chưa rõ nghĩa ; phải chăng là *trương* (bày ra, phô ra) hoặc *chường* (trình ra) ?

(**) (mode) indicatif : thức trình bày ; (mode) impératif : thức mệnh lệnh.

để đánh đổ cái đề "khóc cha" đi ; ông cho là đều không đúng cả. Ông nói : Thơ cũng có thơ vui thơ buồn và làm thơ cũng không cần nặn nọt từng chữ.

Sự làm thơ không cần nặn nọt từng chữ, xuất khẩu thành chương ấy là về số ít, còn thì cổ nhân đã thú thật rằng : "ngâm nên câu năm chữ, bứt đứt một chòm râu" kia mà. Ông không nên đem số ít mà khái luận (généraliser) cả số nhiều. Tuy vậy, cái cớ nầy không quan trọng mấy ; cái đề "khóc cha" không thành lập được là ở cái cớ kia.

Buồn có năm bảy thế buồn, đau thương có năm bảy thế đau thương. Vợ chết có sự đau thương khác ; con chết có sự đau thương khác ; mẹ chết có sự đau thương khác ; đến cha chết, có sự đau thương khác nữa. Ông nói làm thơ khóc vợ khóc con được, tức là khóc cha được, chỗ đó tôi xin ông xét lại.

Theo luân lý (morale) ta xưa nay mà cho luân lý nào cũng vậy, cái tình con đối với cha dường như không có thể đem mà nói ra được. Người ta ít hay phô trương ca tụng công ơn của cha cũng như ít hay phô trương ca tụng sự lớn lao của Trời. Xưa có một người làm bài thơ "vịnh trời" mà để lại một trò cười trong làng văn mãi mãi thì bài thơ "khóc cha" đây cũng vậy.

Nếu cha chết mà làm thơ khóc cha thì trong đó phải kể công ơn của cha đối với mình, phải kể lòng yêu mến đau xót của mình đối với cha, nghe ra nó lố lăng lắm. Trong tiếng Pháp có chữ "ridicule" chính dùng để chỉ những sự lố lăng như vậy. Ông Chu cùng độc giả nghĩ lại mà coi, nếu mình đã nhìn công ơn của cha là lớn hơn hết và sự đau thương của mình là vô hạn thì không nên hình dung ra ; phàm cái gì đã hình dung ra được thì trở thành ra cái tầm thường. Cái đề thơ "khóc cha" không thành lập được, là chính bởi chỗ đó.

Cái tâm lý ấy có chung hết thảy trong các dân tộc nào mà có văn

hóa, vì vậy mà trên lịch sử tôi thấy chưa hề có ai làm thơ khóc cha. Nay có một người làm thơ khóc cha, tức là trái với cái tâm lý ấy, nên tôi cho là phản thường.

Ông Chu nói : trên lịch sử văn chương các nước, những bài thơ khóc con, khóc vợ, khóc bạn, khóc tổ quốc, khóc thời thế, có được, thì khóc cha sao lại không có được ? Tôi xin ông Chu xét lại câu ông nói đó thì đủ hiểu. Sao ông kể trên lịch sử văn chương các nước có những bài thơ khóc ấy cả đống mà không có bài nào khóc cha ? Trên lịch sử văn chương không có thơ khóc cha, thế thì đủ biết rằng khóc con khóc vợ, thì làm thơ được, thi nhân nào cũng đều có cha, thì thi nhân nào cũng đều có cái tâm lý như đã nói trên kia.

Ông Chu kể như vậy rồi lại nói rằng : "Tôi cũng công nhận rằng các bài thơ khóc cha ít hơn những bà khóc con khóc bạn", v.v. Ấy là câu ông nói túng. Thật tôi chưa hề thấy thơ khóc cha lấy một bài nào gọi là có, chớ đừng nói ít.

Ông Chu lại viện lẽ sau khi cha chết một đôi năm mới làm thơ khóc, rồi đề là "khóc cha" cũng được, chớ không luận là hồi mới chết. Song nếu vậy thì phải đặt cái đề khác. Trong *Kinh Thi* có những bài như *Lục nga* là làm khi cha mẹ chết đã lâu rồi. Tôi lại thấy một bậc tiền bối xứ ta đến ngày tiểu tường mẹ – không phải cha, – có bài khấp thuật, chớ từ nhỏ đến lớn đọc thơ đã nhiều, mà chưa hề thấy có cái đề "khóc phụ" hay là "khóc mẫu".

Biên giả lại cử hai câu thơ của Alfred de Musset để binh vực cho cái thuyết mình. Nhưng không ăn thua gì đâu. Trên kia đã nói sự đau thương có năm bảy thế, không nên kể sự đau thương (douleur) vì cha chết cũng như sự đau thương khác. Đã đành rằng "Rien ne nous rend si grand qu'une grande douleur" nhưng xưa nay chưa hề nghe ai vì cái "douleur" cha chết mà trở nên một bậc đại thi hào bao giờ !

Tôi nói cái người đặt bài thơ "khóc cha" và những người thấy bài thơ ấy mà không lấy làm lạ như ông, là do trong óc không có một chút luận lý học (logique) chớ tôi không nói luân lý học (morale). Hễ trong óc có ít nhiều luận lý học (logique) thì thấy sự gì ngược khắc biết liền còn không có thì coi cái gì nó cũng như cái nấy. Ấy là sự hại lắm. Người Việt Nam ta hay bị phỉnh, là tại không có luận lý học, không biết phán đoán. Tôi lâu nay sở dĩ đề xướng cái học ấy lên là vì lẽ đó.

Ông Chu chắc là người hiếu học, xin ông nghiên cứu luận lý học đi, ắt ông sẽ có sự tấn ích lạ thường. Xin ông đừng như nhiều kẻ khác, vội cười tôi và lấy tôi làm "quái lạ".

Đương khi cha chết mà làm thơ khóc cha, – là hai sự trái ngược không dung nhau, luận lý học không cho phép như vậy ; chớ chính trong sách luận lý học không hề dạy rằng con không được làm thơ khóc cha như ông đã hỏi vặn, có ý mỉ[*] tôi.

Đã vậy tôi lại đem luận lý học ra nói với ông trong việc nầy, bởi vì tôi cho luận lý học có thể đem ứng dụng trong mọi sự.

Theo luận lý học, khi ông thấy bài trả lời nầy của tôi, nếu ông phục tình thì thôi, bằng ông còn chưa chịu thì duy có kiếm ra lấy ít nhiều bài thơ khóc cha, bất kỳ của tác giả ở nước nào, đem ra làm chứng phân minh, rồi ông nói với tôi rằng : "Đây nầy ! có vô số thơ khóc cha người ta đã làm đây nầy, Phan Khôi đừng nói bậy !" Vậy thì thôi, tôi xin bái phục, không còn chỗ cãi nữa.

PHAN KHÔI

Trung lập, Sài Gòn, s.6322 (13.12.1930) ;
s.6329 (22.12.1930)

---

[*] *mỉ* : có lẽ như *mỉa* chăng (?).

TRẢ LỜI ÔNG CHU QUẾ LONG LẦN CHÓT

I

Nhắc lại trước kia tôi có viết một bài trong *Trung lập* trả lời cho một vị độc giả hỏi về vận văn. Sau đó thấy báo *Phổ thông* ở Hà Nội có đăng mấy bài phản đối, người viết ký tên là Chu Quế Long. Thấy bài phản đối ấy viết rành rẽ và hiệp phép biện luận nên tôi có trả lời hai bài ở tờ báo nầy vào tháng Décembre 1930.

Trong bài trả lời của tôi nói phân minh lắm, tôi tưởng như thế là đủ tỏ ra sự xác tín (conviction) của tôi và sự xác tín ấy là hữu lý, bên phản đối không cần phải cải lại. Vì bên phản đối cải lại, đừng nói vô lý làm chi, dầu hữu lý như tôi, thì lại cũng thành ra một cuộc tranh biện không bao giờ rồi, có làm chi ? Chi bằng để tôi nói trắng bên ấy nói đen, treo một cái huyền án chưa giải quyết như những cái thuyết trong triết học phản nhau đại khái như duy vật và duy tâm cũng được !

Chẳng ngờ ông Chu Quế Long lại biện bác lần nữa. Lần nầy ông viết gấp hai gấp ba lần trước, đăng trên tờ *Phổ thông* đến 5 – 6 số chi đó (từ số 167 đến số 172, vậy là 6 số, song tôi mất đi một số 171, không biết trong số ấy có bài của ông Chu không, nên tôi nói phân hai như vậy. Mất mà không thể biết được, là tại cách đăng bài của báo *Phổ thông* không được rành ; những bài tiếp theo chỉ ghi hai chữ "tiếp theo" mà thôi chớ không đánh số riêng từng bài, nên nếu mất một số thì không thể biết được).

Nhưng bài trả lời lần nầy của ông Chu tuy là dài mà không có lý sự chi cho lắm ; vả lại những cái lẽ ông dùng mà bẻ tôi lại rất mong manh. Cho nên tôi phải nói thiệt với ông rằng lần nầy tôi trả lời không được dõng dược như lần trước. Tôi lại còn xin thưa trước rằng tôi chỉ đáp biện lần nầy nữa mà thôi, dầu sau nầy ông có viết nữa, cũng cho phép tôi không viết lại. Tôi định như vậy, chẳng phải có ý chi, chỉ vì một điều mà tôi đã có xác tín rồi thì dầu nói bao nhiêu lần cũng vậy đó, nói nhiều vô ích.

Lẽ ra thì *Trung lập* nên đăng những bài của ông như lần trước rồi sẽ đăng bài đáp biện nầy của tôi tiếp theo, vì có đủ lý sự hai bên thì độc giả mới tiện việc so sánh cho biết phải trái. Song lần nầy chúng tôi không đăng là vì có hai cớ.

Một là vì bài của ông Chu dài quá, đăng thì choán hết nhiều giấy lắm, không tiện, mà còn gón bớt lại thì e tác giả không bằng lòng.

Hai là vì trước kia hai bài của tôi trả lời cho ông Chu báo *Phổ thông* cũng không đăng thì lẽ nào hôm nay chúng tôi lại đăng bài ông Chu vào *Trung lập* ?

Những báo đăng những bài luận chiến (polémique) mà đăng cách như vậy, thật không đúng lẽ công bình. Cũng như mấy tháng trước báo *Trung Bắc tân văn* đăng những bài ông Trần Trọng Kim biện luận cùng tôi mà không đăng bài của tôi, thì thật là vô lý. Nói vậy không phải tôi cần chi *Trung Bắc* đăng bài của tôi vào báo ấy, song lời biện luận hai bên mà chỉ đăng của một bên thế thì có ích gì cho độc giả đâu ? Làm như vậy như là có ý đi hùa với ông Trần Trọng Kim đem cái thuyết của ông ta mà nhồi sọ độc giả đó thôi. Theo lẽ công bình, đã đăng thì đăng cả hai bên, không đăng thì không đăng cả, chớ còn làm như vậy kém mất cái tánh cách độc lập của một nhà báo. Tôi không phục.

Thôi xin nói vào đề.

Trong bài ông Chu có chỉ ra những chữ tôi dùng không được sát nghĩa hoặc sai nghĩa, như "bịnh" và chữ "điều kiện sung mãn".

Thật tôi nhừ nhận(*) một đôi khi tôi có dùng sai như vậy ở trong các bài khác nữa cũng có. Ấy là bởi tôi viết hơi nhiều, lắm khi không còn sức nữa mà cũng phải viết ; trong khi đó có chữ không vừa ý mà nghĩ hoài không ra chữ gì để thay thì cũng dùng tạm đi ; khác nào nhà nước đương lúc nhu nhân(**), sai đỡ ông kia ra tổng đốc, không ngờ chính ông ấy vừa tựu lý(***) một cái là đã làm cho nhà nước mang tiếng !

Chữ "điều kiện sung mãn" là chữ trong bài ông Chu chớ không phải của tôi. Khi tôi viết bài trả lời cho ông giá không dùng chữ ấy cũng không hại, song vì ham cái văn thể được mạnh mẽ, khi bác lời của ông mà lôi được nguyên văn của ông vào để vặn ngược lại thì khoái lắm, cho nên lửng đi mà có sự sai lầm.

Đến như tôi nói "người mình có cái bịnh ưa ngâm thơ", thì chữ "bịnh" ấy chẳng có lỗi gì. Theo bài trước, cắt nghĩa chữ "bịnh" đó cũng như thói quen chớ không có ý là "nên" hay "không nên". Ấy là cứ theo văn lý đó mà nói. Song nếu muốn cho sự ưa ngâm thơ là cái bịnh thiệt, thì cũng là đúng nữa. Bởi vì ngâm thơ vốn không phải là cái bịnh, nhưng thơ dở mà hay ngâm thì kêu là cái bịnh cũng phải, và cũng đáng cho là sự không nên nữa. Sách *Dinh hoàn chí lược* của Tàu xuất bản trước đây sáu bảy mươi năm, về nước ta cũng có nói rằng "Kỳ sĩ phu đa háo ngâm vịnh, tuy liệt bất thành cú, diệc háo vi chi !". Hay làm thơ mà bị người ta chê cười như vậy đó, há chẳng đáng cho là cái bịnh hay sao ? Há chẳng đáng chừa đi hay sao ?

Đây sắp xuống, tôi chỉ duy trì mấy cái thuyết tôi đã chủ trương mà thôi.

Tôi nói : Vận văn phải học mới làm hay được. Ông cãi rằng vận

(*) *nhừ nhận* : phải chăng là "nhìn nhận" (như "thừa nhận"), báo in lầm ?
(**) *nhu nhân* (chữ "nhu" trong "nhu cầu") : cần người.
(***) *tựu lý* : đến chỗ làm quan nhận chức vụ.

văn không học cũng làm hay được ; và ông lấy phong dao của ta và *Kinh Thi* của Tàu ra làm chứng. Trong bài trả lời của tôi, tôi truy nguyên từ đầu, nói vị độc giả hỏi tôi đó là hỏi về thi Đường luật, cho nên tôi nói "vận văn" đó là chỉ riêng về thi Đường luật. Ấy là tôi theo sự thiệt nhắc lại mà nghe chớ không phải kiếm đường trớ vỉa(*) chi. Kế đó tôi vẫn giữ y cái thuyết hồi đầu mà nói rằng : "Nói cho thật thì chẳng những làm thi Đường luật cần phải học mà thôi, làm thứ vận văn nào cũng cần phải học hết. Không học mà làm được là sự tình cờ, sự thuộc về số ít, không đem mà khái luận cả được".

Thế mà ông Chu cũng vẫn không chịu. Không chịu mặc ông, chớ tôi vẫn tin lời của tôi, vì tôi đem cái thuyết ấy nghiệm ra sự thiệt thì đúng lắm. Nói như ông Chu thì sao hiện thời đây bọn vô học không ai làm ra được bài thơ bài ca nào truyền tụng, – có thì cũng lại là sự tình cờ, sự thuộc về số ít, – mà ở Bắc kỳ gần nay, Trần Tuấn Khải và Nguyễn Khắc Hiếu được nổi tiếng về vận văn ? Nội một lẽ đó đủ làm lời kết luận rất vững cho cái thuyết của tôi rằng : Làm vận văn cần phải học, có thiên tài mà không học, cũng thành ra đồ bỏ.

Chẳng phải nói khoe, tôi cũng là một tay vận văn chẳng chịu kém người đương thời, tôi sống trong đó một khoảng thời gian mười mấy năm, tôi nói với ông là lấy sự kinh nghiệm ra mà nói. Năm sáu năm nay tôi có ý bỏ hẳn vận văn đi, là vì thấy mà chán quá ; hiện nay tôi muốn nhờ sự học vấn lịch duyệt ít lâu rồi trở vào mà mở ra một con đường khác ; chưa biết cái chí nguyện ấy có thành được không ? Cái chủ trương của tôi như thế, thì thật không có thể nào phục được lời ông Chu vậy.

(*) *trớ vỉa* : chưa thật rõ nghĩa, có lẽ ý nói tránh đi, làm chệch đi ("trớ" : tránh, lảng / theo *Từ điển phương ngữ Nam Bộ*, sđd./ ; "vỉa" trong "cọ vỉa" : dựa kề, đá động, ở gần / theo H.T.Paulus Của, sđd.).

Đến cái đề thơ "khóc cha" tôi bảo là không đứng được, trước sau tôi có viện ra nhiều cớ. Vì từ đầu hết tôi nói rằng : Sự cha chết làm thơ mà khóc là sự phản thường xưa nay chưa hề thấy. Mấy lời ấy ông Chu không chịu. Khi trả lời bài ông, tôi mới buộc ông một điều nơi đoạn kết luận mà xin ông cử trong lịch sử văn chương cho tôi được ít nhiều bài thơ "khóc cha". Nếu ông tìm được thì tôi không cãi nữa.

Nhưng hôm nay quả ông Chu không tìm ra được thứ thi từ trái ngược ấy. Ông tìm ra cho tôi được mấy bài "*À mon père*" là thơ sau khi cha chết đã lâu rồi mới làm, không tiêu đề là "khóc cha" được. Những bài ấy sao mà biết được làm ra sau khi cha chết đã lâu ? Vì xem lời lẽ trong bài thì biết được ; huống chi xem cái đề "*À mon père*" thì cũng đã rõ ràng lắm.

Sau khi cha chết đã lâu rồi thì cái lòng ai bi của mình làm con có phai lạt bớt đi, bấy giờ nhớ đến tình cha con, có thể dùng vận văn mà tỏ tình ra được. Điều đó, trong bài trước tôi vẫn chịu là có thể, tôi đã cử ra những bài như bài *Lục nga* trong *Kinh Thi*. Song le, nếu đã vậy, nghĩa là bài thơ làm ra sau khi cha chết đã lâu rồi, thì sao gọi được là "khóc cha" ?

"Khóc cha", nghĩa là đương lúc cha chết mà người làm thơ để khóc, như vậy mới tiêu đề là "Khóc cha" được. Chớ còn cái nầy, cha chết đã lâu mới làm thơ tỏ tình tư mộ cha, thì có gọi được là "khóc cha" đâu. Vì chữ "khóc" ăn với sự chết, trong lúc chết mới có "khóc", chết đã lâu rồi thì còn khóc gì nữa ? Vậy mà ông Chu nhận cho những bài "*À mon père*" ấy là thơ "khóc cha", như vậy chẳng qua là ông nhận liều.

Chẳng những thế thôi, ông còn nhận liều chỗ khác nữa, là những thơ ca tụng Đức Chúa Trời ca tụng Thượng Đế mà ông nhận cho là thơ "vịnh trời".

Nguyên tôi nói : "Người ta ít hay phô trương ca tụng công ơn

của cha cũng như ít hay phô trương ca tụng sự lớn lao của trời". Chữ "trời" ấy đáng lẽ không viết hoa, song nhà in đã in lầm chữ hoa. Tuy vậy, dưới đó có chữ "vịnh trời" thì chữ "trời" vẫn không hoa. Vậy thì "trời" đó là *ciel* chớ không phải là *Dieu* ; nếu *Dieu* thì phải nói là Thượng Đế, là Đức Chúa Trời hay là ông Trời. Vậy mà ông Chu đã xách ra những thơ ca tụng Thượng Đế, thậm chí xách đến trong *Kinh Thánh* ra để hỏi ngặt tôi, thì thật là vô vị quá ! Cái bài của ông mà được dài đến mười mấy cột báo, đại khái là nhờ nhiều những cái vô vị ấy.

Những bài thơ sau khi cha chết mới làm thì tôi vẫn cho là đứng được, song tôi nói phải lập cái đề khác kia, chớ không để được cái đề là "khóc cha". Tôi nói phân minh như thế, mà ông còn vịn lấy đó, cáo rằng tôi trước phản đối cái đề khóc cha, sau cũng thuận nhận sự khóc cha, như thế có phải là ông suất lược quá không ? Tôi nói ông suất lược(*), chớ không nói ông hồ đồ.

Ông vịn lấy cớ ấy rồi lại nói tôi lập luận trước sau tương phản bỏ rớt mất luận lý học thì thật là kỳ quá, như tuồng hai người nói với nhau giữa thinh không, chẳng có ai làm chứng hết, giấy trắng mực đen ông cũng không kể.

Tông chi, cho đến bây giờ tôi cũng còn cho cái đề thơ "khóc cha" là không thành lập được, vì những cớ tôi đã nói trước rồi mà thứ nhứt là vì từ xưa đến nay chưa hề có ai làm thứ thơ ấy nên tôi gọi là phản thường. Nếu trong lịch sử văn chương quả có một bài thơ khóc cha, – nghĩa là trong khi cha chết làm thơ mà khóc – thì tôi mới chịu nhìn lời ông Chu là có thể tin được. Ngặt vì những bài ông dẫn ra đó là thơ làm sau khi cha chết, cũng như bài *Lục nga* nên tôi vẫn còn cho cái thuyết của tôi là phải.

(*) *suất lược* : sơ sài qua loa (theo Đào Duy Anh, sđd.).

Nói đến luận lý học, ông Chu bảo rằng hiện nay người ta chỉ học về phần "phương pháp" của nó mà thôi, còn không học về phần "hình thức". Sự đó quả thật như vậy. Duy có ở nước Tàu, từ trung đẳng học hiệu trở lên là học kiêm luôn hai phía.

Muốn nói là vô dụng thì phần hình thức của luận lý học cũng gần như vô dụng thật. Song le theo tôi thì những người nếu tự phụ là nhà học giả, muốn trứ thuật để đời, muốn lập ngôn để mà phù dực cho chơn lý thì không những về phương pháp mà về hình thức cũng phải học luôn.

Đây rồi có dịp tôi sẽ nói nhiều về vấn đề nầy. Chỗ nầy tôi xin nói lược qua mà thôi. Học thuật mà thạnh hay suy là do ở luận lý học thạnh hay suy. Ở bên Tàu đời Chiến Quốc cũng có cái học ấy kêu là "danh học". Hồi đó danh học bên Tàu thạnh lắm, mỗi một học phái đều lấy danh học làm trụ cốt cho cái học thuyết của mình, cho nên phái nào cũng đứng vững được, mà trong học thuật sử nước Tàu hai ngàn năm nay phải nhìn cho hồi đó là thạnh hơn hết.

Chẳng biết vì sao từ đó rồi danh học càng ngày càng lu lờ đi, về sau không ai phát huy nữa cho tới bây giờ thành ra sự học ở nước Tàu trở không kịp đời xưa. Ngày nay họ biết rõ đến cái nguồn gốc ấy, cho nên họ trở lại sùng thượng luận lý học hơn các nước. Ấy cũng là cái phương thuốc cứu thời mà thôi vậy.

Người nước mình xưa nay lại gần như không có cái học chi hết, ít có ai tiềm tâm mà nghiên cứu nghĩa lý như người các nước hay người Tàu. Bắt đầu từ đây, thấy nhiều người có cái khuynh hướng về sự học nghĩa lý, tôi tưởng không gì tốt bằng đem luận lý học ra làm căn cơ. Ấy, cái bổn ý của tôi là thế.

Vả lại người mình lại hay thiên trọng về cảm tình, tôi thấy nhiều việc đáng lấy lý mà nói nhưng người ta cũng cứ tình mà thôi. Ở đời nay như vậy là không tiện. Lại còn người mình lại kém cái óc phán đoán (esprit de critique), theo thời đợi nầy cũng là một

điều không hay. Vì những hiện trạng ấy, tôi mong rằng đề xướng luận lý học lên thì có nhiều phần bổ ích.

Thật ra thì tôi không bảo luận lý học giải quyết được mọi vấn đề. Nhưng tôi tưởng nên làm cho nó ngầm ngấm trong óc mọi người như ở giữa xã hội Âu châu, thì hay lắm.

Còn như ông, nếu ông nghiên cứu luôn phần hình thức luận lý học nữa thì càng ích lợi cho ông, chớ vô dụng là lẽ gì ? Nếu ông hiểu nhiều về phần hình thức thì chắc là trong bài của ông biện luận cùng tôi lần thứ hai đó đã bớt đi được nhiều chỗ tỳ lụy. Như chỗ ông bảo tôi không biết tâm lý học, và những chỗ khác mà tôi không kể ra đây làm chi, đều là phạm cấm kia của hình thức luận lý học cả. Có điều đã không thích, thì thôi nói làm chi ![*]

PHAN KHÔI

Trung lập, Sài Gòn, s.6382 (4.3.1931);
s.6383 (5.3.1931)

[*] Lưu ý : bài Phan Khôi viết và đăng báo năm 1931, tôi đưa vào sưu tập này như một ngoại lệ, vì gắn với một việc thảo luận từ 1930 (LNA).

TIN NHÀN QUA LẠI...

KHÔNG BIẾT THÌ HỎI

Kính cùng liệt vị độc giả của *Trung lập* ở Lục tỉnh.

Vì tôi có một điều cần muốn biết, nên viết ra đây nhờ các ngài ai có biết thì làm ơn bảo tôi.

Có một người Nhựt Bổn, là nhà khảo cứu, viết thơ hỏi tôi điều sau nầy :

Số là trước đây vài ba trăm năm, người Nhựt Bổn đã có qua trú ngụ ở đất nầy. Cứ theo lời họ nói thì bây giờ còn có dấu vết người Nhựt tại Mỹ Tho.

Vả lại tra trong sách *Gia Định thông chí* và sách *Đại Nam nhứt thống chí* của ta thì đều có chép như vầy :

"Cửa biển lớn (hay là cửa Đại) ở về phía nam trấn Định Tường 87 dặm, cửa hẹp mà cong quẹo, tàu bè ít ra vào được. Phía tây cửa ấy có chỗ gọi là "*Doi Nhựt Bổn*"[1]. Trên doi đó có lính đóng đồn canh giữ. Phía trước doi có bồi một bãi cát, tục kêu là "*Con Tàu*" lại có một chỗ nữa kêu là "*Cồn Nhựt Bổn*"[2] thì cũng ở trong cái doi Nhựt Bổn ấy, tại đó có nhà người ta ở, khuất trong những lùm tre và cây rậm".

---

[1] Nguyên văn bằng chữ Hán là "Nhựt bổn chân" tôi theo đó mà dịch là "doi" chớ không rõ nguyên tên nôm là gì. (nguyên chú của PK).

[2] Nguyên văn chữ Hán là "Nhựt Bổn đồng", và chua nghĩa chữ "*đồng*" là chỗ đất cao lên và chung quanh thấp. Vậy tôi cứ theo nghĩa lời chua đó mà dịch là "Cồn Nhựt Bổn". Chúng tôi lại ngờ rằng hoặc có lẽ là "Giồng Nhựt Bổn" cũng như là "Giồng ông Tố" chỉ loại chăng. (nguyên chú của PK).

Vậy bây giờ người Nhựt hỏi tôi đó, muốn biết :

Những cái tên *Doi Nhựt Bổn, Cồn Nhựt Bổn* và *Con Tàu*, bây giờ còn có hay không và nếu còn có thì nó ở về làng nào, quận nào, hạt nào ?

Ấy, người Nhựt ấy hỏi tôi như vậy. Tôi phải trả lời tạm rằng tôi đợi tra xét lại, vì tôi không biết rõ.

Người ngoại quốc hỏi việc trong nước mình mà mình không biết đường đáp lại, tự nhiên tôi phải lấy làm hổ thẹn. Nhưng tôi còn mong rằng nhờ cái mạnh hỏi mà sẽ biết.

Vậy xin Lục Châu quân tử mà nhứt là các ngài ở Mỹ Tho – vì Định Tường xưa tức là Mỹ Tho bây giờ – có ai biết rõ những điều hỏi trên nầy thì làm ơn viết thơ mà bảo tôi, hầu cho tôi biết mối mớ đặng đến nơi tra xét, rồi trả lời cho người Nhựt ấy.

Tôi lấy lòng thành thiệt và khiêm tốn mà hỏi điều nầy, tưởng các ngài có biết cũng sẽ sẵn lòng mà bảo tôi. Xin viết thơ cho :

PHAN KHÔI
N° 13, Impasse 250, Rue Paul Blanchy – Sài Gòn

Trung lập, Sài Gòn, s.6155 (24.5.1930)

CÙNG ÔNG HOÀNH SƠN

Mới đây tôi có được phong thơ bảo lãnh(*) của ông, trong đó có bài ông gởi đến đăng báo để biện luận với tôi về một bài đã đăng trên *Phụ nữ tân văn*.

Theo lẽ, bài của ông nếu có đăng thì đăng ở tập báo nói trên đó. Song xin ông biết cho rằng *Phụ nữ tân văn* là tuần báo, đợi cho đăng hết nhiều bài cần phải đăng thì chưa biết ngày nào mới có thể đăng bài ông được.

Thơ của ông gởi cho tôi đó không đề họ tên thiệt và không có chỗ ở nên tôi không biết đâu mà gởi thơ riêng. Vậy tôi viết lên đây

(*) thơ bảo lãnh : có lẽ ý nói loại thư gửi theo một loại dịch vụ mà ngày nay gọi là "thư bảo đảm".

mấy hàng để hỏi ông, nếu ông có đọc báo nầy xin trả lời cho tôi biết.

Tôi xin hỏi : Bài của ông đó, ông có bằng lòng đăng lên báo *Trung lập* chăng ?

Nếu ông bằng lòng thì tôi đăng liền, còn không thì để đó, chưa biết ngày nào đăng ở *Phụ nữ tân văn* được.

Vì thấy phong thơ bảo lãnh nên tôi phải hết lòng với ông như vậy.

PHAN KHÔI
N^{O} 13,250 P. Blanchy, Sài Gòn

Trung lập, Sài Gòn, s.6231 (27.8.1930)

VÀI LỜI KÍNH ĐÁP ÔNG HOÀNH SƠN

Kính ông Hoành Sơn,

Ông thật là người hữu tâm về sự học vấn quá. Còn nhớ năm ngoái sau khi tôi có bài nói về Khổng giáo đăng ở *Thần chung*, thì liền thấy ông có bài biện luận cùng tôi liền. Song tiếc thay, vì ông viết, hay là vì người ta in sai không biết, mà tôi đọc đến, có nhiều chỗ cắt nghĩa không chạy, không hiểu ý ông muốn nói gì. Chẳng phải mình tôi như vậy mà thôi ; bây giờ còn có nhiều người biết xem văn mà cũng làm chứng rằng không hiểu bài ấy của ông như tôi vậy.

Không hiểu mặc lòng, lẽ đáng tôi cũng phải viết lại mà hỏi ông lúc bấy giờ. Song ngặt vì hồi đó tới Tết tôi phải trở về ngoài kia hơn một tháng. Đến chừng lộn vô đây, đương còn chưn ướt chưn ráo, thì báo *Thần chung* đã bị đóng cửa rồi. Vì vậy, tôi nín luôn, không có dịp nói chuyện với ông việc ấy nữa.

Lần nầy đây, nhơn tôi có cuộc biện luận với ông Trần Trọng Kim về cuốn sách *Nho giáo* của ông trong *Phụ nữ tân văn*, cuộc biện luận rây rắc ra đến mấy kỳ báo mà chưa rồi, giữa chừng thấy ông xen vào mà tỏ bày ý kiến, tôi lấy làm hân hạnh lắm.

Phụ nữ tân văn trương số có chừng, mà ông Trần Trọng Kim viết dài quá ; tôi chỉ có một bài, ổng đến ba bài, kỳ nầy đã ra được

hai rồi mà còn một bài nữa lại dài hầu gấp hai bài kia. Vì vậy bài của ông nếu muốn ra ngay thì không thể đăng ở báo *Phụ nữ* được, nên tôi mới xin ông đăng ở tờ báo nầy.

Hôm nay bài của ông ra, rồi tôi cũng vẫn thấy nhiều người than phiền rằng không hiểu được ý tứ của ông. Tôi hỏi lại tôi, thì tôi cũng phải trả lời như người ta vậy.

Thật vậy, một đoạn đầu mất hơn một cột báo, cái đoạn mà ông nói những "lợi kiến hầu" chi chi đó, thật không có ai hiểu ra sao hết. Tôi cũng vậy.

Tôi vẫn biết mấy chữ ấy ông dùng chữ quẻ Truân trong *Kinh Dịch*, song ông lập ý cao xa quá, tôi đành phải đánh dấu hỏi đó, để mong chờ khi gặp mặt ông mà hỏi lại.

Còn mấy đoạn sau ông dùng tam đoạn luận mà bác lại bài của tôi thì tôi hiểu biết, đây tôi chưa chịu cái thuyết của ông.

Vả trong bài nguyên của tôi, tôi dùng các luật khác mà xét lại những câu nói của thánh hiền, ông nếu có bẻ lại thì cũng nên dùng các luật ấy, chớ ông dùng tam đoạn luận thì khác với ý của tôi xa quá. Mà tam đoạn luận, cốt trọng là tại cái đại tiền đề. Cái nầy, các đại tiền đề của ông lập ra đó không được vững vàng lắm, nên tôi e rằng cũng không hiệp với luận lý học.

Vậy tôi có mấy lời nầy thưa lại ông biết. Xin ông sau nầy có viết thì viết dễ hơn một chút, hầu cho có người hiểu với. Còn về những chỗ ông đã bác luận, thì xin để sau đây tôi sẽ trả lời luôn trong bài trả lời cho ông Trần Trọng Kim. Như thế thì tiện cho tôi hơn là trả lời thành hai lần.

Nay kính

PHAN KHÔI

Trung lập, Sài Gòn, s.6270 (11.10.1930)

NHỮNG ĐIỀU NGHE THẤY

Lời dẫn của người sưu tầm – *Báo* Trung lập *ngày 3.5.1930 ở trang 2 có một khung quảng cáo nhỏ với tiêu đề :* Câu chuyện hằng ngày, *trong đó cho biết : "*Trung lập *mới chúng tôi mới cậy được ông tú Chương Dân Phan Khôi viết giùm cho mục "Những điều nghe thấy" ký là Tha Sơn. Ông Phan tức là người viết "Câu chuyện hằng ngày" cho* Đông Pháp thời báo *khi trước mà ký tên là Tân Việt đó. Vậy chắc rằng mục* Những điều nghe thấy *của* T.L. *thuở sẽ được hoan nghinh một cách xứng đáng".*

"Những điều nghe thấy"(ngày đầu là "Những điều trông thấy", từ hôm sau đổi "trông" thành "nghe" xuất hiện ở Trung lập *từ 2.5.1930 và gắn bó với tờ báo cho đến số cuối cùng. Khoảng 10 kỳ đầu tác giả ký là Tha Sơn, sau đó ký là Thông Reo. Vì sao Phan Khôi sớm từ bỏ bút danh Tha Sơn ? Phải chăng vì không muốn bị lẫn với Tha Sơn Thạch, một bút danh của Huỳnh Thúc Kháng ? Cái tên Thông Reo được gợi ý từ đâu ? Phải chăng ít nhiều được gợi ý từ cách thể hiện nhan đề báo* Trung lập *từ lúc đổi mới, từ ngày 2.5.1930 : chữ* Trung lập *màu đỏ cách điệu hóa thân và cành lá cây thông , – cách thể hiện mà tòa soạn buộc phải bỏ đi sau ngày 23.7.1930 vì bị một số tờ báo thân chính quyền cho là dấu hiệu "bình cộng sản" của tờ* Trung lập *mới ?*

Với mục "Những điều nghe thấy", ngòi bút Phan Khôi lại tiếp tục cái vai trò tương tự vai trò Tân Việt trong "Câu chuyện hằng ngày" hai năm trước. Đây là loại mục "hài đàm" ; tuy không phải lúc nào tác giả mục này cũng đùa cợt, chọc ghẹo thiên hạ, nhưng vai của ký giả viết mục này chính là vai đàm tiếu, mai mỉa, trào lộng. Trong số nhiều thể tài báo chí mà Phan Khôi từng viết, có lẽ hài đàm là chỗ thể hiện rõ nhất phương diện sáng tạo văn chương của ông.

L.N.A.

ƠN KẺ DỮ KHÔNG ƠN NGƯỜI LÀNH

Ở xóm ngoài, Trung-Bắc kỳ người ta không chịu ở không, lâu lâu lại chơi một phát bất tử.

Những chuyện xảy ra ở Yên Bái vừa tỉnh hồn, thì ở chặng giữa lại có chuyện cắc cớ thuở nay chưa hề thấy.

Ấy là chuyện bốn báo đã thuật trong một số trước. Bọn nào không biết, nhè tháo bù-lon đường ray của con đường sắt Tourane – Huế mất hơn 80 thước, làm cho chuyến xe sáng hôm 26 Avril ở Tourane đi đến đó phải nhào ngộ, hết 11 người bị thương, may khỏi chết.

Có mấy tờ báo Tây ở đây nói chúng làm ra cớ sự ấy khuấy rối trong khi hai ông bà vua Xiêm giá ngự hồi loan. Họ nói vậy mình cũng nghe làm tai, chớ chưa biết thế nào mà đoan quyết. Xưa nay có hề thấy ai chơi chướng như vậy bao giờ mà biểu đề chừng cho được !

Có một điều chắc chắn, là thế nào chánh phủ cũng phải để ý đến việc nầy hết sức tìm dò cho ra những đứa nào dám cả gan làm cái chuyện tày trời như vậy.

Đố chạy đàng trời !

Tội chúng nó – không biết là ai – vẫn đành đáng tội, một ngày kia nếu bắt được chánh danh thủ phạm, chớ có vội tha. Nhưng hôm nay đây khi viết câu chuyện nầy, ngồi nghĩ mà tức cười, có lẽ từ rày trở đi chúng ta – mà nhứt là mấy ông quan cai trị, – trở lại mang ơn chúng nó.

Họ làm như vậy là dạy cho người khác đi đường phải cẩn thận. "Ơn kẻ dữ không ơn chi người lành" theo lời tục An Nam.

Cái lẽ ấy đã quả nhiên rồi. Bữa trước đây có nhà báo đến hỏi thăm quan chánh sở hỏa xa ở Sài Gòn thử trong khi Xiêm hoàng ở Đà Lạt xuống, do Phan Thiết đi chuyến xe riêng về Sài Gòn, thì có bố trí cách nào mà giữ cho khỏi sự rủi ro ấy ?

Quan chánh trả lời : "Đường sắt sẽ canh phòng một cách đặc biệt, phu kíp coi chặng nào thì phải có mặt tại chặng ấy, có người

đi kiểm soát luôn. Còn chính mình tôi sẽ coi đầu máy cho xe chạy một giờ chừng 25 cây số".

Quan chánh sang trọng như trời mà lại chịu khó ngồi coi đầu máy xe hỏa mà chạy mỗi giờ có 25 cây số. Bởi vậy quan chánh mới định cho mười giờ tối hôm nay 2 Mai, xe bắt đầu chạy từ Phan Thiết mà 9 giờ sáng mai, 3 Mai mới tới Sài Gòn.

Cẩn thận như thế thì bỏ vô cối mà dọt cũng không hề chi.

Nhưng mà ai, ai là kẻ đã gợi trí cho quan chánh làm sự cẩn thận ấy ?

THA SƠN

Trung lập, Sài Gòn, s.6137 (2.5.1930)

VĂN SĨ NGHÈO

Cái giống văn sĩ nó hay nghèo. Lạ làm sao, cái sự xấu số đó đời xưa đời nay, bên Đông bên Tây đều thường thường như vậy, tình cờ chẳng hẹn mà giống nhau.

Ông Diderot là người chủ nhiệm biên tập bộ *Bách khoa từ điển* nước Pháp, cả đời vẫn ở trong cái cảnh khốn cùng tịch mịch. Hồi già lại, sạch trơn không còn có tiền xài, ông bèn vơ vét bao nhiêu sách mua được bấy lâu đem ra bán. Có duyên làm sao lại gặp được bà Cathérine II, hoàng hậu nước Nga, bà bỏ tiền ra mua hết sách của ông, mà lại còn để cho ông được cái quyền lợi riêng, là khi nào muốn lấy những sách ấy lại mà xem cũng được. Khoái cha chả là khoái ! ông Diderot chẳng quản tuổi già lụm cụm, lặn lội từ bên Pháp qua đến nước Nga để cảm ơn và Hoàng hậu Cathérine II.

An Nam mình cũng có một vài ông văn sĩ nghèo khô. Thế nhưng chưa hề nghe nói ông nào bán sách, vì các ổng có sách đâu mà bán. Không chừng các ổng lại còn nghèo hơn ông Diderot nữa, nên không có sách.

Mà nếu các ổng có sách đem bán chăng nữa, và nếu có bà nào

như bà Hoàng hậu Cathérine II đã mua rồi còn cho riêng cái quyền lợi được đọc lúc nào thì đọc chăng nữa, là các ổng cũng chẳng cất thân đi cảm ơn như ông Diderot làm chi cho mệt. Vì bán được, có tiền bỏ túi mà xài, ấy là đủ cho các ổng rồi, còn cái quyền lợi đặc biệt kia, các ổng có cần dùng gì đến ở đâu.

Nói làm vậy thành ra mấy ông văn sĩ An Nam chẳng hề mua sách mà cũng chẳng hề xem sách, mấy ổng nghe được, mấy ổng giận chết, không nên !

Lại còn tài học như ông Diderot, thế mà suốt đời không được cử vào làm một chưn hội viên trong Quốc gia học hội nước Pháp, người ta bảo rằng ấy là tại cái học thuyết của ông Dederot phản đối với nhà vua, nên nhà vua không ưa.

Ở An Nam mình lại khỏi lo điều ấy. Nhứt là mấy ông văn sĩ "gộc" thì ông nào cũng có vài ba chưn hội viên là ít. Nhiều người thấy vậy, nói rằng tại cái học thuyết của mấy ổng không hề phản đối với ai ; nhưng có biết đâu rằng mấy ổng có học thuyết rùa mốc gì đâu mà nói là phản đối hay không phản đối.

Thế nhưng mấy ông gộc nầy dễ chịu ơn ông Diderot nhiều lắm, vì những chưn hội viên ấy nó làm cho mấy ổng lần lần thoát được cái nghèo.

THA SƠN

Trung lập, Sài Gòn, s.6138 (3.5.1930)

VẤN ĐỀ TRIẾT HỌC

Bữa nay đức vua Cao Mên vẫn còn ở Sài Gòn, hoàng đế Xiêm La cũng mới ở Đà Lạt về đây hôm qua.

Chắc hai vị quân vương thế nào cũng phải gặp nhau. Bắt tay... Nói chuyện...

Mà nói chuyện gì ? Ai biết được !

Hôm trước có tờ báo An Nam viết bằng tiếng Pháp nói qua về sự đó, có câu như vầy : "Sự hội kiến của hai ông vua nầy, sẽ làm

một vấn đề cho các nhà triết học suy nghĩ".

Mình không phải nhà triết học nên chẳng hiểu suy nghĩ cái gì.

Duy bình nhựt đọc sách thường thấy các nhà triết học họ hay nghiên cứu về cái vấn đề cười. Người thì dựa vào tâm lý học mà giải thích, kẻ thì dựa vào sanh lý học mà giải thích, song rút lại cái cười cũng còn là cái huyền bí chưa ai nói cho vỡ lẽ ra.

Có lẽ cái vấn đề mà tờ báo kia cho là đáng suy nghĩ đây, cũng vào một môn đó, mà trái lại, tức là sự không cười.

Mà thiệt vậy. Cái sự không cười mới lại là còn huyền bí hơn. Nhiều khi hai người gặp nhau, anh thế nào, tôi thế nào, biết nhau tỏ một, thế mà ngoài mặt giả vờ, nói như tuồng trong bụng nói ra. Đã vậy thì nói nửa chừng, tức cười mới phải, song họ giỏi giữ lắm, không thèm cười trơn, ấy chẳng phải là điều khó hiểu ư ? chẳng phải là huyền bí ư ?

Cái vấn đề triết học trong sự nầy, hoặc giả ở đâu chỗ đó.

THA SƠN

Trung lập, Sài Gòn, s.6139 (4.5.1930)

CÁI QUYỀN SỞ HỮU

Người An Nam ta có tánh hay xều xào, ra chỗ đồng tiền phân bạc, thế nào xong thì thôi, không có nẻ nóc cho lắm. Cái tánh ấy ở đời nay là cái tánh xấu. Vì khi xều xào của mình chẳng nói làm chi, còn khi lỡ mà xều xào đến của người ta thì họ không có nể đâu, nói ngay trước mặt mình rằng chú là đồ ăn cắp.

Không có như vậy đâu, người Pháp. Người Pháp đến trong nhà cha con vợ chồng với nhau cũng là tài thượng phân minh. Cái nầy là của anh, cái nầy là của tôi, cứ việc thẳng mực tàu mà nẻ.

Cho nên trong dân luật (Droit civil) của Đại Pháp mới trọng cái quyền sở hữu của cá nhân một cách đặc biệt.

Cái quyền sở hữu của cá nhân thì tôn trọng, còn cái quyền sở hữu của đoàn thể thì làm sao ? Cũng vậy, chớ sao ?

Nước Pháp là một đoàn thể mà Đông Dương đây cũng là một đoàn thể. Nước Pháp há lại không chỉ giang san thổ võ của mình mà nói rằng cái nầy là của tôi, và chỉ giang san thổ võ của Đông Dương mà nói rằng cái đó là của anh ?

Ừ, phân minh thiệt !

Phân minh, cho nên khi nào có lỡ ra thì vay nhau, chớ không hề vớ bậy của nhau mà xài.

Hồi trước Đông Dương vay của Pháp mấy chục triệu về làm công việc trong xứ, còn khi Pháp có giặc cũng vay của Đông Dương, nợ ấy trả bây giờ chưa hết.

Thế nhưng người An Nam là người An Nam. Đông Dương là Đông Dương, chứng nào tật ấy, xều xào lại vẫn xều xào.

Đừng nói đâu xa, ngay trong lúc bên Pháp bị thủy tai mới rồi đây, Đông Dương trút hồ bao một triệu quan lần đầu ; lần sau riêng xứ Nam kỳ lại cho đứt một tiếng bốn mươi chín ngàn đồng có lẻ.

Đó, lại xều xào rồi !

Có người mắng tôi rằng : "Nhà ngươi nói vậy thì hết tình đi còn chi ? Đừng có dở bụng nà, cái nầy là giúp !"

Tôi làm thinh. Nhưng mà có người Pháp viết trong *Revue Indochine* rằng : "Làm sao mấy lần trước Đông Dương bị lụt thì Pháp quốc lại chưa hề có giúp cho Đông Dương ?"

Tôi thì tôi nói : "Nước Pháp biết trọng cái quyền sở hữu của mình lắm vậy".

THA SƠN

Trung lập, Sài gòn, s.6140 (6.5.1930)

THẦN KHẨU BÀ CAO BUỘC XÁC PHÀM ÔNG HOÀNG

Người An Nam mình có thói hay thề hay rủa, nhứt là các bà. Người ta lại tin rằng ai mắc lời thề lời rủa sẽ chết bỏ mạng. Bởi vậy mới có câu "thần khẩu buộc xác phàm".

Ông huyện Hoàng Gia Mô mới rồi bị bọn phản nghịch giết chết tại huyện Vĩnh Bảo Bắc kỳ đó, thiệt là bị rủa mà chết chớ chẳng phải tại cớ chi lạ.

Có người thuật chuyện nói rằng, trước đây vài ba năm, bà Tham biện Cao Xuân Xang ở Huế, nhơn tức mình điều chi đó nhảy xuống sông Hương mà tự tận, việc có dính ông Hoàng Gia Mô ở trỏng.

Số là bà Tham Cao là chủ cầm họ, ông Huyện Hoàng làm người chơi họ, mà bởi là trong đám anh em làm quan với nhau tin nhau, nên không có giấy tờ chữ nghĩa chi.

Một ngày kia, bà Cao biểu ông Hoàng chồng ra cho bà hai ngàn đồng. Hoàng đại nhân nói rằng : Tôi có mắc tiền gì của chị đâu mà chị biểu trả cho chị ?

– Nói chơi hay nói thiệt ?

– Thiệt chớ !

Không những thế thôi, cái chuyện tiền bạc ấy lại còn gây ra cho bà mang tiếng đằng khác nữa. Lúc bấy giờ bà Tham đương có mang mấy tháng.

Nhà ông Tham Cao là nhà danh giá vào bực nhứt ở Trung kỳ. Người ông Tham lại đúng đắn hơn ai. Câu chuyện xảy ra như vậy làm cho bà Tham mang tiếng với chồng con. Bà muốn tỏ mình trong sạch nên mới từ trên cầu Bạch Hổ đâm đầu xuống sông Hương mà thác.

Ông Tham Cao Xuân Xang làm chay làm tiếu(*), cầu vong cho người vợ yêu quý của mình trên sông Hương ba ngày đêm. Rồi đó ông buồn bã luôn, phần thương vợ phần giận đời, người mỗi ngày một héo. Mới đầu năm đây ông cũng thọ bịnh mà chết luôn.

Thảm độc đến đâu ! ai đã ra tay phá một cái gia đình họ Cao ?

Trước khi bà Cao Xuân Xang toan quyên sanh, có nộp ông Hoàng Gia Mô mấy lời rằng : "Anh Huyện ơi ! Tôi dại tôi chết đã

(*) *tiếu* : thầy tu lập đàn để cầu đảo cũng gọi là "tiếu" (theo Đào Duy Anh, sđd.).

đành ; còn anh, anh có ở phi nghĩa thì rồi đây anh cũng chết chém chết vằm, bỏ con bỏ vợ !"

Quả nhiên trong lúc bọn phản nghịch giết ông Hoàng đây, họ chặt đầu rồi, họ lại còn bằm khúc ra nữa.

Thế là trong cái án sát nhân bằng cái đình tại huyện Vĩnh Bảo, nếu truy nguyên ra, thì ông Huyện Hoàng chẳng đáng tội chi hết, mà cho đến bọn giết người kia có lẽ cũng chẳng có tội gì, vì họ chỉ làm cho ứng nghiệm lời rủa của bà Cao mà thôi.

Bọn đàn ông mình ở đời, muốn cho khỏi chết chém chết bằm thì chỉ có đừng để cho các bà rủa nộp là được !

THA SƠN

Trung lập, Sài Gòn, s.6141 (7.5.1930)

MẬT THÁM, LÍNH KÍN HAY LÀ CÔNG AN ?

Một cái cơ quan của chánh phủ mà người ta cho là cần thiết lắm ở xứ nầy, tiếng Pháp kêu là "Service de Sureté" đó, thấy báo Tàu đôi khi nói đến, gọi là "công an cuộc", còn An Nam ta, người Trung-Bắc kêu quen là "sở mật thám", người Nam kỳ, – "sở lính kín".

Chữ "công an" nếu dịch ra tiếng Pháp thì nói là "Sécurité publique" cũng giống nghĩa chữ "Sureté", trúng hơn, đến nếu kêu bằng lính kín hay mật thám thì thật là không trúng chút nào hết.

Chẳng những nó không ăn nghĩa với cái tên bằng chữ Pháp mà lại cũng không nhằm với sự thiệt.

Lính kín hay mật thám cũng vậy, có nghĩa là biết trước được những điều kín nhiệm bí mật của kẻ gian phi, nhứt là sự âm mưu của bọn phản chánh phủ.

(Tòa kiểm duyệt bỏ đoạn nầy)

Vậy thì, mật [....](*) Nếu đức Khổng Tử còn sống ở ngày nay,

(*) chỗ này bản gốc bị đục bỏ 2 dòng.

ngài sẽ lặp lại cái giọng cũ "*cô bất cô cô dã*", học trò của ngài thở dài và than rằng : "Kín chẳng kín, kín thay ! kín thay !"

Không có đức Khổng Tử, cũng còn có lão Tha Sơn nầy. [....][*] lão ấy làm phiền lắm. Trời ơi !

Mà chữ "an" đó người ta cũng đọc là "yên". Chữ nếu lại phải cấm nữa, đừng cho kêu là "công yên", sợ nó thành ra tiệm công yên, là tiệm hút, thì lại càng bậy lắm.

THA SƠN

Trung lập, Sài Gòn, s.6142 (8.5.1930)

CÁI RÁP BO BÁO HẠI QUÁ

Lâu nay tờ báo *Echo Annamite* ngó bộ ít người xem. Đừng dể ngươi[**], đôi khi trong đó có chuyện ngộ bắt kinh.

Ngày 3 Mai mới rồi, có bài của ông Dương Văn Lời, nói chuyện cái "ráp-bo" hay lắm.

Ông Dương nói, ngày kia ông tình cờ thấy tại nhà người bác một bổn ráp-bo[***]. Người viết ra nó là một ông Phán, quê ở Nam kỳ mà ra tùng sự tại một tòa sứ Trung kỳ vào năm 1908. Bổn ráp-bo là của ông Phán làm ra để trình cho quan công sứ, quan bề trên mình.

Hồi năm 1908, ở Trung kỳ chẳng là đương có cuộc biến động, nhân dân 12 tỉnh đồng thời nổi lên xin giảm thuế. Ông Phán được quan trên ủy cho đi thám tình hình. Ông bèn giả dạng xưng mình là một thầy tu ở Bình Thuận mà đi ra miền Quảng Nghĩa Bình Định. Ông len lút trong đám văn thân khám phá ra được nhiều điều bí mật.

Ông phán bèn làm ráp-bo trình cho quan trên, nói một cách rất hăng hái, hứa với quan Sứ rằng mình xin tận trung trong lúc nầy, hy sanh cả hồn và xác cho nước Pháp. Ví mà ông bị chết vì tay kẻ

(**) dể ngươi : coi thường, xem thường.

(***) *ráp-bo* : rapport (tiếng Pháp) : báo cáo, tường trình.

thù nhờ quan Sứ cứ chôn ông ở Quy Nhơn, ấy là hân hạnh không chi bằng.

Hữu nguyên văn vi chứng : "Je vous promets, M.le Résident de vous être un peu utile en ce moment-ci et de sacrifier mon âme et ma vie pour la France. Si je viens à mourir des mains des ennemis (?) je vous serai très reconnaissant, M. le Resident, de me faire enterrer à Qui-nhơn".

Sự đó không quan hệ mấy. Quan hệ nhứt là trong rap-bo có kể rõ sáu điều trong cái chương trình của bọn phiến động

(*Toà kiểm duyệt bỏ đoạn nầy*)

Thiệt cái ráp-bo báo hại quá, mà đầu đuôi cũng do ở ông Phán, âm hồn sao không vật ổng đi cho rảnh !

THA SƠN

Trung lập, Sài Gòn, s.6143 (9.5.1930)

CÁI LỚN NHỎ LẠI. CÁI NHỎ LỚN RA

Trước đây bốn mươi năm, một nhà học giả Trung Huê, Đàm Tự Đồng tức một người chí sĩ trong sáu người chết vì cuộc chánh biến năm Mậu Tuất, có lập ra một cái thuyết cũng hay hay.

Đàm phỏng chừng rằng muôn vật trên trái đất nầy lớn nhỏ không nhứt định. Vật nhỏ có khi lớn ra, vật lớn có khi nhỏ lại. Do đó mà cái không gian cũng không nhứt định nữa.

Theo mắt thịt người ta thấy, vật nào lớn cứ lớn luôn, vật nào nhỏ cứ nhỏ luôn, mỗi vật đều giữ cái nguyên hình của nó đời đời. Nhưng có phải vậy đâu ; sự lớn nhỏ hằng thay đổi.

Ấy là theo cái luật "co và nở". Muôn vật đều có co có nở, muôn vật hoặc khi co khi nở. Bởi vậy, người thợ vẽ nếu dùng cái thước đồng mà đo giấy thì phải có hồi sai. Vì đồng và giấy có co có nở, mà sự co nở không giống nhau, hoặc nhiều hoặc ít. Thợ vẽ muốn cho thiệt đúng thì phải dùng cái thước cũng bằng giấy ; mà

muốn cho chắc hơn nữa, thì vẽ bằng giấy nào, lại phải dùng thước bằng giấy ấy.

Người ta sẽ hỏi : Sự co nở của đồng và giấy đó, chẳng qua một lai một ly mà thôi, nên mắt thịt người ta không thấy được. Đến như những vật lớn hơn, ví dụ hòn núi hay con bò, thì lúc nó nở lớn ra hay là co nhỏ lại, chắc là sai thù xa lắm, làm sao người ta lại không thấy ư ?

Đàm giải nghĩa rằng ấy là tại người ta cũng theo luật co nở như muôn vật. Khi mình nở ra thì con mắt mình cũng nở ra, mà muôn vật cũng nở ra với mình, thành thử mình ngó vật nào cũng cứ giữ nguyên hình, vật nào cũng cứ choán không gian theo thể tích của nó.

Kỳ thiệt, vật đã khi lớn khi nhỏ thì không gian cũng nhơn đó mà thay đổi. Như cái bàn tôi đương ngồi viết đây, thể tích nó là một thước vuông đứng, tôi nói nó choán không gian hết 1 thước vuông đứng, đến lúc nó nở ra, nó choán nhiều hơn nhưng tôi cũng cứ nói nó choán chỉ 1 thước vuông đứng. Vậy thì không gian theo đó mà thay đổi rồi, có điều tại tôi không biết đó thôi.

Ai đã biết qua cái thuyết "tương đối" của Einstein rồi, thấy cái thuyết nầy, chắc bảo là ăn cắp của Einstein. Nhưng không phải ; vốn tình Đàm Tự Đồng thiệt chưa biết đến Einstein nữa.

Trong làng báo Sài Gòn, tờ *Le Phare* đương nhỏ thình lình lớn ra. Có người theo cái luật "đồng co đồng nở" mà nói rằng : Ông Paul Marchet chủ nó, nguyên là đồng sự với ông Nguyễn Phan Long ; nay ông Long ra coi tờ *Tribune Indochinoise*, tờ nầy lớn, nên tờ kia cũng nở ra cho kịp.

Song le tờ *Echo Annamite*, chủ nó là ông Dejean de la Bâtie, cũng là đồng sự với ông Long hồi xưa, làm sao đương lớn mà co nhỏ lại, đương bảy cột mà rút còn có sáu cột thôi ?

Xin chịu, hết chỗ cắt nghĩa ! Hèn chi có kẻ nói rằng : Các nhà khoa học có nghiên cứu đến sói đầu cũng không tìm ra được chỗ huyền bí của Tạo hóa.

THA SƠN

Trung lập, Sài Gòn, s.6144 (10.5.1930)

GANDHI VỚI JÉSUS-CHRIST

Thánh Gandhi mới rồi đã bị bắt. Người bị bắt lần nầy không phải như lần trước đâu. Người sẽ không bị đem ra tòa và kết án. Vì chánh phủ Anh thấy dân tình lộn xộn, làm rối loạn lung tung, nên tạm bắt người mà cầm lại đợi đến khi nào yên ổn thì thả người ra.

Gandhi bị bắt ban đêm. Người đương ngủ trên giường thì thấy đèn đuốc sáng giăng quan quân tấp nập, người mở mắt hỏi rằng "Các ông đến kiếm tôi phải không ?" Những kẻ đến bắt thưa rằng phải. Rồi thì họ đem người cùng đi.

Cái quang cảnh ấy có khác nào cái quang cảnh hồi Jésus-Christ bị bắt. Hồi Jésus bị bắt, trong môn đồ có kẻ toan dùng gươm cự lại, nhưng Jésus không cho, biểu phải nạp gươm vào vỏ. Gandhi đây cũng vậy, người dầu bị bắt vẫn cứ khuyên bạn đồng chí mình giữ cái chủ nghĩa bất bạo động (non-violence).

Thấy vậy mình bèn đem hai người mà so sánh cùng nhau thì thấy ra nhiều chỗ giống nhau.

Jésus-Christ có lần phán cùng môn đồ rằng : "Quả thật, ta nói cùng các ngươi, nếu hột giống lúa mì kia, chẳng chết sau khi gieo xuống đất, thì cứ ở một mình ; nhưng nếu chết đi thì kết quả được nhiều".

Câu ấy, Gandhi từ trước vẫn dùng mà giảng dạy người ta. Cho nên biết rằng Gandhi cũng sốt sắng về sự hy sanh tánh mạng như là Jésus vậy.

Duy có cái chánh sách của người Anh bây giờ khôn ngoan hơn

người Rô-ma hồi xưa, thành ra Jésus bị đóng đinh liền, mà còn Gandhi lại được khoan đãi.

Ai đem hột giống lúa mì mà gieo xuống đất cho chết đi, là người ấy dại ; vì sau khi nó chết, nó sẽ nảy nở ra nhiều.

Mà trong xứ nào cũng vậy, hột giống lúa mì nào có phải một hột mà thôi đâu. Mỗi một cái đầu rụng xuống, tức là một hột giống đã được lấp đất.

Gandhi nhà vốn giàu, sau đem gia tài để làm việc nghĩa cho nghèo, đến nỗi phải ra tay kéo vải mà độ nhựt, thật chẳng khác nào Con Đức Chúa Trời "không có một cục đất mà gối đầu".

Chỉn có một điều mà hai đằng trái với nhau, là sự nộp thuế.

Jésus-Christ thì bằng lòng đóng giấy thân. Một lần sai Saint-Pierre ra biển câu cá đem về nộp thuế cho cả hai thầy trò, một lần khuyên người kia đóng thuế mà rằng : "Đồng bạc của Sê-sa phải trả lại cho Sê-sa". Còn Gandhi, thì lại biểu dân Ấn Độ đừng nộp thuế cho chánh phủ Anh.

Đóng thuế mà lại bị đóng đinh, còn không đóng thuế mà lại được khoan đãi, coi đó càng rõ ra chánh phủ Rô-ma ngày xưa là bạo ngược quá. Mà nếu vậy thì lại cũng rõ ra là chánh phủ Anh ngày nay không cần đến thuế cho lắm, nộp được mà không nộp cũng được.

THA SƠN

Trung lập, Sài Gòn, s.6146 (14.5.1930)

BỎ QUÁCH DƯƠNG LỊCH ĐI MÀ DÙNG ÂM LỊCH LÀ HƠN

Mấy lâu nay các báo An Nam ta hay cãi nhau về cái vấn đề âm lịch và dương lịch. Theo như hiện trạng đương thời thì phải dương lịch ngó bộ mạnh hơn vì có phần nhiều nhà báo nói dùng dương lịch là phải.

Mà chưa biết chừng. Rồi đây có lẽ các nước lại quay về mà dùng

âm lịch, cũng chưa biết chừng. Như vậy thì phái âm lịch lại hóa ra "ăn ngược" (ăn ngược là dùng tiếng trong sự đá gà : gà đã thua mười phần rồi mà trở lại ăn, kêu là "ăn ngược").

Sự ăn ngược đó là nhờ bên phái âm lịch gặp thời vận đỏ xui ra có ngày 1 er Mai năm nay.

Ngày 1er Mai năm nay trong xứ Đông Pháp xảy ra nhiều việc lôi thôi. Ở Thái Bình, ở Vinh, Bến Thuỷ, ở Long Xuyên, Sa Đéc, nhân dân nổi lên làm rắc rối, tuy nơi thì bạo động, nơi thì hòa bình khác nhau, nhưng lấy con mắt nhà chánh trị mà coi thì quân chi là rắc rối cả.

Còn ở các nước khác, đầu ngày 1er Mai năm nay không có xảy ra nhiều sự quan hệ như mọi năm trên, nhưng chánh phủ nào cũng vậy, cũng phải mất công tốn của để phòng ngừa những việc xảy ra, khó nhọc hao tốn là dường nào.

Bây giờ muốn cho khỏi sanh sự, khỏi nhọc lòng chánh phủ để phòng thì làm thế nào cho đặng ?

Khó lắm ! Khó lắm ! Cái ngày 1er Mai, ngày Tết của đám lao động mà đương còn có trong xấp lịch treo trên vách thì cứ sanh sự hoài.

Có kẻ hiến kế rằng nên bỏ quách dương lịch đi mà dùng âm lịch là hơn. Làm như vậy là để xóa bỏ cái ngày khánh tiết của đám lao động.

Khi các nước, nước nào như nước nấy, đã dùng âm lịch rồi, thì đố bọn họ biết cái ngày 1er Mai là ngày nào mà rủ nhau gây ra chuyện nọ chuyện kia. Có phải khoẻ không ? Có phải chi nhọc công in lịch lại một chút mà được việc không ?

Có người hay nóng mặt, thấy phái âm lịch khi không mà đắc thắng thì tức lắm, lại sanh sự nọ kia, biểu rằng chi bỏ ngày 1er đi là đủ. Theo kế ấy thì tháng Mai từ nay về sau sẽ kể ngày 2 là đầu tháng, còn ngày cuối tháng là ngày 32 vì tháng Mai có 31 ngày kia mà !

Đó, các ngài nghĩ thế nào ? Theo tôi thì hai đàng, đàng nào cũng tiện cả !

THA SƠN

Trung lập, Sài Gòn, s.6147 (15.5.1930)

THỪA TRONG NHÀ MỚI RA BỀ NGOÀI

Hôm kia trên trương đầu của tờ *Trung lập*, có để một cái biểu so sánh chia làm hai : Bên thì để chữ "trong nhà" dưới có cái dấu hỏi thiệt lớn ; bên thì để chữ "bề ngoài" dưới kê số tiền của Nam kỳ giúp cho nạn dân miền Nam bên Pháp mới rồi.

Độc giả xem qua, chắc cũng hiểu rằng đại ý cái biểu ấy là lấy câu "Thừa trong nhà mới ra bề ngoài", câu tục ngữ An Nam.

Theo câu tục ngữ ấy thì giúp cho người trong nhà thừa rồi mới giúp cho kẻ bề ngoài. Vậy thì người trong nhà là anh em Bắc kỳ đương bị đói kém đây sao ta không giúp, lại giúp anh em bên Pháp là người xa hơn ?

Muốn hỏi như vậy cũng được. Hay là nói như vầy cũng được nữa : Anh em bên Pháp là người bề ngoài mà ta còn giúp thay, huống chi anh em Bắc kỳ là người trong nhà.

Tuy vậy, hai nếp nó vô một xôi. Nói thế nào, cái nghĩa của nó cũng chỉ tỏ ra rằng anh em trong nhà là phải giúp cái đã.

Ấy vậy mà, theo đức chúa Jésus thì lại khác, trong nhà cũng vậy, bề ngoài cũng vậy ; mà có lẽ giúp cho kẻ bề ngoài mới là đáng giúp hơn. Ngài có phán cùng môn đồ như vầy :

"Các ngươi có nghe lời phán rằng : Hãy yêu người lân cận, và hãy ghét kẻ thù nghịch. Song ta nói cùng các ngươi : Hãy yêu kẻ thù nghịch mình. Nếu các ngươi yêu những kẻ yêu mình thì có được thưởng gì đâu ? Những kẻ thâu thuế há chẳng làm như vậy sao ? Lại nếu các ngươi tiếp đãi anh em mình mà thôi, thì có lạ gì hơn ai ? Người ngoại há chẳng làm như vậy sao ?"

Lời ngài phán đó thiệt có trái với lời tục ngữ ta trên kia.

Nhưng hỏi hết thảy các dân thiên hạ thử họ theo đạo Christ trải bao thế kỷ nay mà đã ai thiệt hành được lời phán ấy chưa ?

Ở đâu cũng thấy họ đùm bọc bà con họ đã rồi mới chào hỏi đến người. Chẳng những vậy thôi, có khi họ ăn của người ta lút mặt lút mày, mà đến khi người ta có việc, họ không thèm ừ hữ đến.

Bởi nhơn tình như vậy nên Jésus Christ ngài mới phán dạy đường kia, để cho họ tỉnh ngộ ra ; không thôi thì ngài có nói như vậy làm chi ?

Không dè An Nam mình là dân mới chỉ có một phần ít theo đạo Christ mà ăn ở lại đúng với lời dạy của ngài như vậy.

Nếu cái dấu hỏi thiệt lớn của *Trung lập* mà cứ để như vậy hoài, không ai trả lời, thì dân nầy không phải là con Rồng cháu Tiên nữa, mà là con đức chúa Trời, vì sau lời phán trên kia, ngài có nói thêm rằng : "Các ngươi hãy nên trọn vẹn như Cha các ngươi trên trời là trọn vẹn !"

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6149 (17.5.1930)

TƯỞNG TƯỢNG VÀ THIỆT SỰ

Vẫn biết ở thế gian, thiệt sự là hiện có, mà tưởng tượng là hư không, ai cũng phải quý thiệt sự hơn là tưởng tượng. Nhưng khi liệu cái thiệt sự nào không thể hiện ra được, mà mình cần nó quá, thì tưởng tượng như là có cũng đỡ".

Nhiều người ghiền rượu, họ nói khi nổi cơn ghiền mà không có tiền mua, hoặc lỡ gặp chỗ không có rượu bán thì họ ngồi họ vừa cắn móng tay, vừa nhớ lại những khi ăn một miếng uống một chén cái thú nó lại còn hơn có rượu mà uống thiệt nữa.

Đừng tưởng dỡn, họ nói vậy mà có lẽ lắm. Muốn thí nghiệm sự nầy cũng dễ, vì là không tốn kém chi. Ai không tin thì tùy mình thích cái gì, thí nghiệm thử, tưởng tượng thử mà coi.

Chớ lại không nhớ ông Honoré de Balzac, nhà tiểu thuyết bên Pháp ngày xưa sao ? Hồi nhỏ, ổng nghèo khổ, mỗi bữa ăn, ổng chỉ có một miếng bánh trơ trọi. Độc giả có biết ổng làm thế nào mà ăn cho qua bữa và cho ngon lành không ? Ông De Balzac chẳng thèm kêu bồi kêu bếp chi hết. Ổng lấy phấn vẽ những khoành trên bàn giả đò nhiêu dĩa, rồi ông thích ăn món gì thì ổng viết ngay tên món ấy vào trong khoành, thế là ổng ăn ngon như chém.

Đó, cái tưởng tượng tuy là cái hư không, nhưng nó cũng nuôi được người ta trong khi thiếu thiệt sự.

Cho nên, người đời chớ nên hủy phá sự tưởng tượng của kẻ khác. Huỷ phá cái tưởng tượng của họ tức là làm hại cái đời của họ.

Giá hồi bấy giờ có ai chơi ngẳng đem mà xóa những khoành và chữ trên bàn ăn của ông De Balzac đi, thì ổng phải nổi đóa lên mà làm ra vẻ chi chưa biết chừng.

Người An Nam mình thiếu nhiều cái thiệt sự, cho nên có người hay viết ra sách, trong đó nói những tự do độc lập, để nuôi đỡ sự sống, cũng như ông De Balzac đã vẽ khoành và viết tên các món ăn đó thôi. Họ làm như vậy, chẳng qua là muốn sống trong sự tưởng tượng, chớ chẳng phải làm hại cho ai hết.

Thôi thì cứ để vậy mặc họ, như người bàng quan đứng coi ông De Balzac ăn bữa cơm với những cái khoành bằng phấn cũng được chớ. Huỷ phá sự tưởng tượng của họ làm chi tội nghiệp !

Họ đương thỏa lòng trong sự tưởng tượng hay hơn gan, vậy mà không chịu để cho yên, lại nhè thò tay mà xoá những cái khoành bằng phấn đi.

Những cái tưởng tượng nào bị hủy phá thì nó tức mình, nó sẽ thành ra thiệt sự.

Ai có con mắt thì thấy rồi.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6153 (22.5.1930)

NGƯỜI TA BÔNG LƠN QUÁ

Năm nay nhà nước giảm thuế

– Có lẽ nhờ (....)(*) quan trên ngó xuống, thương hại dân nghèo mà giảm bớt đó chi ?(....)(*) Tự nhiên nhà nước ngó thấy dân đóng góp nặng quá mà ra lịnh tha bớt đi cho dân (....)(*).

– Có biết giảm đi hết bao nhiêu không ?

– Ở Lục tỉnh thì ngạch thuế mỗi nơi một khác, cho nên chẳng biết giảm bao nhiêu. Chỉ biết ở Sài Gòn đây, năm ngoái mỗi người nộp 6p 10, mà năm nay đây nộp 6p 08.

– Vậy thì dễ tính lắm, nhà nước giảm thuế cho mình mỗi một cái đầu là 2 xu.

– Ừ thì 2 xu. Hai xu mà mất của nhà nước ít lắm sao ? Một người 2 xu, mười người 2 cắc, trăm người 2 đồng... Ở Sài Gòn đây có mười mấy vạn dân, mất của nhà nước ít ỏi lắm sao ?

– Ừ thì nhiều, biết rồi. Nhưng ta thử tính mình ở Sài Gòn đây lấy 2 xu ấy làm được việc gì ?

Trước hết biểu trẻ cầm 2 xu chạy mua một cái hộp quẹt ngoại quốc. Mua không được, phải thêm một xu nữa là ba mới mua được một cái hộp quẹt ngoại quốc.

Thôi thì biểu mua một cái hộp quẹt bổn xứ. Hộp quẹt nầy dạo trước mỗi xu một cái nay tăng giá lên ba xu hai cái. Vậy nếu muốn khỏi bị thiệt trong sự mua bán thì cũng phải thêm 1 đồng xu nữa mới mua được hai cái hộp quẹt bổn xứ.

Hãy cầm 2 xu đi mua 2 xu khoai lang mà ăn lót lòng. Khoai lang, củ trọng, vừa một người ăn đủ lót lòng được, thì mấy lúc hai xu một củ. Bây giờ cũng tăng giá rồi. Ba xu không ly một cạnh. Như vậy lại phải cầm tiền trở về nữa.

Hay là đem hai xu mà quyên vào số tiền cứu giúp thủy tai bên

(*) các chỗ này ở bản gốc để trắng từ nửa dòng đến 2 dòng.

Pháp hoặc cứu giúp nạn dân Bắc kỳ chăng ? Được, miễn có lòng thảo thì thôi, chớ không luận ít nhiều nhưng mà cầm 2 đồng xu mà quyên, thì coi ra bông lớn quá.

Rút lại hai đồng xu, chẳng dùng làm được việc gì hết.

Đã vậy mà lại còn cái nỗi trong xứ nầy có ít xu quá. Cho nên mỗi khi nộp thuế, đưa vào 6$10, thì người ta than van không có 2 xu mà thối lại. Không lẽ đứng đó mà đợi trưa ngày tối buổi để lấy cho được 2 đồng xu, thôi thì bỏ nó đi mà về quách cho xong chuyện.

Đó rồi, người nộp thuế sấp lưng đi đằng người nộp thuế, còn cái ơn huệ của nhà nước nó lại trở về trong tủ sắt của ai không biết.

Cái nầy cũng lại là bông lơn.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6154 (23.5.1930)

- NHƯ VẬY, CHO LÀ GIEO SỰ HỜN GHÉT RA.
- PHẢI.

Nguyên bữa hôm trong tháng Avril ở Hà Nội giải 15 người dậy giặc Yên Báy bị tội khổ sai chung thân theo chuyến tàu Claude-Chappe đi đày ra Côn Lôn, cách phòng bị nghiêm nhặt lắm. Có mấy toán lính tập hộ giải, và lính sơn đầm mật thám kèm theo. Hồi đầu họ ở trong khám lớn Hà Nội ra, mấy con đường gần đó đều có giăng dây hết và lính cảnh sát đứng sắp lớp, cấm những người bà con quen biết đi đưa, không được lại gần kẻ phạm.

Đáng lẽ từ khám do con đường Gambetta hay là đường Carreau mà đi ra ga, người ta lại giải phạm nhân do đường Rollandes, hầu cho những kẻ đi đưa lật đường, không thấy mặt những kẻ đi đày.

Thế nhưng bọn đi đưa biết ý, kéo nhau ra đón tại ga xe lửa chỗ hạng tư ; thì té ra chỗ này cũng đã bị lính giăng giây đón đường rồi.

Như vậy thành ra hồi xe chạy những kẻ bị đi đày cứ việc đi, còn những kẻ đi đưa cứ việc trở về, chẳng hề thấy mặt nhau mà từ giã lấy một tiếng.

Tờ báo *L'Avenir* ở Hà Nội kể chuyện như vậy rồi có xen vào một câu phán đoán rằng : "Cách đãi ngộ nghiêm khắc trong cuộc đi đày nầy như vậy sẽ có những kết quả rất tốt. Đây là một bài học dạy cho những đứa muốn bắt chước chúng nó".

Rồi tờ báo *Librement socialiste* ra ngày 28 Avril 1930 bèn viết bài mà phản đối cái luận điệu ấy của *L'Avenir*.

Báo *Librement* nói rằng những kẻ dậy giặc bị đi đày đó vẫn đành là có tội, không nói làm chi. Chớ còn những người đi đưa kia, mẹ họ, cha họ, ông nội bà nội họ, các anh các chị họ, vợ con họ, đến đây là cốt để từ giã một tiếng cuối cùng với kẻ thân ái mình mà từ rày có lẽ không thấy mặt nhau nữa. Không cho họ lại gần thì cũng để cho họ ở xa mà nói cùng nhau một tiếng, để thoả cái lòng thương xót trong lúc tử biệt sanh ly, ai lại cấm ngặt đi như vậy thì thật là nhẫn tâm quá. Những người kia đi đưa hôm nọ có phải là vì kẻ có tội mà đi đưa đâu, nhưng là vì những kẻ ấy là con mình, anh em mình, chồng mình, ai chẳng có tình máu mủ ruột rà mà nỡ làm ngơ đi cho đặng ? Vậy mà đã giăng dây đón đường không cho họ đến gần, lại giơ baton lên ví đánh làm cho những người già chạy té sấp té ngửa, thiệt là tệ quá. Đến lúc xe hỏa chạy rồi, những người đi đưa thất vọng ai nấy khóc tấm tức, ngậm hờn nuốt giận mà ra về, tình cảnh rất là thảm thương !

Thế mà báo *L'Avenir* không nghĩ đến sự đáng thương đó, cho rằng làm như vậy sẽ có kết quả rất tốt, chẳng biết là cái kết quả gì ? Hay là chỉ gieo sự hờn ghét ra mà thôi ?

Đại ý báo *Librement* cho ra cái quang cảnh hôm ấy là gieo sự hờn ghét ra ; mà tờ báo *L'Avenir* phán đoán dường kia lại còn gieo thêm sự hờn ghét ra nữa.

Chúng tôi lược thuật ý ra như trên rồi chúng tôi nói thêm lời nầy : Nói như báo *Librement* vậy là phải.(*)

T.R.

Trung lập, Sài Gòn, s.6154 (23.5.1930)

TIỀN VÀ LỢI

Đọc báo *Tiếng dân* mới gởi vào, thấy có bài giải nghĩa chữ "Lợi". Giải rằng :

"Chữ Lợi, theo chữ Hán một bên chữ Hòa là lúa, một bên chữ Đao là dao. Lúa là một vật của loài người để ăn mà sống. Dao là thứ để mà đâm chém cắt giết nhau. Hai chữ nhập lại thành chữ Lợi, nghĩa là vì miếng ăn mà chém giết nhau ; chém giết nhau là để kiếm ăn, ấy gọi là Lợi".

Người cắt nghĩa đó ký tên là Ưu Thời. Ưu thời nghĩa là lo đời. Bởi lo đời cho nên sau khi giải nghĩa, tiếp mấy lời than thở rằng :

"Kìa xem thế giới ngày nay, nào tàu nào súng, nào máy nọ máy kia, đua nhau sắm đồ giết người đó, không phải vì miếng ăn sao ? Nhưng đó là cách giết người hữu hình để giành ăn, ngoài ra còn biết bao nhiêu cách sát nhơn vô hình nữa, mà nói đến mục đích cũng vẫn không ra ngoài cái vấn đề tranh lợi !"

Ưu Thời tiên sanh cắt nghĩa chữ Lợi đúng lắm, cũng như Thông Reo nầy cắt nghĩa chữ Tiền.

Chữ Tiền, theo chữ Hán, một bên chữ Kim là vàng, một bên hai chữ Qua là cây giáo. Vàng là của quý mà người ta thích nhứt. Giáo cũng thứ đồ nhọn để mà đâm họng nhau. Hai chữ nhập lại thành ra Tiền, nghĩa là vì vàng mà đâm họng nhau ; đâm họng nhau là chỉ vì vàng, ấy gọi là Tiền.

(*) Bài này trong mục "Thức đêm xem báo", thường do Bùi Thế Mỹ viết. Riêng bài này, ký T.R. (= Thông Reo) tức là do Phan Khôi viết. Sưu tập tạm xếp bài lẻ này vào "Những điều nghe thấy" (NST).

Tiền cũng vậy mà Lợi cũng vậy, hễ là kiếm cho đặng nó thì phải đâm họng cắt cổ nhau mới được. Hai bên cắt nghĩa in nhau, chỉ duy Thông Reo nầy không có cái giọng lo đời.

Theo ngu ý thì đời xưa ông thánh đặt hai chữ ấy ra đã hiểu đến cái lẽ của nó rồi, đời nay người ta cứ y như vậy mà làm, điều đó mình không đủ lấy làm lo mà than thở chi hết.

Cho nên, hễ họ cắt cổ mình để lấy lợi thì mình cũng cắt cổ họ để lấy lợi, họ đâm họng mình để lấy tiền thì mình cũng đâm họng họ để lấy tiền. Cứ vậy mà làm, rồi ra chi đó nó ra.

Cũng lại còn có một cách.

Đừng thấy Thông Reo mà tưởng "làm cây thông đứng giữa trời mà reo" như ông Nguyễn Công Trứ. Không đâu. Hễ thầy Thông nầy mà kiếm không ra lợi và tiền, thì sẽ làm "reo" nhịn đói như Ký Con và Nguyễn Thái Học, chớ chẳng tội chi mà than thở.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6155 (24.5.1930)

BIẾT THÌ THỐT ...

Nghĩ cái tên "Thông Reo" nầy, nếu không xấu háy(*) thì cũng gay go. Dầu không thông cũng mang tiếng là thông, mà dẫu làm tỉnh lập nghiêm cũng có tịt(**) là đứa hay nhạy miệng cười reo, hay dẹo họng.

Lại nghiệt ở đời hay có nhiều cái trẹo, nếu không lật đật bật cười xòa, chạy đâu khỏi nổi khóc mùi khóc mẫn.

Mới đây ở kinh thành Paris có một tờ báo dám cầm viết mà viết đại rằng : "Tại Ấn Độ China (Đông Pháp) họ vốn không hiểu cái lòng nhơn từ là gì. Vả chăng chữ nhơn từ nầy dịch ra tiếng An Nam không đặng. Tiếng An Nam không có cái chữ đó. Những

(*) *xấu háy* : (nói về con trẻ) bày điều xấu, khó nuôi.

(**) *có tịt* : có tì tích, có điều đáng xấu hổ (theo H.T. Paulus Của, sđd.).

chữ mà cọ bia với nghĩa "nhơn từ" hơn hết là "khiếp sợ" với "kỉnh vì"".

Chớ chi họ viết : "Dân An Nam là quân bất nhơn, mà với kẻ bất nhơn ta dùng chữ nhơn không đặng". Nói vậy khi may còn có lý. Hoặc là viết "Chính câu tục ngữ An Nam có nói : "Gặp Phật thì tu, mà gặp giặc thì ta phải đánh". Viết thế cũng còn nghe đặng.

Cái nầy không biết một cái cóc rác gì về tiếng An Nam mà lên giọng tổ nễ(*) đoán phóng ứng rằng: tiếng An Nam tuyệt vô không có cái chữ "nhơn từ", thì ai nghe coi có dễ chịu hay không ?

Ấy ! mà tờ báo nào ? ai đâu đoán bất nhơn ác đức thế ?

– Đừng nóng ! Chậm một tí rồi tôi tỏ cho mà nghe.

Mình nhờ học lỏm nghe họ dạy : tiếng Lang Sa kêu thuộc địa bằng *colonie*, cái gì có tánh chất hay can cập với thuộc địa thì gọi là *colonial*, còn giống nào cốt tủy của nó rặt ròng là môn thuộc địa thì đặt là *colonialiste*.

Tờ báo mà nói thánh nói tướng như trên kia mới kêu là tờ *Courrier Colonial*.

Ờ ! Còn thằng thông nào chưng mình là *colonialiste* mà hay chữ An Nam lỏng dỡ bê(**) ?

– Dạ thưa Môn. xừ *Francois Mury* đa.

– The thía(**) ! Thế là *mêri* (chín tới) chớ chưa thiệt *mur* (chín) sao ?

– Cái, tôi dám biết ở mô. Chớ theo Thông nầy biết thì thốt, không biết dựa cột mà nghe. Nghe kỹ rồi học lại cho bà con nghe chơi một người một chút vậy.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6157 (27.5.1930)

(*) *tổ nễ* : như "tổ tiên" (theo H.T. Paulus Của, sđd.).

(**) *bê* : có lẽ là *bay* (bọn bay, chúng bay).

(**) *the thía* : may lắm (tiếng con buôn mừng rỡ la lên do gặp mối hàng bán được) (theo H.T.Paulus Của, sđd.).

Ở TÙ SỐT RẺO

Theo như cái tin tức ở Ấn Độ sang thì trong ngày 21 Mai mới rồi, nhơn vì có mấy chục ngàn dân Ấn phá một sở làm muối kia, mà chánh phủ Ăng Lê bắt hết vài chục người cầm đầu, trong đó có bà Naidu là người nữ đồng chí lên nối chưn ông Gandhi, và mấy người trọng yếu nữa. Kế đó thì ngày 23 Mai thì đã lại có tin rằng bà Naidu bị toà án Hồng Mao phạt chín tháng tù, còn một người con trai và một viên thơ ký của ông Gandhi thì bị phạt mỗi người một năm khổ sai.

Mới bắt có ba bữa mà đã làm thành án ngay, ở tù ngay, như vậy thiệt là sốt dẻo.

Theo ở ta đây thì còn phải do quan bồi thẩm hỏi, còn phải bắt những người chứng, còn phải đối chất với người nọ người kia, còn phải xét lại những rạp-bo của ông nầy, ông thanh tra lính kín khác, còn phải đệ hồ sơ tử tập lên cho quan biện lý, còn phải đợi đến phiên tòa, ít ra cũng một năm, năm bảy tháng rồi mới xử được. Vậy thì không biết họ làm thế nào mà lanh thế ?

Có lẽ ở đó họ không tra hỏi chi hết, không cần đợi quan tòa nhóm, thầy kiện cãi chi hết, họ cứ kêu án đại đi chăng ? Như vậy thì còn gì là lẽ công bình ? còn gì là cái cân pháp luật ?

Mới có ba ngày đã thành án và ở tù, sốt dẻo thiệt. Mà tội nặng nhứt cũng chỉ có một năm với chín tháng, thì chừng như còn là dễ chịu phải không ? Phá sở làm muối của nhà nước, tội ấy có phải vừa đâu, cũng là một loài ở nhiễu loạn trị an, khuynh phúc chánh phủ mà.

Vậy cho biết đối với việc hình phạt chánh phủ Anh coi bộ không có ý thận trọng bằng chánh phủ Pháp ở ta đây. Ở đây kỹ lắm không có đâu làm lấy được như vậy.

Bọn Việt Nam Quốc dân đảng hay là Tân Việt đảng hay là Cộng sản đảng ở Sài Gòn bị bắt từ tháng 7 tháng 8 năm ngoái đến

năm nay mà chưa thấy xử, mỗi một người trong bọn họ chỉ biết mình bị bắt bị giam chớ không biết bị tội chi.

Ấy là do sự thận trọng của nhà nước, vì sợ nếu đem mà xử lấy được, kêu án đại như bên Ấn Độ, rồi hoặc giả có người bị chết oan chăng. Có ai vô trong khám thì nhắn với anh em họ rán mà chịu rệp cắn ít lúc nữa, rồi có ngày kia được trắng án, chưa biết chừng.

Sự ở tù xứ mình đâu có sốt dẻo như bên Ấn Độ, vì từ thuở mô đến giờ đã có câu lề rằng : "Ở tù như ăn cơm nguội", mà sốt dẻo làm sao được ?

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6159 (30.5.1930)

THƠ TỨC SỰ

Mấy bữa rày ở Sài Gòn rộn ràng quá cũng vì sự quyên góp cứu giúp nạn dân Bắc kỳ mà mấy người trong nhà báo ai nấy chú tâm vào một việc đó, chẳng còn nghe thấy đến chuyện chi.

Mình mới nhớ lại trong sách *Mạnh Tử* có nói chuyện Trần Trọng Tử là một anh liêm sĩ xưa. Anh va lánh anh ruột mình lìa mẹ mình đi ở biệt một mình tại Ô Lăng nhịn đói nhịn khát trong nhà hụt gạo. Anh ta tới một bên cái giếng kia sổ tai(*) lóa mắt, chẳng nghe thấy chi. Bỗng dưng cây lý gần đó có trái chín mà bị sâu ăn già nửa rớt ngay vào mồm anh va, anh va nuốt phăng đi ực ba cái rồi tự nhiên lỗ tai mới nghe con mắt mới thấy.

Mình chẳng liêm hơn ai, chẳng có nhịn đói nhịn khát như Trần Trọng Tử ; song nhớ cái phương pháp thần diệu thì cũng bắt chước mà làm coi nó ra sao.

Sẵn nhằm mùa măng cụt, nhiều lại rẻ, mới nuốt lức đi hơn chục chầu. Ai ngờ mình mong thế nọ, nó lại lộn ra thế kia, khi nuốt

(*) *sổ tai* : bùng tai, tai nghe bùng bùng.

rồi, trong mình nặng nề khó chịu, nhứt định phải nằm, không nghe không thấy cũng hoàn không nghe không thấy.

May thay không đến nỗi hỏng việc. Trong khi nhắm mắt nằm đó, lại nghĩ ra được bài thơ, là bài thơ tức sự :

Cái số đào hoa cái số nghèo,
Muối tro mà ếm, nó còn đeo !
Gấp năm lần thuế tiền đau quá
Chơi chục đồng đêm khách vắng teo
Nằm liệt chiếu giường đơ mỏ vịt
Trông đầy nồi gạo rụng lông nheo
Sẵn nhằm thiên hạ lung tung đó
Cũng biểu tình đi, kế cũng reo.

Ấy là tức sự về cuộc biểu tình của chị em đám thanh lâu trong dinh xã tây Sài Gòn hôm 26 Mai mới rồi. Cuộc biểu tình ấy có đến 150 cô nhà thổ với 20 ả tàu kê. Họ rủ nhau đem trả giấy phép làm đĩ lại cho sở Đốc lý lấy cớ rằng thuế cao quá, làm không đủ tiền mà nộp, xin từ chức hết thảy. Họ lại thanh ngôn rằng sẽ làm reo, không tiếp khách nữa, kỳ cho đến khi nào chánh phủ hạ thuế xuống.

Cuộc biểu tình nầy, thiệt mới quá, mới hơn cả các cuộc biểu tình của dân sự ở tỉnh Thái Bình ngoài Bắc, ở miền Hậu Giang Nam kỳ, hay là của học sanh An Nam tại trước dinh quan Tổng thống bên Paris. Ấy là một cái quang cảnh nên thơ lắm.

Kỹ nữ xưa nay không biểu tình mà bây giờ biểu tình. Thông Reo xưa nay không làm thơ mà bây giờ làm thơ ; cái mới nầy có tội gì chịu kém cái mới kia.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6161 (2.6.1930)

HỌ CÃI NHAU VỀ CÂU NÓI

Dân Sài Gòn độ nầy hay chữ dầu lên. Đến đâu cũng nghe người ta bình phẩm về văn chương nhứt là văn chương của báo *Trung lập*.

– Anh nầy đã lại trổ cái ngón liến thoắng ra, làm quảng cáo cho tờ báo mình đó chi !

– Không mà, thiệt tình mà. Đứa nào nó nói láo thì đọc báo *Nam nữ giới chung* !

Chiều hôm thứ bảy rồi đây, ở trong một tiệm nước An Nam kia họ cãi nhau về câu đối đăng trong *Trung lập* bữa nọ

. . . . . .

Biển hoạn sóng gầm thuyền đỗ bến ;
Trời nam hồng khuất móng in sương.

Một ông già già mà mép trơn lu, không có râu, nói rằng : "Đó là tại tụi làm báo nó chép bậy, chớ nguyên văn là chữ "êm", không phải chữ "gầm" ; chữ "bóng" không phải chữ "móng". Bởi vì biển hoạn sóng có êm thì thuyền mới đỗ bến được chớ ; nếu không êm thì nó cứ phải mở ra khơi hoài, đời nào lại dám vô bờ ? Còn chim hồng, khi nó khuất rồi thì chỉ còn cái bóng của nó lại mới phải ; chứ có phải hùm beo chi mà có móng ? Các chú nè ! mình già rồi, mình lại không thạo hơn các chú sao ? Thiệt đa, nguyên văn đó là :

Biển hoạn sóng "êm" thuyền đỗ bến,
Trời nam hồng khuất "bóng" in sương.

Trong đám ngồi đó, người thì cho phải, kẻ thì cho không, nhưng coi bộ ai cũng để ý về câu nói của ông già. Sau hết, có anh kia miệng vừa nhai nem nướng ngoàm ngoạch, vừa nói rằng : Ông già đừng ỷ bạc đầu mà nói bậy !

– Cha chả nè ! Thằng nhỏ con nhà ai mà láo dữ bề(*) !

(*) *bề* : có lẽ là "bay" tiếng hô gọi cuối câu nói.

– Thưa ông, người ăn nem nướng nói, nó chẳng con ai hết nó là con "thằng cha biết". Rồi tiếp luôn rằng :

– Biển có gầm thì thuyền nó mới sợ mà đỗ bến chớ. Nếu không gầm thì nó cứ việc nó chạy luôn. Còn câu sau, là người ta lấy ở điển "tuyết nê hồng trảo" mà đặt ra. Chỉ khác một điều là ở An Nam ta không có tuyết, nên tác giả mới sửa lại là chữ "sương" đó vậy. Còn "hồng trảo" nghĩa là móng chim hồng. Chim hồng có móng, ấy là cào cấu người ta được rồi, hà tất phải là móng của hùm beo ?

Coi đó mà coi, thiệt dân Sài Gòn hay chữ dầu.(**)

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6163 (4.6.1930)

DỤC TỐC BẤT ĐẠT

Ở miền Hậu Giang xưa rày phát sanh ra có đến năm sáu cuộc biểu tình, tóm lại hằng mấy vạn người không ít, mà chỉ có một cái mục đích, xin bớt thuế hoặc xin hưỡn thuế.

Ai nói rằng đó là sự hành động của đảng cọng sản, chớ chúng tôi nói không phải, đó là sự kêu cầu của bọn dân nghèo. Hay là, có cọng sản chăng nữa thì cũng chỉ là số ít, như lời ông Hội đồng Dược mới nói với quan Toàn quyền, chừng có năm ngàn người theo cọng sản mà thôi.

Nếu là cọng sản thiệt thì mặc họ, họ đã có cây cờ đỏ, là cái huy hiệu liều đổ máu, họ sợ gì chết, chúng tôi không nói, dầu có nói họ cũng không nghe. Nhưng nếu là anh em dân nghèo vì bức tình mà làm ra việc nầy, thì chúng tôi xin có mấy lời ngỏ cùng anh em.

(*Tòa kiểm duyệt bỏ đoạn nầy*)

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6155 (6.6.1930)

(**) *dầu* : quá, lắm (theo *Từ điển phương ngữ Nam Bộ*, sđd).

NGƯỜI ĐÀN BÀ GIỎI THIỆT

Sớm mai ngày 13 Juin mới rồi, một người đàn bà, – đích thị là đàn bà An Nam – ở Bà Chiểu, đem nộp tại cò bót Gia Định một tấm vải đỏ.

(*Kiểm duyệt bỏ một đoạn*)

Người đàn bà ấy nạp tấm vải đỏ thì cò bót nhận ngay, và có lời ban khen. Sau khi ban khen cò bót khuyên người đàn bà về thủ phận làm ăn, lo việc đóng góp cho chồng, nuôi con đi học, không việc gì đâu mà sợ.

Người đàn bà giỏi thiệt, liệu trước thế nào thì việc quả xảy ra thế ấy.

Có nhắc lại ban đầu thì mới biết người đàn bà là thậm giỏi.

Số là sớm mai ngủ dậy, chồng người đàn bà ấy thấy một tấm vải đỏ mà ai không biết giăng ra trước cửa nhà mình. Trời mùa nầy năng mưa, hơi mát một chút, chớ chưa đến nỗi lạnh, vậy mà ông đàn ông đó thấy tấm vải đỏ chi hậu rồi phát run.

– Tính làm sao bây giờ ? Mình ơi ! Tôi phải chạy đi đến các quan mà tuyên bố cái chánh kiến của tôi là không biểu đồng tình với cọng sản mới đặng, phải không mình ? – Người đàn ông vừa run vừa nói với vợ mình như vậy.

– Ấy không, Tía bầy trẻ chớ nóng, để mặc tôi, (...) việc gì mà sợ ?

Tưởng chị ta làm thế nào, té ra lấy tấm vải đỏ gói lại, rồi nói với chồng rằng : Tôi đem nó nộp cho cò bót.

Chồng lại càng sợ lắm, nói thiếu điều hụt tiếng đi mà rằng :

– Mình... làm... như... vậy rồi cò bót nói vợ chồng... ta... cọng sản mới sao ?

– Trời ôi ! Sao mà tía bầy trẻ cứ hay nghĩ lẩn quẩn như vậy ? Nhà nước Lang Sa minh chánh lắm, ai cọng sản ai không, nhà nước coi mặt cũng đủ biết. Thứ cái bộ mặt mình như vậy, còn tôi như vầy, mà cọng sản gì ?

Người đàn bà nói như vậy rồi đem tấm vải đỏ đi với mình. Đến lúc trở về nhà thấy anh chồng còn trùm mền nằm, hỏi tại sao mà nằm, nói : Tôi lạnh quá đi mình ơi ! Tôi chết bỏ mình đi mình ơi !

Chị ta chẳng thèm nói chi hết xuống bếp nấu cơm, rồi dọn bưng lên, dỗ ngon dỗ ngọt chồng mà nói rằng : Tía bầy trẻ nè ! Dậy ăn ba miếng cho hết lạnh. Ăn đi ! Không có cọng sản nữa đâu mà sợ.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6172 (16.6.1930)

MẤT QUYỀN LÀM THINH

Xưa nay nghe nói mất quyền ngôn luận, nghĩa là mất cái quyền nói đi thì có, chớ chưa hề nghe ai nói mất cái quyền làm thinh bao giờ. Cái quyền làm thinh mà mất đi, là mới từ mấy bữa nay.

Mới mấy bữa nay, giở một tập *Phụ nữ tân văn* ra xem, thấy nơi mục "Chuyện vặt Đông Tây" có kể chuyện ông La Fontaine lập mẹo để tìm trái lê bị mất.

Số là ông La Fontaine có hai trái lê vừa cầm vừa ăn. Khi ăn hết một trái rồi thì ông ta có việc trong buồng giấy, phải đi làm, bèn để trái còn lại trên lò sưởi tại phòng khách. Lúc đó vừa ưa có một người khách đến thăm, ngồi đợi nơi phòng khách, thấy trái lê thì lấy ăn. Ông La Fontaine rồi việc trở ra, thấy mất trái lê thì nói rằng : "Bất nhơn chưa ! trái lê tôi mới vừa để đây mà ai ăn đi rồi !" Ai bắt sao không biết, người khách lại tự mình chối ngược chối xuôi, nói rằng : "Tôi không ăn đa ! Thề mấy mạng tôi cũng thề, thiệt tôi không ăn đa !" Nhơn đó ông La Fontaine mới đạp bóng được, lập mẹo nói có thuốc độc trong trái lê mà tra lòi ra sự người khách ăn.

Phải chi người khách cứ ngồi tự nhiên trên phô tơi, đừng thèm nói chi hết, thì thôi, ông La Fontaine làm thế nào mà chận ngọn được ? Ấy là người khách có cái quyền làm thinh mà không biết dùng.

Thiên hạ nói ai dại thì mới chịu mất cái quyền nói, chớ không biết rằng những kẻ khi đáng làm thinh mà không làm thinh, bỏ mất cái quyền làm thinh của mình, cũng là dại chớ gì ?

Vậy mà mình lại còn nhớ ra một người nữa, cũng không biết dùng quyền làm thinh từ xưa. Ấy là chú Thúc Sanh. Lúc chú ở Lâm Tri về thăm vợ nhà. Hoạn Thơ làm bộ giận thì chú sợ hoảng hốt, vọt miệng xưng ra rằng : "Mình ôi ! mình hãy tin tôi, tôi không hề cưới vợ nhỏ đâu ! Mình ôi, oan tôi lắm mình ! Thiệt tôi không hề có lấy con Thúy Kiều đâu". Cũng vì Thúc Sanh dại, đáng làm thinh không làm thinh, mà nhơn đó Hoạn Thơ nó mới làm cho điêu đứng ê chề cho coi.

Có người hỏi vặn rằng : "Câu chuyện trên đó thấy ra ở trong sách nào ? Đừng đặt điều nói láo. Ông Nguyễn Du trong truyện *Kim Vân Kiều* ổng không hề nói như vậy bao giờ".

Nhưng Thông Reo trả lời rằng : "Hà tất phải nói theo ông Nguyễn Du ? Lấy người đời nay mà suy ra người đời xưa cũng được chớ. Một bọn đàn ông tự xưng là đội trời đạp đất ở đời mà lúc đáng làm thinh còn không biết làm thinh, huống chi cái thằng cha sợ vợ thiếu điều để trên trang mà thờ như lão Thúc Sanh !"

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6173 (17.6.1930)

Ở TÂN ĐỊNH ĐI SÀI GÒN BẰNG TỪ SÀI GÒN ĐI HUẾ

Ở Tân Định có người đàn ông 43 tuổi, hồi 37 tuổi, nhơn làm thợ trong một hãng kia, bị máy cắn mất hai ngón tay bên mặt mà anh ta vẫn làm việc như thường.

Anh ta làm thuốc. Không phải làm thuốc là *médecin* đâu, mà là làm thuốc phiện. Anh ta cầm trên tay trái, còn cái ống, kê lên đầu gối rồi lấy tay mặt còn ba ngón mà đỡ.

Hỏi làm như vậy có đủ ăn không thì anh ta nói cũng đủ, đồ đồng mỗi ngày được vài ba cắc, không đến nỗi đói, có điều rách.

Hỏi ở Sài Gòn đây thành phố có đặt ra thứ giấy tàn tật để phát cho những người nào tàn tật như anh, sao anh không đi lãnh ?

– Sài Gòn xa quá !

– Không đầy 2 cây số gì mà xa ?

– Tôi coi đi Sài Gòn bằng người ta đi Huế, mà không xa làm sao ?

– Anh nói kỳ cục quá.

Khi ấy người đàn ông 8 ngón tay mới kể sự tình cho mình nghe. Thì té ra ở Tân Định đi Sài Gòn xa thật, bằng đi Huế thật.

Số là anh ta làm mỗi ngày được ba cắc, chỉ vừa đủ ăn mà thôi. Mà nếu đi Sài Gòn thì thế nào cũng mất một ngày một buổi, công việc bỏ không làm. Lại đi như vậy thì phải tốn tiền xe điện bận xuống bận về hết một cắc, và chẳng lẽ nhịn khát, – nhịn đói đã đành – , cũng phải tốn tiền trà huê một vài xu. Vậy thì lấy gì mà đi đặng ? Làm thế nào mà đi đặng ?

Thế tất anh ta phải nhịn ăn mỗi ngày một vài xu mà để dồn lại cho được năm bảy cắc, một đồng mới dám đi. Như vậy thì phải để dồn trong đôi ba tháng mới đủ tiền đi. Ví chẳng khác nào một người lành lặn, không tật nguyền chi, có nghề làm ra tiền, mà muốn từ Sài Gòn ra Huế chơi, là phải để tiền trong đôi ba tháng cho được năm bảy chục đồng thì mới đi đặng vậy. Tân Định xuống Sài Gòn xa bằng đi Huế là nghĩa như vậy đó.

Anh ta khai rằng đi Huế như vậy từ sáu năm nay mà chẳng được việc chi cả.

Bỏ hết các lần khác, chỉ kể một lần mới hôm đầu tháng đây anh ta để dồn được đâu lối chừng một đồng rưỡi mới bắt đầu đi Huế, lần này cũng xa và cũng "xuôi" như mấy lần trước. Đến chỗ nầy đưa đơn, người ta chỉ chỗ nọ, cứ như vậy hoài từ thứ tư tuần trước đến thứ năm tuần sau mà cũng chẳng được giấy má gì hết.

Bây giờ cái đồng rưỡi đó hết sạch rồi. Anh ta tính bắt đầu để

dồn lớp khác mà nộp thuế chớ không thèm đi Huế nữa. Vì đi hoài mà vô ích, thuế vẫn phải nộp thì đi làm chi ?

Ậy, tức cười ! Đời xưa có người rút đất lại cho ngắn, đời nay người ta lại kéo đất cho dài ra.

Ậy, tức cười !

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6174 (18.6.1930)

THIỆT QUẢ CÓ DÂN NÀO NHƯ VẬY THÌ KÊU LÀ DÂN NGU CŨNG PHẢI

Sau khi ông Nguyễn Phan Long tuyên ngôn nơi tờ báo *Đuốc nhà Nam* của ông ngày 10 Juin vừa rồi, thì qua ngày 16 Juin, cũng trong tờ báo ấy, ông lại viết một bài dài ba cột, bằng ba cột giấy thép, đề là "Một vấn đề khó khăn".

Trong bài 16 Juin của ông Nguyễn, ông chẳng giấu giếm ai hết, nói rõ rằng sau khi lời tuyên ngôn của ông ra rồi thì ông có tiếp được nhiều thơ nặc danh gởi tới trách móc ông và hăm doạ ông. Tuy vậy, coi bộ ông chẳng thèm rúng chút nào. Chỉ có một điều, trong bài tuyên ngôn trước thì thấy ra ông giải quyết thời cuộc như tuồng dễ ợt, mà đến bữa sau là bữa 16 đây, ông mới nhìn nhận là "một vấn đề khó khăn" đó thôi.

Ban đầu khó, sau dễ, thì có lẽ càng ngày càng dễ, chí như ban đầu dễ, sau khó, thì lại có lẽ càng ngày càng khó đó ông !

– Bớ chú Thông Reo ! Phải ngó lại cái đầu đề trên kia mà nói, đừng có nói sang đàng.

– Ai kêu tôi mà nhắc chừng cho tôi đó thì ghé lại đây cùng tôi đọc nốt bài ông Nguyễn ngày 16 Juin.

Đây nầy ! bắt đầu ông Nguyễn nói trong bài tuyên ngôn của ông ngày 10 Juin, ông bàn rằng không thể bỏ thuế được, thì dân – không biết là ai – viết thơ tới rầy ông. Rồi kế đó ông mới trưng dẫn

ra một sự tương phản, là năm 1923 ông có tuyên bố tại nghị viện biểu phải sửa cái chế độ thuế thân đi, kẻo để một người nghèo mà cũng nộp 7 đồng như một tay điền chủ giàu là vô lý, thì dân – cũng không biết là ai, – cũng gởi thơ đến nhục mạ ông và đòi giết ông nữa. Như vậy có phải là kỳ cục không ?

Nếu quả như lời ông Nguyễn nói đó, thì trong lúc nầy đây ông phản đối sự bỏ thuế, dân không bằng lòng nên gởi thơ cự ông, chẳng nói làm chi, chớ làm sao lại trong năm 1923, ông nói tại nghị viện, có làm nhẹ thuế cho dân, mà dân lại cũng đòi không để chờ cho ông uống nước ?

Nếu quả như lời ông Nguyễn nói đó thì té ra trong khi người ta có ý không binh vực dân, dân hờn ; mà trong khi người ta có ý binh vực quyền lợi cho dân, dân chẳng những không biết cám ơn mà lại còn oán hận .....

Nếu thiệt quả có dân nào như vậy thì đừng trách, người ta kêu bằng dân ngu cũng phải.

Muốn biết có quả thiệt không, thì chỉ có nước làm ngang tới nhà ông Nguyễn lục hết giấy mực ra coi. Tiếc thay, mình không có cái quyền ấy ; làm ngang, ổng nắm cổ giao ra tòa thì khốn.

Nhưng nghĩ lại, giả sử mình có cái quyền ấy cũng vô dụng mà. Vì theo lời ông Nguyễn, bao nhiêu những đồ thơ bá láp ấy ổng đã liệng vào giỏ giấy vụn hết.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6175 (19.6.1930)

MẤY CÁI DÂU CHỈ RA KHOA HỌC ĐỜI NAY LÀ TẤN BỘ

Những máy bay, tàu lặn, xe tăng, hơi ngạt, bao nhiêu thứ đồ dùng để giết người đó, chỉ ra khoa học đời nay là tấn bộ đã đành. Song trong đó có cái mà người mình ít hay thấy như tàu lặn, hoặc chưa hề thấy như hơi ngạt, thì nói ra cũng còn lắm kẻ không tin.

Chỉ có đem chuyện rành rành trước con mắt thiên hạ ra mà nói thì ai cũng phải chịu, phải chịu khoa học đời nay là tấn bộ.

Chuyện rành rành đó là chuyện súng lục, nhứt danh là súng sáu. Súng lục đời nay nhạy hết cỡ. Không cần lảy cò, đụng tới hơi hơi một chút thì nó đã nổ rồi. Bởi vậy cho nên ông Régnier chưa hề bắn chớ phải, mới rờ đến súng, vậy mà hai người cu li An Nam liền trúng phải đạn rồi.

Độc giả nhớ lại *Trung lập* ngày 18 Juin mới rồi có thuật chuyện người Tây đó bắn hai tên cu li tại nhà ông Đạt ở Xuân Lộc.

Hôm nay tòa hỏi ra, ông Régnier khai rằng chính ông định doạ chúng nó mà thôi, chớ không bắn ; ông rút súng trong túi quần ra, mới rờ tới con cò, chớ thiệt chưa lẩy, vậy mà cây súng của ông nó điên hay sao không biết, nó nổ rồi.

Ông khai làm vậy mà thiệt làm vậy đa. Vì đời nay khoa học giỏi hơn đời xưa, người ta chế súng sáu và đạn của nó chạy bằng mười thứ súng thứ đạn hồi thế kỷ mười chín, cho nên hễ cầm tới thì nó nổ, không đợi bắn.

Ấy chỉ mới nói về cái "phẩm" (qualité) của súng sáu, chớ chưa nói đến cái "lượng" (quantité). Nói đến cái lượng súng sáu, lại càng thấy ra sự tấn bộ của khoa học ngày nay.

Súng sáu bây giờ làm sao mà nhiều quá đi thôi ! Nhiều đến nỗi đem làm đồ chơi cho trẻ con, là sự không hèn.

Tại Hà Nội, chiều ngày 7 Juin, một người lính kín An Nam đi tuần ở đường phố Sanh Từ, thình lình nghe tiếng súng nổ ra từ trong nhà một anh hàng phở.

Chú lính bước ra vô nhà coi thử, thì anh hàng phở đi khỏi chỉ có một cậu trẻ con năm tuổi đương ngồi chơi với một khẩu súng lục. Xét trong khẩu súng thì còn hai viên đạn bắn chưa hết.

Sở lính kín đã tra hỏi tên chủ nhà thì anh va khai rằng nhơn đi bán phở, lượm được khẩu súng ấy tại chỗ bãi cỏ đường phố

Nguyễn Trãi, nghĩ rằng thứ đồ đó chẳng có nguy hiểm chi, nên đem về để dành cho con chơi.

Nói nghe sướng hông ? Súng sáu mà không nguy hiểm chi, để cho con nít chơi, sướng quá. Anh hàng phở sướng quá !

Vật gì mà nhiều quá dư xài, mới đến nỗi bỏ rớt ra cho người ta lượm. Vật gì mà nhiều quá kẻ lớn xài không hết, mới đến nỗi đem làm đồ cho con nít chơi.

Cảm ơn khoa học đã ban bố cho chúng tôi.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6176 (20.6.1930)

TỜ KÊU HÙN LẬP HỘI BUÔN

Thông Reo, nhà làm báo, ngụ chỉ tại đường phố Nguyễn Công Trứ, số 5 và 6, trong ngõ 1930, Sài Gòn.

Kính cùng Quý vị thân hào trong bổn châu thành, không luận là người Nam, người Pháp, người Trung Huê hay là người ngoại quốc nào khác xin cho phép tôi phô bày một cái ý kiến hay trước mặt các ngài và luôn thể đứng kêu hùn lập một cái hội buôn.

Các ngài biết tôi là nhà viết báo, thường là kiết cú, không có tiền đâu để làm những việc to, thì xin cũng biết luôn rằng vì tôi là nhà viết báo, hay tọc mạch, thường tìm ra được những mối lợi mà người ta không ai thấy.

Quả như vậy, hiện xứ ta đương cần dùng một vật mà trong xứ chưa có, các nhà buôn ngoại quốc cũng chưa hề đem vào, nên mỗi khi muốn dùng nó thì không kiếm đâu ra.

Mà không những cần dùng thôi đâu, cái vật ấy lại là quan hệ với sanh mạng dân ta nữa. Nói cho ráo lý mà nghe nó cũng như gạo, không có không được. Vì không có nó, người ta phải dùng thứ khác thay vì nó, rồi mà hại đến sự sống chẳng chơi.

Nó lại là một món hàng buôn sẽ đặng đại lợi, vì nguyên giá của nó ở bên Tây thì rẻ, chưa có nhà buôn nào đem qua đây ; vả lại

ở đây cần dùng nhiều lắm, thì mình mua về bán, nắm sự lời trong tay chắc cứng.

Thưa các ngài, tôi đã nói tôi là kiết cú, có vốn đâu mà buôn nổi một mình, tôi giấu nó mà làm giàu làm có chi, xin nói toác ra cho các ngài nghe.

Thưa các ngài, nó là thứ *Gaz Lacrimogène*.

Có lẽ các ngài không thèm để ý đến báo quốc ngữ ở đây nên các ngài không thấy. Chớ tôi, chỉ nhờ có hay đọc báo quốc ngữ lắm mà phát minh ra được mối đại lợi nầy.

Trong một tờ báo ấy người ta nói rằng : Gaz lacrimogène là một thứ hơi không chắc gì là độc bơm ra chỉ làm cho người ta chảy nước mắt hình như là bị khói trong bếp xông lên mà thôi, một lát rồi như không, chớ chẳng có thương tích gì cả. Rồi người ta nói luôn rằng trong khoảng mới rồi, (...) có kẻ chạy tháo điền tháo thổ kiếm tất cả các hãng lớn Sài Gòn lục tỉnh mà không có thứ chất hơi ấy nên bất đắc dĩ phải dùng thứ khác.

Đó các ngài thấy chưa ? Tôi nói có phải trúng không ? Có phải nó là vật quan hệ với sanh mạng mà phải có mới được không ?

Bây giờ tôi định kêu hùn lập một hãng buôn, buôn thứ chất hơi ấy. Các ngài bằng lòng thì xin viết lên trên báo mà tán thành.

Bổn chương trình lập hội, tôi đã thảo sẵn, chờ hễ có hội đồng nhóm là đem trình. Đây tôi chỉ nói sơ những địa điểm của hội cho các ngài nghe.

Hãng chánh ở tại Sài Gòn. Còn các hãng ngánh thì ở rải rác khắp lục tỉnh, nhứt là miền Hậu Giang, Thanh Chương, Vinh - Bến Thủy, Thái Bình, khi phát đạt ra, sẽ đặt hãng ngánh khắp Đông Pháp.

Người phát khởi

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6177 (21.6.1930)

TÌNH BẦU BẠN ĐỜI NAY

Chú Đuốc với chú Trung mấy lâu nay tuy không phải là bạn thiết nghĩa chi với nhau lắm, nhưng vì ở chung một làng – làng Báo hại – với nhau, vô thấy nhau ra thấy nhau, nên vẫn tử tế với nhau, không việc chi.

Nhưng chú Đuốc có ý khinh người, thấy chú Trung bộ lừ khừ thì tưởng là thằng cha nầy dễ ăn hiếp, ăn hiếp lún !

Một ngày kia Trung nói gì đó Đuốc ở bên nhà mình giơ miệng kêu Trung mà mắng rằng : Thằng Trung mầy nói bậy ! mầy nói dối !

Ở đời bây giờ, họ tuy toa lủy mỏa với nhau là thường, kêu nhau thằng nọ thằng kia là thường, mắng nhau là nói bậy nói dối là thường, cho nên chú Đuốc tưởng mắng như vậy không hại chi, bề gì thằng cha Trung nó cũng nể mình, cười mà trừ là hết chuyện.

Ngờ đâu chú Trung cho sự ấy là quan hệ đến cái nhân cách của mình, cái nhân cách của mình là cái không thể để cho ai giày đạp, bèn nổi đóa lên mà cự lại chú Đuốc, kêu chú Đuốc là vô lễ, từ rày sắp tới, không thèm chơi nữa, không thèm nhìn là anh em, là hàng xóm làng giềng chi nữa hết.

Bên chú Đuốc, có ăn năn không thì không biết, song cách sau đó một vài bữa hai chú gặp nhau tại ngoài đường. Chú Đuốc chạy lại vỗ vai chú Trung, ra như tuồng "giả lả" thì phải, Đuốc nói với Trung rằng :

– Bạn đồng nghiệp ơi !

Bên kia liền trả lời rằng :

– Đồng nghiệp chi anh mà đồng nghiệp ? Anh kể ai mà đồng nghiệp đồng nghiệc nà.

Song le chú Đuốc cứ chạy theo vỗ vai nữa, cười ngọn ngoẻn mà rằng :

– Anh Trung ơi ! Mời anh tới nhà tôi nói chuyện, "nói chuyện cho tới cùng".

Vậy mà Trung ta cũng cứ nguyên nguyển sấp lưng đi một nước, chẳng thèm ngó ngàng gì hết. Đi một đỗi xa, day mặt lại mà nói với Đuốc rằng :

– Anh Đuốc nè. Anh có chịu lỗi với tôi thì tôi mới chịu nói chuyện với anh thôi.

Hỡi bạn độc giả là bạn yêu quý của Thông Reo ơi ! Coi câu chuyện nầy đây, thấy trong đó có nhiều cái ý nghĩa ngộ lắm ; rồi mạnh ai nấy tự hiểu lấy.

Bạn của Thông Reo cũng nên soi đó mà rày trở đi đừng có ai khinh thị Thông Reo làm chi, dầu va có nhơn vì làm reo mà mất chức thông ngôn, bây giờ không có chỗ làm cũng mặc va. Khinh va rồi có khi vỗ vai đòi nói chuyện mà va không thèm nói thì chai quá !

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6179 (24.6.1930)

CẦN CỎ KÊU ÔNG TRẦN TRỌNG KIM MAU MAU TÁI BẢN SÁCH *NHO GIÁO* MÀ GỞI VÔ SÀI GÒN

Ông Trần Trọng Kim làm cuốn sách *Nho giáo* ra, thiệt có ý duy trì phong hóa, bảo tồn quốc túy, cái nguyện vọng của ông đủ một trăm thứ bà rằn, vậy mà chẳng biết in ra được bao nhiêu, cho đến bây giờ mà còn chưa gởi bán tới trong Sài Gòn nầy, thật người ta trông lắm ông ơi !

Chẳng thà ông không làm ra thì thôi, cái nầy ông làm sách *Nho giáo* ra rồi ông bán nội ở ngoải, không lưu thông đến trong nầy, ông ở làm chi mà tình tệ vậy ? Trong nầy người ta nói hành ông lắm đó, ông Trần Trọng Kim.

Chẳng phải là vì cái bài phê bình của ông Phan Khôi trong *Phụ nữ tân văn* mà người ta muốn mua cuốn *Nho giáo* của ông để đối chiếu đâu, ông Trần Trọng Kim. Nhưng là vì người ta muốn học cái đạo Nho giáo của ông đó, ông Trần Trọng Kim.

Thông Reo đã đọc một bận cuốn *Nho giáo* của ông rồi. Thấy trong đó ông có dẫn nhiều lời của đức chí thánh tiên sư Khổng phu tử.

Ngài dạy rằng : "Hành kỷ hữu si". Nghĩa là trị mình có điều xấu hổ. Nói theo tiếng ta cho rõ thì là : Bất kỳ ai, phải có cái sự biết xấu biết hổ trong khi cai trị lấy mình.

Lại rằng : "Cổ giả ngôn chi bất xuất, sĩ cung chi bất đại dã". Nghĩa là : người đời xưa nói thiếu điều chẳng ra lời, vì sợ mình làm không kịp lời nói của mình thì là xấu hổ vậy.

Lại rằng : "Quân tử ngôn cố hạnh, hạnh cố ngôn". Nghĩa là : Người quân tử, lời nói phải ngó lại việc làm, việc làm phải ngó lại lời nói.

Còn nhiều lắm, kể ra không xiết kể. Nhưng đại ý đạo của đức Khổng dạy người cốt lấy sự biết xấu hổ làm trước, mà sự xấu hổ thì chẳng chi bằng lời nói với việc làm trái nhau. Tôi nói vậy có phải không ông Trần Trọng Kim ? Tôi coi ông như là ông thánh con trong Nho giáo, nên tôi phải hỏi lại ông cho chắc đó, ông Trần Trọng Kim.

Nếu quả vậy tôi cắn cỏ mà kêu ông, xin ông mau mau gởi sách *Nho giáo* vô bán trong nầy. Nếu có hết thì biểu nhà in đóng đèn làm gấp đi đặng xuất bản lần nữa mà gởi vô.

Ở đây có người lôi thôi lắm. Nói ra thì nói, tôi không hề nói dối, thế mà chúng bắt được nói dối hai lần rồi. Nói ra thì nói tôi không thèm công kích cá nhân, vậy mà đã lăm le muốn công kích cá nhân. Cái người ấy, giá có sách *Nho giáo* của ông mà cho họ học, tốt lắm đa, ông Trần Trọng Kim.

Sự tôi mách miệng cho ông đó, không phải tôi phỉnh ông đâu, ông Trần Trọng Kim. Tang chứng còn nguyên hiện trong tay tôi đây ông Trần Trọng Kim. Ông cứ gởi sách vô đây, nếu bán không chạy thì ông cứ biểu đem đổ dộng trong nhà tôi, tôi đền tiền cho ông, tôi biết xấu hổ, tôi không nói dối đâu ông Trần Trọng Kim.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6181 (26.6.1930)

VĂN ÔNG LONG ĐỘ NÀY BẬY QUÁ

Cả nước Việt Nam chớ đừng nói nội Nam kỳ, ai cũng cho ông Nguyễn Phan Long là học giỏi, viết văn hay ; vậy mà không biết làm sao độ nầy văn ông bậy quá.

Nói như vậy không phải chê văn quốc ngữ của ông dở. Chắc dạo nầy văn chữ Pháp của ông cũng dở. Đó là tại cái thời của ông nó tính xuống rồi hay sao chẳng biết.

Thiệt vậy, nếu đem mấy bài ông đã viết công kích *Trung lập* mấy hôm nay mà dịch ra chữ Pháp thử coi, đố ai ngửi được ! Vì trong bài ông nói lộn ngược lộn xuôi, tầm bậy tầm bạ, đầu đuôi không tiếp nhau, thì có đem mà dịch ra tiếng gì đi nữa, lại hay được hay sao ?

Văn quốc ngữ của ông không hay lắm chớ cũng vào hạng khá. Nhưng đó là nói mấy bài mới ra hồi *Đuốc nhà Nam* khai trương kia ; chớ hiện bây giờ đây thì thiệt là nó nát như tương.

Văn như vầy đây mà không kêu là bậy sao được ? Đố ông trạng sư nào lấy cái tài hùng biện tới trời đi nữa cũng không có thể binh vực[*] về sự ấy cho ông Long.

Ai có đời trong bài *Đuốc nhà Nam* ngày 23 Juin, đầu hết ông tố cáo *Trung lập* là về phe với cọng sản ; rồi kế đó ông nói như vầy : "*Trung lập* biểu chúng tôi phải can thiệp vào từ trước mới phải ; còn phía cọng sản thì trách chúng tôi sao lại can thiệp vào giữa lúc mà lòng hăng hái của dân đương lên tới cực độ".

Đó, xin bà con nghe, có phải là tréo nhau không ? *Trung lập* nếu đã là một phe với cọng sản thì hành động theo một cách với nhau mới phải, chớ sao lại một đàng biểu phải can thiệp sớm đi, còn một đàng lại trách sao cứ can thiệp ? Như vậy sao gọi một phe ?

Bậy nhứt là tại bốn chữ "Còn phía cọng sản"!

---

[*] bản gốc là "binh lực", có lẽ in sai, ở đây sửa lại.

Nói "phía cọng sản" thì người ta phải hiểu rằng còn một phía bên kia đối với cọng sản nữa là phía *Trung lập báo*. Vậy thì *Trung lập* với cọng sản thành ra hai phía rồi ; chỉ có nói ngang như ghẹ thì mới kêu là một phe được.

Văn bất thông, dốt nát, bá xàm bá láp, tầm bậy tầm bạ như vậy, mà ở dưới ký ba chữ Nguyễn Phan Long to bằng cái bồ để tỏ rằng ấy đó là nhà đại văn học Việt Nam, ngôi sao sáng ở Nam kỳ, cái tinh huê của trời đất, cái khí thiêng của non sông, đã giáng bút mà viết ra ! Trời ôi là trời ôi !

Vậy mà nghe nói ông sửa soạn viết một cuốn tiểu thuyết cho thiệt cừ để tranh phần thưởng văn học của *Phụ nữ tân văn* năm 1930, mới đắng họng cho chớ !

Đó chắc là người ta đồn tầm bậy, chớ văn như vậy mà tranh với ai ?

Tức mình muốn kêu ông Đào Trinh Nhất ra mà hỏi chớ sao lại chịu đăng những bài ông Long bậy như vậy. Quyền chủ bút ở đâu ?

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6182 (27.6.1930)

MÉT MOI !...

Theo như tin của *Đuốc nhà Nam* độ nầy cụ lớn Homberg mướn đờn bà An Nam ta làm việc cho cụ nhiều lắm.

Ông có mướn chị vú Trần Thiện Quý (tin của *Đuốc nhà Nam*) giữ nuôi cậu bé *Trung lập*. Bữa nọ chị vú Trần dắt cậu bé *Trung* đi đến chỗ sân của trẻ nhỏ chơi. Cậu bé *Trung* chơi cậu công tử *Đuốc* có hơi nặng tay. Cậu *Đuốc* bèn đổ quạu trở lại mắng chị vú Trần.

Không biết chị vú Trần trị cậu *Đuốc* cách nào, cậu về học lại với ba cậu làm sao mà qua ngày mai ba của cậu *Đuốc* cũng là cụ lớn lật đật viết thơ cho cụ lớn Homberg mà mắng vốn gắt lắm.

Chưa rõ hai cụ lớn họ sẽ trả lời với nhau cách nào ? . . .

Thông Reo còn nghe (tin của *Trung lập*) cụ lớn Homberg cũng có mướn hai cô đờn bà An Nam đã từng nổi tiếng là khôn lanh quỷ quyệt ở đất Nam kỳ, nghe phong thanh đâu một cô là họ Trương còn cô nọ là họ Bùi, để xài về việc gì chưa ắt đặng.

Để Thông Reo ăng-kết(*) lại rồi sẽ tường thuật cái chức trách của mỗi cô cho độc giả yêu quý của Thông Reo nghe.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6183 (28.6.1930)

LÀM THẦY, LÀM CHƠI ; LÀM QUAN, KHÔNG CHỊU

Mới có tin rằng ở Trung-Bắc kỳ bắt đầu từ năm học (année scolaire) tới đây, trong ngạch giáo chức có sự thay đổi mà ta không ngờ đến.

Số là từ khi bộ Học ở Huế bãi rồi, các giáo chức ở ngoài đều thuộc về quyền bảo hộ ; mấy ông thầy An Nam dạy trong các trường đều là thầy mà thôi, chớ không phải quan, vì chẳng có phẩm hàm chi hết. Nghe nói bắt đầu từ năm học tới đây, những thầy ấy sẽ như con tằm lột ra con nhộng mà lột ra quan vậy.

Mỗi tỉnh sẽ có một quan Đốc học, mỗi phủ sẽ có một quan Giáo thụ, mỗi huyện sẽ có một quan Huấn đạo, những phẩm trật của các quan ấy sẽ y như hồi còn khoa cử, và lại có những lính hầu, nhà ở, chẳng thiếu món chi.

Rồi hết thảy những học trò từ nhỏ tới lớn đến các trường ấy mà học, là học với quan chớ không phải học với thầy.

Nói tóm một lời, bây giờ đây ngạch giáo chức ở Trung-Bắc kỳ, nhà nước sẽ khôi phục lại cái chế độ đời xưa, thế mà thôi, chẳng có gì lạ.

Quan thì theo lối đường xưa, song người thì dùng người đời nay. Những ông thầy hiện dạy bây giờ, hàng *Professeurs* sẽ được

(*) *ăng-kết* : phiên âm chữ Pháp enquête : điều tra.

chọn làm Đốc học, hàng *Instituteurs* sẽ được chọn làm Giáo thụ và Huấn đạo. Khi được chọn rồi, các ông ấy sẽ vào ngạch Măng-đa-ranh, sẽ đeo bài ngà, sẽ đóng ấn đỏ, sẽ có lính hầu điếu tráp, sẽ có kẻ bẩm quan lớn, lại cũng sẽ có cô hầu non ngồi xe cao su nhà bắt lính kéo đi chợ.

Vinh quan thay ! Hạnh phước thay !

Vậy mà nghe chừng có mấy ông không chịu lộn thầy ra quan như vậy, họ tính xin từ chức mà về.

Họ chẳng lấy cớ chi khác hơn là cái cớ làm như vậy là mất sự tự do của họ. Họ nói rằng trong đám họ bấy lâu nay phần nhiều đã ăn mặc Âu phục rồi, cầm ba-ton quen rồi, ngậm xì gà quen rồi, nay nếu đổi thầy ra quan thì tự nhiên phải làm cho ra quan dạng, bỏ hết thảy đồ tây ấy mà mặc áo rộng đen, ngồi chống cùi chỏ trên gối dựa, thì đánh cho chết, họ cũng không chịu nổi ; nhà nước làm chi thì làm, họ cũng xin từ chức mà về.

Nghe phong thanh trong đám xin từ chức ấy có những ông đốc Ấm, ông đốc Ngân, ông đốc Dư, là mấy tay mô phạm ở Trung kỳ có tiếng hơn hết.

Có người hỏi từ chức về rồi làm chi, đường sanh nhai bây giờ khó lắm. Song mấy ổng trả lời rằng : Chúng tôi về rồi làm chi thì mặc kệ chúng tôi.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6185 (1.7.1930)

THÔI RỒI ! TRÁI ĐẤT RÚT NHỎ LẠI RỒI, CÒN CHI !

Từ đời cố hi nào không biết, trái đất đương lòng mà đặc lại, cho tới bây giờ, bổn thể nó chừng nào còn y nguyên chừng nấy, cho nhà khoa học nào đi nữa cũng tưởng như vậy, chẳng ai hề nghĩ khác.

Vậy mà có ngờ đâu từ hồi thế kỷ 19 kia, đường xích đạo của trái đất đã rút lại vắn bớt đi hai dặm Ăng Lê rồi, – ấy là lời của một nhà thiên văn học nước Đức nói như vậy.

Cứ theo vị bác sĩ A-lơ-măng ấy điều tra ra thì từ năm 1828 về sau, đường xích đạo đã càng ngày càng ngắn bớt. Cái số rút vắn đi đó rất ít là một dặm rưỡi Ăng Lê, mà rất nhiều là hai dặm và một phần ba dặm nữa.

Lấy chứng cứ vào đâu mà biết được điều ấy ? Nhà bác sĩ ấy nói rằng bởi cái sức đi mau của trái đất càng ngày càng tăng gia, mà sự tăng gia ấy lại có cái chứng cứ đành rành, là vì người ta nghiệm ra thì giờ của cái ngày từ đó đến nay lần lần vắn lại. Nhà thiên văn học đó đã quan sát kỹ lắm, nói rằng đồ đồng mỗi năm rút vắn đi hết một giây đồng hồ.

Thiệt ra thì cái bề dày của trái đất rút bớt đi không đầy ba tấc Ăng Lê, song le rút nội chừng nớ cũng đủ thêm cái sức đi mau của trái đất và có ảnh hưởng đến sự mau chậm của thời gian rồi vậy.

Về câu chuyện trên nầy chẳng biết có thiệt chăng, song đó là thấy trong một cuốn sách nói về khoa thiên văn mới xuất bản mà dịch ra cho bà con coi chơi chớ không phải tự tôi đặt điều nói dỡn đâu.

Khổ thì thôi ! Mình là thằng cha hay bông lơn hay nói dỡn, rồi đến khi nào nói thiệt cũng chỉ sợ bà con cô bác cho là nói dỡn, mà phải phân bua phân cớ rào trước đón sau, thiệt là rầy quá !

Vậy mà biết sao đặng bây giờ. Cái tánh nói dỡn nó quen rồi. Đánh cho chết cũng không hết nói dỡn. Dỡn thì dỡn luôn thể.

Thôi rồi ! bà con ơi ! Trái đất nó rút nhỏ lại rồi, còn chi.

Cũng vì trái đất rút nhỏ lại mà mới sanh ra vấn đề ruộng đất ở Nam kỳ. Chớ phải chi nó cứ lớn như trước thì thôi, có ai so đo từng chút làm chi mà nói những lấy của kẻ nầy chia cho kẻ khác ?

Lại cũng vì ngày giờ vắn lại cho nên người ta phải hà tiện nó, không chịu thi hành cái luật lao động làm một ngày 8 giờ đồng hồ của dân Đông Pháp.

Thiệt đó chớ không phải dỡn.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6186 (2.7.1930)

CON CHÓ GIỐNG ÔNG TRỜI

Trong đời chẳng có câu chuyện nào là câu chuyện vô lý. Cho đến "con chó giống ông trời" mà cũng có lý đi, thì hết cớ !

Người ta hay kể chuyện, gần như chuyện đời xưa, mà rằng : Có một ông cha vợ với hai chàng rể rủ nhau làm thơ, làm thơ theo lối "phân vận". Phân vận nghĩa là tùy số người mà đặt ra mấy vận, viết mỗi vận trong một miếng giấy, vò viên lại mà bỏ trong hộp, rồi mỗi người thò tay bốc như rút thăm, hễ ai gặp vận nào thì làm vận ấy.

Cái đề của bài thơ là "con chó", và có ba vận, là "mèo", "tôi" và "trời".

Ông gia rút nhằm vận "mèo" ngâm rằng :

Nực cười con chó giống con mèo,
Sớm mai ngủ dậy ngoắt đuôi theo.

Hai chú rể vỗ tay cười rộ lên, khen hay, hay. Rồi đồng thanh nói rằng : Thưa cha làm nội hai câu là đủ, văn hay bất luận đặt dài.

Được ! Thôi, nội hai câu cũng được.

Đến chú rể lớn, gặp vận "tôi". Ngâm rằng :

Nực cười con chó giống cha tôi,
Sớm mai ngủ dậy ngoắt đuôi ngồi.

Nghe bậy quá, nhưng mà ông gia làm thinh, sợ chú rể út khiếp đi mà làm không đặng chăng.

Đến chú út, vận "trời", ngâm rằng :

Nực cười con chó giống ông trời,
Sớm mai ngủ dậy ngoắt đuôi dơi.

Đến chú nầy lại còn bậy hơn nữa. Con chó mà chú đem ti với ông trời, huống chi là thứ ông gia, bởi vậy cha vợ hết chỗ trách chú rể lớn.

Câu chuyện kỳ quái như vậy đó mà ai ngờ rồi có lúc xảy ra được.

Sớm mai 2 Juillet trên xe điện tại ga Gò Vấp có chú khách nhỏ

nhỏ đi bán dạo dầu Nhị thiên đường. Mới ngó qua, ai cũng nói đích thị thứ dầu ấy.

– Nị bán bao diêu một ve ?

– Dì hào bun.

– Dì hào lớ.

– Hùm tắc lớ ; dì hào xây.

– Ngộ ầm mại !

– A thôi ! Dì hào, dì hào, cái nầy ngộ bán rẻ mà !

Mình phải sanh nghi. Thứ dầu nầy thường chúng bán hai cắc rưỡi, sao lại bán có hai cắc ? Coi lại đã, kẻo lầm.

Trời ôi ! Nó là "nhị khuyển đường" ! ! !

Thiệt ông trời có làm thế nào mà giống với con chó được ; song le chữ "khuyển" hơi giống với chữ "thiên", thì cũng tức là con chó giống ông trời rồi, nên họ mới tính mập mờ đánh lận con đen chơi đó.

Sợ thét đây rồi con chó nó còn giống đến ông gì nữa, thứ ông trời là báu !

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6189 (5.7.1930)

MỘT VIỆC CẢI CÁCH MÀ LÀM THIỆT MAU

Mới bữa 5 Juillet đây, ban ủy viên thường trực của Hội nghị kinh tế và lý tài Đông Pháp đã chuẩn y tăng thuế rượu như vầy :

Bất kỳ thứ rượu gì, hễ là rượu nguyên chất (alcool pur), thì khi bán ra, nhà nước lấy thuế mỗi lít 1$70.

Còn rượu nấu riêng cho An Nam uống, kêu là rượu công-xi, kêu theo các chú là bạc chẩu, thì mỗi lít nguyên chất lấy thuế 0$45.

Lại các thứ rượu kêu bằng rượu Tàu, như rượu cúc, rượu sen, rượu nếp, cùng là ngũ gia bì, mai khôi lộ, là rượu các hạng người sang trọng hay uống, thì mỗi lít nguyên chất lấy thuế 0p65.

Các khoản thuế rượu ấy được nghị viện chuẩn y trong ngày 5 Juillet, cách hai ngày, đến bữa 8 Juillet, các hãng rượu ở Sài Gòn đều lên giá.

Mấy bữa một lít rượu công-xi bốn cắc, bữa nay bốn cắc sáu xu. Bán lẻ lại mắc hơn chút nữa. Cái ly bốn xu mấy bữa, bữa nay 5 xu mới được.

Người ta nói rằng chánh phủ hiện đương lo cải cách mọi việc. Việc này mới là một việc cải cách thứ nhứt.

Người ta lại nói rằng từ nay mọi việc hễ có nghị viện chuẩn y là ra nghị định liền, thi hành liền, không có để trầm trệ như mấy khi nữa. Như vậy tốt lắm, như vậy dân chúng tôi chịu lắm.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6194 (11.7.1930)

NGƯỜI TA VỚI LOÀI VẬT

Một người tu tại gia, theo Phật cũng không ra theo Phật, theo Cao Đài cũng không ra theo Cao Đài, chỉ có việc trường trai, không hề sát sanh, như vậy rồi tin quyết mình là đắc đạo. Người ấy thường đem cái đạo ăn chay ra mà truyền bá cho những kẻ chung quanh mình, gặp ai cũng giảng dụ, biểu phải ăn chay đừng sát sanh mới được.

Ngày kia, anh đi gặp một người theo đạo Tự nhiên. Đạo Tự nhiên là một đạo mới mà cũ, thuận theo lẽ tự nhiên, gặp gì ăn nấy. Nhà cư sĩ giảng lẽ ăn chay ; thầy tự nhiên bác lại rằng :

"Người ta ở đời là ở chung với các sanh vật khác. Trời sanh ra muôn vật, thượng cầm, hạ thú, là cốt để làm đồ ăn cho người ta. Người ta quý hơn con vật là ở đó. Cho nên, người ta ăn thịt ăn cá, ấy là vâng theo cái mạng lịnh của trời mà cũng thi hành cái quyền của mình, như vậy, có chuyện gì mà giới sát ? Theo đạo tự nhiên chúng tôi, khi có rau ăn rau, khi có thịt ăn thịt, chẳng từ một món nào".

Nhà cư sĩ nghe lời phản đối, cho là trái ý mình, song le hết đường cãi lại.

Sau rồi cư sĩ hỏi một vị đại đức, nhờ kiếm lẽ chống lại với phái Tự nhiên. Vị đại đức nói rằng :

"Cái lẽ sờ sờ ra trước con mắt, tại mình tối tăm mà không thấy, chớ có ở đâu xa mà kiếm ? Vả lại, cái lẽ mà đợi đến phải kiếm ấy là cái lẽ xuyên tạc, không phải lẽ thật rồi.

Trời sanh muôn vật ra là bình đẳng. Chẳng có sắm vật gì ra làm đồ ăn cho vật gì hết. Có điều hễ vật nào mạnh thì ăn vật yếu đó thôi. Trời chẳng hề có ban mạng linh cho ai hết, còn cái quyền của người ta, chỉ là cái quyền của kẻ mạnh. Nếu nói trời sắm ra con gà, con heo, con cá để nuôi người ta, thì cũng có thể nói rằng trời sắm người ta ra để làm đồ ăn cho con rệp con muỗi hay sao ?

(*Tòa kiểm duyệt bỏ*)

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6200 (19.7.1930)

PHẢI CHI NƯỚC AN NAM MÌNH LÀ MỘT NƯỚC CÔNG NGHỆ, THÌ DẠO NÀY CŨNG PHẢI BÁN TRỐNG CHIẾN

Bên Huê Kỳ, mới hôm tháng Juin trước đây, thình lình tăng thuế đoan (douanes) lên. Cái nghị án ấy cho tới 3.218 khoản hai viện đã thông qua rồi, và quan tổng thống cũng đã chuẩn y.

Sự tăng thuế đoan ở Huê Kỳ đây là do theo cái bảo hộ chánh sách (*protectionnisme*)(*), nghĩa là họ đánh thuế hàng hóa ngoại quốc đem vào cho thiệt nặng, thì bớt hàng ngoại đi, đặng mà bảo hộ cho công nghệ trong nước.

Ngày nay là ngày các dân tộc trên thế giới giành nhau mà sống ; ai lo phần nấy, ai cũng kiếm phương thế cho nấy. Tài chi nước Mỹ xưa nay là một nước công nghệ, xưởng máy khắp trong nước,

(*) *protectionnisme* : chế độ thuế quan bảo hộ.

người ta coi thì giờ là vàng, mà mới rồi đây, họ tính ra cả nước có đến 3.609.000 người thất nghiệp thì họ lo cũng phải.

Ông Huê Kỳ lo binh vực cho xưởng máy mình, cho công nhân mình thì các ông khác lại thấy hơi khó chịu, nhao nhao lên rồi.

Bên Á châu, sau khi thấy Huê Kỳ thi hành cái tà-líp đoan mới ấy, thì ông nào ông nấy lo bấn trống chiến. Phải chi An Nam mình có hàng hóa đem bán bên Mỹ thì dạo nầy mình cũng phải lo như họ. May sao mấy ông Thánh nước mình khạc nhổ trên cái vật chất văn minh, nên mình dạo nầy khá khoẻ ! Họ hữu sự thì họ lo khay kháy ; còn mình vô sự thì mình ngáy pho pho !

Dư luận bên Pháp cho việc nầy là có quan hệ với nền kinh tế nước Pháp lớn lắm. Có một tờ báo lớn ở Paris kể ra, nước Pháp có đến những mấy chục thứ hàng hóa hệ trọng đem bán bên Mỹ mỗi năm thâu lợi đến những mấy trăm triệu francs ấy là những đồng hồ, vớ, da sống và da thuộc, và nhiều thứ khác nữa, nay nếu thuế đoan nặng, chở qua bán chẳng lời lãi chi, người ta không chở, thì đem mà đổ đi đâu ?

Ấy đó, lơ lơ vậy mà nguy, mà khó chịu, chớ chẳng chơi !

Lại có người chiếu sổ thống kê hàng hóa nhập cảng nước Mỹ mà tính ra, thì thấy trong sự tăng thuế nầy, có lẽ chỉ một mình nước Pháp là chịu thiệt hại hơn hết.

Bởi vậy ông Armand Méglé đổng lý sở ngoại quốc thương vụ (Directeur de l'Office nationnal du Commerce extérieur) mới hoạch ra một cái kế, nói chỉ có cuộc liên hiệp cả quan thuế Âu châu (l'union douanière européenne) thì mới đối phó lại với cái chánh sách mới của nước Mỹ được. Ấy là theo như báo *L' Oeuvre* đã nói.

Họ định làm như vậy thì cũng lại cái kế trả nùa(*), vì hàng hóa Mỹ cũng có nhiều thứ nhập cảng trong các nước Âu châu. Hễ chú làm thắt ngặt tôi thì tôi cũng làm thắt ngặt chú, vậy đó.

(*) *trả nùa* : trả oán, trả hờn, (theo H.T.Paulus Của, sđd.).

Trong trận giặc kinh tế nầy An Nam khỏi phải tùng chinh, chỉ nằm nhà coi chơi. Nhưng biết đâu rồi sự thất bại của người ta chẳng liên lụy tới mình ? Lo ta ! Lo !

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6202 (22.7.1930)

KIM TIỀN VÀ NGHĨA VỤ

Báo *L'Ami du Peuple* có ấn hành "Bức thơ dâng cho quan tổng trưởng bộ Thuộc địa" trong có câu rằng : "Người An Nam vẫn yêu nước Pháp, song le họ bắt đầu ghét những người Pháp nào từ sau trận Âu chiến có hơi hơi lo tính về kim tiền hơn săn sóc về nghĩa vụ.

(*Kiểm duyệt bỏ*)

Câu ấy, do miệng một người Pháp nói ra, có lẽ mà đúng với sự thiệt. Song chúng ta phải hiểu cho kỹ, đó là nói những người Pháp nào mà trọng tài khinh nghĩa thì An Nam mới ghét ; còn những người Pháp nào không có bụng dạ chẳng tốt ấy, thì An Nam không ghét đâu.

Còn nói chi cái sự yêu nước Pháp thì đã đành. Nước Pháp là nước trọng nhân đạo, tới đâu cũng rao ra ba cái chủ nghĩa lớn : tự do, bình đẳng, bác ái, thì ai mà chẳng yêu ?

Sự yêu nầy thiệt đáng, mà sự ghét kia cũng không thể gọi là chẳng đáng.

Cứ theo câu ấy thì trước cơn Âu chiến, An Nam chẳng hề ghét một người Pháp nào. Phải, chúng tôi nhớ lại, hồi đó sự sống ở Đông Pháp đây chưa có mắc mỏ như bây giờ.

Lo tính về kim tiền thì ai chẳng lo tính ? Ở đời mà không lo tính cái khoản ấy thì ở đời sao đặng ? Huống chi người Pháp ở bên Đại Tây Dương kia, lặn lội mà qua thuộc địa nầy, biểu đừng lo tính một chút đó, thôi còn qua đây làm chi ? Song le, lo tính thì lo tính mà đừng có bỏ bê nghĩa vụ kia, thì tự nhiên chẳng ai ghét hết.

Nói đến chỗ nầy thì thấy cái câu đó hơi khó giải nghĩa. Có người

Pháp nào lại là người bỏ bê nghĩa vụ mình mà chỉ đeo đuổi theo kim tiền đâu ?

(*Kiểm duyệt bỏ*)

Lại cứ như câu ấy thì dầu những người lo tính về kim tiền cũng chỉ là "có hơi hơi" mà thôi, chớ chẳng phải là lo tính gắt mấu như những nhà buôn cứ xóc bàn toán cả ngày. Vậy thì cái "hơi hơi" đó cũng chẳng đến hại ai là bao nhiêu, can gì mà ghét ?

Cứ theo như tôi, tôi tán hoài ra như vậy, rồi thành ra chẳng có người Pháp nào lo tính kim tiền hết, chẳng có người Pháp nào bỏ bê nghĩa vụ hết, và An Nam cũng chẳng có ghét một người Pháp nào hết, mà yêu nước Pháp vẫn cứ yêu, như vậy chẳng là vững cuộc trị an cho xứ nầy lắm sao ?

Chỉn e ba tấc lưỡi của tôi có làm sao địch lại nổi hai bàn tay ngón đủ mười của họ !

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6203 (23.7.1930)

THUỐC TRỪ RỆP

Sài Gòn ta có tiếng là cái ổ rệp. Bất kỳ ai ở đâu tới ở ít bữa, cũng phải kêu.

Tuy vậy cũng tùy từng nhà, những nhà hạng dân thầy sắp xuống cho đến nhà lá, nhà đóng tường ván mà hạng anh em lao động ở, thì mới thấy nhiều rệp, chớ còn những nhà lầu, lót gạch bông, ở trong rặt những ghế kiểu Lu-y cách lót và giường Hồng Công thì rệp chun vào chỗ nào đặng ?

Người bạn của tôi là hạng dân thầy mà là dân thầy tầm thường. Nhà đông con nít, ít đứa ở, không hay quét dọn, rệp nhiều có tiếng.

Cái nhà ấy mà nghe đến thuốc trừ rệp thì còn phải nói chi nữa. Ở đâu có cũng tìm và mắc mấy cũng mua.

Trong khi đương trông mỏi mắt, thì thấy có người đi bán dạo thuốc trừ rệp. Thầy ta kêu vô mua hai gói mỗi gói một cắc. Gói

nào cũng phong giấy ở ngoài thiệt kỹ. Bóp thử mà coi thì biết rằng có tới bốn năm lớp giấy là ít. Cứ như lời người bán thì khi nào dùng hãy mở ra, đừng mở bậy mà nó lãng hơi. Va lại còn thề rằng nếu thuốc nầy mà trừ không hết thì va chết không thấy mặt nhau nữa !

Người bán mang gói đi, còn thuốc cất đó.

Hôm mới rồi, chúa nhựt dân thầy nghỉ làm việc, ở nhà trị ba con rệp, tính phen nầy thì thôi, chúng nó phải tuyệt.

Ngoài gói có cái toa chữ in, dặn rằng lấy thuốc rải trên giường trên ván rồi rệp bò lên, đánh mùi thuốc say chết tức thì.

Vợ dọn mùng, con cuốn chiếu, cả nhà làm như là đánh trận giặc lớn.

Dân thầy ngồi cầm cục mở từng lớp giấy. Một lớp, hai lớp... ba lớp... bốn lớp... năm lớp... mà cũng chưa hết, cho đến mười hai lớp giấy cả thảy, mới lòi thuốc ra.

Trời ôi, thuốc cũng bằng giấy. Mà giấy có chữ.

Dân thầy tiếc hai cắc bạc mà lại giận thằng cha bán dạo phỉnh mình. Cái gì tầm bậy vầy mà nó nói thuốc.

Thành ra những rệp nhà ấy, bữa đó, con nào con nấy còn sống nhăn nhăn.

(*Bị kiểm duyệt bỏ*)

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6204 (24.7.1930)

ĐẤT CÔN LÔN VỚI ĐẤT TRUNG KỲ

Mấy hôm nay, sau khi ông Tú Nguyễn Đình Kiên bị kêu án 5 năm tù treo, trục xuất Nam kỳ chi ngoại, thì người ta đã dẫn ông qua bên Xóm Chiếu, tạm ở đó, rồi có điệu ông về Trung kỳ.

Ư thị hồ ông Tú Kiên mới làm đơn kêu cùng quan Thống đốc rằng : *Dữ kỳ quy vu Trung kỳ chi địa, ninh nguyện lai vãng Côn Lôn* !

Đó là ông Tú nói chữ. Nếu nói nôm là : Nhược bằng trở về Trung kỳ, thà cho tôi trở lộn lại Côn Lôn !

Ông Tú ở Côn Lôn đã ghe phen. Ông đi về Côn Lôn cũng như đi chợ. Vì vậy ông nói "lộn lại".

Dân Sài Gòn bữa hôm bữa rày, người nào người nấy rún vai le lưỡi, bảo nhau rằng : (...)(*) sao lại thà đi Côn Lôn mà không ưng về Trung kỳ ?

Đất Côn Lôn là hiền hậu lắm, chẳng những sơn minh thủy tú, mà lại cơm trắng cá tươi, cái xứ Trung kỳ là xứ hay bão lụt mất mùa kia, bi sao được ?

Ở Côn Lôn có một làng. Đây sắp xuống là nói giọng thiệt thà mà kể sơ cái lịch sử làng ấy cho bà con nghe, chớ không phải nói dỗn theo như kiểu thường của Thông Reo.

Nguyên trước đây hơn một trăm năm, vua Gia Long bị Tây Sơn đánh đuổi, nhiều lần chạy ra Côn Lôn. Bấy giờ ở đó có một tổng dân cư, kêu là tổng Yên Hải, độ hơn hai chục làng, và dân số đến hai vạn. Họ cung cấp lương thực cho vua và quân lính, đã chịu khó nhọc lâu năm như vậy.

Đến sau vua lấy cả nước Nam rồi bèn ban ơn riêng cho tổng Yên Hải, tha hết sưu thuế, dân sự quanh năm khỏi phải đóng góp chi hết.

Từ ngày chánh phủ Pháp lấy đảo Côn Lôn làm chỗ đày lưu tù tội bèn đưa dân sự ở đó về tản cư trong Lục tỉnh, chỉ để lại có một làng, là làng Yên Hải.

Hiện bây giờ đây, làng ấy người ta làm ăn dễ chịu lắm.

Ở đó cả năm không có bão, không có lụt, không có mất mùa như Trung kỳ, nhơn dân thảy đều ngậm cơm vỗ bụng mà ca tụng.

Có phước mới làm dân làng Yên Hải ở đảo Côn Lôn ! Về Trung kỳ mà lội nước lụt chớ về làm chi mà về ? Ông Tú Kiên xin trở ra Côn Lôn là phải. Ai mà đã ở đó một lần rồi đi, cũng đều muốn trở lại hết.

(*) Chỗ này bản gốc để trắng khoảng 2-3 dòng.

Song le, ở Côn Lôn, nghe chừng như có cái khám giam tù. (...)(*)

Chẳng biết ông Tú Kiên xin qua làm dân làng hay là làm dân khám ?

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6205 (25 .7.1930)

CHÚ KÉP MÀ ÔNG NGHÈ

Ở nước ta thuở xưa, mấy ông Cử đi thi Hội, đậu tấn sĩ, kêu bằng ông nghè, hồi vinh quy, đám rước linh đình, rồi kế đó, cúng thần tế tổ, dựng rạp lên, nổi trống chầu hát bộ.

Đêm đầu hết hát một thứ tuồng, kêu bằng "hát lễ" ; ông nghè mặc phẩm phục tân khoa, áo cánh điều, mão thẻ ngang, cầm dùi dóng chầu ; còn mấy chú kép cũng áo mão đai mang, ở trong buồng ra sắp hàng lạy ông nghè. Ông nghè có rộng rãi thì bỏ ra năm ba quan tiền, thưởng cho chú kép.

Ông nghè với chú kép huyền cách(**) nhau là thế.

Chú kép có đời thuở nào mà làm được ông nghè ! Vì theo luật lệ triều đình hồi xưa, cấm con nhà hát xướng bội bè không được đi thi. Cho nên có chú kép nào học giỏi trổ trời đi nữa, cũng chỉ đậu "quốc trạng" trước mặt "ba ông làng" mà thôi, chớ không làm thế nào đậu tấn sĩ đặng.

Chú kép mà đậu tấn sĩ là chỉ đời nay mới có. Ấy là bởi "ông trời ổng làm một trận lăng nhăng, cho nên ông mới hóa ra thằng, mà thằng mới hóa ra ông !"

Chú kép Mai Lan Phương là chú kép có tiếng nhứt bên Tàu, hay làm tuồng ở các rạp lớn Bắc Kinh, Thượng Hải. Người Tàu mê cái thanh sắc chú đã đành, cho đến người Âu, Mỹ, Nhựt Bổn cũng phải phục cái tài xướng ca của chú. Mà nhứt là người Mỹ, họ sẵn

(*) chỗ này bản gốc để trắng khoảng 2 dòng.

(**) *huyền cách* : xa cách (theo H.T.Paulus Của, sđd.).

cái tánh háo kỳ nên họ hâm mộ kép Mai lắm, đến nỗi mời va qua Nữu Ước chơi.

Lúc trước đây, một công ty lớn bên Mỹ làm giao kèo, chịu đến mấy chục vạn Mỹ kim mời kép Mai qua làm tuồng. Kép Mai đi. Có đem theo bộ hạ hàng mấy chục người, lại có những tay văn học tài hoa theo làm thông ngôn thơ ký, như là một vị sứ thần đi ra ngoại quốc vậy. Đến cái sang trọng kỳ đời như vậy, An Nam mình đứng xa mà ngó.

Lâu nay cứ thấy trên các báo Tây báo Tàu nói chuyện Mai Lan Phương qua Mỹ, người Mỹ hoan nghinh hết sức, còn hơn An Nam mình hoanh nghinh ông Tagore năm ngoái nữa.

Mới rồi lại được một cái tin nữa, làm cho những tay nào học giỏi mà không đậu tấn sĩ phải rụng rời. Ấy là chú kép Mai Lan Phương mới đó mà hôm nay thành ra ông nghè !

Tại Nữu Ước có trường đại học kêu là Ponamo College mời Mai Lan Phương đến, diễn thuyết, đãi tiệc, rồi tặng cho Mai chức tấn sĩ về văn học. Hôm làm lễ tặng chức, ông hiệu trưởng trường ấy, các giáo sư và năm trăm học sanh cùng nhau tỏ lòng khâm phục ông nghè Mai một cách đặt biệt.

Lãnh chức tấn sĩ rồi ông nghè Mai đọc một bài diễn văn đáp tạ. Đại ý nói rằng mình đi làm tuồng ở ngoại quốc như vầy là cốt đem cái tinh thần văn học của Trung Hoa truyền bá cho dân tộc trong thế giới, hầu xây đắp cái nền hòa bình của thế giới cho được mau thành tựu. Cha chả ! Chú kép nói thiệt lớn lối quá !

Mình chỉ chắc một điều, ông nghè nầy mà vinh quy, hát mừng là khỏi rước bạn hát(*).

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6206 (26.7.1930)

(*) Cùng trang báo đăng bài này, *Trung lập* in ảnh vợ chồng Mai Lan Phương ở Mỹ chụp chung với bà Wilson, phu nhân cựu tổng thống Mỹ ; ở lời ghi chú, báo nhắc bạn đọc xem ảnh và đọc bài trong mục "Những điều nghe thấy" (NST).

CÁI TỘI CỦA KHOA HỌC?

Con đường xe điện Sài Gòn-Hốc Môn mới bữa 27 trước đây, trong một ngày mà hại mất hai mạng.

Nguyễn Thị Xiên 66 tuổi đi lượm những miếng củi vụn dọc theo đường sắt gần ga Xóm Thuốc, bà già không nghe biết có xe tới, cứ lum khum cúi lượm nên bị xe cán nhằm. Khi người ta ngừng xe lại cứu cấp bà già khốn nạn ấy thì bả đã hết sống. (Đây là theo báo Tây, nguyên văn nói : Quand on porta secours à la pauvre vieille elle apait cessé de vivre).

Lại tên Bùi Văn Đều, khi xe điện mới ở ga An Hội đi thì nó thử tài nhảy lên xe, vả nó hình như có uống khá rượu thì phải, nhảy hụt cẳng rớt xuống đường sắt bánh xe liền nghiền nhằm về nó giập nát. Đem vào nhà thương được mấy giờ thì Bùi Văn Đều tắt nghỉ.

Nghe tin ấy, mấy ông nhà nho ở Trung-Bắc kỳ nhao nhao lên rủa thả khoa học, họ nói khoa học thiếu điều liệng bỏ chó chê.

– Tại khoa học, mụ già Nguyễn Thị Xiên mới chết, tại khoa học thằng Bùi Văn Đều mới chết.

– Người ta ai lại khỏi chết, có điều đau mà chết, nằm nhà mà chết có chết cũng mát tấm thân. Cái nầy là tại khoa học sử giặc ra(*) có xe điện, có xe điện để giết mụ Xiên với thằng Đều chết một cách oan uổng, chết một cách tức tối !

– Khoa học giết người. Xe điện mà làm chi ? Đi ăn cướp ai mà đòi đi cho mau để có hại người ta ? Thứ đồ giết người chớ lại có khoa học ?

(*Tòa kiểm duyệt bỏ*)

Ấy đó những lời họ rủa thả.

Song le, tôi nắm lưng chú khoa học mà kéo lại, mời chú ở đây. Chú ở đây, chú sẽ cứu người ta khỏi chết.

(*) *sử giặc ra* : như "gây ra".

Cái bà Xiên đó, 66 tuổi rồi, giỏi lắm thì 5-7 năm nữa bà cũng chết. Còn thằng Đều, nếu là bợm rượu thì trước sau nó cũng chết vì rượu. Hà tất đợi xe điện mới hại hai mạng ấy.

Nhưng nếu khoa học mỗi ngày một tấn bộ lên, ai nấy nấu ăn bằng điện như bên Nhiêu-do, thì bà Xiên có đi lượm củi đâu mà hòng chết ? Lại khi ai nấy đã tin khoa học rồi, biết rượu là độc thế nào, như người Huê Kỳ cấm rượu đó, thì tên Đều đâu có ba chùm ba chán mà đâm đầu xuống đường rầy.

Khoa học vạn năng, nó đưa loài người lên đường hạnh phước, việc gì nhè nó mà rủa thả.

Cái hại là tại đạo đức của loài người còn kém, kẻ sướng người khổ không đều, chớ không phải cái hại tại khoa học đâu.

Xe hơi hay cán người ta chết, là tại có người đi đất. Nếu mỗi người một cái xe hơi, ai cầm bánh cho nấy mà lại cũng tinh khoa học cầm bánh cho thiệt khéo thì chắc cũng ít có ắc-xi-đăng.

Thiệt chớ, người ta coi số thống kê mà biết rằng bên Huê Kỳ nhiều xe hơi hơn hết mà ít nạn xe hơi hơn hết.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6209 (30.7.1930)

NGƯỜI AN NAM HIỆN ĐƯƠNG CẦN NHỮNG GÌ?

Bây giờ nếu có hỏi : Hiện nay người An Nam đương cần có những gì ? Thì thiệt khó mà trả lời. Có lẽ không biết đường mà trả lời nữa, dầu cho là người thạo đời mấy đi nữa cũng vậy.

Phụ nữ tân văn đã trả lời câu hỏi ấy một cách thật đúng, không ai cười được, trả lời rằng : Người An Nam cần đọc báo hơn hết.

Sao mà biết ?

Ấy là căn cứ ở cuộc thi giải trí của *Phụ nữ tân văn* mới rồi.

Thật vậy, hết thảy hơn 1.500 người An Nam bỏ vé bầu 10 viên đại biểu, mà trong đó hết 7 viên là nhà làm báo.

Đây nầy : Phan Văn Trường, Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Phan Long, Diệp Văn Kỳ, Bùi Quang Chiêu, Dương Văn Giáo, Phạm Quỳnh, 7 người đó đều là đã làm, hoặc đương làm chủ nhân, hoặc chủ nhiệm, hoặc chủ bút, hoặc chủ nhiệm kiêm chủ bút một cái báo nào hay là một cái tạp chí nào.

(Bị kiểm duyệt bỏ)

Mà như vậy nhiều lần chừng nào lại càng cần hơn chừng nấy, vì vậy ông Phan văn Trường đứng trên ông Huỳnh Thúc Kháng.

Người nào làm báo, (...) mà lại làm xuôi một mạch, khỏi phải chạy tiền khỏi phải đổ lên đổ xuống, như ông Phạm Quỳnh, thì họ cũng cần mà không cần mấy, nên dễ cho đứng về hạng bét (chót).

Người An Nam họ cần đến bảy người viết báo cho họ đọc lận. Ngoài ra họ chẳng thèm chi hết. Cực chẳng đã lắm thì họ phải ăn, họ phải ở và đi, họ phải học và đọc sách, mỗi thứ họ chỉ cần một người. Ông Trần Trinh Trạch để cày ruộng cho họ có gạo mà đổ vô nồi ; ông Lưu Văn Lang làm nhà cho họ ở, đắp đường cho họ đi ; ông Trần Trọng Kim lên bảng đen vẽ cua vẽ còng cho họ coi và viết sách *Nho giáo* cho họ đọc ; chỉ ba người là đủ. Rồi mà trong khi ăn, trong khi ở và đi, trong khi ngó lên bảng đen và cặp nách sách *Nho giáo*, họ cũng chẳng quên tờ báo.

Đau, chết, họ chịu, họ không cần uống thuốc, cho nên trong số 20 người, có ông đốc tưa Lê Quang Trinh mà họ không bầu.

Thà chậm thì chậm, họ chịu đi ghe, không chịu đi tàu, nên bỏ hai ông Bạch Thái Bưởi, Nguyễn Hữu Thu ra.

Họ không cần dùng lịch coi ngày nữa, nên không chịu ông Nguyễn Văn Vĩnh.

Họ cũng không cần "hội đồng phiệt", nên hai ông Nguyễn Trác, Lê Quang Liêm mới bị sổ toẹt.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6212 (2.8.1930)

TẠI LÀM SAO SANH SỰ ?

Trong một tờ báo Tây kia, có cắt nghĩa tại sao thiên hạ ngày nay hay rối loạn ; cái cớ chẳng có gì là phiền phức hết, chỉ do sự hạnh phước của cái văn minh mà ra. Ban đầu hết thường thường là như vầy :

(Bị kiểm duyệt bỏ)

– Các anh ơi, ta (...), đem sự hạnh phước cho các anh.

– Tốt lắm, – bên kia trả lời, – song le chúng tôi ở như vầy đây cũng đã sung sướng rồi.

– Các anh dốt lắm, không hiểu chi hết, ta sẽ cắt nghĩa cho. Ta dựng nhà máy nơi các anh.

– Làm gì thứ đồ đó ?

– Để dệt vải bán cho các anh may áo quần mà mặc chớ làm gì.

– Chúng tôi ở trần như vầy cũng được.

– Như vậy là bất đạo đức. Ta sẽ đem đạo giáo của ta qua đây, đạo giáo ấy cấm các anh ở trần mà đi nghễu nghện ngoài đường.

– Chúng tôi cũng có đạo giáo, đạo giáo chúng tôi không cấm điều đó.

– Thứ đồ đạo giáo các anh mà làm gì ? Ta sẽ dựng nhà máy cung cấp cho các anh thứ điện khí.

– Thứ đó chắc ăn ngon lắm hả ?

– Ấy không, để thắp cho sáng.

– Chúng tôi không cần có ánh sáng ban đêm. Chúng tôi ngủ khì. Nếu có cần, chúng tôi sẽ chất một đống lửa nơi đầu làng.

– Các anh sẽ nhờ xe hỏa xe hơi để đi từ làng nầy đến làng khác cho mau.

– Chúng tôi không nôn gì.

– Đó là vì các anh ăn dưng ở nể ; ta sẽ dạy cho các anh làm việc.

– Chúng tôi cho đừng làm chi hết là hơn.

– Không được, phải làm đặng mà sống.

– Ôi, không cần ! Đây chúng tôi chẳng khó nhọc gì lắm mà cũng đủ gạo để đồ vô nồi, có trái cây để ăn tráng miệng, thịt rừng và cá để trở bữa.

– Ta sẽ dạy cho các anh phá rừng ra mà trồng cao su, đào mỏ mà lấy kim khí, đắp đường cho tốt mà đi ; lại muối ở dưới biên kia, các anh sẽ phải trả tiền rồi mới được đem về . . .

(*Tòa kiểm duyệt bỏ*)

Trải qua ít nhiều năm văn minh rồi, thình lình xảy ra sự phản đối, những kẻ dã man ấy nổi lên tấn lục(*) một vài người đã làm ơn đem sự hạnh phước tới cho mình.

(*Toà kiểm duyệt bỏ*)

Ấy đó, sanh sự là tại đó.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6213 (3.8.1930)

BỞI ÔNG ĂN CHẢ NÊN BÀ MỚI ĂN NEM

Họ hay nói đàn bà phương Tây tự do, có chồng rồi mà cũng còn có những mèo đực là mèo đực, giạc chừng như trăm thứ tội lỗi đều đổ trên đầu đàn bà hết.

Lời họ nói đó chưa chắc nhằm. Ở bên Tây còn như vậy huống chi bên ta. Thiệt quả là bởi ông ăn chả nên bà mới dạn ăn nem . Một trăm sự rắc rối trong gia đình toàn do anh đàn ông mà ra cả.

Mới rồi có một vụ án ly dị đem ra trước mặt tòa án kia tại Berlin, kinh đô nước Đức. Ai nghe cũng phải tức cười lộn ruột.

Một nhà công nghệ giàu có, tên là Gontard, kiện người vợ là nàng Sonia đòi ly dị, nàng là một người trong đám đàn bà đẹp có tiếng ở nước Đức, con gái của tay đại điền ở hạt Pométanie.

(*) *tấn lục* : chưa rõ nghĩa ; có thể *tấn* với nghĩa "tiến tới gần" hoặc *tấn* với nghĩa "hỏi, tra" ; có thể *lục* với nghĩa "đảo soát, kiếm tìm", hoặc *lục* với nghĩa "giết chết" (theo H.T.Paulus Của, sđd.; Đào Duy Anh, sđd.).

Nàng đã bị để bỏ một lần rồi mới lấy chàng Gontard chớ chẳng phải đầu trăng đầu nước chi. Đời chồng bày kiện đòi để nàng, vì cớ nàng đã không nói thật với va.

Trong đơn kiện, lấy cớ rằng một hôm tự tình với nhau trước khi kết hôn, nàng khai với chàng rằng hồi còn con gái, có nhơn tình với bảy chú trai rồi mới lấy chồng. Song le, sau khi lấy nhau, nàng lại nói vào tai chàng Gontard rằng lúc bấy giờ mình có đến mười lăm người tình nhân lận, chớ không phải bảy. Mà mười lăm người ấy, nàng đã đãi một cách rộng rãi, chưa hề lấy đồng xu nào. Nói vậy rồi nàng ra dáng ân hận mà nói cùng chồng mình rằng lần trước đã tính lộn.

Mười lăm lận chớ không phải bảy ? Gạn đi gạn lại đinh ninh rồi chàng Gontard chạy kiếm thầy kiện liền.

– Quá lắm ông ơi ! Quá lắm ông ơi ! – Chàng Gontard nói với thầy kiện, phải chi vợ tôi nó chỉ có bảy tình nhơn trong khi còn con gái thì tôi còn chịu được ; chớ cái nầy đến mười lăm lận, tôi mới ăn ở đời với nó làm sao ! Vợ tôi đã nói không phải với tôi, nhờ ông đi kiện nó cho tôi.

Thầy kiện nhận lời, cứ theo lời Gontard mà đưa đơn lên tòa. Đến ngày tòa xử, tòa đòi nàng Sonia. Nàng bị chồng tố cáo như vậy mà cứ việc mỉm cười, chẳng hề có ý hối quá gì hết. Cô Sonia thủng thẳng kể ra những tên người đã hớt nước trước đủ số mười lăm ; rồi cũng trong lúc ấy, kê ra thành một cuốn sổ hơn hai chục tên những đàn bà thuộc về thượng lưu xã hội mà ngày trước đã có đi lại với chồng mình là Gontard hoặc ít lần, hoặc nhiều lần.

Quan tòa thấy cuốn sổ nầy, cái mặt nào cái mặt nấy ngó nhau chưng hửng. Tuy vậy, thầy kiện kia cũng cứ việc cãi dóa như thường. Dư luận cả Berlin ồn lên mấy bữa nay, ai nấy đều cho viên trạng sư cãi cho Gontard đây thiệt là cãi chày cãi cối.

Đã cơm không lành canh không ngọt, thôi thì đồng tiền chiếc

đũa ai đi đàng nấy cho rồi. Họ để bỏ nhau mặc kệ họ, mình có đặt miệng đến làm chi. Có điều thấy vậy mà ghét thay cho cái thói đàn ông !

Anh ăn Phan Thiết cả chục nọ chục kia thì mạnh quên, còn người ta ăn chơi có mười lăm gói Thủ Đức thì làm đơn đi kiện, xấu quá.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6215 (6.8.1930)

TIẾNG AN NAM GỌN

Cụ Phan Văn Trường nói vào tai phóng viên của *Phụ nữ tân văn*, phóng viên *Phụ nữ tân văn* về viết trong *Phụ nữ tân văn* nói rằng : Tiếng An Nam gọn.

Thuật lời Phan tiên sinh nói rằng. Hãy lấy một cái ví dụ. Như câu tiếng Pháp : "Ne faites pas aux autres ce que vous ne vou-driez pas qu'il vous fut fait". Lại cũng nghĩa ấy, câu chữ Tàu rằng : "Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân". Rồi đem so với câu của An Nam. : "Không muốn người hại thì đừng hại người". Có phải không ?.. cụ Phan nói, tiếng nào mạnh mẽ hơn ? Câu ấy bằng tiếng Pháp thì dài giòng khuất khúc lắm.

Câu bằng tiếng An Nam đó gọn thiệt song tôi suy đi nghĩ lại mà hồ nghi mãi. Câu bằng tiếng ta đó nào phải đồng một nghĩa với hai câu kia ? Nếu nói rằng có ý giống nhau thì cũng chẳng giống nhau nữa.

Câu tiếng Pháp và câu tiếng Tàu đó mới đồng nghĩa đồng ý, đại để là biết suy mình đến người, còn câu tiếng ta đó tinh một ý về sự giữ mình thì sao lại kêu rằng đồng ý ?

Muốn nói tiếng An Nam cho gọn mà cũng không sai ý với hai câu tiếng Pháp tiếng Tàu đó thì phải nói khác kia.

Cha chả khó quá ! nói làm sao bây giờ ?

Thôi nói : "Cái điều không muốn cho mình thì đừng đem mà rinh cho người".

Nói như vậy thì lại bắt vần nữa, in hệt như câu tục ngữ có từ đời thượng cổ, song le lòng thòng không được gọn.

Phải đẽo bớt đi, nói rằng : "Cái điều không muốn cho mình, đừng rinh cho người". Nghe được, mà cũng chưa mấy gọn.

Bớt nữa, nói : "Không muốn cho mình, đừng rinh cho người". Được rồi, hết chỗ bớt rồi.

Cũng là tám chữ mà lại có vần nữa, mà lại đúng nghĩa nữa, vậy đó mới là tiếng An Nam chớ.

Tôi bèn đi mò đến câu khác.

Tụi cọng sản có một câu như là cái tín điều (article de foi) của họ, bằng tiếng Tàu, nói rằng : "Các tận sở năng ; các thủ sở nhu". Cũng câu ấy, bằng tiếng Pháp nói rằng : "Chacun travaillera selon ses forces et recevra selon ses besoins".

Câu ấy chắc cụ Phan trề môi, chê là dài giòng, phải tương thêm một câu khác. Câu nầy cụ Phan phải chịu : "De chacun selon sa capacité, à chacun, selon ses besoins". Đến câu nầy thì ông thánh thiên tử cũng phải chịu, nữa là cụ Phan !

Đó rồi mới nói bằng tiếng An Nam đi. Nào, nói đi. Nói cho gọn đi. Tiếng An Nam gọn mà. Nói đi mà.

Mỗi người làm hết sức của mình, mỗi người lấy đủ sự cần dùng của mình. Đó, tôi nói như vậy(*).

Đúng nghĩa mà không được gọn, chắc cụ Phan không chịu đâu, dài giòng quá đi thầy Thông ơi.

Thôi tôi nói : "Ai làm hết sức nấy, ai ăn phần nấy", như vậy có được không cụ Phan ?

Chắc cụ Phan dạy rằng : gọn thì gọn, mà thế thì thành ra "tư bổn chủ nghĩa" mất !

(*Bị kiểm duyệt bỏ*)

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6217 (8.8.1930)

(*) Từ nửa sau thế kỷ XX, câu này được dịch là : "Làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu".

CHIẾN ĐẤU VỚI CÁI ĐỜI MẮC MỎ

Không biết làm sao mà các vật đồ ăn ở Sài Gòn lâu nay lên giá cao dữ quá, làm cho Tây, An Nam chi cũng phải xếu mếu hết, các ông người Pháp ở đây bèn lập ra một ban uỷ viên tra xét về việc ấy.

Ban uỷ viên ấy họp ngày 5 Aout mới rồi, do ông Canque làm chủ tọa. Buổi nhóm nầy cốt để rao cho các ủy viên biết lời đáp của quan Thống đốc đáp cho bổn ban về mấy điều đã hỏi. Trong đó có hai điều quan Thống đốc đã ký chú lấy và toan kiếm cách thiệt hành.

Một là những rau trái (*légumes*) do xe hỏa đem từ Đà Lạt về Sài Gòn phải làm thế nào tính sụt bớt tiền cước xuống ; Hai là miễn trừ thuế nhập cảng về thịt trừu.

Những cách ấy cốt để làm cho bớt giá đồ ăn xuống được chừng nào hay chừng nấy. Hai khoản đó quan Thống đốc đã trình lên quan Toàn quyền, nhờ ngài xét lại rồi thi hành liền, càng sớm càng hay.

Tin ấy truyền ra, các báo Tây lấy làm khoái lắm, có báo đã hô lên rằng ấy là sự chiến đấu với cái đời mắc mỏ (la lutte contre la vie chère) !

Phải, như người Pháp vậy tôi chịu lắm, bất kỳ gặp sự khó khăn gì là cũng chiến đấu hết. Chỉ có một mình An Nam chúng tôi là dở. Dở là tại không biết ăn lê-ghim Đà Lạt, không biết ăn thịt trừu.

Từ chợ Bến Thành cho đến chợ Cầu Ông Lãnh, chợ Đuổi, chợ Tân Định, chợ Đa Kao quái lạ làm sao, mấy lâu nay bán những rau muống là rau muống.

Người ta nói rằng mấy năm gần đây có dân Trung-Bắc ở đây nhiều, họ ưa ăn rau muống nên chợ mới bán nhiều rau muống. Nói có lẽ. Song hồi trước ít có rau muống thì lại nhiều rau lang, rau dền. Chỉ thì chỉ, củ hành búp cải của Đà Lạt, năm thời mười họa mới bỏ vô miệng dân Sài Gòn. Còn nói đến đồ trái thì họ cũng chỉ

biết xài những dưa chuột, mít hầm từ miền rẫy đem xuống hoặc từ miệt vườn đem lên.

Trời đất ôi ! thịt thì tinh những heo quay là heo quay ; giỏi lắm thì được thịt bò già, con bò đâu cũng tám mươi tuổi rồi mới làm thịt sao mà nghe nói nó dai như dẻ rách ! Ấy vậy mà dân Sài Gòn cứ việc xực ; còn thịt trừu lại chê là hôi nghíu, không chịu xực.

Ấy vậy mà những đồ ăn của dân An Nam ở Sài Gòn đó có rẻ rúng chi. Rau muống một xu ba cộng, mít hầm hai xu lủm được một miếng ; còn nói chi thịt bò thịt heo mắc quá tổ, mà tôi cũng không biết giá, vì tôi có được ăn khi nào đâu mà biết giá ?

Dại làm chi mà dại bất nhân ! Chớ phải chịu ăn lê-ghim Đà Lạt, chịu ăn thịt trừu, thì dạo nầy chẳng đã nhờ cái dư huệ của ban ủy viên, của quan Thống đốc, của quan Toàn quyền mà ăn rẻ được nhiều ít.

Nghĩ rồi dân An Nam ở Sài Gòn thiệt quê mùa hết chỗ nói ! Chiến đấu như người ta, đã không biết chiến đấu, mà ăn như người ta, cũng không biết ăn.

Nghĩ rồi ở đời cái sự lợi hại chẳng có nhứt định một đường. Ai lại chẳng tưởng hễ ăn vật gì ấy là mình thất lợi, có ngờ đâu cái nầy không ăn lại chịu thiệt !

Thôi rủ nhau ăn lê-ghim Đà Lạt với thịt trừu đi ; không ăn là dại.

Có lẽ mấy ông hội đồng thành phố An Nam nghe mà tức mình sẽ đứng lên lập một ban ủy viên khác để chiến đấu với cái đời mắc mỏ của An Nam cho mà coi.

THÔNG REO

* *Trung lập*, Sài Gòn, s.6218 (9.8.1930)

PHỤ NỮ VỚI CUỘC CẢI CÁCH

Từ hôm các báo Tây Nam đăng tin chính phủ sắp mở hội đồng bàn chuyện cải cách đến nay, nội Sài Gòn đây, đi đến đâu cũng

nghe nói với nhau về chuyện ấy. Thậm chí các anh thợ hớt tóc trong tiệm, nhịp cái kéo lắc cắc lách cách, các cô đi dạo ngoài đường phố, mang đôi guốc cóc ca cóc cách, cũng rủ nhau bàn chuyện cải cách : cải cách, cải cách !

Ừ phải chớ ! Họ cải cách, mình đây sao lại không cải cách ? Trong xã hội nầy, ai cũng có phần hết, ai cũng quan hệ hết, ai lại được ngoại ai ra ?

Vậy mà người ta quên lửng đi mất. Quên cái quên độc quá, quên đi đến hai triệu con người ta ! Nói vậy nghĩa là dân Nam kỳ phỏng chừng bốn triệu thì kể sơ cho đàn bà lấy hai triệu.

Thật vậy, những nghị viên sẽ lấy vào hội nghị cải cách đây, thấy nói lấy ở các chưn hội đồng vào, mà đều là đàn ông hết, chẳng có lấy một mạng đàn bà.

Bởi vậy đàn bà Nam kỳ mà nhứt là các bà ở Sài Gòn đây, nghe nói họ phàn nàn riêng với nhau điều đó.

Họ nói có lẽ lắm. Đây tôi làm thông ngôn thuật lại của họ một vài lời mà thôi.

Các bả nói rằng : Cái cuộc cải cách cả Đông Pháp nầy là bởi đâu mà ra ? Đố ai dám chối mà nói rằng không phải tại các việc biến động từ Bắc đến Nam, từ tháng Fevrier cho tới bây giờ. Vậy các bả mới hỏi rằng trong các việc biến động ấy đều có đàn bà dự vào hết, thì sao cuộc cải cách ngày nay đàn bà lại không được dự ?

Thiệt là rầy. Hèn chi người ta nói "sự lý đàn bà"! Nói mặt một như vậy đó mà nghe khó chịu, chẳng phải chơi !

Có người hỏi họ : Các bà biết cái rùa mốc khô chi mà cũng đòi dự vào hội nghị cải cách ? Huống chi, chồng các bà đó, các ổng cũng đủ thay mặt cho các bà mà bàn các công việc ích lợi riêng về các bà vậy chớ. Song le các bả trả lời rằng : "Cóc" thì chúng tôi không biết chớ "cách" thì chúng tôi biết lắm chớ. Thứ đàn ông mà có tin cậy họ được chuyện gì bao giờ đâu. Mấy chục năm nay có một cái nhà đẻ ở Sài Gòn mà nhắc hoài họ cũng quên hoài. Lần nào

đi nhóm hội đồng về, hỏi có nói chuyện lập nhà đẻ không thì ông nào ông nấy cũng bài hải : thôi rồi, quên rồi !

Bởi vậy phụ nữ Sài Gòn muốn dự vào cuộc hội nghị cải cách nầy chỉ có một cái mục đích là bắt thành phố phải lập nhà đẻ cho được. Họ giận các ông đàn ông họ lắm. Họ nói khéo đốn ra rồi bỏ đó cho họ mà không lo vác. Ai có đời đến tháng rồi, mang cái bụng chửa thè lé đi kiếm tháo điền tháo thổ mà khắp Sài Gòn chẳng có cái nhà đẻ nào hết, túng quá có người phải đẻ bậy trên xe điện !

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6219 (11.8.1930)

GIẤY KHÔNG CÓ MÀ DÙNG, CÓ ĐÂU ĐEM RA ĐỐT ?

An Nam ta có tục đốt giấy tiền, giấy vàng bạc, giấy ngũ sắc cho người chết. Họ nói người chết xuống âm phủ, – âm phủ ở đâu ? – cũng còn ăn mặc và tiêu sài tiền bạc như người sống. Đốt những giấy ấy xuống cho người chết dùng, – ấy là một điều hiếu thảo của kẻ làm con cháu.

Trời ôi ! tin sao vô lý quá mà tin được ? Ví dầu có thiệt vậy đi nữa thì giấy đã đốt ra tro rồi, làm sao mà còn sài được dư ?

An Nam ta có tánh thủ cựu quá, không có thể đem lẽ phải mà bảo nhau được. Sao người ta chẳng thấy những nhà có đạo, họ có đốt giấy đốt má gì đâu mà ông bà họ cũng chẳng nghe có xảy ra sự gì.

Mà dạo nào kia, cầm tờ giấy mà đốt cho đành, chớ vào dạo nầy giấy mắc hết cỡ, không có mà in nhựt trình, không có cho con nít học, thì có đâu đem mà đốt chớ !

Ai có đời khắp các hãng bán giấy ở Sài Gòn hãng nào cũng cạn giấy. Người đi mua thiếu điều như ăn cướp với nhau trên tay. Bởi vậy lóng nầy có nhà nhờ ăn hút(*) giấy mà giàu to.

(*) chỗ này báo cũ, chữ mờ, lại ngờ có lỗi in, dự đoán hai từ này có thể là : *ăn hút* (?), *bán hết, ẩm hút* (?).

Vậy mà ở chợ Bến Thành cho đến các chợ khác, đàn bà đi chợ thỉnh thoảng lại thấy mua giấy, ôm cả ôm. Hỏi mua về làm gì. Mua về đốt.

Ai lại có đốt gì mà chướng cha người ta như vậy ! Giấy không có cho người ta xài, mình mua về đốt, là đốt đi đâu ? là đốt việc gì ?

Nói đến đây lại nghĩ mà tức mình cho ông bà ta thuở xưa. Thuở xưa có ông gì đó vô trường viết dư giấy, rồi ông vẽ voi hết, ổng nói : "Dư giấy làm chi chẳng vẽ voi ?"

Ông bà ta ngày xưa đại để xài giấy thả cửa, vẽ voi cho sướng tay, rồi con cháu là bọn ta bây giờ chịu khổ không giấy mà xài. Thiệt là một đời ăn mắm, một đời khát nước !

Ông bà chúng ta đã xài giấy mất một lớp hồi xưa rồi, bây giờ thiên hạ lại còn đem giấy mà đốt cho ông bà nữa, nếu vậy chẳng là hành tội con cháu lắm ?

Lại còn mấy ông Tây cũng trớ trêu lắm nữa. Trớ trêu vầy đây :

Số là những giấy vàng bạc, giấy ngũ sắc mà An Nam xài thuở nay đó là của Tàu đem qua. Gần đây chừng như chánh phủ cấm họ không được đem giấy ấy vào. Họ thất lợi to lắm. Thấy vậy ai cũng tưởng chánh phủ cố trừ một điều mê tín vô ích cho dân An Nam.

Ai ngờ tưởng như vậy mà thiệt sự lại khác. Trong khi giấy Tàu bị cấm đó thì mấy ông Tây ở Đáp Cầu (Bắc kỳ, tại đó có xưởng làm giấy của người Pháp) lại bày ra làm thứ giấy ấy kêu là "papier de culte" bán cho An Nam. Bán để làm gì ? Để đốt !

Mấy ông Tây ở Đáp Cầu làm như vậy đó, vậy mà mình có nói động tới thì mấy ổng trợn con mắt lên, nói rằng : "Chúng ta đến đây khai hóa cho các anh"(!)

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6221 (13.8.1930)

A.B.C LÀ BA NƯỚC MẠNH ĐỨNG ĐẦU TRONG THẾ GIỚI NGÀY MAI

Tại kinh thành Luân Đôn chừng vài năm nay, có một người tên là Bennett, mở ra một cửa hàng chỉ nam, nghĩa là bất kỳ việc gì trong xã hội, ai có điều gì nghi ngờ hay là không thạo thì đến cửa hàng va mà hỏi, va sẽ chỉ bảo cho.

Bennett là người học hành thông thái, lại cũng tinh thông về khoa thuật số, còn thêm giao thiệp rộng, quen biết nhiều, nên từ ngày va mở ra cửa hàng nầy, thì hàng ngày có người đến hỏi việc nọ việc kia, nhờ đó mà va kiếm ăn được.

Mùa xuân năm nay, có một viên giáo sư dạy trường đại học kia tại Luân Đôn thình lình phát ra bịnh điên, đã từng vào nhiều nhà thương mà không thấy khá. Người vợ của thầy giáo bèn chạy tới hỏi Bennett. Bennett suy nghĩ hồi lâu, rồi chỉ cho một nhà thương khác. Quả nhiên viên giáo sư vào nhà thương ấy phục thuốc thì bịnh điên được trọn lành. Nhơn đó Bennett được nổi tiếng.

Từ đó về sau Bennett ở thành Luân Đôn nghiễm nhiên thành ra ông thánh tiên tri. Ai ở đâu có chuyện chi cũng chạy tới cửa hàng va mà hỏi, cả ngày người ta nườm nượp. Lần lần có kẻ lại hỏi đến những vấn đề thiệt khó, mà va cũng cứ việc trả lời đâu ra đó lắm ; song trúng hay trật thì đã ai biết đâu !

Mới rồi có một vị cố đạo người Pháp hỏi Bennett về sau nầy trong thế giới có những nước nào mạnh thứ nhứt, đứng sắp nóc cả toàn cầu ? Bennett suy đi nghĩ lại rồi nói rằng chỉ có ba nước là A B C mà thôi.

Nói vậy nghĩa là ba nước mạnh thứ nhứt ấy, cái tên của nó, có ba chữ A B C đứng đầu vần.

Cha chả ! Mấy ông An Nam mình coi đến đây chắc bõ bụng lắm. Cái tên nước An Nam có chữ A đứng đầu, có lẽ nước An Nam

ngày nay tuy không ra gì, mà về sau sẽ là một cường quốc nhứt thế giới, theo như lời Bennett nói đó !

Không phải, đừng nhận bậy ; Bennett nói chữ A đó là América, tức ta kêu bằng Á-mỹ-lợi-kiên, hay kêu tắt là nước Mỹ, lại cũng có tên khác là Hiệp chúng quốc hoặc Huê Kỳ.

Con B là Britian, tức là nước Ăng Lê và C tức là China, ta kêu bằng Tàu, hoặc Trung Huê, Trung Quốc.

Bennett chỉ ra từng tên như vậy rồi quả quyết rằng ba nước ấy sau nầy sẽ đại biểu cho ba châu : A cho châu Mỹ, B cho châu Âu, C cho châu Á.

Lời tiên tri của Bennett phát biểu ra rồi, các báo Ăng Lê ở Luân Đôn, báo nào cũng có đăng và kiếm điều mà giải thích lời tiên tri ấy cho thành ra có thể là đúng. Đại để họ nói nước Mỹ là nhờ cái giàu ; nước Ăng Lê là nhờ cái khéo buôn bán ; còn nước Tàu là nhờ cái đông dân và hay siêng năng chịu khó.

Nếu vậy thì ra An Nam mình sẽ phải bỏ xó mà cho đến (...) chúng ta cũng chẳng vô hàng ngũ mô hay sao ? Nếu vậy thì việc đời có làm chi mà tranh hơn tranh kém !

Mà phải, một đàn(*) được mấy con cồng cộc ? Giá nhiều cồng cộc quá thì cá đâu cho chim chóc nó ăn ?

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6222 (14.8.1930)

Ở TRÊN TRỜI NÓI CHUYỆN DƯỚI ĐẤT

Người Tây họ cẩn thận về sự nói lắm, không có thấy đâu nói đó như An Nam mình. Họ hay cười những người nào biết ít mà nói nhiều.

Tôi mới đọc trong một cuốn sách kia, thấy họ chê những người đi lữ hành sơ sơ về làm sách du ký. Họ nói : Đại phàm dân tình

(*) bản gốc là "một bản", có thể là in sai ; ở đây sửa lại.

phong tục một xứ nào, mình có muốn biết cho kỹ và nói ra cho nhằm, ít nữa cũng phải ở đó cho được một năm, năm bảy tháng, mà còn sợ biết không tới nơi tới chốn thay. Cái nầy, có người chỉ đi qua xứ kia bằng mấy giờ đồng hồ ngồi trên xe hỏa, vậy mà khi trở về cũng viết ra du ký cả đống ; thứ đồ du ký ấy ma nào mà thèm đọc !

Mà phải, đi xợt qua như vậy mà dám về làm sách nói chuyện xứ người ta, sự ấy thật là nguy hiểm. Giá có người ngoại quốc nào đi xe hỏa từ Nha Trang vô Sài Gòn, mà rủi khi ở trên xe, họ làm mất cái mu-soa hoặc cái nón, rồi khi họ về họ viết sách, họ nói dân An Nam là dân hay ăn cắp, thì có phải là ngặt bà con mình không ?

Du lịch bằng xe hỏa, mau mà còn có chừng ; đến cái anh tàu bay ở trên trời mà nói chuyện dưới đất mới dễ sợ cho.

Tuy vậy, biết làm sao đặng giờ ! Vài năm nữa đây thiên hạ họ bỏ xe hỏa xe hơi hết, họ rủ nhau du lịch bằng tàu bay hết, rồi các hàng sách cũng cứ phải bán sách du ký như thường, bấy giờ họ ở trên trời nói xuống, rủi có ngặt ai thì nấy phải chịu, sợ mà được hay sao ?

Đừng nói chuyện vài năm nữa, ngay bây giờ đây mà cũng đã thấy khó chịu rồi.

Một tờ báo Tây kia ở Sài Gòn mới ra, có thuật lời phi công Tixier, người Pháp, đi du lịch trên Lèo(*), trong khoảng tháng Juin trước đây, về kể chuyện xứ Lèo nhiều điều đáng cho ta để ý lắm.

Phi công Tixier bay trên trời mà ngó thấy đủ hết, nào là đàn ông Lèo siêng ăn nhác làm, nào là đàn bà Lèo dệt vải rất khéo ; còn chưa kể đến những núi những sông, những tre những trảy ở trên cao thì thấy đã đành.

(*) *Lèo*: tức là Lào (Ailao ; Laos) một trong 5 xứ của Đông Dương thuộc Pháp; có lẽ ở đây gọi theo khẩu ngữ người Việt đương thời (NST).

Phi công Tixier lại thấy đến rằng người Lèo yêu chuộng người Pháp lắm mà gớm ghiếc người Bắc kỳ và người Tàu, gớm ghiếc đến nỗi hai thứ người sau đây ban đêm không dám ló ra khỏi nhà.

ÔngTây Tixier ôi ! Ông nói làm chi mà không sợ tội lỗ miệng vậy ông ! Ở đâu chớ còn Vientiane thì tôi đã biết rồi ông ạ. Ở đó có gần đến ba ngàn người An Nam ở lận, chớ phải ít ỏi chi đâu. Mà tôi chẳng thấy dấu gì tỏ ra là người Lèo ghét họ hết. Nếu ghét, họ ở sao được mà đông như vậy ? Vậy mà ông còn nói cho quá, ông nói gớm (horreur) chớ không thèm nói ghét nữa đa.

Tôi xin van, đừng có ông Tây nào sử giặc ra mà in bộ *Lèo du ký* của phi công Tixier !

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6223 (18.8.1930)

CUỘC TRỊ AN CỦA CHÁNH PHỦ VÀ CUỘC TRỊ AN CỦA NHƠN DÂN

Trong nhiều bài đít-cua của các quan cai trị Đại Pháp, thường hay nhắc đến cái công ơn của chánh phủ ở đây, gìn giữ cho dân sự khỏi lo bề giặc giã, được hưởng cảnh thái bình mà an phận làm ăn.

Thật vậy, như một xứ Nam kỳ đây, trước khi người Pháp đến, thật chẳng khác sắm ra để làm chỗ chiến trường. Hết Tây Sơn đánh với Nguyễn trào, rồi Xiêm La đánh với An Nam, sau đó lại tôi con của Nguyễn trào chống lại với Nguyễn trào nữa. Người đời bấy giờ đẻ ra chỉ để mà chạy giặc, chẳng có vui thú gì hết.

Lúc đầu người Pháp mới đến, cũng có hơi không được thái bình một chút. Song, sau rồi đâu đó im lìm, dân sự trở lại ngậm cơm vỗ bụng như xưa. Như vậy đâu được đến già nửa thế kỷ. Mới sanh sự bất an là chỉ bắt đầu từ năm nay.

Theo lời chánh phủ, đó là tại có mấy kẻ làm rối cuộc trị an. Cứ trừng trị bọn ấy đi, ấy là êm chuyện.

Thưa phải, cứ trừng trị bọn ấy đi, ấy là êm chuyện.

Tuy vậy, đó hình như chỉ nói về mặt trị an của chánh phủ ; còn về mặt trị an của nhơn dân (...)(*)

Những kẻ ấy, có nhiều món lắm. Chúng tôi kể sơ một món mà nghe, là bọn ăn cướp (*Tòa kiểm duyệt bỏ*)

Hà tất phải trình bày chứng cớ ra làm chi. Trong khoảng gần mấy năm đây, thiệt ăn cướp lộng sao quá lộng. Sự ấy có lẽ các quan còn biết rõ hơn chúng tôi.

Tức như mới rồi một bọn 30 đứa có đủ khí giới vào đánh phá nhà hương chủ Trần Văn Sơn ở Sóc Trăng lấy đến 10 ngàn đồng bạc, thì thuở tiền trào chưa hề có !

Còn kể chi những đám cướp nhỏ nhỏ, (....)(**)

Ai không tin, cứ hằng ngày đọc báo, lật nơi trang thời sự mà kiếm thì đập đầu vô đá cũng không trật.

Những bọn ăn cướp đó cũng là làm rối cuộc trị an vậy chớ, dù là làm rối cuộc trị an của nhân dân.

Chẳng phải là chánh phủ không lo trừng trị bọn ăn cướp ; có điều làm sao mà trừng trị hoài cũng không hết thì thật là lạ quá.

(*Kiểm duyệt bỏ*)

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6224 (19.8.1930)

KHOA HỌC VỚI NHÂN ĐẠO

Đời bây giờ, có người thấy khoa học tấn bộ, sanh ra nhiều thứ máy móc cơ xảo, nhứt là do khoa học người ta bày ra những súng liên thanh, trái phá, hơi ngột, rồi nói rằng khoa học là thứ giết người ; chớ không biết rằng dốt khoa học mới là dễ giết người hơn hết.

Người ta ở đời, muốn giữ cho tròn nhân đạo, nghĩa là muốn thi hành lòng nhân từ của mình đối với nhân loại cho có hiệu quả,

(*) (**) Chỗ này bản gốc bỏ trắng khoảng hơn 1 dòng, chừng 8-10 từ.

cũng lại phải tinh khoa học mới đặng.

Nhơn thấy chuyện một chàng thanh niên Âu châu chết chìm tại bến tàu Sài Gòn mới rồi mà dựt mình tỉnh biết, biết rằng cái lòng nhân đạo của con người là không đủ cậy nếu trong đó không có đủ tri thức về khoa học.

Hôm thứ bảy rồi, chàng Weiss, 28 tuổi là người Tây làm việc tại hãng dầu, đi đưa một người bạn mình đáp tàu Roume ra Hải Phòng. Lúc tàu nhổ neo chạy, tàu xê ra khỏi cầu, là lúc những người đi đưa bước lên bờ, có một cô thiếu nữ cũng bước lên, rủi sẩy chưn, té xuống sông chìm ngấm. Cái thảm kịch ấy diễn ra trước mặt chàng Weiss, chàng nghe tấm lòng nhân từ mình giục, liền nhảy ùm xuống theo cô thiếu nữ kia.

Chàng Weiss đáng khen ! Đáng khen lòng can đảm của chàng !

Nhưng rủi thay ! Công việc của chàng làm chẳng có hiệu quả chi hết mà lại mang hại vào mình.

Cô thiếu nữ tức là bà đầm tương lai ấy nhờ một người lính đoan vớt cho khỏi chết ; còn chàng Weiss ? Chàng Weiss thì sau khi nhảy xuống, rồi đi đâu mất biệt, đến sáng hôm sau người ta mới vớt được xác lên. Than ôi !

Ấy là chàng Weiss mong cứu người mà hại mình. Phải chi chàng tinh cái khoa lội bơi, thì chàng đâu có chết !

Vậy mà chàng Weiss còn là đáng phục hơn ông Khổng Tử nhà ta.

Ngày kia, Tể Ngã hỏi rằng : Kẻ nhân, nếu có ai bảo cho rằng : có người rớt xuống giếng, thì có nhảy theo mà cứu chăng ? Khổng Tử trả lời : Cái gì lại nhảy theo ? Người quân tử có thể đi qua mà mách cho cha mẹ nó biết, chớ không có thể nhảy theo xuống giếng mà cứu nó.

Nghe ngài nói đó mà mình phát rầu. Đi qua mà mách cho cha mẹ nó biết thì ai làm chả được, hà tất là quân tử ? hà tất là kẻ nhân ?

Giả sử Weiss hồi nhỏ va vào học trường An Nam hay là trường các chú, va phụng hành bộ sách *Luận ngữ* chắc hồi đó va sẽ

ở bến tàu chạy về mà mách tin cho cha mẹ cô thiếu nữ kia, thì va cũng khỏi chết mà như kẻ nhân của Khổng Tử đã sống lâu (Khổng Tử nói : Nhân giả thọ)!

Tội nghiệp Weiss, không biết cái cách xử thế của nhân nhân quân tử ở phương Đông mà đến nỗi bỏ mình !

Song không gì bằng khoa học hết. Như Weiss muốn cứu người ở sông thì phải lội cho hay ; còn Khổng Tử muốn cứu người ở giếng thì chỉ có nước lấy ô tô vặn hết chữ, chở "cần vọt máy" tới, đặt bên miệng giếng rồi thả móc xuống mà trục lên. Khỏi chết ! Lại sống dai nữa !!

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6225 (20.8.1930)

CÁI NGHĨA THẬT CỦA CHỮ "ĐỒNG BÀO"

Theo tiếng An Nam ta, đồng bào là anh em chị em cùng một cha một mẹ đẻ ra. Tuy vậy, cái nghĩa ấy là nghĩa hẹp, không phải cái nghĩa thật của chữ đồng bào đời nay.

Chữ đồng bào đời nay có lẽ bởi chữ Tây mà ra. Hồi nước Pháp cách mạng, có xướng ra ba cái nguyên tắc lớn, là liberté, égalilé, fraternité. Ba chữ đó dịch ra là tự do, bình đẳng, bác ái ; mà bác ái, cũng nói là đồng bào được nữa.

Đó, chữ đồng bào là lấy cái nghĩa ấy.

Nguyên ý của chữ "fraternité" người Pháp hiểu rằng chẳng những coi nội người Pháp với nhau như ruột rà, mà cũng coi hết thảy nhân loại như ruột rà. Bởi vì hồi bấy giờ người Pháp muốn gây nên cuộc cách mạng khắp thế giới, muốn cho cả loài người đều được có dân quyền như mình.

Ở bên Trung Quốc thì học trò ông Khổng Tử có nói : "Tứ hải giai huynh đệ". Nghĩa là trong bốn biển đều như anh em. Trong bốn biển, thế là chỉ trong nước Tàu mà thôi, bọn các chú họ coi

nhau như anh em mà thôi. Cho nên câu đó không đủ đọ với nghĩa đồng bào đời nay.

Đến Tống Nho nói : "Dân ngô bào dã". Nghĩa là : Người ta là ruột rà của mình. Lại nói : "Trời đất là cha mẹ, loài người là anh em với nhau". Đó thì giống nghĩa đồng bào bây giờ.

Nếu vậy thì đồng bào là chỉ tất cả nhân loại. Nếu vậy thì không kể giống nào, dân tộc nào, cũng đều kể là đồng bào hết.

Nếu vậy thì chúng ta kêu những con Rồng cháu Tiên chúng ta đây bằng đồng bào là không đáng, là tỏ ra chúng ta hẹp hòi.

Phải ; phải rồi.

Bởi vậy mới rồi một tờ báo An Nam ở Sài Gòn đây chúc mừng về sự chánh phủ Pháp ban thưởng Bắc đẩu bội tinh cho các vị đồng bào ta.

(*Tòa kiểm duyệt bỏ*)

Hôm trước không phải đồng bào là theo nghĩa hẹp ; hôm nay đồng bào là theo nghĩa rộng.

Ban đầu rộng mà sau hẹp thì khó coi ; chớ ban đầu hẹp mà sau rộng là phải, là lẽ thường, là tấn bộ, được, được lắm.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6226 (21.8.1930)

CÁI TRÁCH NHIỆM CỦA DÂN TIÊN TẤN

Bên Ấn Độ, người bổn xứ hỏi người Ăng Lê rằng : Hỏi tại cớ gì người Ăng Lê ở trên xa hút tí tè ở đâu trên tít mù tắt kia mà lại băng ngàn vượt biển qua tận bên xứ phật Thích Ca nầy ? Hỏi qua đây làm cái gì, hỡi các ông Hồng Mao ?

Người Hồng Mao không cười mà đáp rằng : "Chúng tôi qua đây chỉ vì cái trách nhiệm của dân tiên tấn. Chẳng nói gần nói xa chi hết, chúng tôi khôn trước các anh, chúng tôi qua đây chỉ có việc dạy các anh".

Thật vậy, đố một dân tộc nào đã sớm khôn, đối với dân tộc khác, mình là vai đàn anh, bậc tiên tấn, mà lại dám chối cái trách nhiệm ấy ! Lại đố một dân tộc nào bước chậm trên con đường tấn hóa, tội nghiệp cái thân em út, mà lại dám chống cự lại, không vâng lời chiều lụy, nói rằng : Thôi, tôi dại kệ tôi, anh đi đâu thì đi, đừng dạy tôi làm chi !

Được đâu ! Mình ngu mình dốt, ấy là làm nhục cho cả loài người ; cho nên mình có muốn cùng không nữa, là người ta cũng dạy cho được !

Dân tiên tấn mà dạy dân hậu tấn, ấy là một cái thiên chức của họ, trời biểu họ phải làm, chớ đâu có phải tại họ muốn hay sao.

Ấn Độ đối với người Ăng Lê thì là dân hậu tấn, cũng như An Nam ta đối với thầy Lang Sa, nên phải thọ giáo.

Lại cũng như thuở trước, người Việt Nam ta khôn hơn người Chàm, mình là đàn anh của chúng, mình há chẳng có trách nhiệm dạy chúng sao ? Phải chớ. Hồi xưa ông bà chúng ta vẫn đã làm trọn cái thiên chức ấy.

Hồi đó ông cố ông sơ chúng ta ở ngoài Bắc kéo cẳng vô đến đỗi Tứ Quảng bây giờ, nói ngon nói ngọt với người Chàm rằng : Các em ôi ! qua khôn hơn các em, trời sai qua vô đây dạy các em !

Người Chàm cứ trờ vờ trơ vớ mãi. Ông cố ông sơ ta không bằng lòng, đòi dạy cho được. Song chẳng biết thầy dạy giỏi làm sao mà ban đầu còn kha khá, sau dạy thét rồi người Chàm đi lơ lần lần, nay chỉ còn sót lại ít nhiều ở phủ Hòa Đa kia còn bao nhiêu thì bồng trống nhau lên đâu trên sông Cái ráo (người Chàm kêu sông Mê Kông là sông Cái).

Dạy Chàm phỉ sức rồi, ông cố ông sơ ta vô dạy đến Cao Miên. Bấy giờ Cao Miên còn ở đất Nam kỳ nầy, kêu bằng Thủy Chơn Lạp. Bọn nầy cũng không chịu học, bỏ đi lơ như bọn Chàm, rồi ông cố ông sơ chúng ta nhè đây mà ở miết cho tới đời chúng ta bây giờ.

Ấy là dân tộc Rồng Tiên ta đã làm trọn cái trách nhiệm tiên tấn. Có điều nhè đất của học trò hậu tấn mà choán, cái đó có hơi khiếm nhã một chút.

Cái kiểu mô phạm của An Nam đó ai mà chịu nổi ! Bây giờ đây còn sót chú Cao Miên nào ở đất Nam kỳ thì hình như thầy Đại Pháp không chịu để cho ông thầy đồ xưa là An Nam ta dạy nữa. Nên hôm kia hôm kìa đây, ông *Le Courrier Saigonnais* ổng nói trắng rằng : La France doit éviter d'Annamitiser ser les Cambodgiens de Cochinchine ! Nghĩa là : Nước Pháp phải tránh đừng cho dân Cao Miên ở Nam Kỳ hóa ra An Nam !

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6227 (22.8.1930)

HAI ÔNG ĐỀU PHẢI HẾT

Vụ án mạng Ba Đức ở Bến Tre xảy ra hôm chầu tháng Juillet kia, bấy giờ bổn báo có tự thuật rõ ràng, sau lại có một bài nói về người thủ phạm trong vụ ấy là tên Ngải.

Nay lại thấy có báo khác cũng nói về vụ ấy tương tợ như lời của *Trung lập* trước kia. Vậy cái màn kín của sự sát nhân đó nay đã được vén lên rồi.

Về việc đó, mấy hôm nay độc giả chừng như không để ý về vợ ba Đức và tên Ngải nữa, vì cái sự hai anh chị nầy tư thông với nhau mà mưu giết ba Đức là sự hiển nhiên rồi. Người ta bây giờ chỉ để ý về hai ông quan thầy thuốc.

Phải lược thuật câu chuyện lại cho nhớ. Số là tên Ngải với hai vợ chồng ba Đức rủ nhau đi bắn trong rừng Thủ Dầu Một. Cách một bữa thì thấy xe hơi chở thây ba Đức về Bến Tre. Vợ ba Đức trình với quan thầy rằng chồng mình bị cảm gió mà chết. Thầy thuốc khám nghiệm rồi cho chôn. Sau đó có người phát giác ra sự ba Đức bị đạn mà chết chớ không phải cảm gió. Quan dạy đào mả

lên, giỡ hòm ra, thầy thuốc mổ bụng và cưa đầu ba Đức mà khám nghiệm thì quả là bị đạn thật.

Đó, người ta để ý về chỗ đó. Người ta xấm xi xấm xải hỏi rằng : Ông quan thầy khám nghiệm bữa trước và ông quan thầy khám nghiệm bữa sau là một ông hay hai ông ?

Có người cho câu hỏi nầy là hệ trọng lắm. Song theo ý tôi thì có gì đâu mà hệ trọng ? Một ông cũng được mà hai ông cũng được !

Nếu là một ông thì lần trước nhơn vì ông có công việc gì đó, ông lụi bụi, không khám cho kỹ được, nên ông khám qua loa rồi cứ việc cho chôn ; còn lần sau ông rảnh thì giờ ông cưa đầu mổ ngực ra mà coi thì ông thấy là bị đạn, chớ có lạ gì ?

Một ông vẫn được rồi, mà bây giờ ta cho là hai ông đi, thì hai ông cũng lại đều phải cả.

Có làm gì đi nữa là ba Đức cũng đã chết rồi. Huống chi vợ va khai rằng bị cảm mà chết, không có kèo nài gì cho chồng mình hết, thì quan thầy bươi ra làm chi ? Bởi vậy ông thầy ấy dầu có biết là bị bắn nữa cũng cứ cho chôn đi cho rảnh chuyện. Thầy thuốc lấy sự cứu người làm cốt có hay chi cái thứ "dẫn nhân nhập tội" mà can. Cho nên ông quan thầy khám nghiệm lần thứ nhứt đó làm như vậy là phải.

Ông ấy đã phải thì ông thứ hai còn phải hơn. Đã mổ ngực ra mà thấy dấu đạn từ đằng trước xuyên qua đằng sau, đã cưa óc ra mà thấy đen cả đống thì biểu ông đừng nói là bị đạn sao được ? Nghĩa vụ thầy thuốc nhứt là phải nói thật với thân chủ.

Cho nên, bọn ta đừng có giở lý sự cùn ra làm chi ! Cho biết rằng ở xứ nầy đã kêu bằng ông thì ông nào cũng phải hết !

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6228 (23.8.1930)

HỌ CÓ MIỆNG ĂN, CÓ MIỆNG NÓI

Ban uỷ viên điều tra về đồ ăn mắc mỏ (Commission de la vie chère) bữa trước đây đã xin bớt tiền cước cho xà lách Đà Lạt và tha thuế thịt trừu ngoại quốc đem vào ; mới hôm vừa rồi họ lại rục rịch đến món khoai tây.

Khoai tây tại làm sao cũng lên giá ? Ban uỷ viên ấy tức về chỗ đó lắm nên đã rủ nhau đi điều tra tới nơi tới chốn.

Cái kết quả của sự điều tra tỏ ra rằng sự lên giá đó thật là vô lý. Khoai tây mỗi chuyến tàu nào cũng có tới thường, và chẳng hề có thêm thuế gì hết, vậy thì can cớ gì mà cũng bán mắc lên cho được ?

Những phái viên đi điều tra tìm được, tại các cửa hàng trong Chợ Lớn, các chú trữ khoai tây lại có đến hàng ngàn kí-lô. Vậy mới biết rằng bọn Huê thương đồng lòng với nhau tích trữ vật ấy lại một chỗ, rồi neo giá mà bán mắc, chớ chẳng phải tại cớ gì hết.

Ban uỷ viên phát kiến ra sự ấy rồi, đương tìm cách xin chánh phủ can thiệp vào sự buôn bán quỷ quyệt của bọn các chú. Để thủng thẳng coi thử có hiệu quả gì chăng.

Chúng ta nên nhớ rằng ban uỷ viên nói nãy giờ đó gồm tinh những người Pháp thôi, không có người An Nam nào hết ráo.

Xà lách Đà Lạt, thịt trừu, khoai tây là vật thực của người Tây dùng hàng ngày. Họ ăn vô miệng mà thấy mắc[*], đau đồng tiền quá thì họ biết nói.

Còn mình, An Nam mình cũng có miệng ăn như họ vậy chớ, mà ăn mắc mấy cũng cứ việc nhắm mắt mà nuốt liều, không ai nói chi hết, là cớ làm sao ?

Trà tàu, lên giá từ tháng Juin năm ngoái, lúc đó vì cớ tăng thuế Đoan. Còn bây giờ đây, đương vô sự, chẳng có cớ gì hết, sao họ lại

---

[*] Các từ *mắc* (nghĩa là đắt đỏ) ở bản gốc đều là "mắt", có lẽ do in lầm, ở đây NST đã sửa lại.

lên giá nữa : thứ trà 0p55 một gói bữa trước thì bữa nay 0p60 ? Chẳng những trà tàu, còn nhiều vật thực khác cũng cứ mỗi ngày mỗi tăng giá như vậy mà ai nấy cứ việc mua, chẳng thấy nói rằng chi hết thảy.

Chẳng biết ban uỷ viên ấy lập lên, chỉ có mục đích điều tra sự mắc mỏ chung cho cả dân thành phố ?

Họ hết nói chuyện xà lách Đà Lạt và thịt trừu ngoại quốc rồi nói đến chuyện khoai tây, còn trăm thứ khác thì sao ?

Còn chánh phủ, trước đã hứa sẽ sức cho sở hỏa xa bớt tiền cước xà lách Đà lạt và tha thuế thịt trừu nhập cảng rồi bây giờ đây đối với vấn đề khoai tây, cũng sẽ phải giải quyết cho họ cách nào, chánh phủ thật cũng sốt sắng thay.

Nhưng coi kỹ ra thì các ngài trong chánh phủ cũng chỉ ăn xà lách Đà Lạt, thịt trừu và khoai tây mà không ai uống trà tàu hết. Như vậy biểu sao dừng sốt sắng.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6229 (25.8.1930)

CÓ CHẾT ÍT NHIỀU CŨNG PHẢI

Trái đất, bề mặt của nó chỉ có thế thôi. Hoặc giả càng ngày nó càng nhỏ lại thì có, chớ càng ngày càng lớn ra thì không. Nếu vậy mà người ta cứ sanh sản mãi ra, không tiêu diệt bớt đi, thì chỗ đâu mà ở cho đủ ? của đâu mà ăn cho khắm ?

Vì cái lẽ ấy người ta đẻ ra phải chết. Mà chết đau chết già còn chưa đủ ; lâu lâu phải có chết một chuyến cho thiệt dữ, hoặc bởi thiên tai hoặc bởi binh cách, chết lăn chiêng ra cả đống, làm cho thây thành gò, máu thành sông, như vậy mới hiệp với lẽ thừa trừ.

Các nước bên Âu châu, nhứt là Đức, Pháp và Ăng Lê, trận chiến tranh năm 1914-1918, họ chết đã khá lắm, đến nỗi có làng chỉ còn độc đàn bà ; vậy mà mới hơn mười năm nay, nghe chừng

đã đông dân gần bằng lúc trước rồi, đâu đó cũng thấy những người thất nghiệp là người thất nghiệp !

Người ta sao mà không biết nghĩ, cứ hay phàn nàn sự chiến tranh là vô nhân đạo. Họ đâu có biết chiến tranh là sự cần cấp, không có không đặng. Giá không có cuộc chiến tranh 1914-1918 thì bây giờ đây, dân Âu châu có lẽ mười người thất nghiệp cả mười.

Rồi đến như (....)(*) bị một trận địa chấn rất gớm ghê, chết đi đến những mấy trăm vạn, thế mà mới mấy năm nay, dân số của họ cũng thấy tăng lên gần như xưa rồi. Giá bây giờ đây mình có vài miếng đất nào trộng trộng bằng cái Đông Pháp nầy, kêu (....)(*) mà cho họ làm thuộc địa để dời dân họ đến ở, coi thử họ có mừng bằng ông bà(....)(*) họ chết đi sống lại không.

Rồi mới tới chuyện ông Tàu. Non hai chục năm trời họ đánh nhau túi bụi lùng bùng, chết lăn vét ra cả đống, lại thêm trời hạn mất mùa, như mới rồi tỉnh Cam Túc chết đói gần hết nửa phần dân số, vậy mà chẳng thấm vào đâu hết, chết mấy thì chết, người sống cũng vẫn còn chật chỗ ở, đến nỗi phải đi qua Tân Gia Ba và Xiêm La mà ở đậu, ngờ đâu tới đó lại bị chận ngách không cho lên bờ. Cho nên, người Tàu còn phải đánh nhau nữa, còn phải chết nữa, thì mới có chỗ mà ở.

Còn như bên Huê Kỳ là xứ giàu có, sung sướng, lâu nay trong nước không có giặc giã, thì số người chết bởi nạn xe hơi của họ mỗi năm kể cũng đến 31.000 người ; còn số chết về nạn trời nắng gắt mới đây chưa tính. Nếu chẳng có số người chết như vậy thì Huê Kỳ cũng sẽ trở nên nghèo khổ như nước khác.

Coi đó rồi bà con ta nên tỉnh biết đừng có thấy chết sơ sơ mà đã giựt mình. Ta đây không gặp những cái nạn chiến tranh, động đất, như các nước, thì có những lụt chút đỉnh, vì nóng lòng làm

(*) các chỗ này ở bản gốc đều bỏ trống, có lẽ một vài từ bị đục bỏ khỏi bản kẽm trước khi báo in.

chộn rộn mà huyết lưu chút đỉnh, hay là buồn quá mà rủ nhau tự tử chút đỉnh, những cái chết đó thật (*kiểm duyệt bỏ*)

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6230 (26.8.1930)

BÊN NÀY KHÔNG CÓ ÔNG HUỲNH ĐÌNH ĐIỂN

Kỳ nhóm hội đồng thành phố tới đây, người ta sẽ bàn về việc lấy tên ông Louis Boez đặt tên cho một con đường mới ở Sài Gòn.

Ông Louis Boez, y khoa bác sĩ, có tiếng thông thái nhứt nước, đã làm chủ y viện Pasteur ở Sài Gòn năm xưa. Thành phố toan lấy tên ông đặt cho một con đường để kỷ niệm cái học vấn và công nghiệp của ông đời đời, như vậy là rất tốt.

Về việc nầy, thấy các báo Tây ở đây đều tỏ ý mong cho hội đồng sẽ nhứt trí tán thành sự đề nghị ấy. Còn về phần các báo An Nam chưa thấy báo nào nói tới.

Theo ý riêng tôi thì sự lấy tên ông Louis Boez đặt tên đường, đây tôi cũng không phản đối. Chẳng phải vì cớ tôi không phản đối hay vì cớ tôi không có quyền phản đối, hay là vì cớ dầu tôi phản đối cũng vô ích ; nhưng là bởi một việc rất phải, cho ai đi nữa cũng không phản đối, chớ đừng nói tôi.

Một lẽ là vì ông Louis Boez đáng kỷ niệm như đã nói trên kia ; hai lẽ là vì các đường ở Sài Gòn đây hầu hết là tên Tây, bây giờ nên đặt tên Tây cho luôn thể ; ba lẽ là vì cái tên Louis Boez có ít vần, vắn, người An Nam kêu rất dễ.

Chỉ có điều gặp việc nầy mà thương hại cho cái tên của người An Nam. Trong hàng những người An Nam có danh tiếng hồi xưa, thật ít thấy người nào có cái tên dựa theo con đường nào mà truyền lại đến bây giờ. Chẳng phải là không có trơn, song le ít quá.

Như Phan Thanh Giản, là cái tên rất lớn trên lịch sử, thế mà hình như chưa có con đường nào ở Sài Gòn mang cái tên ấy.

Thấy phần nhiều đường phố ở đây hay lấy tên người nào có công với nước Pháp mà đặt. Vậy sao con đường to hơn hết lại không đặt tên Tự Đức mà đặt tên Norodom là vua Cao Miên ?

(Bị kiểm duyệt bỏ)

Hùm chết để da, người ta chết để tiếng, tục ngữ nói rất nhằm. Nhưng than ôi ! Không có ông Huỳnh Đình Điển thì những tấm da con hùm cũng đến thúi !

Ai dư công lại đường Pellerin, nhà ông Huỳnh Đình Điển mà coi. Ông dùng cái khoa học chi mà tài quá, những cọp chết người ta đưa tới, sau khi ông lấy thịt phơi khô để xài rồi, thì ông làm cho da nó được để lại dài lâu.

Hùm chết để da ! Có phải hùm muốn để thì để được đâu, ấy là nhờ ông Huỳnh Đình Điển. Bên hùm như vậy, còn bên người ta, không có ông Huỳnh Đình Điển thì tiếng đâu còn ?

Hay là ta lại bàu ông Huỳnh Đình Diển làm nghị viên thành phố ? Nhưng có người sợ mỗi khi ông đưa cho một cái phăc tuya rồi chạy tiền không kịp ; vì nghe nói ông tính mỗi cái da cọp đến một trăm hai.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6231 (27.8.1930)

[THẦY THUỐC BỊ BẮT CÓC...][*]

(Bị kiểm duyệt bỏ)

(...) Ở Hải Phòng đâu năm ngoái, ba đảng viên cách mạng lập mưu bắt ông thầy thuốc Thanh Thiên Đường ; còn mới rồi ở Sài Gòn có mấy cậu thanh niên lăm le bắt ông thầy thuốc Án ; mấy cậu nầy chưa biết rõ, song người ta tin rằng dầu không phải cách mạng chớ cũng anh hai cách mạng.

---

[*] Nhan đề và một vài câu đoạn đầu bài này đã bị kiểm duyệt gạch bỏ ; sưu tập tạm lấy mấy từ này làm nhan đề, đặt trong ngoặc vuông (NST).

Việc ở Hải Phòng năm ngoái, sau rõ là họ thấy ông chủ Tham Thiên Đường nhà giàu có bạc muôn, nên họ toan dọa để lấy tiền chơi. Chớ còn ông thầy thuốc Án ở đây, chẳng nghe nói là giàu, mà họ bắt làm chi ?

(...) Theo tục ngữ ta thì thầy thuốc cũng là một hạng "sát nhân" cho nên họ cũng không tha. Nếu quả vậy thì ông thầy ở Hải Phòng kia, là thầy thuốc An Nam, hoặc giả ông có sát nhân chăng ; chớ ông Án, ăn học đành rành, có bằng đốc-tưa của nhà nước, bấy lâu ông đã nổi danh lương y ở đất nầy, ông có hề giết ai đâu mà hòng hại ông ?

Có một điều nầy còn lạ nữa. Sau khi ông thầy thuốc chạy báo với sở cò, ông cò đến xét cái căn phố số 2 đường hẻm Rousseau, là nhà mời ổng đến đó, có một cái ống cao su với một tấm vải trắng dài, một gói tiêu bột. Quái thiệt ! những vật nầy dùng để làm chi ? Dồ tuồng nầy, là những vải trắng, ống cao su, tiêu bột đó, sao lại giống như đồ tuồng của thầy thuốc ?

Thầy thuốc An Nam hay dùng vải trắng xếp lại lót dưới tay mà coi mạch, dùng tiêu bột để thoa cho người cảm gió ; còn thầy thuốc Tây thì dùng ống cao su thường, hoặc để lấy máu, hoặc để thụt nước vào người. Vậy có lẽ mấy cậu thanh niên nầy cũng là thầy thuốc mà muốn mời ông Án tới để kình nghề với ổng chăng ? Như vậy thì việc gì lại đâm đầu chạy túi bụi sau khi ông thầy hô hoán ? Thiệt ông thánh cũng không hiểu !

Ừ mà sao lạ thật ! Ông đốc-tưa Tôn Văn năm trước cũng bị bắt cóc một lần ở tại sứ quán Luân Đôn. Nhớ ra nhiều cái tang chứng như vậy rồi ở đời nầy còn ai dám làm thầy thuốc ?

Khác một điều là ông Tôn Văn bị bọn khác bắt cóc chớ không bị bọn cách mạng. Vì chính Tôn Văn là tổ cách mạng, ông đẻ ra cách mạng rồi, còn cách mạng nào bắt ông ?

(Bị kiểm duyệt bỏ)

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6232 (28.8.1930)

LÁ ĐƠN KIỆN XÃ HỘI

Bà đầm L., chủ nhà hàng Tout-va-Bien, vì thất luyến với tình nhơn mà tự tử bằng súng lục, nhờ thầy thuốc cứu chữa nên bà đã hoàn hồn. Chuyện ấy đã đăng trên tờ báo *Trung lập* rất rõ ràng ở số hôm kia và hôm qua.

Người ta, hễ gặp việc gì ức tình thì chỉ có nước kiện. Bà đầm L. muốn chết mà họ không cho chết, bả cũng ức tình. Ức tình thì bả kiện. Cứ theo như trong đơn của bả thì bả chỉ quyết cho chú Xã Hội là kẻ đã làm thiệt hại bả, là bị cáo nhơn.

Có người làm việc trong tòa án Bông Lông, sao được lá đơn của bả như vầy:

Trộm nghe :
Đời thạnh trị trong không gái hờn ngoài không trai lỗng,
phải đủ đôi đủ lứa mới ra bề;
Phận đàn bà nhỏ thì theo cha, lớn thì theo chồng,
ai cù bất cù bơ mà chịu được ?
Nếu có kẻ thân sơ thất sở,
Ấy tại nơi chi phối bất quân :
Bởi chưng có người dư,
Mới thành ra kẻ thiếu.
Tôi nay:
Hổ phận bạc còn trên ba tấc đất ;
Chực phòng không kể đã mấy năm trời.
Ai ngờ đầu trăng đầu nước mà vô duyên,
gặp phải đức ông chồng chi phụ rẫy ;
Trông thấy đũa bếp đũa cơm đều có cặp,
thương thay ống thổi lửa chi mồ côi !
Biết nhờ ai mẹ góa con thơ ?
Chịu sao nổi đầu xanh tuổi trẻ ?
Đường trường tôi vừa đương gánh gãy ;
Gái góa tôi mới bạ trai không.

Những mong đất khách quê người, nạc gởi mà xương cũng gởi ;
Từ đó biển thề non hẹn, thuyền dời chớ bến không dời.
Ngờ đâu tám kiếp anh nầy !
Âu cũng một ma cùng chàng nọ !
Tôi bèn quyết chí, sống làm chi thêm hổ chị hổ em ?
Trời chẳng chiều người, chết một cái đã sáng nhà sáng cửa !
Ai cầu mà cứu ?
Sống vẫn không chồng !
Để tôi đến ngày nay,
Chính y là kẻ ác,
Vậy xin tòa án Bông Lông thẩm xét,
Khá đòi phạm nhơn Xã Hội hỏi tra.
Bởi tại y :
Trước đã làm cho tôi tủi vì phận, hờn vì duyên,
quá lắm phải ra đường thất vọng ;
Sau lại làm cho tôi đi không đành, dứt không đoạn,
còn lộn về vướng nợ phù sanh.
Cứ thiệt thân trình,
Nhược gian cam cựu.

THÔNG REO tái sao lục

Trung lập, Sài Gòn, s.6233 (29.8.1930)

TỘI TẠI CON CHÓ VỚI CON CUA

Chuyện Chà ăn thịt con nít báo *Đuốc nhà Nam* đăng bữa nọ làm kinh động cả Sài Gòn, mà bữa nay xét ra không có, đó là có thật, nào có phải láo đâu.

Có ở đâu ? Có ở trong một tờ báo Tàu xuất bản tại Chợ Lớn kêu là *Trung Quốc nhựt báo*.

Nhớ lại, tờ báo Tàu ấy ra ngày 23 Aout mà nói rằng cái việc ăn thịt con nít gớm ghê ấy xảy ra trong ngày 8 Aout kia !

Trời ôi ! Có đâu lại cái chuyện nhơn mạng chí trọng như vậy mà hằng nửa tháng mới biết tin, và trong khi ấy từ cò bót cho đến quan tòa chẳng hay biết chi ráo ?

Hôm nay người ta mới biết cái tin đó là do viên phóng sự của báo Tàu bày đặt ra.

Có người thuật chuyện đầu đuôi viên phóng sự ấy sở dĩ bịa đặt cái tin đó là tại vầy :

Hôm đó nhà đại phóng sự do từ Chợ Lớn đi ra Sài Gòn kiếm tin tức. Dọc đường gặp một con chó ngao rượt theo va. Va tức mình quá, lấy cái ba ton cầm nơi tay đánh con chó một cái, bể hai cái sọ. Cái là tại va lỡ tay chớ không phải cố ý. Song con chó đó của một ông quan Tây có thế lực, đánh chết của ông có dễ chịu chi. Va biết vậy rồi, hoảng hồn, bèn ngồi lại nơi đường, tháo dây nịt lưng bằng da ra mà ràng cái đầu con chó lại. Va ngồi đợi cho đến khi con chó sủa lại được, nghe khẹc khẹc, rồi va mới đi công việc của va.

Va mừng quýnh mà đi, đi tới chợ Bến Thành, lại gặp người ta bày trò "con cua mỹ nhân". Chuyện nầy va cũng đã thấy trong báo An Nam mới đây, va thích lắm, đứng lại coi kẻo uổng.

Báo hại thì thôi ! Cái cô mỹ nhân trong con cua ấy thấy va lại nhè đem phải lòng ngang, liếc mắt đưa tình (tục gọi là quăng nhãn) làm cho va bỏ đi không dứt. Va ở sa đề đó mất ba giờ đồng hồ trọn.

Bị những chuyện lôi thôi đó, làm cho va đi đến chỗ hỏi tin thì hết giờ rồi. Lụi đụi trở về đến Chợ Lớn, bước vào tòa soạn thì đã chiều tối.

Ông chủ bút hỏi : – Bài của phóng sự ở đâu . – Có đây.

Va vừa nói vừa lật giấy viết đại : "Chà ăn thịt con nít, Chà ăn thịt con nít ; cắt đầu bỏ vô bao, lấy mình nấu ca ri..."

Bà con nghe hôn ? Đầu đuôi là vậy đó.

Nghe nói bữa nay chú chệt phóng sự ấy bị đòi ra tòa rồi. Chú sẽ mang án không chừng. Ấy cũng nhờ *Đuốc nhà Nam* dịch ra, không thôi, tòa đâu có biết !

Còn viên phóng sự ấy hôm nay chắc nhớ đến con chó sùa khẹc khẹc với con cua mỹ nhân kia mà giận căm gan.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6234 (30.8.1930)

TRUNG-BẮC KỲ SẼ CÓ ĐẢNG LẬP HIẾN

Ông Phạm Quỳnh trước đây có viết bài trong báo *France Indochine* ở Hà Nội mà bàn về tình thế chánh trị ở Trung-Bắc kỳ.

Đại ý ông ước ao rằng chánh phủ Pháp y theo cái điều ước năm 1884 mà trả quyền nội trị lại cho vua Nam triều. Rồi chánh phủ Pháp lại chịu khó đứng lập cho mình, cho vua Nam triều, cho dân Trung-Bắc một cái hiến pháp.

Cái hiến pháp ấy sẽ khác với các hiến pháp thế gian hết thảy, vì như trên đây đã nói, nó là cái "hiến pháp tam giác" !

Lại một điều nầy cũng khác nữa. Các hiến pháp thế gian có cái tánh chất tự động. Nghĩa là sau khi vua với dân giành lộn nhau, dân nói cùng vua rằng : Bệ hạ cầm trọn quyền như vậy không được ; vua cũng nói cùng dân rằng : bá tánh các ngươi cầm trọn quyền cũng không được ; – Khi ấy hai bên lấy giấy mực ra, viết tờ giao kèo với nhau, tức người ta kêu bằng hiến pháp. Còn cái hiến pháp của Trung-Bắc kỳ mà ông Phạm Quỳnh ao ước đây là bị động. Nghĩa là vua và dân An Nam không thiết chi tới hết, tự chánh phủ Bảo hộ kêu mà bảo rằng : Đây nầy, chúng tôi đặt ra đây một cái hiến pháp, cho chúng tôi, cho Bệ hạ, và cho bá tánh các ngươi đây.

Ông Phạm Quỳnh, giá cho ổng làm thầy thuốc thì ổng chữa bịnh sai đi hết. Chuyến mới rồi đây, dân Trung-Bắc nổi lên là có ý đòi cái nầy cái kia cho phần họ ; chớ còn vua An Nam có hề đòi cái gì đâu, vậy mà ông mong nhà nước Pháp trả quyền nội trị cho vua ? Có phải là bịnh đau một đàng mà ổng chữa cho một ngả chăng ?

Cứ như cái chánh sách của ổng thì có một điều ngặt anh em Nam kỳ mình quá. Cái nước "Việt Nam tam giác lập hiến" của ổng sau nầy đó, ổng nói phân minh rằng : hai chữ "Việt Nam" ấy chỉ là Trung kỳ và Bắc kỳ mà thôi. Nếu vậy thì Nam kỳ ta chỉ là xứ Nam kỳ, chớ không có thuộc về quốc gia nào hết.

Ông nói nửa dỡn nửa thiệt mà rằng việc ổng bàn tính đó có thể khởi hành trong lúc vua Bảo Đại ở Pháp sẽ về đây. Bởi vậy, ở Trung Bắc kỳ dạo nầy người ta rộn rực lắm, đương tổ chức một đảng, cũng bắt chước như Nam kỳ, đặt tên là đảng Lập hiến.

Nếu việc ấy mà quả thành thì cái Đông Pháp liên bang bữa sau chỉ còn có bốn xứ. Là nước Việt Nam (tức Trung Bắc kỳ), xứ Nam kỳ, xứ Lèo và xứ Cao Miên.

Nam kỳ mình có đảng Lập hiến trót mười năm nay mà chưa thấy hiến pháp chi chi cả. Vậy mà không biết chừng, đây rồi Trung Bắc kỳ có đảng Lập hiến sau mình mà lại có hiến pháp trước Nam kỳ cho mà coi. Chừng đỗi gì cái đó các anh ơi ! Họ nói chơi mà làm thiệt ra cũng có.

Đố biết ai sẽ làm đảng trưởng đảng Lập hiến ở Trung-Bắc kỳ ? . . . Nếu ngoài không có ai (không ai chịu lãnh hết) thì trong nầy người ta kiếm luôn cho.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6236 (2.9.1930)

CẦU MÀ CHẾT

Cái tâm lý người ta thật là khó dò. Bởi vì khi hướng về chiều nầy, khi ngả về mặt khác. Lỗ miệng người ta nói cũng không biết thế nào mà nghe. Hèn chi tục ngữ chẳng nói "lưỡi không xương".

Bữa hôm ông Nguyễn Trọng Tuệ bị nạn xe hơi mà thác, những người thân quyến đến thăm, ai cũng bài hải[*], thậm chí có người

[*] *bài hải* (hoặc *bài hài*) : la to, thất thanh vì hoảng sợ hay tức giận (theo *Từ điển phương ngữ Nam Bộ*, sđd.).

thấy tình cảnh vợ con ông mà sa nước mắt đến bốn hàng chớ không thèm hai mà thôi.

Ông là một vị quan lại của nhà nước rất mẫn cán mà trung thành. Hai mươi năm nay hết hầu quan toàn quyền nầy đến quan toàn quyền khác. Quan ra Hà Nội thì ông theo ra Hà Nội, quan vô Sài Gòn thì ông theo vô Sài Gòn. Người nào còn lọt một vài lần ; chớ ông, trăm lần như một, theo dẻo đeo bên quan toàn quyền, dường như chẳng có rời lúc nào hết.

Cả đời đã đi luôn như vậy, nên có sắm nhà làm chi, ông không có nhà. Nghe nói nhà nước cho ông ở trong một cái phòng tại phủ toàn quyền, Sài Gòn Hà Nội chi cũng vậy. Bởi vậy khi ông mất, phải thuê ngay một căn phố mà để quan tài, nếu chẳng vậy thì biết để vào đâu ?

Ông thì tuổi đâu chừng trên bốn mươi mà bà vợ mới trên hai mươi ; có nụ con trai mới đẻ đâu chừng năm sáu tháng. Cái nỗi vợ trẻ con thơ ấy ai thấy mà chẳng thảm thương cho đặng ?

Bởi vậy khi ông mất ai cũng lấy làm tội nghiệp. Có người thở dài nói rằng : Con người thế ấy mà thác oan thế nầy ! Có người chặm nước mắt mà kêu trời : Trời sao mà không có mắt quá vậy ! Sao mà khốc hại đến nỗi bắt đứa con mới năm tháng phải mồ côi ? Còn người bà con thân với ông, dậm chưn nói rằng : Chết oan ức tức tối quá, phải chi sống ít năm nữa để cho có nhà có cửa, đủ gái đủ trai đã rồi hãy chết !

Vậy mà đến bữa đám táng ông, những câu than thở ấy nó đã chôn chặt xuống dưới đất cái trước cái quan tài của ông.

Hôm đó chiều chúa nhựt. Trời mưa ướt át, đường những nước với sình. Vậy mà có quan toàn quyền, quan thống đốc cùng các quan lớn khác đi đưa. Các ngài đi từ chỗ phát dẫn, mà cứ kéo bộ như vậy cho tới huyệt. Sau khi đọc điếu văn và bỏ mỗi ngài một cục đất xuống huyệt rồi mới về. Thiệt từ xưa đến nay chưa có đám tang ai mà các quan đi đưa một cách châu đáo như thế.

Bấy giờ các người An Nam đi sau lưng cac quan, người thì nói : Chết như vậy cho đáng cái chết ! Có người lại cười nữa, mà nói rằng : Há luận xe hơi, xe lửa nó cán mà chết được như vầy cũng nên chết mà. Người khác nữa, nói lại còn bậm trợn hơn : Giá tôi mà chết được như vầy thì tốn mấy cho được chết cũng chịu.

Té ra đến hôm ấy họ chẳng còn thương tiếc cho cái chết của ông Nguyễn Trọng Tuệ, mà chính họ lại còn trầm trồ rằng : "cầu mà chết" nữa.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6237 (3.9.1930)

KÊU THẢNG TỪ 50 NĂM VỀ TRƯỚC ĐẾN GIỜ

Mới ngày đầu năm đây các hàng quan lại Lang Sa kêu ca cùng chánh phủ rằng tiền lương của họ ít ỏi quá không đủ mà chi độ, với số lương bỏn sẻn ấy không đủ cho họ sống ở cái đời mắc mỏ nầy. Vì vậy mà chánh phủ hứa tăng cho họ đến hai chục phần trăm.

Người An Nam mình thấy vậy tưởng là mới bây giờ đây gặp cái đời mắc mỏ họ mới bắt đầu kêu rêu như vậy. Chớ có ngờ đâu rằng mấy ông quan đó họ đã kêu.

Ấy là nhờ có một tờ báo Tây ở đây đương thuật lại các công việc trong Hội đồng quản hạt hồi mới mở ra 50 năm về trước, tức là năm 1880, mà ta mới biết được điều ấy.

Lần nhóm hội đồng quản hạt đầu bịn hết(*), nhằm ngày 22 Novembre 1880, thì hội đồng nhận mở hàng liền một bức thơ của ông giáo sư Charrot, dạy trường Chasseloup-Laubat.

Ông giáo sư Charrot than phiền cái sự sanh hoạt lắt lẻo của hàng quan lại ở đây và xin hội đồng làm cho họ được thơ(*) ra chừng nào hay chừng nấy.

(*) *đầu bịn hết* : như "đầu hết", "trước hết" (theo H.T.Paulus Của, sđd.).

(*) *thơ* : mở ra, nới ra, như "thơ thới", "thơ sướng" (theo H.T.Paulus Của, sđd).

Ông nói các quan tiêu xài nội tiền lương mình không đủ, phải đi vay. Rồi ổng xin nhà nước giúp cho họ mỗi người là 3.500 francs đặng trả nợ !

Ai có đời nhà nước lại đi trả nợ cho các quan bao giờ, nên trong ngày ấy, hội đồng không ưng chuẩn cái điều ông Charrot xin đó. Tuy vậy, sau rồi chánh phủ cũng không phép làm thinh.

Vì kế đó, ông Vinson hiệp hết thảy bọn đồng liêu mình đứng xin tăng lương bổng. Ông nói một người Pháp ở đây ít nào cũng phải 4.000 francs mỗi năm mới sống được, theo giá bạc bây giờ tính ra chạy một tháng 66p66.

Hội đồng cũng không tăng đến số đó, nhưng đã đổi lại rằng quan lại Lang Sa mới bổ ra, vào ngạch thuộc địa bên nầy, mỗi năm lương được 3.500 francs.

Chớ còn trước khi đó họ chỉ ăn có 58 đồng một tháng mà thôi. Mấy ông đốc công sở giây thép lại ăn có 43 đồng một tháng, mà cả tiền thuê nhà, tiền dời chỗ ở cũng vào đó ; duy có khi đi làm việc ngoại địa hạt mình ở, thì được phụ cấp ba quan (francs) một ngày.

Vậy thì ta hiểu rằng 50 năm về trước lương của các quan Lang Sa ở đây bắt đầu chỉ có bốn năm chục đồng một tháng rồi sau tăng lên được sáu chục. Vậy mà đến bây giờ đây, một người Lang Sa mới bổ ra có thể ăn đến từ bốn năm trăm đồng trở lên.

(Bị kiểm duyệt bỏ)

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6238 (4.9.1930)

RỒI ĐÂY CŨNG PHẢI TỐN TÁM CÁC SÁU MỚI XONG

Mới rồi có một tờ báo Tây ở đây đăng một bài nơi trương thứ nhứt, nói về việc sách Tàu đem qua bán tại Chợ Lớn sao mà lộng quá, vì nhiều những sách tuyên truyền cách mạng và cọng sản.

Vả những sách Tàu đem được qua đây, chắc đã bị kiểm duyệt rồi, mà nghe chừng như trải qua cái cửa kiểm duyệt chẳng phải một

lần. Khi những sách chữ hàng dọc ấy từ bên quê hương nó bước chưn ra thì đã ghé vô phòng kiểm duyệt của sở lãnh sự nước Pháp ; đến khi ở dưới tàu bước lên bờ sông Bến Nghé, nó lại còn bị một lần nữa ở sở Đoan. Vậy thì nếu có bộ nào cuốn nào nói về cọng sản hay cách mạng thì chắc nó đã bị giam lại hay là bị đuổi về xứ rồi, có lẽ đâu lại rúc vô tủ các hàng bán sách ở Chợ Lớn mà nằm đặng ?

Vậy mà tác giả của bài báo đó lại nói có nhiều lắm nhiều lắm, ối chôi cha là sách cách mạng với sách cọng sản.!

Chẳng những nói khống vậy mà thôi, tác giả của bài báo ấy lại khai ra rằng mình mua được một cuốn, ổng khen họ đóng bìa thiệt đẹp, in thiệt khéo, không kém chi sách Tây.

Như vậy cũng còn đủ tang chứng, vị tác giả nói đó cũng còn chưa chịu. Ổng bèn đúc bản (làm cliché) cái bìa của cuốn sách, phía có nhan đề (titre) cho thiên hạ coi.

Té ra cái nhan của cuốn sách ấy rõ ràng bằng thứ chữ của con cháu ông Huỳnh đế, năm chữ vỏn vẹn, là : "Văn nghệ dữ phê bình".(*)

"Văn nghệ dữ phê bình", nếu dịch ra tiếng Pháp thì là "Littérature et critique". Trời đất ôi ! Vậy thì sao lại kêu là sách tuyên truyền cọng sản và cách mạng ?

Ai chớ tôi thì tôi lội nhão các hàng sách Chợ Lớn, lâu nay cố kiếm mua một cuốn sách cọng sản coi chơi mà kiếm không ra. Còn sách cách mạng thì thiếu chi ? Có điều tinh những là sách cách mạng Tàu, cách mạng Pháp, đồ đã cũ tám mươi đời, có ai mà thèm đọc ?

Hay là nhà viết báo kia cũng cố kiếm sách cọng sản như tôi mà kiếm không ra, rồi lại nhè cuốn sách "Littérature et critique" mà kêu đại đi là sách cọng sản ?

Không chó thì bắt mèo... Được đi !

(*) Đây là cuốn *Phê bình văn nghệ* của A.Lunacharski do Lỗ Tấn dịch ; bản in này được bán ở Chợ Lớn.

Mà khoan ! Đời nầy có nhiều chuyện nguỵ lắm. Bữa hôm trước có một trái bưởi mà trong ruột nó là trái bom ! Thế thì bữa nay ngoài bìa là "Văn nghệ dữ phê bình" mà trong lòng là cọng sản biết đâu ?

Giá nó tám cắc sáu. Rồi đây cũng phải chịu tốn tám cắc sáu mua mà coi thử mới xong.

Khéo khéo coi chừng ! Kẻo lại mắc mưu ông nọ làm quảng cáo cho cửa hàng sách kia mà tức chết giờ.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6239 (5.9.1930)

ANH HÙNG TRÊN KHÔNG

Mới rồi hai phi công nước Pháp là Costes và Bellonte bay vượt qua Đại Tây Dương từ đông sang tây chỉ có 35 giờ đồng hồ, khởi hành tại Paris, hạ xuống tại Nhiêu-do(*), bình an vô sự.

Cuộc bay nầy thành công chẳng những làm cho hai phi công ấy danh tiếng khắp hoàn cầu mà cũng làm cho nước Pháp vẻ vang. Người như Costes và Bellonte cũng đáng gọi là bực phi thường. Bởi vậy các báo Tây mới tặng cho cái danh là "anh hùng trên không" (héros de l'air).

Cái tên tốt thiệt, song nghe hơi buồn chút. Làm anh hùng thì nên làm anh hùng đứng giữa trần ai, cho ai ai cũng biết mặt, chớ ở trên không mà xưng anh hùng với ai ?

Trên không thì có ai ở trển ? Chỉ có loài chim thì người ta kêu bằng "khách trên không" (les hôtes des airs) đó thôi. Xưng anh hùng với loài chim thì phỏng còn có thú vị gì nữa ? Huống chi chưa chắc là xưng anh hùng với chúng nó được đâu, bởi vì trong giống chim có con chim đại bàng nó bay đến chín vạn dặm một hơi luôn sáu tháng trời mới nghỉ !

(*) *Nhiêu-do*: New York.

Tiếng thì là trên không chớ thiệt ra thì cũng chỉ xưng anh hùng với đám đầu đen dưới đất nầy. Có lẽ xưng anh hùng với đám đầu đen dưới đất nầy lại còn dễ hơn với khách trên không.

Dưới nầy cũng lắm hạng anh hùng.

Anh hùng miệt nguồn, tức là kẻ lỡ vận, vào núi đốt than, cũng như con chim quyên muốn ăn trùn mà phải sa xuống đất.

Anh hùng giữa đường, tức là kẻ thấy sự bất bằng mà chẳng chịu tha, hăm hở rút dao ra cứu người lâm nạn.

Anh hùng cầm một nắm nan, vừa đi vừa đát(*) vừa đan... là anh hùng nghèo.

Anh hùng rơm là anh hùng mới ngó sùm sùm cả đống mà đạp lên thì xẹp lép, đem đốt chẳng thơm tho.

Anh hùng đất cục, là thứ anh hùng đâu đâu cũng có.

Sau nữa, có hạng anh hùng xó bếp mà người ta đem đối với chí sĩ nằm nhà, thì đã cân phân lại hay nữa.

Nói thét ra rồi anh hùng dưới trần gian nầy nhiều quá e hai phi công của Pháp muốn chen vào cũng không lọt mà thành ra "anh hùng vô dụng võ chi địa"(**) chi bằng ở trên không mà xưng anh hùng với chim chóc còn hơn.

Có thơ tặng hai phi công :

Ngang dọc giữa thanh không,
Như thế mới anh hùng !
Xô nhau rơm đất cục,
Ngả nón lạy hai ông !

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6240 (6.9.1930)

(*) *đát* : loại nan nhỏ, phân biệt với *đương* là loại nan lớn ; *đát* cũng dùng như động từ, trỏ việc dùng nan nhỏ cặp với nan lớn để lên vành thúng mủng (theo H.T.Paulus Của, sđd.).

(**) "anh hùng vô dụng võ chi địa" : anh hùng không có đất dụng võ.

GIÀ CÒN HỌC, ĐỒ MỌI !

Muốn làm cho nghịch với câu "Trẻ chẳng học, già làm chi" trong sách *Tam tự kinh* của ta, người Mọi ở miệt Biên Hòa Bà Rịa họ trợn cặp con mắt to lên, trề cái môi dày ra, họ nói rằng : "Già chẳng học, già làm chi ?"

Về miền núi Bà Rịa thuộc hạt Bà Rịa, là chỗ dân Mọi ở. Họ sanh trưởng tại đó từ đời nào không biết, mà sau khi giống Việt Nam ta ở phía bắc tràn vào, họ vẫn ở yên đó, không thèm chạy đi đâu hết, như người Chàm và người Chơn Lạp hồi xưa.

Chánh phủ Đại Pháp ở đây cố làm cho dân dã man ấy có ngày trở nên văn minh, vài năm gần đây đã lập trường ra dạy họ. Chung quanh miền núi Bara ấy đã thấy có cái trường học rồi. Một cái kêu bằng trường Oddera, ở tại Vodat(*) và một cái nữa ở tại Phú Riềng.

Hai trường đó có bốn vị giáo sư mà hết hai vị là người Mọi. Học trò thì hết thảy được sáu chục.

Nhơn người ta có đắp con đường mới ngang miền đó, đắp đến chưn núi Bara, nên vừa rồi quan Thống đốc Nam kỳ đi thăm đường, có đi qua đó. Cũng vì có sự quan đi thăm đường mà tờ báo Tây kia mới thuật rõ sự học hành của dân Mọi ở đó cho mình biết.

Có một điều rất lạ, tờ báo ấy nói rằng : "Những học trò trong hai trường đó hoàn toàn là con nít với ông già."

Con nít mà đi học, là sự tự nhiên, có lạ gì. Duy có ông già mà đi học thì theo ý người mình phải lấy làm lạ. Bởi vì, theo như chúng ta nghĩ hễ già là khôn ngoan rồi, nhiều tuổi chừng nào ấy là thông thái chừng nấy, ấy là thánh chừng nấy, còn học vào chỗ nào nữa mà học ?

(*) Các địa danh Việt đương thời trên báo chí Sài Gòn thường được viết liền nhau và không đánh dấu ; ví dụ Phú Riềng viết là Phuriêng ; trường hợp Vodat do chưa đoán ra được nên xin được để nguyên như bản gốc (NST).

Thật vậy, hễ "lão" thì là "thành", hễ "niên cao" thì là "đức thiệu" học làm gì nữa mà học ? Còn nếu học thì học với ai ? Ông già là ông thánh rồi, còn ai mà làm thầy được ông ?

Theo ta thì nghĩ như vậy mà tụi Mọi, họ lại nghĩ khác. Họ nói rằng "Già phải học mới được!"

Hỏi tại cớ gì ? Họ trả lời rằng : "Nhà nước lập trường ra đó, lẽ thì bọn thanh niên chúng tôi đi học. Song le những dân Mọi thanh niên trai tráng, thì đã phải rúc núi hết, kẻ thì kéo sao, người thì đốn củi, không có thì giờ đâu mà chăm việc sách đèn. Duy có con nít là một, ông già là hai, là hạng người ăn không ngồi rồi, không làm được trò chi, nên [. . . . .] vào trường cho đông, kẻo để các ổng ở nhà vô ích. Vì theo chúng tôi nghĩ : "Già chẳng học, già làm chi ?"

Ai nói dân Mọi thiệt thà, chớ họ hí hước lắm đa. Họ trả lời cho mình đó là trả lời một cách cà rỡn, không thiệt tình. Thiệt tình ra thì họ nghĩ khác nữa.

Họ thấy có ông già cao tuổi quá rồi lú lẫn, nói lộn ngược lộn xuôi, nên họ sợ mà họ bắt phải học. Họ sợ thứ nhứt là mấy ông già nói sai lạc hết, nói đời Hùng Vương đã có Quảng Đông, Quảng Tây, nói Lâm Ấp với Chàm là hai nước, nói Nam Chiếu xưa kia ở phía nam Trung kỳ, nói lẫn mãi như vậy rồi làm hại đến lũ con nít tội nghiệp !

Vậy mà An Nam ta khi đi ngang qua trường học của họ, gặp mấy ông già Mọi ôm vở đi học, lại vọt miệng mắng tước : "Già mà còn học, đồ Mọi !"

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6241 (8.9.1930)

CON TRÂU CHẾT CÁI SỪNG CÒN NHỌN

Hoàng đế bị ép phải thối vị của nước Đức là vua Guillaume II, hơn mười năm nay nằm mẹp bên nước Hòa Lan, chẳng có cơ gì

mong thình lình trở về nước làm vua lại như vua Naloléon ngày trước. Người ta nói rằng hoàng đế ở đó nhiều khi vô sự, buồn quá thì làm thợ cưa thợ mộc, đục đẽo lộp cộp cho qua ngày.

Tuy vậy mà ngài cũng hoạt động luôn. Năm trước có soạn một cuốn sách kể công việc của mình làm hồi bình sanh, nhứt là trong trận đại chiến. Cuốn sách ấy có một nhà cự phú bên Mỹ mua những mười mấy vạn Mỹ kim đem về xuất bản, sau đó người ta có dịch ra nhiều thứ chữ. Từ hồi ở Hòa Lan đến giờ, lâu lâu lại có các vị danh nhơn các nước đến xin yết kiến. Ông Guillaume II chẳng từ chối chi hết, ai xin đến thăm, ông cũng bằng lòng cho vào hầu và ông nói chuyện cho nghe. Ông phách tấu hết cỡ, có lần ông nói với người ta rằng đây rồi ông sẽ về làm vua nước Đức như xưa và ông sẽ đánh rốc tụi Hiệp ước một phen mà báo thù cho đáng kiếp.

Việc đó ông làm chưa được chớ còn việc dễ hơn thì ông làm dư tay. Bây giờ tuy ông ngồi một chỗ, chớ ông cũng can thiệp đến việc đời. Hồi ông còn làm vua, có bất bình chi với ai thì ông kéo binh đi đánh ; còn ngày nay trong tay ông không còn khẩu súng nào tên lính nào nữa rồi, bởi vậy ai nói động đến ông thì ông kiện. Thật con trâu đến chết mà cái sừng còn nhọn, là sự như vậy đó.

Một cái tạp chí tên là *Morgenpost* tại Berlin, điên chi không biết, mới rồi lại nhè viết bài nói xấu ông Guillaume II. Nói rằng ông nầy năm xưa làm giao kèo với một xưởng máy đúc binh khí cho nước Đức, mà làm đồ xấu quá, vụng hơn các nước hết thảy, bởi vậy nước Đức mới phải thua trận.

Cựu hoàng đế phát đơn kiện. Trong đơn hoàng đế viện dẫn các lẽ mà khống cáo viên chủ nhiệm tạp chí ấy là ông Mendel đã nói xấu mình.

Bên kia nhờ thầy kiện cãi lại, có cử ra những chứng cớ về các cuộc quân sự giám định (experts militaires) trong năm 1914, nói rằng tức như súng thần công của Đức là không địch được với súng thần công của Lang Sa.

Song trạng sư bên Guillaume II lại cãi ngược lại, cũng lấy chứng cớ khác mà tỏ ra rằng binh khí của nước Đức lúc bấy giờ là tinh nhuệ hơn của các nước giao chiến hết thảy.

Việc nầy phải chi ở An Nam ta thì người ta sẽ nói rằng : Chuyện đã cũ rồi còn cãi với nhau làm chi, biểu cả hai bên hòa hưu bãi nại cho rồi.

Như bên A-lơ-măng thì không như vậy. Tòa án họ, sau khi nghe hai bên cãi cọ rồi, phán quyết rằng ông Mendel phải bị phạt vạ 1500 mã khắc (marks), không thì ở ba tháng tù, vì tội đã nói xấu ông Guillaume II. Tuy vậy bên Mendel cũng còn chưa chịu, đòi chống án.

Ông Guillaume thật đã đa sự quá ; ổng lại cũng tự phụ và háo thắng nữa. Người nói mặc người, mình không làm bậy thì thôi, kiện làm chi cho mệt ? Huống chi đánh mà bại trận, ấy là tang chứng binh khí không bằng các nước đó, lại còn đòi kiện bỏ tù người ta cho được nữa ư ?

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6242 (9.9.1930)

CHÓ THA GIỎ HEO, VÌ VIẾT QUỐC NGỮ SAI

Cô Hai, ở gần nhà tôi, tôi đã khai một lần rồi, tại con đường Nguyễn Công Trứ Sài Gòn, trong ngõ hẻm 1930, sáng hôm nay vì tình hàng xóm láng giềng, cô chạy tới tôi, hỏi ba chữ quốc ngữ người ta viết sai mà cô không hiểu. Rùi cho cô quá ! Sau đó một lát thì tôi lại thấy cô chạy kiếm tất tưởi ngoài đường ; gặp ai, cô cũng hỏi : Có thấy con chó chạy đó không ? có thấy nó tha hai cái giỏ heo của tôi không ? Té ra là cô bị mất giỏ heo.

Số là, vào cỡ 8 giờ, cô Hai đi chợ về, mua đồ ăn bộn bề, mà trong đó có hai cái giỏ heo là nặng tiền hơn hết. Thứ giỏ heo to mà họ cắt muốn luôn cả đùi sau, để riêng bán cho hạng nhà giàu, hai

cái có tới đồng rưỡi đồng sáu chẳng ít. Thế mà mất lọng, thiệt là uổng của !

Nhắc lại, khi cô mới vừa bỏ cái rổ xuống, chưa kịp thay áo, thì thấy đứa con gái lớn của cô đâu chừng 12 tuổi, đương cầm cuốn sách nhỏ mà đọc, sách của nó mới mua bốn đồng xu. Cô Hai biểu con đưa má xem. Cô coi rồi, không hiểu ; hỏi nó, nó cũng không hiểu. Cô xách cuốn sách chạy qua nhà tôi, là vì cớ ấy.

Cô nói với tôi :

– Thầy nè ! Đây là cuốn sách nhỏ kể chuyện Bà Đế, chuyện người ta sắp chớp bóng nên mới bán cho thiên hạ đọc trước đây. Có đủ thứ chữ, Pháp, quốc ngữ và Nho, song tôi chỉ biết quốc ngữ thôi, tôi coi không hiểu thì giận quá !

– Nào ! Đưa tôi coi cho. Tôi thánh cái nghề nầy lắm. – Tôi nói với cô như vậy. Rồi tôi đọc mà cắt nghĩa những chỗ nào cô nghi ngờ không hiểu là gì. Tôi nói giăng ca với cô đâu cũng đến nửa giờ. Thật hồi đó tôi có biết đâu nhà cô có hai cái giò heo để dưới đất mà không đậy điệm chi hết.

Ai có đời tôi đếm ra cho cô thấy chỉ trong hai trương giấy nhỏ mà hết 20 chỗ viết sai. Sách nầy in ở Hà Nội, người Bắc viết sai dễ biết lắm. Chữ "xấu" thành ra chữ "sấu", làm cho cô Hai tưởng là "con sấu" ; chữ "trông thấy" thì viết ra "chông", làm cho cô tưởng là "chông gai". Như vậy thì làm thế nào hiểu được ? Ai cũng vậy, đừng nói cô Hai là đàn bà ít học.

Nhứt là chữ "rạng đông" mà lại thành ra "giạng dòng" – đã sai chữ rạng lại còn lộn dấu chữ đông – thì cô chịu, cô nói đâu là tiếng Cao Miên, tiếng Lèo chi đó, há phải tiếng An Nam ?

Lại có một câu như vầy : "Họ hàng nhà nàng chẳng ai nhận mang sử nàng", đó là xử mà lộn ra sử ; lại còn đặt câu không rõ nữa – xử là xử tội – thành ra cũng làm cho cô lính quýnh.

Vì cô tức không hiểu, nên lật đật đi hỏi cho được, quên lửng cặp

giò heo, đến khi cô trở về nhà, chuyện Bà Đế thì vỡ ra rồi, mà còn cái án mất giò heo lại ở trong màn bí mật !

Có phải là chó tha chăng ? Chưa biết. Song theo cô thì cô nói không ai vô đó.

Đó, viết quốc ngữ sai là làm hại người ta như vậy đó, mà có ai biểu viết đúng theo tự vị lại nổi đóa lên rầy người ta nữa !

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6243 (10.9.1930)

CHỊU MẤT GÌ VỚI TÔI, TÔI BÀY CHO

Ở ngoài Huế bây giờ có một việc mà ai nấy bí hết, bó tay, lắc đầu, ngó mặt nhau, người nầy hỏi lộn người kia : Làm chi bây giờ ? Bây giờ làm sao ?

Số là kỳ đấu xảo thuộc địa tại Paris sang năm đây, phần Trung kỳ đã gởi đồ qua nhiều rồi những là đồ cổ khí cổ khí chi đó, duy có thiếu về những lễ tục như quan hôn tang tế thì chưa có. Ông Tây coi về việc đấu xảo là ông Devé mới bàn với các quan đại thần, làm thế nào lấy được những chơn tướng về các lễ tục đem phô bày bên Paris cho thiên hạ xem. Các ngài cũng đồng ý. Đứng một bên đó lại có ông chủ hãng "Indochine-films", ông nầy tán thành vô một cái nữa, ấy là nên việc.

Thế nghĩa là bên nầy các quan mở ra cuộc diễn trò, giả đò làm những đám ma, đám cưới, đám tế lễ chi đó, rồi bên kia ông chủ hãng nọ quay máy lấy "phim" đặng sang năm đem qua chớp bóng bên Paris cho bà con nước Pháp coi.

Nghe nói ngày 1-9 vừa rồi đã bày ra một đám cưới giả tại phủ Tôn nhân, cụ lớn phủ ấy làm chủ hôn, và một cặp giai nhân tài tử kia đóng vai chú rể và cô dâu mới. Cha chả đám cưới làm sao mà lớn quá, duy có cặp tân hôn sau khi cưới rồi, ai về nhà nấy, chẳng đặng chung chăn gối cùng nhau thì họ hơi phàn nàn một chút.

Những tấm "phim" lấy được trong cuộc cưới ấy tốt lắm, ấy là thành công được một việc. Còn một việc nữa, mấy ông Tây muốn lấy phim đám ma, việc nầy thì các quan hơi lấy làm khó lòng.

Thứ nhứt là cái nhà nào chịu chứa sự bất hạnh ấy ? Cái đó cũng còn dễ. Ngặt nhau là kiếm trong các ông ở Huế, ông nào là nhạy khóc hơn hết thì mới đứng mũng(*) lấy việc đại sự mà làm ông chủ nhà tang được ?

Người ta đương bí ở chỗ đó. Ông nầy hỏi ông kia : Ngài có khóc được không ? – Trả lời : Tôi xưa nay chỉ khóc được một lần là hồi tôi bị tiên đế quở mà thôi. Ông kia lại hỏi ông nọ : Ngài chắc là khóc được ? – Trả lời : Tôi thứ già rồi, có còn đâu nước mắt !

Vậy thì hiện nay riết lại chỉ có cái vấn đề khóc. Kiếm đâu cho ra người lành nghề khóc ? Chẳng lẽ là chịu lắc đầu bó tay luôn để sầy cái dịp truyền bá sự khóc của người An Nam.

Chịu mất gì với tôi thì tôi bày cho.

Năm xưa, hồi Tiên đế chầu trời, có một ông khóc làm sao mà khóc ngon khóc lành, khóc tức khóc tối, khóc bằng non bằng nước. Bấy giờ có một vị cận thần hầu ngài ngự trước kia, hỏi ổng rằng : "Thánh thượng lăm băng, tôi đây mất chỗ cậy nhờ, tôi thương biết mấy mà cũng không khóc được, sao ông lại khóc được nhiều dữ vậy ông ?" – Ông nọ trả lời rằng : "Cái hồi tôi khóc đó,

(Kiểm duyệt bỏ)

tự nhiên tôi phải rống to lên, nước mắt trào ra lai láng".

Vậy bây giờ cứ tìm ông ấy, ổng tính cho là được.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6244 (11.9.1930)

(*) *mũng* hoặc *mùng* : cái thúng nhỏ ; *đứng mùng* : chưa rõ nghĩa.

MÈO CHO CHUỘT BÚ

Mấy bữa nay, thiên hạ ở Sài Gòn đồn rùm lên, đồn rằng ở sở thú có chuyện lạ đời : Mèo cho chuột bú.

Chuyện có thiệt, không phải láo như những chuyện bịa mới rồi đâu. Có nhiều người đi coi, ba mặt sáu tai, mười hai con mắt, nào ai chẳng thấy ?

Hôm qua đây, tờ báo Tây là *L'Opinion* cũng có chụp hình con mèo và con chuột ấy mà đăng lên ở trương thứ nhứt, như vậy mà biểu láo làm sao ?

Thừa dịp tôi cũng phải đi coi cho biết.

Nó là con mèo cái đen, – đực thì thôi có vú đâu mà cho bú ? – có con mèo con cũng đen, nhốt chung một chuồng với con chuột, nó cho con nó bú, đồng thời cũng cho con chuột bú nữa.

Hồi tôi đến đó, có cả thảy năm sáu chục người tới coi lận, vừa Tây, vừa Nam, vừa Chà, vừa các Chú, vừa đàn ông, vừa đàn bà, vừa già, vừa trẻ, đủ các đẳng nhân.

Tôi không nói chi hết, chỉ lấy mắt nhìn. Còn họ, họ nói bô lô ba loa, xí xà xí xô, hình như ai nấy đều lấy làm lạ khôn xiết.

Trước hết nghe lóng hai người Tây nói với nhau, hai ông nầy chừng cũng tinh thông về vật lý học lắm.

Ông A nói : Có lẽ cái hiện tượng nầy sẽ đánh đổ các luật về bổn năng của thú vật (*les lois de l'instinct des bêtes).* Con mèo làm sao lại cho con chuột bú ?

Ông B nói : Chưa biết chừng, có lẽ nhơn những việc như việc nầy mà chúng ta có thêm một khoa "động vật tâm lý học" nữa chăng. Theo tâm lý học loài người, có sự "thác giác", nhận lầm vật nầy ra vật kia. Con chuột nầy chẳng là chuột đồng, ở miệt ruộng, hình thù nó lớn và khác chuột thường, nên hoặc giả con mèo tưởng là một giống với nó mà cho bú chăng ?

Chú khách cũng trầm trồ : Cái nầy kỳ cục quá mà ! Ở bên Tàu ngộ chánh hầy không có thứ ló.

Anh Bảy cũng tiếp theo : Nạ ! Phải nhà nước bán con mèo với con chuột nầy tôi mua đem về mình đưới cho người ta coi lấy tiền sướng lám ! sướng lám ?

Ai nói chi thì nói, con mèo cứ việc ưỡn cái ngực lên, lòi mấy cái vú trưu trứu sữa ra, cho con nó với con chuột bú.

Có một bà già An Nam với một cô, tuồng như hai mẹ con thì phải, thấy vậy, bàn bàn luận luận với nhau.

Cô ấy nói :

– Má nè ! Làm sao con mèo nó lại không ăn con chuột đi cho rồi đời mà nó lại còn cho bú, má há ?

– Mầy khéo mở miệng nói ác ! – Bà già đáp lại, – con ngoại vật nó cũng có lòng nhơn đức, nó thấy con chuột mồ côi thèm sữa nó thương hại nên nó cho bú, cũng như mầy thấy con nít hàng xóm khát sữa vì mẹ nó đi khỏi thì mầy cho bú thép vậy chớ sao ?

Đến đây, con mèo vùng nói tiếng như người ta, ai nấy nghe đều chưng hửng ; nó nói rằng :

– Nhơn đức gì bà ? Bà khéo tưởng. Tôi cho nó bú cho mập rồi tôi có ăn thịt nó !

Nghĩ rồi, ai nói cũng không chắc ; có con mèo nói là thật hơn hết.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6245 (12.9.1930)

NẾU QUẢ BỌN ẤY XÚI GIỤC NHƯ VẬY, THÌ LẾU QUÁ !

Chẳng biết có thật hay không, mà hôm qua đây tờ báo *L'Opinion* lại đăng tin nói như tuồng [. . . . . .] muốn "tịch cốc".

Không phải là [. . . . . .] đã thiệt hành mà không đổ gạo vô nồi, không nấu, không ăn ; nhưng là họ biểu dân cày [. . . . .] cày nữa, [. . . . .][*] cấy lúa nữa, thế là họ định tịch cốc hay là tuyệt thực mà không ăn cơm nữa rồi hay sao ?

[*] Những chỗ để trống này ở bản gốc có thể là những chữ bị kiểm duyệt gạch bỏ (NST).

L'Opinion nói rằng [. . . .] đi về miệt ruộng, khuyên bảo các nhà làm nông, đàn ông chí liễn đàn bà, mà rằng : "Các người [. . . .] ra cày, cuốc, gieo, cấy, là các người làm giàu [. . . . .] chớ gì ? Thôi đi, đừng [. . . . . .] cho họ nữa. Đất ruộng nầy là đất ruộng của các người đây mà !

Thuật chuyện như vậy rồi tờ báo ấy ra dáng than vắn thở dài mà lo cho sự cổ động tuyên truyền đó là nguy hiểm lắm. Họ lo, vì họ nói rằng nhà nước không có lính cảnh sát ở trong các làng miệt ruộng thì lấy ai mà ngăn cấm sự tuyên truyền cổ động ấy cho được bây giờ !

Nói như vậy đó mà mình có thể tin được chăng ? Lo như vậy đó có phải là lo xa quá không ?

Nếu [. . . . . .] mà cổ động tuyên truyền thật như vậy thì ra họ đã làm trái hẳn với chủ nghĩa của họ. Bởi vì, muốn [. . . . .] mà lại biểu người ta [. . . . .] làm việc, [. . . . .] huê lợi đi, thì lấy "sản" ở đâu mà "cọng" nói nghe ?

Trong mấy câu tuyên truyền mà báo *L'Opinion* thuật lại đó nghe cũng kỳ cục quá nữa. Dầu [. . . . . .] đoạt đất ruộng của nhà giàu đi nữa, [. . . .] đất ruộng là của "các người" đi nữa, lại [. . . . .] cày [. . . . .] cấy là nghĩa lý [. . . . .] Trái lại, khi đất ruộng đã thuộc về của một người nông phu nào, thì người ấy càng gia công mà làm cho mùa màng tốt hơn lên mới phải. Chớ sao [. . . . .]

Vậy mà lấy làm lo, là lo chứng gì kia ?

Nói ngang quá ghẹ, nói cách chướng cha người ta như thế, mà ai nghe đặng. Nếu dân cày ở miệt ruộng mà nghe theo họ, [. . . . .] có họ điên sao há.

Không đâu. Đừng lo các ông lính cảnh sát không có đủ mà xét [. . . . .][*] với xe hơi ở các thành phố, có đâu tới đem về bờ bực mà đóng ở các làng ? Thật các ông khéo lo khúc nôi cắc cớ thì thôi !

---

[*] Những chỗ để trống này ở bản gốc có thể là những chữ bị kiểm duyệt gạch bỏ (NST).

Nếu quả thật [. . . . .] mà có tuyên truyền như vậy thì ra họ tính không ăn cơm nữa sao ? Mà hễ họ còn ăn cơm thì họ sẽ bị đói trước. Mấy anh dân cày cũng vậy, nếu mấy ảnh nghe lời bọn kia [. . . . .]thì chính các ảnh cũng bị đói trước.

Các ông ăn bánh mì. Lo chi chuyện ấy mà lo ?

Còn như lời các ông nói đó là thật, mùa màng quả bị phá thật, vậy thì đã không cần gạo rồi, đã không cần ăn rồi, thì cũng không nên nhắc tới lính cảnh sát làm chi nữa. Vì theo như lời đức Khổng Tử của chúng tôi, [. . . . .](*)

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6246 (13.9.1930)

ÔNG NGUYỄN VĂN VĨNH VỚI BÀ HOẠN THƠ

Bà Hoạn Thơ là vợ ông cả Thúc Sanh ngày xưa, ghen như con yêu, đến nỗi nàng hầu của bà là cô Hai Kiều, giỏi chịu thứ nhứt mà cũng không chịu nổi, công kích bà luôn luôn, nói hành bà luôn luôn, khi thì bài hãi ra mà nói rằng : *"Máu ghen đâu có lạ đời nhà ghen* !" Khi thì khiếp vía đi mà than rằng: "*Đàn bà thế ấy, thấy âu một người !"* Cái ghen của bà Hoạn Thơ đã bị người ta công kích như vậy, bà Hoạn Thơ đã tỏ ra là một bợm đại ghen như vậy, lẽ thì chính bà ấy thừa nhận sự ghen là tốt mới phải, lẽ thì bà không công kích sự ghen mới phải. Thế mà có ai ngờ dâu bà Hoạn Thơ, chính mình bà cũng phản đối sự ghen. Có lần bà nói lem lẻm như gội rửa bảy nước với bà thân bà mà rằng : "*Hay gì ngứa ghẻ hờn ghen ? Xấu chàng mà có ai khen chi mình* ?"

Lại có lần bà nói lẽ lông mốt(**) lên giữa nhà, có đủ mặt đầy tớ trai bạn của bả mà rằng : "*Dại chi chẳng giữ lấy nền ? Hay gì mà*

(*) Những chỗ để trống này ở bản gốc có thể là những chữ bị kiểm duyệt gạch bỏ (NST).

(**) *lông mốt* : chưa rõ nghĩa, có lẽ là một thành ngữ (?).

chác tiếng ghen vào mình ?"

Vậy té ra bà Hoạn Thơ phản đối sự ghen thì cứ việc phản đối, còn bả ghen cứ việc bả ghen.

Ông Nguyễn Văn Vĩnh, chủ nhà in và báo *Trung-Bắc tân văn* cũng vậy. Cái kiểu của ổng cũng muốn làm anh hai bà Hoạn Thơ.

Ông Vĩnh, phải khai chức nghiệp của ổng cho rõ lần nữa, đồng thời ổng làm chủ cả nhà in và tờ báo *Trung-Bắc tân văn*, ông đã in ra cuốn niên lịch thông thư và cuốn lịch coi ngày coi hướng, thật chẳng khác nào ổng cổ động cho dân Việt Nam sự mê tín. Đương đời khoa học nầy, đáng lẽ trừ khử sự mê tín đi cho hết, thế mà ổng lại cổ động thêm, ai mà chẳng tức ? Đến nỗi mềm mỏng như *Phụ nữ tân văn* mà cũng phải có bài công kích ông. Số 66 của tập báo ấy mấy bà thiếu điều vừa trề vừa nhún mà nói rằng :

"Chao ôi ! chúng tôi đọc hết mấy khoản trong tờ lịch rồi mà nghẹn ngào, không biết nói làm sao được ! Không ngờ ông Nguyễn Văn Vĩnh ! Than ôi ! những cái mê tín trong âm lịch, đáng lẽ người như ông Vĩnh, phải bài trừ công kích đi, có đâu lại lợi dụng cái tục mê tín của người ta mà làm mối hàng buôn bán hoài như vậy !"

Cái sự cổ động mê tín của ông Nguyễn Văn Vĩnh đã bị người ta công kích như vậy, ông đã là người lợi dụng sự mê tín như vậy, lẽ thì ông làm lơ nó đi mới phải. Có ngờ đâu chính mình ông Nguyễn Văn Vĩnh lại cũng công kích sự mê tín, in hệt như bà Hoạn Thơ ngày xưa công kích cái sự ghen.

Mới rồi trong báo *Trung-Bắc tân văn*, báo của ông Vĩnh dùng mà rao hai thứ lịch ông đã in đó, có bài đề là "Tết Trung nguyên" trong đó công kích sự mê tín gắt lắm, thiếu điều không chừa một chỗ da mẹ đẻ của nó. Thử tóm lại mấy câu của ông rằng :

"Xưa kia người mình kiến văn còn hẹp, những sự mê tín như vậy (cúng rằm tháng bảy) chẳng nói làm chi, chớ bây giờ tri thức đã mở mang mà còn ôm lấy sự mê tín ấy thì thật không tài nào hiểu

được ! Tập tục của mình phần nhiều là theo Tàu. Bây giờ người Tàu đã bỏ đi rồi, sao mình còn giữ ?

Ở xã hội ta bây giờ, sự tấn hóa mới bắt đầu mà tục mê tín vẫn còn thạnh hành, thật có trở ngại cho sự tấn hóa".

Ông rủa sả trù ẻo cái tục mê tín phỉ sức rồi, ông mới kêu to lên rằng : "Vậy muốn trừ cái tục mê tín ấy đi, cho sự tấn hóa được lanh chóng thì phải trông vào bực thượng lưu có học vấn tri thức, vân vân".

Ai là bực thượng lưu có học vấn tri thức ? Ông Nguyễn Văn Vĩnh chẳng phải một người trong đám đó sao ? Lịch coi ngày coi hướng chẳng phải là sự mê tín hay sao ?

Té ra ông Vĩnh in lịch coi ngày coi hướng thì cứ việc in, mà còn công kích sự mê tín thì cứ việc công kích.

Có lẽ ông đẻ bà Hoạn Thơ ra được, chớ chẳng những anh hai mà thôi.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6247 (15.9.1930)

CUỘC ĐIỀU TRA TỪ SÀI GÒN ĐẾN LONG HẢI

Ngày chúa nhựt vừa rồi tôi cũng được đi Long Hải hứng gió biển, mà cơ khổ, phải đi bằng xe hơi.

Nói như vậy tỏ ra sự đi xe hơi là cực chẳng đã cho tôi lắm. Ở đời nầy coi ai cũng sợ chết hết thảy, nhưng có mình tôi là sợ hơn. Vì cớ ấy tôi phải cẩn thận, lựa một giờ nào mà thiên hạ ít đi tôi mới đi, hầu cho tránh khỏi ắc-xi-đăng. Nhờ đó mà có cuộc điều tra nầy. Cuộc điều tra nầy chẳng những ích cho tôi sự đó mà thôi, cũng ích cho tôi về sự khác, vì tôi được mở mắt ra thấy thêm việc đời nhằm mớ nữa.

Ai có đời năm 12 tháng, tháng 30 ngày, ngày nào ngày nấy, chiếc xe hơi nào đi đâu, họ cũng ghi chép hết trơn. Họ nói cho tôi biết rằng trong năm 1923 những xe hơi đi ngang qua tòa bố Gia

Định đổ đồng mỗi ngày là 355 cái mà năm 1929 mới rồi đây tới 1.480 cái lận, ghê chưa !

Đi làm gì ở chỗ Bình Lợi mà đi nhiều dữ vậy ? Hỏi đi đâu chỗ Bình Lợi mà đi cả đống như vậy, xin nói cho nghe cái đã.

Vậy mà cái đó cũng chưa khả nghi mấy. Người ta còn khai với tôi rằng hiện bây giờ đây trên cầu Bình Lợi, từ 9 giờ đến 10 giờ mai, đi qua 54 cái xe hơi, 41 cái xe đạp và xe máy dầu, 22 cái xe bò và 15 cái cam-nhông. Vậy mà 6 giờ đến 7 giờ tối còn tăng lên 87 cái xe hơi, 60 cái xe đạp và xe máy dầu, mà sụt xuống 10 cái xe bò và 10 cái cam-nhông.

Người ta còn nói kẽ còi cho tôi biết rằng các thứ xe khác không kể, kể nội xe hơi, cứ 40 giây đồng hồ là có một cái dông qua cầu Bình Lợi.

Coi vậy thì thấy đồng bào ta chơi bời nhiều hơn làm ăn, cho nên số xe hơi mới gấp năm gấp bảy số xe bò như vậy, có phải không ? Nếu không có cuộc điều tra nầy thì tôi cũng tưởng ngơm ngớp tưởng.

Nhưng mà đến đây lại lòi ra cái mối khả nghi hồi nãy. Đi đâu đỗi Bình Lợi mà cứ nhè lúc 6 – 7 giờ tối mà rủ nhau đi những ô tô là ô tô ? Ai đời có trong 40 giây đồng hồ thì có một cái ô tô đi qua cầu mà thảo nào chẳng xảy ra nạn cán nhau liều yếu. Tôi cũng nhờ tránh cái giờ ấy mà mới đi tới nơi về tới chốn.

Đến Long Hải thì không điều tra về xe hơi nữa mà điều tra về nhà mát. Về mục nầy không có sổ thống kê nên tôi nói ước chừng chỗ 4-5 cái chi đó, mà trong đó tôi có tính luôn hai cái của ông François Sự mới làm, không quên sót đâu mà ổng sợ. Trước cửa ổng đề cái bảng là "Villa Hội đồng François Sự, diamantaire". Có người Pháp thấy cả dọc chữ Tây mà xem vô ba chữ quốc ngữ, không biết nghĩa gì, bèn hỏi tôi. Tôi đáp rằng "hội đồng" tức là "Conseiller" còn Sự là tên riêng có nghĩa là "histoire" thí dụ như "sanh sự" hay là "hiếu sự". Người Tây nói rằng : Mà hay !

Conseiller ở Sài Gòn chớ Conseiller với dưới Long Hải nầy ? Cái nầy cũng là đa sự (En voilà des histoires) !

Rồi sau người đó lại khen rằng : "Tuy vậy mà ông đó biết phép lịch sự đối với người Lang Sa lắm. Nếu ổng không biết phép lịch sự thì ổng để chữ Pháp là "Conseiller" rồi. Mà để như vậy thì chắc là gai con mắt người Pháp chúng tôi lắm". Tôi cũng nói đẩy theo người Tây ấy : "Ổng là ông hội đồng, ổng chẳng biết phép lịch sự thì ai ?"

Đó chẳng qua là câu chuyện dọc đường, vui miệng kể lại nghe chơi, xin ông hội đồng đừng giận.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6248 (16.9.1930)

CỤ LỚN CỠI MÁY BAY, KHÔNG NGUY HIỂM GÌ CẢ

Vừa rồi ông Tôn Thất Đàn, thượng thơ bộ Hình trào Huế, đi với quan Khâm sứ Le Fol ra Nghệ An hiểu dụ dân chúng, thì đã trở về Huế rồi, mà đi bằng máy bay.

Có tin rằng ngày 9 Septembre, hai ngài đã từ Vinh cỡi máy bay hồi 8 giờ mai, đến 10 giờ thì tới Huế, bình an vô sự.

Ở Huế, các quan sử quán ghi vào sử rằng cụ lớn Nam trào cỡi máy bay lần nầy là lần thứ nhứt. Hôm cụ Thượng khởi hành, có nhiều người ở Vinh, lấy làm nguy hiểm cho cụ. Bởi vì e rằng các cụ từ thuở mô đến giờ ít hay vận động, nhứt là khi máy bay lên cao mà bay mau vùn vụt thì nội cái ngộp chịu không nổi cũng đủ khốn.

Té ra may quá ! Không có nguy hiểm gì cho cụ lớn hết.

Thấy việc nầy mình nhớ lại, các quan Nam triều từ xưa đến nay cứ đi cặp tàu của các quan Đại Pháp luôn luôn, hồi trước thì tàu thủy, ngày nay thì tàu bay.

Năm 1873, sau khi thành Hà Nội thất thủ, ông Nguyễn Tri Phương chết, thì trào đình sai ông Nguyễn Văn Tường vào Sài Gòn

thương thuyết với quan nguyên soái về việc ông Francis-Garnier đánh Bắc kỳ. Khi ông Nguyễn Văn Tường tới Sài Gòn rồi, soái phủ Nam kỳ bèn sai ông Philastre đi ra Bắc với ông Tường một chưn. Ấy là ông Tường đã cặp tàu của chánh phủ Pháp từ lúc ấy rồi.

Đến nay quan thượng bộ Hình cặp tàu bay lần nữa là hai.

Thế thường thì ai cũng tưởng rằng ông Nguyễn Văn Tường ngày xưa ngồi tàu thủy đi với ông Philastre ở Sài Gòn ra Bắc là như đi trên đất bằng, không nguy hiểm chi ; còn hiện giờ cụ thượng Hình ngồi máy bay với ông Le Fol ở Nghệ về, là sự nguy hiểm lắm. Tưởng như vậy là trái với sự thiệt, sự thiệt khác kia.

Ông Nguyễn Văn Tường đi hồi bấy giờ mới là nguy hiểm. Hồi tàu ra đến cửa Cấm, gần Hải Phòng, nghe tin ông Francis Garnier bị Cờ đen giết, thì ông Philastre nổi giận tưng bừng, đập bàn đập ghế, làm cho ông Tường tưởng là có sự bất kỳ gì xảy tới. May ông Tường khéo giao thiệp, ông Philastre mới chịu nghe mà bước lên bờ, thành ra công việc mới được yên.

Vậy thì ông Tường tuy đi tàu thủy mà nguy hiểm biết dường nào, vì e có lẽ nguy đến tánh mạng nữa, chẳng phải lo tàu chìm, nhưng sợ sự nóng giận của ông Philastre.

Còn cụ thượng Hình đây tuy cỡi máy bay đi trên từng mây, ở dưới mà trông lên, rất là nguy hiểm thật. Song le ngài ngồi một bên lưng quan Khâm sứ Le Fol, vững như trời trồng, có ngại gì đâu ? Cho nên chuyến nầy tiếng là nguy hiểm mà kỳ thiệt không có nguy hiểm chi hết.

Chắc cụ lớn cũng biết vậy rồi nên cứ việc cỡi đại. Chẳng những cụ lớn không biết ngộp, mà khi lên cao chừng nào lại đắc ý chừng nấy(*).

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6249 (17.9.1930)

(*)Ở *Trung lập* số tiếp theo, số 6250 ngày 18.9.1930, bài trong mục "*Những điều nghe thấy*" bị kiểm duyệt bỏ trọn bài.

BÁO *PHỔ THÔNG* PHÊ BÌNH ÔNG PHẠM QUỲNH

Ông Phạm Thượng Chi độ nầy ý chừng người ta để ý tới lắm, báo *Phổ thông* ở Hà Nội mới rồi cũng có phê bình ông.

Số là chế độ cử dân biểu ở Bắc kỳ mới đổi lại. Bây giờ trong hàng nghị viên ở viện Nhân dân đại biểu, một phần đông do dân cử ra, còn có một phần ít do chánh phủ uỷ nhiệm.

Ông Phạm được chánh phủ uỷ nhiệm trong khóa mới cử vừa rồi. Ấy là nay ông cũng nghiễm nhiên làm một vị dân biểu như những vị khác được dân cử.

Nhân có tin đồn rằng một bọn nghị viên khác toan rủ nhau bầu ông Phạm làm nghị trưởng, báo *Phổ thông* bèn viết một bài kích bác sự ấy.

Đại khái báo ấy nói ông Phạm là người hay thay đổi chánh kiến, nếu ông ra làm nghị trưởng, ông sẽ bữa nay thế này, mai thế khác, cái nghề làm chánh trị mà không quả đoán như vậy chắc là chẳng có ích lợi gì cho thời cuộc hết, cho nên họ bảo chớ bầu ông làm nghị trưởng làm gì.

Lấy lẽ gì mà nói ông Phạm hay thay đổi chánh kiến ? Báo *Phổ thông* biết rõ hơn ai hết, khai ra cái thái độ ông Phạm trong khoảng hơn mười năm nay như vầy :

Hồi đầu ông mới ra làm tạp chí *Nam phong*, được thưởng hàm Hàn lâm trứ tác, ông nêu lên trên bìa báo mấy chữ "Hàn lâm trứ tác" thiệt to ; đến chừng đi Tây về ông lại khuynh hướng về dân chủ, thình lình ông bỏ phăng cái chức tước ông trên bìa báo ; rồi đến ngày nay, thấy thời cơ ra sao đó không biết, ông lại nhè ngả về mặt quân chủ lập hiến, ông viết bài trong báo *France Indochine* và trong *Nam phong* mà xin nhà nước trả quyền lại cho vua Bảo Đại, theo như điều ước năm 1884.

Ấy đó là cái tang chứng mà báo *Phổ thông* cáo ông Phạm Quỳnh. Tôi thấy mà dửng dưng, chẳng biết nói làm sao !

Cái nghĩa "tùy thời" của Khổng phu tử lớn vậy thay ! Người thường đời nay há có phải là người hiểu được cái nghĩa ấy vậy vay ? Nói vô phép, bạn đồng nghiệp *Phổ thông* ví mà là thuộc về hạng người đó thì lấy chỗ đó trách ông Phạm, thật là oan cho ổng lắm.

Thật tình tôi tin ông Phạm là người tốt, nếu ông quả có thay đổi chánh kiến nhạy như *Phổ thông* nói đó thì cũng có vì cái lẽ làm sao. Hoặc giả có tại làm sao đó, nên ông mới dạn đổi, cũng như cụ Lương Khải Siêu bên Tàu nói rằng : "Tôi chẳng sợ lấy thằng tôi ngày hôm nay mà khiêu chiến với thằng tôi ngày hôm qua" vậy.

Tôi lại tin chắc rằng trong đó có cái nghĩa tùy thời hay là cái nghĩa trung dung ở trỏng. Tiếc thay đạo thánh suy vi "dân ít hay lâu vậy" dầu tùy thời chăng nữa, dầu trung dung chăng nữa, đem mà nói với ai ? Ai hiểu cho mà nói ?

Báo *Phổ thông* lại có tặng ông Phạm bốn chữ là "coi gió bỏ buồm". Ông có thể cãi rằng ấy không phải coi gió bỏ buồm, nhưng là tùy thời. Song le, coi gió bỏ buồm với tùy thời, hai cái khác nhau mảy may mà thôi, khó cho người ta tin được là ở đó.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6251 (19.9.1930)

GIÀ CÓ DUYÊN

Cái ông già tên là Zaro-Ago sống 160 tuổi, người Thổ Nhĩ Kỳ, mà bên nước Mỹ mời qua diễn thuyết, cổ động cho nhân dân đừng uống rượu, trước rày đã thấy tên trên các báo, độc giả hẳn còn nhớ.

Cái ông già ấy bữa nay ổng đang nói giang ca bên nước Mỹ, khoe rằng từ nhỏ cho đến bấy nhiêu tuổi đầu không hề nhấm một nhễu rượu nên mới đặng sống lâu quá hai cái bảy mươi như thế.

Thật mấy ông Huê Kỳ khéo đa sự ! Mấy ổng quảng cáo chẳng còn sót một nước nào. Chưa chắc ông lão Zaro-Ago từ nhỏ đến già không uống rượu, và nếu thiệt ổng không uống rượu đi nữa, cũng chưa chắc nhờ vậy mà sống lâu. Có điều mấy ông Huê Kỳ muốn

quảng cáo mà lại túi nhiều tiền thì cứ đem tiền mà cho ông ta rồi biểu nói trời nói đất chi ổng chẳng nói.

Nếu nói rằng không uống rượu mà sống lâu thì tôi đây lại nói rằng hễ ai nhiều vợ thì được sống lâu. Vì chính ông lão Zaro-Ago ấy cưới tới mười bốn đời vợ. Có nhựt trình Tây kể rõ rằng ông ấy cưới 14 đời vợ, đẻ 60 đứa con, mà vợ cưới lần sau hết là ở vào năm 1923 mới đây, ông ấy hơn 150 tuổi rồi, mà "xa pham"mới có 14 tuổi.

Trời đất ôi ! Ông già chơi chướng quá ! Mà người ta nói : "Thiếu âm bổ lão dương", hoặc giả ông ta nhờ chỗ đó mà sống lâu chưa biết chừng.

Ông Zaro-Ago thật có duyên !

Giá phải ông không gặp mấy ông Huê Kỳ thì cái 160 tuổi của ổng cũng bỏ xó chớ làm chi thứ đó ? Giá gặp mấy ông Đại Pháp thì mấy ổng đi lơ, vì người ta đương sai sứ thần đi các thuộc địa [...], thì ai còn cần đến cái thằng cha già không biết ?

Tốt số nên ông mới gặp được Huê Kỳ, làm cho danh tiếng đồn khắp cả Đông Tây.

Mà đây rồi ông già Zaro-Ago cũng còn sẽ có duyên mà gặp nước khác mời đến nữa cho mà coi.

Thật vậy, đây rồi những nước nào khuynh hướng về cái chủ nghĩa đa thê, – hoặc giả An Nam nhà ta không chừng – cũng sẽ phải mời ông lão đến tận nơi mà cổ động. Họ sẽ chưng cái già của ông ra giữa dân chúng mà nói rằng : "Đây nầy ! ông nầy cưới vợ mười bốn lần mà sống đến 160 tuổi đây. Đó là nhờ ổng lắm đàn bà mà được trường thọ đó". Như thế, nào ai có cấm ? nào ai có cãi ? Chứng cớ rành rành ra đó, cãi làm sao ?

Như vậy rồi cái câu tục ngữ "Cả mái hại trống" của An Nam cũng thành ra câu không thật, sẽ bị xóa đi trong tự vị tiếng mẹ đẻ. Thật ngặt !

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6252 (20.9.1930)

THAN ÔI ! ĐỒNG BẠC THÌNH LÌNH NHỎ LẠI !

Cái đồng bạc kêu là đồng bạc Đông Dương, có hình người đàn bà một bên, mà An Nam ta quen kêu là đồng bạc mụ đầm đó, ít bữa nữa đây rồi nó nhỏ lại, nhỏ hơn bây giờ một mười một bảy. Ở đời, vật thì đổi, sao thì dời, cái lẽ biến chuyển tuần hoàn, há có phải đến hôm nay mới biết ? Song đương ở dưới cái hiện tượng nầy, bỗng dưng biết chắc rằng sẽ ở dưới cái hiện tượng khác, người ta đâu phải gỗ hay đá, thế nào cho khỏi có chút cảm tình láng lai ? Than ôi !

Có nghị định ngày 27 Aout, đã đổi hình đồng bạc lại rồi. Từ nay mà đi, nhà nước sẽ đúc đồng bạc cho ta xài ở Đông Dương đây nhỏ hơn hồi trước mà cũng nhẹ hơn nữa.

Đồng bạc hiện giờ bề trực kính (đo ngang qua trung tâm) 50 phân mà sau nầy sẽ có 35 phân, đồng bạc hiện giờ nặng 27 grammes mà sau nầy sẽ chỉ có 20 grammes.

Ta cứ theo đó mà tưởng tượng ra thì thấy cái đồng bạc sau nầy không được nghiêm trang là mấy, không được đầy đặn là mấy. Nó chỉ anh anh cái đồng ca-rô-bi 5 cắc một chút mà thôi. Sánh với cái đồng cắc dôi, mà ta gọi góc tư nó cũng không lớn hơn mấy tí.

Đem mà ví với luân lý loài người thì đồng bạc hiện thời đối với đồng 5 cắc cũng như cha với con đối với đồng 2 cắc cũng như ông với cháu, đối với đồng 1 cắc, cũng như ông cố với chắt. Ừ phải, to sức ấy, nặng sức ấy, thời làm ông làm cha người ta cho xứng đáng.

Ngày kia, La tiên sanh – tiên sanh họ La, tên là Bi Ách, – thình lình nhỏ lại, coi kém cái vẻ đường đường ngày xưa ; lúc bấy giờ thằng "năm" nó sẽ mọc ngược lên mà rằng : Lớn hơn gì tôi bao lớn mà làm cha tôi được ? Thằng "hai" cũng sẽ cứng dầu cứng cổ mà lằm bằm lằm bằm : Ông nội tôi có đâu mà nhỏ quá dữ vậy ? Cho đến thằng con ranh "Một cắc" cũng không muốn nhìn là ông cố nó nữa.

Thật khó coi thật ! chẳng thà nhỏ với nhau hết. Rút đồng bạc cho nhỏ lại thì rồi cũng phải rút đồng 5 cắc, đồng 2 cắc, đồng 1 cắc cho nhỏ lại theo cái mực tương xứng (proportion) của bà con chúng nó.

Mà nói chơi, chớ rút thét đi rồi đồng 1 cắc nó sẽ nhỏ chút xíu bằng cái vảy ốc, khi ấy ta có được cắc nào, bỏ vào túi nó lọt hết đi còn chi. Chi bằng đem mà bỏ hết bạc đồng đi, đừng thèm đúc nữa, cứ ăn bạc giấy với nhau cũng được.

Chánh phủ cho vững vàng, – việc gì mà không vững vàng ? đủ tín nhiệm đối với thiên hạ, thì tự nhiên thiên hạ vui lòng mà xài bạc giấy hơn bạc thiệt. Nếu chánh phủ đủ tín nhiệm, ấy tức là đảm bảo đó, hà tất phải có hiện kim mới đảm bảo được ư ?

Huống chi ngày nay mười người cũng mười ưng xài bạc giấy, có khi đưa đồng bạc thiệt cho họ, họ lại trề nhún một hồi rồi mới chịu lấy. Như vậy, cần gì đúc bạc thiệt mà lại rút bớt cho nhỏ làm chi ?

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6253 (22.9.1930)

LUÂN THƯỜNG ĐẢO NGƯỢC HAY LÀ PHONG HÓA SUY ĐỒI

Có người đã cho rằng, đời nầy là đời luân thường đảo ngược ; lại cũng có nhiều người thở than trên tờ báo, nói rằng : Bây giờ phong hóa suy đồi !

Tại sao mà họ nói như vậy ? Ấy là họ thấy có nhiều vụ xảy ra : con mắng cha, vợ giết chồng, dâu chưởi bà gia cùng những sự trái ngược khác mà xưa nay họ chưa hề thấy.

Phải, xưa nay không có mà bây giờ có, xưa nay kẻ lớn đè đầu kẻ nhỏ là sự thường, mà bây giờ nghịch đi, thì tài gì người ta chẳng lấy làm lạ, chẳng cho là đảo ngược với suy đồi ?

Nhưng khoan đã, trong những sự nghịch lý đó mình cũng phải để mắt và để trí mà tìm xét thử duyên cớ vì đâu, chớ thật không nên thấy thế mà cho là một đám tầm bậy hết, rồi chỉ ngồi mà than thở.

Tôi thấy những sự làm cho người ta than thở đó, phần nhiều hay xảy ra trong gia đình. Trong gia đình thì quyền về kẻ lớn ; kẻ lớn tức là cha và chồng. Làm cha, làm chồng, làm kẻ lớn trong một gia đình mà để cho sanh sự, đến nỗi thương luân bại lý, thì đem đổ cái trách nhiệm ấy cho ai ?

Phải chi tôi có quyền trong tay, thì tôi chẳng thèm than thở chi hết, mà tôi cứ nhè mấy anh kẻ lớn đó tôi trị.

Không phải nói dỡn, mà cũng không phải nói vu cho họ, thiệt làm sao mà có nhiều ông kẻ lớn trong gia đình kỳ cục quá, cứ gây cho có chuyện ra hoài, rồi gặp ai cũng phàn nàn việc nhà mình : "Anh ơi, thiệt không có đâu như cái cảnh nhà tôi biến quá !"

Đây là một chuyện trong trăm ngàn chuyện.

Ở Chợ Lớn, có người các chú, năm nay ngoài sáu mươi, vợ chết đã lâu có để lại đứa con trai đã lớn, trên hai mươi tuổi.

Ông già ấy trước kia vốn vỏ võ phòng không, chẳng có đèo bòng chi hết. Sao không biết, gần nay ổng lại tòng tẹo với ả xầm kia, đeo như sam rứt không đứt bứt không rời. Ngặt một điều, ả xầm là hạng hạ lưu, mà ông ta ý chừng như hơi sang trọng, nên dầu thương yêu đến mấy đi nữa mà chưa tiện đem về làm của mình một cách chánh thức.

Ai ngờ trăng gió vật vờ chơi mà thành ra vàng đá tri tri ! Số là ổng định cưới vợ cho thằng con, mà thành ra cũng cưới vợ luôn cho mình. Ông ta hỏi vợ cho thằng nọ ở Sài Gòn rồi, đem kể chuyện với ả xầm. Ả xầm sụt sùi kể lể với ổng đại khái như vầy : "Ông với tôi đã như vợ chồng rồi, mà ngày nay ông lấy vợ cho con, tôi không biết tới, thật là tủi bụng tôi quá ! Huống chi ông góa vợ mà ở với con dâu, coi làm sao được há ông ?" Nghe có lẽ, âu là chi ông ta bợ mụ ấy về nhà rồi mới làm lễ cưới cho con.

Tục Tàu, cô dâu mới về, phải làm lễ "dâng nước trà" cho gia trưởng. Hôm đám cưới, con dâu mới về, dâng nước trà cho ông nọ

rồi dâng đến mấy người cô bác mà làm lơ à xầm. Người ta nói rằng vợ chồng chúng nó đã nói với nhau rồi, nhứt định không nhìn à xầm là vợ cha mình.

Khi ấy à xầm nổi ngộ lên, cũng làm như thói An Nam ta, níu ông nọ, biểu tính làm sao thì tính, chớ để cho con dâu khinh thị gì ghẻ giữa đám ba bề mà ai chịu nổi ? Rồi thì trong nhà lùm tum lên, cha con cãi nhau vang trời giậy đất, rút lại thành đám đánh lộn.

Đó là luân thường đảo ngược đó, là phong hóa suy đồi đó, phải không ?

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6254 (23.9.1930)

["BUỔI NHÓM HỘI ĐỒNG QUẢN HẠT VỪA RỒI..."][*]

Buổi nhóm Hội đồng quản hạt vừa rồi có một cái vấn đề mà ông nào ông nấy ngó mặt nhau không ai giải quyết được hết, ấy là về sự làm thế nào cho những trâu của các nhà nông miền Lục tỉnh khỏi bị ăn trộm.

Nói như vậy cũng còn chưa đúng, như vậy thì thành ra người ta đã lo đến chỗ gốc rồi, không phải. Cái nầy là vấn đề làm thế nào cho những trâu bị ăn trộm được nhìn ra một cách phân minh rằng trâu của chủ nó.

Bởi vì bữa đó một ông hội đồng hỏi quan thầy thú y có cách nào làm dấu trâu để cho dễ nhớ, khỏi lộn với trâu khác, mà cũng khỏi mất cái dấu ấy đi được ; chớ không phải có ông hội đồng nào hỏi một vị thượng quan có chức trách trấp đạo an dân rằng làm cách nào cho tuyệt hết kẻ gian dắt trộm trâu của nhà nông.

Ấy vậy đó mà cũng đã thấy khó rồi. Quan thầy thú y quyết rằng không có cách gì khác hơn là cách nướng con dấu sắt mà

[*] bài trong mục "Những điều nghe thấy" kỳ nầy không có nhan đề (hoặc do in thiếu hoặc bị kiểm duyệt bỏ) ; ở đây sưu tập đặt tạm bằng mấy từ ở đầu bài.

đóng, song kẻ gian lại có thể nướng con dấu sắt khác của nó mà đóng chụp lên cho đổi dấu đi. Ngài lại nói thêm rằng rất đỗi bên Huê Kỳ kia người ta treo giải thưởng đến những 200.000 đô-la thưởng cho người nào tìm ra phương thế thần diệu trong việc ấy mà còn chẳng được thay !...

Vậy đó rồi ai nấy nói lơ qua việc khác. Dầu mà có ông De Lachevrotière nhắc chuyện một người bị tội oan về việc đó, cũng chẳng ai bày ra được mưu chi kế chi để cho đỡ bớt cái bụng đau xót dân lành. Ông ấy nói rằng : "Ở Lục tỉnh có người cũng bị mất trâu, sau khi nhìn nó được ở một chỗ, hô hoán lên, có quan có làng tới, người ấy chẳng biết trâu mình có dấu riêng gì [. . . . . .] rồi phải bị tội vu cáo !"

Việc quan hệ đến dân sanh như vậy mà không ai tìm ra được phương kế chi, thật là tệ quá ! Người ta nạp thuế còn có được giấy thân hay giấy căn cước để khỏi lộn với người khác ; trâu cũng có thuế mà lại chẳng có dấu gì để phân biệt nhau, sự ấy lại còn đáng (*bị kiểm duyệt bỏ*)

Nếu quả không kiếm được cái dấu riêng gì cho trâu thì còn có phương nầy tuy không phải là dấu, song làm thế nào nhìn được thì thôi : ấy là đặt ra một ngạch [. . . .][*] để giúp cho sự nhìn nhận trong khi bị mất.

Đại phàm người ta đồng một giống với nhau thì nhìn mặt mà phân biệt người nầy người khác được ngay ; còn khác giống thì coi người nào cũng từa tựa người nấy. Huống chi người ta mà nhìn trâu, thì con nào cũng mặt dọc hết, nhìn sao ra ?

(*bị kiểm duyệt bỏ*)

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6256 (25.9.1930)

[*] các chỗ để trống, có lẽ bị kiểm duyệt bỏ.

MUỐN ĐỠ BỚT SỰ GIẾT NGƯỜI NÊN THEO KHOA HỌC

Cái hoạ chiến tranh năm 1914-1918 giết người không có bao nhiêu hết thảy chỉ độ vài chục triệu chi đó. Một điều khác với đời xưa là không giết bằng gươm giáo cung tên mà giết bằng súng cối xay, trái phá, hơi ngột, làm cho người ta chết không kịp nhắm mắt, coi ghê quá. Vì vậy nhiều người bỏ tội cho khoa học, nói tại khoa học phát minh ra những khí giới hung ác ấy nên mới có cái hoạ tày trời như vậy.

Từ đó đến nay ai ai cũng rủa thả khoa học, thậm chí có kẻ biểu đem mà dẹp phứt khoa học đi, để làm chi cái thứ giết người !

Cái giống người ta chỉ được có cái thấy đây nói đó mà ít hay suy nghĩ. Nếu họ cũng chịu khó suy nghĩ, biết tính lợi tính hại như mình thì họ sẽ thấy ra khoa học càng tấn bộ bao nhiêu thì sự giết người càng ít đi bấy nhiêu, rồi họ sẽ đặt tay lên trán mà nói lầm thầm rằng : À, muốn đỡ bớt sự giết người, nên theo khoa học.

Số người chết trong trận thế giới đại chiến năm nọ là bao nhiêu, tôi quên lửng phứt, song tôi phỏng chừng vài chục triệu. Vả, cả một trái đất đánh nhau hơn bốn năm trời mà chết có bấy nhiêu thì nhiều gì mà gọi là nhiều ? Sao người ta không nhớ hồi cuối đời Chiến Quốc quân Tần với quân Triệu đánh nhau tại Trường Bình, trong một đêm và một xó đất của nước Tàu mà quân Triệu bị chôn đến bốn chục vạn, thì sự giết người ấy có nhiều không ?

(*Bị kiểm duyệt bỏ*)

Cách nay non một trăm năm, vào năm Minh Mạng thứ 16 (1835) giặc ngụy Khôi cứ thành Gia Định, bị quan quân vây, đến một ngày kia về tháng bảy thì hãm thành. Trừ ra những người thủ phạm bị giải về Kinh xử tử, còn bọn ngụy cả thảy 1831 vừa nam phụ lão ấu ở trong thành, thì quan quân giết hết một lần trong ngày ấy. Những thây được chôn chung một đống mà còn lại đến bây giờ,

kêu bằng "mả ngụy" kia kìa. Ta phải nhắc nhau cho nhớ rằng hồi đó ở xứ nầy chưa có khoa học !

Chỉ một thành Gia Định và trong một ngày mà chết đến 1831 người (*bị kiểm duyệt bỏ*)

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6257 (26.9.1930)

TRÈO CAO TÉ NHẸ

Từ rày sắp sau, có ai trèo thì trèo cho thiệt cao đi, rủi có té cũng không hề chi, vì té nhẹ. Lời tục nói trèo cao té nặng là nói tầm bậy, đừng nghe họ mà què cẳng, rủi chút nữa bỏ mạng không chừng.

Thật vậy, không khí có sức nặng có chất lượng, nó cũng như nước làm cho nổi các vật được. Máy bay nhờ đó mà bay lên cao cũng như ta đạp bơi trên nước, chớ có lạ rùa mốc gì đâu.

Hễ mình ở trên cao chừng nào thì cái từng không khí ở dưới mình nó nhiều chừng nấy, nó dày chừng nấy, nó nặng chừng nấy, nó làm cho nổi mình lên chừng nấy. Bởi vậy, khi mình ở trên rớt xuống, được không khí đỡ lên mà thành ra nhẹ.

Ấy thôi, đừng có nói con cà con kê cái thứ khoa học nhà hoang ra mà nghe phiền lắm. Nói ngay vào chuyện đi cho rồi.

Ở Nghệ An có ba quan tỉnh. Quan chúa tỉnh, lớn hơn hết, là quan Tổng đốc, rồi đến thứ nhì, quan Bố chánh, thứ ba quan Án sát. Cuộc đại biến ở tỉnh ấy vừa rồi, hình như chánh phủ bảo hộ và triều đình An Nam cũng có đổ lỗi hơi hám cho các quan tỉnh thì phải.

(Bị kiểm duyệt bỏ)

Cái nầy thì ra có mình quan Tổng đốc là dễ chịu hơn hết, mà ngài lại có quyền chức lớn hơn, có trách nhiệm nặng hơn, như vậy có phải là trèo cao té nhẹ không ?

Hèn chi trong một trăm người An Nam, đem căng vồ nọc ra mà hỏi, hỏi anh muốn làm quan lớn hay muốn làm quan nhỏ, thì cả một trăm người đều trả lời rằng muốn làm quan lớn

(*Bị kiểm duyệt bỏ*)

Chi cho bằng cao tột như quan Tổng đốc, về nghỉ ba tháng, hoặc lãnh cả lương, hoặc lãnh nửa lương, lâm cùng mà không có đồng lương nào hết cũng khoẻ. Nghỉ, làm sao lại không khoẻ kia ?

Hỡi độc giả yêu quý của tôi ôi ! Nghe câu chuyện nầy phải để ý cho lắm, kẻo lầm mà khốn.

Nội trong độc giả, có vị nào nghe lời tôi mà biết sợ, lo làm quan cho cao đi thì được. Chớ còn vị nào hiểu lầm, nhè ra bờ sông Sài Gòn, trèo lên chót vót cột cờ Thủ Ngữ, rồi có té xuống, giập đầu, lổ óc, bể bụng, gãy tay, gãy chưn, chết dãy tê tê không kịp trối trăng gì hết thì chịu lấy, chớ đừng đổ tại tôi bày, tôi không biết đâu đa !

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6258 (27.9.1930)

SỢ, SỢ HUỐT, MỪNG, MỪNG HỤT, NÓI THÀNH RA NÓI LÁO

Hôm trước trên tờ báo *Trung lập* nầy có đăng cái tin nói về sự nhà nước sẽ thâu lại bài sổ của mấy chục tiệm công yên ở Sài Gòn và Chợ Lớn.

Số là hồi đó có cái tin chắc chắn lắm, nói như vầy : chánh phủ Nam kỳ đã ra nghị định rồi, từ nay không cho mở tiệm hút mới nữa. Chẳng những thế thôi, mà những tiệm nào mới mở trong năm ngoái và năm nay cũng bắt đóng cửa ; lại còn những tiệm mở trong 5 năm nay mà đã ở chỗ nầy dời đi chỗ khác, cũng sẽ bị đóng cửa một loạt như nhau. Lại nói quyết rằng bắt đầu từ ngày mồng một tháng mười tây đây thì cái nghị định ấy thi hành, dầu có ông Trời xuống mà cản lại cũng không được.

Theo cái nghị định ấy, ở Sài Gòn có hơn 20 tiệm, ở Chợ Lớn có hơn 50 tiệm bị mắc vào hai cái điều kiện trên đó, cho nên dư luận cũng tin phăm phắp rằng có hơn 70 tiệm công yên sẽ bị đóng cửa.

Bởi vậy, hơn 70 nhà ấy ngày đêm lo sợ, chẳng biết sau khi bị đóng cửa rồi thì làm nghề gì. Buôn bán thì ế, sanh hoạt thì mắc mỏ, thật là ở vào cái cảnh hút gió khổng kêu.

Còn những tiệm nào không phạm vào điều kiện ấy thì mừng. Vì gần nay có những tiệm mới ấy khai trương, số hội kèo dù thì tăng lên có ít mà số tiệm hút thì tăng lên quá nhiều, làm cho họ phải ế hàng. Nay giảm đi được hơn 70 nhà, bao nhiêu người hút không còn đi đâu mà sẽ đâm đầu vào những tiệm của họ hết, thì sanh ý của họ sẽ phát đạt, cho nên họ mừng.

Còn nhà làm báo như tôi đây, thấy một việc nhà nước làm ra mà có ý trừ tệ khử hại cho dân như vậy thì cũng lấy làm vui lòng, mắt không thèm nhìn tới nghị định, cứ việc cặm đầu viết đại, rao ra cho bà con biết một sự cải cách của chánh phủ, sớm chừng nào khoái chừng nấy.

Ngờ đâu hôm nay xuôi cò, trợt lớt chẳng ăn chịu vào đâu. Người sợ thành ra sợ huốt, người mừng thành ra mừng hụt.

Trời đất ôi ! cái đời nầy lắm chuyện thấy mà đau xót, cũng lắm chuyện thấy mà phải nực cười.

Hôm nay thình lình cái tin ấy bỗng tan đi như khói thuốc phiện ! Té ra không có nghị định nào hết, nhà nước không có đóng cửa tiệm cộng yên nào hết.

Lạ thật ! Chó đâu chó sủa lỗ không ? Phải có làm sao đó chớ ? Làm sao ?

Người thì nói rằng : Đời nay cách san sẻ người ta không đều, nơi thì thiếu nhân công, nơi thì ngồi không cả đống. Những người ấy ăn rồi vô sự thinh không họ đặt chuyện ra họ nói họ chơi cho vui chớ chẳng có ý định phỉnh phờ gạt gẫm gì ai.

Người thì nói rằng : Cái nghị định kia có thật, (*kiểm duyệt bỏ*)

Nói bậy !

Đây chắc là có người nào ở không, đặt chuyện ra nói chơi. Ước gì cái chú Chà ăn thịt con nít bữa trước cũng cắt cái lưỡi người đặt điều đây mà nấu ca-ri luôn thể !

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6259 (29.9.1930)

CÁI NÀY THÌ ĐÁNG DÙNG VÕ LỰC

Cái thứ bèo nổi trên mặt nước từng vế từng đống, có khi ngăn lấp cả một khúc sông, thuyền bè không đi được, thế bèo ấy Nam kỳ kêu bằng "lục bình" mà Trung Bắc kỳ kêu bằng "sen Nhựt Bổn".

Thứ bèo ấy ở xứ ta mới có trên 20 dưới 30 năm nay mà coi bộ nó cũng tràn một cách như dân tộc con Rồng cháu Tiên từ Bắc vào Nam. Trung Bắc kỳ kêu bằng "sen Nhựt Bổn" vì truyền rằng thứ bèo ấy xưa kia ta vốn không có, từ có người Nhựt Bổn nọ đem giống sang, bắt đầu thả ra từ Hà Nội mà sau lan rộng mãi ra khắp nước. Nó là một thứ thực vật ở nước, dễ sống mà sanh sản lại mau.

Nó ở Nam kỳ chỉ làm hại cho cuộc giao thông của thuyền bè mà thôi ; chớ ở Bắc kỳ, nó lập gia cư nơi có đồng ruộng chiêm, sanh sôi nảy nở mỗi ngày một nhiều, làm hại cho nhà nông quá lắm.

Ở Trung Bắc kỳ dân gian lại còn tin rằng thứ sen Nhựt Bổn đó là cái trương triệu (symbole) (*bị kiếm duyệt bỏ*)

Nội một sự làm hại của sen Nhựt Bổn cũng đủ khiến cho dân ta phải kiếm cách trừ khử nó rồi, (*bị kiếm duyệt bỏ*)

Ở Trung Bắc kỳ, nhứt là chung quanh kinh đô Huế và Hà Nội, người ta thường vớt lên phơi khô rồi đốt đi. Đốt lần ấy, đốt lần khác, đốt hoài cho đến bây giờ mà nó cũng vẫn còn.

Lục bình ở Nam kỳ đây lại còn lợi hại hơn Trung Bắc kỳ, lợi hại đến nỗi thành ra vấn đề giữa hội đồng quản hạt.

Hôm phiên nhóm gần chót, mấy ông hội viên có mở ra bàn cách làm sao đặng trừ khử cho hết lục bình. Tiếc thay ! bàn thì bàn,

nói thì nói, mà rút cục lại chẳng có phương pháp gì cả. Câu chuyện thành ra trợt lớt.

Mấy ông nghị Tây thích dùng võ lực mà cái nầy đáng dùng võ lực, lại không chịu nói đến sự dùng võ lực.

Tôi tưởng cái hại của lục bình – hay là sen Nhựt Bổn – từ Nam đến Bắc đều bị lây như vậy, dân sự đã vì nó mà ngăn trở công ăn việc làm như vậy, nó cũng là một vật làm rối [. . . .] Giữa nghị viện bàn đi xét lại mà không có cách chi trừ khử hết, thôi thì thôi,

(*bị kiểm duyệt bỏ*)

Nội Nam kỳ đây hãy lập ra một đội lính, phải nhớ rằng lính An Nam mà thuộc quyền người Pháp cai quản, chừng một trăm người đặt tên là "Diệt bình thủy quân đoàn", khí giới thì [. . . .] nhưng chỉ sắm chừng 30 chiếc xuồng và mỗi người lính cầm một cây gậy. Rồi những lính ấy ngồi xuồng chia ra đi các ngả sông, hễ thấy lục bình ở đâu thì vớt hết mà phơi trên bờ, chờ khi nó khô sẽ đốt. Mà nó còn không cháy thì lấy dầu xăng chế vào mà đốt nó cháy tiêu đi. Làm như vậy luôn mấy năm coi thử còn cánh lục bình nào không ?

Cách trừ khử lục bình lại không nên dùng chước phản tuyên truyền. Bởi vì chúng nó thiệt hành cái chánh sách xâm đoạt mà mình dùng cách tuyên truyền thì vô ích.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6260 (30.9.1930)

ÔNG HUỲNH THÚC KHÁNG BỎ MẤT CÁI BÓP-PHƠI

Vấn đề lập hiến ở Trung Bắc kỳ hiện nay là do ông Phạm Quỳnh xướng ra. Một nhà văn học như ông Quỳnh, đã tuyên bố rằng không phải nhà chánh trị, mà lại thình lình xướng ra cái vấn đề chánh trị to như trời, thật là khả quái.

Nhớ năm trước, hồi còn tiên hoàng Khải Định, gặp khoa thi Hội cuối cùng, chính đức vua ngự chế bài sách vấn kỳ đình thí, bấy

giờ ông Nguyễn Bá Trác làm chủ bút phần chữ Hán *Nam phong*, có làm một bài đối sách đăng trong tạp chí ấy, cũng có xin vua Khải Định lập hiến pháp. Tuy vậy, cái ý kiến của ông Trác rút lại cũng như gió nam bay mất, chẳng có một chút ảnh hưởng chi, là vì hồi đó chưa tới cái thời lập hiến hay sao, chẳng biết.

Đến lần này, Phạm Thượng Chi tiên sinh xướng ra cái vấn đề lập hiến một cái, là có ảnh hưởng theo liền. Ở hai viện dân biểu Trung kỳ và Bắc kỳ nhóm vừa rồi, chính miệng các quan Thủ hiến người Pháp nói ra cũng đều có cái giọng giống như ông Quỳnh vậy. Ấy là chỗ chúng tôi lấy làm khả quái : Hiến giả sở kiến giống nhau ư ? Các quan Thủ hiến Đại Pháp nói theo ông Quỳnh ư ? Hay ông Quỳnh là cái máy lưu thanh ư ?

Ai dư công đâu mà đi nghiên cứu cái sự bông lông ấy cho mệt. Duy có thấy ông Phạm Quỳnh rồi đây sẽ được bóp-phơi[1] mà tiếc cho ông Huỳnh Thúc Kháng khi không lại đem bỏ mất hết một cái bóp-phơi khác !

Hễ lập hiến thì một người dân thường, miễn là có tài có đức, cũng có thể lên làm Thượng thơ hay Tổng trưởng một bộ ; theo bên Pháp, người ta kêu bằng lãnh cái bóp-phơi. Ấy đó, chính tại chỗ đó mà chúng tôi có hy vọng cho Phạm Thượng Chi tiên sanh sau này.

Can cớ chi ông Quỳnh viết ba bài về vấn đề lập hiến ở Trung Bắc kỳ mà bài thứ ba lại chuyên nói về chuyện giáo dục quốc dân ? Ấy, tiên sanh "ăn" người ta là tại ư cái chỗ đó.

Lập hiến trơn, thì ai nói chẳng được. Chuyên trong một việc giáo dục, thế mới tỏ ra cái chánh kiến nhà học giả như họ Phạm. Làm như thế, họ Phạm mới có câu !

Đừng nói xa nói gần nữa, nói châm bẫm phứt mau nghe, rằng : sau đây nếu Trung Bắc kỳ quả lập hiến được, mà ông Phạm Quỳnh

---

[1] Đây là nói theo lối người Pháp. Người Pháp quen nói ai làm Tổng trưởng bộ nào là giữ bóp-phơi (porte feuille) bộ ấy (nguyên chú của PK).

không cầm cái bóp-phơi bộ giáo dục trong tay, không được kêu bằng "cụ thượng Học", thì tôi, Thông Reo, người viết bài này xin đoan đầu, nghĩa là bấy giờ sẽ đem tôi ra mà chém đi !

Ấy vậy, mà ông Huỳnh Thúc Kháng lại nhè bỏ mất cái bóp-phơi khác.

Phải chi ông Huỳnh cũng cho lẹ, gặp cơ hội này, ông cũng đeo đuổi theo người ta, ông cũng làm lấy mấy chục bài thơ mà ca tụng cái chánh sách ấy, thì cầm chắc trong tay là sau này, cái nào ông Huỳnh cũng sẽ giữ được một cái bóp-phơi. Sao mà chắc được ? Là vì tòa nội các vị lai của Trung Bắc kỳ, nếu không thí cho ông Huỳnh một cái bóp-phơi nào, mà để ông ở ngoài, thì người ta cũng lấy làm khó chịu chớ chẳng chơi.

Vậy mà ông Huỳnh nhè phản đối ông Phạm, theo như thư ông đã gửi cho quan Toàn quyền, thế là ông bỏ đành bỏ đoạn cái bóp-phơi đó.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6261 (1.10.1930)
Đông Tây tuần báo, Hà Nội, s.36 (18.10.1930)(*)

KHÔNG GÌ ĐẢM BẢO CUỘC TRỊ AN CHẮC CHẮN CHO BẰNG NHIỀU CẢNH SÁT

Hôm trước đây, người ta đã điều tra ra cả xứ Nam kỳ, lính cảnh sát đến hai ngàn mấy trăm người. Như thế cũng đã nhiều thật. Song le, nội chừng đó đem mà đảm bảo cho cả cuộc trị an đến một xứ Nam kỳ đâu có thấm ?

Giá tôi có quyền thì tôi lấy bao nhiêu tiền công nho của sổ dự

(*) Hoàng Tích Chu cho đăng lại bài này trên *Đông Tây tuần báo* ở Hà Nội với phụ đề : *Tiếng của Thông Reo*, sau đó Hoàng Tích Chu hưởng ứng bằng bài hài đàm *Còn cái bóp-phơi của tôi, bác Thông Reo* ? Ngô Tất Tố dưới bút danh Thiết Khẩu Nhi trên tờ *Phổ thông* hưởng ứng bằng bài *Ông Thông Reo tiết lộ việc bí mật của ông Phạm Quỳnh* (Xem hai bài này ở phần phụ lục 2 của sách này).

toán Nam kỳ đem mộ lính cảnh sát hết, dầu đến hơn hai vạn cũng nên, chớ đừng nói hai ngàn. Vì có đông bố-lít như vậy mới đủ giữ cuộc trị an.

Coi mà coi, chỉ có Sài Gòn đây nhiều bố-lít hơn hết thì từ hồi đến giờ, dầu ở đâu rộn ràng mặc kệ, mà Sài Gòn cứ vẫn yên lặng như tờ. Chợ Lớn cũng là một thành phố mà ít bố-lít nên bữa trước bữa rày có xảy ra nhiều đám ăn cướp.

Dân sự các miệt nhà quê gần đây như Hốc Môn, Bà Điểm cũng đều lấy Sài Gòn làm chỗ vững vàng gởi thân và gởi của.

(*Bị kiểm duyệt bỏ*)

Duy có Sài Gòn nhiều cảnh sát hơn, nên giữ cuộc trị an được vững vàng chắc chắn.

Còn ở các làng ngày nay hình như không còn có kỷ cương nữa rồi. Làm dân lành mà cực khổ quá thì ai muốn làm dân lành mà chi ?

Ăn cướp sao mà nhiều quá ? Đám ăn cướp nào cũng có súng, còn chủ nhà lại không súng, hóa ra sắm kẻ lương thiện để làm mồi cho kẻ ác ! Thật là cắc cớ hết chỗ nói !

Vậy mà tại nghị viện, có người xin mộ thêm bố-lít, mua khí giới thêm cho mã tà, thì các ông nghị viên ta lại phản đối là phản đối làm sao chớ ? Các ông có cách nào giữ cho dân thôn quê khỏi bị ăn cướp không ? Khỏi một buổi tối phải xuống Sài Gòn ngủ đậu không ?

Cái chánh trị văn minh đời nay ngoài cái chế độ cảnh sát ra, không còn có chế độ nào cho giữ được cuộc trị an hết thảy. Thắp đuốc mà tìm cũng không có phương pháp nào thần diệu hơn là lập ra cho nhiều đội cảnh sát. Theo lối chánh trị văn minh là như vậy. Vậy mà các ông không nghĩ đến !

Hằng ngày đọc báo thấy đâu đó tưng bừng những ăn cướp là ăn cướp. Ai làm sao không biết, chớ theo tôi, thấy như vậy, tôi phải hoa mắt và bó tay. Bởi vì theo chánh trị văn minh đời nầy, chỉ có

dùng nhiều cảnh sát mới giữ cuộc trị an được, mà các ông không chịu dùng nhiều, không chịu bỏ tiền ra, thì biểu tôi làm thế nào ?

Thật, cái lối chánh trị văn minh đời nay chỉ có một phương pháp là dùng nhiều cảnh sát mà thôi. Các ông cũng tin như tôi chớ ?

T.R.

Trung lập, Sài Gòn, s.6262 (2.10.1930)

QUÊN MỘT CÁI QUÊN 26 NĂM NAY

Mới rồi bên Paris, tại một nhà ga nhỏ xe lửa kia, người ta tìm ra được một cái thùng thơ (une boite aux lettres) bỏ quên từ năm 1904, tính tới năm nay vừa chẵn 26 năm.

Sự bỏ quên ấy không biết tại cớ làm sao. Bây giờ chỉ thấy khui thùng ra thì một thùng thơ đầy ói, mà bỏ luôn từ bấy đến giờ không thèm gởi.

Việc bưu chánh ở bên nước Pháp chính tại Paris là chỗ kinh thành kia, mà còn như vậy đó. Huống chi thứ ở bên thuộc địa nầy.

Hôm trước đây, giữa hội đồng quản hạt, ông chánh sở bưu điện bị các nghị viên công kích dữ lắm. Nhưng công kích về sự tiêu xài tiền bạc chớ chưa thấy ai công kích về sự thơ từ trễ nải hoặc mất đi.

Thật có đất nầy là hay mất thơ luôn luôn. Mất rồi chẳng biết hỏi ai. Nhiều lần đã thấy người ta nói trên báo rằng một bức thơ ở Gò Công lên đây ba tháng, lại một bức thơ ở Tây Ninh xuống Sài Gòn những ba tuần lễ.

Ở các nước Âu Mỹ nhứt là Ăng Lê và Huê Kỳ, người ta hay chơi một cách bằng lối gởi thơ luân chuyển cho nhau rất lấy làm thú vị, nếu các sở bưu chánh của họ mà cũng lôi thôi, hay làm mất làm trễ như ở ta đây thì họ chơi thế nào đặng mà chơi ?

Lối gởi thơ luân chuyển ấy như vầy : Một người hẹn trước với 5, 7 người hoặc 9, 10 người ở các đô thành các nước, càng nhiều

càng hay, rồi hễ tiếp được một phong thơ của người ấy thì cứ gởi theo (faire suivre) luôn luôn.

Như ban đầu, thơ gởi cho tên A, ở nhà tên B tại London ; gởi đến nơi, nhà ấy tiếp thơ, gạch cái địa điểm ấy đi mà đề cái khác, đề rằng ở nhà tên C tại Paris. Khi đến Paris, tên C cũng làm như vậy mà gởi đi nơi khác. Gởi chuyền đi 5 – 7 hoặc 9 – 10 lần như vậy, về sau tên A bắt được phong thơ thì có đủ cả các con dấu của các nhà giây thép các nước, rồi cất phong thơ ấy đi mà làm của quý để đời.

Họ chơi được như vậy là nhờ nhà giây thép của họ đưa thơ vững vàng chắc chắn lắm, không có đánh mất hay bỏ quên của ai bao giờ. Chớ còn ở mình đây, thơ mất hay bỏ trễ luôn luôn, thì đừng có mong chơi kiểu đó.

Ở Hà Nội năm trước, một lần, có phong thơ đề ngoài bì là "Monsieur Bécon", có số nhà đường phố minh bạch, thế nhưng thấy cái tên như vậy, người ta tưởng là một ông Tây, mà cứ theo số nhà đó thì lại nhà An Nam ở, cho nên người ta ngần ngại hoài không giao. Vậy mà sau đó một tháng, nhà thơ cũng còn tìm tới mà đưa cho được, té ra là thơ gởi cho thằng "bé con" ở nhà ấy.

Tuy vậy chuyện như thế ít có lắm, người ta thấy thơ mất và trễ hơi nhiều hơn.

Nhơn chuyện mới xảy ra bên Paris, tôi e rằng ở các nhà giây thép, các ga xe hỏa, các trạm hoặc có bỏ quên thùng thơ nào đến bốn năm chục năm nay chăng, xin chịu khó soát lại thử.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6263 (3.10.1930)

TUỒNG DIỄU CHĂNG ?

– Sao cái trống cơm lại kêu tùm vinh tùm vinh hở mầy ?
– Nhờ nó có tấm da.
– Sao đôi giép của tao nó có tấm da mà lại không kêu mầy ?
– Là vì bị người ta đóng đinh trên mặt nó.
– Trên mặt cũng có đóng đinh mà cái trống chầu sao lại kêu mầy ?

– Nhờ có người đánh.

– Con ve ve, không ai đánh nó hết mà sao lại cũng kêu mầy ?

– Nhờ nó có cái vè.

– . . . . . ? (Đến đây càng hỏi càng bướng, xin cho miễn thuật !)

Ấy là mấy câu vấn đáp của mấy chú hề ở trong tuồng hát bội mà tôi nghe từ hồi nhỏ. Tôi ra công nhớ cho đến bây giờ để thuật lại ở đây. Bởi vì tôi biết trước rằng cái đời tôi thế nào cũng có gặp những câu vấn đáp như những câu ấy.

Trước đây non mười năm, ở Trung Bắc kỳ, ông Nguyễn Bá Trác cũng có xướng ra vấn đề lập hiến. Nhưng rốt lại, cái thuyết của ông không có ảnh hưởng gì cả, là vì sự lập hiến của ông không có[*] dựa vào đâu làm căn cứ hết.

Đến nay, ông Phạm Quỳnh cũng xướng lên cái thuyết lập hiến mà coi có ảnh hưởng đôi chút, là vì cái thuyết của ông có căn cứ. Căn cứ vào bản điều ước 1884, vua An Nam có trọn quyền nội trị đối với thần dân mình.

Song mới đây ông Nguyễn Văn Vĩnh lại phản đối ông Quỳnh. Ông nói muốn lập hiến mà lại căn cứ vào điều ước 1884 thì không có hiệu lực. Vì điều ước ấy tự bên chánh phủ Pháp thảo ra hồi bấy giờ, chớ triều đình Huế không có dự vào một chút ý kiến gì.

Vậy bây giờ muốn lập hiến thì ông Vĩnh bảo rằng nên lấy dân ý của quốc dân Việt Nam. Ông không nói rõ ra song ông ngụ ý rằng nếu có lập hiến thì phải một bên chánh phủ Pháp, một bên dân mới được.

Ông Vĩnh nói phải. Song theo tôi thì dầu vậy đi nữa cũng không lập hiến được, vì nếu được thì đất Nam kỳ ở dưới cái tình hình ấy, chẳng dã lập hiến từ tám mươi đời rồi ?

Tôi tài lắm, tôi xoay nội chỗ nầy đây mà lập ra được những câu vấn đáp như trên kia.

---

[*] Bản gốc là "... có dựa vào", hẳn có lỗi in (thiếu "không") ; ở đây sưu tập sửa là "không có dựa vào...".

– Ông Nguyễn Bá Trác xướng ra thuyết lập hiến, sao không thành ?

– Vì không có căn cứ.

– Ông Phạm Quỳnh có căn cứ mà sao ông Nguyễn Văn Vĩnh cũng bảo là không thành ?

– Ý ông Vĩnh muốn căn cứ vào dân kia.

– Muốn căn cứ vào dân thì ở Nam kỳ lập hiến dễ lắm, sao không lập hiến ?

Vậy nếu ở Nam kỳ mà lập hiến được thì câu chuyện lập hiến ở Trung Bắc mới khỏi thành ra tuồng diễu.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6265 (6.10.1930)

NGHE ĐỒN CẤM SÁCH BẮC

Mới độ đầu năm đây, ở Nam kỳ có ông nghị viên nào đó muốn xin nhà nước đặt ra một phòng tu thơ riêng cho Nam kỳ, để người Nam kỳ soạn lấy sách cho con nít của mình học, kẻo học sách của người Bắc làm ra thì khó hiểu quá. Sự ông nghị viên xin đó bị người ta công kích riết, cho nên không thành.

Vậy mà độ nầy lại nghe những sách quốc ngữ ngoài Bắc sẽ bị cấm không cho bán vào Nam. Tại làm sao mà cấm ? Người ta nói rằng chẳng phải vì cớ khó hiểu đâu, nhưng vì có sách Bắc viết chữ quấy nhiều quá.

Ở Nam kỳ lâu nay người ta đương rủ nhau viết chữ cho đúng theo tự vị, có lẽ nào dung được những sách viết sai nát hết vào mà phá đám hay sao ? Nếu ai có quyền thì chọn những sách nào viết sai như vậy mà cấm đi, cũng phải.(*)

(*) Bài này gây phản ứng cho một số độc giả, nhưng là phản ứng của người đọc không hiểu sắc thái "cà chớn" của người viết bài đàm. *Trung lập* ngày 16.10.1930 có đăng ý kiến đó (Nguyễn Trọng Đức - *Mấy lời bàn phiếm về vấn đề sách Nam và sách Bắc*).

Họ viết làm sao mà sai một cách kỳ cục quá ! Ấy thế mà có kẻ lại khen người Bắc viết phần nhiều đúng hơn trong Nam, là không biết đúng cái nỗi gì chớ !

Như chữ "mấy", nguyên chỉ có hai nghĩa. Một nghĩa là "bao nhiêu", như hỏi "Anh có mấy đứa con ? Nhà nầy có mấy người ?" Một nghĩa là "một phần trong số nhiều", như nói "Trong đám hội đồng quản hạt An Nam chỉ được mấy ông biết ăn nói mà thôi". Nghĩa chữ "mấy" chỉ có thế, thế mà có nhiều cuốn sách Bắc dùng chữ "mấy" thành ra lắm nghĩa khác nữa.

Có cuốn sách kia nói như vầy : "Tôi đi mấy anh" ; "Mầy nói mấy nó"... Ấy là chữ *với* mà họ lầm ra chữ *mấy*. Lại có cuốn khác nói như vầy : "Người ta có lịch duyệt thì *mấy* khôn ngoan" ; lại như vầy nữa : "Uống rượu có đông người *mấy* vui". Ấy là chữ *mới* mà họ lầm ra chữ *mấy*. Không hiểu họ dốt nát như vậy, nói trại bẹ như vậy, tợ hồ trẻ con mới học nói, chưa đúng tiếng như vậy, mà họ dám cả gan làm sách ra bán cho ai ?

Bán cho ai ? Ai thèm mua những sách viết quấy mặt chữ như vậy mà bán ?

Nực cười nhứt là có cuốn sách ngoài bìa đề là "Hán Việt Pháp tự điển", nghe oai chưa ? Tự điển thì sai làm sao được ? Sách là sách làm thầy dạy người ta, sai sao được ? Sai, sao gọi là tự điển ? Ấy thế mà viết tầm bậy tầm bạ hết mới ghê cho !

Họ dẫn câu *Kinh Thi* : "Hồ vi hồ trung lộ", rồi họ giải rằng "Làm sao ư ? phải ở trong *xương* móc ?" Xương móc là cái gì ? Có phải là mắc xương trong họng rồi thò tay mà móc ra không ?

Chữ "quái" họ giải nghĩa là "*chái* ngược". *Chái*, chỉ có nghĩa là cái chái nhà. Vậy nói "chái ngược" thì thành ra cái chái nhà lợp không xuôi, gặp trời mưa, nước chảy ngược lộn lại !

Chữ "dư" họ cắt nghĩa là "tiếng *sưng* mình đối với người".

Như vậy thì chữ ấy duy có người nào bị đánh mới dùng được ! Bởi vì người mà bị kẻ khác đánh thì mới sưng mình lên !

Nguyên là *sương* mà họ viết là *xương; trái* mà họ viết ra *chái, xưng* mà họ viết ra *sưng* ; ấy là tự điển của họ đó, đừng cấm sao được ?

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6266 (7.10.1930)

CỤ LỚN HỒ ĐẮC TRUNG VỚI CỤ LỚN HỒ ĐẮC KHẢI

Phần nhiều độc giả ở Nam kỳ ta mới thấy cái đầu đề như trên, chắc tưởng hai người đó là anh em với nhau, không anh em ruột cũng anh em họ, chớ có ngờ đâu là cha con !

Theo thói nhà quan ở Trung kỳ, hễ làm đến bực tổng đốc trở lên thì người ta kêu bằng cụ lớn. Mà thói ấy cũng chỉ mới có từ 20 năm trở lại đây. Ban đầu duy có bực đại thần mà có tuổi tác kia, mới kêu là cụ lớn ; song đến ngày nay, dầu trẻ mặc kệ, cứ hễ quan to là kêu cụ lớn đại đi. Bởi vậy mà quan thượng Nghệ mới bị nẻ là Hồ Đắc Khải cũng được kêu cụ lớn như ông thân ngài là quan Đông các Hồ Đắc Trung.

Vì quan tước suýt soát với nhau không xa mấy, nên tiếng kêu cũng giống, chớ kỳ thiệt vẫn là cha con, và một người đã già khú, một người còn trẻ măng.

Nay tôi muốn giới thiệu cho dân Nam kỳ ta biết một ít về cái nhà thế phiệt nầy mà chơi, cái nhà làm sao mà có phước dầu, ở trong Nam ngày xưa họa có cha con ông đốc phủ Phương hoặc cha con ông đốc phủ Lộc thì mới so sánh đặng.

Cụ lớn Hồ cha lớn hơn cụ lớn Hồ con đâu chừng không đầy 40 tuổi. Cụ lớn cha năm nay vừa đúng 70, mới ăn lễ hạ thọ vừa hôm tháng tám An Nam đây ; còn cụ lớn con, nhắm vóc chừng trên 35 tuổi mà thôi.

Cụ lớn Hồ Đắc Trung mà có danh tiếng trong quan trường, được nhà nước tin dùng lắm, là từ khi làm Tổng đốc Quảng Nam. Bấy giờ vào năm 1908, dân Quảng Nam bắt đầu kéo nhau đi xin giảm thuế,

(*Bị kiểm duyệt bỏ*)

Triều đình kể cái công ấy của cụ cũng như đã dẹp được một đám giặc lớn, nên phong cho cụ tước Tử.

Lúc ấy thì cụ lớn Hồ Đắc Khải mới chừng 14, 15 tuổi, người ta kêu bằng cậu cả Khải, hoặc giả cũng còn chưa đủ trí khôn mà học cách cai trị của cha mình.

Cụ lớn Hồ Đắc Khải lấy cái cử nhơn hồi ngoài 20 tuổi, rồi đi Tây trong vài năm, trở về, hút chưa tàn điếu thuốc thì lên bậc Tổng đốc. Cụ làm quan thật mau hơn ông già cụ.

Cụ lớn Hồ Đắc Khải ra làm Tổng đốc Nghệ chưa đầy một năm thì vừa gặp cái họa cách mạng hay là cọng sản chi đó, cũng chẳng khác gì cái tình hình hồi ông thân Cụ ở Quảng Nam.

(*Bị kiểm duyệt bỏ*)

Có ngờ đâu cụ lớn xử trí không yên, đến nỗi phải phiền đến võ lực của nhà nước ; buồn quá, cụ lớn xin nghỉ ba tháng ở nhà cha cho vui. Trong khi ấy thì vừa ưa làm lễ hạ thọ cho cụ lớn cha. Cả nhà nâng chén chúc mừng, trong chay ngoài bội. Duy có cụ lớn Hồ Đắc Khải vẫn không vui.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6267 (8.10.1930)

GIẢ CỌNG SẢN

An Nam ta sao mà có tánh ưa giả quá ? Bất luận thứ gì cũng có giả, có xí kên(*) xen lộn vô trỏng hết.

(*) *xi-kên*: ở bản gốc từ này có gạch nối, tức là một từ kép (2 âm tiết); chưa rõ hàm nghĩa từ này.

Theo tâm lý người ta, cái gì mình cho là quý, muốn làm thiệt cho được mà làm không được, thì túng lại mới giả. Thế mà làm sao có khi người ta cũng lại giả luôn cái mình không cho là quý, mình không muốn làm.

Thấy đôi khi có kẻ giả quan, thậm chí giả đến qua tòa đi xét nhà xét cửa người ta, cái đó vẫn có lẽ, bởi vì người ta cho quan là sang, muốn làm thiệt không được thì giả chơi.

Sao lại có kẻ giả ăn trộm ? Ăn trộm, danh giá gì mà giả ?

Đến như trong các món đồ ăn mà có món giả cầy thì mới kỳ cục cho. Ừ, phải chi khô lân chả phụng là thứ quý nhứt trong đời mà kiếm không ra thì giả cho đành. Cái nầy đồ chợ, mà ở đâu chẳng có, báu xót gì mà cũng giả cho được ? Than ôi ! tới chó mà còn giả thì hết chỗ nói !

Hiện nay, người ta chẳng những giả cò, giả lính kín thôi đâu, giả đến cọng sản nữa.

Theo tin các báo ngoài Bắc thì ở Nam Định vừa rồi có tên (...) và tên (. . .) hai người đã giả cọng sản. Họ cũng in truyền đơn, làm cờ đỏ, đi rủ người ta vào đảng, song họ không phải là cọng sản thật. Họ chỉ làm như vậy để thủ lợi mà thôi.

Rủi cho họ lại nhè rủ một chàng mật thám vào đảng. Đảng thì chưa vào mà chàng mật thám nầy đã khám phá ngay được việc họ làm và bắt được quả tang mà giải đến quan rồi.

Thấy việc nầy làm cho mình nghi lung tung hết, chẳng biết ai là thiệt ai là giả ?

Hoặc giả các cuộc biểu tình cũng là giả chăng ? truyền đơn cũng là giả chăng ? Hôm nay kéo đến phá chỗ nầy mai kéo đến phá chỗ khác cũng là giả chăng ?

Trước khi chưa bắt được cái giả của họ, họ chưa lòi cái giả ra, thì ai lại chẳng nói là thiệt ? Nhưng khi đã bắt được như hai tên (...) đó, đã lòi cái giả ra chân nhãn thì còn phải là cọng sản nữa đâu nà ?

Tuy vậy có cái thiệt trước rồi mới có cái giả sau. Có cầy mới có giả cầy.

Nếu không có quan tòa thiệt thì thôi có ai giả quan tòa mà đi xét nhà người ta ? Nếu không có cò, lính kín, thì có ai giả cò và lính kín ? Nếu không có cọng sản thiệt thì đâu có thứ cọng sản giả ?

(Bị kiểm duyệt bỏ)

! Thật tâm lý người đời khó hiểu quá.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6268 (9.10.1930)

TÚNG LẠI THÌ ĐẾN NƯỚC NÀY

Có lẽ ông Bonvicini bên báo *L'Opinion* nói mà thiệt. Bữa trước ông thuật lời ông nói chuyện với ông Phạm Bá Phổ, Tổng đốc mới Nghệ An, khi nghe qua cái chánh sách của ông Phạm dùng cách phản tuyên truyền mà trị lại bọn cọng sản thì ông phán đoán ngay rằng : Lời quan Thượng nói nghe thiệt hay mà chưa chắc thiệt hành được.

Quan Tổng đốc Phạm tựu lý tỉnh Nghệ hôm nay đâu chừng nửa tháng rồi. Phải như chánh sách của ngài mà kiến hiệu thì đã kiến hiệu rồi. Cái nầy, đã có dấu tỏ ra là không kiến hiệu.

Từ bữa ấy đến nay coi bộ dân tỉnh Nghệ cũng chưa lấy chi làm yên. Họ cũng còn cứ rục rịch hoài, nhà nước cũng vẫn dùng lính để mà đàn áp họ mãi.

Sau khi ông Tổng đốc Phạm đề nhiệm mấy bữa, sức hai viên thuộc lại đi dán yết thị trong các làng để hiểu dụ nhân dân, thì hai viên ấy bỗng bị cọng sản bắt cóc trong một làng nọ.

Mới đâu bữa 3 hay 4 Octobre chi đây ở gần làng Yên Xuân cũng có một đám biểu tình, lính dẹp không chịu tan, rồi lại cũng phải bắn chết hết tám mạng.

Rồi đến bữa 7 Octobre vừa mới đây một đội lính tuần đi gần Thanh Qua cũng bị hàng ngàn dân áp lại mà đánh, lính cũng phải bắn chết đến 20 mạng nữa.

Kể sơ sơ chừng ấy đó, đủ biết cái chánh sách quan Tổng đốc mới cũng không ăn thua chi rồi. Nếu đổ cho thì giờ đương còn ít quá thì cũng không phải. Bịnh kia ví mà chịu thuốc thì dầu chưa lành chớ cũng êm êm ; cái nầy, thuốc uống vô mà chừng vẫn không giảm, thế tức là không chịu thuốc.

Ở đó bây giờ nhà nước vẫn phải dùng đến một đại đội lính cảnh sát là 250 người, do một ông quan binh người Pháp cai quản, đi tuần luôn từ làng nầy qua làng khác ; lại có ba cỗ xe hơi có chở súng cối xay đi theo. Ấy là chưa kể lính đầu đò đóng ở Vịnh.

Phải rồi, dùng đến cái chánh sách quan Tổng đốc Phạm mà dân cũng vẫn không chịu yên, thì nhà nước cứ lấy võ lực mà trị chớ biết làm sao bây giờ ? Đến ông Phạm Bá Phổ mà dân cũng không nghe nữa thì thôi hết phương !

Song le, nếu cứ như vậy mãi rồi thì rút cuộc ra thế nào ? Dân thì chết mấy cũng không núng, còn chánh phủ thì lẽ đâu lại chịu thua dân, một đằng cứ liều hoài, một đằng cứ cực chẳng đã mà phải bắn mãi, rồi tỉnh Nghệ về sau còn ra gì nữa ? Làm chi thì làm cũng phải nghĩ đến cái kết quả ra sao chớ.

(Bị kiểm duyệt bỏ)

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6269 (10.10.1930)

BỨC THƠ CẢNH CÁO

Giở giấy ra toan viết, mà đương còn nghĩ, chưa biết nói chuyện chi, bỗng tiếp một phong thơ, mở bật ra xem, là bức thơ cảnh cáo.

Cái nầy là người ta cảnh cáo mình, nhưng chẳng gì tiện bằng mình đăng tuốt lên đây, đã đỡ công viết, lại để cảnh cáo luôn kẻ khác. Thơ rằng :

"Thầy Thông Reo ơi ! Bữa nào mở tờ báo *Trung lập* ra cũng thấy thầy choán mất của chúng tôi một cột, mà nói ròng những

chuyện đâu đâu. Thầy đùa bỡn luôn, thầy cười cợt luôn, thầy chọc người ta luôn. Thầy vui nỗi gì ? Thầy nhiều chuyện quá.

Thầy nhắm con mắt lại mà nhìn đời. Thầy sống ở Sài Gòn đây mà thầy có biết gì không ? Những điều thầy nghe thấy ở đâu ?

Mấy tháng gần đây các nhà buôn to ở thành phố nầy, nào Tây nào Khách nào An Nam cũng đều thua lỗ, đến nỗi phải bớt người làm trong hãng cho đỡ tiền lương, thầy nghe thấy không ?

Một vài nhà kia thuở nay buôn bán, đồng tiền vô ra như nước mà hình như độ nầy cũng đã bị tòa án can thiệp tới rồi, còn sẽ có nhiều nhà như vậy nữa, thầy nghe thấy không ?

Người ta nói rằng bởi nhà giàu ở Lục tỉnh, lúa không bán được, tủ sắt sạch trơn, nên sự tiêu dùng phải giảm kém mọi năm, vì vậy mà sự buôn bán phải đình trệ, thành ra thua lỗ, thầy nghe thấy không ?

Đất và nhà ở Sài Gòn mấy năm nay giá bực cao vổng lên, mà thình lình trong mấy tháng nầy bỗng hạ rạt xuống, cuộc nhà hồi trước 10 ngàn, bây giờ 6 ngàn không ai mua, ấy chỉ tại cái cớ không tiền mà thôi vậy, thầy thấy không ?

Những chủ có phố cho mướn, mấy đời mà hở phố không, vậy mà hiện bây giờ treo bảng a-lu-ê cả tháng không ai thèm hỏi, ấy là sự lạ lắm, thầy nghe thấy không ?

Trong các hãng buôn lớn của Tây, năm ngoái dẫn trước, người Pháp họ gởi tiền "depôt" nườm nượp, người năm sáu ngàn, kẻ chín mười ngàn, mà gần đây họ rắc rắc lấy ra hết, coi ý không ai gởi nữa, thầy nghe thấy không ?

Hồi trước cu ly xe kéo, mạt nào cũng kiếm mỗi ngày đồng bạc mà độ nầy có anh nằm gọng đi rêu rếu ngoài đường, cả ngày không được cuốc nào ; họ nói rằng hạng sang thì đi xe hơi, còn hạng vừa thì không tiền, cam thả bộ, cho nên phải ế, thầy nghe thấy không ?

Có hàng trăm hàng ngàn người ở đỗi ngoài vô, đi đụng đầu với nhau, đưa đơn hết hãng nầy đến hãng khác mà vẫn không kiếm

đặng chỗ làm, phải nằm không đó mà không nhịn ăn được, thầy nghe thấy không ?

Mùa nầy ở miệt ruộng có chỗ thì bỏ hết một phần tư không cấy, phần vì trời hạn, phần sợ sang năm đây rồi không có gạo ăn, thầy nghe thấy không ?

Tôi đem những điều đó mà cảnh cáo thầy. Nếu thầy nghe thấy mà biết hồi tâm thì đừng vui nữa đừng cười nữa, đừng chọc người ta nữa, đừng nhiều chuyện nữa. – *Vô Danh Thị*"

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6271 (13.10.1930)

CÁI TƯƠNG LAI CỦA NỀN KINH TẾ NƯỚC NHÀ

Từ khi cái phong trào chấn hưng kinh tế đã nhờ cái ảnh hưởng cổ động của các báo quốc ngữ mà nhóm lên trong nước ta, đầu nầy thấy công ty buôn bán nầy khai trương, đầu kia thấy nhà ngân hàng kia thành lập, thì những người thức giả trong nước ai nấy cũng có bụng mừng : mừng cho người An Nam ta ngày nay đã hiểu rằng kinh tế là cái điều kiện rất quan yếu cho cuộc sanh tồn ở đời nay, là cái sức mạnh để làm chỗ dựa lưng.

Thật vậy, đồng bào Việt Nam ta mấy năm gần đây thật đã hiểu cái lẽ tất yếu ở trong công cuộc chấn hưng kinh tế nhiều lắm... Nếu chẳng thế thì sao một anh chàng trẻ tuổi thuở giờ vẫn đi làm ăn ở nơi xa xôi tít mù tít mu ở đâu, trong xứ không hề ai nghe nói đến tên tuổi gì ráo, thế mà một buổi sớm mai kia, thấy trong nước đương có cái cơ hội khả thừa, chàng ta bèn đâm đầu chạy tuốt trở về xứ, vỗ ngực nói rằng mình là nhà kinh tế đại gia đây, đồng bào cứ việc đưa tiền để cho mình làm vốn mà tranh cạnh với người ngoại bang ở trên con đường kinh tế. Nghe va nói vậy mà các nhà viết báo xúm nhau rát cổ hô hào, các nhà hữu tâm xúm nhau ra sức vận động, các nhà tư bổn xúm nhau móc túi quyên tiền, chỉ nháy

mắt mà cái anh chàng lạ mặt bữa trước, bữa sau đã nghiễm nhiên làm ông chủ một cái công ty cho vay rất to lớn.

Lương cao, vợ đẹp, xe hơi tốt... Ở phố không thèm, đòi ở đến nhà bánh ít ! Bao nhiêu cái giọng la ái quốc, tiếng gọi đồng bào trong lúc ban sơ đã lần lần im lặng đi hết...

Chẳng những thế mà thôi, mà gần đây có người trong công ty đó lại đã khám phá ra rằng ông Tổng lý của công ty bề ngoài tuy coi không ra, nhưng mà bề trong thiệt là quá quắt ! Trước kia theo điều lệ trong hội, thì ông phải bỏ vào 10 ngàn, nhưng bây giờ rỏ lại ông chẳng có một xu nhỏ ! Đã thế mà ông lại còn tự tiện lấy tiền vốn của công ty để làm nhiều việc tư lợi cho mình mà không thèm đếm xỉa gì tới ban trị sự !...

Câu chuyện ông tổng lý bất lương ấy đương còn xì xào ở nơi cửa miệng công chúng thì kế lại nghe đến cái thủ đoạn lươn lẹo của một ông *cong-bơ-ra-đo*(*) khác ; ông nầy thì lại nhè mạo chữ ký của một người anh em bạn để mà vay tiền, rồi tự mình đứng bảo lãnh vào lãnh luôn món tiền ấy vào túi !

Ấy đó, xứ Nam kỳ ta hiện nay mới có vài ba nhà lý tài mà nhà nào nhà coi bộ cũng có thủ đoạn không kém gì bọn Roschette-Hanau ở bên Pháp.

Như thế thì cái tương lai của nền kinh tế nước ta hẳn rằng sẽ rực rỡ lắm... Nếu như nền kinh tế ấy mà có một cái tương lai !

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6272 (14.10.1930)

HIẾN PHÁP KIỂU MỚI : QUAN DÂN CỘNG CHỦ

Hôm nay lại nói đến hiến pháp nữa rồi.

Cái nầy là tại Thiết Khẩu Nhi(*), cái người hay "gặp đâu nói đấy"

(*) *comparador* : nhà mại bản

(*) Thiết Khẩu Nhi : bút danh của Ngô Tất Tố ; "Gặp đâu nói đấy" là mục hài đàm ông Ngô viết cho báo *Phổ thông* ở Hà Nội.

trong tờ báo *Phổ thông* ở Hà Nội, người ấy mới vừa mách tin cho tôi rằng ở ngoài lại mới đẻ ra một cái hiến pháp kiểu mới.

Ở Nam kỳ ta, họ Phạm xưa nay không thấy dính liếu gì với vấn đề lập hiến. Chớ ở Trung Bắc kỳ, làm sao mà cứ hễ mỗi một khi vấn đề lập hiến phát sanh ra, ấy là có người họ Phạm đứng chủ trương. Lạ chưa ?

Thời mới bữa trước, ông Phạm Quỳnh đã đứng xướng lên câu chuyện lập hiến, làm cho ngoài Bắc trong Nam dư luận ồn ào. Nay lại có ông Phạm Văn Quảng, nghị viên dân biểu Trung kỳ cũng lại lăm le muốn lập hiến nữa.

Thiết Khẩu Nhi nói chắc chắn rằng ông Phạm Văn Quảng ấy mới ra Bắc kỳ trong khi nghị viện xứ nầy bắt đầu họp, có trình ra một bổn hiến pháp thảo sẵn rồi mà đã có nhiều nghị viên Trung kỳ ký tên. Đem trình ra đó là để rủ các ông nghị Bắc kỳ cũng ký tên nữa.

Nghị viên dân biểu Bắc kỳ cả thảy là 45 ông, mà trong khi bổn hiến pháp của ông Phạm Văn Quảng thò ra đó, có 43 ông ký, ông Phạm Quỳnh ký đầu hết ; còn có ông không chịu ký.

Bổn hiến pháp ấy có một cái đặc sắc lạ lắm, là : *quan dân cọng chủ* (hãy chú ý : *quan dân* chớ không phải *quân dân* !) Thiết Khẩu Nhi nói không sai thì ở Trung Bắc kỳ độ nầy người ta nghinh ngang quá, muốn nói chi thì làm hay sao, chẳng biết !

Các nước lập hiến có hai thể : một là quân chủ mà lập hiến ; hai là dân chủ mà lập hiến. Quân chủ mà lập hiến thì cũng gọi là quân dân cọng chủ ; chớ có cái hiến pháp quan dân cọng chủ là cái gì ?

Nếu người đứng lên lập hiến pháp, tức là người làm chủ trong nước, chỉ có quan với dân mà thôi, thế là trong nước ấy đã không có vua rồi. Mà đã không có vua thì làm gì còn có quan (mandarin) nữa ? Đố ai cắt nghĩa được cái hiến pháp quan dân cọng chủ nghe cho thông, thì tôi nghèo chịu nghèo chớ cũng rán sức đãi cho một bụng rượu áp-bê-rô.

Một là quân chủ, hai là dân chủ, chớ quan mà làm chủ ai ? Vô lý quá chừng !

Ông Phạm Văn Quảng nghe như là do chưn a-giăng-téc-ních(*) mà ra. Có phải ông định làm thượng thơ bộ Công không ông Quảng ? Có vậy thì ông cũng nói cho chúng tôi biết chừng.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6273 (15.10.1930)

CỦA KHO

Tiếng tục ta thường hay nói rằng "Tiêu như tiêu của kho" ; lại nói rằng : "Ăn không lo của kho cũng hết". Những lời ấy tỏ nghĩa rằng của kho là nhiều lắm, tràn trề nghê ngói, không phải như của nhà giàu bá tánh, được một nhắm một mớ cũng gọi rằng giàu.

Cửa kho ở đời trước thuộc về của vua, ở đời nay thuộc về của nhà nước.

Bởi của kho là của nhiều quá, tràn trề nghê ngói, nên mất mấy cũng không biết, bị người ta ăn cắp hoài mà cũng không biết. Đời trước cũng vậy, đời nay cũng chẳng kém chi.

Hồi xưa kia, thuế má còn thuộc về vua, tiền bạc vàng lụa gạo thóc bao nhiêu cũng thồn(**) vào kho, đặt người coi giữ. Những người coi kho, nhứt là viên chủ thủ, thôi thì béo hết chỗ nói. Từ viên chủ thủ cho tới các anh thơ lại, cứ tiêu xài vong mạng rồi chừng nào làm sao sẽ hay. Đến khi đổ bể ra, bắt đền bắt bồi, không đền bồi được thì cách chức ở tù. Rốt lại tù tội họ cứ chịu, còn của kho mất thì cứ mất.

Đời nay của kho thuộc về nhà nước, nhà nước lựa những người rành nghề lý tài, giỏi khoa toán học, làm sổ làm sách đâu ra đó, lại đặt thêm những ông quan thanh tra, kiểm soát, để coi giữ

(*) *agent technique* : nhân viên kỹ nghệ.

(**) *thồn* : dồn vào, nhận vào (theo H.T.Paulus Của, sđd.).

của kho. Các ông ấy toàn là tay tài giỏi lại là người ngay thẳng. Như vậy tưởng rằng của kho khỏi mất, té ra rồi cũng mất.

Thời mới vài tháng đây, ở tỉnh Gia Định mất một cái mấy chục ngàn về tay một thầy thơ ký, thầy(*) lấy về trang hoàng nhà cửa, sắm xe hơi, sắm xoàn cho vợ, rồi đến chừng biết ra thì chỉ có nước bỏ tù thầy mà trừ.

Rồi đến bây giờ đây, ở kho bạc Chợ Lớn mất một cái đến 72 ngàn đồng. Khoản tiền quá lớn nầy chừng như vào tay ông tây còm-mi coi kho. Mà nhờ có ổng tự nhiên khai ra, không thôi chẳng ai biết hết.

Đó là kể những sòng ăn cắp lớn mà nghe ; những cuộc bợ tiền kết năm bảy trăm, đôi ba ngàn thì xảy ra luôn luôn, hơi nào mà kể.

Sự mất bạc kho nhiều như vậy có phải mất một lần đâu. Một lần mà lấy 27 ngàn đồng bạc thì có dễ chi, mà cũng chưa chắc bạc vào tay một lần, đến ngần ấy lận. Họ lấy nhiều lần. Như thầy thơ ký ở Gia Định thì lấy thâm thâm dìu dịu từ mấy năm nay ; còn ông còm-mi Chợ Lớn đây thì rút ruột từ năm 1926 .....

.....

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6274 (16.10.1930)

HỌ VIẾT BÁO, HỌ LÁO CÒN QUÁ TÔI

Hôm trước ở tại chỗ nầy, tôi có nói chơi ! – không phải nói thiệt đa ! – rằng sách Bắc bị cấm bán vào Nam vì viết chữ quốc ngữ quấy nhiều quá. Bởi vì cái đó là tôi nói chơi nên tôi giữ lèo giữ lái mà phân phô trước rằng "nghe thiên hạ đồn".

Cái đó thiệt là tôi đặt chuyện. Trong ý tôi muốn cho mấy ông thánh làm sách ở Bắc phải chú ý mà viết đúng nên tôi bày đặt ra cái tin cấm sách. Chớ kỳ thiệt, duy có sách phạm đến chánh trị thì mới

(*) *thầy* : thầy ấy.

bị cấm, còn như sách mà viết quấy hay là chi chi đi nữa cũng trối mặc, ai cấm làm chi ?

Vậy mà ông Nguyễn Trọng Đức ở Cần Thơ viết bài nói này nói nọ cùng tôi, bài đã đăng trong *Trung lập* số rồi. Thậm chí ông phải nói đến câu nầy : "Đến như việc cấm sách Bắc không được lưu hành ở xứ Nam, trừ ra vì lẽ gì chúng tôi không biết, chớ nói về viết sai mà cấm đi, thì thiệt là một điều chưa từng nghe bao giờ".

Phải, thưa ông, tôi đây cũng chưa từng nghe điều ấy bao giờ; Phải, tôi xin chịu lỗi, vì tôi đã đặt chuyện ra nói láo.

Song le, thiên hạ họ viết báo, họ lại còn nói láo bằng mười tôi.

Ở bên Tây trong cái thành phố gì đó, tại sở thú có nuôi bộn bề cọp mà chuồng không được chắc chắn, thành phố bỏ bê không tu bổ. Một hôm nhà báo kia thình lình đăng cái tin như vầy :

"Sớm mai nầy, có 4 – 5 con cọp, hình như cọp ở sở thú sổ ra thì phải, chạy cùng thành phố, giết hại hết nhiều nhân mạng".

Nhân dân thành phố đọc qua cái tin ấy, ai nấy đều sửng sốt, nhứt là những người có chức trách về sở thú, nghe câu chuyện phải bùng tai. Song le, may sao, dưới cái tin ấy lại có hàng chữ nhỏ rằng : "Đó là cái tin phao đồn ra như vậy chớ không có sự thật. Nhưng mà coi bộ mấy cái chuồng cọp ở sở thú su sơ lắm, thì cái họa ấy rồi đây cũng xảy ra có ngày". Nhờ bài báo vắn có chút xíu ấy mà thành phố sửa chuồng cọp ở sở thú lại lập tức.

Năm xưa năm xừa ở Sài Gòn ta cũng có tờ báo Tây kia viết cái thời sự Sài Gòn nói chuyện về cầu tiêu. Nói rằng : "Có người Huê Kỳ mới tới Sài Gòn nhảy lên xe kéo dông cùng thành phố, mắc đi tiêu quá mà kiếm không ra cầu, sau anh ta biểu phu xe kéo bậy vào trong dinh Xã tây mà..."

Bây giờ còn có nhiều người nhắc lại bài báo ấy mà nói rằng chính nhờ nó mà Sài Gòn mới có được cái cầu tiêu như ngày nay. Lời người ta quy công đó trúng trật tôi đâu có biết.

Đó, thiên hạ họ viết báo, họ đặt chuyện nói láo làm vậy đó, có phải mình chi tôi đâu. Huống chi tôi, tôi nói láo từ đầu đến đuôi, cho đến cái tên của tôi cũng láo !

Thật đa ! Các ông cứ chịu khó đi tìm khắp cả bộ đinh và sổ căn cước trong cõi Đông Pháp nầy mà có cái tên Thông Reo thì đem tôi ra mà chặt !

Có lẽ tôi cũng không có đầu nữa, nên tôi mới dạn đoan đầu với các ông.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6275 (17.10.1930)

TỘI NGHIỆP CHO TÁC GIẢ *TRUYỆN KIỀU*

Ở Hà Nội, cũng như thành phố Sài Gòn, có nhiều con đường phố (rues) đương đánh số mà chưa đặt tên. Mới rồi, hội đồng thành phố nhóm riêng một ban ủy viên nhỏ để bàn về việc đặt tên ấy.

Lần nầy hội đồng định ra một cái nguyên tắc như vầy : Hễ những đường phố nào thuộc về xóm người Tây ở thì đặt tên Tây, thuộc về xóm An Nam ở thì đặt tên An Nam.

Như vậy cũng hơi phải. Chớ có đâu lại đem mà đặt tên Tây hết trơn hết trọi, nhiều cái tên dài lòng thòng, làm cho trật hầu trật họng An Nam, nhiều người rán mà học hoài cũng nói không nên dáng.

Về các tên Tây xin miễn thuật ra đây. Chỉ xin nói về tên An Nam, người ta sẽ xách quai nôi của những ông nầy : Đinh Tiên Hoàng, Trần Hưng Đạo, Phạm Ngũ Lão, Trạng Trình, Lê Quý Đôn, Đào Duy Từ, Nguyễn Công Trứ, v.v....

Hai tên Đào Duy Từ và Nguyễn Công Trứ nếu đem mà đặt cho đường thành phố nào ở Trung hoặc Nam kỳ thì hơn là đặt cho ở Hà Nội. Vì hai ông ấy, nhứt là ông Đào Duy Từ, hầu như không có ảnh hưởng gì với Hà Nội. Muốn đặt tên đường phố ở đó cho có ý

nghĩa, sao người ta quên đi mà không lấy tên hai ông Hoàng Diệu và Nguyễn Tri Phương ?

Hội đồng bàn việc ấy xong rồi mới giở những chuyện bất như ý ra mà nói.

Ai có đời con đường bẩn chật gần bờ Hồ Gươm, xưa kia quen kêu là ngõ Hàng Hành, thì lần trước ông nào không biết, đã đem cái tên oai đệ nhứt trên lịch sử Việt Nam là tên Lê Lợi mà đặt cho nó. Bây giờ hội đồng nói rằng con đường ấy đã hẹp hòi mà lại dơ dáy, nên lựa cái tên khác mặt đặt vào đó, còn đem tên Lê Lợi cho cho con đường Gia Long dưới (tức tiếng Pháp kêu là Boulevard Gia Long prolongé).

Nãy giờ tôi nói dong dong vẩn vẩn chưa tới đầu đề, là vì sợ nói tới sớm chừng nào thì càng lấy làm thương hại cho một vị văn hào Việt Nam hồi thế kỷ mười chín chừng nấy. Ấy là ông Nguyễn Du, tác giả *Truyện Kiều*.

Chỗ Hàng Đào, bên nách, có cái ngõ hẻm, chạy thẳng xuống đường Gia Ngự, là đường mà có nhiều bọn Tú Bà, Mã Giám Sinh, Bạc Hạnh, Bạc Bà ở đó, hồi trước ai chơi nghịch không biết, nhè đem cái tên Nguyễn Du mà đặt cho chỗ ngõ hẻm ấy. Trời ôi ! không nói hàm hồ, chỗ đó đường hẹp lé mà cong quẹo, tối tối, người ta hay lẩn lút ở đó mà tiểu tiện, hóa nên khai thúi vô cùng. Thế mà người ta lại chơi ác, để phần cho tác giả *Truyện Kiều* !

Tuồng chi cái ngõ hôi tanh, tên ngàn thu để ô cái danh ông Tiên Điền ?

Vậy mà có kẻ nói đem tên cụ Tiên Điền đặt ở đó là phải vì "gieo giống nào gặt giống nấy". Cụ ngày xưa khéo tả tâm sự bọn lầu xanh thì ngày nay cũng nên kỷ niệm cụ ở cái chỗ có lầu xanh.

Con đường nầy rút tên ra ; con đường khác sẽ lựa mà đặt tên !

Bây giờ đã quyết cất cái tên Nguyễn Du ở ngõ ấy đi, để rồi lựa đường phố nào xứng đáng sẽ đặt cho.

Nhưng tôi xin nhắc cho hội đồng nhớ rằng, sự cần nhứt là phải sửa soạn hai cái ngõ Hàng Hành và Hàng Đào đó cho sạch sẽ là hơn. Còn như cứ để mãi dơ dáy hôi tanh thì lại lựa hai cái tên cho xứng với nó mà đặt cũng được. Hạng tên ấy thiếu gì ? Lâm cùng kiếm không có thì tôi cho mượn được một cái :

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6277 (20.10.1930)

NHÀ NƯỚC PHẢI CHỊU KHÓ CAN THIỆP VÀO VIỆC GIA ĐÌNH MỚI ĐƯỢC

Quen cái nền nếp gia đình trong nước nầy từ xưa đến nay, những người làm cha làm mẹ chuyên chế quá thể. Sự ấy không cần phải khai rõ từng việc ai ai cũng biết hết rồi.

Đời xưa như vậy chẳng nói làm chi, chớ đời nay tư tưởng bọn thanh niên đã đi tới một đỗi xa quá, mà trong gia đình còn có cái tình cảnh ấy thì thật là bất lợi cho xã hội nhiều nỗi lắm.

Con, từ hồi mới đẻ ra cho tới chạng 20 tuổi, thôi thì ở dưới quyền cha mẹ là phải. Chớ ngoài 20 tuổi mà còn mỗi sự mỗi bắt phải tùng quyền cha mẹ thì thật cũng là khó lòng cho kẻ làm con ở đời nầy.

Tốt hơn là, ai có con, phải lo mà chúng nó trong vòng 20 tuổi đi, dạy cho đủ tư cách đi ; rồi ngoài 20 tuổi đem mà cho chúng nó tự lập quách cho rảnh ! Không biết làm cha làm mẹ lại ham kiếm thúc con mình mà ăn lộc ăn thực gì, kỳ quá !

Mới rồi ở ngoài Bắc, tỉnh Hưng Yên, huyện Mỹ Hào, làng Lỗ Xá có cậu thiếu niên tên là Đào Hữu Nghĩa, con trai quan án Đào Hữu Khôi, cũng vì sự áp chế trong gia đình, cậu đành uống thuốc phiện với dấm mà tự tử, may sao cứu được.

Sau khi cậu sống lại, hỏi tại cớ gì mà tự tử, cậu nói rằng : "Làm con một nhà phú quý, trên đầu đã 25 tuổi, vợ có con có,

không phải con nít con trẻ gì ; thế mà tiền một đồng phải xin, đi một bước phải hỏi, làm một việc còn con cũng không được vượt quyền quản đốc của cha mẹ, sống như vậy là nhục quá, ở trong gia đình như vậy cũng không khác ở tù, cho nên quyết chết cho rồi đời bó buộc".

Cái cảm tưởng của cậu Nghĩa mới vừa nói ra trên đó, kẻ làm con ở đời xưa không ai nghĩ đến, vì bấy giờ ở vào cái hoàn cảnh khác. Nhưng đời bây giờ, bất luận con trai hay con gái, chừng 12 tuổi trở lên, hơi có trí khôn rồi, mà gặp phải cha mẹ đè nén quá thì đã nghĩ thấy điều đó ngay. Ấy là tại bây giờ họ thấy con Tây được cha mẹ khoan đãi, không có hà khắc quá như vậy, họ không đủ phân bì ; huống chi lại còn đọc sách thấy nhiều điều dễ thèm lắm !

Bởi vậy đời nay làm cha làm mẹ phải biết, phải liệu chừng mà nới bớt cho con cái mình. Nếu chẳng vậy thì sanh sự. Tức nước lở bờ.

Bị áp chế quá mà quyên sanh như cậu Nghĩa con quan án Đào đó là một cách. Còn một cách khác lại lôi thôi hơn nữa, mà cách nầy ta lại thường thấy lắm.

Nói thật không phải chơi dâu. Có nhiều người làm chứng sự nầy rồi. Lắm kẻ thanh niên vì cha mẹ bó buộc quá, nhứt là bắt phải...

(*Bị kiểm duyệt bỏ*)

Tôi nói làm bất lợi cho xã hội là chỗ đó.

Nhà nước chịu khó nói với những người làm cha làm mẹ bớt sự áp chế con cái đi, ấy cũng là một cách giữ cuộc trị an nơi cội rễ.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6278 (21.10.1930)

THỂ THAO CỦA PHỤ NỮ

Ở Nam kỳ có báo *Phụ nữ*. Báo *Phụ nữ* có đề xướng cuộc thi thể thao của phụ nữ. Các bà khuyên chị em nên chơi banh vợt để giãn gân cốt, khỏi òi ọp mà sanh ra đau yếu. Tuy vậy ở Nam kỳ

chưa được thấy nền thể thao của phụ nữ lập lên, các bà các cô chưa thấy ai làm ra cái gì gọi là thể thao.

Ở Hà Nội chưa có báo phụ nữ, chưa hề thấy ai đề xướng thể thao đàn bà mà đã thấy chị em rủ nhau bày ra lắm chuyện hay hay.

Độ nầy các cô ở ngoài đương tổ chức cuộc đi bộ từ Hà Nội xuống Hải Phòng hơn một trăm cây số. Nhưng trước khi chưa thiệt hành việc ấy, các cô hẵng làm thử một cuộc đi bộ bốn chục cây số, từ Hà Nội [. . . .](*), từ [. . . .](*) về Hà Đông.

Một bọn yếu gối đã đi đến nơi về đến chốn rồi, đi bốn chục cây số trong một ngày. Nghe nói chuyến nầy rồi thì sẽ tiếp làm cuộc bộ hành một trăm cây số kia.

Thấy các bà các cô đề xướng những chuyện như vậy mà mình bỗng nảy ra mối cảm hoài lai láng, bắt mình nhớ các chị em đời trước khôn nguôi.

Đàn bà đời trước thường mắc phải cái nạn gánh gạo đưa chồng, cô nào cô nấy đi bộ mệt le lưỡi, hằng ngày cầu trời khấn phật cho khỏi đi bộ mà cũng còn không khỏi, có đâu lại vầy đoàn kết lũ tổ chức cuộc đi bộ làm chi !

Kìa ai kêu khóc trên non ?
Ấy là vợ chú lính trèo hòn đá. Vay.
Đường đi chín tháng mười ngày ;
Theo chồng mỏi mệt chưn tay rụng rời !

Như vậy mà lại còn tổ chức cuộc phụ nữ bộ hành thì hoạ có điên chăng. Cũng như phụ nữ trong Nam mình duy có ở không lâu ngày quá, không hề nhúc nhích cho săn bớt thịt đi, nên mới sợ òi ọp mà bày ra đánh banh vợt.

Phải chi các bả ở vào thời đại cổ, "ra đường bà nọ bà kia, về nhà không khỏi cái nia cái sàng" thì thôi, có sợ gì không giãn gân giãn cốt ?

(*) chỗ này ở bản gốc báo rách, mất khoảng 1-2 từ.

Thiệt chỉ có ăn ở không rồi bày ra nhiều chuyện cho rộn, lại thêm làm giàu cho ngoại quốc, mua một cái "ra-kết" đến hai ba chục đồng.

Tuy vậy việc gì mà người ta đã cổ động đã bày ra thì mình dẫu có không ưng cũng không tài nào cản được.

Huống chi các bà các cô cả ngày đến tối không hề đuổi con ruồi nào ấy, nếu mà không đánh banh vợt thì cũng nguy cho họ thật. Ừ thôi thì các bà các cô cứ việc đánh banh vợt đi, đánh cho giãn gân cốt, cho khỏi òi ọp, cho đỡ đau yếu.

Song le, tôi tưởng các bà các cô nên bắt chước chị em ngoài Bắc mà đi bộ, có lẽ ngộ hơn, có lẽ ích lợi hơn.

Vì trong Nam ta, các bà các cô phần nhiều hay ngồi cả ngày, có người lại ngồi cả đêm nữa. Theo phép vệ sanh đời nay, ngồi dai như vậy là tổn hại cho thân thể, nên phải đi mới được.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6279 (22.10.1930)

VĂN CHƯƠNG THẦY ĐỒ

Người ta nói rằng mấy ông đồ học chữ Hán ta ngày xưa, ăn nói thâm trầm, văn chương sâu sắc, thật quả như vậy. Bây giờ cái hạng thầy đồ ấy vãn hầu hết rồi, còn sót đôi ba ông, ai có gặp được mấy ông mà nói chuyện mới biết. Song le, phải là hạng thầy đồ chánh hiệu mới được, chớ còn gặp phải đồ giả, thì xin đừng trách tôi nói láo.

Tài chi mấy ổng hồi xưa, ở và đời thái bình, – gọi là thái bình đó thôi – ôm cuốn sách nằm thườn thượt cả ngày, có ông, vợ bưng mâm cơm lên để đó, gà bươi cũng không thèm đuổi, nghiền luôn như vậy mà không giỏi sao được ?

Số là nhơn một việc tình cờ mà tôi nói đến câu chuyện ấy.

Chiều bữa qua, tôi đi đến tiệm làm trướng đối Trần Duy Bình ở số 42 đường Charner mua một vài món đồ thổ hóa. Thấy treo

giữa nhà một câu đối thêu thiệt đẹp, chữ thiệt tốt mà văn lại hay, như vầy :

Huyên già còn tươi, vườn cũ trúc mai sum hiệp một ;
Đào non sớm liệu, phòng riêng lan cúc mặn mà hai.

Tôi lấy làm lạ, cửa hàng làm trướng đối, viết chi bậy bạ cho có chữ đó thì thôi, sao lại có được câu đúng đắn như vầy ? Hỏi chủ tiệm thì té ra tiệm va có nuôi ông thầy đồ nằm bộng trên lầu để đặt câu đối, bất kỳ ai thuê làm câu đối muốn nhờ đặt luôn cả chữ nữa cũng được.

Mình đã là tay viết báo, có biết chút đỉnh chữ Hán, còn nói chi *Truyện Kiều* thì mình thuộc làu, thấy câu đối tập Kiều như vậy, mình nổi ngứa nghề, bèn ra mắt ông đồ cho được đặng nói chuyện văn chương chút chơi.

Chủ tiệm lên lầu giới thiệu, thì ông dài lưng kia mang đôi guốc lách cách ở trên đi xuống. Chào mừng sơ sịa, nói ba điều bốn chuyện qua loa, rồi giở ngay đến chuyện câu đối ; thì té ra là một sự tích rất kỳ, xứng với câu văn rất khéo, đáng thuật ra đây lắm.

Nguyên ở miệt lục tỉnh, có nhà kia, thuở trước dời ra ở ngoài Huế, vì người chồng làm việc ở đó. Nay người ấy mất rồi, bà vợ mới dọn về làng quê. Bà được hai con trai, đều đã trưởng thành. Trong làng đó lại có nhà sanh hai con gái mà ngày trước vẫn quen lớn với bà nọ. Bà bèn đi hỏi hai người con gái ấy cho hai con trai mình, mà lại làm lễ thành thân trong một tháng cách nhau mấy ngày. – Sự tích như vậy đó, có người mới cậy làm câu đối để đi đám cưới ấy mà nói rằng nếu tập Kiều được thì càng tốt.

Thầy đồ kể đầu đuôi với tôi như vậy, rồi nói rằng nghĩ đã mấy đêm hút đã hết mấy cắc thuốc lào, mới đặt ra được câu đối trên kia. May thay, người cậy đặt đó cũng biết thưởng thức văn chương lắm, thấy câu đối ưng bụng quá, ngoài tiền công thêu ra còn hứa sẽ kính thầy nhiều ít nữa.

Tôi không biết đặt chớ hay bẻ. Tôi bẻ rằng theo như thầy đặt đó thì thành ra một người đàn ông mà cưới hai chị em đi còn chi.

Nhưng thầy đồ nói rằng : Tôi đã nói là, phòng riêng kia mà. Đã ở phòng riêng thì cặp nào riêng cặp nấy, không lộn được.

Thật là sâu sắc thật. Giá phải đừng có máy bay, đừng có súng cối xay, đừng có chuyện chi xạo xự hết mà để cho mấy ông đồ ta họ cứ ngâm thơ và đặt câu đối nghe chơi cũng thú.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6280 (23.10.1930)

RƯỚC VỚI ĐƯA

Nếu ai có hỏi tôi : chú ưng người ta đưa hay là ưng người ta rước ? thì – tuy câu hỏi giữa trời, không đầu không đuôi như vậy đi nữa – tôi đành trả lời chăm bẵm rằng : Tôi không ưng rước, chỉ ưng đưa.

Phải, đưa là vô sự ; chớ còn rước rồi thì sanh sự lôi thôi hoài, chẳng ngày nào dứt, cho nên tôi chỉ ưng đưa mà thôi ; chớ rước, tôi không ưng.

Thật thế, bây giờ nếu có ai rủ làm một đám rước mà rước tôi, lại hứa với tôi rằng nếu có chịu để cho rước thì qua đến lứa cử hội đồng quản hạt tới đây, họ sẽ rập nhau bỏ thăm cho tôi, là tôi cũng nhứt định chối dài thê !

Còn nhớ năm 1926, thiên hạ ở Nam kỳ rủ nhau cả vạn người kéo ra bến tàu Sài Gòn rước cụ Bùi Quang Chiêu ở Tây về. Cha chả ! Hồi đó đám rước long trọng biết bao ! Người ta nói rằng xưa nay dân An Nam chưa hề có rước ai như vậy.

Hồi trước kia, dân Sài Gòn có rước vua Thành Thái, sau lại có rước vua Khải Định, kể cũng đã rầm rột lắm, song địch không lại đám rước cụ Bùi đâu. Còn nói chi thứ rước các quan toàn quyền, thôi thì bỏ không kể.

Vậy mà rồi có chi ở mô ! Chỉ có làm cớ cho họ lại cứ đem câu chuyện ấy mà nhắc đời : rước ! rước ! rước ! Lạ quá đi thôi, ai cầu họ rước mà họ nhắc ?

Ngay lúc bấy giờ, sau đám rước mấy bữa, đã có mấy cô nào đó nhắc chuyện rước ở tiệc rượu Hàng Sao rồi. Kế đó, gặp dịp là nhắc nữa.

Cách đâu một năm, có cuốn sách nhỏ nhỏ, kêu tên là gì đó, cũng kể công họ, hô hào cho đồng bào đi rước cụ Bùi. Thật họ không chịu quên.

Rồi tới bây giờ đây, chuyện đã cách 4-5 năm, tưởng còn ai nhớ nữa, té ra người ta cũng vẫn còn đóng đinh trong sọ. Rước ! Rước !

Mới rồi bà chủ báo *Phụ nữ tân văn* viết một bài trong báo của bà mà nói đến chuyện đó nữa. Hình như bà nầy cũng sợ người ta để trật cái đám rước ấy ra đàng sau ót.

Bà nói hồi đó chính bả rủ chị em đi rước cụ Bùi. Lại có làm một bức thêu, bốn chữ "Đan Tâm Ái Quốc" bằng hàng của trong tủ bả bán, đem ra dứt đoạn đi một khúc làm tấm chấn, không thèm tiếc.

Bây giờ đây bả mới biết rằng bả đi rước là uổng công. Tấm chấn bả cũng không quên, mà bốn chữ kia càng bẽn lẽn.

Đó, có phải sự rước nó lôi thôi không ? Làm cho thiên hạ nhắc đời không ? Chi bằng đưa ? Đưa rồi thì thôi, hết chuyện, còn ai mà nhắc nữa.

Sau đám rước cụ Bùi, có đám đưa cụ Phan Tây Hồ. Đám đưa nầy lại long trọng bằng mấy đám rước kia. Song le, từ bấy đến nay, chẳng hề nghe ai mở miệng trách cụ Phan tiếng gì hết. Chưa từng có ai nói rằng : Sao chúng tôi đưa cụ cách trọng thể như vậy mà cụ chẳng làm được việc gì cho chúng tôi ?

Thiệt chỉ có cái đưa là khoẻ, khỏi phải mang tiếng chịu lời chi hết. Cho nên tôi ưng đưa lắm.

Thôi, từ rày về sau, hoặc sau khi cụ Bùi đi Hà Nội về đây, có ai muốn đưa cụ thì đưa, chớ đừng rước nữa mà kể hoài nghe phiền lắm.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6281 (24.10.1930)

CÔ HỒN SỐNG

Không biết tự hồi đời cổ lỷ cổ lai nào lưu để lại mà cái lòng tín ngưỡng của hạng bình dân trong nước hay phát hiện ra ở câu "Dương gian âm phủ đồng nhứt lý". Mà thiệt ! Cái lòng tín ngưỡng của con người hễ bày đặt ra thần thánh yêu ma gì thì cũng đều tưởng tượng, mỗi mỗi sao cho in hệt như các tính chất thông thường mà họ vẫn tai nghe mắt thấy.

Cứ do theo cái tâm lý ấy, ta có thể đoán đặng rằng : kiểu mẫu của đám cô hồn mà người ta hay làm chay thi rế hằng năm theo lệ rằm tháng bảy, đã có sẵn trước ở dương gian nầy.

Người ta gọi cô hồn chết là gì ? Ấy là hồn những phường hung hoang đãng tử chết sông chết suối chết buội chết bờ chết chém chết đâm chết xẻ..., chết không toàn mồ mả, chết mà rã thây thi, chết không kẻ đoái hoài gì, chết chẳng có người đơm quải nữa... Mấy cái chết sau nầy lại càng ghê gốc lắm ; vì họ tin hồn kẻ chết sau khi lìa khỏi xác cũng phải ăn phải mặc phải lạnh phải đói như người đời. Nên chi hễ thiếu người châu cấp dưỡng nuôi thì phá phách lung tung bắt tha chộn rộn. Phải mà ! Không quàu, quấu, cấu, xé, để kiếm ăn, đợi cho chúng thí một năm có một kỳ đâu có đủ ? Đó chư tôn nghĩ coi, trí tưởng tượng họ bày vẽ lũ cô hồn chết ở giải dưới phải in áy đám cô hồn sống ở trên nầy không ?

Cô hồn chết dưới âm phủ có nhiều hạng thì cô hồn sống ở trên mình cũng không ít ỏi gì là phe đảng, bạn bè.

Báo *La Tribune Indochinoise* ra ngày 22 Octobre vừa rồi có đến lũ cô hồn sống hiện đương tụ tập nhau lại mà kiếm ăn một cách an cư lạc nghiệp lắm. Vị phóng viên báo ấy lại nói : giả sử như bọn trốn xâu lộn thuế hay đạo tặc côn đồ hoặc cùng là (chừng đỗi gì !) bọn cọng sản dòm thấy được cái chỗ mà sở (. . .) hằng chừa ra như vậy rồi lẩn lút vào mà nương dựa phải êm ru.

Phải ! cô hồn sống với cô hồn sống thời đời nào họ cãi nhau

đâu ? Song nói tới cọng sản mà "bón xẫu" được với cái đám cờ gian bạc lận ấy thì tôi không tin chút nào hết. Bạn đồng nghiệp bộ khi quên lửng rằng : ông chủ chốt P.Đ. của đảng ấy là một tay ăn-ca-tơ hầu kha đã từng bầy bố ra biết bao nhiêu là áp-phe quốc sự để lập công sao ? Vậy chớ tôi xin hỏi, bạn không nghe y khoe ra rả rằng : trên từ ông Na Tra cho chí dưới tới ông Hộ Pháp, (. . .)(*)

Có giả cọng sản hay là cọng sản giả thì có. Kia cà, như (. . .)(*) thì nghe chừng cũng bởi cái ổ đó (Khít Nách) mà ra chớ. Ấy họ cũng biết giả cọng sản hầu giúp cho lính có chuyện làm, khỏi rình rập họ làm chi cho nhọc. Cái ổ chứa của họ sắp đặt đâu ra đó, có ngăn có ngách (nói thì trong [. . . .](*)

Khéo lắm ! Tôi sẵn có bản đồ đường đất để chờ coi ngày nào ông chủ sở Mật thám mà ý muốn cho cơ lính của ngài khỏi mất công về sự săn (...)(*) giả, thì tôi sẽ hiến cho không.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6282 (25.10.1930)

NHỰT BỔN LÀM ƠN CHO AN NAM

Đảo Côn Lôn là chỗ nhà nước Pháp dùng để giam tù ở trong nội địa bị đày biệt xứ. Những tù ở đó phần nhiều là người An Nam. Hồi trước thì hầu hết là tù trộm cướp sát nhân ; chừng trên 20 năm nay mới có tù quốc sự.

Mới tháng trước đây, trong hạng tù ở Côn Lôn đó có 5 người là Dương Văn Đống, Nguyễn Đình Tề, Lê Văn Việt, Ngô Đình Thành thình lình bỏ khám đi đâu mất.

Thường thường tù ở Côn Lôn hay đi trốn. Trước kia họ đã từng đi trốn nhiều lần rồi. Mỗi một khi họ trốn thì nhà nước đánh giây thép cùng khắp hết, hầu để sở mật thám nào có gặp thì bắt. Ấy

(*) Các chỗ này bản gốc để trắng từ 1 đến 5 từ, có lẽ bị kiểm duyệt xóa nên phải đục bỏ trước khi báo in..

là cũng làm cái lối lươn bắt đằng đuôi, được thì được không được thì thôi, chớ chẳng phải là có đi tầm nã gì cho dữ hung đâu.

Lần nầy đối với sự năm người đi trốn đây, cũng vậy. Có lẽ ông Tây đề lao ở ngoài cũng đã đành rằng năm tên tù đó cút thẳng.

Số là năm người ấy đày ra Côn Lôn đã vài ba năm nay rồi. Chắc là họ tính ở lâu tại đó thì cũng như chết, nghĩ mà buồn tình nên họ quyết trốn.

Nhơn khi đi làm xâu, họ đốn cây trong núi để sẵn đó mỗi bữa một ít ; lại sắm cơm khô để dồn lần lần, và nước ngọt nữa. Đó rồi một ngày kia, họ thừa dịp đem cơm nước theo, lấy cây lấy bè mà thả bậy ra ngoài biển khơi. À quên, năm người ấy lại còn rủ nhau ngồi lên trên bè ấy nữa.

Xưa kia đức Khổng Tử ngài cũng toan cỡi bè thả ra biển ("thừa phu phù vu hải"), song đó là ngài bực mình mà nói như vậy đó thôi ; chớ cái nầy, năm người An Nam đây, họ làm thiệt.

Cỡi bè thả linh đinh ngoài biển cả như vậy lại còn nguy hiểm quá ngồi máy bay qua Đại Tây Dương nữa kia. Nhưng họ không sợ. Có lẽ vì họ nghĩ sự nguy hiểm ấy lại còn hơn là chịu cực khổ ở Côn Lôn vì mất sự tự do.

Họ đi được mấy ngày đó không biết mà đã ra khơi rồi. Trên trời dưới nước, đâu là nhà ? Tấm thân chìm nổi phó mặc cho sóng dồi gió dập. Thế mà họ lại lấy làm thích, lấy làm hạnh phước, vì đã ra khỏi ngục, ví như con chim nọ nó sổ lồng.

Tuy vậy, người ngoài cuộc có biết được cái tâm lý họ ở đâu. Thấy vậy, người ta lại cho là năm người mắc nạn. Gặp người bị nạn thì cứu, ấy là cái thiên chức của dân văn minh, của nhà từ thiện.

Một chiếc tàu Nhựt Bổn ở Tân Gia Ba chạy về Thần Hộ bỗng gặp cái bè năm người ấy đương lửng lửng giữa Biển Đông. Quan chúa tàu niệm cái tình đồng văn đồng chủng bèn bắt lấy năm người mà bỏ qua trong tàu mình.

– Tội nghiệp cho các anh ! May mà gặp tàu chúng tôi, chúng tôi làm ơn cứu các anh cho khỏi phải linh đinh giữa biển.

– Ấy không, thưa ông, để mặc chúng tôi, để mặc cái bè nó đưa chúng tôi tới đâu thì tới.

Nói chi thì nói, quan chúa tàu Nhựt cũng cố mà cứu cho được chở tuốt về Thần Hộ.

Về Thần Hộ, phải chi cho ở luôn tại đó, gả con gái cho họ có vợ có chồng mà làm ăn cũng được. Cái nầy quan chúa tàu lại muốn làm ơn thì làm ơn cho trót, bèn trả cho một chiếc tàu Pháp chở ngoáy về Sài Gòn. Năm người ấy đã tới bến bữa hôm kia, đi luôn về Khám Lớn rồi. Ơn.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6284 (28.10.1930)

LÀM LỚN CHỪNG NÀO, SỢ VỢ CHỪNG NẤY

Người bạn của tôi thông thạo nhân tình thế cố, nhứt là về khoản nam nữ giao tế, – xin đừng lầm với giao hiệp –, anh ta biết sành lắm, thiếu điều ở trong lòng mọi người mà ra. Sau khi xem xưa xét nay, hiểu hết cái khoé ở đời với nhau của đám đàn ông đàn bà rồi, anh ta quyết luận một câu rằng : Hễ làm lớn chừng nào thì sợ vợ chừng nấy.

Ban đầu tôi nghe câu ấy tôi cũng không tin. Nhưng sau rồi tôi tập xem xét như anh ta lần lần, cho đến ngày nay tôi tin lung, muốn đem câu ấy làm một cái tín điều (article de foi) cho cái đạo ở đời của mình vậy.

Hỏi đến cái sở dĩ tại làm sao làm lớn chừng nào lại sợ vợ dầu lên chừng nấy, cái đó thật có chỗ khó cắt nghĩa quá. Chỉ duy xin thưa ngáo rằng : thấy sao thì nói vậy đó thôi.

Nếu cực chẳng đã mà phải cắt nghĩa thì cũng không phải là không cắt được. Chỉ xin có một điều là nói ra nghe làm tai đừng để bụng nghe !

Cái nghề "làm lớn thì hay làm láo". Người đời sở dĩ làm láo là cậy ở chỗ người ngoài không ai biết. Ông lớn cũng cậy chỗ đó mới láo chơi. Nhưng, giấu ai còn được, chớ vợ mình còn biết giấu chỗ nào ? Bà lớn bả biết cái láo rồi thì tài gì mà không sợ bả ? Mà hễ lớn nhiều thì láo nhiều, láo nhiều thì sợ nhiều chớ sao ?

Ấy là cái cớ gốc ; còn những cái nầy là cớ nhành cớ nhóc.

Hễ ông lớn lên chừng nào thì bà cũng lớn lên chừng nấy theo ông. Mà bao giờ cái âm khí cũng là sát khí, hóa nên ông phải sợ.

Hễ làm lớn thì hay giữ thể diện cho mình cùng cho vợ mình nữa. Vì giữ thể diện mà thành ra nhịn ; nhịn lâu ngày thành ra nể. Từ cái nể đi đến cái sợ gần lắm, chừng ba khâu rựa là tới.

Ai có công đi suốt từ nam chí bắc điều tra cho kỹ, từ chỗ kinh thành cho đến các tỉnh, cứ nhè mấy anh lính hầu mà hỏi, các ảnh sẽ nói cho mà nghe. Rồi biên lấy, về đựng ra một bổn thống kê thì sẽ thấy câu tín điều kia là thật như đếm.

"Ông lớn với ai chớ lớn với tôi hả ?" – Câu ấy đã thành ra một câu danh ngôn giữa sông Hương núi Ngự. Mà ở đâu rồi cũng một ma chẳng mấy mồ. Cho đến Tây Tàu cũng thế mà thôi. Rõ ràng âm thạnh dương suy vậy mà các bà bên báo *Phụ nữ* lại còn than những "nam tôn nữ ty", gẫm thiệt lắm điều.

Đừng nói Tây mà mích lòng. Nói chuyện Tàu chơi.

Hôm qua *Trung lập* có đăng cái tin Tưởng Giới Thạch theo đạo Tin Lành. Cái tin đó có thật. Mà chẳng phải bởi có quan hệ chi với quốc kế với quân cơ hết ; chỉ vì họ Tưởng muốn được lòng mẹ bè trẻ đó thôi.

Số là Tống Mỹ Linh, vợ va mới cưới vài ba năm nay, là con gái họ đạo Tin Lành. Cậu Tưởng nhà ta năm nay ngoại bốn mươi rồi, đập gần ra hột rồi mà lại đụng cô gái "(*)lòng trinh", lịch sự nhứt nước, khoái muốn chết, tài nào không cưng không nể ? Theo

(*) "lòng chinh" : có lẽ là "đồng trinh", nhại giọng người Hoa nói tiếng Việt.

luật tự nhiên, nề rồi phải sợ, biểu chi nghe nấy.

Lâu nay Tưởng vẫn cứng cổ không tin đạo. Nhưng vì nàng Linh ép riết, theo ỏn ỉ một bên luôn, thúc giục mãi cậu phải chịu phép đưa đầu ra cho chúng rửa... tội.

Phải, theo lời Chúa dạy, vợ có đạo mà chồng chưa theo đạo thì vợ phải khuyên chồng. Nhưng khi khuyên không nghe, thì lại có phép đẩy hơi hơi xô sấp tới.

Có phải không ? Từ mấy năm nay, Tưởng không hề sợ ai hết, bọn quân phiệt hùng hổ là thế mà dẹp sạch ráo chẳng chừa ai. Vậy mà đến bà lớn Tưởng thì phải xuôi cò đi riu ríu.

Ở đây cũng nghiệm ra câu tục ngữ ta là thật lắm : "Nhứt vợ nhì Trời".

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6285 (29.10.1930)

CÁI THUYẾT "HÀNH DỊ TRI NAN" CỦA TÔN VĂN THÊM ĐƯỢC MỘT CÁI CHỨNG NỮA

Cái học thuyết của Tôn Văn, tức là cái thuyết "hành dị tri nan" (làm dễ biết khó) hồi trước được người ta hoan nghinh bao nhiêu thì bây giờ bị người ta công kích bấy nhiêu. Từ hồi năm ngoái năm kia chi đó Hồ Thích có bài phê bình cái thuyết ấy, bẻ bác nhiều chỗ, đến nay coi thiên hạ cũng có nhiều anh bắt chước mà phê bình lung lên. Rất đỗi như mấy ông "Tàu hủ" trong Chợ Lớn kia mà còn đua nhau nói vung tí mẹt trên các báo của họ.

Có mình tôi, tôi chưa dám đoan quyết cái thuyết ấy là phải hay là trái. Bởi vì tôi thấy ông Tôn nói có lý lắm. Đại ý ông nói rằng : người Tàu từ xưa đến nay ai cũng nói biết là dễ mà làm mới là khó, vì quen theo câu trong *Kinh Thơ* nói: "Tri chi phi gian, hành chi duy gian". Nhưng không ngờ rằng làm là dễ mà biết mới khó, bởi có nhiều việc người ta không biết mà vẫn làm lất lia lất lịa. Rồi ông

Tôn dẫn ra mấy việc để làm chứng. Như việc làm văn, việc ăn uống, việc tiêu tiền, cùng các việc khác nữa, toàn là việc người ta không biết đầu đuôi chi hết, mà làm cứ vẫn được, cứ vẫn thành công. Nói vậy rồi ông kết luận rằng : Rất đỗi chưa biết cho đến nơi mà làm còn được như vậy thay, huống chi là biết rồi, huống chi là biết chắc chắn, biết tới nơi tới chốn rồi. Cốt là nhờ có người tiên tri tiên giác nói ra cho thiên hạ biết, thì tự nhiên việc gì cũng làm được cả.

(*Bị kiểm duyệt bỏ*)

Ai làm sao không biết, chớ tôi cho là có lý lắm. Có lý vì những chứng cớ ông Tôn đã dẫn ra ; huống chi ở đất An Nam ta dạo nầy cũng lại nảy thêm ra một cái chứng cho thuyết ấy nữa.

Bởi ai sử giặc ra không biết, ông Phan Khôi lại viết ra *Phép làm văn* trong báo *Phụ nữ* mà nói về cách đặt quán từ. Quán từ là cái gì ? Xưa nay ai có hề biết đến nó mà người ta cũng vẫn làm văn được, lại còn làm hay nữa kia.

Nhưng chỗ ấy chưa phải là chứng đâu. Cái chứng cho học thuyết Tôn Văn là ở chỗ nầy, ở chỗ ông Phan Khôi không biết phép làm văn mà làm văn lại được. Ấy là theo lời cụ Huỳnh Thúc Kháng. Trong báo *Tiếng dân* cụ Huỳnh phê bình bài "Đặt quán từ" của ông Phan, có nói rằng : "Tôi thấy một ít văn ông (Khôi) dùng chữ cẩn thận, mà về mấy chữ quán từ, lại càng chú ý không hay sai lầm, thế mà mấy câu giải nghĩa nầy thì hẳn là lầm, tôi rất lấy làm lạ...".

Đó, có phải không ? Cụ Huỳnh khen văn ông Khôi dùng chữ cẩn thận mà nhứt là mấy chữ quán từ không hay sai lầm, thế có phải là ông Phan biết đặt quán từ không ? Ông đặt thì được, đến cụ Huỳnh cũng phải khen, vậy mà đến khi ông giải cái phép đặt ra, thì theo cụ Huỳnh, là sai lạc hết. Như vậy có phải làm là dễ mà biết là khó không ? Ai cãi được thì cãi đi thử nào ?

Chính cái người đặt quán từ trúng, đến chừng giải nghĩa phép đặt ra lại không trúng, nhè cái chỗ thạo chỗ rành của mình mà sai lầm như vậy, nghĩ có lạ không ? Bởi vậy cụ Huỳnh mới lấy làm lạ.

Song theo tôi, có lạ gì đâu. Hễ theo thuyết "hành dị tri nan" thì nó phải như thế đó.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6287 (31.10.1930)

"NHÀ TRỨ THUẬT PIERRE PASQUIER..."(*)

Nhà trứ thuật Pierre Pasquier tiên sanh năm xửa năm xưa chi đây, có xuất bản một cuốn sách bằng tiếng Pháp, nhan đề là *L'Annam d'Autrefois*. Sau đó, nhà trứ thuật khác, da vàng, họ Phạm, tự Thượng Chi, mới giới thiệu cuốn sách ấy trên tập nguyệt báo của mình mà dịch cái nhan đề ra là *Cổ Nam Việt* hay *Cổ Việt Nam* chi đó.

Trong cuốn sách ấy đại khái tác giả khảo cứu những chế độ phong tục An Nam về các thời cổ, trước khi Tây chưa tới và khi tuy đã tới rồi mà chánh quyền còn giữ trọn trong tay nhà vua xứ nầy. Dầu một người ở bên Tây mà nói chuyện xưa của một nước ở bên Đông, có chỗ không được đúng cho lắm, chớ như vậy cũng đã già công nghiên cứu.

Coi ý tác giả riết lại có một điều là hâm mộ kính phục cái chế độ phong tục ấy lắm. Ngoài lời nói, tác giả như kêu hết thảy người Việt Nam mà bảo rằng : "Đó, văn hóa của tổ quốc các anh hay như vậy đó ; các anh nên giữ lấy".

Tháng ngày thấm thoắt, nhà trứ thuật ấy lên ngôi chúa tể cả xứ Đông Dương, tức là quan Toàn quyền Pierre Pasquier ngày nay.

Nhà giới thiệu cuốn sách *Cổ Nam Việt* tức là Phạm Quỳnh tiên sanh, chủ nhân kiêm chủ bút *Nam phong*, cũng vẫn đương hoạt

(*) Bài không có nhan đề, không rõ vì bị kiểm duyệt bỏ hay vì in sót ? Ở đây tạm lấy câu đầu thay tên bài.

động trong học giới và trong chánh giới. Hai người lại có duyên gặp gỡ cùng nhau, chẳng những gần mắt mà lại gần lòng.

Bắt đầu từ tháng Janvier năm 1930, Bắc kỳ có việc rối loạn, kế đó đến Nam Trung kỳ. Trong khi đó quan Toàn quyền, tức là nhà trứ thuật năm xưa, đương lo bấn trống chiến để mà cứu chữa, chưa kịp bày ra cái chánh kiến chi mới mẻ hết, thì ông chủ bút *Nam phong*, người giới thiệu *Cổ Nam Việt* ngày nọ, bỗng phát ra một cái nghị luận lớn như trời, xin nước Pháp trả quyền lại cho vua An Nam, lý hành điều ước năm 1884. Cha chả là bợm thật !

Đối với cái luận điệu ấy nhiều người An Nam kích bác không chịu, (. . . .)(*) quan Khâm sứ Le Fol (. . . .)(*) Ngày nhóm hội đồng dân biểu Trung kỳ, ông nầy mở toang câu chuyện ấy ra, nói rằng khi vua Bảo Đại ở Pháp về đây, nước Pháp sẽ trả quyền lại cho vua.

Bữa 28 Octobre mới rồi, nhóm hội đồng chánh phủ tại Hà Nội, quan Toàn quyền đọc bài diễn văn thật dài, trong đó ngài cũng tuyên bố rằng Trung Bắc kỳ rồi đây về việc nội trị sẽ ở dưới quyền quân chủ theo điều ước năm 1884,

(*Bị kiểm duyệt bỏ*)

Ngài nói : "Nước Việt Nam mới sẽ có thể thành lập dưới quyền quân chủ, lấy chế độ tổ truyền làm căn bổn, sẽ chói sáng giữa cõi Đông Pháp liên bang " (Un nouvel Annam pourra ainsi se constituer sous la direction de son souverain, dans le respect des traditions nationales, qui brillera au milieu du groupe indochinois)

(*Bị kiểm duyệt bỏ*)

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6288 (1.11.1930)

(*) chỗ này bản gốc để trắng 2-3 từ.

THI KHẨU VẤN GIỮA TÒA

Thi các lớp học trò, bất kỳ để lấy bằng gì bằng gì, cũng có một lần thi viết (Ecrit) và một lần thi khẩu vấn (Oral). Thi khẩu vấn thật là quan trọng cho sĩ tử lắm, vì đậu rớt quyết ở một phen đó nữa mà thôi.

Hình phạt ở nước nào thì là một cách để trừng trị kẻ ác ; chớ còn ở nước ta, sự hình phạt của Đại Pháp thì chẳng qua là sự giáo dục. Nó chẳng thèm những như đời Đường đời Ngu, vua Nghiêu vua Thuấn thuở xưa, "sáng chưng năm hình để giúp năm dạy" (minh vu ngũ hình dĩ bật ngũ giáo) thôi đâu ; mà chính mình nó, sự hình phạt, tức là sự giáo dục vậy.

Bởi hình phạt tức là giáo dục cho nên người ta thi khẩu vấn ngay giữa tòa án.

Mới rồi, ở ngoài Bắc, tòa Thượng thẩm xử vụ cọng sản Kiến An, giữa phiên tòa nầy, thấy ra cái sự thiệt vừa nói đó.

Quan tòa hỏi một người phạm, mà cũng tức là một cậu học sanh tên Trần Công Thái, như vầy :

– Anh có can tội mưu đánh đổ chánh phủ không ?

Thái thưa lại một cách thật thà (*Bị kiểm duyệt bỏ*)

Hỏi đâu nói đó được như vậy, theo đi thi, chắc Trần Công Thái được trúng tuyển rồi. Nhưng theo lối thi bên tòa nầy, như vậy, va cũng sẽ không rớt.

Thế đó, nên có nhiều người nói rằng : "Ở đời, động ra đâu cũng là sự học vấn".

(*Bị kiểm duyệt bỏ*)

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6289 (4.11.1930)

MỘT SỰ MỚI LẠ Ở CHỢ MỚI

Nhơn hôm qua mới bị một cơn gió dữ, làm cho xửng vửng xơ vơ, nên hôm nay ông Thông Reo không "reo" được nữa, hay là

phải "làm reo" hết một bữa, thành thử tôi phải nghe thế, thấy thế cho ông.

Trước hết xin thú thiệt rằng tôi là một người kiến văn rất hẹp hòi, ngày kia qua tháng nọ, chỉ một mình với ngọn đèn con là bạn tri kỷ, chớ nào có nghe gì thấy gì đâu mấy chút, mà dám khoe khoang những điều nghe thấy ?

Song đây là tôi xin thuật lại những điều mà người khác họ đã nghe thấy rồi thuật lại cho tôi mà.

Người khác mà tôi nói đây là "ma-pham" vợ tôi ở nhà chớ chẳng ai lạ.

Thật vậy, mấy bữa rày, mỗi bữa xách rổ ra chợ Mới Bến Thành về, "mẹ bầy trẻ" nó trầm trồ với tôi rằng ở Chợ Mới Sài Gòn ta bây giờ mới có một chuyện rất mới lạ, đáng biên chép vào mục "Những điều nghe thấy" của báo *Trung lập*.

Ai cũng biết rằng từ hồi Chợ Mới mà có cái tên Chợ Mới đến giờ, thì bao nhiêu thịt bán ở đó, nào thịt cừu thịt heo, cho chí thịt trâu thịt bò đều là một tay bọn các chú làm lấy và bán lấy, chớ An Nam mình thì chỉ có tài bỏ tiền túi ra và mua về mà ăn, chớ không hề thấy ai chịu cầm đến cái dao cái thớt bao giờ. Phải, An Nam mình chỉ có cái tài ăn, chớ làm thì dở !

Bởi vậy, nên mỗi khi gặp ngày cúng ông Khổng Tử, hoặc kỷ niệm ông Tôn Văn, các chú họ làm thắt nghỉ chơi một ngày, thì hết thảy đồng bào ta đều phải nhịn thèm, nghĩ đáng buồn chưa ?...

Những tưởng đời đời kiếp kiếp cái lỗ miệng An Nam mình cũng phải làm nô lệ cho cái cánh tay của bọn bảy đáp các chú !

Nhưng trời ôi ! may sao mới mấy bữa rày, thình lình ở chợ Bến Thành lại thấy có một người An Nam ta (người Bắc kỳ) cầm dao xách thớt ra choán một chỗ ngồi ở giữa cái đám hàng thịt các chú ở chợ Mới mà bán thịt bò chớ !

Thịt làm đã sạch, giá bán lại rẻ, nên chi mấy bữa rày vợ tôi nó cứ ghé lại hàng thịt An Nam ấy mà mua hoài.

Đó thiệt là một điều nghe thấy rất mới lạ ở Chợ Mới Bến Thành vậy.

TẠM CHỨC(*)

Trung lập, Sài Gòn, s.6290 (5.11.1930)

MỘT NĂM MƯỜI BA THÁNG

Ở đời chẳng có cái gì là cái chắc. Dẫu lấy neo tàu mà cột lại, bỏ vô rương mà khóa lại, rồi tới chừng không chắc, nó cũng không chắc.

"Một năm mười hai tháng, một tháng ba mươi ngày". Ấy là cái luật nhất định của thời trời, từ xưa đến nay, từ đông đến tây, dầu âm lịch dương lịch có khác nhau, mà cái số đại đồng của năm và tháng ấy không đâu cãi được. Còn gì chắc bằng nữa ?

Vậy mà rồi đây không mấy lâu nữa, một năm sẽ có mười ba tháng, một tháng sẽ có hai mươi tám ngày cho mà coi.

Lâu nay trong thế giới đã có người phát minh ra một thứ lịch mới. Lịch ấy không theo mặt trời mà cũng không theo mặt trăng. Một năm có 13 tháng, một tháng có 28 ngày.

Nhà phát minh thứ lịch ấy kể ra dùng nó thì được nhiều sự tiện lợi lắm.

Theo âm lịch bất tiện cố nhiên, vì có những năm nhuần, năm không nhuần, tháng thiếu tháng đủ lôi thôi. Mà dương lịch cũng chẳng tiện chi. Dương lịch có tháng 31 ngày, có tháng 30 ngày, lại có riêng tháng hai khi 28 ngày khi 29 ngày nữa, cũng là rắc rối khó nhớ lắm.

Thứ "lịch mới" ấy thì tránh khỏi hết các điều đó. Mỗi năm 13 tháng, năm nào cũng như năm nấy, mỗi tháng 28 ngày, ngày nào

(*) Có thể bài này do người khác viết,không phải Phan Khôi viết ; nhưng cũng có thể vẫn là do Phan Khôi viết, nhưng không ký Thông Reo, vì hình như trong ước lệ của tác giả mục hài đàm này, Thông Reo không có gia đình vợ con cùng ở Sài Gòn. (NST).

cũng như ngày nấy, không thiếu đủ nhuần nhiếc chi hết. Lại được cái tiện là mỗi tháng y bốn tuần lễ trọn, và bao giờ cũng vậy, ngày đầu tháng là nhằm vào ngày đầu tuần lễ.

Theo số ngày thường mỗi năm là 365 ngày thì trái đất mới đi giáp chung quanh mặt trời một vòng. Mà cái nầy, 13 tháng, mỗi tháng 28 ngày thì chỉ được có 364 ngày mà thôi. Phải thêm một ngày nữa mới đủ một năm.

Vậy "lịch mới" kể ngày ấy riêng ra, là ngày đầu năm, không vào tháng nào hết. Thêm ngày nguyên đán độc lập ấy vô là đủ 365 ngày, tức một năm.

Sự phát minh ấy mới đây đã được vạn quốc công nhận rồi. Vạn quốc hội định đến năm 1933 tới đây thì bắt đầu thông hành lịch ấy.

Sau khi thông hành thứ lịch mới ấy có nhiều chuyện hay lắm.

1. Các nhà in in lịch một lần đầu, rồi sau cứ đó mà in theo, chỉ đổi cái năm mà thôi, chớ khỏi phải mỗi năm mỗi sửa lại.

2. Kẻ làm công, ăn lương tháng với ăn lương tuần cũng như nhau, không ai hơn mà cũng không ai thiệt.

3. Hễ biết ngày mấy rồi thì biết ngày thứ mấy trong tuần lễ, khỏi phải hỏi nhau : Bữa nay mồng năm là ngày thứ mấy anh há ?

4. Đàn bà có mang khẳm mười tháng là đẻ, chẳn chòi không có lẻ loi chín tháng mười ngày như trước.

5. Ngày giỗ cụ Phan Tây Hồ ở Tân Sơn Nhứt sẽ được nhứt định, phái cụ Bùi với phái ông Diệp Văn Kỳ, Nguyễn Văn Bá không còn tranh nhau âm lịch dương lịch mà làm miếng giã gạo.

Ờ, té ra vạn quốc họ làm cho tiện việc họ mà họ cũng có nghĩ đến An Nam mình nữa, làm cho An Nam từ nầy về sau khỏi vì cớ nhỏ mọn mà chia rẽ nhau.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6291 (6.11.1930)

XƯNG THẦN VỚI AI?

Mới thấy trong tờ báo kia có cái bản dịch tờ nghị định của quan Khâm sứ Trung kỳ, nói về các quy tắc ban phát các thứ huy chương của Nam triều, mà làm cho mình đổ mồ hôi hột, vì nghĩ mãi không ra một chữ trong bản dịch ấy.

Một đoạn đầu của bản dịch ấy như vầy :

"Khoản thứ nhứt 1. – Nam triều đại hạng kim khánh và nhứt hạng long bội tinh, thì chỉ có đức Đại Nam hoàng đế chỉ chuẩn ban cho mà thôi.

Còn các hạng huy chứng khác của Nam triều, trong khi đức hoàng đế du học Đại Pháp, thì các quan đại thần Nam triều, quan Phụ chánh thân thần, các quan đại thần viện Cơ mật, và quan Khâm sứ Đại thần, thương đồng ý hiệp, chiếu theo thể lệ đã nói trong khoản thứ 7 nghị định nầy : thay mặt đức hoàng đế mà ban cấp..."

Cái nghị định ấy còn mấy khoản nữa, không phải chứng mà thôi. Về thể lệ và sự lý trong bản nghị định mình đâu có thiết đến. Cái đời mình có làm gì hy vọng được những sự ban thưởng kim khánh kim tiền cùng long bội tinh mà thiết ! Mình chỉ thiết đến cái chữ nào trong đó mà mình không hiểu.

Thật, không hiểu thật. Quan Khâm sứ làm sao lại kêu là đại thần ? Đại thần là đại thần của ai ? Xưng thần với nước Pháp ư ? Thì từ đời vua Napoléon III mất ngôi rồi, nước Pháp không còn có vua nữa. Không có vua thì làm gì có tôi ? Không có tôi thì cớ gì lại xưng thần ? Hà huống là đại thần ?

Xưng thần với vua An Nam ư ? Nói nghe mà lạnh mình ! Quan khâm sứ thay mặt nước Pháp để bảo hộ nước Nam, mà lại xưng thần với vua An Nam à ?

Mình thấy hàng Khâm sứ Thống sứ ở Trung Bắc kỳ luôn luôn địch thể với vua An Nam. Tức như hồi tiên đế Khải Định ngự ra

Bắc, một hôm dự lễ duyệt binh, Bệ hạ đi cùng xe với quan Toàn quyền và quan Thống sứ. Bấy giờ quan Toàn quyền Sarraut ngồi giữa, còn quan Thống sứ gì đó ngồi một bên, địch thể với nhau, như vậy thì đâu có lẽ xưng thần ?

Hay là chữ "thần" trong chữ "khâm sứ đại thần" đó không phải thần là tôi, mà thần là thánh thần chăng ? là thần minh chăng ? Nói "đại thần" cũng như nói "thượng đẳng thần" chăng ? Mình đâu có biết cho hết được.

Chi thì chi, chớ đã nói các đại thần Nam triều, các đại thần viện Cơ mật, rồi lại xen quan Khâm sứ đại thần vào đó, thì người ta ngó thấy cũng sẽ đánh xô bồ vô một chỗ chớ gì ? Đại thần với đại thần, có chỗ nào là chỗ phân biệt ?

Đừng dỡn, đừng tưởng dỡn ! Nếu có kẻ hỏi gắt : xưng quan Khâm sứ là đại thần, là xưng thần với ai ? – thì sẽ trả lời cho họ làm sao ?

À mà có lẽ. Ông Trần Trọng Kim nói : "Đời nay tuy nhiều nước đã đổi chánh thể quân chủ làm dân chủ, song nghĩa quân thần của Khổng giáo cũng không bỏ được".

À, có lẽ !

Duy có vậy thì mới xưng quan Khâm sứ là đại thần chớ. Mặc dầu nước Pháp không có vua, mặc dầu ông vua An Nam không phải là vua của quan Khâm sứ, song cứ việc xưng đại thần đi, vì là theo cái học thuyết của ông Trần Trọng Kim.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6292 (7.11.1930)

THẾ MÀ CÓ KẺ LẤY LÀM MAY

Trận bão ở hòn cù lao Côn Lôn mới rồi, chẳng những làm hư hại nhà cửa mà thôi, làm mất nhơn mạng cũng bộn bề. Thấy có tờ báo Tây được tin sớm, nhưng chẳng biết có chắc không, nói rằng : hơn 250 người chết, còn mấy trăm bị thương nữa chưa kể.

Người ta chết nhiều như vậy cũng có lẽ lắm. Nói là "người ta", kỳ thiệt bọn chết đó là vào hạng "nửa người ta" chớ không phải "người ta trọn".

. . . . . .

Ở các khám, mỗi khi có xảy ra tai nạn bất kỳ, hoặc lửa cháy, hoặc bão lụt, hoặc giặc cướp, thì người coi ngục chỉ sợ bọn tù thừa cơ mà chạy trốn, nên vào những lúc ấy họ giữ tù càng riết lắm. Chắc ở Côn Lôn phen nầy cũng vậy.

Không biết xưa kia làm nhà làm cửa thế nào mà dối quá, đến nỗi hai cái khám giam tù đều sụp hết trong cơn bão nầy. Chắc là họ giữ kỹ lắm, không cho phạm nhơn rúc ra mà tránh sự chết được, cho nên nhà sụp xuống là chết ráo.

Cái số hơn 250 người thiệt mạng đó đều là người An Nam hết ; trong đó bề nào cũng có một mớ tù quốc sự. Nghe lại có một viên khán ngục người Nam cũng chết vào đám ấy luôn.

Duy chỉ có mấy ông Tây, không ông nào rụng một cái lông chưn. Các ông không hề chi là phải. Nhà của các ổng ở, cái nào cái nấy vững như trời, làm gì sụp mà đè các ổng được ? Mà có sụp đi nữa, các ổng còn rộng chưn chạy, dễ chết chưa ?

Ấy vậy mà có một tờ báo Tây nọ cũng đăng tin nầy lại dặm vào một câu rằng : "May làm sao chẳng có một người Tây nào chết hết " (Il n'y a heureusement aucune mort européenne).

Lạ thật, cái đó may gì là may. Năm, mười hay là mười lăm, hai mươi người Tây ở Côn Lôn khỏi chết mà lấy làm may, thế còn 250 người An Nam chết nhăn nanh đó mới sao ? Hẳn họ cho là không may hẳn.

Lần nầy mới rõ ra cái tâm lý người đời là vậy đó. Ai chết cả đống cũng mặc, miễn mình khỏi chết, ấy là may đó rồi.

Mà 250 người chết đó, nay còn cầu xã hội nầy cái gì nữa ? Có lẽ họ chỉ cầu có kẻ nói cho họ một tiếng "không may" ; nhưng mà ngó quanh ngó quất, chẳng thấy ai nói cho.

Điều mình nghĩ làm vậy, chớ 250 người ấy họ có cần gì ai thở than thương tiếc họ làm chi. Trái lại với tâm lý người đời, họ lấy cái chết nầy làm may, cũng chưa biết chừng.

Sống mà sống trong hạng "nửa người ta" thì sống chừng nào, thêm phiền chừng nấy. Chi bằng để cho kẻ nào lấy sự khỏi chết làm may thì họ sống lấy.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6293 (8.11.1930)

THÌ CŨNG NHƯ ĐỔI BỘ BÀI VẬY CHỚ GÌ ?

Thiệt, phụ nữ Sài Gòn lần nầy sao ra thông hiểu quá. Họ nói ròng những quốc sự. Họ hỏi có câu mình không biết đường trả lời. Có lẽ rồi đây tôi phải đi kiếm chỗ nào mà ở cho đỡ bớt ; chớ không thì có ngày mà nguy to chẳng chơi. Mình tiếng là nhà làm báo làm biếc, gặp khi các bà hỏi, rủi mà mít đi, lẽ nào đưa cái mặt như tấm ván sao ra đó mà chịu há ?

May phước nhờ có sòng bài, không thì hồi hôm đây tôi cũng đến mất thể diện.

Lúc đó, chừng 9 giờ tối, tôi dạo qua nhà thầy Tư chơi. Nhà buôn bán lớn, thầy Tư lấy làm quan hệ lắm về sự bỏ thăm tuyển cử nghị viên thương mại kỳ nầy, nên mời vài ba anh em đến bàn tính. Tôi tình cờ, lại gặp cái hội nghị riêng đó.

Nhưng mà chưa. Khi tôi vô cửa thì thấy trong nhà có sòng bài tứ sắc, các bà các cô đương đánh chơi. Mà đánh chơi thiệt, lộn đâu có vài xu nhỏ.

Chi không biết, tôi thấy thì coi cái đã. Thầy Tư lật đật xách cái ghế cho tôi ngồi cạnh sòng đó, rồi thầy lại ngồi kế bên tôi. Hai đứa làm thinh mà coi. Còn các bà, chào sơ rồi cắm cục đánh.

Ai ăn ai thua chẳng biết, tôi thấy cứ vài ba bàn lại đổi một bộ bài mới.

Mình lấy làm lạ, muốn hỏi, nhưng các bả đương đánh, hỏi e vô phép. Mà lại nghĩ, hỏi như vậy, tẻ ra mình nhà quê. Tội tình gì, không thèm.

Đổi đâu đến lần thứ ba rồi, còn có người đòi đổi nữa, một bà trợn mắt nói : Thứ đánh một hai xu mà chơi, ăn bạc ngàn đây sao mà sợ gian, cứ đổi bài hoài ?

Mình nghĩ tẻ ra mình khôn. Không hỏi, bây giờ cũng biết. Đổi bài là vì chút đó, vì để bài cũ có dấu người ta dễ gian, mốc xì gì mà lạ !

Một chặp chi đó, thấy rã sòng bài. Có ba người đàn ông nữa bước vô. Bọn nầy là bọn đại thương, đi nhóm bàn chuyện nghị viên thương mại đây.

Ấy, nực cười cho các ông nọ nói chuyện cử người nầy người khác là lợi là hại, với nhau đã đành, các bả cũng xen lo vào. Bà nào bà nấy dùng rặt những tiếng mới : quyền lợi, nghĩa vụ, bất hiệp tác…

– Sẵn thầy Thông Reo đây, tôi xin hỏi : – một bà trong đám nói, chớ *Trung lập* làm sao lại cổ động cho xừ Thơm xừ Chiếu hả thầy ?

– Thưa bà, mình trả lời lần nầy thiệt lanh, *Trung lập* cổ động cho xừ Thơm xừ Chiếu thì cũng như *Đuốc nhà Nam* cổ động cho xừ Bền, xừ Sâm vậy bà.

– Thầy ôi ! Tôi nói thiệt thầy nghe, các nhà báo thiệt khéo làm rộn, cổ động cho người nầy người khác, chớ theo con mắt đàn bà của chúng tôi thì xừ nào cũng như xừ nấy, ai ngồi trên ghế móng ngựa rồi cũng như ai, đó thầy. Bên Sâm chẳng làm chi ; thì Thơm Chiếu cũng chẳng làm chi, đó thầy.

Chí lý ! Thiệt là chí lý. Mình khen thầm trong bụng như vậy. Nhưng mà, nghĩ lại, mình là tay trọng yếu của nhà báo, lẽ nào báo mình cổ động cho hai người đó, rồi bây giờ bà nọ nói như vậy, mình làm thinh mà chịu hay sao ? Tôi bèn chỉ trời vạch đất mà diễn thuyết luôn mấy câu rằng :

– Đã biết xừ nào như xừ nấy in lời bà nói, song hai người kia là cũ, còn Thơm với Chiếu là mới, chúng tôi muốn cho quốc dân cử hai vị nầy thì cũng như hồi nãy bà đổi bộ bài mới vậy chớ gì ? Ngồi vô sòng bạc, có ai dại chi để bài cũ cho dễ đánh gian thì trong phòng thương mại có ai dại gì để người cũ quen đường thuộc lối rồi để làm bậy ? Thiệt là mình nói lấy được mà nghe ngộ bất kinh.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6294 (9.11.1930)

THIỆT CÁI ĐỜI DỄ BỊ TỘI QUÁ

Đời xưa, có đời mà người ta đi ra đường phải ngó ngang, không dám ngó ngay, phải nín hơi không dám thở, phải đứng chồng bàn chưn này trên bàn chưn kia. Ấy là cái đời phép nghiêm lệnh nhặt, hở ra một chút thì bị tội nên người ta sợ mà làm bộ rụt rè kè né, giữ từng chút như thế.

Đời nay, không đến nỗi như thế. Người ta ra đường, cứ việc thở, có điều không dám nhổ cổ trầu[*] đứng hai chưn thong thả được, có điều đứng đứng mà đái, thì tự nhiên khỏi bị ma tà bắt về bót rồi phạt.

Còn nói chi đến truyền đơn và cờ đỏ, ai mà dính vào khoản ấy thì không ở yên được, đã đành. Mà sự đó mình cũng không thể trách, vì ai biểu mình dính vào làm chi ?

Nói tóm lại, không nên nói nhiều. Nói tóm lại thì cái đời nầy không dễ chi ở. Đừng nói ta ở với ai ; cho đến ta ở với ta cũng vậy.

An Nam với An Nam, hở một chút cũng đã thấy tội. Nhiều cái tội, giá họ không tuyên án thì mình cũng không ngờ.

Để nghe báo *Phổ thông* kể tội *Hà thành Ngọ báo*.

---

[*] Bản gốc là *gổ trầu*, có lẽ in sai ; ở đây sửa là *cổ trầu*, cũng như *cốt trầu*, tức là nước cốt trầu (theo H.T.Paulus Của, sđd.).

Nguyên do, hai bạn đồng nghiệp nầy đều sanh trưởng tại Hà Nội, là nơi ngàn năm văn vật, mà mới rồi có bút chiến với nhau.

Ngọ báo kêu *Phổ thông* là "đứa con mất dạy", đòi "căng xác ra mà đánh". Nói bậy quá, chẳng kể làm chi. Đến phiên *Phổ thông* kể tội *Ngọ báo* thì cũng lại chẳng đáng là tội.

Tội thứ nhứt là *Ngọ báo* đã về phe với ông Phạm Quỳnh đòi lập hiến pháp cho Trung Bắc kỳ để tăng quyền vua quan lên.

Điều này nghe còn được. Nhưng nếu vậy thì ông Phạm Quỳnh là vi thủ, *Ngọ báo* là vi tùng. Sao trước khi buộc tội kẻ vi tùng chưa thấy buộc tội người vi thủ một cách gắt gớm như là đã buộc kẻ vi tùng ?(*)

Tội thứ hai, nghe mà phì cười. Số là *Ngọ báo* trước đây đã cổ động cho một cuộc đi bộ. *Phổ thông* nói rằng : "Đời nầy là đời xe hơi máy bay mà *Ngọ báo* lại cổ động như vậy, tức là kéo xã hội xuống bước thoái hóa".

Tội thứ ba cũng vậy. *Phổ thông* nói rằng : "Nghề làm báo ở Hà Nội không phải nghề kiếm lợi, phải cần kiệm lắm mới khỏi lỗ vốn. Thế mà *Ngọ báo* lại in chữ đề đầu sắc đỏ, in khéo và đẹp, mà cũng chỉ bán có hai xu, như vậy có lẽ là đã chịu khoản tiền ám muội nào chăng ?"

Trời đất ôi ! nghe mà hết sức thương tâm ! Nếu làm vậy mà kể là tội được thì làm gì lại chẳng kể là tội được ?

Cổ động đi bộ, theo ở Ấn Độ thì là một việc có công, còn ở ta đây lại là có tội hay sao ? Vật xuất sản khéo, bền mà bán giá rẻ, nước Đức xưa nay ăn đứt trên thị trường thế giới là nhờ ở chỗ đó ; mà ở nước Nam mình, cái đó lại là cái để cho người ta khống cáo ?

Sự ăn tiền ám muội, không có chứng cớ, nói ức chừng mà nói sao cho nỡ ?

(*) *vi thủ* : làm đầu, cầm đầu ; *vi tùng* : làm phó, làm theo ; bản gốc là *vi trùng*, có lẽ in sai ; ở đây sửa lại.

Thiệt cái đời dễ bị tội quá. An Nam với An Nam cũng vậy ! Hay là có vậy mới xứng đáng làm người An Nam ?

Nhưng thấy vậy mà tôi lại riêng mừng cho An Nam ta là người có thể chẳng hề phạm tội. Hai bên thù nghịch nhau, giá bên kia có tội thật thì đã bị kéo ra cả mớ rồi. Cái nầy, cố kiếm mà kiếm không ra cho nên chỉ kể được ba tội ấy mà thôi. Mà hai cái tội sau đó hoặc giả lại là công cũng chưa biết.

Lại còn có một lẽ, là An Nam ta không đủ cái tư cách phạm tội chăng ? Chẳng một lần nầy, lần khác cũng vậy. Hô lên nói người nầy "bán nước" mà xét lại thì chẳng có cái gì đáng gọi là "bán"? Ghép người kia vào mặt luật "phản quốc" nhưng coi kỹ ra người ấy chỉ có "mưu lợi" mà thôi. Thế thì sự phạm tội có dễ chi ?

Chẳng những có đủ tư cách mới làm anh hùng, mà cũng phải đủ tư cách mới làm được gian hùng. Cho nên chớ vội tôn ai là anh hùng, mà cái tiếng gian hùng cũng chớ nên vội buộc cho ai !

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6295 (12.11.1930)

"LINH" LÀ VẬY ĐÓ

Trong sách thánh hiền để lại, nói "loài người là linh hơn muôn vật", cũng nhờ cái linh đó, nên muôn vật mới phải chịu cai trị bởi loài người.

Cái thuyết ấy, đời nay đã có bộn kẻ toan đánh đổ đi, nhưng mà khó bề đánh đổ nổi. Những kẻ đánh đổ, nói rằng : Ấy chẳng qua thánh hiền là loài người, đứng về mặt chủ quan nên nói tốt cho loài người đó thôi ; chớ con ruồi có cái linh của con ruồi, con kiến có cái linh của con kiến, dầu cho thánh hiền đi nữa cũng chẳng biết đâu được mà nói.

Họ nói có lẽ. Nhưng rốt lại, không đánh đổ cái thuyết kia được, là vì chứng cớ đành rành : hết thảy loài vật, thượng cẳng cho

chí hạ thú, từ xưa đến nay đã bị loài người không giết như kẻ thù thì sai khiến như sai khiến đày tớ.

Thiệt, linh thiệt !

Song le, thử cắt nghĩa cái linh ấy ra làm sao, thì cũng lại là khó thay. Nhơn tình cờ thấy một việc xảy ra ở chuồng voi trong sở thú mà tôi hiểu nghĩa chữ linh ấy được chút đỉnh.

Chiều ngày lễ Đình chiến mới rồi, một người bạn cùng tôi thả lên sở thú chơi. Trước khi đến đó, đã nghe sở thú mới rồi có kiếm thêm được một thớt voi nữa, nên trực chỉ chuồng voi mà thẳng tới.

Đến nơi, thấy người ta coi khá đông. Phần nhiều là đàn bà, mà trong đám đó, phần nhiều lại là đàn bà ngoại quốc. Các bà đầm, các thím xầm, các thím da đen toàn những tay sang trọng. Họ đứng bao vây cái chuồng, dám khít nhau từ đầu nầy đến đầu kia.

Ông quản tượng – ông nầy có khi người ta kêu bằng thằng nài – cầm cái thanh củi đứng ngoài chuồng ra hiệu lịnh cho cặp voi làm trò để quý khách xem.

Vợ ông quản tượng dọn sẵn một ngôi hàng bán mía và chuối tại gần nơi đó. Những khách xem, ai muốn voi làm trò cho xem thì mua đồ bán sẵn đó trao cho ông quản ; còn không thì móc túi vãi năm bảy đồng xu cũng được.

Ông quản cầm nải chuối của khách trao cho, miệng thét voi quỳ xuống. Voi quỳ xuống, lạy ; ông quản đút chuối vào vòi voi, thả cái giọng ô mị ra mà rằng : "Con lạy bà, bà cho con ăn chuối đây !"

Hết con nầy đến con kia. Ông quản cầm lóng mía, biểu lạy đi thì bà cho ăn. Voi lạy, ông quản cho ăn thật.

Có nhiều bà không mua mía và chuối, lại vãi xu cho voi. Voi lấy vòi lượm rồi đưa ông quản bỏ túi, vì nó ăn thứ nầy không được. Có khi xu xuống nhiều quá, đợi voi lượm cho rồi thì mất giờ, ông quản bèn thò tay lượm lia lượm lịa bỏ đầy túi mình.

Khi ấy, voi không ăn chi mà phải lượm hoài, đổ làm biếng, ông quản kêu, không muốn bước. Ông quản lấy thanh củi bồ vào đầu voi cốc cốc thét rằng : "Chúng bây . . . . . làm biếng hay sao ?" – Nói như vậy rồi đánh luôn cho mỗi con mấy cái, phải vần đống thịt đi lạy, không dám làm biếng nữa.

Thiệt ông quản linh thiêt ! Voi lạy cho rục xương, còn xu thì bỏ túi ông quản ; lóng mía trái chuối mà cọ vào miệng voi đi nữa thì bà quản cũng ăn lời qua một lớp rồi, vậy mà chẳng những cái nhọc của sự lạy về voi chịu, cho đến cái tiếng lạy [...] cũng về voi chịu !

Linh là vậy đó !

Xỏ lá tức là linh !

Linh làm sao thì văn minh làm vậy !

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6296 (13.11.1930)

MỔ LÀM GÌ CÀ?

Theo phép cai trị của người Pháp hay là theo y học vệ sanh chi đó chẳng biết, hễ người ta chết mà chết hơi khác thường một chút là phải bị mổ. Lạ ! Tôi không biết mổ để làm gì cà ?

Mình nói vậy chắc họ bảo mình dốt. Mổ ra để khám nghiệm coi thử có bị độc điếc gì không, chớ để làm gì ? Chẳng vậy thì thôi, ai điên gì mà mổ cho dơ tay ?

Nhưng mà, nếu chỉ có vậy, thôi đã chẳng lấy làm lạ. Có khi như là không cần phải khám nghiệm mà cũng mổ, thì cái mổ ấy cũng nên hỏi.

Như mới rồi, vợ tên Xuân ở đường Paul Blanchy bị chồng nó đâm chết, – đâm chết đành rành, có nhiều vết thương, và có đem tới cò bót thị chứng nữa, – thây chở vô nhà xác, để đó, chưa cho chôn. Hỏi để làm gì ? Người lính canh thưa rằng : Để quan thầy mổ ra khám nghiệm.

Như vậy là nghĩa làm sao ? Thứ nó bị chồng nó đâm cho nhiều dao, họng đứt, ruột đổ, thì nó chết, chớ còn khám nghiệm gì nữa ? Chẳng biết khám nghiệm rồi còn sẽ phát giác ra cái tang chứng gì hơn sự đâm nhiều vích(*) đó không ?

Còn như nói mổ tử thi ra khám nghiệm coi thử có bị thuốc độc không, thì cái đó có lẽ. Nhưng đó là gặp khi cái chết bất minh kia, chớ người ta đã bị đổ ruột đứt họng mà chết, còn mổ gì nữa ?

Theo An Nam chúng tôi ngày xưa, gặp cái chết bất minh đi nữa, cũng không thèm mổ, chỉ theo phép "tẩy oan" mà khám nghiệm cũng đủ biết là độc hay không. Hà tất mổ mới biết ?

Khoa học của người Pháp giỏi như trời, bị độc hay không, nghiệm bề ngoài cũng đủ biết, cần gì mổ ? Chả có lẽ thầy Đại Pháp lại thua An Nam chỗ đó.

Có kẻ nói rằng : Nhờ có mổ như vậy để thêm sự duyệt lịch cho thầy thuốc. Song le, sự đó là sự học ở trường ; hồi ở trường như trường thuốc Hà Nội, đã mổ bao nhiêu cái tử thi rồi ; còn cái nầy, có phải người ta chết để cho mình lợi dụng mà học hay sao ?

Tôi chẳng phải hủ bại đến nỗi còn coi xác chết là trọng. Tôi biết, tôi quý tôi là ở lúc sống ; còn chết rồi, đem liệng xuống sông cho cá nuốt cũng được, đem bỏ trong rừng cho diều tha quạ đớp cũng được, hay là, nếu có ai mua thì xẻ ra mà bán cũng được, không nữa thì vùi đi làm phân bón cho lúa cũng được, tôi chẳng tiếc chi. Song cái kiểu mổ như vậy, tôi thiết tưởng chẳng có nghĩa gì, tôi lấy làm lạ.

Theo tôi thì vậy, chớ thiên hạ họ còn coi cái xác của họ là quý lắm, nghe nói mổ thì ai cũng lạnh mình. Chết mà bị mổ, ai cũng cho là vô phước. Nếu được khỏi mổ thì mất gì cũng chịu. Do cái tam lý ấy mà vừa rồi mới có chuyện ông thầy thuốc tây kia hăm(**)

(*) *vích* : vết.
(**) *hăm* : doạ.

mổ người ta mà ăn tiền, và bao nhiêu người đã mất tiền cho ổng vì sự hăm mổ ấy !

Huống chi, chánh phủ cai trị một dân nào, muốn cho dân ấy cho yên thì phải trọng cái mạng sống và cả đến cái xác chết của nó. Phải trọng của chúng nó, cho chúng nó cũng biết tự trọng lấy của mình. Hễ sợ chết, quý cái xác chết thì tự nhiên không dám làm gì ; không dám làm gì thì tự nhiên được yên ổn.

(*Bị kiểm duyệt bỏ*)

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6297 (14.11.1930)

TƯỞNG GIỚI THẠCH ĐỘ NÀY THẬT HẨU LÊN VỚI CHÁNH PHỦ ĐÔNG DƯƠNG

Các nhà chánh trị ngoại giao đời nay họ ở với nhau coi hay quá. Nói thì mích lòng chớ nhiều khi ngó họ trái chứng giống con nít. Tụi con nít chơi với nhau khi thì rầu rĩ thiếu điều quên cả ăn, khi thì đổ quạu rầy nhau om sòm, vậy mà hết hồi đó cũng chơi trở lại. Trong cuộc quốc tế bang giao ngày nay cũng vậy.

Tưởng Giới Thạch, hồi mới lên kế vị Tôn Văn, cử binh Bắc phạt, hồi đó va với Đông Dương mình thiệt là lạt lẽo. Mà lạt lẽo phải. Ai ngó thấy cái thái độ hăng hái của va mà không ghét ? Nếu Bắc phạt mà thành công liền, nước Tàu sửa sang việc nội trị, rồi cũng phú cường như ai, thì có khó chịu cho ai không ?

Bởi chỗ khó chịu đó mà có kẻ xúi cho nước Tàu nó nội loạn hoài. Nội loạn hoài đặng cho họ có mối hàng mà bán súng bán đạn. Huống chi cứ đánh nhau mãi thì bỏ công bỏ việc, mọi đường thua sút họ, thì lợi cho họ chớ sao ?

Nhưng mà nước Pháp mình khá, không có cái bụng xấu đó. Mấy năm trên, chừng như ý không ưa họ Tưởng, chớ rồi bây giờ cũng tử tế. Bởi vậy họ Tưởng dạo nầy đối với nước Pháp mới hết sức hầu (chánh hầu lcn).

Mình có lọt qua Tàu đâu mà biết, có điều nghe người ta học chuyện lại, ở bển, tại Quảng Đông ba bốn năm nay có một cái trường học võ bị An Nam. Người thì nói trường võ bị, dạy cho An Nam một mớ nhân tài quan binh, đặng sau về phục quốc lại ; người thì nói chẳng phải trường võ bị chi ráo, chỉ là trường dạy cách tuyên truyền cọng sản. Nói vậy hay vậy, biết ai phải mà nghe.

Chi thì chi, trường gì đó thì trường, mới trước đây có tin đã bị đóng cửa rồi ; mà đóng cửa là do lịnh của Tưởng Giới Thạch.

Chẳng là mới bữa trước đây, cách nay chừng mươi ngày, Tưởng Giới Thạch đã theo đạo chịu phép báp-têm rồi. Độc giả còn nhớ không ? Báo *Trung lập* có nói.

Nhơn đó, một tờ báo Tây ở Sài Gòn hôm qua đăng cái tin trường võ bị An Nam bị đóng cửa như đã nói trên kia, lại có đèo thêm mấy lời như vầy : Đó là tại Tưởng Giới Thạch trở về đạo nên mới đổi chánh sách.

Họ nói vậy thành ra tôn giáo có thể xoay trở cái khuynh hướng của nhà chánh trị. Có lẽ đâu. Tôi chẳng tin ngay ! Nếu vậy thì cái thuyết bác ái, "ái địch như hữu" của đức Chúa Jésus đã thiệt hành ra cả thế giới, và cả thế giới đã thành ra nước thiên đàng đi còn chi ? "dưới đất bằng trên trời vậy" đi còn chi ? Không, không phải đâu.

Đó giạc chừng như là cái bánh chi trao lại cho cái bánh ích trao đi bữa trước. Bữa trước ta đây đã đứng lập với Tưởng một cái thương ước mà trong đó va được bộn bề quyền lợi, thì bữa nay va phải trả lại chớ.

Đã chắc rồi, nước Tàu đặt tại Sài Gòn một lãnh sự, đặt tại Hà Nội một lãnh sự. Từ nay dân sự họ ở đây sẽ được biệt đãi như dân các nước mạnh khác.

Đã vậy mà những sản nghiệp Huê Kiều lập ra ở đất ta xưa nay, bây giờ họ cũng vẫn giữ y nguyên. Chỗ đó kiều dân các nước lại còn kém họ xa.

Như vậy, dầu bọn cách mạng An Nam có mấy chục cái trường ở Tàu lại chẳng bị đóng cửa ? Lạy lấy mà đóng cửa ?

Huống chi nước Pháp hồi nầy ở với Tàu hẩu hơn ai hết, thì tài chi Tàu không hẩu lại.

Trước đây ba bữa, nhằm ngày sanh nhựt Tôn Trung Sơn, quan công sứ nước Pháp nguyên trú tại Bắc Kinh cũng đã lật đật xuống Nam Kinh dự lễ chức mừng. Lại ông thợ đúc tượng người Pháp là ông chi đó cũng đã đúc xong pho tượng Tôn Trung Sơn, đợi đến ngày lễ ấy thì bày ra luôn thể cho có mặt quan công sứ chứng kiến. Bên nầy hẩu như vậy mà bên kia không hẩu lại, sao cho phải ?

Nói tóm lại rồi chỉ có thằng cha nào lẹt đẹt mà đứng giữa thì bị chẹt. Còn ai hẩu với nhau thì cứ việc hẩu, đến ngày nào ra sao đó nó ra.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6398 (15.11.1930)

CỨ HỄ ĐẶT TÊN CHO TỐT LÀ ĐƯỢC

Tối chúa nhựt vừa rồi, đi coi hát về, một tụi vừa đàn bà đàn ông đều thả bộ hết. Trong đó có tôi nữa. Đi đến chỗ ngã tư, ai nấy theo hướng của cái nhà mình, rẽ ra lợt đợt.

Ngả của tôi, một cặp vợ chồng đi trước, tôi đi sau. Con mắt buồn ngủ đứ. chơn không muốn bước, thủng thẳng đi sau ; đi sau mới nghe được chuyện.

Cái phép ở rạp hát ra, sao cũng trầm trồ những lão văn lão võ, mặt đỏ mặt xanh chi đó, mà cái nầy không, hai anh chị nầy chừng cũng là tay lịch duyệt việc đời, nói việc đời chơi.

À hay đa ! Nói việc đời nghe chơi chớ thứ hát bội, thường ; dầu cải lương đi nữa, cũng thường. Mà có lẽ, trong việc đời, lại nhiều cái trò thú vị hơn tuồng hát.

Chuyện là chuyện thời sự mới tinh hảo, nói nghe lại còn ngộ nữa.

– Nầy, anh Năm ơi ! – người vợ nói, – uổng tiền quá anh, mình mua năm số Tương tế mà chẳng trúng số nào hết, nghĩ lại tiếc quá !

– Mầy khéo, cái tên má con mầy với cái tên tao mà trúng khỉ khô gì được ! Má trẻ nè ! phen nầy tao quyết đổi tên lại đa, mầy.

– Khéo tin dị đoan. Đến hồi trúng thì trúng, chớ lại phải tốt tên mới trúng chớ ?

– Đồ đàn bà như mầy không có thể nói chuyện được ! Tao đã biết từ hồi ông già tao cậy người bưng trầu rượu đến nhà bà ngoại con Sứt kia mà !

Mình nghe đến đó, biết ngay rằng con Sứt là tên con gái của hai vợ chồng đó.

Người vợ bộ giận thì phải, nói gì cản nhẳn nghe không được. Kế anh chồng nói tiếp :

– Tội nghiệp cho cặp con mắt của mầy vô phước quá, chẳng hề biết đến tờ nhựt trình trắng hay đen ! Chớ sao, nói cho phải, tao khôn ra như ngày nay là chỉ nhờ ba tấm nhựt trình.

Mầy ngoáy lỗ tai ra mà nghe nè ! Cái số độc đắc đó, theo tờ báo nọ nói thì là tên Phước đã trúng, còn theo tờ báo kia thì là tên Xinh đã trúng. Để coi ai nhằm, nhưng Phước và Xinh đều là tên tốt hết. Ở đời chẳng có gì bằng có phước, mà xinh nghĩa là đẹp là tốt, trúng phải lắm.

Rồi đến cái số 5.000p, đó cũng về tay một anh thợ may ở tiệm Hữu Hạnh. Hữu Hạnh, tài chi không trúng số ? Mầy có thấy không ? Vậy đó mà còn của đâu cho trúng đến tao với mầy ?

Té ra chị vợ cũng lý sự chẳng vừa ; chồng nói dứt lời thì chị ta tiếp theo rằng :

– Nói vậy chớ ở đời nhiều việc phải nhờ tài học mới làm được ; nếu chỉ cậy cái tên tốt, thì nghe kỳ quá ; vô lý !

– Tao đã nói mầy ngu còn ! Thật mầy ngu ! Mầy không thấy cuộc tuyển cử nghị viên thương mại mới rồi, ông Bền ổng trúng

tuyển đó sao ? Ông đã "bền", thì ổng trịn hoài trên cái ghế nghị viên, dố ai làm gì cho ổng rời ra được ! Nội cái tên cũng đủ ổng khởi gia và phát tài rồi, cần gì tài với học. Thiệt tao không dè mầy đem ngu quá mấy anh hù !

Trong khi ấy thì người đàn bà lật đật chạy, nói đi về mau kẻo thằng Mẩu nó thức giậy nó khóc.

Một bà già ở trong phố kia, khuya rồi mà chưa chịu ngủ, ngó ra thấy cô Năm chạy thì kêu giật ngược lại mà rằng : "Chuyện gì mà mầy chạy dữ vậy, Cần ?"

Mình mới biết người đàn bà đó là tên Cần. Đẻ hai đứa con đặt con Sứt và thằng Mẩu. Đến khi về nhà nằm ngủ, mình mới đoán thử tên anh chồng là gì. Đoán là tên Hồng : Mà có lẽ đúng rồi. Trời đất ôi ! Hồng Cần Sứt Mẩu ! Nếu bà con nhà nầy mà ra ứng cử nghị viên thì ông Bền ổng nằm ngửa ổng ngủ, không thèm đi vận động chi cho mang tăm mang tiếng, phải bổ không. Bổ quá !

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6299 (17.11.1930)

TÔI LÀM TRẠNG SƯ CHO CỤ BÙI ĐÂY

Bữa trước, trên tờ báo nầy ông Phan Khôi có viết bài phê bình một bài đăng trong báo *Tiếng dân* của cụ Huỳnh Thúc Kháng ; kế đó, cụ Huỳnh viết lại, nói Phan làm trạng sư để binh vực ông Phạm Quỳnh. Ông Phan Khôi có thật binh vực ông Phạm Quỳnh chăng ? Tôi không phải là ông Phan Khôi, tôi đâu có biết ? Duy tôi đây, tên quai nôi là Thông Reo đây, hôm nay xin làm trạng sư binh vực cụ Bùi Quang Chiêu.

Cái thói người nầy công kích người kia, in tuồng họ rủ nhau. Khi làm lơ đi thì thôi, còn khi công kích, thì hết phiên người nầy đến phiên người khác. Họ làm cái kiểu như vậy mà ai dám đưa xác ra chịu cho nổi ?

Lại còn bên người bị công kích cũng cứ bị một lần rồi bị hoài, như là gặp năm rốt tam tai, những sự xuôi xẻo ở đâu nó kéo đến cả đống, thiệt là khó chịu.

Vậy mà nếu có ai lấy làm tội nghiệp, ra tay binh vực, thì lại cũng bị công kích luôn. Ôi ! Ở đời như vậy, thôi, hết chỗ làm đoan làm phước !

Thây kệ ! Trận nầy mình phải liều đi mà binh vực cụ Bùi, được chút nào hay chút nấy.

Trước đây, *Phụ nữ tân văn* có một bài "hài tội" cụ Bùi ; *Đuốc nhà Nam* đã vì cụ trả lời, cãi giùm cho cụ. Nhưng các bà bên *Phụ nữ* cũng không nghe, vừa rồi lại có một bài đáp lại *Đuốc nhà Nam* mà công kích cụ Bùi thiệt gắt mấu.

Các bà bên *Phụ nữ* trách sao cụ Bùi không hùn vốn với người An Nam để làm ruộng, lại hùn vốn với người Tây mở đồn điền ở Canh Đền ? Cái đó cụ Bùi chẳng khó gì trả lời. Giá tôi làm cụ Bùi thì hỏi trở lại rằng : Chớ sao trong hàng phụ nữ các bà lại có người không "hiệp cổ" với An Nam mà lại "hiệp cổ" với Tây với Khách ?

Còn vụ Thương khẩu, trách cụ Bùi sao trước kia công kích mà sau lại vào hùn ? Câu trách nầy là dễ tức cười hơn hết.

Có điều các bà không nghĩ, chớ cái đó là tại các bà sử giặc ra, chính là tại *Phụ nữ tân văn* bày cho cụ Bùi làm. Bởi vì trong báo ấy có đăng mấy bài của ông Võ Xuân Lâm, nói trân trân rằng "Luật mâu thuẫn không thích hiệp với tư tưởng giới nữa". Chính mấy bài ấy biểu cụ Bùi nhúng tay vào cái lợi quyền của vụ Thương khẩu.

Phải chi luật mâu thuẫn còn thích hiệp với tư tưởng thì trước kia cụ Bùi công kích, nay cụ Bùi vào hùn, mới là trái nhau. Chớ cái nầy, luật mâu thuẫn đã bị xóa rồi, thì cụ Bùi làm như vậy quả là vô hại.

Các bà còn nói rằng từ ngày cụ Bùi vay 50 ngàn đồng của hãng Fontaine và hãng nầy cho báo *Tribune Indochinoise* mỗi

tháng 500 đồng, rồi thì cụ Bùi không hề viết một chữ nào nói về độc quyền rượu nữa. Mà có viết thì người khác viết, chớ cụ Bùi chẳng hề viết.

Cái đó các bà công kích cụ Bùi mà chính là trở lại làm vẻ vang cho cụ, tỏ ra cho thiên hạ biết rằng cụ là người kẻ lớn, đã hứa với ai điều gì, ấy là giữ lời chẳng sai.

Trong xã hội nầy, tôi thấy có lắm kẻ ăn tiền của người ta mà trở lại bẻ giò ngắt cánh người ta, nghĩa là nhè cái người mình ăn tiền đó mà công kích. Cụ Bùi là bậc lão thành, không thèm làm như vậy. Cụ đã lấy tiền của hãng Fontaine rồi thì mọi sự cũng đều xí xóa cho hãng ấy đi. Như vậy là tốt lắm. Cụ làm như vậy cho những kẻ kia, những kẻ ăn tiền người ta trở lại phản đối người ta đã nói đến đó, sẽ mắc cỡ mà chết, như là lão Võ Công là cha vợ hụt của chàng Vân Tiên ngày xưa vậy.

Còn nhiều điều nữa, tôi muốn đem ra hết thảy mà cãi giùm cho cụ Bùi ; song làm như vậy, được phần cụ rồi, còn phần tôi, tôi lại sợ cho tôi.

Rủi mà vì việc nầy, tôi lại bị công kích, phỏng có ai làm trạng sư cho tôi không ? Còn có vài ba tháng nữa, xin để cho tôi qua khỏi năm này là năm La Hầu chiếu mạng !

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6301 (19.11.1930)

MỘT BỌN PHÁ ĐÁM

Gần đến lứa cử Hội đồng quản hạt rồi. Số là Hội đồng quản hạt bốn năm một lứa, mà lứa nầy chậm đi hết non một năm, cho nên thiên hạ coi bộ xăng văng dữ. Đảng nầy lo kiếm người làm vây cánh cho mạnh thêm để ra giành giựt với kẻ khác ; phe kia cũng rục rịch vận động nọ kia, hầu cho mình được trồi đầu lên. Còn mấy ông không phe không đảng đứng lẻ một mình, liệu thế cũng không

mạnh, lại đi rủ ren bạn bè đứng chung một sổ, mong cho vì cớ bện nài với nhau mà đắc cử.

Bởi vậy, những kẻ đi vận động giùm dâu đâu cũng thấy dấu chưn, thiếu điều đụng đầu nhau lốc cốc cả miền Lục tỉnh. Còn tới hơn 20 ngày nữa, mà bữa nay "con công" đã bay, "con rồng" đã múa, "trâu bò" đã nhảy đầy đường.

Trời ơi ! Quốc tổ Hùng Vương ôi ! Ngài có ngờ đâu giữa con Rồng cháu Tiên ngày nay lại có cái quang cảnh rộn rịp lạ lùng như vậy !

Ở nước người ta sao lại không có tuyển cử ? Mà tuyển cử sao lại không có vận động ? Mà vận động sao lại không dùng tiền ? Duy có một điều, cách họ dùng tiền khác, còn cách mình dùng tiền khác.

Ở nước người ta, những người ra ứng cử đều có tài sản sàn ngang nhau, học thức chánh kiến suýt soát bằng nhau ; chỉ có chủ nghĩa về chánh trị thì mỗi người một khác, mỗi đảng phái một khác. Tài lực đồng nhau rồi, duy có ai cũng muốn thiên hạ theo chủ nghĩa mình, nhận mình làm kẻ hướng đạo để đi trên đường chánh trị, muốn như vậy mà làm thế nào ? Khi ấy họ mới viết bài lịch trần, mở cuộc diễn thuyết, cốt phô bày ý kiến mình cho người ta biết. Song làm vậy đó cũng còn chưa chắc được, họ mới bất đắc dĩ mà lôi tiền ra để đãi đằng cử tri ; có khi ngặt quá mà phải mua thăm thì họ cũng mua vậy.

Nói tóm lại, người ứng cử nghị viên các nước cũng dùng tiền vận động, chỉ duy họ cậy đồng tiền mà vận động để thiệt hành được cái chánh kiến của mình hầu cho ích nước lợi dân.

Còn ở ta đây, người ứng cử lại dùng tiền vận động vì mục đích khác. Họ coi cái chức nghị viên cũng như chức huyện hàm, bên nầy bỏ tiền ra vận động cũng như bên kia bỏ tiền ra quyên.

Tôi mà có nói láo thì trời vật tôi đi, đừng để cho sống nữa !

Thiệt có người thở thiếu điều không ra hơi, mà không biết làm sao cũng dám lò mò ra ứng cử ?

Chẳng nói gần nói xa chi hết, thiệt họ chỉ cậy có ba đồng bạc, tính liệng ra mua thăm của cử tri cho đắc cử mà thôi. Hễ đắc cử một cái, ấy là họ lên mặt Hội đồng, chạm vào tấm bảng thiệt lớn mà treo trước ngõ mình chơi.

Nếu cử tri ngửa tay ra lấy tiền của những người ấy, là lỗi của cử tri, sau đừng có trách những hội đồng "ùy" nghị viên "gật".

Tôi nói cho các ông ra ứng cử biết rằng hiện nay đã có những người ghét cái thói "mua hội đồng" ấy lắm, nên họ đã rủ nhau lập ra một bọn kêu là "bọn phá đám". Họ chẳng làm gì khác hơn là chăn lấy một bên cử tri, hễ người ứng cử vào bỏ tiền ra mua thăm thì họ biểu cử tri cứ việc lấy tiền, nhưng đến chừng bỏ thăm thì lại lựa người xứng đáng mà bỏ, chớ không bỏ cho người mua ấy.

Bọn phá đám ấy đã bắt đầu từ Sài Gòn đi Lục tỉnh rồi. Họ sẽ đến từng nhà của cử tri mà bày cái mánh lới ấy cho. Tôi nhạy miệng nói ra đây, là vì sợ mấy ông mất tiền tội nghiệp.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6302 (20.11.1930)

CÓ LẼ ÔNG OUTREY SẼ BỊ ÁN VU CÁO

Độc giả còn nhớ vụ ông Bùi Quang Chiêu kiện ông nghị Outrey chớ. Số là, ông Outrey viết trong báo nào đó, nói ông Bùi là "phản Pháp" (antifrancais) ; ông Bùi không nhịn, mới thọc đơn vô tòa kiện ông Outrey.

Lạ gì cái sự phản Pháp của ông Bùi, chừng mười năm trở lại đây, ai lại chẳng nói ? Ai ngó thấy công việc ông làm mà chẳng cho ông là nghịch với nhà nước, là ghét tây ? Huống chi đã lâu nay ông được người An Nam yêu kính, tôn cho làm lãnh tụ ; một phen rước ông ở bến tàu, thiếu điều vì ông mà hàng mấy vạn người gây chuyện với một bọn người Pháp. Thấy như vậy, người ta nói ông

phản Pháp là phải, vì có không theo nhà nước mới được lòng dân như vậy.

Nói thì ai cũng nói hết, nhưng kiện thì ông lựa người ông kiện.

Phải chi người An Nam nào, hoặc Thông Reo đây chẳng hạn, đi cùng khắp Lục tỉnh, lên cho tới miệt Nam Vang nữa, mà hô lên nói ông Bùi phản Pháp, thì ông cũng chặc lưỡi sơ sơ, nói rằng : "Thằng cha Thông Reo khéo nhiều chuyện !" thế thôi. Mà ở ngoài làm bộ chặc lưỡi, chớ trong bụng chắc ông đắc ý thầm, không chừng, ông còn dông xe hơi đi kiếm cho được Thông Reo mà cho tiền nữa đa.

Chớ cái ngòi viết của Outrey tiên sanh lợi hại lắm, lợi hại chẳng kém chi ngòi viết của De Lachevrotière tiên sanh bữa hôm hạ tuần tháng Juin mới rồi.

Phải kiện. Không kiện, không được đa. Dầu biết rằng kiện chẳng ăn thua chi, nhưng cũng đầu đơn. Dông xe hơi kiếm Thông Reo cho tiền và đầu đơn kiện Outrey là hai việc mà ông Bùi đều phải làm vì cớ lương tâm.

Giả mà hồi đó chứng cớ gì chắc chắn để tỏ ra ông Bùi không phải phản Pháp, thì bên kia ông Outrey đã mang cái lỗi vu cáo rồi, ít nữa tòa cũng ghép vào mặt luật phỉ báng (diffamation), phạt đôi ba quan tiền vạ. Nhưng mà, may cho ông Bùi, cũng may cho ông Outrey, bấy giờ thầy kiện của bên tiên cáo không kiếm ra được cái chứng cớ gì loại như vậy.

Phen nầy thế nào vụ ấy cũng phải rục rịch lại, dầu hồ sơ đã đốt ra tro rồi mặc kệ.

Ừ, Thông Reo không ăn chi chớ cũng rán đốc cho ông Bùi kiện lại ông Outrey để ông nầy bị phạt ít nữa là một quan chơi cho bõ ghét.

Bởi vì lúc nầy có chứng cớ rõ ràng ông Bùi đi một phía với chánh phủ, tỏ ra lời ông Outrey là vu cáo.

Mới rồi cái bài ông Bùi trả lời cho *Phụ nữ tân văn* được sở giây thép gió của (.....)(*) truyền đi khắp lục tỉnh. Nếu chẳng phải ông Bùi đồng tâm với chánh phủ thì sao được như vậy ? Nếu ông Bùi là phản Pháp, thì (.....)(*) đâu có binh vực cho ông ?

Thế mà làm sao ông Outrey dám xách quai nôi ra, kêu Bùi Quang Chiêu là phản Pháp ?

Mình là dân đen, không được thông minh như người ta, chớ hễ cái gì nó đã rõ ràng ra thì mình lại sợ ai mà chẳng biết ? Như cuốn sách nho nhỏ in ba bài nói về hiến pháp của ông Phạm Quỳnh gởi tặng khắp Trung-Bắc kỳ, và cái bài ông Bùi được truyền thanh bằng vô tuyến điện đây, thì mình phải coi như là của "quốc gia" cũng như người ta thường rao trên báo rằng bán "đất quốc gia" vậy.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6303 (21.11.1930)

LỜI LỊCH TRẦN CỦA TÔI

Hiện nay cuộc tuyển cử hội đồng quản hạt đã bắt đầu sắm sửa rồi. Những người ra ứng cử ai nấy đã lo vận động cho mình. Ai đứng chung sổ với ai, ai đứng riêng một mình, cũng đã phô ra cho cử tri biết.

Người quen kẻ cũ, như mấy ông trong đảng Lập hiến, thiên hạ biết rồi, chỉ vác cái tên đưa ra là được. Còn ông nào mới ở trong bờ trong bụi ló ra, phải có bài lịch trần đem lý lịch và tài học và chánh sách của mình kể đại ra trên báo.

Có mình tôi ngặt quá. Tôi quyết ra ứng cử phen nầy, song mới vừa đưa đơn thì người ta đã giao trả về, bác đi, nói rằng : "Kiếm tháo mồ hôi hột mà cả trong bộ đinh(*) Nam kỳ, cho đến sau lề nữa, cũng chẳng có cái tên Thông Reo ở đâu hết !"

(*) các chỗ này bản gốc để trống một vài từ, có lẽ đã đục bỏ trước lúc báo in.

(*) bộ đinh (*bộ* : sổ sách ; *đinh* : người thành niên) : sổ thống kê dân thường tại từng địa phương.

Thôi, cái phận mình đã không có, thôi cũng đành liều với phận ! Ngoài ra sự ngồi mà thở vắn than dài, trách cha mẹ sao đặt cái tên xấu háy, thì chẳng còn cách vận động nào nữa, hầu vớt lại muôn phần lấy một !

Mình không được ra hội đồng phen nầy, chớ còn cái bài lịch trần thì có ai cấm ? À ! sẵn đây ta viết đại đi, thỏ thẻ cùng hết thảy cử tri yêu quý của ta mấy lời :

Hỡi đồng bào !

Lời lịch trần mà tôi thỏ thẻ cùng cử tri đây, không phải lịch trần chuyện của tôi, mà lịch trần những sự tình tệ trong cuộc tuyển cử. Nhơn tiện cũng lịch trần luôn cho anh em một cái mánh lới trong sự đối phó với người ứng cử.

Lạ gì, anh em cử tri há lại chẳng biết gặp dịp như dịp nầy, có nhiều kẻ đem tiền bạc ra mua chức tước hay sao ? Vẫn biết nghị viên hội đồng quản hạt đặt ra để binh vực quyền lợi cho đồng bào ta, chớ vốn không phải là chức tước như huyện hàm hay là đốc phủ hàm của nhà nước. Song le lâu nay người ta đã tập thành thói quen đi rồi, coi nghị viên cũng như huyện hàm, hễ mua được thì mua.

Dốt nát, ngu đần, chẳng biết ăn nói chi hết mà đem tiền ra mua nghị viên, rồi đến lúc có nhóm bàn chuyện chi thì cứ ngồi mà "ùy" mà "gật", thiệt cái đó là sỉ nhục hết sức, chẳng có chút nào vinh diệu. Vậy mà họ đã trót dại, cho cái đó là vinh diệu, cầm cầy cầm cục đem tiền ra mua, thì mình mới làm sao họ được bây giờ !

Âu là chi, nhơn kế tựu kế, anh em cũng thừa dịp nầy kiếm ít nhiều xài chơi cũng đỡ.

Lúa mọi năm, bữa rày đã cúi rồi, năm nay bị nắng, nghẹn họng không trổ được, anh em chẳng thấy sao ? Mọi đồ vật thực lên giá hết, mà việc làm lại không có, đến xin việc hãng nào, họ cũng mời ra, anh em chẳng thấy sao ? Không đợi rờ lưng anh em, tôi coi tướng thì biết người nào người nấy đều lạnh ngắt.

Như vậy, có ai lòi đồng tiền ra, lại còn đòi cầm mà nhét vào túi anh em, thì tội chi anh em không lấy ?

Cứ việc lấy đi. Có ai dạn, bỏ tiền ra, hoặc ít hoặc nhiều bất kể, mà mua lá thăm nghị viên hội đồng quản hạt phen nầy, thì anh em cứ việc ngửa tay ra thâu hết ráo ! Sự đó chẳng qua sớt bớt cái túi nhà giàu để đỡ ngặt cho anh em, lấy là vô hại. Quả thật vô hại.

Có một điều nên nhớ là : lấy tiền thì lấy, nhưng chớ hề bỏ thăm cho cái người đút tiền cho anh em đó. Anh em hãy lựa người nào mình ưng ý mà cử ; còn cái người đã vác tiền ra đút lót mình, ấy là người dở nên mới làm càn như vậy, mình đừng thèm bỏ thăm cho họ. Thử coi họ hút gió chớ làm gì !

Anh em cứ việc làm như vậy đi, có tội trời thì tôi xin gánh hết cho !

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6304 (22.11.1930)

CƯỚI ÍT ĐẺ NHIỀU

Bây giờ người Sài Gòn ta ngồi nói chuyện nhàn đàm chơi, thử hỏi trong một năm, ở đây, người An Nam ta có bao nhiêu cặp vợ chồng lấy nhau, thì chắc không ai biết đường mà nói. Song ai nấy thử phỏng chừng, thì cũng phải phỏng đến chỗ mấy trăm cặp là ít.

Có ngờ đâu sự thiệt lại khác xa. Từ ngày 1er Janvier 1929 cho đến 1er Novembre, nghĩa là mười tháng chẵn, mà con Rồng cháu Tiên ở đất Sài Gòn nầy chỉ có 8 (tám) cặp sánh duyên loan phụng. Còn như kể luôn cả năm 1929 thì cũng chỉ có 11 (mười một) đám.

Qua năm nay, kể từ 1er Janvier cho đến hết Octobre, mười tháng tròn, cũng lại chỉ có 9 (chín) đám cưới ở Sài Gòn của người An Nam.

Đổ đồng ra, trên mười vạn dân mà mỗi tháng chỉ có một cặp lấy nhau thôi.

Dân tộc nào cũng phải lấy đông làm mạnh. Mà An Nam ta cưới sơ sài như vậy, rồi đúc đời nào cho ra dân để mà chịu lại với thiên hạ ?

Nhưng mà đừng thèm lo. An Nam ta cưới gả thì ít, chớ được cái đẻ nhạy lắm, chẳng ai bằng !

Năm ngoái, số lấy nhau chỉ có 11 cặp như mới vừa nói trên kia, vậy mà năm nay đẻ ra vô số. Nói thì vô số chớ đếm được. Từ bữa 1er Janvier đến hết Octobre, có 3588 đứa trẻ An Nam vừa trai vừa gái ra đời.

Nếu theo cái điệu nói của tôi và cái số mục đã khai trên đó mà tính thì một cặp vợ chồng đẻ ra đến 324 đứa con rồi hay sao ? Như vậy thành ra vô lý quá, chuyện đâu lại có chuyện thế ?

Nói thiệt ra thì 3588 đứa trẻ đó lọt lòng ra trong mười tháng nay đó, là có con của những vợ chồng cưới nhau đời tu hít tu lai nào, chớ còn 11 cặp mới lấy nhau năm ngoái, giỏi lắm năm nay mỗi cặp chỉ đẻ ra mỗi đứa, cọng mười một đứa là cùng.

Rút lại, chúng ta chỉ nên hỏi cái số 11 cặp lấy nhau năm ngoái đó có phải là số đúng không ?

Số đó là theo bổn thống kê (statistique) của Sở Bộ đời (Bureau de l'Etat-Civil)(*) mới phát biểu, song chắc là không thật.

Người Pháp ở đây có bao nhiêu, mà năm nay, từ Janvier đến Octobre, có 90 cặp kết hôn ; sao người mình đông hơn họ gấp mấy chục lần mà lại chỉ có chín cặp ?

Thiệt ra thì tại người mình lấy nhau phần nhiều không theo lệ tới xã Tây làm hôn thú, không vô sổ, cho nên số hôn thú mới ít xỉn như vậy.

Có tờ báo Tây nói đến chuyện nầy, họ kết luận rằng : "Đó là tại người An Nam giữ thói cũ, theo tục lệ ông bà, phần nhiều chỉ bằng lòng kết hôn trước mặt pháp luật"(**).

(*) Bureau de l'état-civil : phòng hộ tịch.

(**) Có thể ở bản gốc chỗ này câu trích dẫn bị in thiếu. Lẽ ra câu đó nhận xét số đông ở người Việt chỉ kết hôn với sự chứng kiến của làng họ chứ ít chú trọng đăng ký kết hôn ở cơ quan quản lý.

Theo tôi thì kết hôn thế nào cũng được hết, trước mặt làng họ hay trước mặt luật cũng vậy, miễn cho nên vợ nên chồng có con có cái thì thôi. Duy có một điều, làm kiểu đó thì đặt Sở Bộ đời ra là hết một phần vô ích. Đặt Bộ đời ra cốt để làm Thống kê cho được đúng, mà đã vậy thì có ăn thua gì ?

Ngày nay, chúng ta còn sờ sờ đây chẳng nói làm chi. Chớ một đôi trăm năm nữa, con cháu chúng ta cứ coi vào sổ thống kê và lấy đó làm bằng, không khỏi chúng nó sẽ trầm trồ tụi ông bà mình xưa kia thiệt là mạnh đẻ ! Một năm chỉ có 11 cặp vợ chồng lấy nhau mà đẻ ra đến 3588 đứa con, thế một cặp đã đẻ đến 324 đứa và có lẽ không đầy nửa đứa nữa !

Chắc thế nào chúng nó cũng sẽ tính như vậy !

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6305 (24.11.1930)

ÔNG TRỜI ÔNG THỬ LÒNG TỪ THIỆN CỦA NGƯỜI TA

Ở trong nước, mỗi khi có tai nạn thình lình, như là bão lụt, cháy nhà, mất mùa, đói kém v.v. những kẻ có tiền thường rủ nhau bỏ ra kẻ nhiều người ít, giúp cho người bị nạn. Việc họ làm đó kêu là việc từ thiện ; mà sở dĩ có làm việc ấy là do nơi lòng họ mà ra, lòng ấy kêu là lòng từ thiện.

Theo triết học Khổng Mạnh nhà ta thì tánh người vốn lành (tánh bổn thiện), lòng trắc ẩn ai nấy đều sẵn có, duy đợi có cảm xúc bên ngoài mới phát ra. Lòng từ thiện tức là lòng trắc ẩn.

Nếu vậy, hễ không có tai nạn thì thôi, chớ đã có tai nạn xảy ra, có người bị tai nạn, mà người ấy là đồng bào với mình, thì tự nhiên những kẻ ở ngoài vòng tai nạn phải cảm xúc mà động lòng trắc ẩn, rồi đổ xô nhau ra làm việc từ thiện.

Đó là do một cái thuyết của thánh hiền mà suy luận ra, chớ thiệt sự ở đời đâu đã chắc như vậy. Tôi thiệt không dám tin quyết

rằng người ta sẵn có lòng từ thiện, hễ gặp tai nạn thì cứu giúp, bất kể mấy lần.

Tôi không tin, nhưng tôi để bụng. Còn ông Trời, ông cũng không tin như tôi, song ổng được hơn tôi cái có quyền, hễ không tin thì ổng thử.

Ngay đầu năm đây, nhơn hai tỉnh Thái Bình, Nam Định ngoài Bắc bị nạn lụt, dân sự chết đói, ở Sài Gòn ta các ông hào phú – cả các bà nữa – mới xin phép mở cuộc lạc quyên, gởi tiền, gởi gạo ra ngoài rần rần rồ rộ. Thiên hạ ngó vào, ai cũng khen ngợi dân Sài Gòn ta chẳng những giàu về đồng tiền mà cũng giàu lòng phước đức.

Duy có ông Trời ở trên cao, ổng nghe nói mà ổng không tin. Ổng nói rằng : "Tụi nầy nó chẳng hề bỏ qua một dịp làm lấy tiếng. Đây hoặc giả chúng lại làm lấy tiếng chơi, chớ từ thiện gì mà từ thiện !"

Đức quốc tổ Hùng Vương, từ ngày cung xa án giá, vẫn được ngồi bên hữu Thượng đế, nghe vậy, ngài mới ngỏ một vài lời mà bào chữa cho con cháu mình rằng : "Không đâu, chúng nó lòng thành thực mà. Thượng đế há chẳng thấy việc giúp dân Bắc kỳ xong rồi mà cái "hội Nam kỳ cứu tế nạn dân" chúng vẫn còn để đó, trở nên một hội thường xuyên sao ?"

Cái gì thấy tạn(*) mới tin, ấy cũng là một sự hơi cừ. Không ngờ cái tánh cừ đó ở dưới trần nầy thì tôi là một mà trên kia ông Trời nữa là hai. Ai phân giải mặc ai, ổng nằng nằng không chịu, nhứt định để thử đã.

Mới rồi đây ổng mới ra hiệu lịnh cho Phong phá, Võ thần, Thiên lôi, Thiên tướng chi đó không biết, nhè chính đất Nam kỳ nầy mà xuống cho tai nạn. Một trận bão rất to thổi trốc hết nhà cửa, nhận chìm hết tàu bè, suốt một hòn cù lao Côn Lôn và một hạt Cà

(*) *tạn* : thấu đến nơi, sát một bên, cùng tột (H.T.Paulus Của, sđd.).

Mau. Quốc tổ Hùng Vương khẩn khất lắm ổng mới "rút phép lại", không thì chết rệp hết !

Bị nạn không có mấy, chừng mười lăm ngàn người không nhà ở, không cơm ăn, hiểm hơn Bắc kỳ ngày nọ một điều nữa là không nước uống, thật cái tai nạn nầy không nói tới thì thôi, chớ nói tới thì nó là cái tai nạn lớn, chớ không phải vừa.

Ông Trời ổng khuấy người ta xong rồi ổng ngồi, ổng cười gằn nói : "Để coi !"

Ổng chơi thiệt ác. Cách hai bữa rày ổng còn nhè bên Pháp mà bão lụt, phá hại lung tung nữa. Tôi biết ý ông rồi, tôi cũng để coi !

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6306 (25.11.1930)

ĐÀN BÀ ĐA SỰ QUÁ

Phụ nữ tân văn số vừa rồi có một đoạn đứng một mình một cõi chẳng ăn nhập vào bài nào hết, mà đóng khuôn rất cẩn thận, làm như các bà sợ nó chạy mất đi hay sao chẳng biết ! Đoạn ấy như vầy:

"Kỳ tuyển cử nầy quốc dân ta phải quét cho sạch hết thảy những thứ đại biểu không đủ tư cách, không có lương tâm đi ; nhứt là thứ đại biểu lợi dụng, lấy quốc dân làm một món đồ hàng đem bán cho bọn tư bổn để mưu lợi riêng cho họ. Những kẻ làm thù hạ cho bọn tư bổn có quyền lợi nhiều khi trái hẳn với quyền lợi của ta có thể làm đại biểu cho ta được không ? Không ! không ! không ! Vì nếu binh vực quyền lợi của ta thì hại tới quyền lợi của chủ họ, họ đâu có dám ? Vậy nếu ta cử họ ra thay mặt ta thì ấy là ta đưa dao cho họ đâm cổ ta đó".

Đoạn ấy lại còn in chữ thiệt to, như là muốn cho ai nấy mở cuốn báo ra đọc thì phải để mắt vào đó.

Có nhiều kẻ thấy mấy hàng chữ đó mà ghét, hết cớ cũng muốn "quét cho sạch đi". May nhờ các bà tinh ý, đóng khuôn lại, không

thì họ đã rủ nhau quét sạch bách, còn ai thấy nữa ?

Phụ nữ Việt Nam ta ngày nay thiệt là đa sự quá đi thôi. Các bả đã toan ra sân tơ ních nhẩy vọt như bọn mình, các bả lại còn xen lo vào việc chánh trị nữa.

Hèn chi thánh nhân ngài nói phải. Nhớ trong sách *Luận ngữ*, đức Khổng Tử có nói rằng "Phụ nhân bất ngôn, ngôn bất hữu trúng". Nghĩa là : Đàn bà không nói ; nói ắt có điều nhằm.

Thiệt các bả nói nhằm lắm. Những thứ đại biểu không có tư cách, không có lương tâm mà để làm gì không quét đi cho sạch ? Lại đến thứ đại biểu lợi dụng, lấy quốc dân làm món đồ hàng đem bán cho bọn tư bổn, để mưu lợi riêng cho họ, thì còn cử họ lên làm gì ?

Hạng ấy tức là hạng làm thủ hạ cho bọn tư bổn đó. Riết lại trong mấy hàng, các bả chỉ xúi cho đồng bào cử tri đừng cử những kẻ ấy thôi.

Các bả nói trống không như vậy mà ai biết đàng ở đâu ? Ai biết được người nào là thủ hạ của bọn tư bổn mà đừng cử ?

Cho nên tôi nói các bả đa sự là phải lắm. Mấy hàng đó mới đăng trong *Phụ nữ* số nầy, chớ đã dợm nhiều lần trong *Phụ nữ* từ mấy kỳ trước.

Nói ra thì thành tôi nhạy miệng, không khéo lại bị các bà đứng đầu chợ Bến Thành các bả mắng cho mà coi. Chớ thiệt các bả nhiều chuyện quá ; tuy nói trống không như vậy mà thiếu điều xách quai nôi từng người ra hết đó.

Không tin thì lật mấy số *Phụ nữ* gần đây ra mà coi. Trong đó đã nói ông Bùi Quang Chiêu thế nầy, lại còn nói ông Trương Văn Bền thế khác. Các bả nói rõ rằng hai ông ấy làm thủ hạ nhà tư bổn.

Rồi đến bữa nay đây biểu quét sạch những thứ nghị viên ấy đi, tức là biểu đừng cử ông Chiêu, ông Bền cùng những người như hai ông đó chi ?

Tôi chịu thôi ! Các bà đa sự quá. Vì công việc nầy là công việc của đàn ông, mà trong đám họ chẳng thấy ai nói được như các bà ; các bà nói, nên các bà thành ra đa sự !

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6307 (26.11.1930)

CHÁO NGÔ

Độc giả chắc không thể nào quên được cái người kêu là "anh Bốn Huế" mà mọi lần ông Tân Việt thường nhắc đến trong báo *Thần chung*, là tờ báo có giá trị lắm ở Sài Gòn ta đã bị tam ban trào điển. Chỉ có anh Bốn Huế thì mới nói được nhiều câu giả ngộ ngộ bất kinh. Từ lúc ông Tân Việt không có tên trên tờ báo nào nữa rồi, anh ta lại tò mò đến làm quen với Thông Reo, là người anh em ruột khác mẹ khác cha với Tân Việt.

Gặp khi Thông Reo cầm tờ báo Tây đọc, vừa đến cái đầu đề bằng ba chữ là : "Le chaos chinois". Lạ gì cái học lực về Pháp văn của hạng thông ngôn như tôi, có được mấy chút. Nhìn đến ba chữ "Le chaos chinois" mà cặp mắt khờ khờ, cái miệng cũng đú đớ. Thôi, qua mặt ai, chớ không qua mặt anh Bốn làm chi, cậy anh Bốn cắt nghĩa nghe chơi. Chớ phải chi hồi trước tôi đi học mà gặp được ông thầy cắt nghĩa như anh Bốn thì thôi, tôi giỏi đến đâu, làm gì biết ba trật ba duộc như bây giờ ! Cái người làm sao mà có tánh kỹ lưỡng quá, hỏi có bảy nhiêu chữ mà cắt nghĩa dài bằng đây xuống đến cầu Ông Lãnh !

Anh Bốn Huế tằng hắng lấy giọng một cái, rồi cắt nghĩa cho tôi nghe như vầy :

"Chaos chữ ấy trong tiếng Pháp, nghĩa là hỗn độn. Nguyên nghĩa đen nó chỉ về sự xào bần ở hồi trời đất chưa chia ra, lu bù(*)

(*) *lu bù* : che khuất, mờ mịt (theo H.T.Paulus Của, sđd.).

một đống đen thui thủi, nhứt thiết cái gì cũng không có, không phân biệt ra cái gì hết. Hiểu chưa ? Hiểu rồi thì cắt tiếp nghĩa bóng.

Nghĩa bóng của chữ chaos là chỉ về sự xạo xự, rối ren, bậy bạ không có trật tự trong một nước ; ví cũng như một đống hỗn độn hồi đời hồng hoang.

"Le chaos chinois" là đặt theo nghĩa bóng đó. Nước Tàu trong vài chục năm nay rối ren lộn xộn, cứ loạn đi loạn lại hoài, cho nên nói như vậy. Vậy, nắm ba chữ đó mà dịch ra thì dịch như vầy : "Cuộc hỗn độn của Trung Hoa", hay là "Cuộc phân loạn của Trung Hoa". Nhưng mà nghĩa trên đó là theo tự vị Lang Sa ; còn theo tự vị của tôi, anh Bốn Huế nói luôn, thì "le chaos chinois" nghĩa là "cháo Ngô", chớ chẳng nói gì cho lôi thôi hết.

"Chaos", tiếng An Nam là cháo ; "chinois", tiếng An Nam là Ngô, bởi vì chúng ta quen kêu "chinois" bằng khách Ngô. Khách Ngô hay nấu một thứ cháo đặc sệt, để ăn điểm tâm vào buổi sáng. Chính trong chữ cháo Ngô cũng có nghĩa là hỗn độn ; vì nước không ra nước, cái không ra cái. Bởi vậy, An Nam ta, khi thấy cơm nấu nhão, thì kêu là cơm gì mà giống như cháo Ngô.

Cho nên dùng chữ cháo Ngô mà dịch chữ "La chaos chinois" cũng đúng nghĩa mà lại hay nữa. Hay, lại còn tiện, vì nói rộng ra đâu cũng được, không cứ gì cuộc hỗn độn nội nước Tàu.

Như ở ta đây, đảng Lập hiến cũng là cháo Ngô. Rồi đến cuộc tuyển cử phen nầy cũng là cháo Ngô. Vì chưng nước không ra nước, cái không ra cái, cũng đen thui thủi một đống như hồi chưa khai thiên lập địa.

Ông thầy kiện Dương Văn Giáo vốn là người khai sanh cho đảng Lập hiến tại bên Tây, mà cứ như lời ông nói hôm qua trong *Trung lập*, thì ông không dự vào đảng ấy mà lại còn như muốn phản đối. Như vậy, chúng ta biết đường đâu mà rờ ?

Đến cuộc tuyển cử nầy mới càng khúc mắc nữa, ông Dương Văn

Lời, ông Nguyễn Tấn Được, trước kia nghe nói đi với đảng Lập hiến, té ra bây giờ lại không. Như vậy là cái gì ?

Nước không ra nước, cái không ra cái, ấy là "chaos chinois" đó, ấy là cháo Ngô đó !"

Cầu Trời khấn Phật cho Bốn Huế sống hoài hoài để cắt nghĩa !

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6308 (27.11.1930)

CUỘC PHỎNG VẤN DIÊM VƯƠNG

Mới rồi, thấy ông Đông Châu viết trong mục "Nhựt đàm" của báo *Sài thành* là tờ báo mới ra đời tươi rói, nói về chuyện ở nơi Âm ty đã đặt ra các môn hình phạt để chờ tra vào cổ những anh viết báo nào mà cổ động tầm bậy trong cuộc tuyển cử nầy. Cuối bài, ông có hỏi ý mấy bạn đồng nghiệp mà ông đã chỉ tên ra. Trong đó, có Thông Reo là tên xôi nghệ của tôi.

Các bác kia làm sao cho chẳng biết ; chớ tôi, tiếp được tin nầy, thình lình bắt lạnh xương sống, đánh trống ngực, hoàng tam tinh thất kinh hồn vía !

Có tật thì giật mình, có ghẻ thì né ruồi. Vì tôi đã dại mà cổ động cho cử tri lấy tiền mấy ông ứng cử mua thăm mua vé, dại có chút đó mà làm cho tôi lo như gậy đánh trong bụng, sau khi tiếp được tin ông Đông Châu.

Gặp hồi có việc mà làm túi bụi tùng bùng là vô ích, phải tỉnh mới được ; tỉnh mới kiếm ra nước. Bấy giờ tôi nghĩ : mình trót đã dại rồi, thôi, làm ra mặt khôn quách đi.

Địa phủ ở đâu Diêm Vương là ông gì, hễ anh ba Đông Châu mình đến đó được thì mình cũng đến được chớ. Âu là chi, ta lấy tư cách một nhà đại phóng sự của báo *Trung lập* đến đó làm một cuộc phỏng vấn chơi.

Tưởng âm phủ ở đâu xa, té ra gần đây, hèn chi ông Nguyễn Du ổng nói "Biết đâu địa ngục ở miền nhân gian !" Ném về bên kia

đường xe điện giữa đỗi đại lộ Le Fèbvre, lần quần nội xóm đó, ấy là địa phủ đó.

Họ hay đồn bất tử, một nói làm mười, nói Diêm Vương hung ác lắm, chớ đâu có. Tôi vừa đưa cái cạc phóng sự của nhà báo vô một cái, là ổng lật đật ra tiếp liền. Coi bộ cũng chẳng dữ gì mấy ; hay là dữ với ai kia, chớ nghe đến cái quyền thứ tư cũng hơi nể đó chăng ?

Trước hết tôi hỏi ngài dạo nầy có phát tài không ? Nghe câu hỏi của tôi, Diêm Vương bộ hơi khiếp. Thần sắc hồi nãy mười, bây giờ còn không được tám.

Quý độc giả có biết tại làm sao không ? Lù khù như Thông Reo mà phen nầy ăn đứt Diêm Vương là nhờ câu hỏi đầu tiên đó. Số là, chức vụ của Diêm Vương là lấy lẽ công bình mà phân biệt thiện ác, dùng sự thưởng phạt minh chánh mà khuyến trừng người ta, cái nầy Diêm Vương gần đây giày đạp lên trên chức vụ của mình, ăn tiền làm bậy, không còn kể chi sự công bình nữa. Tôi biết vậy rồi, tôi nhè chỗ bí hiểm của ông ta tôi hỏi, cho nên ông ta phải khiếp.

Tôi thấy tội nghiệp, tôi nói lơ đi ; tôi hỏi ngay vào cái chuyện ông Đông Châu nói đó có không ? Diêm Vương nói có.

Tôi hỏi : "Vậy thì cổ động thế nào mới kêu là cổ động tầm bậy mà bị tội ?"

Ngài trả lời rằng : "Đại khái như : người ứng cử không thương dân thương nước mà hô đại lên là thương dân thương nước ; người ứng cử lo làm nghị viên để được ban rượu công ty, choán ruộng đồng Tháp Mười mà lại tô điểm cho là sẽ làm việc công ích nọ, giành lại lợi quyền kia : như vậy là cổ động tầm bậy, người cầm bút đó sẽ bị hình phạt làm cho đui lòi tròng té nhãn.

Nghe ghê quá ! Tôi phải hạ giọng xuống : "Muôn tâu điện hạ ! luật đặt ra như vậy mà có thi hành gắt mấu dôi không ngài ?"

Diêm Vương lại còn bỏ nhỏ hơn tôi nữa : "Đặt ra vậy cho có, chớ bề nào rồi cũng châm chước được".

Hồi đó, tôi chẳng thèm sợ nữa, hỏi phứt rằng : "Như tôi cổ động cho cử tri lấy tiền đó có tội lỗi gì không ?"

Diêm Vương cười nhăn răng ra thiếu điều đếm được, mà nói với tôi : "Tôi biết sự thầy cổ động đó rồi. Thầy cổ động cho cử tri lấy tiền mà không bỏ vé cho người mua vé. Như vậy là khôn ngoan lắm. Đời nay có nhiều ông kẻ lớn ăn tiền, dung túng người ta làm bậy mà còn chẳng có tội vạ gì thay ; huống chi ăn tiền mà làm phải như thầy, có hại chi ? Cứ việc mà cổ động đi !"

Khi bủa sua(*) Diêm Vương ra về, tôi vừa mừng cho mình mà vừa ngán cho đời. Tiện đường ghé đọc chuyện cho Đông Châu nghe, rồi tôi viết luôn lên đây. Vậy tôi xin theo lời Diêm Vương mà cổ động nữa. Cử tri cứ việc lấy tiền đi, rồi cứ viết thăm theo ý mình hay là bôi ráo tẩy bỏ thăm trắng tự bụng. Hễ tôi vô tội thì các ông lại tội lệ mốc xì gì !?

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s. 6309 (28.11.1930)

TÔI SỐNG MỘT NGÀY BẰNG ÔNG GIÀ TÔI SỐNG MỘT TRĂM NĂM

Tôi làm sao có phước quá, bà già tôi lại sanh tôi ra vừa gặp cái đời nầy ! Chớ ông già tôi hồi đó sống 95 tuổi mà chẳng thấy cái cóc gì là cái sướng. Tôi nghĩ mà thương hại cho ổng, thiệt ổng sống gần trót trăm năm mà không bằng bây giờ tôi sống một ngày.

Bây giờ tôi sống một ngày, sướng một ngày, ấy là nhờ tôi ăn nói được tự do.

Người ta nói "Mua ngày mà ở" ; có thiệt. Ấy là hồi đời ông già tôi. Hồi đó còn vua quan An Nam, hễ trên nói thì dưới phải nghe,

(*) "*bủa sua*" : chưa rõ nghĩa. *Từ điển phương ngữ Nam Bộ* có "búa xua", được giải là : 1/ lung tung (*nói búa xua* ; *ăn búa xua*); nhưng các nghĩa đó không hợp với ngữ cảnh của "búa sua" ở bài này.

nhiều cái tức hòng chết mà cũng không cãi được. Ai cũng muốn để họng uống nước chớ có cãi làm chi ? Mà hễ còn họng uống nước thì là sống trong cái sống hèn hạ quá.

Cái đời tôi coi không chi mà vẻ vang bằng mười cha tôi. Vì tôi được làm một tên công dân của thuộc địa nước Đại Pháp, ăn nói tự do, hễ phải thì tôi nói, đố ai bụm miệng tôi được.

Xin lỗi, trước là quan Thống đốc Nam kỳ, sau là hết thảy đồng ban độc giả, cho tôi đặt ra một cái ví dụ.

Vừa rồi, báo *Sài Thành* có thuật chuyện rằng trong kỳ tuyển cử Hội đồng quản hạt nầy, có kẻ đi cổ động ở Lục châu, dám mướn danh nghĩa quan Thống đốc Nam kỳ mà ép buộc cử tri phải bỏ thăm cho người nọ người khác.

Thuật chuyện như vậy rồi, ông chủ báo *Sài Thành* nói lớn lên rằng : "Anh em chớ để cho phường gian xảo lừa gạt. Không có quan Thống đốc nào bắt anh em phải bỏ thăm cho ai ráo".

Sướng nói như ông chủ báo *Sài Thành* vậy cũng đã tự do rồi, nhưng chưa bằng tôi. Cái chỗ tôi sống một ngày mà bằng ông thân tôi hồi đó sống một trăm năm, là ở chỗ nầy.

Tôi xin vô phép, lướt đàm ông chủ báo *Sài Thành* mà nói rằng : "Anh em đừng để cho người ta lừa gạt. Mà dầu cho quan Thống đốc bảo anh em bỏ thăm cho người nầy người nọ, nhưng anh em không bằng lòng thì cũng đừng bỏ theo ngài, hễ anh em ưng ai thì bỏ cho nấy".

Đó, sướng chưa ? Có phải tôi nói được tự do thả cửa không ?

Giá như cha tôi hồi đó mà lỡ chừng nói với ông tổng đốc Gia Định câu nầy thì có nước rúc ra cù lao Phú Quốc mà trốn. Còn tôi nói rồi ở đây, lại có ý chờ quan Thống đốc ban khen nữa chơi.

Tôi nói câu đó mà lọt đến tai ngài, là phước cho tôi lắm. Sau khi nghe, ngài sẽ vuốt râu mép, tỏ ra đang đắc ý mà rằng : "Thằng cha Thông Reo nói phải. Coi còn có huyện hàm nào đó cho nó một cái bay !"

Sướng chưa !

"Ngày tuyển cử là ngày dân được làm vua" (Journée du peuple souverain). Quan Thống đốc nào lại nhè giành cái ngày khoái nhứt của dân ? Vô lý. Mà ví sử quan lớn ngài có bảo bỏ cho mấy ông bên đảng Lập hiến đi nữa, cử tri cứ ôm trum trũm lá thăm thì quan lớn lại làm gì ?

Giá tôi cai trị hạt nào mà trong hạt đó có thằng dân biết nói thẳng căng như giây đờn, thì tôi lấy làm khoái lắm, vì tỏ ra sự cai trị của mình là rộng rãi. Vì vậy đó mà tôi được thưởng huyện hàm chưa biết chừng.

Nè, má hắn ơi ! Lên giọng đi được có làm bà huyện, mầy !

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6310 (29.11.1930)

CHUYỆN VẶT TRONG KỲ TUYỂN CỬ NÀY

Trong kỳ tuyển cử nầy có cái vẻ khác hẳn với mấy kỳ trước. Bị mùa lúa chưa đến, đồng tiền hơi chật, nên cái trò tranh cạnh không kịch liệt lắm, có hơi buồn ; nhưng nói về phương diện "vui suông", thì thật lắm chuyện vui.

Vui là nhờ có nhiều chuyện vặt nó điểm chuyết, làm cho cuộc tuyển cử trổ ra bộn bề kỳ hình dị tướng.

Còn tuần lễ nữa mới đến ngày bỏ thăm. Bữa nay cho đến đó chắc sẽ còn năm mười chuyện nữa, song từ bữa mới giáo đầu đến nay đã có những chuyện gì, ta nên chép mà để lại kẻo mất uổng.

Ông Nguyễn Phan Long với ông Trương Văn Bền đứng chung một tờ lịch trần, nói dóc thiệt hết cớ. Hai ổng nói : Ông Gambetta xưa có câu danh ngôn rằng : "Nước Pháp đã ngã rồi ta đỡ nó dậy !" – thì nay hai ổng cũng nói như vậy. Nói như vậy, nghĩa là nói nước Nam đã ngã rồi, hai ta đây – Bền với Long – đã đỡ dậy đó chi ?

Trời đất ôi ! Thiệt to gan ! Tôi ngó suốt từ bảy mươi năm trở lại đây, cả nước Việt Nam, chẳng có cái miệng nào xứng đáng mở

ra mà nói câu ấy. Ai ngờ hôm nay, cuối năm 1930, là năm mà xứ Nam kỳ bắt đầu rối rắm, thì câu ấy vọt đại từ trong miệng ông Long ông Bền mà vọt ra !

Ông Long còn khả thứ. Khả thứ, vì ông là con mọt sách, ông nhớ nhiều câu, rồi một câu đó thình lình phun ra, ai cấm được ? Chớ còn ông Bền, nghe mà ngán ! Ngán là vì có lời kẻ khác phản chiếu lại. Ông Nguyễn Văn Khanh nói trong *Trung lập* số trước đây mà rằng : "Những vấn đề quan hệ đến vận mạng nước nhà, chẳng phải nhờ Trương Văn Bền binh vực mà được, vì cái dốt của anh ta còn ai chẳng biết ?"

Ông Khanh mà dám nói chằm bẳm như vậy, đủ biết cái dốt ông Bền là quá lắm. Vậy đó mà đòi đỡ cái nước Nam đã ngã rồi, là đỡ làm sao chớ ?

Dưới bài lịch trần của hai ông đó, có ông gì, hình như ông Nguyễn Minh Chiếu thì phải, lại châm chót vào. Ông nói ổng chẳng có gì mà lịch trần, hễ hai ông kia nói làm sao thì ổng cũng nói theo làm vậy. – Nói nghe đã hay chưa ?

Vậy thành ra ông Chiếu cũng đòi đỡ nước Nam đã ngã. Vậy thành ra nước Nam có cho một đống Gambetta !

Đã biết rằng gặp hồi tranh cử, phải có nói dóc đôi câu cho rột ; song dóc vừa vừa, chớ dóc quá, đến nỗi sánh mình với Gambetta, khoe mình đã đỡ dậy cái nước Nam ngã rồi, thì thôi, có con ma nào mà tin ?

Trong cái sổ mười người của đảng Lập hiến, có cái tên Mã Xẻn hay Mã Xền gì đó, hình như Chệt hay Thổ gì, chớ không phải An Nam. Cái tên làm sao khó nhớ quá, làm cho nhiều người cứ kêu lộn là "Mã thầy" ! Chuyện nầy cũng góp vào được một trò bông lơn trong cuộc tuyển cử.

Lại còn tội nghiệp riêng cho ông Nguyễn Phan Long, thấy mà thương hại. Dạo nầy bộ như ổng đuối quá sao chẳng biết. Cái câu

"nước Nam đã ngã rồi, chúng ta đỡ dậy", giá ổng hát độc chiếc, kẻ nghe còn bỏ qua đi ; cái nầy, ổng nhè đem hát rập với ông Bền, thiệt là kỳ quái !

Dầu có chi đi nữa, đảng Lập hiến đã đến nỗi khánh tận hay sao mà Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long lại phải bợ tới Mã thầy ? Tự mình làm bậy như vậy đó, rồi có bị sập thần vi đi, lại nhè đổ cho người nầy phá đám, kẻ kia đánh đổ mình.

Còn bộn chuyện mà đủ cột rồi, thậm ngặt !

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6311 (1.12.1930)

CÁI MÁNH LỚI TRONG CUỘC TUYỂN CỬ NẦY

Ước gì anh em cử tri mà tin lòng tôi, rồi cũng tin luôn lời tôi nói đây nữa, thì cái mánh lới của cuộc tuyển cử nầy có khó gì mà chẳng hiểu thấu. Hễ đã hiểu thấu thì là lợi cho cử tri ta lắm.

Phải kể như khóa trước, đảng Lập hiến là phần trọng yếu trong cuộc tuyển cử nầy. Mà hiện nay, người trọng yếu trong đảng ấy, không phải ông Bùi Quang Chiêu hay ông Nguyễn Phan Long đâu ; mà là ông Trương Văn Bền.

Dầu ông Long nhiều lần tuyên bố mình không phải đảng viên Lập hiến, song le anh em ta phải kể ổng là đảng viên Lập hiến, vì ông đeo theo đảng ấy như sên.

Hiện nay trong đảng Lập hiến đã có nhiều người bước chân ra khỏi rồi, như ông Dược, ông Thinh, ông Đôn v.v... Mấy ông nầy mà thoát thân ra như vậy, là sự đã quá lắm, cái nội tình của đảng Lập hiến bại hoại thế nào ta coi đó cũng đủ biết.

Mấy ông kia hồi trước quan hệ với đảng lắm mà bây giờ còn tháo ra ; thế mà ông Long, bình nhựt một hai từ chối mình không phải đảng viên, mà ngày nay lại níu cứng, là ý làm sao ?

Ấy chẳng có cớ gì lạ hơn là vì ông Trương Văn Bền. Ông Long thuở nay cặp kè với ông Bền luôn. Cho đến ngày nay mà cặp

phương tướng ấy vẫn còn múa, còn lên giọng đòi đỡ nước Nam đã ngã như ông Gambetta đỡ nước Pháp đã ngã !

Ông Long vẫn có tiếng là người cạo khiết, lần nầy ông thấy mấy ông kia xa tránh đảng Lập hiến thì ổng cũng muốn rút dù cho rồi. Duy chỉ vì ông Bền còn đương ó ré trong đó thì ông Long bỏ đi cũng không tiện.

Mà ông Bền sở dĩ làm người trọng yếu trong đảng như vậy, không phải vì ông có tài tướng gì đâu, chỉ vì ổng có ít nhiều tiền đó thôi. Nói thiệt, ông Bền chẳng những không làm trò gì được, mà lại, hễ ổng còn cặp kè với ông Long ngày nào thì ổng làm hư ông Long ngày nấy, mà ông Long không biết, tội nghiệp !

Đến như ông Thinh, ông Đôn, ông Dược cùng mấy ông kia, – trong đó ông Dương Văn Giáo là trọng yếu, đừng quên, – ra đứng chung nhau một sổ, là sự phải lắm, cử tri nên chú ý vào sổ ấy. Chỉ tiếc một điều, các ổng còn đợi đến ngày tái cử, lôi thôi lắm !

Đại lược cái mánh lới của cuộc tuyển cử nầy như đã nói trên đó. Biết như vậy rồi, bây giờ cử tri ta nên làm thế nào ?

Quốc dân ta nếu ghét bỏ đảng Lập hiến, cũng không nên ghét bỏ ông Chiêu và ông Long. Hai ông nầy được việc lắm chớ. Nhưng hai ổng đi với ai thì được việc, còn đi với tụi ông Bền thì hư việc, mà sợ lại hư đến thân nữa.

Bởi vậy, trong sổ 10 người của Lập hiến, ta nên gạch đi 8 người mà để lại nội ông Long và ông Chiêu, nghĩa là ta chỉ bỏ thăm cho hai ông ấy mà thôi. Rồi ta lựa 8 người xứng đáng ở các sổ kia mà cử lên cho họ cùng làm việc với ông Chiêu ông Long thì tốt lắm.

Cốt nhứt là cử tri ta phen nầy đừng bỏ thăm cho ông Bền nữa. Như vậy để làm gì ? Là để gỡ ông Long ra khỏi vòng lợi dụng, hầu ông có làm việc gì ích lợi cho dân cho nước. Lại để cho đảng Lập hiến sẽ nhơn đó mà biến hóa, hoặc sẽ hay hơn trước chăng ? Vì

ông Bền, nếu ổng thất cử, chắc ổng ra khỏi đảng liền, ổng cũng dụt luôn cây "đuốc" nữa, rồi có lẽ mấy ông kia có mà sắp đặt lại, thì cũng là một việc hay vậy.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6313 (3.12.1930)

ÔNG NGUYỄN PHAN LONG CHUYẾN NÀY ĐI BUÔN GÁNH

Cái tin nầy là do ông Diệp Văn Kỳ nói ra giữa dinh Xã tây Sài Gòn tối hôm qua giữa đám ba mặt sáu tai, mười hai con mắt, chớ không phải tôi đặt chuyện.

Ông Long, người có học đã đành, mà cũng có hạnh, tuy tờ báo nầy có công kích ổng một vài lần, nhưng vẫn cho ông là người khá.

À, ông Long là người khá, đáng lẽ lần nầy ông rút dù ra khỏi đảng Lập hiến mới phải, cớ sao ông lại đeo như sên ?

À, đảng ấy lóng nầy đổ bể ra lắm điều bại hoại, nên mấy người khá trong đảng, như ông Dược, ông Thinh, ông Đôn đều ra hết. Ông Long, bình nhựt luôn luôn tuyên bố rằng mình không phải đảng viên, nay cớ sao lại nằm bọng ở đó mà không chịu nhúc nhích ?

Thấy vậy, ai nấy đều lấy làm lạ hết, song không ai hiểu tại làm sao. Tối hôm qua, có cuộc diễn thuyết ở dinh Xã tây, ông Diệp Văn Kỳ cắt nghĩa ra mới hiểu.

Ông Kỳ nói rằng :

Ông Long bình nhựt xưng mình là người ái quốc. Ở ta đây mà nói là "quốc" tức chỉ vào cả ba kỳ mà nói. Cái nghề, đã yêu ai thì phải làm cho giống nấy. Ông Long đã yêu nước Nam nên ông cũng làm mình giống như nước Nam, có hình chữ S.

Trong sách địa dư, người ta thường nói nước Nam hình như chữ S, ở giữa là cái đòn gánh, mà hai đầu là hai thúng gạo. Vậy ông Long ngày nay cũng thế. Ông là cái đòn gánh hai đầu hai hũ rượu. Một hũ, là ông Trương Văn Bền, bán rượu công ty ; còn một hũ, ấy là ông Trần Văn Khá, làm việc hãng Fontaine.

Ông Long dạo nầy thật in hệt như hình nước Nam, chỉ khác là nước Nam hai đầu hai thúng gạo, mà ông Long thì hai đầu hai hũ rượu đó thôi. Nhưng, gạo với rượu cũng không khác nhau là mấy, theo ý ông Diệp Văn Kỳ, gạo mà bỏ một ít men vô thì thành ra rượu.

Đầu đuôi vậy đó nên tôi mới nói ông Nguyễn Phan Long dạo nầy đi buôn gánh.

Đó, bởi cái lẽ ông Diệp Văn Kỳ nói đó mà ông Long phải lăn lộn trong đảng Lập hiến, không ra được là bởi đó. Bị một đầu thì ông Bền, một đầu là ông Khá trì cứng lấy, làm cho ổng sẩy ra không được, sẩy ra thì sợ bể hũ.

Nếu quả vậy thì ông Long thật không phải là người ngay, lần nầy chúng ta mới biết. Ngay làm sao chữ S mà ngay được ? Chữ S còn ngay với ai ?

Chi thì chi, chớ chúng ta phải chịu ông Long có sức mạnh hơn nước Nam nhiều lắm. Cho nên mới rồi ổng mới nói rằng chính ổng đã đỡ nước Nam đã ngã.

Nước Nam gánh hai đầu hai thúng gạo không kham, phải ngã. Ông Long cũng gánh hai đầu hai hũ rượu, vậy mà ông đi như không, thấy người ta ngã, ông còn đỡ cho, vậy không phải ông là mạnh hay sao ?

Bữa rày bỏ cô-đìa-réc-tơ *Tribune Indochinoise*, không thèm làm nữa, gánh hai đầu hai cái hũ tòn ten, vừa đi vừa rao : Ai mua rượu không ??? thế cũng đã thú rồi !!

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6314 (4.12.1930)

TÉ RA GIÁ XÃ TÂY MẮC QUÁ

Ở mấy thành phố còn thuộc về quyền chánh phủ thì chức đốc lý thành phố (tức xã tây) do chánh phủ bổ ra ; còn thành phố nào đã là tự trị thì chức ấy do dân thành phố cử.

Bình thường, ai cũng vẫn tưởng rằng chức đốc lý do chánh phủ bổ thì không bằng do dân cử. Vì chánh phủ bổ thì bổ người ở đâu xa lạ cũng được, dân sự đâu biết là người thế nào ; còn dân cử thì cử người trong thành phố, bình nhựt tánh tình thế nào, lòng dạ thế nào, tài cán thế nào, ai ai đều biết. Dân thành phố cứ lựa người nào mình ưng ý mà cử, thì tự nhiên người ấy sẽ làm được việc cho mình.

Theo bình thường thì như vậy, đã là một thành phố tự trị thì đâu đâu cũng đều như vậy, ai ngờ thành phố Sài Gòn ta lại khác.

Ai có ngờ cái chức xã tây Sài Gòn là chức có thể mua bán được ! Hôm nay nhơn có cuộc tuyển cử hội đồng quản hạt, các ông họ tức mình chuyện gì đó với nhau, họ nói toạc ra mới biết, không thì mình có biết ở đâu ?

Mới rồi, trong báo *Sài Thành*, ông Nguyễn Đình Trị và ông Nguyễn Văn Thơm, hai người đứng tên chung dưới một bài vắn vắn, trả lời cho quý báo *Đuốc nhà Nam* trong bài đó có câu rằng :

"Trước kia, có kẻ chịu cho chúng tôi một trăm ngàn đồng đặng bầu cử họ làm Đốc lý thành phố Sài Gòn mà chúng tôi còn chẳng thèm, huống nữa là...!"

Ông nào vậy há ? Ông nào chịu bỏ một trăm ngàn đồng ra cho hai ông Trị và Thơm để cử mình làm Đốc lý ? Ông nào vậy cà ? – Mình đã không biết thì thôi, cũng không nên hỏi nhây.

Ông Trị và ông Thơm đã nói là mình không thèm, thế là hai ông không lấy món tiền ấy. Vậy thì chuyện ấy cũng kể là chuyện ăn trợt bất thành vấn đề.

Tuy vậy, hai ông ấy đã khai ra như thế, tức là có người có việc. Cái người chịu mất tiền để làm đốc lý chắc có, và cái việc chịu cho một trăm ngàn đồng để cử làm đốc lý cũng chắc có nữa.

Chà chà ! thật là lớn lối quá ! Chỉ có hai ông nghị viên thành phố Trị và Thơm mà người kia chịu mất cho đến một trăm ngàn, vậy thì cả nghị viên tây nam thành phố Sài Gòn đến mười mấy ông, còn phải mất bao nhiêu nữa ?

Tính phỏng phỏng chơi, cứ hai ông là một trăm ngàn, thì mười mấy ông có đến trên một triệu bạc ! Mất một triệu bạc để làm đốc lý thành phố Sài Gòn, sao mà mắc lung dữ vậy ?

Tôi không nói cái chức xã tây hiện thời đây là đã mua mà được ; nhưng cứ như lời ông Trị và ông Thơm thì tôi nói chức ấy có thể mua mà được. Sợ mất một dịp nói thật cho anh em dân Sài Gòn biết, cho nên tôi vội vàng nói để anh em nghe.

Đừng có quê mùa mà tưởng rằng người có quyền trên chúng ta là có tài có đức hơn chúng ta. Anh nào cũng là nhà tư bổn hết, chẳng buôn hàng nầy thì buôn hàng khác. Còn bọn mình không có vốn thì cứ làm công dân hoài, cứ xách lá thăm đi bỏ cho họ hoài. Ngán thay !

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6315 (5.12.1930)

NÓI TIÊN TRI VỀ CUỘC DIỄN THUYẾT TẠI DINH XÃ TÂY TỐI NAY

Mình là nhà viết báo, chớ chẳng phải là thầy bói hay là ông thánh tiên tri mà nói tiên tri. Có điều cái nầy là tại tình thế ép buộc.

Số là nơi mục nầy hôm nay định viết một bài kỹ thuật về cuộc diễn thuyết tại dinh xã tây Sài Gòn, cuộc diễn thuyết mà mấy nhà ứng cử bày ra để cãi cọ nhau về chánh kiến. Ngặt vì cuộc diễn thuyết chưa ra, mà báo thì ra trước. Đợi rồi việc, đến thứ hai mới kỹ thuật, thì nguội quá, nên hôm nay liền nói tiên tri đại đi.

Trong đời tôi, tôi thấy nhiều người nói tiên tri rồi. Họ nói dễ lắm. Vì họ nhè những chuyện sẽ xảy ra sau một vài mươi năm mà nói. Đại để như năm nay, 1930, mà họ nói đến năm 1940 hay là 1950, thế giới sẽ có trận giặc lớn, thì còn phải đợi lâu lắm mới biết được là trúng hay trật, như vậy có phải dễ nói không ? Còn tôi nói chuyện nầy đây, mới thấy khó.

Khó vì tôi nói tiên tri trước có mấy giờ đồng hồ. Đến chặp tối đây, khoảng 5 giờ rưỡi đến 7-8 giờ thì lời của tôi trúng trật, người ta sẽ nghiệm thấy. Ví bằng đến hồi đó, lời tôi sai bét hết, người ta sẽ chỉ vào mặt tôi mà mắng là nói láo, dễ như chơi !

Nhưng, mắng là cùng, có ai đem chém thằng nói láo bao giờ ? Đã hứa lỡ thì nói đi.

Cha chả ! Hôm nay người đến nghe lại còn đông gấp hai gấp ba hôm trước. Vì ai cũng thấy nói có ông Bùi Quang Chiêu và ông Nguyễn Phan Long đến dự cuộc nên ai cũng ức(*) đi để nghe.

Quả nhiên có ông Chiêu ông Long thật. Hồi hai ông bước vào dinh xã tây thì thiên hạ vỗ tay rầm rộ, không phải vỗ tay là mừng như hồi rước ở bến tàu đâu, nhưng vỗ tay để tỏ sự đắc ý của mình, vì có hai ông nầy đến, chắc sẽ có cuộc cãi lẫy lung để nghe cho khoái.

Hèn chi ông Bùi làm lãnh tụ thì phải, làm đảng trưởng Lập hiến thì phải. Bữa trước có nhiều người chế bác ổng um sùm, bữa nay ông lên diễn đàn nói trót giờ đồng hồ, chẳng thấy ai bắt bẻ gì hết.

Tuồng như mấy ông ra ứng cử kia cũng phụ ông Bùi sao chẳng biết, thật chẳng thấy ông nào phản đối ông Bùi nghe cho sướng.

Ông Long đi nguyu nguỷu(**) như con gái lên diễn đàn, ổng nói cũng trôi chảy, chẳng ai chận ông được chỗ nào hết.

Té ra nhân vật của đảng Lập hiến đúng đắn như vậy đó nên đắc thắng là phải. Thấy vậy, nhiều người e rằng đến sáng mai đây phe Lập hiến lại đắc cử toàn số chẳng chơi.

Hôm tối thứ ba trước, cũng ở tại dinh xã tây đây, ông Paul Marchet đập bàn đập ghế đùng đùng, người yếu bóng vía phải khiếp, đến nỗi tưởng rằng ổng nổi xung lên mà choảng luôn thính giả. Không ngờ hôm nay ông làm thinh, từ đầu đến đuôi, ổng hiền

(*) *ức* : ước.

(**) *nguyu nguyu* : vẻ buồn giận (thường nói về con nít) (theo H.T.Paulus Của, sđd.).

quá phật ! Có người nói rằng : Ông Paul Marchet nóng với ai, chớ trước mặt ông Long, thì ổng hiền khô.

Tiếc quá, bữa nay làm sao không có ông Diệp Văn Kỳ để cho ổng nói khôi hài chơi ! Có kẻ nói ông Diệp sớm mai nầy đã xách xe hơi đi Cao Lãnh rồi, cũng như ông Nguyễn Phan Long đi Tây Ninh năm đó mà !

Ai muốn biết tôi bói dở hay, lát nữa đến xã tây... sẽ biết ...

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6316 (6.12.1930)

MONG ĐẮC CỬ HỘI ĐỒNG CŨNG NHƯ TRÔNG TREO BẢNG TRƯỜNG THI

Khi tôi ngồi vào bàn giấy mà viết bài nầy thì chưa nghe kết quả của cuộc cử hội đồng quản hạt ngày hôm qua là thế nào. Ai trúng cử, ai thất cử, tôi chưa biết được.

Nghĩ như tôi ở vòng ngoài, chẳng có dự vào cuộc tuyển cử, ai đặng, ai mất, mặc họ, tôi có quan tâm gì đến, thế mà trong khi tôi ngồi viết đây, tôi còn phải hồi hộp chỗ ngực thay ; huống chi là mấy ổng ra chạm trán với nhau trong cái thùng bỏ vé mà không rộn rực sao được ?

Mấy ổng thèm rộn rực là báu ; hôm qua đến nay, mấy ổng còn trạo trực, ậm ực, như có vật gì mắc ngang cuống họng mà nuốt không xuống, mửa không ra. Ấy chỉ bởi cái lòng hoạn đắc hoạn thất, phần thì lo cho được, phần thì sợ mất mà sanh ra như vậy.

Ông già bà cả nhắc lại, hồi xưa, còn khoa cử, học trò đi thi mà vào đến trường ba trường tư cũng thế. Sáng ngày treo bảng, ai đậu, ai rớt sẽ biết ; mà bọn sĩ tử ai nấy ngồi không vững, đứng không yên, trong một đêm đó, họ làm như thất tình. Kẻ hằm hằm rằng mình đậu thì trông trời cho mau sáng, cứ rủa gà sao chết dịch hết mà không gáy cho rồi ! Còn kẻ trong quyển có tỳ chỉ e mình rớt,

thì muốn cái đêm ấy cứ dài hoài đừng sáng, lâu tới ngày treo bảng, đặng nuôi cái hy vọng được chừng nào hay chừng nấy.

Ấy là chính mình kẻ sĩ tử. Còn người nhà họ nữa. Bọn nầy vì có quan hệ mà cũng khấn đêm vái ngày, làm cho mấy ông thần cũng phải bấn trống chiến vì họ.

Ông trời ổng không cho cái bụng dạ người An Nam ở yên cho khoẻ. Hồi trước ổng bắt lo đậu rớt trong khoa thi, cứ ba năm lo một lần, thất tình một lần, anh nào rớt thì cú sụ(*) như gà mắc nước lên một lần. Ngày nay hết khoa cử rồi, lại bày ra tuyển cử, ông trời ổng cũng bắt bốn năm phải lo một lần, phải thất tình một lần, ông nào thất cử cũng cú sụ một lần như vậy.

Hồi còn thi, có một trò kia vô trường tư, cha ở nhà thấy chiêm bao con đậu cử nhân, mà tỉnh ra cũng chắc là đậu nữa, nên mới sửa soạn mở đám tiệc linh đình ; không ngờ chú con rớt, mang gói về, làm ông gia tức ấm ách muốn chết. Có chàng kia trong xóm làm câu thơ khôi hài rằng : *Ở nhà tính chắc làm cha cử ; ngoài ngõ đi về* : "*Đéo mẹ mi* !"

Tôi e lắm. Tôi e các câu chuyện mất mớp ấy không khỏi xảy ra trong ngày nay đâu. Có một vài bà vợ lột cả vòng vàng, trái tim, hột xoàn, lại đợ cả tư điền của ông già bà già mình chia cho mà bỏ ra làm phí tổn vận động nghị viên cho chồng, nếu chồng trợt đi, thất cử, mới tính làm sao ? Âu là cũng chỉ có một bài thơ để giải buồn là hết chuyện. Thơ soạn theo kiểu câu trên kia, như vầy:

Tốn của hao công có quản chi,
Bao nhiêu gia sản cố cầm đi ;
Ở nhà tính chắc làm bà Hội,
Ngoài ngõ tin vào : "Đéo mẹ mi !"
Xấu mặt đã đành không thể vẽ ;

(*) *cú sụ* : bộ buồn rầu, xụ xụ như kên kên già (H.T.Paulus Của, sđd.).

Liều thân đâu ngại tốn công quỳ !
Chồng con như thế, căng mà đánh,
Hòa đứa nào e chuyện thị phi !

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6317 (8.12.1930)

ĂN RAU MÀ UỐNG RƯỢU

Mới rồi, ông tấn sĩ Demarquette từ bên Pháp sang Sài Gòn diễn thuyết về đạo Tự nhiên. Ông cắt nghĩa đạo Tự nhiên là gì, và rút lại, khuyên người ta sống một cách tự nhiên như cầm thú, đừng ăn thịt, đừng uống rượu, đừng hút thuốc, mà ăn thì ăn rau.

Những người xướng lập ra cái đạo Tự nhiên hoặc theo đạo ấy, họ có cái nguyện vọng to tát lắm là muốn xoay cuộc đời lại, muốn cho loài người sống theo như họ thì sẽ bỏ những sự giành miếng ăn với nhau đi mà thế giới không có cuộc chiến tranh nữa.

Tôi chẳng hiểu cái nguyện vọng của họ đó sẽ thành tựu được chăng ? Vì đời là đời nầy, người ta coi miếng ăn như vàng, vì miếng ăn mà lăn lóc, bởi giành miếng ăn mà đổ máu, thế thì bảo họ đừng ăn thịt, đừng uống rượu, họ đâu có chịu ? Nghĩ mà coi, họ sống là chỉ để ăn thịt uống rượu, mà bảo đừng, thì thôi, họ sống làm chi ?

Ấy là nói người các nước văn minh, nhứt là người phương Tây. Chớ còn dân An Nam mình, con Hồng cháu Lạc chúng ta thì lại có thể theo đạo Tự nhiên được. Duy có một điều, ăn rau mà phải uống rượu. Vì có vậy thì mới hạp với cái tình cảnh dân An Nam.

Cớ thứ nhứt là bởi trời làm thất mùa luôn. Ai có đời, xứ Cà Mau thuở nay không năm nào có cấy mà không có gặt bao giờ. Thế mà luôn ba năm nay thất luôn, có nhiều chỗ không được bông lúa để ăn trắt.

Vậy đó, lo gì không ăn rau ; có khi sợ rồi cũng chẳng có rau mà ăn nữa !

Còn nói chi ngoài Trung kỳ, từ khi đạo Tự nhiên chưa truyền sang, người ta đã lắm phen ăn rau rồi.

Ông Demarquette nói phải lắm. Người ta thì phải ăn rau mới nên người ta chớ người ta có phải loài thú dữ đâu mà ăn thịt, vì chỉ có loài thú dữ như con cọp con sói thì mới ăn thịt thôi. Dân nào nhờ thịt mà sống ấy là dân có tánh ác gần với thú dữ. – Ấy là câu tôi nói, chớ không phải ông Demarquette nói.

Còn như tôi nói rằng thịt là bổ, người ta có sức vóc là nhờ nó, nên phải ăn mới được, thì cũng không phải. Tôi phản đối riết cái đó.

Người ta ăn thịt thì hay ăn thịt bò, thịt heo, thịt trâu ; nhưng những con vật nầy nó vẫn ăn rau ăn cỏ. Con bò ăn cỏ mà mạnh như thế, rồi ta ăn thịt nó để bổ sức vóc ta, thì thục nhược ta cũng ăn cỏ như nó cho rồi ?

Phải, dân An Nam ta vì có ba cái mục đích mà phải ăn rau : Một là vì hay thất mùa ; hai là vì để tỏ ra cái tư cách làm người ; ba là vì để bổ sức vóc cho mạnh khoẻ.

Đến cái cớ thứ nhì, rượu làm sao mà phải uống ? Lẽ nầy dễ hiểu lắm, không cần phải giải ra cho nhiều.

(Bị kiểm duyệt bỏ)

Ông tấn sĩ Demarquette, quốc dân nước Pháp, chắc sẽ nói như thế là trái với đạo của ông !

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6318 (9.12.1930)

TỤI HỌ CŨNG LÀM LIỀU DẦU

Không biết, có lẽ hồi nầy đã gần đến hồi tận thế rồi sao mà thiên hạ họ ăn lấy được quá ! Ăn lấy được, tưởng rồi làm thế nào, té ra rồi cũng ở tù với chết là xong chuyện.

Sau cái án ông còm-mi tây ở Chợ Lớn, lấy của nhà nước mất những 72 ngàn đồng, còn nữa, mấy ông còn rủ nhau mà làm liều nữa, mà ăn lấy được nữa.

Ở Hà Nội với Marseille, trong một ngày mà phát ra hai cái án giống nhau, cùng là sang đoạt, người phạm đều là người da trắng.

Ngày 9 Décembre mới đây, tại tòa đại hình Hà Nội xử vụ người Tây tên là Regnier, làm còm-mi(*) ở kho bạc bên Lèo, bị cáo rằng đã xâm khuy của nhà nước hết 13.800 đồng bạc, là tiền thuế thâu của bá tánh. Mặc dầu trạng sư cãi cho bên bị thật đến nơi, quan tòa cũng cứ buộc tội cho quan tham tá phải chịu hai năm tù và 12.000 quan tiền vạ.

Tòa án của Đại Pháp thiệt là công minh hết sức !

Nhưng tiếc thay ! đợi cho đến cái minh của quan tòa thì chuyện đã muộn rồi ! Sao còn các quan khác thì đem liệng cái minh đi đâu ?

(*Bị kiểm duyệt bỏ*)

Làm nghề gì mà để cho mấy ông còm-mi ở dưới cứ việc rút ria nhà nước như vậy ? Thì mới đó, ông com-mi ở Chợ Lớn, kế nay lại ông com-mi Luang Prabang.

Theo phép, mỗi khi vỡ ra sự sang đoạt như vậy, người chánh phạm bị tội đã đành, còn mấy ông quan có trách nhiệm vào đó cũng phải ngửa cổ ra chia nhau mà đền bồi, chớ nhà nước rọt hồi(**) không mất gì ráo. Dầu vậy, nhưng việc có bể ra kia ; còn không bể ra thì có ai rụng cái lông chưn nào đâu, đi lại cũng nhà nước chịu. Mà nhà nước làm nghề gì có tiền ? Chẳng qua là tiền của dân. Trăm dâu cũng đổ đầu tằm. Đi lại rồi cũng dân chịu chớ ai vô đó ?

Cũng ngày 9 Décembre ấy, ở bên Pháp, tại Marseille, cũng có một vụ sang đoạt nữa, ấy là thầy làm đầu ban kế toán của hãng xe điện chọt(***) của hãng gần hai triệu quan tiền tây.

(*) *còm-mi* : có lẽ là *commis* hoặc *commissaire*, ở đây trỏ loại viên chức quản lý trong các cơ quan.

(**) *rọt* rút, xọp ; "rọt hồi" : tương tự "rút lại", "rốt cuộc".

(***) *chọt* : cuỗm, cắp, lấy mất (theo *Từ điển phương ngữ Nam Bộ*, sđd.).

Ai có đời thầy ta ăn cắp của hãng thâm thâm diệu diệu đã mấy năm rồi mà ông chủ hãng và những người bề trên chẳng biết chi hết. Thầy ta lấy của về, sắm ô tô, cất nhà lầu, ăn chơi xa xỉ tột bực, sang trọng cho ngất trời một lúc chơi rồi có chết.

Khi hãng biết ra, đâm đơn kiện tại tòa. Ngày đó, tòa sai lính tới bắt ông công-táp thì ông lấy súng lục bắn vào đầu mình mà vỗ nợ !

Ủa hay ! Té ra tụi họ cũng làm liều dầu lên. Mà có làm sao đâu, như anh công-táp nầy, chết ấy là hết chuyện. Cũng như ông phủ L. Cần Thơ chầu xưa, khi gặp sơn đầm ở Cai Lậy tới bắt thì bắn mình mà trừ nợ.

Đến như mình đây, cái tài làm liều như họ, ăn lấy được như họ, cũng không có nữa, còn nói chi ? Mà mình có nói tài đi nữa, thò tay vô đâu mà làm liều, mà ăn lấy được ?

Bởi vậy cho nên người ta tranh nhau mà làm còm-mi. Huống chi, làm còm-mi, cứ một vài năm chi đó, lại còn được tăng lương hai chục phần trăm là khác nữa.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6319 (10.12.1930)

CÁI CHẾT CỦA THANH NIÊN

Ông Thái sử công(*) nói rằng : "Có cái chết nặng như núi Thái Sơn, có cái chết nhẹ như lông chim hồng". Ấy là nói về những cái chết phi thường, trừ cái chết nằm trên giường, trong tay vợ ra.

Cái chết nằm trên giường, trong tay vợ, thì sau khi chết, người ta bỏ vô hòm mà khiêng đi chôn, cái nào người ta cũng khiêng đi được hết, có gì mà nhẹ mà nặng ?

Có, là hễ nhà nghèo, không có đồ liệm theo, vả lại cái quan tài bằng gỗ tạp, thì bốn người khiêng nổi, nhẹ. Còn nhà giàu, quan tài

(*) Thái sử công : đây là nói Tư Mã Thiên (145/135? – 87 trước CN) sử gia Trung Quốc thời Hán.

gỗ nặng, hoặc dùng bằng kẽm, bằng đồng, ở trong lại chất thêm nhiều đồ, có khi bảy tám chục người khiêng không nổi, nặng; nên theo đời bây giờ, dùng ô tô mà kéo, tiện lắm.

Cái chết nhẹ hay nặng mà ông Thái sử công nói đó là cái chết tự tử phần nhiều. Hoặc vì nghĩa vụ mình mà chết, hoặc giận đời mà chết, chết một cái mà thiên hạ để mắt ngó, lóng tai nghe, trăm miệng xì xào với nhau, đồn rầm lên.

Thế thì sao lại có nhẹ có nặng ? Tôi hiểu ý ông Thái sử công, phàm những cái chết như vậy, là nặng hết, không có nhẹ bao giờ ; duy vì thời thế, vì cái tánh a dua và tánh hèn nhát của xã hội, nên có cái phải nhẹ.

Như ông Phan Thanh Giản, ông Nguyễn Tri Phương, ông Huỳnh Diệu, bấy giờ thời thế khác, nước An Nam còn ra bề, các ông chết một cái, trên vua thương tiếc ngậm nguồi, dưới sĩ phu cùng bá tánh trầm trồ khen ngợi, thành ra cái chết nặng, nặng bằng trái đất lận, không thèm bằng núi Thái Sơn đâu.

Ba ông ấy, một ông uống thuốc độc, một ông nhịn đói, một ông thắt cổ.

Dầu vậy, có chết không nhằm giờ, thành ra cái chết của có nhẹ hều, nhẹ thiếu điều bay được trong không khí(*).

Ông Thái sử công là một người giận đời, nhưng nếu ông chết thì nói như vậy, ông cũng không chết làm chi. Ông không chết, nhưng ông sống mà thở ra câu ấy, lại còn đau đớn bằng mười cái chết nữa !

Trong mấy bữa nay đây, ở Á châu có hai người thanh niên chết. Bên Ấn Độ, cậu gì đó, con ông Gandhi, 17 tuổi, bị giam trong ngục vì việc chánh trị, cậu bèn nhịn ăn hai tháng mà chết. Còn ở Bắc kỳ ta, cậu Đào Hữu Nghĩa, con quan án Đào Hữu Khôi, 24

(*) Câu này có vẻ lạc khỏi mạch văn, lại ở những từ "cái chết của có" (?) như là có lỗi in (?); phải chăng là "họ chết không nhằm giờ", và "cái chết của họ"?

tuổi, bực mình vì cái chế độ chuyên chế trong gia đình, trước đây uống thuốc phiện với dấm mà có người cứu, không chết được; mới rồi, cậu dùng súng lục bắn vào đầu, chết ngay.

Sau khi cậu con ông Gandhi chết, làm đám tang rất long trọng bên bờ sông Hằng Hà, các báo cũng đua nhau tán dương sùng bái cái chết của gã thanh niên ấy. Còn cậu Đào Hữu Nghĩa, chết rồi chôn như thường, các báo đăng vào mục thời sự thường thôi.

Thời đại nầy, người ta đương trọng cái quốc gia chủ nghĩa, các nước bị chinh phục lại đương hăng hái về chánh trị, cho nên cái nặng là phải.

Giá An Nam ta hồi nầy mà cũng ở vào hồi cải cách xã hội thì cái chết của cậu Nghĩa cũng nặng, vì là cái chết để giải thoát cho con cái trong gia đình. Nhưng rủi cho cậu Nghĩa thi hành cái định ý của mình sớm quá, thành ra cái chết của cậu nhẹ.

Cậu Nghĩa đã đi trước chúng ta ! Cậu đã tấn bộ một mình trước một dân tộc !

Sau lưng cậu, mấy ông đại nho đi theo mắng vói : "Chết làm vậy là "chương phụ chi ác", đồ bất hiếu !"

Chớ sao ! Cái chết của kẻ bất hiếu chẳng những nhẹ hơn lông hồng mà còn có tội là khác nữa ! Than ôi ! Cậu Nghĩa của tôi ơi !

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6320 (11.12.1930)

THIỆT VẬY CHĂNG ? KỲ LẮM !

Hình luật ở Trung kỳ vẫn còn theo hình luật Gia Long, hình luật ấy ai còn lạ gì, có nhiều điều nặng nề khó chịu lắm. Tuy vậy, nặng thì có nặng, chớ cũng còn có sự lý, không phải là ngang như ghẹ, muốn gì thì muốn đâu.

Cốt là tại ông quan xử án. Ông quan xử thiệt tình thì chịu cũng còn được, chưa đến nỗi làm sao ; nếu ông quan pha bông lơn lưng

lửng vào chơi thì kẻ bị phạt phải chịu oan tức muốn chết mà không chết đặng, khổ lắm !

(*Bị kiểm duyệt bỏ*)

Chỉ còn hở một chút cho mình thở, là nếu như tờ báo ấy thuật lại không đúng với sự thực. Còn như, tờ báo ấy thuật đúng, chuyện chỉ có thế, (....) thì thôi, hết chỗ thở, hết chỗ gì nữa hết !

Đầu đuôi vụ ấy như vầy :

Thầy khán hộ nhà thương Krompha tên là Lê Văn Lục với thầy xếp tranh (chef train)(*) tên gì đó nhà ở gần nhau. Thầy xếp tranh có nuôi một đứa tớ gái chừng 17 tuổi, không có cha mẹ, chỉ có một người chú họ làm ăn ở Dran, người nầy lại quen thân với thầy Lục.

Ngày 4 Avril 1930, thầy Lục ở Krompha xin phép đi Đà Lạt chơi. Trong khi ấy không nghe con đầy tớ kia có đau ốm chi, song qua ngày 6 thầy Lục trở về, thì nghe nó chết hôm qua rồi ; người thì nói nó trúng gió mà chết, kẻ lại đồn nó bị vợ thầy xếp tranh đánh mà chết.

Chẳng lành chớ, thầy Lục viết thơ cho chú nó mà học(**) lại như vầy : "Trong khi tôi đi thì con ấy vẫn như thường, nay về thì nó đã chết rồi. Chủ nó thì nói nó trúng gió, còn người ngoài thì nói bị vợ chủ nó đánh chết. Chưa biết hư thiệt thế nào, sau khi tiếp được thơ nầy, bác nên liệu mà đối phó".

Trần Đạt, tức là chú con tớ gái chết đó, tiếp được thơ, không hỏi đi hỏi lại chi hết, lập tức làm đơn đính theo bức thơ của Lục đem trình quan (....) mà kiện người xếp tranh.

Ngày 11 Avril, quan (...) cho thầy thuốc đến Krompha đào mả con nọ lên mà khám tử thi thì quả là bịnh mà chết chớ không phải bị đánh

---

(*) *xếp tranh* (chef train) : trưởng tàu.

(**) từ "học" đương thời có một nét nghĩa mà nay ít dùng, đó là "nói lại, đọc lại cho kẻ khác biết" (theo H.T.Paulus Của, sđd.).

(*Bị kiểm duyệt bỏ*)

Nhẫn lên đây là tôi cứ theo tờ báo ở Bắc mà thuật lại đầu đuôi vụ kiện. Tôi chỉ mong làm sao cho mấy lời của tờ báo Bắc đã nói đây không trúng thì tôi mừng lắm. Chớ nếu trúng thì tôi buồn khôn xiết kể !

Chú Lục kia mà có viết thơ mà báo tin như thế, trong thơ lại cũng đã không đoán quyết thực hư thế nào, vả lại chính chú Lục ấy cũng không đầu đơn mà kiện ai.

Ơn ai Đất Nước, ông bà, Giang Sơn Thổ Võ linh thiêng khiến cho cái chuyện nầy nó khác đi kia, nó có làm sao nữa kia, kẻo như vậy thì ngặt quá !

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6321 (12.12.1930)

PHÂN BÌ CÁI HAY ; AI LẠI PHÂN BÌ CÁI DỞ ?

Tôi nói rồi, tôi xin bà con từ nầy về sau có ai gây chuyện, nói qua nói lại với nhau, thì một hai bỏ cái thói phân bì nhau đi, kẻo nghe trái tai quá, tôi chịu không nổi. Phân bì, sao không phân bì cái hay ? Mà lại cứ đi phân bì cái dở hoài ? Báu xót gì thứ cái dở, cái xấu, mà phân bì.

Ông Xoài trách ông Mít : "Sao anh làm đại biểu cho quốc dân mà anh lại bán rượu cho công ty ? Sự bán rượu là nghề làm ăn, tôi không trách ; có điều anh vừa bán rượu vừa làm nghị viên trong một lúc thì không được, tôi trách chỗ đó. Vì anh làm nghề ấy, bề nào anh cũng phải binh vị chủ anh là hãng Fontaine, ngộ khi có sự quan hệ về lợi quyền mà một bên là dân, một bên là chủ anh, chắc lẽ nào anh cũng nể chủ anh hơn, thì thôi, còn binh vực dân nỗi gì ?"

Bà con nghĩ coi, có phải ông Xoài nói có lẽ không ? Ông Mít nếu có tìm ra được sự lý gì để tỏ quyết rằng mình vừa bán rượu

vừa làm nghị viên cũng vô hại, vì mình sẽ không binh chủ hãng mà bỏ quốc dân, thì đem cái sự lý ấy ra mà cãi lại. Bằng không thì làm thinh hay là cười miếng chi đi cho qua việc cũng được. Cái nầy không. Ông Mít cãi bằng cách khác.

Ông Mít trợn mắt ốc bưu lên, đập bàn cái độp, nói rằng : "Chú Xoài ! chú nói vậy chớ còn anh hai chú hồi đó cũng bán rượu công ty thì sao ? Hồi đó anh hai chú lãnh bài nhứt bài nhì sao chú không nói ?"

Nếu trong một đám diễn thuyết có sự tranh biện như vậy, thính giả mà khôn ra, thì chớ nên vỗ tay mà nêu "suỵt" luôn lấy một vạn cái cho ông Mít biết mặt !

Nói như kiểu xừ Mít đó là nói túng. Cái chỗ ăn thua là tại vừa làm nghề bán rượu vừa làm chức hội đồng quản hạt, có nên hay là không nên ; chớ còn chuyện anh hai cha Xoài bán rượu mà không làm nghị viên, vả lại là việc đời cố hỉ, mắc mớ chi cũng đem ra mà nói ? Nói như vậy, là phân bì cái dở mà lại còn phân bì không nhằm chuyện nữa ; thà điếc quách cho rồi, chớ không thà tỏ tai mà để lọt vào những lời phi lý ấy.

Vậy mà cái kiểu phân bì ấy thấy người ta cứ xài đến hoài. Thật chẳng khác nào hai chị em cô kia. Cô Tư nói vừa đủ lọt tai cô Năm rằng : "Nè em ơi ! Liệu mà bớt bớt đi, để giữ tiếng mà kiếm chút chồng chút con được làm ăn với người ta em !" Lời khuyên ấy là phải ; cô Năm nên vui lòng mà nghe. Có chừa được thì chừa, cô Năm không chừa thì thôi, không nên ngoái cổ bươi xấu chị mình. Thế mà cô Năm chầm vầm xụ cái mặt bánh đúc xuống đáy cái miệng bình vôi ra mà cãi : "Chớ còn chị hồi con gái cũng quá tổ họ, đừng nói !"

Tôi thấy đám nào cũng vậy cả. Tôi muốn bắt chước ông Phan Khôi nhà tôi đem "lôgic" ra chơi, bởi vì theo "lôgic", thứ nhứt kỳ cái luận điệu kiểu nầy ; song le tôi lại sợ người ta cười luôn đến tôi nữa.

Ông Mạnh Tử có nói về thằng con khó dạy, ông già nó bảo làm điều phải, nó rán gân cổ nói lại rằng : "Sao cha chưa hề làm điều phải, mà cha lại dạy tôi ?" Nếu ông Mạnh ở nước Nam ngày nay, ông còn tức mình hơn tội nữa !

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6322 (13.12.1930)

VỤNG TÍNH

Cái tay Nguyễn Đức Nhuận, thấy ở Sài Gòn đây họ nói là một tay tính toán gắt mấu lắm, nghĩa là khéo khu xử đồng tiền, biết mánh lới làm ăn, cho nên mới chưa mấy năm mà đã làm nên sự nghiệp khá to. Một mình làm chủ một cửa hàng lớn ở đường Catinat, lại làm chủ điền Trà Vinh, lại làm chủ sở cao su Long Thành, lại làm chủ phố ở Chợ Cũ ; mình có quyền gì mà bắt được ông ta khai gia tài tới bao nhiêu, có điều tính phỏng chơi, ước chừng trên một trăm ngàn lận. Giỏi thiệt. Cái giàu đó, theo lời người ta nói, thì chỉ nhờ có khéo tính.

Vậy mà dạo nầy chẳng biết làm sao, cái bàn toán của ông ấy hình như sổ mộng, sút ra từng nơi từng con, cho nên tính chày tính cối, chẳng nhằm đâu vào đâu hết.

Nói chuyện với tay nhà buôn thì mình phải giờ nghề buôn ra mới được. Nghĩa là băm vào sự lợi mà nói.

Nầy, thế thường người ta ra hội đồng quản hạt cũng là một dịp buôn đó chi ? Sự buôn nầy, phải chịu lỗ trước rồi mới được lời sau. Thế thì hồi đầu nên bỏ tiền mà vận động, cầm chắc mất chừng chỗ mười ngàn. Sau khi ngồi lên được cái bàn móng ngựa rồi, sẽ lừa mà bợ ít trăm mẫu ruộng cùng một vài cái sổ bài nhì, đủ vốn rồi, lời thủng thẳng càng ngày càng đẻ. Như vậy mới là biết tính.

Cái nầy, ông Nhuận làm sai đi đâu.

Bộ vài năm nay hàng ế, buôn bán thâm vốn thì phải, cho nên cái tên Nguyễn Đức Nhuận trong sổ ba tăng ở xã tây mấy lúc, nay

lại thấy ở trong sổ ứng cử hội đồng quản hạt. À, ông cậu định xoay qua buôn món hàng nầy đó chi.

Đã vậy thì phải làm theo như thế thường vừa nói trên kia mới phải. Xách ô tô đi vận động cử tri đi ! Mỗi lá thăm một chục hai chục chi thì mua đi ! Ấy cũng như bỏ vốn ra dọn một cửa hàng vậy mà.

Thế mà hôm qua đây, giữa cuộc diễn thuyết ở xã tây, ông Nhuận nói quyết rằng mình không chịu mất đồng xu nào hết, một mực cậy ở lòng tín nhiệm của đồng bào mà thôi, cử tri bỏ thăm cho thì trúng, không bỏ cho thì trật. Thiệt là kỳ cục quá !

Cái đáng xài không xài, lại đem xài vô lối. Trong cái chương trình của ông Nhuận, thấy nói hễ đắc cử rồi trong sáu tháng, liền bán gia sản lấy 50 ngàn qua Tây vận động nọ kia. Mình nghe đến đó mà đem tiếc đứt sợi tóc, làm gì lạ đời vậy ông Nhuận ?

Theo phép, đắc cử hội đồng rồi, phải ở nhà, mướn thợ ngày đêm làm gấp một tấm bảng, sơn phết cho đẹp, đề mấy chữ "Hội đồng Nguyễn Đức Nhuận" cho to mà treo lên trước cửa ngõ, rồi đi đâu sẽ đi. Nay có một việc hệ trọng ấy mà không lo làm , lại xách cái chức nghị viên qua Tây là nghĩa chi ?

Bỏ 50 ngàn ấy ra mà được cái lợi gì ? Bên Tây có đồng Tháp Mười đâu, có sổ bài nhì đâu ở bển ? Ông cậu phen nầy chắc phải lỗ !

Không lẽ mới nghe qua cái tin buồn của báo *Phụ nữ* mà đã điếc con ráy rồi làm hoảng.

Nè ! Anh em cử tri ! Coi bộ cái thời ông cậu đã tới rồi, mình làm một cái cho ông cậu líu quíu chơi. Ta rủ nhau bỏ thăm cho Nguyễn Đức Nhuận cả đi. Nếu trúng cử nghị viên mà Nguyễn Đức Nhuận không bỏ 50 ngàn, không đi Tây, thì ta kêu Nguyễn Đức Nhuận "nói láo" cho sướng cái miệng !

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6323 (15.12.1930)

TRƯƠNG VĂN BỀN HẠ GIẢ XUẤT DƯƠNG

Thiệt An Nam mình có cái thói, bất kỳ việc gì cũng bắt chước chú Khách Ngô. Từ xưa đến nay đã có nhiều việc như vậy rồi, bây giờ đến trong chánh trị giới cũng là học đòi con nhà chú... Chệt.

Mấy lâu nay ở bển, những người ra làm chánh trị, hễ thất bại một cái, ấy là hạ giả ; hạ giả rồi lại xuất dương. Mười anh không trật một.

Hạ giả cũng như ta nói "sục êm" "về vườn" ; xuất dương, tức là đi ra "đại hải", đi ngoại quốc. Bởi vì cái kiểu đó cũng là kiểu mới, cho nên họ cũng dùng tiếng mới.

Tức như bọn Diêm Tích Sơn, Phùng Ngọc Tường dạo nầy, bị Tưởng Giới Thạch đánh cho chạy rời, cũng đã tuyên bố hạ giả và xuất dương rồi.

Ông Trương Văn Bền ở bên An Nam nầy nghe cái kiểu lịch sự ấy cũng bắt chước cho được. Ông ta ra ứng cử hội đồng quản hạt kỳ nhứt, bị cử tri không ưa, được thăm có ít, thất cử, liền đó, dông ô tô tuốt về đồng Tháp Mười ấy là hạ giả.

Song, chỉ hạ giả mà thôi, ông Bền cho là không giống với Tàu cho hệt, phải xuất dương nữa mới được. Nghe đã bạo gan chưa ?

(*Bị kiểm duyệt bỏ*)

Không thèm qua Pháp đâu. Thường quá không thèm ! Ông Bền sẽ qua Nhựt Bổn.

Người ta nói rằng chuyện ấy là tại báo *Trung lập* bày cho ông Bền, không thì ổng đâu có biết.

Báo *Trung lập* hôm qua, ở trương thứ 6, có một bài đề "một người lạ ở Nhựt Bổn". Trong đó nói chuyện một ông già ở bên Nhựt sống 99 tuổi rồi mà còn mạnh khỏe như trai mới lớn lên. Vả lại có điều rất lạ, là ông ấy uống rượu từ nhỏ tới lớn, tới già, cho đến ngày nay vẫn còn uống, mà được mạnh như vậy.

Ai đọc qua bài đó thì để nó chạy qua, chớ còn ông Bền thì bỏ bụng. Vì trong đó ông thấy sẽ được một mối đại lợi.

Ở bên Âu châu có một ông già sống ngoài một trăm tuổi mà cũng còn mạnh, ông ấy khai rằng ấy là nhờ mình từ nhỏ đến lớn không hề uống lấy một nhễu rượu. Độ trước có mấy người Huê Kỳ qua Âu châu rước ông già ấy về bên nước mình để diễn thuyết, cổ động sự bỏ rượu. Việc nầy *Trung lập* cũng có đăng rồi, độc giả có lẽ đâu quên.

Ông cựu hội đồng Trương Văn Bền ăn cắp kiểu của Tàu, cũng ăn cắp kiểu luôn của Huê Kỳ. Ông tính xuất dương đi Nhựt Bổn, là để rước ông già hay uống rượu ấy về xứ Nam Kỳ nầy để cổ động cho dân sự uống rượu. Vì có làm vậy thì rượu nhì của ông bán mới chạy mối hàng chớ !

Thiệt không có ai mà cắc cớ như ông Bền, mà cũng không có ai rành nghề buôn bán như ông vậy. Còn làm nhà chánh trị như ông, cũng hiệp cách lắm. Hễ thất bại thì đi trớt cho rồi, còn quẩn quít làm chi ? Ta lại còn chờ xem những người nào là người hạ giả xuất dương nữa.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6324 (16.12.1930)

NÓI VỚI LÀM TRÁI NHAU

Nhớ chừng như năm ngoái đây, ở Sài Gòn có vài tờ báo cãi với nhau về vấn đề "Hạn chế sự sanh đẻ", ban đầu còn cãi chơi chơi, sau thét thành ra cuộc bút chiến.

Cái thuyết hạn chế sự sanh đẻ là do một nhà nữ tư tưởng bên nước Huê Kỳ phát khởi ra. Đại ý nói rằng thế giới ngày nay vì người ta đông quá cho nên sự ăn dùng không đủ, sự dạy dỗ cũng không đến nơi đến chốn, vì vậy mà loài người giành xé nhau, lại gây ra nhiều thứ tội ác không xiết kể. Bây giờ muốn dẹp cuộc chiến tranh, làm cho thế giới hòa bình, nhân loại hưởng được hạnh phước, thì không gì bằng kiếm cách mà hạn chế sự sanh đẻ đi, hễ người ta ít thì tự nhiên khỏi có cái họa như ngày nay.

Nhà nữ tư tưởng người nước Mỹ ấy tên là bà Sanger, sanh năm 1883, năm nay 47 tuổi.

Sanger phu nhân chẳng những rao cái lý thuyết ấy ra mà thôi, lại có phương pháp thiệt hành nữa. Cái thuyết hạn chế sanh đẻ của bà gần thành ra như một cái đạo, có nhiều người tin theo, nhứt là đám phụ nữ bên Âu Mỹ.

Bà Sanger có làm nhiều sách để cổ động cái thuyết của mình. Mà những sách bà đã bị chánh phủ Mỹ cấm đi một lối, lấy cớ rằng đem những chuyện tiết áp mà nói với công chúng, có hại cho phong hóa.

Chẳng những sách bà bị cấm mà thôi, tòa án Nhiêu-do(*) cũng vì cớ ấy mà khép bà vào hình luật, tính bỏ tù bà. May nhờ có một bọn học giả bên nước Anh gởi thơ cho tổng thống nước Mỹ, biện bạch cho bà, nói rằng sách của bà rõ ràng là một cái học thuyết có thể cứu đời được, chớ đừng nên coi như thứ dâm thơ khác mà cấm đi và bắt tội tác giả. Bởi đó Sanger phu nhân được trắng án.

Một người đã có tư tưởng cao như vậy, đã có công phu làm ra sách dạy người ta, đã có chí hy sanh hạnh phước riêng của mình không quản gì tù tội, như bà Sanger, lẽ thì đã thiệt hành được cái lý thuyết ấy rồi đem ra mà tuyên truyền mới có hiệu lực. Ai ngờ không có như vậy !

Mới đọc tờ báo kia, thấy nói bà Sanger từ hồi có chồng đến giờ vẫn đẻ năm một, không thì cũng ba năm một đôi. Hồi năm 1922, bà nhơn đi qua Anh quốc, có ghé diễn thuyết tại nước Tàu, thiên hạ hoan nghinh không biết mấy. Bấy giờ bà đã có một bầy con để ở nhà rồi. Thế mà sau khi ở Anh quốc về, bà đã ngoài 40 tuổi, cũng còn đẻ rán một đứa con trai một đứa con gái nữa. Đến nỗi nhiều người ghét bà, đặt tên là "con heo nái".

(*) *Nhiêu-do* : New York.

Mình ở xa, không biết cho chắc, thấy báo nói như vậy thì hay vậy, cũng không khỏi hồ nghi. Hồ nghi vì một nhà tư tưởng như bà Sanger, cả thế giới đều biết tiếng, có đâu lại lời nói trái với việc làm như mấy ông hội đồng quản hạt ở xứ ta ?

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6326 (18.12.1930)

ĐỒNG THỜI MÀ CHẲNG ĐƯỢC GẶP NHAU

Ngoài Bắc vừa có tin bạn đồng nghiệp *Phụ nữ thời đàm* ra đời thì trong Nam ta cũng lại vừa có tin bạn đồng nghiệp *Phụ nữ tân văn* bị đóng cửa. Hai bạn ở đồng thời mà chẳng được gặp nhau để nói một vài câu chuyện, tiếc thay !

Hoặc giả *Phụ nữ* là cái cơ quan thần thánh, có một không nên có hai, cho nên ông trời ổng bắt hễ chị nầy lọt lòng thì chị kia phải đứt quai nôi(*).

Phụ nữ thời đàm ra đời bữa 8 Décembre, cho đến bữa nay hơn tuần lễ rồi, mới gởi vào trong Nam được ba bốn số chi đó. Mà coi đại ý bài xã thuyết số nào cũng toan dắt đem chị em trở về cái địa vị cũ.

Trước khi bạn nữ đồng nghiệp ở Bắc chưa ra đời, có kẻ bảo rằng đó là cái cơ quan để phản đối với *Phụ nữ tân văn* trong Nam ta. Mà nay xem thấy thì có lẽ lời đoán phỏng ấy là thật.

Bài xã thuyết ở số ba của tờ báo ấy, đề là *Địa vị phụ nữ trong gia đình cổ*. Tác giả bài ấy công nhiên nhận cho cái chế độ trọng nam khinh nữ là phải, nhận cho các bậc gia trưởng đời xưa không cho con gái học là phải, rồi nói rằng phụ nữ thuở xưa không có giáo dục như vậy không phải vì cái địa vị thấp kém bên con trai đâu (!)

(*) Tuần báo *Phụ nữ tân văn* bị cấm vào cuối tháng 12.1930 ; đến giữa tháng 5.1931 lại được phép xuất bản.

Cái luận điệu ấy rất là tương phản với của *Phụ nữ tân văn* mới vừa qua đời ở đường Ca-ti-na của Sài Gòn chúng ta. Phải còn chị nầy thì chắc hai bên không khỏi đấu khẩu nhau.

Phải, nữ đồng nghiệp, bạn chúng tôi ở Hà Nội định làm như vậy cũng phải. Phụ nữ ngoài ấy đã có người như cô Giang cô Bắc, muốn vượt qua các phạm vi trách cá nồi cơm, thì phải có người như là cụ Cử Ngô Thúc Địch ra tay mà kéo họ lại ít nhiều.

Huống chi vài năm nay, những án cách mạng hay cọng sản xảy ra, đều có đàn bà con gái dự vào hết, cho đến Trung kỳ, Nam kỳ cũng vậy. Bây giờ đây bạn nữ đồng nghiệp ta phải nhận lấy sự vãn hồi cái tệ tập ấy làm trách nhiệm mình đó chi.

Cuối bài xã thuyết trên đó, *Phụ nữ thời đàm* đóng khuôn một câu cách ngôn in chữ rô-manh đen như vầy: "Chồng sợ vợ cố nhiên là ngu, nhưng vợ mà không biết nể chồng lại là hạng ngu quá".

Phải, nữ đồng nghiệp là cơ quan để dắt dẫn nữ lưu, cho nên chỉ vì bên phía quần thoa mà thuyết pháp.

"Chồng sợ vợ là ngu"; thế thì trái lại : chồng không sợ vợ mới là khôn. Còn "vợ mà không biết nể chồng là hạng ngu quá"; thế thì trái lại : vợ mà biết nể chồng, là hạng khôn quá. Đi lại, phụ nữ cũng phải chịu phần sút, cái trách nhiệm về luân lý chỉ buộc vào cổ người đàn bà mà thôi.

Té ra cụ Cử Ngô nhà ta không giống với Khổng thánh nhân. Bởi vì theo Khổng thánh nhân thì "phu phu phụ phụ", nghĩa là chồng cho ra chồng vợ cho ra vợ. Mà chồng có ra chồng thì vợ mới là ra vợ chớ.

Phải chi còn bạn nữ đồng nghiệp chúng tôi trong Nam thì bạn sẽ nói trả lại rằng : "Vợ sợ chồng cố nhiên là ngu, nhưng chồng mà không biết nể vợ lại là hạng ngu quá".

Bởi nói vậy mà phải chết chăng ?

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6327 (19.12.1930)

THÀ LUI NHƯ VẬY MÀ CAO

Trong hết thảy các vị ra ứng cử hội đồng quản hạt vừa rồi có ông Nguyễn Văn Khánh, nhứt danh Paul Marchet, coi lơ lơ mà thật là người cao khiết hơn hết. Nội nhân tài ra bay nhảy hồi nầy, nói cho phải, thật tôi chưa biết phục ai ; nếu có một người đáng cho tôi phục thì là ông ấy.

Ông ra ứng cử kỳ nhứt, không trúng ; rồi đến kỳ nhì, ông kéo mình (se retirer)(*) trở về trong cái phòng chủ nhiệm của nhà báo *Le Phare*. Con người như thế, tôi phải cho là người tri cơ mà cũng là người dõng thối nữa(**).

Trước khi kéo mình, không ra ứng cử kỳ nhì, ông có viết non nửa cột mà thanh minh trong tờ báo bằng tiếng Pháp của ông. Ông nói rằng ông ra kỳ nhứt, choán mất một mớ thăm để đánh cổ được ông Trương Văn Bền, ấy là cái phần việc của ông đã trọn rồi, cho nên ông cáo thối(***). Vả lại, kỳ nhì nầy có nhiều tay tài bộ cất thân ra, ấy là người xứng đáng, ông vui lòng nhường cho họ.

Phải, ăn nói thiệt thà, cử chỉ quang minh như ông Khánh vậy, tài chi tôi chẳng phục ?

Kỳ thứ nhất, quận thứ nhì, là quận ông Khánh ra, hết thảy có sáu người ứng cử, ông Long ông Bền cũng ở vào quận ấy. Kết quả của kỳ nhứt ấy, ông Khánh chỉ được có 89 lá thăm, ít hơn hết thảy số thăm của năm người kia. Mà trong năm người đó, người ít nhứt được 452 lá, cũng còn hơn ông Khánh trên 300 lá lận. Tuy vậy, đừng thấy ít mà khinh. Còn ruồi cũng làm nặng đầu cân, 89 lá thăm của ông Khánh há chẳng là có quan hệ sao, há chẳng giảm bớt số

(*) *se retirer* : rút lui (trong bài tác giả dịch là *kéo mình*).
(**) *tri cơ* : biết thời thế, biết mưu chước ; *dõng thối* (dũng thoái) : chưa rõ nghĩa, có thể nói ý rút lui một cách quả cảm chăng ?
(***) *cáo thối* : cáo thoái, xin thôi.

thăm của ông Bền sao ? Cho nên trong sự đánh đổ ông tướng Lập hiến Trương Văn Bền phen nầy thật tình cũng có nhờ ông Khánh.

Đến kỳ nhì nầy, quận thứ nhì chỉ còn có một ghế nghị viên, mà nhân tài được mùa làm sao ! mang râu đội mũ đi ra cả đống, đếm hoài không hết. Trong đó, có cử nhân, tấn sĩ, thầy kiện, thầy thuốc, thầy giáo đủ các đẳng nhân. Ông chủ báo *Le Phare* dầu là chủ nhân, chủ nhiệm kiêm chủ bút đi nữa, cũng không đủ bằng cấp cho kịp họ, thì tháo lui đi là phải.

Huống chi lại có ông tướng ở đâu trong bụi trong bờ, nhảy ra đánh ngang đánh dọc, ấy là nhà thầy Nguyễn Đức Nhuận. Ông Nhuận vốn là chưn học trò, lại là tay nhà buôn, ức gì chẳng biết, lù lù ở trong tiệm tơ lụa đường Catinat vác cái chương trình ra đem đặt lên dinh xã tây một cái thịch, làm cho cái bàn muốn đổ, bởi vì chương trình nặng quá !

Phải chi Thông Reo nầy cũng có ghi tên trong sổ ứng cử quận thứ nhì mà thấy cái chương trình kỳ cục, xưa nay chưa có ấy, thì Thông Reo nầy cũng đã bườm sớm rồi. Mình có đôi ba cái bằng cấp trong tủ, lẽ đáng trên con đường chánh trị, mình phải rố vác(*) hơn ai ; cái nầy, đem chương trình đọ với chương trình, mình trở thua anh mặt trắng, thì mình nên bườm sớm là phải.

Ông Nguyễn Văn Khánh, biểu tự Paul Marchet, chắc cũng có cái sở kiến giống như Thông Reo, cho nên lật đật rút dù đi trớt, chẳng thèm ngó lại. Thế là cao hơn người khác một nước đó.

Đến mai đây rồi ta rủ nhau ra đường lượm chơi, vì ra nhiều như thế mà trúng chỉ có một, thì chắc phải rớt lợt đợt cả đống.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6328 (20.12.1930)

(*) *rố vác* : chưa rõ nghĩa.

ÙY MỘT CÁI, ĐỦ THẤY CẢNH THÁI BÌNH

Nam kỳ, non một trăm năm về trước, khi trong xứ giặc giã yên rồi mà Tây chưa lại, bấy giờ được mùa luôn luôn, lúa gạo ê hề, nhơn dân no ấm, thiệt là cái đời thái bình.

Nghe ông già bà cả nhắc chuyện rằng hồi đó người ta có ít mà lúa gạo nhiều quá, ăn không hết. Mỗi năm hai chuyến, có một đoàn tàu buồm mấy trăm chiếc chở lúa gạo do đường biển từ Nam kỳ ra Huế ; lúa gạo ấy sẽ chứa tại kho, làm lương cho quan cho lính ăn cả năm. Ăn không hết, lại còn chứa lúa gạo tại kinh đô cho được dư ăn ba năm nữa.

Hồi đó vua ta lại cấm xuất cảng lúa gạo cốt ý để lúa gạo Nam kỳ đem ra trợ cấp cho Trung Bắc kỳ, bởi vậy lúa gạo xứ nầy không khi nào bán ra ngoài, lại càng dư lắm.

Trong các làng, nhà nào nhà nấy kho đụn tràn trề, đến nỗi không còn chỗ chứa, phải vô từng bao mà chất ra sau hàng ba, có khi chất luôn tới ngoài vườn. Hàng xóm láng giềng có ai thiếu ăn, tới hỏi xin, thì cứ chỉ ra vườn, vác mấy đó thì vác.

Cái đời đó thiệt là thái bình làm sao !

Từ khi nước Pháp cai trị xứ nầy, mở cửa biển, cho các nước tới thông thương, không có cấm ngăn gì hết. Các nước, như Nhựt Bổn, Phi Luật Tân, Chà Và, thường thường mua gạo của Nam kỳ mà ăn. Từ đó đến nay, Nam kỳ nhờ bán lúa gạo mà thêm giàu hơn trước. Tuy giàu vậy mà không thái bình bằng xưa. Vì ngày nay Nam kỳ lại phải mua hàng hóa của ngoại quốc nhiều thứ, phải mua xe hơi, phải mua hột xoàn, cùng hết thảy đồ vật dụng hằng ngày. Cho nên nhiều tiền thì nhiều mà phải tiêu cho hết, thành ra đi lại cũng vất vả.

Mấy ông lãnh tụ trong xứ không muốn cho dân vất vả như vậy, không muốn cho họ bán lúa gạo ra rồi mua đồ tầm bậy vô ích. Cho nên mấy ổng tính cách hay lắm.

Ngày họp hội đồng lớn ở Hà Nội, nhà nước hỏi có nên tăng thuế xuất cảng lúa gạo ở Nam kỳ không ? Mấy ông đại biểu ngoài kia nói làm sao không biết, còn trong ta hai ông đại biểu là ông Chiêu và ông Long rủ nhau "ùy" rập một tiếng.

Hễ thuế cao thì lúa gạo không bán ra được, lúa gạo không bán ra được thì sẽ dồn lại trong xứ nầy, không khác gì cảnh thái bình hồi xưa. Ấy là mấy ổng ùy một cái mà đủ thấy thái bình.

Nhưng mà, lúa gạo đành không bán ra được rồi, còn đồ của ngoại quốc, mình có phải mua nữa không ? Nếu còn phải mua thì ấy là làm mất thăng bằng, sanh chuyện từ đó vậy.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6329 (22.12.1930)

NGÃ NGHIỆP RỒI AI NẤY XUỘI LƠ

Hết cuộc thứ nhứt, tranh nhau cuộc tuyển cử thứ nhì. Bữa nay cuộc thứ nhì có kết quả rồi. Cái kết quả quái lạ làm sao, có nhiều người không buồn nói tới ! Thật, ngã nghiệp rồi ai nấy xuội lơ.

Lần thứ nhì nầy tranh nhau, chỉ có quận thứ nhì là kịch liệt hơn hết. Tới báo nào – cố nhiên trừ ra bạn đồng nghiệp *Đuốc nhà Nam* – cũng nhè ông Nguyễn Đăng Liêng mà công kích, cho là ông Trương Văn Bền thứ hai, thế mà chính ông Liêng lại đắc cử.

Ông Liêng đắc cử lại đắc cử vào ghế thiệt thọ, vì có đến 1002 lá thăm. Có một ghế dự khuyết, cử tri đem thí cho ông đốc-tơ Thinh, ông nầy chỉ được 822 lá, coi tội nghiệp quá.

Đến như ông Nguyễn Đình Trị ông Nguyễn Phú Hựu, cùng ông giáo sư nói mấy lần tại xã tây hay lắm là ông Nguyễn Văn Quế thì cử tri ban cho mỗi người chỉ có ít xỉn thăm. Ai có đời ông Quế mà chỉ có 143 lá, thì thật là sự không ngờ !

Nếu đã vậy thì họ bỏ cho ông Nguyễn Đức Nhuận vỏn vẹn có 45 lá là phải, không trách.

Sau khi nghe tin ông Nguyễn Đăng Liêng đắc cử, có nhiều người sững sờ lấy làm lạ , vì chưa hề biết đến tên tuổi ông ấy.

Nếu quả như lời các báo nói, ông Liêng tức là ông Bền thứ hai, thì cái tâm lý của cử tri thật là bí mật khó hiểu. Lần nầy làm như vậy, thì sao lần trước rập nhau đánh đổ ông Trương Văn Bền ?

Bây giờ hết chuyện nói rồi, chỉ còn có ngồi mà trông cho ông Liêng là người xứng đáng thay mặt cho quốc dân mà không phải tay sai của ông Bền như các báo đã nói, đặng chứng tỏ ra trình độ cử tri là cao, là biết chọn lựa người đại biểu đó thôi.

Nếu quả được như vậy thì các nhà báo cũng nên bái phục cử tri là khôn ngoan hơn mình.

Đến quận thứ ba mà ông Dương Văn Giáo cũng chỉ trúng vào cái ghế dự khuyết thì nên kể như là thất bại. Nếu vậy thì ra nhân tài của sổ hiệp nhứt phen nầy "nguội điện" rồi còn chi. Ông Thinh ông Giáo chẳng ông nào được ngồi ghế thiệt thọ hết, xui xẻo quá !

Độc lập là ông Hồ Duy Kiên lại đắc cử vào ghế thiệt thọ. Ông nầy bình sanh phản đối riết cái chánh sách giáo dục tiểu học bằng quốc ngữ. Nghe nói ông nóng lòng vì chút đó mà ra hội đồng khóa nầy ; để coi ông tính làm sao ? Có nhiều người chực coi ông một mình mà chống lại hai ông là Nguyễn Phan Long và Phạm Quỳnh.

Có phen thất bại nầy để cho mấy ông trong sổ hiệp nhứt tỉnh ngộ ra. Cái nghề làm quốc sự là chỉ biết có lý chớ không biết có tình. Nếu mấy ông không cho sự hành vi của đảng Lập hiến là phải, thì nên ra tranh cử ngay kỳ nhứt đi ! Mấy ông lại làm ra bộ yểu điệu như gái mười bảy kén chồng, rồi bây giờ choán được vài cái ghế dự khuyết thì có ích lợi gì cho dân cho nước chăng ? Nếu mấy ông nói rằng mình không cần, thì thôi, đừng ra tranh cử.

Còn quên ông Mã Xến chỉ được một lá thăm, ấy cũng là cái dấu cử tri phạt đảng Lập hiến đó.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6330 (23.12.1930)

AI GIỎI ĐOÁN THÌ ĐOÁN CÁI NẦY CHƠI

Có ai giỏi đoán thì đoán cái nầy chơi. Đoán cái nầy mà trúng thì mới thật là tay đoán giỏi. Mà tôi đã bảo "đoán chơi", thì dầu có trúng cũng không ăn xôi ăn chuối chi, nói trước cho mà biết. Tôi không "cá" cái gì hết đa.

Ở Hà Nội thì thuở mô đến giờ chưa có tờ báo nào của người Việt Nam mà viết bằng tiếng Lang Sa. Thiệt, nhớ lại mà coi, chưa hề có.

Mới độ trước đây, sau khi chộn rộn mấy bài luận về hiến pháp của ông Phạm Quỳnh, thì thấy trên các báo rao lên rằng rồi đây sẽ có hai tờ báo của An-Nam-mích ra bằng Pháp văn : một tờ tên là *Le Peuple* ; một tờ nữa tên là *L'Annam nouveau*.

Tờ *Le Peuple* của ông Đặng Nguyên Quang, chủ báo *Phổ thông*, là một nhà làm báo mới mọc lên ở Hà Thành. Còn tờ *L'Annam nouveau*, thấy người ta nói của ông Nguyễn Văn Vĩnh, chủ *Trung Bắc tân văn*, là tên dân nhập tịch làng báo đầu hết.

Ra làm gì mà một lần hai tờ ? Hồi không có thì không trơn không trọi, còn đến chừng có lại đua nhau mà mọc như nấm mùa mưa, là nghĩa chi ?

Đông chẳng có mây thì tây chẳng có sao. Thật tình tại ông Phạm Thượng Chi sử giặc ra những hiến pháp hiến phiếc chi đó nên mới đẻ ra những báo tây nầy. Bởi vì mấy ông nầy muốn phản đối ông Quỳnh mà phản đối bằng cơ quan quốc ngữ thì không mạnh, cho nên mới bày ra cơ quan tiếng Pháp.

Nói tiếp lên đoạn trên. Khi bấy giờ thấy rao lên như vầy mà sau chi mới thấy một tờ *Le Peuple* ra mà thôi, còn tờ *L'Annam nouveau* thì chưa thấy xuất bản.

Tờ *Le Peuple* ra chỉ có hai trang, mỗi tuần lễ có hai số, vừa được ba số thì đình bản, cái thọ mạng chỉ có trong mười ngày mà thôi.

Ô hô cái cơ quan phản đối hiến pháp bằng Pháp văn !

Ba vị ký giả của *Le Peuple*, sau khi tờ báo mình đình bản, lại bị "trục nhập cảnh nội", nghĩa là ở đâu đuổi về ở đó, khác với thói thường hay "trục xuất cảnh ngoại".

(*Bị kiểm duyệt bỏ*)

Ấy là xong phần *Le Peuple*.

Bây giờ người ta bảo đoán. Người ta muốn biết tờ *L'Annam nouveau* của ông Nguyễn Văn Vĩnh sẽ có ra chăng, đoán đi !

L'Annam nouveau hồi đầu cũng vì phản đối hiến pháp của ông Phạm Quỳnh mà toan ra đời. Bây giờ đây, thấy rõ ràng cái số mạng của ai phản đối hiến pháp thì là vậy đó, mới tính làm sao cho lọt ? Ra hay là không ra ?

L'Annam nouveau ra mà nói như kiểu *Le Peuple* thì e cũng sẽ đồng số mạng với *Le Peuple*. Hay là không ra ? Không ra thì rao lỡ rồi, vả lại cũng ra tuồng khiếp nhược khó coi.

Cha chả khó ! ở chính vào giữa cái khó ! Nhờ ai đoán giùm một chút thử coi nào !

Ai thì làm sao không biết, chớ theo tôi thì tôi cho *L'Annam nouveau* ra thì cứ việc ra đi, nhưng mà nói ầu ơ qua chuyện khác. Hại gì cà !

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6331 (24.12.1930)

TƯỞNG NỘI 13 LÀ PHẢI CỮ, TÉ RA 26 CŨNG NÊN KIÊNG

Sau khi nữ phi công nước Pháp là cô Maryse Hilsz đến Sài Gòn mấy bữa, phụ nữ Việt Nam có chung nhau đãi cô một bữa cơm tại nhà bà Nguyễn Đức Nhuận, chủ báo *Phụ nữ tân văn*. Tiếng rằng phụ nữ Việt Nam đãi, chớ kỳ thiệt, cuộc hoan nghinh nầy do bà Nhuận tổ chức ra và cũng đãi tại nhà bà ấy. Thế thì, nói cho đúng sự thiệt, bữa tiệc nầy bà Nguyễn Đức Nhuận là chủ mà cô Maryse Hilsz là khách.

Nghe nói bữa tiệc ấy rất là vui, mà các món ăn An Nam lại cũng cực kỳ ngon nữa. – Cái sự ngon nầy cũng như sự vui kia, tôi cũng chỉ nghe nói mà thôi. – Thật là : Tây Nam hội hiệp, ngồi ăn dưới đất mà nói chuyện trên trời ; chủ khách dập dìu, chả tôm dồn chừng nào thì đít cua dồn chừng nấy. Vui quá ! Ngon quá !

Thế mà cách đó một bữa, tờ báo *Phụ nữ tân văn* là tờ báo mà bà Nguyễn Đức Nhuận làm chủ nhân, bỗng dưng nghe có tin buồn. Bữa nay chuyện đã rồi, không còn phải kiêng dè chi nữa mà nói tránh nói ghé : Thiệt quả nhiên tờ báo ấy chết, phép bị rút trở về, nhà báo *Phụ nữ tân văn* bị đóng cửa !

Ai đi ngang qua đường phố Catinat cũng lắc đầu chắc lưỡi : chết làm sao mà chết tức chết tối, chết oan chết uổng, ai có đương đầu xanh tuổi trẻ mà vụt một cái gãy cành thiên hương, hỡi cô *Phụ nữ tân văn* ơi ! trách trời kia sao bẻ lá không ngằn(*) !

Người đi qua đường còn như vậy, huống chi là kẻ mới xơi bữa tiệc tối hôm kia. Mình đây là phận đàn ông, không biết chớ chắc thế nào các bà đầm Lang Sa như bà Thống đốc, bà Đốc lý, là những người đã dự tiệc tối hôm ấy cũng có đôi lời đến chia buồn với chủ nhân của tờ báo mà cũng chủ nhân của bữa tiệc ấy mới phải.

Phải chi bữa hôm đó mà biết có chuyện bữa nay thì ai nấy nhấm làm sao cho ngon mà nuốt làm sao cho xuống. Thiệt tình như vậy, chớ không phải nói bóng.

Phụ nữ tân văn chết, chẳng ai biết vì cớ chi. Thấy số chót của báo ấy cũng nói rằng chính mình chủ nhân chủ nhiệm cũng đều không biết ráo, mà cho đến quan Thống đốc, hình như cũng không biết nữa vì cái nghị định ấy ở Hà Nội đưa về.

Tôi có cái tánh hay tin dị đoan. Thấy không ai biết vì cớ chi mà báo *Phụ nữ* bị cấm hết thì tôi đổ quyết cho tại bữa tiệc. Tôi lấy

(*) *ngằn* : trò cái gì đẻ ra phân biệt như chừng, đỗi, phần, ngăn... (theo H.T.Paulus Của, sđd.).

lẽ rằng sự cấm nầy xảy ra liền theo bữa tiệc, chớ trước khi chưa có bữa tiệc thì báo ấy chưa hề bị cấm.

Tôi tin rằng tại trong bữa tiệc có cái xui xẻo làm sao đó mới có xảy ra sự rủi ro như vậy. Song từ hôm nay tôi không dám nói ra, nói ra sợ có kẻ lại cười mình tin dị đoan.

Đến bữa nay !... Bữa nay, quái làm sao cô Maryse Hilsz bay đã gần mười ngày rồi mà chẳng có tin tức gì hết. Tôi không chắc cô ấy có xảy gặp chuyện gì dọc đường, nhưng đi đã lâu mà không có tin, làm sao người ta nhao nhao lên, ấy cũng là một sự đáng lo.

Nếu chẳng may mà có chuyện chi cho cô nữ phi công, thì rõ ràng là tại bữa tiệc. Bữa tiệc làm sao lại nhè trúng vào 26 người ; 26 tức là hai cái số 13 là số người ta vẫn cữ vậy.

Lật bức hình trong số chót *Phụ nữ* ra mà coi, quả 26 người vòn vẹn. Chớ phải chi mời thêm một người nầy nữa thì đã khỏi hề chi :

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6332 (26.12.1930)

CÁCH CHỮA BỊNH MỚI Ở NHÀ THƯƠNG

Từ ngày ông Pasteur nước Pháp tìm ra các thứ vi trùng của nhiều chứng bệnh mà rồi nghề làm thuốc trong thế giới tấn bộ một cách rất mau chóng. Tuy vậy, cách trị bịnh cũng vẫn còn theo cũ, nghĩa là lấy thuốc mà trị, bịnh nào thì có thuốc nấy.

Mà quên, đời nay lại còn có cách trị bịnh bằng phép thôi miên (hypnotisme). Dùng phép thôi miên mà trị bịnh thì không cần phải uống thuốc hay là chích thuốc vào mình, mà bịnh cũng lành.

Nhưng theo lời ông thầy thuốc nói, thì phép thôi miên chỉ dùng trị được những bịnh thuộc về tinh thần mà thôi ; còn như đau những chứng thuộc về khí huyết tạng phủ cùng là các bịnh ngoài da thì phép thôi miên không trị nổi.

Đó là nghe người ta nói, tôi cũng nói vậy thôi, chớ tôi có học hành nghề thuốc men một chữ nào đâu mà biết. Duy mới đây, thấy

một ông đốc-tờ An Nam ở một nhà thương kia tại Sài Gòn, chữa bịnh không dùng thuốc mà cũng không dùng phép thôi miên, thì tôi cũng viết lên đây cho thiên hạ coi chơi.

Có người chứng kiến sự trị bịnh của ông đốc-tơ nầy thuật chuyện lại với tôi, cũng như ông Nguyễn Đức Nhuận và ông Trần Hữu Độ đã chứng kiến ông lương y An Nam Nguyễn An Cư về sự trị bịnh bà Trần Hữu Độ mà thuật lại trong báo *Đuốc nhà Nam* và báo *Phụ nữ*. Tôi nói như vậy để cho biết sự chứng kiến nầy là chắc chắn, nhờ đó tôi làm quảng cáo cho ông đốc-tơ ấy mới đắc lực vậy.

Nói ông đốc-tơ nầy không dùng thuốc cũng không được đúng. Ông có dùng, nhưng không phải để uống hay là chích đó thôi.

Ông dùng độc một vị "phật thủ". Phật thủ, nghĩa là bàn tay của Phật. Nầưng, bàn tay của Phật khó kiếm, kiếm đâu cho ra, thì ông dùng tạm bàn tay của ông.

Hồi 8 giờ sáng ngày 26 Décembre, tức là ngày hôm qua đây, có đông người tới nhà thương xin thuốc. Trong đó có một người đàn bà Bắc kỳ. Người đàn bà nầy mặt mày cũng sáng sủa, ăn mặc cũng chỉnh tề, đủ tỏ ra cho ông đốc-tơ biết không phải là hạng hạ lưu vậy. Thế mà khi mới vừa đi tới trước mặt ông, ông hỏi rằng :

– Mầy đau cái gì ?

– Thưa thầy, con đau...

Người đàn bà mới vừa nói có chứng thì ông đốc-tơ đưa ngay bàn tay Phật của ông ra xán(*) vào mặt người đàn bà ấy một cái bốp, kèm với mấy tiếng nầy : "Mầy kêu ai bằng thầy, con kia ?"

Người đàn bà bị bạt tai đó, đi ra liền, không uống thuốc nữa, bởi vì gặp sự ngược đãi như vậy dầu cho có bịnh gì trong mình cũng phải hết !

(*) Bản gốc là *xáng*, có thể in lầm (phương ngữ Trung, Nam kỳ không phân biệt hai phụ âm cuối *n* và *ng*) H.T.Paulus Của (sđd.) và *Từ điển phương ngữ Nam Bộ* (sđd.) chỉ có *xán* với hàm nghĩa : đánh, giáng, đập mạnh, ập xuống mạnh. Ở đây sửa là *xán*.

Lại cũng buổi sáng hôm ấy, có người đàn bà khác bồng đứa con gái nhỏ chừng 3 – 4 tuổi vô xin thuốc. Ông đốc-tơ biểu để con bé ngồi chỗ bàn cho ông coi. Vừa để xuống thì nó giang tay níu lấy người đàn bà, làm ra bộ sợ khiếp, chờn vờn, ông không coi được. Ông cũng tát cho nó một cái vào nơi mặt, con nhỏ điếng mất nửa phút đồng hồ mới khóc ra tiếng. Nhưng, bịnh của nó có lành được không, thì không biết.

Cái kiểu trị bịnh ấy thiệt mới quá. Mà nếu vậy thì nghề thuốc có cần học làm gì ? Nhà nước cũng không nên lập trường dạy thuốc ở Hà Nội làm chi nữa. Ông Pasteur cũng sẽ bị xóa bỏ hết công nghiệp !

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6333 (27.12.1930)

HỘI VẠN QUỐC VỚI CÔ ĐẦU

Ở đời nhiều sự bất kỳ. Như hai cái danh từ trên đây, có khi nào lại dính nhau được, thế mà hôm nay, dưới ngòi bút của Thông Reo tiên sanh, chúng nó nhè dính phứt đi.

Hội Vạn Quốc là cái hội thiệt to, hiệp hết thảy các nước giàu mạnh trên thế giới mà lập thành ra. Cô đầu là bọn con hát, cũng gọi là nhà trò, ở miền bắc Trung kỳ và Bắc kỳ của tụi Việt Nam thuộc Pháp. Hai bên khác nhau như trời với vực. Đời nào người ta lại đút được một chữ liên từ (copule) vào ở giữa là chữ "với" ?

Đút chữ "với" vào được là tại có quan hệ. Mà sau khi đút chữ "với" vô rồi, lại thành ra có quan hệ lung.

À ! Hội Vạn Quốc với cô đầu. Hay là : Cô đầu với hội Vạn Quốc ! Nghe oai thiệt !

Số là, hiện nay ban hội Vạn Quốc có phái một ban uỷ viên đâu ba bốn người đi khắp Đông phương đặng điều tra việc mua bán đàn bà con gái. Phái bộ ấy đã đến Hà Nội ta. Sau khi đến, mấy ông uỷ

viên đã mở ra điều tra một trăm cách. Trong đó, có cách đến thăm nhà các cô đầu, cũng là một cách điều tra vậy.

Thật, theo như báo ngoài Bắc đã nói, chính ba bốn ông phái viên đó, người Anh có, người Mỹ có, đã có quang lâm(*) đến một vài nhà cô đầu tại xóm Khâm Thiên, gần Hà Nội.

Cha ! Vinh diệu thay ! Nghĩ mà tủi thầm hổ trộm với đám chị em, nhà báo mình đây đời nào được quan viên Vạn Quốc chiếu cố tới !

Các ngài đến đó, chắc thế nào cũng có đập trống chớ đâu khỏi. À ! Chi chiếc ra làm sao ? có nới tay không ?

Ấy mình, đã lại quen thói. Các ngài tới đây để điều tra, đâu có phải đi hát.

À ! điều tra ! điều tra !

Cái tiếng nầy, cái tiếng điều tra nầy đã từng nghe qua lắm phen. Mới vài năm nay đây chớ chẳng xa, cũng là mấy ông ủy viên của hội Vạn Quốc sai đi, cứ điều tra điều tra mãi.

Một lần, đâu có ông chi chi đó đi điều tra tình hình lao động ; rồi lại vài ba ông nữa đi điều tra thuốc phiện ; rồi nay đến mấy ông này đi điều tra sự mãi nô(**). Hội Vạn Quốc thiệt là nhiều chuyện quá, thiệt là có lòng với An Nam mình quá.

Lần nọ, phái bộ điều tra thuốc phiện đến đây, có đến thăm một vài tiệm công yên ở Chợ Lớn. Nghe nói khi các ngài vào tiệm, bảo ai hút thì cứ việc hút như thường, để các ngài thấy cái quang cảnh phun mây nhả khói chơi. Tiệm nào các ngài đã vào thì bữa sau nhiều người đến hỏi thăm, rồi cũng hút ít nhiều, nhờ đó mà đắt hàng hơn trước. Mấy tiệm đó cám ơn các ngài năm nay còn chưa ngớt.

Mấy nhà cô đầu ở Khâm Thiên lần nầy đây cũng sẽ như vậy, chớ có gì khác.

(*) *quang lâm* : đoái đến (ai đó) làm cho thêm rạng rỡ (theo Thiều Chửu: *Hán Việt tự điển*, sđd.) ; người trên đến hỏi thăm mình, mình cho là quang vinh, nên nói tôn là "quang lâm" (Đào Duy Anh, sđd.).

(**) *mãi nô* : buôn bán nô lệ, ở đây trỏ việc buôn bán phụ nữ.

– Vậy chớ còn cái vấn đề mãi nô thì nó ra sao ?

– Thì nó cũng như cái vấn đề thuốc phiện vậy.

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6334 (29.12.1930)

CÁI MÓN HÀNG TỔNG ĐỐC NGHỆ AN ĐÃ THÀNH RA MÓN HÀNG Ế

Xứ Trung kỳ có 13 tỉnh mà chỉ bốn tỉnh lớn có đặt tổng đốc, là : Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Nam, Bình Định. Làm quan ở Trung kỳ, dầu cho làm Thượng thơ các bộ tại Huế cũng không sang trọng bằng làm Tổng đốc ở bốn tỉnh ấy, bởi vậy từ năm ngoái đây trở về trước, gặp khi chức Tổng đốc có khuyết, ấy là ai nấy rộn rực, lo vận động đầu nầy đầu nọ để được nhảy lên ngôi.

Năm nay, từ hồi tỉnh Nghệ xảy ra sự rối loạn lung tung, chức Tổng đốc tỉnh ấy khác nào kẻ ngồi đầu voi, nói rằng nguy hiểm cho lắm thì cũng không đến nỗi, song le có hơi nguy hiểm.

Liền sau khi có cuộc biểu tình lớn lắm xảy ra, quan Tổng đốc Hồ Đắc Khải bị bãi về. Tuy rằng không có minh văn, song trên chánh phủ, dưới sĩ phu, cho đến hàng dân dã cũng đều hiểu ngầm với nhau rằng quan Tổng đốc Hồ là tay thiếu niên, hàng "các cậu", không đủ sức cai trị yên cuộc rối loạn ấy.

Rồi đó chánh phủ Bảo hộ và Nam triều mới sai ông Phạm Bá Phổ ra thay thế. Ông nầy là nhà nho, vả lại có tuổi, thuở nay lịch trị địa phương cũng nhiều, có thể tin được rằng tỉnh Nghệ sẽ nhờ ông mà yên, không rối ren nữa. Mà lúc ông tựu lỵ, chắc cũng vỗ bụng tự tin vậy.

Không ngờ ông Phạm khi đã lỵ rồi(*), yết thị mấy thì yết thị, diễn thuyết mấy thì diễn thuyết, hiểu cáo mấy thì hiểu cáo, truyền đơn cũng cứ việc rải luôn, cờ đỏ cũng cứ việc treo luôn, nay nghe

(*) *đã lỵ rồi* : đã đến trị nhậm rồi.

nói tụ họp đánh phá chỗ nầy, mai nghe nói tụ họp đánh phá chỗ khác, hiện trạng không thấy chi là giảm bớt hết.

Thật khó lòng quá. Cái ngôi Tổng đốc Nghệ chuyến nầy cũng khó ngồi thật chớ phải chơi. Ai thì còn bảo họ cứ ngồi lỳ ở đó, chớ ông Phạm Bá Phổ, vào hạng nhân phẩm khá, lẽ nào đổ thuốc bịnh không chuyển mà thầy còn cứ nằm bộng mãi đó sao ? Quan Tổng đốc Phạm tự nhiên phải cáo về. Lại còn có lẽ không cáo về cũng không được đa.

Phải chi hồi bình thường thì sau khi ông Phạm về rồi, cái ghế mà ngài đã đặt đít đó đã như mớ tôm tươi giữa buổi chợ đông. Nhưng mà chuyến nầy, tội nghiệp, chẳng ai thèm hỏi đến, như gái đã mất mai xưa.

Một buổi hội thương, quan Khâm sứ hỏi : Bây giờ chức Tổng đốc Nghệ khuyết đó, các quan Cơ mật định cử ai ?

Khi bấy giờ các quan Tham tri Thị lang chỉ sợ có một nỗi là quan trên lại chấm đến mình. Ông nào ông nấy trở lại phập phồng cho cái số phận mình sao đủ lên lỡ cái địa vị đi Tổng đốc được !

May làm sao mà có ông bà đất nước phù hộ, các quan Cơ mật chẳng hề cử một ông nào ở tại triều hết, như là muốn trả lời cho quan Khâm rằng : "Không, nội các quan ở đây không có ông nào cho xứng chức Tổng đốc Nghệ đâu". Các quan Tham quan Thị nghe vậy dám nhẹ mình.

Bởi vậy mới tìm đến ông Nguyễn Khoa Kỳ là Tuần vũ Phan Thiết ra làm Tổng đốc Nghệ. Chưa biết về phần ông nầy là rủi hay là may.

Chưa biết chừng, nếu ngài nào ngài nấy cũng đều thối thác mãi thét đến rồi cái phước làm chúa tỉnh Nghệ lại nhỏ giọt đến tột hạng người mà khổng ai ngờ như :

THÔNG REO

Trung lập, Sài Gòn, s.6335 (30.12.1930)

OAI VUA

Thiệt ông Tạ Duy Hiển dở hết sức. Từ bữa hôm phường xiếc của ổng tới Sài Gòn, ổng mời thiên hạ đi coi đông coi tây mà ổng chớ hề mời mình. Bữa rày mình lại đem trò xiếc của ổng chưng lên chỗ cột báo nầy, là chỗ ví chẳng khác cái "lô" riêng của mình, thế là mình làm quảng cáo không tiền cho ổng, chẳng ra mình dại ?

Nhưng, Thông Reo ơi ! – tội dặn lòng tôi – đừng có nghĩ như vậy mà dơ cả ruột. Dở hay ở đời, mặc người ta, điều gì đáng nói thì mình nói.

Tối hôm qua, tình cờ có ông bạn mời, tôi mới đi coi xiếc Việt Nam thử một đêm.

Hay ! Hay thật !

Trong hết thảy các trò, tôi thích nhứt có cái trò cuối cùng, là trò "ông lớn".

Ông cọp đa mà.

Quái làm sao, thiên hạ ai cũng sợ ông cọp hết, đến ông tây cũng còn phải sợ thay, thế mà ông Tạ Duy Hiển lại tập được, làm cho ông lớn hiền đi !

Rõ ràng trước mặt thiên hạ đông đủ, không phải tôi nói láo. Ông cọp thiệt to, "tàu cau" hay là "gấm" chi đó mà ngó dữ oằm, nhe bộ răng ra sắc lẻm tôi thấy tôi sợ thiếu điều sảng bà thứ. Vậy mà ông Hiển ổng quất roi điện một cái, ấy là biểu chi nghe nấy : Cái vòng lửa đỏ bừng bừng, cũng đưa đầu vô, thiệt dại quá con chó !

Anh gì đó không biết, ông một bên tôi, nói với tôi rằng : "Đó là cho nuốt nhựa mà. Cái nghề ghiền rồi, sai gì mà chẳng được ? Cũng như dắt vô tiệm thí cho vài ngao, rồi biểu viết cái ác-tíc gì đó cũng viết chớ gì ?"

Thằng cha yêu quái, đương nói chuyện cọp, mà nó lại nhè nói đến cái nghề thần thánh là nghề viết báo của mình, để đó bữa sau sẽ hay.

Anh ngồi bên kia nói : "Không chẳng những cho nuốt nhựa thôi đâu, lại còn cho ngửi cô-ca-in nữa, đến cái nầy mới chết".

Họ nói đó, đều là nói ức chừng. Khi ông Hiển cho cọp nuốt nhựa hay là ngửi cô-ca-in, nào các ảnh có thấy ở đâu ? Chỉ nói mò thôi.

Tôi thì tôi tin cái chứng cớ ở trước mắt tôi và trước mắt mọi người. Tôi nói : chỉ có cái oai vua thì mới trị ông cọp được. Bởi vì ông cọp ổng không sợ ai, song ổng sợ vua.

Thiệt ông Tạ Duy Hiển chỉ nhờ có bộ áo của ông mà làm cho cọp nhà ta phải chịu phép. Khi giá ngự cọp, ông Hiển mặc áo rồng năm móng, sắc đỏ, có đính những vàng là vàng sáng ưởng ; chưn mang ghết ; tay cầm gươm ; còn trên đầu thì đội cái khăn chi mà cũng chói vàng ra bóng lộn. Nói thì vô phép, chớ coi giống hệt như cách phục sức của Tiên đế(*) ta hồi ngài ngự ra Hà Nội và sang Pháp. Giống hết là tại cái đôi ghết !

Tôi thấy sách nói những tay tập được loài thú dữ như vậy phải thạo khoa tâm lý học của nó. Phải rồi. Ông Hiển nhờ làu tâm lý của cọp, cái tâm lý ấy là sợ.

Người ta nói ông Phạm Quỳnh cũng tin về khoa tâm lý học nầy lắm, rồi đây ông sẽ lập một gánh xiếc tập được tới ông Tây. Ông Hiển coi chừng khéo mà bị cướp nghề mất !

THÔNG REO

Trung lập. Sài Gòn, s. 6336 (31.12.1930)

(*) Tiên đế ở đây trỏ vua Khải Định (ở ngôi 1916-1925).

PHỤ LỤC 1
PHAN TỒN NGHI

NHỚ NGÀY 24-3
TÂY HỒ PHAN CHÂU TRINH(*)

Phan Tây Hồ tiên sanh tạ thế tại Sài Gòn ngày 24.3 năm 1926. Đến ngày 24 tháng 3 tới đây, trái đất vần xoay người hiển khuất mặt đã được bốn năm.

Trong đồng bào ta đây nhiều người mộ chí tiết và sự hành vi của tiên sanh, cho nên từ 1926 đến bây giờ, hàng năm đến ngày tiên sanh tạ thế, thì cùng nhau lên thăm mộ ở Tân Sơn Nhất và yết đền thờ ở Đa Kao, để tỏ lòng ghi nhớ cảm phục.

Nhơn dịp này bổn báo muốn lược thuật về thân thế, chí khí và sự nghiệp của tiên sanh ra đây :

THÂN THẾ

Phan Tây Hồ sanh ra năm 1872, tại làng Tây Lộc phủ Tam Kỳ tỉnh Quảng Nam. Phan vốn là con nhà gia thế ; thân phụ là Văn

(*) Trong các tài liệu về Phan Châu Trinh (do bà Lê Thị Kinh phát hiện gần đây), bản mật báo số 239 US, ngày 1.6.1926 của Sở mật thám Nam Kỳ gởi Thống đốc Nam Kỳ (xem Phan Thị Mỹ Khanh *Nhớ cha tôi Phan Khôi*, Đà Nẵng, 2001, tr.279 – 281) thì Phan Khôi có viết một tác phẩm nhan đề *Phan Châu Trinh*. Có lẽ chính bài báo này là lược trích từ cuốn sách đó và chỉ ký tên tòa soạn PNTV. Người sưu tầm cho rằng đây là bài do Phan Khôi viết.

Bình làm quan võ trong đời vua Tự Đức. Sau khi binh nước Pháp hạ kinh thành Huế, thì Văn Bình cùng với ông Nguyễn Duy Hiệu lập nên nghĩa hội ở Quảng Nam, không bao lâu mà bị người trong đảng nghi kỵ giết chết.

Bấy giờ Phan mới có mười sáu tuổi, mồ côi cả cha mẹ, nhờ có anh và chị dâu nuôi cho ăn và đi học. Lúc Phan còn đi học, có tánh làm biếng, không chịu học kinh truyện mà chỉ ham xem tiểu thuyết, lại có bỏ học văn mà theo học võ một hồi, biết được năm ba miếng đủ hộ thân. Mãi đến năm 27 tuổi mới có tiếng là danh sĩ cùng với ông Trần Quý Cáp (bị chém ở KhánhHòa năm 1908), ông Huỳnh Thúc Kháng chủ báo *Tiếng dân* bây giờ, và ông Nguyễn Đình Hiển, hiện làm tổng đốc Bình Định, hồi đó gọi là "Quảng Nam tứ hùng". Đến năm 1900 vào đời vua Thành Thái năm thứ 12, Phan được 29 tuổi, mới đậu cử nhơn, qua năm sau đậu luôn phó bảng rồi được bổ làm thừa biện ở bộ Lễ mấy năm.

Trong mấy năm ấy tiếng rằng được làm chức quan nhỏ tại trào, nhưng Phan chỉ nằm co ở nhà chẳng chịu đi làm việc. Tuy vậy cũng nhờ cái thời gian ấy, mà Phan hiểu thấu mọi điều tình tệ của quan dân ta và đại thế thiên hạ. Bấy giờ Phan được đọc những tân thư của Tàu mà nảy ra ý kiến mới. Thứ nhất là phong trào Duy Tân bên Tàu, do bọn thầy trò Khương Hữu Vĩ và Lương Khải Siêu chủ trương, từ năm 1888 rồi tới năm 1904 có cuộc Nhật-Nga chiến tranh, mà Nhật thắng ; nhơn mấy cái phong trào ở ngoài như thế làm kích động, Phan quyết định ra làm việc quốc gia và vận động chính trị là từ đó.

Năm 1906 Phan xin từ chức thừa biện ở bộ Lễ, nói thác rằng về nhà cày cấy làm ăn, rồi che dù mang gói, đi châu du khắp cả ngoài Bắc trong Nam để kích động nhân tâm về kết giao với những người chí sĩ. Giữa khi ấy là Phan kết thức(*) với ông Phan Bội Châu

(*) *kết thức* : kết giao với nhau (Đào Duy Anh, sđd.).

và ra thăm tình hình ông Hoàng Hoa Thám ở ngoài Bắc. Năm 1906 thì Phan trốn xuống hầm than dưới tầu biển mà sang Tầu sang Nhật để xem xét công việc cải cách, duy tân của hai nước ấy. Thứ nhứt là ở Nhật, Phan xem xét kỹ lưỡng lắm, cũng lấy làm lạ rằng Nhật chỉ cải cách có trong vòng 30 năm mà việc học việc binh, hết thảy mọi việc đều bước vào cõi hoàn toàn như các nước Âu Mỹ đã làm trong bao nhiêu thế kỷ.

Phan xuất dương chỉ có mấy tháng thì trở về. Trong khi Phan đi, chính phủ có giấy mật nã. Đến lúc về Phan đi thẳng vào tòa khâm sứ Huế mà nói thật rằng mình đi Nhựt về đây, có chuyện gì mà Chính phủ mật nã. Chính phủ nói không, rồi cho Phan về nhà ở bình yên, không hỏi gì đến việc xuất dương cả.

Liền hồi đó Phan viết một bức thơ thật dài gửi lên chính phủ, tức là *Phan Châu Trinh đầu Pháp chánh phủ thơ* có nhiều tờ báo Tây đã dịch đăng và đã có ảnh hưởng tới nghị viện Pháp. Trong bức thơ ấy Phan đinh ninh xin chính phủ đem thành tâm mà mở mang việc học và cải cách chính trị cho dân Việt Nam. Một bức thơ ấy làm cho Phan lừng lẫy danh hiệu phong trào chính trị, và dân phong sĩ khí thức tỉnh được nhiều.

Từ ấy trở đi Phan lại đi khắp mọi nơi, khi thì vào Nam khi thì ra Bắc, đi đến đâu cũng khuyến khích cho mọi người chăm lo học hành, mở mang buôn bán, sửa đổi hủ tục. Cho đến năm 1908 xứ Trung kỳ có việc xin giảm thuế, làm nào động cả nên chính phủ cho là tự những người chí sĩ như Phan xúi giục. Khi ấy Phan đang ở Hà Nội bị bắt giải về Huế, đến trước hội đồng có mấy quan đại thần tra hỏi rồi kết án chém. Nhưng chính phủ giảm xuống tội lưu đày Phan ra Côn Lôn.

Phan ở Côn Lôn ba năm thì Hội nhân quyền ở bên Pháp hết sức can thiệp vận động, nên chính phủ thả Phan về mà cho ở tỉnh Mỹ Tho. Tuy là được tha ở đây nhưng không khác gì giam lỏng vì nhất cử nhất động không được tự do và có mật thám theo sau lưng

luôn luôn, Phan tức mình bèn gửi thơ cho toàn quyền đương thời lúc bấy giờ là ông Klobukowski mà xin chính phủ trả về Côn Lôn, nếu không thì chính phủ cho Phan sang Pháp. Chính phủ cho Phan sang Pháp.

Vậy là năm 1911 Phan cùng con trai là Phan Châu Dật xuống tàu sang Pháp.

Phan sang Pháp ở ngay giữa kinh thành Balê (Paris). Hồi đầu những yếu nhơn Pháp về thuộc địa trọng đãi Phan lắm, trong trí họ mong rằng Phan hối quá tự tân(*) đừng hô hào vận động chi nữa. . .

. . . . . .

Phan vận động Hội nhơn quyền can thiệp vào nhiều việc hình án ở bên này, và kết giao với những danh khách có tiếng ở Balê như đại tá Jules Roux và nghị viên Mariuss Moutet. Hai người này trọng nhơn cách và chí khí của Phan lắm, cho nên mỗi khi gặp việc gì là đều bênh vực Phan, hoặc ở trong viện nghị trường hoặc ở trước dư luận.

Năm 1914 sau khi Pháp sanh ra cuộc Âu chiến được mấy tháng thì Phan bị giam vào ngục Santé ở Paris, vì bị tình nghi là có tư thông với Đức. Sau nhờ có Moutet biện bạch cho, nên Phan bị giam 11 tháng rồi được thả ra.

Trước kia Bộ thuộc địa vẫn cấp cho Phan mỗi tháng là 450 quan tiền lương, nhưng sau khi Phan bị giam được thả ra, thì Bộ thuộc địa bãi khóa lương ấy đi. Bộ thuộc địa thấy Phan già yếu lại không biết chữ Tây, cho nên cốt làm cho tuyệt lương để phải về nước ; sợ để bên ấy mãi Phan hay thúc giục Hội nhơn quyền, gây ra nhiều cuộc chánh biện ở nghị viện, lôi thôi lắm. Phan biết mưu ấy càng không chịu về mà phải đi học nghề sửa hình, kiếm tiền độ nhựt. Từ đó đến năm 1925 là năm Phan về nước, cả thảy mười năm

(*) "hối quá tự tân" hoặc "cải quá tự tân" : chừa bỏ điều lỗi, sửa lại mình (H.T.Paulus Của, sđd.).

trời Phan sống nhờ mười đầu ngón tay của mình, chớ không hệ lụy ai hết ; trong khi rảnh rang vẫn kết giao với các chính khách, vẫn tùng đàm về chính trị. Thường thường hay nhóm học sanh ta ở Paris mà khuyên răn dạy bảo. Anh em học sanh hồi đó và cả anh em lao động nữa đều kính mộ Phan lắm.

Năm 1922 có cuộc đấu xảo thuộc địa ở Marseille, Khải Định hoàng đế qua Tây, Phan nhơn dịp ấy có gởi một bức thư thông đàm về thời cuộc.

Đến năm 1925 cũng nhờ ông nghị Moutet vận động cho ông Phan được nhập quốc tịch Pháp, rồi cùng ông Nguyễn An Ninh về nước.

Về tới đây Phan ở luôn tại Sài Gòn nhưng tiếc thay ông mới diễn thuyết được có hai lần... thì đã mắc bệnh riết cho tới năm sau là ngày 24-3 năm 1926 thì mất.

TƯ TƯỞNG VÀ CHÍ KHÍ CỦA TIÊN SANH

Nhơn cách, học vấn, khí khái và tư tưởng của Phan thật có nhiều chỗ khác người . . . . . .

. . . . . .

Trước hết ta nên nhận Phan là người có tánh độc lập tự tôn lắm. Suốt đời Phan có nhiều cơ hội làm được phú quý mà Phan không thèm ; đến như việc nước ý kiến mình thế nào nói ngay ra như thế chớ không chịu thoái nhược một việc gì, hay là nhún mình một chút nào. Phan thường hay nói rằng : "Ai nói mình yêu nước mà chẳng yêu mình thì chẳng có lòng yêu nước thật. Vì mình là một phần tử của nước mình, không trọng lấy mình thì tức là làm nhục cho nước thì còn gọi được là yêu nước sao ?". Vì có cái nhơn cách cao thượng ấy, cho nên chẳng luận trong khi tự do, hay là những lúc ngồi tù Phan không để cho ai lấy thế lực hay oai võ mà đè nén nạt nộ được mình. Cái tánh ấy chẳng những ở việc lớn mà thôi, ngay ở việc nhỏ cũng vậy, gặp chuyện gì bất như ý thì Phan chống cự liền chớ không chịu nín. Phan cho rằng nếu cả quốc dân

mỗi người gặp chuyện chẳng vừa ý mà nín đi cho rồi chuyện thì tự nhiên là cả dân tộc mất tánh tự tôn đi, còn làm nên việc gì được nữa.

Phan lại là người có nghị lực lớn, suốt đời từ khi bắt tay vào công việc vận động chính trị, cho đến lúc chung cuộc ở Sài Gòn trong khoảng mấy chục năm trời, gặp không biết bao nhiêu là nỗi đắng cay, bao nhiêu phen khổ sở mà tấm thân đã hứa cho quốc gia rồi, thì không sờn lòng, không lùi bước. Đến đỗi cho gia đình là vô vật, khi qua Nhựt .....

.....

Phan xé tan ra mà nói đã đem thân làm việc nước mà còn nghĩ tới nhà thì còn làm trò gì được. Lại một lần khác giữa hồi Phan ở Paris có người đem chuyện nhà cửa nói với Phan, Phan gắt : "Ta chẳng biết nhà cửa là gì cả, đừng nói thêm rác tai ta !"

Đối với thời cuộc mình Phan không hề tỏ ra tí bi quan nào mà than trời trách đất, chưởi vận mắng thời như những kẻ khác, Phan chỉ tự vấn lấy mình : "Ô, thời cuộc như vậy mà tự mình, mình phải làm thế nào chớ". Coi vậy đủ thấy Phan là người có nghị lực mạnh bạo cang cường lắm.

Thủy chung đời Phan, đối với việc chánh trị, có cái xác kiến không hề đổi dời, là tin cậy vào cả dân tộc Pháp khai hóa cho ta, mà phải khai hóa bằng thành tâm, bằng tình nhân loại kia.

Phan không chủ trương về việc bạo động một chút nào, vì Phan biết rằng làm cách ấy không xong việc. Ngay khi mới bước chân qua Nhật, thấy suốt địa thế thiên hạ rồi, trong lúc từ biệt ông Sào Nam ở nước Tàu để về nước, thì Phan nói rằng : "Từ khi tôi ra ngoại quốc, lại càng thấy rõ thiên địa thế là thế nào ; tôi tưởng nước mình chẳng có thể dùng võ lực mà bạo động được, vì dân còn kém quá, bạo động thì chết". Bởi có cái xác kiến ấy, cho nên suốt đời Phan nói : "Học để tự cường", còn đối chính phủ thuộc địa thì nói : "lấy thành tâm mà khai hóa dân chúng tôi", chỉ có vậy thôi chứ không hề bao giờ Phan khuyên người ta phản đối nước Pháp.

Phan tuy là người trong cửa Khổng Mạnh mà ra song Phan hiểu biết Khổng Mạnh một cách xa chớ không hiểu như người thường, Phan cho rằng học thuyết của Khổng Tử chỉ tóm có chữ "Nhơn", nhơn là yêu người, yêu người thì phải cứu người. Học thuyết của Mạnh Tử chỉ tóm lại trong hai chữ "Dưỡng khí" dầu là một người hay là một dân tộc có nuôi cái khí phách của mình cho mạnh mẽ thì mới gánh vác được việc đời và tranh cạnh với người ta được. Phan đem Nho học của Khổng Mạnh ra suy diễn và đối chiếu với Tây học mà nói rằng Nho học nói trị quốc, tức là quốc gia chủ nghĩa, bây giờ nói là bình thiên hạ tức là xã hội chủ nghĩa ngày nay vậy.

Còn về Tây học thì Phan không có mấy tuy là ở Pháp mười bốn năm mà cũng không hề học chữ Pháp. Song Phan có đọc những sách của Montesquieu, Voltaire, Rousseau v.v... do người Tàu dịch ra và nhờ mười mấy năm lưu lạc ở Pháp có giao tiếp với nhiều người cùng là tai nghe mắt thấy nhiều thành ra Phan cũng lãnh hội được cái đại cương của Tây học và xem xét đến nơi về những tư tưởng cùng tình trạng của người Âu châu như thế nào. Nói tóm lại về Tây học hay Nho học cũng vậy, Phan không có học nhiều mà có thức rộng. Phàm người cần phải có học nhưng học lại cần phải có thức, nếu học mà không có thức thì cũng như không học. Sự học của Phan mà hơn người là không tại nhiều về đàng học mà tại nhiều về đàng thức. Mỗi lời nói mỗi việc làm trong đời Phan đều chứng tỏ ra sự đó.

VĂN CHƯƠNG VÀ DẬT SỰ CỦA TIÊN SANH

Từ nhỏ Phan đi học, hình như không lưu tâm giới ý gì về sự khảo cứu từ chương. Rồi từ năm ngoài ba mươi tuổi trở đi đem thân hứa cho nước nhà tới già tới chết thì Phan chỉ là một nhà hoạt động mà thôi chứ không phải là một nhà văn học. Xem thi phú khi còn đi học và những thơ từ gửi cho chính phủ, cho vua Khải Định

hay là lúc có ngẫu hứng mà ngâm vịnh gì thì biết Phan chỉ cầu lấy lời để đạt ý thôi chứ không cần đẽo gọt lời văn, khoe mình là tài bộ gì hết. Đó là cái tánh tự nhiên của Phan, nói ra tựa hồ như dễ mà thật người đời khó mà bắt chước được.

Xem những bài thi sau này thì biết.

Lúc đày ra Côn Đảo Phan bị cắt làm việc đập đá rải đường nên có làm bài thi *Đập đá*:

Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn
Lừng lẫy làm cho lở núi non.
Xách búa đánh tan năm bảy đống ;
Ra tay đập bể mấy trăm hòn.
Tháng ngày bao quản thân sành sỏi,
Mưa nắng chi sờn dạ sắt son.
Những kẻ vá trời khi lỡ bước,
Gian nan nào xá sự con con !

Và bài *Côn Lôn tức cảnh*:

Biển dâu dời đổi mấy thu đông,
Cụm núi Côn Lôn đứng vững trồng
Bốn mặt giày vò oai sóng gió
Một mình che chở nỗi non sông
Cỏ hoa đất nảy cày trăm thước,
Rồng cá trời riêng biển một vùng
Nước biếc non xanh thiêng chăng nhẻ,
Gian nan xin hỏi khách anh hùng.

Trong năm 1915 Phan bị giam trong ngục Santé ở Paris cũng có hai bài cảm tác :

I

Ba năm trải khắp đất Pha-ri,
Lao ngục chưa hề biết tí ti.
Sự thiếu xui nên bay buộc tới ;
Sống thừa còn có oán hờn chi ?

Mỗi ngày đúng bữa ba lần súp,
Hai đứa chia nhau một bánh mì.
Tám kiếp trâu già chi sợ ách,
Ngồi buồn bắt vế cứ ngâm thi.

II

Từ ấy giam luôn mấy tháng tròn,
Nhờ trời ngủ kỹ, lại ăn ngon
Ngày ba lần xực coi còn đói,
Đêm chín giờ ngơi ngáy vẫn giòn,
Một bữa nửa giờ ra hóng mát,
Một tuần hai bận xuống thăm con,
Vui buồn mình biết lòng mình vậy
Miễn trả cho rồi nợ nước non.

Có lẽ gọi là thi văn của Phan, suốt đời chỉ có mấy bài này là xuất sắc mà trong mấy bài ấy ta đọc thì đủ biết Phan đem tâm sự, tư tưởng hay là cảnh ngộ mà nói ngay ra, chớ không có giọng gì là thở than khóc lóc như cái lối văn than ôi và văn "vỏ tươi ruột héo" như người đời. Văn sao thì người vậy, đời của Phan làm việc chính trị, cũng thẳng băng như mũi tên không giấu giếm chi cả.

Những di văn dật sự về đời của Phan, nhiều lắm không nói hết được, song đại khái cái tính cách của Phan từ nhỏ tới già, mỗi việc gì cũng bày tỏ ra cang cường háo thắng lắm. Chính là nhờ có tánh cách ấy, mà trong đời Phan làm chính trị, là việc khó nhọc mà Phan vẫn độc lập tự tôn.

Thật Phan có tánh háo thắng, ngay những lời nói việc làm nho nhỏ, nhất thiết là mình muốn hơn người ta, chứ không chịu lui chịu kém. Cho tới cờ bạc là chuyện con con nếu Phan đánh thua ít nhiều là Phan thức sáng đêm hay là ngày khác cũng đành, để gỡ lại cho kỳ được mới chịu. Đã có cái tánh ấy trong lúc bình thường cho nên khi ra làm việc nước cũng hăng hái say mê chẳng hề ngã lòng thối chí.

Người ta thuật chuyện : hồi ông Vương Duy Trinh làm tổng đốc Quảng Nam thì ông đã từ chức quan thừa biện rồi ; ngày nọ Phan đến yết kiến Vương. Vương nói ông đã cáo quan về rồi, sao không yên phận làm ăn mà cứ đến tỉnh đến phủ làm gì vậy ? Phan đáp rằng : "Làm ăn hay không làm ăn thì tôi no hay đói, song quan lớn tưởng tỉnh này là của quan lớn hay sao ? Tỉnh Quảng Nam là tỉnh của dân Quảng Nam, vậy tôi cũng là người chủ tỉnh này vậy, tôi muốn đến lúc nào thì đến. Đến để làm gì ? Đến để xem xét công việc của các quan làm : các quan làm phải thì thôi còn như các quan làm bậy thì dân chúng tôi can thiệp vào".

Cái tư tưởng dân quyền của Phan đã phát sinh ra từ đó, rồi ôm mãi, vận động mãi cho tới già tới chết.

Đó, thân thế, sự nghiệp của Phan tiên sinh tóm tắt lại là thế.

Phải tóm tắt lại mà thôi chứ sự nghiệp cả một đời tiên sinh còn có nhiều việc đáng kể, nhiều đức làm gương nữa kia, nhưng tiếc thay cái giới hạn của tập báo quốc văn không cho phép chúng tôi phô bày ra hết được. Ông Phan Khôi đã từng viết một cuốn sách nói về tiên sanh rất hay rất kỹ, nhưng cũng chủ để truyền lại cho hậu thế mà xem thôi.

Tuy vậy cứ những điều đại cương thuật trong bài này cũng đủ tỏ ra Phan tiên sanh là người thế nào, có ảnh hưởng cho quốc gia xã hội thế nào, đáng làm gương cho bạn hậu thế thế nào. Vậy mong hàng năm cứ đến ngày 24-3 này, nhớ bậc tiên sanh lo việc nòi giống đến bạc đầu mỏi gánh non sông rồi nhắm mắt, thì ta nên ghi sự nghiệp của tiên sanh mà đừng quên, noi gương sáng của tiên sanh mà tự miễn(*).

P.N.T.V.

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn, s.44 (20.3.1930)

(*) Văn bản bài này rút từ sưu tập *13 năm tranh luận văn học (1932-1945)* Thanh Lãng sưu tầm (Nxb. Văn học và Hội NCGDVH. TP. HCM, tập 2, 1995, tr. 30-41).

PHỤ LỤC 2

CÁC BÀI CỦA TÁC GIẢ KHÁC
LIÊN QUAN ĐẾN PHAN KHÔI

HAI TÀI LIỆU LIÊN QUAN ĐẾN TIỂU SỬ PHAN KHÔI

Lời dẫn. *Dưới đây xin in lại nguyên văn 2 tài liệu do bà Lê Thị Kinh (tức Phan Thị Minh) cháu ngoại Phan Châu Trinh, sưu tầm được vào năm 1995 tại Thư viện quốc gia hải ngoại Pháp ở Paris (Pháp) và công bố trong cuốn* Phan Châu Chinh qua các tư liệu mới *(Nxb. Đà Nẵng, 2000) ; bà Phan Thị Mỹ Khanh, con gái Phan Khôi đã in lại trong* cuốn Nhớ cha tôi, Phan Khôi *(Nxb. Đà Nẵng, 2001).*

Hai tài liệu này cũng liên quan đến bài báo Nhớ ngày 24.3: Tây Hồ Phan Châu Trinh *không ký tác giả mà tôi cho là do Phan Khôi viết, đăng* Phụ nữ tân văn *s.44 (20.3.1930) và đến sự kiện Phan Khôi bị báo* Đuốc nhà Nam *phi báng hồi tháng 7.1930.* (L.N.A)

Tài liệu 241

Nam Kỳ

Sở mật thám

Mật báo số 239 [US]

Sài Gòn, ngày 01 tháng 6 năm 1926

Kính gửi : Ngài Thống đốc Nam Kỳ, Sài Gòn

Ngài Giám đốc vụ các vấn đề chính trị và an ninh chung tại Phủ Toàn quyền, Hà Nội

Xin gởi bản sao mật báo của một chỉ điểm có trình độ và thường nắm chắc được thông tin mà Ngài đã biết :

"Tú tài Phan Khôi mà tôi đã báo Ngài cách đây mấy tháng như là một đồ đệ của Phan Châu Trinh, đã viết một tác phẩm mang tên đơn giản là "*Phan Châu Trinh*", tôi đã có trong tay tập sách đó với 94 trang đánh máy. Tác giả đã đưa cho Nguyễn Háo Vĩnh in nhưng anh này đã từ chối vì sợ trách nhiệm.

Kèm theo tiểu sử của Phan Châu Trinh, tác phẩm này chứa đựng các bình luận về đời sống chính trị, tư tưởng, các dự án và công việc tuyên truyền ở Đông Dương, ở Pháp và ở nước ngoài, những quan điểm chính trị của con người được dân An Nam coi là nhà đại ái quốc. Nếu được in ra, chắc chắn sách này sẽ được hoan nghênh và kích động những người An Nam đọc chống đối chính phủ bảo hộ.

Phan Châu Trinh đã cho gọi tú tài Phan Khôi vào Nam Kỳ với ý đồ cho y viết tác phẩm này và nhiều tác phẩm chính trị khác. Nhưng tình hình sức khoẻ không cho phép ông ta thực hiện hoàn toàn ý đồ đó. Phan Khôi đang soạn thảo ra một tác phẩm theo dạng đó với những thông tin do các bạn cũ thân cận của Phan Châu Trinh cung cấp, trong đó có Hoàng Thúc Kháng.

Phan Khôi tính dựa vào nhà in "Bảo tồn thư xã" đang chuẩn bị ra đời để xuất bản các tác phẩm của y.

Phan Khôi muốn xin làm biên tập viên của tờ báo mới ra hàng ngày bằng chữ quốc ngữ của Nguyễn Phan Long. Nhưng ông này đã từ chối vì có dư luận cho y là tay sai của ông Pasquier mà y đang giao dịch để ra một tờ báo quốc ngữ ở Trung Kỳ.

Phan Khôi ở nhà họa sĩ Ky đường Martin des Pallieres. Y quan hệ thường xuyên với Nguyễn Pho và Dejean de la Bâtie.

Ký tên P.ARNOUX

Chuyển dẫn từ Phan Thị Mỹ Khanh: *Nhớ cha tôi Phan Khôi*,
Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2001, tr.279-281.

Tài liệu số 35

Bản sao

Bản số 24

BẢN HỎI CUNG CỦA PHAN KHÔI

(Phiên xử số 128 của các quan chức Quảng Nam về Kháng(*) và đồng bọn) (12-7-1908)

Ngày 15 tháng 1 năm nay (16-2-1908), khi tôi xuống Đà Nẵng để ra Hà Nội học, tôi đã gặp thầy giáo cũ của tôi là ông Trần Quý Cáp (Giáo thọ) đang đi đến nhận nhiệm sở mới. Ông nhờ tôi nếu tôi gặp ông Phan Châu Trinh thì nói với ông ấy xem có thể tìm giúp cho ông một chỗ làm trong một thư viện hay trong một tòa báo và viết thư báo tin cho ông ấy biết. Đến Hà Nội, tôi có gặp Phan Châu Trinh và tôi nhắc lại điều ông Trần Quý Cáp đã dặn. Sau đó, tôi nhờ ông nếu có viết thư cho ông Trần Quý Cáp thì xin ông ghi ở cuối thư rằng tôi đã tới Hà Nội an toàn. Sau đó tôi đi Nam Định để học tiếng Pháp. Tôi không hề viết thư cho thầy giáo cũ của tôi, ông Trần Quý Cáp. Đoạn thư có liên quan tới tôi mà người ta thấy trong bức thư đó chắc hẳn là do ông Phan Châu Trinh viết. Vả chăng, từ khi tôi từ biệt ông để đi Nam Định, tôi không còn gặp lại ông nữa. Do đó, tôi không biết chính xác là ông có viết thư cho ông Trần Quý Cáp hay không.

Sao nguyên văn

Chuyển dẫn từ Phan Thị Mỹ Khanh : *Nhớ cha tôi, Phan Khôi*, Đà Nẵng: Nxb. Đà Nẵng, 2001, tr.282 – 283.

(*) Kháng : có lẽ trỏ Huỳnh Thúc Kháng.

ĐÔI LỜI VỀ KHỔNG GIÁO
BÀN CÙNG PHAN KHÔI TIÊN SANH

Không dám luận Khổng giáo, lại rằng có đôi lời lôi thôi về Khổng giáo, chắc Phan tiên sanh dư hiểu cho tôi học lực kém cỏi, suy xét chưa tinh tường, trước khi cầm viết đã tự nhận mình không khỏi sai lầm. Rất đỗi một nhà hán học cao thâm như tiên sanh còn chưa dám gọi thông suốt được cả nghĩa lý đạo Khổng, thời một kẻ tây học lỡ dở như tôi phải ở sau xa. Biết vậy mà tôi cũng nói.

Phan tiên sanh đã lấy lý Khổng tử, mà quyền ngôn luận không riêng ai, có lẽ tôi nay cũng được hưởng lý ấy, đánh bạo đàm luận, dẫu sự học hỏi cao thấp có khác nó làm cho Tiên sanh và tôi chỗ thấy chẳng đồng. Tôi hiểu sao, tôi nói vậy, nhưng tôi vẫn kính Tiên sanh là bực tiền bối, nhiều nghe, rộng thấy, bụng tuyệt vời tự phụ cái trí thấp thỏi của mình đã thắng được sự lý của Tiên sanh.

Xin Tiên sanh miễn chấp, cùng trong học hỏi, cái lẽ thường sự, biết rõ dầu giải thêm, kẻ làm con cháu rất may mắn được khoanh tay hầu bên cạnh mà nghe chỉ đây.

1 - Về cái thuyết "Minh đức tân dân"

Tiên sanh bảo rằng "Mấy trăm năm nay cái thuyết Minh đức tân dân nó làm hại cho sĩ phu nước ta nhiều lắm". Vâng, nói thế, tôi mô dám gọi không đúng, sĩ phu bị hại, cơ đồ tiêu diệt, điều ấy còn ai chẳng biết, song theo tôi cạn hiểu, khi Tiên sanh hẹp lượng chút, tôi tưởng nên bảo sĩ phu tự hại lấy là phải hơn. Sĩ phu mình làm tội mình, tự tạo nghiệp chướng, cái thuyết minh đức tân dân vướng vấp chịu hình, nghĩ cũng hàm oan thay !

Tiên sanh đã giải minh đức gồm cách trí, thành ý, chánh tâm, tu thân; tân dân gồm tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Ấy đó, học cho hiểu còn khó, hà huống thí dụng. Sĩ phu vừa hiểu một vài, vội vàng tự phụ thông suốt, lời không đoái nết nết chẳng đoái lời, chính mình hại mình, di hại con em, bảo sao chẳng đến diệt vong.

Cách trí là trên thời thiên văn, dưới thời địa lý, giữa thời vật lý, ở đời việc gì cũng phải phát minh nguyên lý, công dụng không thể thảo lược ngày tháng mà thành hiệu. Trước kia, thiên văn, địa lý, hai khoa học ấy ra sao, tôi thật không được biết, nhưng cứ cái lẽ cổ nhân theo lý âm dương, động tĩnh, cương nhu, nghiệm vật lý, hình dung mà họa quái, cùng lời luận thượng cổ "ở lục hạp quảng đại vô biên có nhiều thế giới khác không biết đâu mà kể", thời quyết nhiên không phải thứ thiên văn văn khúc, vô khúc giáng thế, tử vi đại đế hạ phàm, xằng xịu kia đâu. Có lẽ khoa thiên văn sau này là tuân mạng lịnh các nhà quân chủ chuyên chế làm ra, chớ không phải thiên văn dùng từ thượng cổ. Đời Huỳnh đế ở Trung Quốc có thủy thiên văn độ toán mặt trăng chạy mười hai vòng chung quanh trái đất không lâu bằng trái đất chạy chung quanh mặt trời một vòng, thời xưa kia, người ta đã hiểu trái đất xây, đáng tiếc về sau không ai nối giải tường tận, mãi đến thế kỷ thứ mười bảy, ở Âu châu mới có ông Galilée phát minh. *Kinh Dịch* có câu : "Giáp vòng một năm ba trăm sáu mươi lăm ngày và một phần tư ngày" rất đúng theo dương lịch.

Về vật lý, nghĩa cũ rất rộng, gồm hữu hình học, (vật lý học, hóa học), bác vật học (địa chất học, thực vật động vật), vô hình học (tâm lý, ngữ học, luân lý, đạo đức, kinh tế, xã hội) thời cách trí không phải dễ dàng, nội một đời người đủ thông hiểu hết như ta tưởng, như sĩ phu nước ta xưa kia đã tưởng. Thiệt vậy, một người không ai học cứu được tinh tường các khoa nhưng dẫu không học được, cũng phải rộng trải qua bực mông học, không ngờ ắt khó chiếm được "vô vọng". Các khoa học nó dính dấp với nhau làm sao, biết một không còn gọi là biết gì. Vật lý (physique) không kỷ hà (géométre), vật lý vô dụng ; kỷ hà không xích độ pháp (système métrique), kỷ hà vô dụng ; xích độ pháp không số học (arithmétique), xích độ pháp vô dụng ; số học dùng thiệt tượng (concret), không dùng trừu tượng (abstrait)

hình dung ra, số học vô dụng. Số một (un) ở số học một điểm (un point) ở kỷ hà học bởi đâu ra, ai người chỉ rõ hình được ?

Cứ đạo đức không rõ tâm lý, đạo đức không hồn ; cứ tâm lý không biết hình thể, sanh lý học, tâm lý không hồn ; cứ sanh lý, không biết kinh tế, sanh lý không hồn ; cứ kinh tế, không biết xã hội, kinh tế không hồn, thật học vô cùng tân học vô cùng tận, võ trụ đối đích, đạo lý đối đích ! "Đạo trời hoàn toàn, đạo người cố gắng hoàn toàn". Đã là cố gắng, ai lấy cớ gì gọi mình hoàn toàn, sĩ phu quá tự đại, tự kiêu, sĩ phu tự hại, không còn trách cứ gì ai.

Thành là ý nghĩ phải cho chuyên nhất chơn thành, mà cách trí chưa rồi, thời còn trông gì thành ý. Ý đã rối rắm tâm tánh cũng vì đó đổi thay, trông gì được chánh.

Tâm chẳng chánh, thời người lại bị thất tình lục thục xoay như vụ mà sai cả thiên lý, mất lẽ công bằng, đến phải lụy tâm cầu người, trông gì tự lập. Không tự lập, bao giờ được lý tự do, mà mất tự do, thì nội cảnh bị chuyên chế, ngoại cảnh bị chuyên chế, con người ám mụi, còn hiêu hiêu tự đắc minh đức, e là một tiếng đầu lưỡi để khoe khoang lấy mình.

Minh đức chẳng rồi, trông gì tân dân, vì tự tân tân dân, mà tân dân không phải gốc khai hóa người, có lẽ là cái mặt nạ của kẻ dã tâm.

Nếu người đều minh đức tự tâm, thời tự nhiên tân dân cảm nhi toại thông. Nghiêu minh đức nhường ngôi cho Thuấn mà rồi Đơn Châu bất tiếu không đủ lo, Tứ hung cũng trừ được ; Bão Thúc Nha minh đức tiến Quản Trọng mà rồi Tề Hoàn Công nên nghiệp Bá, Thúc Nha chẳng mất ngôi, Quản Di Ngô minh đức tiến Công tôn Thấp Bằng Nịnh Thích, Vương tử thành phủ, Tân Tu Vô, Đông Quách Nha, mà rồi Tề Hoàn Công chín lần hiệp chư hầu khỏi dụng binh xa, Di Ngô đến ngôi Trọng phụ. Trừ Tứ hung, công Thuấn đức Nghiêu, giúp Tề bá, công Quản Trọng mà đức nơi Bão Thúc, cảm thông, cầu ứng, người quân tử tự trì lấy lý chánh không tranh dành, hiệp quần mà không kết đảng.

Khổng Tử vẫn hiểu cái lẽ minh đức chí thiện, nên ngài nói "Người xưa học là vì mình, người đời nay học vì người". Bởi cái học đặng cho người biết mình, tự phụ, tự đắc, khứa khảo khoe khoang, mà kẻ may mắn khoa cử nổi tiếng quan cao lộc cả, nghinh nghinh ngang ngang, tưởng cho một mình đã

đủ tế thế an bang, xu mị phùng nghinh, làm cho kẻ ngồi cao có phe đảng để chuyên chế người, ganh hiền ghét tài, làm cho bực anh tuấn không đường tấn thủ, còn kẻ vô duyên rớt hỏng, lại lấy làm xấu hổ, đổ phần số tiền định, trời đày đoạ thân, tấc lòng vọng động, lụy tâm cầu người, nhận thuyết hoang đàng làm thật sự. Kẻ khá hơn đám sau nầy một thí, thời lại cho công danh phú quý bất như nhàn, xử mình độn thế, sớm trà trưa rượu, ngâm ngâm nga nga, mục thân cùng cây cỏ, không thông "vật bất khả dĩ chung độn, cố thọ chi dĩ đại tráng", tự gọi thần tiên, ngồi không mà ăn thép.

Văn Vương tôi Trụ mà phạt Trụ, người gọi Văn Vương minh đức, thời minh đức không phải có tịnh chẳng động, có nhu mà chẳng cương đâu. Bị tù Dĩu Lý, chẳng oán trời chẳng trách người, trầm tư mặc tưởng, thánh nhân xảo mà được nhân vậy thay, được nghĩa vậy thay ! Ai cũng biết giết tên Trụ kia là Võ Vương, nhưng khỏi chi ở từ Văn Vương, âm thối tận tấn nhứt dương mà phục đức. Đạp sương độ biết băng gần đến (lý sương kiên băng chí), hòa hành lấy làm nền (tỷ đức chi cơ). Ở Dĩu Lý, Văn Vương chỉ hòa duyệt như thường mà được thoát ; khiêm nhượng chẳng tự kiêu lấy làm chủ nghĩa (khiêm đức chi binh) Văn Vương được thiên hạ thương yêu ; Trụ quý, Văn Vương tiện, ngôi chẳng động, xử như phải nguy, xử cương thắng tà, Văn Vương âm thái cực tấn dương lấy làm căn bổn (phục đức chi bổn) ; giữ mực thường, Văn Vương kiên tâm bền chí lấy làm chuyên nhứt (hằng đức chi cố) ; tổn thượng xa hại, Văn Vương chôn xương khô để đối Ấn Thọ mổ đàn bà chửa mà xem thai (tổn đức chi tu) ; làm giàu cho kẻ dưới để giàu cho mình ; ích lấy cùng được lợi (ích đức chi dũ), xử mình khó nhọc, khổ sở, Văn Vương biện bạch tấc lòng gánh vác việc đời (khổn đức chi biện), truyền bá tư tưởng, Văn Vương dụng phân rõ nghĩa vụ quốc dân (tỉnh đức chi địa), cầu hiền tán trợ, rước Lữ Vọng nơi Vị Thủy, Văn Vương dụng hành quyền (tốn đức chi chế). Văn Vương dụng cửu đức ; tỷ dụng hòa hành, khiêm dụng chế lễ, phục dụng tự trị, hằnh dụng nhứt đức, tổn dụng lành hại, ích dụng chia lợi, khổn dụng ít oán, tỉnh dụng biện nghĩa, tốn dụng hành quyền. Võ Vương mới hội chư hầu ở Mạnh Tân mà phạt Trụ. Thời bấy giờ, tuy có tám trăm chư hầu, nhưng từng bốn trấn lớn, lại thêm Văn Võ là vua Tây Trấn cơ

sờ có, quyền bính có, cùng Trụ vương độc ác rõ rệt, gieo oán khắp dân gian, mà còn phải hai đời người mới nên cuộc cách tân, lẽ cách tân không phải mau được như người thường tưởng(*).

Thưa Phan tiên sanh, tiên sanh bảo Khổng Khâu sao biết khen Thang, Võ mà không chịu cách tân, để mãi than không ai biết dùng mình, chạy đôn chạy đáo khắp các nước, cho phải lời trách của Vi Sanh Mẫu. Đời Xuân Thu không phải là đời Thương, Khổng Khâu lại không là Cơ Phát, đôi bàn tay trắng, không tấc đất, không thước gươm, một bụng kinh luân thôi có làm gì ! Đời Thương không theo Châu thì theo Trụ, cái tính rất dễ mà cơ hội chóng thành ; còn đời Xuân Thu, liệt quốc tranh bá tranh hùng, dân tâm phân vân, không chạy khắp cùng để truyền bá tư tưởng, tình đức biện phân nghĩa, ngồi một chỗ lấy gì cách tân ?

Tục thường nói : "Có nước đồng, nước sông mới đầy". "Cơ Phát nhờ đức Cơ Xương, Di Ngô nhờ đức Thúc Nha, Khổng Tử ở sơ hào đương tiềm long vật dụng, mà rõ được lý phi long tại thiên, thế tất phải than. Ngài than thì than vậy, chớ cái chí hưng khởi, tạo tác ngài không bao giờ quên. Đi khắp chư hầu không đắc lực, ngài quay về dạy học trò, chung nhựt cang cang, truyền bá tư tưởng, cầu cách tân, sau mới có Mạnh Tử nối chí. Ngài minh đức gốc ở lễ nhạc, mà kinh nhạc mất đi, thì đạo ngài tất kém một nữa. Tần Thủy Hoàng đốt sách chôn học trò, có lẽ sách và học trò kia không phải sanh ra riêng ích một nhà vua.

Cổ nhân minh đức, xử cùng thông biến, tấn cực thoái, thoái cực tấn, giữ lòng lúc an như lúc nguy, việc được như việc mất, hồi trị như hồi loạn mà đạo chẳng cùng. Ấy đó, bảo Khổng Tử quá tự tôn tự đại coi một Trung Quốc là thiên quốc, thời, thưa Phan tiên sanh, tôi e chẳng được mấy phải. (Tử viết nguy giả, an kỳ vị giả đã, vong giả báo kỳ tồn giả dã, loạn giả, hữu kỳ trị giả dã). Lại có người, – không phải tiên sanh – , cho Khổng Tử ở phải báo hoàng bình vực quân chủ, tôi cũng e lầm nữa. Chẳng phải chỗ khổ nhọc mà khổ nhọc tất danh nhục ; chẳng phải chỗ đeo đuổi mà đeo đuổi, tất thân

(*) Lưu ý: Như chính Phan Khôi đã nhận xét, bài này của Hoành Sơn có nhiều chỗ rất khó hiểu, không biết tác giả nói gì. Sưu tập gắng giữ văn bản như bản gốc, nhưng không làm chú thích như đối với các bài vở khác.

nguy, đã nhục lại nguy, giờ chết sắp đến (Tử viết : phi sơ khổn nhi khổn yên, danh tất nhục ; phi sở cứ nhi cứ yên, thân tất nguy, kỳ nhục thả nguy, tử kì tương chi). Khổng Tử đi các nước, rồi trở về dạy học trò là ngài tránh cái nhục cái nguy, vì không chỗ cho ngài khổ thân hành đạo và đeo đuổi.

Thánh nhơn minh đức, thương mình là nhân, biết mình là nghĩa, tự tri, tự năng, tự cường, tự lập, yên thì xem tượng ngoạn từ, động thì xem biến ngoạn chiêm, đạo cùng tùy biến, kiến cơ nhi tác, hiệp đức trời đất, hiệp sáng nhựt nguyệt, hiệp thứ tự bốn mùa, hiệp kiết hung quỷ thần, cẩn thận hành đạo, giao, biến, phản, đối, di, vật lý vô cùng sự lý vô tận, tấn cực phản thối, thối cực phục tấn, trời đất chưa nát, ngôi thánh nhơn chưa mất.

Sĩ phu đời sau, học đạo thánh hiền không noi thửa chí, lầm lỗi chẳng nhận lại viện tà lý tâng bốc lấy mình, tự đại, tự tôn, tự kiêu, tự thị, ganh hiền ghét ngõ, ngoài mặt giả hiệp, trong lòng phân cách, chủ lo xu xác, xu mị phùng nghinh, xử mình khiếp nhược, không hay phục đức, chẳng chịu hằng đức, không biết khổn đức, háo chuộng hư danh, ham mê giả sự, đức mỏng ngôi cao, tài thưa nhậm trọng, chẳng hay cỡi ngựa mà ngồi binh bộ, chẳng biết trồng tỉa mà quản xuất canh nông, muốn việc hư hỏng, bảo sao nước nhà khỏi phải diệt vong ?

Xét theo kinh Dịch, càn khôn truân mông, vật có sở nhu, sở nhu chẳng trọn đủ, phát sanh cạnh tranh (tụng), cạnh tranh chứng khởi, lập thành xã hội (sư). Thánh nhơn (người thông minh) tùy thời xử biến, xe dây đương lưới, săn thú đánh cá, cốt thú chư ly, đẽo cày đẽo bừa, giúp thiên hạ lợi, cốt thủ chư ích, nhóm chợ hội hoa vật, buôn bán đổi chác, cốt thủ chư thệ hạp đạo cùng không biến, thiên hạ được trị, cốt thủ chư càn khôn, móc cây làm thuyền, đẽo cây làm chèo, giúp tiện hành thủy, cốt thủ chư hoán, dùng trâu dùng ngựa, kéo xe chở nặng, đem đi đường xa, cốt thủ chư tùy, xây thành lập quách, cửa chắc tường cao, giữ gìn bạo khách, cốt thủ chư dự ; cưa cây làm chày, khoét đất làm cối, cốt thủ chư tiểu quá ; uốn cây làm cung, chuốt cây làm tên, oai trấn thiên hạ, cốt thủ chư quỵ ; cất nhà lập dinh, che mưa đỡ nắng, cốt thủ chư đại tráng, chế quan đóng quách, hậu táng người chết, cốt thủ chư đại quá, ước thơ định khế, hầu tiện xét trị, cốt thủ chư quyết. Thưa

Phan tiên sanh, khí hóa, hình hóa, rồi pháp hóa, xã hội luận đương thời cũng chỉ có thế.

Đạo sáu mươi bốn quẻ hình dung sáu mươi bốn đức, tùy thời biến hóa ra bốn ngàn chín mươi sáu, mầu nhiệm vô cùng, sánh với lục hạp quảng đại vô biên, đạo cũng quảng đại vô biên.

"Quái hào biến thông được là tại người, người năng thần sáng được là nhờ đức" ; thời, thưa Phan tiên sanh, trung hòa mà minh đức tân dân, hành quy thần cảm hóa, là một việc bắt người phải kiên tâm trí chí, trầm tư mặc tưởng, xử hành xử tàng, cố gắn làm theo, theo hoài chẳng cùng, lòng người chẳng mỏi, nhựt nhựt hựu tân, sống ở sở căn, vui ở sở ứng, thiên hạ mới sở dĩ trường cửu.

Đạo vốn tự nhiên, cường thực nhược nhục, ưu thắng liệt bại, trí giả hại quá, cang long hữu hội, ngu gia bất cập, tam dữ ngũ xứ như tất nguy. Minh đức tân dân, Viên dung trung đạo, sự lý đối đích cái khó là dường bao !

Thưa Phan sanh, khổn đức cam địa, việc làm còn ương, huống hồ chi ai, thiếu hằng đức nay trắng mai đen, chẳng ích đức, người không sở lợi ; ô tô ngàn dặm, Xuân Trường suốt đêm khổn đức chẳng đếm mà tĩnh đức biện phân thời ôi thôi vận nước hồn nhà, khói thượng yên che mịt ; óc thần sức quỷ, hơi men nếp đánh nhào, còn chi minh đức mà phòng tự tân.

Lời lẽ cạn hẹp nói năng khó thông. Tiên sanh cao minh, khi đã dư hiểu, lần hồi sẽ ráng luận thuyết trung dung.

II. - Về thuyết trung dung

Thưa Phan tiên sanh. Tiên sanh cho lời Khổng Tử "chốn gươm dáo xông vào được, đạo trung dung khó làm được" cùng lời Châu Tử giải trung dung, là bình thường rất trái ngược nhau. Đó là ý tiên sanh chớ tôi lại khác ; tôi biểu bình thường là lẽ đương nhiên, không phải là sự dễ. "Đạo trung dung không định thể, theo thời biến đổi, ấy là lẽ bình thường". Người quân tử biết mình là trí, thường cẩn thận chỗ chưa thấy đến, e sợ chỗ chưa nghe đến, giờ giờ nghị nghị, ngày ngày học hỏi, không phút nào nghỉ, chẳng giây nào rời xa đạo chánh. Bình thường ! Bực đạo đức rất trọng cái lẽ bình thường, nhà mô phạm rất sợ cái lẽ bình thường, nếu để mất cái bình thường, sấn mình vào chỗ hoặc thái quá hoặc bất cập, thời những chuyện mình đã làm, chẳng những không lợi lại thêm có hại.

Sắc mặt phải bình thường, lời nói phải bình thường, bộ tịch phải bình thường, mầng, giận, buồn, sợ thật tình phải bình thường, mất bình thường thời phải mất hòa, mất hòa thời mất nghiêm, mất nghiêm thời mất oai, mất cái oai nghiêm tự nhiên, thời không cảm hóa được, mà không cảm hóa được, thời giỏi dùng quyền thế tới đâu, việc cũng chỉ được tạm một lúc, chớ không bao giờ được cái kết quả tốt đẹp, cái thành hiệu ích lợi cho dân đoàn xã hội.

Bình thường là một lẽ rất đỗi khó giữ, không là một lẽ tầm thường. Vợ chồng vì mất cái bình thường mà sanh rầy rà, anh em vì mất cái bình thường mà sanh hờn giận, chánh phủ quốc dân vì mất cái bình thường mà sanh xung đột, tổng chi các cái nội loạn đều do nơi mất cái bình thường. Anh em vì mất cái bình thường mà người ngoài xen vào xúi kiện cáo, chồng vợ vì mất cái bình thường mà người ngoài xía vô phân rẽ, quốc gia vì mất cái bình thường mà nước ngoài dòm ngó, đem binh chiếm đoạt, tổng chi các cái ngoại loạn đều do các cái nội loạn mà ra. Tỉ đến chuyện nhỏ nhặt : anh sốp phơ vì mất cái bình thường mà ô tô hay đụng lật, mấy người đấu cầu vì mất cái bình thường mà cuộc chơi không được kết quả đẹp, anh đánh tơ nít vì mất cái bình thường mà đương ăn hóa thua, anh thợ vẽ hay vì mất cái bình thường mà hình tượng kém thần, anh học trò vì mất cái bình thường mà học hành không tấn phát, tổng chi các nhánh hại đều sanh nảy ở gốc "mất bình thường". Chuộng hư vinh, ham hư danh, tham tư lợi, ưa sắc dục, mê cờ bạc, vui rượu trà, ghiền thuốc phiện đều do nơi mất cái lẽ bình thường mà sanh sứa. Thằng liều mạng, đứa xỏ lá, anh xa xỉ, chú hà tiện, người vị ngã, người kiêm ái đều là những hạng người mất cái lẽ bình thường, đi đến cực đoan.

Về Trình Tử, Tiên sanh bảo giải trung dung là chẳng chênh lệch với đoạn thí dụ "Trong nhà giữa nhà là trung ; trong nước giữa nước là trung..." cũng trái ngược nhau. Thưa không, không trái ngược nhau đâu ; có lẽ tôi xấc quá, nhưng nói chuyện cùng tay xuất tục, tôi mới dám.

"Chẳng tây vị riêng tư gọi trung, chẳng dời đổi biến cải gọi dung ; trung ấy, chánh đạo trong thiên hạ ; dung ấy, định lý trong thiên hạ".

Quân tử cầu nơi mình, giàu sang, nghèo nàn, man mọi, hoạn nạn, phải chiều nào chịu chiều nấy... chánh lấy mình mà không cầu nơi người. Coi đó thời rõ người quân tử, ngu chịu ngu, dốt chiều dốt, lầm lỗi chịu lầm lỗi, thua sút thì chịu thua sút người, tự mình chánh lấy mình, hết sức phấn đấu mà tiến

hóa, chẳng oán trách chi ai chẳng đổ thừa tại ai, ngày ngày tự tân mà rồi khỏi danh nhục thân nguy, người quân tử có chỗ hay vậy thay !

Quá yêu mình mà nâng cao lấy mình là hạ mình xuống thấp ; quá thương mình mà tom góp cho mình là khiến mình phải oán, sự đời người là người, ta là ta, mà người cũng là ta, ta cũng là người, vì biết có người không ta, thì ra có gì gọi ta, mà biết có ta không người, cũng ra có còn gì ta. Thiên hạ chánh đạo thiệt biết mình là trí, thiệt yêu mình là nhân. Tài dở khoe giỏi, học ít gọi nhiều, lầm lỗi thời viện tả lý cứu chữa, làm việc thời chi cầu thả cầu may, há gọi được biết mình vậy ! Mưu lường kế gạt, tùy sở thích người riêng làm lợi mình ; ra cửa trước, lòn cửa sau, mang mặt nạ để dương danh mình, *chi tỏ bằng sự giấu giếm, chi tỏ bằng việc nhỏ nhặt,* lòi gian lộ dối, trăm ngàn oán giận, há gọi được yêu mình vậy !

Ôi ! Chung vậy mà được, riêng vậy mà mất. Trung giải là bất thiên, biến hóa vô cùng, bảo rằng đứng một chỗ như vô động vật, e khi quá câu nệ nơi văn tự, bỏ sót cả lý.

Được việc bảo rằng nhờ trời, rồi khinh thường, hỏng việc bảo rằng tại trời rồi bỏ phế, lòng sanh quái dị, biếng nhác chán nản, định vẹo nội hướng, mu rùa nền kẽm lấy làm số, ống xăm giấy bùa lấy làm mạng, không rõ số tự mình tạo, mạng tùy số thọ, số nào mạng nấy (*nguyên nhơn nào, kết quả nấy*), thiên hạ định lý, lại ngước mặt vênh râu, mạng ta trời nấy, khoanh tay rụt cổ, số ta trời khiến tôi tớ dựa hơi chủ ỏ ảo, chạy đâu cho khỏi là tôi tớ, dốt nát tăm hơi đồng múa mỏ, chạy đâu cho khỏi dốt nát phòng rộn ràng ; sao bằng tách ra khỏi vòng sai khiến của người là hết tôi tớ, thường học hỏi cho thấu hiểu được sự vật là khỏi dốt nát, thiên hạ định lý đấy, sự thiệt đấy, mà *dung* vì các cớ mới có nghĩa là bất diệt.

Phan tiên sanh bảo ai xướng thuyết trung dung là chủ ý ngu dân. Tiên sanh nói có lý đấy, nhưng đối với kẻ lợi dụng kia, chớ đối với người thiệt hành trung dung, tôi e là chưa nhằm.

"Thiên hạ duy chí thành là hay hiểu thấu tâm tánh của mình, ắt hay hiểu thấu tâm tánh của người, hay hiểu thấu tâm tánh của người ắt hay hiểu thấu tâm tánh của vật, hay hiểu thấu tâm tính của vật ắt khá dùng trợ sự hóa dục của trời đất ; khá dùng trợ sự hóa dục của trời đất, ắt khá cùng trời đất đồng

ngôi mà đứng vững trong vũ trụ". Xét tâm tánh người, ta cần tâm lý học ; xét cho hiểu tâm tánh nguyên lý mọi sự mọi vật ta cần số học, vật lý học, hóa học, sanh vật học, địa chất học, từ khí học vân vân... nghĩa dường muốn đến bực chí thành, không khoa học nào quan hệ đến người mà người bỏ qua được.

Câu Kinh Dịch : "Trời có một thái cực, đất có một thái cực, người có một thái cực". Cùng câu : "Người ta có thể thấy trong óc một cái thế giới và trong thế giới một cái óc" của Jaurès cũng đồng dẫn giải bực thánh nhơn chí thành.

Khổng Tử nói : "Ngu nên ưa tự dụng, hèn mà ưa tự chuyên, sanh ra đời nay, trở lại đạo đời xưa, như thế ấy, tai hại đến mình vậy". Tiếp xuống ngài nói : "Ta xưng tụng lễ nhà Hạ, nước Kỷ không đủ chứng thất ; ta học lễ nhà Ân, nước Tống còn kia không phải nước đương thời lập pháp ; ta học lễ nhà Châu, nay đương dung, ta theo Châu". Thưa Phan tiên sanh, ví Khổng Tử sanh nhằm thời máy bay tàu lặn nầy, tôi quyết cho ngài cũng nói chuyện máy bay tàu lặn mà không hủ như các sĩ phu của tiên sanh đã kể. Người ta đến đầu kia mà ta còn ở đầu nầy, tuy người đối với ta thái quá thật, nhưng sở dĩ thế là tại ta bất cập. Đạo trung dung là vạn thế chi pháp, bảo khi ta trên người chớ thái quá (cang long hữu hối), bảo khi ta kém sút người chớ bất cập (thạc quá bất thực, tiểu nhơn lục lư). Âm nhu thoái tấn phải tấn nhứt dương cang phục, nếu đợi đến tuyệt dư dương, chịu luật đào thải thiên diễn, thời diệt vong là lẽ tất nhiên, định lý trong thiên hạ, trời đất không còn nói gì được nữa ?

Ý trung dung là thời tấn, đạo phải tấn ; thời tấn mà đạo không tấn, đạo cùng. Đạo cùng không biến ắt không thông, không thông thì không tấn, không tấn thì bất cập, bất cập thì xa trung dung, xa trung dung, cái hại ắt gần vậy. Khổng Tử nói : "Nguy ấy, an thửa vị ấy vậy ; mất ấy, giữ thửa còn sót ấy vậy ; loạn ấy, có thửa trị ấy vậy ; cớ nên người quân tử an mà chẳng quên nguy, còn mà chẳng quên mạng, trị mà chẳng quên loạn". Quân tử thời trung, khi an như khi nguy, khi còn như khi mất, khi trị như khi loạn, bao giờ cũng bền đổ cẩn thận, không sợ hãi, chẳng khinh thường, thỉnh thoảng tiến thủ, giữ chặt điều hiếu, tông miếu được tự, con cháu được bảo, thời những kẻ bất hiếu, tông miếu mất tự, con cháu bỏ luống, phỏng còn nói đến chữ hiếu mà không lấy làm sỉ nhục nữa sao ?

Dương Tử vị ngã, vị ngã thành độn thế ; Mặc Tử kiêm ái phải tận lực. Dương Tử, Mặc Tử xử thái quá bất cập không bằng Tử Mặc chấp trung. Chấp trung thì gần đạo, nhưng không cân nhắc thì cũng như chấp nhứt. Thuấn biết cân nhắc, Thuấn được đạo trung dung. Cha giận ít, Thuấn chỉ ổ chim đòn bọng, cha muốn giết, Thuấn lại trốn đi. Cỗ Tẩu nhờ đó mà khỏi mang tội giết con, Thuấn vì đó mà nên danh đại hiếu. Hiếu là đức tốt, mà hiếu để đến cha mẹ giết mình, rồi mình chết, cha mẹ mang tội, thì hiếu như bất hiếu.

Hoa Hàm chạy loạn, cùng đi, một bọn sáu bảy người. Giữa đường gặp người lạ xin nhập bọn. Hoa Hàm không thuận cho. Cứ theo cái thấy, ai lại cho Hoa Hàm biết nghĩa ; nhưng suy đến vô cố cho một người lạ nhập bọn, xảy ra sự gì hại thân mình cũng không trọn thủy chung với người, thời ai cũng gọi Hoa Hàm biết nghĩa. Nghĩa là một đức tốt, nhưng cứ nghĩa mà không cân nhắc, thời nghĩa như bất nghĩa.

Mạnh bạo dám làm là một đức tốt, song nếu như mình bạo thái quá thì lại thành ra hung hăng dữ tợn, còn như không mạnh bạo bá tánh không hay. Nói láo là một tật xấu, song nếu như khi mình phá hiểm nghèo, một tiếng nói thật là hại to cho việc lớn, thời nói láo trở nên một cái đức tốt, mà nói thật là dại dột vô ngần.

Xa xỉ, hà tiện là quấy, tiết kiệm lại là phải. Xa xỉ, hà tiện ở hai đầu, tiết kiệm ở giữa, nhưng nếu cứ nửa xa xỉ, nửa hà tiện, thời lại cũng như xa xỉ hay cũng như hà tiện.

Phải biết cân nhắc, đáng xài là xài, đáng không thì không, nghĩa xài hay không, chẳng những do nơi đẹp ý, mà lại phải do nơi có ích lợi cùng không.

Thưa Phan tiên sanh, tiên sanh bảo trung dung không bằng cực đoan. Vâng, cực đoan như Rô-biết-bi-e (Robespierre), như Ma-ra (Marat), làm cho Pháp quốc đương hồi Đại cách mạng phải một phen khủng bố, làm cho dân chúng bị tình nghi phải giết hại vô số, đến đỗi Đăng-tông (Danton) là một nhà đại công trong cuộc cách mạng cũng rơi đầu, cực đoan như Nã-Phá-Luân (Napoléon) tung hoành khắp phương Âu, giành nước kia, chiếm nước nọ, toan tính thống nhứt hoàn cầu khiến dân Pháp vì chiến chinh mà chết mất nhiều, nước Pháp vì chiến chinh mà nghèo nàn, rồi rốt cuộc cũng không thêm được tấc đất nào, chỉ được một xấp giấy thêm dày cho cuốn Sử ký dính

đầy máu bạo tàn, không là máu dũng cảm, thời Tiên sanh thử nghĩ nên cực đoan hay trung dung.

Cực đoan chi cương nhu có một, sao sánh trung dung gồm đủ cương nhu ; cương dùng hành động như dùng hóa trị, cân nhắc tùy thời biến hóa, lục biến phục, quyết quyền biến sáu, tự cảm, tự thông, tự cầu, tự ứng, tự lập, tự trị, tiến bộ văn minh. Trung dung là "phi tưởng phi phi tưởng". Trung dung là "vô vi vô bất vi". Trung dung là "vô tại vô bất tại", vạn thế chi pháp, thiên hạ xưa nay thành công được việc cũng chi ở trung dung.

Thưa Phan tiên sanh, tiên sanh bảo thủ cực đoan chẳng phải là chẳng do nơi một lẽ phải là xử khốn như bất khốn nhưng dường thế là lo gần mà không lo xa, tính nay mà không tính mai, thời ai dám bảo rằng trường cửu chi kế. Phan tiên sanh ôi ! Tào Côn, Ngô Bội Phu, Phùng Ngọc Tường, Tưởng Giới Thạch, Diêm Tích Sơn lũ lượt theo gương, ta há không trông đấy mà lấy làm răn mình hay sao ? Ai đi chẳng hiểu Hạng Võ làm nấc thang để Lưu quý nhẹ bước ; Tào Tháo, Viên Thuật, Viên Thiệu, Ngô Quyền, Lưu Bị lót đường cho họ Tư Mã dễ đi ; nhưng dầu Hạng Võ, dầu Lưu Bang, dầu Tào Tháo, dầu Tư Mã, ai nào xa lạ chi ai, ngặt khôn một ai, Trịnh, Huệ, Nhạc tuồng trông mà chẳng biết đội đá lợp đường tấn bộ.

Thưa Phan tiên sanh, tiên sanh dẫn vui nghe, tôi xin thuật một chuyện :

"Mẹ con cùng đi chơi. Một bướm bướm xinh xắn bay luyện trước mặt. Con toan bắt lấy. Mẹ bảo hãy để xem. Con vâng lời.

Bướm bướm đậu bông nầy sang bông kia nhẹ linh khinh tháo. Trẻ sợ bất như nguyện vội nhảy chụp bướm. Thôi rồi ! Phấn bay cánh rã sắc nào còn chi ! Thất vọng, thật là thất vọng. Trẻ la, trẻ khóc, la khóc sự đã lỡ lầm.

Bà mẹ hiền từ, dịu ngọt vỗ về, khe khẽ bảo rằng, lần khác con hãy để xem".

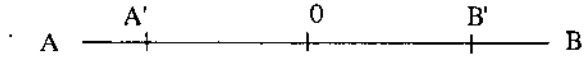
Nếu trẻ kia vì cái chết của con bướm, tự tiện cứ bắt, nhưng vì cái xinh đẹp của con bướm, ngu tưởng hãy để xem. Nay biết là của chung, không chịu mất, thời khá biết mai cũng còn là của chung, chớ riêng dành. Cùng trong hoạn nạn, không biết được mình đã trọn tin người chưa, thời trái lại, ai đâu trọn tin mình. Người ta phá hoại đặng duy trì, không phải phá hoại để phá hoại. Phá hoại đặng duy trì là anh hùng tạo thời thế, phá hoại để phá hoại là anh hùng thời thế tạo. Thật tôi không dám bảo những người sau không

phải là không anh hùng, nhưng suy cái lẽ được, không, tôi thật lấy làm bối rối.

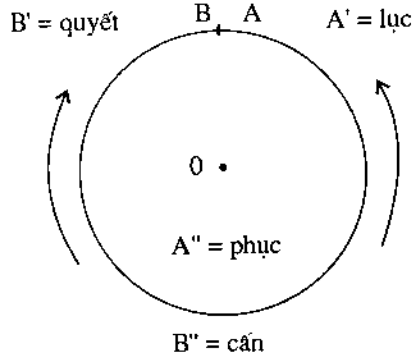
Được mà còn kể là được, được mà mất kể như không ; nếu thấy được, cứ cho được, thời ra cũng thể chi mành treo chương. Bướm kia, sắc kia, tiếc bướm vì sắc, nào ai tiếc bướm vì bướm ; tông miếu kia, tổ tiên kia, trọng tông miếu vì tổ tiên, nào ai trọng tông miếu vì tông miếu ?

Kể ra Thang Võ, không phải người đều may như Thang Võ, rủi đương khốn giải, cũng lắm tay bất hạnh, nhưng cầu là cầu cái bóng Thang Võ đó thôi. Hôm nay tôi nói chỉ nói cái hay của thuyết trung dung, khi động khi tĩnh, chớ không phải luận anh hùng, vì anh hùng không phải lấy cái thành bại lập luận được. Bại mà chí thành kể là thành, thành mà không chí thành rồi cũng bại, ai bảo được thành là hay, bại là dở, sự đời rắc rối làm sao ?

Trung dung không phải là cực đoan, trung dung cũng không phải ở giữa để cho hai đầu dằng kéo mà thọ hại. Trung dung tuy không đi đến một đầu nào, nhưng lại gần một đầu hơn đầu khác. Ít sự đời là một đường AB, cực đoan là A'B' ; O là chính giữa đường AB. Trung dung không dừng tại A B cũng không dừng tại O, cứ đi từ A' tới B', tùy thời biến đổi mãi.

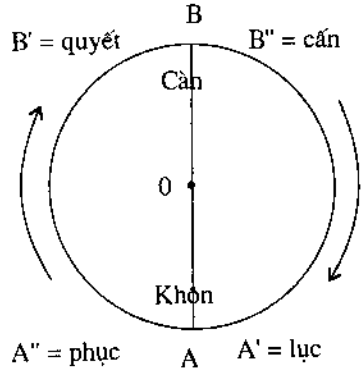


A là khởi điểm, B là chung điểm, trở lại A gọi là thoái hóa, đi tới B kêu là tiến hóa. Thật hành trung dung là muốn chiếm sự cực điểm tấn hóa, nhưng lại không ở B. Nên chỉ đến B' mà thôi thì cũng chỉ đến A' thông biến. Vì sao ? Vì đời không phải là một đường dài lại là một đường vòng tròn. Ở đường vòng tròn chung điểm phản khởi điểm, thì ra đến B là trở lại A.

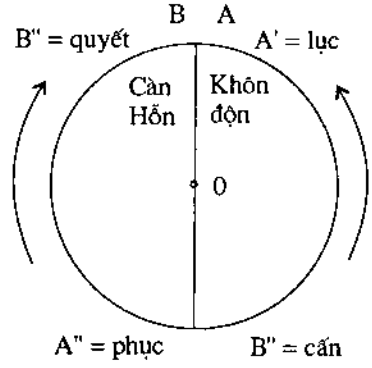


Đạo quân tử đi từ phục chí càn, đạo tiểu nhơn đi từ cấn chí khôn. Quân tử lục biến phục, quyết quyền cấn, tiểu nhơn tận quyết, lục tận lục. Bởi thế, đạo quân tử chẳng cùng mà đạo tiểu nhơn cùng.

I. ĐẠO QUÂN TỬ



II. - ĐẠO TIỂU NHƠN



Cách được thành hiệu nhờ trước Tĩnh, sau Đảnh, dễ thường tiên sanh bỏ Tĩnh Đảnh mà Cách được hoàn toàn hay sao ? Từ xưa đã được mấy Nã-Phá-Luân, Hốt-Tất-Liệt, mà dẫu có Nã-Phá-Luân hay Hốt-Tất-Liệt, thời chi tổ làm hại thiên hạ chớ không nên lối gì.

Ai bảo rằng thiên hạ không đáng sợ, tôi cho rằng thiên hạ đáng sợ nhất. Quan lại biết bao người tham nhũng, mà ra được đông kẻ tán dương ; thầy chùa biết bao lão dối gian, mà ra được đông người bái quỵ. Kìa địa lý, kia đạo sĩ, kia tướng pháp, kia bói khoa, biết muôn vàn khi nào không nhằm vào đâu mà ra lại đông người bu đến. Tiểu thuyết phong tình vì sao nhiều người

đọc, cuốn sách khoa học vì sao ít người xem ? Bảo tại thiên hạ mê tín. Tại sao mà thiên hạ mê tín ? Có lẽ là thiên hạ không ưa điều phải chăng ? Không, không phải vậy. Thật thiên hạ rất ưa điều phải, nhưng lại có vậy là tại điều phải quấy khó phân biệt. Thiên hạ thường lẫn lộn lý chánh với lý tà, tình công với tình tư, gặp Phật ngỡ quỷ vương, thấy quỷ vương ngỡ Phật, thiên hạ sợ đi như thế, do tại một chữ "lợi" mà ra.

Thiên hạ đều háo lợi. Háo lợi vậy cũng tốt, ngặt không rõ cái lợi tạm thời và cái lợi vĩnh viễn. Chớ chi ai ai đều thấu nghĩ câu "quân tử chẳng nói lợi, tự nhiên không phải là không lợi" của thày Mạnh, thì có đâu vàng thau lộn lạo, thấy mắt cá ngỡ hột châu. Hôm nay tôi không phải bàn về chữ lợi, xin chỉ tạm nói sơ.

Thiên hạ muôn vàn đều có muôn vàn ý tứ khác nhau, vì thế mà Thánh nhơn tác Dịch(*), hành trung dung, xây Linh đài đào Linh chiểu mà làm chi ? Chẳng qua vì Lộc đài, Tửu tri vậy. Chôn xương khô thì lại bị thảm chớ ích gì ? Chẳng qua vì cái mồ bụng, chặt chơn người sống vậy. Thánh thay Văn Vương. Chánh nhơn tâm, tinh nhơn dục, biết tổn thượng mà ích hạ.

Phan tiên sanh ôi ! Lấy oán báo oán là một điều thái quá vậy, lấy oán báo oán là bất cập vậy, dùng ngay mà báo oán là nên thôi. Trụ không đáng thờ mà thờ là bất cập, Trụ chưa đáng giết mà giết là thái quá, đến cảm lại thuận ứng là cơ hội tốt vậy.

Một điều khó phân biệt hơn cả là quân tử hành trung dung mà tiểu nhơn cũng hành trung dung.

Quân tử hành trung dung để chánh đạo, tiểu nhơn hành trung dung là duy bụng tư lợi. Gặp cảnh này, tổn ích rất khó, nhưng đó mới chánh là chỗ bậc chí thành không hề thối chí để tìm vạch cho ra lẽ. Chẳng việc chi kín nhẹm mà thời gian không biện bạch, điều biết chăng là tại để ý với chẳng để ý.

Nói dông dài mà làm chi, chánh tiên sanh cũng trung dung nứa. Như không, thiên hạ mặc thiên hạ, phê bình tiên sanh cứ phê bình, vấn Khổng tiên sanh một mặt vấn Khổng, lựa là tiên sanh phải chần trước ngăn sau.

(*) Lưu ý : trong suốt bài này tác giả đều viết "kinh Diệc", "Diệc" (viết hoa) ; người sưu tầm sửa lại thành "Kinh Dịch", "Dịch".

Phan tiên sanh nghĩ sao ?

Khổng Tử bảo ta chẳng bằng người làm ruộng, chẳng bằng người làm vườn, trong khi thầy Phàn Trì hỏi ngài về làm ruộng làm vườn. Thầy Phàn Trì ra, ngài lại nói : "Tiểu nhơn thay ngươi Phàn Tu !". Thế không phải ngài mắng, rõ là ngài chủ ý dạy học trò về một mặt khác, mà Phàn Trì hỏi về chuyện làm ruộng làm vườn, ngài cố thối thác, chờ Phàn Trì ra, ngài mới có lời than. Thưa Phan tiên sanh, nói thế có lẽ tiên sanh cho tôi vì quá bình vực Khổng Tử mà tư ý khiến nghĩ ra lẽ mới vừa nói rồi. Thưa không, tôi nói thế là vì thấy chỗ Khổng Tử cũng trọng nghề nông kia mà. Chứng cớ ở thơ *Nam mẫu tất xuất* trong *Kinh Thi*, *lục phủ tam sự* ở *Kinh Thơ*, mà chánh ngài cũng có nói : "Giàu rồi mới dạy" (Tiên phú nhi hậu giáo). Khổng Tử từng học lễ không lẽ ngài chẳng rõ vua Thuấn, vua Võ, ông Tắc, ông Y Doãn đều xuất thân đi cày, thánh quân hiền tướng đều lấy nghề trị sinh làm gốc.

Thời Xuân Thu liệt quốc, các nước tranh cường, thi soán, phản nghịch, giặc giã liên miên, hạng bình dân rất lấy làm khổ vì hà chánh, mà kẻ sĩ ưu thời mẫn thế lại chạy đi học cày bừa, chẳng là đi học cách dơ lưng lớn cho người cỡi, mệt nhọc làm ra đổ vào vựa lẫm cho người hay sao ? Khổng Tử bấy giờ là một nhà đại cách mạng, chí ở đại đồng chủ nghĩa đời Nghiêu Thuấn, mà học trò ngài là Phàn Trì hỏi học trái với sự lo nghĩ của ngài, bảo sao ngài chẳng có lời than. Ngài than là vì hy vọng ở nơi học trò ngài mà Phàn Trì không chí to tát, chẳng thức thời vụ, để đi lo việc đương thời chưa phải là cần kíp.

Đời Chiến Quốc ở Tàu chẳng khác thế kỷ thứ XVIII ở Pháp, hạng bình dân, dẫu lắm lo nông tang, phỏng có được gì ? Khổng Tử bảo Phàn Trì là tiểu nhơn rất phải, vì đời bấy giờ loạn là tại kẻ cầm chính quyền tham nhũng, không phải loạn tại bình dân không lo trị sinh. Thưa Phan tiên sanh, xin tiên sanh ngó ngoái lại thử coi có phải bao giờ sanh loạn cũng tại kẻ cầm chánh quyền mà không phải tại nơi bình dân hay chăng ? Nếu bình dân sớm tự tỉnh thời họa may loạn hại được tiêu trừ, bằng bình dân cứ một mực lo nông tang thương vụ, thì chẳng khác nào bình dân lo mà nuôi kẻ cầm chánh quyền bạo ngược được sống lâu cho chúng nó mặc sức thi thố các thủ đoạn đê hèn. Hết bồi hết dầu tự nhiên lửa tắt, thêm bồi chế dầu mãi, nước muôn xe e cũng

chẳng làm gì ! Ôi ! học cày cấy là một người, cất vựa lẫm lại là một người khác, thời nghề cày cấy cũng nên tạm bỏ đi một lúc.

Coi kìa cuộc cách mạng đương thời ở Tàu. Việc dây dưa mãi, họa hoạn liên tiếp nhau, hết Viên đến Tào rồi Tưởng, thời nào phải tại bình dân không hay trị sinh, thật tại kẻ cầm chánh quyền mà ra vậy.

Nhà Thanh tuy ác, cái ác e còn kém kẻ đánh đổ nhà Thanh, thời buổi loạn ly, tạo nên bực đúng đắn để cầm giữ chánh quyền, học lấy nhân nghĩa cho đến, chẳng là cần kíp hơn việc nông tang hay sao ?

Có người bảo đừng xâu đạo đức cùng tài năng lại làm một, làm vậy thì cạn hẹp lắm. Bảo thế cũng phải, nhưng ai kia chớ đối với kẻ đã giữ một cái trách nhậm to tát không thể không xét ở đạo đức. Anh hùng có lúc như rồng, có khi như rắn là nói về khi ẩn hiện kia, chớ không phải một mặt rằng ích dân mà mặt khác lại sắm một cái áo đôi muôn, mua cái ô tô đáng chín, mười ngàn bằng đồng tiền mồ hôi nước mắt của đám cày sâu cuốc bẫm. Thường khi việc nhỏ nhặt là ánh sáng dội của muôn sự lớn lao, không thể không lấy làm trọng hệ. Còn như Giới Tử Thôi mà đợi chết thiêu ở miền thượng, có ai như Hàn Tín mà phong làm quý cung Vị Ương ? Được mới bỏ cũ, ở ngoài quên trong, lòng lòng phụ bạc của Tần Văn Công trước hiện ; phong đất Tam Tề, ý sâu hiểm của Lưu Quý cũng trước bày, Tử Thôi Hàn Tín sao không sớm biết ?

Thưa Phan tiên sanh, nãy giờ tôi sa đà quá, nhưng dẫu sa đà, cũng là để giải vì sao tự miệng Khổng Tử lại có lời than : "Tiểu nhơn thay ngươi Phàn Tu". Lấy ý mình đoán ý người cách mình nhiều đời, chắc đâu là không sai, như nếu có sai, xin tiên sanh lượng thứ.

LỜI CHÓT. - Từ đầu chí cuối, tựa như tôi binh Khổng Tử mà bỏ tiên sanh, tựa như tôi bị lọt dưới lằn xe cũ mà không thoát được, tựa như tôi nhắm mắt mà tin đùa lời nhiều người tôn Khổng Tử là đại thánh chí thánh, rồi tôi cũng cho ngài là đại thánh chí thánh. Thưa Phan tiên sanh, không. Tôi không vì Khổng bỏ Phan, cũng chẳng vì Phan bỏ Khổng, tôi luận biện là cứ luận biện theo cái hiểu của tôi để cầu lý chánh, quyết chẳng khi nào vì Khổng hay vì Phan mà để cho lấp đàng học hỏi rồi đến nỗi thiệt thân.

không vì Khổng bỏ Phan, cũng chẳng vì Phan bỏ Khổng, tôi luận biện là cứ luận biện theo cái hiểu của tôi để cầu lý chánh, quyết chẳng khi nào vì Khổng hay vì Phan mà để cho lấp đàng học hỏi rồi đến nỗi thiệt thân.

Thưa Phan tiên sanh, Thích thời phi tưởng phi phi tưởng, Lão thời vô vi vô bất vi, Khổng thời vô khả bất khả, rõ ràng các ngài xảo quá, các ngài biết rõ đời quá.

Các ngài cho người là người mà không dám coi khác, thời tâm lý các ngài đã đến, sự lý các ngài đã thông.

Ôi ! không hiền từ là bất nhân, hiền từ đến đỗi ai làm gì cũng mặc cũng là bất nhân ; khộng can đởm là bất nghĩa, can đởm cho đến đỗi chuyện chi cũng chẳng kể cũng là bất nghĩa, thời người chưa đến là vô động vật, nhân nghĩa cũng chưa đến lúc đình trú mà không biến biến hóa hóa. Nắm đầu nầy không xong, níu đầu kia chẳng được, ở giữa thọ hại cả hai đầu, giữ đầu nầy mà bắt đầu kia mới được là nhân nghĩa. Ta với người, một không phải một, hai chẳng phải hai, tuy hai mà như một, luật tự nhiên còn biết nài sao ?

Tôi xin ngừng viết, ý kiến nếu sai, Phan tiên sanh rộng lòng thương thời chỉ bảo.

HOÀNH SƠN

Thần chung, Sài Gòn, s.288 (5 & 6.1.1930) ; s.289 (7.1.1930) ; s.291 (9.1.1930) ; s.292 (10.1.1930) ; s.294 (12 &13.1.1930) ; s.306 (5.2.1930) ; s.308 (7.2.1930) ; s.310 (9 & 10.2.1930) ; s.312 (12.2.1930).

VẤN ĐỀ THÂN OAN CHO VÕ HẬU

Bài "Thân oan cho Võ hậu" của ông Phan Khôi đăng ở hai kỳ Phụ nữ *trước, có vài ba vị độc giả gởi bài tới phản đối. Vậy chúng tôi chọn một bài lời lẽ dễ nghe hơn hết mà đăng lên đây cho công chúng xem. Đợi một số tới ông Phan sẽ có bài trả lời.*

P.N.T.V

LỜI THƯA CÙNG ÔNG PHAN KHÔI

Thưa Phan tiên sanh,

Tôi là kẻ sơ học, kiến văn hẹp hòi đâu dám đèo bòng với tiên sanh, nhưng nhân đọc báo *P.N.* số 53 và số 55 thấy tiên sanh "xóa một cái án trong lịch sử" – Thân oan cho Võ hậu – mà sanh ra mối cảm, nên có lời thô thiển sau đây, mong rằng tiên sanh hạ cố chỉ giáo cho, hầu nhỡn giới của tiểu sanh được rộng thêm một chút.

Thưa Tiên sanh.

Vị hoàng đế biết cải lương chánh sách, xếp đặt trật tự trong nước thì thật là giỏi ! Song le lại là người tàn ác hung bạo ô dâm tham dục, thì làm sao đặng gọi là *anh* ? đặng gọi là *minh* ? *Anh minh* là thế nào, xin tiên sanh xét thử.

"Võ hậu là người thông minh, học thức ; nói thật tình nếu là đàn ông, thì chắc người ta đã tôn cho là ông thánh". Xin tiên sanh gẫm thử *thánh* nghĩa thế nào, mà tặng cho Võ hậu như thế ?

"Nhà chánh trị xỏ xiên, láu lỉnh, độc ác, lên tay xuống ngón ngoài vòng đạo đức", soán đoạt chức vị của người, sao mà khen ? Giả sử như có một kẻ kia dùng các thủ đoạn tàn ác để trở nên cự phú, tiên sanh cũng khen sao ? tuy

người đàn bà biết lật mấy "thằng đực bư"(*) đặng lên sửa trị quốc gia một cách khéo léo, thì cũng đáng khen, nhưng lấy cách "độc ác vô nhân đạo" để dọa, làm cho thần dân thiếp phục thì làm sao gọi là đại tài ? Nói vậy, chớ nhà chánh trị mà vô nhơn đạo thì có ai phục ? Dầu có đi nữa, thì là diện phục mà tâm bất phục đó. Ấy, chính là không bằng lòng, tức nhiên hễ chẳng bùng trước thì bùng sau, chạy đâu cho khỏi ! Chắc tiên sanh vẫn nhớ câu : "Được lòng dân thì được nước, mất lòng dân thì mất nước" trong *Đại học* chớ ! Cứ theo lời tiên sanh, thì tiên sanh chịu cái chánh sách của Võ hậu ! Vậy xin hỏi bây giờ tiên sanh ở vào thời kỳ nào ? Mà có yên tâm không ? Xin tiên sanh nghĩ thử.

"Người quân tử nếu biết tự trọng thì đừng nói tới"?! Thế là bảo sử gia đừng chép ư ? Thế là bảo sử gia láo dối kẻ đời sau ư ? Xin tiên sanh coi lại hai chữ "truyện sử" trọn nghĩa là thế nào ? Và cách làm sử ngày xưa là làm sao ? Có ảnh hưởng đến tương lai là thế nào ? – rồi sẽ cho Võ hậu là "chẳng đắc tội gì với lịch sử hết". Bảo Võ hậu là "một vị hoàng đế anh minh, một nhà chánh trị đại tài" là nói về mặt chánh trị ; lại bảo là "một tay vận động nữ quyền kịch liệt", tức là nói về mặt phong tục mà sao sự "hoang tàn dâm uế, làm điều thương luân bại lý" lại cho là chẳng đắc tội với lịch sử ?

Bảo "Các đế quốc đời nay đi chinh phục nước người, dời cái chánh quyền ở tay nầy qua tay khác, mà làm không làm ngay một lần, vẫn theo cái kiểu "từng bước một" của bà Võ hậu đó" thật phải ; song le vì sao mà gọi là "theo cái kiểu"? Lấy chi mà chắc rằng các đế quốc noi kiểu Võ hậu, xin tiên sanh chỉ bảo cho.

Bảo "Các ông vua nhốt trong cung đến những mấy ngàn đàn bà, hoang dâm vô độ, ấy là quyền của các ổng. Vậy thì bà vua Võ hậu chọn cung nhơn bằng đàn ông để mua vui trong lúc "vạn cơ chi hạ", cũng là cái quyền của bả" thì té ra bảo "ông ăn chả, bà ăn nem" sao ? Tiên sanh cao kiến thực ! Tiên sanh muốn giải phóng cho phụ nữ thực ! Hết lòng thực ! Mà thử hỏi tiên sanh có dự phòng "thuốc" sẵn chưa ? Trừ tiên sanh ra, có cái thiệt tâm đặc biệt, phần nhiều đàn ông nước ta vẫn còn tánh hủ lậu, giữ câu "trai năm

(*) *bư* : ngu dại ; *thằng bư* : tiếng mắng đứa dại (H.T.Paulus Của, sđd.).

thê bảy thiếp, gái chánh chuyên một chồng"! Nếu mấy vị phụ nữ mà thiệt hành ngay cái ý tưởng mới của tiên sanh thì e không khỏi gia đình rối rắm rã tan, e cho nền phong hóa của ta mà người phương Tây cũng nhận là tinh túy phải đổ nát đi mất ! Xin tiên sanh đoán định thử.

Tóm lại, tôi xin lỗi tiên sanh mà phỏng vấn mấy điều, tiên sanh chớ nệ con nít, để ý đem lời chỉ giáo, dầu lời tôi thưa thốt phải chăng, câu văn đặt viết sống sượng thế nào, xin tiên sanh cũng lượng chế cho.

Hậu học: NGUYỄN HOÀNG CẢNH *kính thưa*
Mỹ Tho le 12 Juin 1930
Phụ nữ tân văn, Sài Gòn, s.58 (26.6.1930)

PHẢN KHÁNG BÀI "THÂN OAN CHO VÕ HẬU"

Bài "Thân oan cho Võ hậu" là của ông Tú Phan Khôi đăng trong Phụ nữ tân văn. Mà bài phản đối sau này là của một người đọc của báo Đông Tây gởi đến. Tuần báo xin đăng lời ông Phạm Văn Riễm sau này để rõ hai cái ý kiến về sử học của hai khối óc khác nhau(*).

Thoảng nghe "*Thân oan cho Võ hậu*", vẫn tưởng một người Hoa kiều nào thấy người mình dùng hai chữ Võ hậu để làm dấu hiệu cho sự dâm ô, để sỉ nhục những kẻ trăng hoa nên trạnh lòng mà phải thân oan. Nhưng không, đó là nhờ ông Tú Phan Khôi, ông là bậc cựu nho trong đất nước này, ngày nay đã thành ra hiếm có, bởi vậy người biết học, ai cũng phải chú ý. Tôi cũng là một người trong đám ấy kính gửi bài này trên tuần báo để giãi bày ngu ý cùng ông và độc giả.

Tôi rất cảm phục Phan tiên sanh giầu lòng bác ái với nhân loại, không

(*)Đây là lời tòa soạn báo *Đông Tây*.

hề phân biệt nòi giống cho nên để tâm nghiên cứu thân oan cho một người đàn bà nước ngoài, sinh trước đây một ngàn ba trăm năm, đã bị cả nước Trung Hoa khinh bỉ coi như một vết dấu trong lịch sử : là Võ hậu. Chỉ hiềm những chứng cớ tiên sinh biện bạch, không đúng chân lý, chẳng phải tìm đâu lấy phản chứng, xin tìm ngay trong bài tiên sinh viết.

Võ hậu phải mang cái tội ô danh đến ngày nay, bêu xấu ở nước Tàu và nước ta, là vì Võ hậu dâm uế, tham danh, bạc nghĩa, ích kỷ và tàn bạo, xin nói rõ dưới đây, chứ chẳng phải vì bà làm hoàng đế cầm quyền bính, bắt bọn đàn ông cúi đầu trước mặt mà họ bực, họ giận, đặt điều buộc tội cho bà đâu.

Xét trong lịch sử nước Tàu, sẽ thấy bao nhiêu ông vua vì tàn bạo, coi dân như rơm rác và hoang dâm vô độ mà đến nỗi cơ nghiệp tan tành, tấm thân khốn khổ, chẳng bằng một kẻ cùng dân trong lúc sống thừa, thì biết con mắt và khối óc người ta không phải chỉ tôn kính sợ phục vua đàn ông, vu hãm nói xấu vua đàn bà ; còn như sự trông thấy một người đàn bà ở đời chưa ai nói đến, dạy đến nữ quyền, lên ngôi hoàng đế tránh sao chẳng lấy làm lạ. Đó là lẽ thường.

Võ hậu dâm ô

Cung nữ nhà vua cũng như tiểu thiếp các nhà sang trọng, cho nên vì sự lẳng lơ của Võ hậu, mà cha con vua Thái tôn phạm tội "phụ tử tụ bưu", chứ thái tử không bao giờ dám lấy quyền thế hãm hiếp được Võ hậu, nghĩa là tội đó gây ra từ Võ hậu, vậy Võ hậu thực là kẻ dâm ô.

Tham danh

Khi Cao tôn còn, quyền chánh đã ở trong tay, vua chồng chẳng qua là tượng gỗ, tới lúc Cao tôn thăng hà, lập hai con lên nối ngôi, thì hai vua con chắc hẳn phải theo mạnh lệnh mẹ mà giữ cái ngôi gỗ như cha, còn khác sao được ! Võ hậu chưa lấy thế làm thích vì trăm họ chưa kêu bà là Hoàng đế, Thiên tử, bởi vậy thẳng tay bỏ hai con, tự chiếm lấy ngôi vua, chẳng phải hám danh sao ?

Bạc nghĩa

Cao tôn thăng hà, quyền chánh đã nắm trong tay, cứ việc lấy cái thông minh, cái chánh trị, khôn ngoan giúp dập dạy bảo con thơ, giữ vững cơ

nghiệp nhà chồng là đủ, sao lại cướp ngôi con, để đến nỗi giang san nhà Đường suýt nữa vì mình mà trụy lạc, như thế đối với chồng con, bà là người bạc nghĩa, chứ hoàn cảnh chẳng bắt bà phải làm vua !

Ích kỷ và tàn bạo

Khi bà cướp được ngôi thiên tử rồi, vì lòng ích kỷ, muốn giữ mãi cái ngai vàng, nên mới thẳng tay chặt đầu những người bất thuận, chứ chẳng phải vì cơ nghiệp nhà Đường, chẳng phải vì trị an thiên hạ, nghĩa là tự bà gây nên sự đó, thì bà phải mang tội tàn bạo, không ai có thể xóa được.

Chưa chắc là vì Hoàng đế anh minh

Nói rằng Võ hậu thông minh học thức thì phải, chứ bảo vị Hoàng đế anh minh chưa chắc đúng. Muốn ngăn ngừa sự giả dối của khoa cử, thiết tưởng cũng có nhiều phương pháp làm được, biết đâu không vì lòng vị kỷ mà bắt sĩ phu vào ứng thí trong cung để buộc kẻ có tài cúi đầu trước mặt. Còn việc bỏ phép Ngự sử giám quân là theo các bậc minh quân đời xưa khi sai một người tướng đi đánh giặc thì đem hết việc biên cương phó thác trong tay người ấy, chứ không phải là sự sáng kiến của Võ hậu.

Võ hậu sẵn cái thủ đoạn trị thẳng tay, thuận thì sống, chống thì chết, e rằng nhà văn học Địch Nhân Kiệt cũng sợ chết như những ông văn học khác, mới cam cái sống thừa ở dưới quyền phụ nữ, hay là ông đành tâm nấp bóng để chờ cơ hội khôi phục lấy giang sơn, để hả lòng trung nghĩa. Nói đến vua Trụ, thì nên biết rằng Đát Kỷ lúc bấy giờ là tuyệt thế giai nhân trong mắt Trụ vương, nên Trụ vương say đắm cũng như nghìn vạn người đàn ông hiếu sắc. Vả chăng tìm được người nhan sắc như nàng cũng không phải dễ, và nàng lại là vợ của Trụ vương, chứ có phải con đĩ cái đâu, mà đem lòng yêu quý của Trụ vương Đát Kỷ so sánh với Võ hậu Tăng Hoài, thì sai quá, vì con đĩ đực vồ đâu chẳng được. Tăng Hoài còn sống ở quanh mình Võ hậu với nhiều con đĩ đực khác, nên bà còn biết nể quan tể tướng hơn con đĩ đực, chứ không phải là người có độ lượng.

Võ hậu đã có thông minh, có học thức, lại gặp tay đại tài như Lạc Tân Dương viết hịch kể tội bà để thu phục lòng dân, chắc hẳn bài ấy cảm động đến thế nào cho nên Võ hậu xem đến cũng như người được cái gương sáng

soi mặt, mới biết mặt mình có vết xấu, thì chẳng khi nào giận kẻ cho gương mà bắt tội : sự ái tài ấy không lấy gì làm lạ.

Không phải là tay chánh trị đại tài

Khổng phu tử dạy người ta lấy đức làm chánh trị mà Phan tiên sinh nói, làm chánh trị xỏ xiên láu lỉnh, độc ác mới tài, và tiên sinh lấy cái quan niệm đó biểu dương cái tài của Võ hậu chết từ đời cổ là đời chân thật, chuộng đạo đức hơn xỏ xiên, chẳng biết chữ "tài" ấy nhân loại có ưa không ? Nếu nhân loại cho sự xỏ xiên là một thói xấu của người đời, thì Võ hậu và trăm nghìn kẻ khác không phải là bậc đại tài trong trường chánh trị.

Chưa chắc đã biết nữ quyền

Võ hậu gặp lúc hiển vinh quyền thế nhất đời, há chẳng biết đãi các bà mệnh phụ ở quê hương một bữa yến để nở nang mày mặt (Việc này trong tiểu thuyết nói mở tiệc đãi các mệnh phụ để hỏi chuyện chi chi...) chắc đâu trong óc đã có hai chữ nữ quyền mới nảy ra trong thiên hạ, và mới hơn nữa là hai chữ nữ quyền của tiên sinh viết tặng phụ nữ ngày nay. Bà lập đại lễ tế Tây Long nguyên phi là biết nhớ ơn, quý trọng sùng bái một người đàn bà phát minh ra tơ lụa, cũng đáng khen lắm ; làm ra sách *Liệt nữ truyện* và *Cổ kim nội phạm* có lẽ cốt để dạy dân làm người phải có đức có tài, chưa hẳn là vận động nữ quyền. Theo lệ đời xưa, cha còn để tang mẹ có một năm, thì bất công quá. Cứ lấy cái tính tự nhiên của loài người là tấm lòng thương yêu cha mẹ bao giờ cũng thương mẹ hơn cha, thì đoán chắc rằng người đời bấy giờ cũng lắm kẻ biết như thế là bất công, chứ chẳng phải một mình Võ hậu, và Võ hậu bỏ cái cổ lễ ấy đi, cũng vì lòng nhớ ơn sinh thành nhũ bộ của nữ lưu, chứ không phải vì nữ quyền.

Bởi bà tham ngôi thiên tử mà cướp ngôi con, thành ra người bạc nghĩa, nên bọn trung thần nhà Đường không chịu phục tùng đến nỗi đầu rơi như sung rụng, và còn hãm hại nhiều hơn, thế mà so sánh với vua Cao tổ nhà Hán tru Tần, diệt Sở để an thiên hạ, và kéo đến cả cuộc cách mệnh của nước Pháp là cuộc cách mệnh để đem dân Pháp ra ngoài vòng nguy hiểm, dắt dân Pháp lên chốn hùng cường thì thật vàng với thau, hạt châu cùng đá sỏi, đã vậy thì Võ hậu phải mang tội tàn ác, chứ không oan vì cái manh tâm cố ý của bà.

Thưa tiên sinh, nhà làm sử và những người biết viết ở đời xưa không lẽ đặt điều buộc tội dâm ô cho Võ hậu, chắc hẳn bà có thế, còn ngờ chi nữa. Tiên sinh lại cho sự dâm ô là chuyện kín trong buồng người ta, và chỉ là chuyện riêng của đàn bà, người quân tử không nên nói đến. Nếu vậy vợ cụ này, vợ ông kia, vợ thằng này, vợ đứa khác có tính lẳng lơ cứ việc tự tình thông dâm với ai cũng mặc, ai nói đến là không biết quý miệng, không biết tự trọng thế thì người quân tử phải kiêng kỹ hơn sư.

Lúc ông vua nhốt trong cung hàng mấy nghìn cung nữ cho thỏa dục vọng, thì gọi là "hoang dâm vô độ" ; bà Võ hậu chọn rất nhiều cung nhân bằng đàn ông để mua vui lại là quyền của đàn bà ; quái lạ hơn nữa, là lại cho là lẽ thường ! Thí dụ người đàn ông lấy ba vợ thì người đàn bà cũng lấy ba chồng, ấy là quyền của đàn bà.

Hồn Võ thị ngày nay đã hối, chắc nghe thấy lời biện hộ của tiên sinh là người trạng sư của bà ở nước Nam đã thân oan cho bà, hẳn bà cũng mỉm cười nơi chín suối, mà đọc quyển sử ký Tàu tưởng cũng chẳng lấy làm vui lòng, vì nó thành ra một quyển vô giá trị cho độc giả, bà đã tránh khỏi cái vết xấu, là cái án Võ hậu ; chỉ có bọn đâm phụ thực thụ đời nay và bọn tòng sự về tương lai sẽ đồng thanh reo lên rằng : "Úm ba la, ba ta cùng khỏi".

Tiên sinh thân oan cho Võ hậu cốt ý răn đời, phê bình người ta phải xét rõ lịch sử, hoàn cảnh và tâm sự, thế mà tiên sinh lại xét mơ hồ. Lịch sử nước Tàu buộc tội Võ hậu dâm uế, tiên sinh còn ngờ hình như chưa chắc có, tôi tin nhà làm sử nước Tàu đời ấy biết Võ hậu hơn tiên sinh ! Hoàn cảnh Võ hậu không bắt buộc Võ hậu phải tự tình với Cao tôn, như Điêu Thuyền với Lã Phụng Tiên, không bắt buộc giết người như Hán Cao Tổ để an thiên hạ và thời đại khủng bố của nước Pháp. Còn tâm sự Võ hậu, tiên sinh lấy những việc nói trên mà đoán, tôi e chẳng đúng. Đã vậy ! thực tiên sinh muốn dùng mãnh lực của ngòi bút lông đổi thành bút sắt mà nâng cao nữ quyền lên gấp trăm phần Võ hậu, chứ tiên sinh đối với Võ hậu vẫn chẳng có cảm tình gì.

PHẠM VĂN RIỄM (Hải Phòng)

Đông Tây tuần báo, Hà Nội, s.22 (12.7.1930)

NỐI LỜI ÔNG PHAN KHÔI VỀ CÂU CHUYỆN LÝ TRƯỞNG LÀM NÊN TỨ TRỤ

Bổn báo mới tiếp được bài sau nầy của một vị độc giả người Bắc ở Sài Gòn, gởi đến cậy đăng báo. Bài nầy chẳng những rộng thêm sự nghe thấy cho chúng tôi, mà về đàng ý kiến, cũng lại giữ được mực quân bình, rất có ích cho sự tri nhân luận thế. Bởi vậy chúng tôi xin hoan nghinh mà đăng lên đây để công chúng lãm. Từ dưới đây trở xuống là nguyên văn của người lai cảo.(*)

*

* *

Từ bữa *Trung lập* mới ra đời đến nay, tôi ngày nào cũng chú ý mua mà đọc luôn, nó đã thành ra người bạn thân của tôi, rời nhau không đặng. Bởi là bạn thân lắm, nên chỗ hay vẫn phục nhau đã đành ; mà cái chỗ không được cho trọn vẹn thì phải châm quy cùng nhau, tưởng như thế cũng chẳng mích lòng bạn hiền *Trung lập* của tôi vậy.

Đọc số 6157 ra ngày 27 Mai mới rồi, bài *Sự dùng người của chánh phủ*, mà tác giả là ông Phan Khôi, tôi thấy có nhiều ý kiến hay lắm. Nhứt là về sự dùng (...)(**) ông Vi Văn Định làm tuần phủ Thái Bình, một tỉnh thanh danh văn vật giữa xứ Bắc kỳ chúng tôi, ông cho là mích lòng dân nhiều lắm ; sự đó rất là phải. Tôi là người bắc gốc gác ở Thái Bình, tôi phải nói thêm một câu cho càng vững lời của ông mà rằng : Sự dùng ông Vi Văn Định làm chủ tỉnh tôi, thiệt tỉnh dân tỉnh tôi không phục.

Duy trong bài ông có câu rằng : "Một anh lý trưởng đã nhảy lên ngôi tứ trụ. Vài anh bồi cũng đã nhờ cơ tài năng mọn mạy chi đó mà làm đến tuần phủ". Tôi sở dĩ viết bài nầy, là tại câu ấy.

Trong ý Phan tiên sanh nói câu ấy, là khinh thị anh lý trưởng và hai anh bồi đó chi ? Nếu quả vậy thì sự khinh thị ấy cũng có lẽ. Vì xuất thân đê tiện

(*)Đây là lời tòa soạn báo *Trung lập*.
(**) bản gốc để trống khoảng vài từ.

mà làm lên đến bực đại thần, học thức kém sút mà quyền chức cao sang, thì biếu đừng khinh sao được ? Tuy vậy mình cũng còn phải xét coi con người ấy cho đến nơi, thì lời luận mới được công bằng.

Về lịch sử hai anh bồi, tôi không biết rõ. Duy về anh lý trưởng, có phải là ông Phan muốn nói ông Võ Quang Nha chăng ? Về ông nầy, tôi có biết một ít, xin đem kể sơ lược ra đây cho thấy cái tài ông ta là dường nào, có xứng đáng là quan lớn chăng ?

Ông Võ Quang Nha, tôi quên là người tỉnh nào, chỉ thấy người ta nói rằng hồi còn trai nghèo lắm. Ông học chữ khá thông, mà thi rớt, nên làm lý trưởng. Tuy vậy, sự làm lý trưởng cũng là bất đắc dĩ, không phải cái chí của ông.

Trong lúc làm lý trưởng đó ông có nhơn tình với một con gái trong làng kia. Hai người cũng là trăng gió vật vờ trong một lúc chơi rồi thì ai đi đường nấy.

Khi ông thôi làm làng rồi, do vì sanh nhai eo hẹp, bèn bỏ mà đi phiếm tới tỉnh Bắc Giang. Chẳng ngờ cô nhơn tình với ông ngày trước thì đã ra lấy Tây là ông Công sứ tỉnh ấy. Ông biết chắc rồi xin vào yết kiến rồi bà Công sứ nhận nhìn tình ngãi xưa bèn kêu là anh mình giới thiệu cho chồng và biểu tạm ở đó để chờ có dịp thì bổ cho một chân làm việc.

Nguyên trong tỉnh đó có huyện Hiệp Hòa, về miền núi, trộm cướp rất nhiều, vả lại lúc bấy giờ giặc giã chưa yên, nên chúng nó tung hoành lắm. Trong huyện có một tên đầu đảng ăn cướp rất có quyền thế, rất đỗi ông huyện mới nào tựu lỵ cũng phải thân hành đến chỗ sào huyệt nó, ở tử tế với nó, rồi làm việc mới yên.

Huyện đó lại có một viên bang tá để giúp việc. Bấy giờ viên bang tá vừa khuyết. Ông Võ Quang Nha bèn xin bổ cho mình chức ấy, và nói rằng nếu mình làm bang tá thì sẽ trừ tên chủ đảng kia được, chỉ yêu cầu quan Sứ rộng phép cho mình tự do hành sự là xong. Quan Sứ bằng lòng, cho y như lời ông xin.

Ông Võ tựu chức bang tá, thì nói chuyện quan Sứ tín dụng mình cho quan huyện biết, rồi bảo quan huyện mời tên thủ đảng đến nha dự tiệc. Tên nầy ỷ mình thế lực to thuở nay không ai dám động đến, thì chẳng nghi ngờ chi hết, liền đi với mươi tên thủ hạ đến huyện. Ông bang tá đã phục sẵn mấy mươi võ sĩ rồi, tên thủ đảng vừa ngồi vào tiệc, thì ông trịch bôi, võ sĩ tưng

bừng, bắt nó chém ngay tại tọa, và lấy đầu nộp cho quan Sứ. Còn những thủ hạ nó thì trói hết mà giải về tỉnh, chẳng đứa nào dám rục rịch hết.

Rồi đó ông Võ Quang Nha được lên làm tri huyện, và từ ấy thăng chức luôn luôn, chỉ trong ngoài mười năm mà làm đến chức Võ diên, có đi sứ bên Pháp một lần. Người ta nói rằng có làng nào đó mừng cho ông ta một bức chấn bốn chữ "Vạn lý trường thành", lấy chữ "lý" chữ "trưởng" để nói xóc ông nguyên làm lý trưởng, là sự thật có vậy.

Người Bắc kỳ khen ông Võ Quang Nha có một điều nầy. Trong lúc đó ông Hoàng Cao Khải làm kinh lược, như một ông vua ở Bắc kỳ, có nhiều người luồn lọt cửa ông mà được làm quan lớn. Chỉ có ông Võ Quang Nha là thân lập lấy thân, không có cậy thế ông Hoàng Cao Khải, cho nên dầu ông là lý trưởng mặc lòng, mà nhơn phẩm khá lắm đừng khinh.

ĐÀO HANH VẠN lai cảo

Trung lập, Sài Gòn, s.6159 (30.5.1930)

MẤY LỜI BÀN VỚI PHAN TIÊN SANH VỀ KHỔNG GIÁO

Trong báo *Phụ nữ* số 54 vừa rồi ông Phan Khôi có đăng một bài phê bình quyển *Nho giáo* của tôi. Ông lấy lời rất thanh nhã và thành thực mà bày tỏ cái ý kiến của ông và chỉ bảo những điều mà ông cho là tôi đã lầm, thật tôi lấy làm cảm tạ lắm. Tôi làm quyển sách ấy biết là một việc khó không dám chắc là không có chỗ sai lầm, cho nên chỉ mong những người thức giả ai thấy điều gì không phải, bảo cho tôi biết, để tôi xét lại, hễ có điều chánh đáng thì xin theo mà cải chánh lại.

Người mình xưa nay vẫn chưa quen chịu người ta phê bình. Ai làm được quyển sách, quyển vở nào, đem ra giới thiệu với công chúng, thì chỉ muốn người khen, chớ không muốn người chê, rồi hễ thấy người ta bẻ bắt

điều gì là mích lòng và không hiểu rằng : "*Người dạy ta mà phải, là thầy ta ; người trách ta mà phải, là bạn ta*". Bởi vậy người phê bình cũng không muốn phê bình, mà sự học cũng không tiến bộ được. Nay Phan quân không theo thói thường, cứ tự mình sở kiến thế nào, thì nói rõ ra như thế, để người bàn đi có người bàn lại, khiến cho sáng rõ cái chân lý ra. Ấy là một cách phê bình chánh đáng mà tôi rất lấy làm kính phục vậy.

Phan tiên sanh đã có lòng tốt đem cái sở kiến của mình mà bày tỏ ra cho biết, vậy tôi cũng lấy lòng thành thực đem cái sở kiến của tôi ra mà bàn lại với Phan tiên sanh. Vị tất lời bàn của tôi đã vừa ý Phan tiên sanh, song cái chủ đích không phải là ganh hơn ganh kém gì, chỉ cốt là cho rõ cái chân lý ra mà thôi. Phan tiên sanh có nhắc đến những bài của tiên sanh đã đăng ở trong báo *Thần chung*. Tôi xin thú thật rằng tôi không được đọc những bài ấy. Mấy câu tôi nói về những cái thái độ của những nhà cựu học đối với Nho giáo là tôi thấy hiện tình thế nào, thì tôi nói thế, chớ không có ý chi trích riêng gì một ai. Vả tôi cũng chắc là Phan quân không có ngờ gì cho tôi về việc đó.

Chuyện ấy là ngoài cái vấn đề ta định bàn với nhau ở đây, song cũng phải nói qua để cho rõ cái tình thật của tôi, chỉ chú ý về cái học vấn của người mình mà thôi. Vậy xin nhập đề ngay vào chuyện Khổng giáo mà Phan quân đã xướng lên mấy điều cho là không đúng với đạo Khổng.

I – Phan Khôi tiên sanh cho là Tống nho không phải là Khổng giáo. Việc đó tôi đã nói qua trong quyển sách của tôi rồi, sau nầy đến khi bàn đến Tống nho tôi sẽ bàn rõ thêm. Nhưng thiết tưởng rằng đại phàm cái tư tưởng, cái học vấn, cũng như vạn vật trong vũ trụ, phải theo thời mà biến hóa, thì mới sanh tồn được, miễn là cái tinh thần lúc nào cũng linh hoạt, không đến nỗi như một thứ gỗ mục thôi. Khổng giáo vốn là cái đạo theo thiên lý mà lưu hành, mà sanh sanh, tất là không nên giữ mãi một mực như lúc đầu. Bởi vậy, ngay từ đời Chiến Quốc, cách Khổng Tử mới chừng hơn một trăm năm, mà cái học của Mạnh Tử đã có nhiều điều không giống cái học của Khổng Tử rồi, huống chi đến đời Tống cách Khổng Tử hàng ngàn rưỡi năm, sự sanh hoạt, cách tư tưởng đều khác với đời thượng cổ. Vậy theo cái lý đương nhiên thì tất là Nho giáo đời Tống không giống đời Xuân Thu. Vả trong khi các tôn

giáo như Lão giáo và Phật giáo cùng thạnh hành lên, dẫu các nhà nho học muốn giữ cái đạo họ Khổng cho tinh thuần thế nào mặc lòng, cũng không sao tránh khỏi được cái thế lực của những tôn giáo kia. Vậy nên khi ta xét đến cái học thuyết trong một thời đại, ta phải biết cái thêm cái bớt, để cho rõ cái chân tướng thời đại ấy. Nếu lấy cái cớ rằng Tống nho có chịu cái ảnh hưởng của Lão giáo và Phật giáo mà nói rằng Tống nho không phải là Khổng giáo, thì tôi e rằng về đường học vấn không được đúng.

Còn như nói rằng Khổng Tử chỉ nói cứ Thái cực, chớ không nói đến Vô cực, thì quả thật như vậy. Cái tôn chỉ của Khổng giáo là chỉ nói cái động thể, không nói cái tĩnh thể của vũ trụ. Song biết đâu Khổng Tử đã đi học Lão Tử lại không nghĩ đến vô cực ? Vì trước khi có cái có, tất phải có cái không. Có lẽ bởi cái ý ấy cho nên ông Chu Liêm Khê khi làm ra Thái cực đồ, đem chữ Vô cực để lên trên chữ Thái cực, tưởng đó cũng là một cách hiểu rõ cái đạo họ Khổng vậy. Giả sử ta cứ theo phần hình nhi hạ mà suy, thì có thể nói hai chữ vô cực ấy không phải là đạo của họ Khổng, song theo phần hình nhi thượng mà nói cái ý vô cực, thì cũng không phải là sai. Tuy nhiên, lời Phan quân cũng đúng như lời Lục Tượng Sơn đã bác cái thuyết vô cực của Chu Liêm Khê. Có một điều nên biết là Tống nho có nhiều điều sai lầm, nhưng cái học thuyết của Tống nho có phần cao và sâu hơn của bọn Hán nho và Đường nho, là vì Tống nho đạt tới cái học hình nhi thượng của Khổng giáo. Vậy nói rằng Tống nho không phải là Khổng giáo thì tôi sợ là xét không đến.

Phan tiên sanh nói rằng cái chân lý của vũ trụ như cái chén bạc chưa mở. Bởi vì tạo hóa huyền bí khó biết, cho nên tự xưa đến nay bao nhiêu nhà học giả tìm không ra mối, thành thử mỗi người đoán ra một cách. Điều ấy đã dĩ nhiên rồi, ai chẳng biết ! Nhưng có phải là vì sự cố gắng tìm tòi cái huyền bí ấy của nhân loại mà làm cho cái phẩm giá của người ta cao lên, và cái học thức của người ta rộng ra không ? Cái lối của bọn hủ nho là chỉ bo bo ở chỗ thiển cận trước mắt, chớ không bao giờ đem cái tư tưởng lên cao được một chút, rồi cho là những việc siêu việt không sao biết được. Bởi vậy cho nên cái Nho học của mình mỗi ngày một thấp xuống. Ngày nay ta đã trông thấy cái lưu tệ ấy rồi, lẽ nào ta lại cứ cái lối hủ bại ấy mà học hay sao ?

II. – Phan tiên sanh nói rằng ta nên đem so sánh Khổng học với Tây học, nhưng không nên nói cái này tức là cái kia v.v. Bổn ý của tôi đem Khổng giáo so sánh với các học thuyết bên tây cũng là theo cái ý kiến ấy, và lại tôi cũng chỉ nói qua cái đại lược, xét một vài điều tương tợ như nhau mà thôi, để độc giả biết cái sở đồng sở dị, chớ không bao giờ tôi nói cái học thuyết ấy tức là cái học thuyết nọ. Điều ấy có lẽ Phan quân phán đoán vội vàng cho nên mới nói thế. Huống chi cổ nhân có chữ "Đông hải hữu thánh nhân xuất yên, thử tâm đồng giã, thử lý đồng giã. Tây hải hữu thánh nhân xuất yên, thử tâm đồng giã, thử lý đồng giã". Vậy biết đâu lại không có chỗ đúng.

Còn những danh từ triết học thì tôi vẫn biết rằng Đông Tây dùng khác nhau, mà đến ngay như ở bên Tây mỗi một nhà triết học lại dùng một danh từ riêng : Cùng một tiếng mà có khi mỗi nhà dùng ra một nghĩa khác, thậm chí khi muốn xem một cái học thuyết như của Khổng đức (*Comte*) hay là của Khang đức (*Kant*) độc giả phải học những danh từ riêng của những nhà ấy, rồi mới xem được. Tôi dùng chữ *trực giác* để cắt nghĩa chữ *lương tri* của Mạnh Tử, là có ý để cho những người Tây học dễ hiểu. Vì chữ *trực giác* và chữ *lương tri* có cái nghĩa tương tợ nhau. Mạnh Tử nói *lương tri* mà Khổng Tử không nói *lương tri*. Thế mà cái học của Mạnh Tử vẫn hạp với cái học của Khổng Tử. Khổng Tử là một bậc thánh nhân, muốn "*bất ngôn nhi giáo*", cho nên lời nói tuy ít mà ý tứ nhiều. Ngài không nói *lương tri* nhưng cái học của ngài chủ ở chữ *nhân*. Mà chữ *nhân* như tôi đã giải thích ở thiên *Hình nhi thượng học*, tức là có cái *lương tri* ở trong đó rồi. Bởi vì đời sau bỏ mất cái nghĩa sâu xa chữ *nhân* của họ Khổng, cho nên tinh thần Khổng giáo mới sai đi.

Chữ *trực giác* là một chữ mới của người Nhật và người Tàu dịch chữ *intuition* của tây ra để chỉ cái năng lực biết rất lanh rất rõ, hoặc về những sự vật, hoặc về những điều quan hệ đến trí tuệ, hoặc về những điều quan hệ đến đạo lý. Bởi vậy cho nên chữ *intuition* có ba nghĩa. Một là nói về *trực giác* đối với sự vật, thì gọi là *intuition sensible* ; hai là nói về *trực giác* đối với trí tuệ, thì gọi là *intuition intellectuelle* ; ba là nói về *trực giác* đối với đạo lý, thì gọi là *intuition morale*. Nay ta lấy chữ *trực giác* mà chỉ nghĩa chữ *lương*

tri cũng không sai, vì rằng Mạnh Tử giải nghĩa chữ *lương tri* là "*bất tự nhi tri*". Đã không nghĩ mà biết thì muốn gọi là *lương tri* hay là *trực giác* cũng đồng một ý, hà tất phải phân biệt chữ mới chữ cũ.

Phan tiên sanh nói rằng *lương tri* nói về *tánh*. Trước hết phải hiểu chữ *tánh* của ta thường dùng, với chữ *tánh* của Mạnh Tử khác nhau xa lắm. Ta thường gọi *tánh* là sự khuynh hướng về thiện về ác, tức là gồm cả nết hay nết dở của người ta. Mạnh Tử gọi *tánh* là cái lý bổn nhiên của trời phú cho người ta, tức là cái bổn thể của tâm, nói cách khác, là cái thần minh sáng suốt, khiến ta biết rõ những điều nhân nghĩa lễ trí. *Lương tri* là cái biết tự nhiên về những điều nhân nghĩa lễ trí ấy, mà những điều ấy gồm cả trí tuệ và đạo lý. Thế mà Phan quân lại nói rằng *lương tri* chỉ nói về *tánh*, còn *trực giác* là cách nhận biết của nhà triết học, thì thật tôi không hiểu.

Phan quân nhận rằng chữ *trí* của Khổng Tử không phải là *lý trí*. Chính thế, chữ trí của Khổng Tử quả như lời ông nói thật. Chữ *lý trí* là chữ người ta mới đặt ra để dịch chữ *raison* của Tây. Tôi đã từng giải nghĩa chữ *lý* trí. Chữ *lý trí* không có trong sách *Nho giáo*, nhưng cứ theo lời ông Mạnh Tử, thì *lý trí* tức là cái trí xuyên tạc của người, chớ không phải là cái trí công nhiên như cái trí của vua Võ trị thủy. Tôi nói Khổng Tử không nói đến lý trí, nghĩa là không nói đến cái trí xuyên tạc, cứ phải lấy tư tâm mà suy tính hơn thiệt. Vì rằng đạo của ngài là thuần nhiên theo thiên lý, không theo tư tâm. Ngài nói rằng "*thận tư chi, minh biện chi*" là nói dùng cái lý sáng suốt tự nhiên mà nghĩ ngợi, mà biện biệt, chớ không phải dùng cái *lý trí* xuyên tạc để tính cái hơn cái thiệt của mình. Vậy nên ngài nói trong kinh Dịch rằng : "*Đồng đồng vãng lai, bằng lòng nhi tư*". Dùng cái lý sáng suốt tự nhiên mà cách vật, mà trí trí là hay, dùng cái *lý trí* tức là cái trí xuyên tạc, là dở. Cái ý nghĩa ấy thật rõ trong Khổng giáo.

III – Phan tiên sanh nói rằng đạo trung dung của Khổng Tử khó lắm, không thể đem ra mà thi hành được, nên bỏ đi đừng nói đến nữa. Vậy tôi xin hỏi tiên sanh rằng khi ta xét một cái học thuyết thì ta phải xét rõ các mối, hay là cứ cái gì ta thích thì nói, cái gì ta không thích thì bỏ ? Cứ như ý tôi thì phàm đã gọi là cái học thuyết là bao giờ cũng phải treo cao một cái lý tưởng, để cho người ta noi theo. Cái lý tưởng ấy tất là phải khó, thì kẻ học giả mới

phải cố gắng cho tới gần được. Cái hiệu quả hay hay dở, là ở sự cố gắng hay không cố gắng đó mà thôi.

Đạo của Khổng Tử lấy *nhân* làm cực điểm, lấy trung dung làm sự hành đạo, cho nên mới nói rằng : "*Cực cao minh nhi đạo trung dung*". Thế mà Phan tiên sanh lại bảo rằng Khổng Tử không dạy người ta theo đạo trung dung, thì ta không biết ngài dạy người ta cái gì. Ngài cho cái đạo trung dung là đạo hay mà trông thấy nhiều người không biết theo, cho nên ngài nói rằng : "*Đạo trung dung rất mực vậy, thế mà người ít hay theo được đã lâu*". Câu ấy là ngài phàn nàn, chớ không phải là ngài bảo người ta đừng theo. Nhân khi nói đến đạo trung dung, ngài nói rằng : "*Ai là người không ăn không uống, thế mà ít người ăn biết mùi vậy*". Xem mấy lời ấy thì biết rằng ngài muốn người ta theo đạo trung dung là dường nào ! Và cứ xem ngay trong sách *Luận ngữ*, biết bao nhiêu chỗ ngài dạy người ta phải trung dung. Thí dụ như ngài nói : "*Dĩ đức báo đức, dĩ trực báo oán*". Có người bảo : "*Tam tư nhi hậu hành*". Ngài bảo : "*Tái tư khả hỷ*", có chỗ ngài nói : "*Vô thích giã, vô mịch giã, nghĩa chi dữ tỵ*". Vậy chẳng phải ngài dạy người ta theo trung dung là gì ?

Cái đạo ấy khó thì khó thật, bậc thánh nhân cũng không theo hết được, nhưng mà người thường cũng có thể biết được và có thể làm được. Bậc thánh nhân có cái trung dung của thánh nhân, bậc người thường có cái trung dung của người thường. Trung dung là cái vừa phải, không thái quá, không bất cập. Muốn biết thế nào là trung dung, thì phải thành thực, đừng để tư tâm tư dục làm mờ tối mất cái sáng suốt của mình. Khổng Tử lại lấy ông Nhan Hồi mà làm gương cho người ta. Ngài nói rằng : "*Ngươi Hồi làm người là cứ chọn điều trung dung, được một điều thiện thì cứ chăm chăm giữ trong bụng mà không để mất đi vậy*". Như thế mà Phan quân bẻ tôi rằng bảo người ta theo đạo trung dung là trái với đạo họ Khổng, thì sao cho phải ? Kinh, Truyện còn sờ sờ ra đó, mà bảo rằng tôi tự tiện đặt ra những lời không có trong đạo Khổng. Nếu tôi có lầm thật, thì cũng lầm theo các tiền nho từ Tăng Tử và Mạnh Tử trở xuống.

Có lẽ vì Phan quân thấy có nhiều người mượn tiếng trung dung mà thật là người *hương nguyện*, cho nên tiên sanh bảo đừng theo trung dung nữa.

Song có phải là một đạo Khổng có bọn *hương nguyện*, còn các tôn giáo khác không có bọn *hương nguyện* hay sao ? Đạo nào lại không có bọn ấy. *Hương nguyện* là bọn giả dối không có liêm sỉ, mượn tiếng đạo đức mà che đậy bề ngoài. Bọn ấy ở với quân tử có thể làm quân tử được, mà ở với tiểu nhân thì làm tiểu nhân. Nếu người ta mà thành thực theo đạo đến chết, thì sao lại là *hương nguyện*. Bởi thế cho nên thánh nhân ghét *hương nguyện* mà dạy người lấy chữ *thành*. Người mà đã không *thành* thì dầu đạo hay đến đâu cũng hóa ra dở. Nho giáo sở dĩ hẳm nát như ngày nay, là tại mình học bậy, chớ có phải là tại đạo không hay đâu ! Người thợ rèn rèn con dao thật bén, đến khi người ta mua về không biết dùng, đem làm sứt mẻ đi, rồi đổ tội cho người thợ không biết rèn. Như thế có phải là thật lỗi người thợ rèn không ? Điều đó xin Phan quân thử nghĩ lại cho chín mà xem.

IV. – Phan tiên sanh quyết đoán rằng Khổng Tử là một nhà "*vô thần luận giả*". Cứ như ý tôi thì Khổng Tử là một nhà "*hữu thần luận giả*" mà những bằng chứng của Phan tiên sanh viện ra không đủ phá được cái ý kiến ấy. Trước hết xin nói rằng câu : "*Tử bất ngữ quái, lực, loạn, thần*" là câu của các môn đệ Khổng Tử chép ra. Nguyên cái cách lập giáo của Khổng Tử có hai lối. Một lối *tâm truyền* và một lối *công truyền*. Lối *tâm truyền* quan hệ đến những điều huyền bí, còn lối *công truyền* thì dạy những điều thiết thực ở đời. Ngài dạy học trò thì chỉ dạy miệng, chớ không viết ra. Bởi vậy sau ai nhớ được điều gì, thì chép ra thành sách *Luận ngữ*. Thường những lời của các môn đệ chép ra ở sách ấy, là thuộc về cái học công truyền. Trong khi ngài nói với nhiều học trò, thì ngài không nói đến những điều huyền bí, cho nên các môn đệ mới chép câu ấy. Vậy lấy câu ấy mà làm bằng chứng thì không đủ.

Câu : "*Tế như tại*", "*tế thần như thần tại*" và câu "*dương dương hồ như tại kỳ thượng, như tại kỳ tả hữu*" đều là câu nói rằng ta phải kính trọng quỷ thần. Nhưng vì quỷ thần u ẩn, tai không nghe được, mắt không trông thấy được, mà nói cho người ta hiểu được, nếu không dùng chữ *như* thì không biết nói thế nào được. Trời đất và quỷ thần thuộc về cái học hình nhi thượng. Người chỉ biết tin là có, chớ không có thể đem giải diễn ra như là nói hai với hai là bốn được. Vậy nên chữ *như* ấy không đủ lấy làm bằng chứng là Khổng

Tử không tin có quỷ thần. Khổng Tử lại rất chú ý về việc tế tự, không lẽ ngài không tin là có mà lại bảo người ta phải hết lòng thành kính mà tế tự, và lại nói : "*Quỷ thần vô thường hưởng, hưởng vu khắc thành*", hay là : "*Kính quỷ thần nhi viễn chi*". Đã không tin quỷ thần thì kính cái gì, mà viễn cái gì ? Cứ như ý Phan quân thì đó là cái thuật khiến người ta phải tin đạo đức, chớ không phải là Khổng Tử thực tin có quỷ thần. Nếu vậy ra Khổng Tử lại dùng trí thuật như người đời à ? Điều ấy tôi không dám theo Phan quân.

Phan quân lại viện câu : "*Tinh khí vi vật, du hồn vi biến*" ở trong kinh Dịch ra làm bằng chứng. Trong câu ấy Phan quân chú lấy chữ *biến* mà cho là đã biến đi, thì còn đâu là quỷ thần nữa. Xưa nay ta vẫn học chữ *biến* là đổi hình thể, chớ không có nghĩa là mất hẳn đi. Có khi ta nói "*biến đi mất*" là nói không trông thấy nữa. Vậy câu ấy cũng không đủ làm chứng đạo họ Khổng là đạo vô thần.

Phan quân cũng biết rằng những câu nói trên kia không chứng tỏ được cho cái thuyết vô thần của đạo Khổng, bèn viện chứng ở họ Mặc. Muốn biết cái bằng chứng của họ Mặc có xác thực hay không, ta phải biết cái học của họ Mặc và cái học của họ Khổng khác nhau là thế nào. Họ Mặc nhận có trời và có quỷ thần, mà trời và quỷ thần có ý chí và thưởng điều thiện, phạt điều ác. Sự tín ngưỡng của họ Mặc tợ hồ sự tín ngưỡng của các tôn giáo bên Tây. Họ Khổng cũng nhận có trời và có quỷ thần, nhưng cho trời là cái lý, quỷ thần là cái linh khí ; cái lý và cái khí ấy có thể cảm ứng với người ta được, là vì người cùng đồng một lý một khí với trời và quỷ thần. Cái học của họ Khổng giống cái học "*thiên địa vạn vật nhất thể*" tức là cái học "*panthéiste*" bên Tây(*).

Họ Khổng và họ Mặc đã có cái tư tưởng không hạp nhau, tất là công kích nhau, cho nên Mặc đã có nói : "*nho dĩ thiên vi bất minh, dĩ quỷ vi bất thần*". Chữ "*bất minh*" và "*bất thần*" không phải là nói không có. Mặc thì nói rằng trời và quỷ thần chủ trương việc người. Nho thì nói trời và quỷ thần không chủ trương việc người. Hai bên khác nhau là thế. Vậy mà Phan quân

(*) *panthéisme* : phiếm thần luận, thuyết phiếm thần (học thuyết tôn giáo triết học đồng nhất thượng đế với tự nhiên và coi tự nhiên như hiện thân của thượng đế).

lấy câu ấy làm cái bằng chứng chắc chắn rằng đạo Khổng là đạo vô thần, thế chẳng hóa ra lầm lắm hay sao !

Tôi sở dĩ dẫn mấy câu : "*Tam hậu tại thiên*" và "*Văn vương trắc giáng tại đê tả hữu*" ở trong kinh Thi ra làm bằng chứng cái đạo hữu thần của họ Khổng, là tuy đã hay rằng những câu ấy là lời của con cháu Văn vương nói ra. Song con cháu Văn vương đã tin như thế, mà Khổng Tử lúc san kinh Thi có để lại, tất là cũng tin như thế. Vả ta hãy xét các dân tộc đời cổ, không có dân tộc nào là không có quỷ thần. Về sau sự học vấn thạnh hành lên, mới có cái thuyết vô thần. Tuy nhiên, cũng không có mấy người theo, vì nó trái với lòng người. Chắc Khổng Tử không theo cái thuyết ấy. Vả lại, xem các Kinh Truyện có nhiều chỗ rõ là Khổng giáo tin có quỷ thần. Hoặc giả Phan quân còn sở cứ vào cái ý kiến nào nữa, thì tôi không biết.

V. – Phan quân khuynh hướng về khoa học và cho Khổng giáo trái với khoa học. Trước hết ta phải biết rằng hai chữ khoa học như ta hiểu ngày nay, thì khi xưa bên Viễn Đông ta không có. Họa chăng ở cuối đời Chiến quốc bên Tàu, có phái Biệt Mặc mà nhà Nho thường gọi là quỷ biện, có một vài nhà triết học lưu tâm đến những vấn đề tợ hồ có cái vẻ khoa học, nhưng vì dùng danh từ không rõ, thành ra không mấy người hiểu. Về sau xã hội Tàu thiên về mặt học đạo đức và bỏ mất khoa học, không ai nghĩ đến. Chừng vài trăm năm nay khoa học thạnh hành lên ở phương Tây, làm cho những dân tộc phương ấy được cường thạnh, đem cái tài trí của nhân loại mà cướp cái thế lực của tạo hóa, rồi đè nén cả thiên hạ, nghiễm nhiên làm chủ cả địa cầu. Bởi đó mà các dân tộc thuộc về văn hóa cũ đều đua nhau theo khoa học.

Khổng giáo sở dĩ không chú ý đến khoa học là vì lúc trước sự sanh hoạt của người ta không cần đến khoa học. Song xét kỹ ra cái tinh thần của Khổng giáo không trái với khoa học, bởi chưng Khổng giáo dạy người ta phải tùy thời mà biến đổi, miễn là đừng thiên lệch về một mặt nào thái quá là được.

Phan quân nói rằng Khổng giáo có nhiều điều trở ngại cho khoa học. Những điều ấy tôi không rõ là điều gì, mà dầu có nữa, chẳng qua là Khổng Tử nói những điều thích hạp với cái trình độ của người đời Xuân thu. Về sau

mình không biết phân biệt trái phải, cứ nhắm mắt theo liều, chớ có phải là tại thánh hiền đâu. Đạo Khổng sở dĩ có điều hay là có cái nghĩa *tùy thời*, không chấp nhứt cái gì cả. Việc gì mà hạp thời và thuận lý là được, cốt lúc nào cũng phải giữ cái lẽ điều hòa mà thôi. Nay ta ở vào thời đại có khoa học và cần phải có khoa học, thì ta theo khoa học, nhưng theo khoa học mà không bỏ mất cái tâm học, thì tâm với trí có thể điều hòa được với nhau, có việc gì là việc trở ngại. Tôi e rằng Phan quân quá tin khoa học, cho nên tưởng rằng cái gì không phải là khoa học thì cho là dở, chớ biết đâu là khi ta quá thiên về khoa học lại không có điều hại ? Kể như ngày nay thiên hạ đang hâm mộ khoa học lắm thật, thế mà ở bên Tây có nhiều nhà thức giả chán nản về khoa học, muốn tìm ra một lối sanh hoạt thích hạp với nhân đạo hơn lối sanh hoạt hiện thời.

Ta nay thấy người cường thạnh, thì ai ai cũng háo hức theo người, biết đâu rằng cái cường thạnh ấy, lại không có cái nguy cơ đã nằm sẵn đó rồi. Bởi vậy những người thức giả thường lấy làm lo. Tôi nói thế không phải là tôi bảo người mình không nên theo khoa học, nhưng tôi chỉ muốn người mình theo khoa học mà đừng bỏ cái tâm học của mình, thì rồi mới có lợi được.

Phan quân lại nói Khổng giáo chỉ nói cái lẽ *đương nhiên* mà không nói cái lẽ *sở dĩ nhiên*. Là vì Khổng giáo đã không nhận có cái định lý, thì chỉ nói được cho ta biết cái lẽ *đương nhiên* mà thôi, còn cái lẽ *sở dĩ nhiên* là mỗi thời một khác, người học giả phải biết tùy thời mà ứng biến, cốt nhứt là lúc nào cũng "*tự cường bất tức*" để gây nên một cái thế lực tương đương mà đối phó với đời. Ta ở đời nào, ta phải tìm lấy cái lẽ *sở dĩ nhiên* đời ấy, chớ đừng có thấy người ta làm sao, mình bào hao làm vậy. Nếu người mình mà giữ cái thói ấy mãi, thì dầu có theo khoa học cũng chẳng ích gì, suốt đời chỉ đi lượm những cái bã của người ta đã bỏ ra mà thôi.

Vốn chữ "*cách vật trí trí*" của Khổng giáo tuy chưa phải là khoa học, nhưng chính là cái ý nghĩa khoa học. Những nhà học giả như Vương Dương Minh đem mấy chữ ấy cho vào tâm học, không phải là không có giá trị. Song vì ông chủ về một mặt tâm học, cho nên ông mới nói như lời ông viết cho La Khâm Thuận. Nếu ta đem cái nhãn giới triết học cao lên mấy độ nữa, thì ta

biết cái học của họ Vương không phải là cái học tầm thường. Điều đó xin để khi nào bàn đến cái học họ Vương ta sẽ nói chuyện.

Còn cái lối dùng *trực giác* là chính cái thần bí của những nhà khoa học. Nhờ có cái *trực giác* cho nên các nhà đại khoa học mới tìm ra được những cái rất huyền bí và sáng tạo ra được nhiều cái rất tinh xảo. Song khi dùng *trực giác* ta phải dùng cái *lý trí* chánh đáng mà kiểm duyệt lại. Đó là nói qua để Phan quân nghe mà thôi, chớ nói cho hết lẽ, thì dài quá. Thì giờ ít ỏi, xin Phan quân miễn cho.

VI. – Sau cùng Phan tiên sanh cho tôi cắt nghĩa chữ *quân* là miễn cưỡng và tiên sanh nói rằng hai chữ *trung quân* không hạp thời. Điều đó, khi tôi viết, tôi cũng đã biết sẽ có người không nghe ra. Ý tôi nói chữ *quân* tức là nói chữ *chủ*. Khi xưa các dân tộc mới nhóm lên, ai có thế lực giữ được một chỗ nào thì làm chủ chỗ ấy, người giữ cái ngôi ông chủ ấy gọi là *quân*. Vậy chữ *quân* với chữ *chủ* là một nghĩa. Nhưng *quân* thì nói về đường chánh trị, mà *chủ* thì dùng về việc gì cũng được.

Đã có xã hội là phải có *quân*, cho nên Tuân Tử nói rằng : "*Quân giả quần giả*". Có *quần* mà không có *quân*, thì thành ra loạn. Cái quyền của ngôi *quân*, hoặc do thế lực của một nhà chiếm lấy, hoặc do nhân chúng công nhận mà trao cho, bởi chưng nhân chúng khi xưa không mấy khi biết lợi dụng cái quyền của mình mà cử lấy người ra giữ lấy ngôi *quân*, thường là chỉ bị những nhà có thế lực chiếm lấy. Khi những nhà đã chiếm được cái ngôi cao ấy, thì xưng là đế, là vương, và giữ lấy ngôi cao ấy làm của riêng mình, bắt thần dân phải phục tùng mình.

Khổng giáo phát minh ra trong thời đại chỉ biết có đế, có vương, cho nên cũng nhận những bậc ấy làm *quân*, và dạy những bậc ấy phải làm chức vụ của mình, nghĩa là phải *bảo dân*. Khổng giáo cho cái *quân quyền* là cái thần khí, làm chủ sự trị loạn của nhân dân, cho nên mới nói *trung quân*, chớ không nói *trung vương* hay *trung đế*, vì khi mà bậc vương bậc đế nào đã lạm dụng cái *quân quyền* mà chuyên chế quá độ, thì người nào được lòng dân, được phép trừ bỏ bậc vương bậc đế ấy đi. Bởi vậy cho nên Mạnh Tử nói rằng : "*Chỉ nghe nói giết một đứa Trụ, chớ không nghe nói giết vua bao giờ*". Về sau ta theo lối chuyên chế mà hiểu cái nghĩa *trung quân* hẹp đi cho

nên mới nói *trung quân* là trung với nhà làm vua. Song Khổng giáo có dạy rằng : "*Người trung thần tòng đạo bất tòng quân*" chính là để chữa cái nghĩa hẹp chữ *quân* vậy.

Đã nói *quân quyền* tức là *chủ quyền*, cho nên những dân tộc bị bọn đế vương áp chế thái quá mới nổi lên trừ bỏ bọn ấy mà giữ cái *quân quyền*. Cũng vì thế cho nên dân nước Pháp dựng lên cuộc cách mạng bèn xướng lên cái chủ nghĩa "*souverain peuple*" tức là dân giữ *quân quyền*.

Khi nhân chúng đã nhận cho một người, hay cho cả dân được giữ cái *quân quyền*, thì người cả nước phải phục tùng cái mạng lệnh những người đã được giữ cái *quân quyền* ấy. Nếu không thì thành ra loạn. Người trong nước trung với cái *quân quyền* đã định, là cái chánh thể vững, không trung với cái *quân quyền* ấy là cái chánh thể đổ. Vậy nên tôi nói rằng : "Bất kỳ ở vào thời đại nào, hai chữ *trung quân* vẫn có nghĩa chánh đáng".

Phan quân đem hai chữ *lập hiến* để bác cái nghĩa chữ *quân*. Vậy *lập hiến* là cái gì ? Có phải là những lời ước, định rõ cách thi hành cái *quân quyền* đó không ? Người nào giữ cái cơ quan nào, phải theo cái giới hạn đã định, hễ ra ngoài cái giới hạn ấy là phạm tội. Người phạm tội ấy là bất trung với *quân*, thì người khác lại có quyền được trừng trị. Vậy cái ý nghĩa *lập hiến* đời nay với cái ý nghĩa của Khổng giáo có khác nhau là bao nhiêu.

Tôi đã nói : người học Nho giáo phải đạt tới cái tinh thần mới hay, chớ đừng cố chấp theo từng chữ từng nghĩa vụn vặt mà thành ra hủ nho như ta đã trông thấy.

Tôi nói các xã hội ngày nay chỉ đổi được cái danh mà không đổi được cái thực. Điều ấy là thật quả thế, chớ không phải là nói ngoa. Tôi dám hỏi Phan tiên sanh rằng đã có cái xã hội nào bỏ được cái *quân quyền*, như tôi đã nói trên kia chưa ? Dân tộc nầy đánh đổ cái chánh thể chuyên chế đi, định ra *lập hiến* để giao cái *quân quyền* cho một bọn người *cộng hòa*. Dân tộc kia nổi lên định ra *lập hiến* để hạn chế cái oai quyền ông vua, gọi là *quân chủ lập hiến*. Rút cục lại, người làm dân vẫn phải chịu cái *quân quyền*, có khi đỡ được một chút chuyên chế của một người, thì lại bị chuyên chế của một bọn. Người đóng thuế vẫn phải đóng thuế, người đi lính vẫn phải đi lính,

người hèn yếu vẫn phải người khoẻ mạnh bắt nạt. Cái danh tuy đổi mà cái thực vẫn còn.

Khổng giáo sở dĩ có cái hay là muốn theo chánh thể nào cũng được, cốt nhứt là hạp thời thuận lý thì thôi, và bao giờ cũng bắt người trên phải làm những điều nhân chánh, phải thương dân, yêu dân, đừng để nó đói khổ, đừng làm điều hà lạm, khiến dân được an cư lạc nghiệp. Muốn được như thế, thì từ vua quan cho chí người thường ai cũng lo sửa mình, biết điều nhân nghĩa, hiểu lẽ công bằng, ai cũng làm việc nghĩa trước việc lợi. Nếu người một xã hội mà số nhiều được như thế, thì dẫu cho chánh thể nào, nước cũng trị được.

Tôi nói như thế, là nói thực tình, chớ không phải như Phan tiên sanh đã nói là vì cái cảm tình của tôi đối với Nho giáo mà nói một cách *tống tình* đâu. Cứ ý tôi thì tôi cho đạo ấy là hay, là phải, và tôi muốn rằng người mình có cái tinh thần riêng của mình. Nếu ta biết gây bón nó lên, thì nó cũng có thể mạnh mẽ tốt tươi, như cái tinh thần của người ta. Cái gì của ta hay thì ta giữ lấy, cái gì ta không có thì ta đi học của người, làm thế nào cho ta lớn lên được mà ta vẫn là ta, chớ không lẫn với người. Ấy là bụng thực của tôi như thế. Tôi vẫn biết Nho giáo như ta đã thi hành ra tự xưa đến nay có nhiều điều dở. Nhưng cái dở đó là vì người mình không biết dùng lấy cái tinh thần mà chỉ giữ khư khư lấy cái cặn bã, mình không biết tùy thời mà biến đổi, để đến khi đổ bẹp cả, rồi không biết tự hối, lại đổ tội cho Nho giáo. Xét ra tôn giáo nào và học thuật nào cũng vậy, người sáng lập ra, chỉ dạy mình cái tôn chỉ mà thôi. Về sau cái hình thể cứ biến mãi đi, đến khi không biến được nữa là mất. Nho giáo sở dĩ đến mực này là vì ta không biết theo thời mà biến. Giả sử ta bỏ hết những cái vụn vặt cặn bã đi, những cái ấy có lẽ thích hạp với thời cổ mà không thích hạp với thời nay nữa ; rồi ta rút lấy cái tinh thần, gây nó lên cho mạnh mẽ, thì biết đâu ta lại không làm được việc rất đáng làm hay sao ?

Trước kia tôi cũng như Phan quân, điều gì của ta, tôi cũng cho là dở, muốn bỏ đi cho hết, để đi lượm của người về mà thay vào. Sau lần lần tôi thấy những cái mình muốn lượm của người, lại là cái bã mà người ta nhai

chán muốn nhả ra. Nếu mình lại chạy theo mà lượm lấy đem về làm của quý, thế chẳng hóa ra mình dại lắm sao !

Tôi chắc Phan quân cũng biết rằng ngay ở bên Tây, những nhà thức giả có nhiều người cũng lấy cái cảnh tượng xã hội ngày nay làm lo, còn đi tìm tòi xem có cách gì mà sửa đổi được không. Huống chi ta đây cũng là tai mắt, có đủ trí tuệ, ta há không làm ra được việc gì là riêng của ta, mà lại cứ nhứt nhứt phải chạy theo đuôi người làm gì.

Phan quân với tôi cùng nhau đã được trò chuyện một đôi lần, tôi biết Phan quân là người học thức rộng và lại có nhiệt tâm về sự cải cách của xã hội ta. Nhưng tôi e rằng Phan quân nóng ruột quá, cho nên vội muốn theo Tây học. Phan tiên sanh nhiệt tâm đến nỗi cái tinh thần nuôi tiên sanh từ thuở nhỏ đến giờ, mà đến khi chia tay ra đi, không được một giọt nước mắt ! Tiên sanh vốn không phải là người tây học mà nhiễm được cái tinh thần tây học như thế, thì ra cái tinh thần tây học mạnh thật, mà cái tinh thần Nho học suy nhược lắm thật ! Tôi càng nghĩ càng xót xa đau đớn cho cái tinh thần nước nhà, đến nỗi hàng lệ chứa chan. Hay là vì tôi không cho tây học là mãn nguyện, quay trở lại làm bạn với Nho giáo, cho nên lại bị Nho giáo quyến rũ mà mê đi như thế chăng. Có lẽ cái tinh thần Khổng giáo và cái tinh thần tây học khác nhau ở một chút mối tình đó chăng.

Dầu thế nào mặc lòng, xem đó thì biết Phan quân với tôi đi hai con đường khác nhau. Thôi thì tiên sanh đã chia ra tả hữu, vậy tiên sanh cứ đi đường tả, tôi cứ đi đường hữu, mong rằng một ngày kia ta cùng nhau tới một chỗ cao ráo sạch sẽ, tiên sanh thì đem cái tài năng của tây học, tôi thì đem những vật liệu của nước nhà, rồi hai ta cùng ra sức xây lấy một cái nhà thật đẹp, theo kiểu mẫu rất mới, mà vẫn là nhà của ta, chớ không giống nhà của người. Lúc ấy ta cùng nhau cả cười rằng ta đi con đường khác nhau mà cùng tới một cái mục đích.

Nếu được như vậy, thì ta cũng có thể phảng phất như câu Mạnh Tử nói : "*Quân tử diệc nhân nhi dĩ hĩ, hà tất đồng*".

Lệ Thần TRẦN TRỌNG KIM

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn, s.60 (10.7.1930)

VỀ VIỆC PHAN TIÊN SANH BỊ *ĐUỐC NHÀ NAM* PHỈ BÁNG

Luôn trong hai số vừa rồi, bạn đồng nghiệp *Đuốc nhà Nam* đều có công kích một người viết bài giúp cho chúng tôi là Phan Khôi tiên sanh. Công kích bằng một cách tàn nhẫn lạ thường, đến nỗi trên kia tôi không muốn gọi là "công kích" mà gọi là "phỉ báng".

Và người ta chẳng phải vua Nghiêu vua Thuấn, thì sao được trọn lành, cho nên dầu cho có vì lẽ gì mà Phan tiên sanh bị công kích, sự đó tôi cũng không lấy làm lạ.

Tôi chỉ lạ sao đến cái năm "một ngàn chín trăm ba mươi nầy" mà trong báo giới Việt Nam chúng ta lại còn có kẻ nỡ đem những chuyện không đâu để bôi nhem vẽ nhọ cái danh dự của kẻ khác, tuồng như họ hiểu rằng sự tranh biện trong làng văn với sự khuynh loát cá nhơn, hai cái cũng là một.

Nếu chẳng thế thì sao trước khi viện dẫn những chuyện riêng tích vặt để vu cáo cho người ta, lại không chịu khó chống viết xuống bàn, gác tay lên trán mà thử hỏi lại lương tâm, – Lương Tâm là một vị quan tòa rất công chánh, – hỏi lại lương tâm thử mình định vu cho người ta như vậy là đáng hay không đáng ?

"Chơi dao có ngày đứt tay", ngày nay mình lập tâm đem những chuyện mà chính mình vẫn biết là gian dối để hãm hại người ta, thì chưa chắc gì đã hãm hại ai được, nhưng nếu mai kia mốt nọ hoặc có kẻ khác cũng nhẫn tâm mà dùng cái thủ đoạn đê mạt ấy để đối đãi với mình, thì khi ấy trong bụng mình mới nghĩ ra làm sao ?...

Ròng rã mấy năm trời, chen lộn trong trường văn trận bút, tôi cũng biết rằng cái cách công kích dơ bẩn thấp hèn như thế, ba bốn năm về trước đây vẫn được sùng thượng bởi nhiều ông "ký giả" ở Sài Gòn ta lắm.

Song le, sao dời vật đổi, chỉ trong khoảng vài năm mà báo giới xứ ta đã bước được một bước dài ở trên con đường tiến bộ, chẳng những tiến bộ về hình thức, mà thật đã tiến bộ cả về tinh thần nữa.

Ấy là một cái triệu chứng mà gần đây có nhiều nhà thức giả ở trong xứ đã lấy làm mừng thầm.

Tức như cuộc bút chiến của quý báo *Đuốc nhà Nam* và tệ báo vừa rồi(*), nếu kể kịch liệt thì có kịch liệt thật, song mà trong sự kịch liệt thủy chung vẫn giữ được cái vẻ đúng đắn, phường phất giống với những cuộc tranh luận của những tờ đại nhựt báo để tuyên truyền chủ nghĩa của người Pháp hoặc của người Tàu.

Không dè đâu đương giữa cuộc tấu nhạc rất êm ái, điều hòa, bỗng dưng lại có kẻ "lạm vu" mà làm cho trống xuôi kèn ngược, thì tôi lấy làm lạ quá và tiếc quá !

Thật vậy, tự như con mắt tôi trông thấy, thì hai bài công kích đã đăng ở *Đuốc nhà Nam* vừa rồi, chẳng những lời lẽ không được thanh bai, mà lý sự lại càng có lắm chỗ sái hẳn với chơn lý.

Nhưng dẫu sao đi nữa, tôi tin rằng một ngòi bút vững vàng như ngòi bút của Phan tiên sanh, đa dĩ lại nhờ có con mắt tinh đời như con mắt của các bạn độc giả bây giờ, thì trên chỗ mực đen giấy trắng, cũng đủ làm cho cái yến sáng của *Chân Lý* được thủng thẳng mà bày ra, dầu ai có muốn che lấp mà cũng không thể che lấp đặng.

Vậy đối với những chỗ sai lầm mà không dính líu với tôi, thì tôi hẳng không nói đến. Duy có một điều mà tôi cần phải cải chánh ngay, ấy là chỗ *Đuốc nhà Nam* nói về chuyện Phan tiên sanh và tôi ở *Trung lập báo* bây giờ và *Đông Pháp thời báo* khi trước.

Tôi xin nói mau rằng câu chuyện ấy tôi mới được nghe bạn đồng nghiệp nói ra lần nầy là lần thứ nhứt.

Tôi lấy làm lạ sao bạn đồng nghiệp lại biết rõ những chỗ ẩn vi trong tòa soạn báo *Đông Pháp* hơn tôi là kẻ đã ngồi ở trong tòa soạn ấy !

Bạn đồng nghiệp đã có lòng mét cho như vậy, tôi xin cảm ơn ; song tôi thề rằng tôi không thể tin được cái tâm lý ấy là tâm lý của Phan tiên sanh đối với tôi.

(*) "tệ báo" là cách nói khiêm nhún về tờ báo của mình. Lúc này Bùi Thế Mỹ đang là Chủ bút *Trung lập*.

Đến như từ khi tôi đờm nhận công việc biên tập ở tệ báo đến giờ, thì Phan tiên sanh chỉ ngồi nhà mà viết giúp bài cho chúng tôi chớ không hề bước cẳng đến tòa báo. Như thế mà bạn đồng nghiệp lại khinh suất gia cho chúng tôi mấy chữ "tranh danh đoạt lợi" thì tuy không phải là bạn đồng nghiệp có ác ý gì với chúng tôi, song hẳn là bạn đồng nghiệp chưa rõ thấu cái tình cảnh (*la situation*) mà tôi vừa mới chỉ ra ở trên đó.

Vả "danh" gì đây ? "lợi" gì đây ? mà kêu rằng "tranh đoạt" chớ ?

Than ôi ! Nếu cái quan niệm về danh lợi của các bạn đầu xanh tuổi trẻ chúng ta mà chỉ đến như thế, thì chẳng cũng đáng buồn cho cái hậu vận của nước nhà lắm ru ?...

Bạn đồng nghiệp hãy xét lại.

BÙI THẾ MỸ

Trung lập, Sài Gòn, s.6201 (21.7.1930)

TRÁCH ÔNG PHAN KHÔI

Bản báo nhận được bức thơ dưới đây với lòng kính nể độc giả và dư luận nên cứ y nguyên văn mà đăng vào đây. Sau phụ thêm mấy câu trả lời của người bị trách.

TRUNG LẬP

Tục ngữ có câu rằng : "ăn thì chọn miếng cho ngon, muốn chơi chọn chỗ cho dòn mà chơ".

Phan tiên sanh là một người mà người ta đã cho là kiêu ngạo tự đắc. Chỗ kiêu ngạo tự đắc đó, tôi đoán chắc cho là vì sự học thức của ổng mà ra.

Thế mà mới rồi đây, tôi đọc *Trung lập* thấy Phan tiên sanh lại viết đi viết lại mấy bài nói về ông Đức Kinh, mà tôi lấy làm lạ. Là vì trong những

bài của Đức Kỉnh viết ở *Đuốc nhà Nam* đó, nếu lấy văn lý mà phê bình, thì viết đã không trôi chảy ; còn lấy luân lý mà phán đoán, thì nhiều điều trái ngược. So sánh với những bài của Phan tiên sanh chẳng khác nào như trời với vực.

Cứ theo ngu kiến, thì Phan tiên sanh nên quay về mà chơi với ông Trần Trọng Kim và ông Phạm Quỳnh là hơn, vì là học giả nói chuyện với học giả, nó có nghĩa lý, mà chúng tôi đây được đọc những bài đại nghị luận ấy cũng được bổ ích nhiều. Thế mà, Phan tiên sanh cứ đeo đuổi mãi, làm cho chúng tôi chẳng có thể nín được, đành phải viết ra đây mà trách Phan tiên sanh.

Sau hết, chúng tôi xin thưa cùng các ông chủ nhiệm các báo. Đời là đời gạo châu củi quế, năm đồng xu của chúng tôi bỏ ra mua báo không phải là không quý. Các ông phải hiểu ra chỗ đó, mà chỉnh đốn tờ báo một ngày một đúng đắn, ngõ hầu khỏi phụ lòng độc giả chúng tôi. Nếu các ông cứ lợi dụng năm xu của mỗi người chúng tôi, mà xoi xói nhau, bôi lem tờ báo, thì các ông chớ trách độc giả sao có vô tình.

Độc giả T.L. và Đ.N.N.
NGÔ QUÝ HÒA
Trung lập, Sài Gòn, s.6208 (28.7.1930)

TRẢ LỜI BÀI *CẢNH CÁO CÁC NHÀ HỌC PHIỆT* CỦA PHAN KHÔI TIÊN SANH

Phan Khôi tiên sanh với tôi là chỗ quen biết cũ.

Từ khi tiên sanh dời Hà Nội vô Nam kỳ, không có dịp gặp nhau. Nhưng về phần tiên sinh, coi chừng vẫn nhớ đến tôi luôn. Khi viết báo *Thần chung*, khi viết báo *Phụ nữ*, tiên sanh thường nhắc đến tên tôi. Thậm chí có khi không sẵn đầu bài, tiên sanh lấy tôi làm đầu bài. Như mới đây, nhân tiên

sanh soạn chưa xong "bài trả lời" ông Trần Trọng Kim về Nho giáo, tiên sanh lại sực nhớ đến tôi mà liền tặng cho cái huy hiệu làm lãnh tụ một đảng, tiên sanh đặt tên là đảng "học phiệt", rồi nhân đó viết một bài đại luận để cảnh cáo cho những người trong đảng ấy.

Nếu về cảm tình người cũ mà Phan tiên sanh ân cần đến tôi như thế, tôi xin cám ơn.

Từ trước đến nay, sở dĩ tôi không trả lời tiên sanh là vì tiên sanh mới thình thoảng tặng cho năm ba câu mát mẻ xa xôi mà thôi, xét ra cũng không có quan hệ gì.

Nhưng nay tiên sanh công nhiên làm án một phái cho là có tội với học thuật nước nhà, mà lại phân minh chỉ tên chỉ tuổi tôi là thủ lãnh, tức là thủ phạm trong phái đó, thì tôi dầu có muốn lên mặt kiêu căng cũng không thể sao làm thinh cho được.

Vả việc là việc quan hệ lớn, không phải chỉ thiết đến một cá nhân tôi thôi, mà thiết đến cả học giới trong nước, tất tôi phải cùng tiên sanh phân trần mấy lời, không thể để cho độc giả ngộ nhận được.

Vậy Phan tiên sanh kết án phái "học phiệt" về những tội gì ?

Trước hết chữ "học phiệt" đó của tiên sanh tự đặt ra nghĩa là gì ?

Tiên sanh cho nước ta có một bọn "học phiệt" tức cũng như nước Tàu có bọn "quân phiệt", là một hạng người cũng sảo có(*) học vấn, có tư tưởng, nhưng phải cái tánh tự cao, tự phụ quá, dường như muốn chuyên chế dư luận, chỉ lên mặt làm thầy người ta, chớ không chịu người ta chỉ trích đến mình.

Tiên sanh buộc cho bọn đó hai cái tội : một là phàm ai nghị luận, chỉ trích, công kích, phẩm bình gì đến mình là cứ làm thinh hết thảy, người ta gọi đến tên mà "chửi" cũng không trả lời, đó là một cái thái độ rất khả ố, vì tỏ ra khinh người mà lại hèn nhát nữa ; hai là chính vì cái thái độ khả ố đó mà cõi học nước nhà thành ra vắng vẻ lạnh lẽo không ai còn muốn bàn bạc cãi cọ gì nữa, rõ ra cái cảnh tro tàn khói tỏa, quạnh quẽ điu hiu là cái cảnh chết.

(*) *sảo có* : chưa thật rõ nghĩa ; "sảo" : sơ lược, chút đỉnh, như "sảo qua", sảo lược" (H.T.Paulus Của, sđd.), nhưng không rõ "sảo có" là gì ? Phải chăng bản gốc in lầm ? Có thể đây là "sẵn có" ?

Tiên sanh vì tiền đồ học thuật, hăm hở mạnh bạo đứng lên kết án phái "học phiệt" đó, lời lẽ nghiêm nghị như quan chưởng lý kết án đảng cộng sản vậy.

Vậy những bị cáo nhân là ai ?

Tiên sanh chỉ nói phái "học phiệt" không có bao lăm người, mà không kể rõ có những ai, song kêu đích danh tôi là thủ phạm. Vậy có lẽ tiên sanh chỉ có ý muốn "gây sự" – xin miễn cho tiếng nôm na – riêng với tôi chăng ?

Tiên sanh buộc tội cho tôi có cái dã tâm muốn chuyên chế dư luận, dường như muốn làm một tên Mussolini trong cõi học nước Nam nầy. Vậy ra tôi có oai quyền, có thế lực đến thế dư ? Thế thì danh giá cho tôi quá ! Dầu tiên sanh có đem cả đại đội đến mà công kích tôi, tôi cũng cam tâm mà lấy làm tự khoái.

Song phàm xử án công bằng, phải có chứng cớ hẳn hòi, chớ vì tình nghi, vì ác cảm với người nào mà kiếm cớ buộc tội cho người ta, thì cái án ấy không có giá trị gì nữa.

Tỉ như việc cộng sản. Ví chánh phủ vì không ưa người nào, sẵn lòng nghi, cho khám xét nhà, không thấy gì cả, chỉ bắt được mấy quyển sách Karl Marx hay Lénine, cũng buộc tội cho là muốn làm cộng sản, mưu nhiễu loạn cuộc trị an ; như thế thì có phải là công bằng không ?

Nay Phan tiên sanh đối với tôi mà khởi ra cái án "học phiệt" đó, có phải là chứng cớ rõ ràng không, hay là chỉ vì "tình nghi" mà bỗng dưng kết cấu ra ? Có phải có sự thực hẳn hòi không, hay là chỉ là một cái "án về thái độ", một cái "án về khuynh hướng" (*procès de tendance*) nghĩa là đoán phỏng chừng cái ý hướng của người ta mà đem lòng yêu ghét, buộc cho những tội không đâu ?

Không biết chủ ý tiên sanh thế nào, nhưng trong bài đại luận của tiên sanh chỉ có thấy dẫn một việc làm chứng, là việc mấy năm trước ông nghè Ngô Đức Kế công kích tôi về *Truyện Kiều*, mà tôi cứ thủy chung làm thinh không trả lời ; thế là phạm hai cái tội đã kể trên kia.

Ông nghè Ngô nay là người thiên cổ rồi. Kẻ khuất người còn, chuyện bao năm cũ kể ra làm gì ? Nhưng Phan tiên sanh đã giở giói ra, thì tôi cũng phải nối lời phân trần cho rõ lẽ : xin vong linh ông Ngô chứng giám !

Họ Ngô với tôi vốn không có hiềm khích gì. Ông là người quốc sự phạm cũ, vì việc nước mà long đong chìm nổi trong bao năm, dầu người không đồng tư tưởng, đồng chánh kiến với ông cũng phải kính trọng cái thân thế của ông. Tôi cũng vậy, thủy chung vẫn coi ông như bậc đàn anh. Bấy giờ ông làm chủ bút báo *Hữu thanh* mới lập. Báo *Hữu thanh* là một cái tạp chí ; báo *Nam phong* của tôi cũng là một cái tạp chí. Báo *Hữu thanh* ra sau, báo *Nam phong* của tôi có từ trước. "Hàng thịt nguýt hàng cá", là cái thói thường của bọn con buôn. Trong làng văn làng báo có khi cũng mắc phải cái thói đó. Xem chừng ra ngay từ đầu, báo *Hữu thanh* đã không có ý thân thiện với chúng tôi rồi. Tôi đoán thế nào cũng có một cuộc phản đối. Nhân khi ấy hội Khai trí Tiến đức mới đặt ra lễ kỷ niệm cụ Tiên Điền là tác giả *Truyện Kiều*. Việc nầy tự tôi khởi xướng, mà ông Trần Trọng Kim cũng là một tay chủ động. Bữa ông Trần và tôi diễn thuyết ở nhà hội Khai trí, có tới hai ngàn người đến nghe, coi ra hoan nghinh cổ võ lắm. Ông chủ bút *Hữu thanh* có ý căm tức, liền viết bài phản đối *Truyện Kiều* và nhân thể mạt sát tôi. Tôi giận lắm, hăng hái muốn ra quyết chiến với họ Ngô một phen. Vì tôi ôn hòa thì ôn hòa thật, nhưng không đến nỗi nhu nhược mà bị người công kích không biết đối phó lại. Nhưng tôi nghĩ kỹ, rồi quyết hẳn làm thinh không trả lời. Ai cũng biết rằng họ Ngô không phải vì *Truyện Kiều* mà bình phẩm *Truyện Kiều*, chỉ là kiếm cớ để gây cuộc "cãi lộn" với tôi, trước là làm một cách quảng cáo cho báo *Hữu thanh*, sau cũng để thỏa một cái lòng ác cảm riêng chăng. Truyện *Kiều* là một nền văn chương kiệt tác, xét *Truyện Kiều* phải đứng về phương diện văn chương mà xét, nay họ Ngô lại đứng về phương diện đạo đức, – mà là cái đạo đức rất hẹp hòi của phái hương nguyện, – thì rõ là chủ ý lập luận thiên đi, để có chỗ mà công kích người ta. Như vậy không phải là một vấn đề văn chương học vấn gì nữa, chỉ là một vấn đề cá nhân mà thôi. Tôi bèn định cứ làm thinh, không bắt lời, tựu trung có hai lẽ như sau :

1) Đã là một vấn đề cá nhân thì việc chi can thiệp đến hai người đối thủ với nhau mà thôi. Bất luận tài học ông Nghè Ngô thế nào, ông có một điều hơn đứt hẳn tôi : là ông là người đã vì nước mà phải tù tội. Trên cái cân dư luận của quốc dân, ông đã có sẵn 10 năm Côn Nôn ở đó rồi. Như vậy thì

cuộc tranh luận không được ngang sức nhau nữa. Vả lại tự ý tôi cũng không muốn tranh luận với ông, vì dầu thế nào mặc lòng, tôi cũng vẫn kính trọng cái thân thế của ông ; nếu đã thành ra cuộc cãi lộn thì tất phải dùng những lời nặng tiếng nhẹ ông mục cho tôi là "văn sĩ lớp lép", thì tôi nể gì ông mà không tặng cho ông những tên nọ tên kia, thành ra một cuộc đấu khẩu hàng rau hàng cá, còn có sự thể gì nữa !

2) Lẽ nữa, – mà lẽ nầy Phan Khôi tiên sanh đoán trúng lắm, – là ông chủ bút *Hữu thanh* đã lập tâm "gây sự" với tôi để làm cách quảng cáo cho báo ấy, thì tôi là chủ báo *Nam phong*, khi nào tôi chịu mắc mưu đó ! Tôi làm thinh không trả lời chính là một cách phá cái dã tâm của họ vậy.

Ấy đầu đuôi câu chuyện như vậy. Rút lại là một câu chuyện cá nhân, câu chuyện quyền lợi cả, không có quan hệ gì đến học vấn tư tưởng hết.

Bởi thế nên tôi cứ làm thinh, không hề đả động đến nửa lời. Làm thinh là không muốn cãi lộn vô ích, chớ không phải là khinh hay là sợ gì dư luận.

Ôi ! Dư luận! Dư luận vẫn đáng kính trọng lắm. Nhưng Phan tiên sanh còn lạ gì dư luận ở nước ta từ trước đến giờ hãy còn ấu trĩ lắm. Nhiều người không biết phân biệt chuyện nghĩa lý với chuyện cá nhân, không biết rằng người thức giả thảo luận với nhau là để tỏ bày chân lý, chớ không phải là cốt để thắng lẫn nhau, như trong cuộc đấu võ vậy.

Tôi chắc rằng có người đọc bài *Cảnh cáo* của Phan tiên sanh nghĩ bụng rằng : "Ông nầy tất có bụng ghen ghét gì Phạm Quỳnh mới kiếm chuyện cãi lộn như vậy". Lại chắc có người không ưa tôi mà nghĩ rằng : "Đáng kiếp ! Đã bị ông Nghè Kế trị cho một lần, lại bị ông Tú Khôi trị cho một lần nữa !" Như vậy chẳng là oan cả cho hai bên dư ? Câu chuyện nghĩa lý mà biến thành câu chuyện cá nhân đó.

Đối với một cái dư luận còn bỡ ngỡ như vậy, tưởng cũng không nên câu nệ cho lắm. Không nên coi thường dư luận, nhưng cũng không nên làm nô lệ cho dư luận. Có nhiều điều dư luận nhao nhao lên đó, mà người thức giả nên làm thinh.

Sau cuộc phản đối của ông Nghè Ngô, trong nước liền nổi lên cái phong trào chánh trị mới ! Có người nối gót ông Ngô cũng đem lời nọ tiếng kia mà phẩm bình tôi. Tôi đều nhứt thiết làm thinh cả. Là vì những lời bình phẩm đó

là toàn về cái thái độ chánh trị của tôi, mà tôi vốn không phải là nhà chánh trị. Chẳng biết từ nay về sau vì thời thế bắt buộc có phải thực lực ra làm chánh trị hay không, – đó là một cái nghĩa vụ, nếu phải làm thì cũng không dám từ, – chớ từ trước đến nay thì sở chí sở sự không phải chuyên chủ về mặt chánh trị ; dầu có tham dự vào chút đỉnh, cũng chỉ là tham dự một cách gián tiếp, đứng về địa vị khách quan, để làm một món khảo cứu mà thôi.

Tôi vốn là nhà làm văn, nhà học vấn. Cái chủ nghĩa tôi phụng sự bấy lâu nay, – kể có trên dưới mười lăm năm trời, thật là dốc một lòng, chuyên một dạ, – chính là chủ nghĩa quốc gia, nhưng chỉ mới phụng sự về phương diện văn hóa, chưa hề chuyển di sang phương diện chánh trị.

Tôi thiết nghĩ rằng muốn cho nước nhà được độc lập, thì phải gây lấy cái hồn độc lập cho quốc dân. Muốn gây lấy cái hồn độc lập cho quốc dân thì phải có cái khí cụ để tuyên truyền giáo dục. Cái khí cụ để tuyên truyền giáo dục là ngữ ngôn văn tự trong nước. Bởi thế nên trong mười lăm năm nay, tôi không làm một việc gì khác cả : chỉ cúc cung tận tụy về một việc là cổ động cho quốc văn, tài bồi cho quốc văn, gây dựng cho quốc văn thành một nền văn chương đích đáng, có thể dùng làm cái lợi khí để truyền bá văn minh trong nước. Các bạn đồng chí trong Nam ngoài Bắc cũng đã từng công nhận cho cái công phu ấy không phải là vô ích.

Vì tôi chỉ chuyên chủ về một việc tài bồi quốc văn như vậy, cho nên thật không để chí vào việc chánh trị. Ai bình phẩm tôi về chánh trị là bình phẩm sai cả. Tôi cho là bất túc khinh trọng, nên không hề đối đáp, không hề cải chánh bao giờ.

Nhưng đến việc văn chương học vấn thì tôi rất vui lòng thảo luận. Bởi vậy Phan tiên sanh khởi ra cái án li kỳ là cái án "học phiệt" này, tôi liền cầm bút để cùng tiên sanh phân trần các lẽ. Tôi thật không dám khinh dư luận, nếu dư luận ấy là ở những người thức giả như tiên sanh.

Tiên sanh thấy cái cảnh tiêu điều, trong học giới nước nhà, lấy làm buồn, buồn sanh bực, bực bèn muốn quy cữu cho người nào, liền quy cữu cho tôi. Thế là tiên sanh phán đoán vội vàng : nếu trong cõi học nước nhà có kẻ nào là tội nhân, thì tôi đây không dám tự cao, cũng có thể cho là một kẻ nhẹ tội hơn cả.

Nhưng học giới nước nhà không phải ngày nay mới tiêu điều. Đương lúc khoa cử còn thạnh, đã có cái cảnh tiêu điều đó rồi, vì cái học khoa cử, chỉ là cái học để thi đỗ làm quan mà thôi, không phải là học thuật chơn chánh. Nói đến học thuật chơn chánh thì cổ lai nước ta đã có gì ? Không dám bội bạc tiền nhân, nhưng thật không có người nào vậy. Tương truyền lý học thâm thúy có cụ Chu An, cụ Trạng Trình. Nhưng các cụ phát minh được những điều gì, trứ thuật được những sách gì có giá trị ? Nào đâu là những phái Vương học, phái Thiền tôn như ở Nhật Bản, cũng học chữ Tàu mà khám phá được nhiều điều người Tàu không nghĩ tới ? Nước mình tịnh không có gì cả. Đó chẳng qua là bởi cái tinh thần học vấn của mình nó bạc nhược quá. Lại bởi cái mô phỏng của người mình nữa. Xưa kia phỏng chép người Tàu, ngày nay bắt chước người Tây. Xưa kia động nói là dương danh ông Khổng, ông Mạnh, ông Chu, ông Trình ; ngày nay động nói là giở ra khoa học với lý luận, dân chủ với dân quyền ! Nghe người ta nói mình cũng nói, chớ vị tất đã thấu hiểu đến chỗ tinh vi.

Ấy là cái hiểm tượng của học giới ta ở đó, ở cái tánh nô lệ của người mình đó, chớ không phải là lỗi tại người nầy hay người nọ.

Nay muốn cho cõi học được vui vẻ sầm uất, không cần phải dùng đến những cách dương đông kích tây, nay công kích người này mai phản đối người nọ, để làm một trò chơi cho khách bàng quan.

Phải nên cùng nhau hiệp lực, cố gây dựng cho nước nhà một nền "quốc học" đích đáng, không Tây mà không Nho, có cái tánh cách đặc biệt, tiêu biểu được cho cái tinh thần cố hữu của nòi giống. Cái ý tưởng đó ngày nay Phan tiên sanh mới đề xướng, mà về phần tôi chủ trương đã lâu năm rồi.

Vậy ngày nay chúng ta có nên cổ động lập một hội "Chấn hưng quốc học", họp tập những người có chí học vấn trong Nam ngoài Bắc, mỗi năm hội nghị một lần để bàn các kế hoạch nên thi hành cho nước nhà có một nền quốc học xứng đáng không ?

Thiết tưởng thế còn hơn là cãi vã nhau vô ích.

Phan tiên sanh nghĩ sao ?

PHẠM QUỲNH

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn, s.67 (28.8.1930)

CHÁNH HỌC CÙNG TÀ THUYẾT CÓ PHẢI LÀ VẤN ĐỀ QUAN HỆ CHUNG KHÔNG ?

Chiêu tuyết những lời bài báng cho một chí sĩ mới qua đời

Báo *Phụ nữ tân văn* số 67 ra ngày 28.8.30 có đăng bức thơ của ông Phạm Quỳnh chủ bút *Nam phong* trả lời cho ông Phan Khôi về câu chuyện "học phiệt". Trong thơ ông Quỳnh có kể chuyện ông Ngô Đức Kế ngày làm chủ bút *Hữu thanh* có bài công kích ông về chuyện *Kiều*. Bài ông nói đó tức chỉ về bài *Chánh học cùng tà thuyết* của ông Ngô đăng ở báo *Hữu thanh* số 21 ra ngày 1er Septembre 1924, là một bài tuyệt xướng có giá trị nhứt trong quốc văn báo giới ta về khoảng vài mươi năm nay, mà đồng bào ta ai đã đọc đến, cũng in sâu vào trong não, không khi nào quên được. Thế mà 5, 6 năm nay, không nghe ông Quỳnh có câu gì biện bác bài ấy hay dở, phải không thế nào. Nay ông Ngô đã qua đời rồi, nhân ông Phan Khôi chỉ trích sự không trả lời ấy, ông Quỳnh mới giở mối hiềm riêng chất chứa lâu nay, công nhiên phô giữa công chúng rằng bài ấy là "*câu chuyện cá nhân, câu chuyện quyền lợi, không quan hệ đến học vấn tư tưởng gì cả...*". Ông lại bươi những chuyện riêng của ông Ngô với ông, hai người đối đãi nhau lúc bấy giờ, để làm chứng câu nói "*cá nhân quyền lợi*" của ông, mà buông lời thô bỉ như là "*hàng thịt nguýt hàng cá*", "*thỏa lòng ác cảm*", "*đạo đức hương nguyện*" v.v..., bôi lọ đến danh dự một người chí sĩ đã qua đời.

Những lời nói trên mà xuất tự một người văn sĩ xằng nào thì không đủ trách ; song tự lỗ miệng và ngòi bút một người tân nhân vật, nghiễm nhiên tự nhận cái gánh gầy dựng một nền văn hóa mới cho nước nhà, lại chủ trương

một cái cơ quan ngôn luận trong nước mười mấy năm nay, mà có lời thô bỉ tỏ cái tâm sự hiềm riêng, nói xấu cho một người thiên cổ, thì không thể bỏ qua được.

Ông Ngô Đức Kế là một người tài học trổ từ lúc thiếu niên ; nếu như có ý thờ cái chủ nghĩa vinh thân phì gia, mượn lối văn chương để tiện đường mua giàu chác tiếng như ai, thì trong đám người đời mà lên mặt sang trọng thông thái ấy, ông làm đến đâu cũng thừa ra. Thế mà hy sinh cả thảy, chỉ ôm một lòng lo việc chung cho đất nước, trọn đời đày đoạ mà cứ khăng khăng một mực, cho đến ngày đậy nắp hòm. Trong cái sự nghiệp trước tác của ông, bài *"Chánh học cùng tà thuyết"* nói ở trên chỉ là một bài trong ngàn bài khác...

Lịch sử cay đắng của ông, đã nhiều người rõ, tôi không cần phải nhắc lại. Nay tôi xin gác lịch sử cá nhân ra ngoài, mà chỉ tựu trong phạm vi bài "Bác *Kiều*" của ông cùng bức thơ "Học phiệt" của ông Quỳnh mà biện bạch cho luận điểm có giới hạn để độc giả cùng xem :

a) Bài "Bác *Kiều*" đầu tiên đại ý nói : chánh học cùng tà thuyết, có quan hệ đến vận nước : chánh học xướng minh thì thế đạo, nhân tâm phải tốt mà nước được cường thạnh ; tà thuyết thạnh hành thì thế đạo, nhân tâm phải xấu mà vận nước cũng suy đồi... Đoạn giữa nói đến truyện *Kiều* thì cho là một truyện phong tình, không đường nào tránh cái án của tám chữ "Ai dâm sầu oán đạo dục tăng bi", thương, dâm, sầu, oán, mở đường tà dục mà tăng mối buồn rầu ; dầu văn có hay cũng là một thứ văn mua vui (chính ông Nguyễn Du tác giả truyện cũng tự nhận thế), chớ không đem ra mà dạy đời được. Sau ông mới bài bác những người tán dương truyện *Kiều* rằng "*quốc hồn quốc túy*" đem làm sách dạy quốc văn ; cho là giả dối, là hoặc thế vu dân... Toàn bài đại cương như thế, nói về nghĩa lý thì quang minh chánh đại, thật là một bài quan hệ trong học giới rất to tát ; mà về lời biện bác thì lời nghiêm nghĩa chánh, có một cái mãnh lực như sét phang trước trán, nước xối sau lưng khiến cho ai đọc đến cũng tỉnh giấc hôn mê. Độc giả thử xem, một bài biện luận xác đáng rạch ròi như vậy, sao gọi là *câu chuyện cá nhân quyền lợi, mà không quan hệ đến học vấn tư tưởng ?* sao gọi *lập luận thiên đi ?* Như vậy mà cho là *không quan hệ* thì những lối *trèo tường trổ ngõ, quạt ước trăng*

thể, ép liễu nài hoa, cắp hương trộm ngọc kia mới là *quan hệ với học vấn tư tưởng* sao ? lập luận ấy mới là *chánh* sao ?

b) Ông nói làng văn làng báo cãi nhau là *thói con buôn* thì câu nói rất trái lẽ mà không có cân lường : Phàm học vấn tư tưởng có biện chiết mà sau chân lý mới được rõ ràng ; thuở nay những nhà học giả cãi biện nhau là một điều thường thấy ; huống đã là nhà báo thì có cái nghĩa truyền bá chân lý, miễn là cãi biện nhau không ra ngoài luận điểm thì thôi. Nay ông nói cãi nhau là "*hàng thịt ngượt hàng cá*", thì làng văn làng báo, cứ vẩy hùa nhau, làm con sâu nhái tiếng cho nhau mà không xét đến luận thuyết có phải cùng không hay sao. Hàng rau hàng thịt cãi nhau là chỉ bọn thù vặt nói thàm kia chớ không đem điều ấy mà che cái vấn đề "Chánh học – tà thuyết" nầy được. Ông nói bài kia không phải phẩm bình truyện *Kiều* thì bài ấy nói chuyện gì ? ông tưởng 20 triệu đồng bào đều không có tai có mắt mà tin như lời ông nói sao ?

c) "*Đạo đức hương nguyện*" là đạo đức thế nào ? Cứ như lời ông Mạnh Tử đã giải thích thì hương nguyện là chiều đời dua tục, không nói trái với ai, chính là chỉ bọn nhu mỵ. Như con đĩ Kiều kia và cả chuyện *Kiều* nữa mới gọi là nhu mỵ. Thế mà cho kẻ bác học *Kiều*(*) là *đạo đức hương nguyện* thì cái chuyện phong tình ấy là đạo đức gì ?

d) Ông nói : ông Ngô thấy người ta hoan nghinh *Kiều* mà có *ý căm tức* nên viết bài phản đối. Phải, *căm tức* là chính phải. Con đĩ Kiều kia, có cái giá trị gì ? người tô vẽ *Kiều* kia có công đức gì mà hoan nghinh ?[1] Ông đã đề xướng chánh học thì đối với sự bất chánh đáng ấy mà phản đối chính là vì nhân tâm thế đạo mà sanh lòng công phẫn, chớ có cái gì gọi là *thù riêng* ? Chính ông Quỳnh cũng tự nói rằng : *họ Ngô cùng ông không có hiềm khích gì*, kia mà !

e) Ông nói *không phải nhu nhược, bị người ta công kích không biết đối phó*, thì thật là câu độn từ mà không phải lời nói của một nhà học giả : Đã là nhà học giả thì phải yêu chân lý, người ta công kích mình (bất kỳ việc làm

(*) "kẻ bác học *Kiều*" : ý nói Ngô Đức Kế, là kẻ bài bác việc học *Truyện Kiều* (NST).
[1] Cho con đĩ Kiều không có giá trị gì thì phải lắm ; còn bảo người tô vẽ Kiều không có công đức gì thì chúng tôi không chịu. – P.N.T.V. (nguyên chú).

hay lời nói) mà hợp với chân lý, không chỗ cãi chối được thì mình phải phục tùng ; nếu như người ta công kích mà trái lẽ, mình cứ lấy lẽ mà biện bác lại ; ấy là thái độ chơn chánh của một nhà học giả. Bằng như người ta công kích mình, mình không xét phải hay là không, mà cứ công kích lại ; người ta nói mình "*văn sĩ lóp lép*" thì mình tặng lại họ *tên nọ tên kia*... Ấy là biết đối phó mà không nhu nhược sao ? còn nói ông Ngô *có cái lịch sử 10 năm ở Côn Lôn nên ông không ngang sức* thì thật là vô lý. 10 năm Côn Lôn là một vấn đề, bác học *Kiều* là một vấn đề khác, hai điều có dính liếu gì đâu ? và trong bài *Chánh học* của ông Ngô, ông có đem 10 năm Côn Lôn mà khoe với ai đâu ? Ông có làm *Côn Nôn du ký* mà tuyên bố để mua danh đâu ? Lúc ấy ông Ngô còn, ông không đối phó mà đợi đến nay ông Ngô đã khuất rồi mới viện cớ nầy bươi lẽ nọ, để giành lại sự phải cho ông, thật là đủ chứng hai chữ *nhu nhược* ông nói trên.

Về sự bác *Kiều* mà ông Quỳnh không trả lời, lâu nay tôi vẫn kính trọng, tấm lòng phục thiện của ông rõ là thái độ quân tử. Phải như ông Phan Khôi hỏi điều ấy mà ông Phạm Quỳnh cho là chuyện cũ, chỉ lược giải mấy câu, không nói phạm đến danh dự một người chí sĩ đã qua đời, thì cái lòng quang minh lỗi lạc của một nhà học giả, người thức giả ai chẳng kính phục thêm ? Nay cứ như bức thơ ông thì rõ cái mối thù riêng hiểm vặt, đối với chuyện công kích ấy chất chứa trong trái tim ông đã 5, 6 năm nay ; nhơn ông Phan Khôi khêu mối mà ông kéo dây ra, toàn bức thơ ông không chỗ nào gãi ngứa vào bài "*Chánh học cùng tà thuyết*" kia, mà chỉ là những lời nhạo báng. Cái lối nặc oán ấy là tâm lý gì ?

Độc giả thử xem bài "*Chánh học*" của ông Ngô cùng bức thơ "*Học phiệt*" của ông Quỳnh mà so sánh, thì đủ rõ ai là kẻ có *lòng ác cảm riêng*.

Sau nầy tôi xin chánh cáo cho anh em trí thức trong nước rằng : *Truyện Kiều* chẳng qua là một lối văn chương mua vui mà thôi, chớ không phải là thứ sách học ; mà nói cho đúng, *Truyện Kiều* là một thứ dâm thư, rõ không ích mà có hại. Ở xã hội ta từ có kẻ tán dương *Truyện Kiều*, truyền bá học *Kiều* đến nay, đã biết bao lớp thanh niên say mê sóng sắc, chìm nổi biển tình, dứt cả nền nếp gia đình, trật tự xã hội mà theo mối ham mê của mình. Hiện xã hội ta ngày nay mà diễn ra những tuồng thương phong bại tục kia, cái

giống độc con đĩ Kiều, gieo vào trong cõi tư tưởng không phải là ít. Vậy ngày nay mà được trăm ngàn người học *Kiều*, thì khắp trong xã hội ta, không thấy cái gì ích mà chỉ thấy cái hại ; mà nếu được một người "*đạo đức hẹp hòi*" như ông Ngô Đức Kế thì không khác gì cột đá giữ giòng sông lở, ngọn đuốc trong khoảng đêm trường, có công với thế đạo nhân tâm không phải ít, vì cái mãnh lực của ông đủ kéo được biết bao nhiêu kẻ sa hầm sụp hố kia.

HUỲNH THÚC KHÁNG

Tiếng dân, Huế, s.317 (17.9.1930)
Phụ nữ tân văn, Sài Gòn, s.72 (2.10.1930)

MỜI PHAN KHÔI TIÊN SANH TRỞ VỀ NHÀ HỌC CỦA TA MÀ NÓI CHUYỆN

Trước khi Phan tiên sanh mời tôi đến nhà cô Logique (gọi là cô, vì Logique ở bên Tây là người đàn bà), để nói chuyện với Khổng Tử và Mạnh Tử, tiên sanh có viết một bài cảnh cáo các nhà mà tiên sanh gọi là *học phiệt*. Trong bài ấy tiên sanh trách những người Nho học có cái thái độ lãnh đạm đối với Khổng giáo, tôi lấy làm phục lắm. Mấy lời tiên sanh trích ở bài tiên sanh đã đăng trong báo *Thần chung* ra, thì bây giờ tôi mới biết, mà thật là đúng với cái bịnh tình của các nhà Nho học ở nước ta. Thường tôi vẫn lấy điều ấy làm phàn nàn lắm. Thế mới biết cái học của mình xưa nay thiển cận, đến nỗi không có chút gì thấm thía vào đến tủy não cả.

Song trong bài ấy có điều Phan tiên sanh nói về cái thái độ của những người *học phiệt*, thì không được đủ lẽ, là vì tiên sanh chỉ trách những người ấy khinh người, ai nói gì cũng làm thinh, không thèm đáp lại. Nhưng tiên sanh không xét tự xưa đến nay đã có mấy ai xướng lên vấn đề gì mà nói cho chánh đáng và ôn tồn, để cho những người có ý kiến gì khác cũng muốn đem ra mà bàn chưa ? Số nhiều người mình khi đã cầm bút viết, thì chỉ dùng

những dòng khích bác, những lời thô thiển, có khi lại buông lời quá đáng, làm mất cả cái hòa khí trong khi biện luận. Như thế thì tiên sanh bảo người học giả ai còn muốn biện luận nữa ? Đã hay rằng người đi học cần phải phục thiện, song phải biết lời mình nói có thiện, thì người ta mới phục, chớ mình nói những lời sống sượng, ý tứ ngoắt ngoéo, từ đầu chí cuối chỉ thổ lộ ra cái ý cầu thắng thì bảo người ta phục thiện làm sao được ?

Thiết tưởng nói điều phải có nhiều cách nói, nếu mình lấy cái thái độ thanh nhã ôn hòa mà nói, thì ai chẳng muốn nghe. Phàm khi đã bàn đến những điều nghĩa lý, thì ta phải lấy cái nghĩa công chính mà nói chớ không nên để ý vào sự cầu thắng.Vì đã có cái ý cầu thắng, thì tất là động khí, mà đã động khí thì còn bàn thế nào được cái trung chánh của đạo lý nữa ? Thế mà có nhiều người hễ biện luận điều gì là lấy cái tư ý của mình đối với cá nhân, rồi nói những lời như cãi nhau ở ngoài đường, vậy mà trách người ta không đáp lại, chẳng hóa ra không công bình lắm hay sao ? Đây là tôi nói cái thói thường của phần nhiều người như thế, chớ không nói gì đến Phan tiên sanh. Vậy cứ theo ý tôi ta nên trách cả hai bên thì mới phải.

Còn như tiên sanh bảo cho biết rằng sau nầy có những người tài giỏi, học lực chắc chắn, sẽ công bố cái bình dân chủ nghĩa mà đánh đổ cái học thuyết của bọn *học phiệt* thì tôi lấy làm mong lắm. Nếu được thật như thế, nước ta sẽ có cái hạnh phước lớn lắm vậy. Miễn là khi hai bên đối địch chỉ dùng công lý mà tranh luận, chớ không lấy tư ý mà công kích nhau, thì còn gì có ích lợi cho sự học vấn bằng nữa. Trong nước mà "*đạo tịnh hành nhi tương bội*" thì hay biết là dường nào ! Chỉ đáng sợ nhứt là cái học tôn nhứt, rồi cứ dùng thế lực mà đè nén mất sự ngôn luận tự do, thì cái học ấy dẫu hay đến đâu rồi cũng hóa ra dở.

Phàm người nào đã có một chút tư tưởng, thì ai cũng muốn tìm cái chân lý cả, nhưng cái chân lý ở trong vũ trụ có thiên hình vạn trạng mỗi lúc một khác, thời xưa nó hiện ra thế ấy, thời nay nó biến ra thế nầy, rồi sau đây nó lại biến ra thế khác nữa, ta chưa biết. Ta tìm ra chỉ tìm được cái chân lý tỉ hiệu mà thôi, còn cái chân lý tuyệt đối thì ta càng tìm lại càng không thấy đâu cả. Tuy nhiên hình như nó vẫn có, cho nên ai đã hoài bão một cái chủ nghĩa nào, thì không bao giờ là không tự tin rằng ta đã nắm được nó rồi, ngờ

đâu đến khi xét kỹ lại, thì nó vẫn ở đâu, chớ không ở trong tay mình. Bởi thế tôi tưởng nên theo cái học của họ Khổng, cứ lấy cái tâm khuếch nhiên thái công mà suy xét mọi việc, lấy lòng trung chánh mà đối phó với các sự vật, họa may có tới gần đến cái chân lý ấy chăng. Ta thấy thế nào ta tả nó ra thế, người khác thấy thế nào cũng tả ra thế. Hai bên tuy có khi khác nhau, nhưng để chung lại, vẫn là mỗi bên có một phần chân lý. Cái học ấy là cái học *tổng hiệp*(synthétique) rất đúng với cái tôn chỉ của Khổng giáo.

Nhân tiện đây xin nói để Phan tiên sanh hay rằng tôi xem sách tây thấy trong quyển *Le puits de Saint Claire* của Anatole France, chương XIII và XIV, bàn về chân lý, có nhiều ý nghĩa rất hay và văn từ lại rõ ràng, có nhiều ý vị lắm. Giá tiên sanh có rảnh, nên lấy mà xem, chắc cũng có lợi.

Đó là mấy lời tôi bàn phiếm với Phan tiên sanh ; nhân gặp nhau ở tờ báo, thì nói chuyện mà thôi, chớ không phải câu chuyện mà tiên sanh mời tôi đến nhà cô Logique để bàn về những điều quan hệ đến Khổng giáo.

Bởi vì Phan tiên sanh đã có lòng tốt mời tôi đi nói chuyện, thì tôi đâu dám từ chối. Nhưng có một điều là nhà cô ấy tôi đã từng được đến nhiều lần rồi. Nhà thật đẹp, đường lối rất phân minh và rất sạch sẽ ; vào trong nhà thì có ngăn nắp, buồng nào ra buồng ấy ; nhưng chỉ phải một tội là đã vào buồng nào, thì các cửa đóng bịt lại, chỉ để mở có một cái cửa sổ. Lúc đầu mới vào còn lạ, thì cũng thích. Sau ngồi lâu nhìn ra ngoài, chỉ thấy ánh sáng có một mặt, còn thì không trông thấy mặt khác có những gì nữa, thành ra chán và mỏi. Người ta bảo rằng đi học phải đến qua nhà cô ấy, rồi sau mới biết rõ mọi việc, cho nên ai cũng phải đến đó một độ. Song mỗi khi tôi ở nhà ấy ra, được trông đông trông tây, thấy mặt nào cũng có cái cảnh lạ, tôi lấy làm thỏa thích lắm. Bởi vậy về sau, lúc nào nghe nói đến nhà cô Logique thì tôi vẫn ngài ngại. Nay Phan tiên sanh lại rủ tôi đến đó nói chuyện, tôi cũng theo đi, nhưng không được vui lòng.

Tôi theo Phan tiên sanh đến đó, lại thấy cái nhà ấy vẫn như cũ. Tiên sanh ngồi nói chuyện sách *Luận ngữ* và sách *Mạnh tử*. Tôi nghe tiên sanh nói xong, đứng dậy mời tiên sanh trở về cái nhà học cũ của ta mà nói chuyện cho mát mẻ. Về đến cái nhà ấy, thấy chung quanh cây cối mọc tự nhiên, không có sửa sang gì mấy. Ở trong nhà thì bốn mặt cửa mở toang ra, trông

về mặt nào cũng được. Ngồi uống xong chén nước trà thơm của ta, rồi tôi đem những câu chuyện Phan tiên sanh nói lúc nãy mà bàn lại.

1) Phan tiên sanh theo khuôn phép của cô Logique mà chê câu Khổng Tử trả lời cho Mạnh Ý Tử là *mô lăng*. Nếu lấy câu ấy mà không nghĩ đến cái cách lập giáo của Khổng Tử, thì bẻ như thế có lẽ phải. Nhưng theo cái phương pháp của ngài, thì có hai lối : Một là ai hỏi ngài điều gì, ngài xem người ấy sở trường hay sở đoản về cái gì, rồi ngài liệu mà trả lời để cho hiểu ngay. Hai là "*bất nhân, bất khải, bất phi, bất phát. Cữ phất ngung bất dĩ tam ngung phản, tắc bất phục giã*". Nếu theo cái lối trên, thì khi ngài nói hai chữ "*vô vi*" là đúng vào cái bịnh của Mạnh Ý Tử rồi, cho nên hiểu ngay mà nín lặng. Ngài không phải giảng thêm nữa. Nếu Mạnh Ý Tử là người ngu, nghe hai chữ ấy không hiểu, mà cứ nín lặng, thì trúng vào lối thứ hai, ngài cũng không bảo gì nữa. Ngài đã lập ra phương pháp ấy, thì bao giờ cũng thực tiễn như thế mãi, ấy là hợp với cái lý quán thông trong cái đạo của ngài. Phàn Trì nghe nói điều ấy không hiểu, liền hỏi ngay, cho nên ngài mới giảng rõ cho mà nghe. Vậy trước sau vẫn dùng đúng cái phương pháp của mình là "*tuần tuần thiện dụ*", tức là hợp với phép luận lý.

Vì chưng có hai chữ "*vô vi*" và câu hỏi của Phàn Trì cho nên mới rõ cái phương pháp của Khổng Tử. Nếu hai chữ ấy mà không có nghĩa lý gì, thì chắc hẳn chẳng ai chép lại làm chi. Đã không chép lại, thì biết đâu là có, mà lo không hiểu.

Vậy Phan tiên sanh bẻ chương nầy, là chỉ nệ về một phép luận lý, mà chưa hiểu hết lý đó mà thôi. Như thế là một điều rất nên cẩn thận trong sự học vấn.

2) Phan tiên sanh lấy chương vấn đáp của Đào Ứng và Mạnh Tử mà viện cái lẽ cho Mạnh Tử là *mậu vọng*, thì tôi e là chính tiên sanh mậu vọng(*), chớ không phải là Mạnh Tử. Đây tôi hãy xin để riêng phép luận lý của tiên sanh ra một chỗ, cứ theo cái lý tự nhiên mà xét lời vấn đáp của Đào Ứng và Mạnh Tử xem có hạp lý hay không.

Chuyện thực là Cổ Tẩu không giết người, mà vua Thuấn cũng không

(*) *mậu vọng* : dối trá, sai lầm (H.T.Paulus Của, sđd.)

phải đến nỗi đem cha đi trốn. Song cái ý của Đào Ứng là đặt ra một chuyện không có, nhưng có thể xảy ra được, để hỏi xem giả sử bậc thánh nhân lâm phải việc lưỡng nan như thế, thì giải quyết ra làm sao. Lưỡng nan là người làm quan phải giữ phép, mà người phạm tội là ông Thái thượng hoàng ; người làm thiên tử là con, mà người phạm tội là cha. Người làm quan và người làm thiên tử ấy lâm phải việc khó xử như thế, thì làm thế nào ? Mạnh Tử lấy cái ý lưỡng toàn mà đáp lại. Lưỡng toàn là người làm quan giữ phép nước, là không được tư, dẫu ông Thái thượng hoàng có phạm tội cũng cứ bắt, ấy là hạp cái nghĩa chí công trong pháp luật. Người làm thiên tử là chí tôn, nhưng thiên tử cũng là người, tất là có cái tình cha con ; cha lâm nạn, thì con phải cứu, đừng có vị cái quyền thế mà bỏ cái bổn phận làm con, ấy là hạp đạo hiếu. Ông Cao Dao làm quan giữ phép, phải làm như thế, mới đến cái cực điểm về sự tận tâm của kẻ nhân thần ; vua Thuấn làm con, phải làm như thế, mới đến cái cực điểm về sự tận tâm của người làm con. Ấy thế là bên nghĩa bên hiếu lưỡng toàn cả.

Ông Viên Mai chê ông Đào Ứng hỏi bậy và ông Mạnh Tử trả lời bậy, là tại ông Viên Mai không hiểu rõ cái ý trong câu hỏi và câu trả lời của Đào Ứng và Mạnh Tử, cốt lấy một chuyện không có để hỏi xem nếu có như thế, thì hai bậc thánh nhân làm vua, làm quan, xử trí ra làm sao. Cũng như người nghĩ ra một bài tính đố, rồi đem ra cho người ta, xem giải quyết thế nào. Có lẽ nào lại bảo bài tính đố ấy không có thiệt, thì không được ra mà cũng không trả lời. Vậy mà Phan tiên sanh lại không xét kỹ, rồi đem phép luận lý ở đâu ra mà cắt nghĩa sở dĩ tại sao mà bậy ; thế cũng đáng lấy làm kỳ thiệt !

Giả sử Đào Ứng có hỏi rằng vua Thuấn làm thiên tử mà Cổ Tẩu giết người là tại làm sao ? Thế mà Mạnh Tử lại trả lời như đã chép trong sách, thì mới bẻ là trái phép luận lý được. Đằng nầy câu hỏi của người ta có ý rõ ràng, và câu trả lời cũng phân minh như thế, mà Phan tiên sanh bẻ là bậy và cho là không thành lập, thì thật tôi không hiểu cái phép luận lý của tiên sanh. Có lẽ, vì cô Logique có nhan sắc làm cho tiên sanh quẩn đi chăng ?

Trong câu vấn đáp của Đào Ứng và Mạnh Tử có ý nói về đạo lý, cốt xem có hạp lý hay không, chớ không nói có làm được hay không làm được. Đáng lẽ lý đã thuận, là việc làm được, nhưng vì người đời có mấy ai chịu

theo lý đâu. Đó là cái khốn nạn của nhân loại, cứ nói lý thì biết là phải, mà đến lúc làm, thì lý đi một đường, việc làm đi một nẻo, bởi thế cho nên mới thành ra bao nhiêu sự bất nghĩa bất nhân !

Trong khi Mạnh Tử đang giảng cái nghĩa của người làm quan phải thế nào mới hết chức vụ, mà Phan tiên sanh lại nói : *Bắt thế nào được ông Thái thượng hoàng*. Nói như thế, thì còn bàn lý làm sao được nữa ? Việc ông Thái thượng hoàng có tội mà cứ bắt, là thuộc về phần lý, việc người có tội là ông Thái thượng hoàng, không bắt được, là thuộc về phần thế. Phép là phép công của thiên hạ, người phạm phép là phải trị tội, dẫu là ông Thái thượng hoàng cũng mặc, có vậy mới là công. Còn trị tội được hay không là cái thế nó làm ngăn trở, đó là một lẽ khác. Bởi cái thế mà làm cho cái lý không thực hành được, là việc trái đạo. Vì trái đạo cho nên mới có chuyên chế, có hà khốc. Như vậy mà Phan tiên sanh lại nói là : "*tình không thuận, lý không trôi*", là nghĩa gì ?

Mạnh Tử nói "*Vua Thuấn phải xem bỏ thiên hạ như bỏ chiếc giép hư*", có phải là Mạnh Tử bảo vua Thuấn khinh thiên hạ như chiếc giép hư đâu. Chỗ nầy Phan tiên sanh xem cũng không rõ nghĩa. Ý Mạnh Tử nói quyền cai trị thiên hạ là quý thật, nhưng đến khi phải làm việc nghĩa, thì bỏ cái quyền chí tôn ấy như bỏ cái của đáng vứt đi vậy. Đối với việc nước, thì dẫu mình làm thiên tử mặc lòng, cha phạm tội, mình không có cái lý cấm được người làm quan giữ phép mà bắt cha. Nhưng đối với tình làm con, thì cha có tội là con phải cứu cha, dẫu quyền thế to đến đâu cũng phải bỏ. Bởi vì theo cái tôn chỉ Nho giáo, thì người làm chủ thiên hạ là phải có hiếu có nghĩa mới được, chớ đã tham danh tham lợi mà bất hiếu bất nghĩa thì sao cho xứng đáng. Vậy nên Mạnh Tử nói ở chỗ khác rằng : "*Ngô vị văn uổng kỷ nhi chánh nhân giả giã, huống nhục kỷ dĩ chánh thiên hạ giả hồ ? Thánh nhân chi hạnh bất đồng giã, hoặc viễn, hoặc cận, hoặc khứ, hoặc bất khứ, quy thiết kỳ thân nhi dĩ hỹ*", chánh là cái nghĩa ấy vậy.

Phan tiên sanh lại bẻ rằng : "*Trốn thì trốn đi đâu mà Cao Dao không bắt được*". Ý của Mạnh Tử là nói cái lẽ đương nhiên phải như thế, còn trốn được hay không là việc khác. Nếu trốn không được, đành chịu phải bắt với cha, ấy là trọn cái nghĩa của mình rồi. Thánh nhân chỉ dạy người ta làm việc

nghĩa mà thôi, sự thành bại là ở cái mịnh(*), được thế nào hay thế, miễn là ta làm được việc nghĩa là được. Vả chăng là câu chuyện đặt ra như thế, để dạy người ta về đường đạo lý nên làm thế nào, mà vấn đề của Đào Ứng và Mạnh Tử là một chương có nghĩa lý lắm, ta nên suy nghĩ cho chín, để hiểu cho hết lẽ. Thế mà Phan tiên sanh lại nói nên bỏ đi, thì thật tôi không biết cái học của tiên sanh thế nào, mà có những ý kiến lạ như vậy.

3) Phan tiên sanh lấy chương Vạn Chương hỏi Mạnh Tử về việc vua Nghiêu có lấy thiên hạ cho vua Thuấn được không, mà bẻ là Mạnh Tử luận lý có điều mậu vọng, thì lại càng khó hiểu nữa. Vạn Chương và Mạnh Tử là hai người học theo tôn chỉ của Nho giáo. Mà cái tôn chỉ ấy cho thiên hạ là của chung của thiên hạ, chớ không phải của riêng gì ai cả. Người làm thiên tử là người Trời chỉ trao cho cái quyền bính để giữ thiên hạ mà thôi. Ý Vạn Chương muốn hỏi cho rõ có phải là thiên tử có thể lấy thiên hạ làm của tư một mình mình, rồi đem cho người khác được hay không. Cho nên mới hỏi rằng : "*Vua Nghiêu lấy thiên hạ cho vua Thuấn có không* ?" Mạnh Tử hiểu rõ ý ấy, trả lời ngay rằng "*Không*" và lại giảng thêm cho rõ hơn nữa rằng : "*Thiên tử không có thể lấy thiên hạ mà cho người được*". Cứ cái lý tự nhiên mà hiểu, thì câu trả lời ấy ăn với câu hỏi lắm, không có cái gì là "*biến canh luận điểm*" như Phan tiên sanh nói hết cả. Thế mà theo phép luận lý của tiên sanh thì câu trả lời ấy lại phạm vào cái luật "*biến canh luận điểm*"! Lạ thật ! Câu hỏi có chữ "*hữu chư*" nghĩa là "*có không*" hay là "*việc ấy có không*" ; câu trả lời rằng "*phủ*", nghĩa là "*không*". Phan quân luận lý quanh quẩn thế nào mà rồi lại nói : "*Theo đúng luận lý học thì chỗ nầy Mạnh Tử phải trả lời việc ấy là có hay không cái đã, rồi nói gì hãy nói*". Vậy thì tiên sanh bảo chữ "*phủ*" trong câu trả lời của Mạnh Tử nghĩa là gì ? Trước tiên sanh bẻ Mạnh Tử là phạm phép luận lý, thế thì bây giờ người ta bẻ tiên sanh phạm vào phép gì trong luận lý học ?

Vua Nghiêu nhường ngôi cho vua Thuấn ; cứ thường tình, thế là vua Nghiêu lấy thiên hạ cho vua Thuấn thật. Nhưng theo cái tôn chỉ của Nho giáo, thì thiên hạ là của Trời, tức là của chung cả thiên hạ, vua Nghiêu chỉ

(*) *mịnh* : có lẽ cũng là *mệnh*.

nhường cái quyền trị thiên hạ cho vua Thuấn mà thôi song Trời không cho, tức là thiên hạ không thuận, thì vua Nghiêu có nhường cũng không được. Vì thiên hạ thuận theo vua Thuấn, thế là Trời cho vua Thuấn, chớ không phải là vua Nghiêu cho vua Thuấn. Lý ấy hợp với cái tôn chỉ của Nho giáo, cho nên Mạnh Tử mới giảng thêm nữa cho Vạn Chương hiểu rõ cái nghĩa ấy.

Chương ấy có ý nghĩa liên tiếp và sâu xa lắm. Thế mà Phan tiên sanh lại bảo : "*Một chương ấy không cứ cái lý thuyết ra sao, chỉ duy một điều là không án nhập vào câu hỏi ban đầu, đã cho là mậu vọng*". Có lẽ là Phan tiên sanh giỏi nghề luận lý, có những ý kiến cao xa, tôi xin thú thật là không hiểu được lời tiên sanh bàn.

4) Trong bốn điều của Phan tiên sanh bàn ở số báo 63 có một điều bác Khổng Tử và ba điều bác Mạnh Tử. Điều sau cùng tiên sanh cho những lời Mạnh Tử công kích cái học của Hứa Tử là mậu vọng.

Nguyên là Trần Tương nói cái đạo của Hứa Hành về sự "*tịnh canh*" xong rồi, nói đến cái giá ở chợ, mà trong lời Trần Tương thì giá nhứt định về cái "*lượng*" (quantité) tức là cái dài, ngắn, nặng, nhẹ, lớn, nhỏ mà thôi, chớ không nói đến cái "*phẩm*" (qualité), tức là cái tinh, thô, xấu, tốt, khéo, vụng của mọi vật. Phàm việc gì cũng phải gồm có cả *lượng* và *phẩm*, thế mà cái thuyết của Hứa Tử chỉ nói đến cái *lượng* chớ không nói đến cái *phẩm*, ấy là một cái sở đoản. Mạnh Tử biết cái sở đoản ấy trong cái học của họ Hứa, bèn lấy cái sở đoản ấy mà bác đi. Trong khi hai người biện luận một điều gì mà một người thấy cái sở đoản của người kia, thì có thể nhân đó mà cãi lại, không cần phải nhắc lại những điều người kia nói mà mình đã cho là phải rồi. Bởi vậy Mạnh Tử nói ngay câu : "*Phù vật chi bất tề, vật chi tình giã v.v*" Câu ấy chỉ cái *phẩm* của vật là rõ lắm. Ý cả câu ấy là : Cứ theo cái lượng mà bán giá nhứt định đã vậy, còn cái *phẩm* thì mỗi vật một khác, cái nầy hơn gấp mấy lần cái kia. Dầu cái *lượng* tuy đông nhưng cái phẩm có đồng đâu, mà đánh một giá được. Cái ý ấy đến câu "*Ti nhi đồng chi, thị loạn thiên hạ giã*" là hết. Song Mạnh Tử lại muốn nói rõ tại làm sao mà loạn, và lấy ngay câu "*cự lũ tiểu lũ đồng giá*" của Trần Tương mà làm thí dụ cái phẩm không thể đồng nhau được.

Trong câu "*Cự lũ tiểu lũ đồng giá, nhân khởi vi chi tai ?*", có hai mạng đề. Mạng đề trên là : "*cự lũ tiêu lũ đồng giá*", mạng đề dưới là : "*nhân khởi vi chi tai*". Hai mạng đề ấy tương thành với nhau mà có một cái nghĩa riêng. Vì ở trong cái mạng đề dưới có hai chữ trợ từ : *khởi* và *tai*, cho nên câu ấy có cái nghĩa *giả thiết* (conditionnel) như thế nầy : "*Phòng sử giép lớn giép nhỏ mà bán đồng một giá, thì còn có ai làm giép lớn nữa không ?*" Bởi câu ấy có cái nghĩa *giả thiết* và lại có cái ý hỏi đằng sau như thế, thì tất là trong câu ấy có ngụ cái ý : *Vậy giép tốt giép xấu mà bán đồng giá thì không ai làm giép to nữa* ! Sau cùng Mạnh Tử theo cái ý hiểu ngầm ấy mà kết thúc bằng câu : "*Theo cái đạo của Hứa Tử, thành ra bảo nhau mà làm điều giả dối, sao có thể trị được quốc gia ?*" Nếu ta không xét kỹ cái nghĩa *giả thiết* ở trên kia, thì thành hiểu lầm ngay.

Cái nghĩa chương ấy là thế, mà các học giả xưa nay đều hiểu như thế cả. Nay Phan tiên sanh không để ý vào nghĩa lý, chỉ nhứt thiết lấy văn từ mà bỏ mất cái tinh thần, thì còn hiểu làm sao được đạo của thánh hiền nữa ? Cái học của Nho giáo cốt ở cái tinh thần. Kẻ học giả xét điều gì phải hiểu cho rõ hết các ý nghĩa. Các ý nghĩa mà hạp lý, thì dầu văn từ có không rõ cũng "*bất dĩ từ hại ý*". Đó là cũng do cái văn từ của Tàu khó viết cho đúng hết ý mà thành ra. Bởi vậy Mạnh Tử đã nói : "*Tận tín thư bất như vô thư*", chính là ngài bảo mình đừng nệ về văn từ ở trong sách. Một đôi khi ta xem sách, thấy có chữ tối nghĩa, hoặc sai lầm, ta cũng đừng lấy làm nệ mà bỏ mất nghĩa lý. Mạnh Tử đã dặn ta rằng : "*Bất dĩ văn hại từ, bất dĩ từ hại ý. Dĩ ý nghịch chí, thị vi đắc chí*". Là cốt để răn ta đừng nệ về văn, về từ, mà làm mất cái ý nghĩa trong những điều rất hay về đạo lý.

Khi tôi bàn cái thống hệ của Nho giáo, tôi nói ở trang 15, sách *Nho giáo* rằng : "*Muốn tìm cái thống hệ của Nho giáo, thì phải dùng trực giác mà xem, phải lấy ý mà hội, thì thấy rõ cái mối liên lạc trong các đoạn tư tưởng, tuy về phần hình thức thì lỏng lẻo, rời rạc, nhưng về phần tinh thần, thì suốt từ đầu đến cuối chỉ là một mà thôi*". Vậy muốn tìm cho rõ các ý nghĩa trong những lời giáo hối của Khổng Mạnh cũng phải như thế, mới thấy rõ được. Cái phương pháp luận lý học có cần cho sự tri thức của người ta lắm, bởi vì nó dẫn đường chỉ nẻo cho ta tìm cái phải cái hay. Song nó dạy ta biết thế mà

thôi, chớ một mình nó không đủ làm cho ta biết đến chỗ tinh vi, thâm viễn của chân lý được. Ngay trong Tây học, những người hiền triết như Pascal đã nói : "*Ta biết cái chân lý, không những là bởi lý trí, mà còn bởi cái tâm nữa*". (Nous connaissons la vérité, non seulement par la raison, mais encore par le coeur). Vậy cái biết của tâm cũng cần lắm, cho nên Nho giáo chú trọng ở sự giữ cho cái tâm hư và tĩnh, không để nó bị tế tắc ở chỗ nào, thì mới "*tinh nghĩa nhập thần*" và mới biết rõ những điều cao. Nên chi ta phải chú ý vào trực giác, là cái biết rất nhanh, rất sáng của tâm. Nhờ có trực giác, thì ta mới đạt tới cái chân lý, thường hay ẩn khuất khó biết rõ được.

Phan tiên sanh chỉ thiên về một mặt lý trí, muốn chuyên dùng mấy cái quy tắc của luận lý học, không nghĩ gì đến cái tâm và các nghĩa lý khác, nhứt nhứt thu cả vào một cái khuôn nhứt định, rồi đem cái đạo uyên bác của thánh hiền vào cái khuôn ấy mà xét, thì tài nào không lầm được. Cái học của thánh hiền có nhiều điều tinh vi, hễ ta vô ý, sai mất một hào ly là lầm đến ngàn dặm. Nếu ta không thận trọng, không đem cái tâm công chánh, hư, tĩnh, mà cân nhắc điều phải điều trái, thì thành ra ta làm hại đạo, và lại làm thiệt thòi cho sự học vấn. Tôi biết Phan tiên sanh nhiệt tâm về sự học vấn, cho nên tôi lấy tình thiệt mà trung cáo, xin tiên sanh nghĩ lại, đừng để kẻ học giả chê mình là người nông nổi. Khổng Tử dạy rằng : "*quân tử ư kỳ ngôn, vô sở cầu nhi dĩ hỹ*". Ta nên nhớ câu ấy mà giữ mình trong khi biện luận, có lẽ cũng đỡ được nhiều sự sai lầm vậy.

Trên kia đã bàn xong những điều Phan tiên sanh nói về Khổng Tử và Mạnh Tử, nay tôi xin cùng với tiên sanh bàn lại mấy điều trong sách *Nho giáo* mà tiên sanh đã nói ở báo *Phụ nữ* số 54 và 64. Phan tiên sanh có trách rằng những điều tôi đã trả lời đăng ở số 60 không được đúng vào những điều của tiên sanh đã xướng lên. Tôi xét lại quả thật có mấy chỗ tôi viết vội không xem lại cẩn thận cho nên thành ra không đúng. Vậy tôi xin chịu lỗi. Còn chỗ khác có sai là sai lặt vặt, chớ cái đại ý của toàn thể cũng không sai mấy.

Tôi đáp lại Phan tiên sanh tất cả là sáu điều : Một điều nói về cái thuyết hữu thần hay vô thần của Khổng giáo thì xong rồi, không phải nói đến nữa. Còn một điều Phan tiên sanh nói nên bỏ hai chữ *vô cực*, đừng nói ở cái học thuyết của Khổng Tử, để đến khi bàn đến Tống nho sẽ nói. Tiên sanh bảo

như thế có lý hơn, tôi xin nghe, để khi nào tái bản quyển *Nho giáo* thứ nhứt, tôi xin sửa lại, thế là hai điều ấy đã êm rồi.

Còn bốn điều nữa, thì cái vấn đề bây giờ rõ rệt hơn trước và chúng ta đã trao đổi ý kiến với nhau rồi, thì nay cách giải quyết có lẽ dễ hơn.

1. *Lương tri và trực giác.* – Phan tiên sanh nói rằng lý trí không phải là trí xuyên tạc. Điều ấy tôi nghĩ lại, thì tiên sanh nói phải. Tôi sở dĩ lầm về chỗ ấy là vì tôi nghĩ đối với cái lý trí của người ta thường dùng, hay có cái ý xuyên tạc, chớ không dùng cái lý ngay chánh, cho nên tôi nhận lầm cái lý trí là cái trí xuyên tạc. Nay tiên sanh có lòng tốt chỉ bảo cho, thì tôi hiểu là tôi lầm. Vậy xin có lời cảm tạ. Nếu các nhà học giả được nhiều người như Phan tiên sanh, thì sự học của ta chắc có phần chóng lắm vậy.

Duy chỉ có chữ *xuyên tạc* mà Phan tiên sanh nói là hơi giống như *xiên xỏ* thì không phải. Chữ *xuyên* tuy có nghĩa đen là soi thủng qua, chữ *tạc* là đào sâu xuống, nhưng cứ theo nghĩa phổ thông cả hai chữ dùng liền với nhau là nói ngoắt ngoéo, thiên lệch, không ngay thẳng. Còn tiếng *xiên xỏ* thì có nghĩa xấu lắm, không thể dùng mà nói về đạo lý được. Tiên sanh cũng chỉ nói hơi giống mà thôi, song dầu nói hơi giống cũng không dùng được.

Còn chữ *lương tri* mà tiên sanh bảo không phải là *trực giác*, thì tôi vẫn chưa chịu. Trước khi nói tại làm sao mà tôi bảo *lương tri* là *trực giác*, tôi hãy xin nói cái ý của Phan tiên sanh là thế nào. Cứ như Phan tiên sanh thì *lương tri* là cái biết rất rộng, bao hàm cả nhân nghĩa lễ trí tín, cùng trực giác và lý trí. Vậy *trực giác* chỉ là một phần nội dung của *lương tri* chớ không phải là *lương tri*. *Lương tri* và *trực* đều là cái biết, nhưng cái biết của *lương tri* rộng hơn, mà cái biết của *trực giác* là "*cách nhận thức mọi việc của nhà triết học mà thôi*".

Trong chữ *lương tri* và chữ *trực giác* phải lấy hai chữ làm cốt, là chữ *lương* và chữ *trực* ; *lương* là lành, *trực* là thẳng, *lương tri* bởi Mạnh Tử xướng lên, mà Mạnh Tử lại chủ trương cái thuyết tánh thiện, thì *lương tri* là chỉ nói biết cái thiện mà thôi, cho nên Mạnh Tử nói cái biết ấy như đứa con nít mới đẻ ra, biết yêu cha mẹ mình v.v. Như vậy cái *tri* của Mạnh Tử *chỉ lương mà thôi, chớ không có bất lương, hạp với cái tánh của Mạnh Tử hiểu, chỉ là thiện mà thôi, không có ác.* Còn *trực giác* là bởi chữ *intuition* dịch ra,

trực (direct) *đối với bất trực* (indirect) *chớ không hề có ý lương hay là thiện ác ở trong. Trực giác là sự biết thẳng, đối với sự biết không thẳng, cho nên nói trực giác chỉ là cách nhận thức mọi việc của nhà triết học*". Tôi tưởng cái ý của Phan tiên sanh nhận chữ *lương tri* và chữ *trực giác* là thế, cho nên mới nói *lương tri* không phải là *trực giác*.

Phan tiên sanh hiểu như thế, song tôi hiểu cách khác. Tôi không theo cái nghĩa thường của chữ *lương* và chữ *trực*, bởi vì những chữ ấy thường hay đổi nghĩa đi, tùy ý của từng người dùng. Mạnh Tử khi dùng hai chữ *lương tri*, đã định ngay nghĩa là : "*Sở bất lự nhi tri giả kỳ lương tri giã*", nghĩa là cái không nghĩ mà biết là lương tri. Tuy Mạnh Tử theo cái thuyết của mình có dẫn chứng như : "*Đứa con nít mới đẻ ra biết yêu cha mẹ v.v.*", nhưng đó là một cái chứng để cho người ta hiểu cái *lương tri*, chớ không phải là chỉ biết lành mà thôi. Cũng bởi thế, về sau đến đời Tống, đời Minh, những nhà triết học như Lục Tương Sơn, Vương Dương Minh đều cho lương tri là cái biết tự nhiên của bổn tánh. Nhứt là Vương Dương Minh lại chú trọng về cái thuyết lương tri, ngài nói rằng : "*Tri thiện tri ác thị lương tri*". Theo cái nghĩa ấy thì hai chữ *lương tri* không phải là chỉ biết riêng về điều thiện mà thôi. Có chỗ Dương Minh tử lại cắt nghĩa rõ hơn nữa : "*Lương tri giả, Mạnh Tử sở vị thị phi chi tâm, nhân giai hữu chi giả giã, thị phi chi tâm bất đãi lự nhi tri, bất đãi học nhi năng, thị cố vị chi lương tri, thị nãi thiên mịnh chi tính, ngô tâm chi bổn thể, tự nhiên linh chiêu minh giác giả giã.*" Vậy *lương tri* là cái biết không phải nghĩ ngợi, không phải học tập mà biết rất nhanh chóng, rất sáng rõ những việc hay dở, phải trái. Ấy nghĩa hai chữ *lương tri* mà tiên nho đã hiểu là thế. Nay xin đem cái nghĩa chữ *trực giác* do chữ *intuition* mà dịch ra, xem những học giả bên Tây hiểu ra thế nào.

Theo từ nguyên học (étymologie) của Tây, người ta cắt nghĩa như thế nầy : "*Chữ trực giác nghĩa là cái trông thấy mà biết, không phải cái trông thấy mà biết sơ lược và nông nổi ở bề ngoài, nhưng là cái trông thấy mà biết rõ một vật gì ngay đối diện, mà biết một cách viên mãn, sự trông thấy mà biết một cách viên mãn, sự trông thấy mà biết ngay lập tức, chắc chắn, dễ dàng, rõ ràng, tựa như con mắt trông thoáng qua mà biết.*" (Le mot intuition signifie vue, non pas une vue sommaire et superficielle, mais la vue qui saisit

en face et pleinement un objet, la vue immédiate, súre, facile, distincte et s'exerçant pour ainsi dire d'un seul coup d'oeil). Về sau có người gọi *trực giác* là cái biết ngay lập tức (connaissance immediate), hay là cái biết tự nhiên (connaissance spontanée). Có chỗ lại nói : "*Có cái trực giác về sự thiện, sự mỹ, cũng như có cái trực giác về sự thực.*" (Il y a une intuition du bien, du beau, comme il y a une intuition du vrai). Hay là : "*Cái trực giác có những phần khác ở ngoài bác tạp với cái trí tuệ thuần túy, bởi vì nó lẫn với những sự cảm động, những tình cảm, những thế lực của tưởng tượng và sự vận động của cái tâm*". (L'intuition se complique d'éléments étrangers à l'intéligence proprement dite, parce qu'il s'y mêle des émotions, des sentiments, des influences de l'imagination, des mouvements du coeur).

Xem cái định nghĩa (définition) của chữ *lương tri* và chữ *trực giác* đã nói trên kia thì biết là hai chữ ấy có cái nghĩa tương tự nhau. Chữ *lương* trong chữ *lương tri* và chữ *trực* trong chữ *trực giác* không tỏ hết được nghĩa chữ *lương tri* và chữ *trực giác*, cho nên ta phải theo cái định nghĩa của hai chữ ấy, mà không theo cái nghĩa đen chữ *lương* và chữ *trực*. Bởi lẽ ấy cho nên tôi nói rằng *lương tri* tức là *trực giác*. Phan tiên sanh lại hiểu cách khác, cho chữ *lương* là lành mà *lương tri* là biết điều lành ; chữ *trực* là thẳng, mà *trực giác* là biết thẳng, cho nên tiên sanh nói rằng : "*Lương tri là nói về tánh, còn trực giác chỉ nói về cái cách nhận thức của nhà triết học dùng mà thôi.*" Phan tiên sanh với tôi mỗi người theo một ý hiểu của mình mà nói, cho nên mới thành ra không đồng với nhau được. Nay tôi cứ theo cái định nghĩa của chữ *lương tri* và chữ *trực giác* mà giữ vững cái ý kiến của tôi, phải trái thế nào xin để độc giả tự quyết định lấy, thì có lẽ êm hơn.

II. – *Trung dung* – Phan tiên sanh nói rằng Khổng Tử cho đạo trung dung là cực khó, mà tôi lại bảo là dễ. Trước tôi xem không kỹ, thành thử bàn ra ngoài đề mất mấy điều, nay xin bàn lại cho rõ. Nhân vì tôi viết trong quyển *Nho giáo* rằng : "Đạo của Khổng Phu tử là đạo trung dung, tuy không huyền diệu, siêu việt như đạo Lão, đạo Phật, nhưng cũng cao minh lắm và lại rất thích hạp với chân lý, thật là cái đạo xử thế rất hay rất phải, *ai theo cũng được và thi hành ra đời nào cũng được*". Đó là cái khởi điểm sự biện luận của Phan tiên sanh với tôi trong vấn đề nầy. Ý tôi nói trong câu ấy là thế nầy

: Đạo trung dung tức là đạo người quân tử rất hay, rất phải, người xứ nào theo cũng được, mà bao giờ thi hành ra cũng được, cũng như là nói : Đạo ấy đã là cái đạo phải, thì dẫu người ở xứ nào hay là thời nào cũng cần phải theo. Nói như thế không có ý gì là ý bảo đạo ấy rất dễ. Vì Phan tiên sanh ngộ nhận chỗ ấy, cho nên mới trách tôi nói không đúng, rồi tiên sanh mới viện những lời của Khổng Tử cho trung dung là rất khó để bác cái thuyết của tôi. Quả thật không lúc nào tôi nghĩ đến sự cho trung dung là dễ, bởi vì tôi đã xem kỹ sách *Trung dung*, tôi há lại không biết Khổng Tử nói đạo ấy là khó hay sao ? Tôi chỉ nói rằng đạo ấy rất hay, ai dùng, hay dùng vào thời nào cũng hạp lý chớ không phải là dở, hay là trái thời.

Chỗ ấy đã rõ rồi, thì nay nên xét xem tại sao Khổng Tử đã cho trung dung là khó, mà lại còn đem dạy người ta. Cứ như ý tôi hiểu, thì thủy chung Khổng Tử vẫn lấy trung dung mà hành đạo, vì trung dung là vừa phải, không thái quá và không bất cập, tức là đúng với chân lý, nó theo lẽ điều hòa mà lưu hành. Đã là vừa phải, thì ai ở vào địa vị nào cũng phải lấy cái vừa phải là hay, người thường ta lúc nào cũng tìm cái vừa phải. Trong những việc nhật dụng thường hành của ta, bao giờ ta cũng muốn được cái vừa phải, chớ không cho sự thái quá và bất cập là phải, cho nên Ngài theo cái *nhân sanh triết lý* mà dạy người ta theo trung dung, tức là theo cái vừa phải.

Theo cái vừa phải thì ai cũng theo được, bởi vì mỗi người có một cái địa vị, mỗi một địa vị có một cái vừa phải, nếu điều gì ta cũng theo cái lý tự nhiên, đừng để cái tư tâm, tư dục làm ám muội mất cái lý ấy đi, thì biết được thế nào là vừa phải, thế nào là không vừa phải. Như thế là nói trung dung ai cũng có thể biết được và có thể làm được. Song lúc nào cũng theo được trung dung, không lúc nào bỏ quên cái công lý, không lúc nào để cái tư tâm, tư ý, làm ám muội mất cái sáng suốt của mình, thì thật là khó, dẫu đến bậc thánh nhân cũng không làm đến cực điểm vậy. Bởi vậy Khổng Tử mới đem cái khó ấy mà nói cho người ta biết, để đừng tưởng trung dung là dễ. Ta đã biết nó là hay mà nó lại khó như thế, ta muốn theo, thì phải cố gắng, cố gắng một không được thì phải cố gắng mười, mười không được phải trăm, phải ngàn, cho đến được mới thôi. Đã được rồi, tất là thành người quân tử tôn quý. Như thế là khó lắm, vì phi bậc thánh nhân đã dễ mấy ai bỏ hết được cái

tư tâm tư dục ; mà khi đã có cái lòng tư ấy, thì làm thế nào cho khỏi thiên lệch được. Song kẻ học giả đã biết trung dung là khó mà muốn học theo đạo thánh hiền, thì phải cố hết sức để cho tới mục đích. Cái mục đích giáo dục là ở sự cố gắng, không có cố gắng là không có giáo dục. Khổng Tử hiểu như thế cho nên ngài dạy người ta theo đạo trung dung mà ngài vẫn nói trung dung là khó.

Nay Phan tiên sanh nói rằng : "*Đã khó như vậy còn bày ra làm gì*". Nếu vậy, bao nhiêu cái khó bỏ đi hết, thì còn dạy người ta cái gì nữa ? Thà rằng nói cái dở phải bỏ đi, chớ nói cái khó phải bỏ đi, thì tôi không hiểu. Muốn cho hay lại nói không cố gắng làm việc hay, thì hay làm sao được ? Ta chỉ cần biết cái đạo ấy có hay, hay không. Nếu hay thiệt, thì ta phải học cho đến được. Bởi vậy mới có sự tu dưỡng, có sự mãnh miễn để gây cho ta một cái nhân cách cao thượng, để làm cho loài người càng ngày càng chiếm được cái địa vị tôn quý về đường tinh thần. Ấy cái lý tưởng của Nho giáo là thế. Cái lý tưởng ấy cũng như lý tưởng của các tôn giáo khác, của các học thuyết khác, phải có một cái rất khó, để khiến người ta cố gắng mà luyện tập. Tôn giáo nào, hay là học thuyết nào, mà bỏ mất cái khó đi, thì không phải là tôn giáo, là học thuyết nữa.

Song Phan tiên sanh lại nói : Vì cái khó của trung dung cho nên mới thành ra có bọn hương nguyện. Điều ấy tôi đã nói trong số 60 báo *Phụ nữ* nầy rồi. Chỉ cốt có một điều người theo cái lý tưởng trung dung cũng như theo cái lý tưởng khác, có thành thực hay không. Thành thực là được, không thành thực là bậy là hương nguyện, là đáng khinh bỉ. Vậy như ý tôi thì ta nên công kích bọn hương nguyện, mà ta không nên bỏ trung dung. Phan tiên sanh nói là : *giận rận đốt áo*.Song áo có rận là vì ta không biết cách ăn ở cho sạch sẽ. Nay ta muốn không có rận, thì phải biết ở sạch, đem áo mà giặt, mà nấu lên, cho chết hết rận, chớ việc gì đem đốt áo đi, có phí của không ? Đốt áo cũ đi, mặc áo mới vào, mà lại ở bẩn như trước, thì biết đâu rồi lại không có nhiều rận hơn trước. Vậy có rận thì trừ rận đi, xin đừng đốt áo.

III. *Quân quyền*. - Về cái lý thuyết quân quyền của Nho giáo, thì tôi đã bàn với Phan tiên sanh hết lẽ rồi. Phan tiên sanh tuy không chịu, nhưng cũng không cãi lại nữa. Nếu quả thật tôi không đồng ý với Khang Hữu Vi tiên

sanh bên Tàu, thì thật là cái danh dự cho tôi. Còn như nói "*Việc sờ sờ trước mắt mà cắt nghĩa ra như thế*", thì tôi xin đáp lại rằng : Việc sờ sờ trước mắt là một lẽ, việc nói nghĩa lý là một lẽ. Có khi việc nghĩa lý không hợp với cái cảnh hiển nhiên trước mắt. Ta đi học ta theo cái nghĩa lý, chớ không cần phải theo cái cảnh hiển nhiên trước mắt. Nói rằng Khổng Tử thờ vua lúc nào cũng tỏ ra lòng kính trọng, là đời Khổng Tử cái quân quyền thuộc về ông vua, mà cái nghĩa người làm tôi đối với ông vua lúc ấy phải như thế. Đến đời nay cái quân quyền đã biến đổi cái hình thể đi rồi, giả sử Khổng Tử có sanh ra ở đời nay, thì cũng theo cái nghĩa làm người đời nay mà đối với cái quân quyền, chớ không như trước nữa. Đó là đúng với đạo tùy thời của ngài.

Tôi cứ theo cái nghĩa lý mà nói, còn việc lạ tai hay không, không phải là việc nghĩa lý. Có khi ta thấy việc thuận tai, thuận mắt, mà vẫn là trái ; mà việc lạ tai, lạ mắt lại là phải. Vậy ta cứ việc phải mà theo. Chữ *quân* đổi ra chữ *chủ* cũng không hề gì, chỉ cốt xét xem cái nghĩa chữ *quân* có bỏ được hay không mà thôi, còn như không muốn dùng chữ ấy nữa, dùng chữ khác đồng nghĩa với nó, thì cũng không có việc gì là ngại trở. Vậy việc ấy không phải bàn nữa.

IV - *Khổng giáo với Khoa học.* – Trong các vấn đề, có cái vấn đề nầy quan trọng hơn cả, thiết tưởng nên bàn lại cho kỹ. Trước khi nói đến những điều của Phan tiên sanh đã xướng lên, tôi xin phép bàn rộng ra cho rõ cái bổn ý của tôi, rồi sau bàn đến những ý kiến của Phan tiên sanh thì mới minh bạch được.

Tôi không phản đối khoa học, vì khoa học là cái hiệu quả của sự cố gắng chung cả nhân loại ngày nay, ai cũng cần phải có, thì mới sanh hoạt được. Song người ta sống ở đời không phải chỉ cần có phần vật chất và phần trí tuệ mà thôi, phải cần có phần tâm nữa. Vì tâm là chủ trong sự tư tưởng và sự hành động của người ta. Bởi chưng tôi nghĩ rằng trong khi ta theo khoa học của người, ta phải gây lấy cái tâm học của ta, để làm cái gốc, rồi nhân cái gốc chắc chắn mạnh mẽ ấy, mà dùng các ngành khoa học để theo người mà tiến hóa. Ta tiến hóa như thế, thì ta không bỏ mất cái đặc tánh của ta, mà những sự tiến hóa của ta có nghĩa lý và chắc chắn, không đến nỗi hồ đồ hỗn độn, không biết gốc ở đâu, ngọn ở đâu. Cái tâm học của ta định gây lên đây,

phải sở cứ vào cái gì. Tôi tưởng những tôn giáo và học thuyết mà đã đào tạo ra cái tinh thần, cái tư tưởng của ta từ xưa đến nay, thì có Khổng giáo, Lão giáo, và Phật giáo. Khổng giáo, vì nó đã thâm nhập vào trí não người mình và có cái cội rễ sâu xa quan hệ đến học thuật, phong tục và chánh trị của mình, cho nên tôi bắt đầu xét Khổng giáo.

Khổng giáo là một khoa triết học, vì triết học là cái học về các nguyên lý (principes) và các nguyên nhân (causes) hay là những thống hệ về những tổng niệm (notions générales) của tất cả các sự vật, cốt để định rõ cái nghĩa của nhân sanh ở đời và cái địa vị của người ta ở trong tạo hóa. Xét kỹ cái triết học của Khổng giáo rồi đem so với triết học bên Tây, thì ta thấy nó cũng có đủ bốn phần trọng yếu như triết học của Tây. Bốn phần ấy là : tâm lý học, luận lý học, siêu vật học, và luân lý học. Trong bốn phần ấy có hai phần rõ hơn là siêu vật học (tức là phần hình nhi thượng học) và luân lý học, còn hai phần kia là tâm lý học, và luận lý học thì không được rõ lắm, là vì cái phương pháp không giống như phương pháp của Tây, cho nên khi mới xem qua, ta thường không trông thấy. Như tâm lý học thì vẫn là một phần trọng yếu trong cái học của Khổng Tử, nhưng không lập ra thành cái học rõ ràng. Về sau Mạnh Tử và Tuân Tử mới giảng diễn rõ hơn. Về phần luận lý học thì chính Khổng Tử khởi đầu xướng lên cái học chánh danh, nhưng cái thuyết của ngài chỉ thật rõ ở mấy câu trong sách *Luận ngữ* và ngầm ngấm ở trong sách *Xuân thu* mà thôi, rồi sau đến Tuân Tử mới lập thành ra cái thuyết, khả cho là có giá trị lắm.

Khổng Tử sở dĩ không dùng phép luận lý như của Tây, là vì ngài chủ lấy trực giác của tâm làm cái biết nhanh hơn và rõ hơn. Trong cái trực giác ấy tuy gồm có cả lý trí nữa, nhưng lý trí không phải là phần chủ động, cho nên khi ta xem xét điều gì trong Khổng giáo, nếu ta không đem cái tâm hư, nhứt, mà trông rộng ra ngoài vòng lý trí, thì thường không thấy rõ được. Cái luận lý ấy của Khổng giáo vẫn hạp lý mà lại có phần sâu xa hơn, nhưng chỉ vì khó lắm, ít người theo được. Song nó cũng là một phương pháp.

Ta sở dĩ không thể lấy một lý trí mà xét cái chân lý được, là vì lý trí nó không được chắc chắn lắm. Hãy xem như hiện đời nay, những nhà triết học như ông Boutroux bên nước Pháp còn nói rằng : "*Cái lý trí của ta là cái để*

cho các giác quan và cái tưởng tượng của ta sai khiến, những cái ấy là cái quyền lực lưu đãng và già trá ; mà cái lý trí thì uốn ra mặt nào cũng được. Cà là quân thượng, cà là nô lệ, ấy là cái lý trí của ta vậy." (Notre raison est le jouet de nos sens et de notre imagination, puissance dereglées et trompeuses, et elle est déployable à tout sens. Souveraine et esclave, telle est notre raison). Chính nhà đại triết học nước Pháp là Pascal cũng nói phải lấy tâm mới biết được rõ các nguyên lý, là bởi "***cái tâm có những lẽ của nó, mà lý trí không biết được***" (Le coeur a ses raisons que la raison ne connait point). Vậy xét những việc sâu xa mà chỉ dùng lý trí là không đủ, cần phải có tâm nữa, cho nên cái phương pháp dùng trực giác, dẫu Phan tiên sanh có tin hay không mặc lòng, vẫn là cái phương pháp rất có giá trị trong triết học và khoa học.

Khổng giáo đã là một khoa triết học mà lại có thế lực trong xã hội như một tôn giáo, bởi vậy tôi nói cái tinh thần của Khổng giáo là cái tinh thần văn hóa của dân tộc ta. Đời xưa khoa học chuyên môn không có, cho nên các học thuật thường rút cả vào một mặt tâm học, cho cái tâm là chủ cả vạn vật vạn sự, nên chi Khổng giáo nói cái thuyết "*minh minh đức, thân dân* v.v." ở sách *Đại học*, và đời sau cũng lấy cái thuyết ấy làm cái chìa khóa cho sự học của Khổng giáo. Cái tâm học ấy đã gây ra hạng người quân tử ở trong xã hội và các nhân vật trong lịch sử về đường chánh trị. Đến ngày nay dẫu có khoa học, nhưng cũng không bỏ được tâm học, vì nó là cái nền văn hóa của ta. Cũng như bên Thái Tây bây giờ ai chẳng khuynh hướng về khoa học, thế mà họ vẫn giữ cái nền tôn giáo Cơ đốc để làm gốc. Vậy ta nay phải theo khoa học thì cứ theo, nhưng ta cứ giữ lấy cái nền Khổng giáo, cốt lấy nhân, nghĩa, lễ, trí, mà tu thân và xử thế. Đời bây giờ xã hội nào cũng cần có khoa học và tâm học, để hai bên tương đối và tương điều hòa với nhau. Bên tâm học thì chủ ở sự tiến hóa về đường đạo lý, bên khoa học thì chủ ở sự tiến hóa về đường trí tuệ và đường vật chất. Hai bên hội hiệp lại làm cho cái tinh thần mạnh lên.

Tôi nghĩ như thế, cho nên tôi cố sức muốn duy trì cái nền Khổng giáo, mong rằng người minh đừng quá thiên về một mặt khoa học hay là một mặt tâm học mà rồi thành ra chếch lệch, có thể hại cho tinh thần ; bởi tôi sợ như

lời một nhà văn sĩ bên Tây nói rằng : "*Có khoa học mà không có lương tâm, chỉ là cái hại cho tinh thần*" (Science sans conscience, n'est que ruine de l'âme). Nếu cái tinh thần đã hèn yếu, thì còn tiến hóa làm sao được ?

Tôi đem những điều ấy nói ra đây như vậy, là tôi muốn độc giả hiểu rõ cái ý kiến của tôi, để sau nầy bàn đến những ý kiến của Phan tiên sanh khỏi có sự hiểu lầm.

Nay xét những ý kiến của Phan tiên sanh đối với Khổng giáo, đã nói ở trong hai kỳ báo *Phụ nữ* số 54 và 64, thì tiên sanh bảo chỉ nên giữ cái phần tu thân làm người quân tử ; còn theo cái nghĩa rộng của khoa học, thì tiên sanh cho cái gì nghịch với khoa học, như "*cái vẻ huyền học của Khổng giáo*", hay là cái gì mà ngại trở cho khoa học, như "*chỉ nói cái lẽ đương nhiên, mà không nói cái lẽ sở dĩ nhiên*" cùng là "*cái chủ nghĩa quân chủ trái với chủ nghĩa duy dân*" thì nên bỏ cả. Phan tiên sanh lại cho "*cái phương pháp chuyên dùng trực giác hại cho tinh thần khoa học*" và theo cái nghĩa hẹp của khoa học, thì ngày nay dẫu có số ít người chán nản khoa học mặc lòng, số nhiều người vẫn thích khoa học. Những điều Phan tiên sanh đã xướng lên, tóm lại là thế.

Nay tôi cứ theo lần lượt xem có điều gì trong những điều ấy, nên đem bàn lại, thì bàn một lần nầy nữa cho rõ. Nói rằng nên giữ phần tu thân của Khổng giáo, thì tôi cũng đồng ý với tiên sanh, không cần phải nói nữa. Còn nói rằng cái gì nghịch với khoa học thì bỏ, tôi cũng có cái ý ấy, song tôi không muốn nói như Phan tiên sanh ; tôi muốn nói cái gì không thuận lý, cái gì không hạp thời, thì nên bỏ. Đại để những ý kiến ấy đều tương dung được cả. Duy có những điều trong Khổng giáo mà Phan tiên sanh đã đem ra làm chứng, bảo là nghịch với khoa học, hay là làm ngại trở cho khoa học, thì tôi không chịu, cho nên phải bàn lại cho rõ các lẽ.

1/ Phan tiên sanh nói rằng : "*Cái huyền học của Khổng giáo trái với khoa học*", rồi tiên sanh dẫn cái thuyết "*minh minh đức, tân dân, chỉ ư chí thiện*" làm bằng chứng. Tiên sanh cho là "*khoa học trọng chứng cứ và thực nghiệm. Cái thuyết minh tân chỉ là một cái lý tưởng cao siêu, chớ đem mà đối chiếu với lịch sử thì không thể chứng nghiệm là thực được* v.v." Trước khi bàn cái thuyết ấy, tôi xin sửa chữ *tân* lại là chữ *thân* cho đúng nguyên

văn. Bởi vì đến đời Tống, Trình Tử và Chu Tử, lấy ý kiến của mình đổi chữ *thân* ra làm chữ *tán*. Cái nghĩa tại làm sao các ông ấy lại muốn đổi đi như thế, không phải là chỗ ta bàn ở đây. Song trong nguyên văn vẫn để chữ *thân* và những Nho gia như Lục Tượng Sơn và Vương Dương Minh, đều theo nghĩa chữ *thân* cả. Mà xét kỹ ra, thì cứ theo nguyên văn để chữ *thân* mới sáng nghĩa. Vậy sau nầy xin cứ theo chữ *thân* và nghĩa trong sách, cùng cái ý của tiên nho mà xét xem cái thuyết ấy có đúng khoa học hay không.

Trong số 64, Phan tiên sanh không định rõ thế nào là nghĩa rộng và thế nào là nghĩa hẹp của khoa học. Nay tôi cứ theo cái định nghĩa (définition) của chữ khoa học mà đoán, thì nghĩa rộng của khoa học tức là nói tổng cộng các mối tri thức của người ta, có lý quán thông và có phương pháp mà lập thành thống hệ. Nghĩa hẹp là nói riêng về một mối tri thức rất xác thực, như hóa học, vật lý học, v.v.

Theo cái nghĩa như đã nói ở trên, thì Khổng giáo là khoa triết học có lý quán nhất, có phương pháp và có thống hệ, tức là nó vẫn hạp với khoa học. Ta đã biết cái phương pháp của Khổng giáo là lấy *trực giác* làm chủ, mà cái thống hệ của Khổng giáo là *thiên địa vạn vật nhứt thể* (panthéisme). Vậy ta xét xem cái phương pháp của Khổng giáo có tương hạp với cái phương pháp của các triết học phương Tây không.

Đại phàm những khoa triết học của Tây thường theo hai phương pháp : Một là cái phương pháp chứng luận (méthode démonstrative) lấy cái định nghĩa tiên thiên đích (définition posée à priori) hay là một cái giả định (hypothèse) làm căn bổn. Hai là cái phương pháp thực nghiệm (méthode expérimentale) lấy sự quan sát của giác quan làm căn bổn. Cái phương pháp chứng luận thì khi đã nhận một cái lý nào làm căn bổn rồi, cứ lấy cái lý ấy làm chứng mà luận, các quan niệm khác đều phải hạp với cái chứng luận ấy mới được. Phương pháp ấy thì chỉ theo thuần lý mới xét được, chớ theo thực nghiệm thì khó xét ra được. Còn cái phương pháp thực nghiệm đã chủ ở sự thực nghiệm, thì chỉ biết những điều do sự quan sát của giác quan mà thôi, chớ không biết được những điều do cái tâm mà phát minh ra.

Khổng giáo dùng cái phương pháp thứ nhứt, theo cái chủ nghĩa *thiên địa vạn vật nhứt thể* và lấy cái định nghĩa *tiên thiên đích* làm gốc, cho thiên

hạ như một nhà, một nước như một người. Đã là thiên địa vạn vật cùng đồng một thể thì cái đạo nhân của tâm tất là cùng với cái đạo nhân của trời đất và vạn vật hiệp làm một, thành cái đạo nhân của nhứt thể. Cái đạo nhân của nhứt thể bởi đâu mà ra ? Bởi tánh của Trời phú cho, tự nhiên nó linh chiêu, không mờ tối vậy, cho nên mới gọi là *minh đức*. Nếu ta không làm cho sáng cái minh đức ấy ra, mà để cho lòng dục động lên, cái tư tâm tế tắc mất cả, thì cái lợi cái hại chống nhau, lòng tức, lòng giận, khêu lên, đến nỗi tàn hại lẫn nhau, thậm chí có khi cha con anh em giết nhau, thành ra cái đạo nhân của nhứt thể mất đi. Bởi vậy thánh nhân dạy rằng, cái học của bực đại nhân là cốt bỏ cái tư tâm, tư dục, để tự mình làm cho sáng cái minh đức của mình.

Cái minh đức của mình đã sáng ra, thì tất là có lòng thân dân. Làm cho sáng cái minh đức là lập thành cái *thể* của *thiên địa vạn vật nhứt thể* ; thân dân là đạt được cái *dụng* của *thiên địa vạn vật nhất thể*. Cho nên *minh minh đức* là ở sự *thân dân*, mà sự *thân dân* là để làm cho sáng cái *minh đức*. Ta thân cha ta để cho kịp đến cha người và cha thiên hạ, rồi sau cái nhân của ta mới thực là cùng với cha ta, cha người và cha thiên hạ hiệp làm nhứt thể như thế, thì rồi sau cái *minh đức* của sự hiếu mới sáng rõ ra được. Ta thân anh ta là để cho kịp đến anh người và anh thiên hạ, rồi sau cái nhân của ta mới thực là cùng với anh ta, anh người và anh thiên hạ hiệp làm nhứt thể. Có thực hiệp làm một thể như thế, thì rồi sau cái *minh đức* của sự *để* mới sáng rõ được. Vợ chồng cũng vậy, vua tôi cũng vậy, không có điều gì là không thực có mà được thân như thế, để đạt cái nhân nhứt thể của ta. Nhiên hậu cái minh đức của ta không có cái nào là không sáng, và mới thật có thể lấy thiên địa vạn vật làm nhứt thể được. Bởi thế mới nói rằng sáng cái minh đức thiên hạ, và mới nói rằng gia tề, quốc trị, thiên hạ bình. Cái thuyết *minh minh đức, thân dân* khởi tự thân mình ra đến thiên hạ quán thông như vậy. Nếu đổi chữ *thân* ra chữ *tân* thì cái lý ấy không suốt được.

Ba cái cương lĩnh trong sách *Đại học* là minh minh đức, thân dân và chỉ ư chí thiện. Minh minh đức là đối với mình, thân dân là đối với người, chỉ ư chí thiện là cái kết quả hoàn toàn của hai cái cương lĩnh kia. Đối với cái cương lĩnh *minh minh đức* có năm điều mục là, cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân ; đối với cái cương lĩnh thân dân có ba điều mục là : tề

gia, trị quốc, bình thiên hạ, điều ấy lấy lòng thân ái làm cốt yếu. Đối với mình hay đối với người, đều phải đến chỗ *chí thiện*, tức là đến hết cái tánh bổn nhiên của trời phú cho mới thôi.

Cái nghĩa của ba cương lĩnh trong sách *Đại học* rõ như vậy, và quán thông từ gốc chí ngọn, thật là rất hạp với cái phương pháp chứng luận của Tây. Nay Phan tiên sanh theo cái nghĩa chữ *tân*, mà cho là "*lấy mình mà cảm hóa mọi người từ gần đến xa, tức là do nhà ra nước, ra thiên hạ*" **là không phải, và lại trái với khoa học như tiên sanh đã nói thật. Vì tiên sanh không xét cho kỹ cái nghĩa nguyên văn từ đời xưa, và lại nệ về cái học của ông Trình, ông Chu, cho nên mới có sự lầm đó. Giá tiên sanh bẻ lỗi ông Trình, ông Chu, thì phải, chớ đem đổ lỗi ấy cho Khổng giáo thì thật là tiên sanh lầm.**

Kế đến câu : "*Người quân tử chẳng ra khỏi nhà mà nên sự giáo hóa ở trong nước... Chưa hề có ai học nuôi con rồi sau mới gả chồng*". Tôi e lời phán đoán của Phan tiên sanh cũng không đúng. Xin đem nghĩa cả đoạn ấy mà cắt rõ ra xem có thực như lời tiên sanh nói không. Sau khi đem ba cái cương lĩnh và tám cái điều mục đã nói trên kia vào sách *Đại học* rồi, Tăng tử hay là học trò Tăng tử mới diễn cái nghĩa thế nào là thành ý, là tu thân, là tề gia, là trị quốc, là bình thiên hạ. Trong cái mục nói về trị quốc, thì cả đoạn như thế nầy : "*Sở vị trị quốc ắt trước phải tề gia. Nhà mình không dạy được mà dạy được người, thì không có. Cho nên người quân tử không ra khỏi nhà mà nên sự giáo hóa ở nước* : Hiếu là thờ cha được, thì suy ra thờ vua cũng được ; đễ là thờ anh được, thì suy ra thờ kẻ tôn trưởng cũng được ; từ thiện là xử với người trong nhà được, thì suy ra để sai khiến dân chúng cũng được. Thiên *Khang cáo* nói rằng : Như nuôi con đó, lòng tinh thành tìm đó, tuy không trúng, nhưng cũng không sai mấy. *Chưa có học nuôi con rồi sau mới gả chồng vậy*". Khúc trên từ chữ *sở vị trị quốc* cho đến *từ thiện là để khiến nhân chúng*, ý nói người quân tử lấy hiếu, đễ, từ mà dạy người trong nhà. Hễ lấy những điều ấy mà dạy người trong nhà không được, thì dạy thế nào được người trong nước. Vì về đường đạo đức, thì sự giáo hóa của thân mình, của một nhà, của một nước, bao giờ cũng lấy ba điều ấy làm cốt. Ở trong nhà biết hiếu với cha, tức là ở trong nước biết cách thờ quân thượng ; ở trong nhà biết đễ với anh, tức là ở trong nước biết cách thờ kẻ tôn trưởng ; ở trong

nhà từ thiện với nhau, tức là ở trong nước biết cách sai khiến dân chúng. Sự giáo hóa ở trong nhà mà nên, thì sự giáo hóa ở trong nước cũng nên. Đã theo cái thuyết *nhứt thể*, thì người một nhà và người một nước cũng phải theo một đạo giáo hóa, chớ không ra ngoài cái đạo ấy được. Cái căn bổn lập giáo là cần phải biết mối đầu rồi suy rộng ra, thì đâu đâu cũng thế cả. Cho nên nói rằng : "*Người quân tử không ra khỏi nhà, mà nên sự giáo hóa ở trong nước.*" Cái nghĩa khúc ấy hiểu rõ rồi, nhưng người làm sách *Đại học* lại dẫn thêm cái chứng ở thiên *Khang cáo* trong kinh *Thư* và kết luận một câu rằng : "*Chưa có học nuôi con rồi mới gả chồng*". Ý nghĩa câu ấy ăn với câu chứng ở thiên *Khang cáo* rằng : "*Như nuôi con đỏ, lòng tinh thành tìm đó, tuy không trúng nhưng cũng không sai mấy.*" Lòng tinh thành tìm đó, là tìm cái thị dục của đứa trẻ. Câu ấy là nói ví người coi việc trị dân cũng như mẹ nuôi con mới đẻ. Mẹ nuôi con đỏ là hết lòng yêu mến con, cho nên tuy con muốn cái gì không nói ra được, nhưng cái lòng tinh thành của mẹ yêu con tự nhiên hiểu được. Việc trị dân cũng phải như vậy, mình phải tinh thành yêu mến dân, thì lúc dân muốn cái gì, mình hiểu ngay. Nghĩa là phải lấy cái tâm tinh thành, tức là cái trực giác mà hiểu dân, thì biết rõ sự cần dùng của dân. Tâm là cái bổn nhiên của Trời phú cho, vẫn có sẵn ở trong người ta rồi, không phải học mà được, hễ đừng để nó bị tế tắc về điều gì, thì tự nó sáng suốt. Bởi cái nghĩa ấy cho nên mới lấy câu "*chưa có học nuôi con rồi sau mới gả chồng*" mà kết luận. Câu ấy là theo cái nghĩa câu trên nói : mẹ nuôi con là bởi lòng tự nhiên yêu con, mà hiểu sự thị dục của nó, chớ không phải có học mới biết yêu con.

Cái nghĩa câu ấy là thế, chớ không phải như Phan tiên sanh đã hiểu : "*Chưa học nuôi con*" là chưa học cách nuôi con như ta thường hiểu ngày nay. Bởi tiên sanh hiểu như thế, cho nên mới nói là trái với khoa học.

Thiết tưởng rằng phàm đã gọi là triết học, tất có cái nghĩa tinh vi ; hễ sai một li là đi một dặm. Nếu ta nghĩ không kỹ mà vội vàng phán đoán, thì thường hay có sự sai lầm. Huống chi đã nói : "*Bất dĩ từ hại ý*", thì ta há lại không nên cẩn thận lắm hay sao ? Cái thuyết của Phan tiên sanh đã không đúng với nghĩa trong sách, mà lại lấy cái thuyết ấy bẻ sách, thì theo cái luật của cô Logique mà tiên sanh đã quen đó, gọi là phạm vào luật nào ?

Cái thuyết "*minh minh đức, thân dân, chỉ ư chí thiện*" là cái quan kiện của sự học trong Khổng giáo, mà Phan tiên sanh phê bình một cách khinh suất như thế, thì cũng lạ thật ! Tiên sanh nên nghĩ lại xem phê bình như thế, có ích gì cho sự học vấn không. Chắc rằng tiên sanh cứ giữ cái ý kiến của mình mà nói rằng : "*Khoa học trọng cái chứng cứ thực nghiệm v.v.*" Vậy chớ tiên sanh đã thấy có mấy cái lý thuyết triết học đúng hẳn với sự thực nghiệm chưa ? Khi ta xét một khoa triết học thuần lý thì ta phải xét xem nó có đúng với cái lý mà đã nhận làm chuẩn đích hay không. Nếu có đúng là hạp khoa học rồi ; chớ lại lấy cái triết học thực nghiệm mà xét cái triết học thuần lý, thì xét sao được. Bởi vì mỗi bên theo một phương pháp khác nhau, thì không có thể lấy cái nọ mà xét cái kia được. Nếu lại muốn rằng cái lý thuyết của triết học phải đúng với sự thực nghiệm, thì tôi tưởng không còn gì là triết học nữa. Vậy nói rằng cái thuyết *minh minh đức, thân dân*, không đúng khoa học là tôi không chịu, vì những nghĩa của tiên sanh hiểu đều sai cả.

2/ Phan tiên sanh nói trong số 54 rằng : "*Khổng giáo trái với Tây học, vì cái chủ nghĩa tôn quân trái với chủ nghĩa duy dân.*" Trong số 60 tôi chỉ nói cái quân quyền mà không nói đến cái chủ nghĩa duy dân. Nay nhân tiện xin nói thêm mấy lời cho hết ý. Khổng giáo có cái chủ nghĩa quân quyền thật, song chữ *quân* có cái nghĩa rộng như tôi đã bàn, thì cái chủ nghĩa ấy không phải là chủ nghĩa chuyên chế. Cái thủ đoạn chuyên chế là cái thủ đoạn của bọn đế vương lạm dụng cái quân quyền đó mà thôi.

Khổng giáo đã không có cái chủ nghĩa chuyên chế, thì tất là có cái chủ nghĩa duy dân. Song cái chủ nghĩa duy dân của Khổng giáo không giống cái chủ nghĩa duy dân thời nay. Cái chủ nghĩa duy dân thời nay cốt ở sự bình đẳng, chính nghĩa là bình đẳng trong luật pháp, nhưng nhiều người hiểu là bình đẳng hoàn toàn cả, và cho bọn hạ dân cũng có quyền cai quản, cũng tham dự chánh trị. Cái chủ nghĩa duy dân của Khổng giáo thì chủ ở trật tự, lấy đức, lấy tài, mà phân trên dưới, và nhận có cái bình đẳng ở trong luật pháp, mà không nhận có cái bình đẳng hoàn toàn khắp cả. Cái bình đẳng hoàn toàn ấy, thì ở trong vũ trụ thật quả không có, cho nên Khổng giáo không nhận là có. Còn cái bình đẳng ở trong luật pháp, thì xem như lời giả thuyết trong sách *Mạnh Tử* mà Phan tiên sanh vừa bác trên kia, vua Thuấn

làm thiên tử mà cha là Cổ Tẩu có tội, quan tư pháp là Cao Dao cứ bắt trị tội. Phép công chỉ biết có cái lý, chớ không biết có cái thế, như vậy là bình đẳng trong luật pháp.

Khổng giáo vẫn lấy dân làm trọng, cho thiên hạ là của chung của thiên hạ. Theo lý công nhiên thì vua Nghiêu làm thiên tử không có thể đem thiên hạ cho vua Thuấn được, chỉ có thiên hạ theo ai là người ấy được. Ấy là hạp với cái tôn chỉ duy dân lắm. Song vì trong thiên hạ số người dở và người ngu nhiều hơn số người hiền và giỏi, cho nên phải theo hiền ngu, giỏi dở mà đặt ra trật tự trên dưới để người có đức, có tài, cầm quyền chánh trị mà giữ gìn muôn dân. Bất kỳ người dòng dõi vua quan hay con nhà thứ dân, hễ ai có đức có tài là được ra cầm quyền chánh trị. Người cầm quyền chánh trị phải nuôi dân, phải làm cho dân giàu, phải dạy dân. Dân là trọng, vua là khinh. Vua làm điều tàn bạo, dân có quyền trừ bỏ đi. Đó là cái chủ nghĩa duy dân của Khổng giáo, mà tôi cho là chánh đáng hơn cả. Bởi vậy tôi không đồng ý với Phan tiên sanh, vì tôi dám chắc rằng Khổng giáo không trái với chủ nghĩa duy dân. Xin tiên sanh hiểu cho rằng đây tôi chỉ nói cái *nghĩa duy dân* mà thôi, chớ không nói đến cái *chánh thể duy dân* vì nó là một việc khác.

Tôi nói như vậy, có lẽ Phan tiên sanh lại bẻ rằng : Từ xưa đến nay người mình vẫn học Khổng giáo sao không thấy thi hành cái chủ nghĩa ấy bao giờ ? Xin thưa rằng : Cái chánh thể của xã hội ta tự xưa đến nay tuy có chuyên chế, nhưng vẫn có một phần theo chủ nghĩa duy dân, là thường vẫn lấy những người có đức, có tài, trong dân ra làm quan tư. Vả lại ta cũng nên biết rằng xưa nay người học Khổng giáo thì nhiều, nhưng theo Khổng giáo mà làm thì ít. Thường những người làm vua làm quan chỉ mượn cái đạo của thánh hiền làm cái bình phong để che cái quyền lợi, chớ đã thật lúc nào chịu thi hành đạo của thánh hiền đâu. Vậy nên hòn ngọc tuy là quý, nhưng không ai biết dùng, thì dẫu quý đến đâu cũng không làm gì được. Nay ta biết nó là ngọc, thì cứ nói, ai dùng nó thì dùng, không dùng thì thôi, chớ bảo nó là đá, thì tôi không chịu.

3/ Phan tiên sanh nói rằng Khổng giáo làm ngại trở cho khoa học, là vì chỉ nói cái lẽ đương nhiên, chớ không nói cái lẽ sở dĩ nhiên. Trước kia tiên sanh chỉ nói thế, chớ không nói rõ ở chỗ nào, cho nên tôi chỉ cắt nghĩa tại

làm sao mà thôi. Nay tiên sanh đã viện chứng rõ ràng, thì xin theo cái chứng ấy mà bàn lại. Tiên sanh lấy câu Khổng Tử trả lời cho Diệp Công hỏi về việc chánh, mà bảo : "*Ngài chỉ nói về quả mà không nói về nhân ; bảo nên làm như thế, mà không bảo cho biết cái phương thể làm thế nào. Ấy là trái với khoa học.*"

Ta phải biết rằng sách *Luận ngữ* là sách chép những câu chuyện người ta hỏi Khổng Tử cái gì, Ngài đáp lại thế nào, hoặc là những lời Ngài nói có ý nghĩa sâu xa. Trong sách ấy có nhiều câu nghĩ lâu thấm thía mới biết là hay. Cho nên người ta nói cái học của Ngài là cái học hàm súc. Vậy những lời của Ngài nói trong sách *Luận ngữ* không phải là chỉ để giảng dạy một cái lý thuyết nào, mà bảo đã dạy, sao lại không nói cho có đầu có đuôi, để người ta biết các lẽ. Nay Phan tiên sanh lấy những câu vấn đáp vắn tắt trong lúc nói chuyện mà bẻ, thì tôi cho là không phải. Song đã bẻ, thì tôi cứ lấy cái hiểu của tôi mà đáp lại.

Cái lối dạy của Khổng Tử là cứ *đối chứng lập phương* chớ không nhứt định theo một cách thức nào. Những điều ấy tôi đã nói ở chương Mạnh Ý tử hỏi hiếu rồi, không cần phải nói lại nữa. Ngài biết Diệp Công ở nước Sở chỉ dùng sức mạnh mà trị nước, không biết cái gốc việc chánh trị là ở sự được lòng người, cho nên khi Diệp Công hỏi việc chánh, ngài trả lời rằng : "*Kẻ ở gần thì mến, kẻ ở xa thì đến.*" Nghĩa là việc chánh cốt là ở được lòng người, chớ không nên làm mất lòng người. Ngài nói thế mà Diệp Công nín lặng, là vì đã biết Ngài chê chánh sách của mình rồi, cho nên không hỏi lại nữa. Còn cái phương thế làm thế nào, là hiểu ngay phải theo nhân chánh mà thu phục lòng người. Nếu Diệp Công không hiểu mà không hỏi lại, thì Ngài cũng thôi, không bảo nữa. Lối ấy chính hạp lối "*cử nhứt ngung*" của Ngài.

Vì câu trả lời ấy khó hiểu cho người đời sau, cho nên trong sách người ta chú thích là : "*Kẻ ở gần chịu cái ơn mà mến, kẻ ở xa nghe tiếng mà đến.*". Những ý ấy ở ngoài lời nói, phải lấy ý mà hiểu mới được. Nếu cứ theo như Phan tiên sanh là khi nói cái *quả*, phải nói rõ cái *nhân*, thì ngay trong Tây học, những sách như *Les Pensées* của Pascal, hay là *Le Jardin d' Epicure* của Anatole France, có nhiều chỗ lại khó hơn những lời của Khổng Tử, tất là phải bỏ đi hết.

Sự giáo hối có mấy lối : có lối giảng diễn đủ mọi lẽ, học giả nghe là hiểu ngay ; có lối chỉ gợi ra cái cốt yếu, để cho người ta phải nghĩ mà hiểu lấy. Mỗi người theo một lối, ai thích lối nào theo lối ấy, miễn là lối nào cũng cần có cái chủ ý ám hạp với đạo lý thì thôi. Dẫu có muốn theo khoa học nữa, thì khoa học nào cũng chỉ cần có cái phương pháp, chớ không phải bao giờ cũng chỉ theo một phương pháp. Nay Phan tiên sanh chỉ dùng một phương pháp muốn điều gì đã nói cái lẽ đương nhiên là phải nói cái lẽ sở dĩ nhiên, và bắt bao nhiêu học thuyết cũng phải như thế cả, thì thật là tiên sanh có một cách hiểu sự học vấn rất lạ, xưa nay chưa ai nghĩ đến ! Cứ như ý tôi, thì câu Khổng Tử trả lời cho Diệp Công, tuy hơi khó một chút, nhưng có ý nghĩa ta nên biết lắm.

4/ Đó là nói cái nghĩa rộng của khoa học, còn đối với cái nghĩa hẹp của khoa học, thì Phan tiên sanh nói rằng : "*... còn mình chưa có khoa học, mà lại cần có, thì thế nào cũng phải đeo đuổi theo mới đặng. Mình ưng đi xe hỏa cho mau, thắp đèn điện cho sáng,* v.v". Nào tôi có bảo không nên theo khoa học ở đâu, mà tiên sanh phàn nàn như thế. Tôi đã nói ở số báo 60 : "*Nay ta ở vào thời đại có khoa học, và cần có khoa học, thì ta theo khoa học nhưng theo khoa học mà không bỏ mất tâm học, thì tâm với trí có thể điều hòa được với nhau.*". Nói như thế, có điều gì là bảo không nên theo khoa học ? Tôi muốn tỏ cái ý rằng khoa học tuy có nhiều điều hay, nhưng khi ta khuynh hướng về nó thái quá, thì cũng có điều không hay. Muốn cho rõ cái ý ấy, tôi mới đem cái ý chán nản về khoa học của mấy người thức giả bên Tây, để ta hiểu rằng những người ấy mà chán nản, tất là khoa học cũng có điều bất tiện.

Nếu nói rằng những người ấy là số ít, còn số nhiều thì cũng cho khoa học là hoàn toàn hay cả thì việc đó đã cố nhiên đi rồi. Thường những tư tưởng cao xa là ở bọn người số ít, chớ bọn người số nhiều là chỉ biết được cái thiển cận trước mặt mà thôi. Vậy nên về đường tư tưởng và tri thức, ta không nên quá tin ở số nhiều người. Tôi vẫn biết ai cũng thích "*phóng ô tô, đứng trong một chỗ diễn đàn rực rỡ, dưới chân lót mã nhục, trên đầu đèn điện v.v.*" Nhưng tựu trung lại không có người cho những cái đó không phải là cái sanh thú của người ở đời hay sao ? Như Phan tiên sanh thì cho người ấy là người quái lạ, nhưng *biết đâu* người ấy lại không cho bọn mình là lũ

cuồng dại. Xét cho cùng kỳ lý, thì đã chắc là ai phải : người ấy hay là bọn ta đây ? Nhưng mà thôi, nếu bàn như thế, thì viết cả quyển sách cũng không xong, mà không khéo tiên sanh lại cho là nói dông dài vô ích.

Nói rút lại, tôi không phản đối khoa học, song tôi chỉ muốn khoa học của Tây đi đôi với tâm học của ta. Được như thế thì tôi tưởng hay hơn cả.

Tôi vừa mới viết chữ *biết đâu* chắc là Phan tiên sanh đã lắc đầu rồi. Đó chẳng qua là tôi theo cái cách tư tưởng của tôi trong khi nghị luận. Hễ điều gì tôi biết chắc chắn, thì tôi nói quả quyết, điều gì tôi biết chưa được rõ lắm, hay là không chắc, thì tôi dùng chữ *biết đâu* để tỏ cái thái độ hồ nghi của tôi. Có lẽ tôi với Phan tiên sanh khác nhau ở chỗ đó. Tiên sanh nói điều gì là nói quả quyết, mà tôi thì tùy có điều quả quyết, có điều không quả quyết được, cho nên phải hồ nghi. Hai ta tuy không đồng, nhưng vẫn hòa được. Cũng như tiên sanh thì thích đến nhà cô Logique, mà tôi lại ưa nói chuyện ở nhà ta, thế mà ta vẫn theo chủ nghĩa *hòa nhi bất đồng*, kể cũng đã có phần hay lắm rồi.

Phan tiên sanh đã có lòng tốt cho tôi được dự cuộc bàn chuyện thánh hiền và chuyện khoa học, thật là một sự may mắn cho tôi lắm. Tôi cứ tình thật, đem cái sở kiến của tôi mà trình với tiên sanh. Phải trái thế nào đã có công luận quyết định.

Sau đây xin cảm tạ Phan tiên sanh đã cho tôi được cái dịp để tỏ chút lòng đối với Khổng giáo và Khoa học. Rồi ra có dịp nào khác nữa ta sẽ lại nói chuyện.(*)

TRẦN TRỌNG KIM

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn, s.71 (25.9.1930) ;
s.72 (2.10.1930); s.74 (16.10.1930)

(*) Sau này Trần Trọng Kim đem in hai bài thảo luận với Phan Khôi về Khổng giáo làm phụ lục trong sách *Nho giáo* (tái bản) của ông. Văn bản đưa vào sách có đôi chỗ khác biệt, như là nhuận sắc lại câu chữ so với bản đăng *Phụ nữ tân văn* (NST).

BỨC THƯ GỞI CHO PHAN KHÔI TIÊN SANH

Bài nầy của một vị độc giả ký tên là Hoành Sơn gởi tới biện nạn một bài của ông Phan Khôi đăng trong Phụ nữ tân văn.

Trước đây ông Phan có viết nơi mục "Tin nhàn qua lại" ở Trung lập *mà hỏi ông Hoành Sơn có bằng lòng đăng bài ấy ở báo nầy không, vì nếu đợi đăng ở* Phụ nữ *thì trễ quá. Nay đã được thơ ông Hoành Sơn trả lời nói bằng lòng, vậy xin đăng lên đây.*

Sau khi đăng bức thơ nầy của ông Hoành Sơn rồi, lẽ nào cũng sẽ có mấy lời ông Phan Khôi đáp lại.

TÒA SOẠN

Kính Phan tiên sanh

Chút thân thấp kém, thẹn mình xấu duyên, cõi thế bơ thờ, xa đường biện luận, tôi cũng đã nghĩ cho là một phương hay. Nào dè, nợ đời còn lắm, tình ái hãy nhiều, thời thế truân nan, sấm mưa vang động, lòng trần khó thoát, nghiệp chướng khôn tiêu, hôm nay mình lại buộc mình, gượng lay thêm phen bí mật.

Phan tiên sanh ! Tôi chẳng phải giả tặng khen ông, nhưng người như ông rất cần có cho đời, nhứt cho nền học thuật nước nhà. Ông có lẽ truân chi tài, tôi xin thật lòng nhìn nhận ; nhưng ông kém tệ truân chi đức, tôi lại cũng đã nghĩ được vậy. Đương truân nan chi thời, ông rõ lẽ lợi kiến hầu, tự cường, tự lập, không chịu mắc vào cái dấu vết cũ để phải ngưng trệ bước đường tiến hóa ; tôi cũng đương truân nan chi thời, vì cái lẽ lợi kiến hầu tiếc uổng cái tài kinh tế của ông, mới có thơ nầy dâng đến ông gọi là cái kế sách cho ông khỏi phải hãm thân hiểm địa.

Nói ra, nào có phải là tôi vì ông hay vì tôi, nhưng thật là vì cái mà ông đã vì. Ông phát huy cái thuyết chánh danh, tôi đọc đến mà mình đượm mồ hôi, lòng lấy làm kính giới. Cái công ông nghiên cứu đối cùng học thuật nước nhà không phải nhỏ. Ai đã đọc bài luận của ông, cũng thầm kinh phục cái tài của ông, nhưng sao ngoài ra sự ấy, từ hồi lại nghe như có cái chi nó chạm đến lòng tự ái của mỗi người, bắt phải khó chịu. Có lẽ bực thanh niên thì không thế, nhưng thánh hiền, có dễ gì người người đều là thánh hiền. Phan tiên sanh ! Ví chăng có bọn vô ý thức, cái thuyết chánh danh đâu nhọc đến ông phát huy !

"Sao không có mắt, để lầm lũi làm điều vô ý thức, vô nghĩa lý ?" Thưa tiên sanh, có mắt thì có, mà cái đàn lực tánh của hơi nước (force étastique de la vapeur d'eau) cũng nhường cho Denis Papin phát minh, phương thế giải mới cũng nhường cho Kha Luân Bố tầm kiếm. Nếu xưa nay cậy tài mà mắng được thiên hạ, ắt tiền nhân cũng đã dành phần. Nói thì nói vậy, mà thôi, ông được thế công, mặc tình ông múa giáo.

Giờ trớt lỡ lời, cũng liều vô phép một phen, nói leo chuyện khác. Tiên sanh trong khi biện luận cùng Trần tiên sanh, có lôi Khổng Mạnh lại nhà La Logique. Trần tiên sanh còn sờ sờ đó thì việc Trần tiên sanh, Trần tiên sanh tự có cách đối cãi. Còn Khổng Mạnh, Khổng Mạnh chết lâu rồi, vậy tôi ít nhiều cũng có nghĩa là học trò, tôi lãnh phần đối cãi. Gắt ý, ông cáo thầy Mạnh ba khoản :

1. Vạn Chương hỏi về sự Nghiêu đem thiên hạ cho Thuấn có không ;

2. Đào Ứng hỏi về sự Cổ Tẩu giết người, Cao Dao phải làm sao, Thuấn phải làm sao ;

3. Mạnh Tử bác cách định giá chợ của Hứa Tử.

Thưa tiên sanh, ba khoản tôi xin lãnh hai, còn khoản chót, tôi tra lại cho thầy Mạnh hay cho ai đủ tài biện hộ cho thầy Mạnh. Khoản nầy, tôi cũng đồng ý với tiên sanh, nghĩa là tôi không theo thầy Mạnh.

Bây giờ, tôi làm phần việc tôi. Tôi choàng áo biện hộ sĩ, dầu gì tiên sanh cũng nghe tôi nói cái đã.

1. Vạn Chương viết : "Nghiêu dĩ thiên hạ dữ Thuấn hữu chư ?".

Mạnh Tử viết : "Phủ ! Thiên tử *bất năng* dĩ thiên hạ dữ nhơn".

Mạnh Tử trả lời : "Không". Sự không thật. Nghiêu chỉ truyền ngôi cho Thuấn, nghĩa là chỉ cho Thuấn bờ cõi ngôi vị, nghĩa là tiến dẫn Thuấn, chớ thiên hạ là dân tâm, cho thế nào được ? Mạnh Tử trả lời đúng theo luận lý học. Mạnh Tử dùng cách suy luận ám chỉ (raisonnement implicite). (Có hai cách suy luận : 1. Suy luận tường thích : raisonnement explicite ; 2. Suy luận ám chỉ : raisonnement implicite)

a) Thiên hạ là của thiên hạ, không phải là của thiên tử. } *Tiền đề (Prémisses)*

Mà Nghiêu là thiên tử ;

Vậy thiên hạ không phải là của Nghiêu } *Quyết nghị (Conclusion)*

b) Thiên tử (người ta) không thể đem cái gì không phải của thiên tử cho người được ; Mà thiên hạ không phải là của thiên tử } *Tiền đề*

Vậy thiên tử chẳng thể đem thiên hạ cho người được } *Quyết nghị*

Cách suy luận ám chỉ ấy là đi ngay từ cái khởi điểm thẩm đoán (jugement initial) đến cái quyết nghị, bỏ bớt mấy cái trung gian thẩm đoán (jugement intermédiaires), nhưng hiển nhiên thì mấy cái trung gian thẩm đoán không phải là không có ở lý tưởng : nó chỉ có một cách ngầm ngầm, một cách ám chỉ.

Về mặt thực hành, những cái suy luận ám chỉ thể ấy rất trọng đại, trọng đại hơn những cái suy luận đúng thức (raisonnement en forme) của mấy nhà luận lý và toán số. Theo đời sanh hoạt, ít khi ta diễn giải dông dài những cái thẩm đoán lập nên một cái suy luận, ta muốn có thể được mau mắn đến thế nào là theo thế ấy, ta chỉ để những cái đại khái thôi.

Tới đoạn Đào Ứng, tiên sanh cho Đào Ứng hỏi bá láp mà Mạnh Tử trả lời bá xàm. Câu hỏi của Đào Ứng là tự đặt ra, để rõ chỗ thánh hiền tận tâm. Làm gì có chuyện Cổ Tẩu giết người ? Cổ Tẩu giết người, chuyện có thể có như thế được, chuyện có thể biến như thế được.

Không có cái luật bất biến (loi immuable) nào định rằng người hiền không lúc dữ, người dữ không lúc hiền, lại cũng chẳng có cái luật bất biến nào định rằng phàm cảm ứng thì đồng hóa, bất kỳ là ai. Cảm ứng mà được đồng hóa là như Nghiêu với Thuấn hành tương giao cảm ứng (magnétisation réciproque) chớ Cổ Tẩu với Thuấn bất quá là cái thế lực cảm ứng (magnétisation par influence), thì thế nào Cổ Tẩu được đồng hóa mà như Thuấn ? Nói Thuấn giết người không thể được, vì theo nguyên tắc Thuấn là bực chí nhân, còn nói Cổ Tẩu giết người sự có thể được. Sự có thể được thì ta có thể nương lấy mà lập luận. Đào Ứng tuy đặt chuyện hỏi, nhưng không phải là hỏi vô lý.

Đến như Mạnh Tử trả lời, lại cũng là đúng theo luận lý học.

a) Quan Sĩ sư là quan chấp pháp ; } *Tiền đề*
Mà Cao Dao là quan Sĩ sư ;
Vậy Cao Dao là quan chấp pháp } *Quyết nghị*

b) Quan chấp pháp phải bắt kẻ phạm pháp; } *Tiền đề*
Mà Cao Dao chấp pháp, Cổ Tẩu phạm pháp ;
Vậy Cao Dao phải bắt Cổ Tẩu } *Quyết nghị*

Bây giờ nếu muốn bác cái chuyện Cao Dao bắt Cổ Tẩu, thì hãy hủy cái nguyên tắc "Quan sĩ sư là quan chấp pháp" đi, nhưng cái nguyên tắc ấy không thể hủy được, vì nó bất biến.

Xong phần Cao Dao, lại đến phần Thuấn.

a) Con phải ở chí hiếu với cha, } *Tiền đề*
mà Thuấn là con, Cổ Tẩu là cha.
Vậy Thuấn phải ở chí hiếu với Cổ Tẩu. } *Quyết nghị*

b) Con chí hiếu phải liều mình cứu cha, } *Tiền đề*
dẫu cha có tội.
Mà Thuấn là con chí hiếu, Cổ Tẩu là cha. }
Vậy Thuấn phải liều mình cứu Cổ Tẩu, } *Quyết nghị*
dẫu Cổ Tẩu có tội.

Bây giờ nếu muốn bác cái suy luận ấy, thì hãy hủy cái nguyên tắc "con phải ở chí hiếu với cha" đi. Theo toán học, cái nguyên tắc như thế ấy không bao giờ đứng vững nên ta hủy nó rất dễ, ngặt theo sự đời, vào trong luân lý xã hội loài người, nó đứng chắc lắm. Phan tiên sanh liệu chừng có hủy cái nguyên tắc ấy được chăng ?

Thuấn phải cứu Cổ Tẩu đã định, giờ ta nói đến sự trốn. Không trốn, phải vòng pháp luật ; trốn họa may thoát vòng pháp luật. Vậy thì nên trốn. Trốn khỏi hay chẳng khỏi ? Nếu nhà toán học mà phải bài toán đố không đúng thức thể ấy, thì tự nhiên bỏ đi không giải quyết ; nhưng làm người ở đời, dẫu gặp bài toán đố thể ấy, sự thế buộc phải giải quyết. Nhà buôn, nên mua món hàng nầy hay món hàng kia ? Lương y, nên cho những viên thuốc nầy hay thứ thuốc nước kia ? Quan viên, nên xin trấn nhậm chỗ nầy hay chỗ kia ? Cử tri, nên bỏ thăm cho người nầy hay cho người kia ? Lữ hành, nên đi chiếc ô tô nầy hay chiếc ô tô kia ? – biết bao nhiêu bài toán đố mà cảnh ngộ buộc ta phải phân giải, lại sự giải quyết chỉ nhu yếu ở những điều phưởng phất và những điều tương tợ.

Nhà toán học không bao giờ nhận thế, vì họ chỉ biết những chơn lý cực kỳ đích xác, nhưng có nhà toán học mới làm được vậy mà thôi. Trốn khỏi hay không khỏi, tuy chưa chắc, nhưng lý thế buộc phải trốn.

Chỗ mình đến được, người cũng đến được. Được, ai ai cũng đến được, nhưng không có cái luật bất biến nào chỉ rằng trốn thì phải bị bắt lại. Hiện nay, đàng sá lưu thông, điện thoại khắp chốn mà cũng còn kẻ trốn lại không phải bắt, thì bảo chắc thế nào là dẫu trốn cũng chẳng khỏi.

· Tôi luận lý như thế là theo cái sở học của tôi, chí phải hay không, còn chất chính ở tiên sanh, xin giùm chỉ dạy.

Về khoản Hứa Tử – Mạnh Tử, tôi cho tiên sanh nói đúng lý mà phải giữ phận làm thinh, chớ cái ý kiến của Hứa Tử, tôi cũng bác đi : Dài đồng dài, ngắn đồng ngắn, lớn đồng lớn, nhỏ đồng nhỏ, thì giá đồng nhau, phân thế, thì sự khéo vụng, tốt xấu, chắc bở, không được nghĩ đến hay sao ? Vậy còn ai chịu nhiều công làm món đồ cho khéo, cho tốt nữa ?

Cãi lẽ cho Mạnh Tử xong, tôi xin xoay qua cái thuyết "Minh đức tân dân" của Khổng Tử mà tiên sanh bác đi. Tôi không hiểu tiên sanh cho nghĩa

chữ *đức* là thế nào, chớ ai hỏi tôi về nghĩa chữ *đức*, chắc tôi lóng cóng, luống cuống, ập ợ mà không trả lời được. Tôi thấy ở Kinh Dịch từ *càn, khôn, khảm, ly*, đến *hàm, hằng, ký tế, vị tế* là sáu mươi bốn đức luân chuyển giao biến thành 64 lần 64 là 64 x 64 = 4.096 đức. Mỗi đức lại sáu hào ám chỉ sáu hiện tượng, vậy có cả thảy là 384 hiện tượng, mà biến lại thành đến 24.576 hiện tượng, thì cái thổ tạp của sự việc (la complexité des faits) và cái tương giao của thiệt tế (l'entrectoisement des vérités) thật rắc rối vô cùng.

Muốn cân nhắc mấy điều phưởng phất tương tợ ấy, tất phải tử tế nghiệm xét, phải dụng một cái trí mà Pascal kêu là *l'esprit de finesse*, cái trí tùy thời thích trung. Cái trí ấy cốt giúp cho biết thận trọng mấy cái nghĩa cực tế vi của chơn lý, mấy cái nghĩa mà nếu cứ do theo cách suy luận đúng thức cùng mấy cái nguyên tắc bất biến như các nhà toán học thì không bao giờ thấu đáo. Cái trí tùy thời thích trung ấy nhờ thí nghiệm mà hoạch đắc, nhờ thân cận lâu ngày với thiệt tế mà hoạch đắc. Toán số là một cơ giới khôn sánh về sự trị thức trong phần đất của nó ; nó cũng là một phương giáo dục hay, vì nó tập trí quen với những cái định nghĩa đích xác và những cái suy luận minh bạch.

Nhưng nó là một món cơ giới trị thức và một phương giáo dục không hoàn bị, ta phải thêm vào một cách giáo dục khác loại, cách giáo dục mở mang cái vi diệu của tri giác (la délicatesse des perceptions) và cái tế tiểu của sự thẩm đoán (la finesse des jugements), tức là mở mang cho được vi diệu huyền thông ; ấy là cách giáo dục bằng những khoa cách trí, sử ký và văn chương. Vì phiền phức như thế mà xưa Khổng Tử mỗi ngày mỗi học Dịch nghĩa, mỗi ngày mỗi học thêm một chuyện mới lạ, mỗi ngày mỗi thực nghiệm.

Thưa Phan tiên sanh ! Tôi thật coi cái thuyết Minh đức tân dân cần dùng như cái áo, lại còn hơn cái áo nữa. Tôi cũng hiểu cái áo ấy đã có rận, nhưng tôi xét rõ không phải nó sanh rận, mà thật tự người bận không giữ nó tinh sạch để nó đến dơ bẩn mà sanh rận. Bây giờ tôi đốt nó đi, sắm cái áo khác cho người dơ bẩn kia, thì cái áo khác lại sanh rận, chi bằng làm thế nào cho người mặc áo giữ cho tinh sạch không dơ bẩn là khỏi sanh rận.

Vậy cái áo đã có rận thì đem nấu giặt nó đi, đốt phòng ra ích lợi gì ? Nấu giặt nó sạch, tự nhiên cũng hết rận, tôi thời nghĩ thế. Tiên sanh sẽ dạy sao ?

Bái thơ

HOÀNH SƠN

Trung lập, Sài Gòn, s.6265 (6.10.1930) ; s.6266 (7.10.1930)

LUẬT MÂU THUẪN KHÔNG THÍCH HỢP VỚI TƯ TƯỞNG GIỚI NỮA

Nhơn đọc bài *Lập ngôn và trì ngôn* ở báo *Tiếng dân* số 318, thấy ký giả bài ấy cho rằng muốn chữa cái bịnh nói bậy và nghe càn của người mình thì cần phải cầu đến phương thuốc Thái Tây là phép luận lý, và có thích diễn điều trọng yếu trong phép luận lý đó ra là luật *mâu thuẫn* (loi de la contradiction).

Vẫn biết ký giả bài ấy vì muốn dụng tâm bác một áng văn vô giá trị nào đó, mà viết ra như vậy. Sự bác ấy, kẻ viết bài nầy cũng rất biểu đồng tình mà cho là chánh đáng lắm, nhưng sở dĩ phải viết ra bài nầy là có một cái chủ ý khác.

Nguyên xã hội Âu châu từ đầu thế kỷ thứ mười tám trở lên, là một xã hội bất di bất dịch, ôm lấy một cái lý hội chung là cái lý hội cố định (conception figée).

Bởi vậy đối với sự vật trong vũ trụ, họ cho sự gì vật gì cũng nhứt luận y nhiên như lúc mới phát sanh mà không khi nào thay đổi, nên có những câu cách ngôn nầy : *Ở dưới bóng mặt trời không có cái gì là lạ.* (Il n'y a rien de nouveau sous le soleil) ; *lịch sử loài người chỉ là một tấn luân hồi tái giảng* (l'histoire humaine ne fait que répéter).

Xã hội Âu châu hồi ấy thật không khác gì xã hội cựu hủ của Á Đông ta về thời đại quân chủ ; không biết đến luật tiến hóa là cái gì ; khối óc không thay đổi ; tư tưởng không phát đạt ; bao giờ cũng khư khư giữ lấy cái hiện

tượng trước mắt và tự an sanh hoạt trong chế độ sơ khởi. Nói về đường vật chất thì trầm trệ trong thời kỳ thô thiển ; nói về đường tinh thần thì cô tức trong quan niệm cố định.

Thật là một xã hội không có sanh khí. Đối với mọi người trong xã hội ấy, các việc biến cải, phá hoại, là những việc không sao xảy ra được, mà dầu có xảy ra đi nữa, cũng là trái với đạo lý, tín ngưỡng mà thôi. Nên chi toàn nhiên nền tư tưởng vì căn cứ vào những ý niệm cố định (concepts figés) mà không cao lên được chút nào.

Nói rằng phát minh ra tư tưởng gì, thì chỉ phải dùng những ý niệm cố định kia mà kết hợp thành mạng đề, thành đề giải mà thôi.

Vì muốn đặt ra mực thước cho sự phát kiến tư tưởng lúc bấy giờ, nên nhà triết học Hy Lạp là Aristote mới phát minh ra phép luận lý (la logique). Phép luận lý đó gồm có ba luật như sau nầy :

1. Luật thứ nhứt là luật *chứng nhận* (loi de l'identification).

2. Luật thứ nhì là luật *mâu thuẫn* (loi de la contradiction).

3. Luật thứ ba là luật *tam cá trục xuất* (loi du tiers exclu).

Theo luật *chứng nhận*, như muốn nói về trái đất, thì trước hết phải rõ trái đất là thế nào, mà muốn biết trái đất là thế nào tất phải căn cứ vào những tánh chất đặc biệt nhứt định của nó.

Theo luật thứ hai là luật *mâu thuẫn*, nếu nhận ra trái đất là tròn và cứng, hoặc lỏng mà không hình dáng ; thì trước sau cũng phải giảng trái đất là tròn và cứng, hoặc giảng trái đất là lỏng mà không hình dáng ; trái lại không được giảng trái đất là lỏng mà không hình dáng, rồi tròn và cứng nữa ; nếu đồng thời giảng luôn như vậy thì phạm vào luật *mâu thuẫn*.

Theo luật thứ ba, là luật *tam cá trục xuất*, nếu đã công nhận trái đất là tròn và cứng, thì có tròn và cứng mới phải là trái đất ; trái đất là vật tròn và cứng thì không thể cũng là vật lỏng không hình dáng. Thí dụ :

A = A, chớ A không được A = B = C.

Luật *mâu thuẫn* là gốc ở đó vậy. Nó chỉ thích hợp với tư tưởng thế giới trước thế kỷ thứ mười tám trở lên mà thôi.

Còn từ đầu thế kỷ thứ mười tám trở về sau, thì cái lý hội phổ thông của xã hội Âu châu lại xoay ra khác hẳn ; ai ai cũng tỉnh ngộ mà công nhận, hoặc

bị bắt buộc phải công nhận rằng : "Vật gì, sự gì trong hoàn võ cũng phải đổi luôn luôn, cho đến trái đất cũng vậy ; trước kia nó vẫn là một khối hơi, lần lần biến thành khối lửa, khối lửa lại nguội dần mà thành ra trái đất, có nguyên khí như ngày nay (nhưng sau nầy vẫn còn biến hóa nhiều cách, nhiều lần nữa, sự ấy không dự đoán cho xác thực được).

Coi vậy thời nền tư tưởng đã bị lay động lắm, mà sự phát kiến tư tưởng đã cần phải đánh đổ những ý niệm cố định kia đi ; lại phép luận lý của Aristote không làm mực thước cho sự phát kiến tư tưởng nữa ; luật *mâu thuẫn* vì thế cũng hóa ra vô nghĩa. Lúc bấy giờ, thánh triết Hegel mới nghiên cứu mà phát minh ra phép biện luận (dialectique)(*) để thay cho phép luận lý trong sự phát kiến tư tưởng mới.

Phép biện luận nầy đối với phép luận lý trên kia thật là nhiều khi trái hẳn ; một là không công nhận luật *chứng nhận* là triệt lý, chỉ cho nó là cái điều hữu thực vô ý thức (vérité banale), hai là cho luật *mâu thuẫn* là cái trái với lý luận, chẳng những trong lý luận không phải kiêng phạm vào luật ấy, mà lại cần phải có mâu thuẫn, vì những cái mâu thuẫn có chọi nhau thì mới hiển xuất ra chơn lý ; ba là luật *mâu thuẫn* đã trái với lý luận thì luật *tam cá trục xuất* không kể đến nữa, bởi một vật có thể là vật nầy vật khác, một điều có thể là điều nầy điều khác, không vật gì là đống kiết(*), không điều gì là bất di.

Nay ta xét mà coi, không có mấy vật là không mâu thuẫn ; thử xét cái trứng thì rõ. Cái trứng có phải là cái trứng luôn đâu, nếu nó là cái trứng luôn thì nó là trứng bỏ ; cái trứng được hoàn thiện thì thế nào ngày kia nó cũng phải biến hóa ra con chim con. Khi nó còn là cái trứng, nó đã sẵn có mầm mâu thuẫn ở trong là một cái nguyên tử (germe) vậy.

Trong phép biện luận có ba đoạn là : *phủ định* (négation), *phủ định cái phủ định* (négation de la négation), và *kết luận* (conclusion). Các sự vật trong hoàn võ đều biến hóa theo ba đoạn trong phép biện luận đó. Thí dụ :

Cái trứng là một vật tích cực ; nhưng ở trong cái trứng đó có cái nguyên tử nó lớn lên mà tiêu thụ hết lòng trứng, tức là *phủ định* ; rồi cái nguyên tử

(*) dialectique : nay dịch là *phép biện chứng, biện chứng.*
(*)đống kiết : có lẽ như *đông kết.*

lớn lên ấy lại phá vỏ trứng mà ra, tức là *phủ định cái phủ định* ; bây giờ nguyên tử thành ra con chim con, tức là *kết luận* xong vấn đề cái trứng vậy.

Xã hội loài người cũng ví như cái trứng, cần phải giải quyết như vậy mới có cơ tồn tại, bằng để y nhiên, thật không khác gì cái trứng thúi.

Vật đã mâu thuẫn, thì sự như tôn giáo, khoa học, chánh trị cũng phải mâu thuẫn. Sự vật đã mâu thuẫn thì lý luận phải mâu thuẫn là cái cố nhiên, lý luận không mâu thuẫn thì ra không căn cứ, không đáo triệt.

Tóm lại, mâu thuẫn là cái sanh khí ở trong vật, mà là cái khai đạo cho chân lý ở trong lý luận vậy.

Nhưng mâu thuẫn cũng phải nhằm cách mới hạp với lẽ tiến hóa. Như trong lý luận, phải nói trái đất là một cục lửa thì mới được, chớ nói trái đất là một cục đá, là té ra nói bậy.

Ký giả bài "*Lập ngôn và tri ngôn*" bổn ý là bác cái lối mâu thuẫn bậy đó ; nên bài nầy đối với bài "*Lập ngôn và tri ngôn*", tuy lý luận phản đối mà mục đích có dung nạp cho nhau.

VÕ XUÂN LÂM

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn, s.73 (9.10.1930)

LUẬT MÂU THUẪN KHÔNG THÍCH HỢP VỚI TƯ TƯỞNG GIỚI NỮA !

Mấy lời đáp lại Phan tiên sanh

Trước khi phản thuyết cái phản thuyết của tiên sanh về luật mâu thuẫn, tôi xin cắt nghĩa mấy đoạn nhập đề ở trong bài trước của tôi (*Luật mâu thuẫn không thích hợp với tư tưởng giới nữa*) mà tiên sanh cho là hàm hỗn đó, để tiên sanh biết đã.

Về đoạn thứ nhứt tiên sanh hỏi "*Từ thế kỷ XVIII trở lên là một thời kỳ bao la có hằng mấy ngàn năm, mà Aristote sanh năm 383, mất năm 322 trước Thiên chúa giáng sanh, cách hơn hai ngàn năm rồi mới đến thế kỷ XVIII ; vậy thì sao lại nói rằng "vì muốn đặt ra mực thước cho sự phát kiến tư tưởng lúc bấy giờ" được ? Chữ "lúc bấy giờ" đó, nói gọn mà nghe, cho là chỉ về đầu thế kỷ thứ XVIII trở lên tới thế kỷ thứ nhứt đi. Nếu vậy thời Aristote chết đã lâu rồi, có quan hệ gì đâu mà nói v.v.*"

Xin trả lời rằng : "Từ thế kỷ thứ XVIII trở lên, theo như ý tôi, là từ thế kỷ thứ XVIII trở lên đến lúc xã hội Âu châu mới bắt đầu thành lập, nghĩa là lúc mới có cái lý hội chung của Âu châu, chớ không phải nói có hạn như tiên sanh là từ thế kỷ thứ nhứt trở xuống đâu. Còn chữ "lúc bấy giờ" đó mà chỉ ra lúc cái lý hội cố định kia mới phát ra, chớ không phải chỉ hội trong thời gian thế kỷ thứ XVIII trở lên thế kỷ thứ nhứt.

Và theo ý tôi suy, Aristote phát minh ra phép luận lý là sau khi có cái lý hội trên kia rồi thì mới phải chớ !

Còn về đoạn thứ nhì tiên sanh nói : "*Huống chi nói rằng từ đầu thế kỷ thứ XVIII về trước, tư tưởng Âu châu vẫn ở trong vòng thủ cựu, không biết tiến hóa là cái gì thì cũng lại không đúng nữa. Cái thời đại* "Tái sanh" (Renaissance) *bắt đầu từ giữa thế kỷ thứ XV, kéo dài ra đến cả thế kỷ thứ XVI, ban đầu phát minh từ Ý-Đại-Lợi rồi tràn khắp cả các nước Âu châu ; nội trong thời kỳ 150 năm đó, tư tưởng Âu châu đã được giải phóng rồi, có đâu đợi tới thế kỷ XVIII ?*"

Xin tiên sanh nghĩ lại, cái thời đại "Tái sanh" (Renaissance) là cái thời đại gì ? Có phải là cái thời đại khôi phục lại nghệ thuật, văn chương, luân lý, triết học cũ của Hy Lạp và La Mã không ? Nếu phải thời tư tưởng Âu châu cổ cựu lại hoàn lại tư tưởng Âu châu cổ cựu như trước, chớ giải phóng gì đâu, mà nói giải phóng ? Chết đi thế nào, rồi sống lại cũng thế ấy, sao gọi là giải phóng được ? Lấy toàn thể Âu châu mà nói, thời đầu thế kỷ XVIII trở lên, cái lý hội cố định kia không thay đổi chút nào, dẫu rằng triết học khoa học có phát đạt ít nhiều, nhưng chỉ trau dồi cho cái gì đã có từ bao lâu, chớ không đem thêm cái gì bỏ cái gì hết.

Ấy, bây giờ tôi mới nhập đề mà phản thuyết cái phản thuyết của tiên sanh về luật mâu thuẫn.

Bài của tiên sanh thì lý luận rất dài, song từ hai phần trở lên, tiên sanh chỉ thêm bớt mà giảng lại ba cái luật của luận lý mà tôi đã giảng qua rồi, vậy tôi không cần phải bắt đi bẻ lại từng câu một làm chi cho thừa ra ; đây tôi chỉ rút những cái ý ở trong mấy câu kết thúc của tiên sanh mà biện bác để bảo vệ cho cái thuyết "*Luật mâu thuẫn không thích hợp với tư tưởng giới nữa*" của tôi là đủ rồi.

Tóm lại tiên sanh cho rằng :

"*1/ Ba luật trong phép luận lý là bất biến, nó thích hợp với tư tưởng giới đời đời, vì nó là cái nguyên tắc của sự "nhận biết" ; loài người còn phải nhận biết thì nó còn thích hợp.*"

Xin thưa rằng : Loài người lúc nào cũng cần phải nhận biết, nhưng đời xưa nhận biết khác mà đời nay nhận biết khác. Đời xưa chưa hiểu lẽ tiến hóa, chưa biết chỗ phức tạp của sự vật, thời nhận biết về hiện tại và về một địa điểm mà thôi ; còn đời nay đã hiểu lẽ tiến hóa, đã biết điều quá khứ, hiện tại, tương lai và về những địa điểm nữa. Như nhận biết một sự, hay một vật về hiện tại và về một địa điểm thì trong sự nhận biết không có mâu thuẫn ; bằng phải nhận biết một sự, hay một vật về quá khứ, hiện tại, tương lai và về những địa điểm nữa, thời trong sự nhận biết phải có không biết bao nhiêu là mâu thuẫn. Vậy thời phép luận lý của Aristote có làm nguyên tắc cho sự nhận biết được nữa không ??

"*2/ Nguyên tắc nhận biết hay phép luận lý, và nguyên tắc suy lý hay phép biện luận là hai cái không ăn nhập gì với nhau, không can hệ gì với nhau.*"

Xin thưa rằng : Có ăn nhập, có can hệ với nhau lắm chớ, nói chơi gì vậy ! Vì sao ? Vì trước khi suy lý phải nhận biết, rồi mới do những cái nhận biết mà suy lý ra chớ. Nay nhận biết một cách thiếu thốn, không tới lai lịch, không sạch hết phức tạp thời lý đâu mà suy ?

Ấy đó, có phải là phép luận lý không thích hợp với suy lý không ? Mà luật mâu thuẫn không thích hợp với tư tưởng giới nữa không ? Trở lại rồi như trước mới được.

Phương chi, chừng như trước kia trong luật mâu thuẫn của Aristote không thấy liệu trước (prévoir) mấy cái "cas" nầy : "đồng thời, đồng địa, dị thời, dị địa". Nay tiên sanh muốn bẻ cái thuyết của tôi, lại phải thêm mấy cái "cas" ấy vô trong luật cho luật vững, thì rõ ràng là phép luận lý có vì tôi mà rung động rồi, nên đã phải cải cách (réformée) ít nhiều trước khi tôi chưa viết bài nầy nữa kia.

VÕ XUÂN LÂM

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn, s.77 (6.11.1930)

CÒN CÁI "BÓP PHƠI" CỦA TÔI ? BÁC THÔNG REO(*)

Hoạ có là Trời mới không biết muốn.

Còn đã là người, như tôi chẳng hạn, thì ai cũng muốn. Muốn giàu, muốn trẻ, muốn vợ đẹp, muốn con khôn.

Muốn về vật chất, tôi không muốn.

Thế muốn gì ?

Muốn về tinh thần như văn hay chữ tốt, đàn hay vẽ giỏi, thì tôi lại chẳng muốn. Tôi đây chỉ nếm mãi cái mùi nghèo, sống về tưởng tượng...

Muốn gặp bà Chúa trong rừng hay sao ? Thì tôi đã khốn đốn về đường "Tình", ngoắt ngoéo mà bấp bênh. Trăm mũi tên vu cáo nó chĩa bắn vào trái tim người mang vạ.

Không muốn cả, bao nhiêu thứ ấy. Mà bao nhiêu thứ ấy đều là thứ muốn của người đời.

(*) Bài đăng trong mục "Chuyện đâu", chuyên mục hài đàm của báo *Đông tây*, thường do Văn Tôi (một bút danh của Hoàng Tích Chu) viết.

Cái muốn của tôi, ngày nay nó lớn hơn tôi.

Thưa các ngài, tôi muốn làm Thượng thư.

Khó lắm. Làm Thượng thư phải có tuổi với có công. Kể công, anh chưa được đội ơn mưa móc, che bóng tam tài, mà kể tuổi thì mặt trời vừa đứng bóng, tôi còn thấy phu xe tâng anh bằng tiếng "cậu".

Thưa ngài, tôi vẫn biết tôi là bạch đinh, trời không phú cho bộ ngực to với cái đầu có chẩm(*) ; tôi vẫn biết tôi còn "măng sữa", tuổi nó chưa gắn cho bộ râu hầm, nét trán răn.

Nhưng tôi muốn làm Thượng thư. Tôi cứ muốn...

Cái điềm gở, muốn chết.

Thì từ ngày xướng lên việc lập hiến, trong sáu, bảy bộ Thượng thư hiện thấy thiếu người. Bác Thông Reo rành số tử vi đã cho biết bộ học thế nào cũng thuộc về họ Phạm. Còn họ Huỳnh có lẽ vì phản đối họ Phạm mà mất một bóp-phơi. Thế là còn nhiều "lập lách" bỏ trống. Tôi lấy cớ rằng cũng sinh trưởng ở nước Nam, cũng là công dân trong một nước có hiến pháp, thì hẳn cũng có quyền tiến lên làm cụ Thượng. Chớ sao !

Chẳng khó gì. Nhất là trong buổi này, làm quan lối tắt thường làm nên to, cũng như làm giàu lậu thuế, mới bốc chóng được tiền nghìn. Cái anh thày bói mặt rỗ như tổ ong bầu, đã trông thấy tướng "quan tắt" của tôi từ ngày còn để chỏm, đội nón dứa, lòng thòng cái dây xanh. Đến lớn, lại trông ra vô số ông quan, không từng như tôi ê a dưới ngọn roi mây, không từng như tôi lếch thếch bộ lều ống quyển. Tôi lại thấy tôi thi cử hai khoa, năm trượt trường nhất, năm ngã trường ba, thì tôi càng quyết lắm..., quyết sau này có vận to ở ngoài trường ốc (các cụ gọi là chính đạo).

Ngày nay đọc sách *Lập hiến* của cụ thượng hàng (...) cũ, tôi chẳng cần biết hiến pháp là gì, chủ quyền ở ai mà lối bảo lĩnh của hiến pháp ấy đối với dân thế nào, vì chừng ấy thứ tìm ra không thấy trong quyển bìa mùi. Tôi chỉ cần đăm đăm hai con mắt vào chỗ chia quyền có sáu bộ Thượng thư. Lúc đầu, người làm Thượng thư không cứ là người thật giỏi. Một điều mừng cho tôi. Điều mừng nữa là khi tòa Nội các chúng tôi không được tín nhiệm với

(*) *chẩm* : phần xương lồi ra phía sau ót (H.T.Paulus Của, sđd.) ; theo niềm tin dân gian, người nào ở đầu có chẩm là dấu hiệu thông minh tài giỏi xuất chúng.

dân, thì Viện ông Dân không có thể bỏ phiếu lần đầu mà lật đổ được. Nếu ông Dân hăng tiết thì chánh phủ Pháp đã có quyền giải tán. Thế là quyền Vua Quan một đầu, quyền chánh phủ Pháp một đầu, hai đầu ép cái quyền tí hon gọi là quyền Dân ở giữa.

Đấy, lúc đã chễm chệ làm cụ Thượng, tôi tha hồ (...) cũng tha hồ vùng vẫy. Thế gọi là quan bất tử. Tôi cứ muốn làm Thượng thư... Muốn lắm rồi.

Giấc mơ màng tôi đang tiến, bác Thông Reo rõ ác ! Bác tin cho biết ông Huỳnh Thúc Kháng bỏ mất cái bóp-phơi, vì đã phản đối phép ông Quỳnh. Sực nghĩ ra, tôi cũng vậy, cũng chẳng chịu nhận lối lập hiến của chủ nhiệm *Nam phong*.

Vậy chẳng một mình gì ông Huỳnh Thúc Kháng.

Bóp-phơi của tôi cũng mất. Thôi ! chẳng hòng nghe danh :

Cụ Thượng HOÀNG tên gọi TÍCH CHU

Đông Tây tuần báo, Hà Nội, s.37 (25.10.1930)

XIN HỎI : RỒI ĐÂY ÔNG PHAN KHÔI PHẢI "MỜI" RA KHỎI LÀNG BÁO CHĂNG ?

Kính cùng ông chủ bút *C.L.*

Tôi cũng như phần nhiều người, mỗi khi nghe điều gì mà không được chắc thì ham hỏi mà hỏi liền.

Bài tôi gởi đây cũng là tỏ cái điều "muốn biết" của tôi, xin ông đem lòng hạ cố để cho nó một chỗ trong tờ báo quý báu của ông.

Thưa ông, mà bài nầy chẳng phải nó chỉ quan hệ riêng cho sự muốn biết của tôi, nó lại còn quan hệ chung với trong làng báo, ngoài dư luận nữa. Ông xét cho.

Kính thăm ông và chúc quý báo thạnh hành.

TRẦN CHUY đốn chủ

*

Tôi có nghe người ta thường nói rằng :

Tờ báo là tai mắt của quốc dân, người viết báo có cái trách nhiệm dẫn đường chỉ lối cho công chúng.

Phải vậy thì thử hỏi một tờ báo có nên lựa các tay biên tập có giá trị có phẩm cách không ? Trong một tờ báo mà xen vào những tay biên tập vô nhơn cách vô giá trị thì có ảnh hưởng gì cho trình độ và lòng xu hướng của một phần đông công chúng không ?

Gần đây tôi có nghe cái tin rằng cuối tháng nầy báo *Trung lập* ông Trần Thiện Quý không dùng ông Phan Khôi và luôn báo *Phụ nữ tân văn* ông Nguyễn Đức Nhuận cũng không cho cái tên Phan Khôi bày trên báo ông nữa.

Cái tin nầy quả có chăng ? Vì sao tin nầy lại có được ?

Nghe ra theo như nhiều người nói, là do mấy điều sau nầy chăng :

Tờ *Đông Pháp* hồi trước, – hồi ông Bùi Thế Mỹ bỉnh bút, - từng có bài công kích ông Phan Khôi rất nặng, có lẽ ông Bùi bây giờ cũng chưa quên, mà dầu ông quên thì thiên hạ cũng đã nghĩ nhớ cả rồi, xét ra ông Bùi thật là khinh rẻ cái phẩm cách của ông Phan Khôi lắm.

Tờ *Thần chung* khi đăng bài của ông Phan Khôi cãi về Nam sử đoạn người Pháp mới qua đây... với ông Nam Kiều, và báo *Tiếng dân*, ông cãi cái lối gì mà đến nỗi báo *Tiếng dân* của cụ Huỳnh Thúc Kháng viết bài trả lời có một câu trách bạn đồng nghiệp *T.C.* hồi đó sao dung chứa chi trong tòa báo cái hạng người như vậy.

Rồi sau đó ông Nguyễn Văn Bá tỏ ý bất thủ ông Khôi, có lần nói ngay vào mặt ông Khôi là nhà văn mà sao làm như người buôn bán vậy ; ông Bá lại có nói với anh em nhiều người rằng ông Khôi có tánh ganh ghét, mà không gì khác hơn là ganh ghét ông Bùi Thế Mỹ (hồi đó ông Mỹ cũng ở *T.C.*).

Gần đây lại có kẻ nói ông Khôi về làng cũ nhìn người xưa, ngoài ông Nguyễn Bá Trác ra, ai là người đồng chí với ông nữa ?

Lấy cái người của ông Phan Khôi như vậy nên cái tin báo *Trung lập* và báo *Phụ nữ tân văn* không dùng ông Khôi nữa, ai dám nói là cái tin bịa đặt ra.

Người ta thường nói : Đừng gần đứa tiểu nhơn (vật cận tiểu nhơn), sợ đứa tiểu nhơn như sợ rắn (húy tiểu nhơn như húy xà yết) ; trong sách *Bành thọ mai* cũng thấy có chép một câu rằng : "Ninh cô nhứt kỷ chi vô trợ, vô ninh nhứt nhựt cận tiểu nhơn", nghĩa là thà chịu cô thế một mình không ai giúp chớ không nên gần đứa tiểu nhơn lấy một ngày.

Ngẫm mấy câu trên đó thì cái tin hai vị chủ nhơn báo *T.L.* và *P.N.T.V.* không dung chứa ông Khôi nữa cũng không phải không thể tin được.

Biết như vậy mà mình đâu chắc. Cái tánh của tôi hay tọc mạch muốn biết, vì vậy nên mới có bài nầy gởi đến nhờ báo *C.L.* đăng, mong đặng nghe câu trả lời của hai ông chủ nhơn tờ báo *T.L.* và *P.N.T.V.* cho mình được biết rõ ràng.

Trong khi viết bài nầy, mình lại nói với mình rằng : Cỏ lan cỏ dậu không thể trồng chung vào một chậu kiểng, trâu và ngựa ký không thể đứng chung vào một bầy (ngụ ý nói quân tử với tiểu nhơn không chung lộn nhau được), cái tin trên kia mà hẳn đúng với sự thiệt thì ông Trần Thiện Quý chủ nhơn *T.L.* và ông Nguyễn Đức Nhuận chủ nhơn *P.N.T.V.* chắc không tiếc chút thì giờ bày tỏ trên báo cho mình biết mà mình cũng khen thầm hai ông thật không hổ với cái tên của hai ông có nghĩa là "quý lành" và "chuộng đức", và hai ông chắc khi tay cầm tờ *Tiếng dân* cũng không hổ thầm với cụ Huỳnh Thúc Kháng mảy may nào. Còn như cái tin ấy mà không có hay là không đúng với sự thiệt thì mình cũng được nghe cái lý do của hai ông Nguyễn Trần còn dùng ông Khôi là dùng vào cái chỗ nào.

Thưa Trần Nguyễn hai ngài, đối với hai ngài, tôi rất mến yêu, đối với làng báo tôi càng có mối cảm tình đặc biệt, nên nay mới có bài này. Theo ý tôi thiết tưởng người cầm viết không phải là không ảnh hưởng lớn đến quốc dân, mà giá trị tờ báo cũng có một phần quan hệ lớn ở người cầm viết. Vậy người viết báo phải là người quân tử chánh nhơn thì mới mong có ích, mới mong có giá trị. *Trong vườn nhà ta không lẽ để cho trâu dê vào nhảy dậm, huống chi trên mặt báo là tai mắt muôn người, có lẽ nào ta để cho kẻ tiểu nhơn ngang dọc múa men ?*

Cái tin hai ngài không dùng ông Phan Khôi nữa, không chăng có chăng, xin hai ngài hạ cố trả lời cho tôi biết, mà tưởng cũng là một điều... cho hai

ngài nên công nhiên bày tỏ cho công chúng biết, tôi xin có lời mừng trước cho hai tờ *Trung lập* và *Phụ nữ tân văn*.

TRẦN CHÙY

*

LỜI TÒA SOẠN.- Chúng tôi sở dĩ cho đăng bài trên đây, nghĩ vì tờ báo là một cơ quan mở rộng đường công luận cho quốc dân, mà bài của tác giả cũng có cái quan hệ trong, – người viết báo với tờ báo – người viết báo với dư luận, ấy là một lẽ. Và cũng nên đăng bài trên đây là để cho quý bạn đồng nghiệp *T.L.* và *P.N.T.V.* thấy trong công chúng có cái dư luận như vậy mà trả lời, tưởng cũng không phải là không mảy may bổ thiết cho hai bạn đồng nghiệp, ấy là hai lẽ.

Chúng tôi đoán trước rằng điều muốn biết của ông Trần Chùy sẽ có kết quả, chắc Nguyễn Trần hai ngài sẽ có bài đúng đắn phô bày tỏ trên mặt tờ báo của hai ngài.

C.L.

Công luận, Sài Gòn, s.1833 (26.7.1930)

Ý KIẾN *CÔNG LUẬN* ĐỐI VỚI BÀI "VẼ RẮN THÊM CHUN" CỦA BÁO *TIẾNG DÂN*

Công luận số 1833 ra ngày 26.7.30 có đăng một bài của ông Trần Chuy công kích ông Phan Khôi thì theo lẽ phải nay *Công luận* cũng nên trích đăng bài dưới nầy tuy là bài dưới nầy của báo *Tiếng dân* nói với ông Phan Khôi.

Báo *Tiếng dân* có đối với *Công luận* nhưng thường cũng bị thất lạc luôn nên bài của ông Trần Chuy nói về chỗ báo *Tiếng dân* trách bạn đồng nghiệp *Đ.P.T.B* có câu "sao dung chứa..." chúng tôi không sao biết rõ được.

Ông Trần Chuy vì muốn biết rõ cái tin ông muốn biết rõ kia (coi *C.L.* số 1833) nên mới có bài nói về chuyện ông Phan Khôi và vì cái lẽ gì chúng tôi cho ra bài ấy thì chúng tôi cũng đã nói rõ trong số báo cho ra bài ấy rồi.

Về câu "sao dung chứa" của ông Trần Chuy nói với báo *Tiếng dân*, cứ theo báo *Tiếng dân* nói thì là ông Trần Chuy vu ; thôi thì cái sự nghi ngờ ông Phan Khôi về chỗ đó đã giảng giải rồi, còn về mấy điều khác của ông Trần Chuy chỉ trích ông Phan Khôi có đúng với sự thật chăng hay không đúng với sự thật chăng, chúng tôi cũng mong mỏi cho có bài trả lời hoặc cho ông Phan Khôi hoặc cho ông Trần Chuy, bày lên trên báo hết.

Hễ khi nào có bài nào nói về chuyện ông Trần Chuy với ông Phan Khôi thì chúng tôi đều vui lòng đăng lên mặt báo nầy. Không biết chừng nhờ cái bài công kích của ông Trần Chuy mà bao nhiêu sự nghi ngờ sự vu oan của ông Phan Khôi chịu trong bao lâu nay đều được hạch ra giữa thiên hạ, ấy chẳng phải là điều may mắn cho ông Phan Khôi ư ?

Còn một điều chúng tôi cũng nên đem ra đây là trong bài của ông Huỳnh Thúc Kháng có nói ông Trần Chuy thêu thùa câu nói của ông mà bêu xấu cho ông Phan Khôi, và cái đoạn ông nói "một hai cái hoặc giả" tiếp đó thì chẳng qua là ý kiến riêng của ông Huỳnh Thúc Kháng đối với ông Phan Khôi mà thôi chớ chẳng phải là lời chí đáng, không những ông Trần Chuy không phục mà chúng tôi đây cũng cho là có khi quá thiên vị đi chăng ? Theo ý chúng tôi nghĩ, ông Trần Chuy có sai chăng là sai ở chỗ lầm lộn hay nhớ không được rạch ròi (vì mấy số báo *T.D.* nói về Nam sử đến ngày nay cũng đã lâu ngày), không nữa thì do một hồi quá ghét "cái người" của ông Phan Khôi rồi phát ra bài ấy đó thôi.

Mấy lời chúng tôi bày tỏ ra đó cũng là tuân theo mạng lịnh lương tâm của chúng tôi. Một điều ai nấy cũng xét thấy rằng ông Trần Chuy há không biết ông Huỳnh Thúc Kháng còn đó, ông Phan Khôi còn đó, độc giả báo *T.D.* báo *Đ.P.* báo *C.L.* còn đó, một lời ông viết lên báo không lẽ giấu ai được ; ông dại gì mà mua cái tiếng cười của người gọi ông là vu. Ấy chẳng phải do chỗ ông coi văn sơ lược hay lâu ngày nhớ không được rõ mà ra đó sao ?

Vả lại trong bài ông Trần Chuy viện dẫn không phải một ông Huỳnh Thúc Kháng mà có dẫn cả ông Nguyễn Văn Bá, ông Bùi Thế Mỹ nữa, ông

Huỳnh Thúc Kháng chẳng qua là một người trong số người ông Chuy dẫn ra mà thôi. Vậy xin bạn đồng nghiệp *Tiếng dân* biết cho. Tiện đây chúng tôi cũng xin nhắc lại rằng chúng tôi trước kia, bây giờ và sau nầy, bao giờ cũng chỉ đứng một mình, chẳng hề chịu dính vào "phiệt" nào với "phiệt" nào hết.

Sau nầy chúng tôi xin trích nguyên văn bài *Vẽ rắn thêm chun* của bạn đồn nghiệp *Tiếng dân*.

CÔNG LUẬN

Công luận, Sài Gòn, s.1855 (23.8.1930)

VẼ RẮN THÊM CHUN

Trả lời cho ông Phan Khôi về câu nói của ông Trần Chuy vu cho báo "Tiếng dân"

Chương Dân tiên sinh

Được thư reconmandée(*) của ngài gởi ngày 2 Aout nầy, có đính theo một mảnh tờ báo *C.L.* số 1833 ra ngày 26.7.30, trong có bài của ông Trần Chuy nào đó, có một đoạn nói bài ngài cãi về "Nam sử đoạn nước Pháp mới qua" mà báo *Tiếng dân* tôi trả lời có một câu "trách bạn đồng nghiệp sao dung chứa...", tôi rất lấy làm lạ. Báo *C.L.* có đổi (echange) với *Tiếng dân* mà tới không liên tiếp, số báo ấy nhà báo tôi chưa nhận được, không rõ thất lạc hay sao.

Ngài thấy câu chuyện đăng trên báo như thế, chưa vội tin lời ông Trần Chuy mà viết thơ hỏi tôi, thế là ngài đã biết chắc tôi là một người đứng một mình không có đính với "phiệt" nào ; mà tờ báo tôi chủ trương cũng không khi nào nhân bàn việc học việc nước là việc chung, mà bươi chuyện riêng ra để nói xấu cho ai bao giờ.

(*) *thư recommandée* : thư bảo đảm.

Chỉ xem một điều ngài hỏi tôi thì đủ rõ con mắt một nhà có học thức, không giống như ai, mà tôi cũng có tự phụ con mắt thịt tầm thường của tôi, trước hai mươi mấy năm kia, trong học giới ta, đã có ngón tay đem được một người trong bọn thiếu niên, ấy quả là một tay kiện nhi trong văn giới vào khoảng quá độ ta ngày nay. Vậy nên tôi rất vui lòng mà trả lời cho ngài rõ câu nói ông Trần Chuy thiệt là vu.

Về đoạn lịch sử ta, khoảng triều Gia Long cầu viện nước Pháp mà *Đông Pháp thời báo* với *Tiếng dân* cãi nhau, *Tiếng dân* đứng về địa vị bị động ; tôi có viết hai bài trả lời ; một bài đăng trên báo *Tiếng dân* số 79 ra ngày 16 Mai 1928 đầu đề là "*Nói điều lỗi ta là sự may cho ta*" (*Lời thâm cảm đối với mấy câu phê bình trong* "Câu chuyện hằng ngày" *đăng trên* Đông Pháp thời báo *số 714*).

Bài *Câu chuyện hằng ngày* ấy, chính ngài viết. Trong ấy ghép mấy câu báo *Tiếng dân*, nhập với sách ông Nam Kiều kia mà nói chung, có một câu : "nhơ nhớp trên đường ngôn luận..." v.v...

Về phần *Tiếng dân*, không nhận tiếng "nhơ nhớp" bất nhã ấy nên phải đứng ra mà biện bạch. Bài ấy chính là trả lời cho ngài, trước cảm phục mấy lời chỉ trích, sau có cãi lẽ, như thư ngài đã nói. *Đông Pháp thời báo* có đăng bài trả lời ấy và hứa sẽ có bài phân giải.

Kế đó *Đông Pháp thời báo* lại đăng một bài của người nào đó, nói về chuyện ấy mà có lời tán ngài học rộng..., ngài có viết một bài cảm bội người ấy, cho là yêu chân lý... (cũng trong khoảng ấy, tôi không nhớ số nào).

Sau lại *Đông Pháp* đăng bài phân giải đã hứa trước, bài ấy phiên câu án trong bài trả lời của tôi mà nói : "giảng lịch sử, chính là phương pháp rất hiệu nghiệm cho sự chữa xấu hiện thời..." Khi ấy tôi viết một bài trả lời đăng báo *Tiếng dân* số 88 ra ngày 16 Juin 1928, đầu đề là : *Cãi nhau chuyện cũ có phải là phương pháp chữa cái xấu hiện thời không ? (Lại mấy lời thâm cảm đối với bài phân giải đăng trong* Đông Pháp thời báo *số 725*). Bài thứ hai nầy là tôi trả lời cho bài phân giải của báo ấy, đầu tiên tôi có nói tệ chung "sâu ăn chữ" trong học giới ta mà bác câu phiên án nói trên, có câu "câu phiên án của quý báo "giảng lịch sử chính là phương pháp chữa cái xấu hiện thời", không phải làm một nơi sào huyệt cho bọn đó ẩn mình núp bóng hay

sao ?" Có lẽ ông Trần Chuy nào đó xem văn không rành, căn cứ câu ấy mà vẽ rắn thêm chưn, cho là tôi trách nhà báo ấy dung chứa... như câu nói ông đã đăng trên tờ *Công luận*.

Câu đó là tôi nói chung cái tệ học giới, phạm vi chỉ ở trong câu phiên án nói trên chớ không chỉ riêng ai, và không trách bạn đồng nghiệp về sự dung chứa ai bao giờ mà nhứt là tiên sanh lại không sao can đến được. Cũng trong bài ấy, đoạn giữa tôi có câu : "Tôi nhận lầm, là chỉ nhận câu nói có lược, chớ không phải thấy ông C.D. chỉ trích mà đã vội làm con sâu nhái tiếng mà nói câu vi tâm, vầy hùa theo ông mà chối hẳn trên lịch sử ta không có chuyện ấy đâu !"

Xem câu đó C.D. hai chữ đã đứng ra ngoài phạm vi bài thứ hai của tôi, chữ "sâu nhái tiếng" đó rõ là nói chung, mà dầu cho có kẻ khắc luận cho có ý ám chỉ người nào (câu nầy ngoại luật) cũng là chỉ ai chớ không thể bắc cái cầu mấy nhịp mà kéo cho đến C.D. được (trừ ra ông C.D. tự hiểu lầm), vì đối với ông C.D. đã có một bài trả lời đặc biệt rõ ràng trước khi.

Ấy, về chuyện cãi nhau với *Đông Pháp thời báo*, tôi chỉ có hai bài đấy thôi, ngoài ra không có câu gì sốt. Hai bài ấy đăng trên báo *Tiếng dân*, mà lại đăng lên mục xã thuyết, rõ là hai bài luận thuyết chỉ tựu trong học giới và luận đề mà biện bạch, đường đường chính chính ở trước con mắt công chúng, thái độ quang minh lỗi lạc là dường nào ! Có đâu đem cái thói tiểu nhơn, nhân việc chung mà bươi việc riêng và lại trách nhà báo kia "dung chứa..." – như ông Trần Chuy nào nói đó đâu !

Không những thế thôi, biện luận sử học là một vấn đề việc chung mà chứa người trong nhà báo là một vấn đề việc riêng ; hai điều không lý gì nhập chung trong một luận đề được, điều đó cố nhiên, mà dầu cho ông Trần Chuy có nhân câu "sảo huyệt", "ẩn núp" làm căn cứ, lại càng sai nghĩa chính xa lắm !

Tôi nói câu phiên án làm nơi "sảo huyệt..." thì sảo huyệt là chuyên chỉ câu phiên án ấy chớ có phải chỉ nhà báo đâu ! Còn nói "ẩn núp" dưới câu phiên án ấy, thì bọn sâu ăn chữ, dầu ở đâu cũng ẩn núp được, có phải riêng người làm trong nhà báo ấy mới ẩn núp hay sao ?

Ấy đó, xem văn người ta mà bằng theo con mắt riêng của mình như câu ông Trần Chuy nói đó, không những sai ý nghĩa của tác giả, mà đem một câu lý thuyết chung ghép vào trong một việc đâm thọc riêng, thật là tâm lý khó hiểu.

Theo sở kiến của tôi, thì ông Trần Chuy thêu thùa câu nói của tôi mà bêu xấu cho ngài, hoặc giả một là thấy ngài gần đây hay viết bài công kích "phiệt" nầy "phiệt" nọ nên tìm một cái mối để khiêu khích cho ngài công kích tôi như mấy "phiệt". Hai là thấy văn luận của ngài như dao sắc gươm nhọn, không ai cãi lại, nên khêu một mối để thêm phía đối địch với ngài, đặng chia sức ngài cho yếu bớt đi ; cái cách trổ đường phân mối để gây cho người ta hiềm thù nhau, cũng hiểm thật ! Nhưng mà ai kia chớ Huỳnh Thúc Kháng thì chỉ đứng một mình, không dính vào "phiệt" nào, mà đã trải đời lâu rồi, có làm điều gì chỉ theo mệnh lệnh ông thần lương tâm thôi, không khi nào vì những lời khiêu kích vụn vặt kia mà vội làm những câu chuyện đua nhau trong vách để bia cười cho kẻ khác đâu !

Câu chuyện trả lời bức thơ ngài đến đây là hết. Còn câu ông Trần Chuy thêu dệt, thì hai bài kia còn sờ sờ đó, ai có mắt cũng trông thấy, tôi không phải biện nữa. Nhan Hồi ăn vụng, Tăng Sâm giết người, xưa nay hiền triết bị vu cũng thường, huống trong đám văn sĩ ta ngày nay cũng thường thấy những lối nói vu ấy : "Dân lấy ăn làm trời" mà vu cho ông Mạnh Tử nói, câu đối "Hoài Việt thùy Yên Ngô thị sơn chi nhơn" mà vu cho cụ Ngô Đức Kế đặt, thì "trách nhà báo T.C. dung chứa ông Phan Khôi", mà vu cho câu nói ấy là của Huỳnh Thúc Kháng cũng không lạ gì.

(hạ lược)(*)

HUỲNH THÚC KHÁNG

Tiếng dân, Huế, s.
Công luận, Sài Gòn, s.1855 (23.8.1930)

(*) chữ "hạ lược" đặt trong ngoặc có lẽ của toà soạn C.L., ý nói báo này lược bớt đoạn cuối bài của Huỳnh Thúc Kháng.

BIỆN CHÁNH LẠI MẤY LỜI PHÊ BÌNH CỦA ÔNG PHAN KHÔI

Cuộc tranh biện nầy, – chắc độc giả ai nấy cũng còn nhớ – khởi đầu ra là do ông Phan Khôi, một người viết bài cho T.L.. *Trong một bài nhan đề là* Cảnh cáo các nhà học phiệt, *ông Phan Khôi trách cái thái độ "nguội lạnh" của ông Phạm Quỳnh, chủ nhiệm* Nam phong *nhiều khi bị công kích về những việc quan hệ mà ông Quỳnh cũng đánh chữ làm thinh, chớ hề nói đi nói lại, ví dụ như hồi ông bị ông nghè Ngô Đức Kế công kích về việc kỷ niệm Nguyễn Du, cổ động* Truyện Kiều. *Trả lời cho ông Phan Khôi, ông Phạm Quỳnh lại viện lẽ rằng chuyện ông Nghè Ngô công kích ông ta bấy giờ, chẳng qua là "chuyện cá nhân, chuyện quyền lợi", ông không cho là chánh đáng, nên chi ông làm thinh. Nhưng bên kia, ông Huỳnh Thúc Kháng, chủ nhiệm* Tiếng dân, *lại không thể "làm thinh" mà để cho ông Phạm Quỳnh nói động đến vong linh nhà chí sĩ Ngô Đức Kế : ông nghè Huỳnh bèn viết bài "chiêu tuyết", cũng như trả lời thế cho nghè Ngô. Sau khi đọc bài "Chiêu tuyết", ông Phan Khôi – đã làm thinh được một lúc – lại cầm viết mà phê bình, trách rằng bài của ông Huỳnh có nhiều chỗ hơi "thất thiệt". Ông chủ báo* Tiếng dân *tuy niên đã cao, sức đã kém, nhưng hễ gặp những cuộc biện luận có nghĩa lý hẳn hòi, thì dẫu nói đến đâu ông cũng không biết chán. Bởi vậy nên đối với bài phê bình của ông Phan Khôi, báo* Tiếng dân *vừa rồi vẫn thấy có bài biện chánh.*

Trung lập *báo đã là cái diễn đàn chung của mọi người trong xã hội, thì đối với nhứt thiết những kẻ ăn nói đúng đắn, bổn báo đều rất lấy làm vinh dự mà đón rước cả hai tay.* – TRUNG LẬP.

*

* *

Báo *Tiếng dân* số 317, tôi có bài *Chánh học cùng tà thuyết* chiêu tuyết những lời bài báng cho một người chí sĩ mới qua đời là ông Ngô Đức Kế, về

sự bác học *Kiều*. Lời bài báng là của ông Phạm Quỳnh chủ báo *Nam phong* viết trong một bức thơ trả lời cho ông Phan Khôi về câu chuyện "*Học phiệt*". Bởi cái mối dăng dính ấy mà ông Phan Khôi mới có mấy bài đăng báo *Trung lập* mới rồi phê bình bài "chiêu tuyết" của tôi.

Bài chiêu tuyết của tôi, chắc độc giả còn nhớ, mà ai đã đọc đến, tất nhiên hiểu rõ chỗ quan yếu độc nhứt trong bài ấy là phân biệt Chánh với Tà, chính ông Phan Khôi cũng công nhận là "nhứt ngôn cư yếu" nên trong mấy bài phê bình, ông cũng gác hẳn chỗ cốt yếu ấy ra ngoài mà chỉ trích những nơi "ức dương hiên chí" (*nâng cao hạ thấp*) như :quá bình ông Ngô, nói xoi ông Quỳnh... và tách riêng *Truyện Kiều* ra làm một nghề mỹ thuật mà không để lẫn vào trong vấn đề chánh học, xem thế thì rõ có lời phê bình ấy mà nền luận điểm của bài tôi càng vững vàng chắc chắn không vì cái cớ vụn vặt kia mà lay chuyển.

Song xét kỹ cái tánh chất bài ông không phải bài phê bình của học giả mà lại là bài biện hộ của trạng sư. Nếu những người xem văn mà đều có cái con mắt tinh, thấy chỗ dụng ý của ông thì tôi không cần biện lại ; khổ vì trong giới ta theo hạng thông thường ít kẻ đọc văn chịu xem xét cho kỹ mà mấy bài phê bình ông ý ít lời nhiều, có cái vẻ nhành rậm che gốc, mây nổi khuất trăng, e độc giả nhận lời ông mà sanh mối hiểu lầm. Vì thế mà tôi phải có bài biện chính nầy.

Trước khi nhập đề, xin thưa một điều, (điều nầy ngoài đề). Gần đây trong học giới ta, có biện luận điều gì, nhiều kẻ gia cho bốn chữ "tranh khí háo thắng" theo ý họ xem sự biện chiết trong trường ngôn luận học vấn là một điều xấu hổ bất chánh đáng hơn chuyện ghẹo nguyệt trêu hoa, mài miệt trong sóng tình bể sắc kia. Tôi vẫn không nhận sự tranh khí háo thắng là toàn phải, ví như vì sự thù vặt hiềm riêng mà nói càn cãi dỡ, thì tôi cũng cho là đê tiện mà không thèm làm, song những điều nghị luận quan hệ trong học giới mà có cái giá trị cần phải biện đi chiết lại, thì chính tôi đã mang tiếng bốn chữ nói trên mà tôi vẫn không từ là bởi hai cớ nầy :

1) Học giới ta, trừ một lối bình văn thi phú bát cổ ngày xưa ngoài ra tuyệt nhiên không có phong khí luận học như học giới các nước, tư tưởng

trong học giới bó buộc là vì thế. Nay có Âu học truyền sang đánh đổ cái nền học giới chuyên chế ngày xưa, lại có một đôi tờ báo làm cơ quan cho con đường trao đổi ý kiến, thì đem ý kiến của mình mà thương xác cùng anh em thức giả trong nước, để gây ra một cái phong khí luận học, may có mở đôi chút trong đường tư tưởng tự do, ấy là việc cần nhứt trong học giới dở dang ta ngày nay.

2) Học giới non nớt ta ngày nay như thế, nên phần nhiều chưa rõ sự luận học mà có cãi nhau lại hay vượt ra ngoài phạm vi luận đề mà thành chuyện đấu khẩu không có cái giá trị đáng biện luận. Nay được một ít người lấy thái độ học giả, đem chỗ sở kiến dị đồng mà bình phẩm đến văn của mình, không khác gì một người sản bà đẻ hộ cho chân lý. Hiện ở học giới ta ngày nay mà không nói chuyện với người biết nói, biết nghe nói, thì nói với ai ? mà không phải là "thất nhơn" sao ? (*Khả dữ ông nhi bất ngôn, thất nhơn*).

Bởi cái lẽ trên nên đã biện luận thì phải tranh thắng, đã tranh thắng thì phải có văn khí mà lời có thắng thì khí mới mạnh chớ lý đã không thắng thì khí đã nổi rồi không gọi là khí được. Sự tranh thắng ấy không phải vì việc riêng mà cốt hộ vệ cho chân lý trong luận điểm của mình, thuyết mình có thành lập thì chân lý mình chủ trì đó mới đứng vững, ông Mạnh Tử đành mang tiếng "háo biện" cho là việc bất đắc dĩ, chính là vì thế, chớ văn không khí theo lối mô-lăng (rờ gốc nào cũng được), không khác gì mặc áo rộng địa mà đi múa gươm, thì tôi cũng xin chịu.

"Viết khế bán lừa, đến 3 tờ giấy mà chưa thấy chữ lừa" – câu ấy là người Tàu nhạo văn nhà bác sĩ (bác sĩ mại lư, tả khoán tam chỉ, vị kiến lư tự). Tôi nói dông dài nãy giờ, chính là phạm câu trên, mình không tự phụ là bác sĩ nhưng ai có nhạo thì mình lại được mang cái tên bác sĩ cũng không ngại gì, nay tôi xin nói ngay vào đề:

1) Ông Phan Khôi nói : câu tôi nói bài *Chính học* của ông Ngô là một bài trong ngàn bài khác là nói thêm. Tôi nói sự trước thuật trên là nói chung không chia Hán văn và quốc ngữ và nói về giá trị ; đã nói về giá trị thì một bài có thể giáp năm bảy trăm bài, tự ý tôi cũng không cho là quá đáng. Nay ông lấy số học mà buộc tôi đếm 1, 2,3,4 cho đến ngàn, cứ chỗ con mắt tôi đã

thấy mà kể ra cũng tới số ấy (trong kể cả sao tập và dịch vì sao dịch không phải ai cũng như vậy đâu, ông Khổng Tử cũng thuật mà không làm kia) song đã nói giá trị tôi hãy gác những bài ông đã kể, cùng bao nhiêu bài phần riêng tôi được thấy, mà chỉ kể những bài phần nhiều anh em đã cùng thấy :

Bức thơ xin bỏ khoa cử năm 1905 có Võ Phương Trứ cùng thảo ; bài nầy lúc ấy có ảnh hưởng lắm. Bức thư gởi cho ông Tây Hồ lúc sang Nhật Bổn mới về. thơ nầy tôi còn nhớ một đoạn, trên 25 năm mà ngày nay còn nghiệm : "Hiện ngày nay những kẻ tự xưng tân học, chỉ thấy được một điều, hiểu được nửa bên mà đứng lên đề xướng cái nọ cái kia làm cho người ta lầm không phải là ít". (*Kim nhựt hiệu xưng tân học, tài đắc nhứt tri bán giải nhi vọng tự đề xướng, ngộ nhơn bất thiểu*). Bản *Thiên nhiên học hiệu ký* (nói về văn ký sự thì bản nầy ít ai viết được).

Mấy bài ấy là ở ngoài văn cổ động mà ông đã kể. Tôi cũng xin gác luôn mấy bài ấy mà chỉ nói một bài độc nhứt, huyết thành chan chứa, nhãn quan tinh thấu, văn khí trầm uất mà bút thế lãng lệ, thật là một bài ít có, mà bài ấy chính ông thấy trước tôi, lại có lẽ thuộc nhiều hơn tôi, là bức thơ đặc 5 tờ giấy bổn biên bôi mực đen gởi cho một người bạn sau lúc được tha về Huế. Thế mà ông bỏ sót (hoặc không tiện nói cũng nên) ; như lấy cái nghĩa một chữ một giọt lệ, một chữ ngàn vàng mà kể thì chỉ một bài ấy đủ đương ngàn bài tôi đã nói kia.

Ai nghe câu tôi nói "ngàn bài" mà bĩu môi như thói làm sinh của cô Kiều thì tôi không kể, đến như ông thì chắc rằng ông có bĩu môi cho ông Ngô là về phương diện "thị tài quả hiệp" kia (nghĩa là cậy tài ít ưa ai) chớ nhớ đến bức thư tôi nhắc trên thì tất nhiên đã đồng một mối hâm động cảm phục như tôi mà đốt hương than thầm lặp đi lặp lại rằng nhân vật hiện thời mà có người viết được một bài giá trị đệ nhứt như thế !

Thế là câu tôi nói ngàn bài có chút gì gọi là nói thêm đâu !

Tôi đã nhận bài *Chánh học* là chân chánh thì binh vực cái người làm bài chân chánh kia và chiêu tuyết lời vu báng kia chính là cái gốc trong luận điểm của bài tôi, mà dầu có ai cho là tư vị thì tư vị một người chí sĩ trọn đời đày đoạ vì việc của nước, không hơn đem văn chương của mình mà binh vực cho một con đĩ Tàu sao ? (Tôi thú thật, tôi nói Kiều mà như ông

bắt lỗi rằng nói xoi ông thì tôi cũng khó chối, vì ông có bài thân oan cho đĩ Võ Hậu).

Ông nói câu "ông Ngô không làm du ký Côn Lôn để mua danh" là nói xoi ông Quỳnh, thì thật là trái với cách luận học mà buộc cho học giới nhứt định phải tuyệt hẳn hai chữ biện luận mới tránh khỏi tiếng ấy : lịch sử Côn Lôn là chữ sẵn có trong bài ông Quỳnh, mà hai chữ du ký của tôi là nhân chữ lịch sử đó mà tự nhiên phát xuất một cái đối chiếu. Du ký cũng một món trong nghề học nên tôi phải thêm chữ "mua danh" theo để phân biệt với bên chính học kia.

Du ký ông Quỳnh, tôi không được thấy nhiều như ông (cũng có một vài bài), không biết ông Quỳnh có ý mua danh cùng không, như ông ấy không có ý mua danh thì câu nói du ký của tôi, chẳng qua là một câu giả thiết đứng về mặt phản diện, cho rõ cái giá trị bên chánh học mà thôi, không đích chỉ ai ; còn như ông ấy có ý mua danh thì câu ấy lại đúng với sự thật mà tương đối với bốn chữ lịch sử Côn Lôn kia, luận điểm vẫn chân chính không gọi là nói xoi được. Không những thế thôi, thuở nay thánh hiền luận học cần nhứt là câu nói trúng bịnh còn những lối gãi ngứa ngoài giày là lời nói không thiết thật cả. Ông Tử Lộ hỏi ông Khổng như hành binh thì đi với ai ?

– Trần mình bắt cọp, tay không lội sông, ta không đi cùng người ấy, ta chỉ đi với người gặp việc mà biết lo, nghe lời mà quyết đoán kia.

Ông Mạnh Tử sắp đi chầu vua Tề Vương, vua cho người mời, ông đã không đi triều lại đi dạo tới nhà khác chơi, người ta hỏi ông, ông kể những tước những đức những tuổi gì gì, rồi nói rằng : chỉ có một cái "tước" mà dám khinh dể người gồm có cả hai (đức tuổi) sao ? Ấy đó, cứ như lời ông nói thì câu "bắt cọp lội sông" kia là ông Khổng nói xoi thầy Tử Lộ mà câu "chỉ có một" nầy là ông Mạnh Tử nó xoi vua Tề Vương : Thánh hiền cũng không tránh hai tiếng nói xoi của ông được.

Đã làm một luận đề chánh và tà mà nói vàng không được nói đến thau, nói lủa không được nói đến cỏ, thì biện cái gì ? May mà tôi chỉ nói hai chữ "du ký" mà ông bắt ngặt như thế, nếu như tôi nói "làm văn mua danh" thì ông bảo nói thế là ngăn người đời làm văn hay sao ? Hai chữ "nói xoi" của

ông, tôi nhứt định không nhận, vì tôi nhận tức là ngăn đón sự biện luận phân biệt trên con đường học vấn mà dung cho chánh tà lẫn lộn nhau.

Trong bài tôi ở đoạn sắp vào đề có câu : ". . . người tài học trổ từ lúc thiếu niên, nếu như thờ cái chủ nghĩa vinh thân phì gia, mượn lối văn chương để... thì sang trọng thông thái ấy làm đến đâu cũng thừa. Thế mà hy sinh cả thảy...". Ông Phan Khôi cho câu ấy là : 1/ thất thiệt không chơn, 2/ trái với luận lý học, 3/ lối văn khoa cử, 4/ cũng hàm ý nói xoi. 5/ nói ra ngoài đề ; thế mà chưa lấy làm vừa còn buộc thêm một cái lỗi thứ 6 to tát hơn nữa là nói đến 2 chữ "hy sinh" ! Toàn bài phê bình thì đoạn nầy tỏ ý rất là nghiêm khắc, không chút kẽ tóc chưn tơ nào lọt ra ngoài con mắt và ngòi bút phát vi trích phục ấy (phát chỗ kín nhiệm và moi chỗ ẩn núp).

Chỉ một câu văn mà ngồi nghe quan tòa viện chứng dẫn luật, buộc đến 6 điều tội, không rõ cái án văn tự thuở nay, có ai được cái hân hạnh gặp tay quan tòa ghê gắt như thế không ? Song thế nào mặc lòng, mình chính là người nói câu ấy, mà tự nghĩ là còn có chỗ biện lại, thì dầu cho súng chỉ bên hông, gươm kề sát cổ, cũng biện bạch đôi lời, huống là tòa án dư luận, chỉ búa rìu bằng bút mà thôi. Vậy tôi hãy cãi đã :

Đoạn ấy tôi đã nêu trước hai chữ "nếu như" thì ai đọc đến cũng hiểu là một lời giả thiết. Tôi không rõ luận lý học có phép giả thiết ấy không, mà tôi cũng không cần nhắc lại lối văn khoa cử, tôi chỉ theo như lời ông Phan Khôi nói : Dịch theo Pháp văn mà giữ "temps de verbe" cho đúng thì là về "conditionnel passé ; il aurait été ; s'il avait eu". Nhưng tôi cũng vứt cả lối văn thường sáo đó đi, mà nói đến văn dùng trong điều ước là thứ văn cân nhắc từ chữ, thương xác nhiều lần, mà cũng thấy có lối giả thiết ấy. Điều ước năm 1862 trong có câu : Nếu trong điều ước ấy, với một ngoại quốc nào, mà có nói tới vấn đề nhượng đất, thì phải có vua nước Pháp đồng ý mới được chuẩn định. (...si, dans le dit traité avec la nation étrangère, il est question de cession de territoire, cette cession ne pourra être sanctionnée qu'avec le consentement de l'Empereur des Français).

Trong lúc viết tờ hòa ước thì việc nước Nam nhượng đất với nước khác có thật sự đâu, chẳng qua giả định một cái dịp có thể xảy ra mà thôi ; như buộc là chơn thiệt thì có gì là chơn đâu, song trên thế giới nầy mà có câu

chuyện "nước nầy nhường đất cho nước kia", thì thuyết giả định ấy vẫn còn thực tại, dầu là nước Nam không nhượng đất cho nước khác nào.

Theo như lẽ trên thì tôi nói : "nếu như... làm thừa...", không thể viện cái cớ may rủi trong quan trường kia mà bác hẳn đi được. Thuyết giả định ấy mà cho là thất thiệt, trừ ra khi nào ở nước ta tuyệt nhiên không có người tài học nào thờ chủ nghĩa... mà làm đạt cái mục đích "thông thái sang trọng" kia ; (tôi nói tài học là kiêm tân cựu chớ không chỉ thiên về tấn sĩ đại khoa, nói thông thái sang trọng chớ không nói làm quan to), chớ còn có một người trong hạng ấy, thì thuyết ấy vẫn thiệt tại, huống chi là sờ sờ trước mắt, co ngón tay đếm còn sợ sót kia mà ! Thông thái sang trọng, như ý tôi nói thì bước lên trên một vài bước nữa cũng còn là việc có thể có thực, nào có phải như câu chuyện "Xuân thu Chiến quốc kéo lại đời Đường Ngu Tam đại" là sự tuyệt nhiên không có đó đâu, mà ông đem ra so sánh ? Theo luật ông bắt "nói xoi", thì chữ "tấn sĩ đại khoa kinh nghĩa văn sách" chính phạm cái luật ấy, nhưng tôi cho là nói tất cả từ triều Minh Mạng lại đây, ai có tên trên bảng hội bảng hương đều ở chung trong ấy, nên tôi không nhận mà lãnh riêng một mình. Mà cho là ám chỉ thì tôi cũng số một trong số chung kia thôi.

Ông nói câu ấy hàm ý xoi bói và nói ra ngoài đề thì cũng không nhằm :

Đối với độc giả mà nói, trên đầu đề tôi đã nêu : "chiêu tuyết những lời bài báng cho một người chí sĩ", thì trong bài trước khi vào chính đề, lược kể qua đại tiết người chí sĩ ấy là lẽ tự nhiên. Như ông đã nói : Nhà phê bình có cái trách nhiệm nâng cao văn phẩm, nhà ngôn luận lại không có cái trách nhiệm ấy hay sao ? Chiêu tuyết là chiêu tuyết cho ai ? người thế nào mà mình phải chiêu tuyết ? Đó là những điều cần phải có, mà không bỏ sót được.

Huống chi dưới tôi lại có một câu tách riêng rằng : "*xin gác lịch sử cá nhân ra ngoài mà chỉ tựu bài bác Kiều...*" thì giới hạn trong luận đề, phân minh rành rẽ, sao ông lại cho là ngoài đề ? Còn nói hàm ý nói xoi thì trên tôi đã giải rồi. Vả cái đề là bác những lời bài báng trong một bức thơ kia, thì những chỗ ức dương trong luận điệu, nơi nào cũng cho là nói xoi được cả. Tức như ông phê bình bài tôi thì trong ấy cũng lắm chỗ nhận là nói xoi tôi được (như khoa cử tấn sĩ...) nhưng tôi không những không cho là nói xoi mà lại nhận là trúng bịnh, vì phê bình mà không có chỗ gãi ngứa thì có mùi gì đâu.

Đến câu cuối đoạn ấy, ông buộc tội cho tôi vì nói đến hai chữ "hy sanh" mà dụng thêm hai chữ "phú quý" đứng về mặt đối chiếu thì thật là tôi không ngờ, có lẽ ông nhập "người tôi" cả chung vào người trong đề làm một, mà bắt cho sâu sắc như thế. Nói thật, khi tôi viết bài ấy tôi chỉ nhận tôi là một nhà ngôn luận và trong con mắt tôi cho chăm vào hai chữ chánh tà mà thôi. Nhưng nói thế có người không tin, mà tôi cũng không cần ai tin, vì cái cớ như ông đã nói : khí cao một chút.

Nay tôi chỉ nói thấp thấp : yếu điểm bài tôi là biện biệt chánh học với tà thuyết và bác những câu "cá nhân quyền lợi" thì thế nào cũng phải có coi chứng gì để làm nền cho sự biện biệt ấy. Vậy "vinh phi sang trọng" tức là chính diện chữ cá nhân quyền lợi, mà "hy sinh" là về bên phản diện, tức là chí sĩ. Nếu như trong bài ấy không có câu "cá nhân quyền lợi" mà tôi bình không đem ra mà nói thì ông buộc là "còn xem thấy... còn chưa quên.." tôi cũng cảm phục. Nay đầu đề là phân biệt tà chánh mà ông hạ một cái cấm thể nghiêm nhặt rằng không được chỉ rõ thế nào là cá nhân quyền lợi, không được nói thế nào là không phải cá nhân quyền lợi, gọi đến tức là phạm cái tội "không quên... còn thấy...", thì còn biện bạch cái gì ?

Theo như cấm thể của ông thì ông Khổng nói : "Họ Quý giàu hơn ông Châu Công", ông Mạnh Tử nói : "Cái sang của họ Triệu họ Mạnh", ông Thích Ca nói : "Ta không vào địa ngục thì ai vào", ấy là Khổng Mạnh còn chưa quên cái giàu sang kia, mà ông Phật từ bi nầy cũng khoe sự khổ hạnh của mình sao ? Quả thế thì trong đời phải hỗn độn như một trái ổi mà không có cái gì gọi là tà và chánh, mà cũng không cần có luận biện gì nữa, thì cái cấm thể của ông mới khiến cho người ta khỏi phạm được.

Nói đến "tán dương *Truyện Kiều*" là cái nguyên nhân nảy ra bài "*Chánh học tà thuyết*" nói trên, thì ông Ngô đã bàn rõ, mà ông cũng gác riêng *Truyện Kiều* đứng về mặt nghệ thuật và ông lại nói rằng :

"Không rõ lúc bấy giờ ông Quỳnh có bảo đem *Truyện Kiều* mà làm sách "dạy học", coi *Truyện Kiều* như sách giáo khoa không ? Nếu thật vậy thì đáng công kích thật...".

Thế là bài *Chánh học* của ông Ngô cứ đứng vững vàng mà bài chiêu tuyết của tôi càng tỏ cái thái độ chính đáng mà không phải tây vị, lẽ tôi

không phải bàn nữa. Song câu nói của ông trên, châm chước cân lượng rất là kỹ càng mà ở trong rõ là hàm cái ý chối khéo cho ông Quỳnh, có lẽ khiến cho độc giả mê cái giọng văn mà quên cả sự thực. Vì thế nên cần phải chỉ rõ chỗ ấy cho độc giả khỏi lầm và phụ vài lời phê bình thêm :

Trước khi tôi chưa thấy bài *Chánh học* của ông Ngô (năm 1921 tôi ra Huế chơi, ở nhà người nọ, nhân trên bàn có quyển báo *Nam phong* không nhớ số nào, nhưng chính mắt tôi thấy), giở vài tờ xem thì thấy một bài nói việc giáo dục trong có câu : "Nếu đem *Truyện Kiều* mà giảng thì không có thánh kinh hiền truyện nào bằng". Sau lại nghe người ta đọc câu : "*Truyện Kiều* còn, tiếng ta còn ; tiếng ta còn, nước ta còn...". (Câu nầy có lẽ nhiều người nghe, có chứng chắc). Sau tôi có gởi cho ông Ngô một bức thơ chữ Hán mà ông đã có thấy. Trong thơ có câu : "Truyện phong tình mà tôn làm kinh thánh giáo, thơ hoa nguyệt mà chuộng làm báu tổ truyền (*phong tình cổ lục, phụng vi thánh giáo chi truyện thơ, hoa nguyệt diễm từ, bảo tác tổ truyền chi văn hóa*) ; lại nhắc luôn câu thi : "*sách dạy ngày nay đĩ đứng đầu*" cho ông nghe. Thế là sự ông Quỳnh bảo đem *Truyện Kiều* làm sách dạy, có cái thiết án chắc chắn, không ai cào mất dấu đi được. Ông Quỳnh có chuyện đề xướng ấy, tôi quyết hẳn rằng ông biết rõ nhiều hơn tôi kia. Thế mà câu văn ông nói lờ mờ tợ có tợ không, có ý che lấp sự thật ấy đi, thành ra bài *Chánh học* như tuồng ông Ngô bình không mà đặt chuyện.

Trên đời ai lại khỏi có điều lỗi ; có lỗi mà biết đổi, lại thành điều tốt. Ông Quỳnh ngày trước có đề xướng "đem *Truyện Kiều* làm sách dạy" song nhân bài *Chính học* kia công kích một cách chánh đáng mà tự biết điều lỗi ấy, không đề xướng điên khùng như trước, thì có hại gì.

Cần gì mà ông phải chối giùm ? (Xem bức thơ ông Quỳnh mới rồi, trong có câu : "*Truyện Kiều* đứng về mặt văn chương..." thì hình như đã có ý tri hối mà không còn có cái giọng hằng hải như trước, đủ rõ mãnh lực bài *Chánh học* có ảnh hưởng).

Ông nói nghề mỹ thuật, tôi cũng là một người biết thưởng nghề mỹ thuật nhiều ít, mà chính mình lại ham nữa : Nghĩ như câu đối chia buồn, bài thi tỏa cảnh, có bổ ích cho đời đâu, mà lắm khi vì một chữ một câu mà chạm trổ dồi mài cho đến quên ăn quên ngủ ; hiện ngày nay mà cái thói cũ không

chừa. Tức như *Truyện Kiều* gần ba mươi tuổi mới được xem mà nhớ đã gần hết, nào có phải cây đá vô tình không biết thưởng nghề mỹ thuật đâu ?

(Khi xưa đi học, nghiêm cấm xem những tuồng truyện như thế, nên sau thi đỗ rồi mới được xem. Nói nhớ đây là tánh riêng trời phú, tự lúc nhỏ cho đến 30 tuổi, xem cái gì cũng dễ nhớ cả, chớ không phải vì cái hay riêng của *Truyện Kiều*. Nói thật cũng nhờ sự nghiêm cấm ấy mà ngày nay tôi mới còn là tôi).

Tuy vậy theo trí phán đoán cùng sự chủ trì của tôi thì trong một nghề mỹ thuật cũng có tà chánh chớ không phải là nhứt luật như nhau. Tôi xin hỏi ông và các độc giả :

Một bức tranh vẽ tích anh hùng cứu quốc, liệt nữ thủ trinh, với một bức tranh vẽ cái tích bợm điếm lừa người, lầu xanh rước khách, hai bức tranh ấy nói về mỹ thuật thì cũng tinh xảo như nhau mà người xem hai bức tranh ấy cảm tình có khác nhau không ?

Một nhà chụp ảnh, chụp một bức ảnh đám cưới hai người nam nữ thiếu niên, thân bằng dự lễ rất là trang nghiêm đường hoàng với một nhà kia chụp một bức ảnh, hai người thiếu niên nam nữ ẩn bóng núp hình, trèo tường trổ ngõ mà đính ước tư tình với nhau, hai bức cũng khéo tuyệt, rõ ràng cái chân tướng và thân tình như thấy trước mặt, mà người xem hai bức ảnh ấy, cảm tình có khác nhau không ?

Nói về mỹ thuật thì bốn bức tranh ảnh ấy, đồng là tinh diệu mà nói đến tánh chất bên trong và cả hình dạng bề ngoài thì ai cũng phải phân biệt là có tà có chánh ; mà nói đến cái sự cảm xúc trong tâm lý của người xem tranh ảnh tất nhiên cũng không đồng. Theo tánh người đời thấy vật cay chưa ăn mà chảy nước mắt, nghe đồ chua chưa thấy mà nhểu nước miếng, ấy là cái mối cảm giác tự nhiên. Bởi vậy cho nên đọc truyện anh hùng thì sinh lòng cảm khái, mà xem tuồng trăng gió thì sóng tình bồng bột mà nổi lên. "Ở trong hàng bán cá mắm với vào trong nhà chi lan, cái thơm cái thúi lâu mà hóa theo", câu nói người xưa là đúng. Gần đây ở Thượng Hải có nhà chụp các ảnh dâm sự... mà chánh phủ Trung Hoa có lịnh nghiêm cấm, không phải sợ cái độc truyền nhiễm có hại trong nhân tâm thế đạo sao ? Mà *Truyện Kiều* không phải cũng loài dâm sự ấy ư ?

Câu nói "thương phong bại tục,... cái độc Kiều di hại...." mà ông lại buộc tôi làm biểu thống kê thì ông mới tin... Theo như ông thì cái gì có đếm được chắc chắn 1, 2, 3, 4 mới dám nói nhiều hay ít, còn không thì không nói được sao ? Theo ý tôi cùng những chỗ tôi đã nghiệm, thì ở xứ ta trừ những số thống kê chắc chắn như đoạn đường từ T đến X bao nhiêu cây số, tỉnh kia có bao nhiêu làng v.v... thật là xác trúng, còn cũng lắm điều xét số ghi trên mặt giấy thì rất là rõ ràng mà tra lại sự thật thì sai đi cũng nhiều.

Chỉ xem số đinh số điền một đôi làng, thì rõ số thống kê trên mặt giấy chẳng qua bằng cứ một số người khai báo nào đó mà viết theo, có phải toàn đúng với sự thật đâu. Đấy là tôi nói số thống kê có cái nên tin, cũng có cái không đúng, chớ không phải nói không nên làm thống kê cho đúng đâu. Bởi vậy nên số thống kê mà ông buộc cho tôi làm đó, chờ khi nào xứ ta có cái luật hôn thú nhứt định, các nhà thương không có người đẻ gian, vợ chồng lấy nhau phải làm lễ tại giáo đường, ở dân gian không có sự dụng tình ẩn nặc, thì khi ấy tôi sẽ làm một bản thống kê đích xác cho ông xem.

Còn câu tôi nói trên là theo lối trực giác (trông thấy mà biết) mà so sánh với nhau. Như nói : "Từ có các sở đồn điền cao su mà xứ mình nhiều người đi mộ phu hơn xưa ; từ có phong triều Âu hóa mà người mình đi ngoại quốc nhiều hơn trước", dầu không đếm được một, hai... song chắc cũng không trật. Xin kể qua một đôi điều :

Ngày trước (trên vài mươi năm chớ không xa, tức là sách *Kiều* chưa thông hành), trong đám học trò mà có một anh nào ra vào tiệm rượu hoặc mang tiếng ghẹo gió chơi trăng, thì ở trong nhà phụ huynh đã nghiêm trị, ra ngoài thầy bạn cũng răn he, mà thanh nghị cũng nhiều khi chỉ trích. Đó là nói nam giới, còn đối với nữ giới càng nghiêm hơn nữa. Vì thế mà những tấn kịch tà dâm phóng đãng ít hay xảy ra. Còn ngày nay thì thế nào ? Yên lâu kỹ quán qua lại ngày thường, rạp hát xóm đờn vào ra tấp nập, không những không lấy làm điều bất chính mà còn tán là phong nhã hào hoa.

Thậm chí ở trong trường học mà có cái phong triều "thủ xú"(*), lắm đứa

(*) "Thủ xú" : hiện tượng đồng tính ái trong học sinh nam giới ở Huế đương thời được nêu lên trong một vài tờ báo.

trẻ con mười hai, mười ba tuổi mới viết được vài hàng quốc ngữ, đã bắt đầu viết bức thư tình ; ngoài ra còn nhiều điều không muốn kể nữa. Ngọn sóng đồ quán xiêu đình, làm cho cái nền đạo đức xưa hư sụp, rõ ràng như thế, vẫn có nhiều cớ mà cái mối gián tiếp trực tiếp do những kẻ đem cái độc *Kiều* mà gieo ra, không thể chối là toàn không được. Thế thì câu nói tôi đó vẫn có ý xót tục ghét đời, tuy không làm thống kê ra mà đếm được, nhưng không phải là không đúng sự thật.

Về đoạn nầy ông có dẫn chuyện văn học lý học, và những văn hào như Hàn Dũ, Tăng Củng mà mình chỉ vào tôi, tôi không dám nhận, song nói thật rằng : tôi là một nhà học giả (học giả nước Nam ta chớ không phải nói học giả nước khác), mà có cái chủ trì đặc biệt : Theo như ý kiến tôi, thì làm Hán nho tôi muốn làm Giả Nghị mà không thèm làm Dương Hùng, làm Thanh nho thì muốn làm Cố Định làm Vương Thuyền Sơn mà không muốn làm Ngô Mai Thôn[1]. Không những tôi tự muốn thế thôi mà tôi lại muốn cho học giả cũng xu hướng như thế, vì tôi thấy rõ cái nghề mỹ thuật mà những điều tôi nhận là tà là có hại cho nhân tâm thế đạo mà đã thấy rõ chỗ hại, thì lòng nào đã không ngăn được, lại còn thêm dầu vào lửa, ngồi xem ngọn khói nó bay mù ra hay sao ?

Thôi, về vấn đề nầy, tôi cùng ngài đều là trạng sư, song có điều nầy khác nhau : Tôi làm trạng sư cho một người chí sĩ đã qua đời và làm trạng sư cho tôi ; chẳng có công gì. Còn ngài, vì khêu mối ra nên cũng làm trạng sư mà làm trạng sư cho một vị văn sĩ đương cầm bút viết báo, viết sách. Ngài dầu không công, song hơn tôi một điều : là được nghe giọng ngâm *Kiều* êm ái kia.

Trung lập, Sài Gòn, s.6284 (28.10.1930) ;
s.6285 (29.10.1930) ; s.6289 (4.11.1930) ;
s.6291 (6.11.1930)

---

[1] Dương Hùng, Ngô Mai Thôn văn hay mà thất tiết, nhân phẩm không giá trị gì. (nguyên chú của Huỳnh Thúc Kháng).

LẠI NÓI VỀ CHUYỆN DỊCH SÁCH *SỰ TÍCH PHẬT THÍCH CA*

LỜI TÒA SOẠN - Nhơn Trung lập *một số trước đây, có bài của ông Phan Khôi nói về chuyện dịch sách, trong đó có nói đến sự sai lầm của bổn dịch* "Sự tích Phật Thích Ca Như Lai".

Bổn ý người viết bài ấy là muốn cho ai dịch sách gì cũng phải dịch thật đúng. Mà sự dịch đúng đó là sự cần lắm ở trong học giới ta ngày nay, bài ấy đã nói thật rõ ràng.

Vậy mà mới rồi bổn báo tiếp được một bài, ký tên là "Ban dịch sách phật", gởi tới nói về chuyện ấy, lại dường như tỏ ý bất mãn.

Thật là quái ! Mình dịch sai, người ta nhắc cho mình, báo dịch đúng, nay mình cũng chịu là mình đã dịch sai, thế thì làm sao lại còn bất mãn người ta, lại còn nhè cái người làm ơn chỉ vẽ cho mình mà trề nhún ?

Cái bài gởi tới sẽ đăng dưới đây có nhiều chỗ nói vô lý lắm. Cái sự thấy không đúng mà chỉ cho, làm sao lại kêu rằng sự xoi móc, vạch lá tìm sâu, bới lông tìm vết ? Đã cảm ơn người ta, sao lại còn nói xấc ? Thứ nhứt là câu sau cùng, hỏi ông Phan "có khuynh hướng về quyền lợi thì nhường cho" thì thật tỏ ra là tiểu tâm !

Những người đứng gởi bài nầy khoe mình có đức lượng, một bọn đệ tử của phật, mà nói ra nhiều lời rất lỗ mỗ, sở dĩ bổn báo đăng bài nầy lên, là cốt vì chỗ đó, cốt muốn cho anh em biết ở xã hội ta còn có hạng người như vậy ; nếu không thì cũng chẳng đăng làm chi.

Trong bài, có ý thương xác cùng chúng tôi những chữ gì đó. Phải chi họ có lòng thành, nói một cách hòa nhã, đừng xấc láo thì chúng tôi cũng vui

lòng mà thương xác cùng họ. Cái nầy, họ đã biết mình sai mà còn xấc lảo, thì chúng tôi nói với họ làm chi ?

Theo lời trong bài, về sau họ sẽ "tiểu tâm cẩn thận" mà dịch cho đúng, không dịch sai như trước nữa, ấy là cái bài của chúng tôi hôm trước đã có hiệu nghiệm. Đủ rồi không nói nhiều làm gì với kẻ không hiểu.

TRUNG LẬP

*

Vừa đọc chưa dứt mấy bài tranh luận về *Nho giáo* về *Học phiệt*, lại thấy Phan Khôi tiên sanh công kích ngay việc Thơ xã dịch sách Phật của chúng tôi đang lập đây. Ôi ! cái phong trào xoi móc cãi lộn bội xuất, bội thập, đã tràn rộ trên mặt biển báo giới hằng ngày nghe đã chán tai, kẻ nói người không xét lại mình, kẻ bị người nói cố cãi lấy phải, rồi lại kiếm câu nói trả oán. Còn chúng tôi đây thời giữ cái tư tưởng riêng.

Trong bộ sách *Sự tích Phật Thích Ca Như Lai* mà chúng tôi đang phiên dịch, định ấn hành đây, ký hiệu dịch giả là "Huyền Mạc đạo nhơn", đó là lấy hiệu chung của những người "Tri huyền, tri mạc, thủ đạo chi cực", lấy "huyền mạc" làm chủ nghĩa, chỉ biết giữ mình nói theo đạo phải mà thôi. Đã lấy "huyền mạc" làm chủ nghĩa, thời đối với người không bới lông tìm vít vạch lá kiếm sâu làm chi cho hẹp mất đức lượng của mình đi ; mà người ta đối với mình thì biểu hay ừ hay, biểu dở ừ dở, bẻ phải thời có ích cho mình, bẻ quấy thời cũng cho là không hại cho mình, chẳng muốn sanh sự gây lộn. Duy trong bài Phan tiên sanh công kích chúng tôi có nói tới ông Ngô Trung Tín, điều đó là lỗi tại chúng tôi, chớ việc đó không can thiệp chi tới ông Ngô, nên chi chúng tôi cực chẳng đã phải có ít lời phân biện đặng đồng bào độc giả hiểu tình cho.

Nguyên chúng tôi sở dĩ muốn xuất bản bộ sách *Sự tích Phật Thích Ca* nầy, là trộm tưởng rằng : Phật giáo lấy "quảng đại từ bi" làm tôn chỉ, tức là tôn chỉ "nhơn nghĩa" của Nho giáo, lấy "thinh tịnh vô vi" làm chủ nghĩa, tức là chủ nghĩa "huyền mạc" của Đạo giáo, hiệp các tôn chỉ chủ nghĩa làm tôn chỉ một nhà, các phái đều thích nghi, mọi đàng đều phương tiện. Mà đức Thích Ca Như Lai là một vị Phật tổ giáng đàn, nối noi thánh trước, mở dạy

đời sau, ngài thiệt là quán bá vương đạo cao thiên thánh đó.

Chúng tôi sẵn lòng tín ngưỡng, và thấy bộ sách *Thích Ca Như Lai ứng hóa sự tích* do Hòa Thạc dự Thân Vương là một nhà hoàng thân quốc trụ của trào Đại Thanh bên Tàu đem bá tâm tôn tín đạo Phật đã có công thâu lượm hết thảy các kinh các truyện, biên tập thành một pho sách, chép đủ tiền nhơn hậu quả, từ mấy kiếp của ngài thế nào, rồi kế đến kiếp ngài đầu thai giáng thế, khi xuất gia tu đạo, khi ứng hóa thành phật, khi du phương truyền giáo cho chí khi nhập hóa nát bàn, hết thảy là 208 hồi, mỗi trương phần trên chép truyện chữ nho, phần dưới vẽ hình các tích, sự tích rất lạ, hóa cơ rất kỳ, thiệt là pho sách hoàn toàn có công phát dương thánh tích. Vậy chúng tôi định phiên dịch bộ sách đó ra quốc văn mà ấn hành ra đặng truyền bá cho rộng đạo mầu, cứ một trương in nguyên bản trên truyện, dưới hình, lại một trương in dịch văn bằng chữ quốc ngữ, khiến cho các giai cấp đều hiểu, các học phái đều ưa, ước mong rằng đồng bào quốc dân ta nhà nào người nào cũng nên lưu trữ một bổn làm đạo hộ phù, trước độ thân, độ gia, sau phổ độ cho quần sanh bá tánh.

Về phần ông Ngô Trung Tín, thì ông là một nhà từ thiện, thành tâm mộ đạo, thấy công chuyện của chúng tôi làm là thuộc về việc công đức, vậy ông sẵn lòng tán thành, ông có hứa khuyên chúng tôi rán làm cho hoàn toàn rồi xuất bản, tổn phí hết bao nhiêu ông cũng sẽ cho mướn vốn mà làm giúp sức cho thành tròn công quả. Chúng tôi cảm lòng ông, tôn ông, trượng ông, muốn để tôn tánh phương danh của ông đứng chủ bổn, đặng quy công cho ông, đó là ý riêng của chúng tôi, chớ không phải là của ông Ngô. Tờ in thử đó là do một người coi việc xuất bản trong bọn chúng tôi trích lấy một bài văn ít chữ cho vừa một trương giấy, in ra mấy bổn làm mẫu đưa cho ông Ngô coi. Song ông Ngô là người tu hành đạo đức, giữ chủ nghĩa điềm đạm, chẳng hề ham danh ham lợi, không vui lòng để tên làm chi, thì chúng tôi hiểu ý của ông, đã hủy đi liền từ mấy tháng trước kia rồi, không hề phát hành ra ngoài tờ nào (trừ ra để ở nhà ông Nguyễn An Cư một tờ mà thôi) chẳng hay Phan tiên sanh khéo tò mò mà lượm đặng ở đâu mà đem làm thoại bính ?

Về phần dịch văn, thì chúng tôi từ khi khởi thảo cũng đã tự biết rằng văn chương nghĩa lý về Phật học thì khác với Nho học, và huyền vi gian

sáp[*] lắm, nếu phái Nho học chúng tôi ít đọc sách Phật, mà không có tự nguyên tự điển để khảo cứu, mà tự ý dịch ra, chắc không khỏi sai lầm. Khi đó vì chưa kiếm đặng tự nguyên tự điển, vậy mới thảo phác ra một lượt, để đợi kiếm sách khảo cứu, sửa đi sửa lại, cho thiệt kỹ càng, hình vẽ cũng mướn nhà danh hoạ vẽ cho trúng lối Tây Trúc, rồi mới dám xuất bản, chớ không như miếng giấy in thử mà tiên sanh lượm đặng đó đâu. Chúng tôi xin thú thiệt rằng : nếu bổn khởi thảo đó mà vội ấn hành ra, thì các nhà đồng nghiệp bán nói bán viết chúng ta sẽ còn mỏi tay mỏi miệng. Nhưng mới đây chúng tôi đã kiếm đặng bộ *Phật học đại từ điển*, và các sách để khảo cứu, đem đò xét các văn nghĩa, và sửa đổi các văn từ, mấy lần thảo, mấy lần bôi, tưởng cũng đã tinh tường kỹ lưỡng lắm. Vậy mà chưa dám chắc là thiệt trúng, còn phải cầu các vị cao tăng, các nhà bác học kiểm duyệt đính chánh lại cho. Nay bổn sửa lại hiện đã đem nhờ ông Nguyễn An Cư là nhà lão thành túc nho và nghiên cứu Phật học kiểm duyệt cho từ mấy tuần trước đây, kỳ cho các nhà đạo học công nhận là phải đã rồi sẽ hay, chớ đâu dám tháo thứ[**] xuất bản.

Miếng giấy in thử đó là do tự ý người coi việc xuất bản trích lấy một hồi trong bổn khởi thảo thời Phan tiên sanh bới lông chắc có vít, vạch lá ắt có sâu. Nhưng chỗ nào tiên sanh bẻ phải thời chúng tôi xin phục, còn chỗ nào nghi thời xin hỏi lại. Vậy chúng tôi xin chép nguyên văn của bài kệ, dịch văn sửa của chúng tôi, để chịu chỗ lầm và hỏi nghĩa ngờ tại nơi Phan tiên sanh cùng liệt vị độc giả.

NGUYÊN VĂN

1. Thánh tử như nhựt nguyệt
2. Diệc phục đồng minh hai,
3. Nhi dữ Tu Di đẳng,
4. Bất nghi cung kính ngã,
5. Phước tuệ cập oai lực,
6. Lê giả hoạch đại lợi,
7. Nhược nhôn khữ kiêu mạn,
8. Sanh Thiện chúng nát bàn.

---

[*] *gian sáp* : quá khó (theo H.T.Paulus Của, sđd.).
[**] *tháo thứ* : gấp rút (theo H.T.Paulus Của, sđd.).

Câu thứ ba, chữ "Tu Di" trước kia chúng tôi chưa có Từ điển không hiểu Phạn ngữ là "Sumeru" tức là tên núi, mà nghĩa đen là "Diệu" và "Cao", vậy phải dịch ăn gian đi, tiên sanh bắt bẻ, chúng tôi xin chịu.

Câu thứ tư, chúng tôi trộm tưởng lối vần văn, biền văn của Tàu thường vì buộc vô số chữ mà đặt rút chữ đi, thì chữ "bất" cũng tức như nhiều chữ bất ở *Kinh Thi*. Bất là "khởi bất", nghĩa là "há chẳng" ; chữ "ngã" là ý thân ái, chữ thiên nhân là Thánh tử của ta. Chớ theo ý của tiên sanh cho chữ "bất" là "chẳng", chữ "ngã" là lời Chư thiên tự xưng "Ta", mà cắt nghĩa câu đó rằng : "Thế gian chẳng nên cung kính Phật" thời chúng tôi trộm tưởng không thừa lên tiếp xuống chút nào, vả chăng mấy chữ "Mà chỉ nên cung kính Phật" ở đâu lòi ra đó ?

Câu thứ bảy, thứ tám, tra trong từ điển thời chữ "sanh thiên" nghĩa là "cõi trời mà chúng sanh thọ sanh ở đó" tức là cõi quản hạt của bốn vị thiên vương cho chí cõi phi tướng thiên. Chữ "Nát Bàn" thời Phạn âm là Nirvana, chữ Tàu dịch nhiều tiếng là : "Giệt độ", "Bất sanh", "Giải thoát" vân vân, tóm lại là nghĩa : Lúc thác đặng giải thoát khỏi bị đầu thai lộn làm kiếp đời người trần nữa. Khi khởi thảo chúng tôi nhận chữ "khử" là chữ "khứ" mà cắt nghĩa hai câu đó rằng "Nếu người ta mà trở đi kiêu mạn với Phật, thời lúc thác sẽ các vị Thiên vương chứng minh bắt tội mà bị những tai nạn : đọa địa ngục, làm ngạ quỷ (ma đói), đầu thai làm súc sanh (giống vật)". Chẳng hay có trúng hay chăng thời chưa dám chắc. Nhưng đó là lời chư thiên răn người trần, chớ có phải là lời Phật nói đâu mà biểu Phật hăm dọa người. Còn như Phan tiên sanh cắt nghĩa hai câu đó rằng : "Nếu người ta bỏ sự kiêu mạn sẽ sanh ra trên trời chứng nghiệm cõi Nát Bàn" thời chúng tôi tra trong từ điển không thấy chữ "Sanh thiên" nghĩa là "sanh ra trên trời" ; mà cõi "Nát bàn" là cõi nào chúng tôi cũng không hiểu !!!

Nay chúng tôi xin cắt nghĩa xuôi bài kệ đó và dịch ra sau nầy đặng chất chánh Phan tiên sanh và liệt vị độc giả.

– Thánh tử cao sáng như mặt trời, mặt trăng, cũng lại sâu rộng đồng với biển khơi, mà các đạo của ngài thời cao diệu ngang với núi Tu Di, vậy thời há chẳng nên cung kính thánh tử của ta hay sao ? Ấy phước tuệ và oai lực của thánh tử như vậy, hễ kẻ nào kính lễ ngài thời đặng ích lợi lớn, mà nếu

người trần bỏ điều kiêu mạn đức Phật thời khi thác sẽ đặng Thiên đình chứng minh cho giải thoát khỏi đời kiếp trần.

DIỄN VĂN VẦN :

Thánh từ như nhựt nguyệt,
Cũng lại đồng biển khơi.
Tu Di vi cao diệu,
Há chẳng nên kính ngài.
Phước tuệ và oai lực,
Giữ le đặng phước trời.
Nếu người bỏ kiêu mạn,
Sanh thiên chứng thoát đời.

Dịch như vậy thời chẳng hay đã trúng hay chưa ? Xin các ngài làm ơn phủ chánh cho, đa cảm đa tạ.

Những dẫu sao thời Phan tiên sanh bới lông tìm vít, vạch lá kiếm sâu cũng hay, cũng may cho chúng tôi lắm. May sao ? Số là chúng tôi sẵn học cái thái độ "Ngươi biểu cho điều lỗi thời mừng" của ông Tử Lộ khi xưa, là người vui nghe điều lỗi của người, kiếm sâu sẽ hết sâu, tìm vít sẽ khỏi vít, mà nói riêng về việc dịch bộ sách *Sự Tích Phật Thích Ca* nầy đặng tiên sanh công kích cho, thời chúng tôi lại càng phải tiểu tâm cẩn thận, hết sức sửa đổi, sau nầy cuốn sách ra đời sẽ đặng hoàn toàn, trước khỏi mang tội với Phật, sau khỏi mang lỗi với đồng bào, há chẳng may lắm sao ? há chẳng đáng mừng lắm sao ? Cho nên như loài[1] Phan Khôi tiên sanh, cổ nhơn thường cho là "Thầy của người lành"[2]. Vậy thời tiên sanh chẳng những là thầy chúng tôi, mà có lẽ ông Tử Lộ có phục sanh cung phải mừng mà chịu là thầy nữa. Tụi vui nghe điều lỗi là chúng tôi rất cám ơn tiên sanh.

Còn như chúng tôi in sẵn cái giấy nhận mua là cốt để sau khi xuất bản rồi sẽ gởi cho các độc giả của chúng tôi ai muốn mua thời gởi miếng giấy đó

---

[1] "Như loài Phan Khôi tiên sanh" – nói thế là ý gì ? nghĩa gì ? Một bọn người có dạo tu hành đệ tử của Phật mà ăn nói như vậy đó, xin độc giả nghe có phải là con nít không, có phải là tiểu nhân không ? (nguyên chú của tòa soạn *Trung lập*).

[2] Có người lại nói : là thầy của người ngu.–L.T.S. (nguyên chú của Tòa soạn *Trung lập*).

lại cho chúng tôi, chúng tôi sẽ gởi theo cách "lãnh hóa giao ngân" chớ có nhận tiền trước của ai đâu mà tiên sanh tưởng lầm làm vậy.

Việc dịch sách Phật học nầy ngoài chủ nghĩa "công đức" ra còn có chủ nghĩa "lợi quyền", nếu Phan tiên sanh có ý khuynh hướng một chủ nghĩa nào thời chúng tôi xin nhường.

BAN DỊCH SÁCH PHẬT

Trung lập, Sài Gòn, s.6299 (17.11.1930)

MỘT PHÁI TU PHẬT XUẤT HIỆN RA SAU KHI PHÊ BÌNH BỔN DỊCH *SỰ TÍCH PHẬT THÍCH CA*

LỜI TÒA SOẠN – Trước đây nhơn ông Phan Khôi có viết một bài trên báo nầy mà chỉ trích sự sai lầm của bổn dịch sách Sự tích Phật Thích Ca *rồi các ông dịch sách Phật ấy có viết đến cho bổn báo một bài mà nói nửa nạc nửa mỡ, lộ ra ý xấu đối với người đã chỉ điều lầm lỗi cho mình. Bài ấy bổn báo đã đăng phụ chú mấy lời cho độc giả rõ.*

(Ấy là chúng tôi còn chưa kể chuyện các ông ấy có đăng bên báo Đuốc nhà Nam *một bài mà chối lúc sự mình đã dịch sai.Xin độc giả đem bài ấy mà đối chiếu với bài đã đăng ở* Trung lập *của các ổng, đủ biết các ổng quả là con nít như chúng tôi đã nói).*

Chuyện ấy thôi bỏ đi, không nói nữa. Duy vì có chuyện đó mà sanh ra chuyện nầy.

Ngày 26 Novembre vừa rồi, buổi sớm mai, có một vị sư tăng cầm ba cuốn sách với một bức thơ đến tận nhà ông Phan Khôi mà nói chuyện. Vị sư ấy xưng mình là học trò của pháp sư Nguyễn Kim Muôn, pháp danh Giai Minh, có ý muốn ông Phan đăng bức thơ đó lên báo.

Chúng tôi xét ra trong bức thơ có vài chỗ nói thất thiệt thì chúng tôi đã có chua vào mà cãi lại dưới nầy. Và lại việc nầy là ông Phan phê bình riêng mấy người dịch sai đó, chớ chẳng có nói động cập đến hết thảy đệ tử Phật mà hòng cải chánh. Như vậy, lẽ đáng không đăng làm chi. Chi vì, một là chìu lòng vị sư kia đã muốn, hai là muốn cho thiên hạ biết Nam Kỳ ta còn có một phái tu nầy nữa, nên chúng tôi mới đăng bức thơ nầy.

Thấy nói ông Nguyễn Kim Muôn hồi trước làm việc ở một ngân hàng kia, lương mỗi tháng đến ba trăm đồng, thế mà bỏ đi, xuất gia cầu đạo, hiện nay ở một mình nơi một hòn cù lao gần Phú Quốc. Ông ta có viết ra đôi ba cuốn sách nói về đạo Phật, tức là sách đã đem tặng ông Phan Khôi đó.

Cứ như lời đồ đệ ông Nguyễn Kim Muôn thì bất kỳ thầy tu nào cũng không phải là chánh đạo, duy có phái ông Muôn là chánh đạo, theo đúng Phật Thích Ca mà thôi.

Chúng tôi chưa biết thiệt hư làm sao, gặp dịp thì cũng giới thiệu cho đồng bang biết đó thôi.

Bức thơ ấy như sau nầy :

TRUNG LẬP

Sài gòn le 25 Novembre 1930

Kính Phan Khôi tiên sanh

Chúng tôi đây đồng là một bọn tu Phật, đã có xem báo T.L. số trước nói về sự "Dịch lầm sách Phật", và có xem luôn số báo kỳ 17-11 nữa, chỗ mà tiên sanh chê "cái bọn tu Phật" là con nít, là "tiểu nhân" v.v.

Chẳng phải vì cái chỗ chê khen mà chúng tôi viết thơ nầy cho ông, vì chúng tôi cũng biết cầu an phận thủ thường, biết mình là người tu, lẽ đâu ra viết bài mà biện bác.

Chẳng qua là muốn xin đính chánh, nên phải làm cực lòng tiên sanh, cúi xin cảm phiền.

Vả chăng tu Phật cũng thời tu Phật, mà phe nào theo phe nấy. Ấy là chỗ nói : Tổ Thần Thú hành hồ Thần Tú, Tổ Huệ Năng hành hồ Huệ Năng, đâu cho phân biệt đó, "mía sâu có đốt, nhà dột có nơi", cho khỏi chúng tôi phải

bị tiên sanh mắng chung thế ấy.[1]

Thưa tiên sanh, ông biết đạo phật[2] là biết bề ngoài đó thôi, "phật đời nay", chớ ông đâu có biết đạo phật tuy nói là bất nhị pháp môn mà chia ra làm hai phe.

Xin sơ giải : "Đạo Phật Thích Ca" đã thất chơn truyền tự hồi đời ông ông Huệ Năng Lục Tổ, canh ba Ngài được lời khẩu quyết chơn truyền nơi Ngũ Tổ, Ngài ôm đi mất. Sáng ra anh Thần Tú ảnh mới mang áo đội mũ lên ngôi mà tự xưng rằng Lục Tổ, bày ra thinh âm sắc tướng, lập chùa, đánh trống, gióng chuông v.v... (Xin xem quyển : 1. *Đại Đạo Truyền Chơn*, 2. *Bá Nhựt Trúc Cơ*, 3. *Thiên Cơ Trực Chỉ*, mà chúng tôi thành tâm kính dưng cho tiên sanh xem ; sách chữ quốc ngữ, và 4. *Le Bouddhisme*, sách chữ Tây). Anh Thần Tú truyền lần đến bây giờ, là thầy chùa họ tu đó, gọi là nhà thiền v.v...

Chớ đạo Phật nào mà phải rình rang như vậy, tu như vậy chẳng là rẻ cho đạo Phật lắm ru.

Người Tây còn biết nói : La Religion Bouddhiste a deux Doctrines : celle Esotérique, cell Exotérique. Celle Esotérique, destinée aux Sages, enseigne au peuple la connaissance des Quatre Nobles Vérités : La Douleur. La cause de la Douleur, La Suppression de la Douleur, La Voie etc. Tandis que celle Exotérique destinée aux Fous, c'à d'au monde ignorant, enseigne le peuple à chercher la Richesse, l'Honneur en récitant les prières, à gagner les Saints par des sacrifices sanglants, des offrandes etc... c'est ce que pratiquent actuellement les Bonzes, etc...

Ấy vậy, chúng tôi là một bọn tu Phật theo phe Huệ Năng, một lòng thanh tịnh tu cho thành Phật, theo Minh sư của chúng tôi là ông Nguyễn Kim Muôn, pháp danh là Giai Minh thoàn sư[*], thầy của chúng tôi dốc lòng tu

---

[1] Trong bài của ông Phan Khôi, có nói một bọn người kia tự xưng là tu hành mà ăn nói như vậy là trẻ con, là tiểu nhân thật, chớ chả hề nói tràn lan hết thảy, sao đây các ông lại nói là "mắng chung"? Đại để coi văn không rành, lập lời không chánh như vậy cho nên hay sanh chuyện. (nguyên chú của Tòa soạn *Trung lập*).

[2] Ông Phan Khôi chẳng hề khi nào nói mình biết đạo Phật thì sao đây lại dựng lên mà nói như vậy. (nguyên chú của Tòa soạn *Trung lập*).

[*] thoàn sư = thuyền sư = thiền sư.

theo như đức Thích Ca, nên đã ly gia và nhập thất ngoài hải đảo, vài năm đây đắc thành sẽ về mà hoằng hóa chúng sanh và chấn hưng Phật giáo.

Vậy thì chúng tôi đây đồng là chẳng phải chung ở trong bọn tu Phật mà tiên sanh mắng đó, nên có mấy lời xin đính chánh cho ra lẽ phân biệt.

Đồng kính bái.

Thay mặt cho tất cả người tu Phật bên phe Huệ Năng "tu Vô Vi".

Đệ tử thứ nhứt của ông Nguyễn Kim Muôn.

LÊ VĂN KỲ đạo sư
N 40 Rue Hamelin 40 Sài Gòn
Giúp việc tại Polyclinique Municipal Saigon

Trung lập, Sài Gòn, s.6319 (10.12.1930)

ÔNG PHAN KHÔI LÀM MẤT VUI CHO VIỆC BẦU CỬ VIỆN TRƯỞNG VIỆN DÂN BIỂU BẮC KỲ

Với ông Phan Khôi, Thiết Khẩu Nhi(*) là bạn có tên trên tờ *Phổ thông*, hôm nay lù lù đem tên ông ấy nói lên trên báo, mà lại nói một cách oán hận, không khỏi có người ngờ rằng mình với ông Khôi đã có sự gì không hòa.

Điều đó không đúng mà đúng.

Nói thật. Thiết Khẩu Nhi với ông Phan Khôi chẳng những là bạn có tên trên tờ *Phổ thông* mà lại có duyên họp mặt ở đất Sài Gòn, đối với học lực và tư tưởng của ông ấy, xưa nay mình vẫn kính phục, có làm gì mà bất hòa ? Nhưng độ này vì ông ấy bỗng làm cho việc bầu cử Viện dân biểu Bắc kỳ kém vui vẻ, mình là dân Bắc kỳ, lẽ đương nhiên phải căm oán ông ấy.

(*) Thiết Khẩu Nhi là bút danh của Ngô Tất Tố, người đã cùng Phan Khôi viết cho các báo *Đông Pháp thời báo*, *Thần chung* ở Sài Gòn những năm 1928 – 1930. Văn bản 3 bài báo của Thiết Khẩu Nhi (Ngô Tất Tố) dưới đây là do ông Cao Đắc Điểm cung cấp, xin cảm ơn ông (L.N.A.).

Nói vậy chắc độc giả cho là vô lý, vì ông Khôi vẫn nằm ở đường Paul Blanchy, có dính dáng gì, đả động gì đến việc bầu cử viện trưởng ở ngoài này mà vu cáo ông ấy cái tội kia ?

Ông Khôi tuy không dính dáng đả động đến việc bầu cử viện trưởng, nhưng ông ấy có rắc rối với người của viện Dân biểu.

Tác giả cuốn *Nho giáo,* tiên sinh Trần Trọng Kim mới rồi được chính phủ cử làm Dân biểu, nếu cho là việc không hợp chí mình, tiên sinh đã chối. Tiên sinh không chối, chắc cũng nhận chức đó nên làm. Làm việc gì nghĩ việc ấy, lẽ thường.

Thế mà ông Phan Khôi chơi khăm, độ trước đã vì cố phê bình cuốn *Nho giáo* làm cho Trần tiên sinh mất công hàng tháng mới viết xong bài trả lời, bây giờ lại nhè dịp bầu cử viện trưởng mà mời tiên sinh họ Trần đến nói chuyện ở nhà M.Logique để cho Trần tiên sinh không có thời giờ nghĩ đến công việc của viện.

Bữa trước *Phổ thông* có đăng tin đồn Trần tiên sinh với ba ông nữa ra tranh cử nghị trưởng, tiên sinh có viết thư đến *Phổ thông*, vin luật bắt phải cải chính đăng vào cột thứ nhất, trang thứ nhất, nghĩa là đúng với cái chỗ hôm trước đăng tin đồn kia. Tiên sinh còn nói thêm rằng : ngài không hề nghĩ đến việc đó.

Tiên sinh bận gì mà không nghĩ ? có lẽ bận việc ông Phan Khôi quấy nhiễu, phải nghĩ bài trả lời thứ hai.

Nếu tiên sinh nghĩ đến, may ra việc bầy cử viện trưởng cũng thêm người vận động hô hào, quang cảnh cũng vui vẻ thêm một chút, vì tiên sinh không nghĩ đến, cuộc vận động kém đi một người, làm cho việc bầu viện trưởng đã bẽ bàng lại càng thêm bẽ bàng.

Lỗi đó, nếu truy nguyên ra, ông Phan Khôi cũng phải chịu một phần trách nhiệm.

THIẾT KHẨU NHI

Phổ thông, Hà Nội, s.68 (20.9.1930)

ÔNG THÔNG REO TIẾT LỘ VIỆC BÍ MẬT CỦA ÔNG PHẠM QUỲNH

Nói sau thì mang tiếng nói đuôi, chớ cái việc nhà học giả Phạm Quỳnh muốn làm thượng thư bộ Học thì mình cũng biết đã lâu.

Biết từ khi thấy Phạm Quỳnh vô cớ cho *Nam phong* tạp chí tắt nghỉ mấy tháng, thảo ra hiến pháp cho Trung Bắc kỳ, rồi đến khi quan Khâm sứ Trung kỳ diễn thuyết ở viện Dân biểu trong ấy, thì ý ngài cũng dưa dứa nhà học giả họ Phạm, chỗ đó khiến cho mình phải phục cái tài tiên tri về luồng gió chính trị của ông chủ *Nam phong*, chẳng khác chi các nhà thiên văn trông thấy những luồng bão biển.

Tuy biết mà chưa muốn nói, vì mình nhát, sợ rằng nói ra thì tiên sinh họ Phạm lại hỏi vặn sao dám tuyên tiết bí mật của ngài, như hôm nọ ông Vĩnh đã dắt ngài ra mà hỏi ai tuyên tiết điều lệ lập đảng là điều lệ bí mật của ông ấy, thì mình chẳng biết đằng nào mà trả lời.

Té ra bàn tay không che kín mặt trời, mình không nói người khác cũng nói.

Ông Thông Reo người viết báo *Trung lập*, hôm vừa rồi đã bô bô đem việc ấy nói toẹt lên báo rồi, mà nào có nói êm đềm, nói một cách quả quyết rằng, nếu sau này Trung Bắc kỳ thành lập hiến pháp mà nhà học giả không được kêu bằng cụ thượng học thì cứ đem ông ta ra mà chém.

Lấy cớ gì mà ông Thông Reo cam đoan ghê gớm như vậy ? Vì ông ta thấy tiên sinh Thượng Chi vẫn tuyên bố không phải nhà chính trị mà lại nhè dịp sắp có việc cải cách, xướng ra việc hiến pháp là việc chính trị to như trời, vả lại hiến pháp không phải là hiến phép trơn, hiến pháp có đèo thêm việc giáo dục, lại nói vào cái đuôi bảo tồn chữ quốc ngữ để phá ngầm việc sửa đổi chữ quốc ngữ của ông Vĩnh.

Ấy đó cái chí muốn làm thượng thư bộ Học của nhà học giả họ Phạm nó lồ lộ ra đó, ông Thông Reo trông thấy một cách rõ ràng, cho nên mới dám cam đoan bằng đầu, chớ cũng không phải có can đảm như ông Vĩnh cam đoan hôm xưa.

Cái cam đoan này chẳng nguy hiểm, nếu có ai treo giải cho người nói trúng, thì mình cũng cam đoan chơi với ông Thông Reo. Bởi vì về việc ông Quỳnh muốn làm thượng thư bộ Học, mình còn biết hơn ông Thông Reo một tin đồn nữa.

Nhưng cái tin này mình cũng không muốn nói, không nói nhưng cũng không muốn mách cho ông Thông Reo biết.

Đây là cái tin đồn ấy đây.

Cũng một ông họ Phạm, tên là Văn Quảng, dân biểu Trung kỳ mới rồi không biết vì việc gì mà ông này đi đi lại lại ở hai viện Dân biểu Trung và Bắc nhiều lần lắm. Đến khi chức nghị trưởng Bắc Kỳ về ông họ Phạm tên Lục, thì ông họ Phạm tên Quảng có thò một bản hiến pháp kêu là "quan dân cộng sự", quan chứ không phải quân (?) có chữ ký của nhiều ông nghị Trung kỳ, rồi bảo 45 ông nghị Bắc kỳ ký theo, bấy giờ ông nghị Quỳnh ký trước, rồi đến 42 ông nghị khác, còn hai ông nữa không ký.

Nếu quả như vậy thì chức thượng thư bộ Học của ông Quỳnh chắc như lèn rồi, chẳng những thế, Quỳnh tiên sinh còn kiêm cả chức tổng trưởng bộ Lập pháp nữa kia.

THIẾT KHÂU NHI

Phổ thông, Hà Nội, s.83 (9.10.1930)

THÔNG REO TIÊN SINH THẬT LẮM GIỌNG REO

Tiên sinh Thông Reo, ông bạn đồng nghiệp với mình, hằng ngày vẫn reo ở báo *Trung lập*. Trước kia tiên sinh reo đúng dịp, nghe cũng hay hay. Trời làm bão một trận ở Côn Lôn, luồng gió đi qua Sài Gòn, hình như tiên sinh vì bị xô đẩy mà mất tinh thần, cho nên tiếng reo có khi lẫn lộn, không được như trước.

Độ vừa rồi *Phổ thông* tuyên bố bảy tội của *Hà thành Ngọ báo*, ba tội trên nhất là phò đồng ông Quỳnh để cùng nhau gieo cho quốc dân cái vạ "tăng quyền cho vua An Nam" ; cổ động những cuộc đi bộ vô ý thức, khiến cho xã hội miệt mài về những sự chơi rông mà quên hết những việc cần thiết lớn lao và dùng tờ báo làm cơ quan mưu lợi để kiếm tiền ám muội. Chẳng kể những tội khác, cứ ba tội đó cũng đủ để quốc dân làm án, chính kẻ bị cáo đã đớ lưỡi chẳng cãi được câu nào.

Vậy mà Thông Reo tiên sinh khéo kiếm dịp đưa đón, reo luôn một bài để cãi giùm cho báo kia.

Muốn cãi giùm thì cãi giùm, ai mà dám cấm ? Có điều tiên sinh cãi giùm trật cả, nên mình phải nói.

Tiên sinh nhận *Ngọ báo* tán dương hiến pháp ông Quỳnh là có tội, nhưng tiên sinh lại bẻ *Phổ thông* rằng : tội đó ông Quỳnh vi thủ, *Hà thành Ngọ báo* vi tùng, sao trước khi buộc tội kẻ vi tùng chưa thấy buộc tội kẻ vi thủ một cách gớm gắt như vậy ?

Tiên sinh ơi, ấy là cái tình thế làng báo quốc văn ở ngoài này phải vậy. Tiên sinh không biết sao ? Hay là tiên sinh có biết mà cố nói lấp đi ? Thưa tiên sinh, *Phổ thông* bài đó đã nói : "đối với hiến pháp ông Quỳnh, chúng tôi có nhiều bài phê bình xác đáng hiện nay chưa ra được", có phải chúng tôi bỏ quên ông Quỳnh đâu ? Vả lại giá như ông thần cây đa đều là có tội, muốn đuổi ông thần trước đánh đổ cây đa, tưởng cũng không sao.

Đến cái tội thứ hai tiên sinh bình cho *Ngọ báo* mà bẻ *Phổ thông* như vầy : "Cổ động đi bộ , theo Ấn Độ là một việc có công, còn ở ta đây lại là có tội hay sao". Chỗ này mình khó nói.

Số *Trung lập* ra ngày 22 tháng 10 trong bài "*Thể thao với phụ nữ*", tiên sinh đã chế giễu cuộc đi bộ của bọn cô Hoàng Việt Nga một cách sâu sắc đấy mà ! Sao đến ngày 12.11 tiên sinh đã "tự mâu thuẫn luật reo của mình" như vậy ?

Ngày nay phải thì ngày trước trái, ngày trước phải thì ngày nay trái, xin tiên sinh "một" ở chỗ đó.

Về khoản thứ ba, *Phổ thông* tuyên bố *Hà thành Ngọ báo* cái tội dùng cơ quan ngôn luận để kiếm tiền ám muội, sở dĩ nhắc đến việc báo ấy in chữ đỏ

lên đầu là để làm chứng cho lời nói kia, nên phải tính toán các khoản chi phí về tờ báo rất rành rọt, lại nói rõ ràng "không phản đối việc in chữ đỏ ở đầu báo", vậy mà tiên sinh lại nói *Phổ thông* bảo *Ngọ báo* in chữ đỏ lên đầu là có tội, rồi tiên sinh viện cớ đó mà cãi. Ấy là tiên sinh đã "cố ý biến canh reo điểm" vậy.

Trời đất ơi, Thông Reo tiên sinh với ông Phan Khôi như hình với bóng, không có chút nào rời nhau, sao tiên sinh lại nói trái luận lý học nhiều chỗ như vậy ? Nếu ông Phan Khôi mời đến chơi nhà M.Logique thì sao ?

Sau hết tiên sinh bảo *Phổ thông* chỉ kiếm được ba tội của *Hà thành Ngọ báo*, đó là tiên sinh quên coi hai chữ "còn nữa", chớ tội trạng báo ấy thực nhiều, không phải bấy nhiêu mà thôi.

Xét ra bài ấy tiên sinh chỉ vì binh tờ báo kia mà phải reo, cho nên tiếng reo không được ngay ngắn.

Và lần sau nên đứng ở giữa trời mà reo.

THIẾT KHẨU NHI

Phổ thông, Hà Nội, s.119 (24.11.1930)

ĐỌC BÀI "TRẢ LỜI BA CÂU HỎI CỦA MỘT VỊ ĐỘC GIẢ"

của ông Phan Khôi đăng ở báo *Trung lập* ngày 4 novembre vừa rồi

Bản báo tiếp được bài sau này có ý công kích ông Phan Khôi một vài điều về văn học. Tuy ông Phan Khôi là một người trợ bút của bản báo ở tòa soạn trong Nam kỳ, nhưng lấy lẽ công bằng xin cứ đăng lên để công đồng lãm. Và chăng bàn về học thuật tư tưởng là một điều bản báo rất hoan nghênh, và độc giả xem qua tưởng cũng không phải là vô ích. Còn giả lời bài này xin tùy ý ông Phan Khôi.(*)

(*) Đây là Lời tòa soạn báo *Phổ thông*. Khi báo *Trung lập* ở Sài Gòn đăng lại bài này cũng có mấy lời của tòa soạn như sau :

Báo *Trung lập* ra ngày 4 Novembre có bài xã thuyết của ông Phan Khôi. Cứ như lời tác giả thì bài ấy là bài trả lời ba câu hỏi của một vị độc giả nào đó.

Để riêng hai câu sau, câu thứ nhì ông chịu nhận rằng không giải lời được và câu thứ ba chỉ là một dịp để ông quảng cáo quyển sách sắp xuất bản, tôi muốn cùng ông nói chuyện lại về câu thứ nhất. Vì cứ như ý tôi thì xem trong đoạn thứ nhất này, cái quan niệm của ông về văn xuôi có nhiều chỗ không đúng.

Ông nói :

". . . Muốn phát ra bằng văn vần lại trước phải có học thức cho rộng, kinh nghiệm nhân tình thế cố cho nhiều, nhất là phải rành nghề ngâm vịnh thì mới hay được".

1) – Ông Phan Khôi là một người học rộng, bài ông viết đăng ở các báo như *Trung lập, Phổ thông* và ở *Phụ nữ tân văn* tôi xem thường cũng lấy làm phục lắm. Nhưng bảo rằng làm văn vần cần phải có học thức, có kinh nghiệm và nhứt là cần phải rành nghề thì tôi không chịu. Biết bao người ít học thức ít

---

Trước kia bổn báo có đăng ở mục xã thuyết một bài của ông Phan Khôi trả lời ba câu hỏi của một vị độc giả.

Thấy trong báo *Phổ thông* ở Hà Nội mới rồi có bài của ông Chu Quế Long - thấy ký tên như vậy đó - phản đối bài ấy của ông Phan, chúng tôi xin trích lấy mà đăng lên đây.

Để riêng phần lý luận phải hay quấy ra, chưa nói đến : nói riêng nội một cách viết bài nghị luận, phản đối nhau trên báo mà như bài của ông Chu đây, là được lắm ; bởi vậy chúng tôi vui lòng đăng lên báo rồi sau sẽ có bài ông Phan trả lời tiếp theo.

Ông Phan Khôi lại nhờ bổn báo luôn thể cải chánh một điều nhỏ mọn sau nầy.

Trong khi đăng bài ông Chu trên đây, bạn đồng nghiệp *Phổ thông* có để mấy chữ rằng : "Ông Phan Khôi là một người trợ bút của bổn báo ở tòa soạn trong Nam kỳ".

Ông Phan xin bạn đồng nghiệp về sau có nói đến ông thì đừng nói như vậy. Vì ông ở Sài Gòn mà làm nghề bán bài cho các báo, trước đây ông có viết cho *Phổ thông* thì cũng như viết cho *Trung lập* hay là *Phụ nữ tân văn*, chớ ông không hề ở trong tòa soạn của báo nào. Quý báo *Phổ thông* có tòa soạn riêng ở Nam kỳ mặc lòng, nhưng ông Phan vẫn ở nhà riêng ông viết bài gởi thẳng ra Hà Nội, chớ không hề làm trợ bút trong tòa soạn ấy.

Ông Phan Khôi có tánh ưa đúng kêu đúng tên ông mới chịu, cải đó chắc bạn đồng nghiệp cũng vẫn biết. Vậy bổn báo cũng chìu lòng ông mà đăng mấy lời cải chánh nầy xin bạn lượng cho.

TRUNG LẬP

lịch duyệt mà văn xuôi vẫn hay. Vua Hán Cao tổ học thức đâu mà lúc lấy được thiên hạ rồi lại nghĩ ra được bài *Đại phong*, một bài thơ kiệt tác trong lịch sử văn học Trung Hoa. Suốt quyển *Kinh Thi*, biết bao bài hay mà có phải đều là thơ của kẻ có học thức có lịch duyệt cả đâu. Ví như 15 thiên *quốc phong* phần nhiều là của trai gái vô học nhà quê làm ra mà hay biết dường nào, tức như những thơ *Từ Huệ*, *Tư ngã*, thơ *Phục quan*, thơ *Tất xuất* v.v... Học thức và kinh nghiệm vẫn cần lắm nhưng cần là cần cho nhà triết học (philosophe) cho nhà luân lý học (moraliste) chứ không cần cho nhà thi sĩ.

Không những thế, lắm khi lại chính vì học thức quá rộng, lịch duyệt quá nhiều mà sức cảm xúc kém đi, óc thành ra khô kháo, "lòng thơ" vì đó mà không nẩy ra được, đến nỗi không những không làm được thơ mà nghe thơ cũng không hiểu được hay dở.

Còn rành nghề cũng vậy, không phải là bao giờ cũng có rành nghề mới làm được thơ. Trên này đã lấy bài *Đại phong* và bộ *Kinh Thi* ra làm thí dụ, nhưng chẳng nói gì xa xôi ngay như ca dao nước ta có nhiều câu thực là giản dị mà hay lạ thường, văn của bọn nhà nghề chưa dễ sánh kịp. Tôi nói vậy không phải là bảo rành nghề vô ích cho con nhà thi sĩ đâu, ý tôi muốn nói rành nghề có ích nhưng có khi không rành nghề cũng làm thơ được. Ông Phan Khôi thường hay nghiên cứu về luận lý học tôi xin miễn phép độc giả lấy danh từ luận lý học nói chỗ này cho rõ nghĩa : rành nghề, học thức, kinh nghiệm đối với một nhà thi sĩ chỉ là điều kiện tất yếu (condition nécessaire) chớ không phải điều kiện sung mãn (condition suffisante)(*) còn đối với một số thi sĩ nữa thì chẳng phải là sung mãn mà cũng chẳng phải là tất yếu.

Nếu không có thiên tài thì dẫu có học thức có lịch duyệt, dẫu kinh nghiệm đến đâu cũng chỉ làm được một vài bài thơ khéo vặt chớ không thể làm được thơ hay.

2) – Ông Phan Khôi nói xã hội ta có cái "bệnh" ưa xem thơ ; ông đã cho là một cái "bệnh" nghĩa là theo ý ông xem thơ là một sự không nên. Thế mà ông lại nói nhà báo phải chịu theo ý phần đông mà đăng thơ ca cho nhiều. Thế ra hễ xu hướng phần đông đi theo đường nào thì nhà viết báo chẳng nên kể gì đến phải hay trái cứ cúi đầu theo bừa đi hay sao ? Nếu vậy sao gọi

(*) condition nécessaire : điều kiện cần ; condition suffisante : điều kiện đủ.

được là nhà ngôn luận chính đáng ? Ví như phần đông người trong nước đều kéo nhau nghiện nha phiến hay làm trăm nghìn điều đê tiện khác, nhà viết báo cũng phải nhắm mắt mà theo hay sao ? Huống chi một tờ báo không phải vì thiếu văn vần mà đã không sống được.

Biết bao tờ báo không có văn vần mà vẫn đứng vững. Nói vậy không phải bảo rằng báo chí không nên đăng văn thơ đâu, nhưng văn thơ có hay hãy đăng, còn xem thơ đã biết dở mà cứ đăng liều lên rồi viện lẽ rằng chiều theo ý phần đông thì thật là vô lý quá.

3) – Sau nữa ông Phan Khôi lại chỉ trích tờ báo nào đó đăng một bài thơ "khóc cha" ; ông viện hai lẽ sau này :

a. – Cha chết có phải sự vui đâu mà làm thơ.

b. – Làm thơ phải trau chuốt từng lời, nặn nọt từng chữ, khi làm tang còn rỗi đâu mà làm được. Một sự phản thường như vậy từ lúc có lịch sử đến giờ chưa hề thấy.

Hai lẽ ông vịn ra không có lẽ nào là đúng.

Lẽ thứ nhất thì chính ông cũng nhận là non : mở bài ra ông đã nói văn vần là để phát biểu tâm tình của người ta ; mà tâm tình người ta vui có buồn có thì thơ cũng có thơ vui thơ buồn. Nhạc cũng thế : dầu chữ "nhạc" và chữ "lạc" hai chữ cũng một gốc mà ra cũng không đủ chứng rằng đã là nhạc thì phải vui. Cổ nhân trong khi đặt ra chữ có thể hiểu lầm tính cách mỹ thuật, điều ấy tưởng cũng là một sự thường vậy.

Còn nói rằng làm thơ phải trau chuốt từng lời nặn nọt từng chữ thì cũng không đúng ; như trên kia đã nói, những kẻ có thiên tài một đôi khi không cần phải trau chuốt mới ra thơ. Đã đành rằng lúc cha mất, lòng con đau xót vô cùng, nhưng không phải vì đau xót mà không làm thơ được ; ta chẳng thấy chán kẻ sắp bị hành hình mà vẫn làm được thơ để tả tâm sự mình đấy ư ? Huống chi dầu phải trau chuốt lời văn nữa, làm thơ khóc cha cũng không phải là vô lý, vì có phải kỳ đương lúc lâm tang làm thơ mới gọi được là thơ "khóc cha" đâu, sau đó một đôi tháng, hay một đôi năm nghĩ lại tình cha con làm thơ để tỏ tấm lòng thương nhớ cũng cứ để được là thơ "khóc cha" chứ sao ? Đại phàm có cảm xúc mới phát ra văn thơ, cảm xúc càng mạnh thì văn thơ càng hay, vì vậy nên trên lịch sử văn chương các nước những bài khóc con, khóc bạn, khóc vợ, khóc chồng, khóc tổ quốc, khóc thời thế cũng là sự

thường không có gì lạ, làm thơ khóc con khóc bạn còn được thì khóc cha cũng được, thì có gì là phản thường ? Tôi cũng công nhận rằng các bài thơ khóc cha ít hơn những bài khóc con, khóc bạn vân vân... Nhưng chắc rằng không phải vì lòng thương cha quá mạnh mà không làm được thơ, ta phải có gan nhận rằng sở dĩ ít thơ khóc cha là vì rằng tình con đối với cha theo luân lý phải mạnh hơn nhưng theo tự nhiên thì nhẹ hơn tình cha đối với con, chồng đối với vợ vân vân...

Nếu thực lòng thương cha thì còn gì đau xót hơn khi cha mất, đã đau xót thì phát ra thơ là lẽ tự nhiên. Ông Phan Khôi có Tây học chắc còn nhớ hai câu thơ sau này của Alfred de Musset :

Les plus désespéres sont les chants les plus beaux
Et, j'en sais d'immortels qui sont de purs sanglots.[1]

Ấy là một ý thường lắm, tôi không ngờ một người học rộng như ông Phan Khôi mà lại không hiểu ?

Ý này là chỗ ông nói sở dĩ cha chết mà cũng làm thơ là vì trong óc không có chút luân lý học (tôi chắc đây ông Phan Khôi muốn nói luận lý học, độc giả cũng đã thừa biết cảm tình của ông đối với cô Logique ra thế nào rồi). Nếu nói luân lý học thì không hiểu làm thơ khóc cha có gì trái với luân lý ; có thành tâm thương cha mới làm được thơ khóc cha mà luân lý dạy người ta nên thương cha thì khóc cha bằng thơ cũng không có gì là trái ngược. Nếu nói luận lý học thì chẳng hiểu luận lý học có chỗ nào dạy người ta không nên làm thơ khóc cha.

Đã đành rằng luận lý học cần cho học vấn nhưng có phải bất kỳ việc gì cũng có thể mượn luận lý học ra phân phải trái được đâu.

Quái lạ ! ông Phan Khôi là một nhà có học rộng mà hình như về thơ ông không hiểu gì mấy hoặc giả vì cái sức cảm kích của ông kém chăng ?

CHU QUẾ LONG

Phổ thông, Hà Nội, s.117 (21.11.1930)
Trung lập, Sài Gòn, s.6320 (11.12.1930)

---

[1] Hai câu ấy có thể phóng dịch như sau này :
Những câu bất tử là gì ?
Hát khi tuyệt vọng thơ khi cực sầu. (nguyên chú của tác giả Chu Quế Long).

TRẢ LỜI BÀI ÔNG PHAN KHÔI BÀN VỀ VẤN ĐỀ VẬN VĂN

đã đăng ở báo *Trung lập*

Cách đây chừng hai tháng, tôi có đăng ở báo *Phổ thông* một bài biện luận cùng ông Phan Khôi về vấn đề vận văn. Trong hai số *Trung lập* ra ngày 13 và ngày 22 tháng Décembre vừa rồi, ông Phan có trả lời bài ấy. Ông Phan trả lời rất phân minh, nhưng vì nhiều chỗ tôi không đồng ý, nên tôi lại phải cùng ông biện luận một lần nữa.

Trước hết xin ông Phan và độc giả hiểu cho rằng trong cuộc biện luận này, tôi chỉ cầu chân lý, biết thế nào, nghĩ thế nào, thì thành thực nói ra vậy ; nếu ông Phan nói đúng lý, tôi xin chịu ngay ; trái lại, nếu ông nói không đúng lý hay là ông nói đúng lý mà tôi chưa hiểu được lý đó, thì tôi không chịu.

1) Nguyên có một vị độc giả nào đó hỏi ông Phan vì sao mà báo *Phụ nữ tân văn* lại đăng nhiều bài thơ Đường luật dốt quá. Câu hỏi ấy ông có tiêu lên đầu bài phân minh, nhưng xuống đoạn dưới ông lại nói : "muốn làm văn vần thì trước phải có học thức cho rộng, kinh nghiệm nhân tình thế cố cho nhiều, nhất là phải rành nghề ngâm vịnh thì mới hay được". Xem vậy tôi tưởng rằng ông Phan muốn bàn chung về văn vần để kết luận riêng về lối thơ Đường luật : nếu tất cả các thứ văn vần đều cần phải có học thức kinh nghiệm rành nghề mới làm hay được thì lối thơ Đường luật cũng là một lối văn vần không thể tránh thoát được những điều kiện chung ấy. Tôi đọc đi đọc lại mấy lần, lấy làm lạ, không lẽ một người có kiến thức rộng như ông Phan lại nói một điều sai lầm như vậy, không lẽ lại không biết rằng có lắm bài văn vần cực hay, như ca dao nước ta, như *kinh Thi* nước Tàu, đều do những kẻ không học thức, không lịch duyệt, không rành nghề làm ra cả hay sao ? Nay xem trong bài trả lời thấy ông có nói rõ ràng rằng chữ vận văn đây ông dùng về nghĩa hẹp, bản ý ông là : "Muốn làm thơ Đường luật thì phải học". Nếu vậy thì đúng lắm, tôi xin hết sức đồng ý cùng ông. Ông không cần

phải giảng giải cái lẽ vận văn theo thời đại mà thay đổi làm gì cho nhiều chuyện. Lẽ ấy là một lẽ rất thường trong văn học sử, không cần phải có kiến thức hơn người mới nhận ra được, vì trong các sách dạy về văn học sử (livres de littérature) nhất là văn học sử nước Pháp, người ta có giảng giải rất rõ ràng. Ông cũng không cần phải nói vặn tôi những câu như câu này :

"Mình đi bắt chước một lối thi ca của dân tộc khác, không phải thứ sẵn có của mình, lại còn cách trở một tầng là bị thời đại hạn chế nữa, vậy mà bảo rằng không học cũng làm được, thì đánh cho chết tôi cũng không tin".

Ông Phan có can đảm như thế tôi phục lắm ! Thà chịu chết, ông không chịu tin một điều phi lý. Lòng can đảm của các tín đồ đạo Thiên Chúa, hồi đạo ấy mới phôi thai ra đâu cũng như thế đó. Tôi chỉ tiếc rằng, cũng như lòng can đảm của Don Quichotte ngày xưa, lòng can đảm của ông Phan phen này chưa gặp dịp thì thố, vì tôi có bảo ông phải tin rằng không học cũng làm được thơ Đường luật đâu !

Nếu ông chịu khó đọc lại bài ông trả lời cho một vị độc giả nào đó, hẳn ông phải công nhận rằng ông viết không được rõ ràng chớ không phải tôi xem không được kỹ. Nhưng mà thôi, hoặc vì tôi xem bài không được kỹ, hoặc vì ông viết không được rõ ràng, điều ấy chẳng có quan hệ gì. Ông đã công nhận rằng có thứ văn vần không học cũng làm hay được mà tôi cũng công nhận rằng muốn làm thơ Đường luật thì phải học, thế là một chỗ tôi cùng ông đồng ý không cần phải biện luận nữa.

Tôi lại xin khai thiệt rằng cũng nhờ đọc bài ông trả lời cho tôi mà tôi nhận ra được một điều như sau này. Tôi còn nhớ trong bài trước tôi có viết : "Trong sự làm văn vần, học vấn, lịch duyệt rành nghề không phải là điều kiện tất yếu mà cũng không phải điều kiện sung mạn", viết đã lâu, nhiều việc quá nay tôi quên mất mà bây giờ vì một lẽ riêng tôi phải ở nhà quê, tìm không ra nguyên văn của tôi mà xem lại, nên tôi không dám quyết rằng tôi có viết như thế hay không ? Nhưng nếu có nói như thế thì sai. Phải nói như thế này mới đúng : học vấn rành nghề là điều kiện tất yếu trong sự làm các thứ văn vần bắt chước của người khác, nghĩa là không phải lối văn vần sẵn có trong dân tộc mình hay là lối văn vần tự mình đặt ra. Nhưng học vấn, lịch duyệt, rành nghề không bao giờ là điều kiện sung mạn, vì nếu chỉ có học

rộng, lịch duyệt nhiều không đủ khiến người ta làm văn vần hay được, lối văn vần gì cũng thế.

Tôi chỉ không hiểu vì sao sau khi đã nhận rằng có lối văn vần không học cũng làm hay được, ông lại viết những câu như thế này : "Nói cho thật thì chẳng những làm thơ Đường luật cần phải học mà thôi, làm thứ vận văn nào cũng cần phải học ; không học mà cũng làm được, như lời ông Chu Quế Long đó, như nhà thầy Lưu Bang (Hán Cao tổ) mà làm nổi bài *Đại phong ca* đó, là sự tình cờ, sự thuộc về số ít...".

Quái lạ ! ông Phan vốn nghiên cứu luận lý học đã nhiều, sao câu này nghe mâu thuẫn quá ? Trên kia ông đã công nhận rằng phàm lối thi ca sẵn có của một dân tộc nào thì người trong dân tộc ấy dầu không học cũng có thể làm hay được, xuống đoạn dưới tuy ông có nói không học mà làm được như thế là số ít nhưng ông chưa hề nói rằng tuyệt nhiên không có. Vậy thì làm sao mà ông lại bảo : "làm thứ văn vần nào cũng cần phải học hết". Thực tôi xem đi xem lại mấy lần mà chẳng hiểu ý ông muốn nói ra thế nào cả. Tôi xin đồng ý với ông mà nói rằng : những kẻ không học mà làm được văn vần hay là số rất ít. Nhưng nếu có người không học vấn không lịch duyệt không rành nghề – dầu xưa nay chỉ có một người cũng vậy – mà làm được thơ hay thì cái lẽ ông chủ trương phải đổ, vì ông nói rằng làm thứ vận văn nào cũng cần phải có học vấn, phải có lịch duyệt, phải rành nghề, nghĩa là học vấn, lịch duyệt, rành nghề, đều là điều kiện tất yếu trong sự làm văn vần, điều kiện ấy không có không được. Nếu là điều kiện tất yếu thì bất cứ ở thời đại nào, bất cứ ở nước nào, bất cứ người nào, làm lối văn vần nào cũng phải có học vấn, phải có lịch duyệt, phải rành nghề, bằng không như thế thì chữ tất yếu chẳng có nghĩa lý gì hết.

Đến đây tôi xin ra ngoài đầu đề cắt nghĩa hai chữ *tất yếu* và *sung mạn*, vì hai chữ ấy tuy là những danh từ rất thường trong các khoa luận lý học, số học, hình học và đại số học, nhưng người mình còn có lắm người hiểu chưa được đích xác. Chính ông Phan Khôi xem ra cũng còn lầm nghĩa hai chữ ấy. Chữ tất yếu nghĩa thế nào ? và ông Phan lầm nghĩa chữ ấy những thế nào ? độc giả xem đoạn trên hẳn cũng đã rõ. Tôi chỉ xin cắt nghĩa chữ *sung mạn*. Sau khi đã nói quyết cùng tôi rằng : "Muốn làm thơ Đường luật thì phải

học", ông Phan lại viết thêm câu này : "Ấy chẳng những là cái điều kiện tất yếu mà cũng là cái điều kiện *sung mạn*", ông lầm. Nếu học vấn là điều kiện sung mạn trong sự làm thơ Đường luật thì bất cứ người nào hễ đã có học vấn là làm được thơ Đường luật không cần phải có điều kiện khác nữa như thiên tài vân vân... Tôi chắc bản ý ông Phan không phải thế, vì trong đoạn trên ông đã công nhận rằng thiên tài không có không được, chẳng qua ông không hiểu rõ nghĩa sung mãn [....][*] cái thí dụ để nói cho dễ hiểu : Nếu một hiện tượng A là điều kiện sung mạn (hay nguyên nhân sung mạn) của hiện tượng B, thì bao giờ có hiện tượng A, hẳn sẽ có hiện tượng B. Như hình vuông bao giờ cũng có bốn cạnh đều nhau, nên người ta có thể nói rằng cái tính chất hình vuông là điều kiện sung mạn của sự bốn cạnh đều nhau (Pour que les quatre côtés d'un quadrilatère soient égaux, il suffit qu'il soit un carré ou bien la condition suffisante pour que les quatre côtés d'un quadrilatère soient égaux est qu'il soit un carré). Độc giả nhận kỹ mà xem, đây chỉ là điều kiện sung mạn chớ không phải điều tất yếu ; vì không cần phải hình vuông mới có bốn cạnh đều nhau, hình thoi (losange) cũng có bốn cạnh đều nhau.

Tôi phải nói dài ra như vậy là muốn cho cuộc biện luận này đừng thành ra một sự cãi lộn về danh từ (une chicane sur les mots).

Xin nhắc lại một lần nữa cho rõ rằng cứ như ý tôi thì học vấn, lịch duyệt, rành nghề không phải là tuyệt nhiên vô ích, vì nếu đã sẵn có thiên tài mà lại có học rộng, lịch duyệt nhiều thì càng hay, nhưng học vấn, lịch duyệt, rành nghề không đủ khiến ta làm thơ hay được.

Cuộc biện luận này chia làm ba đoạn, đoạn đầu đến đây là hết. Còn các đoạn khác, kỳ sau tôi sẽ nói.

2) Ông Phan nói xã hội ta có cái *bệnh* hay xem thơ. Tôi theo chữ *bệnh* mà đoán rằng ý ông cho sự xem thơ là không nên. Nay ông lại cãi lại như thế này : "Nào có phải. Tôi nói "bệnh" đây, tức cũng như trong chữ Hán kêu là "tích" nghĩa là cái thói quen làm cho người ta sa mê vậy thôi, chớ tôi không có tỏ ý là nên hay không nên".

---

[*] chỗ này bản chụp của người sưu tầm bị mất một dòng, chừng 6-7 từ.

Thưa ông, chữ Hán là chữ Hán, chữ Nam là chữ Nam, không thể vin vào như vậy được. Từ xưa đến nay, ở đất Việt Nam này chữ *bệnh* khi nào dùng về nghĩa bóng, không phải chỉ nghĩa là cái thói quen mà lại hàm ý là hư, thói không nên theo.

Trên kia, chữ *văn vần* nghĩa rộng, ông rút lại, ông chỉ cho nó cái nghĩa hẹp là thơ Đường luật ; nay chữ *bệnh* nghĩa hẹp (thói hư) ông lại cho nó cái nghĩa rộng là thói quen, không tỏ ý hay dở, nếu một chữ muốn dùng ra nghĩa gì cũng được như vậy, thì tôi xin chịu không dám biện luận cùng ông. Xin ông đừng lấy những câu ở câu này mà cãi lại tôi : "*Anh ta có cái bệnh hay thương người*" vì câu này là một câu nói mỉa, nói khôi hài (ironie), nói trái lại để cho buồn cười cũng như muốn chế anh lùn, người ta nói : "Sao anh cao quá như thế!" hay là : "Anh cúi xuống mà đi, không đụng phải nóc nhà", v.v...

Nhưng mà thôi ! nay ông đã nói rõ ràng rằng, tuy có dùng chữ bệnh, nhưng không có ý công kích sự ưa xem thơ, thế là được rồi, không phải biện luận nữa, vì tôi cũng đồng một ý ấy. Tôi chỉ xin nói thêm rằng : ưa xem thơ chẳng những là không dở mà lại là một sự hay. Vì sao mà lại là một sự hay ? Xin miễn dài lời, hẳn ai cũng đã rõ. Có kẻ nói : "Nước Nam ngày nay sở dĩ liệt bại một phần cũng vì cha ông ta đời xưa quá mê văn thơ". Vâng ! nguy đã đến trước mắt mà không biết cứ ngồi rung đùi ngâm hoa vịnh nguyệt thì ai cũng phải bảo rằng ngu. Nhưng thơ cũng năm bảy thế thơ, có thơ làm cho người xem nhụt khí đi, có thơ làm cho ta thêm khảng khái, có thơ đưa ta lên trên những việc nhỏ nhen hàng ngày, xa lo đến tương lai đến thời thế, ai đám bảo những kẻ xả thân vì chủ nghĩa đều là người không biết làm thơ, không thích xem thơ, mà những bọn cắm cắm cục cục lo tí lợi riêng cho mình đều là văn sĩ, đều là kẻ ham mê văn thơ.

Tôi phải ra ngoài đề nói dông dài như vậy là vì tôi không muốn làm lối mập mờ, nửa nói nửa không. Một ông bác sĩ thí nghiệm được thế nào, quan sát được những gì cứ việc nói ra không nên phê bình, không nên tỏ ý riêng của mình ; chớ một nhà viết báo thiết tưởng đã bàn về một vấn đề gì cần phải tỏ ý khen chê, cần phải để cho độc giả biết ý riêng của mình đối với vấn đề ấy ; bằng làm cách lập lờ tôi cho là không thành thực.

Thôi, giờ xin vào đề nói quách cho xong kẻo nhàm tai độc giả. Sau khi đã nói : xã hội ta có cái bệnh ưa xem thơ, ông Phan lại nói tiếp : "nhà báo phải chiều theo ý phần đông mà đăng thơ ca cho nhiều". Tôi bèn vin vào đó mà trách ông rằng : nếu vậy thì ra bắt nhà ngôn luận phải theo xu hướng của xã hội, bất kỳ phải quấy. Nay ông Phan bảo rằng chữ *phải* đây ông dùng như là "indicatif" mà tôi lại hiểu ra là "imperatif" (*); ông bảo ông nói thế là vì thấy cái hiện tình trong báo giới làm sao thì nói ra làm vậy, mà trong đó có ngụ cái ý than tiếc nữa. Rút lại, ông bảo tôi trách ông là lầm. Nào có phải tôi lầm thế đâu ! Tôi vẫn biết rằng chữ *phải* đây ông dùng về indicatif, tôi vẫn biết ông thấy hiện tình trong báo giới làm sao thì nói làm ra vậy. Nếu như đoạn văn ông viết đó hoặc đứng riêng một mình hoặc là một đoạn văn chép sử thì tôi cũng tin rằng không ngụ ý gì khác, nhưng ông nghĩ lại mà xem, vị độc giả kia hỏi ông rằng : tại sao báo *P.N.T.V.* lại đăng nhiều bài thơ Đường luật dốt quá ? Câu hỏi ấy không phải như cậu học trò hỏi thầy : tại sao quả đất xoay ? mà lại có ngụ ý trách ở trong ấy, trách sao lại đăng nhiều bài thơ dốt quá. Vả sao vị độc giả ấy không hỏi ai mà lại hỏi ông ? Vì ông vẫn có tiếng là người học rộng mà ông lại thường viết ở *P.N.T.V.* tuy không phải là đứng chủ nhà báo nhưng cũng phải gánh một phần trách nhiệm. Thấy ông giả lời rằng sở dĩ đăng nhiều bài thơ dốt như vậy là vì nhà báo phải chiều theo ý phần đông các độc giả. Thấy thế chẳng những tôi mà chắc ai cũng tưởng rằng ông muốn mượn cái lẽ nhà ngôn luận phải theo xu hướng của xã hội để biện bạch cho một nhà báo mà ông thường giúp. Nay trong bài ông trả lời cho tôi, ông cố tuyên bố rõ ràng ý ông không phải thế, thì tôi cũng tin rằng ý ông không phải thế.

Đại ý trong bài trước tôi có nói rằng : nhà ngôn luận chánh đáng không nên nhắm mắt theo liều xu hướng của xã hội bất kỳ phải hay quấy. Nay ông nói rõ ràng rằng ông cũng đồng một ý như vậy, thế là không phải biện luận nữa. Tôi chỉ xin ông một điều như sau này : Cái gì vì cớ riêng không nói được thì đừng nói, còn đã nói thì phải nói cho rõ ràng, cho phân minh, dầu có mất lòng cũng mặc. Nói mập mờ, để người xem hiểu ra thế này được hiểu

(*) indicatif : thức tường trình ; impératif : thức mệnh lệnh.

ra thế khác cũng được thì trái hẳn với thái độ của kẻ học giả chân chính. Ý ông dẫu hay mà khi ông viết thành ra ý dở hay là ông vẫn viết ý hay mà không được phân minh để người xem không nhận đặng ý hay của ông thì ai có tài gì thấu được tâm lý ông mà hiểu cho ông ? Hẳn ông lại bĩu môi mà bảo rằng : "Ý ta hay, ta viết đúng, anh dốt, anh mù, anh xem không nhận ra được mặc anh, ta biết làm thế nào bây giờ". Thưa : "tôi không mù, và cũng không đến nỗi ngu lắm, dốt lắm, mà trước lúc viết bài biện luận cùng ông tôi xem đi xem lại đến sáu bảy lần rồi mới dám hạ bút, thực là thận trọng hết sức chỉ vì bài ông viết mập mờ quá". Nếu ông bình tâm xem lại bài của ông, nếu ông thành thực cùng ông hẳn cũng phải nhận rằng trong bài ông trả lời cho một vị độc giả nào đó lời văn có nhiều chỗ không được rõ ràng.

Khi tôi mới xem bài của ông thấy nhiều chỗ sai lầm tôi nghĩ ngay rằng có hai "cas" (trường hợp) một là ý của ông đúng mà lời sai, hai là ý sai mà lời đúng. Vì ông xưa nay vẫn có tiếng là người viết văn rất cẩn thận về lời nên tôi mới nghĩ rằng có lẽ lời đúng mà ý sai. Nay xem bài ông trả lời tôi, tôi mới hiểu rằng phần nhiều ông cũng đồng một ý với tôi, chỉ vì lời văn của ông không được rõ ràng mà thôi.

Tôi nói *phần nhiều* tôi cũng đồng ý với ông chớ không phải chỗ nào ông với tôi cũng đồng ý vì rằng về sự có thể làm thơ khóc cha được hay không, không thể đồng ý cùng ông được. Dưới này tôi sẽ xin nói vì sao.

Ông Phan quyết rằng trong vận văn mà có cái đề "khóc cha", cái đề ấy không thể thành lập được. Trong bài trước ông viện ra hai lẽ : cha chết có phải sự vui đâu mà làm thơ, và lúc cha chết tâm thần người con bối rối không thể làm thơ được. Ông nói : làm thơ cần phải học mới làm được chứ còn xuất khẩu thành chương là về số ít. Vâng ! Tôi cũng tin như ông rằng không nặn nọt từng chữ mà làm được thơ là số ít, nhưng số ít không phải là tuyệt nhiên không có. Tôi xin hỏi ông Phan Khôi : Xưa nay có ai xuất khẩu thành chương hay không ? Nếu ông đừng cưỡng từ hẳn ông phải giả lời : Có ! Tôi bèn vin vào đó mà quyết cùng ông rằng : cái lẽ thứ hai ông viện ra đó không thể đứng vững được. Trái lại với lời ông nói, tôi không có đem số ít mà khái luận cả số nhiều vì tôi có nói rằng xưa nay các thi nhân đều có tài xuất khẩu thành chương cả đâu ? Tôi chỉ tin rằng có một số ít, một số rất ít

làm được như thế và hẳn ông cũng phải tin như tôi. Đã vậy thì nếu có kẻ muốn làm thơ khóc cha, ông không thể cười người ta được, vì ông đã chắc đâu rằng người ấy không phải là một người có tài xuất khẩu thành chương. Huống chi không cần rằng chính mình có cha chết mới làm được thơ khóc cha, nhà thi nhân có thể đặt mình vào địa vị một người con mới mất cha mà làm thơ cũng được. Cụ Ôn Như Hầu có phải là cung phi đâu, có phải là đàn bà đâu, thế mà cụ vẫn diễn được lời than của một người con gái trong cung, thế mà cái đề của quyển *Cung oán ngâm khúc* vẫn thành lập được ?

Còn cái lẽ thứ nhất : cha chết có phải sự vui đâu mà làm thơ, thì ai xem chắc cũng hiểu ngay rằng chẳng có nghĩa lý gì sốt, tôi không cần phải cãi lại sợ nhàm tai độc giả. Vả trong bài ông Phan trả lời cho tôi, tuy ông không công nhiên tuyên bố rằng lẽ đó rất vu vơ (độc giả thử nghĩ vì sao) nhưng xem ra ông cũng chịu rằng không kỳ vui mới làm được thơ, buồn cũng làm được.

Nhưng ông lại nói rằng : buồn có năm bảy thế buồn, đau thương có năm bảy thế đau thương. Câu này là một câu nói túng. Đã đành rằng buồn có năm bảy thế buồn, chẳng có cái buồn nào giống cái buồn nào, nhưng khác là khác về nguyên nhân (causes) về độ số (degré) chớ không phải về tính cách (nature), các nhà tâm lý học đều phải công nhận như thế. Tính cách đã đồng thì đều có thể phô diễn ra được. Vậy nếu làm thơ khóc vợ khóc con được tức là làm thơ khóc cha cũng có thể được.

Tuy ông Phan không nói ra, nhưng hình như ông cũng nhận rằng có thể phô diễn được lòng thương cha, nghĩa là có thể làm thơ khóc cha được ; chỉ có một điều là theo ý ông thì không nên phô diễn ra, vì phô diễn ra là trái với luân lý (morale).

Trước hết ông lấy một thí dụ như sau này : Người ta ít hay phô trương ca tụng công ơn của cha mẹ cũng như ít hay phô trương ca tụng sự lớn lao của trời. Thí dụ ấy chẳng đúng một tí nào. Ông Phan hình như đã dịch *Kinh Thánh* của đạo Thiên Chúa ra quốc ngữ há lại không biết ở trong kinh ấy có rất nhiều bài hát ca tụng công ơn và sự lớn lao của trời hay sao ? Gần đây như trong quyển *Esther* của Racine có nhiều đoạn ca tụng công đức Thượng Đế ; đoạn cuối bài *Espoir en Dieu* của Alfred de Musset, cũng đồng một ý

ấy. Các thầy giảng đạo như Bossuet, Bourdaloue cùng các nhà thi sĩ về thời đại lãng mạn đều có bài tán dương Thượng Đế. Ông đừng bẻ tôi rằng : Các thi sĩ kể ra đó đều người Tây phương không có một ai ở Á Đông, mình là người Á Đông phải lấy việc Á Đông mà nói. Trái với lời ông đã nói : Á Đông ít ca tụng công đức Thượng Đế không phải vì rằng công đức ấy vô hạn, chính là vì Á Đông chưa có một quan niệm rõ ràng (conception nette) về Thượng Đế như Tây phương.

Kế đó ông Phan lại nói cái lẽ vì sao mà người ta ít hay phô trương ca tụng công ơn của cha : Nếu mình đã nhìn công ơn của cha là lớn hơn hết, và sự đau thương của mình là vô hạn thì không nên hình dung ra ; phàm cái gì đã hình dung nó được thì trở thành ra cái tầm thường. Câu nói ra vẻ thâm trầm và nghe hình như có lẽ lắm. Nhưng tôi tưởng ông chưa xét đến cùng. Lòng con thương cha, dầu thực là vô hạn đi nữa, nhưng thường tình người ta ai cũng có. Cha tôi tôi thương lắm ; nhưng ai lại không có cha ? Mà ai lại không thương cha ? Nếu tình thương của tôi vừa là vô hạn lại vừa là rất tầm thường. Đã vậy thì có thể hình dung ra được. Mà nếu có thể hình dung được, thì sao luân lý (morale) lại cấm không cho người ta hình dung ? Lòng con thương cha có thể phô diễn được, có hại gì cho ai mà luân lý (morale) lại buộc người ta phải giả làm như là không thể phô diễn được ? Nếu thực luân lý buộc ta phải như vậy, thì tôi không thể không bảo rằng đó là một thứ luân lý giả dối, chẳng có nghĩa lý gì hết. Một bài thơ khóc cha tức cũng như một tiếng khóc, nhiều khi muốn nín không thể nín lại được. Xưa nay chưa thấy luân lý (morale) nào cấm người ta lúc cha chết không được giỏ nước mắt,vì giỏ nước mắt cũng là một cách hình dung lòng đau thương, sao lại có thứ luân lý cấm người ta không được làm thơ tỏ lòng thương cha là nghĩa gì ? Không đâu ! Chẳng có luân lý (morale) nào như vậy. Chẳng qua ông Phan mượn quàng luân lý (morale) để bênh vực cũng như mấy lần ông mượn quàng luận lý học (logique) vậy. Thế là cái thí dụ của ông đã sai mà cái lẽ ông viện ra cũng không đứng vững được.

Rút lại, ông nói rằng : Chưa hề nghe ai vì thương cha mà trở nên một bậc đại thi hào bao giờ, chẳng những thế, ông lại chưa hề thấy trên lịch sử có ai làm thơ khóc cha. Ông lấy hai điều này làm chứng cho cái thuyết của ông.

Nhưng chẳng ăn thua gì đâu. Sở dĩ vì sao xưa nay không có ai thương cha mà trở nên một bậc đại thi hào, trong bài biện luận cùng ông Phan lần đầu hết (vào tháng Octobre 1930) tôi đã nói rõ ràng. Nay chỉ xin nhắc lại theo luân lý (morale) thì lòng yêu mến cha phải nặng hơn hết thảy, nhưng cứ sự thực thì thường tình người ta thương con thương vợ thương tình nhân hơn thương cha mẹ. Vì vậy cho nên Musset bởi dan díu cùng Georges Sand mà về sau trở nên một nhà đại văn hào, còn xưa nay chưa ai vì thương cha mà thành ra đại thi sĩ. Đó là tự nhiên phú tính cho ta như thế để bảo tồn lấy chủng tộc (conservation de l'espèce). Ta thường thấy nhiều người bồng con đi xin, chớ đã nghèo khổ mà vẫn chăm nom cha mẹ là ít lắm. Ấy là một lẽ rất thường trong tâm lý học. Ông Phan hình như nghiên cứu luận lý học (logique) đã nhiều hẳn tâm lý học ông cũng có biết, vì có biết tâm lý học (psychologie) mới hiểu được luận lý học cho tường tận, sao ông lại không hiểu lẽ rất thường ấy ? Hay là ông chỉ học lấy ngọn thôi ?

Còn thơ khóc cha, không phải trong lịch sử văn chương không có, chỉ vì ông chưa thấy mà thôi. Vả tôi cũng lấy làm lạ sao một người có tiếng học rộng như ông mà lại không biết những bài thơ ấy ? Tôi còn nhớ hồi đương học ở trường tiểu học, thầy có dạy cho một bài thơ khóc cha, bài ấy nhan đề là : *A mon père*, bài ấy rất thống thiết mà lại rất dài ; tác giả là Ernest Legouvé ; lâu ngày tôi quên mất không còn nhớ được câu nào cho trọn vẹn. Gần đây tôi xem sách thấy trong một quyển *Morceaux choisis de poétes contemporains* cũng có một bài *A mon père*, bài này vừa là một bài khóc cha vừa là một bài tự tình, lời văn rất hay, tôi còn nhớ về đoạn cuối có mấy câu như sau này :

Rien ne m'a consolé, rien !
Aujourd'hui je souffre encore plus qu'hier et chaque jour qui fuit.
Fail plus crease ma place et plus sombre ma huit. C'est horrible.
Pourtant ô Père sous sans crainte,
Qu'on me verra gémir, qu'on me verra prier,
Pleurer, mendier grâce au destin meurtrier,
[. . . . .][(*)]pesant de ma tâche,

(*) bản chụp mất 1 dòng, khoảng 5 từ (tiếng Pháp)

Non ! Ton fils ne peut etre efféminé ni lâche.
Il saura supporter son fardeau jusqu'au bout,
Blessé, sanglant, vaincu, foudroyé-mais debout.

Tác giả bài này không muốn để cho thiên hạ biết tên mình ; ông chỉ ký hai chữ A.S. Nhưng ông là một nhà thi sĩ về phái bi quan, rất có tiếng ở thời đại cận kim, ai đã gọi là có biết ít nhiều chữ Pháp đều biết tiếng ông A.S. Đây tôi chỉ lấy văn thơ nước Pháp ra làm chứng, vì chẳng dấu gì ông và độc giả, văn thơ các nước khác, tôi không biết mấy ! Tôi chắc rằng những người có học thức rộng hơn tôi – mà trong nước ta bây giờ biết bao người học thức rộng hơn tôi – sẽ còn tìm ra được vô số bài thơ khóc cha khác nữa.

Tôi tiếc rằng không thuộc trọn cả hai bài để viết cho ông Phan xem, vả như kỳ trước tôi đã nói, bây giờ vì một lẽ riêng tôi phải ở nhà quê, sách không có, vở cũng không nên không biết tra cứu vào đâu ; nhưng hai bài thơ ấy đều là những bài rất hay, nên cũng nhiều người biết, vả cũng dễ tìm. Ông ở Sài Gòn sẵn sách vở thử tìm mà xem, tưởng không phải là vô ích. Không thì bao giờ sẵn sách vở tôi sẽ chép lại gửi vào ông xem.

Ấy bao nhiêu lẽ ông viện ra để đánh đổ cái đề "khóc cha" đều không đúng cả. Chẳng những thế, trong bài ông trả lời cho tôi, hình như ông lại cãi lộn cùng ông, chính ông lại phá cái thuyết ông chủ trương. Tôi không nói láo đâu. Ai chưa tin xin xem dưới nầy sẽ rõ.

Theo ý ông, cái đề "khóc cha" không thành lập được chính là vì nếu làm thơ khóc cha ắt phải kể công ơn của cha đối với mình phải kể lòng yêu mến đau xót của mình đối với cha nghe ra nó lố lăng lắm. Vậy mà xuống đoạn dưới hình như ông lại công nhận rằng nếu cha chết đã lâu mà làm thơ thì được ? Thế ra cha chết đã lâu rồi thì làm thơ không phải kể công ơn kể lòng đau xót nữa hay sao ? Hay là lúc bấy giờ kể ra không lố lăng nữa ? Và vì sao mà lại không lố lăng nữa ? Tôi lại xin hỏi ông Phan : một người sẵn tính đa sầu đa cảm, tuy cha chết đã lâu rồi, nhưng nghĩ đến tình cha con, có thể khóc lên được mà làm thơ khóc lại không đề được là "khóc cha" là vì sao ? Trong bài trả lời cho tôi, ông nói rằng : nếu cha chết đã lâu rồi mới làm thơ khóc thì phải đặt đề khác chớ không đề là "khóc cha" được. Ông chỉ nói thế không nói lẽ vì sao lại phải đặt đề khác, bảo tôi tin thế nào được ?

Nói cho thực ra kể công ơn của cha và lòng đau xót của mình chẳng có gì lố lăng hết, nếu có lố lăng là tại kẻ vụng đẩy thôi. Xem như ở nước ta, lúc cha chết có tục làm văn tế, nào là kể công ơn đức hạnh của cha, nào là kể sự đau thương của mình, mà có ai cho là lố lăng đâu ? Chẳng những thế tôi thường thấy trong các đám ma khi đọc văn tế xong, người đi xem phần nhiều là kẻ không có bà con với người chết thế mà đã không cho văn tế là lố lăng lại còn ra vẻ cảm động, lắm khi khóc òa lên nữa. Chính tôi nhiều khi nghe đọc văn tế cũng động mối thương tâm, khôn ngăn giọt lệ. Hay là vì tôi cùng người đi xem đó đều không biết luận lý học (logique) ! Tôi nói thực nếu như có một môn học gì làm cho tôi khi nghe đọc bài văn tế khóc cha, đã không nhỏ được một giọt nước mắt vì người lại còn phì cười thì tôi thà chịu dốt nát còn hơn. Nhưng có môn học nào như thế không ?

Cuộc biện luận về vận văn đến đây là hết. Từ chỗ này trở xuống là tôi cãi lại những tư tưởng rất sai lầm của ông Phan về luận lý học (logique).

Ông có khuyên tôi nên xem luận lý học (logique). Tôi xin cám ơn ông. Chẳng dám khoe khoang gì với ông vì ông là một nhà luận lý học (un logicein !) môn học ấy tôi cũng có biết ít nhiều. Nhưng trong luận lý học (logique) tôi chỉ thích phương pháp học (méthodologie) còn hình thức luận lý học (logique formelle) là thứ luận lý học mà gặp cái gì ông Phan cũng nêu ra, thì tôi chán lắm. Mà tôi thấy phần nhiều các học giả cũng đều lấy hình thức luận lý học làm chán nán như tôi. Vốn môn học này về đời Trung Cổ (Moyen Age) rất thịnh ở Tây phương. Lúc bấy giờ các học giả vì thế, chỉ ngồi cãi phiếm về tam đoạn luận (syllogisme) và mệnh đề (proposition), chẳng có đích gì cho học thuật. Từ hồi Phục Hưng (Renaisance) về sau người ta mới hiểu rằng hình thức luận lý học chẳng có ích lợi gì mấy mà phải nghiên cứu kỹ cho tốn công phu. Ông Bacon, là một nhà triết học, lại là một tay cừ khôi về khoa học thực nghiệm đã từng nói rằng : "Luận lý học cũng như một cô con gái đi tu không thể có con được". Tự đó mới đặt ra phương pháp học. Phương pháp học cũng là một phần luận lý học (logique) nhưng rất có ích cho các nhà khoa học. Ngày nay người ta vẫn cho Phương pháp học quan trọng hơn Hình thức luận lý học. Ở các trường trung học bản xứ (enseignement secondaire local) chỉ dạy phương pháp học mà không dạy

Nói cho thực ra kể công ơn của cha và lòng đau xót của mình chẳng có gì lố lăng hết, nếu có lố lăng là tại kể vụng đấy thôi. Xem như ở nước ta, lúc cha chết có tục làm văn tế, nào là kể công ơn đức hạnh của cha, nào là kể sự đau thương của mình, mà có ai cho là lố lăng đâu ? Chẳng những thế tôi thường thấy trong các đám ma khi đọc văn tế xong, người đi xem phần nhiều là kẻ không có bà con với người chết thế mà đã không cho văn tế là lố lăng lại còn ra vẻ cảm động, lắm khi khóc òa lên nữa. Chính tôi nhiều khi nghe đọc văn tế cũng động mối thương tâm, khôn ngăn giọt lệ. Hay là vì tôi cùng người đi xem đó đều không biết luận lý học (logique) ! Tôi nói thực nếu như có một môn học gì làm cho tôi khi nghe đọc bài văn tế khóc cha, đã không nhỏ được một giọt nước mắt vì người lại còn phì cười thì tôi thà chịu dốt nát còn hơn. Nhưng có môn học nào như thế không ?

Cuộc biện luận về vận văn đến đây là hết. Từ chỗ này trở xuống là tôi cãi lại những tư tưởng rất sai lầm của ông Phan về luận lý học (logique).

Ông có khuyên tôi nên xem luận lý học (logique). Tôi xin cám ơn ông. Chẳng dám khoe khoang gì với ông vì ông là một nhà luận lý học (un logicien !) môn học ấy tôi cũng có biết ít nhiều. Nhưng trong luận lý học (logique) tôi chỉ thích phương pháp học (méthodologie) còn hình thức luận lý học (logique formelle) là thứ luận lý học mà gặp cái gì ông Phan cũng nêu ra, thì tôi chán lắm. Mà tôi thấy phần nhiều các học giả cũng đều lấy hình thúc luận lý học làm chán nán như tôi. Vốn môn học này về đời Trung Cổ (Moyen Age) rất thịnh ở Tây phương. Lúc bấy giờ các học giả vì thế, chỉ ngồi cãi phiếm về tam đoạn luận (syllogisme) và mệnh đề (proposition), chẳng có đích gì cho học thuật. Từ hồi Phục Hưng (Renaisance) về sau người ta mới hiểu rằng hình thức luận lý học chẳng có ích lợi gì mấy mà phải nghiên cứu kỹ cho tốn công phu. Ông Bacon, là một nhà triết học, lại là một tay cừ khôi về khoa học thực nghiệm đã từng nói rằng : "Luận lý học cũng như một cô con gái đi tu không thể có con được". Tự đó mới đặt ra phương pháp học. Phương pháp học cũng là một phần luận lý học (logique) nhưng rất có ích cho các nhà khoa học. Ngày nay người ta vẫn cho Phương pháp học quan trọng hơn Hình thức luận lý học. Ở các trường trung học bản xứ (enseignement secondaire local) chỉ dạy phương pháp học mà không dạy

hình thức luận lý học, chương trình trung học bên Pháp cũng thế. Hình thức luận lý học chỉ để vào câu hỏi phụ (question complémentaire) học trò thi tú tài không học cũng được.

Mà có phải hình thức luận lý học khó quá học trò thi tú tài xem không hiểu nên người ta không dạy đâu ! Ai có biết ít nhiều toán pháp (mathématiques) xem hình thức luận lý học khắc hiểu ngay.

Vì những lẽ tôi vừa kể ra đó, nên tôi không thể nghe lời ông Phan, hoài thì giờ quý báu của tôi, đi nghiền một môn học đã chẳng có ích gì mấy, mà tôi lại không thích, thì giờ tôi, tôi muốn để nghiên cứu môn học khác. Còn về hình thức luận lý học, tuy tôi chỉ biết qua loa mọi điều thường thức mà thôi, nhưng tôi không muốn học thêm nữa.(*)

CHU QUẾ LONG KIM CẨM

Phổ thông, Hà Nội, s. 168 (21.1.1931) ;
s.169 (24.1.1931) ; s.170 (25 và 26.1.1931) ;
s.171 (27.1.1931).

(*) Phần còn lại của bài này hiện chưa sưu tầm được (LNA).

MỤC LỤC

• *Vài lời về việc biên soạn* 5
• *Tiểu dẫn về Sưu tập các tác phẩm của Phan Khôi đăng báo năm 1930* 7
• *Một số sách tra cứu để chú thích từ ngữ khó trong văn bản sưu tầm* 17

*

• HOÀNG ĐẾ VỚI PHỤ NỮ 17
• LẠI HOÀNG ĐẾ VỚI PHỤ NỮ 24
• NHỮNG TỤC LẠ VỀ NAM NỮ Ở THẾ GIAN 29
1. Cái tục bạn gái luyến ái nhau ở Quảng Châu 31
2. Cái tục vợ lớn chồng nhỏ 31
3. Tục một chồng nhiều vợ ở Ninh Cổ tháp 33
4. Tục cưới gả ở Liễu Biên 34
5. Tục một vợ nhiều chồng ở Cam Túc 35
6. Tục cưới gả ở Kim Xuyên 36
7. Tục người Thổ ở Quảng Tây 37
8. Tục người Diêu ở miền Lưỡng Quảng 38
9. Tục người Miêu ở miền Hồ Nam 39
10. Tục người Lê ở Quỳnh Châu 40
• ĐÀN BÀ MỚI CỦA MỘT NƯỚC MỚI THỔ NHĨ KỲ 42
• XÓA MỘT CÁI ÁN TRONG LỊCH SỬ : THÂN OAN CHO VÕ HẬU 51
• TRẢ LỜI CHO MẤY VỊ HỌC GIẢ HỎI VỀ BÀI "THÂN OAN CHO VÕ HẬU" 65
• TẠI LÀM SAO CHÚNG TA KHÔNG NÊN BỎ CHỮ QUỐC NGỮ VÀ PHẢI VIẾT CHO ĐÚNG ? 78
• CÂU CHUYỆN HẰNG NGÀY 77
- Nghề bán súng sáu và nghề in sách quốc ngữ 77
- Một món đồ quà để đi tết cho mấy ông phái viên điều tra thuốc phiện 79
- Thế nào gọi là điên? 80
- Năm nay sẽ có Tết hay không ? 81
- Hội đồng kiểu mới 83
- Cấm hun 84
- Hát cải lương Huế 85
- Dư giấy làm chi 87

- Có phải câm đâu ! 88
- Cái năm rồng rắn 90
- Hòa bình gì ? Đồ ăn lường nà ! 91
- Ghen tuông là cũng người ta thường tình ! 92
- Ai muốn sống hai sáu mươi ? 93
- Ông Clémenceau với phụ nữ 95
- Cách xưng hô của người mình 96
- Già, hóa ra con nít. 97
- Hèn chi mà đặt là công yên 98
- Lại có chạy kinh đàn, để phan nữa 99
- Đưa ông Táo 101
- Mười bảy viên đạn mà cũng không sao 102
- Cái "moa" 103
- Mấy chục năm nữa thì An Nam mình bỏ tục ăn tết ? 105
- Ân tình nặng ! 106
- Mặt trời không nóng 107
- 80 tuổi vẫn còn thi đẹp ! 108
- Nghe người khua thớt 109
- Đừng nói "chúng nó" không biết mắc cỡ ! 110
- Cũng là một cách đọc báo... 111
- Những điều trái ngược 113
- Tốt tên lắm chuyện 114
- Có phải ở Âu - Mỹ mới thấy chăng ? 115
- Ai muốn vô hội của Tân Việt ? 116
- Càng văn minh lắm càng ăn năn nhiều ! 117
- Uống rượu hoài cũng sống dai được vậy 118
- Xin Chánh phủ dùng chánh sách võ lực 120
- Sắc phục và Dân quốc 121
- Việc đời và bữa ăn ! 122
- Bắt chước cụ Bố chánhTừ Nguyên Mạc 124
- Thế nào gọi là "khôi hài" 125
- Lời tiên tri của bà Beck 126
- Học giỏi làm gì ? 127
- Cổ Việt chớ không phải Tân Việt 128
- Tưởng là cọng sản, ai ngờ... 129
- Vụ kiện trái đời 130
- Chúa cứu thế đi hát bóng 131
- Nếu như Tân Việt được làm thủ tướng nước Pháp 133
- Ông Voronoff khỏi lo, Đông Dương thiếu chi khỉ 134
- Không hẹn mà nên 134

- Nhơn loại không phải như ông Pierre Perrin hết 136
- Còn kém hơn con lừa của ông Giáo hoàng nhiều 137
- Các ông cũng phải học chữ Quốc ngữ 138
- Lập hội lõa thể 139
- Trừ sao cho hết đồ độc 140
- "Bẩm ông cho cha con tôi trả lời" 140
- Nước mắt đàn bà 142
- Bắt cá tám tay 143
- Ấy, cũng trái phá nữa ! 144
- Hồ Nemi và hồ Hoàn Kiếm 145

• Ý KIẾN *TRUNG LẬP* 147
- Những cái khéo trong cuộc chánh trị có khi trở thành ra vụng 147
- Thải lính An Nam là một sự nguy hiểm 149
- Lập hội cự rượu là một việc hay 150
- Có lẽ là điều sai lầm của những người trí giả 152
- Về sự Léon Sanh được trắng án 153
- Cái vụng của nhiều tờ báo Tây 155
- Binh lính súng ống là để mà dẹp giặc, không phải để mà trị dân 156
- Hạn chế thêm sự xuất dương, là điều chẳng có ích chi cho sự trị an, mà không chừng có hại 157
- Phần đông là phần dại mà cũng là phần khôn 159

• CÁI CHÁNH SÁCH BÊN KIA VỚI CÁI THỜI CUỘC BÊN NÀY 161
• CHÁNH PHỦ VỚI NHÂN DÂN TRÉO NHAU 164
• SỰ DÙNG NGƯỜI CỦA CHÁNH PHỦ 167
• VẤN ĐỀU SANH HOẠT Ở SÀI GÒN VÀ TIỀN LƯƠNG NGƯỜI LÀM CÔNG 171
• CÁCH NGÔN LUẬN CỦA NGƯỜI Á ĐÔNG 172
• ĐỌC CUỐN "NHO GIÁO" CỦA ÔNG TRẦN TRỌNG KIM 181
• NGƯỜI MỞ ĐẦU CHO LUẬN LÝ HỌC Á ĐÔNG 193
• CẢNH CÁO CÁC NHÀ "HỌC PHIỆT" 202
• VỀ BÀI PHÊ BÌNH SÁCH "*NHO GIÁO*" 213
• VỀ CÁI Ý KIẾN LẬP HỘI "CHẤN HƯNG QUỐC HỌC" CỦA ÔNG PHẠM QUỲNH 234
• BÚT CHIẾN "*TRUNG LẬP*" - "*ĐUỐC NHÀ NAM*" 242
- Ý kiến *Trung lập* : Phải nói minh bạch 243
- Thế nào là cái nhã độ quân tử ? 247
- Theo cái nhã độ quân tử, hễ có lỗi thì phải chịu 252
- Nếu trở nên cuộc bút chiến thì phải thế nào ? 258
- Lời Tổng lý *Trung lập báo* ngỏ cùng ông Nguyễn Phan Long 266
- Ai nói dối ? 267
- Bây giờ chúng tôi mới biết văn và người ông Nguyễn Phan Long 269

- *Trung lập* giành lại cái nhân cách cho quốc dân dưới bàn chưn kẻ vô lễ 270
- "Kiến hiền tư tề yên" 273
- Ông Nguyễn Phan Long dùng báo chữ Tây công kích *Trung lập* 274
- Bạn đồng nghiệp *Công luận* vì *Trung lập* trả lời *Đuốc nhà Nam* 275
• VỀ CÁC CUỘC BIỂU TÌNH Ở NAM KỲ VỪA RỒI 279
I. Cái thái độ hẵng hờ và kiêu căng của ông Nguyễn Phan Long 279
II. Cái thái độ... (*tiếp*) 282
III. Tại sao luôn trong mấy số *Trung lập* cười *Đuốc nhà Nam* 285
IV. Ý kiến *Trung lập* về vấn đề ruộng đất 288
• SỰ KHÔNG CÁO CỦA *ĐUỐC NHÀ NAM* THÊM VINH DỰ CHO TÒA SOẠN *TRUNG LẬP* ! 292
• *ĐUỐC NHÀ NAM* BIẾT PHẢI, *TRUNG LẬP* RÚT BỚT MỘT MẶT QUÂN 293
• VỀ CUỘC BÚT CHIẾN CỦA *TRUNG LẬP* CHÚNG TÔI VỚI *ĐUỐC NHÀ NAM* 294
• CÙNG CÁC ĐỘC GIẢ YÊU QUÝ 296
• NÓI VỀ ĐẢNG LẬP HIẾN Ở NAM KỲ 297
I. Cái chủ nghĩa của đảng Lập hiến ở Nam Kỳ 297
II. Đảng Lập hiến có thế lực mà không biết dùng 300
III. Cái sai lầm của đảng ấy trong đường chánh trị 303
IV. Đảng viên và cơ quan của đảng ấy 306
V. Một điểm thất sách lớn nhứt, là tại hồi đầu *Đuốc nhà Nam* xuất bản... 309
VI. Đảng Lập hiến với thanh niên 313
VII. Hiệp quần với phân đảng 316
VIII. Đảng Lập hiến dầu chưa phải chánh thức... 320
IX. Đôi lời biện bạch cùng ông Nguyễn Phan Long 323
X. Nhà chánh trị đời nay cần phải gần với dân chúng, hiệp một với dân chúng 329
XI. "Tập dân vọng" với cuộc biến động vừa rồi 332
XII. Ý kiến chúng tôi về đảng Lập hiến nay sắp sau 335
• CÁI ÂN TÌNH CỦA ĐẢNG LẬP HIẾN ĐƯỢC GIÃI RA TRÊN BÁO 339
• *ĐUỐC NHÀ NAM* LÀ CỦA ÔNG NGUYỄN PHAN LONG; CÒN *TRUNG LẬP* BÁO, CÁI TÊN NÓ DẦU DÍNH VỚI *IMPARTIAL*, NÓ VẪN ĐƯỢC ĐỒNG BÀO YÊU QUÝ 344
• TRONG TÒA BÁO *ĐUỐC NHÀ NAM* AI LÀ ĐỨC KÍNH? XIN NGƯỜI ẤY PHẢI TRẢ LỜI CHO TÔI VỀ VIỆC NÀY 347
• VÀI LỜI HỎI ÔNG NGUYỄN PHAN LONG CHỦ NHIỆM *ĐUỐC NHÀ NAM* 351

• CÙNG ÔNG ĐỨC KÍNH NGƯỜI KÝ TÊN TRONG BÁO *ĐUỐC NHÀ NAM* 354
• KÍNH CÙNG ÔNG NGÔ QUÝ HÒA 358
• MỘT SỰ BUỒN TRONG BÁO GIỚI 360
I. Ông Ng. Phan Long đã bôi lọ cái tên của ông trong làng báo 360
II. Quả nhiên ông Nguyễn Phan Long làm xấu trong trường ngôn luận 363
III. Tôi công kích ông Nguyễn Phan Long cũng như tôi công kích ông Phạm Quỳnh. – "Hội đồng phiệt" cũng như "Học phiệt" 366
• *TRUNG LẬP* TẠM NGHỈ CÔNG KÍCH ÔNG NGUYỄN PHAN LONG 370
• VẤN ĐỀ CẢI CÁCH 371
I. Muốn duy tân cải cách thì phải bắt từ học thuật tư tưởng mà duy tân cải cách trước 371
II. Cuộc duy tân của Nhựt Bổn cũng bắt từ học thuật tư tưởng mà duy tân trước 374
III. Cái tình thế xã hội Nhựt Bổn còn dễ cải cách hơn xã hội ta ngày nay ; cho nên ta lại phải ra sức nhiều hơn Nhựt Bổn 378
IV. Cuộc cải cách của nước Tàu rút lại cũng phải cải cách đến học thuật tư tưởng mới hơi có công hiệu 381
• NGƯỜI PHÁP NÓI TIÊN TRI VỀ THỜI CUỘC XỨ TA 385
• CÁI ĐỊA VỊ CỦA KIỀU DÂN TRUNG HUÊ 388
• VẤN ĐỀ HỐI LỘ GIỮA QUAN TRƯỜNG 391
• DÂN VỚI QUAN 395
• CẢI CÁCH KHÔNG PHẢI LÀ VIỆC LÀM LẤY TIẾNG 399
• TRỞ LẠI VẤN ĐỀ LẬP HIẾN 403
• AI NÓI DƯ LUẬN AN NAM KHÔNG CHÍNH ĐÁNG ? 407
• LÃNH TỤ VỚI QUẦN CHÚNG 411
• CÒN CÓ AI NHỚ GÌ ĐẾN CHUYỆN CẢI CÁCH ? 415
• ĐỌC BÀI "CHIÊU TUYẾT CHO MỘT NHÀ CHÍ SĨ" CỦA ÔNG HUỲNH THÚC KHÁNG 418
• HỌC GIẢ VỚI CHÁNH TRỊ 429
• BÌNH TĨNH MÀ LUẬN NGHỀ LÀM THUỐC 433
• ĐỘC THƯ TÙY BÚT 437
- Có và không 437
- Học giả ở đời loạn 439
- Sự ngay thật của học giả 441
- Hạng quân tử giả dối 443
- Nói thế nào là khiếm nhã ? 445
- Từ đâu người mình kêu người Tàu là "Chệt" ? 447
- Luận ngữ của Tống nho 449
• LUẬN LÝ HỌC CAI TRỊ CẢ MỌI SỰ Ở ĐỜI 453
• LUẬT MÂU THUẪN LÀ BẤT BIẾN 457

• PHÉP LÀM VĂN 466
I. Cách đặt các quán từ 472
II. Cách đặt đợi danh từ 479
III. Cách đặt động từ 484
IV. Dùng lời quả quyết và lời hồ nghi 488
• PHÉP ĐẶT ĐẦU ĐỀ. LỜI THƯƠNG XÁC CÙNG MINH VIÊN TIÊN SANH 494
• KÍNH ĐÁP MINH VIÊN TIÊN SANH VỀ MẤY BÀI THƯƠNG XÁC CÁCH ĐẶT QUÁN TỪ 498
• ĐÍNH CHÁNH NHỮNG CHỮ MÀ NGƯỜI TA HAY DÙNG SAI NGHĨA 502
• NGƯỜI VIỆT NAM PHẢI VIẾT QUỐC NGỮ CHO ĐÚNG, DÙNG DANH TỪ CHO ĐÚNG 506
• ĐÍNH CHÁNH CÁCH XƯNG TÊN CỦA NGƯỜI VIỆT NAM 511
• SOÁT LẠI MẤY CÁI DANH TỪ NGƯỜI MÌNH THƯỜNG DÙNG 524
• KHOA HỌC THƯỜNG THỨC: - Trí khôn của loài sâu bọ 533
• VỀ BÀI "TỤC NHUỘM RĂNG CỦA NGƯỜI MÌNH" 543
• LƯỢC SỬ XỨ ĐÀI LOAN CỦA NHỰT BỔN 549
• TẠP TRỞ:
- Chuyện lạ Nhựt Bổn 555
- Lịch sử cây lúa 559
- Tục điều táng 560
• GIỚI THIỆU VÀ PHÊ BÌNH *THÁNH KINH BÁO*... 561
• GIỚI THIỆU VÀ PHÊ BÌNH SÁCH *TIẾNG PHỔ THÔNG*... 569
• SỰ DỊCH SÁCH Ở NƯỚC TA NGÀY NAY LÀ SỰ RẤT CẦN VÀ RẤT QUAN HỆ 573
• TRẢ LỜI BA CÂU HỎI CỦA MỘT VỊ ĐỘC GIẢ 577
• TRẢ LỜI BÀI ÔNG CHU QUÉ LONG BIỆN LUẬN CÙNG TÔI VỀ VẤN ĐỀ VẬN VĂN 581
• TRẢ LỜI ÔNG CHU QUÉ LONG LẦN CHÓT 589
• KHÔNG BIẾT THÌ HỎI 597
• TIN NHẮN QUA LẠI 597
• CÙNG ÔNG HOÀNH SƠN 598
• VÀI LỜI KÍNH ĐÁP ÔNG HOÀNH SƠN 599
• NHỮNG ĐIỀU NGHE THẤY 601
- Ơn kẻ dữ không ơn người lành 602
- Văn sĩ nghèo 603
- Vấn đề triết học 604
- Cái quyền sở hữu 605
- Thần khẩu bà Cao buộc xác phàm ông Hoàng 606
- Mật thám, linh kín hay là công an ? 608

- Cái ráp-bo báo hại quá 609
- Cái lớn nhỏ lại. Cái nhỏ lớn ra 610
- Gandhi với Jésus-Christ 612
- Bỏ quách dương lịch đi mà dùng âm lịch là hơn 614
- Thừa trong nhà mới ra bề ngoài 615
- Tưởng tượng và thiệt sự 616
- Người ta bông lơn quá 618
- Như vậy, cho là gieo sự hờn ghét ra 619
- Tiền và lợi 621
- Biết thì thốt... 622
- Ở tù sốt dẻo 624
- Thơ tức sự 625
- Họ cãi nhau về câu nói 627
- Dục tốc bất đạt 628
- Người đàn bà giỏi thiệt 629
- Mất quyền làm thinh 630
- Ở Tân Định đi Sài Gòn bằng từ Sài Gòn đi Huế 631
- Thiệt quả có dân nào như vậy thì kêu là dân ngu cũng phải 633
- Mấy cái dấu chỉ ra khoa học đời nay là tấn bộ 634
- Tờ kêu hùn lập hội buôn 636
- Tình bầu bạn đời nay 638
- Cần có kêu ông Trần Trọng Kim mau
tái bản sách *Nho giáo* mà gởi vô Sài Gòn 639
- Văn ông Long độ nầy bậy quá 641
- Mét moi !... 642
- Làm thầy, làm chơi, làm quan, không chịu 643
- Thôi rồi ! Trái đất rút nhỏ lại rồi... 644
- Con chó giống ông trời 646
- Một việc cải cách mà làm thiệt mau 647
- Người ta với loài vật 648
- Phải chi nước An Nam mình là một nước công nghệ,
thì dạo nầy cũng phải bắn trống chiến 649
- Kim tiền và nghĩa vụ 651
- Thuốc trừ rệp 652
- Đất Côn Lôn với đất Trung Kỳ 653
- Chú kép mà ông nghè 655
- Cái tội của khoa học ? 657
- Người An Nam hiện đương cần những gì ? 658
- Tại làm sao sanh sự ? 660
- Bởi ông ăn chả nên bà mới ăn nem 661
- Tiếng An Nam gọn 663

- Chiến đấu với cái đời mắc mỏ 665
- Phụ nữ với cuộc cải cách 666
- Giấy không có mà dùng, có đâu đem ra đốt ? 668
- A.B.C là ba nước mạnh đứng đầu trong thế giới ngày mai 670
- Ở trên trời nói chuyện dưới đất 671
- Cuộc trị an của chánh phủ và cuộc trị an của nhơn dân 673
- Khoa học với nhơn đạo 674
- Cái nghĩa thật của chữ "đồng bào" 676
- Cái trách nhiệm của dân tiên tấn 677
- Hai ông đều phải hết 679
- Họ có miệng ăn, có miệng nói 681
- Có chết ít nhiều cũng phải 682
- Bên nầy không có ông Huỳnh Đình Điển 684
- [Thầy thuốc bị bắt cóc…] 685
- Lá đơn kiện xã hội 687
- Tội tại con chó với con cua 688
- Trung-Bắc kỳ sẽ có đảng lập hiến 690
- Cầu mà chết 691
- Kêu thẳng từ 50 năm về trước đến giờ 693
- Rồi đây cũng phải tốn tám cắc sáu mới xong 694
- Anh hùng trên không 696
- Già còn học, đồ mọi ! 698
- Con trâu chết cái sừng còn nhọn 699
- Chó tha giò heo, vì viết quốc ngữ sái 701
- Chịu mất gì với tôi, tôi bày cho 703
- Mèo cho chuột bú 705
- Nếu quả bọn ấy xúi giục như vậy 706
- Ông Nguyên Văn Vĩnh với bà Hoạn Thơ 708
- Cuộc điều tra từ Sài Gòn đến Long Hải 710
- Cụ lớn cỡi máy bay, không nguy hiểm gì cả 712
- Báo "*Phổ thông*" phê bình ông Phạm Quỳnh 714
- Già có duyên 715
- Than ôi ! Đồng bạc thỉnh linh nhỏ lại ! 717
- Luân thường đảo ngược hay là phong hóa suy đồi 718
- "Buổi nhóm hội đồng quản hạt vừa rồi…" 720
- Muốn đỡ bớt sự giết người nên theo khoa học 722
- Trèo cao té nhẹ 723
- Sợ, sợ huốt, mừng, mừng hụt, nói thành ra nói láo 724
- Cái nầy thì đáng dùng võ lực 726
- Ông Huỳnh Thúc Kháng bỏ mất cái bóp-phơi 727
- Không gì đảm bảo cuộc trị an chắc chắn cho bằng nhiều cảnh sát 729

- Quên một cái quên 26 năm nay 731
- Tuồng diễu chăng ?..... 732
- Nghe đồn cấm sách Bắc..... 434
- Cụ lớn Hồ Đắc Trung với cụ lớn Hồ Đắc Khải 736
- Giả cọng sản 737
- Túng lại thì đến nước nầy 739
- Bức thơ cảnh cáo 740
- Cái tương lai của nền kinh tế nước nhà 742
- Hiến pháp kiểu mới : quan dân cọng chủ..... 743
- Của kho..... 745
- Họ viết báo, họ láo còn quá tôi 746
- Tội nghiệp cho tác giả *Truyện Kiều*..... *748*
- Nhà nước phải chịu khó can thiệp vào việc gia đình. 750
- Thể thao phụ nữ..... 751
- Văn chương thầy đồ..... 753
- Rước với đưa 755
- Cô hồn sống..... 757
- Nhựt Bổn làm ơn cho An Nam 758
- Làm lớn chừng nào, sợ vợ chừng nấy..... 760
- Cái thuyết "hành dị tri nan" của Tôn Văn thêm được một cái chứng nữa 762
- "Nhà trứ thuật Pierre Pasquier.." 764
- Thi khẩu vấn giữa tòa 766
- Một sự mới lạ ở chợ Mới..... 768
- Một năm mười ba tháng..... 770
- Xưng thần với ai ? 771
- Thế mà có kẻ lấy làm may 773
- Thì cũng như đổi bộ bài vậy chớ gì ? 775
- Thiệt cái đời dễ bị tội quá..... 777
- "Linh" là vậy đó 779
- Mồ làm gì cà ?..... 781
- Tưởng Giới Thạch độ nầy thật hầu lên với Chánh phủ Đông Dương..... 783
- Cứ hễ đặt tên cho tốt là được..... 785
- Tôi làm trạng sư cho cụ Bùi đây..... 785
- Một bọn phá đám..... 787
- Có lẽ ông Outrey sẽ bị án vu cáo..... 789
- Lời lịch trần của tôi..... 791
- Cưới ít đẻ nhiều 793
- Ông trời ổng thử lòng từ thiện của người ta 795
- Đàn bà đa sự quá 797
- Cháo ngô..... 799

- Cuộc phỏng vấn Diêm Vương 801
- Tôi sống một ngày bằng ông già tôi sống một trăm năm 803
- Chuyện vặt trong kỳ tuyển cử nầy 805
- Cái mánh lới trong cuộc tuyển cử nầy 807
- Ông Nguyễn Phan Long chuyến nầy đi buôn gánh 809
- Té ra giá xã tây mắc quá 810
- Nói tiên tri về cuộc diễn thuyết tại dinh xã tây tối nay 812
- Mong đắc cử hội đồng cũng như trông treo bảng trường thi 814
- Ăn rau mà uống rượu 816
- Tụi họ cũng làm liều dầu 817
- Cái chết của thanh niên 819
- Thiệt vậy chăng ? Kỳ lắm ! 821
- Phân bì cái hay ; ai lại phân bì cái dở ? 823
- Vụng tính 825
- Trương Văn Bền hạ giả xuất dương 827
- Nói với làm trái nhau 828
- Đồng thời mà chẳng được gặp nhau 830
- Thà lui như vậy mà cao 832
- Ủy một cái, đủ thấy cảnh thái bình 834
- Ngã nghiệp rồi ai nấy xuội lơ 835
- Ai giỏi đoán thì đoán cái nầy chơi 837
- Tưởng nội 13 là phải cữ té ra 26 cũng nên kiêng 838
- Cách chữa bịnh mới ở nhà thương 840
- Hội vạn quốc với cô đầu 842
- Cái món hàng tổng đốc Nghệ An đã thành ra món hàng ế 844
- Oai vua 846

Phụ lục 1

PHẢN TỒN NGHI 848

• Nhớ ngày 24.3 : Tây Hồ Phan Châu Trinh 848

Phụ lục 2

CÁC BÀI CỦA TÁC GIẢ KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN PHAN KHÔI

• Hai tài liệu liên quan đến tiểu sử Phan Khôi 858

• *HOÀNH SƠN* : Đôi lời về Khổng giáo bàn cùng Phan Khôi tiên sanh 862

• *NGUYỄN HOÀNG CẢNH:* Lời thưa cùng ông Phan Khôi 880

• *PHẠM VĂN RIỄM :* Phản kháng bài "Thân oan cho Võ Hậu" 882

• *ĐÀO HANH VẠN* : Nối lời ông Phan Khôi về câu chuyện lý trưởng làm nên tứ trụ 887

• *TRẦN TRỌNG KIM* : Mấy lời bàn với Phan tiên sinh về Khổng giáo .. 889

• *BÙI THẾ MỸ*: Về việc Phan tiên sanh bị "*Đuốc nhà Nam*" phi báng .. 903

• *NGÔ QUÝ HÒA*: Trách ông Phan Khôi 905
• *PHẠM QUỲNH* : Trả lời bài "Cảnh cáo các nhà học phiệt".....906
• *HUỲNH THÚC KHÁNG* : Chánh học cùng tà thuyết
có phải là vấn đề quan hệ chung không ?.....913
• *TRẦN TRỌNG KIM* : Mời Phan Khôi tiên sanh
trở về nhà học của ta mà nói chuyện.....917
• *HOÀNH SƠN* : Bức thư gửi cho Phan Khôi tiên sanh 945
• *VÕ XUÂN LÂM*: Luật mâu thuẫn không thích hợp
với tư tưởng giới nữa ! 951
• *VÕ XUÂN LÂM* : Mấy lời đáp lại Phan tiên sanh.....954
• *HOÀNG TÍCH CHU*: Còn cái "Bóp phơi" của tôi, bác Thông Reo ?....957
• *TRẦN CHÙY* : Xin hỏi : Rồi đây ông Phan Khôi
phải "mời" ra khỏi làng báo chăng ?.....959
• Ý kiến "*Công luận*" đối với bài "Vẽ rắn thêm chưn"
của báo *Tiếng dân* 962
• *HUỲNH THÚC KHÁNG* : Vẽ rắn thêm chưn.....964
• *HUỲNH THÚC KHÁNG:* Biện chánh lại mấy lời phê bình
của ông Phan Khôi 968
• *BAN DỊCH SÁCH PHẬT*: Lại nói về chuyện dịch sách
"Sự tích Phật Thích Ca" 980
• *LÊ VĂN KỶ:* Sau khi phê bình bổn dịch *"Sự tích Phật Thích Ca"*.....986
• *THIẾT KHẤU NHI:* Ông Phan Khôi làm mất vui
cho việc bầu cử Viện trưởng viện Dân biểu Bắc kỳ.....989
• *THIẾT KHẤU NHI:* Ông Thông Reo tiết lộ việc
bí mật của ông Phạm Quỳnh 991
• *THIẾT KHẤU NHI:* Thông Reo tiên sinh thật lắm giọng reo 992
• *CHU QUÉ LONG*: Đọc bài "Trả lời 3 câu hỏi của
một vị độc giả" của ông Phan Khôi.....994
• *CHU QUÉ LONG*: Trả lời bài ông Phan Khôi bàn về vận văn 999

TÁC PHẨM ĐĂNG BÁO 1930
của **PHAN KHÔI** (1887-1959)

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN
65 Nguyễn Du, Hà Nội
Tel & Fax : (84 4) 8222135
Email: nxbhoinhavan @ hn.vnn.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản	: NGUYỄN PHAN HÁCH
Chịu trách nhiệm bản thảo	: VƯƠNG TRÍ NHÀN
Vẽ bìa	: VĂN SÁNG
Sửa bản in	: NGƯỜI SƯU TẦM
Chế bản vi tính	: HƯƠNG ĐẠT

Giám định nội dung	: GS.TS. CHƯƠNG THÂU Nhà nghiên cứu lịch sử

Tổng đại lý phát hành:
NHÀ SÁCH ĐÔNG TÂY
62 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội; tel: (84 4) 7733041

In 700 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm, tại Công ty in thiết bị giáo dục khuyến học
Giấy đăng ký KHXB số 58/594/XB-QLXB ngày 26/4/2005
In xong và nộp lưu chiểu tháng 3 năm 2006

PHAN KHÔI

Tác phẩm đăng báo 1930

Giá: 130.000đ